BÌNH GIẢNG LUẬN VỀ LỬA VŨ TRỤ

HỌC KỲ 8 (pgs 925-1078)

Michael D. Robbins

S8S1

TCF 926 - 936

15 – 29 October 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

1. We have been studying the devas of the ethers. Now we look closely at the etheric constitution of the microcosm and how these devas may affect the etheric part of that constitution.

The Devas of the Etheric Double. The subject that we are to deal with now concerns those devas who are etheric doubles of all that is.

2. We have been studying the "Transmitters of the Word" and the "Transmitters of Prana"—the first two of three major types of devas which have been under discussion in the foregoing pages.

3. We now begin a study of a lower form of deva—the "devas who are etheric doubles of

TCF 925 - 936

15 – 29 tháng Mười 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc cùng với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

1. Chúng ta đã nghiên cứu các thiên thần của các dĩ thái. Giờ đây chúng ta xem xét kỹ cấu tạo dĩ thái của tiểu thiên địa và cách các thiên thần này có thể ảnh hưởng đến phần dĩ thái của cấu tạo ấy.

Các Thiên Thần của Bản Sao Dĩ Thái. Chủ đề mà giờ đây chúng ta sẽ bàn đến liên quan đến những thiên thần là các bản sao dĩ thái của mọi cái đang hiện hữu.

2. Chúng ta đã nghiên cứu các "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" và các "Đấng Truyền Dẫn Prana"—hai loại đầu tiên trong ba loại thiên thần chính đã được bàn đến trong các trang trước.

3. Giờ đây chúng ta bắt đầu nghiên cứu một hình thức thiên thần thấp hơn—"những

all that is". DK has also described them as follows:

thiên thần là các bản sao dĩ thái của mọi cái đang hiện hữu". Chân sư DK cũng đã mô tả họ như sau:

those devas who form the etheric bodies of every form in manifestation. These constitute the bulk of the lesser devas. (TCF 915)

những thiên thần tạo thành các thể dĩ thái của mọi hình tướng trong biểu hiện. Họ cấu thành phần lớn các vị tiểu kiến tạo. (TCF 915)

It is full of profit therefore to the wise student, **for it reveals the method whereby all forms materialise upon the physical plane.**

Do đó, điều này hết sức hữu ích cho đạo sinh minh triết, **vì nó tiết lộ phương pháp nhờ đó mọi hình tướng hiện hình trên cõi hồng trần.**

4. This is the magical process.

4. Đây là tiến trình huyền thuật.

5. The Aquarian Age will be an Age of scientific magic. Knowledge of the lesser devas (by whatever name science may call them) will be necessary.

5. Kỷ nguyên Bảo Bình sẽ là một Kỷ nguyên của huyền thuật khoa học. Tri thức về các thiên thần thấp (dù khoa học có thể gọi họ bằng tên gì đi nữa) sẽ là điều cần thiết.

It is not the purpose of this treatise to trace the materialisation of a form as it originates upon the archetypal planes, through the agency of divine thought, and from thence (through directed streams of intelligent energy) acquires substance as it is reproduced upon each plane, until eventually (upon the physical plane) the form stands revealed at its densest point of manifestation.

Mục đích của luận thuyết này không phải là truy nguyên sự hiện hình của một hình tướng khi nó phát sinh trên các cõi nguyên mẫu, qua trung gian của tư tưởng thiêng liêng, và từ đó (qua các dòng năng lượng thông tuệ được định hướng) tiếp nhận chất liệu khi nó được tái tạo trên mỗi cõi, cho đến cuối cùng (trên cõi hồng trần) hình tướng ấy hiện ra tại điểm biểu hiện đậm đặc nhất của nó.

6. DK has just described the entire magical process. Note the descending subtle form is reproduced on each lower plane and acquire substance on each of those planes.

6. Chân sư DK vừa mô tả toàn bộ tiến trình huyền thuật. Hãy lưu ý rằng hình thức vi tế đang giáng xuống được tái tạo trên mỗi cõi thấp hơn và tiếp nhận chất liệu trên mỗi cõi ấy.

7. The book, *A Treatise on White Magic,* goes a long way to trace this descent and materialization, but in that book, the descent is not traced from the "archetypal planes" but only from the plane of soul.

7. Quyển sách *Luận về Chánh Thuật,* đã đi rất xa trong việc truy nguyên sự giáng xuống và hiện hình này, nhưng trong quyển sách đó, sự giáng xuống không được truy nguyên từ các "cõi nguyên mẫu" mà chỉ từ cõi linh hồn.

No form is as yet perfect, and it is this fact which necessitates cyclic evolution,

Chưa có hình tướng nào là hoàn hảo, và chính sự kiện này khiến cho tiến hoá theo chu kỳ trở nên cần thiết,

8. Through cyclic evolution new opportunities are offered for the improvement of the form. Saturn (the major third ray planet) governs rotary motion. Saturn is also the "god of opportunity"—cycles of opportunity.

8. Qua tiến hoá theo chu kỳ, những cơ hội mới được trao ra để cải thiện hình tướng. Sao Thổ (hành tinh cung ba chính yếu) cai quản chuyển động quay. Sao Thổ cũng là "vị thần của cơ hội"—những chu kỳ cơ hội.

9. DK is saying that cyclic evolution leads, eventually, the perfection of form.

9. Chân sư DK đang nói rằng tiến hoá theo chu kỳ cuối cùng sẽ dẫn đến sự hoàn thiện của hình tướng.

and the continual production of forms until they approximate reality in fact and in deed.

và sự sản sinh liên tục các hình tướng cho đến khi chúng xấp xỉ thực tại trong sự kiện và trong hành động.

10. All forms are approximations to an intended archetype. Nature proceeds through repetition, through cyclic opportunity, to produce ever more faithful approximations of that intended archetype.

10. Mọi hình tướng đều là những sự xấp xỉ đối với một nguyên mẫu đã được dự định. Bản chất tiến hành qua sự lặp lại, qua cơ hội theo chu kỳ, để tạo ra những sự xấp xỉ ngày càng trung thực hơn với nguyên mẫu đã được dự định ấy.

11. This naturally involves the birth, growth, expression, decline and death of forms.

11. Điều này tự nhiên bao hàm sự sinh ra, tăng trưởng, biểu lộ, suy tàn và chết đi của các hình tướng.

The method of form production may be tabulated as follows: [Page 926]

Phương pháp sản sinh hình tướng có thể được lập bảng như sau: [Page 926]

FORM PRODUCTION

SỰ SẢN SINH HÌNH TƯỚNG

1. Divine thought...The cosmic mental plane.

12. When the word "Divine" is used in this context, it indicates the life and process of the Solar Logos.

13. The Solar Logos as a Divine Thinker is increasingly focussed on the cosmic mental plane—the plane whereon He is seeking polarization.

14. We see that when DK was speaking of "archetypal planes", He was not limiting himself to the cosmic physical plane.

2. Divine desire.....The cosmic astral plane.

15. On this plane is found the astral body of the Solar Logos.

3. Divine activity....The cosmic physical plane (our seven systemic planes).

16. This is really the only plane which concerns us directly and upon this plane that we (at this time) call "spiritual development" proceeds.

17. Usually the term "divine" relates to the Spirit/Monad. In this context we see that DK elevates the meaning to embrace cosmic Beings such as the Planetary Logos and Solar Logos.

The logoic Breath...First plane...The Sound[85] A.

18. The letter "A" is associated with the first aspect, the "Father" aspect.

1. Tư tưởng thiêng liêng...Cõi trí tuệ vũ trụ.

12. Khi từ "thiêng liêng" được dùng trong ngữ cảnh này, nó chỉ sự sống và tiến trình của Thái dương Thượng đế.

13. Thái dương Thượng đế với tư cách là một Đấng Tư Tưởng thiêng liêng ngày càng tập trung trên cõi trí tuệ vũ trụ—cõi mà trên đó Ngài đang tìm kiếm sự phân cực.

14. Chúng ta thấy rằng khi Chân sư DK nói về các "cõi nguyên mẫu", Ngài không tự giới hạn mình trong cõi hồng trần vũ trụ.

2. Khát vọng thiêng liêng.....Cõi cảm dục vũ trụ.

15. Trên cõi này có thể cảm dục của Thái dương Thượng đế.

3. Hoạt động thiêng liêng....Cõi hồng trần vũ trụ (bảy cõi hệ thống của chúng ta).

16. Đây thực sự là cõi duy nhất liên hệ trực tiếp đến chúng ta, và chính trên cõi này điều mà chúng ta (vào lúc này) gọi là "sự phát triển tinh thần" đang diễn tiến.

17. Thông thường, thuật ngữ "thiêng liêng" liên hệ đến tinh thần/chân thần. Trong ngữ cảnh này, chúng ta thấy Chân sư DK nâng cao ý nghĩa ấy để bao gồm các Đấng vũ trụ như Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

Hơi Thở logoic...Cõi thứ nhất...Âm Thanh[85] A.

18. Chữ "A" được liên kết với phương diện thứ nhất, phương diện "Cha"t.

19. The first aspect is associated with that which underlies the Sound—namely the Breath. Unless there is a flow of Breath, there will be no sound.

19. Phương diện thứ nhất được liên kết với điều nằm bên dưới Âm Thanh—tức là Hơi Thở. Nếu không có dòng Hơi Thở, sẽ không có âm thanh.

20. We often read of the great "Sound" into which all other sounds are absorbed. Usually this Sound is named as the "O", the sound, from one perspective, of the monadic plane. The "O" suggests a combination of the first and second rays.

20. Chúng ta thường đọc về "Âm Thanh" vĩ đại mà trong đó mọi âm thanh khác đều được hấp thu. Thông thường Âm Thanh này được gọi là "O", âm thanh, từ một góc độ nào đó, của cõi chân thần. "O" gợi ý một sự kết hợp của cung một và cung hai.

21. A Sound even more fundamental than the "O" is the "A". The "O" has already moved towards a 'rounding' promoted by second aspect. The "A" represents the uncompromised first aspect.

21. Một Âm Thanh còn căn bản hơn "O" là "A". "O" đã chuyển động về phía một sự 'tròn lại' do phương diện thứ hai thúc đẩy. "A" biểu thị phương diện thứ nhất không bị thỏa hiệp.

Footnote 85:

Cước chú 85:

Mantric Sounds.

Các Âm Thanh Mantrics.

A mantram is a combination of sounds, of words and of phrases that, through virtue of certain rhythmic effects, achieve results that would not be possible apart from them.

Một mantram là một sự kết hợp của các âm thanh, các từ và các cụm từ mà, nhờ hiệu lực của những tác động nhịp điệu nhất định, đạt được những kết quả vốn không thể có nếu thiếu chúng.

22. While rhythm is definitely important, it would seem that the *combination* of sounds, words and phrases are of paramount importance (when intoned or chanted in the proper rhythm).

22. Dù nhịp điệu chắc chắn là quan trọng, dường như chính *sự kết hợp* của các âm thanh, từ ngữ và cụm từ mới là điều tối quan trọng (khi được xướng hoặc tụng theo đúng nhịp điệu).

23. The second, third and seventh rays are peculiarly related to the creation, enunciation and effects of mantrams.

23. Cung hai, cung ba và cung bảy có liên hệ đặc biệt với sự sáng tạo, sự phát ngôn và các hiệu quả của mantrams.

The most sacred of all the Eastern mantrams given out as yet to the public is the one embodied in the words: " Om mani padme hum." Every syllable of this phrase

Thiêng liêng nhất trong tất cả các mantram phương Đông đã được công bố cho công chúng cho đến nay là mantram được hàm chứa trong những lời: " Om mani

has a secret potency, and its totality has seven meanings and can bring about seven different results.

padme hum." Mỗi âm tiết của cụm từ này đều có một năng lực bí mật, và toàn thể của nó có bảy ý nghĩa và có thể mang lại bảy kết quả khác nhau.

24. The literal meaning of this venerable mantram has been translated as "Hail, oh Jewel in the Lotus".

24. Ý nghĩa theo mặt chữ của mantram khả kính này đã được dịch là "Kính chào, ôi Viên Ngọc trong Hoa Sen".

25. The mantram has four words and seven effects or results—one result, presumably, for each of the seven planes on which it can be sounded.

25. Mantram này có bốn từ và bảy hiệu quả hay kết quả—có lẽ một kết quả cho mỗi một trong bảy cõi mà trên đó nó có thể được xướng.

26. We can understand that its use will lead towards the fourth initiation.

26. Chúng ta có thể hiểu rằng việc sử dụng nó sẽ dẫn đến lần điểm đạo thứ tư.

27. Further, it stands as an invocation to the Monad, which is the *true* Jewel in the Lotus.

27. Hơn nữa, nó còn là một lời khẩn cầu hướng đến chân thần, vốn là Viên Ngọc *đích thực* trong Hoa Sen.

28. The potency of this mantram is esoteric and no casual scholar can hope to penetrate its inner meaning, which can only be determined through correct use.

28. Năng lực của mantram này là huyền bí và không một học giả hời hợt nào có thể hy vọng thâm nhập ý nghĩa nội tại của nó, điều chỉ có thể được xác định qua việc sử dụng đúng đắn.

There are various **mantric forms**, based upon this formula and upon the Sacred Word, which, sounded rhythmically and in different keys, accomplish certain desired ends,

Có nhiều **hình thức mantric** khác nhau, dựa trên công thức này và trên Linh từ Thiêng liêng, mà khi được xướng theo nhịp điệu và ở những cung giọng khác nhau, sẽ hoàn thành những mục đích nhất định được mong muốn,

29. The "formula" is the " Om mani padme human". The Sacred Word is the OM:

29. "Công thức" là " Om mani padme hum". Linh từ Thiêng liêng là OM:

30. Much may also depend upon which of the words is emphasized.

30. Nhiều điều cũng có thể tùy thuộc vào việc từ nào được nhấn mạnh.

31. As well, some words can be sustained longer than others, and this can create diverse effects.

31. Ngoài ra, một số từ có thể được ngân dài hơn những từ khác, và điều này có thể tạo ra những hiệu quả đa dạng.

32. There are within the Vedic tradition certain meters or rhythms which may be applied to the necessary rhythmic sounding of the Sacred Word.

32. Trong truyền thống Veda có những nhịp hay tiết tấu nhất định có thể được áp dụng vào việc xướng Linh từ Thiêng liêng theo nhịp điệu cần thiết.

33. There are seven prominent keys in the normal music scale. Each of these keys is to be associated with a different ray or rays, planet or planets, zodiacal sign or signs and plane or planes.. It would seem that when sounding the mantrams or the Sacred Word on different planes, the key associated with a particular plane would be used.

33. Có bảy cung giọng nổi bật trong thang âm nhạc thông thường. Mỗi cung giọng này phải được liên kết với một cung hay các cung khác nhau, một hành tinh hay các hành tinh khác nhau, một dấu hiệu hoàng đạo hay các dấu hiệu khác nhau và một cõi hay các cõi khác nhau. Dường như khi xướng các mantram hay Linh từ Thiêng liêng trên những cõi khác nhau, cung giọng liên kết với một cõi nhất định sẽ được sử dụng.

such as the invoking of protective angels or devas, and definite work, either constructive or destructive upon the planes.

chẳng hạn như việc khẩn cầu các thiên thần hay thiên thần bảo hộ, và công việc xác định, hoặc xây dựng hoặc phá hủy trên các cõi.

34. We see that mantra are used in angelic invocation. Angels, too, are called “keys” and certain musical keys will be associated with certain angels or devas.

34. Chúng ta thấy rằng mantra được dùng trong việc khẩn cầu thiên thần. Các thiên thần cũng được gọi là “các chìa khóa”, và một số cung giọng âm nhạc nhất định sẽ được liên kết với một số thiên thần hay thiên thần.

35. Certain mantric forms infallibly invoke certain angels or devas who must, according the law, obey the invocatory summons.

35. Một số hình thức mantric nhất định chắc chắn khẩn cầu một số thiên thần hay thiên thần nào đó, và theo định luật, họ phải tuân theo lời triệu thỉnh khẩn cầu.

36. We note that mantra can be constructive or destructive. One senses that the rhythm and emphasis of delivery will related to constructive or destructive effect.

36. Chúng ta lưu ý rằng mantra có thể mang tính xây dựng hoặc phá hủy. Người ta cảm thấy rằng nhịp điệu và sự nhấn mạnh trong cách phát ra sẽ liên hệ đến hiệu quả xây dựng hay phá hủy.

37. There are so many possible combinations that (presently, at least) the only safe and effective way to enter into Mantra Yoga is through aural instruction from some truly qualified teacher. Ignorant experimentation is clearly dangerous.

37. Có quá nhiều sự kết hợp khả dĩ đến nỗi (ít nhất là hiện nay) cách duy nhất an toàn và hiệu quả để bước vào Mantra Yoga là qua sự chỉ dạy bằng lời từ một huấn sư thật sự đủ tư cách. Việc thử nghiệm trong vô minh rõ ràng là nguy hiểm.

The potency of a mantram **depends upon the point in evolution of the man who employs it**.

Năng lực của một mantram **tùy thuộc vào điểm tiến hoá của người sử dụng nó**.

38. This may be for some an unexpected statement.

38. Đối với một số người, đây có thể là một phát biểu bất ngờ.

39. Obviously, the one who utters is coming into interactive relationship with the mantram he utters.

39. Hiển nhiên, người phát ra đang đi vào mối liên hệ tương tác với mantram mà y phát ra.

40. We are familiar with lesser examples of the same great principle. Suppose certain famous lines in a Shakespearian tragedy are uttered by an accomplished actor or by an average individual. What will be the difference? What will be the difference in the effect upon the listeners? What will be evoked from them? Perhaps the actor will 'move' us deeply. Perhaps the ordinary individual will speak his lines in such a way as to "leave us cold"—ordinary, unenlightened declamation carrying no invocatory potency.

40. Chúng ta quen thuộc với những ví dụ nhỏ hơn của cùng một nguyên lý lớn lao ấy. Giả sử một số câu nổi tiếng trong một bi kịch của Shakespeare được đọc lên bởi một diễn viên tài năng hoặc bởi một người bình thường. Sự khác biệt sẽ là gì? Sự khác biệt trong hiệu quả đối với người nghe sẽ là gì? Điều gì sẽ được gợi lên từ họ? Có lẽ diễn viên ấy sẽ 'làm rung động' chúng ta sâu sắc. Có lẽ người bình thường sẽ đọc lời thoại của mình theo cách "không gây xúc động gì nơi chúng ta"—một sự ngâm đọc thông thường, không được soi sáng, không mang năng lực khẩn cầu.

Uttered by an ordinary man it serves to stimulate the good within his bodies, to protect him, and it will also prove of beneficent influence upon his environment. Uttered by an adept or initiate **its possibilities for good are infinite and far-reaching**.

Khi được một người bình thường phát ra, nó có tác dụng kích thích điều thiện trong các thể của y, bảo vệ y, và cũng sẽ chứng tỏ có ảnh hưởng từ thiện đối với môi trường của y. Khi được một chân sư hay điểm đạo đồ phát ra, **những khả năng thiện lành của nó là vô hạn và lan rộng**.

41. We gather that all authentic and truly constructive mantrams are good in their

41. Chúng ta hiểu rằng mọi mantram chân chính và thật sự mang tính xây dựng đều tốt

effect when uttered. A beneficent result will occur whether uttered by one who is ordinary or one who is an initiate or adepts. It is in the ***degree*** *of the beneficence* that the real difference is to be seen.

trong hiệu quả của chúng khi được phát ra. Một kết quả từ thiện sẽ xảy ra dù được phát ra bởi người bình thường hay bởi một điểm đạo đồ hoặc chân sư. Chính ở ***mức độ*** *của tính từ thiện* mà sự khác biệt thực sự cần được thấy ra.

Mantrams are of many kinds, and generally speaking might be enumerated as follows:

Có nhiều loại mantram, và nói chung có thể được liệt kê như sau:

42. We are entering, only very slightly, into one of the greatest of all the ancient sciences —the Science of Mantra Yoga.

42. Chúng ta đang bước vào, dù chỉ rất nhẹ, một trong những khoa học cổ xưa vĩ đại nhất—Khoa Học Mantra Yoga.

1. Some very esoteric mantrams, existing in the original Sensa, in the custody of the Great White Lodge.

1. Một số mantram rất huyền bí, tồn tại trong nguyên bản Sensa, được lưu giữ trong sự bảo quản của Thánh đoàn.

43. Here is the definition of Sensa or Senzar as found in IHS:

43. Đây là định nghĩa về Sensa hay Senzar như được tìm thấy trong IHS:

Sensa, or Senzar. The name for the secret sacerdotal language, or the "mystery speech" of the initiated adepts all over the world. It is a universal language, and largely a hieroglyphic cypher. (IHS 224)

Sensa, hay Senzar. Tên gọi của ngôn ngữ tư tế bí mật, hay "ngôn ngữ huyền nhiệm" của các chân sư được điểm đạo trên khắp thế giới. Đây là một ngôn ngữ phổ quát, và phần lớn là một mật mã tượng hình. (IHS 224)

44. The following is also fascinating:

44. Điều sau đây cũng rất hấp dẫn:

There are a few very esoteric mantrams that exist in the original Sensa, and that have remained in the knowledge of the Brotherhood from the early days of the founding of the Hierarchy. They were brought by the Lords of Flame when They came to earth and are only thirty-five in number. (LOM 163)

Có một vài mantram rất huyền bí tồn tại trong nguyên bản Sensa, và đã được Huynh đệ Đoàn gìn giữ từ những ngày đầu của sự thành lập Thánh Đoàn. Chúng được các Đấng Chúa Tể của Lửa mang đến khi Các Ngài đến trái đất và chỉ có ba mươi lăm mantram như thế. (LOM 163)

45. This language is older than the coming of the Lords of the Flame more than twenty-one millions years ago.

45. Ngôn ngữ này cổ xưa hơn sự xuất hiện của các Đấng Chúa Tể của Lửa cách đây hơn hai mươi mốt triệu năm.

46. From this perspective, we may think of Sensa as related to Venus (i.e., to the Venus chain of the Earth-scheme and, perhaps, to the planet Venus, itself, since the origin of the Lords of the Flame is proximately Venusian.

46. Từ góc độ này, chúng ta có thể nghĩ đến Sensa như có liên hệ với Sao Kim (tức là với dãy Sao Kim của hệ hành tinh Địa Cầu và, có lẽ, với chính hành tinh Sao Kim, vì nguồn gốc của các Đấng Chúa Tể của Lửa gần nhất là từ Sao Kim.

47. For all its ancient age, there is a peculiar statement about Senzar (assuming that it is the same language as Sensa) which suggests that certain of the Atlantean languages may be even older:

47. Dù cổ xưa đến thế, vẫn có một phát biểu đặc biệt về Senzar (giả sử đó là cùng một ngôn ngữ với Sensa) cho thấy rằng một số ngôn ngữ Atlantis có thể còn cổ xưa hơn nữa:

This is a faint effort to express in English these ancient Atlantean phrases, older than Sanskrit or Senzar, and known only to a mere handful of the members of the present hierarchy. (TWM 547-548)

Đây là một nỗ lực mờ nhạt nhằm diễn đạt bằng tiếng Anh những cụm từ Atlantis cổ xưa này, cổ hơn tiếng Phạn hay Senzar, và chỉ được biết đến bởi một số rất ít thành viên của thánh đoàn hiện nay. (TWM 547-548)

2. Some Sanskrit mantrams employed by initiates and adepts.

2. Một số mantram tiếng Phạn được các điểm đạo đồ và chân sư sử dụng.

48. Sanskrit is a language pertaining to the fifth rootrace and is obviously a more recent language than Sensa.

48. Tiếng Phạn là một ngôn ngữ thuộc về giống dân gốc thứ năm và hiển nhiên là một ngôn ngữ mới hơn Sensa.

49. We note that one need not necessary be a Master of the Wisdom in order to employ such mantrams.

49. Chúng ta lưu ý rằng không nhất thiết phải là một Chân sư Minh Triết mới có thể sử dụng những mantram như vậy.

3. Mantrams connected with the different rays.

3. Các mantram liên hệ với những cung khác nhau.

50. These are mantrams, we may presume, that are uttered in original form and potency by the Ray Lords, and have been transformed and adapted for the use of highly evolved human beings attuned to the rays.

50. Đây là những mantram mà chúng ta có thể giả định rằng được các Đấng Chúa Tể Cung phát ra trong nguyên dạng và nguyên năng lực của chúng, rồi đã được chuyển đổi và thích nghi để những con người tiến hoá cao, được chỉnh hợp với các cung, có thể sử dụng.

51. We can being to intuit the *lawfulness* of the creative process. True creativity occurs under divine law.

51. Chúng ta có thể bắt đầu trực giác được *tính quy luật* của tiến trình sáng tạo. Sự sáng tạo chân chính diễn ra dưới định luật thiêng liêng.

4. Mantrams used in healing.

4. Các mantram được dùng trong trị liệu.

52. In His book, *Esoteric Healing* DK has said nothing about these mantrams, but one can understand that their proper use would certainly augment the efficacy of the healer who had learned to abide by the Laws and Rules of healing.

52. Trong sách *Trị Liệu Huyền Môn* của Ngài, Chân sư DK không nói gì về những mantram này, nhưng người ta có thể hiểu rằng việc sử dụng đúng đắn chúng chắc chắn sẽ tăng cường hiệu lực của người chữa trị, là người đã học cách tuân theo các Định luật và Quy luật của trị liệu.

5. Mantrams used in the departments of either the Manu, the Bodhisattva, or the Mahachohan.

5. Các mantram được dùng trong các bộ phận của Đức Manu, Đức Bồ Tát, hoặc Đức Mahachohan.

53. These are not specifically *ray* mantrams, but rather, '*Departmental* Mantrams". They must be connected with the three great aspects of divinity, and must bring about the results intended by the Heads of those departments.

53. Đây không phải là những mantram *cung* một cách chuyên biệt, mà đúng hơn là "các Mantram *Bộ Phận*". Chúng hẳn phải liên hệ với ba phương diện lớn của thiên tính, và phải mang lại những kết quả được các Đấng đứng đầu những bộ phận ấy chủ định.

6. Mantrams used in connection with the devas and the elemental kingdoms.

6. Các mantram được dùng liên hệ với các thiên thần và các giới hành khí.

54. When people study what they usually call "magic", it is these kinds of mantrams which they seek to learn and to use.

54. Khi người ta nghiên cứu điều mà họ thường gọi là "huyền thuật", thì chính những loại mantram này là điều họ tìm cách học và sử dụng.

55. These mantrams cannot be safely used unless the would-be magician has purified himself greatly and has established firm self-control (i.e., control of his lunar vehicles which are so easily influenced in a potentially negative manner by the lower devas and elementals). As well, the inner or seeing single eye should have been opened

55. Những mantram này không thể được sử dụng an toàn trừ khi nhà huyền thuật tương lai đã tự thanh lọc mình rất nhiều và đã thiết lập được sự tự chủ vững chắc (tức là sự kiểm soát các vận cụ nguyệt tính của y, vốn rất dễ bị các thiên thần thấp và các hành khí ảnh hưởng theo cách có thể tiêu cực). Ngoài ra, con mắt đơn nhất bên trong hay hành khí

so that he can 'see' the results of the mantrams he uses.

thấy cũng phải được khai mở để y có thể 'thấy' các kết quả của những mantram mà y sử dụng.

7. Special mantrams connected with fire.

7. Các mantram đặc biệt liên hệ với Lửa.

56. Master M. speaks of certain rhythms of fire—"Mahavan" and "Chotovan". Perhaps these rhythms will be connected to the manner in which these fire mantrams are pronounced.

56. Chân sư M. nói về một số nhịp điệu của lửa—"Mahavan" và "Chotovan". Có lẽ những nhịp điệu này sẽ liên hệ với cách những mantram về lửa này được phát âm.

Mahavan and Chotavan are the most characteristic rhythms of Fire. Possessing these rhythms one can easily approach the element of fire. This is not a coercive invocation, but only the conscious entrance into the sphere the meaning of which you consider essential. One must understand rhythms, for how else do we bring convincingness to actions? Even the half-dead sand arranges itself into special designs in response to vibration. To how much greater an extent is man influenced by rhythm! Not sorcery but knowledge will give man the way to transfiguration; an undelayable way, because thus was humanity urged during the days of the end of Atlantis. (Agni Yoga 357)

Mahavan và Chotavan là những nhịp điệu đặc trưng nhất của Lửa. Sở hữu những nhịp điệu này, người ta có thể dễ dàng tiếp cận nguyên tố lửa. Đây không phải là một sự khẩn cầu cưỡng bách, mà chỉ là sự đi vào có ý thức trong khối cầu mà ý nghĩa của nó được bạn xem là thiết yếu. Người ta phải thấu hiểu các nhịp điệu, vì nếu không thì làm sao chúng ta đem lại sức thuyết phục cho hành động? Ngay cả cát nửa chết cũng tự sắp xếp thành những hình dạng đặc biệt để đáp ứng với rung động. Vậy con người còn bị ảnh hưởng bởi nhịp điệu đến mức lớn hơn biết bao! Không phải phù thủy mà là tri thức sẽ trao cho con người con đường đến Biến hình; một con đường không thể trì hoãn, vì nhân loại đã được thúc đẩy như thế trong những ngày cuối của Atlantis. (Agni Yoga 357)

All these mantrams depend for their potency upon the sound and rhythm and upon the syllabic emphasis imparted to them when enunciating and intoning. They depend too upon the capacity of the man who uses them to visualise and to will the desired effect.

Tất cả những mantram này đều tùy thuộc về năng lực của chúng vào âm thanh và nhịp điệu, cũng như vào sự nhấn mạnh âm tiết được truyền cho chúng khi phát ngôn và xướng lên. Chúng cũng tùy thuộc vào khả năng của người sử dụng trong việc hình dung và ý chí hóa hiệu quả mong muốn.

57. Let us tabulate those factors which determine the potency of these various mantrams:

57. Chúng ta hãy lập bảng những yếu tố quyết định năng lực của các mantram khác nhau này:

a. Their potency is dependent upon the sound used

b. Their potency is dependent upon the rhythm with which they are pronounced

c. Their potency is dependent upon the syllabic emphasis imparted to them when enunciating or intoning

d. Their potency is dependent upon the capacity of the user to *visualize* the desired effect

e. Their potency is dependent upon the capacity of the user to *will* the desired effect

58. Here ends the lengthy footnote on mantrams.

59. We reinsert the statement which belongs to the text immediately below:

The logoic Breath...First plane...The Sound[85] A.

This is the first etheric appearance of a solar system upon the atomic subplane of the cosmic physical plane.

60. The systemic logoic plane is the first or atomic *ether* of the four cosmic ethers.

61. Whatever can be said here about a solar system can be said of man the microcosm.

The seeds of life are all latent. Faculty inheres from **an earlier solar essence**.

a. Năng lực của chúng tùy thuộc vào âm thanh được dùng

b. Năng lực của chúng tùy thuộc vào nhịp điệu mà theo đó chúng được phát âm

c. Năng lực của chúng tùy thuộc vào sự nhấn mạnh âm tiết được truyền cho chúng khi phát ngôn hoặc xướng lên

d. Năng lực của chúng tùy thuộc vào khả năng của người sử dụng trong việc *hình dung* hiệu quả mong muốn

e. Năng lực của chúng tùy thuộc vào khả năng của người sử dụng trong việc *ý chí hóa* hiệu quả mong muốn

58. Tại đây kết thúc cước chú dài về các mantram.

59. Chúng ta chèn lại phát biểu thuộc về phần văn bản ngay bên dưới:

Hơi Thở logoic...Cõi thứ nhất...Âm Thanh85 A.

Đây là sắc tướng dĩ thái đầu tiên của một hệ mặt trời trên cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ.

60. Cõi logoic hệ thống là dĩ thái thứ nhất hay nguyên tử *dĩ thái* trong bốn dĩ thái vũ trụ.

61. Bất cứ điều gì có thể được nói ở đây về một hệ mặt trời cũng có thể được nói về con người là tiểu thiên địa.

Các hạt giống của sự sống đều còn tiềm ẩn. Năng lực vốn nội tại từ **một tinh chất thái dương trước kia**.

62. We are dealing with the stage of seed. All is latent and potential. Potential has not yet been unfolded.

62. Chúng ta đang bàn đến giai đoạn hạt giống. Mọi sự đều tiềm ẩn và tiềm năng. Tiềm năng vẫn chưa được khai mở.

63. "An earlier solar essence" suggest quality which has been retained from an earlier solar system.

63. "Một tinh chất thái dương trước kia" gợi ý phẩm tính đã được giữ lại từ một hệ mặt trời trước đây.

64. The note FA relates the "F" of the previous solar system to the "A" which will characterize the next. The third ray and, to an extent, the first ray are related as the foundation of this solar system for FA is the foundational note of our present solar system. Three and one are always related.

64. Âm điệu FA liên hệ chữ "F" của hệ mặt trời trước với chữ "A" sẽ đặc trưng cho hệ tiếp theo. Cung ba và, ở một mức độ nào đó, cung một có liên hệ với nhau như nền tảng của hệ mặt trời này, vì FA là âm điệu nền tảng của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta. Ba và một luôn liên hệ với nhau.

65. An earlier solar essence is related to what is called the "Primary Ray" as distinct from the "Divine Ray"—the second ray.

65. Một tinh chất thái dương trước kia liên hệ với điều được gọi là "Cung Sơ Khởi" phân biệt với "Cung Thiêng Liêng"—cung hai.

The logoic Sound...Second plane...The Sound A U.

Âm Thanh logoic...Cõi thứ hai...Âm Thanh A U.

66. First the Breath and then the Sound. Even though that which occurs upon the plane Adi is called the "Logoic Breath", it still has a *sound* associated with it. It would seem that any vibration has its tonal correspondence.

66. Trước hết là Hơi Thở rồi đến Âm Thanh. Dù điều xảy ra trên cõi Adi được gọi là "Hơi Thở logoic", nó vẫn có một *âm thanh* đi kèm với nó. Dường như bất kỳ rung động nào cũng có sự tương ứng âm điệu của nó.

67. In this sevenfold sequence, that which occurs on *every* one of the systemic planes has a sound associated with it.

67. Trong chuỗi thất phân này, điều xảy ra trên *mọi* cõi hệ thống đều có một âm thanh đi kèm với nó.

68. If plane one features the 'Breath of Fire' within the "Sea of Fire", plane two, the monadic plane, is that upon which the sevenfold monadic Sound is sounding.

68. Nếu cõi một biểu hiện "Hơi Thở của Lửa" trong "Biển Lửa", thì cõi hai, cõi chân thần, là cõi mà trên đó Âm Thanh chân thần thất phân đang được xướng.

69. We are given a combination of the Sound of the Father “A” and the ‘Sound of the Son”, “U”.

69. Chúng ta được cho một sự kết hợp của Âm Thanh của Cha “A” và “Âm Thanh của Con”, “U”.

70. The “A U” is a twofold sound and correlates with the second ray. The numerology of AU is 22 or 1 + 21. The 22 suggests the soul and personality rays of our Solar Logos and is, we well recognize, a master number.

70. “A U” là một âm thanh nhị phân và tương ứng với cung hai. Số học của AU là 22 hay 1 + 21. Số 22 gợi ý cung linh hồn và cung phàm ngã của Thái dương Thượng đế của chúng ta và, như chúng ta đều biết rõ, là một con số bậc thầy.

71. “He who hath seen Me hath seen the Father”.

71. “Ai đã thấy Ta là đã thấy Cha”.

72. The letter “U” suggests the ‘Divine Pilgrimage’ and also the Second Outpouring. It symbolizes a descent and a return.

72. Chữ “U” gợi ý “Cuộc Hành Hương Thiêng Liêng” và cũng gợi ý Lần Tuôn Đổ thứ Hai. Nó tượng trưng cho một sự giáng xuống và một sự trở về.

73. The “U” is, in a way, an incomplete “O”. The arch upon the “U” is missing. Perhaps that is conferred later, upon the return of the Monad to his ‘H-O-me’.

73. “U”, theo một cách nào đó, là một “O” chưa hoàn chỉnh. Vòm trên chữ “U” còn thiếu. Có lẽ điều đó được ban cho về sau, khi chân thần trở về ‘H-O-me’ của y.

74. The “U” also suggests the chalice of receptivity which correlates with the second ray and second plane.

74. “U” cũng gợi ý chiếc chén của tính tiếp nhận, tương ứng với cung hai và cõi thứ hai.

75. We note that in the descent from the logoic plane, the “A” is retained upon the first three planes. The Father remains within the Son and within the Holy Spirit. The atmic plane can be seen as the origin of the Holy Spirit. From this perspective, it is the buddhic plane which correlates with the Mother—the fourth who is, in a way, the third.

75. Chúng ta lưu ý rằng trong sự giáng xuống từ cõi logoic, chữ “A” được giữ lại trên ba cõi đầu tiên. Cha vẫn ở trong Con và trong Chúa Thánh Thần. Cõi atma có thể được xem là nguồn gốc của Chúa Thánh Thần. Từ góc độ này, chính cõi Bồ đề tương ứng với Mẹ—đấng thứ tư, theo một cách nào đó, lại là đấng thứ ba.

76. Interestingly the “U” is the 21st letter of the English Alphabet and so repeats within itself, the idea of the union of the 2 and the 1 which is suggested by the union of the

76. Điều thú vị là chữ “U” là chữ cái thứ 21st trong Bảng Chữ Cái Anh ngữ và vì thế tự nó lặp lại ý niệm về sự hợp nhất của 2 và 1, được gợi ra bởi sự kết hợp của chữ cái của

Father letter, “A” and a letter suggestive of the Son, “U”. The monadic plane represents the union of the Father and the Son.

Cha, “A”, và một chữ cái gợi ý về Con, “U”. Cõi chân thần biểu thị sự hợp nhất của Cha và Con.

77. The “U”, interestingly, is also a Saturnian note, for Saturn suggests ray three and in the system of vowel symbology originated by Rudolf Steiner, the constrained “U” is given to Saturn. We find a sevenfold *constraint* of pure Spirit upon the monadic plane, with the division into seven vibrational centers. (cf. TCF, Chart V, 344) It is easy to relate Saturn to the number seven (as it rules the seventh systemic and even seventh cosmic plane).

77. Điều thú vị là chữ “U” cũng là một âm điệu của Sao Thổ, vì Sao Thổ gợi ý cung ba và trong hệ biểu tượng nguyên âm do Rudolf Steiner khởi xướng, chữ “U” bị kiềm chế được gán cho Sao Thổ. Chúng ta thấy một sự *kiềm chế* thất phân của Tinh thần thuần túy trên cõi chân thần, với sự phân chia thành bảy trung tâm rung động. (x. TCF, Biểu đồ V, 344) Thật dễ liên hệ Sao Thổ với số bảy (vì nó cai quản cõi hệ thống thứ bảy và thậm chí cả cõi vũ trụ thứ bảy).

78. From another perspective, the “U” suggests Neptune, in which the “u” sound is prominent. Neptune, we understand, can easily be related to the Monad and to the second ray. And yet, Neptune is the Trident with its *three* prongs, relating it to the “U” (the number of which is 21 or 3) in yet another way.

78. Từ một góc nhìn khác, chữ “U” gợi ý Sao Hải Vương, trong đó âm “u” nổi bật. Như chúng ta hiểu, Sao Hải Vương có thể dễ dàng được liên hệ với Chân thần và với cung hai. Tuy nhiên, Sao Hải Vương là Cây Đinh Ba với *ba* mũi nhọn của nó, liên hệ nó với chữ “U” (mà con số của nó là 21 hay 3) theo một cách khác.

79. Neptune expresses much of the second ray (monadically) but is closely related to the first ray through its rulership over pralaya or dissolution.

79. Sao Hải Vương biểu lộ nhiều điều của cung hai (về mặt chân thần) nhưng lại liên hệ mật thiết với cung một qua quyền cai quản của nó đối với giai kỳ qui nguyên hay sự tan rã.

This is the body of the solar system in the second ether. **This plane is the archetypal plane.**

Đây là thể của hệ mặt trời trong dĩ thái thứ hai. **Cõi này là cõi nguyên mẫu.**

80. The “U” suggests receptivity. The Mother is of the third and second aspects—the One Who hold third place but comes second in order. The Son is of the second and third aspects—the One Who holds second place but comes third in order.

80. Chữ “U” gợi ý tính tiếp nhận. Mẹ thuộc về phương diện thứ ba và thứ hai—Đấng giữ vị trí thứ ba nhưng đến thứ hai theo trật tự. Con thuộc về phương diện thứ hai và thứ ba—Đấng giữ vị trí thứ hai nhưng đến thứ ba theo trật tự.

81. The seven monadic Sounds are the seven embodiments which hold the archetype for the sevenfold solar system.

81. Bảy Âm thanh chân thần là bảy hiện thân nắm giữ nguyên mẫu cho hệ mặt trời thất phân.

82. They are 'vessels in sound' for the 'seed' descending from the atmic plane.

82. Chúng là những 'bình chứa trong âm thanh' cho 'hạt giống' giáng xuống từ cõi atmic plane.

83. The monadic is justifiably called "the archetypal plane", but that term is also assigned to the logoic plane and the buddhic plane in different references.

83. Cõi chân thần hoàn toàn chính đáng khi được gọi là "cõi nguyên mẫu", nhưng thuật ngữ đó cũng được gán cho cõi logoic và cõi Bồ đề trong những quy chiếu khác nhau.

The seeds of [Page 927] life are vibrating or germinating.

Các hạt giống của [Page 927] sự sống đang rung động hay nảy mầm.

84. They vibrate or germinate within the seven fields of formative sound.

84. Chúng rung động hay nảy mầm trong bảy trường của âm thanh tạo hình.

The seven centres of energy are apparent.

Bảy trung tâm năng lượng hiện rõ.

85. The second plane of the solar system is also the seventh of the planes on which are to be found the twelve Creative Hierarchies. The number of this plane are 2, 7 and also 6. It is a Jupiterian plane (Jupiter, the planet signified by the rounded "O".)

85. Cõi thứ hai của hệ mặt trời cũng là cõi thứ bảy trong các cõi nơi có thể tìm thấy mười hai Huyền Giai Sáng Tạo. Các con số của cõi này là 2, 7 và cả 6. Đây là một cõi của Sao Mộc (Sao Mộc, hành tinh được biểu thị bởi chữ "O" tròn đầy.)

86. We see the seven centers of energy portrayed if we look at Chart V, on TCF, 344, but we have to look to the cosmic monadic plane rather than to the systemic monadic plane. Yet, "As Above So Below". We are justified in taking the structure we have on the cosmic monadic plane 'down' onto the systemic monadic plane.

86. Chúng ta thấy bảy trung tâm năng lượng được mô tả nếu nhìn vào Biểu đồ V, trong TCF, 344, nhưng chúng ta phải nhìn vào cõi chân thần vũ trụ thay vì cõi chân thần hệ thống. Tuy nhiên, "trên sao, dưới vậy". Chúng ta có cơ sở để đưa cấu trúc mà chúng ta có trên cõi chân thần vũ trụ 'xuống' cõi chân thần hệ thống.

87. The monadic plane is truly one of the most important archetypal planes, but the first or logoic plane is also called by that name.

87. Cõi chân thần thực sự là một trong những cõi nguyên mẫu quan trọng nhất, nhưng cõi thứ nhất hay cõi logoic cũng được gọi bằng tên đó.

The etheric body of man holds hid the secret of his objectivity. It has its correspondence on the archetypal plane,—the plane we call that of the divine manifestation, the first plane of our solar system, the plane Adi. (TCF 79)

Thể dĩ thái của con người ẩn giấu bí mật về tính khách quan của y. Nó có sự tương ứng của nó trên cõi nguyên mẫu,—cõi mà chúng ta gọi là cõi của sự biểu hiện thiêng liêng, cõi thứ nhất của hệ mặt trời chúng ta, cõi Adi. (TCF 79)

88. Yet the following is also given:

88. Tuy nhiên, điều sau đây cũng được nêu ra:

What we call **the archetypal plane** in connection with the Logos (the plane whereon He forms His ideals, His aspirations and His abstract conceptions) is the logoic correspondence to the atomic abstract levels of the mental plane, from whence are initiated the impulses and purposes of the Spirit in man,—those purposes which eventually force him into an objective form, thus paralleling logoic manifestation. (TCF 397)

Điều mà chúng ta gọi là **cõi nguyên mẫu** liên hệ với Thượng đế (cõi nơi Ngài hình thành các lý tưởng, các khát vọng và các quan niệm trừu tượng của Ngài) là sự tương ứng logoic với các cấp độ trừu tượng nguyên tử của cõi trí, từ đó các xung lực và mục đích của tinh thần trong con người được khởi phát,—những mục đích cuối cùng buộc y vào một hình tướng khách quan, do đó song hành với sự biểu hiện logoic. (TCF 397)

The one deva Agni is seen as seven. **The form is now potentially perfect**.

Một thiên thần Agni được thấy như là bảy. **Hình tướng giờ đây có tiềm năng hoàn hảo**.

89. Determining the 'location' of that "one deva Agni" is elusive. Here are some areas of expression:

89. Việc xác định 'vị trí' của "một thiên thần Agni" đó thật khó nắm bắt. Đây là một số lĩnh vực biểu lộ:

a. The cosmic lower mental plane and both the cosmic astral plane and cosmic physical plane as well. Agni, then is the Personality of the Solar Logos.

a. Cõi hạ trí vũ trụ và cả cõi cảm dục vũ trụ lẫn cõi hồng trần vũ trụ nữa. Khi ấy, Agni là phàm ngã của Thái dương Thượng đế.

b. The Ruler of the " Sea of Fire " and in differentiated form, the Ruler of all the subplanes of the cosmic physical plane.

b. Đấng Cai Quản "Biển Lửa" và, trong hình thức biệt phân, là Đấng Cai Quản mọi cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

c. The Ruler of the systemic mental plane.

c. Đấng Cai Quản cõi trí hệ thống.

90. Upon the monadic plane the form is not *yet* perfect but only potentially so.

90. Trên cõi chân thần, hình tướng chưa hoàn hảo mà chỉ mới có tiềm năng như thế.

91. In His discussion of "the one deva Agni", DK seems to hint that His initial focus is upon the logoic plane from whence He differentiates into seven.

91. Trong phần bàn luận của Ngài về "một thiên thần Agni", Chân sư DK dường như gợi ý rằng trọng tâm ban đầu của Ngài đặt trên cõi logoic, từ đó Ngài biệt phân thành bảy.

92. This differentiation into seven relates the Solar Logos to the seven major Planetary Logoi (Who have their major focus upon the monadic plane rather than the logoic).

92. Sự biệt phân thành bảy này liên hệ Thái dương Thượng đế với bảy Hành Tinh Thượng Đế chính yếu (Các Ngài có trọng tâm chính trên cõi chân thần hơn là cõi logoic).

93. The 'Sound Forms" on the systemic monadic plane are "potentially perfect". They are archetypal forms and represent both the originative past and the destined future.

93. Các 'Hình Thức Âm Thanh" trên cõi chân thần hệ thống là "có tiềm năng hoàn hảo". Chúng là các hình tướng nguyên mẫu và biểu thị cả quá khứ khởi nguyên lẫn tương lai định sẵn.

The logoic triple Word...The third plane... The Sound A U M.

Linh từ tam phân logoic...Cõi thứ ba...Âm thanh A U M.

94. Now the "M" of matter has been added. From one perspective, this is the letter for the Mother aspect, and yet the plane concerned is the plane of the Holy Spirit.

94. Giờ đây chữ "M" của vật chất đã được thêm vào. Từ một góc nhìn, đây là chữ cái của phương diện Mẹ, tuy nhiên cõi được bàn đến lại là cõi của Chúa Thánh Thần.

95. The Father is *in* the Son, and the Father *and* Son are *in* the Mother.

95. Cha *ở trong* Con, và Cha *và* Con *ở trong* Mẹ.

96. We began with the Logoic Breath on the logoic plane. We moved to the Logoic Sound on the monadic plane. On the third systemic plane we have the "logoic triple Word". That Word is the A U M.

96. Chúng ta bắt đầu với Hơi Thở Logoic trên cõi logoic. Chúng ta chuyển sang Âm Thanh Logoic trên cõi chân thần. Trên cõi hệ thống thứ ba, chúng ta có "Linh từ tam phân logoic". Linh từ đó là A U M.

97. In many ways, this is the Word of the Holy Spirit. The third plane is the plane of Spiritual Will. It is, therefore, likely that we will have to connect the Spiritual Will with the Holy Spirit.

97. Theo nhiều cách, đây là Linh từ của Chúa Thánh Thần. Cõi thứ ba là cõi của Ý Chí tinh thần. Vì vậy, có lẽ chúng ta sẽ phải nối kết Ý Chí tinh thần với Chúa Thánh Thần.

98. The following reference is of importance when summarizing the nature of the A, the U and the M:

98. Quy chiếu sau đây rất quan trọng khi tóm lược bản chất của A, U và M:

a. The sacred sound A to Shiva, He Who embodies the spirit or will aspect. It is the Word through which God the Father works.

a. âm thanh thiêng liêng A thuộc về Shiva, Ngài là Đấng hiện thân phương diện tinh thần hay ý chí. Đó là Linh từ mà qua đó Thượng đế Cha hoạt động.

b. The sound U to Vishnu, God the Son. He is the form-builder and provides the body which the spirit must occupy, thereby making divine incarnation possible. A is the life sound, **U is the form sound**.

b. âm thanh U thuộc về Vishnu, Thượng đế Con. Ngài là đấng kiến tạo hình tướng và cung cấp thể mà tinh thần phải cư ngụ trong đó, nhờ vậy làm cho sự nhập thể thiêng liêng trở nên khả hữu. A là âm thanh của sự sống, **U là âm thanh của hình tướng**.

99. Remember, the second aspect creates form.

99. Hãy nhớ, phương diện thứ hai tạo ra hình tướng.

c. The sound M to Brahma, Who, in His work of Energy-provider, links in active intelligence, spirit and form, or the self and not-self. (IHS 153)

c. âm thanh M thuộc về Brahma, Ngài, trong công việc là Đấng cung ứng Năng Lượng, nối kết trí tuệ hoạt động, tinh thần và hình tướng, hay ngã và phi-ngã. (IHS 153)

100. The next reference is also of tremendous importance demonstrating how the various kingdoms are created and sustained by sound in different combinations and intensities of combined sounds.

100. Quy chiếu tiếp theo cũng vô cùng quan trọng, cho thấy các giới khác nhau được tạo ra và duy trì bằng âm thanh trong những tổ hợp và cường độ khác nhau của các âm thanh kết hợp.

In connection with the first three kingdoms it may be of interest to note that they are based upon two sounds, the U sounded on the basic key tone of the M. In the fourth kingdom the M tone is dying down and the two notes sounded forth are the U and the A. In the fifth kingdom the M has subsided into a distant undertone, the U is blended with it so as to be indistinguishable, and the A, or Shiva note, is pealing forth in power, and is practically the only note heard. By the sounding of this note,—that of Shiva the

Liên quan đến ba giới đầu tiên, có lẽ đáng lưu ý rằng chúng được đặt nền trên hai âm thanh, U được xướng trên chủ âm căn bản của M. Trong giới thứ tư, âm M đang lịm dần và hai nốt được xướng ra là U và A. Trong giới thứ năm, M đã lắng xuống thành một âm nền xa xăm, U được hòa trộn với nó đến mức không thể phân biệt, và A, hay nốt Shiva, đang ngân vang đầy quyền năng, và thực tế là nốt duy nhất được nghe thấy. Bằng việc xướng nốt này,—nốt của Shiva Đấng Hủy Diệt,—phi-ngã bị phủ định, và mọi điều

Destroyer,—the not-self is negated, and all that is not of spirit passes into dissolution. It is the coming in of the A sound which affects the severance or liberation of the initiate from the three worlds.

không thuộc về tinh thần đi vào sự tan rã. Chính sự đi vào của âm A tạo nên sự phân ly hay giải thoát của điểm đạo đồ khỏi ba cõi giới.

The body of the solar system in substance of the third etheric plane is seen, and the three function as one.

Thể của hệ mặt trời trong chất liệu của cõi dĩ thái thứ ba được thấy, và cả ba hoạt động như một.

101. The "body" of the solar system exists archetypally *in sound* on the second plane.

101. "Thể" của hệ mặt trời tồn tại một cách nguyên mẫu *trong âm thanh* trên cõi thứ hai.

102. On the third plane this body becomes *substantial.*

102. Trên cõi thứ ba, thể này trở nên *thực chất.*

103. This is the first plane of the Trinity—the "Three in One". All three aspects (Shiva, Vishnu and Brahma) function simultaneously.

103. Đây là cõi thứ nhất của Tam Vị—"Ba trong Một". Cả ba phương diện (Shiva, Vishnu và Brahma) hoạt động đồng thời.

104. The astrological sign for this plane is Libra (the symbol of which is the triangle—an abstraction of the more concrete symbol of the Scales).

104. Dấu hiệu chiêm tinh cho cõi này là Thiên Bình (biểu tượng của nó là tam giác—một sự trừu tượng hóa của biểu tượng cụ thể hơn là Cái Cân).

105. Relative to the first two systemic planes, the third plane is material or, better, substantial.

105. So với hai cõi hệ thống đầu tiên, cõi thứ ba là vật chất hay, nói đúng hơn, là thực chất.

106. On the third plane we have entered the realm of Brahma, Whose number is *five.* The atmic plane is the crowning *fifth* plane in the realm of Brahma.

106. Trên cõi thứ ba, chúng ta đã đi vào lĩnh vực của Brahma, mà con số của Ngài là *năm.* Cõi atma là cõi thứ *năm* cao nhất trong lĩnh vực của Brahma.

The triple energy of the Logos is co-ordinated,

Năng lượng tam phân của Thượng đế được phối hợp,

107. Coordination is one of Libra's chief functions.

107. Sự phối hợp là một trong những chức năng chủ yếu của Thiên Bình.

108. This fifth, third or eighth plane (depending upon our point of departure when counting) is a plane of *organization.*

108. Cõi thứ năm, thứ ba hay thứ tám này (tùy theo điểm khởi đầu của chúng ta khi đếm) là một cõi của *sự tổ chức.*

109. The Word A U M organizes form and provides a (relatively) material/substantial expression of that which is potential (potentially perfect) upon the monadic plane.

109. Linh từ A U M tổ chức hình tướng và cung cấp một biểu hiện vật chất/thực chất (tương đối) cho điều vốn chỉ là tiềm năng (có tiềm năng hoàn hảo) trên cõi chân thần.

and nothing now can hinder the work of evolution.

và giờ đây không gì có thể cản trở công việc tiến hoá.

110. The third aspect of the Will is the Will-to-Evolve. Due to developments upon the third plane, evolution can now go forward under this third aspect of the Will.

110. Phương diện thứ ba của Ý Chí là Ý Chí-hướng Tiến Hóa. Do những phát triển trên cõi thứ ba, giờ đây tiến hoá có thể tiến bước dưới phương diện thứ ba này của Ý Chí.

The three groups of devas are active, and the archetypal form is in process of materialization.

Ba nhóm thiên thần hoạt động, và hình tướng nguyên mẫu đang trong tiến trình hiện hình.

111. Great groups of devas are to be found on each of the higher three systemic planes.

111. Những nhóm thiên thần lớn được tìm thấy trên mỗi cõi trong ba cõi hệ thống cao hơn.

112. We remember that "Transmitters of the Word" are found on each of these higher systemic planes. Yet here we speak of the “Breath”, the “Sound” and the “Word”.

112. Chúng ta nhớ rằng "Các Đấng Truyền Đạt Linh từ" được tìm thấy trên mỗi cõi hệ thống cao hơn này. Tuy nhiên ở đây chúng ta nói về “Hơi Thở”, “Âm Thanh” và “Linh từ”.

113. The inference is that the “Word” transmitted comes from a higher dimension than the cosmic physical plane. Perhaps it is a “Word” sounding within the egoic nature of the Solar Logos upon the cosmic higher mental plane.

113. Suy luận ở đây là “Linh từ” được truyền đạt đến từ một chiều kích cao hơn cõi hồng trần vũ trụ. Có lẽ đó là một “Linh từ” đang vang lên trong bản chất chân ngã của Thái dương Thượng đế trên cõi thượng trí vũ trụ.

The logoic septenary word...The fourth plane...The seven syllabled Word. The logoic etheric Centres become active

Linh từ thất phân logoic...Cõi thứ tư...Linh từ bảy âm tiết. Các Trung tâm dĩ thái logoic trở nên hoạt động

114. The Word is threefold or triple upon the atmic plane and sevenfold upon the buddhic plane, the fourth systemic plane.

114. Linh từ là tam phân trên cõi atma và thất phân trên cõi Bồ đề, cõi hệ thống thứ tư.

115. We may infer that the Word emerging on the atmic plane is three syllabled just as the buddhic Word is seven syllabled.

115. Chúng ta có thể suy ra rằng Linh từ xuất hiện trên cõi atma có ba âm tiết cũng như Linh từ Bồ đề có bảy âm tiết.

116. When thinking of how the seven syllabled Word is derived, we should remember the derivation of four Rays of Attribute from combinations of the three Rays of Aspect.

116. Khi suy nghĩ về cách Linh từ bảy âm tiết được phát sinh, chúng ta nên nhớ đến sự phát sinh của bốn Các Cung Thuộc Tính từ những tổ hợp của ba Các Cung Trạng Thái.

117. Are *all* logoic etheric centers to be found upon the buddhic plane. If we follow analogy from TCF Chart VIII, there is reason *not* to think so.

117. Phải chăng *mọi* trung tâm dĩ thái logoic đều được tìm thấy trên cõi Bồ đề? Nếu chúng ta theo phép loại suy từ Biểu đồ VIII của TCF, có lý do để *không* nghĩ như vậy.

118. Perhaps, there are seven centers of force on the fourth cosmic ether, but there are, we would think, also logoic chakras on the atmic, monadic and logoic planes. Think this through.

118. Có lẽ có bảy trung tâm mãnh lực trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, nhưng theo chúng ta nghĩ, cũng có các luân xa logoic trên các cõi atma, chân thần và logoic. Hãy suy nghĩ thấu đáo điều này.

119. Even when dealing with the systemic fourth ether, we see that only four microcosmic chakras are to be found on that ether, with the higher three found upon the higher three systemic ethers. (Chart VIII, again.)

119. Ngay cả khi bàn đến dĩ thái hệ thống thứ tư, chúng ta cũng thấy rằng chỉ có bốn luân xa vi mô được tìm thấy trên dĩ thái đó, còn ba luân xa cao hơn được tìm thấy trên ba dĩ thái hệ thống cao hơn. (Lại là Biểu đồ VIII.)

120. The numbers four and seven are closely interrelated. The seventh or lowest systemic plane is also the fourth from the buddhic plane. The number four (suggesting the square) is a number of manifestation and so is the number seven.

120. Các số bốn và bảy liên hệ rất mật thiết. Cõi hệ thống thứ bảy hay thấp nhất cũng là cõi thứ tư tính từ cõi Bồ đề. Số bốn (gợi ý hình vuông) là một con số của sự biểu hiện và số bảy cũng là như thế.

121. Once the buddhic plane is reached, the process of manifestation (through the logoic dense physical body) is irresistible.

121. Một khi cõi Bồ đề đạt đến, tiến trình biểu hiện (thông qua thể hồng trần đậm đặc logoic) trở nên không thể cưỡng lại.

122. Upon the monadic plane seven great Sounds. Upon the buddhic plane a sevenfold Word. There is a close relation between the two.

122. Trên cõi chân thần có bảy Âm Thanh Vĩ Đại. Trên cõi Bồ đề có một Linh từ thất phân. Giữa hai điều này có một liên hệ mật thiết.

The etheric body of the solar system is now complete,

Thể dĩ thái của hệ mặt trời giờ đây đã hoàn tất,

123. This etheric body consists of the four cosmic ethers.

123. Thể dĩ thái này gồm bốn dĩ thái vũ trụ.

though it will not be perfected till the end of another manvantara.

mặc dù nó sẽ chưa được hoàn thiện cho đến cuối một giai kỳ sinh hóa khác.

124. Is DK being loose with His terms at this point. By "manvantara" does He really mean "*maha*manvantara"?

124. Phải chăng ở điểm này Chân sư DK dùng thuật ngữ chưa thật chặt chẽ? Bởi "giai kỳ sinh hóa", phải chăng Ngài thực sự muốn nói "*Đại* giai kỳ sinh hóa"?

125. It would seem that we must look forward to the next solar system even for the perfecting of the buddhic plane not to mention the higher three cosmic ethers.

125. Dường như chúng ta phải hướng tới hệ mặt trời kế tiếp ngay cả để hoàn thiện cõi Bồ đề, chưa nói đến ba dĩ thái vũ trụ cao hơn.

The greater body of vitality is ready to energise the dense physical vehicle.

Thể sinh lực lớn hơn đã sẵn sàng tiếp sinh lực cho vận cụ hồng trần đậm đặc.

126. The "greater body of vitality" consists of all four cosmic ethers.

126. "Thể sinh lực lớn hơn" gồm toàn bộ bốn dĩ thái vũ trụ.

127. Only when the fourth cosmic ether, the buddhic plane, is fully energized is the greater body of vitality as a whole ready to energize the dense physical vehicle of the Solar Logos consisting of the three lower cosmic subplanes—our lower three worlds (including the higher mental plane).

127. Chỉ khi dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề, được tiếp sinh lực đầy đủ thì thể sinh lực lớn hơn như một toàn thể mới sẵn sàng tiếp sinh lực cho vận cụ hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế, gồm ba cõi phụ vũ trụ thấp hơn—ba cõi thấp của chúng ta (kể cả cõi thượng trí).

The seven centres with their forty-nine major petals are vibrant, and consciousness thrills through every atom in the system.

Bảy trung tâm với bốn mươi chín cánh hoa chính yếu của chúng đang rung động, và

tâm thức rung lên xuyên qua mọi nguyên tử trong hệ thống.

128. It would seem that DK is speaking of the major chakras of the Solar Logos. Each one of them has, apparently, seven major petals, just as our solar system has seven major planets.

128. Dường như Chân sư DK đang nói về các luân xa chính yếu của Thái dương Thượng đế. Mỗi luân xa trong số đó, dường như, có bảy cánh hoa chính yếu, cũng như hệ mặt trời chúng ta có bảy hành tinh chính yếu.

129. We could wonder whether the microcosmic heart center has seven *major* petals out of the twelve. The same for the twelve-petalled heart in the head center. And of course, the implication is that the twelvefold zodiac has seven constellations or signs which are to be considered *major*.

129. Chúng ta có thể tự hỏi liệu trung tâm tim vi mô có bảy cánh hoa *chính yếu* trong số mười hai cánh hay không. Điều tương tự đối với tim mười hai cánh trong trung tâm đầu. Và dĩ nhiên, hàm ý ở đây là hoàng đạo mười hai phần có bảy chòm sao hay dấu hiệu được xem là *chính yếu*.

130. Whether the solar logoic chakras are to be found *only* on the buddhic plane, or distributed throughout the cosmic etheric planes, it appears that each one of them is *majorly* or principally sevenfold, making a total of forty-nine petals when all chakras are considered. This will be the case if we read the phrase—"the seven centres with their forty-nine major petals"—as a *collective* seven. In other words, it is the collectivity of the seven centers which has the forty-nine major petals and *not* <u>*each*</u> chakra. Really, numerologically, it would not make sense for each chakra to have forty-nine *major* petals, though within each chakra forty-nines may be found (just as they are, for instance, on the Earth and other planets).

130. Dù các luân xa thái dương logoic chỉ được tìm thấy *duy nhất* trên cõi Bồ đề, hay được phân bố khắp các cõi dĩ thái vũ trụ, dường như mỗi luân xa trong số đó *chủ yếu* hay chính yếu là thất phân, tạo thành tổng cộng bốn mươi chín cánh hoa khi xét toàn bộ các luân xa. Điều này sẽ đúng nếu chúng ta đọc cụm từ—"bảy trung tâm với bốn mươi chín cánh hoa chính yếu của chúng"—như một số bảy *tập thể*. Nói cách khác, chính tính tập thể của bảy trung tâm có bốn mươi chín cánh hoa chính yếu chứ *không <u>phải mỗi</u>* luân xa. Thật vậy, về mặt số học huyền bí, sẽ không hợp lý nếu mỗi luân xa có bốn mươi chín cánh hoa *chính yếu*, dù trong mỗi luân xa có thể tìm thấy những nhóm bốn mươi chín (cũng như chẳng hạn chúng được thấy trên Trái Đất và các hành tinh khác).

131. One problem exists, however. When looking a the microcosmic correspondence, we notice that there are chakras which do not have even seven petals. The base of the spine center has four, and the sacral center has only six. Are the seven major petals to be found only in centers including the ten-

131. Tuy nhiên, có một vấn đề tồn tại. Khi nhìn vào sự tương ứng vi mô, chúng ta nhận thấy có những luân xa thậm chí không có đến bảy cánh hoa. Trung tâm đáy cột sống có bốn, và trung tâm xương cùng chỉ có sáu. Phải chăng bảy cánh hoa chính yếu chỉ được tìm thấy trong các trung tâm bao gồm trung

petalled solar plexus and the chakras above the solar plexus?

tâm tùng thái dương mười cánh và các luân xa phía trên tùng thái dương?

132. All this is to say that the manner of counting forty-nine major petals is not as easily determined as might be thought.

132. Tất cả điều này là để nói rằng cách đếm bốn mươi chín cánh hoa chính yếu không dễ xác định như người ta có thể nghĩ.

An interlude or period of pause is to be found at this stage of development;

Có một quãng ngưng hay thời kỳ tạm dừng ở giai đoạn phát triển này;

133. Always at the middle point there is an "interlude or period of pause".

133. Luôn luôn ở điểm giữa có một "quãng ngưng hay thời kỳ tạm dừng".

134. The fourth plane is the central plane of seven just as Libra (ruling the concept of "interlude") is considered to be the point of balance.

134. Cõi thứ tư là cõi trung tâm của bảy cõi cũng như Thiên Bình (cai quản khái niệm "quãng ngưng") được xem là điểm quân bình.

135. It is time for another breath before the process of manifestation is breathed forth from the arupa worlds into the rupa worlds.

135. Đã đến lúc cho một hơi thở khác trước khi tiến trình biểu hiện được thở ra từ các cõi arupa vào các cõi rupa.

in it the processes of **co-ordination** and of **stabilisation** are carried on; the energy or the vibration is increased until it becomes possible**, by a simultaneous effort, emanating from all the three aspects**, to bring into objectivity that which is as yet subjective.

trong đó các tiến trình **phối hợp** và **ổn định hóa** được tiến hành; năng lượng hay rung động được gia tăng cho đến khi trở nên có thể**, bằng một nỗ lực đồng thời phát xuất từ cả ba phương diện**, đưa vào tính khách quan điều mà cho đến nay vẫn còn chủ quan.

136. DK is describing the dynamics of the creative process as they occur upon the buddhic plane.

136. Chân sư DK đang mô tả động lực của tiến trình sáng tạo khi chúng diễn ra trên cõi Bồ đề.

a. Coordination

a. Sự phối hợp

b. Stabilization

b. Sự ổn định hóa

c. Increasing the energy or vibration

c. Gia tăng năng lượng hay rung động

d. The bringing forth into objectivity of that which is subjective

137. We notice how *all three* aspects of divinity are mobilized at this point.

138. The emergence into objectivity, therefore, is not due only to that which occurs on the buddhic plane. All the higher planes are mobilized to work through the buddhic at the point of emergence. This is another way of saying that all seven chakras representing the three major aspects work together simultaneously.

This is paralleled by man on the physical plane **in the applied effort he has to make to bring through and materialise**, that which he has conceived and desired.

139. Presumably man does this by employing the fourth ether as a formulating expression of his mental intention and astral desire.

140. Man, too, pauses before releasing the impulse towards materialization.

141. We are speaking of two types of creative process: one by the Logos (planetary or solar—a cosmic process) and the other by man (a systemic process).

The reason so many people fail in materialising their concepts, and hence come to be reckoned as failures,

142. One fails if one fails to materialize. Success is related to manifestation.

d. Đưa vào tính khách quan điều vốn là chủ quan

137. Chúng ta nhận thấy cách mà *cả ba* phương diện của thiên tính được huy động tại điểm này.

138. Vì vậy, sự xuất hiện vào tính khách quan không chỉ do điều xảy ra trên cõi Bồ đề. Mọi cõi cao hơn đều được huy động để hoạt động xuyên qua cõi Bồ đề tại điểm xuất hiện. Đây là một cách khác để nói rằng cả bảy luân xa biểu thị ba phương diện chính yếu cùng hoạt động đồng thời.

Điều này được con người song hành trên cõi hồng trần **trong nỗ lực ứng dụng mà y phải thực hiện để đưa qua và hiện hình**, điều mà y đã hình dung và mong muốn.

139. Có lẽ con người làm điều này bằng cách sử dụng dĩ thái thứ tư như một biểu hiện tạo hình cho ý định trí tuệ và dục vọng cảm dục của y.

140. Con người cũng tạm dừng trước khi giải phóng xung lực hướng tới sự hiện hình.

141. Chúng ta đang nói về hai loại tiến trình sáng tạo: một do Thượng đế thực hiện (hành tinh hay thái dương—một tiến trình vũ trụ) và loại kia do con người thực hiện (một tiến trình hệ thống).

Lý do khiến rất nhiều người thất bại trong việc hiện hình các khái niệm của họ, và do đó bị kể là những kẻ thất bại,

142. Người ta thất bại nếu không hiện hình được. Thành công liên hệ với sự biểu hiện.

is owing to the fact of their inability to make a co-ordinated applied effort,

là do họ không có khả năng thực hiện một nỗ lực ứng dụng phối hợp,

143. The "coordinated applied effort" is engineered, microcosmically, from the fourth ether and macrocosmically from the fourth *cosmic* ether.

143. "Nỗ lực ứng dụng phối hợp" được điều động, ở cấp vi mô, từ dĩ thái thứ tư và ở cấp vĩ mô từ dĩ thái *vũ trụ* thứ tư.

144. When dealing with the word "application", the number four is so often involved. "Listen. Touch. See. *Apply*, Know" (the five injunctions from Rule XIV for Applicants to Initiation).

144. Khi bàn đến từ "ứng dụng", số bốn thường xuyên được liên hệ. "Hãy lắng nghe. Hãy chạm. Hãy thấy. *Hãy ứng dụng*, Hãy biết" (năm mệnh lệnh từ Quy luật XIV dành cho những người xin Điểm đạo).

and thus set in motion substance of the three lower subplanes of the physical plane.

và như thế làm cho chất liệu của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần chuyển động.

145. The release of energy is to be organized and coordinated. A chaotic release of energy will not lead to successful manifestation.

145. Sự giải phóng năng lượng phải được tổ chức và phối hợp. Một sự giải phóng năng lượng hỗn loạn sẽ không dẫn đến sự biểu hiện thành công.

146. The buddhic plane is the plane of harmony and intuitive coordination.

146. Cõi Bồ đề là cõi của sự hài hòa và sự phối hợp trực giác.

147. In reflection, we can infer the that the fourth systemic ether is also central to any coordinated effort to manifest upon the three lower systemic subplanes.

147. Qua phản chiếu, chúng ta có thể suy ra rằng dĩ thái hệ thống thứ tư cũng là trung tâm đối với bất kỳ nỗ lực phối hợp nào nhằm biểu hiện trên ba cõi phụ hệ thống thấp hơn.

They succeed [Page 928] in bringing their concept through from the mental plane (as does the Logos on cosmic levels) as far as the fourth etheric level of the physical, and there **their energy becomes exhausted** owing to three things:

Họ thành công [Page 928] trong việc đưa khái niệm của mình xuyên qua từ cõi trí (cũng như Thượng đế làm trên các cấp độ vũ trụ) đến tận cấp dĩ thái thứ tư của cõi hồng trần, và ở đó **năng lượng của họ trở nên cạn kiệt** do ba điều:

148. DK is speaking of failure in the magical process. He elaborates this greatly in His later book, *A Treatise on White Magic*.

148. Chân sư DK đang nói về sự thất bại trong tiến trình huyền thuật. Ngài khai triển điều này rất nhiều trong tác phẩm sau này của Ngài, *Luận về Chánh Thuật*.

149. Presumably, the Logos knows more than to become exhausted!

a. Lack of sustained will or concentration,

150. This involves the willful use of the concrete mind. The mind is the instrument of the will but the source of the energy of will is higher than the mind. The first ray and the fifth ray are intimately related.

151. Notice the factor of sustainment. Brief and sporadic application of will and the concentrated mind are insufficient to overcome the inhibitory forces. Only *sustained* application will suffice.

b. Lack of alignment with the Ego,

152. Whether the Ego on the higher mental plane or the triadal Ego, it holds the blueprint for what must happen and is the source of sustaining strength. It offers the energizing quality of inspiration, so needed in arduous processes of externalization.

c. A weakness of co-ordination between the two parts of the physical vehicle.

153. The etheric pattern simply cannot make sufficient impression upon the dense physical subplanes.

154. One of the earliest initiations of the human being involved the mastery of the dense physical subplanes by the etheric subplanes. The processes of mastery demanded in the first initiation require etheric dominance over dense physical tendency.

149. Có lẽ Thượng đế biết rõ hơn là để mình trở nên cạn kiệt!

a. Thiếu ý chí hay sự tập trung được duy trì,

150. Điều này liên quan đến việc sử dụng có chủ ý trí cụ thể. Trí tuệ là công cụ của ý chí nhưng nguồn của năng lượng ý chí thì cao hơn trí tuệ. Cung một và cung năm liên hệ mật thiết.

151. Hãy lưu ý yếu tố duy trì. Việc ứng dụng ý chí và trí tuệ tập trung một cách ngắn ngủi và rời rạc thì không đủ để vượt qua các mãnh lực ức chế. Chỉ có sự ứng dụng *được duy trì* mới đủ.

b. Thiếu chỉnh hợp với chân ngã,

152. Dù là chân ngã trên cõi thượng trí hay chân ngã tam nguyên tinh thần, nó nắm giữ bản thiết kế cho điều phải xảy ra và là nguồn của sức mạnh duy trì. Nó cống hiến phẩm tính tiếp năng của cảm hứng, điều rất cần trong những tiến trình ngoại hiện gian khổ.

c. Sự yếu kém trong phối hợp giữa hai phần của vận cụ hồng trần.

153. Mô hình dĩ thái đơn giản là không thể tạo được ấn tượng đầy đủ lên các cõi phụ hồng trần đậm đặc.

154. Một trong những lần điểm đạo sớm nhất của con người liên quan đến việc làm chủ các cõi phụ hồng trần đậm đặc bằng các cõi phụ dĩ thái. Những tiến trình làm chủ được đòi hỏi trong lần điểm đạo thứ nhất đòi hỏi sự thống trị dĩ thái đối với khuynh hướng hồng trần đậm đặc.

155. Presumably, knowing the words of manifestation—the seven syllabled Word, will be of great value at this point. This is another way of saying that one must not forget the *purpose* for which on is undertaking manifestation.

155. Có lẽ, việc biết các linh từ của sự biểu hiện—Linh từ bảy âm tiết, sẽ rất có giá trị tại điểm này. Đây là một cách khác để nói rằng người ta không được quên *mục đích* mà vì đó mình đảm nhận sự biểu hiện.

156. To work with the sevenfold Word is to work within an Ashram. Each Ashram can be thought of as representing one syllable of this sevenfold Word.

156. Làm việc với Linh từ thất phân là làm việc trong một ashram. Mỗi ashram có thể được xem như biểu thị một âm tiết của Linh từ thất phân này.

157. Obviously, the Ashrams are great and necessary sources of continued inspiration and, therefore, sustenance.

157. Hiển nhiên, các ashram là những nguồn lớn lao và cần thiết của cảm hứng liên tục và, do đó, của sự duy trì.

The logoic Phrase...Fifth plane...The plane of the logoic mantram of 35 stanzas. The gaseous body.

Cụm Từ logoic...Cõi thứ năm...Cõi của mantram logoic gồm 35 bài kệ. Thể khí.

158. We have reached the fifth systemic plane, the mental plane.

158. Chúng ta đã đạt đến cõi hệ thống thứ năm, cõi trí.

159. This is the plane whereon the Solar Angels express through the medium of the causal body.

159. Đây là cõi trên đó các Thái dương Thiên Thần biểu lộ qua trung gian của thể nguyên nhân.

160. First we had a logoic Breath. Then a Sound. Then a threefold Word. Then a sevenfold Word or Word of seven syllables. Now we have a "logoic Phrase". The complexity is growing. We have moved from Words to combinations of Words as found in phrases.

160. Trước hết chúng ta có một Hơi Thở logoic. Rồi đến một Âm Thanh. Rồi đến một Linh từ tam phân. Rồi đến một Linh từ thất phân hay Linh từ gồm bảy âm tiết. Giờ đây chúng ta có một "Cụm Từ logoic". Tính phức tạp đang gia tăng. Chúng ta đã chuyển từ các Linh từ sang những tổ hợp của Linh từ như được thấy trong các cụm từs.

161. The Solar Angel, it must be realized, is a creator of mantrams. We have already studied the relationship between a transmitted "Word of Power"; solar angelically created *mantrams* based on that

161. Cần chứng nghiệm rằng Thái dương Thiên Thần là một đấng sáng tạo các mantram. Chúng ta đã nghiên cứu mối liên hệ giữa một "Quyền năng từ" được truyền xuống; các *mantrams* do thái dương thiên

Word; and *formulas* based upon those mantrams.

thần sáng tạo dựa trên Linh từ ấy; và các *công thức* dựa trên những mantram ấys.

162. Mantrams are magical incantations to bring about the externalization of divine patterns.

162. Mantram là những lời chú huyền thuật nhằm mang lại sự ngoại hiện của các mô hình thiêng liêngs.

163. The numbers 3 and 5 are significant, for the Solar Angels express primarily upon that systemic plane of the solar system for which these numbers are representative. The mental plane is the third counting from below and the fifth counting from above.

163. Các số 3 và 5 có ý nghĩa quan trọng, vì các Thái dương Thiên Thần biểu lộ chủ yếu trên cõi hệ thống của hệ mặt trời mà các số này tượng trưng. Cõi trí là cõi thứ ba tính từ dưới lên và là cõi thứ năm tính từ trên xuốnge.

164. Assuming that in all these seven forms of logoic expression the atomic subplane of each systemic plane is important, we find in *Letters on Occult Meditation* that there are *35* egoic groups to be found on the *first* or atomic subplane of the mental plane.

164. Giả sử rằng trong cả bảy hình thức biểu lộ logoic này, cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi hệ thống đều quan trọng, chúng ta thấy trong *Thư về Tham Thiền Huyền Bí* rằng có *35* nhóm chân ngã được tìm thấy trên cõi phụ *thứ nhất* hay cõi phụ nguyên tử của cõi trí.

165. Some theorists have also concluded that the number 35 is the number which particularly represents the cycles of the fifth ray, of which the Solar Angels are a major expression on the fifth plane.

165. Một số nhà lý thuyết cũng đã kết luận rằng số 35 là con số đặc biệt tượng trưng cho các chu kỳ của cung năm, mà các Thái dương Thiên Thần là một biểu hiện chủ yếu trên cõi thứ năme.

166. We have, therefore--the fifth plane; the number 35 representing the fifth ray; the Solar Angels Who 'speak' in mantrams (phrases).

166. Vì vậy, chúng ta có—cõi thứ năm; số 35 tượng trưng cho cung năm; các Thái dương Thiên Thần là những Đấng "nói" bằng mantram (các cụm từ).

167. We might say that upon the fifth plane complete thoughts are formulated—thoughts which "make sense" under the influence of the logical fifth ray.

167. Chúng ta có thể nói rằng trên cõi thứ năm, các tư tưởng hoàn chỉnh được hình thành—những tư tưởng "có ý nghĩa" dưới ảnh hưởng của cung năm đầy luận lýy.

168. Phrases, sentences, mantrams—these appeal to the mind. These suggest a subject, verb and object. The separation of the subject and object (united upon and within the cosmic ethers) occurs in this realm of the mind.

168. Các cụm từ, câu văn, mantram—những điều này tác động đến trí tuệ. Chúng gợi ý một chủ từ, động từ và túc từ. Sự tách biệt giữa chủ từ và túc từ (được hợp nhất trên và trong các dĩ thái vũ trụ) xảy ra trong lĩnh vực này của trí tuệ.

The **gaseous form** of the solar system now appears, and **the energy centres become veiled and hidden**.

Thể **khí** của hệ mặt trời nay xuất hiện, và **các trung tâm năng lượng trở nên được che phủ và ẩn kín**.

169. DK is speaking of the creative process from the solar logoic perspective.

169. Chân sư DK đang nói về tiến trình sáng tạo từ quan điểm của Thái dương Thượng đế.

170. How interesting to think of gas as a veil upon the energy centers. From the cosmic point of view this is like saying that thought veils the pure intuition of buddhi.

170. Thật thú vị khi nghĩ về khí như một bức màn phủ lên các trung tâm năng lượng. Từ quan điểm vũ trụ, điều này cũng như nói rằng tư tưởng che phủ trực giác thuần khiết của Bồ đề.

171. We might also wish to create a link between the gaseous envelope of the chakras and the etheric webs which protect the chakras and are sometimes mistaken for the chakras themselves.

171. Chúng ta cũng có thể muốn tạo một mối liên kết giữa lớp bao khí của các luân xa và các màng dĩ thái bảo vệ các luân xa và đôi khi bị lầm tưởng là chính các luân xa ấys.

Accretion and concretion rapidly proceeds.

Sự bồi tụ và sự kết đặc tiến triển nhanh chóng.

172. The fifth ray is the ray of concretion. There is a rapid concretization of the intended idea.

172. Cung năm là cung của sự kết đặc. Có một sự cụ thể hóa nhanh chóng của ý tưởng được dự địnha.

173. On microcosmic levels, that which is in process of precipitating becomes more substantial and enters a dense physical form.

173. Trên các cấp độ tiểu thiên địa, điều đang trong tiến trình ngưng tụ trở nên thực chất hơn và đi vào một hình tướng hồng trần đậm đặcm.

174. Accretion occurs under the influence of magnetism. Upon the fifth plane, the second ray or 'Ray of Magnetism' is also influential,

174. Sự bồi tụ xảy ra dưới ảnh hưởng của từ điện. Trên cõi thứ năm, cung hai hay "Cung Từ Điện" cũng có ảnh hưởng, vì cõi thứ năm

for the fifth plane is the plane of the soul (governed generically by the second ray).

là cõi của linh hồn (được cai quản một cách tổng quát bởi cung hai).

The **three groups of builders** co-ordinate their efforts afresh and a new influx of energy — bearing devas from the logoic head centre — pours in.

Ba nhóm đấng kiến tạo lại phối hợp các nỗ lực của họ, và một luồng năng lượng mới — mang theo các thiên thần từ trung tâm đầu logoic — tuôn vào.

175. The "Transmitters of the Word" seem to fit into this category—carriers of the first ray and, therefore, probably to be associated with the logoic head center.

175. "Những Đấng Truyền Tải Linh từ" dường như phù hợp với loại này—những kẻ mang cung một và vì vậy có lẽ được liên kết với trung tâm đầu logoicr.

176. We may expect to find the logoic head center principally on the logoic plane, though it is probably reflected on every plane subsidiary to the logoic plane. We must remember that the seven chakras are to be found on *all* the planes—on the four higher levels of the cosmic physical subplanes and on the four higher levels of the systemic physical subplanes.

176. Chúng ta có thể mong đợi tìm thấy trung tâm đầu logoic chủ yếu trên cõi logoic, dù có lẽ nó được phản chiếu trên mọi cõi phụ thuộc vào cõi logoic. Chúng ta phải nhớ rằng bảy luân xa được tìm thấy trên *mọi* cõi—trên bốn cấp độ cao hơn của các cõi phụ hồng trần vũ trụ và trên bốn cấp độ cao hơn của các cõi phụ hồng trần hệ thống.

177. We remember (as we learned in a previous commentary) that this high group of devas originate within the "One About Whom Naught May Be Said", are transmitted through three great constellations and even through the seven major stars of the Great Bear (a constellation which, *as a whole*, has a first ray quality).

177. Chúng ta nhớ lại (như đã học trong một Cổ Luận trước đây) rằng nhóm thiên thần cao cả này phát nguyên trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị", được truyền qua ba chòm sao lớn và thậm chí qua bảy ngôi sao chính của Đại Hùng Tinh (một chòm sao mà, *như một toàn thể*, có phẩm tính cung một).

178. When speaking of "three groups of builders" there are different ways to approach the interpretation of the phrase, but the idea, as developed in foregoing chapters, has emphasized transmitters, building (manipulating) devas, and building essence.

178. Khi nói đến "ba nhóm đấng kiến tạo", có nhiều cách khác nhau để tiếp cận việc giải thích cụm từ này, nhưng ý tưởng, như đã được triển khai trong các chương trước, đã nhấn mạnh những đấng truyền tải, các thiên thần kiến tạo (thao tác), và tinh chất kiến tạoe.

179. The first and fifth rays are, we know, intimately related as are the first and fifth planes.

179. Như chúng ta biết, cung một và cung năm có liên hệ mật thiết, cũng như cõi thứ nhất và cõi thứ năms.

180. It is also well to remember when dealing with the fifth plane and with Solar Angels, that certain Solar Angels do emanate from the logoic Central Spiritual Sun (naturally connected to the "logoic head centre") and other Solar Angels emanate from the logoic Heart of the Sun.

180. Cũng nên nhớ rằng khi đề cập đến cõi thứ năm và các Thái dương Thiên Thần, một số Thái dương Thiên Thần thực sự phát xạ từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương logoic (đương nhiên liên hệ với "trung tâm đầu logoic") và những Thái dương Thiên Thần khác phát xạ từ Trái Tim logoic của Mặt Trờin.

181. We are seeing that "Transmitters of the Word" and 'Enunciators of Mantrams" are closely interactive. Thus the numbers one and five are closely interactive.

181. Chúng ta đang thấy rằng "Những Đấng Truyền Tải Linh từ" và "Những Đấng Xướng Lên Mantram" tương tác rất chặt chẽ. Vì vậy các số một và năm cũng tương tác rất chặt chẽ.

The lesser builders [lunar pitris?] respond to the logoic mantram chanted anew at each manvantara,

Các vị tiểu kiến tạo [thái âm tổ phụ?] đáp ứng với mantram logoic được xướng lên mới mẻ trong mỗi giai kỳ sinh hóa,

182. Will this mantram be chanted by *great* Solar Angels as found upon the cosmic mental plane? If a human incarnation is impulsed largely from the systemic mental plane then the incarnation of a Planetary Logos or Planetary Logos should be impulsed from the cosmic mental plane.

182. Liệu mantram này có được xướng lên bởi các Thái dương Thiên Thần *vĩ đại* như được tìm thấy trên cõi trí vũ trụ chăng? Nếu một lần lâm phàm của con người được thúc đẩy phần lớn từ cõi trí hệ thống, thì lần lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế hay Hành Tinh Thượng Đế hẳn phải được thúc đẩy từ cõi trí vũ trụ.

183. When we examine a term like "lesser builders" we must realize its relativity.

183. Khi khảo sát một thuật ngữ như "các vị tiểu kiến tạo", chúng ta phải nhận ra tính tương đối của nóy.

and the seven streams of energy from the seven logoic centres are directed downwards.

và bảy dòng năng lượng từ bảy trung tâm logoic được hướng xuống dưới.

184. We seem to be speaking of the creative process of the *Solar* Logos.

184. Dường như chúng ta đang nói về tiến trình sáng tạo của Thái dương Thượng đế.

185. May we assume that these "seven streams" are directed from the logoic plane? May it be that on that plane the seven *solar*

185. Chúng ta có thể giả định rằng bảy "dòng" này được hướng đi từ cõi logoic chăng? Có thể nào trên cõi ấy bảy trung tâm

logoic centers are likely to be found? It is on the monadic plane that the seven major centers of a *Planetary* Logos are to be found. This is a possible distinction here which needs careful examination. We would have to know the planar 'location' of the seven major head centers of the Solar Logos. Very possibly it is a 'location' on the systemic logoic plane.

logoic *thái dương* có khả năng được tìm thấy? Chính trên cõi chân thần mà bảy trung tâm chính của một Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy. Đây là một sự phân biệt khả dĩ ở đây cần được khảo sát cẩn thận. Chúng ta sẽ phải biết "vị trí" theo cõi của bảy trung tâm đầu chính của Thái dương Thượng đế. Rất có thể đó là một "vị trí" trên cõi logoic hệ thống.

186. In any case, it seems that the logoic mantram is sevenfold and must (by a series of transformations) reach the distributing chakra which are responsible for objectification.

186. Dù sao đi nữa, dường như mantram logoic là thất phân và phải (qua một chuỗi chuyển đổi) đạt đến luân xa phân phối chịu trách nhiệm cho sự khách quan hóa.

187. When we speak of the fifth ray, we speak of *concretion.* The number 35 is derived from the product of 5 x 7. If there is a sevenfold "logoic mantram", then much of that which concretizes this mantram into form within the dense physical body of the Solar Logos is accomplished on the fifth or mental plane (the higher mental plane specifically). On the highest level (subplane) of the higher mental plane there are 35 groupings of Egos, each responsible for materializing some aspect of the logoic mantram.

187. Khi nói về cung năm, chúng ta nói về *sự kết đặc.* Số 35 được rút ra từ tích số 5 x 7. Nếu có một "mantram logoic" thất phân, thì phần lớn điều cụ thể hóa mantram này thành hình tướng trong thể xác hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế được hoàn thành trên cõi thứ năm hay cõi trí (đặc biệt là cõi thượng trí). Trên cấp độ cao nhất (cõi phụ) của cõi thượng trí có 35 nhóm Chân ngã, mỗi nhóm chịu trách nhiệm hiện hình một phương diện nào đó của mantram logoicm.

The logoic Song of Love or Desire...The Sixth plane...A poem in forty-two verses. The logoic liquid body.

Bài Ca logoic của Tình thương hay Dục vọng...Cõi thứ sáu...Một bài thơ gồm bốn mươi hai câu. Thể lỏng logoic.

188. We are no longer talking about the 'Science of Mantra' requiring the fifth ray and the fifth plane. Our emphasis has become decidedly more 'emotional' (if we can use such a term as we speak of a Solar Logos) when we descend to the systemic astral plane.

188. Chúng ta không còn nói về "Khoa Học Mantra" đòi hỏi cung năm và cõi thứ năm nữa. Trọng tâm của chúng ta đã trở nên rõ rệt là "cảm xúc" hơn (nếu có thể dùng một thuật ngữ như thế khi nói về một Thái dương Thượng đế) khi chúng ta đi xuống cõi cảm dục hệ thống.

189. We are contrasting "phrases" which appear on the fifth plane with "verses" (with

189. Chúng ta đang đối chiếu "các cụm từ" xuất hiện trên cõi thứ năm với "các câu thơ"

their emotive appeal) which appear on the sixth. We are moving from science to art, from logic to poetry.

(với sức gợi cảm xúc của chúng) xuất hiện trên cõi thứ sáu. Chúng ta đang chuyển từ khoa học sang nghệ thuật, từ luận lý sang thi cay.

190. The planet Neptune becomes important. Interestingly, the number 42 sums to 6, and it is the sixth plane we are discussing. It is the reverse of 24 which relates intimately to Shamballa (the number of which is 24).

190. Hành tinh Sao Hải Vương trở nên quan trọng. Điều thú vị là số 42 cộng lại thành 6, và đây là cõi thứ sáu mà chúng ta đang bàn đến. Nó là số đảo của 24, vốn liên hệ mật thiết với Shamballa (mà con số của nó là 24).

191. That which began on the highest planes now develops magnetic appeal.

191. Điều đã bắt đầu trên các cõi cao nhất nay phát triển sức hấp dẫn từ tính.

192. The soft-line rays are the ones in expression on the sixth plane. There is also a resonance to the *second* subplane of the higher mental plane, with its 42 groups of Egos.

192. Các cung mềm là những cung đang biểu lộ trên cõi thứ sáu. Cũng có một sự cộng hưởng với cõi phụ *thứ hai* của cõi thượng trí, với 42 nhóm Chân ngã của nó.

This song or vibration causes the **bringing in of a body of devas from the logoic heart centre to swell the efforts of those already active.**

Bài ca hay rung động này gây ra **việc đưa vào một đoàn thiên thần từ trung tâm tim logoic để làm tăng cường các nỗ lực của những vị đã hoạt động sẵn.**

193. Just as the number one and five are closely related, when considering the dynamics of the logoic creative process as it reaches the fifth plane, so the numbers two and six are closely related.

193. Cũng như số một và số năm có liên hệ chặt chẽ khi xét đến động lực của tiến trình sáng tạo logoic khi nó đạt đến cõi thứ năm, thì các số hai và sáu cũng liên hệ chặt chẽ.

194. We must remember the influence of Neptune Who is the "Divine Singer", Vishnu.

194. Chúng ta phải nhớ ảnh hưởng của Sao Hải Vương, Đấng là "Đấng Ca Hát Thiêng Liêng", Vishnu.

195. The number one suggests the logoic head center; the number two, the logoic heart center.

195. Số một gợi ý trung tâm đầu logoic; số hai, trung tâm tim logoic.

196. The astral plane, the buddhic plane, the monadic plane, and the cosmic astral plane all have a close relation to the Heart of the

196. Cõi cảm dục, cõi Bồ đề, cõi chân thần, và cõi cảm dục vũ trụ đều có liên hệ mật thiết với Trái Tim của Mặt Trời. Còn trung tâm

Sun. As for the logoic heart center where may we find it? If analogies from TCF Chart VIII hold good, we would look for it on the systemic monadic plane with reflected expressions on the systemic buddhic plane.

tim logoic thì chúng ta có thể tìm thấy nó ở đâu? Nếu các phép tương đồng từ Biểu Đồ VIII của TCF là đúng, chúng ta sẽ tìm nó trên cõi chân thần hệ thống với các biểu hiện phản chiếu trên cõi Bồ đề hệ thống.

197. There will be activity 'native' to or characteristic of every one of the systemic planes, and this activity can be augmented by inflows from the major vehicles of the Solar Logos. In this case the natural activity upon the astral plane is augmented by the energies from the logoic heart center (active, for practical purposes, on the monadic and buddhic planes). Naturally, there will be a higher correspondence to this logoic heart center on the cosmic astral plane.

197. Sẽ có hoạt động "bản địa" hay đặc trưng cho từng cõi hệ thống, và hoạt động này có thể được tăng cường bởi các luồng đổ vào từ các vận cụ chính của Thái dương Thượng đế. Trong trường hợp này, hoạt động tự nhiên trên cõi cảm dục được tăng cường bởi các năng lượng từ trung tâm tim logoic (hoạt động, cho các mục đích thực tiễn, trên các cõi chân thần và Bồ đề). Đương nhiên, sẽ có một tương ứng cao hơn với trung tâm tim logoic này trên cõi cảm dục vũ trụ.

The liquid body of the solar Logos appears, and the form exists in its six differentiations.

Thể lỏng của Thái dương Thượng đế xuất hiện, và hình tướng tồn tại trong sáu sự biến phân của nó.

198. We see that the vehicles of any entity appear progressively, presumably through the emanative process.

198. Chúng ta thấy rằng các vận cụ của bất kỳ thực thể nào cũng xuất hiện dần dần, có lẽ thông qua tiến trình phát xạ.

199. Even on the monadic plane, seven *proto-forms* existed (seven monadic Sounds within the One Sound). Why, then, only six forms? Or are we dealing with *one* form in *six* differentiations?

199. Ngay cả trên cõi chân thần, bảy *hình thức nguyên sơ* đã tồn tại (bảy Âm Thanh chân thần trong Một Âm Thanh). Vậy tại sao chỉ có sáu hình thức? Hay là chúng ta đang đề cập đến *một* hình tướng trong *sáu* sự biến phân?

200. Perhaps full differentiation of form only appears as we descend through the planes, and perhaps the number of differentiations is closely related to the number of the plane concerned. This is true for the first, second and third planes, but not to the fourth and fifth planes. On the sixth plane the number 42 sums to 6. Even on the second plane, however, there is a strong presence of the number seven.

200. Có lẽ sự biến phân đầy đủ của hình tướng chỉ xuất hiện khi chúng ta đi xuống qua các cõi, và có lẽ số lượng các biến phân liên hệ chặt chẽ với số của cõi đang xét. Điều này đúng với cõi thứ nhất, thứ hai và thứ ba, nhưng không đúng với cõi thứ tư và thứ năm. Trên cõi thứ sáu, số 42 cộng lại thành 6. Tuy nhiên, ngay cả trên cõi thứ hai, vẫn có sự hiện diện mạnh mẽ của số bảy.

201. Probably the better way of way of understanding the thought here presented is that the single form descending as a result of the cosmic magical process is now *sixfold.*

201. Có lẽ cách tốt hơn để hiểu tư tưởng được trình bày ở đây là hình tướng đơn nhất đi xuống như kết quả của tiến trình huyền thuật vũ trụ nay là *lục phân.*

Concretion is very rapid, and activity is considerably more violent owing to the greater density of the accruing substance.

Sự kết đặc diễn ra rất nhanh, và hoạt động mãnh liệt hơn đáng kể do mật độ lớn hơn của chất liệu đang bồi thêm.

202. Rays five, six and seven are *all* rays of concretion.

202. Các cung năm, sáu và bảy *đều* là những cung của sự kết đặcn.

203. We know the reputation of those upon the sixth for forming rapid conclusions based on emotional impulse, and their reputation for violence (especially if influenced by the Martian aspect of the sixth ray). Perhaps the dynamics of this sevenfold creative process, once that process reaches the sixth plane, explain somewhat these character traits.

203. Chúng ta biết tiếng tăm của những người ở trên cõi thứ sáu trong việc đi đến các kết luận nhanh chóng dựa trên xung lực cảm xúc, và tiếng tăm của họ về tính bạo liệt (đặc biệt nếu bị ảnh hưởng bởi phương diện Sao Hỏa của cung sáu). Có lẽ động lực của tiến trình sáng tạo thất phân này, một khi tiến trình ấy đạt đến cõi thứ sáu, phần nào giải thích các nét tính cách nàys.

204. In any case, DK is telling us that rapid concretion is associated with the sixth plane and the sixth ray.

204. Dù sao đi nữa, Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng sự kết đặc nhanh chóng gắn liền với cõi thứ sáu và cung sáuy.

The logoic Book of Life...Seventh plane...Exists in forty-nine chapters.

Quyển Sách Sự Sống logoic...Cõi thứ bảy...Tồn tại trong bốn mươi chín chương.

205. Finally we reach the lowest level in this creative process. We have moved from the Breath, to the Sound, to the threefold Word, to the Word with seven syllables, to the Mantram with thirty-five phases, to the "Song of Love or Desire", a poem in forty-two verses, and finally to the expression in form of a "Book of Life"..."in forty-nine chapters".

205. Cuối cùng chúng ta đạt đến cấp độ thấp nhất trong tiến trình sáng tạo này. Chúng ta đã đi từ Hơi Thở, đến Âm Thanh, đến Linh từ tam phân, đến Linh từ có bảy âm tiết, đến Mantram có ba mươi lăm giai đoạn, đến "Bài Ca của Tình thương hay Dục vọng", một bài thơ gồm bốn mươi hai câu, và cuối cùng đến sự biểu lộ trong hình tướng của một "Quyển Sách Sự Sống"..."trong bốn mươi chín chương".

206. The following numerical sequences bears study: 1—2—3—7—35—42—49.

206. Chuỗi số sau đây đáng được nghiên cứu: 1—2—3—7—35—42—49.

The entire form stands **revealed**.

Toàn bộ hình tướng đứng **được mặc khải**.

207. It is the purpose of the seventh ray to make *full* revelation. Jupiter is the planet of fulness and also a major seventh ray planet.

207. Mục đích của cung bảy là mang lại sự mặc khải *trọn vẹn*. Sao Mộc là hành tinh của sự viên mãn và cũng là một hành tinh lớn của cung bảyt.

208. We have reached a point of fullest objectivity.

208. Chúng ta đã đạt đến một điểm khách quan tính đầy đủ nhấty.

209. The seven above (on the *monadic* plane certainly, and perhaps, from the solar logoic standpoint, on the *logoic* plane) are manifested in seven below, each with its seven divisions.

209. Bảy ở trên (chắc chắn trên cõi *chân thần*, và có lẽ, từ quan điểm của Thái dương Thượng đế, trên cõi *logoic*) được biểu lộ thành bảy ở dưới, mỗi cái với bảy phân chia của nós.

210. The 4 and the 9 of 49 (the number of expressed differentiations on the seventh plane) sum to 13 and then 4, thus showing the relationship between the four and seven, as suggested in relation to the fourth plane and its sevenfold Word.

210. Số 4 và số 9 của 49 (con số của các biến phân được biểu lộ trên cõi thứ bảy) cộng lại thành 13 rồi thành 4, như thế cho thấy mối liên hệ giữa số bốn và số bảy, như đã được gợi ý liên quan đến cõi thứ tư và Linh từ thất phân của nó.

During evolution it must manifest its purpose and its nature.

Trong tiến hoá, nó phải biểu lộ mục đích và bản chất của nó.

211. The purpose behind the form must be revealed.

211. Mục đích ẩn sau hình tướng phải được mặc khảid.

A third group [Page 929] of devas from the logoic throat centre appear, and cooperate with their brothers.

Một nhóm thiên thần thứ ba [Page 929] từ trung tâm cổ họng logoic xuất hiện, và hợp tác với các huynh đệ của họ.

212. The higher devas come forth to cooperate with devas whose process is already in progress.

212. Các thiên thần cao hơn xuất hiện để hợp tác với các thiên thần mà tiến trình của họ đã đang diễn ras.

213. We have seen the first ray related to the fifth plane, the second ray related to the sixth plane and now the third ray related to the seventh plane.

213. Chúng ta đã thấy cung một liên hệ với cõi thứ năm, cung hai liên hệ với cõi thứ sáu, và giờ đây cung ba liên hệ với cõi thứ bảye.

214. The third and seventh rays are intimately related. This has worked out in a practical manner through the relation of the Mahachohan, Master R. to both the third and seventh rays.

214. Cung ba và cung bảy có liên hệ mật thiết. Điều này đã được thể hiện một cách thực tiễn qua mối liên hệ của Đức Mahachohan, Chân sư R. với cả cung ba lẫn cung bảys.

215. Where shall we find the logoic throat center? Some might point to the buddhic plane, but it remains a strong possibility that we are to look for it upon the third plane or atmic plane.

215. Chúng ta sẽ tìm thấy trung tâm cổ họng logoic ở đâu? Một số người có thể chỉ đến cõi Bồ đề, nhưng vẫn có khả năng lớn là chúng ta phải tìm nó trên cõi thứ ba hay cõi atmae.

216. Saturn is the ruler of the atmic plane and Uranus (veiled by the Moon) of the seventh plane. There is distinct relationship between Saturn and Uranus.

216. Sao Thổ là chủ tinh của cõi atma và Sao Thiên Vương (được che phủ bởi Mặt Trăng) là chủ tinh của cõi thứ bảy. Có một mối liên hệ rõ rệt giữa Sao Thổ và Sao Thiên Vương.

217. When looking at the logoic creative process, we may link the first and the fifth planes; the second and the sixth planes, and the third and the seventh planes. The origin of creativity on the lower planes is to be found on the three highest planes.

217. Khi xem xét tiến trình sáng tạo logoic, chúng ta có thể liên kết cõi thứ nhất với cõi thứ năm; cõi thứ hai với cõi thứ sáu; và cõi thứ ba với cõi thứ bảy. Nguồn gốc của tính sáng tạo trên các cõi thấp được tìm thấy trên ba cõi cao nhất.

All the fires are burning, all the centres are active, and every petal, forty-nine in number, on the fourth plane of Buddhi is producing a reflex activity upon the dense physical plane.

Mọi lửa đều đang cháy, mọi trung tâm đều hoạt động, và mỗi cánh hoa, tổng cộng là bốn mươi chín, trên cõi thứ tư của Bồ đề đang tạo ra một hoạt động phản xạ trên cõi hồng trần đậm đặc.

218. We have two perspectives. There may be seven solar logoic centers of force on the buddhic plane (as here suggested, but three of those centers of force may have originated on planes higher than the buddhic, *although they may be represented on the buddhic.* By analogy, we have seven etheric chakras, *and* seven astral chakras. Eventually we shall have seven, not four mental plane chakras, and there is every reason to believe that there are seven chakras on the buddhic and atmic planes as well (and perhaps beyond)

218. Chúng ta có hai quan điểm. Có thể có bảy trung tâm mãnh lực của Thái dương Thượng đế trên cõi Bồ đề (như ở đây được gợi ý, nhưng ba trong số các trung tâm mãnh lực ấy có thể đã phát nguyên trên những cõi cao hơn cõi Bồ đề, *dù chúng có thể được biểu hiện trên cõi Bồ đề.* Theo phép tương đồng, chúng ta có bảy luân xa dĩ thái, *và* bảy luân xa cảm dục. Cuối cùng chúng ta sẽ có bảy, chứ không phải bốn, luân xa của cõi trí, và có mọi lý do để tin rằng cũng có bảy luân xa trên các cõi Bồ đề và atma nữa (và có lẽ còn vượt lên trên)

219. We have seen how the "A" originating on plane one is transposed to plane two to join the "U", "A U". This same *additive approach* carries on to plane three where we have "A U M"

219. Chúng ta đã thấy cách "A" phát nguyên trên cõi một được chuyển sang cõi hai để kết hợp với "U", thành "A U". Cùng một *cách tiếp cận cộng thêm* này tiếp tục đến cõi ba, nơi chúng ta có "A U M"

220. Maybe this is the way that chakras work as well. Perhaps those chakras on higher subplanes (head center on the first subplane, heart center on the second, throat center on the third) *all* make their vorticular impression on the fourth subplane, thus making it possible to say that *all* chakric vortices are to be found on the fourth subplane). In fact, if higher vortices are to appear as vortices on the buddhic plane, then it may be that these higher vortices descend through planes higher than the buddhic on their way to the buddhic. In such a case, the logoic head center would have a vorticular presence on the monadic plane and the atmic plane before reaching the buddhic plane. The logoic heart center would on the monadic plane would have a vorticular presence on the atmic plane before reaching the buddhic plane. The logoic throat center, presumably on the atmic plane, would have it originating vortex there, but would also have a

220. Có lẽ đây cũng là cách các luân xa vận hành. Có lẽ những luân xa trên các cõi phụ cao hơn (trung tâm đầu trên cõi phụ thứ nhất, trung tâm tim trên cõi phụ thứ hai, trung tâm cổ họng trên cõi phụ thứ ba) *đều* tạo ra ấn tượng xoáy lực của chúng trên cõi phụ thứ tư, nhờ đó có thể nói rằng *mọi* xoáy lực luân xa đều được tìm thấy trên cõi phụ thứ tư). Thật vậy, nếu các xoáy lực cao hơn phải xuất hiện như những xoáy lực trên cõi Bồ đề, thì có thể các xoáy lực cao hơn này đi xuống qua những cõi cao hơn cõi Bồ đề trên đường đến cõi Bồ đề. Trong trường hợp như vậy, trung tâm đầu logoic sẽ có một sự hiện diện xoáy lực trên cõi chân thần và cõi atma trước khi đạt đến cõi Bồ đề. Trung tâm tim logoic trên cõi chân thần sẽ có một sự hiện diện xoáy lực trên cõi atma trước khi đạt đến cõi Bồ đề. Trung tâm cổ họng logoic, có lẽ trên cõi atma, sẽ có xoáy lực phát nguyên tại đó, nhưng cũng sẽ có một sự hiện diện xoáy lực trên cõi Bồ đề. Chúng ta có thể thấy phần nào sự phức tạp khả dĩ nàyy.

vorticular presence on the buddhic plane. We can see some of the possible intricacy.

221. When looking at the cosmic physical plane from the cosmic perspective, and when studying the various Planetary Logoi as if they were chakras within the energy system of the Solar Logos, it is clear that each one of these planetary lotuses does not have forty-nine petals, but, rather, seven major petals.

222. How many petals there are to be found in each etheric planetary lotus is probably one of the secrets of initiate. Usually the number twelve is used when referring to planetary or even solar lotuses; this usually has a heart center connection or perhaps a *causal body* connection.

223. When it comes to the human being, of course, we are given different numbers of petals for each of the chakras, and there is no reason to suspect that the planetary chakric lotuses appearing on the cosmic ethers would be identical in petal number or formation. To solve this intricate problem, we simply will have to wait until more is known.

224. Again the count of forty-nine petals on the buddhic plane is not easily determined, though it seems logical enough before one starts to go into the details.

Men, when occupied in creation of any kind, and in the process of producing forms on earth which embody an idea, work along similar lines. The analogy is perfect.

221. Khi nhìn cõi hồng trần vũ trụ từ quan điểm vũ trụ, và khi nghiên cứu các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau như thể các Ngài là những luân xa trong hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế, rõ ràng là mỗi hoa sen hành tinh này không có bốn mươi chín cánh hoa, mà đúng hơn là bảy cánh hoa chính.

222. Có bao nhiêu cánh hoa được tìm thấy trong mỗi hoa sen hành tinh dĩ thái có lẽ là một trong những bí mật của điểm đạo đồ. Thông thường số mười hai được dùng khi nói đến các hoa sen hành tinh hay thậm chí các hoa sen thái dương; điều này thường có liên hệ với trung tâm tim hoặc có lẽ với *thể nguyên nhân*.

223. Khi nói đến con người, dĩ nhiên, chúng ta được cho biết những số lượng cánh hoa khác nhau cho mỗi luân xa, và không có lý do gì để nghi ngờ rằng các hoa sen luân xa hành tinh xuất hiện trên các dĩ thái vũ trụ sẽ giống hệt nhau về số lượng hay cấu tạo cánh hoa. Để giải quyết vấn đề phức tạp này, đơn giản là chúng ta sẽ phải chờ cho đến khi biết nhiều hơn.

224. Một lần nữa, số đếm bốn mươi chín cánh hoa trên cõi Bồ đề không dễ xác định, dù trước khi đi vào chi tiết thì điều đó có vẻ khá hợp lý.

Những người nam và nữ, khi bận rộn trong việc sáng tạo dưới bất kỳ hình thức nào, và trong tiến trình tạo ra các hình tướng trên Trái Đất thể hiện một ý tưởng, đều làm việc theo những đường lối tương tự. Phép tương đồng là hoàn hảo.

225. And this is the analogy which is so thoroughly developed in *A Treatise on White Magic*.

225. Và đây là phép tương đồng được triển khai rất triệt để trong *Luận về Chánh Thuật*.

226. Even when dealing with the human magical creative process, this descent from the Breath to the forty-nine chapters should be studied carefully as, once more is known along a practical line, it would hold many hints regarding how to proceed—magically.

226. Ngay cả khi đề cập đến tiến trình sáng tạo huyền thuật của con người, sự đi xuống này từ Hơi Thở đến bốn mươi chín chương cũng nên được nghiên cứu cẩn thận vì, một khi biết thêm theo đường lối thực tiễn, nó sẽ chứa đựng nhiều gợi ý về cách tiến hành—một cách huyền thuậty.

In connection with those human beings who create nothing,

Liên quan đến những con người không sáng tạo ra điều gì,

227. Though they will always be capable of *procreation…*

227. Dù họ luôn luôn vẫn có khả năng *sinh sản…*

but who are only swept into activity under the urge of circumstance—

nhưng chỉ bị cuốn vào hoạt động dưới sự thúc đẩy của hoàn cảnh—

228. They are simply reactive rather than proactive…

228. Họ đơn thuần là phản ứng lại thay vì chủ động…

and they are the bulk of the human race—

và họ là đại bộ phận của nhân loại—

229. We must not forget just how few human beings are really personalities or advanced in any way. So few have the higher functions of the throat center developed.

229. Chúng ta không được quên rằng có quá ít con người thực sự là các phàm ngã hay tiến bộ theo bất kỳ cách nào. Rất ít người có các chức năng cao hơn của trung tâm cổ họng được phát triểnd.

it should be pointed out that they are a part of the creative activity of some greater, and more advanced, entity.

cần phải chỉ ra rằng họ là một phần của hoạt động sáng tạo của một thực thể nào đó lớn hơn và tiến bộ hơn.

230. Deliberate creativity is occurring on many systemic and cosmic levels and necessarily, even if human beings are *unconscious* of it, they are involved as tiny units in some greater creative process.

230. Sự sáng tạo có chủ đích đang diễn ra trên nhiều cấp độ hệ thống và vũ trụ, và tất yếu là, ngay cả khi con người *không hữu thức* về điều đó, họ vẫn tham dự như những đơn

vị nhỏ bé trong một tiến trình sáng tạo lớn hơn nào đós.

231. Tiny elemental lives are, analogously, involved in the creative process of higher devas who sweep these lesser lives into various patterns and relationships.

231. Tương tự như vậy, những sự sống hành khí nhỏ bé cũng tham dự vào tiến trình sáng tạo của các thiên thần cao hơn, những vị cuốn các sự sống nhỏ bé ấy vào những mô hình và mối liên hệ khác nhaus.

As self-conscious evolution proceeds, more and more of the human family will become creators and intelligent workers in connection with deva substance.

Khi tiến hoá ngã thức tiếp diễn, ngày càng nhiều thành viên của gia đình nhân loại sẽ trở thành những đấng sáng tạo và những người hoạt động thông minh trong mối liên hệ với chất liệu thiên thần.

232. This means that their throat center will become activated. Man, as he advances, will no longer become the plaything of the devas and lesser lives.

232. Điều này có nghĩa là trung tâm cổ họng của họ sẽ được hoạt hóa. Con người, khi tiến bộ, sẽ không còn trở thành món đồ chơi của các thiên thần và các sự sống nhỏ bé nữas.

In the initial stages, therefore, of their dissociation from a passive attitude, there will be found a revolt against law and order, a refusal to be governed, and an ability evidenced to follow out an individual concept at the expense of the group, great or small.

Vì vậy, trong những giai đoạn đầu của sự tách rời khỏi thái độ thụ động, sẽ thấy có một sự nổi loạn chống lại luật pháp và trật tự, một sự từ chối bị cai quản, và một khả năng được biểu lộ là theo đuổi một quan niệm cá nhân với cái giá phải trả của tập thể, dù lớn hay nhỏ.

233. DK offers a certain assessment of an inevitable stage of the process--rebellion.

233. Chân sư DK đưa ra một sự đánh giá nhất định về một giai đoạn tất yếu của tiến trình—sự nổi loạnn.

234. The sequence seems to be: passivity—rebellion—conformity (to higher or spiritual requirements).

234. Trình tự dường như là: thụ động—nổi loạn—tuân hợp (với các đòi hỏi cao hơn hay tinh thần).

235. In the stage under discussion, it seems that one becomes an 'outlaw'.

235. Trong giai đoạn đang được bàn đến, dường như người ta trở thành một kẻ "ngoài vòng pháp luật".

236. The personality at some stage always rebels against the soul and the individual against the group.

236. Phàm ngã ở một giai đoạn nào đó luôn nổi loạn chống lại linh hồn và cá nhân chống lại nhóm.

This apparent defect, evolution itself and experience will remedy, and as the consciousness becomes alive to higher vibrations the man will become aware of the purpose and plan of the Intelligence of his group.

Khuyết điểm bề ngoài này, chính tiến hoá và kinh nghiệm sẽ sửa chữa, và khi tâm thức trở nên sống động trước các rung động cao hơn, con người sẽ nhận biết mục đích và Thiên Cơ của Trí Tuệ của nhóm mình.

237. Correction is built into the evolutionary process.

237. Sự điều chỉnh được tích hợp sẵn trong tiến trình tiến hoán.

238. DK calls the rebellious attitude an "apparent defect" because He knows that it is an inevitable and temporary part of the evolutionary process.

238. Chân sư DK gọi thái độ phản nghịch là một "khuyết điểm bề ngoài" vì Ngài biết rằng đó là một phần tất yếu và tạm thời của tiến trình tiến hoán.

239. Pain and the inevitable sensitization that it brings will also render the man more capable to cooperation with the group.

239. Đau khổ và sự nhạy cảm hoá tất yếu mà nó mang lại cũng sẽ khiến con người có khả năng hợp tác với nhóm nhiều hơnm.

He will awaken to the beauty of that plan and will begin to submerge his own interests in the greater, and to co-operate intelligently.

Y sẽ thức tỉnh trước vẻ đẹp của Thiên Cơ ấy và sẽ bắt đầu dìm lợi ích riêng của mình vào trong điều lớn lao hơn, và hợp tác một cách thông minh.

240. What is suggested is that the realization of beauty translates into self-discipline. Perhaps intelligent artists understand this.

240. Điều được gợi ý ở đây là sự chứng nghiệm về cái đẹp chuyển thành tự kỷ luật. Có lẽ các nghệ sĩ thông minh hiểu điều này.

241. Every evolving human being must learn how to submerge the lesser in the greater.

241. Mỗi con người đang tiến hoá đều phải học cách dìm cái nhỏ hơn vào trong cái lớn hơn.

The creative power which had before been of a separative nature will be offered as a willing sacrifice to the greater energy,

Quyền năng sáng tạo vốn trước đây mang bản chất phân ly sẽ được hiến dâng như một sự hi sinh tự nguyện cho năng lượng lớn lao hơn,

242. The story is ever the same; the part sacrifices for the whole—eventually.

242. Câu chuyện luôn vẫn như vậy; bộ phận hi sinh cho toàn thể—rốt cuộc là thế.

and his small plans and ideas will be merged in the greater ones. He will no longer, however, be a passive unit, **swept** hither and thither by the energy of his group,

và những kế hoạch cùng ý tưởng nhỏ bé của y sẽ được hoà nhập vào những điều lớn lao hơn. Tuy nhiên, y sẽ không còn là một đơn vị thụ động, bị **cuốn** hết nơi này đến nơi khác bởi năng lượng của nhóm mình,

243. Man, himself, passes through long periods when he is analogous to an elemental life. He is unconsciously "swept" by greater forces, and in general by the energy of his group.

243. Chính con người cũng trải qua những thời kỳ dài khi tương tự như một sự sống hành khí. Y bị các mãnh lực lớn hơn "cuốn đi" một cách vô thức, và nói chung là bởi năng lượng của nhóm mình.

244. The use of the word "swept" is graphic and appears throughout the teaching when this type of dynamic is being described. The suggestion is predominantly that the entity or unit that is swept has no control over the direction in which it is moved nor of the degree of force with which it is moved in that direction.

244. Việc dùng từ "cuốn đi" rất sinh động và xuất hiện xuyên suốt giáo huấn khi loại động lực này được mô tả. Gợi ý chủ yếu là thực thể hay đơn vị bị cuốn đi không có quyền kiểm soát đối với hướng mà nó bị di chuyển đến, cũng không kiểm soát được mức độ mãnh lực khiến nó bị đẩy theo hướng đó.

"Amid the whirling forces, I stand confused. I know them not, for, during all my past, **they swept me up and down the land** wherein I moved, blinded and unaware. From place to place and point to point, they drove me up and down the land and nowhere was there rest.

"Giữa những mãnh lực xoáy cuộn, tôi đứng trong hoang mang. Tôi không biết chúng, vì trong suốt quá khứ của tôi, **chúng đã cuốn tôi lên xuống khắp miền đất** nơi tôi di chuyển, mù quáng và không hay biết. Từ nơi này sang nơi khác và từ điểm này sang điểm khác, chúng xua đuổi tôi lên xuống khắp miền đất và chẳng nơi nào có sự nghỉ ngơi.

I know them now and here I stand and will not move until I know the Law which governs all this movement up and down the land. I may revolve and turning face the many different ways; I face some wide horizons and yet today I stand.

Giờ đây tôi biết chúng và ở đây tôi đứng, và sẽ không chuyển động cho đến khi tôi biết Định luật chi phối mọi chuyển động lên xuống khắp miền đất này. Tôi có thể quay vòng và khi xoay chuyển thì đối diện nhiều con đường khác nhau; tôi đối diện những chân trời rộng lớn và tuy vậy hôm nay tôi vẫn đứng.

I will determine for myself the way to go. Then onward I will move. I will not travel up and down the land nor turn in space. But onward I will move." (EA 20)

Tôi sẽ tự mình quyết định con đường phải đi. Rồi tôi sẽ tiến bước. Tôi sẽ không đi lên xuống khắp miền đất cũng không xoay chuyển trong không gian. Mà tôi sẽ tiến về phía trước." (EA 20)

but will become a positive, active potent force, **self-immolated** through intelligent recognition of the greater plan.

mà sẽ trở thành một mãnh lực tích cực, năng động, mạnh mẽ, **tự hiến thiêu** nhờ sự nhận biết thông minh về Thiên Cơ lớn lao hơn.

245. Thus the destiny of man is described in arresting terms—abstractly, in terms of energy.

245. Như thế, định mệnh của con người được mô tả bằng những thuật ngữ đầy ấn tượng—một cách trừu tượng, bằng những thuật ngữ của năng lượng.

246. Self-immolation is usually the way of release followed by those whose souls are focused on the sixth ray, but the terms has general applicability as well.

246. Tự hiến thiêu thường là con đường giải thoát được theo bởi những người có linh hồn tập trung trên cung sáu, nhưng thuật ngữ này cũng có tính áp dụng tổng quátt.

247. It is always that mistaken notion of identity called the "lower self" which must be immolated. The true Self *is* fire and is the cause of self-immolation.

247. Luôn luôn chính quan niệm sai lầm về bản sắc được gọi là "phàm ngã" phải bị hiến thiêu. Chân Ngã đích thực *là* lửa và là nguyên nhân của sự tự hiến thiêuu.

He will become alive to the fact that there are living [Page 930] forces in nature.

Y sẽ trở nên sống động trước sự kiện rằng có những mãnh lực sống động trong bản chất [Page 930].

248. And not only so-called "blind forces"…

248. Và không chỉ là những "mãnh lực mù quáng" như người ta vẫn gọi…

As the greater energy thrills through him, his own latent powers are awakened.

Khi năng lượng lớn hơn rung động xuyên qua y, các quyền năng tiềm ẩn của chính y được đánh thức.

249. The greater energy awakens the lesser. This is why we must put ourselves in touch with that which is greater. Our faculties will be awakened.

249. Năng lượng lớn hơn đánh thức năng lượng nhỏ hơn. Đây là lý do vì sao chúng ta phải đặt mình vào tiếp xúc với điều lớn lao hơn. Các năng lực của chúng ta sẽ được đánh thức.

He sees and knows the deva forces and can consequently work with them intelligently.

Y thấy và biết các mãnh lực thiên thần và do đó có thể làm việc với chúng một cách thông minh.

250. So far, much so-called 'work' undertaken with the devas is *blind* engagement and, therefore, dangerous.

250. Cho đến nay, phần lớn cái gọi là "công việc" được thực hiện với các thiên thần là sự dấn thân *mù quáng* và vì thế rất nguy hiểm.

Some he will control and manipulate, with others he will co-operate, and others still he will obey.

Một số y sẽ kiểm soát và vận dụng, với một số khác y sẽ hợp tác, và còn những vị khác nữa thì y sẽ vâng lời.

251. This is one of the great statements in the Teaching regarding man's relation to the devas.

251. Đây là một trong những phát biểu lớn của Giáo Huấn liên quan đến mối quan hệ của con người với các thiên thần.

252. Man is to control the elementals—the elemental forces of nature. He is, probably, to learn how to control some of the lower manipulating devas and cooperate with those which are equally intelligent and experienced as he. And there are certain great deva Lives which man must simply obey. The "Transmitters of the Word" certainly come into this category.

252. Con người phải kiểm soát các hành khí —các mãnh lực hành khí của bản chất. Có lẽ y phải học cách kiểm soát một số thiên thần điều khiển thấp hơn và hợp tác với những vị có trí tuệ và kinh nghiệm ngang bằng với mình. Và có những Sự Sống thiên thần vĩ đại nào đó mà con người đơn giản phải vâng lời. Các "Đấng Truyền Đạt Linh từ" chắc chắn thuộc vào loại này.

253. Before we can accurately assess the devic lives which man must control, or with which he must cooperate, or which he must obey, we have to know a lot more about the nature, scope and variety of such lives. Modern man's effective study of the deva kingdom is relatively in its infancy.

253. Trước khi chúng ta có thể đánh giá chính xác các sự sống thiên thần mà con người phải kiểm soát, hay phải hợp tác cùng, hay phải vâng lời, chúng ta phải biết nhiều hơn nữa về bản chất, phạm vi và sự đa dạng của các sự sống như thế. Việc nghiên cứu

hữu hiệu của con người hiện đại về giới thiên thần còn tương đối ở thời kỳ sơ khai.

It is in the realisation of these facts anent deva substance, the power of sound, the law of vibration, and the ability to produce forms in conformity with law, that the true magician can be seen.

Chính trong sự chứng nghiệm các sự kiện này liên quan đến chất liệu thiên thần, quyền năng của âm thanh, định luật rung động, và khả năng tạo ra các hình tướng phù hợp với định luật, mà nhà huyền thuật chân chính có thể được nhận ra.

254. We are speaking of that which makes the true magician. Let us tabulate for clarity and impact:

254. Chúng ta đang nói về điều làm nên nhà huyền thuật chân chính. Hãy liệt kê để rõ ràng và gây ấn tượng:

255. The true magician must—

255. Nhà huyền thuật chân chính phải—

a. Realize certain necessary facts anent deva substance

a. Chứng nghiệm một số sự kiện cần thiết liên quan đến chất liệu thiên thần

b. Realize the power of sound and what may be called the 'laws of sound'

b. Chứng nghiệm quyền năng của âm thanh và điều có thể được gọi là 'các định luật của âm thanh'

c. Realize the nature of the Law of Vibration

c. Chứng nghiệm bản chất của Định luật Rung động

d. Possess the ability to produce forms in conformity with law

d. Sở hữu khả năng tạo ra các hình tướng phù hợp với định luật

256. These are just a few of the requirements.

256. Đây chỉ là một vài trong các yêu cầu.

Herein too lies one of the distinctions to be found between magicians of the Good Law, and those of the Left-hand Path.

Ở đây cũng có một trong những điểm phân biệt giữa các nhà huyền thuật của Chánh đạo và những kẻ thuộc tả đạo.

257. Distinctions between these two types of workers—workers with matter/form and workers principally polarized in Spirit/soul, are frequently given by DK. When we are learning to "play with fire", He wants to be assured that we know the dangers involved.

257. Những điểm phân biệt giữa hai loại người hoạt động này—những người hoạt động với vật chất/hình tướng và những người chủ yếu phân cực trong tinh thần/linh hồn—thường được Chân sư DK nêu ra. Khi chúng ta đang học cách "đùa với lửa", Ngài

muốn bảo đảm rằng chúng ta biết những hiểm nguy liên quan.

A white magician can control and manipulate deva substance, and he proceeds to do it through an intelligent co-operation with the greater builders. Owing to the purity and holiness of his life, and the height of his own vibration, he can contact them in some one or other of their grades.

Nhà huyền thuật chánh đạo có thể kiểm soát và vận dụng chất liệu thiên thần, và y tiến hành làm điều đó thông qua sự hợp tác thông minh với các đấng đại kiến tạo. Nhờ sự thanh khiết và thiêng liêng của đời sống y, và độ cao của rung động riêng của y, y có thể tiếp xúc với các vị ấy ở cấp bậc này hay cấp bậc khác của các vị.

258. The white magician can certainly control all manner of deva substance but he does so through intelligent cooperation with the greater builders.

258. Nhà huyền thuật chánh đạo chắc chắn có thể kiểm soát mọi loại chất liệu thiên thần nhưng y làm điều đó thông qua sự hợp tác thông minh với các đấng đại kiến tạo.

259. While the white magician can contact the greater builders (because he is qualified to do so) the black magician cannot.

259. Trong khi nhà huyền thuật chánh đạo có thể tiếp xúc với các đấng đại kiến tạo (vì y đủ tư cách để làm vậy) thì nhà hắc thuật không thể.

The magician of the shadows

Nhà huyền thuật của bóng tối

260. This term suggests that such magicians can work effectively on the systemic etheric plane, the realm of the "shadows".

260. Thuật ngữ này gợi ý rằng các nhà huyền thuật như thế có thể hoạt động hữu hiệu trên cõi dĩ thái của hệ thống, lĩnh vực của những "bóng tối".

261. The term "shadows", however, when extended, suggests *all* that transpires upon and within the lower eighteen subplanes.

261. Tuy nhiên, thuật ngữ "bóng tối", khi được mở rộng, gợi ý *mọi* điều diễn ra trên và trong mười tám cõi phụ thấp hơn.

controls and manipulates deva substance on the astral and physical plane and on the lower levels of the mental plane

kiểm soát và vận dụng chất liệu thiên thần trên cõi cảm dục và cõi hồng trần và trên các cấp thấp của cõi trí

262. Only with the lower three worlds…

262. Chỉ với ba cõi thấp hơn…

through the force of his own vibration and knowledge, but **not through co-operation** with the directing builders.

thông qua mãnh lực của rung động và tri thức riêng của y, nhưng **không thông qua sự hợp tác** với các đấng kiến tạo chỉ đạo.

263. The black magician is, as it were, interrupting the natural chain of command. He is selfishly intervening in an otherwise integrated process for the sake of fulfilling *his own* desires, which are separative and uncooperative.

263. Nhà hắc thuật, có thể nói như vậy, đang làm gián đoạn chuỗi mệnh lệnh tự nhiên. Y ích kỷ can thiệp vào một tiến trình vốn dĩ đã được tích hợp để hoàn thành những ham muốn *riêng của y*, vốn có tính phân ly và không hợp tác.

He cannot contact them, as his character is impure through selfishness, and his vibration is too low; his power therefore is limited and destructive, yet immense within certain restrictions.

Y không thể tiếp xúc với các vị ấy, vì Tính cách của y ô uế bởi tính ích kỷ, và rung động của y quá thấp; do đó quyền năng của y bị giới hạn và có tính phá hoại, tuy vậy vẫn rất lớn trong những giới hạn nhất định.

264. The limitations of the black magician are given. His own impurity, selfness and insufficiently rapid vibration prevent him from contacting the greater builders.

264. Những giới hạn của nhà hắc thuật đã được nêu ra. Chính sự ô uế, tính ích kỷ và rung động chưa đủ nhanh của y ngăn y tiếp xúc với các đấng đại kiến tạo.

265. However, his power is not to be underestimated "within certain restrictions". He works, apparently, entirely within the three lower worlds and has particular interest in the matter inherited from the previous solar system—unprincipled dense physical matter.

265. Tuy nhiên, không nên đánh giá thấp quyền năng của y "trong những giới hạn nhất định". Hiển nhiên y hoạt động hoàn toàn trong ba cõi thấp và đặc biệt quan tâm đến vật chất được thừa hưởng từ hệ mặt trời trước—vật chất hồng trần đậm đặc vô nguyên khít.

The devas of the etheric doubles fall into two groups.

Các thiên thần của các bản sao dĩ thái thuộc vào hai nhóm.

266. As we enter this discussion, we must keep constantly in mind the need to differentiate between lesser devas and elementals (some of whom can be called "elementals" and, those who are merely "building essence".

266. Khi bước vào cuộc thảo luận này, chúng ta phải luôn ghi nhớ nhu cầu phân biệt giữa các thiên thần thấp hơn và các hành khí (một số trong đó có thể được gọi là "elementals") và những vị chỉ đơn thuần là "tinh chất kiến tạo".

267. We are now going to speak principally of the "devas of the etheric doubles" and must not confuse them with elemental builders who work *within* the dense physical

267. Giờ đây chúng ta sẽ nói chủ yếu về "các thiên thần của các bản sao dĩ thái" và không được nhầm lẫn họ với các hành khí kiến tạo hoạt động *trong* các cõi phụ hồng trần đậm

subplanes—dense-dense, liquid-dense and gaseous-dense.

đặc—đậm đặc-đậm đặc, lỏng-đậm đặc và khí-đậm đặc.

They are those who are the **lesser builders**, and who, **under direction from the greater builders**,

Họ là những **vị tiểu kiến tạo**, và những vị này, **dưới sự chỉ đạo của các đấng đại kiến tạo**,

268. In this discussion we are, essentially, discriminating between lesser builders and greater builders.

268. Trong cuộc thảo luận này, về cơ bản chúng ta đang phân biện giữa các vị tiểu kiến tạo và các đấng đại kiến tạo.

form the etheric doubles of all that can be seen and all that is tangible on the dense physical plane.

tạo thành các bản sao dĩ thái của mọi thứ có thể thấy được và mọi thứ có thể sờ chạm được trên cõi hồng trần đậm đặc.

269. Let us again recall our discussion of three principal types of devas—

269. Hãy một lần nữa nhớ lại cuộc thảo luận của chúng ta về ba loại thiên thần chính—

a. Devas who are "Transmitters of the Word"

a. Các thiên thần là "Đấng Truyền Đạt Linh từ"

b. Devas who are “Transmitters of Prana”

b. Các thiên thần là “Đấng Truyền Đạt Prana”

c. Devas (or lesser builders) who form the etheric doubles of all that Cancer be seen. Our question will revolve around the degree of passivity of such lesser devas and their degree of intelligence (even if it is unconscious intelligence).

c. Các thiên thần (hay các vị tiểu kiến tạo) tạo thành các bản sao dĩ thái của mọi thứ có thể được nhìn thấy. Câu hỏi của chúng ta sẽ xoay quanh mức độ thụ động của các thiên thần thấp hơn như thế và mức độ trí tuệ của họ (ngay cả nếu đó là trí tuệ vô thức).

270. The devas who *form* the etheric doubles should not be called “building essence” or passive substance. They are formulators rather than passive lives.

270. Các thiên thần *tạo thành* các bản sao dĩ thái không nên được gọi là “tinh chất kiến tạo” hay chất liệu thụ động. Họ là những vị tạo lập công thức hơn là những sự sống thụ động.

They exist in vast hosts and are omnipresent; they gather and build the material needed to form the etheric double of everything,

Họ tồn tại thành những đạo quân rộng lớn và hiện diện khắp nơi; họ tập hợp và xây dựng vật liệu cần thiết để tạo thành bản sao dĩ thái của mọi sự vật, và họ làm điều này dưới những

and they do this under certain laws and work under certain restrictions.

271. There is an important distinction here. These lesser builders "gather and build the needed material". They are not entirely passive. The "needed material" is passive and elemental essence. It is "building essence"-

272. This section of text has allowed us to discriminate between such devas and the passive substantial lives (the "material") which they gather and build into form.

273. We gather the impression that they are extremely numerous and not at all individual. They are subjected to group life and group law.

274. They do work under law and restriction. The planet Saturn will be important in relation to them.

They are called in occult phraseology **"the listening devas,"** for they are the ones who pick up that particular note and tone from the transmitters of [Page 931] the physical plane sound **which is needed to gather the substance for any intended material form**.

275. Via activity on the etheric plane, the dense physical substance (in its three grades) is magnetically gathered.

276. These "listening devas" seem to have a particular relation to the "transmitters of the physical plane sound"—presumably, a high group of devas. Such transmitters are related to the first ray and these "listening devas" to the third ray. Rays three and one

định luật nhất định và hoạt động dưới những giới hạn nhất định.

271. Ở đây có một sự phân biệt quan trọng. Những vị tiểu kiến tạo này "tập hợp và xây dựng vật liệu cần thiết". Họ không hoàn toàn thụ động. "Vật liệu cần thiết" là thụ động và là tinh chất hành khí. Nó là "tinh chất kiến tạo"—

272. Phần văn bản này đã cho phép chúng ta phân biện giữa các thiên thần như thế và các sự sống chất liệu thụ động (tức "vật liệu") mà họ tập hợp và xây dựng thành hình tướng.

273. Chúng ta có ấn tượng rằng họ cực kỳ đông đảo và hoàn toàn không có tính cá thể. Họ chịu sự chi phối của sự sống nhóm và quy luật nhóm.

274. Họ thực sự hoạt động dưới định luật và giới hạn. Hành tinh Sao Thổ sẽ quan trọng trong mối liên hệ với họ m.

Trong cụm từ thần bí huyền bí học, họ được gọi là **"Thien thần lắng nghe,"** vì họ là những vị tiếp nhận âm điệu và thanh âm đặc thù ấy từ các đấng truyền đạt âm thanh cõi hồng trần [Page 931] **vốn cần thiết để tập hợp chất liệu cho bất kỳ hình tướng vật chất dự định nào**.

275. Thông qua hoạt động trên cõi dĩ thái, chất liệu hồng trần đậm đặc (trong ba cấp của nó) được tập hợp bằng từ tính.

276. Những "Thien thần lắng nghe" này dường như có một mối liên hệ đặc biệt với các "đấng truyền đạt âm thanh cõi hồng trần"—có lẽ là một nhóm thiên thần cao. Những đấng truyền đạt như thế liên hệ với cung một và những "Thien thần lắng nghe"

are always reciprocally related being along the same line.

này liên hệ với cung ba. Cung ba và cung một luôn liên hệ hỗ tương vì cùng nằm trên một đường.

277. The “listening devas” are elementals but are not “elemental essence”, “building essence”, “passive lives”, “material”.

277. Các “Thiên thần lắng nghe” là các hành khí nhưng không phải là “tinh chất hành khí”, “tinh chất kiến tạo”, “các sự sống thụ động”, hay “vật liệu”.

278. Saturn, we know, is the principal ray three planet and is peculiarly related to the sense of hearing which allows a human being, for instance, to locate himself in space —a very Saturnian act.

278. Như chúng ta biết, Sao Thổ là hành tinh cung ba chủ yếu và có liên hệ đặc biệt với giác quan thính giác, vốn cho phép chẳng hạn một con người định vị mình trong không gian—một hoạt động rất mang tính Sao Thổn.

279. If the listening devas do not receive the needed note or tone from the transmitters, they cannot “gather the substance for any intended material form”.

279. Nếu các Thiên thần lắng nghe không nhận được âm điệu hay thanh âm cần thiết từ các đấng truyền đạt, họ không thể “tập hợp chất liệu cho bất kỳ hình tướng vật chất dự định nào”.

280. We know that the sense of hearing is the first sense to emerge, and so it is correspondentially fitting that this *first* and lowest group of devas be related to the first and lowest sense.

280. Chúng ta biết rằng thính giác là giác quan đầu tiên xuất hiện, và vì thế theo định luật tương ứng, thật thích hợp khi nhóm thiên thần tương ứng *đầu tiên* và thấp nhất này lại liên hệ với giác quan đầu tiên và thấp nhấtn.

Again, they are spoken of as "having ears but seeing not."

Một lần nữa, họ được nói đến như là "có tai mà không thấy."

281. The sense of sight emerges only long after the sense of hearing.

281. Thị giác chỉ xuất hiện rất lâu sau thính giác.

They work in close co-operation with the elementals of the dense physical body [who may or may not be *etheric* devas but who live in or “exist in” the three subplanes of density].

Họ hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ với các hành khí của thể xác đậm đặc [những vị này có thể hoặc không thể là các thiên thần *dĩ thái* nhưng sống trong hay “tồn tại trong” ba cõi phụ của sự đậm đặc].

282. Presumably, the elementals of the dense physical body are a lower form of building life than the “listening devas”..

282. Có lẽ các hành khí của thể xác đậm đặc là một hình thức sự sống kiến tạo thấp hơn so với các “Thien thần lắng nghe”..

283. We have to keep these two types of elemental builders separate—those working in the ethers (“listening devas”) and those working *in* dense physical matter—in its three states (“seeing elementals”). Notice here the contrast between listening *devas* and seeing *elementals.*

283. Chúng ta phải giữ riêng hai loại hành khí kiến tạo này—những vị hoạt động trong các dĩ thái (“Thien thần lắng nghe”) và những vị hoạt động *trong* vật chất hồng trần đậm đặc—trong ba trạng thái của nó (“hành khí thấy”). Hãy lưu ý ở đây sự tương phản giữa các *thiên thần* lắng nghe và các *hành khí thấy.*

284. We have to proceed carefully here because the elementals of the dense physical plane are *not* substance (or elemental essence), per se. They have a kind of building, devic function in relation to substance as we shall see below.

284. Chúng ta phải tiến hành cẩn thận ở đây vì các hành khí của cõi hồng trần đậm đặc *không* phải là chất liệu (hay tinh chất hành khí), chính [nó/chúng]. Chúng có một loại chức năng kiến tạo, thiên thần tính nào đó liên hệ với chất liệu như chúng ta sẽ thấy bên dưới.

This second group [the elementals of the dense physical body] are spoken of as the "**seeing elementals**," for **they exist in matter of the three lower subplanes** and can therefore see on the objective plane **in the occult sense** which always implies an analogy between sight and knowledge.

Nhóm thứ hai này [các hành khí của thể xác đậm đặc] được gọi là "**hành khí thấy**," vì **chúng tồn tại trong vật chất của ba cõi phụ thấp hơn** và do đó có thể thấy trên cõi khách quan **theo nghĩa huyền bí**, điều luôn hàm ý một sự tương đồng giữa thị giác và tri thức.

285. We are to infer that the “listening devas” work etherically, but that the “seeing elementals” work *within* the three dense physical subplanes. If this is true, it is an important distinction.

285. Chúng ta phải suy ra rằng các “Thien thần lắng nghe” hoạt động một cách dĩ thái, còn các “hành khí thấy” thì hoạt động *trong* ba cõi phụ hồng trần đậm đặc. Nếu điều này đúng, đó là một sự phân biệt quan trọng.

286. We shall definitely have to understand whether the words “exist in” means that these “seeing elementals” *are* dense physical entities and *not* etheric builders, or whether

286. Chúng ta chắc chắn sẽ phải hiểu liệu các từ “tồn tại trong” có nghĩa là các “hành khí thấy” này *là* các thực thể hồng trần đậm đặc và *không* phải là các đấng kiến tạo dĩ thái,

they are *etheric builders* who can still, somehow, "exist in" matter of the lower three subplanes. As we read ahead, we shall see why this question is of real consequence.

hay liệu chúng là các *đấng kiến tạo dĩ thái* mà bằng cách nào đó vẫn có thể "tồn tại trong" vật chất của ba cõi phụ thấp hơn. Khi đọc tiếp, chúng ta sẽ thấy vì sao câu hỏi này có hậu quả thực sự.

287. The sense in which the elementals of the dense physical body are "seeing elementals" is an "occult" sense. They do not literally 'see', but have the capacity to function on those subplanes—the lowest systemic three.

287. Ý nghĩa theo đó các hành khí của thể xác đậm đặc là "hành khí thấy" là một nghĩa "huyền bí". Chúng không thực sự 'thấy' theo nghĩa đen, nhưng có khả năng hoạt động trên các cõi phụ ấy—ba cõi thấp nhất của hệ thống.

288. There is always an analogy between sight and knowledge. It was only as pre-individualized animal man was individualized, that he began also to see.

288. Luôn luôn có một sự tương đồng giữa thị giác và tri thức. Chỉ khi người thú tiền biệt ngã hóa được biệt ngã hóa, y mới bắt đầu thấyn.

289. We note that these "elementals " are builders who build but are not 'built into'.

289. Chúng ta lưu ý rằng các "hành khí" này là những đấng kiến tạo biết xây dựng nhưng không bị 'xây vào'.

The "listening builders" [also called "listening devas"] gather the material;

Các "đấng kiến tạo lắng nghe" [cũng được gọi là "Thien thần lắng nghe"] tập hợp vật liệu;

290. They are called, then, both "listening devas" and "listening builders".

290. Như vậy, họ được gọi bằng cả hai tên "Thien thần lắng nghe" và "đấng kiến tạo lắng nghe".

291. It is interesting that the first way a human being contacts the soul is through the sense of hearing—for instance, hearing the voice of conscience.

291. Điều thú vị là cách đầu tiên một con người tiếp xúc với linh hồn là thông qua thính giác—chẳng hạn, nghe tiếng nói của lương tâm.

the "seeing elementals" take **that gathered material**, and **build it** into any specific form.

các "hành khí thấy" lấy **vật liệu đã được tập hợp ấy**, và **xây dựng nó** thành bất kỳ hình tướng đặc thù nào.

292. So we see, that the "seeing elementals" are also "builders". We must link sight, the second ray and the power to build—a capacity of the second ray.

292. Như vậy chúng ta thấy rằng các "hành khí thấy" cũng là những "đấng kiến tạo". Chúng ta phải liên kết thị giác, cung hai và

quyền năng xây dựng—một năng lực của cung hai.

293. It seems necessary to distinguish between elementals and elemental essence (which is the "material" to be gathered), just as it is necessary to distinguish between devas and elementals (though the terminological overlap is not always utterly clean).

293. Dường như cần phải phân biệt giữa các hành khí và tinh chất hành khí (vốn là "vật liệu" cần được tập hợp), cũng như cần phải phân biệt giữa các thiên thần và các hành khí (mặc dù sự chồng lấn thuật ngữ không phải lúc nào cũng hoàn toàn rạch ròi).

294. Thus, as it appears, elementals of all kinds are builders; and "material" (i.e., substance, elemental essence, even monadic essence) is *built* into form by the builders.

294. Như vậy, theo như có vẻ, các hành khí thuộc mọi loại đều là những đấng kiến tạo; còn "vật liệu" (tức chất liệu, tinh chất hành khí, thậm chí tinh chất chân thần) được các đấng kiến tạo *xây* vào hình tướng.

295. Elemental essence or "material" could, conceivably, be called "passive elemental lives", but we must proceed carefully when attempting to make the necessary differentiations.

295. Tinh chất hành khí hay "vật liệu" có thể, theo giả định, được gọi là "các sự sống hành khí thụ động", nhưng chúng ta phải tiến hành cẩn thận khi cố gắng tạo ra những sự phân biệt cần thiết.

296. We see why these distinctions are so important. There are in frequent use a number of similar terms which have distinctly different meanings.

296. Chúng ta thấy vì sao những sự phân biệt này lại quan trọng đến thế. Có một số thuật ngữ tương tự được dùng thường xuyên nhưng lại có những ý nghĩa khác biệt rõ rệt.

297. Both elementals and devas are builders, but devas appear to be higher than elementals; elementals are lower builders, and elemental essence is *built*.

297. Cả hành khí lẫn thiên thần đều là những đấng kiến tạo, nhưng thiên thần dường như cao hơn hành khí; hành khí là những vị tiểu kiến tạo thấp hơn, còn tinh chất hành khí thì được *xây vào*.

They [the "seeing elementals", presumably] exist in many groups according to their point in evolution, and some of them might be tabulated as follows:

Chúng [có lẽ là các "hành khí thấy"] tồn tại trong nhiều nhóm theo điểm tiến hoá của chúng, và một số trong đó có thể được liệt kê như sau:

298. We are speaking of the elemental builders of the dense physical plane, of those *who exist in matter of the three lowest subplanes*. Yet, are they fundamentally

298. Chúng ta đang nói về các hành khí kiến tạo của cõi hồng trần đậm đặc, về những vị *tồn tại trong vật chất của ba cõi phụ thấp nhất*. Tuy nhiên, về căn bản, liệu chúng có

etheric (building etheric doubles also) as well as working within the densest subplanes and upon the building of the dense physical form?

299. Since we are in a section discussing "etheric builders" we must hesitate to consider them only as densely physical entities.

300. There follows a sixfold tabulation (even sevenfold) and it seems to concern the building of the etheric vehicles of various beings and objects. Much of our interpretation will depend on how we regard "elementals of the dense physical body". In light of the way this tabulation is structured, it seems wisest to regard them as those who build the etheric mould upon which the dense physical body is formed, and not to regard them *only* a entities who do no etheric building and are dense physical entities only.

1. <u>The builders of the human vehicle.</u>

<u>This is the highest group of lesser builders</u> [elemental builders rather than deva builders], who are highly specialised. These will be dealt with somewhat in detail later.

301. We appear to be speaking of the "lesser builders" who work specifically *within* the systemic dense physical substance in its three grades—dense, liquid and gaseous. Yet, apparently, though *existing in* dense physical matter, they are also building the etheric forms upon which the dense physical vehicle is structured.

phải là dĩ thái (cũng xây dựng các bản sao dĩ thái) đồng thời hoạt động trong các cõi phụ đậm đặc nhất và trên việc xây dựng hình tướng hồng trần đậm đặc hay không?

299. Vì chúng ta đang ở trong một phần bàn về "các đấng kiến tạo dĩ thái", chúng ta phải ngần ngại khi chỉ xem chúng như những thực thể hồng trần đậm đặc.

300. Tiếp theo là một bảng liệt kê lục phân (thậm chí thất phân) và dường như nó liên quan đến việc xây dựng các vận cụ dĩ thái của nhiều loại hữu thể và sự vật khác nhau. Phần lớn sự diễn giải của chúng ta sẽ tùy thuộc vào cách chúng ta nhìn nhận "các hành khí của thể xác đậm đặc". Xét theo cách bảng liệt kê này được cấu trúc, dường như khôn ngoan nhất là xem chúng như những vị xây dựng khuôn dĩ thái mà trên đó thể xác đậm đặc được hình thành, chứ không xem chúng *chỉ* như những thực thể không thực hiện việc xây dựng dĩ thái nào và chỉ là những thực thể hồng trần đậm đặc mà thôi.

1. <u>Các đấng kiến tạo của vận cụ con người.</u>

<u>Đây là nhóm cao nhất của các vị tiểu kiến tạo</u> [các hành khí kiến tạo hơn là các thiên thần kiến tạo], những vị này có tính chuyên môn hóa rất cao. Những vị này sẽ được bàn đến phần nào chi tiết hơn về sau.

301. Dường như chúng ta đang nói về các "vị tiểu kiến tạo" hoạt động đặc biệt *trong* chất liệu hồng trần đậm đặc của hệ thống trong ba cấp của nó—đậm đặc, lỏng và khí. Tuy nhiên, hiển nhiên là dù *tồn tại trong* vật chất hồng trần đậm đặc, chúng cũng đang xây dựng các hình tướng dĩ thái mà trên đó vận cụ hồng trần đậm đặc được cấu trúc.

302. We are not speaking of ***all*** lesser builders (found also on the astral plane and mental plane), but specifically of those who work within the lowest three systemic subplanes and upon the etheric counterparts of the structures found on those lowest subplanes..

302. Chúng ta không nói về ***mọi*** vị tiểu kiến tạo (cũng được tìm thấy trên cõi cảm dục và cõi trí), mà nói riêng về những vị hoạt động trong ba cõi phụ thấp nhất của hệ thống và trên các đối phần dĩ thái của các cấu trúc được tìm thấy trên những cõi phụ thấp nhất ấy..

303. Within the three lower worlds, the human being is the macrocosm for the three lower kingdoms. The lesser builders of the human vehicle, (in this case, those "seeing elementals" who work in relation to the dense physical body of the human being and also, we cannot help but infer, in relation to the human etheric vehicle) are naturally higher than those who work as builders in relation to the lower three kingdoms.

303. Trong ba cõi thấp, con người là đại thiên địa đối với ba giới thấp. Các vị tiểu kiến tạo của vận cụ con người, (trong trường hợp này là những "hành khí thấy" hoạt động liên hệ với thể xác đậm đặc của con người và đồng thời, như chúng ta không thể không suy ra, liên hệ với vận cụ dĩ thái của con người) dĩ nhiên cao hơn những vị hoạt động như các đấng kiến tạo liên hệ với ba giới thấp hơn.

304. We must remember (no matter how often DK refers to the dense physical subplanes), that we are in a section dealing with *etheric builders,* so the building of *two* kinds of vehicles seems to be under discussion—the building of etheric doubles and the building of dense physical forms.

304. Chúng ta phải nhớ rằng (dù Chân sư DK thường nhắc đến các cõi phụ hồng trần đậm đặc đến đâu), chúng ta đang ở trong một phần bàn về các *đấng kiến tạo dĩ thái,* vì vậy việc kiến tạo *hai* loại vận cụ dường như đang được bàn đến—việc xây dựng các bản sao dĩ thái và việc xây dựng các hình tướng hồng trần đậm đặcs.

305. Thus, when the human vehicle is discussed, it appears that it is not only the densest portion of that vehicle but also the etheric portion.

305. Vì vậy, khi vận cụ con người được bàn đến, dường như điều đó không chỉ là phần đậm đặc nhất của vận cụ ấy mà còn cả phần dĩ thái.

306. In the foregoing text, there is considerable ambiguity concerning etheric building vs. building upon the dense physical planes.

306. Trong đoạn văn trước đó, có sự mơ hồ đáng kể liên quan đến việc kiến tạo dĩ thái so với việc kiến tạo trên các cõi hồng trần đậm đặcs.

2. The builders of the forms in the three kingdoms of nature in their two divisions.

2. Các đấng kiến tạo những hình tướng trong ba giới của bản chất trong hai phân bộ của chúng.

307. We continue to speak of builders of dense physical forms and, it would seem, of etheric forms.

307. Chúng ta tiếp tục nói về các đấng kiến tạo những hình tướng hồng trần đậm đặc và, dường như, cả những hình tướng dĩ thái.

308. Perhaps the two divisions include builders within the etheric field and builders within the dense physical field.

308. Có lẽ hai phân bộ ấy bao gồm các đấng kiến tạo trong trường dĩ thái và các đấng kiến tạo trong trường hồng trần đậm đặc.

First. The builders of the mineral kingdom. These are the workers occultly called **"the elemental alchemists."** They are in many groups **connected with** the differing elements, metals, chemicals, and minerals, and with what are called active and radioactive substances.

Thứ nhất. Những đấng kiến tạo của giới kim thạch. Đây là những người hoạt động được gọi một cách huyền bí là **"các nhà luyện kim hành khí."** Họ thuộc nhiều nhóm, **liên kết với** các nguyên tố, kim loại, hóa chất và khoáng vật khác nhau, cũng như với những gì được gọi là các chất liệu hoạt động và phóng xạ.

309. We may infer that these builders work very much under the seventh ray, as the Ray Lord of the seventh ray is called the "Divine Alchemical Worker".

309. Chúng ta có thể suy ra rằng các đấng kiến tạo này hoạt động rất nhiều dưới cung bảy, vì Đấng Chúa Tể Cung bảy được gọi là "Người Hoạt Động Luyện Kim Thiêng Liêng".

310. We can see that these elemental builders have their specialties involving different elements and chemical compounds.

310. Chúng ta có thể thấy rằng các đấng kiến tạo hành khí này có những chuyên môn riêng liên quan đến các nguyên tố khác nhau và các hợp chất hóa học.

311. They are building physically though, in order to do so, etheric building in necessarily involved.

311. Họ đang kiến tạo về mặt hồng trần, dù để làm được điều đó, việc kiến tạo dĩ thái tất yếu cũng được bao hàm.

They are the **custodians of two secrets**, that of the **immetalisation of the Monad**, and the **secret of the transmutation of metals**.

Họ là **những người gìn giữ hai bí mật**, đó là bí mật về **sự kim loại hóa của chân thần**, và **bí mật về sự chuyển hoá các kim loại**.

312. When thinking of these two secrets we must think of the involutionary and evolutionary arcs. The immetalisation of the Monad involves the anchoring of the Monad into the depths of matter. For the Monad (or rather the attenuated extension of the Monad which accounts for its *presence* in the

312. Khi suy nghĩ về hai bí mật này, chúng ta phải nghĩ đến các cung giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá. Sự kim loại hóa của chân thần bao hàm việc neo chân thần vào tận đáy sâu của vật chất. Đối với chân thần (hay đúng hơn là sự mở rộng được làm mảnh đi của chân thần, vốn giải thích cho *sự hiện*

lowest worlds) this immetalization is achieved through involution and is part of the "Second Outpouring", yet the moment it occurs, the beginning of an evolutionary process is indicated.

diện của nó trong các thế giới thấp nhất), sự kim loại hóa này được thực hiện qua giáng hạ tiến hoá và là một phần của "Lần Tuôn Đổ Thứ Hai", tuy nhiên ngay khoảnh khắc nó xảy ra, sự khởi đầu của một tiến trình thăng thượng tiến hoá đã được chỉ rad.

313. The transmutation of metals into higher metals and higher metals is a definitely evolutionary process within the mineral kingdom.

313. Sự chuyển hoá các kim loại thành những kim loại cao hơn và cao hơn nữa rõ ràng là một tiến trình thăng thượng tiến hoá trong giới kim thạch.

314. It seems these elementals ("seeing elementals" of various kinds) are in charge (no doubt under intelligent direction) of this immetalization and transmutation process.

314. Dường như các hành khí này ("hành khí thấy" thuộc nhiều loại khác nhau) phụ trách tiến trình kim loại hóa và chuyển hoá này (hẳn là dưới sự chỉ đạo thông minh).

315. When it comes to describing the distinction between devas and elementals, it might be suggestive to think of elementals as 'devas without wings'.

315. Khi nói đến việc mô tả sự phân biệt giữa thiên thần và hành khí, có lẽ sẽ gợi ý nếu nghĩ về hành khí như là 'những thiên thần không có cánh'.

Second. **The builders of the vegetable kingdom**.

Thứ hai. **Những đấng kiến tạo của giới thực vật**.

316. These, so we might infer, are of a higher order than the elementals who work only with the densest of the physical subplanes.

316. Những vị này, như chúng ta có thể suy ra, thuộc một cấp bậc cao hơn các hành khí chỉ hoạt động với những cõi phụ đậm đặc nhất của cõi hồng trần.

They exist in many groups and are termed **"the surface alchemists" and "the bridging units."**

Họ hiện hữu trong nhiều nhóm và được gọi là **"các nhà luyện kim bề mặt" và "các đơn vị bắt cầu."**

317. So we have had "the elemental alchemists" associated with the mineral kingdom and now "the surface alchemists" or "bridging units" associated with the dense physical forms of the vegetable kingdom. The "elemental alchemists" associated with the dense physical forms of the mineral kingdom.

317. Vì vậy, chúng ta đã có "các nhà luyện kim hành khí" gắn với giới kim thạch, và giờ đây là "các nhà luyện kim bề mặt" hay "các đơn vị bắt cầu" gắn với các hình tướng hồng trần đậm đặc của giới thực vật. "Các nhà luyện kim hành khí" gắn với các hình tướng hồng trần đậm đặc của giới kim thạch.

318. Plant life, of course, exists on the surface of the Earth. The "elemental alchemists" can work within the deep places of the Earth.

319. We note that these two types of builders are *both* called "alchemists", so the seventh ray will be connected with both types. The "surface alchemists" however, will have more of the sixth ray potency, according with the second kingdom.

320. The soft-line rays are bridging rays and make relational interplay possible, hence the term "the bridging units".

321. One wonders if the bridging to occur is between the mineral and animal kingdom, or is it between the truly dense physical subplane and the gaseous subplane of the systemic physical plane? Apparently, we have been speaking of elementals who are working within the *dense* physical subplanes even while building etherically.

They build the doubles of every form of vegetable life, and just as the "alchemists" of the mineral kingdom are mostly concerned with **the action of fire**, these other alchemical workers are concerned with the **liquid action of divine [Page 932] manifestation**.

322. Here we come to *a point of real potential confusion*. We have been discussing, so it seems, those elemental builders who work *within* the dense physical subplanes, and are called "seeing elementals".

318. Dĩ nhiên, sự sống thực vật tồn tại trên bề mặt Trái Đất. "Các nhà luyện kim hành khí" có thể hoạt động trong những nơi sâu thẳm của Trái Đất.

319. Chúng ta lưu ý rằng cả hai loại đấng kiến tạo này *đều* được gọi là "nhà luyện kim", vì vậy cung bảy sẽ liên hệ với cả hai loại. Tuy nhiên, "các nhà luyện kim bề mặt" sẽ có nhiều năng lực của cung sáu hơn, phù hợp với giới thứ hai.

320. Các cung thuộc đường mềm là những cung bắt cầu và làm cho sự tương tác liên hệ trở nên khả hữu, do đó mới có thuật ngữ "các đơn vị bắt cầu".

321. Người ta tự hỏi liệu sự bắt cầu sắp xảy ra là giữa giới kim thạch và giới động vật, hay là giữa cõi phụ hồng trần đậm đặc thực sự và cõi phụ khí của cõi hồng trần hệ thống? Rõ ràng, chúng ta đã nói về các hành khí đang hoạt động trong các cõi phụ hồng trần *đậm đặc* ngay cả khi đang kiến tạo một cách dĩ thái.

Họ xây dựng các bản sao của mọi hình thức sự sống thực vật, và cũng như các "nhà luyện kim" của giới kim thạch chủ yếu quan tâm đến **tác động của lửa**, thì những người hoạt động luyện kim kia quan tâm đến **tác động lưu chất của sự biểu hiện thiêng liêng [Page 932]**.

322. Ở đây chúng ta đi đến *một điểm thật sự có khả năng gây nhầm lẫn*. Dường như chúng ta đã bàn về những đấng kiến tạo hành khí hoạt động *trong* các cõi phụ hồng trần đậm đặc, và được gọi là "hành khí thấy".

323. Tuy nhiên *giờ đây* chúng ta dường như đang nói về chính những nhóm này *như thể*

323. Yet *now* we seem to be speaking of these same groups *as if* they were building the *etheric doubles* of the dense physical forms.

họ đang xây dựng các *bản sao dĩ thái* của các hình tướng hồng trần đậm đặcs.

324. So which is it? We do see that the two kinds of "alchemists" are, indeed, associated with fire and "liquid action" (both of which are *dense*). But we also are told that they "build doubles", which would make them etheric!

324. Vậy rốt cuộc là thế nào? Chúng ta thấy rằng hai loại "nhà luyện kim" này quả thực gắn với lửa và "tác động lưu chất" (cả hai đều là *đậm đặc*). Nhưng chúng ta cũng được bảo rằng họ "xây dựng các bản sao", điều này sẽ khiến họ thuộc dĩ thái!

325. Maybe one solution is that they exist in "many groups" and that some of these alchemists work solely within the dense physical subplanes and others do work in the ethers.

325. Có lẽ một giải pháp là họ hiện hữu trong "nhiều nhóm", và một số nhà luyện kim này chỉ hoạt động trong các cõi phụ hồng trần đậm đặc, còn những nhóm khác thì hoạt động trong các cõi dĩ thái.

326. We now see why the words "exist in" (which I pointed out above) were of such importance. Is it possible to "exist in" matter of the three lower subplanes, and still be a builder of etheric doubles!? The subject is not yet entirely clear due to the apparent twists and turns to be found within the foregoing sections of text.

326. Giờ đây chúng ta thấy vì sao những từ "hiện hữu trong" (mà tôi đã chỉ ra ở trên) lại quan trọng đến thế. Có thể nào "hiện hữu trong" vật chất của ba cõi phụ thấp nhất mà vẫn là đấng kiến tạo các bản sao dĩ thái chăng!? Chủ đề này vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng do những khúc quanh và chuyển hướng rõ rệt có thể thấy trong các phần văn bản trước đây.

327. The "elemental alchemists" work *with* the systemic densest physical subplane (so it would *seem*), but also *with* the gaseous level (*definitely*, as indicated below). The "surface alchemists" work largely within the liquid medium which is a reflection (within the systemic dense physical body) of the systemic astral plane. Biological life as we know it depends upon this "liquid action".

327. "Các nhà luyện kim hành khí" hoạt động *với* cõi phụ hồng trần đậm đặc nhất của hệ thống (dường như là vậy), nhưng cũng *với* cấp độ khí (*chắc chắn*, như được chỉ ra bên dưới). "Các nhà luyện kim bề mặt" hoạt động phần lớn trong môi trường lỏng, vốn là một phản ánh (trong thể hồng trần đậm đặc của hệ thống) của cõi cảm dục hệ thống. Sự sống sinh học như chúng ta biết phụ thuộc vào "tác động lưu chất" này.

328. Fire pertains not only to the mental plane but to the physical plane as well. Fire also pertains to the systemic gaseous subplane and, in some sense, to the densest of all the subplanes.

328. Lửa không chỉ liên hệ với cõi trí mà còn với cõi hồng trần nữa. Lửa cũng liên hệ với cõi phụ khí của hệ thống và, theo một nghĩa nào đó, với cõi phụ đậm đặc nhất trong tất cả các cõi phụ.

329. We are left with the question whether these "alchemists"—"elemental alchemists" and "surface alchemists" or "bridging units" are building *etheric* doubles or are building forms within the *dense* physical subplanes, or, somehow, ***both***. The matter is not entirely easy to resolve.

329. Chúng ta còn lại câu hỏi rằng liệu các "nhà luyện kim" này—"các nhà luyện kim hành khí" và "các nhà luyện kim bề mặt" hay "các đơn vị bắt cầu"—đang xây dựng các *bản sao dĩ thái* hay đang xây dựng các hình tướng trong các cõi phụ hồng trần *đậm đặc*, hay bằng cách nào đó là ***cả hai***. Vấn đề này không hoàn toàn dễ giải quyết.

330. Because we are in the midst of a section of text dealing with the builders of etheric doubles, we must not remove these "alchemists" from the ranks of etheric builders simply because we are told that they "exist in" matter of the three lowest subplanes.

330. Vì chúng ta đang ở giữa một phần văn bản bàn về các đấng kiến tạo những bản sao dĩ thái, chúng ta không được loại các "nhà luyện kim" này ra khỏi hàng ngũ các đấng kiến tạo dĩ thái chỉ vì chúng ta được bảo rằng họ "hiện hữu trong" vật chất của ba cõi phụ thấp nhất.

They work, therefore, in co-operation with the **devas of the waters**, or liquid substance, whilst the earlier mentioned group work with the gaseous devas.

Vì vậy, họ hoạt động phối hợp với **các thiên thần của nước**, hay chất liệu lỏng, trong khi nhóm được nhắc đến trước đó hoạt động với các thiên thần khí.

331. We are given a description of elementals working with devas. The "surface alchemists" work in cooperation with the devas of the waters or liquid substance. The "elemental alchemists" work in connection with the gaseous devas.

331. Chúng ta được cho một mô tả về các hành khí hoạt động với các thiên thần. "Các nhà luyện kim bề mặt" hoạt động phối hợp với các thiên thần của nước hay chất liệu lỏng. "Các nhà luyện kim hành khí" hoạt động liên hệ với các thiên thần khí.

332. Within this elemental kingdom, the term "deva" and "elemental" *seem somewhat to overlap*. It is easy to consider the lowest form of devas as elementals. DK's use of terms in various contexts has to be examined carefully if valid distinctions are to be made.

332. Trong giới hành khí này, các thuật ngữ "thiên thần" và "hành khí" *dường như có phần chồng lấn lên nhau*. Thật dễ xem hình thức thấp nhất của thiên thần là hành khí. Cách Chân sư DK dùng các thuật ngữ trong nhiều ngữ cảnh phải được khảo sát cẩn thận nếu muốn tạo ra những phân biệt xác đáng.

333. Are there no 'devas of density' involved in these processes, just as there are devas of the waters and gaseous devas?

333. Không có "các thiên thần của sự đậm đặc" nào tham gia vào các tiến trình này sao, cũng như có các thiên thần của nước và các thiên thần khí?

334. When these “alchemists” “work in cooperation with” are they working *on the same levels* as the “devas of the waters” and “gaseous devas” (and thus within the three densest systemic subplanes), or are they working from ‘above’ (building doubles from the etheric level). As stated, this is the problem to solve

334. Khi các “nhà luyện kim” này “hoạt động phối hợp với”, liệu họ có đang hoạt động *trên cùng những cấp độ* như “các thiên thần của nước” và “các thiên thần khí” (và do đó ở trong ba cõi phụ hệ thống đậm đặc nhất), hay họ đang hoạt động từ ‘bên trên’ (xây dựng các bản sao từ cấp độ dĩ thái). Như đã nói, đây là vấn đề cần giải quyết

335. From this latter perspective, we would be speaking of those elementals (“alchemists”) who build etheric vehicles, who work *with* elementals within the dense physical subplanes, and who respond to higher categories of devas—higher than those who work within the strictly etheric levels. In this case the “alchemists” would not live within the three lowest physical subplanes, but would work also within the ethers.

335. Từ quan điểm sau này, chúng ta sẽ nói về những hành khí ấy (“các nhà luyện kim”) như những vị xây dựng các vận cụ dĩ thái, hoạt động *với* các hành khí trong các cõi phụ hồng trần đậm đặc, và đáp ứng với những loại thiên thần cao hơn—cao hơn những vị hoạt động trong các cấp độ dĩ thái thuần túy. Trong trường hợp này, các “nhà luyện kim” sẽ không sống trong ba cõi phụ hồng trần thấp nhất, mà cũng hoạt động trong các cõi dĩ thái.

336. From such a perspective, for instance, the “surface alchemists” would build etheric doubles of the vegetable forms of life, but they would work in cooperation *with* the devas of the waters (who would be lower forms of life than they are) and presumably, would also work in relation to the devas of the astral plane who are higher than they are.

336. Từ một quan điểm như thế, chẳng hạn, “các nhà luyện kim bề mặt” sẽ xây dựng các bản sao dĩ thái của các hình tướng sự sống thực vật, nhưng họ sẽ hoạt động phối hợp *với* các thiên thần của nước (những sự sống thấp hơn họ) và có lẽ cũng sẽ hoạt động trong liên hệ với các thiên thần của cõi cảm dục, những vị cao hơn họ.

337. Additionally, from the same perspective, the “elemental alchemists” would build etheric counterparts of the mineral kingdom and work in cooperation with the gaseous devas (who would be lower forms of life than they are). If there are elementals, (“seeing elementals”?) who work in the densest physical subplane, it would seem that the “elemental alchemists” would also work in cooperation with them.

337. Ngoài ra, từ cùng quan điểm ấy, “các nhà luyện kim hành khí” sẽ xây dựng các đối phần dĩ thái của giới kim thạch và hoạt động phối hợp với các thiên thần khí (những sự sống thấp hơn họ). Nếu có những hành khí (“hành khí thấy”?) hoạt động trong cõi phụ hồng trần đậm đặc nhất, thì dường như “các nhà luyện kim hành khí” cũng sẽ hoạt động phối hợp với chúng.

338. BUT, we cannot be sure that the perspective just unfolded is correct, for, after all, the "alchemists" (both "elemental alchemists" and "surface alchemists") could be forms of elemental life who live *within* the three dense physical subplanes and who are lower than the "listening devas" (which are those who are *definitely* etheric in nature).

338. NHƯNG, chúng ta không thể chắc rằng quan điểm vừa được triển khai là đúng, vì rốt cuộc, các "nhà luyện kim" (cả "các nhà luyện kim hành khí" lẫn "các nhà luyện kim bề mặt") có thể là những hình thức sự sống hành khí sống *trong* ba cõi phụ hồng trần đậm đặc và thấp hơn "các thiên thần lắng nghe" (là những vị *chắc chắn* có bản chất dĩ thái).

339. One reason we might think the former perspective to be correct (i.e., that these "alchemists" are builders of etheric doubles) is that we are in a section of the book definitely dealing with ***etheric*** builders. Work on systemic dense physical builders was presented in an earlier section.

339. Một lý do khiến chúng ta có thể nghĩ rằng quan điểm trước là đúng (tức là các "nhà luyện kim" này là những đấng kiến tạo các bản sao dĩ thái) là vì chúng ta đang ở trong một phần của sách rõ ràng bàn về các đấng kiến tạo ***dĩ thái***. Công việc về các đấng kiến tạo hồng trần đậm đặc của hệ thống đã được trình bày trong một phần trước đó.

340. But certain seemingly ambiguous statements make certainty here not yet achievable.

340. Nhưng một số phát biểu có vẻ mơ hồ khiến sự chắc chắn ở đây vẫn chưa thể đạt được.

A hint is here conveyed,

Một gợi ý được truyền đạt ở đây,

341. Does this hint concern the control of dense physical processes through the use of the gaseous state of matter? What have breathing and breathing exercises to do with influence upon the dense physical level?

341. Gợi ý này có liên quan đến việc kiểm soát các tiến trình hồng trần đậm đặc thông qua việc sử dụng trạng thái khí của vật chất chăng? Hơi thở và các bài tập thở có liên quan gì đến ảnh hưởng trên cấp độ hồng trần đậm đặc?

but greater expansion of the statement is not possible, owing to the danger of the knowledge to be reached.

nhưng không thể khai triển thêm phát biểu này, do sự nguy hiểm của tri thức có thể đạt đến.

342. Usually, when the "ancient fires" of the dense physical subplanes are involved, there is always danger, as articulated in the white magical process.

342. Thông thường, khi các "ngọn lửa cổ xưa" của các cõi phụ hồng trần đậm đặc được liên hệ đến, luôn luôn có nguy hiểm, như đã được trình bày trong tiến trình huyền thuật chánh đạo.

343. Is this danger the reason that the information given in this section of text seems so ambiguous and difficult to interpret?

343. Phải chăng chính sự nguy hiểm này là lý do khiến thông tin được đưa ra trong phần văn bản này có vẻ quá mơ hồ và khó diễn giải?

With them [presumably, the "surface alchemists"] is hidden **three secrets**: One is concerned with the earlier solar system, or the green solar system;

Cùng với họ [có lẽ là "các nhà luyện kim bề mặt"] được che giấu **ba bí mật**: Một bí mật liên quan đến hệ mặt trời trước, hay hệ mặt trời xanh lục;

344. We are into the realm of scientific occultism as it is applied to the lowest systemic physical subplanes. We are focusing on the mysteries of matter.

344. Chúng ta đang đi vào lĩnh vực huyền bí học khoa học khi nó được áp dụng vào các cõi phụ hồng trần thấp nhất của hệ thống. Chúng ta đang tập trung vào những huyền nhiệm của vật chất.

345. Dense physical matter is the residue of the earlier solar system.

345. Vật chất hồng trần đậm đặc là cặn dư của hệ mặt trời trước.

346. It is not for nothing that Master DK is referencing the previous solar system as the *green* solar system.

346. Không phải vô cớ mà Chân sư DK nhắc đến hệ mặt trời trước như là hệ mặt trời *xanh lục*.

347. One wonders if the so-called "secret of life" (or of the emergence of biological life from mineral life) is not one of the secrets.

347. Người ta tự hỏi liệu cái gọi là "bí mật của sự sống" (hay của sự xuất hiện của sự sống sinh học từ sự sống khoáng vật) có phải không là một trong những bí mật.

348. The plant kingdom upon which the "surface alchemists" work is closely association with the color green.

348. Giới thực vật mà "các nhà luyện kim bề mặt" hoạt động trên đó có liên hệ chặt chẽ với màu xanh lục.

349. In any case, only one of the three secrets concerns the earlier solar system, the other two, presumably, *this* one.

349. Dù sao đi nữa, chỉ một trong ba bí mật liên quan đến hệ mặt trời trước; hai bí mật kia, có lẽ, liên quan đến hệ mặt trời *này*.

another deals with the laws of bridging, or the interaction between the kingdoms of nature,

một bí mật khác bàn về các định luật bắt cầu, hay sự tương tác giữa các giới của bản chất,

350. Here we have the something about the second secret and the processes connected

with it occurs apparently, in this solar system.

350. Ở đây chúng ta có điều gì đó về bí mật thứ hai, và các tiến trình liên hệ với nó rõ ràng xảy ra trong hệ mặt trời này.

351. DK has sometimes pointed to certain intermediate forms of life which act as "bridges" between the kingdoms of nature.

351. Chân sư DK đôi khi đã chỉ ra một số hình thức sự sống trung gian đóng vai trò như những "cây cầu" giữa các giới của bản chất.

352. This type of bridging is essentially transmutative, promoting the elevation of the members of one kingdom into the next higher kingdom.

352. Loại bắt cầu này về bản chất là có tính chuyển hoá, thúc đẩy sự nâng cao các thành viên của một giới lên giới cao hơn kế tiếp.

and the third is connected with the history of the second round;

và bí mật thứ ba liên hệ với lịch sử của cuộc tuần hoàn thứ hai;

353. We remember that the reptile kingdom has a particular connection with the second round as do all mythological serpent and dragon symbols.

353. Chúng ta nhớ rằng giới bò sát có một liên hệ đặc biệt với cuộc tuần hoàn thứ hai, cũng như mọi biểu tượng rắn và rồng trong thần thoại.

354. The second round and the second kingdom have a close interrelation.

354. Cuộc tuần hoàn thứ hai và giới thứ hai có một sự liên hệ hỗ tương chặt chẽ.

355. Our relation to the Solar Angels (or "wise serpents") may be promoted by a vegetable died.

355. Mối liên hệ của chúng ta với các Thái dương Thiên Thần (hay "những con rắn minh triết") có thể được thúc đẩy bởi một chế độ ăn thực vật.

356. We must also bear in mind the close relation between Venus, the second round and the vegetable kingdom.

356. Chúng ta cũng phải ghi nhớ mối liên hệ chặt chẽ giữa Sao Kim, cuộc tuần hoàn thứ hai và giới thực vật.

this secret when revealed will make clear why man (under the law) should be a vegetarian and not carnivorous.

bí mật này, khi được tiết lộ, sẽ làm sáng tỏ vì sao con người (theo quy luật) nên ăn chay chứ không nên ăn thịt.

357. We see there are very deep reasons why vegetarianism is indicated as desirable, perhaps even necessary.

357. Chúng ta thấy có những lý do rất sâu xa khiến việc ăn chay được chỉ ra là điều đáng mong muốn, thậm chí có lẽ là cần thiết.

358. The reasons will be buried deep in a form of alchemy of which we presently have no notion. Perhaps we should simply take Master DK's word for it when considering the nature of our diet.

358. Những lý do ấy sẽ được chôn sâu trong một hình thức thuật luyện kim mà hiện nay chúng ta chưa hề có khái niệm nào. Có lẽ chúng ta đơn giản nên tin lời Chân sư DK khi xem xét bản chất chế độ ăn của chúng ta.

359. Let us tabulate the three secrets in the possession of the "surface alchemists":

359. Hãy lập bảng ba bí mật thuộc quyền sở hữu của "các nhà luyện kim bề mặt":

a. The secret of the earlier solar system, the "green" system

a. Bí mật của hệ mặt trời trước, hệ "xanh lục"

b. The secrets surrounding the "laws of bridging"

b. Những bí mật xoay quanh "các định luật bắt cầu"

c. The third secret which is connected with the history of the second round

c. Bí mật thứ ba liên hệ với lịch sử của cuộc tuần hoàn thứ hai

Scientists are learning already certain things connected with the second secret, and they may hope, as the knowledge of the significance of colour is extended, to glean hints as to the first.

Các nhà khoa học đã đang học được một số điều liên hệ với bí mật thứ hai, và họ có thể hy vọng, khi tri thức về thâm nghĩa của màu sắc được mở rộng, sẽ nhặt lượm được những gợi ý về bí mật thứ nhất.

360. We sense the profundity of the hints. DK is suggesting that scientists are beginning to understand something of the bridging processes between kingdoms. Certainly, they have located certain forms of life which seem to carry the characteristics of adjacent kingdoms.

360. Chúng ta cảm nhận được chiều sâu của những gợi ý này. Chân sư DK đang gợi ý rằng các nhà khoa học đang bắt đầu hiểu được điều gì đó về các tiến trình bắt cầu giữa các giới. Chắc chắn, họ đã xác định được một số hình thức sự sống dường như mang các đặc tính của những giới kế cận.

361. As for the knowledge concerning the first secret, DK did mention the color green. One suspects that, in relation to this blue-green planet, the relationship between green and blue must be understood. The other colors, as well, cannot be left out of consideration.

361. Còn về tri thức liên quan đến bí mật thứ nhất, Chân sư DK quả có nhắc đến màu xanh lục. Người ta ngờ rằng, trong liên hệ với hành tinh xanh lam-xanh lục này, mối tương quan giữa xanh lục và xanh lam phải được thấu hiểu. Các màu khác cũng vậy, không thể bị loại khỏi sự xem xét.

362. Perhaps this secret is related to two types of matter or substance—one

362. Có lẽ bí mật này liên hệ với hai loại vật chất hay chất liệu—một loại được đặc trưng

characterized by the color green and the other by the color blue. Certainly, there must be profound differences between the matter of the previous solar system and the *substance* of this one.

bởi màu xanh lục và loại kia bởi màu xanh lam. Chắc chắn phải có những khác biệt sâu xa giữa vật chất của hệ mặt trời trước và *chất liệu* của hệ mặt trời này.

The third secret will not be indicated more clearly till the sixth race is living upon earth.

Bí mật thứ ba sẽ không được chỉ rõ hơn cho đến khi giống dân thứ sáu đang sống trên Trái Đất.

363. This may well be in thousands of years. The sixth rootrace will not come to an end until approximately ten million years from now.. We do not know how long it will take to be established, but it will not be anytime soon. Today it is only incipient.

363. Điều này rất có thể còn phải tính bằng hàng ngàn năm. Giống dân gốc thứ sáu sẽ không kết thúc cho đến khoảng mười triệu năm nữa kể từ bây giờ. Chúng ta không biết sẽ mất bao lâu để nó được thiết lập, nhưng điều đó sẽ không xảy ra trong tương lai gần. Ngày nay nó mới chỉ ở giai đoạn sơ khởi.

Third. **The builders of all animal etheric forms**.

Thứ ba. **Những đấng kiến tạo mọi hình tướng dĩ thái động vật**.

364. Point number three suggests to us that (as regards points one and two) we have definitely been talking about *etheric* builders, even if they 'work with" and "exist in" the three densest subplanes.

364. Điểm thứ ba gợi cho chúng ta rằng (xét về các điểm một và hai) rõ ràng chúng ta đã nói về các đấng kiến tạo *dĩ thái*, dù họ "hoạt động với" và "hiện hữu trong" ba cõi phụ đậm đặc nhất.

365. We have been speaking (so it would seem) of the elementals responsible for building the etheric doubles of the members of the mineral and plant kingdoms (and also, initially, of the etheric double of the human form). Now we focus on the builders of animal etheric forms.

365. Dường như chúng ta đã nói về các hành khí chịu trách nhiệm xây dựng các bản sao dĩ thái của các thành viên trong giới kim thạch và giới thực vật (và cả, lúc đầu, bản sao dĩ thái của hình tướng con người). Giờ đây chúng ta tập trung vào các đấng kiến tạo những hình tướng dĩ thái động vật.

366. We are still dealing with the "elementals who see" and who work *on* and *from within* the *densest* three subplanes—even though, perhaps, they may be more *etheric* than *dense*.

366. Chúng ta vẫn đang bàn về "những hành khí thấy" và hoạt động *trên* và *từ bên trong* ba cõi phụ *đậm đặc nhất*—dù có lẽ họ có thể *dĩ thái* hơn là *đậmđặc*.

These are a group closely allied with those who build the human form.

367. The animal and human form have close similarities. This is especially so between the mammal and human forms.

368. Notice that when speaking of the "human form", DK seems not to be speaking only of the dense physical form, but of the etheric-physical form.

They came in force from a reservoir of energy which was kept in a quiescent condition until the physical condition of any particular scheme warranted their activity.

369. The phrase "came in force" suggests the involvement of Mars which is the planet ruling the animal kingdom.

370. All is superbly timed and no influx of energy is left to chance.

With them came in much that accounts for the present sad condition, for much of the **fear, hatred, and destructive condition** to be found among the animals is caused by their bodies being built, and the work of evolution **carried on by the "imperfect gods" (as H. P. B. expresses it) working in imperfect matter as yet imperfectly manipulated.**

371. We speaking of fear, hatred and destructive conditions, we do seem to be speaking of the Martian influence.

Đây là một nhóm có liên hệ rất gần với những vị xây dựng hình tướng con người.

367. Hình tướng động vật và hình tướng con người có những điểm tương đồng gần gũi. Điều này đặc biệt đúng giữa hình tướng động vật có vú và hình tướng con người.

368. Hãy lưu ý rằng khi nói về "hình tướng con người", Chân sư DK dường như không chỉ nói về hình tướng hồng trần đậm đặc, mà về hình tướng dĩ thái-hồng trần.

Họ đã đến một cách hùng hậu từ một hồ chứa năng lượng vốn được giữ trong trạng thái tĩnh tại cho đến khi điều kiện hồng trần của bất kỳ hệ hành tinh đặc thù nào bảo đảm cho hoạt động của họ.

369. Cụm từ "đã đến một cách hùng hậu" gợi ý sự tham gia của Sao Hỏa, là hành tinh cai quản giới động vật.

370. Mọi sự đều được định thời tuyệt hảo, và không một dòng năng lượng tuôn vào nào bị phó mặc cho ngẫu nhiên.

Cùng với họ đã đến nhiều điều giải thích cho tình trạng đáng buồn hiện nay, vì phần lớn **sự sợ hãi, thù hận và tình trạng hủy diệt** được tìm thấy nơi loài vật là do thể của chúng được xây dựng, và công việc tiến hoá được **tiến hành bởi "các vị thần bất toàn" (như H. P. B. diễn tả) hoạt động trong vật chất bất toàn, vốn cho đến nay vẫn được thao tác một cách bất toàn.**

371. Khi nói về sự sợ hãi, thù hận và các tình trạng hủy diệt, dường như chúng ta quả thật đang nói về ảnh hưởng của Sao Hỏa.

372. Mars is one of the "imperfect gods" and so it Earth.

372. Sao Hỏa là một trong "các vị thần bất toàn", và Trái Đất cũng vậy.

373. The two "satellites" of Mars are "Phobos" and "Demos", fear and dread or terror.

373. Hai "vệ tinh" của Sao Hỏa là "Phobos" và "Demos", tức sợ hãi và kinh hoàng hay khiếp sợ.

374. Three imperfections exist. Let us tabulate them:

374. Có ba sự bất toàn. Hãy lập bảng chúng:

a. There are "imperfect gods"—imperfect Planetary Logoi. They are Great Builders, though imperfect

a. Có "các vị thần bất toàn"—các Hành Tinh Thượng Đế bất toàn. Các Ngài là những Đấng Kiến Tạo Vĩ Đại, dù bất toàn

b. The *matter* in which these imperfect gods work is, itself, imperfect (unredeemed, and coming largely from a previous solar system).

b. Vật *chất* mà các vị thần bất toàn này hoạt động trong đó, tự nó cũng bất toàn (chưa được cứu chuộc, và phần lớn đến từ một hệ mặt trời trước).

c. The *manner* in which these imperfect gods work is also imperfect. Their manipulative skills are not yet fully developed.

c. Cách thức *mà* các vị thần bất toàn này hoạt động cũng bất toàn. Kỹ năng thao tác của họ vẫn chưa được phát triển.

375. In this tabulation of imperfections we will recognize one of the leading causes of disease upon our planet and, presumably, upon the other non-sacred planets.

375. Trong bảng liệt kê các sự bất toàn này, chúng ta sẽ nhận ra một trong những nguyên nhân hàng đầu của bệnh tật trên hành tinh chúng ta và, có lẽ, trên các hành tinh không thiêng liêng khác.

The secret of fear is hidden in the etheric body, and the particular type of substance out of which it may be built.

Bí mật của nỗi sợ hãi được ẩn giấu trong thể dĩ thái, và trong loại chất liệu đặc thù mà từ đó nó có thể được xây dựng.

376. This is an extraordinary statement. DK does not seem to be speaking about certain chakras within the etheric body—such as the sacral center or solar plexus center. He has already discussed the ancient racial fears hidden in the sacral center.

376. Đây là một phát biểu khác thường. DK dường như không nói về một số luân xa nào đó trong thể dĩ thái—chẳng hạn như trung tâm xương cùng hay trung tâm tùng thái dương. Ngài đã bàn về những nỗi sợ hãi chủng tộc cổ xưa ẩn giấu trong trung tâm xương cùng.

377. He seems to be speaking in a more general sense about the etheric body as a whole and the quality of substance out of which it may be built.

377. Ngài dường như đang nói theo một nghĩa tổng quát hơn về thể dĩ thái như một toàn thể và phẩm tính của chất liệu mà từ đó nó có thể được xây dựng.

378. Fear is an action of recoil and that dynamic may exist on a very fundamental level—such as the relation between dense physical matter and etheric substance.

378. Sợ hãi là một hành động co rút, và động lực ấy có thể tồn tại ở một cấp độ rất căn bản —chẳng hạn như mối liên hệ giữa vật chất hồng trần đậm đặc và chất liệu dĩ thái.

379. The Moon is also connected with the "secret of fear" and we do remember that the violet colored devas of the four systemic ethers carry the crescent moon upon their foreheads.

379. Mặt Trăng cũng liên hệ với "bí mật của nỗi sợ hãi", và chúng ta nhớ rằng các thiên thần màu tím của bốn dĩ thái hệ thống mang vầng trăng lưỡi liềm trên trán họ.

3. The builders of the planetary etheric web.

3. Các đấng kiến tạo của mạng lưới dĩ thái hành tinh.

380. We have discussed the builders of the human vehicle; the builders of the forms of the three kingdoms of nature; and now the *builder of the planetary etheric web*.

380. Chúng ta đã bàn về các đấng kiến tạo của hiện thể con người; các đấng kiến tạo các hình tướng của ba giới trong thiên nhiên; và giờ đây là *đấng kiến tạo của mạng lưới dĩ thái hành tinh*.

381. We are, therefore, speaking principally of *etheric* building, even though very definite effects occur in relation to the dense physical forms with which the etheric structures are connected.

381. Vì vậy, chúng ta đang nói chủ yếu về sự kiến tạo *dĩ thái*, mặc dù những hiệu quả rất xác định vẫn xảy ra liên hệ với các hình tướng hồng trần đậm đặc mà các cấu trúc dĩ thái được nối kết với.

382. We are dealing with that etheric something which relates the etheric bodies of all members of all kingdoms if those kingdoms are manifesting upon the systemic physical plane.

382. Chúng ta đang đề cập đến cái gì đó thuộc dĩ thái, vốn liên hệ các thể dĩ thái của mọi thành viên trong mọi giới nếu các giới ấy đang biểu hiện trên cõi hồng trần của hệ thống hành tinh.

383. We are also dealing with the etheric matrix which connects the etheric doubles of so-called "inanimate objects".

383. Chúng ta cũng đang đề cập đến khuôn mẫu dĩ thái nối kết các bản sao dĩ thái của những "vật vô tri" như người ta vẫn gọi.

Their work is *exceedingly obscure* and exists in three divisions:

[Page 933]

a. The materialisation of the web. This is only perfected by the fourth round,

384. There is a suggestion that the etheric web (presumably, of the planet) was not completed during the earlier three rounds.

and was purposely hurried in connection with our planet owing to karmic conditions, and under the **law of spiritual necessity**.

385. We are reminded of the Moon-chain failure and the need to make up for lost time.

386. It would seem that the "law of spiritual necessity" is related to the manner and timing of the externalization of the purpose of the Planetary Logos.

A correspondence to this can be seen in the case of man himself. The etheric web was very loosely co-ordinated in man **at the beginning of the fourth rootrace**.

387. Presumably this allowed for much contact between the astral and physical planes.

388. The suggestion is that as the fourth rootrace continued, the materialisation proceeded and the web became far more coordinated—shall we say into a system of *squares*? This may have resulted in the

Công việc của họ *cực kỳ tối nghĩa* và tồn tại trong ba phân bộ:

[Page 933]

a. Sự hiện hình của mạng lưới. Điều này chỉ được hoàn thiện vào cuộc tuần hoàn thứ tư,

384. Có một gợi ý rằng mạng lưới dĩ thái (hẳn là của hành tinh) đã không được hoàn tất trong ba cuộc tuần hoàn đầu tiên.

và đã được cố ý thúc đẩy nhanh liên hệ với hành tinh chúng ta do các điều kiện nghiệp quả, và dưới **định luật của sự cần thiết tinh thần**.

385. Chúng ta được nhắc nhớ về sự thất bại của Dãy Mặt Trăng và nhu cầu phải bù lại thời gian.

386. Dường như "định luật của sự cần thiết tinh thần" có liên hệ với cách thức và thời điểm ngoại hiện mục đích của Hành Tinh Thượng Đế.

Một tương ứng với điều này có thể được thấy trong trường hợp của chính con người. Mạng lưới dĩ thái đã được phối hợp rất lỏng lẻo nơi con người **vào đầu giống dân gốc thứ tư**.

387. Có lẽ điều này cho phép có nhiều tiếp xúc giữa cõi cảm dục và cõi hồng trần.

388. Gợi ý ở đây là khi giống dân gốc thứ tư tiếp diễn, sự hiện hình tiến triển và mạng lưới trở nên được phối hợp hơn rất nhiều—chúng ta có thể nói là thành một hệ thống các *ô vuông* chăng? Điều này có thể đã dẫn

reduction of the rampant psychism prevalent during the Atlantean period.

đến sự giảm bớt tính thông linh tràn lan phổ biến trong thời kỳ Atlantisn.

Spiritual necessity forced its rapid consolidation, **and it is now so constituted that it forms a barrier between the physical and the astral plane.**

Sự cần thiết tinh thần đã buộc nó phải được củng cố nhanh chóng, **và nay nó được cấu tạo sao cho tạo thành một hàng rào giữa cõi hồng trần và cõi cảm dục.**

389. Perhaps the early Atlantean race was more psychic than the later Atlantean race.

389. Có lẽ nhân loại Atlantis thời kỳ đầu thông linh hơn nhân loại Atlantis thời kỳ sau.

390. The barrier created was a deterrent to psychism and a method of promoting the development of the mind.

390. Hàng rào được tạo ra là một sự ngăn chặn đối với tính thông linh và là một phương pháp thúc đẩy sự phát triển của trí tuệ.

b. The **preservation** of the planetary web.

b. Sự **bảo tồn** mạng lưới hành tinh.

391. First the *materialisation* of the web and then the *preservation* of that which had been materialized.

391. Trước hết là sự *hiện hình* của mạng lưới, rồi đến sự *bảo tồn* cái đã được hiện hình.

This will be continued until the sixth round.

Điều này sẽ tiếp tục cho đến cuộc tuần hoàn thứ sáu.

392. The web, we have been seeing, acts as a barrier to contact between the astral and physical planes. If during the fifth round the continual development of manas is required, one can see why the web would have to be preserved until the sixth round.

392. Như chúng ta đã thấy, mạng lưới hoạt động như một hàng rào ngăn sự tiếp xúc giữa cõi cảm dục và cõi hồng trần. Nếu trong cuộc tuần hoàn thứ năm, sự phát triển liên tục của manas là điều cần thiết, người ta có thể hiểu vì sao mạng lưới phải được bảo tồn cho đến cuộc tuần hoàn thứ sáu.

During this period spiritual evolution proceeds with a certain degree of planetary safety, **for the web protects from certain solar influences, and acts largely as a sifter and a distributor of solar forces.**

Trong giai đoạn này, tiến hoá tinh thần diễn ra với một mức độ an toàn hành tinh nhất định, **vì mạng lưới bảo vệ khỏi một số ảnh hưởng thái dương, và phần lớn hoạt động như một bộ sàng lọc và một bộ phân phối các mãnh lực thái dương.**

393. We see, however, that it is not only from astral influences that protection is needed but from certain unspecified "solar influences" which would not be helpful in the planetary evolutionary process. One wonders if these influences would relation to the Heart of the Sun.

393. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng sự bảo vệ không chỉ cần thiết trước các ảnh hưởng cảm dục mà còn trước một số "ảnh hưởng thái dương" không được xác định, vốn sẽ không hữu ích trong tiến trình tiến hoá hành tinh. Người ta tự hỏi liệu các ảnh hưởng này có liên hệ với Tâm của Mặt Trời.

394. The sixth round, the sixth principle, Neptune and buddhi (the principle to be strongly developed during the sixth round) all have a relationship to the Heart of the Sun.

394. Cuộc tuần hoàn thứ sáu, nguyên khí thứ sáu, Sao Hải Vương và Bồ đề (nguyên khí sẽ được phát triển mạnh trong cuộc tuần hoàn thứ sáu) đều có liên hệ với Tâm của Mặt Trời.

395. It becomes clear that it is necessary to sift a large number of influences which, if admitted, would overwhelm the evolutionary process.

395. Rõ ràng là cần phải sàng lọc một số lượng lớn các ảnh hưởng mà, nếu được cho phép đi vào, sẽ áp đảo tiến trình tiến hoá.

396. We can also infer that by the time the sixth round supervenes, psychism of all kinds will be largely refined and human beings will be far more safely open to subtle influences (including highly refined astral influences) than is now the case.

396. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng vào lúc cuộc tuần hoàn thứ sáu xuất hiện, tính thông linh thuộc mọi loại sẽ được tinh luyện phần lớn và con người sẽ mở ra với các ảnh hưởng vi tế một cách an toàn hơn nhiều (kể cả các ảnh hưởng cảm dục được tinh luyện cao độ) so với hiện nay.

c. The **destruction** of the web.

c. Sự **phá hủy** mạng lưới.

397. We have had the *materialisation* of the web, the *preservation* of the web and now the *destruction* of the web.

397. Chúng ta đã có sự *hiện hình* của mạng lưới, sự *bảo tồn* mạng lưới, và giờ đây là sự *phá hủy* mạng lưới.

398. We gather that there are certain elemental lives (presumably working within the ethers) who are responsible for all three of these processes.

398. Chúng ta hiểu rằng có những sự sống hành khí nhất định (hẳn là hoạt động trong các dĩ thái) chịu trách nhiệm cho cả ba tiến trình này.

This takes place towards the end of planetary evolution,

Điều này diễn ra vào cuối tiến hoá hành tinh,

399. Just as it does at the conclusion of a human incarnation.

399. Cũng như nó diễn ra vào lúc kết thúc một lần lâm phàm của con người.

thus permitting the escape of the imprisoned planetary life and the absorption of **the life essence into its synthesiser.**

nhờ đó cho phép sự sống hành tinh bị giam hãm thoát ra và sự hấp thụ **tinh chất sự sống vào đấng tổng hợp của nó.**

400. We are discussing the phase of synthesizing which follows upon planetary obscuration.

400. Chúng ta đang bàn về giai đoạn tổng hợp diễn ra tiếp theo sau sự che khuất hành tinh.

401. Note how synthesis occurs: it is the "life essence" which is absorbed into the synthesiser—the appropriate synthesizing planet.

401. Hãy lưu ý cách sự tổng hợp xảy ra: chính "tinh chất sự sống" được hấp thụ vào đấng tổng hợp—hành tinh tổng hợp thích hợp.

402. We have been assured that the physical nature of the planet to be synthesized is *not* absorbed into the synthesizing planet. In this section of text, we are told that it is "life essence" that is absorbed. We need to understand exactly what is comprised by "life essence". Certainly, all the quality which has been gained and gathered by the Planetary Logos during His expression through the planet to be synthesized would be included in this "life essence".

402. Chúng ta đã được bảo đảm rằng bản chất hồng trần của hành tinh được tổng hợp *không* bị hấp thụ vào hành tinh tổng hợp. Trong phần văn bản này, chúng ta được cho biết rằng cái được hấp thụ là "tinh chất sự sống". Chúng ta cần hiểu chính xác "tinh chất sự sống" bao gồm những gì. Chắc chắn, toàn bộ phẩm tính mà Hành Tinh Thượng Đế đã đạt được và thu thập được trong khi biểu lộ qua hành tinh được tổng hợp sẽ được bao gồm trong "tinh chất sự sống" này.

The process of destruction can only be described in the words **perforation** and **disintegration**.

Tiến trình phá hủy chỉ có thể được mô tả bằng các từ **xuyên thủng** và **phân rã.**

403. When we think of perforation, we think of the dynamics of the first and fifth rays. Recall the manner in which the fifth ray soul proceeds with the destruction of the causal body. Perforation of the causal periphery is involved.

403. Khi nghĩ đến sự xuyên thủng, chúng ta nghĩ đến động lực của cung một và cung năm. Hãy nhớ lại cách linh hồn cung năm tiến hành việc phá hủy thể nguyên nhân. Sự xuyên thủng chu vi nhân thể có liên quan.

404. As for the first ray, its destructive nature ensures the possibility of release for the imprisoned planetary life.

404. Còn đối với cung một, bản chất phá hủy của nó bảo đảm khả năng giải thoát cho sự sống hành tinh bị giam hãm.

4. The builders of the etheric body of the planetary Entity.

4. Các đấng kiến tạo của thể dĩ thái của Thực Thể Hành Tinh.

405. We have been describing a number of types of builders. Have we been proceeding in an 'upward' or 'downward' direction? It seems that we have been moving from building vehicles for specific life forms to the building of the general matrix from which those life forms are derived.

405. Chúng ta đã mô tả một số loại đấng kiến tạo. Chúng ta đã tiến hành theo hướng "đi lên" hay "đi xuống"? Dường như chúng ta đã chuyển từ việc xây dựng các vận cụ cho những hình thái sự sống đặc thù sang việc xây dựng khuôn mẫu tổng quát mà từ đó các hình thái sự sống ấy được rút ra.

This **great involutionary life** must remain for many **aeons** a mystery.

Sự sống giáng hạ tiến hoá **vĩ đại** này phải còn là một huyền nhiệm trong nhiều **đại kiếp**.

406. Again, the definition of an "aeon" is left indeterminate. Presumably, we are dealing with developments yet to occur within *this* mahamanvantara though finality, as indicated below, must await the next solar system.

406. Một lần nữa, định nghĩa của một "đại kiếp" vẫn không được xác định. Có lẽ chúng ta đang đề cập đến những phát triển còn chưa xảy ra trong *đại giai kỳ sinh hóa* này, dù sự hoàn tất, như được chỉ ra bên dưới, phải chờ đến hệ mặt trời kế tiếp.

407. We are now definitely speaking of an *involutionary* life. Some of the elementals, it seems, are of an *evolutionary* nature.

407. Giờ đây chúng ta rõ ràng đang nói về một sự sống *giáng hạ tiến hoá*. Dường như một số hành khí có bản chất *thăng thượng tiến hoá*.

408. Not only must we learn to discriminate finely between those builders who can be called devas and those which can only be called elementals, but we must discriminate between those elementals which are evolutionary and those forms of life (or essences?) which are only involutionary.

408. Chúng ta không chỉ phải học cách phân biện tinh tế giữa những đấng kiến tạo có thể được gọi là thiên thần và những gì chỉ có thể được gọi là hành khí, mà còn phải phân biện giữa những hành khí có tính thăng thượng tiến hoá và những hình thái sự sống (hay các tinh chất?) chỉ có tính giáng hạ tiến hoáy.

His etheric body is now in process of building, **and only in another solar system** will he assume definite physical form.

Thể dĩ thái của y hiện đang trong tiến trình được xây dựng, **và chỉ trong một hệ mặt trời khác** y mới đảm nhận hình tướng hồng trần

Sufficient energy has not yet been generated to permit of his manifestation objectively. He remains as yet subjective. He has his solar correspondence. [Page 934]

xác định. Chưa có đủ năng lượng được phát sinh để cho phép y biểu hiện một cách khách quan. Hiện nay y vẫn còn chủ quan. Y có sự tương ứng thái dương của mình. [Page 934]

409. The occultism here offered is almost impenetrable.

409. Huyền bí học được trình bày ở đây hầu như không thể xuyên thấu.

410. There is a great involutionary life called the "planetary Entity". He has not yet assumed definite physical form and will only do so in the next (or "another") solar system. Meanwhile, his etheric body is in process of being built.

410. Có một sự sống giáng hạ tiến hoá vĩ đại được gọi là "Thực Thể Hành Tinh". Y vẫn chưa đảm nhận hình tướng hồng trần xác định và chỉ sẽ làm như vậy trong hệ mặt trời kế tiếp (hay "một hệ mặt trời khác"). Trong khi đó, thể dĩ thái của y đang trong tiến trình được xây dựng.

411. We know there is a planetary Moon and also a "cosmic Moon".

411. Chúng ta biết có một Mặt Trăng hành tinh và cũng có một "Mặt Trăng vũ trụ".

412. Now we learn that there is an involutionary "planetary Entity" and its higher correspondence, presumably, a 'solar Entity'—no doubt also far from objective materialization.

412. Giờ đây chúng ta biết rằng có một "Thực Thể Hành Tinh" giáng hạ tiến hoá và sự tương ứng cao hơn của nó, có lẽ là một 'Thực Thể Thái Dương'—chắc chắn cũng còn rất xa mới hiện hình khách quan.

413. We know that involutionary forces draw us backward and downward. Perhaps that is what it is practical to know about such Beings. There is nothing we can do about them and their tendencies. Their development is all part of a vast process uninfluenced by our will.

413. Chúng ta biết rằng các mãnh lực giáng hạ tiến hoá kéo chúng ta lùi lại và đi xuống. Có lẽ đó là điều thực tiễn mà chúng ta cần biết về các Hữu thể như thế. Chúng ta không thể làm gì đối với họ và các khuynh hướng của họ. Sự phát triển của họ đều là một phần của một tiến trình bao la không bị ảnh hưởng bởi ý chí của chúng ta.

5. The builders of the planetary body.

5. Các đấng kiến tạo của thể hành tinh.

414. This is the fifth category:

414. Đây là loại thứ năm:

a. The builders of the human vehicle (in its dual aspect—etheric and dense?)

a. Các đấng kiến tạo của hiện thể con người (trong phương diện kép của nó—dĩ thái và đậm đặc?)

b. The builders of the forms in the three kingdoms of nature in their two divisions

b. Các đấng kiến tạo các hình tướng trong ba giới của thiên nhiên trong hai phân bộ của chúng

c. The builders of the planetary etheric web

c. Các đấng kiến tạo của mạng lưới dĩ thái hành tinh

d. The builders of the etheric body of the planetary Entity

d. Các đấng kiến tạo của thể dĩ thái của Thực Thể Hành Tinh

e. And now the builders of the planetary body

e. Và giờ đây là các đấng kiến tạo của thể hành tinh

f. And shortly will come the builders of the etheric forms of all that man creates

f. Và chẳng bao lâu nữa sẽ đến các đấng kiến tạo các hình tướng dĩ thái của mọi điều con người tạo ra

415. As we work through this complicated material, we have to determine when the building is occurring upon etheric levels and when upon the dense physical subplanes.

415. Khi nghiên cứu tài liệu phức tạp này, chúng ta phải xác định khi nào việc kiến tạo đang diễn ra trên các cấp độ dĩ thái và khi nào trên các cõi phụ hồng trần đậm đặc.

416. Although we are in a section discussing etheric builders and building, there is also much here about the building of dense physical forms.

416. Mặc dù chúng ta đang ở trong một phần bàn về các đấng kiến tạo dĩ thái và sự kiến tạo dĩ thái, ở đây cũng có nhiều điều nói về việc xây dựng các hình tướng hồng trần đậm đặc.

This proceeds under the same law as that of the solar system and of man, but, as in the solar system, **it proceeds upon the higher planes**.

Điều này tiến hành dưới cùng một định luật như của hệ mặt trời và của con người, nhưng cũng như trong hệ mặt trời, **nó tiến hành trên các cõi cao hơn**.

417. Are we speaking here is building upon the higher etheric planes—the cosmic etheric planes?

417. Ở đây chúng ta có đang nói đến việc kiến tạo trên các cõi dĩ thái cao hơn—các cõi dĩ thái vũ trụ chăng?

418. What is the "planetary body". If we think in cosmic terms, it must be the lower eighteen cosmic subplanes, our lowest eighteen systemic planes.

418. "Thể hành tinh" là gì? Nếu chúng ta suy nghĩ theo thuật ngữ vũ trụ, nó hẳn phải là mười tám cõi phụ vũ trụ thấp hơn, tức mười tám cõi hệ thống thấp nhất.

Students are here recommended to trace the relation between the solar and cosmic planes in this specific connection.

Các đạo sinh được khuyến nghị ở đây hãy truy tìm mối liên hệ giữa các cõi thái dương và các cõi vũ trụ trong mối liên hệ đặc thù này.

419. For every type of systemic building occurring upon the systemic dense physical plane, there is a type of *cosmic* building occurring upon the eighteen (or twenty-one) cosmic dense physical plane. The analogy should be quite exact.

419. Đối với mỗi loại kiến tạo hệ thống xảy ra trên cõi hồng trần đậm đặc của hệ thống, có một loại kiến tạo *vũ trụ* xảy ra trên mười tám (hay hai mươi mốt) cõi hồng trần đậm đặc vũ trụ. Sự tương đồng này hẳn phải hết sức chính xác.

6. The etheric doubles of all that man creates.

6. Các bản sao dĩ thái của mọi điều con người tạo ra.

420. Finally we come to what is probably the lowest type of building and builder.

420. Cuối cùng chúng ta đi đến loại kiến tạo và đấng kiến tạo có lẽ là thấp nhất.

These are a special group of etheric builders who, under karma, are **forced** to act in conjunction with human beings.

Đây là một nhóm đặc biệt các đấng kiến tạo dĩ thái, những vị dưới nghiệp quả bị **buộc** phải hành động phối hợp với con người.

421. How interesting that they are "forced" to work in conjunction with man.

421. Thật thú vị khi họ bị "buộc" phải làm việc phối hợp với con người.

422. Man creates many objects. It is his creative right and destiny to do so, and each of these creations must have its etheric counterpart.

422. Con người tạo ra nhiều vật thể. Đó là quyền sáng tạo và định mệnh của y phải làm như vậy, và mỗi sáng tạo ấy phải có đối phần dĩ thái của nó.

423. It seems to be the fates of this group of builders to work with man in this creative process.

423. Dường như số phận của nhóm đấng kiến tạo này là làm việc với con người trong tiến trình sáng tạo này.

These are but a few out of the many groups possible to touch upon;

Đây chỉ là một vài nhóm trong số rất nhiều nhóm có thể được đề cập đến;

424. Clearly we are talking about a series of "etheric" builders. Ambiguity entered when we spoke of "seeing elementals" existing in the densest subplanes of the systemic physical plane, but the general theme and

424. Rõ ràng chúng ta đang nói về một loạt các đấng kiến tạo "dĩ thái". Sự mơ hồ xuất hiện khi chúng ta nói về "hành khí thấy" tồn tại trong các cõi phụ đậm đặc nhất của cõi hồng trần hệ thống, nhưng chủ đề tổng quát

the continuity found in the tabulation, demonstrates that our subject definitely is *etheric* builders.

và tính liên tục được tìm thấy trong bảng liệt kê cho thấy rằng chủ đề của chúng ta chắc chắn là các đấng kiến tạo *dĩ thái*s.

425. For all the many examples given (so many, over the course of the book, that we wonder if we can remember or assimilated them all), DK always assures us that there are far more examples that He has not mentioned.

425. Đối với tất cả nhiều ví dụ đã được nêu ra (nhiều đến mức, trong suốt cuốn sách, chúng ta tự hỏi liệu mình có thể nhớ hay đồng hoá hết chúng không), DK luôn bảo đảm với chúng ta rằng còn nhiều ví dụ hơn nữa mà Ngài chưa đề cập.

it is needless further to enlarge, as no substantial profit will eventuate from the impartation of further information.

không cần thiết phải khai triển thêm, vì sẽ không có lợi ích đáng kể nào phát sinh từ việc truyền đạt thêm thông tin.

426. Although 'insubstantial' profit might arise. In given this information, DK must work under the Law of Economy.

426. Mặc dù có thể phát sinh lợi ích không đáng kể. Khi đưa ra thông tin này, DK phải hoạt động dưới Định luật Tiết Kiệm.

Only the briefest indications can be given and touched upon.

Chỉ có thể đưa ra và đề cập đến những chỉ dẫn ngắn gọn nhất.

427. DK is outlining for us a vast perspective on the pattern of our local cosmos. He must be most discriminate in regard to that which He offers for our consideration.

427. DK đang phác họa cho chúng ta một viễn cảnh bao la về mô hình của vũ trụ địa phương của chúng ta. Ngài hẳn phải hết sức phân biện đối với điều mà Ngài đưa ra để chúng ta suy ngẫm.

It is neither safe nor advisable as yet to impart to men knowledge anent the workers in etheric matter, which would enable them to contact them,

Hiện עדיין không an toàn cũng không nên truyền cho những người nam và nữ tri thức về những người hoạt động trong vật chất dĩ thái, điều sẽ giúp họ tiếp xúc với các vị ấy,

428. During the Aquarian Age (a seventh ray Age) our knowledge of these workers will grow and hopefully our wisdom will also grow.

428. Trong Kỷ nguyên Bảo Bình (một Kỷ nguyên cung bảy), tri thức của chúng ta về những người hoạt động này sẽ gia tăng và hy vọng minh triết của chúng ta cũng sẽ tăng lên.

nor is it wise as yet to link up coherently the scattered facts already given in different occult books.

và hiện nay cũng chưa khôn ngoan để nối kết một cách mạch lạc các dữ kiện rời rạc

đã được đưa ra trong những sách huyền bí học khác nhau.

429. Here we might have a problem. Students will proceed to seek greater light on these matters. Discretion is needed, however, in the manner in which these revelations are shared. The linking-up of information on these matters should not be indiscriminately shared with the general public.

429. Ở đây chúng ta có thể gặp một vấn đề. Các đạo sinh sẽ tiếp tục tìm kiếm ánh sáng lớn hơn về những vấn đề này. Tuy nhiên, cần có sự thận trọng trong cách những sự mặc khải này được chia sẻ. Việc nối kết thông tin về các vấn đề này không nên được chia sẻ một cách thiếu phân biện với công chúng.

Science is treading on the borderland of discovery, and trespassing already into the domain of the building devas. Caution is needed.

Khoa học đang bước trên ranh giới của khám phá, và đã xâm nhập vào lãnh vực của các thiên thần kiến tạo. Cần có sự thận trọng.

430. The use of the word "trespassing" is very interesting. It is as if the scientists are entering the devic domain uninvited, and yet we know that a closer interplay with the devas is and emerging part of the Divine Plan.

430. Việc dùng từ "xâm nhập" thật rất đáng chú ý. Dường như các nhà khoa học đang đi vào lãnh vực thiên thần mà không được mời, tuy vậy chúng ta biết rằng một sự tương tác gần gũi hơn với các thiên thần đang nổi lên như là một phần của Thiên Cơn.

Yet if the hints given above are studied, if the various secrets of the builders are pondered upon, and if the esoteric side of Masonry is carefully and persistently meditated upon, **the work of the Great Architect and His many assistants will stand forth in a clearer and a fuller light.**

Tuy nhiên, nếu các gợi ý được đưa ra ở trên được nghiên cứu, nếu các bí mật khác nhau của các đấng kiến tạo được suy ngẫm, và nếu phương diện huyền bí của Hội Tam Điểm được tham thiền cẩn trọng và kiên trì, **thì công việc của Kiến Trúc Sư Vĩ Đại và nhiều trợ tá của Ngài sẽ hiện ra trong một ánh sáng rõ ràng và đầy đủ hơn.**

431. The "Great Architect" is the name given for the Third Ray Lord. In studying the devas, we have entered, principally, this third ray domain.

431. "Kiến Trúc Sư Vĩ Đại" là danh xưng dành cho Đấng Chúa Tể Cung ba. Khi nghiên cứu các thiên thần, chủ yếu chúng ta đã đi vào lãnh vực cung ba này.

432. Masons are *builders* and the devas and elementals are *builders.* We can see why a study of esoteric Masonry (in which many secrets are revealed) would reveal much about the workings of the deva kingdom.

432. Các hội viên Tam Điểm là những *đấng kiến tạo* và các thiên thần cùng hành khí là những *đấng kiến tạo.* Chúng ta có thể thấy vì sao việc nghiên cứu Hội Tam Điểm huyền bí học (trong đó nhiều bí mật được mặc khải)

sẽ tiết lộ nhiều điều về hoạt động của giới thiên thần.

433. We are to—

433. Chúng ta phải—

a. Ponder on all the Master DK has given on these matter

a. Suy ngẫm về tất cả những gì Chân sư DK đã ban ra về các vấn đề này

b. Ponder on the various secrets of the builders

b. Suy ngẫm về các bí mật khác nhau của các đấng kiến tạo

c. Meditate carefully and persistently on the esoteric side of Masonry

c. Tham thiền cẩn trọng và kiên trì về phương diện huyền bí của Hội Tam Điểm

434. Then, we are told, revelation may come regarding the devas, and on a larger scale, regarding the Great Architect. The devas are His many assistants.

434. Khi đó, như chúng ta được cho biết, sự mặc khải có thể đến liên quan đến các thiên thần, và trên một quy mô lớn hơn, liên quan đến Kiến Trúc Sư Vĩ Đại. Các thiên thần là nhiều trợ tá của Ngài.

435. Remember that the Great Architect of the Universe is the Universal Third Ray Lord and thus controls, largely, the B/builders of all kinds.

435. Hãy nhớ rằng Kiến Trúc Sư Vĩ Đại của Vũ Trụ là Đấng Chúa Tể Cung ba Vũ Trụ và do đó phần lớn kiểm soát các đấng kiến tạo thuộc mọi loại.

One hint may here be given, forgetting not that the work is twofold:

Ở đây có thể đưa ra một gợi ý, mà không quên rằng công việc là nhị phân:

436. For the twofoldness of the work we must search…

436. Đối với tính nhị phân của công việc, chúng ta phải tìm kiếm…

The construction of the **tabernacle**, or the building of the temporary forms is the **work of the Divine Carpenter**,

Việc dựng nên **nhà tạm**, hay việc xây dựng các hình tướng tạm thời là **công việc của Người Thợ Mộc Thiêng Liêng**,

437. These forms are the ever changing vehicles of the reincarnating soul.

437. Các hình tướng này là những vận cụ luôn thay đổi của linh hồn tái sinh.

438. Creating the personality and its vehicles is the work of the "Divine Carpenter".

438. Việc tạo ra phàm ngã và các vận cụ của nó là công việc của "Người Thợ Mộc Thiêng Liêng".

439. It is not to be forgotten that Jesus was a carpenter. We may associate the "Carpenter" with Capricorn and the third ray. Is Christ, the, the "Master Builder"?

439. Không nên quên rằng Đức Jesus là một người thợ mộc. Chúng ta có thể liên kết "Người Thợ Mộc" với Ma Kết và cung ba. Có phải Đức Christ là "Đấng Đại Kiến Tạo" chăng?

whilst the building of the Temple of Solomon, or the construction of the more permanent structure is the work of the Supervising Architect.

trong khi việc xây dựng Đền thờ Solomon, hay việc kiến tạo cấu trúc bền vững hơn, là công việc của Vị Kiến Trúc Sư Giám Sát.

440. Builders of the causal body (the Temple of Solomon) is under the supervision of the Supervising Architect, and different and higher builders are involved than in the task of building the threefold outer Tabernacle.

440. Các đấng kiến tạo thể nguyên nhân (Đền thờ Solomon) ở dưới sự giám sát của Vị Kiến Trúc Sư Giám Sát, và những đấng kiến tạo khác biệt và cao hơn tham dự vào công tác này so với nhiệm vụ xây dựng Nhà Tạm bên ngoài tam phân.

441. The greater builders of the Temple are the Solar Pitris or Solar Angels.

441. Các đấng đại kiến tạo của Đền thờ là các thái dương tổ phụ hay các Thái dương Thiên Thần.

442. However, it must not be forgotten, that the "Architect" is largely upon the third ray and as the "Master Builder" or "Great Geometrician" is upon the second.

442. Tuy nhiên, không được quên rằng "Kiến Trúc Sư" phần lớn thuộc cung ba và "Đấng Đại Kiến Tạo" hay "Nhà Hình Học Vĩ Đại" thuộc cung hai.

443. From the solar logoic perspective, the Great Architect is a *cosmic* Being, and so, under His supervision would surely come the building of the causal body of man.

443. Từ quan điểm thái dương logoi, Kiến Trúc Sư Vĩ Đại là một Hữu thể *vũ trụ*, và vì vậy, dưới sự giám sát của Ngài chắc chắn sẽ có việc xây dựng thể nguyên nhân của con người.

One concerns operative, and the other speculative Masonry in the true esoteric significance of the word. [Page 935]

Một điều liên quan đến Hội Tam Điểm thực hành, và điều kia liên quan đến Hội Tam Điểm tư biện theo ý nghĩa huyền bí học chân chính của từ này. [Page 935]

444. Here is a marvellous distinction which will mean much to those who practice in the Masonic Lodges of the world.

444. Đây là một sự phân biệt kỳ diệu, sẽ có nhiều ý nghĩa đối với những người thực hành trong các hội quán Tam Điểm trên thế giới.

445. Operative Masonry concerns activity and the third aspect of divinity.

445. Hội Tam Điểm thực hành liên quan đến hoạt động và phương diện thứ ba của thiên tính.

446. Speculative Masonry concerns consciousness and the second aspect of divinity.

446. Hội Tam Điểm tư biện liên quan đến tâm thức và phương diện thứ hai của thiên tính.

The devas who form the etheric doubles of all objects out of their own substance must also be considered.

Các thiên thần tạo nên các bản sao dĩ thái của mọi vật từ chính chất liệu của họ cũng phải được xem xét.

447. These "devas", we must infer, form a group additional to those which have already been discussed.

447. Chúng ta phải suy ra rằng các "thiên thần" này tạo thành một nhóm bổ sung cho những nhóm đã được bàn đến trước đây.

448. The sixth group of devas formed the etheric body of all the *man* creates. But there are also other objects which are not man-made. Is it these objects of which DK is speaking?

448. Nhóm thiên thần thứ sáu tạo thành thể dĩ thái của mọi điều mà *con người* tạo ra. Nhưng cũng có những vật khác không do con người tạo nên. Có phải Chân sư DK đang nói đến những vật ấy không?

These builders are the sumtotal of all physical plane substance,

Những đấng kiến tạo này là tổng thể của toàn bộ chất liệu cõi hồng trần,

449. Presumably, not *manipulators* of substance…

449. Có lẽ không phải là những *đấng thao tác* chất liệu…

450. Substance, we must recall, is not *matter* in its densest form.

450. Chúng ta phải nhớ rằng chất liệu không phải là *vật chất* ở dạng đậm đặc nhất của nó.

and constitute the matter of the etheric levels of the physical plane.

và cấu thành vật chất của các cấp dĩ thái của cõi hồng trần.

451. It is statements like the one above which can produce confusion in our minds if we are not careful.

451. Chính những phát biểu như trên có thể gây ra sự lẫn lộn trong trí chúng ta nếu chúng ta không cẩn thận.

452. DK is speaking of the "devas" who *are* matter/substance.

452. Chân sư DK đang nói về các "thiên thần" là chính vật chất/chất liệu.e

453. We must ask, “Should they be called ‘devas’ at all?” Should they not be called “elemental essence”? Or, in the highest grade, “monadic essence”.

453. Chúng ta phải hỏi: “Có nên gọi họ là ‘thiên thần’ hay không?” Chẳng phải nên gọi họ là “Tinh chất hành khí” sao? Hoặc, ở cấp cao nhất, là “tinh chất chân thần”.

454. We have to discriminate three orders of lives:

454. Chúng ta phải phân biện ba loại sự sống:

a. Devas

a. Thiên thần

b. Elementals

b. Hành khí

c. Elemental substance or essence, the substantial “material” of which all forms are to be built.

c. Chất liệu hành khí hay tinh chất, “vật liệu” có tính chất liệu mà từ đó mọi hình tướng được xây dựng.

455. We have already discussed the evident overlaps in terminology. We see such overlapping when DK calls devas the “sumtotal of all physical plane substance”.. “the matter of the etheric levels of the physical plane”.

455. Chúng ta đã bàn đến sự chồng lấn hiển nhiên trong thuật ngữ. Chúng ta thấy sự chồng lấn ấy khi Chân sư DK gọi các thiên thần là “tổng thể của toàn bộ chất liệu cõi hồng trần”… “vật chất của các cấp dĩ thái của cõi hồng trần”.

They exist, therefore, in four groups, and each group has a curious karmic relation to one of the four kingdoms in nature:

Vì vậy, chúng tồn tại trong bốn nhóm, và mỗi nhóm có một liên hệ nghiệp quả kỳ lạ với một trong bốn giới trong thiên nhiên:

Group.	Plane.	Kingdom.
First	One	Human
Second	Two	Animal
Third	Three	Vegetable
Fourth	Four	Mineral

Nhóm.	Cõi.	Giới.
Thứ nhất	Một	Nhân loại
Thứ hai	Hai	Động vật
Thứ ba	Ba	Thực vật
Thứ tư	Bốn	Kim thạch

456. We are considered four groups of such ‘substantial’ ‘devas’.

456. Chúng ta đang xét bốn nhóm “thiên thần” có tính “chất liệu” như thế.

457. Each of the four groups is associated with *one* of the kingdoms.

457. Mỗi một trong bốn nhóm đều liên kết với *một* trong các giới.

458. What is being said is that the substance of the life-forms in the four kingdoms is distinct.

458. Điều đang được nói là chất liệu của các hình tướng sự sống trong bốn giới là khác biệt.

459. Basically, we are speaking of the grades of etheric substance.

459. Về căn bản, chúng ta đang nói đến các cấp độ của chất liệu dĩ thái.

The substance of the highest physical form of a human being is therefore atomic. The Master's physical body is made of atomic matter,

Vì vậy, chất liệu của hình tướng hồng trần cao nhất của một con người là chất liệu nguyên tử. Thể xác của Chân sư được làm bằng vật chất nguyên tử,

460. If the Master *has* a physical body, it is an etheric body and is part of a mayavirupa. Upon this will-created etheric body, the Master can build a dense physical vehicle.

460. Nếu Chân sư *có* một thể xác, thì đó là một thể dĩ thái và là một phần của mayavirupa. Trên thể dĩ thái do ý chí tạo ra này, Chân sư có thể xây dựng một vận cụ hồng trần đậm đặc.

and when He wishes to materialise it on the dense physical plane, **He forms a sheath of gaseous substance upon that atomic matter, perfect in its delineation of all the known physical traits**.

và khi Ngài muốn hiện hình nó trên cõi hồng trần đậm đặc, **Ngài tạo thành một lớp vỏ bằng chất liệu khí trên vật chất nguyên tử ấy, hoàn hảo trong sự phác hoạ mọi đặc điểm hồng trần đã biết**.

461. Here we have some of the most explicit information on the formation of the mayavirupa.

461. Ở đây chúng ta có một số thông tin minh bạch nhất về sự hình thành của mayavirupa.

462. We see the gaseous body as a most necessary intermediary between the etheric body and the densest levels of the dense physical body.

462. Chúng ta thấy thể khí là một trung gian hết sức cần thiết giữa thể dĩ thái và các cấp đậm đặc nhất của thể xác hồng trần.

463. Usually when thinking of gas we think of that which is amorphous and diffuse, yet according to the Tibetan the sheath of gaseous matter which the Master forms upon etheric atomic matter is “perfect in its delineation of all the known physical traits”.

463. Thông thường khi nghĩ đến khí, chúng ta nghĩ đến cái gì đó vô định hình và khuếch tán, tuy nhiên theo Chân sư Tây Tạng, lớp vỏ bằng vật chất khí mà Chân sư tạo trên vật chất nguyên tử dĩ thái thì “hoàn hảo trong sự phác hoạ mọi đặc điểm hồng trần đã biết”.

In other words, it must be a perfect replica of the body to be materialized.

Nói cách khác, nó hẳn phải là một bản sao hoàn hảo của thể sẽ được hiện hình.

The substance of the highest form of animal body is that of the second ether,

Chất liệu của hình thức thể cao nhất của giới động vật là chất liệu của dĩ thái thứ hai,

464. Does this tell us something about domestic animals with "heart" or, in general, about animals with heart?

464. Điều này có cho chúng ta biết điều gì về các thú vật nuôi có "trái tim" hay, nói chung, về các loài vật có trái tim không?

and herein is to be found a clue as to the relation between all sea and watery forms to the animal.

và chính trong đây có thể tìm thấy một manh mối về mối liên hệ giữa mọi hình tướng biển cả và thủy sinh với động vật.

465. The second ether has resonance with the second plane from 'below" the astral plane.

465. Dĩ thái thứ hai có sự cộng hưởng với cõi thứ hai tính từ "dưới" lên của cõi cảm dục.

466. It also has resonance to the second or liquid subplane of dense physical matter.

466. Nó cũng có sự cộng hưởng với cõi phụ thứ hai hay cõi phụ lỏng của vật chất hồng trần đậm đặc.

467. Perhaps the Tibetan is alluding to the thought that animal life emerged. from the sea.

467. Có lẽ Chân sư Tây Tạng đang ám chỉ ý tưởng rằng sự sống động vật đã xuất hiện từ biển.

468. The astral plane is ruled by both Mars (the ruler of the animal kingdom) and by Neptune, the ruler of the sea. We see the connection.

468. Cõi cảm dục được cai quản bởi cả Sao Hỏa (chủ tinh của giới động vật) lẫn Sao Hải Vương, chủ tinh của biển cả. Chúng ta thấy mối liên hệ ấy.

469. We note that in astrology, a number of the animals have the tail of fish- the Capricornian "sea goat" and the combined animal form which shows the head of a ram with the tail of a fish.

469. Chúng ta lưu ý rằng trong chiêm tinh học, một số con vật có đuôi cá—"dê biển" của Ma Kết và hình tướng động vật kết hợp cho thấy đầu cừu với đuôi cá.

The highest form of body possible for the vegetable form of life is that of the third ether.

Hình thức thể cao nhất có thể có đối với sự sống thực vật là thể của dĩ thái thứ ba.

470. All is sequential and progressive.

470. Mọi sự đều tuần tự và tiến triển.

471. Interestingly, the third ether is to be associated with the throat center and with the color green, the color prominent above all in the vegetable kingdom, and linking it to the previous solar system.

471. Điều thú vị là dĩ thái thứ ba được liên kết với trung tâm cổ họng và với màu xanh lục, màu nổi bật hơn hết trong giới thực vật, đồng thời nối kết giới này với hệ mặt trời trước đây.

These facts will be demonstrated in the seventh round when the present three kingdoms of nature—the human, the animal, and the vegetable will objectively exist in etheric matter; that will be for them their densest manifestation.

Những sự kiện này sẽ được chứng minh trong cuộc tuần hoàn thứ bảy khi ba giới thiên nhiên hiện nay—nhân loại, động vật và thực vật sẽ hiện hữu một cách khách quan trong vật chất dĩ thái; đó sẽ là biểu hiện đậm đặc nhất của chúng.

472. We are being offered a picture of the etherealization of the kingdoms of nature on our planet.

472. Chúng ta đang được trao cho một bức tranh về sự dĩ thái hóa của các giới thiên nhiên trên hành tinh chúng ta.

473. The life waves in these three kingdoms will have turned 'upward' and dense physical matter will no longer be needed for their life demonstration.

473. Các làn sóng sự sống trong ba giới này sẽ quay "lên trên" và vật chất hồng trần đậm đặc sẽ không còn cần thiết cho sự biểu lộ sự sống của chúng nữa.

474. Again, we see the relation between the seventh ray (seventh round) and the ethers, for it is only in that round that etherealization will have occurred.

474. Một lần nữa, chúng ta thấy mối liên hệ giữa cung bảy (cuộc tuần hoàn thứ bảy) và các dĩ thái, vì chỉ trong cuộc tuần hoàn ấy sự dĩ thái hóa mới xảy ra.

475. One is led to speculate whether what we presently call dense physical matter will be needed at all in the next solar system.

475. Người ta được dẫn đến chỗ suy đoán liệu điều mà hiện nay chúng ta gọi là vật chất hồng trần đậm đặc có còn cần thiết chút nào trong hệ mặt trời kế tiếp.

The mineral kingdom will find **its highest manifestation** in matter of the fourth ether, and this transmutation is already taking place, **for all the radioactive substances now being discovered are literally becoming matter of the fourth ether.**

Giới kim thạch sẽ tìm thấy **biểu hiện cao nhất của nó** trong vật chất của dĩ thái thứ tư, và sự chuyển hoá này đã đang diễn ra, **vì mọi chất phóng xạ hiện đang được khám phá theo nghĩa đen đang trở thành vật chất của dĩ thái thứ tư.**

476. VSK remarks: “This is quite a hint, that the matter of the fourth ether is at least partially composed of radioactive material.”

476. VSK nhận xét: “Đây quả là một gợi ý lớn, rằng vật chất của dĩ thái thứ tư ít nhất được cấu thành một phần bởi vật liệu phóng xạ.”

477. Radioactive minerals are the highest manifestation of that kingdom. Transmutation of the mineral kingdom means that its highest examples are becoming radioactive and are etherealizing.

477. Các khoáng vật phóng xạ là biểu hiện cao nhất của giới ấy. Sự chuyển hoá của giới kim thạch có nghĩa là những ví dụ cao nhất của nó đang trở nên phóng xạ và đang dĩ thái hóa.

478. The highest members of the mineral kingdom are, therefore, from the strictly physical perspective, *decomposing.* Their composition (as we usually perceive that composition) is disintegrating, and a new locus of expression is found.

478. Vì vậy, các thành viên cao nhất của giới kim thạch, xét từ quan điểm hồng trần thuần túy, đang *phân rã.* Thành phần của chúng (theo cách chúng ta thường tri giác thành phần ấy) đang tan rã, và một điểm biểu lộ mới được tìm thấy.

The mineral kingdom is relatively nearing its **possible** manvantaric perfection,

Giới kim thạch tương đối đang tiến gần đến sự hoàn hảo manvantaric **khả hữu** của nó,

479. We must think of “manvantaric perfection” as related to a round or “Day of Brahma”.

479. Chúng ta phải nghĩ về sự hoàn hảo “manvantaric” như có liên hệ với một cuộc tuần hoàn hay một “Ngày của Brahma”.

480. DK is not talking about any kind of complete perfection but only a “possible” perfection.

480. Chân sư DK không nói về bất kỳ loại hoàn hảo trọn vẹn nào mà chỉ nói về một sự hoàn hảo “khả hữu” mà thôi.

481. There will be other manvantaras and greater perfection will be possible in the, let us say, the fifth round than had been possible in the fourth.

481. Sẽ còn có những manvantara khác và sự hoàn hảo lớn hơn sẽ có thể đạt được trong, chúng ta hãy nói rằng, cuộc tuần hoàn thứ năm hơn là điều đã có thể đạt được trong cuộc tuần hoàn thứ tư.h

482. Of course, if by “manvantara” DK is alluding to a *scheme*-round, then, perhaps, in this fourth scheme round the mineral kingdom is actually reaching “manvantaric perfection”.

482. Dĩ nhiên, nếu bởi “manvantara” Chân sư DK đang ám chỉ một cuộc tuần hoàn của một *hệ hành tinh*, thì có lẽ trong cuộc tuần hoàn thứ tư của hệ hành tinh này, giới kim thạch thực sự đang đạt đến sự hoàn hảo “manvantaric”.

and by the time the seventh round is reached all mineral lives (not forms) [Page 936] will have been transferred to another planet. This will not be so with the other three kingdoms.

và vào lúc đạt đến cuộc tuần hoàn thứ bảy, mọi sự sống kim thạch (không phải các hình tướng) [Page 936] sẽ được chuyển dịch sang một hành tinh khác. Điều này sẽ không xảy ra với ba giới kia.

483. These are simply amazing statements.

483. Đây đơn giản là những phát biểu đáng kinh ngạc.

484. Our planet will enter a state of obscuration. Mineral forms may remain in the seventh round, but the inner lives will have been transferred to another planet.

484. Hành tinh chúng ta sẽ đi vào một trạng thái mờ khuất. Các hình tướng kim thạch có thể còn lại trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, nhưng các sự sống bên trong sẽ được chuyển dịch sang một hành tinh khác.

485. One gets the sense that the planet Vulcan is part of this transference. From Vulcan have come certain lives to gain experience on Earth—so we may hypothesize.

485. Người ta có cảm giác rằng hành tinh Vulcan là một phần của sự chuyển dịch này. Từ Vulcan đã đến một số sự sống để thu nhận kinh nghiệm trên Trái Đất—ít nhất chúng ta có thể giả thuyết như vậy.

486. The mineral kingdom, therefore, will not be of great moment in the seventh round. It is well nigh reaching perfection in this round.

486. Vì vậy, giới kim thạch sẽ không có tầm quan trọng lớn trong cuộc tuần hoàn thứ bảy. Nó gần như đang đạt đến sự hoàn hảo trong cuộc tuần hoàn này.

The etheric deva substance is acted upon in two ways:

Chất liệu thiên thần dĩ thái chịu tác động theo hai cách:

487. DK is still speaking of substance or "material", i.e., of "building essence"..

487. Chân sư DK vẫn đang nói về chất liệu hay "vật liệu", tức là "tinh chất kiến tạo"..

It is awakened into a specific activity by the sounding of the physical plane word, **and it is built into forms by the lesser builders**.

Nó được đánh thức vào một hoạt động đặc thù bởi sự xướng linh từ của cõi hồng trần, **và được các vị tiểu kiến tạo xây dựng thành các hình tướng**.

488. We are speaking of the manner in which etheric devic substance responds to the influences which 'move' it:

488. Chúng ta đang nói về cách mà chất liệu thiên thần dĩ thái đáp ứng với những ảnh hưởng "làm chuyển động" nó:

a. It is awakened by the sounding of the *word* for the physical plane

a. Nó được đánh thức bởi sự xướng *linh từ* dành cho cõi hồng trần

b. It is built into forms by the lesser builders.

b. Nó được các vị tiểu kiến tạo xây dựng thành hình tướng.

489. Again we see that it is indispensable to distinguish matter/substance (or as DK has it here, "etheric deva substance") from the lesser builders.

489. Một lần nữa chúng ta thấy rằng điều không thể thiếu là phải phân biệt vật chất/ chất liệu (hay như Chân sư DK gọi ở đây, "chất liệu thiên thần dĩ thái") với các vị tiểu kiến tạo.

490. This type of discrimination must always be on our minds if we are to avoid confusion.

490. Loại phân biện này phải luôn hiện diện trong trí chúng ta nếu chúng ta muốn tránh sự lẫn lộn.

It will, therefore, be apparent that it comes under the influence of two types of force or energy.

Vì vậy, hiển nhiên là nó chịu ảnh hưởng của hai loại mãnh lực hay năng lượng.

491. This will be discussed in the next commentary.

491. Điều này sẽ được bàn đến trong phần bình luận kế tiếp.

S8S2

TCF 937 - 947

29 October – 13 November 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact

TCF 936 - 947

29 tháng 10 – 13 tháng 11 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị đọc phần Bình Luận này **với quyển *TCF* bên cạnh,** vì mục đích giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô

presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

We will now briefly take up the subject of the work of the devas who build man's etheric and dense physical body.

Bây giờ chúng ta sẽ ngắn gọn bàn đến chủ đề công việc của các thiên thần xây dựng thể dĩ thái và thể xác hồng trần đậm đặc của con người.

1. We have been concentrating upon the physical plane and focusing upon the two types of devas—those who work in the systemic ethers and those who work upon the dense physical subplanes.

1. Chúng ta đã tập trung vào cõi hồng trần và chú tâm vào hai loại thiên thần—những vị hoạt động trong các dĩ thái của hệ và những vị hoạt động trên các cõi phụ hồng trần đậm đặc.

2. It seems that in the last Commentary, DK switched back and forth between a discussion of the two.

2. Có vẻ như trong phần Bình Luận trước, Chân sư DK đã chuyển qua lại giữa việc bàn về hai loại ấy.

3. We have also noted that the terms "devas" can be quite broad. Whereas some uses of the term "devas" can include elementals and even elemental substance (i.e., the 'material' of the planes), the term "elementals" does not include any of the higher or even middling types of devas.

3. Chúng ta cũng đã lưu ý rằng thuật ngữ "thiên thần" có thể rất rộng. Trong khi một số cách dùng thuật ngữ "thiên thần" có thể bao gồm các hành khí và ngay cả chất liệu hành khí (tức "vật liệu" của các cõi), thì thuật ngữ "hành khí" không bao gồm bất kỳ loại thiên thần cao hơn hay thậm chí trung gian nào.

4. We try to remain alert to potential terminological confusion.

4. Chúng ta cố gắng luôn tỉnh táo trước khả năng lẫn lộn về thuật ngữ.

By dividing our thoughts into two sections, we may be able to cover the ground somewhat more easily, dealing first with the building devas and the microcosm and **then with the lesser builders of the etheric levels**.

Bằng cách chia tư tưởng của chúng ta thành hai phần, có lẽ chúng ta sẽ có thể bao quát vấn đề dễ dàng hơn, trước hết bàn đến các thiên thần kiến tạo và tiểu thiên địa và **sau đó đến các vị tiểu kiến tạo của các cấp dĩ thái**.

5. Much depends on what DK means by "the lesser builders of the etheric levels".

5. Nhiều điều tùy thuộc vào việc Chân sư DK muốn nói gì bởi "các vị tiểu kiến tạo của các cấp dĩ thái".

6. We recall this statement:

The **etheric deva substance** is acted upon in two ways: It is awakened into a specific activity by the sounding of the physical plane word, **and it is built into forms by the lesser builders**. (TCF 936)

7. From this we gather that the lesser builders are *not* "etheric deva substance".

8. These thoughts are focused on that borderline between involutionary and evolutionary lives.

d. The Elementals and the Microcosm.

Man and the building devas.

9. Do we find the inference that the "elementals" are the building devas, or that certain of the "elementals" can be considered as such?

10. Some of these terms (for instance, "elementals" and "devas") have a certain 'span' which seems to overlap into the domain of others.

Man, in the process of evolution, as he pursues the method of reincarnation, **works with four types of builders and three major grades of building essence or deva substance**.

11. In what follows below, the interplay of man with various types of devas is described.

6. Chúng ta nhớ lại phát biểu này:

Chất liệu thiên thần dĩ thái chịu tác động theo hai cách: Nó được đánh thức vào một hoạt động đặc thù bởi sự xướng linh từ của cõi hồng trần, **và được các vị tiểu kiến tạo xây dựng thành các hình tướng**. (TCF 936)

7. Từ đây chúng ta rút ra rằng các vị tiểu kiến tạo *không* phải là "chất liệu thiên thần dĩ thái".

8. Những tư tưởng này tập trung vào ranh giới giữa các sự sống giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá.

d. Các Hành khí và Tiểu thiên địa.

Con người và các thiên thần kiến tạo.

9. Chúng ta có tìm thấy sự suy ra rằng các "hành khí" là các thiên thần kiến tạo, hay rằng một số "hành khí" nào đó có thể được xem là như thế không?

10. Một số thuật ngữ này (chẳng hạn "hành khí" và "thiên thần") có một độ bao quát nhất định dường như chồng lấn sang phạm vi của những thuật ngữ khác.

Con người, trong tiến trình tiến hoá, khi theo đuổi phương pháp tái sinh, **làm việc với bốn loại đấng kiến tạo và ba cấp chính của tinh chất kiến tạo hay chất liệu thiên thần**.

11. Trong phần tiếp theo dưới đây, sự tương tác của con người với nhiều loại thiên thần khác nhau được mô tả.

12. Here we have a clear distinction between builders and "building essence or deva substance".

12. Ở đây chúng ta có một sự phân biệt rõ ràng giữa các đấng kiến tạo và "tinh chất kiến tạo hay chất liệu thiên thần".

13. There are so many important words that are used interchangeably. Notice, here, that the word "deva" is associated with substance. Also, when we think of "elemental essence" we usually think of it as that which is "built into" rather than "building", and yet, DK seems to call it "*building* essence".

13. Có quá nhiều từ quan trọng được dùng thay thế cho nhau. Hãy lưu ý rằng ở đây từ "thiên thần" được gắn với chất liệu. Ngoài ra, khi nghĩ đến "Tinh chất hành khí", chúng ta thường nghĩ đến nó như cái được "xây vào" hơn là cái "xây dựng", thế nhưng Chân sư DK dường như gọi nó là "*tinh chất kiến tạo*".

14. The important thing will be to discriminate the true builders on the evolutionary arc (no matter how elemental they may be) from the involutionary "building essence or deva substance" which relatively is passive and comes under the name "recipients of force".

14. Điều quan trọng sẽ là phân biện các đấng kiến tạo đích thực trên cung tiến hoá (dù chúng có tính hành khí đến đâu) với "tinh chất kiến tạo hay chất liệu thiên thần" thuộc cung giáng hạ tiến hoá, vốn tương đối thụ động và được gọi là "những kẻ tiếp nhận mãnh lực".

15. It is at this point that a review should be conducted concerning the three main type of lunar lords on each systemic plane, the third an lowest category of which could be considered more *substantial* than manipulatory or building.

15. Chính tại điểm này cần tiến hành một sự ôn lại liên quan đến ba loại chính của các nguyệt tinh quân trên mỗi cõi của hệ, trong đó loại thứ ba và thấp nhất có thể được xem là mang tính *chất liệu* hơn là thao tác hay kiến tạo.

16. When DK calls "deva substance" by the name "building essence", it is not probable that He is trying to remove the characterization of passivity from such deva substance.

16. Khi Chân sư DK gọi "chất liệu thiên thần" bằng tên "tinh chất kiến tạo", có lẽ Ngài không hề muốn loại bỏ đặc tính thụ động khỏi loại chất liệu thiên thần ấy.

17. When we speak of the four types of builders, we may presume that there is one type for each of the four levels of man's personality nature—the mental vehicle, the astral vehicle, the etheric vehicle and the dense physical vehicle.

17. Khi chúng ta nói đến bốn loại đấng kiến tạo, có thể giả định rằng có một loại cho mỗi một trong bốn cấp độ của bản chất phàm ngã của con người—thể trí, thể cảm dục, thể dĩ thái và thể xác hồng trần đậm đặc.

He [man] connects with **the transmitting devas who are found in connection with**

Y [con người] kết nối với **các thiên thần truyền dẫn được tìm thấy liên hệ với tiểu**

the microcosm on the fourth subplane of the mental plane, and on the atomic subplanes of the astral and physical plane.

thiên địa trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, và trên các cõi phụ nguyên tử của cõi cảm dục và cõi hồng trần.

18. This is an interesting and important *location* for the transmitting devas—presumably, microcosmic "transmitters of the word".

18. Đây là một *vị trí* thú vị và quan trọng đối với các thiên thần truyền dẫn—có lẽ là những "kẻ truyền linh từ" vi mô.

19. The "transmitting devas" are, in relation to the microcosmic, the highest type of devas we have been discussing in recent commentaries.

19. Các "thiên thần truyền dẫn", trong liên hệ với tiểu thiên địa, là loại thiên thần cao nhất mà chúng ta đã bàn đến trong các phần bình luận gần đây.

20. Man is far from a completed being and has not yet lifted the polarization of his consciousness onto the atomic level of the mental plane. Hence the "transmitting devas" of the mental plane are found on its fourth subplane and not on its first.

20. Con người còn xa mới là một hữu thể hoàn tất và chưa nâng sự phân cực tâm thức của mình lên cấp nguyên tử của cõi trí. Vì thế các "thiên thần truyền dẫn" của cõi trí được tìm thấy trên cõi phụ thứ tư của nó chứ không phải trên cõi phụ thứ nhất.

He connects **next** with the devas concerned with:

Tiếp theo, y kết nối với các thiên thần liên quan đến:

1. The mental unit.

1. Đơn vị hạ trí.

2. The astral permanent atom.

2. Nguyên tử trường tồn cảm dục.

3. The physical permanent atom.

3. Nguyên tử trường tồn hồng trần.

21. These are *other* than the transmitting devas. Can they be considered "lunar pitris"? Or are the *true* lunar pitris found only among the "transmitting devas"?

21. Đây là những vị *khác* với các thiên thần truyền dẫn. Có thể xem họ là các "thái âm tổ phụ" không? Hay các thái âm tổ phụ đích thực chỉ được tìm thấy nơi các "thiên thần truyền dẫn"?

22. We may recall when studying devas connected with the various vehicles that there are two types of devas working in connection with the mental unit and permanent atoms.

22. Khi nghiên cứu các thiên thần liên hệ với các vận cụ khác nhau, chúng ta có thể nhớ rằng có hai loại thiên thần hoạt động liên hệ với đơn vị hạ trí và các nguyên tử trường tồn.

a. Those that work with the spirillae of the unit or permanent atoms. (These are the microcosmic "transmitting devas".)

b. Those which gather substance around the permanent atom. (These are those, listed above as concerned with the mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom.)

c. Those which are negative substance

23. The following lengthy quotation (interspersed with commentary) describes these associations. From what is said below, we can gather a good idea of the devas which are associated with the mental unit and the two lower permanent atoms.

We can now trace the progress of egoic energy as it passes down from the abstract levels to the permanent atoms. On each plane the work is threefold, and might be tabulated as follows:

1. The response within the permanent atom to the vibration set up by the solar Pitris; to word it otherwise: the response of the **highest group of lunar Pitris to the chord of the Ego. This definitely affects the spirillae of the atom, according to the stage of evolution of the Ego concerned**.

24. These lunar pitris we can call "transmitting devas" or microcosmic "transmitters of the word"

25. It is these transmitting devas who affect the spirillae in the permanent atom or mental unit.

a. Những vị làm việc với các loa tuyến của đơn vị hay các nguyên tử trường tồn. (Đây là các "thiên thần truyền dẫn" vi mô.)

b. Những vị tập hợp chất liệu quanh nguyên tử trường tồn. (Đây là những vị được liệt kê ở trên như liên hệ với đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần.)

c. Những vị là chất liệu âm

23. Đoạn trích dài sau đây (được xen kẽ với bình luận) mô tả các mối liên hệ này. Từ những gì được nói dưới đây, chúng ta có thể có được một ý niệm khá rõ về các thiên thần liên hệ với đơn vị hạ trí và hai nguyên tử trường tồn thấp hơn.

Giờ đây chúng ta có thể lần theo tiến trình của năng lượng chân ngã khi nó đi xuống từ các cấp trừu tượng đến các nguyên tử trường tồn. Trên mỗi cõi, công việc là tam phân, và có thể được lập bảng như sau:

1. Sự đáp ứng bên trong nguyên tử trường tồn đối với rung động do các thái dương tổ phụ thiết lập; nói cách khác: sự đáp ứng của **nhóm thái âm tổ phụ cao nhất đối với hợp âm của Chân ngã. Điều này tác động rõ rệt lên các loa tuyến của nguyên tử, tùy theo giai đoạn tiến hoá của Chân ngã liên hệ**.

24. Các thái âm tổ phụ này chúng ta có thể gọi là "thiên thần truyền dẫn" hay những "kẻ truyền linh từ" vi mô

25. Chính các thiên thần truyền dẫn này tác động lên các loa tuyến trong nguyên tử trường tồn hay đơn vị hạ trí.

2. The response of the substance to the atomic vibration upon the particular plane involved.

2. Sự đáp ứng của chất liệu đối với rung động nguyên tử trên cõi đặc thù liên hệ.

26. Here, substance, is more than "building essence" or passive "deva substance".

26. Ở đây, chất liệu còn hơn cả "tinh chất kiến tạo" hay "chất liệu thiên thần" thụ động.

This concerns the second group of Pitris, whose function it is to gather together the substance attuned to any particular key, and to aggregate it around the permanent atom.

Điều này liên quan đến nhóm Pitris thứ hai, có chức năng tập hợp chất liệu được chỉnh hợp với bất kỳ chủ âm đặc thù nào, và kết tụ nó quanh nguyên tử trường tồn.

27. We studied the "listening devas" and their gathering function in the preceding commentary and a correlation may be in order.

27. Chúng ta đã nghiên cứu các "Thiên thần lắng nghe" và chức năng tập hợp của họ trong phần bình luận trước, và có lẽ cần có một sự đối chiếu.

They work under the Law of Magnetic Attraction, **and are the attractive energy of the permanent atom.** On a tiny scale each permanent atom has (to the substance of a man's sheaths) a position relative to that which the physical sun holds to the substance of the system. **It is the nucleus of attractive force**.

Họ hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn Từ Tính, **và là năng lượng hấp dẫn của nguyên tử trường tồn.** Trên một quy mô cực nhỏ, mỗi nguyên tử trường tồn có (đối với chất liệu của các thể của một người) một vị trí tương đối giống như vị trí mà mặt trời vật lý giữ đối với chất liệu của hệ. **Nó là hạt nhân của mãnh lực hấp dẫn**.

28. From this description, we can understand the function of the Sun as a 'great attractor'.

28. Từ mô tả này, chúng ta có thể hiểu chức năng của Mặt Trời như một "đại hấp lực".

29. This second group is actually a ***dual*** group consisting of the following types of builders.

29. Nhóm thứ hai này thực ra là một nhóm ***kép*** gồm các loại đấng kiến tạo sau đây.

a. Those who are connected with the permanent atoms.

a. Những vị liên hệ với các nguyên tử trường tồn.

b. Those who are responsible for the building process (TCF 939)

30. It may be necessary, at this point, to correlate information on the "listening devas" and the "seeing elementals" with the two types of builders listed here—those connected with the permanent atoms, and those who are responsible for the building process.

31. The members of this second group are *not* the microcosmic transmitting devas.

32. They are also *not* what DK calls below "negative substance".

3. The response of the **negative substance** concerned and its moulding into the desired form through the dual energy of the two higher groups of Pitris.

33. So that we may retain our clarity, these two higher groups of Pitris are (as here described)—

a. The transmitting devas

b. The devas concerned with the members of the atomic triangle—mental unit, astral permanent atom, and physical permanent atom.

Some thought of the unity of this threefold work has been given in the differentiation of the substance of any plane into:

a. Atomic substance.

b. Những vị chịu trách nhiệm về tiến trình kiến tạo (TCF 939)

30. Có thể tại điểm này cần phải đối chiếu thông tin về các "Thien thần lắng nghe" và các "hành khí thấy" với hai loại đấng kiến tạo được liệt kê ở đây—những vị liên hệ với các nguyên tử trường tồn, và những vị chịu trách nhiệm về tiến trình kiến tạo.

31. Các thành viên của nhóm thứ hai này *không* phải là các thiên thần truyền dẫn vi mô.

32. Họ cũng *không* phải là điều mà Chân sư DK gọi ở dưới là "chất liệu âm".

3. Sự đáp ứng của **chất liệu âm** liên hệ và sự uốn nắn của nó thành hình tướng mong muốn thông qua năng lượng kép của hai nhóm Pitris cao hơn.

33. Để chúng ta giữ được sự minh bạch, hai nhóm Pitris cao hơn này là (như được mô tả ở đây)—

a. Các thiên thần truyền dẫn

b. Các thiên thần liên hệ với các thành phần của tam giác nguyên tử—đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục, và nguyên tử trường tồn hồng trần.

Một số tư tưởng về tính hợp nhất của công việc tam phân này đã được nêu ra trong sự biến phân của chất liệu của bất kỳ cõi nào thành:

a. Chất liệu nguyên tử.

b. Molecular substance.

c. Elemental essence.

This differentiation is not entirely accurate, and a truer idea of the underlying concept might be conveyed if the word "energy" took the place of "substance and essence." **This third group of Pitris is really not correctly termed Pitris at all.**

34. This is a most important statement, and must be remembered when we are classifying the lunar pitris into those who are *builders* and those who are substance or essence who are *built into* form.

The true lunar Pitris are those of the first and highest group, for they embody one aspect of the intelligent will of Brahma, or of God-in-substance. **The third group are literally the lesser Builders, and are blind incoherent forces, subject to the energy emanating from the two higher groups.**

35. When we speak of the "lesser Builders" as "blind incoherent forces" we must be careful to note whether such "builders" are *actually* builders, or whether they are passive deva substance, "building essence" acted upon and 'built into' rather than building.

36. The problem is that the term "builders" is sometimes used to denote those who are acted upon and 'built into' rather than those who actually *build.*

b. Chất liệu phân tử.

c. Tinh chất hành khí.

Sự biến phân này không hoàn toàn chính xác, và một ý niệm chân thực hơn về khái niệm nền tảng có thể được truyền đạt nếu từ "năng lượng" thay thế cho "chất liệu và tinh chất". **Nhóm Pitris thứ ba này thật ra hoàn toàn không được gọi đúng là Pitris.**

34. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng, và phải được ghi nhớ khi chúng ta phân loại các thái âm tổ phụ pitris thành những vị là *đấng kiến tạo* và những vị là chất liệu hay tinh chất được *xây vào trong* hình tướng.

Các thái âm tổ phụ chân chính là những vị thuộc nhóm thứ nhất và cao nhất, vì các vị ấy thể hiện một phương diện của ý chí trí tuệ của Brahma, hay của Thượng đế-trong-chất-liệu. **Nhóm thứ ba theo nghĩa đen là các vị tiểu kiến tạo, và là những mãnh lực mù quáng, rời rạc, phục tùng năng lượng phát ra từ hai nhóm cao hơn.**

35. Khi chúng ta nói về các "vị tiểu kiến tạo" như những "mãnh lực mù quáng, rời rạc", chúng ta phải cẩn thận lưu ý xem những "đấng kiến tạo" như thế có *thật sự* là đấng kiến tạo hay không, hay chúng là chất liệu thiên thần thụ động, là "tinh chất kiến tạo" bị tác động lên và bị 'xây vào trong' hơn là tự xây dựng.

36. Vấn đề là thuật ngữ "đấng kiến tạo" đôi khi được dùng để chỉ những gì bị tác động lên và bị 'xây vào trong' hơn là chỉ những vị thật sự *xây dựng.*

Occultly these three groups are divided into the following:

a. The Pitris who see, but touch nor handle not.

b. The Pitris who touch but see not.

c. The Pitris who hear but neither see nor touch. (TCF 781-783)

37. Presumably, this is a descending list, with the first group designated as "the true lunar Pitris".

38. The "blind incoherent forces" seem to be the third group "c", and 'passively substantial.

39. Although we are not told, we can infer that *hearing* is the property of *all three groups.*

40. The lunar pitris listed above (the first two) are definitely concerned with the mental unit and lower permanent atoms, however, they *may* only be concerned with the *construction* of these points of force and not their normal functioning whilst the man is in incarnation. We will have to observe this to see whether the devas listed by DK as concerned with the mental unit, astral permanent atom, and physical permanent atom are the same as these first two categories of lunar pitris listed immediately above.

41. Having reconsidered an earlier reference, we now continue with the text pertaining to the present commentary—

Một cách huyền bí, ba nhóm này được phân chia như sau:

a. Các Pitris thấy, nhưng không chạm cũng không cầm nắm.

b. Các Pitris chạm, nhưng không thấy.

c. Các Pitris nghe, nhưng không thấy cũng không chạm. (TCF 781-783)

37. Có lẽ đây là một danh sách theo chiều đi xuống, với nhóm thứ nhất được chỉ định là "các thái âm tổ phụ chân chính".

38. Những "mãnh lực mù quáng, rời rạc" dường như là nhóm thứ ba "c", và có tính chất liệu một cách thụ động.

39. Dù chúng ta không được cho biết, chúng ta có thể suy ra rằng *nghe* là đặc tính của *cả ba nhóm.*

40. Các thái âm tổ phụ pitris được liệt kê ở trên (hai nhóm đầu) chắc chắn có liên hệ với đơn vị hạ trí và các nguyên tử trường tồn thấp; tuy nhiên, các vị ấy *có thể* chỉ liên hệ với *sự kiến tạo* các điểm mãnh lực này chứ không phải với sự vận hành bình thường của chúng khi con người đang lâm phàm. Chúng ta sẽ phải quan sát điều này để xem liệu các thiên thần được Chân sư DK liệt kê là liên hệ với đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục, và nguyên tử trường tồn hồng trần có phải chính là hai loại thái âm tổ phụ pitris đầu tiên vừa được liệt kê ở trên hay không.

41. Sau khi xem xét lại một dẫn chiếu trước đó, giờ đây chúng ta tiếp tục với bản văn liên quan đến phần bình giải hiện tại—

He [man] **co-operates with the work of the building devas who form the etheric body**, and **influences the building devas of the dense physical substances**, so that the necessary physical vehicle for his objective manifestation becomes an actuality.

Y [man] **hợp tác với công việc của các thiên thần kiến tạo tạo thành thể dĩ thái**, và **ảnh hưởng đến các thiên thần kiến tạo của các chất liệu hồng trần đậm đặc**, để vận cụ hồng trần cần thiết cho sự biểu hiện khách quan của y trở thành hiện thực.

42. It does seem that we are speaking of the stages involved in *creating* a *physical* vehicle for microcosmic objective manifestation. In this case, the lunar pitris discussed above would definitely be involved.

42. Dường như rõ ràng là chúng ta đang nói về các giai đoạn liên quan đến việc *tạo ra* một vận cụ *hồng trần* cho sự biểu hiện khách quan của tiểu thiên địa. Trong trường hợp này, các thái âm tổ phụ pitris được bàn đến ở trên chắc chắn có liên hệ.

43. We note that the man has two approaches: he "cooperates" and "influences".

43. Chúng ta lưu ý rằng con người có hai cách tiếp cận: y "hợp tác" và "ảnh hưởng".

a. He *cooperates* with the building devas who form his etheric body

a. Y *hợp tác* với các thiên thần kiến tạo tạo thành thể dĩ thái của y

b. He *influences* the building devas of the dense physical substances.

b. Y *ảnh hưởng* đến các thiên thần kiến tạo của các chất liệu hồng trần đậm đặc.

44. Let us pause to notice that we are discussing *two* types of "building devas":

44. Chúng ta hãy dừng lại để lưu ý rằng chúng ta đang bàn đến *hai* loại "thiên thần kiến tạo":

a. "Building devas" who form the etheric body of man

a. "Các thiên thần kiến tạo" tạo thành thể dĩ thái của con người

b. "Building devas" who work within the dense physical substances.

b. "Các thiên thần kiến tạo" hoạt động bên trong các chất liệu hồng trần đậm đặc.

45. It is at this point that we should remember some of the ambiguities which seemed to appear in the last commentary, when we were speaking of those "seeing elementals" who were responsible either for building the etheric doubles of various kinds of forms, or for building the physical vehicles of many kinds of forms *or for* ***both***.

45. Chính tại điểm này chúng ta nên nhớ lại một số điểm mơ hồ dường như đã xuất hiện trong phần bình giải trước, khi chúng ta nói về những "hành khí thấy" chịu trách nhiệm hoặc là xây dựng các bản sao dĩ thái của nhiều loại hình tướng khác nhau, hoặc là xây dựng các vận cụ hồng trần của nhiều loại hình tướng *hay* ***cả hai***.

46. We may remember that there are certain devas which a man must obey, but others with which he cooperates and still others whom he must command or direct. We are given an idea, here, of the last two categories:

46. Chúng ta có thể nhớ rằng có những thiên thần nhất định mà con người phải tuân phục, nhưng có những vị khác mà y hợp tác cùng, và còn những vị khác nữa mà y phải ra lệnh hoặc chỉ đạo. Ở đây, chúng ta được cho một ý niệm về hai loại sau cùng:

a. Man is to *cooperate* with the building devas who form the etheric body.

a. Con người phải *hợp tác* với các thiên thần kiến tạo tạo thành thể dĩ thái.

b. He is to *influence* those devas who work in the dense physical (unprincipled) substance.

b. Y phải *ảnh hưởng* đến những thiên thần hoạt động trong chất liệu hồng trần đậm đặc (không nguyên khí).

47. Apparently, in these sections of text, we are not talking about man the magician while in incarnation in the three lower worlds. Instead we are talking about man in the process of building his own vehicles and the devas and lesser lives with which he must interact as he does so.

47. Rõ ràng, trong những đoạn văn này, chúng ta không nói về con người như nhà huyền thuật khi đang lâm phàm trong ba cõi thấp. Thay vào đó, chúng ta đang nói về con người trong tiến trình xây dựng các vận cụ của chính mình và các thiên thần cùng những sự sống nhỏ bé mà y phải tương tác khi làm như vậy.

These [those listed above] are the four main groups of devas which come under the influence of any particular Ego.

Những vị này [those listed above] là bốn nhóm thiên thần chính chịu dưới ảnh hưởng của bất kỳ Chân ngã cá biệt nào.

48. How shall we list these four groups. Here is one possibility:

48. Chúng ta sẽ liệt kê bốn nhóm này như thế nào? Đây là một khả năng:

a. The transmitting devas

a. Các thiên thần truyền dẫn

b. Các thiên thần liên hệ với đơn vị hạ trí,

b. The devas concerned with the mental unit,

c. The devas concerned with the astral permanent atom

d. The devas concerned with the physical permanent atom.

e. (If one checks the lengthy quotation above, it will emerge that devas listed under "b., c., and d." can be divided into two groups, only one of which definitely affects the permanent atoms) The other seem to be "builders" of a different and lesser category (though not passive, negative substance)..

f. Thus, with this way of counting, we would have four groups.

g. But in foregoing pages, and in other commentaries, other types of devas like "transmitters of prana" have been listed. So we must proceed with caution if we are to preserve the necessary distinctions.

49. Here the kinds of devas we have been discussing (in this case, those connected with the systemic physical plane) are tabulated in a different manner which must be correlated with our present method of distinguishing them.

The three groups function as follows:

Group A. on the first subplane. They are the sumtotal of the atomic matter of the physical plane.

c. Các thiên thần liên hệ với nguyên tử trường tồn cảm dục

d. Các thiên thần liên hệ với nguyên tử trường tồn hồng trần.

e. (Nếu kiểm tra đoạn trích dài ở trên, sẽ thấy rằng các thiên thần được liệt kê dưới "b., c., và d." có thể được chia thành hai nhóm, chỉ một trong hai nhóm chắc chắn tác động đến các nguyên tử trường tồn.) Nhóm kia dường như là các "đấng kiến tạo" thuộc một loại khác và thấp hơn (dù không phải là chất liệu thụ động, tiêu cực).

f. Như vậy, với cách đếm này, chúng ta sẽ có bốn nhóm.

g. Nhưng trong các trang trước, và trong những phần bình giải khác, các loại thiên thần khác như "những vị truyền dẫn prana" đã được liệt kê. Vì vậy chúng ta phải tiến hành một cách thận trọng nếu muốn giữ được những phân biệt cần thiết.

49. Ở đây, các loại thiên thần mà chúng ta đã bàn đến (trong trường hợp này là những vị liên hệ với cõi hồng trần hệ thống) được lập bảng theo một cách khác, và điều này phải được đối chiếu với phương pháp phân biệt hiện tại của chúng ta.

Ba nhóm vận hành như sau:

Nhóm A. trên cõi phụ thứ nhất. Họ là tổng thể của vật chất nguyên tử của cõi hồng trần.

Group B. on the second, third and fourth etheric subplanes. They are the substance of those planes, the transmitters of prana, through which prana flows to the most concrete aspects of the logoic dense vahan, or vehicle.

Nhóm B. trên các cõi phụ dĩ thái thứ hai, thứ ba và thứ tư. Họ là chất liệu của các cõi ấy, là những vị truyền dẫn prana, qua đó prana chảy đến các phương diện cụ thể nhất của vahan đậm đặc của Thượng đế, hay vận cụ của Ngài.

Group C. the lowest three subplanes; they are the devas who are the essences of all that is tangible, visible and objective. (TCF 636)

Nhóm C. ba cõi phụ thấp nhất; họ là các thiên thần là tinh chất của mọi điều có thể sờ chạm, nhìn thấy và khách quan. (TCF 636)

50. We must also remind ourselves of another way of categorizing the devas:

50. Chúng ta cũng phải tự nhắc mình về một cách khác để phân loại các thiên thần:

Therefore, in connection with manifestation on the physical plane the devas may be divided into three groups:

Vì vậy, liên quan đến sự biểu hiện trên cõi hồng trần, các thiên thần có thể được chia thành ba nhóm:

1. *The transmitters of the will of God*, the originators of activity in deva substance. These are the greater builders in their various groups.

1. *Những vị truyền dẫn Ý Chí của Thượng Đế*, những vị khởi phát hoạt động trong chất liệu thiên thần. Đây là các đấng đại kiến tạo trong những nhóm khác nhau của các vị ấy.

2. *The manipulators of the initiated energy*. These are the myriads of workers with force who transmit the impulse in their turn to the elemental essence. They are the builders of lesser degree, but are on the evolutionary arc as are the first group.

2. *Những vị thao tác năng lượng đã được điểm đạo*. Đây là vô số người hoạt động với mãnh lực, đến lượt mình truyền xung lực đến tinh chất hành khí. Họ là các đấng kiến tạo ở cấp thấp hơn, nhưng ở trên cung tiến hoá cũng như nhóm thứ nhất.

3. *The recipients of force*, the sumtotal of the living substance of a plane. These lives are passive in the hands of the builders of greater degree. (TCF 890)

3. *Những vị tiếp nhận mãnh lực*, là tổng thể của chất liệu sống của một cõi. Những sự sống này thụ động trong tay các đấng kiến tạo ở cấp cao hơn. (TCF 890)

51. With regard to "recipients of force" are we speaking of the most passive deva lives, of "building essence" as mentioned below, or of the lowest category of those which still *build* rather than being *built into?*

51. Liên quan đến "những vị tiếp nhận mãnh lực", liệu chúng ta đang nói đến những sự sống thiên thần thụ động nhất, đến "tinh chất kiến tạo" như được nhắc đến bên dưới, hay đến loại thấp nhất trong số những vị vẫn còn *xây dựng* thay vì bị *xây vào*

Terminologically, this is an important question.

52. Are we to add two other groups to the four mentioned above—transmitters and those concerned with the mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom? Namely—

a. The building devas who form the etheric body

b. The building devas of the dense physical substances.

53. Or are these two categories of devas simply to be found under the devas concerned with the physical permanent atom?

54. There seem to be so many types of devas (with more than one name indicating the same type) that we must proceed with caution in order to maintain clarity.

They [probably the four types under consideration] unitedly [Page 937] produce the lower man, and bring into manifestation the Personality, that reflection of the Ego and shadow of the Monad.

55. The personality is, in general, regarded as *fourfold* and so it makes sense that four groups of devas would, unitedly, bring the personality into manifestation.

56. There are of course more types of devas or deva substance than four, but we should keep the broad outlines intact before going into the many details and sub-classifications.

trong? Về mặt thuật ngữ, đây là một câu hỏi quan trọng.

52. Chúng ta có nên thêm hai nhóm khác vào bốn nhóm đã nêu ở trên—những vị truyền dẫn và những vị liên hệ với đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần? Cụ thể là—

a. Các thiên thần kiến tạo tạo thành thể dĩ thái

b. Các thiên thần kiến tạo của các chất liệu hồng trần đậm đặc.

53. Hay hai loại thiên thần này chỉ đơn giản được tìm thấy dưới nhóm các thiên thần liên hệ với nguyên tử trường tồn hồng trần?

54. Dường như có quá nhiều loại thiên thần (với hơn một tên gọi chỉ cùng một loại) đến mức chúng ta phải tiến hành thận trọng để duy trì sự minh bạch.

Các vị ấy [probably the four types under consideration] cùng nhau [Page 937] tạo ra phàm nhân, và đưa Phàm ngã vào biểu hiện, là sự phản chiếu của Chân ngã và cái bóng của chân thần.

55. Phàm ngã, nói chung, được xem là *tứ phân*, và vì thế thật hợp lý khi bốn nhóm thiên thần cùng nhau đưa phàm ngã vào biểu hiện.

56. Dĩ nhiên có nhiều loại thiên thần hay chất liệu thiên thần hơn là bốn, nhưng chúng ta nên giữ nguyên những nét đại cương trước khi đi vào nhiều chi tiết và phân loại phụ.

57. Thus far we have listed four groups of devas who work upon "building essence" as it is called immediately below.

The three grades of **building essence** which are **built into forms** through the activity of the above four groups are here briefly recognised as the **mental substance, built into the mental body, the astral substance, built into the astral vehicle and the matter of the physical body.**

58. Here is a *most important* section of text.

59. The term "building essence" is a very useful concept and has not appeared in the book before this point. If we can remember the equivalence between "building essence" and "deva substance", we will be in a position to discriminate these types of involutionary lives from the lowest types of true builders

60. DK gives us three kinds of building essence or deva substance:

a. Mental substance built into the mental body

b. Astral substance built into the astral vehicle

c. Etheric-physical substance (He simply calls it "matter of the physical body") built into the etheric-physical body.

61. DK began this section of text by mentioning seven types of devic lives or substance—

57. Cho đến nay chúng ta đã liệt kê bốn nhóm thiên thần hoạt động trên "tinh chất kiến tạo" như được gọi ngay bên dưới.

Ba cấp độ của **tinh chất kiến tạo** được **xây vào trong các hình tướng** thông qua hoạt động của bốn nhóm trên đây, ở đây được nhìn nhận một cách vắn tắt là **chất liệu trí tuệ, được xây vào trong thể trí, chất liệu cảm dục, được xây vào trong vận cụ cảm dục, và vật chất của thể xác.**

58. Đây là một đoạn văn *hết sức quan trọng*.

59. Thuật ngữ "tinh chất kiến tạo" là một khái niệm rất hữu ích và chưa xuất hiện trong sách trước điểm này. Nếu chúng ta có thể ghi nhớ sự tương đương giữa "tinh chất kiến tạo" và "chất liệu thiên thần", chúng ta sẽ ở vào vị thế có thể phân biện các loại sự sống giáng hạ tiến hoá này với những loại thấp nhất của các đấng kiến tạo chân chính.

60. Chân sư DK cho chúng ta ba loại tinh chất kiến tạo hay chất liệu thiên thần:

a. Chất liệu trí tuệ được xây vào trong thể trí

b. Chất liệu cảm dục được xây vào trong vận cụ cảm dục

c. Chất liệu dĩ thái-hồng trần (Ngài chỉ đơn giản gọi là "vật chất của thể xác") được xây vào trong thể dĩ thái-hồng trần.

61. Chân sư DK đã bắt đầu đoạn văn này bằng cách đề cập đến bảy loại sự sống thiên thần hay chất liệu—

Man, in the process of evolution, as he pursues the method of reincarnation, **works with four types of builders and three major grades of building essence or deva substance**

Con người, trong tiến trình tiến hoá, khi theo đuổi phương pháp luân hồi, **làm việc với bốn loại đấng kiến tạo và ba cấp độ chính của tinh chất kiến tạo hay chất liệu thiên thần**

and it if we can keep these numbers relatively clear in our minds, we will have the kind of picture we need for understanding.

và nếu chúng ta có thể giữ những con số này tương đối rõ ràng trong tâm trí, chúng ta sẽ có được loại bức tranh cần thiết cho sự thấu hiểu.

62. Our problem is that there are quite a number of tabulations concerning the devas, and some of these tabulations deal with the same lives or entities, but from different perspectives.

62. Vấn đề của chúng ta là có khá nhiều bảng phân loại liên quan đến các thiên thần, và một số bảng trong đó bàn đến cùng những sự sống hay thực thể ấy, nhưng từ những góc nhìn khác nhau.

63. A really organized approach to the categorization of the devas has not yet been successfully undertaken (to my knowledge). It would be a task of great complexity and one would have to proceed very cautiously to avoid confusion.

63. Theo chỗ tôi biết, một cách tiếp cận thật sự có tổ chức đối với việc phân loại các thiên thần vẫn chưa được thực hiện thành công. Đó sẽ là một công việc cực kỳ phức tạp, và người ta sẽ phải tiến hành hết sức thận trọng để tránh nhầm lẫn.

These seven groups

Bảy nhóm này

64. Four types of builders and three types of building essence--

64. Bốn loại đấng kiến tạo và ba loại tinh chất kiến tạo--

form, in their totality, what we might call the Brahma aspect of the microcosm.

hợp thành, trong tính toàn thể của chúng, điều mà chúng ta có thể gọi là phương diện Brahma của tiểu thiên địa.

65. Let us remember that this discussion is no longer about the macrocosm but about the microcosm.

65. Chúng ta hãy nhớ rằng cuộc thảo luận này không còn nói về đại thiên địa nữa mà nói về tiểu thiên địa.

66. The Brahma aspect of the microcosm is everything that concerns the personality of man.

66. Phương diện Brahma của tiểu thiên địa là mọi điều liên quan đến phàm ngã của con người.

67. It does not include that which concerns his egoic nature or his monadic nature.

67. Nó không bao gồm những gì liên quan đến bản chất chân ngã hay bản chất chân thần của y.

From another point of view, we may be considered as studying the action of the solar Angel, or Lord, upon the lunar angels,

Từ một góc nhìn khác, chúng ta có thể được xem như đang nghiên cứu tác động của Thái dương Thiên Thần, hay Chúa, lên các thiên thần thái âm,

68. DK discussed the matter from this perspective in the lengthy quotation interpolated above.

68. Chân sư DK đã bàn về vấn đề này từ góc nhìn ấy trong đoạn trích dài được chèn vào ở trên.

69. Notice that He does not differentiate between a "solar Angel" or 'solar Lord'. Probably, the term "Solar Pitri" would also be an equivalent.

69. Hãy lưu ý rằng Ngài không phân biệt giữa một "Thái dương Thiên Thần" và một 'Thái dương Chúa'. Có lẽ thuật ngữ "Solar Pitri" cũng là một từ tương đương.

70. There are hints at distinctions between those three terms, but they are also, apparently, used interchangeably, just as the terms "Planetary Logos" and "Heavenly Man" are used interchangeably.

70. Có những gợi ý về sự phân biệt giữa ba thuật ngữ ấy, nhưng dường như chúng cũng được dùng thay thế cho nhau, cũng như các thuật ngữ "Hành Tinh Thượng Đế" và "Đấng Thiên Nhân" được dùng thay thế cho nhau.

and the process whereby the solar Lord imposes a certain rhythm and vibration upon different aspects of lower manifestation.

và tiến trình nhờ đó Thái dương Chúa áp đặt một nhịp điệu và rung động nhất định lên các phương diện khác nhau của biểu hiện thấp.

71. The rhythm and vibration imposed upon the "lunar angels" by the "solar Lord" is accomplished through the sounding of certain *mantrams* which are created by the "solar Lord" in response to a transmitted Word of Power.

71. Nhịp điệu và rung động được "Thái dương Chúa" áp đặt lên các "thiên thần thái âm" được thực hiện thông qua việc xướng lên những *mantrams* nhất định do "Thái dương Chúa" tạo ra để đáp ứng một Quyền năng từ được truyền xuống.

Esoterically, this is all hidden in the words of a very ancient writing, which says:

Một cách huyền bí, tất cả điều này đều được che giấu trong lời của một bản văn rất cổ, nói rằng:

"As the moon revolves, she reflects. As she reflects, she causes response in that which

"Khi mặt trăng xoay chuyển, nàng phản chiếu. Khi nàng phản chiếu, nàng gây ra sự

failed to radiate. These three, the Sun, the Moon, and the Mother, produce **that which pursues a tiny cycle, and burns."**

đáp ứng nơi cái đã không phát sáng. Ba điều này, Mặt Trời, Mặt Trăng, và Mẹ, tạo ra **điều theo đuổi một chu kỳ nhỏ bé, và cháy lên."**

72. The words are certainly obscure.

72. Những lời này quả thật mơ hồ.

73. If the Moon "reflects" she does so because of the Sun.

73. Nếu Mặt Trăng "phản chiếu" thì nàng làm như vậy là do Mặt Trời.

74. We seem to be speaking of the effect of the solar builders upon the lunar builders, and, then, the effect of the lunar builders upon the "building essence" or deva substance which, technically, could be called the "Mother".

74. Dường như chúng ta đang nói về tác động của các đấng kiến tạo thái dương lên các đấng kiến tạo thái âm, rồi đến tác động của các đấng kiến tạo thái âm lên "tinh chất kiến tạo" hay chất liệu thiên thần mà, về mặt kỹ thuật, có thể được gọi là "Mẹ".

75. How shall we determine the nature of "that which pursued a tiny cycle and burns"? Certainly, this could be the human being. Even the long evolutionary period of a human being is relatively a tiny cycle. Further, every incarnation is a tiny cycle and as the incarnations proceed, the burning process proceeds.

75. Chúng ta sẽ xác định bản chất của "điều đã theo đuổi một chu kỳ nhỏ bé và cháy lên" như thế nào? Chắc chắn, đó có thể là con người. Ngay cả thời kỳ tiến hoá dài lâu của một con người cũng tương đối là một chu kỳ nhỏ bé. Hơn nữa, mỗi lần nhập thể là một chu kỳ nhỏ bé, và khi các lần nhập thể tiếp diễn, tiến trình cháy cũng tiếp diễn.

The first step of the Ego towards producing a "shadow" is expressed in the words "**The Ego sounds his note**."

Bước đầu tiên của Chân ngã hướng tới việc tạo ra một "cái bóng" được biểu lộ trong những lời "**Chân ngã xướng lên âm điệu của mình**."

76. We are speaking of the manner in which incarnation is sought by the Ego.

76. Chúng ta đang nói về cách thức mà Chân ngã tìm kiếm sự nhập thể.

77. The first note to be sounded in the process of creating vehicles for manifestation is the egoic note. This it the beginning of the magical incarnational process.

77. Âm điệu đầu tiên được xướng lên trong tiến trình tạo ra các vận cụ cho sự biểu hiện là âm điệu chân ngã. Đây là khởi đầu của tiến trình nhập thể huyền thuật.

He utters his voice, and (as in the logoic process) **the lesser "army of the voice" responds immediately to it**.

Y cất lên tiếng nói của mình, và (như trong tiến trình logoi) **Đạo Quân của Âm Thanh nhỏ hơn lập tức đáp ứng với nó**.

78. We are dealing with the microcosmic reflection of the logoic process.

78. Chúng ta đang xử lý sự phản chiếu vi mô của tiến trình logoi.

79. We have to remember that there are *greater members* of the Army of the Voice to be found on the cosmic etheric planes, with the exception of the logoic plane (in some manner, represented even there).

79. Chúng ta phải nhớ rằng có những *thành viên lớn hơn* của Đạo Quân của Âm Thanh được tìm thấy trên các cõi dĩ thái vũ trụ, ngoại trừ cõi logoi (dù theo một cách nào đó, ngay cả ở đó cũng có sự biểu hiện của chúng).

80. We are, however, speaking of the *lesser* Army of the Voice (an important distinction).

80. Tuy nhiên, chúng ta đang nói về Đạo Quân của Âm Thanh *nhỏ hơn* (một sự phân biệt quan trọng).

81. This *lesser* army is to be found within the realm of Brahma—i.e., within the lower eighteen systemic subplanes.

81. Đạo quân *nhỏ hơn* này được tìm thấy trong phạm vi của Brahma—tức là trong mười tám cõi phụ thấp của hệ thống.

According to the tone and quality of the voice, so is the nature of the responsive agents.

Tùy theo âm sắc và phẩm tính của tiếng nói mà bản chất của các tác nhân đáp ứng cũng như vậy.

82. We realize that there are a great number of responsive agents. We have been classifying them, and tabulating them, even though, so far, that classification is not precisely rendered.

82. Chúng ta nhận ra rằng có một số lượng rất lớn các tác nhân đáp ứng. Chúng ta đã phân loại và lập bảng chúng, dù cho cho đến nay sự phân loại ấy vẫn chưa được trình bày một cách chính xác.

According to the depth or height of the note, and according to its volume, so is the status or grade of building deva which replies to the call.

Tùy theo độ sâu hay độ cao của âm điệu, và tùy theo âm lượng của nó, mà địa vị hay cấp bậc của thiên thần kiến tạo đáp lời tiếng gọi cũng như vậy.

83. We can see how much depends upon the *quality* of the egoic note sounded. Tone, quality, depth, height volume—all these determine the status or grade of the building deva which responds to the Ego's call.

83. Chúng ta có thể thấy biết bao điều tùy thuộc vào *phẩm tính* của âm điệu chân ngã được xướng lên. Âm sắc, phẩm tính, độ sâu, độ cao, âm lượng—tất cả những điều này quyết định địa vị hay cấp bậc của thiên thần kiến tạo đáp ứng tiếng gọi của Chân ngã.

84. There are a number of groups of building devas who must respond to this not, but

84. Có một số nhóm thiên thần kiến tạo phải đáp ứng âm điệu này, nhưng trong các nhóm

within these groups, there are those of different quality and of different ray tone or coloration. Because of these distinctions, there will be *differential response.*

ấy có những vị khác nhau về phẩm tính và khác nhau về âm sắc hay sắc thái cung. Vì những khác biệt này, sẽ có *sự đáp ứng sai biệt.*

This egoic note produces, therefore, certain effects:

Vì vậy, âm điệu chân ngã này tạo ra những hiệu quả nhất định:

It sweeps into activity devas who proceed to transmit the sound. **They utter a word.**

Nó cuốn vào hoạt động những thiên thần tiến hành truyền dẫn âm thanh. **Họ phát ra một từ.**

85. Again we see the phrase "sweeps into activity" indicating the irresistible power of one deva group over another—the Ego, from one perspective, is a deva or, at least, strongly infused by that deva we call the Solar Angel.

85. Một lần nữa chúng ta thấy cụm từ "cuốn vào hoạt động" cho thấy quyền năng không thể cưỡng lại của một nhóm thiên thần đối với nhóm khác—Chân ngã, từ một góc nhìn, là một thiên thần hoặc ít nhất được thấm nhuần mạnh mẽ bởi thiên thần mà chúng ta gọi là Thái dương Thiên Thần.

86. Here we reference the microcosmic parallels of those who, macrocosmically, are known as "Transmitters of the Word".

86. Ở đây chúng ta đang dẫn chiếu đến những tương đồng vi mô của những vị, ở cấp đại thiên địa, được biết đến như "Những vị Truyền Dẫn Linh từ".

87. We also studied earlier the threefold sequence of the "WORD", the Mantram(s) and the Formula(s), involving three grades of devic beings.

87. Trước đây chúng ta cũng đã nghiên cứu chuỗi tam phân của "LINH TỪ", Mantram(s) và Formula(s), liên quan đến ba cấp độ hữu thể thiên thần.

88. We are speaking of a high group of devas. The microcosmic "transmitters of the word" are higher in their development than even the highest type of microcosmic building devas.

88. Chúng ta đang nói về một nhóm thiên thần cao. Những "vị truyền dẫn linh từ" ở cấp vi mô cao hơn trong sự phát triển của họ so với ngay cả loại thiên thần kiến tạo vi mô cao nhất.

89. We may repeat again that the "transmitters" are not the "builders", per se.

89. Chúng ta có thể lặp lại một lần nữa rằng những "vị truyền dẫn" không phải là "đấng kiến tạo", chính chúng.

It reaches **the listening devas of the second grade** who take up the word and **proceed to**

Nó đến với **những thiên thần lắng nghe thuộc cấp thứ hai**, những vị tiếp nhận từ ấy

elaborate it into what might be called a mantric phrase.

và **tiến hành khai triển nó thành điều có thể được gọi là một cụm từ mantram.**

90. We are examining the creative process within the microcosm.

90. Chúng ta đang khảo sát tiến trình sáng tạo bên trong tiểu thiên địa.

91. Those who have first received the Ego's tonal impulse have transmitted a "word" and it has been received by listening deva of the second grade.

91. Những vị đầu tiên tiếp nhận xung lực âm điệu của Chân ngã đã truyền đi một "từ", và nó đã được các thiên thần lắng nghe thuộc cấp thứ hai tiếp nhận.

92. Let us see if we can become increasingly certain as to the nature of the "listening devas".

92. Hãy xem liệu chúng ta có thể ngày càng chắc chắn hơn về bản chất của "các thiên thần lắng nghe" hay không.

93. If you search above in the large interpolation of text above (TCF 781-783), you will find their function described. These devas are the "attractive energy of the permanent atom". They work through magnetism and are aggregators of substance which is attuned to the transmitted note (with all its variable including the key).

93. Nếu các bạn tìm ở trên trong đoạn nội suy lớn của bản văn phía trên (TCF 781-783), các bạn sẽ thấy chức năng của họ được mô tả. Các thiên thần này là "năng lượng hấp dẫn của nguyên tử trường tồn". Họ hoạt động qua từ điện và là những vị kết tập chất liệu được điều chỉnh theo âm điệu được truyền xuống (với tất cả các biến thể của nó, kể cả chủ âm).

94. Immediately below is an excerpt from that large section of interpolated text.

94. Ngay bên dưới là một đoạn trích từ phần lớn của bản văn nội suy ấy.

2. The response of the substance to the atomic vibration upon the particular plane involved. **This concerns the second group of Pitris, whose function it is to gather together the substance attuned to any particular key, and to aggregate it around the permanent atom.** They work under the Law of Magnetic Attraction, **and are the attractive energy of the permanent atom.** On a tiny scale each permanent atom has (to the substance of a man's sheaths) a position relative to that which the physical sun holds to the substance of the system. **It is the nucleus of attractive force**

2. Sự đáp ứng của chất liệu đối với rung động nguyên tử trên cõi đặc thù có liên quan. **Điều này liên quan đến nhóm Pitris thứ hai, có chức năng là tập hợp chất liệu được điều chỉnh theo bất kỳ chủ âm đặc thù nào, và kết tụ nó quanh nguyên tử trường tồn.** Họ hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn Từ Tính, **và là năng lượng hấp dẫn của nguyên tử trường tồn.** Ở một quy mô nhỏ bé, mỗi nguyên tử trường tồn có (đối với chất liệu của các thể của một người) một vị trí tương đối giống như vị trí mà mặt trời vật lý giữ đối với chất liệu của hệ thống. **Nó là hạt nhân của mãnh lực hấp dẫn**

95. The listening devas of the second grade, we are told, elaborate the transmitted "word" into a mantric phrase.

95. Chúng ta được cho biết rằng các thiên thần lắng nghe thuộc cấp thứ hai khai triển "từ" được truyền xuống thành một cụm từ mantram.

96. This is the place to interpolate a reference which encapsulates this idea, *though on a higher turn of the spira*l. The devas we are now studying are functioning beneath the level of the Ego and within the realm of personality. Still the idea of a relationship between a three devic types—a transmitter, a mantric formulator and one who manipulates according to mathematical formulas is preserved.

96. Đây là chỗ để chèn vào một dẫn chiếu bao quát ý tưởng này, *dù ở một vòng xoắn cao hơn*. Các thiên thần mà chúng ta hiện đang nghiên cứu hoạt động bên dưới cấp độ của Chân ngã và trong phạm vi của phàm ngã. Tuy nhiên, ý tưởng về một mối liên hệ giữa ba loại thiên thần—một vị truyền dẫn, một vị tạo lập mantram và một vị thao tác theo các công thức toán học—vẫn được bảo tồn.

97. We have somewhat studied this process about a hundred a fifty pages ago:

97. Chúng ta đã phần nào nghiên cứu tiến trình này khoảng một trăm năm mươi trang trước:

Each Identity concerned proceeds to sound a WORD. This sound expands into a mantram and the solar angels vibrate in response. There is a point of interest to be noted here.

Mỗi Bản Sắc có liên quan tiến hành xướng lên một LINH TỪ. Âm thanh này mở rộng thành một mantram và các thái dương Thiên Thần rung động để đáp ứng. Có một điểm đáng chú ý ở đây.

a. The first aspect works through a Word of Power.

a. Phương diện thứ nhất hoạt động qua một Quyền năng từ.

b The second aspect works through mantric combinations.

b Phương diện thứ hai hoạt động qua các tổ hợp mantram.

c. The third aspect works through mathematical formulas. (TCF 771)

c. Phương diện thứ ba hoạt động qua các công thức toán học. (TCF 771)

98. The "transmitters", "listening devas" who are 'mantric formulators' and those still lesser devas who build, are all of them working under the use of "mathematical formulas" which is the method of all lunar devas. It is the Solar Angels who are the true

98. Những "vị truyền dẫn", "các thiên thần lắng nghe" là những vị 'tạo lập mantram' và những thiên thần thấp hơn nữa là những vị xây dựng, tất cả đều đang hoạt động dưới việc sử dụng "các công thức toán học", vốn là phương pháp của mọi thiên thần thái âm. Chính các Thái dương Thiên Thần mới là

and original workers "through mantric combination".

những người hoạt động chân chính và nguyên thủy "qua các tổ hợp mantram".

99. We should also interpolate the macrocosmic reference concerning the fifth systemic plane—the plane whereon the Solar Angels find their major expression to this time.

99. Chúng ta cũng nên chèn vào dẫn chiếu đại thiên địa liên quan đến cõi thứ năm của hệ thống—cõi mà trên đó các Thái dương Thiên Thần tìm thấy sự biểu hiện chính yếu của mình cho đến thời điểm này.

The logoic Phrase...Fifth plane...The plane of the logoic mantram of 35 stanzas. The gaseous body.(TCF 928)

Cụm từ logoi...Cõi thứ năm...Cõi của mantram logoi gồm 35 bài kệ. Thể khí.(TCF 928)

The building process [carried on the by the building devas who receive the transmitted word] definitely begins in **a sequential threefold manner**. The [Page 938] mental body begins to co-ordinate in three stages.

Tiến trình kiến tạo [carried on the by the building devas who receive the transmitted word] chắc chắn bắt đầu theo **một cách tam phân tuần tự**. Thể trí [Page 938] bắt đầu phối hợp trong ba giai đoạn.

100. It may be supposed that the mantrams devised by the devas of the second order are magnetic in their effect and work towards the gathering and coordination of the substance which will become the various personality vehicles.

100. Có thể giả định rằng các mantram do các thiên thần thuộc cấp thứ hai tạo ra có tác dụng từ tính và hướng đến việc tập hợp và phối hợp chất liệu sẽ trở thành các vận cụ khác nhau của phàm ngã.

101. The thing to keep in mind in all this apparent complexity is that the "transmitters" are not the "listeners" or the "builders.

101. Điều cần ghi nhớ giữa tất cả sự phức tạp bề ngoài này là những "vị truyền dẫn" không phải là những "vị lắng nghe" hay những "đấng kiến tạo".

102. We note the sequentiality of the building process and remember that all proceeds according to law and in order.

102. Chúng ta lưu ý tính tuần tự của tiến trình kiến tạo và nhớ rằng mọi sự đều tiến hành theo định luật và trong trật tự.

All the building stages overlap. When, for instance, the co-ordination of the mental body is in its second stage, the first stage of astral concretion begins.

Mọi giai đoạn kiến tạo đều chồng lấn lên nhau. Chẳng hạn, khi sự phối hợp của thể trí đang ở giai đoạn thứ hai, thì giai đoạn đầu của sự cô đọng cảm dục bắt đầu.

103. We are definitely speaking of the building of the personality vehicle of the Ego —the process of gradual descent into incarnation.

103. Chúng ta chắc chắn đang nói về việc xây dựng vận cụ phàm ngã của Chân ngã— tiến trình giáng xuống dần dần vào nhập thể.

104. While the process is sequential and orderly, we see the principle of overlap at work.

104. Dù tiến trình này là tuần tự và có trật tự, chúng ta thấy nguyên lý chồng lấn đang hoạt động.

105. We have not yet been told what may be the three phases of coordination of any vehicle.

105. Chúng ta vẫn chưa được cho biết ba giai đoạn phối hợp của bất kỳ vận cụ nào có thể là gì.

This is carried on for seven stages (three major and four minor) which overlap in an **intricate fashion**.

Điều này được tiến hành qua bảy giai đoạn (ba giai đoạn chính và bốn giai đoạn phụ) vốn chồng lấn nhau theo một cách **phức tạp tinh vi**.

106. We are not in a position to understand the nature of these seven stages, but they concern coordination and concretion. One can attempt to count the possible stages in three or even four of the vehicles (including the dense physical body as a separate or fourth vehicle) and see whether it is possible to arrive at the number seven.

106. Chúng ta không ở vào vị thế để thấu hiểu bản chất của bảy giai đoạn này, nhưng chúng liên quan đến sự phối hợp và sự cô đặc. Người ta có thể thử đếm các giai đoạn khả hữu trong ba hay thậm chí bốn vận cụ (kể cả thể xác đậm đặc như một vận cụ riêng biệt hay vận cụ thứ tư) và xem liệu có thể đi đến con số bảy hay không.

107. Probably, until we are in a position to observe the process at first hand, it is sufficient for us to know that in the matter of creating the personality vehicles before birth, there is a concretizing and coordinative process which is relatively sequential and intricately overlapping. We always expect organized activity within the realm of the devas.

107. Có lẽ, cho đến khi chúng ta ở vào vị thế quan sát tiến trình này tận mắt, thì đối với chúng ta chỉ cần biết rằng trong vấn đề tạo ra các vận cụ phàm ngã trước khi sinh, có một tiến trình cô đặc hóa và phối hợp tương đối tuần tự và chồng lấn nhau một cách tinh vi. Chúng ta luôn mong đợi hoạt động có tổ chức trong phạm vi của các thiên thần.

Again, when the second stage is reached, a vibration is produced which awakens response in etheric matter on the physical plane, and the builders of the etheric double

Một lần nữa, khi giai đoạn thứ hai đạt đến, một rung động được tạo ra, đánh thức sự đáp ứng trong vật chất dĩ thái trên cõi hồng trần, và các đấng kiến tạo của bản sao dĩ thái

commence their activity. Again the process is repeated.

bắt đầu hoạt động của họ. Một lần nữa tiến trình ấy được lặp lại.

108. The principle of overlap is found throughout Nature. We have a false idea if we look for sequential stages of development which have hard and fast temporal boundaries. This same principle applies to the manner in which the petals of the egoic lotus unfold.

108. Nguyên lý chồng lấn được tìm thấy khắp Thiên Nhiên. Chúng ta có một ý niệm sai lầm nếu tìm kiếm các giai đoạn phát triển tuần tự có những ranh giới thời gian cứng nhắc và cố định. Cùng nguyên lý này áp dụng cho cách thức các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã khai mở.

When the **second stage** of the work of these etheric devas is begun, *conception takes place upon the physical plane.*

Khi **giai đoạn thứ hai** trong công việc của các thiên thần dĩ thái này bắt đầu, *sự thụ thai diễn ra trên cõi hồng trần.*

109. It is always when the second stage of development in a superior vehicle is reached that the first stage of development of the immediately inferior vehicle begins.

109. Luôn luôn là khi giai đoạn phát triển thứ hai trong một vận cụ cao hơn đạt đến thì giai đoạn phát triển thứ nhất của vận cụ thấp hơn liền kề bắt đầu.

110. The science of conception is also intricate. We see how much preparation has occurred before it is the correct moment for conception on the physical plane to occur.

110. Khoa học về sự thụ thai cũng rất phức tạp. Chúng ta thấy đã có biết bao sự chuẩn bị xảy ra trước khi đúng thời điểm để sự thụ thai trên cõi hồng trần diễn ra.

111. It would seem that the incarnating human being is hovering in the etheric field before the biological opportunity for further densification is presented.

111. Có vẻ như con người đang lâm phàm đang lơ lửng trong trường dĩ thái trước khi cơ hội sinh học cho sự đậm đặc hóa thêm nữa được trình ra.

112. Because it is not until the *second* stage of the world of the etheric devas that conception takes place upon the physical plane, we can link conception with the second aspect of divinity—the *form building* aspect.

112. Bởi vì mãi cho đến giai đoạn *thứ hai* của thế giới các thiên thần dĩ thái thì sự thụ thai mới diễn ra trên cõi hồng trần, chúng ta có thể liên kết sự thụ thai với phương diện thứ hai của thiên tính—phương diện *xây dựng hình tướng*.

This is a very important point to be remembered, **for it brings the entire process of human birth definitely into line with established karmic law.**

Đây là một điểm rất quan trọng cần ghi nhớ, **vì nó đưa toàn bộ tiếntrình sinh ra của con người vào đúng hàng ngũ của định luật nghiệp quả đã được thiết lập.**

113. A careful building process is pursued, proceeding according to the karmic patterns accumulated and released for activation in a particular incarnation. Not *all* karmic patterns are released for activation in any particular incarnation.

113. Một tiến trình kiến tạo cẩn trọng được theo đuổi, tiến hành theo các mô hình nghiệp quả đã được tích lũy và được giải phóng để hoạt hóa trong một kiếp lâm phàm nhất định. Không phải *mọi* mô hình nghiệp quả đều được giải phóng để hoạt hóa trong bất kỳ kiếp lâm phàm cụ thể nào.

It shows the close connection between that which is subjective and that which is tangible and seen.

Điều này cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa cái có tính chủquan và cái hữu hình, thấy được.

114. That which is tangible and seen definitely *conforms* to the subjective pattern upon which it is built.

114. Cái hữu hình và thấy được nhất định *phù hợp* với mô hình chủ quan mà trên đó nó được xây dựng.

115. If it fitting that we are discussing the incarnational process of the human being, as it is a *building* process, and the devas (our theme) are the *builders.*

115. Thật thích hợp khi chúng ta đang bàn đến tiến trình lâm phàm của con người, vì đó là một tiến trình *xây dựng*, và các thiên thần (chủ đề của chúng ta) là các *đấng kiến tạo.*

116. Of course, it is not the "greater Builders" who are involved in building the personality of man. Instead, various groups of "lesser builders" are involved. The whole process proceeds with great intelligence and is guided by karmic law.

116. Dĩ nhiên, không phải các "đấng đại kiến tạo" tham gia vào việc xây dựng phàm ngã của con người. Thay vào đó, nhiều nhóm "vị tiểu kiến tạo" khác nhau tham gia. Toàn bộ tiến trình diễn ra với trí tuệ lớn lao và được định luật nghiệp quả hướng dẫn.

117. Remember that the term "lesser builders" is very relative.

117. Hãy nhớ rằng thuật ngữ "vị tiểu kiến tạo" là rất tương đối.

The building of the physical body proceeds like that of the three stages during the prenatal period:

Việc xây dựng thể xác diễn ra giống như ba giai đoạn trong thời kỳ trước khi sinh:

a. The work of the building devas during the three and a half months **prior to the realisation of life**. This period sees the third stage of the building of the etheric body entered upon.

a. Công việc của các thiên thần kiến tạo trong ba tháng rưỡi **trước khi có sự chứng nghiệm sự sống**. Trong thời kỳ này, giai đoạn thứ ba của việc xây dựng thể dĩ thái được bắt đầu.

b. The building work of the next three and a half months of the **gestation period**.

b. Công việc xây dựng của ba tháng rưỡi kế tiếp của **thời kỳ thai nghén**.

c. The final process of concretion carried on through the remaining two months.

c. Tiến trình cô đặc hóa cuối cùng được tiến hành trong hai tháng còn lại.

118. We divide the prenatal period into three divisions during which various categories of concretizing and coordination of the personality vehicles occur.

118. Chúng ta chia thời kỳ trước khi sinh thành ba phần, trong đó các loại cô đặc hóa và phối hợp khác nhau của các vận cụ phàm ngã diễn ra.

119. DK is not specific but seems to suggest that during the three and a half months "prior to the realisation of life" the third period of etheric development is entered upon. We remember that conception occurred with the beginning of the second stage of etheric building.

119. Chân sư DK không nói rõ nhưng dường như gợi ý rằng trong ba tháng rưỡi "trước khi có sự chứng nghiệm sự sống", thời kỳ thứ ba của sự phát triển dĩ thái được bắt đầu. Chúng ta nhớ rằng sự thụ thai đã xảy ra cùng với sự khởi đầu của giai đoạn thứ hai của việc xây dựng dĩ thái.

120. We must note carefully the phrase "prior to the realisation of life". The so-called "animation" occurs approximately three and a half (perhaps four) months after conception, and at that time the heart beat of the foetus is detectable, hence realized.

120. Chúng ta phải lưu ý cẩn thận cụm từ "trước khi có sự chứng nghiệm sự sống". Cái gọi là "sự hoạt hóa" xảy ra xấp xỉ ba tháng rưỡi (có lẽ bốn tháng) sau khi thụ thai, và vào lúc đó nhịp tim của thai nhi có thể được phát hiện, do đó được chứng nghiệm.

121. It is only after the animation occurs that the stage of gestation (occultly considered) begins.

121. Chỉ sau khi sự hoạt hóa xảy ra thì giai đoạn thai nghén (xét theo huyền bí học) mới bắt đầu.

122. We do see that the physical body is considered in its own right as one of four fields developing each in three stages.

122. Chúng ta quả thật thấy rằng thể xác được xem xét theo đúng bản chất riêng của nó như một trong bốn trường, mỗi trường phát triển qua ba giai đoạn.

123. The duration in months of the three phases as regards the physical body are 3.5, 3.5 and 2.

123. Thời lượng tính theo tháng của ba giai đoạn liên quan đến thể xác là 3,5; 3,5 và 2.

124. Concretion is proceeding all through the process and its final stages are reached as

124. Sự cô đặc hóa diễn ra suốt toàn bộ tiến trình và các giai đoạn cuối cùng của nó được

far as the physical body is concerned during the last two months.

125. It is at birth that the sevenfold overlapping developmental process can be said to terminate.

Students will here find it interesting to trace out the correspondence in this method of producing evolutionary manifestation in a planetary scheme with its rounds and races, and in a solar system with its manvantaras and greater cycles.

126. This will have to be something for the new schools. It will be an elaborate process. DK has given an assignment for the future. The books are filled with such suggestions for expanding the understanding.

127. We can see an immediate correspondence to that period which elapses "prior to the realization of life" in the three and half rounds which elapsed (at least on the Earth-chain) prior to the onset of the process of individualization via the intervention of the Solar Angels. Analogically, the planetary heart then began to 'beat', the correlation to the moment of "animation" in the microcosm.

128. From the rootrace perspective in relation to our chain and globe, *two* and a half rootraces elapsed before the onset of the individualization process and three and a half before the possibility of truly opening the doors of initiation to the human family. Individualization, while a birth into the human kingdom, can be considered the moment of spiritual conception leading to birth into the fifth kingdom of nature, and initiation, though a birth into the fifth kingdom of nature, can be considered a

đạt đến, xét theo thể xác, trong hai tháng cuối.

125. Chính vào lúc sinh ra mà tiến trình phát triển thất phân chồng lấn có thể được nói là chấm dứt.

Ở đây các đạo sinh sẽ thấy thú vị khi truy tìm sự tươngứng trong phương pháp tạo ra biểu hiện tiến hoá này trong một hệ hành tinh với các cuộc tuần hoàn và các nhân loại của nó, và trong một hệ mặt trời với các giai kỳ sinh hóa và các chu kỳ lớn hơn của nó.

126. Đây sẽ phải là điều dành cho các trường học mới. Đó sẽ là một tiến trình công phu. Chân sư DK đã giao một bài tập cho tương lai. Các quyển sách đầy những gợi ý như thế để mở rộng sự thấu hiểu.

127. Chúng ta có thể thấy một sự tương ứng trực tiếp với thời kỳ trôi qua "trước khi có sự chứng nghiệm sự sống" trong ba cuộc tuần hoàn rưỡi đã trôi qua (ít nhất là trên Dãy Địa Cầu) trước khi tiến trình biệt ngã hóa khởi sự qua sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần. Theo phép tương đồng, trái tim hành tinh khi ấy bắt đầu 'đập', tương ứng với khoảnh khắc "hoạt hóa" trong tiểu thiên địa.

128. Từ quan điểm giống dân gốc liên hệ với dãy và bầu hành tinh của chúng ta, *hai* giống dân gốc rưỡi đã trôi qua trước khi tiến trình biệt ngã hóa khởi sự, và ba giống dân gốc rưỡi đã trôi qua trước khi khả năng thật sự mở các cánh cửa điểm đạo cho gia đình nhân loại xuất hiện. Biệt ngã hóa, tuy là một sự sinh ra vào giới nhân loại, có thể được xem là khoảnh khắc thụ thai tinh thần dẫn đến sự sinh ra vào giới thứ năm của bản chất, và điểm đạo, tuy là một sự sinh ra vào giới thứ năm của bản chất, có thể được xem là một

moment of conception for birth into the Kingdom of Planetary Lives.

129. When thinking of a solar system, one would have to deal with 'solar rounds' analogous in a higher way to scheme rounds and chain rounds within a planetary scheme. We have no really clear idea about how these proceed. Certainly, however, in our solar system, the 'solar heart' has started to beat, just as our planetary heart has awakened with the coming of the "Lords of the Flame".

130. There are probably greater "Lords of the Flame" operating on cosmic mental levels and we might look to their 'coming' when thinking about the "realisation of life" in solar logoic terms.

131. As well, the first three and a half months would probably have much to do with building the solar logoic personality and with developing the non-sacred centers or planets.

132. Was our present solar system the system in which our Solar Logos took His first initiation, for He has surely taken the second? If so, the realization of higher spiritual life, the "animation" may well have occurred in this second (or fifth) system.

133. We look forward to the day when we will have the leisure and motivation to pursued the Tibetan's recommendations for expanding these ideas.

khoảnh khắc thụ thai cho sự sinh ra vào Giới của Các Sự Sống Hành tinh.

129. Khi suy nghĩ về một hệ mặt trời, người ta sẽ phải đề cập đến các 'cuộc tuần hoàn mặt trời' tương tự theo cách cao hơn với các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh và các cuộc tuần hoàn của dãy trong một hệ hành tinh. Chúng ta không có ý niệm thật sự rõ ràng về cách chúng diễn ra. Tuy nhiên, chắc chắn là trong hệ mặt trời của chúng ta, 'trái tim mặt trời' đã bắt đầu đập, cũng như trái tim hành tinh của chúng ta đã thức tỉnh với sự xuất hiện của các "Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa".

130. Có lẽ có những "Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa" lớn lao hơn đang hoạt động trên các cấp độ trí tuệ vũ trụ, và chúng ta có thể hướng đến sự 'đến' của các Ngài khi suy nghĩ về "sự chứng nghiệm sự sống" theo các thuật ngữ của Thái dương Thượng đế.

131. Ngoài ra, ba tháng rưỡi đầu tiên có lẽ liên quan rất nhiều đến việc xây dựng phàm ngã của Thái dương Thượng đế và với sự phát triển các trung tâm hay các hành tinh không thiêng liêng.

132. Có phải hệ mặt trời hiện tại của chúng ta là hệ trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta đã nhận lần điểm đạo thứ nhất, vì chắc chắn Ngài đã nhận lần điểm đạo thứ hai? Nếu vậy, sự chứng nghiệm sự sống tinh thần cao hơn, tức "sự hoạt hóa", rất có thể đã xảy ra trong hệ thứ hai (hay thứ năm) này.

133. Chúng ta mong đợi ngày mà chúng ta sẽ có sự nhàn rỗi và động lực để theo đuổi các khuyến nghị của Chân sư Tây Tạng nhằm mở rộng các ý tưởng này.

In summing up this very cursory outline, **the work of the etheric devas does not cease at the birth of the man,**

Tóm lược đề cương rất sơ lược này, **công việc của các thiên thần dĩ thái không chấm dứt khi con người được sinh ra,**

134. This is most interesting and will be important when it is understood how, truly, to cultivate the personality of the human being so that it becomes a refined and reliable instrument for egoic expression.

134. Điều này rất thú vị và sẽ quan trọng khi người ta hiểu được cách thật sự nuôi dưỡng phàm ngã của con người để nó trở thành một công cụ tinh luyện và đáng tin cậy cho sự biểu lộ của chân ngã.

135. We are also assured that we have been focusing of the work of the building devas *before* birth—howevermuch they may be active *after* birth.

135. Chúng ta cũng được bảo đảm rằng chúng ta đã tập trung vào công việc của các thiên thần kiến tạo *trước* khi sinh—dù cho họ có thể hoạt động *sau* khi sinh đến đâu đi nữa.

but is **continued likewise in three stages**, which find a close analogy in the life period of a solar system. [Page 939]

mà **cũng tiếp tục tương tự qua ba giai đoạn**, vốn tìm thấy một sự tương tự gần gũi trong chu kỳ sống của một hệ mặt trời. [Page 939]

136. So we will look to the macrocosmic analogy to clarify work within the microcosm and vise versa.

136. Vì vậy, chúng ta sẽ tìm đến phép tương đồng đại thiên địa để làm sáng tỏ công việc trong tiểu thiên địa và ngược lại.

137. The formula of *three-stage*-development seems a constant both pre-natally and post natally.

137. Công thức phát triển *ba giai đoạn* dường như là một hằng số cả trước khi sinh lẫn sau khi sinh.

138. The animation corresponds to the activation of the second aspect in the pre-natal cycle. In the post-natal cycle, that same moment is mirrored in the birth of soul consciousness—the final appropriation of the personality by the soul.

138. Sự hoạt hóa tương ứng với sự hoạt hóa phương diện thứ hai trong chu kỳ trước khi sinh. Trong chu kỳ sau khi sinh, cùng khoảnh khắc ấy được phản chiếu trong sự ra đời của tâm thức linh hồn—sự chiếm hữu cuối cùng của linh hồn đối với phàm ngã.

139. There are seven ages of man" and yet, from the broader perspective, the seven can be seen as three.

139. Có bảy thời kỳ của con người", tuy nhiên, từ quan điểm rộng hơn, bảy có thể được xem là ba.

140. From another point of view, the three pre-natal stages can be added to the seven

140. Từ một quan điểm khác, ba giai đoạn trước khi sinh có thể được cộng vào bảy thời kỳ của con người (một khi y đã được sinh ra

ages of man (once he has been born upon the physical plane), making ten in all.

trên cõi hồng trần), thành mười giai đoạn tất cả.

First, their work is directed to **the steady increase of the human physical vehicle, so that it may follow accurately the lines of growth of the two subtler bodies.** This is carried on till maturity is reached.

Trước hết, công việc của họ hướng đến **sự gia tăng đều đặn của vận cụ hồng trần của con người, để nó có thể theo sát một cách chính xác các đường tăng trưởng của hai thể tinh tế hơn.** Điều này được tiếp tục cho đến khi sự trưởng thành đạt đến.

141. The following reference is an important amplification:

141. Đoạn tham chiếu sau đây là một sự khai triển quan trọng:

That unfoldment which takes place as a physical plane child grows from an infant to a man. **By the time he is twenty-one, the centres should normally have reached the same quality of expression as they had attained when he passed out of life in a previous incarnation.** The man then takes up life where he had previously left it off. (EH 37)

Sự khai mở diễn ra khi một đứa trẻ trên cõi hồng trần lớn lên từ trẻ sơ sinh thành người trưởng thành. **Vào lúc y hai mươi mốt tuổi, các trung tâm thông thường phải đạt đến cùng phẩm tính biểu lộ mà chúng đã đạt được khi y rời bỏ sự sống trong một kiếp lâm phàm trước.** Khi đó con người tiếp tục cuộc sống từ chỗ trước đây y đã dừng lại. (EH 37)

142. Much depends on what is meant by "till maturity is reached". Is maturity the age of twenty-one when the centers reach the same quality of expression they had attained when the man last passed out of incarnation, or does it occur later—for instance, at the age of thirty-five (generically considered)?

142. Nhiều điều tùy thuộc vào ý nghĩa của cụm từ "cho đến khi sự trưởng thành đạt đến". Sự trưởng thành có phải là tuổi hai mươi mốt khi các trung tâm đạt đến cùng phẩm tính biểu lộ mà chúng đã đạt được khi con người lần cuối rời khỏi lâm phàm, hay nó xảy ra muộn hơn—chẳng hạn ở tuổi ba mươi lăm (xét một cách tổng quát)?

143. In any case we find that after birth the physical vehicle does not yet accurately represent the lines of growth of the two subtler bodies. The physical vehicle is not a perfect expression of the degree of development of the subjective aspects of the personality—presumably the mental and astral vehicles. Thus, there is more building to be accomplished and the etheric devas responsible for promoting continue growth

143. Dù sao đi nữa, chúng ta thấy rằng sau khi sinh, vận cụ hồng trần vẫn chưa biểu hiện chính xác các đường tăng trưởng của hai thể tinh tế hơn. Vận cụ hồng trần không phải là một biểu hiện hoàn hảo của mức độ phát triển của các phương diện chủ quan của phàm ngã—hẳn là các vận cụ trí tuệ và cảm dục. Vì vậy, vẫn còn nhiều việc xây dựng phải hoàn tất, và các thiên thần dĩ thái chịu trách nhiệm thúc đẩy sự tăng trưởng liên tục

in the physical vehicle must proceed with their work.

trong vận cụ hồng trần phải tiếp tục công việc của họ.

144. We can think of this first phase as the period of "flow" compared with the third period of "ebb".

144. Chúng ta có thể nghĩ về giai đoạn thứ nhất này như thời kỳ "triều lên" so với thời kỳ thứ ba là "triều xuống".

The next stage [the second] is that in which **their work consists largely of repair work**, and the **preservation of the body during the years of full manhood so that it can measure up to the purpose of the subjective life.** This purpose necessarily varies according to the stage of development of the man.

Giai đoạn kế tiếp [giai đoạn thứ hai] là giai đoạn trong đó **công việc của họ phần lớn gồm công việc sửa chữa**, và **sự bảo tồn thể trong những năm sung mãn của conngười để nó có thể đáp ứng mục đích của đời sống chủquan.** Mục đích này tất yếu thay đổi tùy theo giai đoạn phát triển của con người.

145. First growth then repair and preservation. The etheric devas are involved in this work of sustainment. It may be that such work occurs largely during the hours of sleep.

145. Trước hết là tăng trưởng, rồi sửa chữa và bảo tồn. Các thiên thần dĩ thái tham gia vào công việc duy trì này. Có thể công việc ấy phần lớn diễn ra trong những giờ ngủ.

146. The instrument is sustained so that an withstand the expression of the purpose for which it was originally made.

146. Công cụ được duy trì để nó có thể chịu đựng sự biểu lộ của mục đích mà vì đó nó vốn được tạo ra.

Finally comes the stage [the third] when the work of building ceases.

Cuối cùng đến giai đoạn [giai đoạn thứ ba] khi công việc xây dựng chấm dứt.

147. The work of building has continued even through the second stage.

147. Công việc xây dựng đã tiếp tục ngay cả trong suốt giai đoạn thứ hai.

The vitality in the etheric body waxes dim, and the processes of destruction begin.

Sinh lực trong thể dĩ thái mờ dần, và các tiến trình hủydiệt bắt đầu.

148. We can consider this stage as the withdrawal of vitality.

148. Chúng ta có thể xem giai đoạn này như sự rút lui của sinh lực.

The Ego begins to call in his forces.

Chân ngã bắt đầu thu hồi các mãnh lực của y.

149. This is a magnetic process and represents the ebb of life.

149. Đây là một tiến trình từ tính và biểu thị sự triều xuống của sự sống.

150. The indrawing may well occur under the influence of Jupiter, and magnetic Venus (the ruler of the soul on the higher mental plane) should not be discounted.

150. Sự thu vào này rất có thể xảy ra dưới ảnh hưởng của Sao Mộc, và không nên xem nhẹ Sao Kim từ tính (chủ tinh của linh hồn trên Cõi thượng trí).

The "sound" becomes faint and dim;

“Âm điệu” trở nên mờ nhạt và lu mờ;

151. This is what we might call the ‘sustaining sound’, that which upholds the integrity of the pattern of interrelated energies and forces within the personality vehicles.

151. Đây là điều mà chúng ta có thể gọi là ‘âm điệu duy trì’, tức cái nâng đỡ tính toàn vẹn của mô hình các năng lượng và mãnh lực liên hệ lẫn nhau bên trong các vận cụ phàm ngã.

there is less and less volume for the **transmitters to pass on,**

ngày càng có ít biên độ hơn để các **bộ truyền chuyển tiếp,**

152. Volume is caused by wave-amplitude and, in this case, correlates with the strength of the vehicles of the personality.

152. Biên độ được tạo ra bởi độ lớn của sóng và, trong trường hợp này, tương quan với sức mạnh của các vận cụ của phàm ngã.

153. We may infer that the transmitters continue their function all through the prenatal stages and through the post-natal stages of growth and repair/preservation. Though the volume of the note/word they transmit decreases in intensity, their function does continue even through the third stage of gradual withdrawal.

153. Chúng ta có thể suy ra rằng các bộ truyền tiếp tục chức năng của chúng suốt các giai đoạn trước khi sinh và suốt các giai đoạn sau khi sinh của sự tăng trưởng và sửa chữa/bảo tồn. Dù biên độ của âm điệu/linh từ mà chúng truyền giảm cường độ, chức năng của chúng vẫn tiếp tục ngay cả trong giai đoạn thứ ba của sự rút lui dần dần.

and the initial vibration gets fainter and fainter.

và rung động ban đầu trở nên ngày càng mờ nhạt hơn.

154. We have a fading out of the vital forces.

154. Chúng ta có sự phai tắt của các mãnh lực sinh lực.

The period of obscuration comes in.

Thời kỳ che mờ bắt đầu xuất hiện.

155. DK has described the onset of obscuration in terms of sound and its volume or amplitude.

155. Chân sư DK đã mô tả sự khởi đầu của sự che mờ theo các thuật ngữ của âm thanh và biên độ hay độ lớn của nó.

First the physical body waxes weak and useless; then **the Ego withdraws from the centres**, and **functions for a few hours in the etheric double.**

Trước hết thể xác trở nên yếu ớt và vô dụng; rồi **chân ngã rút khỏi các trung tâm**, và **hoạt động trong bản sao dĩ thái trong vài giờ.**

156. This is the process of death. Weakness and uselessness precede death by natural causes (except, presumably sudden deaths from heart attack or stroke, and, of course, accident).

156. Đây là tiến trình chết. Sự suy yếu và vô dụng đi trước cái chết do nguyên nhân tự nhiên (trừ ra, hẳn nhiên, những cái chết đột ngột do đau tim hay đột quỵ, và dĩ nhiên là tai nạn).

157. If following the debilitation of the physical body the Ego withdraws from the centers, it has always, in a way, 'been there'. We may pause to realize the Ego exists on its own plane and yet suffuses the personality vehicles through the life thread (certainly) and also, increasingly, through its conscious presence. This is an important consideration.

157. Nếu sau sự suy nhược của thể xác mà chân ngã rút khỏi các trung tâm, thì theo một cách nào đó, nó luôn luôn 'đã ở đó'. Chúng ta có thể dừng lại để nhận ra rằng chân ngã hiện hữu trên cõi riêng của nó, nhưng vẫn thấm nhuần các vận cụ phàm ngã qua sợi dây sự sống (chắc chắn là như vậy) và cũng ngày càng nhiều hơn qua sự hiện diện có ý thức của nó. Đây là một điều cân nhắc quan trọng.

158. Much speculation exists concerning the viability of the etheric body following its withdrawal from the physical body. The presence to he Ego functioning within the etheric body for a few hours after death would sustain the integrity of the etheric body. Perhaps reanimation of the dense physical body is possible as long as the Ego holds the etheric body in integrity.

158. Có nhiều suy đoán liên quan đến khả năng tồn tại của thể dĩ thái sau khi nó rút khỏi thể xác. Sự hiện diện của chân ngã hoạt động trong thể dĩ thái trong vài giờ sau khi chết sẽ duy trì tính toàn vẹn của thể dĩ thái. Có lẽ việc tái hoạt hóa thể xác đậm đặc là có thể chừng nào chân ngã còn giữ thể dĩ thái trong tình trạng toàn vẹn.

This in turn is devitalised, and so the process is carried on till one by one the sheaths are discarded and the egoic "shadow" is dissipated.

Đến lượt nó, thể này bị rút sinh lực, và như thế tiến trình tiếp diễn cho đến khi từng vỏ bọc một bị loại bỏ và "cái bóng" chân ngã bị làm tiêu tan.

159. The personality is considered the "shadow" of the Ego, or perhaps, more

159. Phàm ngã được xem là "cái bóng" của Chân ngã, hay có lẽ nói đúng hơn, phàm ngã

properly, the personality is the "shadow" of the Monad, and the Ego its reflection.

160. We are examining a process of devitalization, withdrawal, disintegration and dissipation. When the vitalizing force inducing coherency is withdrawn, there is nothing to hold a personality vehicle in integrity.

161. We continue below with a new subject, shifting the emphasis from "transmitting devas" to "building devas".

The work of the building devas.

Let us now consider the work of the building devas on the three planes, dealing with them in two groups:

162. It is important to realize that building devas are *not* transmitting devas. We must keep them distinct as the following reference demonstrates.

We have dealt at some length already with the work [Page 941] of the transmitting devas upon the three planes in the three worlds, and with **that of the devas connected with those relatively permanent focal points—the permanent atoms within the causal periphery**. We can now consider the **group of builders** [yet another group] who, responding to the note of the **transmitting agencies** and to the initial **vibration of the second group of builders** concerned with the triple lower self, **begin the work of aggregating and moulding** the **living substance** necessary for egoic manifestation upon the lower planes. (TCF 942)

là "cái bóng" của chân thần, còn Chân ngã là sự phản chiếu của nó.

160. Chúng ta đang khảo sát một tiến trình rút sinh lực, rút lui, tan rã và làm tiêu tan. Khi mãnh lực tiếp sinh lực gây ra sự cố kết bị rút đi, thì không còn gì để giữ cho một vận cụ phàm ngã được toàn vẹn.

161. Bên dưới, chúng ta tiếp tục với một chủ đề mới, chuyển trọng tâm từ "các thiên thần truyền dẫn" sang "các thiên thần kiến tạo".

Công việc của các thiên thần kiến tạo.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét công việc của các thiên thần kiến tạo trên ba cõi, xét họ thành hai nhóm:

162. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng các thiên thần kiến tạo *không* phải là các thiên thần truyền dẫn. Chúng ta phải giữ cho chúng phân biệt rõ ràng như đoạn tham chiếu sau đây cho thấy.

Chúng ta đã bàn khá dài về công việc [Page 941] của các thiên thần truyền dẫn trên ba cõi trong ba cõi giới, và về **công việc của các thiên thần liên kết với những tiêu điểm tương đối trường tồn ấy—các nguyên tử trường tồn bên trong chu vi nhân thể**. Giờ đây chúng ta có thể xem xét **nhóm các đấng kiến tạo** [một nhóm khác nữa] những vị này, đáp ứng với âm điệu của các **cơ quan truyền dẫn** và với rung động **ban đầu của nhóm kiến tạo thứ hai** liên quan đến phàm ngã tam phân, **bắt đầu công việc tập hợp và nắn đúc chất liệu sống** cần thiết cho sự biểu hiện chân ngã trên các cõi thấp. (TCF 942)

163. There are three categories of devas listed here and it will be necessary to be clear about them:

a. The “transmitting agencies”

b. The second group of builders concerned with the permanent atoms within the causal periphery. These devas are concerned with an “initial vibration” and are concerned with the triple lower self.” We seek to understand the nature of this “initial vibration” and its relation both to the note of the “transmitting agencies” and to the triple lower self. There is some ambiguity here.

c. Those builders (manipulators)—a third group, apparently, but perhaps, really, a subdivision of the second group—who aggregate and mould the “living substance” necessary for creating the lunar vehicles.

164. Here we may have some possible terminological subtleties. The devas involved with the atomic triangle are not transmitters nor are they, according to this context, aggregators and moulders per se. So what then are the “listening devas”. Are they to be correlated with the “second group of builders” or with the *third* group who “begin the work of aggregating and moulding the living substance”. We must remember that “listening devas” do *gather* substance. We must also remember that the three groups of devas associated with the mental unit, astral permanent atom, and physical permanent atom, are part of a *second* group, whose function is “to gather together the substance attuned to any particular key, and to aggregate it around the permanent atom” (TCF 782) So, we see that the second group of “builders” (not just the third group above) does indeed “gather” and “aggregate”.

163. Ở đây có ba loại thiên thần được liệt kê và cần phải phân biệt rõ về họ:

a. Các “cơ quan truyền dẫn”

b. Nhóm kiến tạo thứ hai liên quan đến các nguyên tử trường tồn bên trong chu vi nhân thể. Các thiên thần này liên quan đến một “rung động ban đầu” và liên quan đến “phàm ngã tam phân”. Chúng ta tìm cách hiểu bản chất của “rung động ban đầu” này và mối liên hệ của nó vừa với âm điệu của các “cơ quan truyền dẫn” vừa với phàm ngã tam phân. Ở đây có một mức độ mơ hồ nào đó.

c. Những đấng kiến tạo (các vị thao tác)—rõ ràng là một nhóm thứ ba, nhưng có lẽ thật ra là một phân nhóm của nhóm thứ hai—những vị tập hợp và nắn đúc “chất liệu sống” cần thiết để tạo ra các vận cụ thái âm.

164. Ở đây chúng ta có thể có một số sắc thái thuật ngữ khả dĩ. Các thiên thần liên quan đến tam giác nguyên tử không phải là các bộ truyền, cũng không phải, theo văn cảnh này, là các vị tập hợp và nắn đúc chính chúng. Vậy thì “Thien thần lắng nghe” là gì? Có nên tương quan họ với “nhóm kiến tạo thứ hai” hay với nhóm *thứ ba* là nhóm “bắt đầu công việc tập hợp và nắn đúc chất liệu sống”? Chúng ta phải nhớ rằng “Thien thần lắng nghe” quả thật có *thu gom* chất liệu. Chúng ta cũng phải nhớ rằng ba nhóm thiên thần liên kết với đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần là thành phần của một nhóm *thứ hai*, mà chức năng của nhóm này là “thu gom chất liệu được điều chỉnh theo bất kỳ chủ âm đặc thù nào, và tập hợp nó quanh nguyên tử trường tồn” (TCF 782). Vì vậy, chúng ta thấy rằng nhóm “đấng kiến tạo” thứ hai (không

chỉ nhóm thứ ba ở trên) quả thật có "thu gom" và "tập hợp".

165. Thus, we have an earlier reference stating that the second group "gathers" and "aggregate(s)" but here it is stated that the third group *aggregates* and *moulds.* To aggregate is very similar to gather.

165. Như vậy, chúng ta có một đoạn tham chiếu trước đó nói rằng nhóm thứ hai "thu gom" và "tập hợp", nhưng ở đây lại nói rằng nhóm thứ ba *tập hợp* và *nắn đúc.* Tập hợp rất gần với thu gom.

166. Try to see clearly the equivalence between "living substance" and "building essence", sometimes also called "deva substance". It is upon such substance or essence that the building-manipulating devas (and elementals) work, moulding the necessary form.

166. Hãy cố thấy rõ sự tương đương giữa "chất liệu sống" và "tinh chất kiến tạo", đôi khi cũng được gọi là "chất liệu thiên thần". Chính trên chất liệu hay tinh chất như thế mà các thiên thần kiến tạo-thao tác (và các hành khí) làm việc, nắn đúc hình tướng cần thiết.

167. The two classifications of devas immediately below are *not* transmitting devas. They are group number two and three from the interpolated section of text (TCF 942) just above.

167. Hai loại thiên thần được phân loại ngay bên dưới *không* phải là các thiên thần truyền dẫn. Họ là nhóm số hai và ba từ đoạn văn nội suy (TCF 942) ngay phía trên.

a. Those who are connected with the permanent atoms.

a. Những vị liên kết với các nguyên tử trường tồn.

b. Those who are responsible for the building process. (TCF 939)

b. Những vị chịu trách nhiệm về tiến trình xây dựng. (TCF 939)

168. The permanent atoms are the power centers within any vehicle. They are, relative to that vehicle, connected with the first aspect. But they are also magnetic centers used to gather the substance for the vehicles to be created.

168. Các nguyên tử trường tồn là các trung tâm quyền năng bên trong bất kỳ vận cụ nào. Tương đối với vận cụ đó, chúng liên kết với phương diện thứ nhất. Nhưng chúng cũng là các trung tâm từ tính được dùng để thu gom chất liệu cho các vận cụ sẽ được tạo ra.

169. The building process itself concerns the third ray principally, but some influence of the second ray (since it is the *building ray*). Devas in this third category are *also* involved in aggregation which occurs partially under the magnetic influence of the second ray.

169. Bản thân tiến trình xây dựng chủ yếu liên quan đến cung ba, nhưng cũng có một số ảnh hưởng của cung hai (vì đó là *cung xây dựng*). Các thiên thần trong loại thứ ba này *cũng* tham gia vào sự tập hợp, vốn xảy ra một phần dưới ảnh hưởng từ tính của cung hai.

170. From all that has been said here, we may make the following tabulation:

170. Từ tất cả những gì đã được nói ở đây, chúng ta có thể lập bảng sau đây:

a. There are transmitting devas who are the true lunar pitris. They receive the transmitted egoic note and transmit it further. They transmit a "note".

a. Có các thiên thần truyền dẫn là các thái âm tổ phụ đích thực. Họ tiếp nhận âm điệu chân ngã được truyền đến và truyền nó đi xa hơn. Họ truyền một "âm điệu".

b. There are three groups of devas associated with the members of the atomic triangle, each group associated with either the mental unit, the astral permanent atom, or the physical permanent atom. Sometimes they are called "building" devas, but they do not build in the same way as the devas in the category to follow. They are responsible for what is called an "initial vibration" which is derived from the transmitted "note" of the "transmitting devas". These devas, associated with the members of the along this line, work especially with magnetism and both gather and aggregate substance around the lower permanent atoms and mental unit. Immediately above, this group of devas are called "Those who are connected with the permanent atoms".

b. Có ba nhóm thiên thần liên kết với các thành viên của tam giác nguyên tử, mỗi nhóm liên kết hoặc với đơn vị hạ trí, hoặc với nguyên tử trường tồn cảm dục, hoặc với nguyên tử trường tồn hồng trần. Đôi khi họ được gọi là các thiên thần "kiến tạo", nhưng họ không kiến tạo theo cùng cách như các thiên thần trong loại kế tiếp. Họ chịu trách nhiệm về điều được gọi là một "rung động ban đầu", phát sinh từ "âm điệu" được truyền của các "thiên thần truyền dẫn". Các thiên thần này, liên kết với các thành viên của đường này, làm việc đặc biệt với từ điện và vừa thu gom vừa tập hợp chất liệu quanh các nguyên tử trường tồn thấp và đơn vị hạ trí. Ngay phía trên, nhóm thiên thần này được gọi là "Những vị liên kết với các nguyên tử trường tồn".

c. Here from a section later in the text, are what the members of this second group do:

c. Ở đây, từ một đoạn sau hơn trong văn bản, là điều mà các thành viên của nhóm thứ hai này làm:

d. These **building devas** [closely allied, we are told, with the Solar Angels] are the ones who take up the sound as the Ego sends it forth **through certain of the transmitting**

d. Các **thiên thần kiến tạo** [như chúng ta được biết, có liên hệ mật thiết với các Thái dương Thiên Thần] là những vị tiếp nhận âm thanh khi Chân ngã phát nó ra **qua một số cơ quan thiên thần truyền dẫn nhất**

deva agencies, and by the **vibration** which this sets up they **drive** into activity the surrounding **deva essence** in their two groups (TCF 940):

định, và nhờ **rung động** mà điều này tạo ra, họ **thúc đẩy** vào hoạt động tinh chất thiên thần xung quanh **trong hai nhóm của chúng** (TCF 940):

e. We remember the relationship of these devas (sometimes their "building" nature is emphasized and sometimes not) to the factor of *vibration.*

e. Chúng ta nhớ mối liên hệ của các thiên thần này (đôi khi bản chất "kiến tạo" của họ được nhấn mạnh và đôi khi thì không) với yếu tố *rung động.*

f. The next group of devas (a third group) is closely related to the second group. This third group responds to the "initial vibration" of the second group, and continues to gather and aggregate the substance already gathered and aggregated by the second group, but contributes to greater concretion by *moulding* the gathered substance. Immediately above this third group of devas is called "Those who are responsible for the building process". It is probably that we can with accuracy call this third group of devas "manipulating devas".

f. Nhóm thiên thần kế tiếp (một nhóm thứ ba) có liên hệ mật thiết với nhóm thứ hai. Nhóm thứ ba này đáp ứng với "rung động ban đầu" của nhóm thứ hai, và tiếp tục thu gom và tập hợp chất liệu đã được nhóm thứ hai thu gom và tập hợp, nhưng góp phần vào sự cô đặc hóa lớn hơn bằng cách *nắn đúc* chất liệu đã được thu gom. Ngay phía trên, nhóm thiên thần thứ ba này được gọi là "Những vị chịu trách nhiệm về tiến trình xây dựng". Có lẽ chúng ta có thể gọi nhóm thiên thần thứ ba này một cách chính xác là "các thiên thần thao tác".

g. Following these three groups of devas—transmitting, vibrating and gathering, and aggregating and moulding, come the devas of passive elemental lives who *are* the substance to be built.

g. Tiếp theo ba nhóm thiên thần này—truyền dẫn, rung động và thu gom, và tập hợp cùng nắn đúc—là các thiên thần của những sự sống hành khí thụ động, những vị *là* chất liệu sẽ được xây dựng.

171. This tabulation and explanation should prove useful. Caution will have to be exerted when we get into the specifics of work upon each plane:

171. Bảng phân loại và lời giải thích này hẳn sẽ hữu ích. Cần phải thận trọng khi chúng ta đi vào các chi tiết cụ thể của công việc trên mỗi cõi:

a. Work within the dense physical subplanes

a. Công việc trong các cõi phụ hồng trần đậm đặc

b. Work within the etheric subplanes

b. Công việc trong các cõi phụ dĩ thái

c. Work upon the astral plane

c. Công việc trên cõi cảm dục

d. Work on the lower mental levels

172. When such work is analyzed, new names for various devas and their processes are brought forward, and we will have to be careful to keep them within the overall fourfold tabulation just offered—transmitters, 'vibrators', moulders and passive substance.

173. Once we make our way through the terminology, we should more clearly see the outlines of these intricate relationships, and the complexity which here appears so daunting, will disappear.

174. We are going to begin differentiating the status and functions of certain building devas.

The devas of the permanent atoms.

175. We will realize that we have (in earlier sections of the book) considered these devas somewhat. The lengthy interpolation at the beginning of this Commentary deals with them. DK seems to come back to certain subjects for further amplification.

176. These are, in a way, building devas; they are not transmitting devas, even though the lunar transmitting devas powerfully affect the spirillae of the mental unit and the two permanent atoms.

177. The "devas of the permanent atoms" belong to a *second twofold category* of devas. They are neither the devas *most closely associated* with the Ego nor are they the third category of deva listed above (TCF942)

d. Công việc trên các cấp độ hạ trí

172. Khi công việc như thế được phân tích, những tên gọi mới cho các thiên thần khác nhau và các tiến trình của họ được đưa ra, và chúng ta sẽ phải cẩn thận giữ chúng trong bảng phân loại tứ phân tổng quát vừa được nêu—các tác nhân truyền dẫn, các "đấng gây rung động", các đấng tạo khuôn và chất liệu thụ động.

173. Một khi chúng ta vượt qua được thuật ngữ, chúng ta sẽ thấy rõ hơn các đường nét của những mối liên hệ phức tạp này, và sự phức tạp hiện ở đây có vẻ quá đáng sợ sẽ biến mất.

174. Chúng ta sẽ bắt đầu phân biệt địa vị và chức năng của một số thiên thần kiến tạo nhất định.

Các thiên thần của các nguyên tử trường tồn.

175. Chúng ta sẽ nhận ra rằng chúng ta đã phần nào khảo sát các thiên thần này (trong những phần trước của sách). Phần nội suy dài ở đầu bộ Chú Giải này bàn đến họ. Dường như Chân sư DK quay lại một số chủ đề nhất định để khai triển thêm.

176. Theo một nghĩa nào đó, đây là các thiên thần kiến tạo; họ không phải là các thiên thần truyền dẫn, mặc dù các thiên thần truyền dẫn thái âm tác động mạnh mẽ lên các loa tuyến của đơn vị hạ trí và hai nguyên tử trường tồn.

177. "Các thiên thần của các nguyên tử trường tồn" thuộc về một *phạm trù nhị phân thứ hai* của các thiên thần. Họ không phải là những thiên thần *gắn bó mật thiết nhất* với Chân ngã, cũng không phải là phạm trù

who aggregate and mould. Neither are they the passive, negative substance, the building essence which is built into forms. Nor are they a still

thiên thần thứ ba được liệt kê ở trên (TCF942), những vị kết tập và tạo khuôn. Họ cũng không phải là chất liệu thụ động, âm tính, là tinh chất kiến tạo được xây vào trong các hình tướng. Họ cũng không phải là một loại còn

178. They are devas who work through *magnetic power* and set up an "initial vibration" which gathers substance around the lower permanent atoms. They are called "builders", but they are less builders than the *third* classification of devas who aggregate and mould the living substance.

178. Họ là những thiên thần hoạt động qua *quyền năng từ tính* và thiết lập một "rung động khởi đầu" thu hút chất liệu quanh các nguyên tử trường tồn thấp. Họ được gọi là "các đấng kiến tạo", nhưng họ ít là đấng kiến tạo hơn so với loại thiên thần *thứ ba*, những vị kết tập và tạo khuôn chất liệu sống.

This **particular group of devas** are **the aggregate of the lives who form** the mental unit and the two permanent atoms.

Nhóm thiên thần **đặc biệt này** là **tổng thể các sự sống tạo thành** đơn vị hạ trí và hai nguyên tử trường tồn.

179. Devas operate in groups. It would be of interest to know how many of such lives are aggregated to form the mental unit and the two permanent atoms.

179. Các thiên thần hoạt động theo nhóm. Sẽ rất đáng quan tâm nếu biết có bao nhiêu sự sống như thế được kết tập để tạo thành đơn vị hạ trí và hai nguyên tử trường tồn.

180. When we look at the meaning of the word "form" we have to decide whether it means "build" or "go to the constitution of".

180. Khi xem xét ý nghĩa của từ "form", chúng ta phải quyết định liệu nó có nghĩa là "xây dựng" hay "đi vào cấu tạo của".

181. As devas often work by *building themselves into the form,* or *underlie* or *suffuse* the form, some combination of the two perspectives is possible.

181. Vì các thiên thần thường hoạt động bằng cách *tự xây mình vào trong hình tướng,* hoặc *nằm bên dưới* hay *thấm đẫm* hình tướng, nên có thể có một sự kết hợp nào đó của hai góc nhìn này.

182. When thinking of the Solar Angels, for instance, they are *not* the substance of the higher mental plane, but they are, as it were, 'structurally present' within that lesser higher mental substance, and it is the underlying presence of these Angels or Pitris which brings about the formation of the egoic lotus.

182. Chẳng hạn, khi nghĩ đến các Thái dương Thiên Thần, các Ngài *không* phải là chất liệu của cõi thượng trí, nhưng các Ngài, có thể nói như vậy, "hiện diện về mặt cấu trúc" bên trong chất liệu thượng trí thấp hơn ấy, và chính sự hiện diện nền tảng của các Thiên Thần hay các Pitri này đem lại sự hình thành của Hoa Sen Chân Ngã.

183. We must learn to study what we might call the 'infusion of fields within fields'—the infusion of greater fields within lesser fields. This all has to do with what we might call the 'interpenetration of fields'.

183. Chúng ta phải học cách nghiên cứu điều mà chúng ta có thể gọi là "sự phú linh của các trường trong các trường"—sự phú linh của các trường lớn hơn trong các trường nhỏ hơn. Tất cả điều này đều liên quan đến cái mà chúng ta có thể gọi là "sự xuyên thấm lẫn nhau của các trường".

184. Yet, overall, the first of the options (to consider the word "form" as a verb seems the best solution). These, then, are the devas who *form* or *work through* the two lower permanent atoms and mental unit.

184. Tuy nhiên, xét tổng thể, phương án thứ nhất (xem từ "form" như một động từ dường như là giải pháp tốt nhất). Vậy thì đây là những thiên thần *tạo thành* hoặc *hoạt động qua* hai nguyên tử trường tồn thấp và đơn vị hạ trí.

185. This group of devas might be considered those who sustain the integrity of the permanent atoms, holding their formal integrity and also vitalizing them.

185. Nhóm thiên thần này có thể được xem là những vị duy trì tính toàn vẹn của các nguyên tử trường tồn, giữ gìn tính toàn vẹn hình tướng của chúng và cũng tiếp sinh lực cho chúng.

186. How *small* is a deva? This may be considered a strange questions, but if we think that there are devas who aggregate together to form the mental unit, or astral permanent atom or physical permanent atom; and when we consider how tiny these centers of force are; we are led to ask the quality in all seriousness.

186. Một thiên thần *nhỏ* đến mức nào? Điều này có thể bị xem là một câu hỏi lạ lùng, nhưng nếu chúng ta nghĩ rằng có những thiên thần kết tập lại để tạo thành đơn vị hạ trí, hay nguyên tử trường tồn cảm dục hoặc nguyên tử trường tồn hồng trần; và khi chúng ta xét xem những trung tâm lực này nhỏ bé đến mức nào; chúng ta bị dẫn đến việc nêu câu hỏi ấy với tất cả sự nghiêm túc.

They [the mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom], as we know, have their place within the causal periphery, and are focal points of egoic energy.

Chúng [đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần], như chúng ta biết, có vị trí của chúng trong chu vi nhân thể, và là những tiêu điểm của năng lượng chân ngã.

187. It is important to realize that the mental unit and two lower permanent atoms have their place within the causal *periphery* yet must, necessarily, remain on their own subplanes. This may seem a difficult concept but the utilization of

187. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng đơn vị hạ trí và hai nguyên tử trường tồn thấp có vị trí của chúng trong chu vi *nhân thể* nhưng nhất thiết vẫn phải ở trên các cõi phụ riêng của chúng. Điều này có thể có vẻ là một khái niệm khó, nhưng việc sử dụng sự

visualization may help us conceive how it is possible.

hình dung có thể giúp chúng ta quan niệm được điều đó là khả hữu như thế nào.

They are the **very highest type of building devas**, and **form a group of lives which are closely allied to the solar Angels**.

Họ là **loại thiên thần kiến tạo cao nhất**, và **hợp thành một nhóm sự sống có liên hệ mật thiết với các Thái dương Thiên Thần**.

188. While this group is the very highest type of "building devas", they are not the highest of the three types of devas through which the Ego works.

188. Tuy nhóm này là loại "thiên thần kiến tạo" cao nhất, họ không phải là cao nhất trong ba loại thiên thần mà qua đó Chân ngã hoạt động.

189. The "transmitting devas" or microcosmic "transmitters of the word" are a still higher type.

189. "Các thiên thần truyền dẫn" hay các "tác nhân truyền dẫn linh từ" vi mô còn là một loại cao hơn nữa.

190. Here the devas associated with the mental unit and the two lower permanent atoms are definitely called "building devas". Elsewhere, their role as *builders* is less emphasized and their power to initiate vibration more emphasized.

190. Ở đây các thiên thần liên kết với đơn vị hạ trí và hai nguyên tử trường tồn thấp được gọi dứt khoát là các thiên thần "kiến tạo". Ở nơi khác, vai trò của họ như các *đấng kiến tạo* ít được nhấn mạnh hơn, còn quyền năng khởi phát rung động của họ lại được nhấn mạnh hơn.

191. Yet, the Solar Angels are strong representatives of the second aspect of divinity and so are this high type of building devas (for the act of building takes place under second ray influence). This could be one of the reasons for the close alliance between the Solar Angels and these building devas.

191. Tuy nhiên, các Thái dương Thiên Thần là những đại diện mạnh mẽ của phương diện thứ hai của thiên tính, và loại thiên thần kiến tạo cao này cũng vậy (vì hành vi kiến tạo diễn ra dưới ảnh hưởng của cung hai). Đây có thể là một trong những lý do của sự liên minh mật thiết giữa các Thái dương Thiên Thần và các thiên thần kiến tạo này.

192. We do begin to see, do we not, how intricate is the subject and how carefully we must proceed to keep things straight!

192. Quả thật chúng ta bắt đầu thấy, phải không, chủ đề này phức tạp đến mức nào và chúng ta phải tiến hành cẩn trọng biết bao để giữ mọi điều cho rõ ràng!

They exist in seven groups connected with three of the spirillae of [Page 940] the logoic physical permanent atom.

Họ tồn tại trong bảy nhóm liên kết với ba loa tuyến của [Page 940] nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế.

193. We might relate the three members of the atomic triangle (which are usually simply called "the permanent atoms") to the three spirillae of the logoic physical permanent atom. There is a correspondence of three to three.

193. Chúng ta có thể liên hệ ba thành phần của tam giác nguyên tử (thường chỉ đơn giản được gọi là "các nguyên tử trường tồn") với ba loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế. Có một sự tương ứng ba với ba.

194. If we look at the logoic permanent atom, and presume, because it is on the cosmic *physical* plane that it has *seven* spirillae, then one group of devas would be related to the first spirilla (given to Shiva), another to the second spirilla (given to Vishnu) and the next five groups of devas to the third spirilla (given to Brahma).

194. Nếu chúng ta nhìn vào nguyên tử trường tồn của Thượng đế, và giả định rằng vì nó ở trên cõi *hồng trần* vũ trụ nên nó có *bảy* loa tuyến, thì một nhóm thiên thần sẽ liên hệ với loa tuyến thứ nhất (được trao cho Shiva), một nhóm khác với loa tuyến thứ hai (được trao cho Vishnu), và năm nhóm thiên thần kế tiếp với loa tuyến thứ ba (được trao cho Brahma).

195. We must remember, in this context, that spirillae of the logoic permanent atom are *systemic planes!*

195. Trong bối cảnh này, chúng ta phải nhớ rằng các loa tuyến của nguyên tử trường tồn của Thượng đế là *các cõi của hệ thống!*

196. Although these seven groups of building devas are connected with the logoic physical permanent atom which is principally anchored on the logoic plane, they *also* may be thought of as related to the seven spirillae to be found in the lower two permanent atoms. (The higher permanent atoms have only *three* spirillae).

196. Mặc dù bảy nhóm thiên thần kiến tạo này liên kết với nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế, vốn chủ yếu được neo trên cõi logoic, chúng *cũng* có thể được xem là liên hệ với bảy loa tuyến được tìm thấy trong hai nguyên tử trường tồn thấp. (Các nguyên tử trường tồn cao hơn chỉ có *ba* loa tuyến).

197. If we combine the spirillae to be found in the mental unit and in the manasic permanent atom (these two, seemingly separated by the causal body), we shall also have *seven,* as the three triadal permanent atoms have only three major spirillae.

197. Nếu chúng ta kết hợp các loa tuyến được tìm thấy trong đơn vị hạ trí và trong nguyên tử trường tồn manas (hai điểm này dường như bị tách biệt bởi thể nguyên nhân), chúng ta cũng sẽ có *bảy,* vì ba nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần chỉ có ba loa tuyến chính.

198. Can the seven groups be related to the seven rays. For one thing, we know that it is possible for any center of force (the mental unit or the two lower permanent atoms) to express, principally, *any one of the seven rays.*

198. Bảy nhóm này có thể được liên hệ với bảy cung chăng. Trước hết, chúng ta biết rằng bất kỳ trung tâm lực nào (đơn vị hạ trí hay hai nguyên tử trường tồn thấp) cũng có

thể biểu lộ, chủ yếu, *bất kỳ một trong bảy cung nào.*

199. Do we begin to sense the nature of the intricate occult science into which we are entering?

199. Chúng ta có bắt đầu cảm nhận được bản chất của khoa học huyền bí phức tạp mà chúng ta đang bước vào không?

These three spirillae are to these seven groups of lives what the three major rays are to the seven groups of rays on the egoic subplanes of the mental plane. This phrase will bear meditating upon, and may convey much information to the intuitional thinker.

Ba loa tuyến này đối với bảy nhóm sự sống này cũng như ba cung chính đối với bảy nhóm cung trên các cõi phụ chân ngã của cõi trí. Cụm từ này đáng để tham thiền, và có thể truyền đạt nhiều thông tin cho nhà tư tưởng trực giác.

200. Here we have one of those profound statements which will demand prolonged pondering.

200. Ở đây chúng ta có một trong những phát biểu sâu xa đòi hỏi phải suy ngẫm lâu dài.

201. We may assume that the logoic physical permanent atom is to be found *focally anchored* upon the systemic logoic plane (the higher parallel to the anchoring of the microcosmic physical permanent atom on the atomic etheric subplane of the systemic physical plane).

201. Chúng ta có thể giả định rằng nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế được tìm thấy *như một tiêu điểm được neo* trên cõi logoic của hệ thống (sự tương đồng cao hơn với việc nguyên tử trường tồn hồng trần vi mô được neo trên cõi phụ nguyên tử dĩ thái của cõi hồng trần hệ thống).

202. We have a Kabalistic pattern of a greater three hovering over a lesser seven. It is the pattern of the Tree of Life.

202. Chúng ta có một mô hình Kabbala về một bộ ba lớn hơn lơ lửng trên một bộ bảy nhỏ hơn. Đó là mô hình của Cây Sự Sống.

203. These high microcosmically-related devas exist in seven groups, presumably related to the seven lesser spirillae in the normal, complete, sevenfold permanent atom. Of course, they will also be related to the seven rays and to the process of inducing the capacity of any permanent atom or unit to express *any* of the seven rays.

203. Các thiên thần cao cấp liên hệ với vi mô này tồn tại trong bảy nhóm, có lẽ liên hệ với bảy loa tuyến nhỏ hơn trong nguyên tử trường tồn bình thường, hoàn chỉnh, thất phân. Dĩ nhiên, họ cũng sẽ liên hệ với bảy cung và với tiến trình tạo ra năng lực cho bất kỳ nguyên tử trường tồn hay đơn vị nào biểu lộ *bất kỳ* cung nào trong bảy cung.

204. When dealing with the 'higher three' and their relation to the seven, we will divide the higher three into three divisions. Reviewing from an alternative perspective:

204. Khi bàn đến "ba cao hơn" và mối liên hệ của chúng với bảy, chúng ta sẽ chia ba cao hơn thành ba phân bộ. Xét lại từ một góc nhìn khác: loa tuyến thứ nhất trong ba loa

the first of the three spirillae of logoic permanent atom will be given to Shiva and to the first type of the seven lower devas, as well as to the first of the lower seven spirillae; the second of the three spirillae of the logoic permanent atom will be given to Vishnu and to the second type of the seven lower devas as well as to the second of the lower seven spirillae; and the third of the three spirillae of the logoic permanent atom will be given to fivefold Brahma and to the fifth through seventh types of seven lower devas and to the lower five of the seven lower spirillae.

tuyến của nguyên tử trường tồn của Thượng đế sẽ được trao cho Shiva và cho loại thứ nhất trong bảy thiên thần thấp hơn, cũng như cho loa tuyến thứ nhất trong bảy loa tuyến thấp hơn; loa tuyến thứ hai trong ba loa tuyến của nguyên tử trường tồn của Thượng đế sẽ được trao cho Vishnu và cho loại thứ hai trong bảy thiên thần thấp hơn, cũng như cho loa tuyến thứ hai trong bảy loa tuyến thấp hơn; và loa tuyến thứ ba trong ba loa tuyến của nguyên tử trường tồn của Thượng đế sẽ được trao cho Brahma ngũ phân và cho các loại từ thứ năm đến thứ bảy trong bảy thiên thần thấp hơn, cũng như cho năm loa tuyến thấp hơn trong bảy loa tuyến thấp hơn.

205. From the *three*, *seven* can be derived. Thinking in terms of the synthesizing Planetary Logoi and the sacred Planetary Logoi, a trinity is to be found on the systemic logoic plane and a septenate upon the second plane. (cf. TCF, Chart V, 344) We may analogize downward to the systemic subplanes looking for the three above the seven and also carry our analogy to the structure of the atom where we will find a major three and a lesser seven—three major spirillae and seven subsidiary and minor.

205. Từ *ba*, *bảy* có thể được rút ra. Nếu suy nghĩ theo các Đức Hành Tinh Thượng Đế tổng hợp và các Đức Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng, thì một tam vị được tìm thấy trên cõi logoic của hệ thống và một bộ bảy trên cõi thứ hai. (xem TCF, Biểu đồ V, 344) Chúng ta có thể suy theo phép tương đồng xuống các cõi phụ của hệ thống để tìm ba ở trên bảy, và cũng mang phép tương đồng ấy đến cấu trúc của nguyên tử, nơi chúng ta sẽ thấy một bộ ba chính và một bộ bảy nhỏ hơn —ba loa tuyến chính và bảy loa tuyến phụ thuộc, thứ yếu.

206. Is the logoic physical permanent atom to be found *only* upon the logoic plane, or is its highest spirilla there to be found, with each of the lower six systemic plane representing one of its spirillae? From this perspective, the entire solar system is as a cosmic atom with seven 'planar spirillae'—the seven systemic planes.

206. Nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế chỉ được tìm thấy *duy nhất* trên cõi logoic, hay loa tuyến cao nhất của nó được tìm thấy ở đó, còn mỗi cõi hệ thống thấp hơn trong sáu cõi biểu hiện một trong các loa tuyến của nó? Từ góc nhìn này, toàn bộ hệ mặt trời giống như một nguyên tử vũ trụ với bảy "loa tuyến cõi giới"—bảy cõi của hệ thống.

207. The "seven groups of rays on the egoic subplanes of the mental plane" are represented by the seven groups of causal

207. "Bảy nhóm cung trên các cõi phụ chân ngã của cõi trí" được biểu hiện bởi bảy nhóm thể nguyên nhân được tìm thấy ở đó—mỗi

bodies there to be found—each group an *egoic* group qualified by one of the seven rays. DK seems to suggest that inspiration for these seven groups comes from three higher rays associated with the Shiva, Vishnu and Brahma of the cosmic physical plane and manifesting through the highest three cosmic physical subplanes.

nhóm là một nhóm *chân ngã* được định tính bởi một trong bảy cung. Dường như Chân sư DK gợi ý rằng cảm hứng cho bảy nhóm này đến từ ba cung cao hơn liên kết với Shiva, Vishnu và Brahma của cõi hồng trần vũ trụ và biểu lộ qua ba cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

208. What is said here far from exhausts the pondering necessary to interpret DK's statement in relation to which He advised meditation by the "intuitional thinker".

208. Điều được nói ở đây còn xa mới làm cạn hết sự suy ngẫm cần thiết để diễn giải phát biểu của Chân sư DK, liên hệ với phát biểu ấy Ngài đã khuyên nhà tư tưởng trực giác nên tham thiền.

There is a correspondence between the three permanent atomic triads, and the appearance of man in the third root race.

Có một sự tương ứng giữa ba tam nguyên tử trường tồn, và sự xuất hiện của con người trong giống dân gốc thứ ba.

209. How shall we understand the "three permanent atomic triads"?

209. Chúng ta sẽ hiểu thế nào về "ba tam nguyên tử trường tồn"?

210. What does the word "permanent" mean in this context?

210. Từ "trường tồn" có nghĩa gì trong bối cảnh này?

211. We may find that one of the three triads is the lower atomic triangle consisting of mental unit, astral permanent atom and physical permanent atom. We could hardly, however, call it "permanent" except that it is permanent with respect to the vehicles it builds, for the vehicles cyclically disintegrate and the permanent atoms do not.

211. Chúng ta có thể thấy rằng một trong ba tam nguyên là tam giác nguyên tử thấp gồm đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần. Tuy nhiên, chúng ta khó có thể gọi nó là "trường tồn", ngoại trừ ở chỗ nó trường tồn đối với các vận cụ mà nó xây dựng, vì các vận cụ tan rã theo chu kỳ còn các nguyên tử trường tồn thì không.

212. Another one of the "permanent triads" is, seemingly, the spiritual triad, consisting of the manasic permanent atom, the buddhic permanent atom, and the atmic permanent atom. These permanent atoms are, within almost the entire pilgrimage of the Monad, *permanent*

212. Một tam nguyên khác trong các "tam nguyên trường tồn", dường như, là Tam Nguyên Tinh Thần, gồm nguyên tử trường tồn manas, nguyên tử trường tồn Bồ đề, và nguyên tử trường tồn atma. Các nguyên tử trường tồn này, trong gần như toàn bộ cuộc hành hương của Chân thần, là *trường tồn*

213. But what of the third? We have run out of permanent atoms (if in a permanent atomic triad there must be permanent atoms).

213. Nhưng còn tam nguyên thứ ba thì sao? Chúng ta đã hết các nguyên tử trường tồn rồi (nếu trong một tam nguyên nguyên tử trường tồn thì phải có các nguyên tử trường tồn).

214. We cannot find permanent atoms in the Monad, even though it is threefold—Will, Wisdom and Activity.

214. Chúng ta không thể tìm thấy các nguyên tử trường tồn trong Chân thần, mặc dù nó là tam phân—Ý Chí, Minh triết và Hoạt động.

215. BUT, we can find upon the mental plane, three *points*, two of which are constituents in the two triads already proposed.

215. NHƯNG, trên cõi trí chúng ta có thể tìm thấy ba *điểm*, trong đó hai điểm là thành phần của hai tam nguyên đã được đề xuất.

216. These three points are the mental unit, the manasic permanent atom *and* the "Jewel in the Lotus", which is a projection of the Monad and permanent throughout the duration of the causal body, but far more permanent as the Monad—the most permanent of all factors in the human energy system.

216. Ba điểm này là đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn manas *và* "Ngọc trong Hoa Sen", vốn là một phóng chiếu của Chân thần và trường tồn suốt thời gian tồn tại của thể nguyên nhân, nhưng còn trường tồn hơn nữa với tư cách là Chân thần—yếu tố trường tồn nhất trong toàn bộ hệ thống năng lượng của con người.

217. We could contemplate this possibility. DK has given us a correspondence of three and three. How many triads shall there be in the future structure of man?

217. Chúng ta có thể chiêm ngưỡng khả năng này. Chân sư DK đã cho chúng ta một sự tương ứng ba và ba. Sẽ có bao nhiêu tam nguyên trong cấu trúc tương lai của con người?

218. One more thing—each of the three higher permanent atoms is *threefold,* as it has only *three* spirillae. The spiritual triad is permanent more or less throughout the

218. Thêm một điều nữa—mỗi nguyên tử trường tồn cao hơn trong ba nguyên tử là *tam phân,* vì nó chỉ có *ba* loa tuyến. Tam Nguyên Tinh Thần ít nhiều là trường tồn

duration of the Monad's pilgrimage. Since each of the permanent atoms (atmic, buddhic and manasic) is threefold, we could call them "three permanent atomic triads).

trong suốt thời gian cuộc hành hương của Chân thần. Vì mỗi nguyên tử trường tồn (atma, Bồ đề và manas) đều là tam phân, chúng ta có thể gọi chúng là "ba tam nguyên nguyên tử trường tồn".

A curiously interesting sequence of the three lines of force can be seen in:

Một chuỗi trình tự kỳ lạ mà đầy thú vị của ba đường lực có thể được thấy trong:

219. DK is helping us understand the relationship between certain groups of triads.

219. Chân sư DK đang giúp chúng ta hiểu mối liên hệ giữa một số nhóm tam nguyên nhất định.

a. The triads of the involutionary group soul.

a. Các tam nguyên của Hồn nhóm giáng hạ tiến hoá.

220. These cannot be triads which include a mental unit, as that unit takes time to emerge, and really, emerges only within the later phases of the animal kingdom, as instinct approximates intellect.

220. Đây không thể là các tam nguyên bao gồm một đơn vị hạ trí, vì đơn vị ấy cần thời gian mới xuất hiện, và thực ra chỉ xuất hiện trong các giai đoạn muộn hơn của giới động vật, khi bản năng tiến gần đến trí tuệ.

221. So we may assume that it is a collection of *spiritual triads* which are involved with the "involutionary group soul".

221. Vì vậy, chúng ta có thể giả định rằng đó là một tập hợp các *Tam nguyên tinh thần* liên hệ với "Hồn nhóm giáng hạ tiến hoá".

222. Below are some collected references concerning the triads and the involutionary path or involutionary group soul.

222. Dưới đây là một số trích dẫn được tập hợp liên quan đến các tam nguyên và con đường giáng hạ tiến hoá hay Hồn nhóm giáng hạ tiến hoá.

223. We may suppose that these triads/ Triads (both types of capitalization are used) are actually *spiritual triads* because they are called "permanent triads".

223. Chúng ta có thể giả định rằng các triads/Triads này (cả hai kiểu viết hoa đều được dùng) thực ra là các *Tam nguyên tinh thần* vì chúng được gọi là các "tam nguyên trường tồn".

224. We know that once the atomic triangle is created (with the gradual emergence of the mental unit) it is not a *permanent* triad. It is destined for disintegration at the first great liberation—the fourth initiation. But from the time of the Second Outpouring, the

224. Chúng ta biết rằng một khi tam giác nguyên tử được tạo ra (cùng với sự xuất hiện dần dần của đơn vị hạ trí) thì nó không phải là một tam nguyên *trường tồn*. Nó được định cho sự tan rã vào cuộc giải thoát lớn đầu tiên —lần điểm đạo thứ tư. Nhưng từ thời điểm

Monad has selected three atoms from the atmic, buddhic and higher mental planes, respectively, which, through an act of sustained monadic association, it rendered relatively "permanent". It may be presumed that the selection of these permanent atoms preceded the selection of the permanent atoms of the astral plane and etheric plane upon which the Monad would depend for its sojourn through the lower three kingdoms. Thus the permanent atoms of the spiritual triads would have a greater *permanence* than the two lower permanent atoms and certainly than the mental unit which emerged very late in the developmental process of the Monad.

của Lần Tuôn Đổ Thứ Hai, Chân thần đã chọn ba nguyên tử lần lượt từ các cõi atma, Bồ đề và thượng trí, và qua một hành vi liên kết chân thần được duy trì, đã làm cho chúng trở nên tương đối "trường tồn". Có thể giả định rằng việc chọn các nguyên tử trường tồn này đã đi trước việc chọn các nguyên tử trường tồn của cõi cảm dục và cõi dĩ thái, là những nguyên tử mà Chân thần sẽ nương vào trong cuộc lưu trú của nó qua ba giới thấp. Vì vậy, các nguyên tử trường tồn của các Tam nguyên tinh thần sẽ có một tính trường tồn *lớn hơn* so với hai nguyên tử trường tồn thấp và chắc chắn hơn so với đơn vị hạ trí, vốn xuất hiện rất muộn trong tiến trình phát triển của Chân thần.

225. Here are the collected references and some brief commentary.

225. Dưới đây là các trích dẫn được tập hợp cùng một số bình luận ngắn.

On the involutionary path you have what is termed the Group Soul, aptly described (as far as earth words permit) **as a collection of triads, enclosed in a triple envelop of monadic essence**. On the evolutionary path, groups of causal bodies correspond and are similarly composed, three factors entering in. (LOM 29)

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, bạn có cái được gọi là Hồn nhóm, được mô tả rất đúng (trong chừng mực ngôn từ trần thế cho phép) **như một tập hợp các tam nguyên, được bao bọc trong một vỏ bọc tam phân của tinh chất chân thần**. Trên con đường tiến hoá, các nhóm thể nguyên nhân tương ứng và cũng được cấu thành tương tự, với ba yếu tố tham dự vào. (LOM 29)

226. Monadic essence is substance of the atomic subplane of any plane. If the triads in the "collection of triads" was of a *lower* nature and included a mental unit (for, the atomic triangle), the type of "essence" enfolding it would not be "monadic" but "elemental".

226. Tinh chất chân thần là chất liệu của cõi phụ nguyên tử của bất kỳ cõi nào. Nếu các tam nguyên trong "tập hợp các tam nguyên" có bản chất *thấp hơn* và bao gồm một đơn vị hạ trí (tức là tam giác nguyên tử), thì loại "tinh chất" bao bọc nó sẽ không phải là "chân thần" mà là "hành khí".

227. The three focal points within the human *spiritual* triad, however, are all found upon *atomic* subplanes of their respective systemic plane and, thus, *can* be enclosed "in a triple envelop of monadic essence". The

227. Tuy nhiên, ba tiêu điểm trong Tam nguyên tinh thần của con người đều được tìm thấy trên các cõi phụ *nguyên tử* của các cõi hệ thống tương ứng của chúng và, do đó, *có thể* được bao bọc "trong một vỏ bọc tam phân của tinh chất chân thần". Vỏ bọc *tam*

triple envelop can exist because three kinds of monadic essence are available.

phân có thể tồn tại vì có sẵn ba loại tinh chất chân thần.

228. We continue with references related to triads and permanent triads…

228. Chúng ta tiếp tục với các trích dẫn liên quan đến các tam nguyên và các tam nguyên trường tồn…

3. The entities who are the sumtotal of those group souls who contain **definite permanent triads**. Nine triads constitute the body of one of these entities. (TCF 533)

3. Các thực thể là tổng số của những Hồn nhóm chứa đựng các **tam nguyên trường tồn xác định**. Chín tam nguyên cấu thành thể của một trong các thực thể này. (TCF 533)

229. Note here the term "permanent triads".

229. Hãy lưu ý ở đây thuật ngữ "các tam nguyên trường tồn".

On the path of involution it [the Law of Disintegration] controls the process of the breaking up of group souls; it governs the periods when the **permanent triads** are transferred from one form to another; (TCF 580-581)

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, nó [Định luật Tan Rã] kiểm soát tiến trình phân rã của các Hồn nhóm; nó chi phối những giai đoạn khi các **tam nguyên trường tồn** được chuyển từ hình tướng này sang hình tướng khác; (TCF 580-581)

230. Note here, again, the term "permanent triads".

230. Ở đây, một lần nữa, hãy lưu ý thuật ngữ "các tam nguyên trường tồn".

2. It stimulates the efforts of the highest specimens of the third kingdom, and a dual effect is produced through this, for the fourth kingdom in nature makes its appearance on the physical plane and **the Triads are reflected on the mental plane in the causal bodies to be found thereon.** (TCF 694-695)

2. Nó kích thích những nỗ lực của các mẫu mực cao nhất của giới thứ ba, và qua đó một hiệu quả kép được tạo ra, vì giới thứ tư trong thiên nhiên xuất hiện trên cõi hồng trần và **các Tam nguyên được phản chiếu trên cõi trí trong các thể nguyên nhân được tìm thấy ở đó.** (TCF 694-695)

231. We now continue our discussion of "a curiously interesting sequence of the three lines of force".

231. Giờ đây chúng ta tiếp tục cuộc thảo luận về "một chuỗi trình tự kỳ lạ mà đầy thú vị của ba đường lực".

b. The appearance of triple natured man in the third root race.

b. Sự xuất hiện của con người tam phân trong giống dân gốc thứ ba.

232. "Triple natured man" appearing at individualization in the third root race is man as spiritual triad (this he was before he was "man"), man as personality (at least in embryo) and man as individualized soul on the higher mental plane.

232. "Con người tam phân" xuất hiện tại biệt ngã hóa trong giống dân gốc thứ ba là con người như Tam Nguyên Tinh Thần (điều này y đã là trước khi y là "con người"), con người như phàm ngã (ít nhất là ở dạng phôi thai), và con người như linh hồn đã được biệt ngã hóa trên cõi thượng trí.

233. He could also be called "triple natured" in the lower sense because he possesses not only a physical permanent atom and an astral permanent atom but an individualized *mind* through the angelically stimulated mental unit.

233. Y cũng có thể được gọi là "tam phân" theo nghĩa thấp hơn vì y không chỉ sở hữu một nguyên tử trường tồn hồng trần và một nguyên tử trường tồn cảm dục mà còn có một *trí tuệ* đã được biệt ngã hóa thông qua đơn vị hạ trí được các thiên thần kích thích.

c. The triads in the causal bodies of any self-conscious unit.

c. Các tam nguyên trong các thể nguyên nhân của bất kỳ đơn vị ngã thức nào.

234. Note in the following excerpt a reference which clarifies the existence of the "triads in the casual body of any self-conscious unit"

234. Hãy lưu ý trong đoạn trích sau một dẫn chiếu làm sáng tỏ sự tồn tại của "các tam nguyên trong thể nguyên nhân của bất kỳ đơn vị ngã thức nào"

the fourth kingdom in nature makes its appearance on the physical plane and **the Triads are reflected on the mental plane in the causal bodies to be found thereon.** (TCF 694-695)

giới thứ tư trong thiên nhiên xuất hiện trên cõi hồng trần và **các Tam nguyên được phản chiếu trên cõi trí trong các thể nguyên nhân được tìm thấy ở đó.** (TCF 694-695)

235. If we study these three related lines of force we will see that the spiritual triads (the "permanent triads") are involved in each example.

235. Nếu chúng ta nghiên cứu ba đường lực liên hệ này, chúng ta sẽ thấy rằng các Tam nguyên tinh thần (các "tam nguyên trường tồn") đều liên quan trong mỗi ví dụ.

These **building devas** [closely allied, we are told, with the Solar Angels] are the ones who take up the sound as the Ego sends it forth **through certain of the transmitting deva agencies,** and by the **vibration** which this sets up they **drive** into activity the surrounding **deva essence in their two groups**:

Các **thiên thần kiến tạo** [như chúng ta được cho biết, có liên hệ mật thiết với các Thái dương Thiên Thần] là những vị tiếp nhận âm thanh khi Chân ngã phát nó ra **qua một số tác nhân thiên thần truyền dẫn nhất định,** và bằng **rung động** do điều này tạo nên họ **thúc đẩy** vào hoạt động tinh

chất thiên thần **xung quanh trong hai nhóm của chúng**:

236. We must remind ourselves that the "building devas" (we have been speaking of "the very highest type of building devas") are not the "transmitting deva agencies"—the microcosmic "transmitters of the word".

236. Chúng ta phải tự nhắc mình rằng "các thiên thần kiến tạo" (chúng ta đã nói về "loại thiên thần kiến tạo cao nhất") không phải là "các tác nhân thiên thần truyền dẫn"—các "tác nhân truyền dẫn linh từ" vi mô.

237. The devas we are now discussing are those who are related most closely to the permanent atoms.. They seem to have a first ray function as the *drive* into activity the surrounding deva essence in two groups. They selectively drive the lesser devas through the power of vibration. And yet, they are also magnetic (as we learn elsewhere), *gathering* and *aggregating* substance around the lower permanent atoms.

237. Các thiên thần mà hiện nay chúng ta đang bàn đến là những vị liên hệ mật thiết nhất với các nguyên tử trường tồn. Dường như họ có một chức năng cung một khi họ *thúc đẩy* tinh chất thiên thần xung quanh vào hoạt động trong hai nhóm. Họ thúc đẩy có chọn lọc các thiên thần nhỏ hơn bằng quyền năng của rung động. Tuy nhiên, họ cũng có tính từ tính (như chúng ta biết ở nơi khác), *thu hút* và *kết tập* chất liệu quanh các nguyên tử trường tồn thấp.

238. These high building devas seem to have a *driving* influence just as Vulcan has. Vulcan is a first ray planet with great building powers (as its inner rays seem to be on the building line), but also the magnetic Jupiterian and Venusian influence.

238. Các thiên thần kiến tạo cao này dường như có một ảnh hưởng *thúc đẩy* giống như Vulcan. Vulcan là một hành tinh cung một với những quyền năng kiến tạo lớn lao (vì các cung nội tại của nó dường như thuộc tuyến kiến tạo), nhưng cũng có ảnh hưởng từ tính kiểu Sao Mộc và Sao Kim.

239. In this case, the term "deva essence" (as here used) does not only mean '*passive* deva substance, for it includes "those who build the form"—not only those who are built into the form. Those builders (the third group discussed above) who aggregate and mould are included.

239. Trong trường hợp này, thuật ngữ "tinh chất thiên thần" (như được dùng ở đây) không chỉ có nghĩa là chất liệu thiên thần '*thụ động*, vì nó bao gồm cả "những vị xây dựng hình tướng"—không chỉ những gì được xây vào trong hình tướng. Những đấng kiến tạo ấy (nhóm thứ ba được bàn ở trên), những vị kết tập và tạo khuôn, đều được bao gồm.

240. The term "deva essence" is perhaps a little confusing as it embraces not only the "building essence" which is built into form, but also some of the lower "builders—i.e., the members of the *third* group of devas

240. Thuật ngữ "tinh chất thiên thần" có lẽ hơi gây lẫn lộn vì nó không chỉ bao gồm "tinh chất kiến tạo" được xây vào trong hình tướng, mà còn bao gồm một số "đấng kiến tạo" thấp hơn—tức là các thành viên của

(discussed above) who respond to the "initial vibration" (of the second group) which is set up in response to the transmitted "note" of the first group.

nhóm thiên thần *thứ ba* (được bàn ở trên), những vị đáp ứng với "rung động khởi đầu" (của nhóm thứ hai), rung động được thiết lập để đáp ứng với "âm điệu" được truyền đi của nhóm thứ nhất.

241. Here is a reference which helps us distinguish the term "building essence" from the more general term "deva essence".

241. Đây là một dẫn chiếu giúp chúng ta phân biệt thuật ngữ "tinh chất kiến tạo" với thuật ngữ tổng quát hơn là "tinh chất thiên thần".

The three grades of **building essence** which are **built into forms** through the activity of the above four groups are here briefly recognised as the mental substance, built into the mental body, the astral substance, built into the astral vehicle and the matter of the physical body. (TCF 937)

Ba cấp độ của **tinh chất kiến tạo** được **xây vào trong các hình tướng** qua hoạt động của bốn nhóm trên đây được nhìn nhận ngắn gọn ở đây là chất liệu trí tuệ được xây vào thể trí, chất liệu cảm dục được xây vào vận cụ cảm dục và vật chất của thể xác. (TCF 937)

242. We continue in our discussion of the groups of devas who are *driven* into activity by this "highest group of building devas"—i.e., the ones who are most connected with magnetic power (and, apparently, driving power) of the mental unit, astral permanent atom and physical permanent atom—sustaining the integrity of these tiny focal points of power, vitalizing them and imbuing them with ray quality as needed according to instruction by the Ego.

242. Chúng ta tiếp tục cuộc thảo luận về các nhóm thiên thần bị *thúc đẩy* vào hoạt động bởi "nhóm thiên thần kiến tạo cao nhất" này"—tức là những vị liên hệ nhiều nhất với quyền năng từ tính (và dường như cả quyền năng thúc đẩy) của đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần—duy trì tính toàn vẹn của các tiêu điểm quyền năng cực nhỏ này, tiếp sinh lực cho chúng và thấm nhuần chúng bằng phẩm tính cung khi cần, theo chỉ thị của Chân ngã.

a. Those who build the form.

a. Những vị xây dựng hình tướng.

243. These are the lesser builders in a number of varieties, one major variety for each of the four personality vehicles.

243. Đây là các vị tiểu kiến tạo thuộc nhiều loại, với một loại chính cho mỗi một trong bốn vận cụ của phàm ngã.

244. These include those who *further* aggregate and mould into form the substance gathered by the second group, They are manipulators of substance and build it into specified forms.

244. Những vị này bao gồm những vị *tiếp tục* kết tập và tạo khuôn thành hình tướng chất liệu do nhóm thứ hai thu hút lại. Họ là những vị thao tác chất liệu và xây nó vào các hình tướng được chỉ định.

b. Those who are built into the form.

245. These are the “building essences”. They are not elementals, per se. They are “elemental essence”.

246. Are we clear now:

a. There are transmitting devas

b. There are magnetic building devas associated with the mental unit and lower permanent atoms

c. There are aggregating, moulding builders who build “building essence” into form, under the impulsion of the transmitters and the devas associated with the members of the atomic triangle,

d. And, there is that which is built into form —“building essence”, variously described throughout these pages.

They [the builders associated with the mental unit and lower permanent atoms] only affect those of analogous vibration.

247. The *driving* (and magnetic) activity is accomplished selectively through the power of vibration.

248. We are saying that the highest group of building devas has a driving effect upon those devas above who are called “those who build the form” and “those who are built into the form”. They are able to do this because of the vibration (within themselves) set up by the transmitting devas who have received that impulsed sound or note from the Ego.

b. Những gì được xây vào trong hình tướng.

245. Đây là các “tinh chất kiến tạo”. Chính chúng không phải là các hành khí. Chúng là “Tinh chất hành khí”.

246. Giờ đây chúng ta đã rõ chưa:

a. Có các thiên thần truyền dẫn

b. Có các thiên thần kiến tạo từ tính liên kết với đơn vị hạ trí và các nguyên tử trường tồn thấp

c. Có các đấng kiến tạo kết tập, nắn khuôn, những vị xây dựng “tinh chất kiến tạo” thành hình tướng, dưới sự thúc đẩy của các vị truyền dẫn và các thiên thần liên kết với các thành phần của tam giác nguyên tử,

d. Và có cái được xây vào trong hình tướng —“tinh chất kiến tạo”, được mô tả theo nhiều cách khác nhau xuyên suốt các trang này.

Các vị ấy [các đấng kiến tạo liên kết với đơn vị hạ trí và các nguyên tử trường tồn thấp] chỉ tác động đến những gì có rung động tương tự.

247. Hoạt động *thúc đẩy* (và từ tính) được thực hiện một cách chọn lọc thông qua quyền năng của rung động.

248. Chúng ta đang nói rằng nhóm thiên thần kiến tạo cao nhất có tác động thúc đẩy lên những thiên thần ở trên được gọi là “những vị xây dựng hình tướng” và “những vị được xây vào trong hình tướng”. Họ có thể làm điều này nhờ rung động (bên trong chính họ) được thiết lập bởi các thiên thần

truyền dẫn, những vị đã tiếp nhận âm thanh hay âm điệu được thúc đẩy đó từ Chân ngã.

The stages of the building of any of the four forms through which lower man (the Quaternary) functions, **follow exactly analogous stages to the building of the dense physical body, for instance, of a planet, or of a solar system**.

Các giai đoạn xây dựng bất kỳ một trong bốn thể nào mà qua đó phàm nhân thấp (Bộ Tứ) hoạt động, **tuân theo chính xác những giai đoạn tương tự với việc xây dựng thể xác đậm đặc, chẳng hạn, của một hành tinh, hay của một hệ mặt trời**.

249. DK speaks of the logical nature of the building process.

249. Chân sư DK nói về bản chất hợp lý của tiến trình kiến tạo.

250. We are speaking of the building of the "four forms through which the lower man… functions".

250. Chúng ta đang nói về việc xây dựng "bốn thể mà qua đó phàm nhân thấp… hoạt động".

251. We have already spoken above of the sequential yet overlapping procedure in this type of building.

251. Ở trên chúng ta đã nói về thủ tục tuần tự nhưng chồng lấn trong loại kiến tạo này.

252. Presumably, each vehicle will pass through its own type of conception, growth, coordination, organization, utilization and disintegration.

252. Có lẽ, mỗi vận cụ sẽ trải qua loại thụ thai, tăng trưởng, phối hợp, tổ chức, sử dụng và tan rã riêng của nó.

This can be traced all the way from the nebulous and chaotic stages through the fiery to the solid, or to the *relatively* solid where a subtle body is concerned.

Điều này có thể được truy nguyên suốt từ các giai đoạn tinh vân và hỗn loạn, qua giai đoạn rực lửa, đến giai đoạn rắn chắc, hay đến mức rắn chắc *tương đối* khi liên quan đến một thể vi tế.

253. DK gives us some idea of what He means. There is progress from a nebulous and chaotic stage, through a fiery stage, to a more condensed stage varying in degree of solidity.

253. Chân sư DK cho chúng ta một vài ý niệm về điều Ngài muốn nói. Có sự tiến triển từ một giai đoạn tinh vân và hỗn loạn, qua một giai đoạn rực lửa, đến một giai đoạn cô đặc hơn với mức độ rắn chắc khác nhau.

254. Earlier in the book when discussing Alchemy, we examined some of these stages and this would be a good time to review what was there given. (cf. TCF 476-477, 479)

254. Trước đó trong sách, khi bàn đến thuật luyện kim, chúng ta đã khảo sát một số giai đoạn này và đây là lúc thích hợp để ôn lại

điều đã được trình bày ở đó. (xem TCF 476-477, 479)

There is no need for us further to enlarge. H. P. B. has outlined these stages in the *Secret Doctrine*,[86] [S.D., I, 279, 280] and they have been dealt with in an earlier part of this Treatise.

Chúng ta không cần khai triển thêm nữa. H. P. B. đã phác họa các giai đoạn này trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*,86 [S.D., I, 279, 280] và chúng đã được bàn đến trong một phần trước của bộ Luận này.

255. We can study the sections of alchemy for a more detailed sequence.

255. Chúng ta có thể nghiên cứu các phần về thuật luyện kim để có một trình tự chi tiết hơn.

We have dealt at some length already with the work [Page 941] of the transmitting devas upon the three planes in the three worlds,

Chúng ta đã bàn khá dài về công việc [Page 941] của các thiên thần truyền dẫn trên ba cõi trong ba cõi thấp,

256. Transmitting devas are found on *all* three planes of the three personality vehicles, though on the mental plane they are found on the fourth subplane rather than the first.

256. Các thiên thần truyền dẫn hiện diện trên *cả* ba cõi của ba vận cụ phàm ngã, dù trên cõi trí chúng được tìm thấy ở cõi phụ thứ tư chứ không phải cõi phụ thứ nhất.

and **with that of the devas connected with those relatively permanent focal points—the permanent atoms within the causal periphery.**

và **với công việc của các thiên thần liên kết với những tiêu điểm tương đối trườngtồn ấy—các nguyên tử trường tồn bên trong chu vi nhân thể.**

257. So, two types of devas are here listed:

257. Vì vậy, ở đây có hai loại thiên thần được liệt kê:

a. The transmitting devas

a. Các thiên thần truyền dẫn

b. The devas connected with the permanent atoms

b. Các thiên thần liên kết với các nguyên tử trường tồn

We can now consider the **group of builders** [a third group] who, responding to the note of the transmitting agencies and to the initial vibration of the second group of builders concerned with the triple lower self,

Giờ đây chúng ta có thể xem xét **nhóm các đấng kiến tạo** [một nhóm thứ ba], những vị, đáp ứng với âm điệu của các tác nhân truyền dẫn và với rung động khởi đầu của nhóm đấng kiến tạo thứ hai liên quan đến phàm

begin the work of aggregating and moulding the living substance necessary for egoic manifestation upon the lower planes.

ngã tam phân, bắt đầu công việc kết tập và nắn khuôn chất liệu sống cần thiết cho sự biểu hiện của chân ngã trên các cõi thấp.

258. We have inserted this section of text above where it was needed to elucidate other points. In short we are now about to deal with another group of builders. In a way, all devas are to be called "builders" even if they are transmitters.

258. Chúng ta đã chèn đoạn văn này ở trên tại chỗ cần thiết để làm sáng tỏ những điểm khác. Tóm lại, giờ đây chúng ta sắp bàn đến một nhóm đấng kiến tạo khác. Theo một nghĩa nào đó, mọi thiên thần đều có thể được gọi là "đấng kiến tạo" ngay cả khi họ là những vị truyền dẫn.

We have seen that the first **three stages of the egoic work** are:

Chúng ta đã thấy rằng **ba giai đoạn đầu của công việc chân ngã** là:

259. From what is said below, these three stages are all part of one preliminary or preparatory stage which does not end in manifestation.

259. Từ những gì được nói dưới đây, ba giai đoạn này đều là một phần của một giai đoạn sơ khởi hay chuẩn bị, chưa kết thúc trong sự biểu hiện.

260. DK is recapitulating—

260. Chân sư DK đang tóm lược lại—

1. The sounding of the appropriate note, which note is indicative of man's place in evolution, and of the nature of his "psyche," or Ego.

1. Sự xướng lên âm điệu thích hợp, âm điệu này biểu thị vị trí của con người trong tiến hoá, và bản chất của "psyche" hay Chân ngã của y.

261. This is the note of the Ego. It indicates the quality of the man and the type of creativity in which he will engages as he seeks expression.

261. Đây là âm điệu của Chân ngã. Nó biểu thị phẩm tính của con người và loại sáng tạo mà y sẽ dấn thân vào khi tìm cách biểu lộ.

262. For interesting information on the sounding of this note, see LOM, 19-21.

262. Muốn có thông tin thú vị về việc xướng lên âm điệu này, xem LOM, 19-21.

2. The **transmission of this note by the solar Angel**,

2. **Sự truyền đạt âm điệu này bởi Thái dương Thiên Thần**,

263. The "solar Angel" transmits this note but it is via the "transmitters of the word" that this transmission occurs.

263. "Thái dương Thiên Thần" truyền đạt âm điệu này, nhưng sự truyền đạt ấy diễn ra thông qua "những vị truyền dẫn linh từ".

and the three groups of devas connected with the three permanent atoms.

264. The three groups of devas connected with the three permanent atoms are building devas (and they come in two varieties—higher and lower) They are not transmitters. Sometimes, as well, their *building* function is not so much emphasized as their gathering and aggregating function.

3. The **vibration set up** within these atoms which is in line with the note sounded,

265. The permanent atoms vibrate in a certain way according to the nature of the note sounded by the Ego and transmitted by the "transmitters of the word".

266. The transmitted note or word, however, is passed through the devas who are closely associated with the permanent atoms.

267. We have seen over and again that a "vibration [is] set up" in this second group of devas.

and which becomes so strong as to make itself felt in the surrounding deva substance, thus awakening response.

268. The original vibration or note having been set up within the permanent atoms and passed on impresses the surrounding "deva substance".

269. The term "deva substance", in this context, is *generic* and includes, we may infer, not only passive building essence and

và ba nhóm thiên thần liên kết với ba nguyên tử trường tồn.

264. Ba nhóm thiên thần liên kết với ba nguyên tử trường tồn là các thiên thần kiến tạo (và họ có hai loại—cao và thấp). Họ không phải là những vị truyền dẫn. Đôi khi, chức năng *kiến tạo* của họ không được nhấn mạnh bằng chức năng thu gom và kết tập của họ.

3. **Rung động được thiết lập** bên trong các nguyên tử này, phù hợp với âm điệu đã được xướng lên,

265. Các nguyên tử trường tồn rung động theo một cách nhất định tùy theo bản chất của âm điệu do Chân ngã xướng lên và được truyền đạt bởi "những vị truyền dẫn linh từ".

266. Tuy nhiên, âm điệu hay linh từ được truyền đạt ấy được chuyển qua các thiên thần có liên hệ mật thiết với các nguyên tử trường tồn.

267. Chúng ta đã thấy lặp đi lặp lại rằng một "rung động [được] thiết lập" trong nhóm thiên thần thứ hai này.

và trở nên mạnh đến mức làm cho nó được cảm nhận trong chất liệu thiên thần chung quanh, nhờ đó đánh thức sự đáp ứng.

268. Rung động hay âm điệu nguyên thủy, sau khi được thiết lập trong các nguyên tử trường tồn và được truyền đi, sẽ gây ấn tượng lên "chất liệu thiên thần" chung quanh.

269. Thuật ngữ "chất liệu thiên thần", trong ngữ cảnh này, mang tính *tổng quát* và, như chúng ta có thể suy ra, không chỉ bao gồm

negative substance, but certain lesser builders (manipulating devas—aggregators and moulders) who continue the process of aggregating, coordinating, moulding and condensing the body of building essence which has been gathered magnetically through the work of the highest building devas working through the mental unit and two lower permanent atoms.

tinh chất kiến tạo thụ động và chất liệu âm tính, mà còn bao gồm một số vị tiểu kiến tạo nào đó (các thiên thần thao tác—những vị kết tập và nắn khuôn) tiếp tục tiến trình kết tập, phối hợp, nắn khuôn và cô đặc thể của tinh chất kiến tạo đã được thu gom bằng từ tính qua công việc của các thiên thần kiến tạo cao nhất hoạt động thông qua đơn vị hạ trí và hai nguyên tử trường tồn thấp.

These may be considered as the **three primary stages**,

Những điều này có thể được xem là **ba giai đoạn sơ cấp**,

270. Transmission, magnetic gathering, moulding/manipulating…

270. Truyền dẫn, thu gom bằng từ tính, nắn khuôn/thao tác…

271. They are primary, because they do not yet lead to concrete manifestation.

271. Chúng là sơ cấp, vì chúng chưa dẫn đến sự biểu hiện cụ thể.

and we find demonstrated (in connection with the microcosm) the three factors of sound, colour and vibration, which, under the Law of Analogy, reflect the three aspects of the macrocosm.

và chúng ta thấy được chứng minh (liên quan đến tiểu thiên địa) ba yếu tố âm thanh, màu sắc và rung động, những yếu tố, dưới định luật tương đồng, phản chiếu ba phương diện của đại thiên địa.

272. Does DK mean to compare the three stages with the three factors here listed—sound, colour and vibration?

272. Chân sư DK có muốn so sánh ba giai đoạn với ba yếu tố được liệt kê ở đây—âm thanh, màu sắc và rung động—hay không?

273. If so, it is difficult to know in what *order* we should arrange these three.

273. Nếu vậy, thật khó biết chúng ta nên sắp xếp ba yếu tố này theo *thứ tự* nào.

274. If the note is sounded first, it would seem that sound should be the first factor.

274. Nếu âm điệu được xướng lên trước tiên, thì dường như âm thanh phải là yếu tố thứ nhất.

275. We are told that a vibration corresponding to the original note is set up within the permanent atoms. In this case, the factor of vibration correlates with that group of building devas (the second group)

275. Chúng ta được bảo rằng một rung động tương ứng với âm điệu nguyên thủy được thiết lập trong các nguyên tử trường tồn. Trong trường hợp này, yếu tố rung động tương ứng với nhóm thiên thần kiến tạo ấy

closely associated with the mental unit and lower permanent atoms.

276. This leaves colour for the final stage of concretization and, so we see, "veiling" of the original impulse through a cloak of building essence. The term "colour" signifies a veil.

277. The type of arrangement suggested is possible, and yet vibration, sound and color are one and the same. They, really, are inseparable from each other. If any one of these factors is in operation, the other two are as well.

278. Still the order suggested seems reasonable (sound, vibration color) even though it is different from the order which so often appears in TCF—vibration, light, sound, color. Biblically, sound precedes light. At least color uphold the final (and most concrete?) position.

Here too is found a **resemblance** to the work of the first three Sephiroths of the Kabbalah, —**the primary stage of manifestation finding its dim reflection in the work of the Ego in the three worlds**.

279. There are three stages in the process and DK is suggesting a correlation with the functions of the first three Sephiroth.

280. But what *are* the "first three Sephiroth"? Is it possible that DK is working His way upwards from below?

(nhóm thứ hai) có liên hệ mật thiết với đơn vị hạ trí và các nguyên tử trường tồn thấp.

276. Điều này để lại màu sắc cho giai đoạn cuối của sự cụ thể hóa và, như chúng ta thấy, sự "che phủ" xung lực nguyên thủy bằng một lớp áo của tinh chất kiến tạo. Thuật ngữ "màu sắc" biểu thị một bức màn.

277. Kiểu sắp xếp được gợi ý này là có thể, tuy nhiên rung động, âm thanh và màu sắc là một và cùng một điều. Thật ra, chúng không thể tách rời nhau. Nếu một trong các yếu tố này đang hoạt động, thì hai yếu tố kia cũng vậy.

278. Tuy nhiên, thứ tự được gợi ý dường như hợp lý (âm thanh, rung động, màu sắc) dù nó khác với thứ tự thường xuất hiện trong TCF —rung động, ánh sáng, âm thanh, màu sắc. Theo Kinh Thánh, âm thanh đi trước ánh sáng. Ít nhất màu sắc vẫn giữ vị trí cuối cùng (và cụ thể nhất?).

Ở đây cũng tìm thấy một **sự tương tự** với công việc của ba Sephiroth đầu tiên của Kabbalah,—**giai đoạn sơ cấp của sự biểu hiện tìm thấy sự phản chiếu mờ nhạt của nó trong công việc của Chân ngã trong ba cõi giới**.

279. Có ba giai đoạn trong tiến trình và Chân sư DK đang gợi ý một sự tương quan với các chức năng của ba Sephiroth đầu tiên.

280. Nhưng "ba Sephiroth đầu tiên" *là* gì? Có thể nào Chân sư DK đang đi từ dưới lên trên không?

281. Or is He considering a reflection of the highest three Sephiroth is relatively low building processes within the personality?

281. Hay Ngài đang xét đến một sự phản chiếu của ba Sephiroth cao nhất trong các tiến trình kiến tạo tương đối thấp bên trong phàm ngã?

282. The stage of manifestation is usually considered the *fourth* and most concrete stage.

282. Giai đoạn biểu hiện thường được xem là giai đoạn *thứ tư* và cụ thể nhất.

283. We note the use of the word "resemblance". We should consider the degree of rigor to be found in the three words "correspondence", "analogy", "resemblance". It is descending sequence.

283. Chúng ta lưu ý việc dùng từ "sự tương tự". Chúng ta nên cân nhắc mức độ chặt chẽ có trong ba từ "tương ứng", "tương đồng", "tương tự". Đó là một chuỗi giảm dần.

The second stage now takes place, **in which the work of building proceeds** [through which set of builders?] **until the microcosm, man, makes his appearance upon the physical plane.**

Giai đoạn thứ hai giờ đây diễn ra, **trong đó công việc kiến tạo tiếp tục** [thông qua tập hợp đấng kiến tạo nào?] **cho đến khi tiểu thiên địa, con người, xuất hiện trên cõi hồng trần.**

284. In the stages of creation as here presented, the first or primary stage (consisting of three parts) is entirely one of preparation.

284. Trong các giai đoạn sáng tạo như được trình bày ở đây, giai đoạn thứ nhất hay sơ cấp (gồm ba phần) hoàn toàn là giai đoạn chuẩn bị.

285. The second stage is the stage of concrete building leading to manifestation or appearance on the physical plane.

285. Giai đoạn thứ hai là giai đoạn kiến tạo cụ thể dẫn đến sự biểu hiện hay xuất hiện trên cõi hồng trần.

286. The third stage follows birth, and is correlated more with the second aspect than with the third—the emergence of the psychic nature through the form.

286. Giai đoạn thứ ba theo sau sự sinh ra, và tương quan nhiều hơn với phương diện thứ hai hơn là phương diện thứ ba—sự xuất hiện của bản chất tâm linh qua hình tướng.

This is succeeded by **a third stage of evolution**, in which the **psychic nature of man is to demonstrate through the medium of the [Page 942] created forms**.

Tiếp theo đó là **giai đoạn tiến hoá thứ ba**, trong đó **bản chất tâm linh của con người sẽ biểu lộ qua trung gian của các [Page 942] hình tướng được tạo ra**.

287. The form has appeared on the physical plane.

287. Hình tướng đã xuất hiện trên cõi hồng trần.

288. The form is no longer the main objective of the creative process. Rather, it is the adjustment of the form to the psychic nature so that the psychic nature or soul can express itself ever more fully through the created forms.

288. Hình tướng không còn là mục tiêu chính của tiến trình sáng tạo nữa. Đúng hơn, đó là sự điều chỉnh hình tướng theo bản chất tâm linh để bản chất tâm linh hay linh hồn có thể biểu lộ ngày càng đầy đủ hơn qua các hình tướng được tạo ra.

Then [when the foregoing happens] the next two groups of Sephiroth are seen reproduced in man.

Sau đó [khi điều nói trên xảy ra] hai nhóm Sephiroth kế tiếp được thấy tái hiện trong con người.

289. It would seem that DK is speaking of groups of three.

289. Dường như Chân sư DK đang nói đến các nhóm gồm ba.

290. If DK is working His way upward, the Sephiroth which symbolize the psychic nature (which would include the Ego) are added to the "primary" Sephiroth which symbolize the forms in the three worlds.

290. Nếu Chân sư DK đang đi từ dưới lên, thì các Sephiroth tượng trưng cho bản chất tâm linh (bao gồm cả Chân ngã) được thêm vào các Sephiroth "sơ cấp" tượng trưng cho các hình tướng trong ba cõi giới.

291. But He could also be working His way downward, moving towards the manifestation of first psyche, and then Spirit through the created form.

291. Nhưng Ngài cũng có thể đang đi từ trên xuống, tiến tới sự biểu hiện trước hết của psyche, rồi đến Tinh thần qua hình tướng được tạo ra.

292. Sephiroth can be demonstrated as three triads, and one final sphere of outer manifestation, Malkuth.

292. Sephiroth có thể được biểu hiện như ba tam nguyên tinh thần, và một khối cầu cuối cùng của sự biểu hiện bên ngoài, Malkuth.

He is demonstrated to be nine from another angle but we are only concerned in this section with the builders of the form.

Từ một góc độ khác, y được biểu hiện là chín, nhưng trong phần này chúng ta chỉ quan tâm đến các đấng kiến tạo của hình tướng.

293. If we are working our way upward, and if we extend the thought to man as a *nine*, we must include the spiritual triad and eventually the Monad itself, Kether.

293. Nếu chúng ta đang đi từ dưới lên, và nếu mở rộng tư tưởng này đến con người như một số *chín*, chúng ta phải bao gồm Tam Nguyên Tinh Thần và cuối cùng là chính Chân thần, Kether.

294. It is legitimate to work one's way up or down the Tree of Life. To work upward is to work in the direction of liberation. To work downward is to bring about manifestation of the highest spheres in the lowest.

294. Việc đi lên hay đi xuống trên Cây Sự Sống đều là chính đáng. Đi lên là đi theo hướng giải thoát. Đi xuống là đem lại sự biểu hiện của các khối cầu cao nhất trong khối cầu thấp nhất.

These groups of builders are four in number:

Các nhóm đấng kiến tạo này có bốn nhóm:

1. The builders of the mental body.

1. Các đấng kiến tạo của thể trí.

2. The builders of the astral body.

2. Các đấng kiến tạo của thể cảm dục.

3. The builders of the etheric body.

3. Các đấng kiến tạo của thể dĩ thái.

4. The builders of the dense physical.

4. Các đấng kiến tạo của thể xác đậm đặc.

295. Presumably, we are not talking about the very highest groups of builders, each of which is associated with one of the permanent atoms or the mental unit. We are speaking of the succeeding group (called above quite frequently, the *third* group) who do much by way of *manipulating* the building essence so that it becomes the personality vehicles listed above.

295. Có lẽ, chúng ta không nói về các nhóm đấng kiến tạo cao nhất, mỗi nhóm trong số đó liên kết với một nguyên tử trường tồn hay đơn vị hạ trí. Chúng ta đang nói về nhóm kế tiếp (ở trên khá thường được gọi là nhóm *thứ ba*), những vị làm rất nhiều việc theo cách *thao tác* tinh chất kiến tạo để nó trở thành các vận cụ phàm ngã được liệt kê ở trên.

Each of these groups can be subdivided into four or seven or three, according to the plane concerned.

Mỗi nhóm trong số này có thể được phân chia thành bốn, bảy hay ba, tùy theo cõi liên quan.

296. This is an interesting statement. Let us see if we can understand its meaning.

296. Đây là một phát biểu thú vị. Hãy xem liệu chúng ta có thể hiểu ý nghĩa của nó không.

297. If *each* of the groups of builders can be divided into four, seven or three, would this not apply to every plane, because each of these groups of builders can be found only on one plane (if we separate the etheric and dense physical planes and call them two).

297. Nếu *mỗi* nhóm đấng kiến tạo có thể được chia thành bốn, bảy hay ba, thì điều này chẳng phải sẽ áp dụng cho mọi cõi sao, bởi vì mỗi nhóm đấng kiến tạo này chỉ có thể được tìm thấy trên một cõi mà thôi (nếu chúng ta tách cõi dĩ thái và cõi hồng trần đậm đặc ra và gọi chúng là hai).

298. Assuming that we have seven subplanes to work with, if dividing these groups into seven, there would be one subgroup for each subplane.

298. Giả sử chúng ta có bảy cõi phụ để làm việc, nếu chia các nhóm này thành bảy, thì sẽ có một phân nhóm cho mỗi cõi phụ.

299. If divided into three, there are various ways of doing so: 1—1—5; 3—1—3; 2—2—3;

299. Nếu chia thành ba, có nhiều cách khác nhau để làm điều đó: 1—1—5; 3—1—3; 2—2—3;

300. If divided into four: 1—2—2—2; 2—2—2—1.

300. Nếu chia thành bốn: 1—2—2—2; 2—2—2—1.

301. Of course, if we look closely at the planes or portions of planes involved we shall have:

301. Dĩ nhiên, nếu chúng ta xem xét kỹ các cõi hay các phần của cõi liên quan, chúng ta sẽ có:

a. Mental plane—four subplanes

a. Cõi trí—bốn cõi phụ

b. Astral plane—seven subplanes

b. Cõi cảm dục—bảy cõi phụ

c. Etheric plane—four subplanes

c. Cõi dĩ thái—bốn cõi phụ

d. Dense physical plane—three subplanes

d. Cõi hồng trần đậm đặc—ba cõi phụ

302. So we definitely see the numbers mentioned, four, seven and three.

302. Vì vậy chúng ta rõ ràng thấy các con số được nêu ra: bốn, bảy và ba.

303. We may have to interpret what DK says in another way. When He says “according to the plane concerned”, we may have to focus on the word “each”. Is it used correctly? Does He mean that every one of the four types of builders can be subdivided (all of them) into four and seven and three groupings?

303. Có lẽ chúng ta phải diễn giải điều Chân sư DK nói theo một cách khác. Khi Ngài nói “tùy theo cõi liên quan”, có lẽ chúng ta phải tập trung vào từ “mỗi”. Từ này có được dùng đúng không? Ngài có ý nói rằng mỗi một trong bốn loại đấng kiến tạo đều có thể được phân chia (tất cả chúng) thành bốn, bảy và ba nhóm không?

304. Or does He mean that the four groups of builders will naturally be divided according to the number of subplanes to be found on that plane on which they are expressing? There is some sense to this last solution, though if it is correct, the language

304. Hay Ngài muốn nói rằng bốn nhóm đấng kiến tạo sẽ tự nhiên được phân chia theo số lượng cõi phụ được tìm thấy trên cõi mà chúng đang biểu lộ? Cách giải thích sau này có phần hợp lý, dù nếu đúng thì ngôn

used to indicate this method is not entirely clear.

Students must remember that matter from the two lowest subplanes of the physical and of the astral planes are never built into the human body **as now constituted**;

305. This thought has been mentioned earlier in the book, and yet some possible contradictions exist.

306. If we read the following reference how shall we interpret the words "sixth subplane"?

Herein will be found one reason why men of a relatively low type of physical body, and **having an astral body with some sixth subplane matter in it are responsive to higher things and have a spiritual aspiration.** The influence emanating from the sixth subplane of the buddhic plane calls out a reciprocal response from the sixth subplane matter in other bodies, and the sixth principle of buddhi under the Law of Correspondences intensifies that vibration. (TCF 898)

307. At first, the meaning of this paragraph would seem straightforward, but, upon further examination, it is almost certain that DK means the sixth subplane *from below,* because the sixth subplane from above would have nothing to do with spiritual aspiration. In fact, it is "off limits" to the normal human being.

308. Yet, what about the correspondence on the buddhic plane? Is it really possible for man to touch the sixth subplane from below

ngữ được dùng để chỉ phương pháp này không hoàn toàn rõ ràng.

Các đạo sinh phải nhớ rằng vật chất từ hai cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần và cõi cảm dục không bao giờ được xây vào thể người **như hiện nay được cấu thành**;

305. Tư tưởng này đã được nhắc đến trước đó trong sách, tuy nhiên vẫn có một số mâu thuẫn khả dĩ tồn tại.

306. Nếu chúng ta đọc đoạn trích dẫn sau, chúng ta sẽ diễn giải các từ "cõi phụ thứ sáu" như thế nào?

Chính trong đây có thể tìm thấy một lý do vì sao những người có một loại thể xác tương đối thấp, và **có một thể cảm dục chứa một ít vật chất cõi phụ thứ sáu trong đó, lại đáp ứng với những điều cao cả hơn và có khát vọng tinh thần.** Ảnh hưởng phát ra từ cõi phụ thứ sáu của cõi Bồ đề gọi ra một sự đáp ứng tương hỗ từ vật chất cõi phụ thứ sáu trong các thể khác, và nguyên khí thứ sáu của Bồ đề dưới Định luật Tương Ứng làm tăng cường rung động ấy. (TCF 898)

307. Lúc đầu, ý nghĩa của đoạn này dường như khá rõ ràng, nhưng khi xem xét kỹ hơn, gần như chắc chắn rằng Chân sư DK muốn nói đến cõi phụ thứ sáu *tính từ dưới lên,* bởi vì cõi phụ thứ sáu tính từ trên xuống sẽ không liên quan gì đến khát vọng tinh thần. Thật ra, nó "nằm ngoài giới hạn" đối với con người bình thường.

308. Tuy nhiên, còn sự tương ứng trên cõi Bồ đề thì sao? Liệu con người thật sự có thể chạm đến cõi phụ thứ sáu tính từ dưới lên

on the buddhic plane? When DK gives a list of siddhis or psychic powers for the buddhic plane, He does not even mention the sixth subplane from below because He says it concerns those whose degree is higher than that of an Adept!

trên cõi Bồ đề không? Khi Chân sư DK đưa ra một danh sách các siddhi hay năng lực thông linh của cõi Bồ đề, Ngài thậm chí còn không nhắc đến cõi phụ thứ sáu tính từ dưới lên vì Ngài nói nó liên quan đến những vị có cấp độ cao hơn cả một chân sư!

309. So, then, maybe there is a connection between the sixth astral subplane (sixth from below) and the sixth buddhic subplane (sixth from above). This type of correspondence is also possible.

309. Vậy thì, có lẽ có một mối liên hệ giữa cõi phụ cảm dục thứ sáu (thứ sáu từ dưới lên) và cõi phụ Bồ đề thứ sáu (thứ sáu từ trên xuống). Loại tương ứng này cũng có thể xảy ra.

310. DK tells us that matter from the lowest two subplanes of the astral and physical plane are never built into the human body "as now constituted". The last three words are of importance as they suggest that there may have been human beings, earlier in the evolutionary cycle, who had matter of the sixth and seventh subplanes of the astral plane built into their astral bodies, and the same for the physical body.

310. Chân sư DK nói với chúng ta rằng vật chất từ hai cõi phụ thấp nhất của cõi cảm dục và cõi hồng trần không bao giờ được xây vào thể người "như hiện nay được cấu thành". Ba từ cuối này rất quan trọng vì chúng gợi ý rằng có thể đã từng có những con người, trong giai đoạn sớm hơn của chu kỳ tiến hoá, có vật chất của cõi phụ thứ sáu và thứ bảy của cõi cảm dục được xây vào thể cảm dục của họ, và điều tương tự cũng đúng với thể xác.

311. It must be obvious that there is a problem with the statement as it concerns the dense physical body. Do we not *all* have matter in the liquid state and in the dense mineral state built into our physical body? The answer must be "yes".

311. Hẳn phải rõ rằng có một vấn đề với phát biểu này khi nó liên quan đến thể xác đậm đặc. Chẳng phải tất cả chúng ta *đều* có vật chất ở trạng thái lỏng và ở trạng thái khoáng vật đậm đặc được xây vào thể xác của mình sao? Câu trả lời hẳn phải là "có".

312. So the only way to solve this problem is to redefine the nature of the human physical body. Perhaps the physical body, from the occult perspective (and at present) is considered to consist of matter of only the highest five etheric-physical subplanes. The etheric body, we have often been told, is the *real* physical body, and the gaseous layer is peculiarly associated with the ethers, but not with the liquid or dense physical subplanes.

312. Vì vậy, cách duy nhất để giải quyết vấn đề này là xác định lại bản chất của thể xác con người. Có lẽ thể xác, từ quan điểm huyền bí học (và ở hiện tại), được xem là chỉ gồm vật chất của năm cõi phụ dĩ thái-hồng trần cao nhất. Chúng ta thường được bảo rằng thể dĩ thái là thể xác *thực sự*, và lớp khí có liên hệ đặc biệt với các dĩ thái, nhưng không liên hệ với các cõi phụ hồng trần lỏng hay đậm đặc.

313. If this is the case, even if we seem to have the liquid state and the dense mineral state in our physical bodies, these states of matter, from the occult perspective, are not really parts of our *real* physical body.

313. Nếu đúng như vậy, thì dù dường như chúng ta có trạng thái lỏng và trạng thái khoáng vật đậm đặc trong thể xác của mình, các trạng thái vật chất ấy, từ quan điểm huyền bí học, không thật sự là những phần của thể xác *thực sự* của chúng ta.

314. Why does DK mention in this context the exclusion of the lower two subplanes. Does He want us to count *in a new way* the subplanes on which the building devas can work or create. If so—

314. Vì sao Chân sư DK lại nhắc đến trong ngữ cảnh này việc loại trừ hai cõi phụ thấp hơn? Ngài có muốn chúng ta đếm *theo một cách mới* các cõi phụ mà trên đó các thiên thần kiến tạo có thể hoạt động hay sáng tạo không? Nếu vậy—

a. Mental plane—four subplanes

a. Cõi trí—bốn cõi phụ

b. Astral plane—five subplanes (excluding the lower two)

b. Cõi cảm dục—năm cõi phụ (loại trừ hai cõi thấp hơn)

c. Etheric plane—four subplanes

c. Cõi dĩ thái—bốn cõi phụ

d. Dense physical plane—only *one* subplane (excluding the lower two)

d. Cõi hồng trần đậm đặc—chỉ *một* cõi phụ (loại trừ hai cõi thấp hơn)

315. All in all there are only *fourteen* subplanes on which the building and creative process can occur. Fourteen is an important number in the constitution of man.

315. Tính chung lại chỉ có *mười bốn* cõi phụ mà trên đó tiến trình kiến tạo và sáng tạo có thể xảy ra. Mười bốn là một con số quan trọng trong cấu tạo của con người.

it is of too low a vibration, and too coarse a grade for even the lowest type of men on earth **at this time**.

nó có rung động quá thấp, và cấp độ quá thô trược ngay cả đối với loại người thấp nhất trên Trái Đất **vào lúc này**.

316. The words “at this time” point in the same direction as, “as now constituted”.

316. Các từ “vào lúc này” chỉ theo cùng một hướng như “như hiện nay được cấu thành”.

317. This analysis does not take into consideration the possible physical subplanes even lower the liquid and dense-mineral subplanes. Such extremely dense

317. Phân tích này không tính đến các cõi phụ hồng trần khả dĩ còn thấp hơn cả các cõi phụ lỏng và khoáng vật đậm đặc. Những cõi phụ hồng trần cực kỳ đậm đặc như thế đôi

physical subplanes are sometimes hinted. Could it be to these that DK is referring when speaking of matter which is of too coarse a grade even for the lowest type of men on earth at this time?

khi được ám chỉ. Có thể nào chính những cõi ấy là điều Chân sư DK đang nói đến khi đề cập đến loại vật chất quá thô trược ngay cả đối với loại người thấp nhất trên Trái Đất vào lúc này?

It must be pointed out also that in the average man, **the matter of some subplane will preponderate according to the depth of his nature and his place on the ladder of evolution**.

Cũng cần chỉ ra rằng trong con người trung bình, **vật chất của một cõi phụ nào đó sẽ chiếm ưu thế tùy theo chiều sâu bản chất của y và vị trí của y trên nấc thang tiến hoá**.

318. As we consider this possibility, we must remember that the subplanes, themselves, are subdivided into seven, and so the vibratory distinctions between human beings has many levels on which to demonstrate.

318. Khi xem xét khả năng này, chúng ta phải nhớ rằng bản thân các cõi phụ lại được phân chia thành bảy, và vì vậy các phân biệt về rung động giữa con người có nhiều cấp độ để biểu lộ.

Just as each plane has its seven subplanes, so likewise each subplane can be subdivided, thus making forty-nine fires on every plane, or the three hundred and forty-three fires of the solar system. Herein can be found the clue to the mystery of the "fourth between the three" which has at times bewildered students of the occult records. (TCF 905-906)

Cũng như mỗi cõi có bảy cõi phụ của nó, thì tương tự, mỗi cõi phụ cũng có thể được phân chia, do đó tạo thành bốn mươi chín ngọn lửa trên mỗi cõi, hay ba trăm bốn mươi ba ngọn lửa của hệ mặt trời. Chính trong đây có thể tìm thấy đầu mối cho huyền nhiệm của "cái thứ tư ở giữa bộ ba", điều đôi khi đã làm bối rối các đạo sinh của các biên niên huyền bí. (TCF 905-906)

319. The various rays and astrological factors are correlated with the various subplanes, and sub-subplanes, and so the astrological chart may given hints regarding subplane emphasis.

319. Các cung khác nhau và các yếu tố chiêm tinh khác nhau tương quan với các cõi phụ và các cõi phụ của cõi phụ, vì vậy lá số chiêm tinh có thể đưa ra những gợi ý về sự nhấn mạnh nơi cõi phụ.

320. By "depth of his nature", we may assume that "depth" means "profundity" and not crudity.

320. Bởi "chiều sâu bản chất của y", chúng ta có thể giả định rằng "chiều sâu" có nghĩa là "sự thâm sâu" chứ không phải sự thô trược.

321. A Master, we know, is possessed of vehicles which are made entirely of atomic subplane matter. The dense physical body is merely an accretion on the Master's atomic

321. Chúng ta biết rằng một Chân sư sở hữu các vận cụ được tạo thành hoàn toàn bằng vật chất cõi phụ nguyên tử. Thể xác đậm đặc chỉ đơn thuần là một sự bồi tụ lên thể dĩ thái

etheric body—His real physical body, created through the power of Kriyashakti.

nguyên tử của Chân sư—thể xác thực sự của Ngài, được tạo ra nhờ quyền năng của Kriyashakti.

The "builders" of the human body work under the direction of one of the Lords of Karma from the lowest group.

Các "đấng kiến tạo" của thể người hoạt động dưới sự chỉ đạo của một trong các Đấng Nghiệp Quả thuộc nhóm thấp nhất.

322. Now we will be looking at the Supervisors of the builders who build the human being.

322. Giờ đây chúng ta sẽ xem xét các Đấng Giám Sát của những đấng kiến tạo xây dựng con người.

323. Since we are concerned with the human body (presumably the *physical* body, which is the lowest of the human bodies) it is natural that a Lord of Karma from the *lowest* group would be in charge.

323. Vì chúng ta đang quan tâm đến thể người (có lẽ là thể *xác*, vốn là thể thấp nhất của con người), nên việc một Đấng Nghiệp Quả từ nhóm *thấp nhất* phụ trách là điều tự nhiên.

324. However, the term "human body" may mean *more* than the human *physical* body. Sometimes, the entire personality is considered "body".

324. Tuy nhiên, thuật ngữ "thể người" có thể hàm ý *nhiều* hơn là thể người *xác*. Đôi khi, toàn bộ phàm ngã được xem là "thể".

325. When we speak of the "builders" of the human being, we must understand whether DK's use of the term "builders" is precise or whether He is speaking in general—including transmitting devas as well as devas associated with the mental unit and lower two permanent atoms, as well as the still lower types of aggregating and moulding builders.

325. Khi nói về các "đấng kiến tạo" của con người, chúng ta phải hiểu liệu cách Chân sư DK dùng thuật ngữ "đấng kiến tạo" có chính xác hay không, hay Ngài đang nói theo nghĩa tổng quát—bao gồm cả các thiên thần truyền dẫn cũng như các thiên thần liên kết với đơn vị hạ trí và hai nguyên tử trường tồn thấp, cũng như các loại đấng kiến tạo kết tập và nắn khuôn còn thấp hơn nữa.

These Lords are to be found in three groups,

Các Đấng này được tìm thấy trong ba nhóm,

326. There are three types of Lords. We do not know how many of them there exist per group.

326. Có ba loại Đấng. Chúng ta không biết mỗi nhóm có bao nhiêu vị.

327. Remembering the idea of three trinities, are there *three* Lords in each of the three groups?

327. Nhớ lại ý niệm về ba bộ ba, liệu có phải có *ba* Đấng trong mỗi một của ba nhóm không?

and a Lord out of the third group has the **work of superintending the builders of the human being on the three planes**.

328. Here we speak of the "human being on the three planes". We are not speaking only of the dense physical body.

329. In any case, one Karmic "Lord" from the lowest groups of Karmic Lords superintends the several types of builders who build the human body.

330. We have discussed in some detail the nature of the builders of the human personality.

331. Now we are looking at the Lords, presumably higher devas, who direct these building forces.

332. May we presume that a Lord from the two higher groups superintends the building of a man's higher vehicles?

Under Him

333. "a Lord out of the third group…"

are to be found certain karmic agents, who again are divided into the following groups:

334. This is the kind of organizational subdivision which is consistently found in the so-called "Department of Karma".

1. Three karmic agents responsible to the karmic Lords for the work on the three planes.

và một Đấng từ nhóm thứ ba có **công việc giám sát các đấng kiến tạo của con người trên ba cõi**.

328. Ở đây chúng ta nói về "con người trên ba cõi". Chúng ta không chỉ nói về thể xác đậm đặc.

329. Trong mọi trường hợp, một "Chúa Tể" Nghiệp Quả từ các nhóm thấp nhất của các Chúa Tể Nghiệp Quả giám sát nhiều loại đấng kiến tạo xây dựng thể người.

330. Chúng ta đã bàn khá chi tiết về bản chất của các đấng kiến tạo của phàm ngã con người.

331. Giờ đây chúng ta đang xem xét các Chúa Tể, có lẽ là các thiên thần cao cấp hơn, là những vị chỉ đạo các mãnh lực kiến tạo này.

332. Chúng ta có thể giả định rằng một Chúa Tể từ hai nhóm cao hơn giám sát việc xây dựng các vận cụ cao của con người chăng?

Dưới quyền Ngài

333. "một Chúa Tể từ nhóm thứ ba…"

có thể tìm thấy một số tác nhân nghiệp quả, và các vị này lại được chia thành những nhóm sau đây:

334. Đây là kiểu phân chia tổ chức nhất quán được thấy trong cái gọi là "Cơ quan Nghiệp Quả".

1. Ba tác nhân nghiệp quả chịu trách nhiệm trước các Chúa Tể Nghiệp Quả về công việc trên ba cõi.

335. One karmic "agent" for each plane—mental, astral and physical.

2. Five karmic Lords **who work in close connection with the Manus of the various races**, and who are responsible for the correct building of the varying race types.

336. Why *five* we may ask? Five is the number of Brahma and we are working within the Brahmic area of the cosmic physical plane—the eighteen lower subplanes.

337. At the moment we know only of the Manus of the fourth and fifth races, but, perhaps, there are Manus or delegated officials from that department, who work with the various subraces.

338. If we consider that only in the third rootrace is the true human being produced, then numbering from three to seven, we have five rootraces.

3. Karmic agents responsible for the subrace types of the present time. [Page 943]

339. Yes, here it is. There are five sub-race karmic agents to deal with within the subraces of the fifth rootrace, and plans, it would seem, for the unfoldment of the sixth sub-race.

340. As well, there are *many* Atlantean racial forms still in existence and even some vestiges of the last sub-race of the Lemurian rootrace.

335. Một "tác nhân" nghiệp quả cho mỗi cõi—cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần.

2. Năm Chúa Tể Nghiệp Quả **làm việc trong sự liên hệ mật thiết với các Đức Manu của các nhân loại khác nhau**, và chịu trách nhiệm về việc xây dựng đúng đắn các loại hình nhân loại khác nhau.

336. Tại sao lại là *năm*, chúng ta có thể hỏi? Năm là con số của Brahma và chúng ta đang hoạt động trong phạm vi Brahma của cõi hồng trần vũ trụ—mười tám cõi phụ thấp hơn.

337. Hiện nay chúng ta chỉ biết về các Đức Manu của giống dân thứ tư và thứ năm, nhưng có lẽ có những Đức Manu hoặc các viên chức được ủy nhiệm từ bộ phận đó làm việc với các giống dân phụ khác nhau.

338. Nếu chúng ta xét rằng chỉ trong giống dân gốc thứ ba con người chân chính mới được tạo ra, thì đếm từ ba đến bảy, chúng ta có năm giống dân gốc.

3. Các tác nhân nghiệp quả chịu trách nhiệm về các loại hình giống dân phụ của thời hiện tại. [Page 943]

339. Đúng vậy, ở đây là điều đó. Có năm tác nhân nghiệp quả của giống dân phụ để đề cập đến trong các giống dân phụ của giống dân gốc thứ năm, và dường như cũng có những kế hoạch cho sự khai mở của giống dân phụ thứ sáu.

340. Ngoài ra, vẫn còn *nhiều* hình tướng chủng tộc Atlantis đang tồn tại và thậm chí cả một số tàn tích của giống dân phụ cuối cùng của giống dân gốc Lemuria.

4. Certain **intermediary agents** who represent (within these three groups) the seven Ray types.

341. No matter what kind of work is to be done, the influence of the seven rays is always inescapable. Forms are moulded by the quality of the Ray Lords.

5. Those agents of the good Law who are connected specifically with the work of the etheric centres, and their response to the different planetary centres.

342. Each of the etheric centers can be closely correlated with one or more planetary centers. In fact, every chakra can receive the influence of *all* the planets (and their representation through chains and globes). The chakras also have zodiacal and ray affinities.

343. We begin to realize that the building of the human form is *exquisitely organized* and involves many forms of lives (some vastly superior to the human being) as supervisors.

6. The keepers of the records.

344. These are "Lipika" of various kinds. The third ray, so closely related to the process of karmic administration, is the Ray of Memory, the "Lord of Memory".. All is recorded in the 'Memory of Nature'

These various intelligences [and they are all higher intelligences] manipulate the building forces **through the medium of**

4. Một số **tác nhân trung gian** đại diện (trong ba nhóm này) cho bảy loại cung.

341. Bất kể loại công việc nào phải được thực hiện, ảnh hưởng của bảy cung luôn luôn không thể tránh khỏi. Các hình tướng được nắn đúc bởi phẩm tính của các Đấng Chúa Tể Cung.

5. Những tác nhân của Định luật thiện lành được nối kết đặc biệt với công việc của các trung tâm dĩ thái, và với sự đáp ứng của chúng đối với các trung tâm hành tinh khác nhau.

342. Mỗi trung tâm dĩ thái có thể được tương liên chặt chẽ với một hay nhiều trung tâm hành tinh. Thật ra, mỗi chakra đều có thể tiếp nhận ảnh hưởng của *tất cả* các hành tinh (và sự biểu hiện của chúng qua các dãy và các bầu hành tinh). Các chakra cũng có những tương ứng với hoàng đạo và với cung.

343. Chúng ta bắt đầu nhận ra rằng việc xây dựng hình tướng con người được *tổ chức hết sức tinh vi* và bao hàm nhiều dạng sự sống (một số vượt trội con người rất xa) trong vai trò giám sát.

6. Những vị giữ hồ sơ.

344. Đây là các "Lipika" thuộc nhiều loại khác nhau. cung ba, liên hệ rất chặt với tiến trình quản trị nghiệp quả, là Cung của Ký Ức, "Chúa Tể của Ký Ức".. Mọi sự đều được ghi lại trong 'Ký Ức của Thiên Nhiên'

Những trí tuệ khác nhau này [và tất cả đều là những trí tuệ cao hơn] điều khiển các mãnh lực kiến tạo **thông qua trung gian của các dòng năng lượng**, những dòng này được

streams of energy, which streams are set in motion when the Ego sounds his note.

345. We are given a clear insight into how manipulation of the building forces occurs. It occurs "through the medium of streams of energy". When we use thought-power to change things, do we not do the same?

346. The manipulators are manipulated.

347. The sounding of the egoic note releases streams of energy. A sounding note will have its energy stream.

348. We begin to understand that sound and music are modes of manipulation. This is a creative process which will be scientifically discovered in the New Age. Even now it can be to some extent employed.

It must be remembered that **in more or less degree** upon his own plane the Ego is aware of his karma,

349. This vision of karmic liability or potential extends, we may infer, backwards a number of lives and forward as well, as the Ego plans the possibilities for expiation (the balancing of karma) and reward (promotional circumstance) for the sake of greater expression of egoic purpose

350. We can understand by what is said that the Ego is not omniscient. Who is the Ego? It is not the entire intelligence of the major Solar Angel, but a partial presence (through

khởi động khi chân ngã xướng lên âm điệu của mình.

345. Chúng ta được ban cho một sự thấu hiểu rõ ràng về cách việc điều khiển các mãnh lực kiến tạo diễn ra. Nó diễn ra "thông qua trung gian của các dòng năng lượng". Khi chúng ta dùng quyền năng tư tưởng để thay đổi sự vật, chẳng phải chúng ta cũng làm như vậy sao?

346. Những kẻ điều khiển lại bị điều khiển.

347. Việc xướng lên âm điệu chân ngã giải phóng các dòng năng lượng. Một âm điệu được xướng lên sẽ có dòng năng lượng của nó.

348. Chúng ta bắt đầu hiểu rằng âm thanh và âm nhạc là những phương thức điều khiển. Đây là một tiến trình sáng tạo sẽ được khám phá một cách khoa học trong Kỷ Nguyên Mới. Ngay cả bây giờ, nó cũng có thể được sử dụng ở một mức độ nào đó.

Cần phải nhớ rằng **ở mức độ nhiều hay ít** trên cõi riêng của mình, chân ngã ý thức được nghiệp quả của mình,

349. Chúng ta có thể suy ra rằng linh thị về trách nhiệm nghiệp quả hay tiềm năng nghiệp quả này trải dài ngược về sau qua một số kiếp sống và cả về phía trước nữa, khi chân ngã hoạch định những khả năng để đền bù nghiệp quả (sự quân bình nghiệp quả) và phần thưởng (hoàn cảnh thăng tiến) vì mục đích biểu lộ lớn hơn của mục đích chân ngã

350. Qua điều được nói, chúng ta có thể hiểu rằng chân ngã không toàn tri. Chân ngã là ai? Nó không phải là toàn bộ trí tuệ của Thái dương Thiên Thần lớn, mà là một sự hiện

infusion of consciousness) of that Solar Angel within that portion of the Monad which has focused itself on the higher mental plane. The Ego is really two beings—the man *and* the Angel (who having pervaded the entire universe—the causal body—with a fragment of itself, remains).

diện bộ phận (qua sự thấm nhập của tâm thức) của Thái dương Thiên Thần đó bên trong phần của chân thần đã tự tập trung trên Cõi thượng trí. Chân ngã thực sự là hai hữu thể—con người *và* Thiên Thần (Đấng, sau khi đã thấm nhập toàn thể vũ trụ—thể nguyên nhân—bằng một mảnh của chính mình, vẫn còn lưu lại).

and of what must be done to promote growth during the coming incarnation.

và về điều phải được thực hiện để thúc đẩy sự tăng trưởng trong lần lâm phàm sắp tới.

351. We are told that before each incarnation the Ego sounds its note, testing for fulness, harmony and whatever other egoic conditions it needs to diagnose.

351. Chúng ta được bảo rằng trước mỗi lần lâm phàm, chân ngã xướng lên âm điệu của nó, kiểm tra sự viên mãn, sự hài hòa và bất cứ điều kiện chân ngã nào khác mà nó cần chẩn định.

When the reincarnating unit has reached a point where he can consciously choose his mode of expression, he will first review his past lives, and from the knowledge gained thereby, he will guide his choice for the next. **Prior to incarnation he will sound his egoic note and will note the lack of fullness or the discord it may contain**; he will then decide upon which note he will base his coming personality vibration. (LOM 19-20)

Khi đơn vị tái sinh đã đạt đến một điểm mà y có thể hữu thức chọn phương thức biểu lộ của mình, trước hết y sẽ xem lại các kiếp sống quá khứ của mình, và từ tri thức nhờ đó mà có được, y sẽ hướng dẫn sự lựa chọn của mình cho kiếp kế tiếp. **Trước khi lâm phàm y sẽ xướng lên âm điệu chân ngã của mình và sẽ nhận thấy sự thiếu viên mãn hay sự bất hòa mà nó có thể chứa đựng**; rồi y sẽ quyết định sẽ lấy âm điệu nào làm nền tảng cho rung động phàm ngã sắp tới của mình. (LOM 19-20)

He [the Ego] works, therefore, in connection with these Lords,

Ngài [chân ngã] làm việc, do đó, trong sự liên hệ với các Chúa Tể này,

352. It is obvious that the Lords are superior in intelligence and power to the Ego and so are the various karmic agents who work under the Lords (from the lowest group of Lords)

352. Rõ ràng là các Chúa Tể vượt trội chân ngã về trí tuệ và quyền năng, và các tác nhân nghiệp quả khác làm việc dưới quyền các Chúa Tể (từ nhóm Chúa Tể thấp nhất) cũng vậy

but is only directly in touch with an agent of the sixth group

nhưng chỉ trực tiếp tiếp xúc với một tác nhân của nhóm thứ sáu

353. One of the "Keepers of the records"…

and of the fourth.

354. One of the "Intermediary Agents" who represent the seven rays…

Through these two the work proceeds **as far as the Ego is individually concerned**,

355. The individual Ego has its own agenda and is able to use the information gained from these two sources. The information will touch on the karma which must be balanced or on karmic opportunity which makes further progress possible. The information will also deal with ray opportunity.

356. There is more to the process than the *individual* approach. The various groups to which the Ego belongs will also have their karma and ray requirements.

and they set in motion for him *(after he has sounded his note)* the machinery of the Law.

357. So two particular supervisors out of the several, are directly concerned with the Ego's building process.

358. When DK speaks of the "Law", it is the manner in which the Law of Karma is administered in the creative process of building vehicles for the Ego's expression.

359. We see how very much is set in motion as the Ego sounds His note.

353. Một trong những "Vị giữ hồ sơ"…

và của nhóm thứ tư.

354. Một trong những "Tác Nhân Trung Gian" đại diện cho bảy cung…

Thông qua hai vị này, công việc được tiến hành **trong chừng mực chân ngã được quan tâm một cách cá nhân**,

355. Chân ngã cá nhân có chương trình nghị sự riêng của nó và có thể sử dụng thông tin thu được từ hai nguồn này. Thông tin ấy sẽ liên quan đến nghiệp quả phải được quân bình hoặc đến cơ hội nghiệp quả khiến sự tiến bộ thêm nữa trở nên khả hữu. Thông tin ấy cũng sẽ đề cập đến cơ hội cung.

356. Tiến trình này còn nhiều hơn cách tiếp cận *cá nhân*. Các nhóm khác nhau mà chân ngã thuộc về cũng sẽ có nghiệp quả và những đòi hỏi về cung của chúng.

và các vị ấy khởi động cho y *(sau khi y đã xướng lên âm điệu của mình)* bộ máy của Định luật.

357. Vì vậy, hai vị giám sát đặc biệt trong số nhiều vị có liên hệ trực tiếp với tiến trình xây dựng của chân ngã.

358. Khi Chân sư DK nói về "Định luật", đó là cách thức Định luật Nghiệp Quả được quản trị trong tiến trình sáng tạo xây dựng các vận cụ cho sự biểu lộ của chân ngã.

359. Chúng ta thấy biết bao điều được khởi động khi chân ngã xướng lên âm điệu của Ngài.

360. The Ego is at first very much the Solar Angel and later, as that extension of the Monad which we call the "man" evolves, the Ego becomes more and more than man, in addition to the Solar Angel.

360. Lúc đầu chân ngã phần lớn là Thái dương Thiên Thần, và về sau, khi phần mở rộng của chân thần mà chúng ta gọi là "con người" tiến hoá, chân ngã ngày càng trở nên nhiều hơn con người, ngoài việc là Thái dương Thiên Thần.

The builders of the human personality again are divided into seven main groups;

Các đấng kiến tạo của phàm ngã con người lại được chia thành bảy nhóm chính;

361. We are speaking of the ray conditioning of the deva builders of the human personality.

361. Chúng ta đang nói về sự tác động của cung lên các thiên thần kiến tạo của phàm ngã con người.

all devas, just **as is the case with the human Monad**s, come under one or other of the seven Rays,

mọi thiên thần, cũng **như trường hợp của chân thần con người**, đều thuộc về cung này hay cung khác trong bảy cung,

362. If we look for one application of the number fourteen, we see that assigning the seven rays to both humans and devas results in this number. When it comes to the combined work of men and devas, the number fourteen is a unitive number.

362. Nếu chúng ta tìm một ứng dụng của con số mười bốn, chúng ta thấy rằng việc gán bảy cung cho cả con người lẫn thiên thần tạo ra con số này. Khi nói đến công việc kết hợp của những người nam và nữ và các thiên thần, con số mười bốn là một con số hợp nhất.

363. As well, DK seems to be telling us that there are *seven monadic types*. Is He speaking of the possibility of seven monadic rays? This idea seems confirmed in a number of references. Or is He saying that the projections of the Monads *as Egos* come under the seven rays. Both, it seems, are true.

363. Ngoài ra, Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng có *bảy loại chân thần*. Ngài có đang nói đến khả năng có bảy cung chân thần chăng? Ý tưởng này dường như được xác nhận trong một số tham chiếu. Hay Ngài đang nói rằng các phóng chiếu của các chân thần *như các chân ngã* thuộc về bảy cung. Dường như cả hai đều đúng.

and are responsive to one or other of the **seven logoic streams of fiery energy.**

và đáp ứng với một hay một khác trong **bảy dòng năng lượng lửa logoic.**

364. Rays are here defined as "seven logoic streams of fiery energy", thus relating the seven rays to the Solar Logos.

364. Ở đây các cung được định nghĩa là "bảy dòng năng lượng lửa logoic", nhờ đó liên hệ bảy cung với Thái dương Thượng đế.

According to a man's egoic Ray, **so will be the type of deva substance influenced.**

Theo cung chân ngã của một người, **loại chất liệu thiên thần bị ảnh hưởng cũng sẽ tương ứng như vậy.**

365. In this case the seven rays are related to the Ego. They could also be related to a man's monadic ray and sub-ray.

365. Trong trường hợp này bảy cung được liên hệ với chân ngã. Chúng cũng có thể được liên hệ với cung chân thần và cung phụ của một người.

366. There is a great ocean of deva substance, generically considered. Obviously not all of it responds resonantly to the sounding of the egoic note and the transmission and elaboration of that note through various deva agencies.

366. Có một đại dương bao la của chất liệu thiên thần, xét một cách tổng quát. Hiển nhiên không phải toàn bộ chất liệu ấy đều đáp ứng cộng hưởng với việc xướng lên âm điệu chân ngã và với sự truyền dẫn cũng như khai triển âm điệu ấy qua nhiều cơ quan thiên thần khác nhau.

367. There is a great vibratory selectivity occurring, based initially and fundamentally on the ray quality of the egoic note. Other qualitative specifications may also be involved.

367. Có một sự chọn lọc rung động rất lớn đang diễn ra, ban đầu và căn bản dựa trên phẩm tính cung của âm điệu chân ngã. Những quy định phẩm tính khác cũng có thể được bao hàm.

These builders work with certain elementals, but it is only upon the physical plane that any idea can be given as to their nature and work.

Các đấng kiến tạo này làm việc với một số hành khí, nhưng chỉ trên cõi hồng trần mới có thể đưa ra một ý niệm nào đó về bản chất và công việc của chúng.

368. We are speaking of the builders of a human being's personality.

368. Chúng ta đang nói về các đấng kiến tạo của phàm ngã của một con người.

369. It is obvious that we have to differentiate "builders" from "elementals" even though some elementals can be considered "builders"—*lesser* builders.

369. Hiển nhiên là chúng ta phải phân biệt "đấng kiến tạo" với "hành khí" mặc dù một số hành khí có thể được xem là "đấng kiến tạo"—những đấng kiến tạo *nhỏ hơn*.

370. There is so much overlap between these various categories that we must remain ever alert regarding the group or groups that DK is referencing.

370. Có quá nhiều sự chồng lấn giữa các loại khác nhau này đến nỗi chúng ta phải luôn tỉnh táo đối với nhóm hay các nhóm mà Chân sư DK đang nhắc đến.

371. Later sections in TCF tell us much, seemingly, about the nature and work of the elementals on the astral and mental planes as well.

These **elementals are the little entities** who, adhering to the plan as embodied by the builders, **blindly construct the fabric of the body**, and form the sheaths through which the Ego is to express himself.

372. These two sections of text are useful in discriminating the nature of elementals from "building essence", "elemental essence" or "deva substance".

373. The "builders" are their guides—the guides of the elementals (as elementals are here defined). They adhere to the builder's plans, but they do so "blindly", which means they are certainly not self-conscious, though, since they are actually builders rather than that which is built, they may be considered to be on the evolutionary path.

374. That is one of the key questions: are elementals on the evolutionary path or not? Probably the references available to us are not decisive in this regard.

375. The term "elementals" is fairly elastic and seems to include builders as well as that which is build. In other worlds "building essence" or "elemental essence" is sometime called by the name "elementals".

376. We must ask, are the third category of devas (which are really manipulating devas

371. Những phần sau trong Luận về Lửa Vũ Trụ dường như cũng cho chúng ta biết nhiều điều về bản chất và công việc của các hành khí trên cõi cảm dục và cõi trí.

Những **hành khí này là những thực thể nhỏ bé**, những thực thể, tuân theo kế hoạch được hiện thân bởi các đấng kiến tạo, **một cách mù quáng kiến tạo kết cấu của thể**, và tạo thành các vỏ bọc mà qua đó chân ngã sẽ biểu lộ chính mình.

372. Hai đoạn văn này hữu ích trong việc phân biện bản chất của các hành khí với "tinh chất kiến tạo", "Tinh chất hành khí" hay "chất liệu thiên thần".

373. Các "đấng kiến tạo" là những vị hướng dẫn của chúng—những vị hướng dẫn của các hành khí (như hành khí được định nghĩa ở đây). Chúng tuân theo các kế hoạch của đấng kiến tạo, nhưng làm như vậy "một cách mù quáng", điều đó có nghĩa là chắc chắn chúng không có ngã thức, dù vậy, vì chúng thực sự là những đấng kiến tạo chứ không phải cái được xây dựng, chúng có thể được xem là đang ở trên đường tiến hoá.

374. Đó là một trong những câu hỏi then chốt: các hành khí có ở trên đường tiến hoá hay không? Có lẽ những tham chiếu hiện có đối với chúng ta không mang tính quyết định về phương diện này.

375. Thuật ngữ "hành khí" khá co giãn và dường như bao gồm cả các đấng kiến tạo lẫn cái được xây dựng. Nói cách khác, "tinh chất kiến tạo" hay "Tinh chất hành khí" đôi khi cũng được gọi bằng tên "hành khí".

376. Chúng ta phải hỏi, liệu loại thiên thần thứ ba (thực ra là các thiên thần điều khiển,

who aggregate and mould) to be called "elementals". The term "elementals" has a range which seems to include certain kinds of manipulating devas (such as the "elemental alchemists" who build the etheric doubles of the mineral kingdom) all the way to very low and passive lives which are obviously on the involutionary arc.

những vị kết tập và nắn đúc) có được gọi là "hành khí" hay không. Thuật ngữ "hành khí" có một phạm vi dường như bao gồm một số loại thiên thần điều khiển nhất định (chẳng hạn như các "nhà luyện kim hành khí" xây dựng các bản sao dĩ thái của giới kim thạch) cho đến những sự sống rất thấp và thụ động rõ ràng ở trên cung giáng hạ tiến hoá.

On the etheric planes they [presumably, these little elemental lives] build the real "form" **out of etheric substance**.

Trên các cõi dĩ thái chúng [có lẽ là những sự sống hành khí nhỏ bé này] xây dựng "hình tướng" thực sự **bằng chất liệu dĩ thái**.

377. This little elemental entities are here defines as definitely distinct from etheric substance. They are the builders and etheric substance is that which is built.

377. Ở đây những thực thể hành khí nhỏ bé này được xác định là hoàn toàn khác biệt với chất liệu dĩ thái. Chúng là những đấng kiến tạo còn chất liệu dĩ thái là cái được xây dựng.

and produce the sheath of intricate lines of interlacing fiery strands, which is in [Page 944] reality an extension of the sutratma, or life thread.

và tạo ra vỏ bọc gồm những đường nét phức tạp của các sợi lửa đan xen, mà [Page 944] thực ra là một sự mở rộng của sutratma, hay sinh mệnh tuyến.

378. Here we have an excellent depiction of the etheric body. If we cannot see these things for ourselves, as one day we will see them, we need very good descriptions which will allow our imagination to picture these energy fields

378. Ở đây chúng ta có một mô tả tuyệt vời về thể dĩ thái. Nếu chúng ta chưa thể tự mình thấy những điều này, như một ngày kia chúng ta sẽ thấy, thì chúng ta cần những mô tả thật tốt cho phép sự tưởng tượng của chúng ta hình dung các trường năng lượng này

379. The strands or nadis of the etheric body are *fiery.* They are living substance animated by the fire of Brahma. Even the Ego lies within the realm of '*solar* Brahma' (the lower twenty-one subplanes). The intricate lines or strands would not be fiery unless they were vitalized by fire 'from above'.

379. Các sợi hay nadis của thể dĩ thái là *rực lửa.* Chúng là chất liệu sống được linh hoạt bởi lửa của Brahma. Ngay cả chân ngã cũng nằm trong phạm vi của 'Brahma *thái dương*' (hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn). Những đường nét hay sợi phức tạp ấy sẽ không thể rực lửa nếu chúng không được tiếp sinh lực bởi lửa 'từ trên'.

380. An important idea is that the etheric sheath is "an extension of the sutratma of life thread". From this great 'life-line', life

380. Một ý tưởng quan trọng là vỏ bọc dĩ thái là "một sự mở rộng của sutratma hay sinh mệnh tuyến". Từ 'đường sinh mệnh' lớn lao

flows into every vehicle from the Ego and, ultimately, from the Monad, itself.

As it is woven and interlaced **it becomes vitalised with the life energy sent down from the Ego**, just as Shiva, the Father, gives to the Son the real "bios" or life, while the Mother warms, builds, and nourishes the body.

381. The 'fabric' of the etheric body is portrayed as distinct from the vitalizing "life energy" sent down from the Ego.

382. Analogically, the Ego (in this context) is understood as the Father and the etheric body as the Son. On a higher turn of the spiral, the Monad is the Father and the Ego is the Son.

383. The builders guiding the little elementals are the weavers, and that which they weave becomes vitalized by the Ego as it, itself, is vitalized by the Monad.

384. From one perspective, the Mother is related only the three dense physical subplanes, but from another (a cosmic perspective), the lower eighteen subplanes are the domain of the Mother and her warming, building and nourishing of the *bodies* proceeds in relation to *all* those subplanes.

The work of the etheric elementals reaches its primary consummation when **the sutratma is connected with the three centres of the physical nature within the cranium—the pineal gland, the pituitary body, and the alta major centre**.

này, sự sống tuôn vào mọi vận cụ từ chân ngã và, rốt ráo, từ chính chân thần.

Khi nó được dệt và đan xen **nó trở nên được tiếp sinh lực bằng năng lượng sự sống được gửi xuống từ chân ngã**, cũng như Shiva, người Cha, ban cho người Con "bios" hay sự sống thực sự, trong khi người Mẹ sưởi ấm, xây dựng và nuôi dưỡng thể.

381. 'Kết cấu' của thể dĩ thái được mô tả như khác biệt với "năng lượng sự sống" tiếp sinh lực được gửi xuống từ chân ngã.

382. Theo phép tương đồng, chân ngã (trong ngữ cảnh này) được hiểu là người Cha và thể dĩ thái là người Con. Ở một vòng xoắn cao hơn của đường xoắn ốc, chân thần là người Cha và chân ngã là người Con.

383. Các đấng kiến tạo hướng dẫn những hành khí nhỏ bé là những người dệt, và cái mà họ dệt nên được chân ngã tiếp sinh lực, cũng như chính chân ngã được chân thần tiếp sinh lực.

384. Từ một góc nhìn, người Mẹ chỉ liên hệ với ba cõi phụ hồng trần đậm đặc, nhưng từ một góc nhìn khác (một góc nhìn vũ trụ), mười tám cõi phụ thấp hơn là lãnh vực của người Mẹ và việc bà sưởi ấm, xây dựng và nuôi dưỡng các *thể* diễn ra trong liên hệ với *tất cả* các cõi phụ ấy.

Công việc của các hành khí dĩ thái đạt đến sự hoàn tất chủ yếu của nó khi mà **sutratma được nối kết với ba trung tâm của bản chất hồng trần bên trong hộp sọ—tuyến tùng, thể tuyến yên, và trung tâm alta major**.

385. This is an important piece of occultism. The little elementals have to connect the sutratma to the three physical centers within the cranium. These three dense physical centers are the representatives within the head of the major head centers within the etheric-physical.

385. Đây là một điểm quan trọng của huyền bí học. Những hành khí nhỏ bé phải nối kết sutratma với ba trung tâm hồng trần bên trong hộp sọ. Ba trung tâm hồng trần đậm đặc này là những đại diện bên trong đầu cho các trung tâm đầu chính trong thể dĩ thái-hồng trần.

386. We must note that the alta major center is listed instead of the carotid gland. So we have two dense glands or bodies and one etheric center within the head. Perhaps if He has wished to be more specific, DK would have mentioned the carotid gland as a physical anchor for the alta major center.

386. Chúng ta phải lưu ý rằng trung tâm alta major được liệt kê thay cho tuyến cảnh. Vì vậy chúng ta có hai tuyến hay thể đậm đặc và một trung tâm dĩ thái bên trong đầu. Có lẽ nếu Ngài muốn nói cụ thể hơn, Chân sư DK đã nhắc đến tuyến cảnh như một điểm neo hồng trần cho trung tâm alta major.

Occultly, the most important connection is the entrance of the sutratma into the centre at the top of the head, that through which the life of the etheric body withdraws at the moment of death. This is the **vital** point.

Về mặt huyền bí, sự nối kết quan trọng nhất là sự đi vào của sutratma vào trung tâm ở đỉnh đầu, trung tâm mà qua đó sự sống của thể dĩ thái rút lui vào lúc chết. Đây là điểm **thiết yếu**.

387. DK is still discussing the building of the personality apparatus of the human being by the deva builders responsible for that task.

387. Chân sư DK vẫn đang bàn về việc xây dựng bộ máy phàm ngã của con người bởi các thiên thần kiến tạo chịu trách nhiệm cho nhiệm vụ đó.

388. Note the double use of language in the sentence “this is a vital point”, which indicates the portal of vitalization and devitalization at the top of the head.

388. Hãy lưu ý cách dùng ngôn ngữ kép trong câu “đây là một điểm thiết yếu”, câu này chỉ ra cánh cổng của sự tiếp sinh lực và mất sinh lực ở đỉnh đầu.

389. When death ensues, the dense physical body experiences complete devitalization, although the life of the very lowest material aspect still remains.

389. Khi cái chết xảy ra, thể xác đậm đặc trải qua sự mất sinh lực hoàn toàn, mặc dù sự sống của phương diện vật chất thấp nhất vẫn còn tồn tại.

The "thread" of life there, by the time the seventh year is reached, has divided itself into three branches, reaching out to the three centres.

“Sợi dây” sự sống ở đó, vào lúc đứa trẻ đạt đến năm thứ bảy, đã tự phân chia thành ba nhánh, vươn tới ba trung tâm.

390. The seventh year stands out as important for many reasons and one of them is being given here. By the time the seventh year is reached, the foundation of the potential triangular stimulation of the three dense centers in the head has been created.

390. Năm thứ bảy nổi bật là quan trọng vì nhiều lý do và một trong số đó đang được nêu ra ở đây. Vào lúc đạt đến năm thứ bảy, nền tảng của sự kích thích tam giác tiềm năng đối với ba trung tâm đậm đặc trong đầu đã được tạo lập.

391. We have read of the fiery triangle between the crown center, the ajna center and the alta major center which is completed in form by the time of the third initiation. It stands to reason that there will be a corresponding relationship between those dense physical precipitations (glands, bodies in the head) which represent those etheric centers.

391. Chúng ta đã đọc về tam giác lửa giữa trung tâm đỉnh đầu, trung tâm ajna và trung tâm alta major, tam giác này được hoàn tất về hình thức vào lần điểm đạo thứ ba. Hợp lý mà nói, sẽ có một mối liên hệ tương ứng giữa những sự ngưng tụ hồng trần đậm đặc ấy (các tuyến, các thể trong đầu) vốn đại diện cho các trung tâm dĩ thái đó.

The realisation of this fact will eventually prove of much interest to scientists.

Sự chứng nghiệm sự kiện này rốt cuộc sẽ tỏ ra rất đáng quan tâm đối với các nhà khoa học.

392. Presumably we are speaking of scientists in the psychological and medical fields.

392. Có lẽ chúng ta đang nói đến các nhà khoa học trong các lĩnh vực tâm lý học và y học.

A good deal of imbecility, or of arrested development will be found to have its origin in the etheric connection with these three centres.

Khá nhiều tình trạng đần độn, hoặc sự phát triển bị đình trệ sẽ được phát hiện là có nguồn gốc trong sự nối kết dĩ thái với ba trung tâm này.

393. If the vitality descending the sutratma cannot reach these glands, then they cannot perform their function. The physical mechanism, in the worst cases, cannot be intelligently directed, or is lesser cases, is imperfectly so.

393. Nếu sinh lực đi xuống theo sutratma không thể đến được các tuyến này, thì chúng không thể thực hiện chức năng của mình. Trong những trường hợp xấu nhất, bộ máy hồng trần không thể được điều khiển một cách thông minh, hoặc trong những trường hợp nhẹ hơn, chỉ được điều khiển một cách bất toàn.

394. Chúng ta đang nói về những tình trạng trong đó con người bên trong không thể tiếp

394. We are speaking of conditions in which the inner man cannot reach and control his outer apparatus.

cận và kiểm soát bộ máy bên ngoài của mình.

The **etheric web** is literally **the fine network of fiery threads which spreads itself over the centre, and forms an area of fairly large dimensions.** It separates the two bodies, astral and physical.

Tấm **mạng dĩ thái** theo nghĩa đen là **mạng lưới tinh vi của những sợi lửa trải rộng trên trung tâm, và tạo thành một khu vực có kích thước khá lớn.** Nó ngăn cách hai thể, cảm dục và hồng trần.

395. The etheric webs are definitely made of ether, though we might call the webs 'reinforced ether'

395. Các mạng dĩ thái chắc chắn được tạo bằng dĩ thái, dù chúng ta có thể gọi các mạng ấy là 'dĩ thái được gia cường'

396. In a way, the ethers always separate the astral from the physical bodies, but as the centers are channels for the exchange of energy, it is they which must be particularly reinforced to prevent premature (and potentially over-stimulating and disorganizing) interchange of energies between different levels of the energy system.

396. Theo một cách nào đó, các dĩ thái luôn luôn ngăn cách thể cảm dục với thể hồng trần, nhưng vì các trung tâm là những kênh trao đổi năng lượng, nên chính chúng phải được gia cường đặc biệt để ngăn chặn sự trao đổi năng lượng quá sớm (và có thể gây kích thích quá mức cũng như làm rối loạn) giữa các cấp độ khác nhau của hệ thống năng lượng.

A similar corresponding area will be found in the solar system. Through it the cosmic forces must pass to the different planetary schemes.

Một khu vực tương ứng tương tự sẽ được tìm thấy trong hệ mặt trời. Qua đó các mãnh lực vũ trụ phải đi đến các hệ hành tinh khác nhau.

397. We have described for us the solar systemic etheric webs.

397. Ở đây chúng ta được mô tả về các mạng dĩ thái của hệ mặt trời.

398. Apparently the solar system must be protected from premature infusions of energy from the cosmic astral plane!

398. Rõ ràng hệ mặt trời phải được bảo vệ khỏi những sự thấm nhập năng lượng quá sớm từ cõi cảm dục vũ trụ!

399. As the planets are considered chakras within the energy system of the Solar Logos, the analogy is sound.

399. Vì các hành tinh được xem là các chakra trong hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế, nên phép tương đồng này là đúng đắn.

400. We may suppose that within the body of the solar system, the physical vehicle of the Solar Logos, there are certain chakras which must be differentially stimulated (depending upon the degree of the advancement of the Solar Logos, Himself).

400. Chúng ta có thể giả định rằng bên trong thể của hệ mặt trời, vận cụ hồng trần của Thái dương Thượng đế, có một số chakra phải được kích thích một cách phân biệt (tùy theo mức độ tiến bộ của chính Thái dương Thượng đế).

401. When the human being, for instance, has not yet developed any consciousness of the soul, it is inadmissible for there to be a great stimulation of the head center. It would very premature and dangerously disorganizing to the integrity of the personality. The analogy, holds good, for planets.

401. Chẳng hạn, khi con người chưa phát triển bất kỳ tâm thức nào về linh hồn, thì không thể chấp nhận việc có một sự kích thích lớn đối với trung tâm đầu. Điều đó sẽ rất quá sớm và gây rối loạn nguy hiểm cho tính toàn vẹn của phàm ngã. Phép tương đồng này cũng đúng đối với các hành tinh.

402. Our Earth is still a non-sacred planet and, therefore, its monadic ray is occultly non-effective. The etheric crown center of our Planetary Logos can only receive the degree of stimulation from the planetary logoic Ego or Monad appropriate to its level of unfoldment. With respect to our Planetary Logos, the power of the Monad cannot be released through the planetary head center with any degree of fulness, and perhaps this will not happen until the very end of this mahamanvantara or into the next.

402. Trái Đất của chúng ta vẫn là một hành tinh không thiêng liêng và do đó cung chân thần của nó về mặt huyền bí là không hữu hiệu. Trung tâm đỉnh đầu dĩ thái của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chỉ có thể tiếp nhận mức độ kích thích từ chân ngã hay chân thần logoic hành tinh thích hợp với mức độ khai mở của Ngài. Đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, quyền năng của chân thần không thể được giải phóng qua trung tâm đầu hành tinh với bất kỳ mức độ viên mãn nào, và có lẽ điều này sẽ không xảy ra cho đến tận cuối Đại giai kỳ sinh hóa này hoặc sang giai kỳ kế tiếp.

The **elemental groups of the dense physical plane** who are swept into activity by the builders, are three in number:

Các **nhóm hành khí của cõi hồng trần đậm đặc** được các đấng kiến tạo cuốn vào hoạt động có số lượng là ba:

403. The builders who sweep the elementals of the dense physical plane into activity are located on the etheric plane.

403. Các đấng kiến tạo cuốn các hành khí của cõi hồng trần đậm đặc vào hoạt động nằm trên cõi dĩ thái.

a. The gaseous elementals.

a. Các hành khí thể khí.

b. The liquid elementals.

b. Các hành khí thể lỏng.

c. The strictly dense elementals.

404. These physical elementals are, again, ***not*** "building essence", but are, themselves, tiny building entities, blind, though possessing intelligence—the intelligence of the matter aspect.

405. We must return to those elementals who, in earlier references, are called "seeing elementals" and see if the three types here described are "seeing elementals".

406. In earlier references, however, it seemed that "seeing elementals" were involved in the construction of etheric doubles.

407. DK now differentiates their functions according to dense physical subplane.

One group concerns itself with the fiery channels, with the fires of the human body, and with the different gases to be found within the human periphery.

408. Let us tabulate the 'concerns' of the gaseous elementals:

a. They are concerned with the fiery channels. These channels are originally etheric, but the degree to which the etheric energies can vitalize the liquid-dense and strictly dense portions of the dense physical subplanes depends upon activities within the physical gaseous subplane.

b. They are concerned with the fires of the human body. Analogously, and on the dense physical plane, we know that fire will not

c. Các hành khí đậm đặc đúng nghĩa.

404. Những hành khí hồng trần này, một lần nữa, ***không*** phải là "tinh chất kiến tạo", mà bản thân chúng là những thực thể kiến tạo nhỏ bé, mù quáng, tuy vẫn sở hữu trí tuệ—trí tuệ của phương diện vật chất.

405. Chúng ta phải quay lại với những hành khí mà trong các tham chiếu trước được gọi là "hành khí thấy" và xem liệu ba loại được mô tả ở đây có phải là "hành khí thấy" hay không.

406. Tuy nhiên, trong các tham chiếu trước, dường như "hành khí thấy" có liên quan đến việc kiến tạo các bản sao dĩ thái.

407. Giờ đây Chân sư DK phân biệt các chức năng của chúng theo cõi phụ hồng trần đậm đặc.

Một nhóm tự chuyên chú vào các kênh lửa, các ngọn lửa của thể người, và vào các loại khí khác nhau được tìm thấy bên trong chu vi con người.

408. Chúng ta hãy lập bảng các "mối quan tâm" của các hành khí thể khí:

a. Chúng liên quan đến các kênh lửa. Những kênh này nguyên thủy là dĩ thái, nhưng mức độ mà các năng lượng dĩ thái có thể tiếp sinh lực cho các phần lỏng-đậm đặc và phần đậm đặc đúng nghĩa của các cõi phụ hồng trần đậm đặc tùy thuộc vào các hoạt động trong cõi phụ khí của cõi hồng trần.

b. Chúng liên quan đến các ngọn lửa của thể người. Theo phép tương đồng, và trên cõi hồng trần đậm đặc, chúng ta biết rằng lửa sẽ

burn without the presence of the oxygen in the air

không cháy nếu không có sự hiện diện của oxy trong không khí

c. They are concern with the different gases to be found within the human periphery. The functions of these various gases have probably not been fully explored. We speak of “vital airs” which term suggests gaseous streams.

c. Chúng liên quan đến các loại khí khác nhau được tìm thấy bên trong chu vi con người. Có lẽ các chức năng của những loại khí khác nhau này chưa được khảo sát đầy đủ. Chúng ta nói đến “các luồng khí sinh lực”, thuật ngữ này gợi ý những dòng khí.

409. DK now deals with the liquid elementals.

409. Giờ đây Chân sư DK bàn đến các hành khí thể lỏng.

Another group [Page 945] is to be **seen working in connection with the circulatory system,** and with all the liquids, juices, and waters of the body;

Một nhóm khác [Page 945] được **thấy đang làm việc trong sự liên hệ với hệ tuần hoàn,** và với mọi chất lỏng, dịch thể và nước của cơ thể;

410. Three interesting terms are given in relation to the work of the liquid elementals:

410. Ba thuật ngữ thú vị được đưa ra liên hệ với công việc của các hành khí thể lỏng:

a. Liquids

a. Chất lỏng

b. Juices

b. Dịch thể

c. Waters

c. Nước

411. One suspects that they can be differentiated, and that the term “juices” covers certain vital fluids which are indispensable for the functioning of the dense physical body.

411. Người ta ngờ rằng chúng có thể được phân biệt, và rằng thuật ngữ “dịch thể” bao hàm một số lưu chất sinh lực nhất định không thể thiếu cho hoạt động của thể xác đậm đặc.

412. Many discoveries along these lines lie ahead in the medical sciences. Many discoveries have already been made but they have not been put in the context of the *occult* sciences.

412. Nhiều khám phá theo hướng này còn ở phía trước trong các khoa học y học. Nhiều khám phá đã được thực hiện rồi nhưng chúng chưa được đặt vào bối cảnh của các khoa học *huyền bí*.

413. DK now describes the third group of elementals—those building on the densest

413. Giờ đây Chân sư DK mô tả nhóm hành khí thứ ba—những hành khí kiến tạo trên

of the physical subplanes. He calls them the "strictly dense elementals".

414. Given all the extraordinary detail presented in this book, are we not impressed by how little we know and how much there is to learn?

whilst **the third is largely involved in the construction of the frame, through the right apportioning of the minerals and chemicals**.

415. The densest aspects of the physical frames is the skeletal structure, but of course, though the organs and tissues of the body are far softer, they are not entirely in the liquid domain and must require the work of both of the lowest two types of physical elementals.

A hint in connection with medicine is here to be found; it is occultly true that just as the liquid devas and elementals are closely related to the vegetable kingdom, and both to the plane of the emotions, the logoic liquid body, so the ills of men which affect the circulatory system, the kidneys, the bladder, and the lubrication of the joints, **will find a CURE in vegetable constituents and above all in the right adjustment of the emotional nature**.

416. It could not be more clearly stated. The correspondences are there.

417. The circulatory system, the kidneys and bladder, and the lubrication of the joints are singled out because they are all involved in the distribution and managements of body liquids or fluids..

cõi phụ hồng trần dày đặc nhất. Ngài gọi chúng là "các hành khí đậm đặc đúng nghĩa".

414. Với tất cả những chi tiết phi thường được trình bày trong quyển sách này, chẳng phải chúng ta ấn tượng trước việc mình biết quá ít và còn quá nhiều điều phải học sao?

trong khi **nhóm thứ ba phần lớn liên quan đến việc kiến tạo khung thể, thông qua sự phân phối đúng đắn các khoáng chất và hóa chất**.

415. Phương diện đậm đặc nhất của các khung thể xác là cấu trúc xương, nhưng dĩ nhiên, tuy các cơ quan và mô của cơ thể mềm hơn rất nhiều, chúng không hoàn toàn thuộc lĩnh vực lỏng và hẳn phải cần đến công việc của cả hai loại hành khí hồng trần thấp nhất.

Ở đây có thể tìm thấy một gợi ý liên quan đến y học; một cách huyền bí, điều này là chân thực rằng cũng như các thiên thần lỏng và hành khí có liên hệ mật thiết với giới thực vật, và cả hai đều liên hệ với cõi cảm xúc, thể lỏng của Thượng đế, thì các bệnh tật của con người ảnh hưởng đến hệ tuần hoàn, thận, bàng quang, và sự bôi trơn của các khớp, **sẽ tìm được SỰ CHỮA LÀNH trong các thành phần thực vật và trên hết là trong sự điều chỉnh đúng đắn của bản chất cảm xúc**.

416. Không thể nói điều này rõ ràng hơn nữa. Các tương ứng đều ở đó.

417. Hệ tuần hoàn, thận và bàng quang, cùng sự bôi trơn của các khớp được nêu riêng ra vì tất cả đều liên quan đến sự phân phối và quản lý các chất lỏng hay lưu chất của cơ thể.

418. This is one of the great examples of how the Law of Correspondences can have extremely practical implications.

418. Đây là một trong những ví dụ lớn cho thấy định luật tương ứng có thể có những hàm ý cực kỳ thực tiễn.

419. It is our task to examine the usual diseases of all these systems and to find the emotional condition (arising on the cosmic *liquid plane*) which, ultimately, is the cause. As for the vegetable constituents, the means of amelioration which they provide must be discovered.

419. Nhiệm vụ của chúng ta là khảo sát các bệnh thông thường của tất cả những hệ này và tìm ra trạng thái cảm xúc (phát sinh trên cõi *lỏng* vũ trụ) mà rốt cuộc là nguyên nhân. Còn về các thành phần thực vật, phải khám phá ra những phương tiện cải thiện mà chúng cung cấp.

420. DK seems to be warning those who suffer from illness of these bodily systems that they should not eat meat.

420. Chân sư DK dường như đang cảnh báo những ai mắc bệnh nơi các hệ cơ thể này rằng họ không nên ăn thịt.

421. We note, however, that the right adjustment of the emotional nature is paramount.

421. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng sự điều chỉnh đúng đắn của bản chất cảm xúc là tối quan trọng.

Several influences other than those mentioned have to be considered when the subject **of the work of these builders of man's body is under discussion**.

Một số ảnh hưởng khác ngoài những điều đã được đề cập phải được xem xét khi chủ đề **về công việc của những đấng kiến tạo này của thể con người được bàn đến**.

422. We remind ourselves that we are discussing the *building* of the human body and the *builders* who build that body.

422. Chúng ta tự nhắc mình rằng chúng ta đang bàn về sự *kiến tạo* thể người và những *đấng kiến tạo* xây dựng thể ấy.

423. Again, no matter how terminology is occasionally used imprecisely, elementals are *builders* rather than passive substance which is *built.*

423. Một lần nữa, dù thuật ngữ đôi khi được dùng thiếu chính xác đến đâu, các hành khí là những *đấng kiến tạo* hơn là chất liệu thụ động được *xây dựng.*

Not only are they [the builders] affected by:

Không những chúng [the builders] bị ảnh hưởng bởi:

a. A man's note,

a. Âm điệu của một người,

b. The colour poured forth by the transmitting agents,

b. Màu sắc được tuôn đổ ra bởi các tác nhân truyền dẫn,

c. The karmic agents,

424. This is in the nature of a review and some clarification of uncertainties earlier in the text may be noticed.

425. Earlier we were dealing with sound, color and vibration—seeking the order in which they should be placed and the types of transmitting devas with which they should be associated.

426. With "sound" there was no problem. The factor of sound was allocated to the Ego (although, in a more general sense, all vibration *sounds*).

427. Here we see, however, that the transmitting devas (the highest kind of devas responsible for creating the personal human energy system) pour forth *colour*!

428. The builders (associated with the members of the atomic triangle), 'beneath' the transmitters are not even mentioned.

429. We had originally allocated colour to the effect of the very lowest kinds of building devas, but now find that the transmitters are pouring it forth.

430. It is as if the transmitters not only transmit the note of the Ego but transmit the equivalent of that note in color. It is as if the transmitters are contacting certain building devas (characterized by certain colors) by means of the colour poured forth. We remember DK's emphasis upon the 'differential response' within devic substance.

c. Các tác nhân nghiệp quả,

424. Đây có tính chất như một sự điểm lại và có thể nhận thấy một vài sự làm sáng tỏ những điều chưa chắc chắn trước đó trong bản văn.

425. Trước đây chúng ta đã bàn về âm thanh, màu sắc và rung động—tìm kiếm trật tự mà chúng nên được đặt vào và các loại thiên thần truyền dẫn mà chúng nên được liên kết với.

426. Với "âm thanh" thì không có vấn đề gì. Yếu tố âm thanh được quy cho Chân ngã (mặc dù, theo nghĩa tổng quát hơn, mọi rung động đều *xướng*).

427. Tuy nhiên, ở đây chúng ta thấy rằng các thiên thần truyền dẫn (loại thiên thần cao nhất chịu trách nhiệm tạo ra hệ thống năng lượng nhân loại cá nhân) lại tuôn ra *màu sắc*!

428. Những đấng kiến tạo (liên kết với các thành viên của tam giác nguyên tử), ở "bên dưới" các tác nhân truyền dẫn, thậm chí còn không được nhắc đến.

429. Ban đầu chúng ta đã quy màu sắc cho tác động của những loại thiên thần kiến tạo thấp nhất, nhưng giờ lại thấy rằng chính các tác nhân truyền dẫn đang tuôn nó ra.

430. Dường như các tác nhân truyền dẫn không chỉ truyền âm điệu của Chân ngã mà còn truyền sự tương đương của âm điệu ấy trong màu sắc. Dường như các tác nhân truyền dẫn đang tiếp xúc với một số thiên thần kiến tạo nào đó (được đặc trưng bởi những màu sắc nhất định) bằng phương tiện của màu sắc được tuôn ra. Chúng ta nhớ đến

sự nhấn mạnh của Chân sư DK về "đáp ứng biến phân" trong chất liệu thiên thần.

431. With the intricacies of these processes we cannot proceed in any depth, but we are gathering how important are vibration, sound and color in the building process which creates man as we know him in the three worlds.

431. Với những phức tạp của các tiến trình này, chúng ta không thể đi sâu nhiều, nhưng chúng ta đang thu thập được rằng rung động, âm thanh và màu sắc quan trọng biết bao trong tiến trình kiến tạo tạo ra con người như chúng ta biết y trong ba cõi thấp.

432. In the impending seventh ray/fourth ray Age, much anent vibration, light, sound and color will be revealed and man will have new and unbelievable powers with which to express his growing creativity.

432. Trong Kỷ nguyên cung bảy/cung bốn sắp đến, nhiều điều liên quan đến rung động, ánh sáng, âm thanh và màu sắc sẽ được mặc khải và con người sẽ có những quyền năng mới lạ không thể tin nổi để biểu lộ tính sáng tạo đang tăng trưởng của mình.

433. As for man the magician, in order to be a creator, he must learn to do within his tiny sphere what greater agencies do to create his vehicles.

433. Còn đối với con người là nhà huyền thuật, để trở thành một đấng sáng tạo, y phải học cách làm trong khối cầu nhỏ bé của mình điều mà các tác nhân lớn hơn làm để tạo ra các vận cụ của y.

but they come under:

nhưng chúng thuộc về:

434. DK will now bring forward a larger picture, introducing other and wider factors which must be considered when we think of the creation of man's personality vehicles.

434. Giờ đây Chân sư DK sẽ đưa ra một bức tranh rộng lớn hơn, giới thiệu những yếu tố khác và rộng hơn phải được xem xét khi chúng ta nghĩ về sự tạo thành các vận cụ phàm ngã của con người.

d. Group karma and vibration which will sweep in another group of agencies and builders, and thus affect a man's bodies,

d. Nghiệp quả nhóm và rung động sẽ cuốn vào một nhóm tác nhân và đấng kiến tạo khác, và do đó ảnh hưởng đến các thể của một người,

435. Man is not only the individual. He is a member of other groups, all of which have their own karma. To the karma of these he is subject without being able to do very much about it.

435. Con người không chỉ là cá nhân. Y là thành viên của những nhóm khác, tất cả đều có nghiệp quả riêng. Đối với nghiệp quả của các nhóm ấy, y phải chịu mà không thể làm được bao nhiêu.

436. And, there are certain karmic agents (representing different levels of karma with which a man is involved, usually unconsciously so) which necessarily involve themselves in the formation of a man's vehicles.

436. Và có những tác nhân nghiệp quả nhất định (đại diện cho những cấp độ nghiệp quả khác nhau mà một người có liên hệ, thường là một cách vô thức) tất yếu can dự vào sự hình thành các vận cụ của một người.

437. Family karma, racial karma, national karma, ray-group karma, the karma of humanity—in all these groups the human unit finds its place and to the karmic necessary karmic adjustments required in these groups, he is subject.

437. Nghiệp quả gia đình, nghiệp quả chủng tộc, nghiệp quả quốc gia, nghiệp quả nhóm cung, nghiệp quả của nhân loại—trong tất cả những nhóm này đơn vị nhân loại tìm thấy vị trí của mình và đối với những điều chỉnh nghiệp quả cần thiết được đòi hỏi trong các nhóm ấy, y phải chịu sự chi phối.

e. Racial karma, an extension of the above,

e. Nghiệp quả chủng tộc, một sự mở rộng của điều trên,

438. This was mentioned. When we think of the Jews as "the karmic clearing house" within humanity, we can see that membership in the Jewish group implies some inescapable karmic conditions and contact with certain karmic agents.

438. Điều này đã được nhắc đến. Khi chúng ta nghĩ về người Do Thái như "trung tâm thanh toán nghiệp quả" trong nhân loại, chúng ta có thể thấy rằng việc thuộc về nhóm Do Thái hàm ý một số điều kiện nghiệp quả không thể tránh khỏi và sự tiếp xúc với một số tác nhân nghiệp quả nhất định.

439. While there is much racial admixture, the white, black, brown, yellow and 'red' races are all under internal management within the Department of the Manu and all have destined karmic adjustments administered by designated karmic adjustors.

439. Dù có nhiều sự pha trộn chủng tộc, các chủng tộc da trắng, da đen, da nâu, da vàng và da "đỏ" đều nằm dưới sự quản trị nội tại trong Ban của Đức Manu và tất cả đều có những điều chỉnh nghiệp quả định sẵn do các vị điều chỉnh nghiệp quả được chỉ định quản lý.

f. Forces playing upon the planet from another scheme, or through the formation of a systemic triangle,

f. Các mãnh lực tác động lên hành tinh từ một hệ hành tinh khác, hoặc thông qua sự hình thành một tam giác hệ mặt trời,

440. In this case we can think not only of Venus but of Mars. Other Planetary Logoi may be involved. Through his ray structure, and his membership in certain egoic groups,

440. Trong trường hợp này chúng ta có thể nghĩ không chỉ đến Sao Kim mà còn đến Sao Hỏa. Những Hành Tinh Thượng Đế khác có thể cũng liên quan. Thông qua cấu trúc cung

and also because the manner in which he was individualized and the time when individualization took place, different human beings are related differently to the various planetary schemes coming under their influence or "rulership" in different ways.

của mình, và việc là thành viên của một số nhóm chân ngã nhất định, và cũng bởi cách thức y được biệt ngã hóa cùng thời điểm sự biệt ngã hóa diễn ra, những con người khác nhau có liên hệ khác nhau với các hệ hành tinh khác nhau, đi vào dưới ảnh hưởng hay "sự cai quản" của chúng theo những cách khác nhau.

g. A cosmic triangle of force of some specific kind which **may bring in entities and energies of any particular scheme incident upon the karma of the planetary Logos**.

g. Một tam giác mãnh lực vũ trụ thuộc một loại đặc thù nào đó mà **có thể đưa vào các thực thể và năng lượng của bất kỳ hệ hành tinh đặc thù nào tác động lên nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế**.

441. Entry from the planet Vulcan (bringing, we may hypothesize, many "Primary Lotuses") is a case in point. DK has also told us of significant inflows of Egos from Venus and Jupiter. (cf. TCF 841)

441. Sự đi vào từ hành tinh Vulcan (mang đến, như chúng ta có thể giả thuyết, nhiều "Hoa Sen Sơ Cấp") là một trường hợp điển hình. Chân sư DK cũng đã cho chúng ta biết về những dòng chảy vào quan trọng của các Chân ngã từ Sao Kim và Sao Mộc. (xem TCF 841)

442. We cannot know the nature of such a "cosmic triangle". The Solar Logos and even Planetary Logoi are mentioned as "cosmic" Beings. Could we be speaking of a triangle between, for instance, the Sun, a certain planetary scheme and the Earth?

442. Chúng ta không thể biết bản chất của một "tam giác vũ trụ" như thế. Thái dương Thượng đế và ngay cả các Hành Tinh Thượng Đế cũng được nhắc đến như những Hữu thể "vũ trụ". Có thể chúng ta đang nói đến một tam giác giữa, chẳng hạn, Mặt Trời, một hệ hành tinh nào đó và Trái Đất chăng?

443. It sounds as if energies and entities from *any* or *all* of the Planetary Logoi could be drawn into the energy system of our Earth.

443. Nghe như thể các năng lượng và thực thể từ *bất kỳ* hay *mọi* Hành Tinh Thượng Đế nào cũng có thể được hút vào hệ thống năng lượng của Trái Đất chúng ta.

444. The karma of our Planetary Logos seems to be the predisposing factor in the process of attracting energy/entity streams from other planetary schemes.

444. Nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta dường như là yếu tố khuynh hướng sẵn trong tiến trình thu hút các dòng năng lượng/thực thể từ những hệ hành tinh khác.

445. We see, from the larger perspective, how many factors can influence the building of a human being's personality vehicles. Who would suspect that so many factors could be involved?

445. Từ viễn cảnh lớn hơn, chúng ta thấy có biết bao yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc kiến tạo các vận cụ phàm ngã của một con người. Ai có thể ngờ rằng nhiều yếu tố như thế lại có thể liên quan?

It will, therefore, be apparent to the student how **intricate this subject is**

Do đó, đối với đạo sinh, sẽ hiển nhiên rằng **chủ đề này phứctạp đến mức nào**

446. Master DK is a Master of intricate thought, but He also has the wisdom to know when that intricacy should not be too fully presented. As a Master-Teacher He seeks to illumine the mind and expand the consciousness but not to overwhelm.

446. Chân sư DK là một Chân sư của tư tưởng phức tạp, nhưng Ngài cũng có minh triết để biết khi nào sự phức tạp ấy không nên được trình bày quá đầy đủ. Với tư cách một Chân sư-Huấn sư, Ngài tìm cách soi sáng thể trí và mở rộng tâm thức chứ không làm choáng ngợp.

and how truly each man is the outcome of force of some kind—**egoic primarily, but also [Page 946] planetary, and even systemic.**

và mỗi người thực sự là kết quả của mãnh lực thuộc một loại nào đó như thế nào—**trước hết là chân ngã, nhưng cũng [Page 946] là hành tinh, và thậm chí là hệ mặt trời.**

447. What we are as human beings in the three lower worlds is largely egoically determined, but there are more remote causes as well, and of these we must have at least some notion. The Ego is affected, we know, by ray, planetary, and zodiacal influences, and these are mediated to the builders who serve the Ego in creating its personality instrument.

447. Điều chúng ta là với tư cách những con người trong ba cõi thấp phần lớn được chân ngã quyết định, nhưng cũng có những nguyên nhân xa hơn, và về những điều này chúng ta phải có ít nhất một khái niệm nào đó. Chân ngã, như chúng ta biết, bị ảnh hưởng bởi các tác động của cung, hành tinh và hoàng đạo, và những tác động này được trung gian đến các đấng kiến tạo phụng sự Chân ngã trong việc tạo ra công cụ phàm ngã của nó.

Yet withal, no man is ever put into circumstances which are insurmountable, once he has reached the point where he has intelligently put himself on the side of evolution, or of God.

Tuy nhiên, không người nào bao giờ bị đặt vào những hoàn cảnh không thể vượtqua, một khi y đã đạt đến điểm mà y đã một cách thôngminh đặt mình về phía tiến hoá, hay về phía Thượng đế.

448. Is DK suggesting that the human being is put into some insurmountable

448. Có phải Chân sư DK đang gợi ý rằng con người bị đặt vào một số hoàn cảnh không

circumstances *before* he has reached the point where he has thrown the weight of his mind and desires on the side of evolution?

449. The statement above is reassuring. Those who will be reading the works of the Tibetan with any degree of application will have made the decision to serve evolution "or...God". We are therefore, reassured, that wherever we find ourselves, in whatever circumstances, our challenges are not insurmountable. At least there can be a significant gain in consciousness, regardless of apparent difficulties or even tragedies in the world of form.

Prior to that he may, and will, be driven by the gales of circumstance;

450. This is what DK has called being "drive up and down the land". He is swept by irresistible forces and has no say regarding the forces which sweep him

451. The correct appropriation of the energies of Saturn bring this phase to a close.

452. We are also reminded of the involuntary sacrifices to which the human being is subjected when working upon the third petal in the first tier of the egoic lotus —a sacrifice petal.

the press of group and racial karma

453. People are caught up in terrible circumstances through race wars, attempted genocides, etc.

thể vượt qua *trước khi* y đạt đến điểm mà y đã dồn sức nặng của trí tuệ và dục vọng của mình về phía tiến hoá chăng?

449. Phát biểu trên thật đáng an tâm. Những ai sẽ đọc các tác phẩm của Chân sư Tây Tạng với bất kỳ mức độ chuyên cần nào hẳn đã đưa ra quyết định phụng sự tiến hoá "hay... Thượng đế". Vì vậy, chúng ta được trấn an rằng ở bất cứ nơi đâu chúng ta thấy mình, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, những thách thức của chúng ta không phải là không thể vượt qua. Ít nhất vẫn có thể có một sự tăng trưởng đáng kể trong tâm thức, bất kể những khó khăn bề ngoài hay ngay cả những bi kịch trong thế giới hình tướng.

Trước đó y có thể, và sẽ, bị những cơn gió dữ của hoàn cảnh cuốn đi;

450. Đây là điều Chân sư DK đã gọi là bị "xô đẩy lên xuống khắp miền đất". Y bị cuốn bởi những mãnh lực không thể cưỡng lại và không có tiếng nói nào đối với những mãnh lực cuốn y đi.

451. Sự chiếm dụng đúng đắn các năng lượng của Sao Thổ đưa giai đoạn này đến chỗ kết thúc.

452. Chúng ta cũng được nhắc đến những sự hy sinh không tự nguyện mà con người phải chịu khi làm việc trên cánh hoa thứ ba trong vòng thứ nhất của hoa sen chân ngã—một cánh hoa hi sinh.

sức ép của nghiệp quả nhóm và chủng tộc

453. Con người bị cuốn vào những hoàn cảnh khủng khiếp qua các cuộc chiến chủng tộc, những nỗ lực diệt chủng, v.v.

will force him into situations necessary for the process of awakening him to his own innate possibilities.

454. Much of this is accomplished in the Hall of Ignorance, climaxing with the kinds of events which transpire in the work of the third petal.

455. Master M has told us that "obstacles are possibilities". Apparently, very difficult circumstances will either awaken the human being to "his own innate possibilities" or will temporarily crush him, thus awakening in him the resolve to avoid such a crushing experience in the future.

Once he becomes **the conscious builder himself**, seeking to control the forces and builders of his lower nature, and to construct the, **then he is no longer subject to the earlier conditions.**

456. The discipline of overwhelming circumstance can be removed. He will guide himself in a suitable direction and no longer needs to be swept along against his desires—we could hardly say "will".

457. We are dealing with conditions and conditioning—the realm of lower Saturn. We note that Saturn is in detriment (weakened) in Leo, the sign of the inner, positive Self. As the soul-center within man increases in power, man becomes *positive to circumstance* (a Leo and *solar* ability), becoming *Self*-directing.

He becomes a ruler, a builder, and a transmitter, **until the time comes when he**

sẽ buộc y vào những tình huống cần thiết cho tiến trình đánh thức y đối với những khả năng bẩm sinh của chính mình.

454. Phần lớn điều này được hoàn thành trong Phòng Vô Minh, đạt cực điểm với những loại biến cố xảy ra trong công việc của cánh hoa thứ ba.

455. Chân sư M. đã nói với chúng ta rằng "chướng ngại là những khả năng". Rõ ràng, những hoàn cảnh rất khó khăn hoặc sẽ đánh thức con người đối với "những khả năng bẩm sinh của chính mình" hoặc sẽ tạm thời nghiền nát y, nhờ đó đánh thức nơi y quyết tâm tránh một kinh nghiệm bị nghiền nát như thế trong tương lai.

Một khi y trở thành **chính đấng kiến tạo có ý thức**, tìm cách kiểm soát các mãnh lực và các đấng kiến tạo của bản chất thấp của mình, và kiến tạo, **thì y không còn lệ thuộc vào những điều kiện trước kia nữa.**

456. Kỷ luật của hoàn cảnh áp đảo có thể được dỡ bỏ. Y sẽ tự hướng dẫn mình theo một phương hướng thích hợp và không còn cần bị cuốn đi trái với dục vọng của mình nữa—chúng ta khó có thể nói là trái với "ý chí".

457. Chúng ta đang bàn về các điều kiện và sự tác động định hình—lĩnh vực của Sao Thổ thấp. Chúng ta lưu ý rằng Sao Thổ ở thế suy yếu trong Sư Tử, dấu hiệu của Bản Ngã bên trong, tích cực. Khi trung tâm linh hồn trong con người gia tăng quyền năng, con người trở nên *tích cực đối với hoàn cảnh* (một khả năng của Sư Tử và *thái dương*), trở nên *Tự Ngã*-định hướng.

Y trở thành một người cai quản, một đấng kiến tạo, và một tác nhân truyền dẫn, **cho**

is one with the solar Angels, and the work of human evolution is accomplished.

đến khi thời điểm đến khi y là một với các Thái dương Thiên Thần, và công việc của tiến hoá nhân loại được hoàn tất.

458. Man as a ruler, or inner ruler, is the 'king' of his own little system. This is an advanced Leonian state. Man becomes *solarized.*

458. Con người như một người cai quản, hay người cai quản bên trong, là "vua" của hệ thống nhỏ bé của chính mình. Đây là một trạng thái Sư Tử tiến bộ. Con người trở nên *được thái dương hóa.*

459. Man is taking over the functions of the higher builders and eventually, as he becomes one with the Solar Angels, of the Solar Angels themselves.

459. Con người đang đảm nhận các chức năng của những đấng kiến tạo cao hơn và cuối cùng, khi y trở thành một với các Thái dương Thiên Thần, cả những chức năng của chính các Thái dương Thiên Thần nữa.

460. Then man himself becomes the "Builder" and, identified with the Ego, the transmitter.

460. Khi đó chính con người trở thành "Đấng Kiến Tạo" và, đồng hoá với Chân ngã, là tác nhân truyền dẫn.

461. It is all a question of the gradual assumption of spiritual responsibility.

461. Tất cả chỉ là vấn đề dần dần đảm nhận trách nhiệm tinh thần.

462. To become one with the Solar Angels does not indicate that man has ascended to their high spiritual status, but rather than he has merged himself with that aspect of their presence which underlies the egoic lotus and which has supervised his evolution over millions of years. Man, then, becomes *his own supervisor.*

462. Trở thành một với các Thái dương Thiên Thần không có nghĩa là con người đã thăng lên địa vị tinh thần cao của các Ngài, mà đúng hơn là y đã hợp nhất mình với phương diện hiện diện của các Ngài nằm bên dưới hoa sen chân ngã và đã giám sát sự tiến hoá của y suốt hàng triệu năm. Khi đó, con người trở thành *người giám sát của chính mình.*

What has been said above is very superficial, and only that has been imparted which has a profound significance for man at this time.

Điều đã được nói ở trên là rất hời hợt, và chỉ những gì có thâm nghĩa sâu xa đối với con người vào lúc này mới được truyền đạt.

463. One can only imagine what the Tibetan must know if what He has given seems to him superficial!

463. Người ta chỉ có thể hình dung Chân sư Tây Tạng hẳn phải biết những gì nếu điều Ngài đã ban ra lại dường như hời hợt đối với Ngài!

464. As human beings, we must necessarily solve our own problems first before we can be effective on a planetary level (though there is naturally interdependence between the smaller and larger spheres).

464. Với tư cách những con người, tất yếu trước hết chúng ta phải giải quyết các vấn đề của chính mình trước khi có thể hữu hiệu ở cấp độ hành tinh (dù dĩ nhiên có sự tương thuộc giữa các khối cầu nhỏ hơn và lớn hơn).

Much must be inferred, and more must be arrived at under the Law of Correspondences.

Nhiều điều phải được suy ra, và nhiều điều hơn nữa phải đạt đến dưới định luật tương ứng.

465. DK is telling us how to proceed. Infer and apply the Law of Correspondences. We are to use our reason on the way to developing Pure Reason. It is a monumental task, but those who are willing to spend their time in the deepening of their education in spiritual occultism can go a long way in developing the higher understanding.

465. Chân sư DK đang cho chúng ta biết cách tiến hành. Hãy suy luận và áp dụng định luật tương ứng. Chúng ta phải dùng lý trí của mình trên đường phát triển Lý Trí Thuần Khiết. Đó là một nhiệm vụ đồ sộ, nhưng những ai sẵn lòng dành thời gian để đào sâu nền giáo dục của mình trong huyền bí học tinh thần có thể tiến rất xa trong việc phát triển sự thấu hiểu cao hơn.

It must ever be borne in mind likewise that our basic conception is one of fiery energy, of force centres set in motion, and kept in active vibration, by the pulsation of still greater centres.

Cũng phải luôn ghi nhớ rằng quan niệm căn bản của chúng ta là về năng lượng lửa, về các trung tâm mãnh lực được đặt vào chuyển động, và được giữ trong rung động hoạt động, bởi sự rung mạch của những trung tâm còn lớn hơn.

466. DK has laid out a large perspective which we are to maintain.

466. Chân sư DK đã trình bày một viễn cảnh rộng lớn mà chúng ta phải duy trì.

467. We are to hold the vision of—

467. Chúng ta phải giữ linh ảnh về—

a. Fiery energy

a. Năng lượng lửa

b. Force centers set in motion (displaying fiery energy and energized by sources of fiery energy)

b. Các trung tâm mãnh lực được đặt vào chuyển động (biểu lộ năng lượng lửa và được tiếp năng lượng bởi các nguồn năng lượng lửa)

c. Force centers kept in active vibration

c. Các trung tâm mãnh lực được giữ trong rung động hoạt động

d. Force centers set in motion and kept in active vibration by the pulsation of still greater centers.

d. Các trung tâm mãnh lực được đặt vào chuyển động và được giữ trong rung động hoạt động bởi sự rung mạch của những trung tâm còn lớn hơn.

468. When we deal with "pulsation", we are entering the domain of the first ray. The Jewel in the Lotus, the generically first ray center within the egoic lotus, pulsates and thus energizes all other aspects of the lotus and the personality expression of the egoic lotus within the three lower worlds.

468. Khi chúng ta bàn đến "rung mạch", chúng ta đang đi vào lĩnh vực của cung một. Bảo Châu trong Hoa Sen, trung tâm cung một theo nghĩa tổng quát bên trong hoa sen chân ngã, rung mạch và nhờ đó tiếp năng lượng cho mọi phương diện khác của hoa sen và cho sự biểu lộ phàm ngã của hoa sen chân ngã trong ba cõi thấp.

Every form is built of **fiery atoms**, or energetic lives, through the agency of greater lives, and is held in coherent form within the still greater sheaths,—that greater sheath being to the lesser what the macrocosm is to the microcosm.

Mọi hình tướng đều được xây dựng bằng **các nguyên tử lửa**, hay các sự sống năng lượng, thông qua tác động của những sự sống lớn hơn, và được giữ trong hình tướng cố kết bên trong những vỏ bọc còn lớn hơn,—vỏ bọc lớn hơn ấy đối với cái nhỏ hơn cũng như đại thiên địa đối với tiểu thiên địa.

469. DK offers a picture of creative coherency.

469. Chân sư DK đưa ra một bức tranh về sự cố kết sáng tạo.

470. It is well to remember that atoms are not just material structures but are tiny expressions of fire.

470. Nên nhớ rằng các nguyên tử không chỉ là những cấu trúc vật chất mà còn là những biểu lộ nhỏ bé của lửa.

471. In all this creative process we have to look to the greater, encompassing lives as major factors inducing coherency is lesser lives.

471. Trong toàn bộ tiến trình sáng tạo này, chúng ta phải nhìn đến những sự sống lớn hơn, bao trùm hơn như những yếu tố chính gây ra sự cố kết nơi các sự sống nhỏ hơn.

472. The greater holds the lesser together.

472. Cái lớn hơn giữ cái nhỏ hơn lại với nhau.

473. Fiery atoms may be of all kinds. Some are substantial—i.e., a part of that which we call "building essence", "elemental essence" or "deva substance" (in its lowest category).

473. Các nguyên tử lửa có thể thuộc mọi loại. Một số là chất thể—tức là một phần của điều chúng ta gọi là "tinh chất kiến tạo", "Tinh chất hành khí" hay "chất liệu thiên thần" (trong loại thấp nhất của nó).

474. But “fiery atoms” can also be permanent atoms which are relatively large composite structures.

474. Nhưng “các nguyên tử lửa” cũng có thể là các nguyên tử trường tồn, vốn là những cấu trúc hợp thành tương đối lớn.

All these groups of building lives may be divided into three groups of energy units, and their nature deduced from the phrases:

Tất cả những nhóm sự sống kiến tạo này có thể được chia thành ba nhóm đơn vị năng lượng, và bản chất của chúng được suy ra từ các cụm từ sau:

1. Groups of lives animated by dynamic energy. [the energy of Shiva]

1. Những nhóm sự sống được linh hoạt bởi năng lượng động lực. [năng lượng của Shiva]

2. Groups of lives animated by radiant energy.. [the energy of Vishnu]

2. Những nhóm sự sống được linh hoạt bởi năng lượng bức xạ.. [năng lượng của Vishnu]

3. Groups of lives animated by atomic energy.. [the energy of Brahma]

3. Những nhóm sự sống được linh hoạt bởi năng lượng nguyên tử.. [năng lượng của Brahma]

475. This is the overview. When DK speaks of “groups of building lives” He is including many kinds of lives mentioned in the foregoing pages.

475. Đây là cái nhìn tổng quát. Khi Chân sư DK nói về “những nhóm sự sống kiến tạo”, Ngài đang bao gồm nhiều loại sự sống được nhắc đến trong các trang trước.

476. The lives animated by dynamic energy are Builders who are animated by Spirit/ Monad and (within the cosmic physical plane) build within the realms of the cosmic ethers.

476. Những sự sống được linh hoạt bởi năng lượng động lực là các Đấng Kiến Tạo được linh hoạt bởi Tinh thần/Chân thần và (trong cõi hồng trần vũ trụ) kiến tạo trong các lĩnh vực của các dĩ thái vũ trụ.

477. The lives animated by radiant energy are Builders within the domain of the second aspect, and, as regards man, build within the realm where solar fire predominates. For man, this is the higher mental plane. Many builders of the human personality are animated by the Ego, the source of radiant energy.

477. Những sự sống được linh hoạt bởi năng lượng bức xạ là các Đấng Kiến Tạo trong lĩnh vực của phương diện thứ hai, và, xét về con người, kiến tạo trong lĩnh vực nơi Lửa Thái dương chiếm ưu thế. Đối với con người, đây là Cõi thượng trí. Nhiều đấng kiến tạo của phàm ngã con người được linh hoạt bởi Chân ngã, nguồn của năng lượng bức xạ.

478. Within the realm of matter/substance, are lives animated by atomic energy. These are the blind, substantial lives, the “building

478. Trong lĩnh vực của vật chất/chất liệu, có những sự sống được linh hoạt bởi năng lượng nguyên tử. Đây là những sự sống mù

essence" which is mounded by the two higher groups of lives.

quáng, có chất thể, "tinh chất kiến tạo" được hai nhóm sự sống cao hơn vun đắp nên.

479. We are examining the dynamic energy of Spirit; the radiant energy of soul; the atomic energy of matter. These are the three great divisions to be kept in mind as we attempt to understand the macrocosm and microcosm.

479. Chúng ta đang khảo sát năng lượng động lực của tinh thần; năng lượng bức xạ của linh hồn; năng lượng nguyên tử của vật chất. Đây là ba phân chia lớn cần được ghi nhớ khi chúng ta cố gắng thấu hiểu đại thiên địa và tiểu thiên địa.

These again are the sumtotal of the three fires, electric fire, solar fire and fire by friction.

Đến lượt chúng, những điều này lại là tổng số của ba ngọn lửa, Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát.

480. Another name for dynamic energy is electric fire. There are many dynamic lives within the realm of electric fire.

480. Một tên gọi khác của năng lượng động lực là Lửa Điện. Có nhiều sự sống động lực trong lĩnh vực của Lửa Điện.

481. Another name for radiant energy is solar fire. There are many radiant live with the realm of solar fire.

481. Một tên gọi khác của năng lượng bức xạ là Lửa Thái dương. Có nhiều sự sống bức xạ trong lĩnh vực của Lửa Thái dương.

482. Another name for atomic energy is fire by friction. There are many atomically vivified lives within the realm of fire by friction.

482. Một tên gọi khác của năng lượng nguyên tử là Lửa ma sát. Có nhiều sự sống được tiếp sinh lực theo lối nguyên tử trong lĩnh vực của Lửa ma sát.

In terms of the cosmic [Page 947] physical plane, the correspondence to the systemic plane can be seen in the following tabulation:

Xét theo cõi hồng trần vũ trụ, sự tương ứng với cõi hệ mặt trời có thể được thấy trong bảng sau:[Page 947]

483. Important and thought provoking correspondences.

483. Những tương ứng quan trọng và gợi nhiều suy nghĩ.

484. From the systemic perspective and that of the systemic physical plane, dynamic energy is found on the atomic subplane of the etheric-physical plane; radiant energy upon the lower three ethers of the systemic physical plane; atomic energy upon the three dense levels of the systemic physical plane.

484. Từ viễn cảnh hệ mặt trời và của cõi hồng trần hệ mặt trời, năng lượng động lực được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của cõi dĩ thái-hồng trần; năng lượng bức xạ trên ba dĩ thái thấp của cõi hồng trần hệ mặt trời; năng lượng nguyên tử trên ba cấp độ đậm đặc của cõi hồng trần hệ mặt trời.

485. If we take the macrocosmic correspondence and consider the cosmic physical plane as a whole, we have that which is given below.

485. Nếu chúng ta lấy sự tương ứng đại thiên địa và xem xét toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ, chúng ta có điều được nêu dưới đây.

1. Dynamic energy...electric fire.....atomic subplane. First etheric substance. Plane adi.

1. Năng lượng động lực...Lửa Điện.....cõi phụ nguyên tử. Chất liệu dĩ thái thứ nhất. Cõi adi.

2. Radiant energy...solar fire.....three cosmic etheric levels. Logoic etheric body.

2. Năng lượng bức xạ...Lửa Thái dương.....ba cấp độ dĩ thái vũ trụ. Thể dĩ thái của Thượng đế.

3. Atomic energy...fire by friction...three planes of the three worlds. Logoic dense vehicle.

3. Năng lượng nguyên tử...Lửa ma sát...ba cõi của ba cõi giới. Vận cụ đậm đặc của Thượng đế.

486. The true home of electric fire (as far as the cosmic physical plane is concerned) is not *all* the cosmic etheric planes—rather, most focally, the plane of adi.

486. Quê hương đích thực của Lửa Điện (xét theo cõi hồng trần vũ trụ) không phải là *toàn bộ* các cõi dĩ thái vũ trụ—mà đúng hơn, tập trung nhất là cõi adi.

487. First etheric substance is cosmic-physical "monadic essence".

487. Chất liệu dĩ thái thứ nhất là "tinh chất chân thần" của cõi hồng trần-vũ trụ.

488. Radiant energy is not confined to the domain of solar fire as the average disciple or aspirant experiences it, but expresses through the three lower cosmic ethers.

488. Năng lượng bức xạ không bị giới hạn trong lĩnh vực của Lửa Thái dương như đệ tử hay người chí nguyện trung bình kinh nghiệm, mà biểu lộ qua ba dĩ thái vũ trụ thấp hơn.

489. We are reminded that within the realm of Agni (considered as the personality of the Solar Logos) solar fire expresses on the cosmic physical plane through the second, third and fourth ethers.

489. Chúng ta được nhắc rằng trong lĩnh vực của Agni (được xem như phàm ngã của Thái dương Thượng đế), Lửa Thái dương biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ qua dĩ thái thứ hai, thứ ba và thứ tư.

He [Lord Agni] shows forth as solar fire on the second, third and fourth, and as 'fire by friction' on the fifth, sixth and seventh. (TCF 521-522)

Ngài [Lord Agni] biểu lộ như Lửa Thái dương trên thứ hai, thứ ba và thứ tư, và như 'Lửa ma sát' trên thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. (TCF 521-522)

490. As, from the solar-logoic perspective, the three lower cosmic physical subplanes are not principled, they are the natural domain for the expression of the atomic energy of the solar logoic physical body. For the Solar Logos this includes the higher mental plane, though it can be questioned whether this is the case for our Planetary Logos.

490. Vì từ viễn cảnh thái dương-logoic, ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ không có nguyên khí, nên chúng là lĩnh vực tự nhiên cho sự biểu lộ của năng lượng nguyên tử của thể hồng trần thái dương-logoic. Đối với Thái dương Thượng đế, điều này bao gồm Cõi thượng trí, dù có thể đặt câu hỏi liệu điều này có đúng với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hay không.

491. We have probably gathered by examining this chart that our normal human lives are conducted within the realm of "atomic energy" and under the energy of fire by friction. Even what we call solar fire as it expresses through the Ego on the higher mental plane, is from the *solar* perspective, still fire by friction.

491. Có lẽ qua việc khảo sát biểu đồ này, chúng ta đã nhận ra rằng đời sống nhân loại bình thường của chúng ta được tiến hành trong lĩnh vực của "năng lượng nguyên tử" và dưới năng lượng của Lửa ma sát. Ngay cả điều chúng ta gọi là Lửa Thái dương khi nó biểu lộ qua Chân ngã trên Cõi thượng trí, thì từ viễn cảnh *thái dương* vẫn là Lửa ma sát.

492. From this perspective, we only begin to experience true solar fire once we are polarized on the fourth cosmic ether, the buddhic plane.

492. Từ viễn cảnh này, chúng ta chỉ bắt đầu kinh nghiệm Lửa Thái dương đích thực một khi chúng ta phân cực trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề.

Each plane will be found to reflect this order in an interesting manner.

Mỗi cõi sẽ được thấy là phản chiếu trật tự này theo một cách thú vị.

493. We can work out these correspondences, and no doubt, in the new esoteric schools of the future, it will be done as part of normal class work.

493. Chúng ta có thể triển khai những tương ứng này, và chắc chắn trong các trường nội môn mới của tương lai, điều đó sẽ được thực hiện như một phần của công việc lớp học bình thường.

S8S3

TCF 948-958

13 – 28 November 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB

TCF 947-958

13 – 28 tháng Mười Một 2008

(Phần lớn bản văn của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và

Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

tham chiếu từ những sách AAB khác và từ những trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì tính liên tục. Khi việc phân tích bản văn được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

III. MAN AS A CREATOR IN MENTAL MATTER

III. CON NGƯỜI NHƯ MỘT ĐẤNG SÁNG TẠO TRONG CHẤT LIỆU TRÍ TUỆ

1. The Creation of Thought Forms.

1. Sự Tạo Thành Các Hình Tư Tưởng.

The subject we are now to deal with cannot be handled too explicitly on account of the attendant dangers.

Chủ đề mà giờ đây chúng ta phải bàn đến không thể được xử lý quá minh bạch vì những nguy hiểm đi kèm.

1. We are entering the study of the magical work. If thoughtforms can be easily materialized, the quality of the thoughtforms had better be constructive.

1. Chúng ta đang đi vào việc nghiên cứu công việc huyền thuật. Nếu các hình tư tưởng có thể dễ dàng hiện hình, thì phẩm tính của các hình tư tưởng ấy tốt hơn hết phải có tính xây dựng.

In the creative processes man is dealing with electrical phenomena of some kind,

Trong các tiến trình sáng tạo, con người đang xử lý những hiện tượng điện thuộc một loại nào đó,

2. Electrical phenomena on all three levels of the three lower worlds…

2. Những hiện tượng điện trên cả ba cấp độ của ba cõi thấp…

3. All acts of aggregation and de-aggregation are, at root, electrical.

3. Mọi hành vi kết tụ và tan rã kết tụ, về căn bản, đều là điện.

with that which is vitally affected by each thought emanating from him,

với điều bị ảnh hưởng một cách thiết yếu bởi mỗi tư tưởng phát ra từ y,

4. Namely, the mental field and by extension, all the lower energy fields.

4. Tức là trường trí tuệ và, theo sự mở rộng, mọi trường năng lượng thấp hơn.

and with those lesser lives who (aggregated together) form, from certain angles of vision, a source of very real danger to man.

và với những sự sống nhỏ hơn ấy, những sự sống mà (khi kết tụ lại với nhau) từ một số góc độ tầm nhìn tạo thành một nguồn nguy hiểm rất thực đối với con người.

5. The magician can suffocate, drown or burn—each of these undesirable outcomes having a very specific meaning in the world of occultism.

5. Nhà huyền thuật có thể bị ngạt, chết đuối hoặc bị thiêu cháy—mỗi kết quả không mong muốn này đều có một ý nghĩa rất đặc thù trong thế giới huyền bí học.

We might embody that which can be said in certain statements.

Chúng ta có thể bao hàm điều có thể được nói trong một số phát biểu nhất định.

a. Much that is to be seen now of a distressing nature in the world can be directly traced to the wrong manipulation of mental matter by man;

a. Nhiều điều hiện nay có thể thấy trong thế giới với bản chất đau buồn có thể được truy nguyên trực tiếp đến sự thao túng sai lầm chất liệu trí tuệ của con người;

6. It is difficult for man (esoterically uninformed as he is) to take responsibility for the quality of his thoughts.

6. Con người rất khó chịu trách nhiệm về phẩm tính của các tư tưởng của mình, vì y không được thông tin về huyền bí học.

7. Evil thought creates evil circumstance.

7. Tư tưởng xấu tạo ra hoàn cảnh xấu.

to erroneous conceptions as to the nature of matter itself, and to dangerous conditions brought about by the united creative attempts of human beings down the centuries.

đến những quan niệm sai lầm về bản chất của chính vật chất, và đến những điều kiện nguy hiểm do những nỗ lực sáng tạo hợp nhất của con người qua các thế kỷ gây ra.

8. For the sake of impact let us list the causes of distress and danger:

8. Để tạo tác động, chúng ta hãy liệt kê những nguyên nhân của đau khổ và nguy hiểm:

a. The wrong manipulation of mental matter. This occurs under the influence of glamor and illusion. Modern man is largely kama-manasic and cannot think clearly.

a. Sự thao túng sai lầm chất liệu trí tuệ. Điều này xảy ra dưới ảnh hưởng của ảo cảm và ảo tưởng. Con người hiện đại phần lớn là trí-cảm và không thể suy nghĩ rõ ràng.

b. Erroneous conceptions regarding the nature of matter

b. Những quan niệm sai lầm liên quan đến bản chất của vật chất

c. United creative attempts (down the centuries) which have been misguided or misdirected.

c. Những nỗ lực sáng tạo hợp nhất (trải qua nhiều thế kỷ) đã bị dẫn dắt sai lầm hoặc định hướng sai.

Misunderstandings have arisen as to **the purpose of the vital fluids of the universe** and this has added to the distress, as have certain distortions of the astral light, **producing a subsidiary or secondary glamour**, or reflected [Page 948] light which intensifies the maya already created.

Những sự hiểu lầm đã phát sinh liên quan đến **mục đích của các lưu chất thiết yếu của vũ trụ** và điều này đã làm tăng thêm sự khốn khó, cũng như một số sự bóp méo của ánh sáng cảm dục, **tạo ra một ảo cảm phụ thuộc hay thứ yếu**, hay ánh sáng [Page 948] phản chiếu làm tăng cường ảo lực đã được tạo ra từ trước.

9. We are looking at the united effect of illusion, glamor and maya.

9. Chúng ta đang xem xét hiệu quả hợp nhất của ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực.

10. The vital fluids of the universe are, in this context, *etheric* in nature and misunderstanding concerning them produces maya.

10. Các lưu chất thiết yếu của vũ trụ, trong ngữ cảnh này, có bản chất *dĩ thái* và sự hiểu lầm liên quan đến chúng tạo ra ảo lực.

11. Distortions of the astral light (glamor is equivalent to distortion) occur in relation to the astral plane.

11. Những sự bóp méo của ánh sáng cảm dục (ảo cảm tương đương với sự bóp méo) xảy ra trong liên hệ với cõi cảm dục.

12. Misunderstanding of the vital fluids has created a maya (which seems to be called a kind of glamor here) and the further distortion of the astral light produces an additional glamor which DK calls “a subsidiary or secondary glamor”.

12. Sự hiểu lầm về các lưu chất thiết yếu đã tạo ra một ảo lực (ở đây dường như được gọi là một loại ảo cảm) và sự bóp méo thêm nữa của ánh sáng cảm dục tạo ra một ảo cảm bổ sung mà Chân sư DK gọi là “một ảo cảm phụ thuộc hay thứ yếu”.

13. Man is often ignorant of what sorts of forms shall be vitalized by the vital fluids of the universe. That which should not be vitalized is vitalized and that which should be vitalized is not.

13. Con người thường không biết những loại hình tướng nào sẽ được các lưu chất thiết yếu của vũ trụ tiếp sinh lực. Điều không nên được tiếp sinh lực thì lại được tiếp sinh lực, còn điều nên được tiếp sinh lực thì lại không được.

This **secondary reflection** has been produced by man himself in the evolutionary attempt to balance the pairs of opposites,

Sự **phản chiếu thứ yếu** này đã được chính con người tạo ra trong nỗ lực tiến hoá nhằm quân bình các cặp đối cực,

14. Man has to come to terms with the great pairs of opposites which confront all who live upon and within the planet.

14. Con người phải đi đến chỗ xử lý được những cặp đối cực lớn lao đối diện với tất cả những ai sống trên và trong hành tinh này.

15. If values were true and just, essentially spiritual and in line with the great Law, then the pairs of opposites could be balanced without the production of the "secondary reflection" or the "secondary glamour". But the desire nature of man has been misguided (and still, largely, is). This being the case, when man attempts to handle Spirit and Matter, soul and personality, good and evil, high and low, progressive and regressive, the group and the individual, etc. etc., he chooses wrongly and does not give each of the opposites its proper due nor does he put them in their proper place. He does not see or understand them in *just relation.* Hence, the glamor.

15. Nếu các giá trị là chân thực và công chính, về bản chất là tinh thần và phù hợp với Định luật vĩ đại, thì các cặp đối cực có thể được quân bình mà không tạo ra "sự phản chiếu thứ yếu" hay "ảo cảm thứ yếu". Nhưng bản chất dục vọng của con người đã bị dẫn dắt sai lầm (và phần lớn vẫn còn như vậy). Vì thế, khi con người cố xử lý Tinh thần và vật chất, linh hồn và phàm ngã, thiện và ác, cao và thấp, tiến bộ và thoái bộ, nhóm và cá nhân, v.v., y chọn sai và không dành cho mỗi cực đối lập phần thích đáng của nó, cũng không đặt chúng vào đúng vị trí của chúng. Y không nhìn thấy hay thấu hiểu chúng trong *mối tương quan công chính.* Do đó, ảo cảm phát sinh.

and has produced a condition **which must be surmounted before the true occult balancing begins.**

và đã tạo ra một tình trạng **phải được vượt qua trước khi sự quân bình huyền bí chân chính bắt đầu.**

16. More enlightened individuals can approach the rectification of imbalances in an intelligent manner. The average human being is not ready for such "occult balancing". He must simply purify and refine his desire nature.

16. Những cá nhân được soi sáng hơn có thể tiếp cận việc điều chỉnh các mất quân bình một cách thông minh. Con người trung bình chưa sẵn sàng cho sự "quân bình huyền bí" như thế. Y chỉ đơn giản phải thanh lọc và tinh luyện bản chất dục vọng của mình.

17. As well, there are many factors of a hidden nature which must be balanced, eventually. First, however, the more obvious pairs of opposites must be balanced.

17. Ngoài ra, còn có nhiều yếu tố có bản chất ẩn kín mà rốt cuộc cũng phải được quân bình. Tuy nhiên, trước hết, những cặp đối cực hiển nhiên hơn phải được quân bình.

It might be regarded as the sumtotal of that great manifestation (created only by man) called "The Dweller on the Threshold."

Nó có thể được xem như tổng thể của biểu hiện lớn lao ấy (chỉ do con người tạo ra) được gọi là "Kẻ Chận Ngõ".

18. DK seems to be speaking of the "secondary reflection" and calls this creation "The Dweller on the Threshold".'

18. Ở đây Chân sư DK dường như đang nói về "sự phản chiếu thứ yếu" và gọi sáng tạo này là "Kẻ Chận Ngõ".

19. The general problem, we see, is *mis-creation.* The word "miscreant" suggests this.

19. Như chúng ta thấy, vấn đề tổng quát là *sáng tạo sai lầm.* Từ "miscreant" gợi ý điều này.

One of the greatest impediments upon the Path of Return and one for which man is distinctly responsible within occult limits are those **animated forms** which he has produced ever since the middle of the Atlantean root race when the mind factor began slowly to assume increasing importance.

Một trong những chướng ngại lớn nhất trên Con Đường Trở Về, và là điều mà con người rõ ràng phải chịu trách nhiệm trong những giới hạn huyền bí, là những **hình tướng được hoạt hóa** mà y đã tạo ra kể từ giữa giống dân gốc Atlantis khi yếu tố trí tuệ bắt đầu chậm rãi đảm nhận tầm quan trọng ngày càng tăng.

20. Here DK is, in other words, describing "The Dweller on the Threshold"

20. Nói cách khác, ở đây Chân sư DK đang mô tả "Kẻ Chận Ngõ".

21. While this creation was driven by glamor and maya, it required the use of the mind—the *incorrect* use.

21. Dù sáng tạo này được thúc đẩy bởi ảo cảm và ảo lực, nó vẫn đòi hỏi việc sử dụng trí tuệ—một sự sử dụng *sai lầm.*

22. We note that the evil forms created are "animated forms"—they have been endowed with livingness and activity.

22. Chúng ta lưu ý rằng những hình tướng xấu ác được tạo ra là "những hình tướng được hoạt hóa"—chúng đã được ban cho sự sống động và hoạt động.

23. We also note that the production of the "Dweller" dates from the *middle* of the Atlantean rootrace, presumably from the time of the fourth sub-race when the greatest of the Atlantean wars was fought. It is also possible that the latter part of the third sub-race could be considered the "middle" of the Atlantean root race.

23. Chúng ta cũng lưu ý rằng việc tạo ra "Kẻ Chận Ngõ" có từ *giữa* giống dân gốc Atlantis, có lẽ từ thời giống dân phụ thứ tư khi cuộc chiến lớn nhất của Atlantis đã diễn ra. Cũng có thể phần sau của giống dân phụ thứ ba được xem là "giữa" của giống dân gốc Atlantis.

24. Man is responsible for the production of this phantasm, but only "within occult limits". This means that other agencies were also responsible for its production and maintenance.

24. Con người chịu trách nhiệm về việc tạo ra bóng ma này, nhưng chỉ "trong những giới hạn huyền bí". Điều này có nghĩa là những tác nhân khác cũng chịu trách nhiệm về việc tạo ra và duy trì nó.

The selfishness, the sordid motives, the prompt response to evil impulses for which the human race has been distinguished **has brought about a condition of affairs unparalleled in the system**.

Sự ích kỷ, những động cơ bỉ ổi, sự đáp ứng mau lẹ đối với các xung lực xấu ác mà nhân loại đã nổi bật vì chúng **đã đưa đến một tình trạng chưa từng có trong hệ thống này**.

25. This is a most sobering thought and suggests the extent of the danger in which humanity presently finds itself. Today we are closer to this danger than ever before and its outline is clearly to be seen.

25. Đây là một ý nghĩ hết sức nghiêm khắc và gợi ra mức độ nguy hiểm mà nhân loại hiện đang thấy mình ở trong đó. Ngày nay chúng ta gần với mối nguy này hơn bao giờ hết và đường nét của nó có thể được thấy rõ.

26. From the planetary perspective, we are the "sick man" of the solar system.

26. Từ quan điểm hành tinh, chúng ta là "người bệnh" của hệ mặt trời.

A gigantic thought form hovers over the entire human family, built by men everywhere during the ages,

Một Hình tư tưởng khổng lồ lơ lửng trên toàn thể gia đình nhân loại, được con người ở khắp nơi xây dựng qua các thời đại,

27. It is evident, then, that we *all* are responsible for building this thoughtform.

27. Rõ ràng là tất cả chúng ta *đều* chịu trách nhiệm xây dựng hình tư tưởng này.

energised by the **insane desires** and **evil inclinations** of all that is worst in man's nature, and kept alive by the promptings of his lower desires.

được tiếp năng lượng bởi những **dục vọng điên loạn** và những **khuynh hướng xấu ác** của tất cả những gì tồi tệ nhất trong bản chất con người, và được duy trì sự sống bởi những thôi thúc của các dục vọng thấp của y.

28. The Tibetan paints a very ugly picture of the origin of this thoughtform. It can be questioned whether humanity is (even at this time) truly sane in its psychological nature. Surely there have times when it was not. Yet we have been told that "The heart of man is sound, but oft asleep." (EP II 158)

28. Chân sư Tây Tạng vẽ nên một bức tranh rất xấu xí về nguồn gốc của hình tư tưởng này. Có thể đặt câu hỏi liệu nhân loại có thực sự tỉnh trí trong bản chất tâm lý của mình hay không (ngay cả vào lúc này). Chắc chắn đã có những thời kỳ khi điều đó không đúng. Tuy vậy, chúng ta đã được bảo rằng "Trái tim

con người lành mạnh, nhưng thường ngủ quên." (EP II 158)

29. That which is worst in human nature is truly horrific and it has not yet been purged.

29. Điều tồi tệ nhất trong bản chất con người thật sự kinh khủng và vẫn chưa được thanh trừ.

30. The important thing to notice is that desire is a *feeding* faculty. If men did not desire or 'love' the kind of thing this thoughtform promises to deliver, the thoughtform could not survive.

30. Điều quan trọng cần lưu ý là dục vọng là một năng lực *nuôi dưỡng*. Nếu con người không dục vọng hay "yêu thích" loại điều mà hình tư tưởng này hứa hẹn mang lại, thì hình tư tưởng ấy không thể tồn tại.

This thought form has to be broken up

Hình tư tưởng này phải bị phá vỡ

31. The first and fifth rays are required for this breaking up.

31. Cung một và cung năm là cần thiết cho sự phá vỡ này.

and dissipated by man himself **during the latter part of this round** before the conclusion of the cycle,

và bị làm tiêu tan bởi chính con người **trong phần sau của cuộc tuần hoàn này** trước khi chu kỳ kết thúc,

32. This may mean the fourth round of *this* chain, but might it also mean the fourth *scheme round*?

32. Điều này có thể có nghĩa là cuộc tuần hoàn thứ tư của *dãy này*, nhưng liệu nó cũng có thể có nghĩa là *cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh thứ tư* chăng?

33. If DK is speaking only of the chain round, then the thoughtform should be dissipated during the sixth and seventh rootraces of this world period, unless he is looking towards future globe period of this round for its dissipation, for we are only in the fourth globe of the present fourth chain round.

33. Nếu Chân sư DK chỉ nói về cuộc tuần hoàn của dãy, thì hình tư tưởng này phải được làm tiêu tan trong giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy của thời kỳ thế giới này, trừ phi ông đang hướng đến một thời kỳ bầu hành tinh tương lai của cuộc tuần hoàn này để nó được làm tiêu tan, vì hiện nay chúng ta chỉ đang ở bầu hành tinh thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ tư hiện tại của dãy thứ tư.

34. With respect to that the Black Lodge will not be defeated until the fifth round, presumably at the "Judgment Day".

34. Về phương diện đó, Hắc đoàn sẽ không bị đánh bại cho đến cuộc tuần hoàn thứ năm, có lẽ vào "Ngày Phán Xét".

and its dissipation will be one of the forces tending to the production of **interplanetary pralaya**.

35. We can understand the nature if *planetary* pralaya, but what is "interplanetary pralaya"?

36. Is DK calling our globe a planet and suggesting that the pralaya of our globe will occur giving way to emphasis upon the fifth globe?

37. Or might He be speaking of the pralaya of our chain before emphasis upon the fifth chain?

38. The term "planet" is one of those blinding terms which can mean a globe, a chain or an entire planetary scheme.

It is this piece of creative bungling, if so it might be called, which the Great Ones are occupied in destroying.

39. What we may assume is that the "Dweller on the Threshold" is no part of the Divine Plan and was never meant to be.

40. It is interesting to note that the Great Ones are also involved in the destruction of this thoughtform. The responsibility also belongs to man, but the Great Ones are lending their assistance in a manner sanctioned by occult law.

Under the Law of Karma it has to be dissipated by those who have created it;

và sự làm tiêu tan nó sẽ là một trong những mãnh lực có khuynh hướng đưa đến việc tạo ra **Giai kỳ qui nguyên liên hành tinh**.

35. Chúng ta có thể hiểu bản chất của giai kỳ qui nguyên *hành tinh*, nhưng "giai kỳ qui nguyên liên hành tinh" là gì?

36. Phải chăng Chân sư DK đang gọi bầu hành tinh của chúng ta là một hành tinh và gợi ý rằng giai kỳ qui nguyên của bầu hành tinh chúng ta sẽ xảy ra để nhường chỗ cho sự nhấn mạnh vào bầu hành tinh thứ năm?

37. Hay Ngài có thể đang nói về giai kỳ qui nguyên của dãy chúng ta trước khi sự nhấn mạnh chuyển sang dãy thứ năm?

38. Thuật ngữ "hành tinh" là một trong những thuật ngữ gây mù lòa có thể có nghĩa là một bầu hành tinh, một dãy hay toàn bộ một hệ hành tinh.

Chính mảnh vụn của sự vụng về sáng tạo này, nếu có thể gọi như vậy, là điều mà Các Đấng Cao Cả đang bận tâm hủy diệt.

39. Điều chúng ta có thể giả định là "Kẻ Chận Ngõ" không phải là phần nào của Thiên Cơ và chưa bao giờ được dự định là như vậy.

40. Thật thú vị khi lưu ý rằng Các Đấng Cao Cả cũng tham gia vào việc hủy diệt hình tư tưởng này. Trách nhiệm cũng thuộc về con người, nhưng Các Đấng Cao Cả đang trợ giúp theo một cách được quy luật huyền bí chuẩn thuận.

Theo Định luật Nghiệp quả, nó phải được làm tiêu tan bởi những kẻ đã tạo ra nó;

41. In the Universe all creators are responsible for their creations. This could be another way of stating the Law of Karma. If you created it, you have to deal with its effects.

41. Trong vũ trụ, mọi đấng sáng tạo đều chịu trách nhiệm về những sáng tạo của mình. Đây có thể là một cách khác để phát biểu Định luật Nghiệp quả. Nếu các bạn tạo ra nó, các bạn phải xử lý các hậu quả của nó.

42. Yet, the Great Ones are assisting—however indirectly.

42. Tuy nhiên, Các Đấng Cao Cả đang trợ giúp—dù là gián tiếp.

the work of the Masters has to be carried on, therefore, indirectly, and must take the form of illuminating the sons of men in gradually increasing degree, so that they can see clearly this **"Dweller on the Threshold" of the new life,** and the antagonist who stands between the fourth kingdom of nature and the fifth.

do đó, công việc của các Chân sư phải được tiến hành một cách gián tiếp, và phải mang hình thức soi sáng những người con của nhân loại ở mức độ tăng dần, để họ có thể thấy rõ **"Kẻ Chận Ngõ" của đời sống mới này,** và kẻ đối kháng đứng giữa giới thứ tư của bản chất và giới thứ năm.

43. DK is explaining why the Masters may not dissipate the thoughtform themselves. They *could* of course, but under Law, they are not allowed to do so.

43. Chân sư DK đang giải thích vì sao các Chân sư không thể tự mình làm tiêu tan hình tư tưởng ấy. Dĩ nhiên Các Ngài *có thể*, nhưng theo Định luật, Các Ngài không được phép làm như vậy.

44. DK offers a further definition of the "Dweller"—it dwells on the threshold of new life. It stands between the fourth and fifth kingdom of nature, and prevents passage from the lower to the higher kingdom. This is why it must be dissipated.

44. Chân sư DK đưa ra một định nghĩa thêm về "Kẻ Chận Ngõ"—nó cư ngụ trên ngưỡng cửa của đời sống mới. Nó đứng giữa giới thứ tư và giới thứ năm của bản chất, và ngăn cản sự đi qua từ giới thấp lên giới cao. Đây là lý do nó phải được làm tiêu tan.

Every time a son of man stands upon the Probationary Path [Page 949] Their work is facilitated,

Mỗi khi một người con của nhân loại đứng trên Con Đường Dự Bị [Page 949] thì công việc của Các Ngài được tạo thuận lợi,

45. It is, then, the objective of the Spiritual Hierarchy to lead human beings towards the Path of Probation. At such a time a man becomes, to a degree, spiritually self-directing, having thrown the weight of his life energy on the side of the good.

45. Như vậy, mục tiêu của Thánh đoàn tinh thần là dẫn dắt con người tiến về Con Đường Dự Bị. Vào lúc ấy, một người trở nên, ở một mức độ nào đó, tự định hướng về mặt tinh thần, vì đã đặt trọng lượng năng lượng sự sống của mình về phía điều thiện.

for it means that one small stream of life-energy is directed into new channels, and away from the old stream,

vì điều đó có nghĩa là một dòng nhỏ năng lượng sự sống được hướng vào những kênh mới, và rời khỏi dòng cũ,

46. And this is the case even though vacillation and relapses may from time to time occur.

46. Và điều này đúng ngay cả khi sự dao động và những lần tái sa ngã đôi khi vẫn có thể xảy ra.

which tends to vitalise and feed the evil form, and **one more *conscious* assailant** can be trained to co-operate in the work of destruction.

dòng cũ vốn có khuynh hướng tiếp sinh lực và nuôi dưỡng hình tướng xấu ác, và **thêm một *kẻ tấn công* hữu thức** nữa có thể được huấn luyện để hợp tác trong công việc hủy diệt.

47. What a dramatic way of describing one who treads the Path of Probation!—a "*conscious* assailant", and we note that the word "conscious" is italicized!

47. Thật là một cách mô tả đầy kịch tính về người bước trên Con Đường Dự Bị!—một "kẻ tấn công *hữu thức*", và chúng ta lưu ý rằng từ "hữu thức" được in nghiêng!

48. Those who tread the Path of Probation have adjusted their sense of values to reflect reality—at least to some measure.

48. Những ai bước trên Con Đường Dự Bị đã điều chỉnh ý thức về giá trị của mình để phản ánh thực tại—ít nhất ở một mức độ nào đó.

49. What this means is that every probationary disciple is, to a greater or lesser extent, deliberately wielding the spiritual forces of destruction against maya, glamour and illusion.

49. Điều này có nghĩa là mọi đệ tử dự bị, ở mức độ nhiều hay ít, đều đang cố ý vận dụng các mãnh lực tinh thần của sự hủy diệt chống lại ảo lực, ảo cảm và ảo tưởng.

Every time an initiate is admitted to the Lodge degrees,

Mỗi khi một điểm đạo đồ được thừa nhận vào các cấp bậc của Thánh đoàn,

50. We may assume that Master DK is referencing principally the true initiate of the third degree, because, while an initiate of the first degree is a *new* agent, he is not yet a *powerful* agent in the spiritual work.

50. Chúng ta có thể giả định rằng Chân sư DK chủ yếu đang nói đến điểm đạo đồ chân chính của cấp thứ ba, bởi vì dù một điểm đạo đồ của cấp thứ nhất là một tác nhân *mới*, y vẫn chưa phải là một tác nhân *mạnh mẽ* trong công việc tinh thần.

51. Yet, the "Lodge degrees" include the first and second degrees as well as the third and those beyond.

51. Tuy nhiên, "các cấp bậc của Thánh đoàn" cũng bao gồm cấp thứ nhất và thứ hai cũng như cấp thứ ba và những cấp vượt lên trên.

it means that a new and powerful agent is available for the bringing down of force from higher levels to aid in the work of disintegration.

điều đó có nghĩa là một tác nhân mới và mạnh mẽ hiện có sẵn để đưa mãnh lực từ các cấp độ cao xuống nhằm trợ giúp công việc phân rã.

52. Further, an initiate of the third degree will necessarily be more powerful than an initiate or the first or second degrees because he has made conscious contact with the Monad and thus with the first aspect of divinity. For this reason the work of disintegration could be carried on effectively.

52. Hơn nữa, một điểm đạo đồ của cấp thứ ba tất yếu sẽ mạnh mẽ hơn một điểm đạo đồ của cấp thứ nhất hay thứ hai vì y đã tiếp xúc hữu thức với chân thần và do đó với phương diện thứ nhất của thiên tính. Vì lý do này, công việc phân rã có thể được tiến hành một cách hữu hiệu.

In the comprehension of these two methods of aggressive work (that of the aspirant and the initiate)

Trong sự thấu hiểu hai phương pháp công việc tấn công này (của người chí nguyện và của điểm đạo đồ)

53. In a way, initiates of the first and second degrees are still "aspirant(s)" to the state of consciousness of the true initiate of the third degree.

53. Theo một nghĩa nào đó, các điểm đạo đồ của cấp thứ nhất và thứ hai vẫn còn là những "người chí nguyện" hướng đến trạng thái tâm thức của điểm đạo đồ chân chính cấp thứ ba.

54. That "aggressive work" is involved signals the need for the spiritual use of the planet Mars, a planet of great importance at the first three initiations in which the sign Scorpio is prominent.

54. Việc có "công việc tấn công" liên quan báo hiệu nhu cầu sử dụng tinh thần của hành tinh Sao Hỏa, một hành tinh rất quan trọng trong ba lần điểm đạo đầu tiên, trong đó dấu hiệu hoàng đạo Hổ Cáp nổi bật.

55. We note that the term "disciple" is not used—only the terms "aspirant" and "initiate". May this mean that until one is a true initiate, one is considered an "aspirant". It is the task of Master DK to train "aspirants" for initiation, and this training extended to training for the third degree.

55. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ "đệ tử" không được dùng—chỉ có các thuật ngữ "người chí nguyện" và "điểm đạo đồ". Điều này có thể có nghĩa rằng cho đến khi một người là điểm đạo đồ chân chính, người ấy vẫn được xem là một "người chí nguyện". Nhiệm vụ của Chân sư DK là huấn luyện các "người chí nguyện" cho điểm đạo, và sự

huấn luyện này mở rộng đến việc huấn luyện cho cấp thứ ba.

will come much of vital interest to the **careful student of analogy**.

sẽ đem lại nhiều điều có lợi ích thiết yếu cho **đạo sinh cẩn trọng của định luật tương đồng**.

56. This is an interesting phrase—"the careful students of analogy". Usually analogy is seen as a method of interpretation, but the method, itself, can be studied and its use improved.

56. Đây là một cụm từ thú vị—"những đạo sinh cẩn trọng của định luật tương đồng". Thông thường, tương đồng được xem như một phương pháp diễn giải, nhưng chính phương pháp ấy cũng có thể được nghiên cứu và việc sử dụng nó có thể được cải thiện.

57. We may infer that the aspirant when assailing the "Dweller" is more prompted by the *desire* to do so. The initiate is increasingly prompted by the *will.*

57. Chúng ta có thể suy ra rằng người chí nguyện khi tấn công "Kẻ Chận Ngõ" được thúc đẩy nhiều hơn bởi *dục vọng* muốn làm như vậy. Điểm đạo đồ ngày càng được thúc đẩy bởi *ý chí.*

Here lies the clue to the present problem of evil, and to the vitality of the hold which the matter aspect has on the spiritual.

Chính ở đây có đầu mối cho vấn đề ác hiện nay, và cho sức sống của sự kềm giữ mà phương diện vật chất có trên phương diện tinh thần.

58. DK is summarising. Every human being must, at length, remove himself from the habitual inclinations which support the sustainment and growth of evil. Every man removed from his previous evil inclinations signifies a tiny victory for the Forces of Light.

58. Chân sư DK đang tóm lược. Mỗi con người rốt cuộc phải tự tách mình ra khỏi những khuynh hướng quen thuộc vốn hỗ trợ cho sự duy trì và tăng trưởng của điều ác. Mỗi người rời bỏ các khuynh hướng xấu ác trước kia của mình đều biểu thị một chiến thắng nhỏ cho các Mãnh Lực của Ánh Sáng.

59. The hold of matter upon the Spirit is still far from negated.

59. Sự kềm giữ của vật chất đối với Tinh thần vẫn còn rất xa mới bị phủ định.

This gigantic thought form, the product of man's ignorance and selfishness, is kept alive and vitalised in three ways:

Hình tư tưởng khổng lồ này, sản phẩm của sự vô minh và ích kỷ của con người, được duy trì sự sống và tiếp sinh lực theo ba cách:

60. Two factors—ignorance and selfishness—have produced the gigantic "Dweller on the Threshold" which hovers over humanity.

60. Hai yếu tố—vô minh và ích kỷ—đã tạo ra "Kẻ Chận Ngõ" khổng lồ lơ lửng trên nhân

At least this is the case where man, per se, is concerned.

First, by the aggregate of the evil desires, wicked intentions, and selfish purposes of each individual man. Every wrong thought, **when embodied in speech or manifested in action** on the physical plane, goes to swell the proportions of this evil entity.

61. DK is realistic in realizing that man cannot avoid wrong thoughts. It is the rendering of these wrong thoughts into speech and action on the physical plane which swells the proportions of "this giant evil entity":

62. Let us list the factors involved in the vitalizing this giant "Dweller"

a. Evil desires

b. Wicked intentions

c. Selfish purposes

d. Wrong thoughts (especially when rendered into speech and action, thus becoming wrong speech and wrong action).

63. It is clear that one must dismiss wrong thoughts, warding them off if they seek entry. If they enter, they must be expelled. They cannot be entertained or nurtured.

Second, by the fostering care of the brothers of the shadow, and those representatives of what may be called "cosmic evil" who (under the karma of the fourth or human family, in this fourth round), assume stupendous

loại. Ít nhất đây là trường hợp khi đề cập đến chính con người.

Thứ nhất, bởi tổng số những dục vọng xấu ác, những ý định độc ác, và những mục đích ích kỷ của mỗi cá nhân. Mọi tư tưởng sai lầm, **khi được thể hiện thành lời nói hoặc biểu lộ thành hành động** trên cõi hồng trần, đều làm phình to kích thước của thực thể xấu ác này.

61. Chân sư DK thực tế khi nhận ra rằng con người không thể tránh khỏi những tư tưởng sai lầm. Chính việc chuyển những tư tưởng sai lầm này thành lời nói và hành động trên cõi hồng trần làm phình to kích thước của "thực thể xấu ác khổng lồ này":

62. Hãy liệt kê các yếu tố liên quan đến việc tiếp sinh lực cho "Kẻ Chận Ngõ" khổng lồ này

a. Những dục vọng xấu ác

b. Những ý định độc ác

c. Những mục đích ích kỷ

d. Những tư tưởng sai lầm (đặc biệt khi được chuyển thành lời nói và hành động, do đó trở thành lời nói sai lầm và hành động sai lầm).

63. Rõ ràng là người ta phải gạt bỏ những tư tưởng sai lầm, ngăn chúng lại nếu chúng tìm cách xâm nhập. Nếu chúng đã vào, chúng phải bị trục xuất. Không thể dung dưỡng hay nuôi nấng chúng.

Thứ hai, bởi sự chăm sóc nuôi dưỡng của các huynh đệ bóng tối, và những đại diện của điều có thể được gọi là "ác vũ trụ", những kẻ (dưới nghiệp quả của giới thứ tư hay gia đình nhân loại, trong cuộc tuần hoàn thứ tư này)

responsibilities, make possible the secondary vitalisation of the thought form and produce conditions of such a dire description that under law rapid crystallisation supervenes, and ultimate destruction becomes possible. Students would do well to broaden their concept as to the purpose of evil and the place the evil forces play in the general scheme.

đảm nhận những trách nhiệm to lớn, làm cho sự tiếp sinh lực thứ yếu của hình tư tưởng trở nên khả hữu và tạo ra những điều kiện khủng khiếp đến mức, theo quy luật, sự kết tinh hoá nhanh chóng xảy đến, và sự hủy diệt tối hậu trở nên khả hữu. Đạo sinh nên mở rộng quan niệm của mình về mục đích của điều ác và vị trí mà các mãnh lực ác giữ trong toàn bộ hệ thống.

64. Here we have a profound description of the work of the “brothers of the shadow”: The Black Lodge, functioning largely within the three lower worlds of our solar system, represents “cosmic evil”, even though the true sources of cosmic evil is upon the cosmic planes.

64. Ở đây chúng ta có một mô tả sâu sắc về công việc của “các huynh đệ bóng tối”: Hắc đoàn, hoạt động phần lớn trong ba cõi thấp của hệ mặt trời chúng ta, đại diện cho “ác vũ trụ”, dù những nguồn gốc thực sự của ác vũ trụ nằm trên các cõi vũ trụ.

65. It would seem that the karma of the fourth kingdom has called them in. A choice must be made between cosmic good and cosmic evil and that choice is presented when the fourth period of seven is reached.

65. Dường như nghiệp quả của giới thứ tư đã gọi họ vào. Một sự lựa chọn phải được thực hiện giữa thiện vũ trụ và ác vũ trụ, và sự lựa chọn ấy được trình ra khi thời kỳ thứ tư trong bảy được đạt đến.

66. The idea that the members of the Black Lodge “assume tremendous responsibilities” is a most interesting one. Usually those who assume responsibilities are performing some good act or service. The implication is that these representatives of evil have a purpose within the general scheme and that good will come out of evil. Yet, for all that, it does not seem that the deliberate embrace of cosmic evil by human beings in this series of solar system was ever a necessity.

66. Ý tưởng rằng các thành viên của Hắc đoàn “đảm nhận những trách nhiệm to lớn” là một điều rất thú vị. Thông thường, những ai đảm nhận trách nhiệm là đang thực hiện một hành vi tốt hay một sự phụng sự nào đó. Hàm ý ở đây là những đại diện của điều ác này có một mục đích trong toàn bộ hệ thống và điều thiện sẽ phát sinh từ điều ác. Tuy nhiên, dù vậy, dường như việc con người cố ý ôm lấy ác vũ trụ trong loạt hệ mặt trời này chưa bao giờ là một điều cần thiết.

67. DK may be differentiating the "brothers of the shadow" from representatives of “cosmic evil”. Perhaps these “representatives” are still more evil than the "brothers of the shadow". In any case, the "brothers of the shadow" fall under the influence of true "cosmic evil".

67. Chân sư DK có thể đang phân biệt "các huynh đệ bóng tối" với những đại diện của “ác vũ trụ”. Có lẽ những “đại diện” này còn ác hơn cả "các huynh đệ bóng tối". Dù sao đi nữa, "các huynh đệ bóng tối" vẫn nằm dưới ảnh hưởng của “ác vũ trụ” đích thực.

68. In any case, the effect of these "brothers of the shadow" is dire, calamitous and leads to their crystallization and destruction. They cannot escape the working of the Law which requires their ultimate undoing.

68. Trong mọi trường hợp, tác động của những "huynh đệ bóng tối" này là thảm khốc, tai họa và dẫn đến sự kết tinh hóa và hủy diệt của chính họ. Họ không thể thoát khỏi sự vận hành của Định luật vốn đòi hỏi sự tiêu vong tối hậu của họ.

69. DK is linking the "brothers of the shadow" to the tendency towards crystallization and destruction of that which must be destroyed. It would seem that they somehow contribute to the hastening of the destruction of that which must be destroyed.

69. Chân sư DK đang nối kết "các huynh đệ bóng tối" với khuynh hướng đi đến kết tinh hóa và hủy diệt của điều phải bị hủy diệt. Dường như bằng cách nào đó họ góp phần thúc đẩy nhanh sự hủy diệt của điều phải bị hủy diệt.

70. DK invites us to contemplate the purpose and place of evil in the general scheme. It would seem that ignorance produces much that must be destroyed and that the effects of conscious evil hastens this destruction.

70. Chân sư DK mời gọi chúng ta chiêm ngưỡng mục đích và vị trí của điều ác trong toàn bộ hệ thống. Dường như vô minh tạo ra nhiều điều phải bị hủy diệt, và các tác động của điều ác hữu thức làm tăng tốc sự hủy diệt này.

71. The primary vitalization of the great thoughtform is the responsibility of man. The secondary vitalization is in the 'care' of the "brothers of the shadow".

71. Sự tiếp sinh lực sơ cấp của hình tư tưởng lớn là trách nhiệm của con người. Sự tiếp sinh lực thứ yếu nằm trong sự "chăm sóc" của "các huynh đệ bóng tối".

Third, by the energy still extant and the vibration still to be felt which is **the persistence of force from [Page 950] an earlier solar system**, and an emanation from that which is no longer considered in this solar system to be a principle.

Thứ ba, bởi năng lượng vẫn còn tồn tại và rung động vẫn còn có thể cảm nhận được, vốn là **sự tồn lưu của mãnh lực từ [Page 950] một hệ mặt trời trước đây**, và là một phát xạ từ điều mà trong hệ mặt trời này không còn được xem là một nguyên khí nữa.

72. There is one other factor which tends to keep this gigantic thoughtform alive.

72. Còn một yếu tố khác có khuynh hướng giữ cho hình tư tưởng khổng lồ này sống còn.

73. The influence of the first solar system, expressed through the dense material vehicle of the Solar Logos and Planetary Logoi, also sustains this thoughtform. This type of energy-force has nothing really to do

73. Ảnh hưởng của hệ mặt trời thứ nhất, được biểu lộ qua vận cụ vật chất đậm đặc của Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế, cũng duy trì hình tư tưởng này. Loại năng lượng-mãnh lực này thực sự

with the spiritual objectives of our present solar system. It is from the past and of the past, and tends to work against that which the Solar Logos seeks to evolve in the present solar system.

không liên quan gì đến các mục tiêu tinh thần của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta. Nó đến từ quá khứ và thuộc về quá khứ, và có khuynh hướng hoạt động chống lại điều mà Thái dương Thượng đế tìm cách tiến hoá trong hệ mặt trời hiện tại.

74. As the energy of dense physical matter (and etheric subplane the matter of the densest three etheric subplanes) weakens, the hold which the gigantic "Dweller" has over humanity will also weaken.

74. Khi năng lượng của vật chất hồng trần đậm đặc (và vật chất cõi phụ dĩ thái của ba cõi phụ dĩ thái đậm đặc nhất) suy yếu, sự kềm giữ mà "Kẻ Chận Ngõ" khổng lồ có trên nhân loại cũng sẽ suy yếu.

75. The implications for man is that he must subdue the influence of his dense physical body and, thus, succeed in overcoming the grossest aspects of materialism in his life.

75. Hàm ý đối với con người là y phải chế ngự ảnh hưởng của thể xác đậm đặc của mình và nhờ đó thành công trong việc vượt qua những phương diện thô nặng nhất của chủ nghĩa vật chất trong đời sống của y.

76. Let us tabulate the three factors which sustain the gigantic, nefarious thoughtform called the "Dweller on the Threshold":

76. Hãy lập bảng ba yếu tố duy trì hình tư tưởng khổng lồ, hiểm ác được gọi là "Kẻ Chận Ngõ":

a. Human ignorance

a. Sự vô minh của con người

b. The fostering care of the "brothers of the shadow"

b. Sự chăm sóc nuôi dưỡng của "các huynh đệ bóng tối"

c. The ancient vibration originating in the previous solar system

c. Rung động cổ xưa bắt nguồn từ hệ mặt trời trước

These three factors are the main ones to be considered by the Great Ones in Their work of enabling men to break loose from the influence of this self-imposed form, to destroy that which they have themselves constructed, and to shake themselves free from the illusion cast by the persistent vampire which they have nourished and strengthened for millennia of years.

Ba yếu tố này là những yếu tố chính mà Các Đấng Cao Cả phải xem xét trong công việc của Các Ngài nhằm giúp con người thoát khỏi ảnh hưởng của hình tướng do chính mình áp đặt này, hủy diệt điều mà chính họ đã xây dựng, và tự giải thoát khỏi ảo tưởng do con ma cà rồng dai dẳng này phủ xuống mà họ đã nuôi dưỡng và làm mạnh thêm suốt hàng ngàn năm.

77. Chân sư DK dùng những từ ngữ đầy kịch tính để nói về những hành động phải được

77. DK uses dramatic words to speak of the actions which must be taken both by the Spiritual Hierarchy and by man.

78. Man must "break loose", "destroy", shake free of the "persistent vampire" whose very existence means for them spiritual devitalization.

79. Can we see how the first ray potencies of Pluto, Saturn and Uranus can be employed in this act of liberation?

80. Think of your own life. By what means have you attempted to break free of your own small self-created vampire, and to what degree have you succeeded? It is a formidable and unavoidable task.

81. Interesting descriptions are used. The vampire casts illusion. Thus, the vampire not only *is* illusion (and glamor) but affects thought and perception in such a way as to *cast* illusion, just as a shadow is cast.

This work of destruction the Great Ones are bringing about in four main ways:

82. We have seen the cause of the great thoughtform and what sustains it, and also our obligation in breaking free from it as we tread the various sections of the Path.

83. There follows a description of how the Great Ones seek to destroy the thoughtform remembering that the Great Ones are not allowed to attack the thoughtform *directly*

thực hiện bởi cả Thánh đoàn tinh thần lẫn con người.

78. Con người phải "thoát ra", "hủy diệt", tự giải thoát khỏi "con ma cà rồng dai dẳng" mà chính sự tồn tại của nó có nghĩa là sự mất sinh lực tinh thần đối với họ.

79. Chúng ta có thể thấy những tiềm lực cung một của Sao Diêm Vương, Sao Thổ và Sao Thiên Vương có thể được sử dụng như thế nào trong hành động giải thoát này chăng?

80. Hãy nghĩ đến đời sống của chính các bạn. Bằng những phương tiện nào các bạn đã cố gắng giải thoát khỏi con ma cà rồng nhỏ do chính mình tạo ra, và các bạn đã thành công đến mức nào? Đó là một nhiệm vụ đáng sợ và không thể tránh khỏi.

81. Những mô tả thú vị được sử dụng ở đây. Con ma cà rồng phủ xuống ảo tưởng. Vì vậy, con ma cà rồng không chỉ *là* ảo tưởng (và ảo cảm) mà còn tác động lên tư tưởng và tri giác theo cách *phủ xuống* ảo tưởng, giống như một cái bóng được phủ xuống.

Công việc hủy diệt này đang được Các Đấng Cao Cả thực hiện theo bốn cách chính:

82. Chúng ta đã thấy nguyên nhân của hình tư tưởng lớn, điều duy trì nó, và cả nghĩa vụ của chúng ta trong việc thoát khỏi nó khi bước trên các chặng khác nhau của Con Đường.

83. Tiếp theo là mô tả về cách Các Đấng Cao Cả tìm cách hủy diệt hình tư tưởng này, đồng thời nhớ rằng Các Đấng Cao Cả không được phép tấn công hình tư tưởng ấy *trực*

as its destruction is the responsibility of those who created it.

(1) By the strength of Their united thoughts and meditations.

84. Attack is made through thought and meditation. This way is open to us as well.

85. When fighting that which is subjective or, at least, subtle, the methods used must be subjective or subtle.

(2) By the work of the Hierarchy **in training and teaching individuals, who thus break away from blind group activity, and become conscious centres of force and co-operators in the work of destruction.** This work has to be carried on from mental levels. Hence the training of disciples to meditate and work in mental matter.

86. Disciples are, essentially, "warriors".

87. The task of training for discipleship becomes, we see, of very great importance. It may seem like more or less an academic discipline to some, but it is so much more than this.

88. We see how important is the attainment of mental polarization, far more difficult to achieve than the words themselves indicate to most who consider them.

89. Just as individualizing souls must break away from the group soul, so must conscious disciples break away from "blind

tiếp vì việc hủy diệt nó là trách nhiệm của những kẻ đã tạo ra nó.

(1) Bằng sức mạnh của những tư tưởng và sự tham thiền hợp nhất của Các Ngài.

84. Sự tấn công được thực hiện qua tư tưởng và tham thiền. Con đường này cũng mở ra cho chúng ta.

85. Khi chiến đấu với điều gì đó có tính chủ quan hoặc ít nhất là vi tế, thì những phương pháp được sử dụng cũng phải có tính chủ quan hoặc vi tế.

(2) Bằng công việc của Thánh đoàn **trong việc huấn luyện và giảng dạy các cá nhân, nhờ đó họ tách ra khỏi hoạt động nhóm mù quáng, và trở thành những trung tâm mãnh lực hữu thức cùng những người hợp tác trong công việc hủy diệt.** Công việc này phải được tiến hành từ các cấp độ trí tuệ. Vì thế mới có việc huấn luyện các đệ tử tham thiền và làm việc trong chất liệu trí tuệ.

86. Về bản chất, các đệ tử là những "chiến binh".

87. Như chúng ta thấy, nhiệm vụ huấn luyện cho địa vị đệ tử trở nên cực kỳ quan trọng. Đối với một số người, nó có thể dường như ít nhiều chỉ là một kỷ luật học thuật, nhưng nó còn hơn thế rất nhiều.

88. Chúng ta thấy việc đạt được sự phân cực trí tuệ quan trọng biết bao, và điều này khó đạt được hơn rất nhiều so với điều mà chính những lời ấy gợi ra đối với đa số những ai suy xét về chúng.

89. Cũng như các linh hồn đang biệt ngã hóa phải tách khỏi Hồn nhóm, thì các đệ tử hữu thức cũng phải tách khỏi "hoạt động nhóm

group activity", which we may call the "mass consciousness".

mù quáng", điều mà chúng ta có thể gọi là "tâm thức quần chúng".

90. We must remember that only the mentally focused (and, even better, mentally *polarized*) individual can fight this battle, carrying on he work of destruction from mental levels.

90. Chúng ta phải nhớ rằng chỉ cá nhân có tập trung trí tuệ (và, còn tốt hơn nữa, được *phân cực* trí tuệ) mới có thể chiến đấu trận chiến này, tiếp tục công việc hủy diệt từ các cấp độ trí tuệ.

91. This is an argument to put before those who do not want to engage in the labor of achieving mental polarization.

91. Đây là một luận điểm cần được trình bày trước những ai không muốn dấn thân vào công lao đạt đến sự phân cực trí tuệ.

(3) By the use of certain mantrams and words which bring in interplanetary force of the fourth order.

(3) Bằng cách sử dụng một số mantram và những lời nói nhất định đem vào mãnh lực liên hành tinh thuộc bậc

92. We may assume that interplanetary force of the *fourth* order is to be involved because we are working within the fourth planetary scheme, in its fourth scheme round, and within the fourth chain experiencing its fourth chain round, and, further, upon the fourth globe.

92. Chúng ta có thể giả định rằng mãnh lực liên hành tinh thuộc bậc *thứ tư* được liên hệ đến, bởi vì chúng ta đang hoạt động trong hệ hành tinh thứ tư, trong cuộc tuần hoàn của hệ thứ tư, và trong dãy thứ tư đang trải qua cuộc tuần hoàn của dãy thứ tư, và hơn nữa, trên bầu hành tinh thứ tư.

93. Such force seems to be existent *between* planetary schemes or, at the very least, between planetary chains.

93. Mãnh lực như thế dường như hiện hữu *giữa* các hệ hành tinh hoặc, ít nhất, giữa các dãy hành tinh.

94. Such mantrams and words of power are beyond the ken of average well-intended disciples, but the closer comes their affiliation with the Hierarchy, the more such mantrams will be made available to them.

94. Những mantram và Quyền năng từ như thế vượt ngoài tầm hiểu biết của các đệ tử trung bình đầy thiện chí, nhưng sự liên kết của họ với Thánh Đoàn càng đến gần bao nhiêu thì những mantram ấy càng được trao cho họ bấy nhiêu.

95. Are we to assume that "interplanetary force of the fourth order" is *buddhic?* We must remember that it is buddhic or intuitional force which dispels illusion.

95. Chúng ta có nên giả định rằng "mãnh lực liên hành tinh thuộc bậc thứ tư" là *Bồ đề chăng?* Chúng ta phải nhớ rằng chính mãnh lực Bồ đề hay trực giác làm tan biến ảo tưởng.

This force is then directed towards this distorted creation of the fourth Creative Hierarchy (the fourth or human kingdom) and tends to augment the work of destruction.

Mãnh lực này khi ấy được hướng về sáng tạo méo mó này của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư (giới thứ tư hay giới nhân loại) và có khuynh hướng tăng cường công việc hủy diệt.

96. Force may be invoked, but how will it be directed? Here we are told that that which is invoked through the use of appropriate mantrams and words is directed towards the gigantic "Dweller".

96. Mãnh lực có thể được khẩn cầu, nhưng nó sẽ được hướng dẫn như thế nào? Ở đây chúng ta được cho biết rằng điều được khẩn cầu qua việc sử dụng các mantram và lời nói thích hợp được hướng về "Kẻ Chận Ngõ" khổng lồ.

97. Who performs this act of directing? Very high initiates, it seems.

97. Ai thực hiện hành vi hướng dẫn này? Dường như là các điểm đạo đồ rất cao cấp.

Much of this work is carried on by the Nirmanakayas.

Phần lớn công việc này được các Nirmanakaya đảm trách.

98. Nirmanakayas are initiates of the sixth degree, minimally. The work of directing this force must be very responsible if it requires such high agencies to be involved.

98. Các Nirmanakaya tối thiểu là các điểm đạo đồ cấp sáu. Công việc hướng dẫn mãnh lực này hẳn phải vô cùng hệ trọng nếu nó đòi hỏi những tác nhân cao như thế tham dự.

99. We can see that this third method of destruction is highly occult in nature as is the next.

99. Chúng ta có thể thấy rằng phương pháp hủy diệt thứ ba này có bản chất rất huyền bí, cũng như phương pháp kế tiếp.

(4) By stimulating the egoic bodies of men so that the solar Angels may carry on with greater precision and force their conflict with the lunar gods.

(4) Bằng cách kích thích các thể chân ngã của con người để các Thái dương Thiên Thần có thể tiếp tục với sự chính xác và mãnh lực lớn hơn trong cuộc xung đột của các ngài với các nguyệt thần.

100. This is a divine and necessary conflict. The battle is always on, but the Solar Angels fight it scientifically. As the Masters and other Members of the Spiritual Hierarchy stimulate the egoic bodies of men, the Solar Pitris who substand the egoic lotus are strengthened to better and more precisely perform their scientific warfare.

100. Đây là một cuộc xung đột thiêng liêng và cần thiết. Trận chiến luôn diễn ra, nhưng các Thái dương Thiên Thần chiến đấu một cách khoa học. Khi các Chân sư và những Thành viên khác của Thánh đoàn tinh thần kích thích các thể chân ngã của con người, các thái dương tổ phụ nâng đỡ hoa sen chân ngã được tăng cường để thực hiện cuộc

chiến khoa học của mình tốt hơn và chính xác hơn.

This is the true war in heaven.

Đây là cuộc chiến chân thực trên thiên giới.

101. This "war" has been described in various ways, microcosmic and macrocosmic. Here we have the microcosmic explanation, but we can imagine that there is also a battle royal occurring between the cosmic Solar Angels and the cosmic lunar lords.

101. "Cuộc chiến" này đã được mô tả theo nhiều cách khác nhau, ở cấp tiểu thiên địa và đại thiên địa. Ở đây chúng ta có lời giải thích ở cấp tiểu thiên địa, nhưng chúng ta có thể hình dung rằng cũng có một trận chiến vĩ đại đang diễn ra giữa các Thái dương Thiên Thần vũ trụ và các nguyệt tinh quân vũ trụ.

As the solar Gods[87] descend ever [Page 951] nearer to the physical plane, and in their descent assume a steadily increasing control of the lunar natures, the thoughts and desires of men are consequently purified and refined.

Khi các Thượng đế Thái dương87 giáng xuống ngày càng [Page 951] gần cõi hồng trần hơn, và trong sự giáng xuống của mình, đảm nhận một sự kiểm soát ngày càng gia tăng đối với các bản chất nguyệt tính, thì các tư tưởng và dục vọng của con người do đó được thanh lọc và tinh luyện.

102. In a way, the Solar Angels descend no lower than the higher mental plane, and yet their influence extends through the various lower vehicles as the man works upon the purification of those vehicles. The descent of influence is, itself, a means of purification.

102. Theo một cách nào đó, các Thái dương Thiên Thần không giáng xuống thấp hơn cõi thượng trí, tuy nhiên ảnh hưởng của các ngài vẫn lan qua các vận cụ thấp khác nhau khi con người nỗ lực thanh lọc các vận cụ ấy. Chính sự giáng xuống của ảnh hưởng này tự nó là một phương tiện thanh lọc.

The solar fires put out the lunar light, and the lower nature is eventually purified and transmuted.

Các lửa thái dương dập tắt ánh sáng nguyệt tính, và bản chất thấp cuối cùng được thanh lọc và chuyển hoá.

103. The Solar Angels are animated by solar fire and the lunar angels by fire by friction. The lesser light is "put out" by the greater. The lunar vehicles shine, eventually by reflected light, the solar light of the Solar Angels.

103. Các Thái dương Thiên Thần được linh hoạt bởi Lửa Thái dương còn các thiên thần nguyệt tính bởi Lửa ma sát. Ánh sáng nhỏ hơn bị "dập tắt" bởi ánh sáng lớn hơn. Các vận cụ nguyệt tính cuối cùng chiếu sáng bằng ánh sáng phản chiếu, tức ánh sáng thái dương của các Thái dương Thiên Thần.

In time the solar Angels blaze forth in all their glory through the medium of the lower

Theo thời gian, các Thái dương Thiên Thần bừng cháy trong toàn bộ vinh quang của các

nature on the physical plane, that lower nature providing fuel to the flames.

ngài qua trung gian của bản chất thấp trên cõi hồng trần, và bản chất thấp ấy cung cấp nhiên liệu cho ngọn lửa.

104. The lower nature provides the three or four “wicks” for the solar flame.

104. Bản chất thấp cung cấp ba hay bốn “tim đèn” cho ngọn lửa thái dương.

105. It is interesting to note that this blaze of glory will occur “on the physical plane”. This will take place, presumably, through the etheric body which, in a way, reflects the egoic body.

105. Điều đáng chú ý là sự bừng cháy vinh quang này sẽ xảy ra “trên cõi hồng trần”. Điều này có lẽ sẽ diễn ra qua thể dĩ thái, vốn theo một nghĩa nào đó phản chiếu thể chân ngã.

The hated "Dweller on the Threshold" thus gradually dies for lack of sustenance, and disintegrates for lack of vitality, and man is set free.

Kẻ Chận Ngõ bị căm ghét như thế dần dần chết đi vì thiếu sự nuôi dưỡng, và tan rã vì thiếu sinh lực, và con người được giải thoát.

106. The mode of attack upon the "Dweller on the Threshold" must be carefully analyzed. One cannot forever use the Martian method although it has some value in the initial stages of confrontation.

106. Phương thức tấn công vào "Kẻ Chận Ngõ" phải được phân tích cẩn thận. Người ta không thể mãi mãi sử dụng phương pháp của Sao Hỏa, dù nó có một số giá trị trong các giai đoạn đầu của sự đối đầu.

107. The power of substitution of a new and vitally absorbing interest contributes to the vitiation of the “Dweller”. Freedom from the “Dweller” occurs through its devitalization.

107. Quyền năng thay thế bằng một mối quan tâm mới và hấp dẫn sinh động góp phần làm suy yếu “Kẻ Chận Ngõ”. Sự giải thoát khỏi “Kẻ Chận Ngõ” xảy ra qua việc làm mất sinh lực của nó.

108. We note that the "Dweller on the Threshold" is “hated”. One is repelled by the unredeemed past which bars the way to fuller life and consciousness. But hate will not suffice to banish patterns of negative energy. One must *see through* this ancient relic and refuse to be swayed by its promptings.

108. Chúng ta lưu ý rằng "Kẻ Chận Ngõ" bị “căm ghét”. Người ta bị đẩy lùi bởi quá khứ chưa được cứu chuộc, cái chặn lối đến sự sống và tâm thức đầy đủ hơn. Nhưng lòng căm ghét sẽ không đủ để xua tan các mô hình năng lượng tiêu cực. Người ta phải *nhìn thấu* di tích cổ xưa này và từ chối để bị các thúc giục của nó chi phối.

Footnote 87:

Chú thích 87:

The Solar Gods are the "Fallen Angels."—S. D., II, 287.

109. They have fallen from the cosmic etheric planes into the dense physical body of the Solar Logos.

110. There is no opprobrium attached to their "fall". The fall was an act of selfless service.

a. They warm the shadows...the human bodies.

111. Notice that they "warm" the shadows rather than "heat" the shadows. Solar fire conveys *warmth* rather than *heat,* per se.

112. The "human bodies" include all the lunar vehicles.

b. They in their turn are warmed by the Monad, or Atma.—S. D., II, 116, 117, 284.

113. The Solar Pitris within the causal body are animated by the Monad. Atma in this context is not the spiritual will but is related to the Spirit. As the human principle closest to the Monad it is often identified with the major quality of the Monad—that of *will.*

114. The word "warmed", in this context, seems to mean energized or animated.

c. They are the Serpents of Wisdom.—S. D., II, 240.

Các Thượng đế Thái dương là những "Thiên Thần Sa Ngã."—G. L. B. N., II, 287.

109. Các ngài đã sa xuống từ các cõi dĩ thái vũ trụ vào thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

110. Không có sự ô nhục nào gắn với "sự sa xuống" của các ngài. Sự sa xuống ấy là một hành vi phụng sự vô ngã.

a. Các ngài sưởi ấm những chiếc bóng...các thể người.

111. Hãy lưu ý rằng các ngài "sưởi ấm" những chiếc bóng chứ không "làm nóng" những chiếc bóng. Lửa Thái dương truyền đạt *sự ấm áp* hơn là *sức nóng,* chính nó.

112. "Các thể người" bao gồm tất cả các vận cụ nguyệt tính.

b. Đến lượt mình, các ngài được sưởi ấm bởi Chân thần, hay Atma.—G. L. B. N., II, 116, 117, 284.

113. Các thái dương tổ phụ bên trong thể nguyên nhân được linh hoạt bởi chân thần. Atma trong ngữ cảnh này không phải là ý chí tinh thần mà có liên hệ với tinh thần. Là nguyên khí nhân loại gần chân thần nhất, nó thường được đồng nhất với phẩm tính chính yếu của chân thần—đó là *ý chí.*

114. Từ "được sưởi ấm", trong ngữ cảnh này, dường như có nghĩa là được tiếp năng lượng hay được linh hoạt.

c. Các ngài là những Con Rắn Minh Triết.—G. L. B. N., II, 240.

115. It was they who whispered to the more receptive Eve of the possibilities of true knowledge—individualized life.

115. Chính các ngài đã thì thầm với Eve dễ tiếp nhận hơn về những khả năng của tri thức chân thực—sự sống biệt ngã hóa.

d. Their nature is Knowledge and Love.—S. D., II, 527.

d. Bản chất của các ngài là Tri thức và Bác ái. —G. L. B. N., II, 527.

116. Knowledge and love are the qualities of Venus, the planet which most represents their nature.

116. Tri thức và bác ái là những phẩm tính của Sao Kim, hành tinh biểu hiện bản chất của các ngài nhiều nhất.

e. They come in from the cosmic mental plane.—S. D., III, 540.

e. Các ngài đi vào từ cõi trí vũ trụ.—G. L. B. N., III, 540.

117. They are an emanated aspect of the far greater Solar Angels of the cosmic mental plane.

117. Các ngài là một phương diện phát xạ của những Thái dương Thiên Thần vĩ đại hơn rất nhiều trên cõi trí vũ trụ.

118. As they emanate, minimally, from the "Heart of God", they emanate from the causal body of the Solar Logos on the cosmic mental plane.

118. Vì các ngài phát xạ, tối thiểu, từ "Trái Tim của Thượng đế", nên các ngài phát xạ từ thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế trên cõi trí vũ trụ.

The Ego, or Solar Angel is imprisoned.--S. D., I, 621.

Chân ngã, hay Thái dương Thiên Thần, bị giam hãm.--G. L. B. N., I, 621.

119. This seems only true to an extent. It seems that part of their nature is imprisoned within the causal body but only part. A certain part of their nature is free upon the plane which is their own plane—perhaps the buddhic plane. And yet when we think of the true plane of the Solar Angels, we must not forget that they "come in from the cosmic mental plane".

119. Điều này dường như chỉ đúng ở một mức độ nào đó. Có vẻ như một phần bản chất của các ngài bị giam trong thể nguyên nhân nhưng chỉ là một phần mà thôi. Một phần nào đó trong bản chất của các ngài được tự do trên cõi vốn là cõi riêng của các ngài—có lẽ là cõi Bồ đề. Tuy nhiên khi nghĩ đến cõi đích thực của các Thái dương Thiên Thần, chúng ta không được quên rằng các ngài "đi vào từ cõi trí vũ trụ".

120. The extent of the imprisonment (or of the attentiveness required of them) increases as the personality becomes increasingly responsive to the Solar Angel.

120. Mức độ bị giam hãm (hay mức độ chú tâm mà các ngài phải dành ra) gia tăng khi phàm ngã ngày càng đáp ứng với Thái dương Thiên Thần.

121. It seems incorrect to equate the Ego with the Solar Angel in its fulness. The Ego on the higher mental plane is infused by an aspect of the consciousness of the Solar Angel, but the Solar Angel is more than the Ego.

121. Dường như không đúng khi đồng nhất Chân ngã với Thái dương Thiên Thần trong sự viên mãn của nó. Chân ngã trên cõi thượng trí được thấm nhuần bởi một phương diện của tâm thức Thái dương Thiên Thần, nhưng Thái dương Thiên Thần còn hơn cả Chân ngã.

122. When we think of what is stated immediately below, we should have this reservation in mind.

122. Khi nghĩ đến điều được phát biểu ngay bên dưới, chúng ta nên ghi nhớ sự dè dặt này.

a. It has to liberate itself from the thraldom of sensuous perception.

a. Nó phải tự giải thoát khỏi ách nô lệ của tri giác cảm quan.

123. That part of the Ego which is invested in personality consciousness has to liberate itself from the thralldom of sensuous perception, but this is not true of the Solar Angel on its own plane.

123. Phần Chân ngã được đầu tư vào tâm thức phàm ngã phải tự giải thoát khỏi ách nô lệ của tri giác cảm quan, nhưng điều này không đúng đối với Thái dương Thiên Thần trên cõi riêng của nó.

b. It has to see in the light of the one Reality.

b. Nó phải thấy trong ánh sáng của Thực Tại duy nhất.

124. The Solar Angel on its own plane does see in the light of the one Reality, but that part of the Ego which expresses as personality consciousness does not do so until the later initiations are realized.

124. Thái dương Thiên Thần trên cõi riêng của nó quả thật thấy trong ánh sáng của Thực Tại duy nhất, nhưng phần Chân ngã biểu lộ thành tâm thức phàm ngã thì không làm được như vậy cho đến khi các lần điểm đạo sau này được chứng nghiệm.

c. See S. D., II, 578.

c. Xem G. L. B. N., II, 578.

d. To redeem humanity.—S. D., II, 257.

d. Để cứu chuộc nhân loại.—G. L. B. N., II, 257.

125. The human being *is* the Ego. The Ego, per se, does not redeem humanity, but the Solar Angel and Solar Angels (invested within the Ego) do.

125. Con người *là* Chân ngã. Chính Chân ngã không cứu chuộc nhân loại, nhưng Thái dương Thiên Thần và các Thái dương Thiên Thần (được đầu tư trong Chân ngã) thì có.

e. To endow him with human affections and aspirations.—S. D., II, 257.

126. These are the gifts of Venus. The lunar nature, per se, is not endowed with these responses unless properly cultivated by the Solar Angel.

f. They give to men intelligence and consciousness.—S. D., I, 204

127. They give to man *self-conscious* intelligence. Within the lunar vehicles there is already a type of consciousness related to the third aspect of divinity.

b. At present much of the manipulation of mental matter and its direction into forms of some kind or another emanates from lower levels, and is the result of powerful desire based on physical attraction.

128. The magical process is dependent upon thoughtform building. How are these forms presently built? DK is telling us that they are not built from above but most often under the impulsion of lower desire based on physical attraction.

129. In other words, must human beings build thoughts which will fulfill their lower desire nature.

The desire bodies, and not the mental bodies of the majority of men are the most powerful, and set up such a strong vibration (due to the force of two groups of lunar lords) that the third group of lunar entities who construct the mental body **are swept into a willing response**, and the whole threefold lower nature is immediately

e. Để phú cho y những tình cảm và khát vọng nhân loại.—G. L. B. N., II, 257.

126. Đây là những tặng phẩm của Sao Kim. Bản chất nguyệt tính, chính nó, không được phú cho những đáp ứng này trừ phi được Thái dương Thiên Thần vun bồi đúng cách.

f. Các ngài ban cho con người trí thông minh và tâm thức.—G. L. B. N., I, 204

127. Các ngài ban cho con người trí thông minh *tự ý thức*. Bên trong các vận cụ nguyệt tính đã có sẵn một loại tâm thức liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

b. Hiện nay phần lớn sự thao tác chất liệu trí tuệ và việc hướng nó vào các hình tướng thuộc loại này hay loại khác phát ra từ các cấp thấp hơn, và là kết quả của dục vọng mạnh mẽ dựa trên sự hấp dẫn hồng trần.

128. Tiến trình huyền thuật tùy thuộc vào việc xây dựng hình tư tưởng. Hiện nay các hình tướng này được xây dựng như thế nào? Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng chúng không được xây dựng từ trên xuống mà phần lớn dưới sự thúc đẩy của dục vọng thấp dựa trên sự hấp dẫn hồng trần.

129. Nói cách khác, con người phải xây dựng những tư tưởng sẽ thỏa mãn bản chất dục vọng thấp của mình.

Các thể dục vọng, chứ không phải các thể trí của đa số con người, là mạnh mẽ nhất, và tạo nên một rung động mạnh đến mức (do mãnh lực của hai nhóm nguyệt tinh quân) nhóm thực thể nguyệt tính thứ ba xây dựng thể trí **bị cuốn vào một sự đáp ứng sẵn lòng**, và toàn bộ bản chất thấp tam phân lập tức bị

engaged in the dire process of feeding the dreaded "Dweller."

cuốn vào tiến trình nghiệt ngã nuôi dưỡng "Kẻ Chận Ngõ" đáng sợ.

130. There is great clarity in what DK has just stated.

130. Có một sự sáng tỏ lớn lao trong điều Chân sư DK vừa phát biểu.

131. Humanity is not mentally polarized and does not create the majority of its thoughtforms under the influence of the lunar lords of the mental plane.

131. Nhân loại không được phân cực trí tuệ và không tạo ra phần lớn các hình tư tưởng của mình dưới ảnh hưởng của các nguyệt tinh quân của cõi trí.

132. We note that that the lunar lords of the mental plane are “swept into a willing response”. This means that they offer no resistance to the overwhelming power of the lunar lords of the astral plane (who are strengthened by the lunar lords of the systemic physical plane).

132. Chúng ta lưu ý rằng các nguyệt tinh quân của cõi trí “bị cuốn vào một sự đáp ứng sẵn lòng”. Điều này có nghĩa là họ không đưa ra sự kháng cự nào trước quyền năng áp đảo của các nguyệt tinh quân của cõi cảm dục (những vị này được tăng cường bởi các nguyệt tinh quân của cõi hồng trần hệ thống).

133. Under such an influence, the “Dweller” is constantly fed. We gather then, that low desire feeds the “Dweller” and is powerful enough to compel the other two groups of lunar lords to do the same.

133. Dưới ảnh hưởng như thế, “Kẻ Chận Ngõ” liên tục được nuôi dưỡng. Do đó chúng ta hiểu rằng dục vọng thấp nuôi dưỡng “Kẻ Chận Ngõ” và đủ mạnh để buộc hai nhóm nguyệt tinh quân kia cũng làm điều tương tự.

This direction of energy follows the line of least resistance.

Sự định hướng năng lượng này đi theo con đường ít trở ngại nhất.

134. We live in an astral-buddhic solar system, the astral body of which is the most potent vehicle. As well, humanity as a whole is astrally polarized, and this polarization reinforces the triumph of the astral body in the case of the individual human being.

134. Chúng ta sống trong một hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề, mà thể cảm dục của nó là vận cụ mạnh nhất. Hơn nữa, toàn thể nhân loại được phân cực cảm xúc, và sự phân cực này củng cố sự chiến thắng của thể cảm dục trong trường hợp của từng con người cá biệt.

135. The man who deliberately and effectively works as a mentally polarized consciousness is rare at this time in human history.

135. Con người cố ý và hữu hiệu hoạt động như một tâm thức được phân cực trí tuệ là điều hiếm thấy vào thời điểm này trong lịch sử nhân loại.

One of the primary works of the Ego, as we well know, **is to impose a new rhythm upon his shadow and reflection**, the lower man, and it is this imposition which in time deflects energy away from man's distorted creation, [the "Dweller"] and brings his vibration into tune with that of his solar Angel.

Một trong những công việc chính yếu của Chân ngã, như chúng ta đều biết rõ, **là áp đặt một nhịp điệu mới lên chiếc bóng và sự phản chiếu của y**, tức phàm nhân, và chính sự áp đặt này theo thời gian làm lệch hướng năng lượng ra khỏi sáng tạo méo mó của con người, [the "Dweller"] và đưa rung động của y vào sự hòa điệu với rung động của Thái dương Thiên Thần của y.

136. We can see that the Solar Angel opposes the usual lower tendencies of the astral body, but not its aspiration.

136. Chúng ta có thể thấy rằng Thái dương Thiên Thần chống lại các khuynh hướng thấp thông thường của thể cảm dục, nhưng không chống lại khát vọng của nó.

137. From the planetary perspective, Venus is at war with Mars.

137. Từ quan điểm hành tinh, Sao Kim đang chiến tranh với Sao Hỏa.

138. Note carefully that it is the Ego which imposes the new rhythm. The Ego is partly the extension of the Monad and partly the infusion of the Solar Angel.

138. Hãy lưu ý cẩn thận rằng chính Chân ngã áp đặt nhịp điệu mới. Chân ngã một phần là sự mở rộng của chân thần và một phần là sự thấm nhuần của Thái dương Thiên Thần.

139. The Ego's success reconditions the man so that his vibration comes into attunement with his Solar Angel. The Solar Angel is even more than the Ego.

139. Sự thành công của Chân ngã tác động lại lên con người để rung động của y đi vào sự hòa điệu với Thái dương Thiên Thần của y. Thái dương Thiên Thần còn hơn cả Chân ngã.

140. In this important section of text, the Ego is discriminated from the Solar Angel.

140. Trong phần văn bản quan trọng này, Chân ngã được phân biệt với Thái dương Thiên Thần.

The devas who are the sumtotal of the energy of substance itself care not what form they build. They are [Page 952] irresponsibly responsive to energy currents, and theirs is not the problem of dealing with sources of energy.

Các thiên thần là tổng số của chính năng lượng của chất liệu không quan tâm mình xây dựng hình tướng nào. Họ [Page 952] đáp ứng một cách vô trách nhiệm trước các dòng năng lượng, và vấn đề đề cập đến các nguồn năng lượng không phải là vấn đề của họ.

141. When DK speaks of "the energy of substance" He is not speaking only of "building essence", for He speaks of those who "build"—i.e., of the "irresponsibly responsive" builders.

141. Khi Chân sư DK nói về "năng lượng của chất liệu", Ngài không chỉ nói về "tinh chất kiến tạo", vì Ngài nói về những kẻ "xây dựng"—tức những đấng kiến tạo "đáp ứng một cách vô trách nhiệm".

142. It goes without saying that "building essence " cares not what forms it is built into, but also elemental lives of the lower orders—those manipulating devas who are not self-conscious also do not care about what forms they build. They simply follow 'orders'.

142. Không cần phải nói, "tinh chất kiến tạo" không quan tâm nó được xây thành những hình tướng nào, nhưng các sự sống hành khí thuộc các cấp thấp hơn—những thiên thần thao tác không có ngã thức—cũng không quan tâm đến những hình tướng mà họ xây dựng. Họ chỉ đơn giản làm theo 'mệnh lệnh'.

143. When man mindlessly follows orders, he relinquishes his nature as man (the one who, through self-knowledge, rebels) and, instead, falls into the pattern of deva behavior.

143. Khi con người vô tâm thức làm theo mệnh lệnh, y từ bỏ bản chất làm người của mình (kẻ nổi loạn nhờ tự tri) và thay vào đó rơi vào mô hình hành vi của thiên thần.

144. The lower devas, therefore, do not discriminate regarding the source of energy currents which impel them. They simply respond. They have no responsibility for the impulsion of the building process and, therefore, respond irresponsibly.

144. Do đó, các thiên thần thấp không phân biện đối với nguồn gốc của các dòng năng lượng thúc đẩy họ. Họ chỉ đơn giản đáp ứng. Họ không có trách nhiệm đối với sự thúc đẩy của tiến trình xây dựng và vì vậy đáp ứng một cách vô trách nhiệm.

145. The phrase "irresponsibly responsive" is arresting and tells us much about *our* responsibility to the deva kingdom.

145. Cụm từ "đáp ứng một cách vô trách nhiệm" thật đáng chú ý và cho chúng ta biết nhiều điều về *trách nhiệm* của chúng ta đối với giới thiên thần.

Therefore, the place of man in the cosmic plan becomes more vital and apparent when it is realised that **one of his main responsibilities is the direction of energy currents from the mental plane, and the creation of that which is desired on higher levels**.

Do đó, vị trí của con người trong Thiên Cơ vũ trụ trở nên hệ trọng và hiển nhiên hơn khi người ta chứng nghiệm rằng **một trong những trách nhiệm chính của y là hướng dẫn các dòng năng lượng từ cõi trí, và sáng tạo điều được mong muốn trên các cấp cao hơn**.

146. One of the main responsibilities of man is here outlined.

146. Một trong những trách nhiệm chính của con người được phác họa ở đây.

147. Countering the human tendency of astral impulsion, it is the role of the enlightened man to direct energy currents from the mental plane.

147. Để đối kháng với khuynh hướng bị thúc đẩy bởi cảm dục của con người, vai trò của con người giác ngộ là hướng dẫn các dòng năng lượng từ cõi trí.

148. Desire does exist upon the higher planes. God also desires. Such desire, cosmically, emanates from the cosmic astral plane.

148. Dục vọng quả thật hiện hữu trên các cõi cao hơn. Thượng đế cũng mong muốn. Về mặt vũ trụ, dục vọng như thế phát ra từ cõi cảm dục vũ trụ.

149. It is man's task to respond *mentally* and with intelligent directiveness to the desires of the "One in Whom he lives and moves and has his being".

149. Nhiệm vụ của con người là đáp ứng một cách *trí tuệ* và với sự định hướng thông minh đối với những mong muốn của "Đấng mà trong Ngài y sống, vận động và hiện hữu".

150. Man frees himself from the deva kingdom by learning mental polarization and with it, the ability to direct energy currents from the mental plane.

150. Con người tự giải thoát khỏi giới thiên thần bằng cách học sự phân cực trí tuệ và cùng với nó là khả năng hướng dẫn các dòng năng lượng từ cõi trí.

Men, as a whole, are undergoing evolutionary development in order that they may become conscious creators in matter. This involves

Con người, xét như một toàn thể, đang trải qua sự phát triển tiến hoá để có thể trở thành những đấng sáng tạo hữu thức trong vật chất. Điều này bao hàm

151. The human being is meant to be self-consciously creative. We are intended to mirror the creative function of the Planetary Logos.

151. Con người được dự định là sáng tạo một cách tự ý thức. Chúng ta được định để phản chiếu chức năng sáng tạo của Chân Linh Hành Tinh.

152. So far, we are mostly *unconsciously* creative and the products of our creativity is not in line with that which is desired from 'above'.

152. Cho đến nay, phần lớn chúng ta sáng tạo một cách *vô thức* và các sản phẩm của sự sáng tạo của chúng ta không phù hợp với điều được mong muốn từ 'bên trên'.

(1) A realisation of the archetypal plan,

(1) Một sự chứng nghiệm về nguyên mẫu Thiên Cơ,

153. The first expression of the archetypal plan with which we as human beings may

153. Biểu hiện đầu tiên của nguyên mẫu Thiên Cơ mà chúng ta với tư cách con người

be in contact is that which is found upon the higher mental plane.

có thể tiếp xúc là điều được tìm thấy trên cõi thượng trí.

154. As we learn to touch one cosmic ether after another, our apprehension of the archetypal plan grows in clarity and detail.

154. Khi chúng ta học cách chạm đến dĩ thái vũ trụ này đến dĩ thái vũ trụ khác, sự nắm bắt của chúng ta về nguyên mẫu Thiên Cơ tăng trưởng về sự rõ ràng và chi tiết.

155. The ultimate archetypal plane on the cosmic physical plane (that cosmic physical subplane on which the archetypal plan can be known in greatest fulness) is the logoic plane. Of course, there is an "archetypal plan" as it is known on the cosmic mental plane. About such Archetypes we can know absolutely nothing.

155. Cõi nguyên mẫu tối hậu trên cõi hồng trần vũ trụ (cõi phụ hồng trần vũ trụ mà trên đó nguyên mẫu Thiên Cơ có thể được biết trong sự viên mãn lớn nhất) là cõi logoic. Dĩ nhiên, cũng có một "nguyên mẫu Thiên Cơ" như nó được biết trên cõi trí vũ trụ. Về những Nguyên mẫu như thế chúng ta tuyệt đối không thể biết gì cả.

(2) An understanding of the laws governing the building processes of nature,

(2) Một sự thấu hiểu các định luật chi phối các tiến trình kiến tạo của bản chất,

156. One who understands such laws and can execute them is a white magician.

156. Người thấu hiểu các định luật như thế và có thể thực thi chúng là một nhà huyền thuật chánh đạo.

(3) A conscious process of willing creation, so that man co-operates with the ideal, works under law, and produces that which is in line with the planetary plan, and which tends to further the best interests of the race,

(3) Một tiến trình sáng tạo bằng ý chí một cách hữu thức, để con người hợp tác với lý tưởng, hoạt động dưới định luật, và tạo ra điều phù hợp với Thiên Cơ hành tinh, và có khuynh hướng thúc đẩy những lợi ích tốt đẹp nhất của nhân loại,

157. Those who can perform in this manner are members of the Spiritual Hierarchy of our planet.

157. Những ai có thể thực hiện theo cách này là các thành viên của Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta.

158. It is important to note the term "willing creation". In all acts of sanctioned creation the will must be combined with the creative faculties.

158. Điều quan trọng là phải lưu ý thuật ngữ "sáng tạo bằng ý chí". Trong mọi hành vi sáng tạo được chuẩn thuận, ý chí phải được kết hợp với các năng lực sáng tạo.

159. We see that such a man is a spiritual idealist who conforms to spiritual law. He

159. Chúng ta thấy rằng con người như thế là một nhà lý tưởng tinh thần, phù hợp với định luật tinh thần. Y cũng phụng sự Thiên

also serve the Divine Plan as it is expressed upon the cosmic ethers of our planet.

Cơ thiêng liêng như nó được biểu lộ trên các dĩ thái vũ trụ của hành tinh chúng ta.

(4) A comprehension as to the nature of energy, and an ability to direct energy currents, to disintegrate (or withdraw energy from) all forms in the three worlds,

(4) Một sự lĩnh hội về bản chất của năng lượng, và một khả năng hướng dẫn các dòng năng lượng, làm tan rã (hay rút năng lượng khỏi) mọi hình tướng trong ba cõi giới,

160. This is certainly *occult* work. The occultist is one who has mastered energy. This requires the application of the first and fifth rays.

160. Đây chắc chắn là công việc *huyền bí học*. Nhà huyền bí học là người đã làm chủ năng lượng. Điều này đòi hỏi sự vận dụng cung một và cung năm.

161. The human being who has mastered energy must—

161. Con người đã làm chủ năng lượng phải —

a. Direct energy currents

a. Hướng dẫn các dòng năng lượng

b. Withdraw energy from forms in the three worlds

b. Rút năng lượng khỏi các hình tướng trong ba cõi giới

c. Disintegrate forms in the three worlds—through the process of withdrawal

c. Làm tan rã các hình tướng trong ba cõi giới—qua tiến trình rút lui

d. And, presumably, infuse with life energy forms in the three worlds.

d. Và, có lẽ, phú sự sống cho các hình tướng trong ba cõi giới bằng năng lượng sự sống.

162. There is an occult formula here. The one who works to disintegrate form works through the process of withdrawal.

162. Ở đây có một công thức huyền bí. Người hoạt động để làm tan rã hình tướng làm việc qua tiến trình rút lui.

163. This suggests a magnetic ability which serves the process of abstraction. Presumably one can envision embodied energy returning to the source of supply.

163. Điều này gợi ý một khả năng từ tính phục vụ tiến trình trừu xuất. Có lẽ người ta có thể hình dung năng lượng nhập thể quay trở về nguồn cung ứng.

(5) An appreciation of the nature of the devas, their constitution and place as builders, and of the words and sounds whereby they are directed and controlled.

(5) Một sự đánh giá đúng về bản chất của các thiên thần, cấu tạo của họ và vị trí của họ như những đấng kiến tạo, cùng những lời nói và âm thanh nhờ đó họ được hướng dẫn và kiểm soát.

164. In this simple sentence, lifetimes of work are contained. There are many, many varieties of devas, each with their own task. Each type of devic group is controlled by different words and sounds. The learning involved is most exacting. Error cannot be allowed.

164. Trong câu đơn giản này chứa đựng công việc của nhiều kiếp sống. Có rất, rất nhiều loại thiên thần, mỗi loại có nhiệm vụ riêng. Mỗi loại nhóm thiên thần được kiểm soát bởi những lời nói và âm thanh khác nhau. Việc học hỏi liên hệ đến điều này là cực kỳ khắt khe. Không thể cho phép sai lầm.

When the energy currents of the human family are directed from egoic levels only, when desire is transmuted, and the fifth principle awakened and finally illuminated by the sixth, then and only then will the strength of the impulse emanating from lower levels die out and the "Dweller on the Threshold" (who now haunts the human family) likewise die.

Khi các dòng năng lượng của gia đình nhân loại chỉ được hướng dẫn từ các cấp chân ngã, khi dục vọng được chuyển hoá, và nguyên khí thứ năm được thức tỉnh rồi cuối cùng được soi sáng bởi nguyên khí thứ sáu, thì khi ấy và chỉ khi ấy sức mạnh của xung lực phát ra từ các cấp thấp hơn mới tắt dần và "Kẻ Chận Ngõ" (kẻ hiện đang ám ảnh gia đình nhân loại) cũng sẽ chết.

165. The "Dweller on the Threshold" is, indeed, a phantasm as the word “haunts” suggests.

165. "Kẻ Chận Ngõ" quả thật là một bóng ma như từ “ám ảnh” gợi ý.

166. Let us tabulate those conditions necessary for the dying out of the “Dweller”.

166. Chúng ta hãy liệt kê những điều kiện cần thiết cho sự tàn lụi của “Kẻ Chận Ngõ”.

a. Energy currents must be directed from egoic levels only

a. Các dòng năng lượng chỉ phải được hướng dẫn từ các cấp chân ngã

b. Desire must be transmuted

b. Dục vọng phải được chuyển hoá

c. The fifth principle must be awakened

c. Nguyên khí thứ năm phải được thức tỉnh

d. The awakened fifth principle must be illuminated by the sixth (buddhi)

d. Nguyên khí thứ năm đã thức tỉnh phải được soi sáng bởi nguyên khí thứ sáu (Bồ đề)

167. With these requirements fulfilled, lower impulses will die out and the “Dweller” will die of attrition.

167. Khi những yêu cầu này được hoàn tất, các xung lực thấp sẽ tắt dần và “Kẻ Chận Ngõ” sẽ chết vì bị bào mòn.

In other words, when the dense physical body of the planetary Logos (composed of matter of the three worlds of human

Nói cách khác, khi thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế (được cấu thành từ vật chất của ba cõi giới của nỗ lực nhân loại) được

endeavour) is completely purified and vitalised by the force of the life flowing from etheric levels, and when all His centres (formed of human units) are fully awakened,

thanh lọc hoàn toàn và được tiếp sinh lực bởi mãnh lực của sự sống tuôn chảy từ các cấp dĩ thái, và khi tất cả các trung tâm của Ngài (được tạo thành từ các đơn vị nhân loại) được thức tỉnh đầy đủ,

168. The Planetary Logos has various centers on various of the cosmic ethers. The groups of causal bodies on the higher mental plane can also be considered as planetary logoic centers.

168. Hành Tinh Thượng Đế có nhiều trung tâm khác nhau trên nhiều dĩ thái vũ trụ khác nhau. Các nhóm thể nguyên nhân trên cõi thượng trí cũng có thể được xem như những trung tâm logoic hành tinh.

169. There are groupings of human units on planes higher than the higher mental plane as well.

169. Cũng có những nhóm đơn vị nhân loại trên các cõi cao hơn cõi thượng trí nữa.

170. We are speaking of the awakening of the egoic groups on the higher mental plane and, presumably, of the awakening of still higher centers formed of human units.

170. Chúng ta đang nói đến sự thức tỉnh của các nhóm chân ngã trên cõi thượng trí và, có lẽ, của những trung tâm còn cao hơn được tạo thành từ các đơn vị nhân loại.

171. Etheric substitution is necessary to complete the redemptive process which sees the elimination of the "Dweller". The centers of the human being which are found within the dense physical body of the Planetary Logos must be purified and vitalized by the energy flowing in from the planetary logoic centers upon the cosmic ethers and, to a lesser extent, from egoic groups upon the higher mental plane.

171. Sự thay thế dĩ thái là cần thiết để hoàn tất tiến trình cứu chuộc dẫn đến việc loại bỏ "Kẻ Chận Ngõ". Các trung tâm của con người được tìm thấy bên trong thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế phải được thanh lọc và tiếp sinh lực bởi năng lượng tuôn vào từ các trung tâm logoic hành tinh trên các dĩ thái vũ trụ và, ở mức độ thấp hơn, từ các nhóm chân ngã trên cõi thượng trí.

then will [Page 953] those centres be channels for pure force, and such an entity as the "Dweller" be an impossibility.

khi ấy [Page 953] những trung tâm đó sẽ là những kênh dẫn của mãnh lực thuần khiết, và một thực thể như "Kẻ Chận Ngõ" sẽ là điều bất khả.

172. We seem to be speaking of the etheric centers of the Planetary Logos and their purification. Some degree of advancement of the Planetary Logos is necessary before the "Dweller" (found within the dense physical

172. Dường như chúng ta đang nói về các trung tâm dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế và sự thanh lọc của chúng. Một mức độ tiến bộ nào đó của Hành Tinh Thượng Đế là cần thiết trước khi "Kẻ Chận Ngõ" (được tìm thấy

body of the Planetary Logos) can be expiated.

trong thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế) có thể được tẩy trừ.

173. The egoic groups upon the higher mental plane are also centers of force within the Planetary Logos and these centers, too, must be awakened.

173. Các nhóm chân ngã trên cõi thượng trí cũng là những trung tâm mãnh lực bên trong Hành Tinh Thượng Đế và những trung tâm này cũng phải được thức tỉnh.

All that I have here said anent this "Dweller on the Threshold" of the Path between the two great kingdoms, the fourth and the fifth, can be studied by the student with a personal application.

Tất cả những gì tôi đã nói ở đây liên quan đến "Kẻ Chận Ngõ" này của Con Đường giữa hai giới lớn, giới thứ tư và giới thứ năm, đều có thể được đạo sinh nghiên cứu với sự áp dụng cá nhân.

174. Indeed, it *must* be studied in this manner as without many instances of 'personal conquest', the greater "Dweller" cannot be vanquished. Every disciple/ initiate is obliged to conquer his own personal version of the 'Great Impediment" between the fourth and fifth kingdoms.

174. Quả thật, điều đó *phải* được nghiên cứu theo cách này, vì nếu không có nhiều trường hợp 'chiến thắng cá nhân', thì "Kẻ Chận Ngõ" lớn hơn không thể bị đánh bại. Mỗi đệ tử/ điểm đạo đồ đều buộc phải chinh phục phiên bản cá nhân của chính mình về 'Chướng Ngại Lớn' giữa giới thứ tư và giới thứ năm.

Facing each earnest aspirant to the Mysteries is that vitalised form which he has himself constructed and nourished during the course of his previous incarnations, and which **represents the sum total of his evil desires, motives and thoughts**.

Đối diện với mỗi người chí nguyện chân thành bước vào các Huyền Nhiệm là hình tướng được tiếp sinh lực ấy mà chính y đã kiến tạo và nuôi dưỡng trong suốt tiến trình các kiếp sống trước đây của mình, và nó **tiêu biểu cho toàn bộ những ham muốn, động cơ và tư tưởng xấu xa của y**.

175. This is the great sumtotal of negativity we all must confront—individually, and later, when possible, *collectively.*

175. Đây là tổng thể lớn lao của tính tiêu cực mà tất cả chúng ta đều phải đối diện—một cách cá nhân, và về sau, khi có thể, *một cách tập thể.*

176. We pause to realize that each of us has "constructed" and "nourished" a great phantasm which blocks our way. As knowledge of our previous incarnations is clarified, we will see how we have done this. For the moment we have the effect though few of us perceive this effect in its fulness.

176. Chúng ta dừng lại để nhận ra rằng mỗi người chúng ta đã "kiến tạo" và "nuôi dưỡng" một ảo ảnh lớn lao chặn lối đi của mình. Khi tri thức về các kiếp sống trước đây của chúng ta được làm sáng tỏ, chúng ta sẽ thấy mình đã làm điều này như thế nào. Hiện giờ chúng ta có hậu quả ấy, dù ít người

trong chúng ta nhận ra hậu quả này trong toàn bộ mức độ của nó.

177. This thoughtform becomes a deadly opponent every time we seek to penetrate further into the light. It 'kills' the possibility for the higher livingness and consciousness to enter and pervade the lower form.

177. Hình tư tưởng này trở thành một đối thủ chết người mỗi khi chúng ta tìm cách xuyên nhập sâu hơn vào ánh sáng. Nó "giết chết" khả năng để sự sống động và tâm thức cao hơn đi vào và thấm nhuần hình tướng thấp hơn.

For ages it has vampirised him, and for ages it has represented that which he has failed to achieve. It affects not only himself but also all those units whom he contacts and meets.

Trong nhiều thời đại nó đã hút sinh lực của y, và trong nhiều thời đại nó đã tượng trưng cho điều mà y đã không đạt được. Nó không chỉ ảnh hưởng đến chính y mà còn đến tất cả những đơn vị mà y tiếp xúc và gặp gỡ.

178. The description of the activities of the individual "Dweller" is not pleasant. We are told a story of vampirism (of energy theft). The energy we need for achievement is occultly 'stolen' by a grotesque form we ourselves have created.

178. Sự mô tả các hoạt động của "Kẻ Chận Ngõ" cá nhân không dễ chịu chút nào. Chúng ta được kể một câu chuyện về sự hút sinh lực (về sự đánh cắp năng lượng). Năng lượng mà chúng ta cần để thành tựu bị một cách huyền bí "đánh cắp" bởi một hình tướng quái dị do chính chúng ta tạo ra.

179. The individual "Dweller" is also a constant reminder of our failures. This, in itself, is depressing and devitalizing unless faced with the spiritual will.

179. "Kẻ Chận Ngõ" cá nhân cũng là một lời nhắc nhở thường trực về những thất bại của chúng ta. Điều này, tự nó, gây chán nản và làm mất sinh lực trừ khi được đối diện bằng ý chí tinh thần.

180. The individual "Dweller" mars not only the life of the individual human being but has a very negative effect upon all he contacts. Thus, when we fail to conquer our "Dweller", we harm others.

180. "Kẻ Chận Ngõ" cá nhân không chỉ làm tổn hại đời sống của cá nhân con người mà còn có ảnh hưởng rất tiêu cực lên tất cả những ai y tiếp xúc. Vì vậy, khi chúng ta không chinh phục được "Kẻ Chận Ngõ" của mình, chúng ta làm hại người khác.

181. We all must confront this great menace and, truth to tell, most of us have no idea how bad the situation really is. Master DK told some of those who had failed to fulfill the requirements of group life that, while

181. Tất cả chúng ta đều phải đối diện với mối đe dọa lớn lao này và, nói thật ra, phần lớn chúng ta không hề biết tình hình thực sự tệ đến mức nào. Chân sư DK đã nói với một số người đã không hoàn thành các yêu cầu

they knew they had certain problems, they did not know how deep-seated and difficult these problems were.

In its destruction he has to pursue methods similar to those followed by the Great Ones,

182. And this will require approach to the Great Ones, so that Their methods can be learned…

183. The approaches used by the Great Ones in assisting humanity to conquer its "Dweller" are given above.

and through the increasing power of his solar Angel,

184. The Solar Angel is a very powerful being and is *not* the Ego. This is important to note.

through the force of his Ego,

185. The Solar Angel is differentiated from the Ego.

and through a study of law, the knowledge of the power of sound, and the control of speech, he will eventually bring about its disintegration.

186. The methods of destroying the vampire are so important that we must tabulate them:

a. Disintegration by similar methods used by the Great Ones. Briefly—

của đời sống nhóm rằng, dù họ biết mình có những vấn đề nhất định, họ không biết những vấn đề ấy ăn sâu và khó khăn đến mức nào.

Trong việc hủy diệt nó, y phải theo đuổi những phương pháp tương tự như những phương pháp được theo bởi Các Đấng Cao Cả,

182. Và điều này sẽ đòi hỏi phải tiếp cận Các Đấng Cao Cả, để các phương pháp của Các Ngài có thể được học hỏi…

183. Những phương pháp được Các Đấng Cao Cả sử dụng để trợ giúp nhân loại chinh phục "Kẻ Chận Ngõ" của mình đã được nêu ở trên.

và thông qua quyền năng ngày càng tăng của Thái dương Thiên Thần của y,

184. Thái dương Thiên Thần là một hữu thể rất quyền năng và *không* phải là chân ngã. Điều này cần được lưu ý.

thông qua mãnh lực của chân ngã của y,

185. Thái dương Thiên Thần được phân biệt với chân ngã.

và thông qua việc nghiên cứu định luật, tri thức về quyền năng của âm thanh, và sự kiểm soát lời nói, cuối cùng y sẽ mang lại sự tan rã của nó.

186. Các phương pháp hủy diệt kẻ hút sinh lực quan trọng đến mức chúng ta phải lập bảng như sau:

a. Sự tan rã bằng những phương pháp tương tự như các phương pháp được Các Đấng Cao Cả sử dụng. Tóm lại—

i. Through meditation

ii. Through teaching and training

iii. Through mantrams

iv. Through stimulating the Ego

b. Disintegration through the increasing power of the Solar Angel

c. Disintegration through the force of the Ego

d. Disintegration through the power of sound

e. Disintegration through the control of speech

187. It seems particularly important to note the distinction between the Solar Angel and the Ego, as sometimes that distinction is not emphasized and the two terms are used almost interchangeably.

188. The Solar Angel is far greater than the Ego. The Solar Angel *participates* in the consciousness of the Ego, sustaining its integrity.

189. The manner in which the two are listed shows the Solar Angel to be preeminent over the Ego. Even if the Ego were considered to be the spiritual triad, the Solar Angel would still be a far more advanced entity.

The old Commentary says:

i. Thông qua tham thiền

ii. Thông qua giảng dạy và huấn luyện

iii. Thông qua các mantram

iv. Thông qua việc kích thích chân ngã

b. Sự tan rã thông qua quyền năng ngày càng tăng của Thái dương Thiên Thần

c. Sự tan rã thông qua mãnh lực của chân ngã

d. Sự tan rã thông qua quyền năng của âm thanh

e. Sự tan rã thông qua sự kiểm soát lời nói

187. Dường như điều đặc biệt quan trọng là phải lưu ý sự phân biệt giữa Thái dương Thiên Thần và chân ngã, vì đôi khi sự phân biệt ấy không được nhấn mạnh và hai thuật ngữ này được dùng gần như thay thế cho nhau.

188. Thái dương Thiên Thần vĩ đại hơn chân ngã rất nhiều. Thái dương Thiên Thần *tham dự* vào tâm thức của chân ngã, duy trì tính toàn vẹn của nó.

189. Cách mà hai điều này được liệt kê cho thấy Thái dương Thiên Thần nổi trội hơn chân ngã. Ngay cả nếu chân ngã được xem là Tam Nguyên Tinh Thần, thì Thái dương Thiên Thần vẫn sẽ là một thực thể tiến hóa cao hơn rất nhiều.

Cổ Luận nói rằng:

"The solar Angel must put out the light of the lunar angels and then for lack of warmth and light, that which has served to hinder no longer is."

"Thái dương Thiên Thần phải dập tắt ánh sáng của các thái âm thiên thần, rồi vì thiếu hơi ấm và ánh sáng, điều đã từng cản trở sẽ không còn nữa."

190. The warmth and light of the lunar angels are obstructive. They must be removed.

190. Hơi ấm và ánh sáng của các thái âm thiên thần có tính cản trở. Chúng phải được loại bỏ.

191. The Ego also has a part in this process, but it is the presence of the Solar Angel *within* the Ego on the higher mental plane which makes this possible.

191. Chân ngã cũng có phần trong tiến trình này, nhưng chính sự hiện diện của Thái dương Thiên Thần *bên trong* chân ngã trên cõi thượng trí làm cho điều này trở nên khả hữu.

c. As yet but few of the human family work deliberately and consciously in mental matter only. The energy exerted by men is mostly kama-manasic or desire coupled with lower mind, with a preponderance, as might be expected, of desire force.

c. Cho đến nay chỉ có ít người trong gia đình nhân loại làm việc một cách có chủ ý và có ý thức chỉ trong chất liệu trí tuệ mà thôi. Năng lượng do những người nam và nữ vận dụng phần lớn là trí-cảm hay dục vọng kết hợp với hạ trí, với sự trội hơn, như có thể dự đoán, của mãnh lực dục vọng.

192. As we can see this does not represent a very high level of development.

192. Như chúng ta có thể thấy, điều này không biểu thị một cấp độ phát triển thật cao.

193. It appears to be desirable to work consciously is mental matter only or at least to have the capability to do so.

193. Dường như điều đáng mong muốn là làm việc một cách có ý thức chỉ trong chất liệu trí tuệ, hoặc ít nhất là có khả năng làm như vậy.

194. The word “coupled” is of importance, for kama-manas represents the coupling o two functions—the mental and the emotional.

194. Từ “kết hợp” rất quan trọng, vì kama-manas biểu thị sự kết hợp của hai chức năng —trí tuệ và cảm xúc.

This is to be inferred from the second statement.

Điều này được suy ra từ phát biểu thứ hai.

195. So many of humanity’s problems come simply from the relatively low level of

evolution thus far achieved within the human race.

195. Rất nhiều vấn đề của nhân loại đến đơn giản từ cấp độ tiến hoá tương đối thấp mà nhân loại cho đến nay đã đạt được.

196. If the majority of human beings is kama-manasic, that majority cannot yet work strictly in mental matter.

196. Nếu đa số con người là trí-cảm, thì đa số ấy chưa thể làm việc một cách nghiêm ngặt chỉ trong chất liệu trí tuệ.

The whole trend of evolution is to bring about ability to build in mental matter, and two things lie ahead of the race:

Toàn bộ xu hướng của tiến hoá là mang lại khả năng kiến tạo trong chất liệu trí tuệ, và có hai điều ở phía trước nhân loại:

197. This is one of the major goals of the Aryan civilization, which is meant to be a mentally focussed civilization.

197. Đây là một trong những mục tiêu chính của nền văn minh Arya, vốn được dự định là một nền văn minh tập trung trí tuệ.

First. The **gradual dissipation** of the indefinite masses of kama-manasic matter which surround practically every unit of the human family, producing a condition of murkiness and fog within, and around, each aura.

Thứ nhất. Sự **làm tiêu tan dần dần** của những khối chất liệu trí-cảm mơ hồ bao quanh hầu như mọi đơn vị trong gia đình nhân loại, tạo ra một tình trạng u ám và sương mù bên trong và chung quanh mỗi hào quang.

198. Here we have one of those graphic insights into the true condition of the human being. To the true seer, the aura of the average individual must present no pretty picture.

198. Ở đây chúng ta có một trong những cái nhìn sâu sắc đầy hình tượng về tình trạng thực sự của con người. Đối với nhà thông nhãn chân chính, hào quang của cá nhân trung bình hẳn không phải là một bức tranh đẹp.

199. DK is telling us that we, almost inevitably, live within a condition of murkiness and fog. Our attempt to *be clear* is no small matter and the difficulty of the process has a subtle, *material* basis.

199. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng gần như không tránh khỏi, chúng ta sống trong một tình trạng u ám và sương mù. Nỗ lực của chúng ta để *được sáng tỏ* không phải là chuyện nhỏ, và khó khăn của tiến trình này có một cơ *sở vật chất* tinh vi.

Gradually [Page 954] this will clear away, and men will be seen surrounded by clear-cut thought forms, characterised by a distinctive vibration and distinguished by a

Dần dần [Page 954] điều này sẽ được quét sạch, và người ta sẽ thấy những người nam và nữ được bao quanh bởi các hình tư tưởng rõ nét, được đặc trưng bởi một rung động đặc thù và được phân biệt bởi một phẩm

particular quality **incident to a man's ray and therefore to his type of mind.**

200. What is desirable is a clarification of the psycho-mental condition of the race.

201. A seer will be able to 'read' the thoughtforms of the 'clarified' individual and the forms will represent the major rays in expression. Perhaps this is one way that a seer can immediately determine which, in fact, are the major rays—by the form and vibration of the thoughtforms to be found within the aura.

202. We are not necessarily speaking of the ray of the mind, but it becomes apparent that the type of a man's mind is "incident to a man's ray".

Second. The aggregate of human thought forms which now are of a personal character, vibrating around each human being as the planets vibrate around the sun, will tend to approximate a *group* centre.

203. Putting this in other terms, the average human being thinks far too much of himself as an isolated person. This will change as individual consciousness is reconditioned to become *group* consciousness.

204. So, two developments can be expected: the dissipation of auric unclarity in the field of thought, and the reconditioning of human thought through the process of personality decentralization, producing thought induced by a growing group consciousness.

tính đặc biệt **gắn liền với cung của một người và do đó với loại trí tuệ của y.**

200. Điều đáng mong muốn là sự làm sáng tỏ tình trạng tâm lý-trí tuệ của nhân loại.

201. Một nhà thông nhãn sẽ có thể "đọc" các hình tư tưởng của cá nhân đã được "làm sáng tỏ", và các hình tướng ấy sẽ biểu hiện các cung chính đang hoạt động. Có lẽ đây là một cách để một nhà thông nhãn có thể ngay lập tức xác định những cung nào thật sự là các cung chính—qua hình dạng và rung động của các hình tư tưởng được tìm thấy trong hào quang.

202. Chúng ta không nhất thiết đang nói về cung của thể trí, nhưng rõ ràng là loại trí tuệ của một người "gắn liền với cung của người ấy".

Thứ hai. Tổng thể các hình tư tưởng của con người hiện nay có tính cách cá nhân, rung động quanh mỗi con người như các hành tinh rung động quanh mặt trời, sẽ có khuynh hướng tiến gần đến một trung tâm *nhóm*.

203. Nói theo cách khác, con người trung bình nghĩ quá nhiều về chính mình như một cá nhân cô lập. Điều này sẽ thay đổi khi tâm thức cá nhân được tái định hình để trở thành tâm thức *nhóm*.

204. Vì vậy, có thể chờ đợi hai sự phát triển: sự làm tiêu tan tính không sáng tỏ trong hào quang ở lĩnh vực tư tưởng, và sự tái định hình tư tưởng con người thông qua tiến trình phi tập trung vào bản thân của phàm ngã, tạo ra tư tưởng được khơi động bởi một tâm thức nhóm đang tăng trưởng.

Thought energy, which now emanates from each human being as a comparatively weak stream of an indefinite conglomeration of mental matter, of no particular character, forming no particularly distinct forms and persisting in animating those forms for but a brief period, **will be directed towards the creation of that desired by *the group*, and not solely towards that desired by the unit.**

Năng lượng tư tưởng, hiện đang phát ra từ mỗi con người như một dòng tương đối yếu của một sự kết tụ mơ hồ của chất liệu trí tuệ, không có đặc tính riêng biệt nào, không tạo thành những hình tướng thật rõ rệt nào và chỉ tiếp sinh lực cho những hình tướng ấy trong một thời gian ngắn, **sẽ được hướng tới việc sáng tạo điều được *nhóm* mong muốn, chứ không chỉ hướng tới điều đơn vị mong muốn.**

205. The picture presented of the human thinking process is one of weakness and vagueness. For the moment, this conglomeration of amorphous thought is impulsed by personal desire. Later thought will clarify, take more definite form and be impulsed by *group* desire and later, presumably, by group will and intention.

205. Bức tranh được trình bày về tiến trình tư duy của con người là một bức tranh của sự yếu ớt và mơ hồ. Hiện giờ, sự kết tụ của tư tưởng vô định hình này được thúc đẩy bởi dục vọng cá nhân. Về sau tư tưởng sẽ sáng tỏ hơn, mang hình thức xác định hơn và được thúc đẩy bởi dục vọng *nhóm*, và sau nữa, có lẽ, bởi ý chí và chủ đích của nhóm.

206. Before one thinks, one will ask, "What does the *group* need or desire at this moment?" One will *think in line with what is best for the group.*

206. Trước khi suy nghĩ, người ta sẽ hỏi, "Lúc này *nhóm* cần hay mong muốn điều gì?" Người ta sẽ *suy nghĩ phù hợp với điều tốt nhất cho nhóm.*

This is the basis, very largely, for the antagonism that all constructive thinkers and *group* workers encounter. The stream of energy which they emanate, and which constructs vital thought forms, runs counter to that of the masses of men, awakens opposition, and produces temporary chaos.

Đây phần lớn là cơ sở cho sự đối kháng mà mọi nhà tư tưởng kiến tạo và những người hoạt động *nhóm* đều gặp phải. Dòng năng lượng mà họ phát ra, và dòng này kiến tạo các hình tư tưởng sống động, đi ngược lại dòng của quần chúng nhân loại, đánh thức sự chống đối và tạo ra hỗn loạn tạm thời.

207. Whenever an established trend is opposed or disrupted, antagonism will arise in those who feel disrupted. We guard well our various forms of comfort.

207. Bất cứ khi nào một xu hướng đã được thiết lập bị chống lại hay phá vỡ, sự đối kháng sẽ nảy sinh nơi những ai cảm thấy mình bị xáo trộn. Chúng ta bảo vệ rất kỹ các dạng tiện nghi khác nhau của mình.

208. We are dealing with a war between the well-formed and the formless, and it is occurring always and everywhere. At least it

208. Chúng ta đang đề cập đến một cuộc chiến giữa cái có hình thức rõ rệt và cái vô định hình, và nó luôn luôn xảy ra ở khắp mọi

is good for disciples to know the kind of opposition they will inevitably meet as they *think* in line with group good.

nơi. Ít nhất, điều tốt là các đệ tử biết loại chống đối mà họ chắc chắn sẽ gặp khi họ *suy nghĩ* phù hợp với thiện ích của nhóm.

The prominent workers and thinkers of the human family, under the direction of the Lodge, are engaged in three things:

Những người hoạt động và tư tưởng gia nổi bật của gia đình nhân loại, dưới sự chỉ đạo của Thánh đoàn, đang dấn thân vào ba việc:

209. Here are presented three great tasks of prominent workers and thinkers who work under the direction of the Lodge:

209. Ở đây trình bày ba nhiệm vụ lớn của những người hoạt động và tư tưởng gia nổi bật làm việc dưới sự chỉ đạo của Thánh đoàn:

a. The imposition of the newer and higher rhythm upon men.

a. Áp đặt nhịp điệu mới hơn và cao hơn lên con người.

210. This imposition is a most important task in the New Age. Disjointed rhythms or arrhythmia leads to disintegration. Right rhythm leads to coherence.

210. Sự áp đặt này là một nhiệm vụ hết sức quan trọng trong Kỷ Nguyên Mới. Những nhịp điệu rời rạc hay loạn nhịp dẫn đến tan rã. Nhịp điệu đúng dẫn đến sự cố kết.

211. One should pay attention to the rhythms occurring in the environment (including the rhythm of the words and acts of others). These rhythms can be very influential either for good or ill.

211. Người ta nên chú ý đến những nhịp điệu đang diễn ra trong môi trường chung quanh (kể cả nhịp điệu của lời nói và hành động của người khác). Những nhịp điệu này có thể rất có ảnh hưởng theo hướng tốt hoặc xấu.

b. The **dissipation** of the murky clouds of half-vitalised indefinite thought forms which surround our planet, **thus permitting the entry of interplanetary force, and of force from the higher mental levels.**

b. Sự **làm tiêu tan** những đám mây u ám của các hình tư tưởng mơ hồ được tiếp sinh lực một nửa đang bao quanh hành tinh chúng ta, **nhờ đó cho phép mãnh lực liên hành tinh, và mãnh lực từ các cấp độ trí tuệ cao hơn, đi vào.**

212. Here we have it clearly stated; these clouds really do “shut out the sun” of higher mind. Clouds of indefinite thoughtforms are obstructive to the entrance of higher energies. We as aspirants and disciples have much clearing to do if, on our own little microcosmic levels, we are to bring the higher aspects of our nature into expression.

212. Ở đây điều này được phát biểu rõ ràng; những đám mây ấy thực sự “che khuất mặt trời” của thượng trí. Những đám mây của các hình tư tưởng mơ hồ có tính cản trở đối với sự đi vào của các năng lượng cao hơn. Chúng ta, với tư cách là những người chí nguyện và đệ tử, còn rất nhiều việc thanh lọc phải làm nếu, trên những cấp độ tiểu thiên địa nhỏ bé của riêng mình, chúng ta muốn

đưa các phương diện cao hơn của bản chất mình vào biểu hiện.

213. The dissipation here required is very much the dissipation of maya, glamor and illusion. It is a 'tangible something' to be dispelled, dissipated and dispersed.

213. Sự làm tiêu tan được đòi hỏi ở đây phần lớn chính là sự làm tiêu tan ảo lực, ảo cảm và ảo tưởng. Đó là một "cái gì đó hữu hình" phải được xua tan, làm tiêu tan và phân tán.

c. The **awakening** within men of **the power to think clearly**, to energise their thought forms accurately, and to hold in vital form those thought constructions whereby they may attain their objective, and [Page 955] bring about desired conditions upon the physical plane.

c. Sự **đánh thức** trong con người **quyền năng suy nghĩ sáng tỏ**, để tiếp năng lượng cho các hình tư tưởng của họ một cách chính xác, và giữ cho những cấu trúc tư tưởng ấy ở trong hình thức sống động nhờ đó họ có thể đạt tới mục tiêu của mình, và [Page 955] mang lại những điều kiện mong muốn trên cõi hồng trần.

214. The Great Ones are working with the power to energize and vitalize man's ability to think.

214. Các Đấng Cao Cả đang làm việc với quyền năng tiếp năng lượng và tiếp sinh lực cho khả năng suy nghĩ của con người.

215. Let us tabulate:

215. Chúng ta hãy lập bảng:

a. The Great Ones awaken within men the power to think clearly

a. Các Đấng Cao Cả đánh thức trong con người quyền năng suy nghĩ sáng tỏ

b. The Great Ones awaken in men the power to energize their thoughtforms accurately

b. Các Đấng Cao Cả đánh thức trong con người quyền năng tiếp năng lượng cho các hình tư tưởng của họ một cách chính xác

c. The Great Ones awaken in men the ability to hold thoughtforms in vital form long enough for objectives to be attained.

c. Các Đấng Cao Cả đánh thức trong con người khả năng giữ các hình tư tưởng trong hình thức sống động đủ lâu để các mục tiêu được đạt tới.

216. In short, the Great Ones are teaching men to become white magicians.

216. Tóm lại, Các Đấng Cao Cả đang dạy con người trở thành những nhà huyền thuật chánh đạo.

217. Let us emphasize through tabulation that which the Great Ones are attempting to do

217. Chúng ta hãy nhấn mạnh bằng cách lập bảng điều mà Các Đấng Cao Cả đang cố gắng thực hiện

a. To impose a new and higher rhythm upon men

a. Áp đặt một nhịp điệu mới và cao hơn lên con người

b. To dissipate clouds of obstructive thoughtforms

b. Làm tiêu tan những đám mây hình tư tưởng có tính cản trở

c. To awaken in men certain abilities connected with the creation of thought

c. Đánh thức trong con người một số khả năng liên quan đến việc sáng tạo tư tưởng

These three objectives [listed above] necessitate a clear comprehension among such vital thinkers and workers, of the power of thought; of the direction of thought currents, of the science of thought building, of the manipulation under law and order of mental matter, and of the process of thought manifestation through the two factors of sound and vitalisation.

Ba mục tiêu này [listed above] đòi hỏi nơi những nhà tư tưởng và người hoạt động sống động như thế phải có sự thấu hiểu rõ ràng về quyền năng của tư tưởng; về sự định hướng của các dòng tư tưởng, về khoa học kiến tạo tư tưởng, về sự vận dụng chất liệu trí tuệ dưới định luật và trật tự, và về tiến trình biểu hiện tư tưởng thông qua hai yếu tố là âm thanh và sự tiếp sinh lực.

218. What is said is of such importance that we must tabulate for emphasis. If the three objectives of the Great Ones are to be achieved, certain things will be necessitated among vital thinkers and workers:

218. Điều được nói ra quan trọng đến mức chúng ta phải lập bảng để nhấn mạnh. Nếu ba mục tiêu của Các Đấng Cao Cả phải được hoàn thành, thì nơi những nhà tư tưởng và người hoạt động sống động sẽ cần có những điều sau:

a. Clear comprehension of the power of thought

a. Sự thấu hiểu rõ ràng về quyền năng của tư tưởng

b. Clear comprehension of the direction of thought currents

b. Sự thấu hiểu rõ ràng về sự định hướng của các dòng tư tưởng

c. Clear comprehension of the science of thought building

c. Sự thấu hiểu rõ ràng về khoa học kiến tạo tư tưởng

d. Clear comprehension of the methods of manipulating mental matter under law and order

d. Sự thấu hiểu rõ ràng về các phương pháp vận dụng chất liệu trí tuệ dưới định luật và trật tự

e. Clear comprehension of the process of thought manifestation utilizing sound and vitalization

e. Sự thấu hiểu rõ ràng về tiến trình biểu hiện tư tưởng sử dụng âm thanh và sự tiếp sinh lực

f. Additionally (see below) the ability to negate strictly personal impulses

f. Ngoài ra (xem dưới), khả năng phủ nhận những xung lực hoàn toàn cá nhân

g. The faculty of working in group form (see below)

g. Năng lực làm việc theo hình thức nhóm (xem dưới)

h. Clear directing of thoughtforms upon a specific mission (see below)

h. Sự định hướng rõ ràng các hình tư tưởng vào một sứ mệnh cụ thể (xem dưới)

219. Let us ponder on these important requirements and see to what extent we have the required clear comprehension

219. Chúng ta hãy suy ngẫm về những đòi hỏi quan trọng này và xem chúng ta có sự thấu hiểu rõ ràng cần thiết đến mức nào

It involves likewise the ability to negate or render futile all impulses arising from the lower self which are of a centralised and purely personal aspect, and the faculty of working in group form, each thought being sent upon the definite mission of adding its quota of energy and matter to some one stream which is specific and *known*.

Điều này cũng bao hàm khả năng phủ nhận hay làm cho vô hiệu mọi xung lực phát sinh từ phàm ngã vốn có tính tập trung và thuần túy cá nhân, và năng lực làm việc theo hình thức nhóm, mỗi tư tưởng được gửi đi với sứ mệnh xác định là thêm phần năng lượng và chất liệu của nó vào một dòng nào đó vốn đặc thù và *được biết rõ*.

220. It is obvious that the thoughtless creation of thoughtforms must end.

220. Rõ ràng là việc vô ý thức tạo ra các hình tư tưởng phải chấm dứt.

221. These negative impulses will arise in the case of most individuals, but there are methods of ensuring they do not interfere with the power to create constructive thought for the advancement of group purpose.

221. Những xung lực tiêu cực này sẽ phát sinh trong trường hợp của phần lớn cá nhân, nhưng có những phương pháp bảo đảm rằng chúng không can thiệp vào quyền năng sáng tạo tư tưởng kiến tạo nhằm thúc đẩy mục đích nhóm.

222. The astral body is often at war with the well-directed mental body. The advancing disciple understands how to win this war. Mental concentration and eventual polarization are deflective of these lower, personal impulses.

222. Thể cảm dục thường ở trong tình trạng chiến tranh với thể trí được định hướng tốt. Đệ tử đang tiến bộ hiểu cách chiến thắng cuộc chiến này. Sự tập trung trí tuệ và cuối cùng là sự phân cực có tác dụng làm lệch

hướng những xung lực thấp kém, cá nhân này.

This last is of importance, for no worker for humanity becomes of real assistance until he (consciously and with full knowledge of his work) **definitely directs his thought energy towards some particular channel of service to the race.**

Điều cuối cùng này rất quan trọng, vì không người hoạt động nào cho nhân loại trở nên thật sự hữu ích cho đến khi y (một cách có ý thức và với sự hiểu biết đầy đủ về công việc của mình) **rõ ràng hướng năng lượng tư tưởng của mình vào một kênh phụng sự đặc biệt nào đó cho nhân loại.**

223. Here we have a Sagittarian dynamic—the purposeful direction of thought. Sagittarius is the sign of one-pointed discipleship.

223. Ở đây chúng ta có một động lực của Nhân Mã—sự định hướng có mục đích của tư tưởng. Nhân Mã là dấu hiệu hoàng đạo của địa vị đệ tử nhất tâm.

224. Thought is as an arrow, as a stream of energy to be directed towards a certain target. The purpose of thought is to change undesirable patterns into desirable ones.

224. Tư tưởng như một mũi tên, như một dòng năng lượng phải được hướng tới một mục tiêu nhất định. Mục đích của tư tưởng là chuyển đổi những mô hình không mong muốn thành những mô hình mong muốn.

In all thought building, therefore, of a high order, men have several things to do, which might be enumerated as follows:

Vì vậy, trong mọi việc kiến tạo tư tưởng ở cấp cao, con người có một số việc phải làm, có thể được liệt kê như sau:

225. We are being given important directives upon which we can take practical action.

225. Chúng ta đang được trao cho những chỉ dẫn quan trọng mà chúng ta có thể hành động một cách thực tiễn theo đó.

226. We note that we are not interested merely in thoughtform building, but in "thoughtform building of a high order".

226. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta không chỉ quan tâm đến việc kiến tạo hình tư tưởng, mà là "việc kiến tạo hình tư tưởng ở cấp cao".

[Point One] First, to purify their lower desires so that they are enabled to **see clearly** in the occult sense. No man has clear vision who is obsessed with his own needs, actions, and interests, and unconscious of that which is higher and of group activity.

[Point One] Thứ nhất, thanh lọc những dục vọng thấp kém của họ để họ có thể **thấy rõ** theo nghĩa huyền bí. Không ai có tầm nhìn rõ ràng nếu bị ám ảnh bởi những nhu cầu, hành động và quyền lợi riêng của mình, và vô ý thức đối với điều cao hơn và đối với hoạt động nhóm.

227. Lower desire blinds one to truth and reality. An assessment must be made by each disciple of the quality of his desires. If desire swirls around the little, personal self, vision of greater and deeper things is blocked.

[Point One—Part Two] This clear vision brings about an ability to read, even if unconsciously at first, the akashic records, and thus ascertain the point of departure for the new and incoming thought impulses, an ability to lose sight of self interest in group interest, and thus co-operate with the plan, and a faculty that enables him to become aware of the keynote of the race, and aware of the "cry of humanity."

228. DK speaks of the beneficent results of the clarification of vision:

229. Let us tabulate for emphasis:

a. Clear vision brings the ability to read the akashic records

b. Clear vision brings an ability to lose sight of self interest in group interest

c. Thus, clear vision brings the ability to cooperate wit the Plan

d. Clear vision brings an ability to become aware of the keynote of the race

e. Clear vision brings an ability to become aware of the “cry of humanity”.

230. We see great advantages, do we not, to purifying our desire nature from obsessive personalism.

227. Dục vọng thấp kém làm mù mắt con người trước chân lý và thực tại. Mỗi đệ tử phải tự đánh giá phẩm tính của các dục vọng của mình. Nếu dục vọng xoáy quanh cái tiểu ngã cá nhân nhỏ bé, thì tầm nhìn về những điều lớn lao và sâu xa hơn sẽ bị ngăn chặn.

[Point One—Part Two] Tầm nhìn rõ ràng này mang lại khả năng đọc được, dù lúc đầu có thể là vô ý thức, các biên niên ký akasha, và nhờ đó xác định điểm khởi hành cho những xung lực tư tưởng mới đang đi vào, khả năng quên đi quyền lợi bản thân trong quyền lợi nhóm, và nhờ đó hợp tác với Thiên Cơ, cùng một năng lực giúp y nhận biết chủ âm của nhân loại, và nhận biết “tiếng kêu của nhân loại.”

228. Chân sư DK nói về những kết quả tốt lành của sự làm sáng tỏ tầm nhìn:

229. Chúng ta hãy lập bảng để nhấn mạnh:

a. Tầm nhìn rõ ràng mang lại khả năng đọc các biên niên ký akasha

b. Tầm nhìn rõ ràng mang lại khả năng quên đi quyền lợi bản thân trong quyền lợi nhóm

c. Vì vậy, tầm nhìn rõ ràng mang lại khả năng hợp tác với Thiên Cơ

d. Tầm nhìn rõ ràng mang lại khả năng nhận biết chủ âm của nhân loại

e. Tầm nhìn rõ ràng mang lại khả năng nhận biết “tiếng kêu của nhân loại”.

230. Chúng ta thấy những lợi ích lớn lao, phải không, của việc thanh lọc bản chất dục vọng của mình khỏi tính cá nhân ám ảnh.

[Point Two] Next, **to secure control over the mind**. This involves [Page 956] certain important things: A realisation of the nature of the mind and brain through concentration, an understanding of the relation which should exist between the physical brain and Man, the real Thinker on the physical plane, an ability, gradually developed once the mind is brought under control through concentration, to meditate in the occult sense, and thus bring through the plan from higher levels, ascertain his individual share in the plan, and then co-operate in the work of some particular group of Nirmanakayas.

[Point Two] Tiếp theo, **đạt được sự kiểm soát đối với thể trí**. Điều này bao hàm [Page 956] một số điều quan trọng: sự chứng nghiệm về bản chất của thể trí và bộ não thông qua tập trung, sự thấu hiểu về mối liên hệ nên tồn tại giữa bộ não hồng trần và Con Người, Nhà Tư Tưởng thực sự trên cõi hồng trần, một khả năng, được phát triển dần dần một khi thể trí được đặt dưới sự kiểm soát nhờ tập trung, để tham thiền theo nghĩa huyền bí, và nhờ đó đưa Thiên Cơ từ các cấp độ cao hơn xuống, xác định phần chia cá nhân của mình trong Thiên Cơ, rồi hợp tác trong công việc của một nhóm Nirmanakayas đặc biệt nào đó.

231. This section of text is so amazingly practical. If we are to be impressed rightly by these requirements, tabulation serves us.

231. Phần văn bản này thật đáng kinh ngạc về tính thực tiễn. Nếu chúng ta muốn được gây ấn tượng đúng đắn bởi những đòi hỏi này, thì việc lập bảng sẽ giúp ích cho chúng ta.

232. The following are involved in the second task of securing control over the mind:

232. Những điều sau đây được bao hàm trong nhiệm vụ thứ hai là đạt được sự kiểm soát đối với thể trí:

a. A realization of the mind and brain through concentration

a. Một sự chứng nghiệm về thể trí và bộ não thông qua tập trung

b. An understanding of the relation which should exist between the physical brain and Man, the real Thinker on the physical plane

b. Một sự thấu hiểu về mối liên hệ nên tồn tại giữa bộ não hồng trần và Con Người, Nhà Tư Tưởng thực sự trên cõi hồng trần

c. An ability to meditate in this occult sense. This is gradually developed once the mind is brought under control through concentration

c. Một khả năng tham thiền theo nghĩa huyền bí này. Khả năng ấy được phát triển dần dần một khi thể trí được đặt dưới sự kiểm soát nhờ tập trung

d. An ability, through meditation, to bring through the plan from higher levels

d. Một khả năng, thông qua tham thiền, đưa Thiên Cơ từ các cấp độ cao hơn xuống

e. An ability, through meditation, to ascertain one's individual share in the Plan

e. Một khả năng, thông qua tham thiền, xác định phần chia cá nhân của mình trong Thiên Cơ

f. An ability, through meditation, and action on behalf of the Plan, to cooperate in the work of some particular group of Nirmanakayas. (This last point is of great interest and demonstrates the high origin of the impulse with which a true cooperator with the Plan is in touch.)

f. Một khả năng, thông qua tham thiền, và hành động thay mặt cho Thiên Cơ, hợp tác trong công việc của một nhóm Nirmanakayas đặc biệt nào đó. (Điểm cuối này rất đáng quan tâm và chứng tỏ nguồn gốc cao cả của xung lực mà một người hợp tác chân chính với Thiên Cơ đang tiếp xúc.)

[Point Three] This is **succeeded by a consideration of the laws of energy.** A man discovers how to build a thought form of a particular quality and tone, to energise it with his own life, and thus have—on mental levels—a small creation, the child of his will, which he can use as a messenger, or as a means for the manifestation of an idea. Students will do well to consider these points with care, if they seek to become **conscious operators**.

[Point Three] Tiếp theo là **sự xem xét các định luật của năng lượng.** Một người khám phá cách kiến tạo một hình tư tưởng có phẩm tính và âm điệu đặc thù, để tiếp năng lượng cho nó bằng chính sự sống của mình, và nhờ đó có được—trên các cấp độ trí tuệ—một sáng tạo nhỏ, đứa con của ý chí y, mà y có thể dùng như một sứ giả, hoặc như một phương tiện để biểu hiện một ý tưởng. Các đạo sinh sẽ làm tốt nếu suy xét những điểm này một cách cẩn trọng, nếu họ tìm cách trở thành **những người hoạt động có ý thức**.

233. The next point for those of high nature who would build thoughtforms successfully is "a consideration of the laws of energy".

233. Điểm kế tiếp đối với những người có bản chất cao cả muốn kiến tạo hình tư tưởng thành công là "sự xem xét các định luật của năng lượng".

234. Let us tabulate what is required:

234. Chúng ta hãy lập bảng những gì được đòi hỏi:

a. The magician must build a thoughtform of a particular quality

a. Nhà huyền thuật phải kiến tạo một hình tư tưởng có một phẩm tính đặc thù

b. The magician must build a thoughtform of a particular tone

b. Nhà huyền thuật phải kiến tạo một hình tư tưởng có một âm điệu đặc thù

c. The magician must energize that thoughtform with his own life

c. Nhà huyền thuật phải tiếp năng lượng cho hình tư tưởng ấy bằng chính sự sống của mình

d. The magician having created the thoughtform, a child of his will, must use the thoughtform as a messenger

d. Nhà huyền thuật, sau khi đã sáng tạo hình tư tưởng, đứa con của ý chí mình, phải dùng hình tư tưởng ấy như một sứ giả

e. The magician must use the thoughtform for the purpose of manifesting some idea

e. Nhà huyền thuật phải dùng hình tư tưởng ấy nhằm mục đích biểu hiện một ý tưởng nào đó

235. DK is dealing with amazing practicality. He is trying to teach us how to become "conscious operators". This would mean that we would become practical magicians.

235. Chân sư DK đang đề cập đến tính thực tiễn đáng kinh ngạc. Ngài đang cố dạy chúng ta cách trở thành "những người hoạt động có ý thức". Điều này có nghĩa là chúng ta sẽ trở thành những nhà huyền thuật thực tiễn.

[Point Four] Finally, having constructed a thought form, the next thing the servant of humanity has to learn is how to send it on its mission, whatever that may be, holding it through his own vital energy in its due form, keeping it vibrating to its own measure, and eventually bringing about its destruction when it has fulfilled its mission.

[Điểm Bốn]Sau cùng, sau khi đã kiến tạo một Hình tư tưởng, điều kế tiếp mà người phụng sự nhân loại phải học là cách gửi nó đi thi hành sứ mạng của nó, dù sứ mạng ấy là gì, giữ nó trong hình dạng thích hợp bằng chính năng lượng sinh lực của mình, duy trì cho nó rung động theo nhịp độ riêng của nó, và cuối cùng đưa đến sự hủy diệt của nó khi nó đã hoàn tất sứ mạng.

236. The final stage of the task (and in DK's instructions here we can see that He is preparing us for the forthcoming section on White Magic) has to do with sending the thoughtform on its mission:

236. Giai đoạn cuối cùng của công việc này (và trong những chỉ dẫn ở đây của Chân sư DK, chúng ta có thể thấy rằng Ngài đang chuẩn bị cho chúng ta phần sắp tới về Chánh Thuật) liên quan đến việc gửi Hình tư tưởng đi thi hành sứ mạng của nó:

a. The magician must send the thoughtform on its mission

a. Nhà huyền thuật phải gửi Hình tư tưởng đi thi hành sứ mạng của nó

b. To send the thoughtform on its mission, he must hold the thoughtform in due form using his own vital energy to do so

b. Để gửi Hình tư tưởng đi thi hành sứ mạng, y phải giữ Hình tư tưởng trong hình dạng thích hợp bằng cách dùng chính năng lượng sinh lực của mình để làm điều đó

c. The magician must keep the thoughtform vibrating to its own measure

c. Nhà huyền thuật phải giữ cho Hình tư tưởng rung động theo nhịp độ riêng của nó

d. The magician, eventually, must bring about the destruction of the thoughtform when it has fulfilled its mission.

d. Cuối cùng, nhà huyền thuật phải đưa đến sự hủy diệt của Hình tư tưởng khi nó đã hoàn tất sứ mạng của nó.

237. Let us review the main categories of all the magician or worker in mental matter must do if he is to create the type of thoughtforms necessary to serve the Plan:

237. Chúng ta hãy điểm lại những phạm trù chính của tất cả những gì nhà huyền thuật hay người hoạt động trong chất liệu trí tuệ phải làm nếu y muốn tạo ra loại Hình tư tưởng cần thiết để phụng sự Thiên Cơ:

a. The would-be magician must purify his desires (Scorpio)

a. Nhà huyền thuật tương lai phải thanh lọc các ham muốn của mình (Hổ Cáp)

b. The magician must achieve clear vision (Sagittarius)

b. Nhà huyền thuật phải đạt được linh thị rõ ràng (Nhân Mã)

c. The magician must secure control over his mind (Capricorn)

c. Nhà huyền thuật phải bảo đảm sự kiểm soát đối với thể trí của mình (Ma Kết)

d. The magician must consider the laws of energy (Aquarius)

d. Nhà huyền thuật phải xem xét các định luật của năng lượng (Bảo Bình)

e. The magician must send the thoughtform on its mission in the proper manner and then, later, destroy the thoughtform once the mission is achieved. (Aquarius and Pisces)

e. Nhà huyền thuật phải gửi Hình tư tưởng đi thi hành sứ mạng của nó theo cách thức đúng đắn rồi sau đó, về sau, hủy diệt Hình tư tưởng một khi sứ mạng đã hoàn thành. (Bảo Bình và Song Ngư)

The average man is often the victim of his own thought forms. He constructs them, but is neither strong enough to send them out to do their work, nor wise enough to dissipate them when required.

Con người trung bình thường là nạn nhân của chính các Hình tư tưởng của mình. Y kiến tạo chúng, nhưng không đủ mạnh để gửi chúng ra ngoài làm công việc của chúng, cũng không đủ minh triết để làm tiêu tan chúng khi cần thiết.

238. DK is telling us how we create our own prison of thought.

238. Chân sư DK đang nói cho chúng ta biết cách chúng ta tự tạo nên nhà tù tư tưởng của chính mình.

239. Chúng ta sáng tạo, nhưng không thể tự giải thoát mình khỏi điều mình đã sáng tạo.

239. We create, but cannot rid ourselves of what we have created. We can neither send nor destroy.

Chúng ta không thể gửi đi cũng không thể hủy diệt.

240. Note that *wisdom* is required for the dissipation of thoughtforms.

240. Cần lưu ý rằng *minh triết* là điều cần thiết cho sự làm tiêu tan các Hình tư tưởng.

This has brought about the thick swirling fog of half-formed, semi-vitalised forms in which eighty five percent of the human race is surrounded.

Điều này đã tạo ra màn sương mù dày đặc xoáy cuộn của những hình thể nửa thành hình, nửa được tiếp sinh lực, bao quanh tám mươi lăm phần trăm nhân loại.

241. DK could be giving us quite an important hint. Is this another way of telling us that eighty-five percent of humanity is kama-manasic in consciousness?

241. Chân sư DK có thể đang đưa cho chúng ta một gợi ý khá quan trọng. Đây có phải là một cách khác để nói với chúng ta rằng tám mươi lăm phần trăm nhân loại có tâm thức trí-cảm không?

242. There are different classifications of human beings. Those who individualized on the Earth-chain are still largely kama-manasic in their consciousness. While many of those who individualized on the Moon-chain are also kama-manasic, a fair number of them will be mentally polarized. Is DK subtly hinting at the numbers of those who are Earth-chain humanity compared with those who individualized on the Moon-chain?

242. Có những cách phân loại khác nhau về con người. Những người đã biệt ngã hóa trên Dãy Địa Cầu vẫn phần lớn còn trí-cảm trong tâm thức của họ. Trong khi nhiều người trong số những người đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng cũng là trí-cảm, thì một số khá đông trong họ sẽ phân cực trí tuệ. Phải chăng Chân sư DK đang kín đáo gợi ý về số lượng những người thuộc nhân loại Dãy Địa Cầu so với những người đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng?

243. When we think of half-formed, semi-vitalised forms we are given a strong incentive to *think things through to conclusion.* One does not want to swell the proportion of vague, half-formed thoughts. This incentive will also apply to the production of speech.

243. Khi chúng ta nghĩ đến những hình thể nửa thành hình, nửa được tiếp sinh lực, chúng ta được thúc đẩy mạnh mẽ để *suy nghĩ mọi sự cho đến kết luận.* Người ta không muốn làm tăng thêm tỉ lệ những tư tưởng mơ hồ, nửa thành hình. Sự thúc đẩy này cũng sẽ áp dụng cho việc tạo ra lời nói.

In his work as thought builder, man has to show forth the characteristics of the Logos, the great Architect or Builder of the universe.

Trong công việc của mình với tư cách là người kiến tạo tư tưởng, con người phải biểu lộ những đặc tính của Thượng đế, Đấng Kiến Trúc Sư Vĩ Đại hay Đấng Kiến Tạo vĩ đại của vũ trụ.

244. In this case, the "universe" means our solar system.

244. Trong trường hợp này, "vũ trụ" có nghĩa là hệ mặt trời của chúng ta.

245. The Solar Logos, it appears, is both the Architect *and* the Builder of our solar system.

245. Có vẻ như Thái dương Thượng đế vừa là Kiến Trúc Sư Vĩ Đại *vừa* là Đấng Kiến Tạo của hệ mặt trời chúng ta.

246. Man is to model himself on far higher Examples.

246. Con người phải lấy những Tấm Gương cao cả hơn rất nhiều làm mẫu.

He has to parallel His work as:

Y phải song hành với công việc của Ngài như là:

The one who **conceives the idea**.

Đấng **thai nghén ý tưởng**.

247. Conception of the idea is achieved under the impulse of Aries.

247. Sự thai nghén ý tưởng đạt được dưới xung lực của Bạch Dương.

The one who **clothes the idea** in matter. [Page 957]

Đấng **khoác ý tưởng** bằng vật chất. [Trang 957]

248. Clothing the idea with matter is achieved in Taurus and relates to the plane of desire over which Taurus has an important influence.

248. Việc khoác ý tưởng bằng vật chất được thực hiện trong Kim Ngưu và liên hệ đến cõi dục vọng mà Kim Ngưu có ảnh hưởng quan trọng trên đó.

The one who **energises the idea**, and thus enables the form to preserve its outline and perform its mission.

Đấng **tiếp năng lượng cho ý tưởng**, và nhờ đó làm cho hình thể có thể giữ được đường nét của nó và thực hiện sứ mạng của nó.

249. The energizing of the idea is an etheric process and occurs under the influence of Gemini. The idea achieves a vital coherence.

249. Việc tiếp năng lượng cho ý tưởng là một tiến trình dĩ thái và xảy ra dưới ảnh hưởng của Song Tử. Ý tưởng đạt được một sự cố kết sinh lực.

The one who—in time and space—through desire and love, directs that thought form, **vitalises** it continuously, until the objective is attained.

Đấng mà—trong thời gian và không gian—thông qua dục vọng và tình thương, điều khiển Hình tư tưởng ấy, **tiếp sinh lực** cho nó liên tục, cho đến khi mục tiêu đạt được.

250. Here many astrological influences are involved. All three major rays play their part. Directing the thoughtform occurs under the first ray. Continuous vitalization occurs under the third ray, and desire and love (under the second ray) sustains the entire process.

250. Ở đây có nhiều ảnh hưởng chiêm tinh liên quan. Cả ba cung chính đều góp phần của mình. Việc điều khiển Hình tư tưởng diễn ra dưới cung một. Việc tiếp sinh lực liên tục diễn ra dưới cung ba, còn dục vọng và tình thương (dưới cung hai) duy trì toàn bộ tiến trình.

251. The persistent energy of Cancer helps see the entire process *through* into manifestation.

251. Năng lượng bền bỉ của Cự Giải giúp đưa toàn bộ tiến trình này *đi trọn* vào biểu hiện.

The one who, when the desired end has been accomplished, **destroys or disintegrates the thought form by withdrawing his energy** (occultly, the "attention is withdrawn," or "the eye is no longer upon" it), so that the lesser lives (which had been built into the desired form) fall away and return to the general reservoir of deva substance.

Đấng mà, khi mục đích mong muốn đã được hoàn thành, **hủy diệt hay phân rã Hình tư tưởng bằng cách rút năng lượng của mình** (một cách huyền bí, "sự chú ý được rút lại", hay "con mắt không còn đặt trên nó nữa"), để cho các sự sống nhỏ hơn (đã được xây vào hình thể mong muốn) rơi rụng đi và trở về kho chứa chung của chất liệu thiên thần.

252. We note that there is no deliberate attempt to *smash* the thoughtform or apply psychic brute force. Rather, the method of destruction is far more subtle.

252. Chúng ta lưu ý rằng không có nỗ lực cố ý nào nhằm *đập tan* Hình tư tưởng hay áp dụng bạo lực thông linh thô bạo. Trái lại, phương pháp hủy diệt tinh tế hơn rất nhiều.

253. What we might call the 'Eye of Cohesion' is averted. The holding, cohering power of the second ray no longer holds in cohesion the substances which comprised the thoughtform. A new and absorbing interest has taken the place of interest in the thoughtform. Left without the sustaining, integrating power of the eye, the thoughtform falls apart.

253. Điều mà chúng ta có thể gọi là "Con Mắt Cố Kết" được quay đi. Quyền năng duy trì và cố kết của cung hai không còn giữ các chất liệu cấu thành Hình tư tưởng trong sự cố kết nữa. Một mối quan tâm mới và cuốn hút đã thay thế cho sự quan tâm đối với Hình tư tưởng. Bị bỏ lại mà không có quyền năng duy trì và tích hợp của con mắt, Hình tư tưởng tan rã.

254. From this perspective, to ignore is to kill. The 'Eye' enlivens.

254. Từ góc nhìn này, phớt lờ tức là giết chết. "Con Mắt" làm cho sống động.

255. Withdrawal of energy and subsequent devitalization can be associated with Pluto and with the signs which Pluto rules—namely Scorpio and Pisces (both signs of death).

255. Việc rút năng lượng và sự mất sinh lực tiếp theo có thể được liên kết với Sao Diêm Vương và với những dấu hiệu hoàng đạo mà Sao Diêm Vương cai quản—tức là Hổ Cáp và Song Ngư (cả hai đều là những dấu hiệu của cái chết).

256. Let us tabulate the five steps which reflect the work of the Logos:

256. Chúng ta hãy lập bảng năm bước phản ánh công việc của Thượng đế:

a. Conceiving

a. Thai nghén

b. Clothing

b. Khoác vào

c. Energizing

c. Tiếp năng lượng

d. Directing and Vitalizing

d. Điều khiển và tiếp sinh lực

e. Destroying through Energy Abstraction

e. Hủy diệt thông qua sự rút năng lượng

Thus, in all creative work in mental matter, man is likewise to be seen as a Trinity at work; he is the creator, preserver, and destroyer.

Như vậy, trong mọi công việc sáng tạo trong chất liệu trí tuệ, con người cũng được thấy như một Tam Vị đang hoạt động; y là người sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt.

257. In this way we are all Brahma, Vishnu and Shiva and should be more aware of these functions within us.

257. Theo cách này, tất cả chúng ta đều là Brahma, Vishnu và Shiva, và nên ý thức hơn về những chức năng này bên trong chúng ta.

e. In all occult work in mental matter which has to manifest upon the physical plane, and thus achieve objectivity, man has to work as a unit.

e. Trong mọi công việc huyền bí học trong chất liệu trí tuệ phải biểu hiện trên cõi hồng trần, và nhờ đó đạt được tính khách quan, con người phải làm việc như một đơn vị.

258. A "unit" is an integrated wholeness. Only an integrated human being, infused by the presence of the soul, dares undertake

258. Một "đơn vị" là một toàn thể tích hợp. Chỉ một con người tích hợp, được linh hồn thấm nhuần bởi sự hiện diện của linh hồn,

magical creation and become a *conscious operator.*

mới dám đảm nhận sự sáng tạo huyền thuật và trở thành một *người vận hành có ý thức.*

This infers the ability, therefore, of the **threefold lower man to be subordinated to the Ego,** so that the dynamic will of the Ego may be imposed upon the physical brain.

Điều này vì thế hàm ý khả năng để **phàm nhân tam phân được đặt dưới chân ngã,** để ý chí năng động của chân ngã có thể được áp đặt lên bộ não hồng trần.

259. The energy of the Ego, the will of the Ego, must reach all the way 'down' to the physical brain of man.

259. Năng lượng của chân ngã, ý chí của chân ngã, phải vươn xuống tận bộ não hồng trần của con người.

260. White magic is the magic of the *soul.* It is originated and enacted by *man-as-soul.* Unless a man is quite fully soul-conscious, he cannot become an operator in white magic.

260. Chánh Thuật là huyền thuật của *linh hồn.* Nó được khởi phát và thực hiện bởi *con người-như-linh-hồn.* Trừ phi một người có tâm thức linh hồn khá trọn vẹn, y không thể trở thành một người vận hành trong chánh thuật.

The method of the man on the physical plane who is engaged in conscious work in mental matter is to be considered in two divisions:

Phương pháp của con người trên cõi hồng trần đang tham gia vào công việc có ý thức trong chất liệu trí tuệ phải được xem xét theo hai phân đoạn:

first, the **initial process** of alignment with the Ego, so that the plan, purpose and method of achievement may be impressed upon the physical brain,

thứ nhất, là **tiến trình ban đầu** của sự chỉnh hợp với chân ngã, để kế hoạch, mục đích và phương pháp thành tựu có thể được ghi khắc lên bộ não hồng trần,

261. There can be no white magic unless there is a spiritual impulse. For practical purposes, this impulse emanates from the Ego (the Higher Self upon the higher mental plane).

261. Không thể có chánh thuật nếu không có một xung lực tinh thần. Vì những mục đích thực tiễn, xung lực này phát ra từ chân ngã (Bản Ngã Cao Siêu trên cõi thượng trí).

262. We see how important is alignment, without which there is no clear channel for the necessary impression.

262. Chúng ta thấy sự chỉnh hợp quan trọng biết bao, vì nếu không có nó thì sẽ không có một kênh rõ ràng cho sự ghi khắc cần thiết.

and then **a secondary process** in which the man, using the physical brain consciously, proceeds **to carry out the plan, construct through will and purpose the**

và rồi là **một tiến trình thứ yếu** trong đó con người, dùng bộ não hồng trần một cách có ý thức, tiến hành **thực hiện kế hoạch, kiến tạo bằng ý chí và mục đích hình thể**

necessitated form, and then, having built and energised the form, to "keep his eye upon it."

263. Man institutes alignment with the Ego and identifies as the Ego. The Solar Angel in its own right has much to contribute to this process of initial impression.

264. The next stage is almost entirely in the care of the man on the physical plane.

265. He must.

a. Use the physical brain consciously

b. Carry out the plan

c. Construct, using will and purpose, the necessary form

d. Energize the form

e. Keep an *eye* on the form.

This is stating occultly the great truth back of all processes of energising. "The eye of the Lord" is much referred to in the Christian Bible, and occultly understood, the eye is that which brings power to its servant, the thought form.

266. The "Lord", in this instance, is the Ego.

267. Man-as-Ego-in-extension, keeps his eye on the created thoughtform.

cần thiết, rồi sau đó, khi đã xây dựng và tiếp năng lượng cho hình thể, thì "giữ mắt mình trên nó."

263. Con người thiết lập sự chỉnh hợp với chân ngã và đồng hóa như chân ngã. Thái dương Thiên Thần, theo quyền riêng của nó, có nhiều điều để đóng góp vào tiến trình ghi khắc ban đầu này.

264. Giai đoạn kế tiếp gần như hoàn toàn do con người trên cõi hồng trần đảm trách.

265. Y phải.

a. Dùng bộ não hồng trần một cách có ý thức

b. Thực hiện kế hoạch

c. Kiến tạo, bằng ý chí và mục đích, hình thể cần thiết

d. Tiếp năng lượng cho hình thể

e. Giữ *mắt* trên hình thể.

Điều này đang phát biểu một cách huyền bí chân lý lớn lao nằm sau mọi tiến trình tiếp năng lượng. "Con mắt của Chúa" được nhắc đến rất nhiều trong Kinh Thánh Cơ Đốc, và được hiểu theo huyền bí học, con mắt là điều mang quyền năng đến cho người phụng sự của nó, tức Hình tư tưởng.

266. "Chúa", trong trường hợp này, là chân ngã.

267. Con người-như-chân-ngã-trong-sự-mở-rộng giữ mắt mình trên Hình tư tưởng đã được tạo ra.

268. The thoughtform is the "servant" of the "Lord".

268. Hình tư tưởng là "người phụng sự" của "Chúa".

269. We are being given some very practical advice. If we wish to energize any creation, we have to "keep our eye upon it".

269. Chúng ta đang được trao cho một số lời khuyên rất thực tiễn. Nếu chúng ta muốn tiếp năng lượng cho bất kỳ sáng tạo nào, chúng ta phải "giữ mắt mình trên nó".

270. From another perspective, if we manage to capture the "Eye" or attention of the Solar Angel, that which we propose to do (if in alignment with the intentions of the Angel) will be energized.

270. Từ một góc nhìn khác, nếu chúng ta xoay xở để thu hút được "Con Mắt" hay sự chú ý của Thái dương Thiên Thần, thì điều mà chúng ta đề xuất làm (nếu chỉnh hợp với các ý định của Thiên Thần) sẽ được tiếp năng lượng.

271. If the "eye of the Lord" is upon one, an abundant source of sustaining energy flows.

271. Nếu "con mắt của Chúa" đặt trên một người, một nguồn năng lượng duy trì dồi dào sẽ tuôn chảy.

Scientists [Page 958] are becoming interested in the *power* of the human eye, and that faculty of control and of recognition [i.e., sight] which is everywhere seen as existing will have its scientific and occult explanation when it is studied **as an *instrument of initiatory energy.***

Các nhà khoa học [Trang 958] đang bắt đầu quan tâm đến *quyền năng* của mắt người, và năng lực kiểm soát cùng nhận biết [tức là thị giác] được thấy là hiện hữu ở khắp nơi ấy sẽ có được lời giải thích khoa học và huyền bí khi nó được nghiên cứu **như một *công cụ của năng lượng điểm đạo.***

272. The eye has many faculties. It not only registers but it is an instrument of control.

272. Con mắt có nhiều năng lực. Nó không chỉ ghi nhận mà còn là một công cụ kiểm soát.

273. The eye is also an *initiator*—a transmitter and conveyer of energy. A practical example of this is the "Eye" which is seen regarding the initiate at the time of the fourth initiation.

273. Con mắt cũng là một *đấng khởi phát*—một bộ truyền dẫn và chuyển tải năng lượng. Một ví dụ thực tiễn về điều này là "Con Mắt" được thấy đang nhìn điểm đạo đồ vào lúc lần điểm đạo thứ tư.

274. If a "word to the wise is sufficient", a look or a glance can also convey illumination and power.

274. Nếu "một lời cho người minh triết là đủ", thì một cái nhìn hay một ánh mắt cũng có thể truyền đạt sự soi sáng và quyền năng.

275. By the 'looks' we give we can either open or close doors. The right kind of look can confer upon another than which one sees. The recipient is allowed to look through the 'Eye' of one greater than himself.

275. Bằng những "cái nhìn" mà chúng ta trao đi, chúng ta có thể hoặc mở hoặc đóng các cánh cửa. Loại ánh mắt đúng đắn có thể ban cho người khác nhiều hơn điều người ta thấy. Người tiếp nhận được phép nhìn qua "Con Mắt" của một đấng lớn hơn chính mình.

276. Really, the eye has the power of all the first three aspects of divinity. It can direct according to the first ray. It can register and "take in" according to the second ray. It can manipulate, rearrange and reconfigure according to the third ray.

276. Thật ra, con mắt có quyền năng của cả ba phương diện đầu tiên của thiên tính. Nó có thể điều khiển theo cung một. Nó có thể ghi nhận và "thu nhận" theo cung hai. Nó có thể thao tác, sắp xếp lại và tái cấu hình theo cung ba.

Therefore, it will be apparent that a thought form is the result of two types of energy:

Do đó, sẽ rõ ràng rằng một Hình tư tưởng là kết quả của hai loại năng lượng:

That **emanating** in the first instance from the Ego on abstract levels.

Loại **phát ra** trước hết từ chân ngã trên các cấp độ trừu tượng.

277. We are speaking principally of the higher mental plane, but the Ego as the spiritual triad, is also the source of ideas from within the cosmic ethers.

277. Chúng ta chủ yếu đang nói đến cõi thượng trí, nhưng chân ngã, như Tam Nguyên Tinh Thần, cũng là nguồn của các ý tưởng từ bên trong các dĩ thái vũ trụ.

That **originating in a secondary sense from the man on the physical plane through the medium of the brain**.

Loại **phát sinh theo nghĩa thứ yếu từ con người trên cõi hồng trần thông qua trung gian của bộ não**.

278. The man on the physical plane also energizes the thoughtform. The brain is involved in this energizing.

278. Con người trên cõi hồng trần cũng tiếp năng lượng cho Hình tư tưởng. Bộ não có liên quan trong sự tiếp năng lượng này.

279. So thoughtforms have a spiritual and a human origin. Unless the spiritual origin is there, however, the thoughtform is likely to be selfish and not useful in the execution of the Divine Plan.

279. Vì vậy Hình tư tưởng có một nguồn gốc tinh thần và một nguồn gốc nhân loại. Tuy nhiên, trừ phi nguồn gốc tinh thần hiện diện, Hình tư tưởng có khả năng sẽ ích kỷ và không hữu ích trong việc thực thi Thiên Cơ.

That men do not recognise the first factor as a general rule is that which is responsible for much that is evil.

Việc con người nói chung không nhận ra yếu tố thứ nhất chính là điều chịu trách nhiệm cho nhiều điều ác.

280. They do not know how to create thoughtforms with spiritual content because they are not aligned and linked, during the act of creation, to a spiritual source.

280. Họ không biết cách tạo ra các Hình tư tưởng có nội dung tinh thần vì trong hành vi sáng tạo, họ không được chỉnh hợp và liên kết với một nguồn tinh thần.

When the "Science of the Self"

Khi "Khoa Học về Bản Ngã"

281. This, in a way, is the Science of Esoteric Psychology.

281. Theo một cách nào đó, đây là Khoa Học của Tâm Lý Học Nội Môn.

282. There are so many generally unsuspected aspects to the "Self" of man. Knowledge of the constitution of man is indispensable for the next steps to be taken by evolving humanity.

282. Có rất nhiều phương diện của "Bản Ngã" nơi con người mà nói chung không được ngờ tới. Kiến thức về cấu tạo của con người là điều không thể thiếu cho những bước kế tiếp mà nhân loại đang tiến hoá phải thực hiện.

has assumed due proportions **men will be careful to ascertain the egoic impulses in all thought process,** and to utilise true egoic energy before **they begin manipulating deva substance**, and building forms of deva lives.

đã đạt được tỉ lệ thích đáng **con người sẽ cẩn trọng xác định các xung lực chân ngã trong mọi tiến trình tư tưởng,** và sử dụng năng lượng chân ngã chân chính trước khi **họ bắt đầu thao tác chất liệu thiên thần**, và xây dựng các hình thể của các sự sống thiên thần.

283. Men will be so wisely trained that unless the Ego is involved in the creative process, men will not create thought.

283. Con người sẽ được huấn luyện minh triết đến mức trừ phi chân ngã có dự phần trong tiến trình sáng tạo, con người sẽ không sáng tạo tư tưởng.

284. Therefore alignment with the Ego will be a paramount requirement before creation is undertaken.

284. Do đó sự chỉnh hợp với chân ngã sẽ là một đòi hỏi tối quan trọng trước khi công việc sáng tạo được đảm nhận.

285. This will reduce hasty, ill-considered and often selfish creation of thought and word.

285. Điều này sẽ làm giảm bớt sự sáng tạo tư tưởng và lời nói hấp tấp, thiếu cân nhắc và thường ích kỷ.

286. We have spoken much of the manipulating devas. We see, however, that man is, himself, on the way to becoming a manipulator of deva substance.

287. It is just that he must follow certain rules if he is to do so successfully and in line with the Plan.

286. Chúng ta đã nói nhiều về các thiên thần thao tác. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng chính con người cũng đang trên đường trở thành một kẻ thao tác chất liệu thiên thần.

287. Chỉ là y phải tuân theo một số quy luật nhất định nếu muốn làm điều đó thành công và phù hợp với Thiên Cơ.

S8S4 Part I

TCF 959-963

28 November – 13 December 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

1. We now enter a very practical section of *A Treatise on Cosmic Fire*—one which touches on the development of the disciple as a worker in white magic.

2. in the Three Worlds.

I have a few more words to say anent this subject of man as a Creator in mental

TCF 958-963

28 tháng Mười Một – 13 tháng Mười Hai 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi trình chiếu trong các lớp học. Cước chú và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

1. Giờ đây chúng ta bước vào một phần rất thực tiễn của *Luận về Lửa Vũ Trụ*—một phần chạm đến sự phát triển của đệ tử như một người hoạt động trong chánh thuật.

2. trong Ba Cõi Giới.

Tôi còn vài lời nữa muốn nói liên quan đến chủ đề con người như một Đấng Sáng Tạo

matter. **The words are addressed to all those students who—through their ability to concentrate—have developed a certain measure of thought control**, and who desire to understand the process of creation with greater scientific accuracy.

trong chất liệu trí tuệ. **Những lời này được gửi đến tất cả những đạo sinh mà—nhờ khả năng tập trung—đã phát triển được một mức độ kiểm soát tư tưởng nhất định**, và mong muốn hiểu tiến trình sáng tạo với độ chính xác khoa học lớn hơn.

2. We see that the capacity to *concentrate* is the sine qua non of thought control. Who has not wrestled with the lower mind?

2. Chúng ta thấy rằng năng lực *tập trung* là điều kiện tiên quyết của sự kiểm soát tư tưởng. Ai mà chưa từng vật lộn với Hạ trí?

3. We are engaged with the *science* thoughtform building. We have build thoughts for millions of years—relatively unconsciously. We have not really understood what we were constantly *doing.*

3. Chúng ta đang làm việc với *khoa học* kiến tạo Hình tư tưởng. Chúng ta đã xây dựng tư tưởng trong hàng triệu năm—một cách tương đối vô thức. Chúng ta thực sự chưa hiểu mình liên tục *đang làm* gì.

We will, therefore, consider two factors in the process of thought-form building:

Vì vậy, chúng ta sẽ xem xét hai yếu tố trong tiến trình kiến tạo Hình tư tưởng:

a. That of aligning with the Ego.[88] [Alignment: See *Letters on Occult Meditation,* pp. 1-7.]

a. Yếu tố chỉnh hợp với chân ngã.88 [Chỉnh hợp: Xem *Thư về Tham Thiền Huyền Bí,* tr. 1-7.]

4. Man as "Ego" is considered to reside upon the third or second subplanes of the higher mental plane.

4. Con người như "chân ngã" được xem là cư ngụ trên cõi phụ thứ ba hoặc thứ hai của cõi thượng trí.

5. It can be questioned how many minutes or hours of the day we are actually aligned with the Ego. In a way, alignment is both the beginning and the end (as the prelude to absorption).

5. Người ta có thể đặt câu hỏi rằng trong một ngày, thực sự có bao nhiêu phút hay giờ chúng ta được chỉnh hợp với chân ngã. Theo một nghĩa nào đó, sự chỉnh hợp vừa là khởi đầu vừa là kết thúc (như khúc dạo đầu cho sự hấp thu).

b. The process of impressing the egoic will, on the physical brain, or (to word it otherwise) the initial utilisation of egoic energy. [Page 959]

b. Tiến trình ghi khắc ý chí chân ngã lên bộ não hồng trần, hay (nói cách khác) việc sử dụng ban đầu năng lượng chân ngã. [Trang 959]

6. We note that the egoic will must make its way to the very lowest portion of the human

6. Chúng ta lưu ý rằng ý chí chân ngã phải đi xuống đến phần thấp nhất của bộ máy con

apparatus. Matter of the dense physical plane must be impressed.

7. It is also significant that it is the *will* that must impress the *brain.* Will and brain are fundamentally related—one the power to direct, the other the physical organ of direction.

8. We note that this type of impression concerns the "initial" use of egoic energy. There must be other and subsequent uses.

Let us take them one by one:

a. Alignment with the Ego. This, as we know, is only possible to the man who has reached the Probationary Path, **or a certain very definite point in evolution.**

9. It appears, in this sentence, that the "certain very definite point in evolution" is equivalent to the Probationary Path.

10. If it is so "definite", one wonders exactly what the Masters 'see' to confirm that this point in evolution has been reached. Perhaps there are certain activation in the fifth petal of the egoic lotus which reveal the status.

11. The obvious implication is by far the vast majority of human beings are *not* aligned with the Ego, much less directed or consciously directed by that Ego.

12. We also realize that alignment with the Ego is certainly possible *before* a man has taken the first initiation, as the Probationary Path begins *before* the first degree is consummated.

người. Vật chất của cõi hồng trần đậm đặc phải được ghi khắc.

7. Cũng đáng chú ý là chính *ý chí* phải ghi khắc lên *bộ não.* Ý chí và bộ não có liên hệ căn bản với nhau—một bên là quyền năng điều khiển, bên kia là cơ quan hồng trần của sự điều khiển.

8. Chúng ta lưu ý rằng loại ghi khắc này liên quan đến việc sử dụng năng lượng chân ngã "ban đầu". Hẳn phải có những cách sử dụng khác và tiếp theo.

Chúng ta hãy lần lượt xét từng điều:

a. Chỉnh hợp với chân ngã. Điều này, như chúng ta biết, chỉ có thể đối với con người đã đạt đến Con Đường Dự Bị, hay một điểm tiến hoá rất xác định nà**o đó.**

9. Có vẻ như, trong câu này, "một điểm tiến hoá rất xác định nào đó" tương đương với Con Đường Dự Bị.

10. Nếu nó "xác định" đến như vậy, người ta tự hỏi chính xác các Chân sư "thấy" điều gì để xác nhận rằng điểm tiến hoá này đã đạt tới. Có lẽ có những sự hoạt hóa nhất định trong cánh hoa thứ năm của Hoa Sen Chân Ngã bộc lộ tình trạng ấy.

11. Hàm ý hiển nhiên là đại đa số con người *không* được chỉnh hợp với chân ngã, huống chi được chân ngã ấy điều khiển hay điều khiển một cách có ý thức.

12. Chúng ta cũng nhận ra rằng sự chỉnh hợp với chân ngã chắc chắn có thể xảy ra *trước* khi một người trải qua lần điểm đạo thứ nhất, vì Con Đường Dự Bị bắt đầu *trước* khi cấp độ thứ nhất được hoàn tất.

13. A the initial reversal of the wheel, some degree of alignment with the Ego occurs.

13. Khi bánh xe bắt đầu đảo chiều, một mức độ chỉnh hợp nào đó với chân ngã xuất hiện.

Through **knowledge and practice**, the **power** has been acquired of automatically and scientifically utilising the sutratma (or channel) as a means of contact.

Thông qua **tri thức và thực hành**, **quyền năng** đã được đạt tới để tự động và một cách khoa học sử dụng sutratma (hay kênh dẫn) như một phương tiện tiếp xúc.

14. We note it is the "life thread" by means of which the personality contacts the Ego. DK is not here speaking of even the lower portion of the antahkarana connecting the mental unit with the causal body, though such a link is implied. Yet, since he is speaking of "power" to contact the Ego, it is understandable why the sutratma is necessary for such contact. The *power* to achieve certain levels of consciousness precedes the achievement of consciousness itself.

14. Chúng ta lưu ý rằng chính "sợi dây sự sống" là phương tiện nhờ đó phàm ngã tiếp xúc với chân ngã. Ở đây Chân sư DK không nói đến ngay cả phần thấp hơn của antahkarana nối đơn vị hạ trí với thể nguyên nhân, dù một liên kết như thế được hàm ý. Tuy nhiên, vì ông đang nói đến "quyền năng" để tiếp xúc với chân ngã, nên có thể hiểu được vì sao sutratma là cần thiết cho sự tiếp xúc ấy. *Quyền năng* để đạt tới những cấp độ tâm thức nhất định đi trước sự đạt được chính tâm thức ấy.

15. It is the 'energy presence' of the Ego which is utilized to achieve contact.

15. Chính "sự hiện diện năng lượng" của chân ngã được sử dụng để đạt được sự tiếp xúc.

16. Without practice, knowledge alone will not provide the necessary contact.

16. Nếu không có thực hành, chỉ riêng tri thức sẽ không cung cấp được sự tiếp xúc cần thiết.

17. Apparently, even upon the Probationary Path, the contact is to be automatic and scientifically executed.

17. Dường như, ngay cả trên Con Đường Dự Bị, sự tiếp xúc cũng phải được thực hiện một cách tự động và khoa học.

When to this ability is added that of **utilising with equal ease the antaskarana** (or bridge between the Triad and the personality) then we have a powerful agent of the Hierarchy on the earth.

Khi vào khả năng này được thêm vào khả năng **sử dụng antaskarana với sự dễ dàng tương đương** (hay cây cầu giữa Tam nguyên tinh thần và phàm ngã) thì chúng ta có một tác nhân hùng mạnh của Thánh Đoàn trên trần gian.

18. To be a true and powerful "agent of the Hierarchy on earth" necessitates contact with the spiritual triad. Power (the will aspect) descends via the antahkarana. True hierarchical workers are triadally focussed.

18. Để là một "tác nhân của Thánh Đoàn trên trần gian" chân chính và hùng mạnh, cần phải có sự tiếp xúc với Tam Nguyên Tinh Thần. Quyền năng (phương diện ý chí) giáng xuống qua antahkarana. Những người hoạt động đích thực của Thánh đoàn được tập trung trong Tam nguyên tinh thần.

19. For those of us who may find the process of building and utilising the antahkarana somewhat vague, DK assures us that utilization of this more subtle "inner organ" is to become as easy as utilizing one's contact with the causal body (the vehicle of the soul)—i.e., utilizing the lower portion of the "bridge".

19. Đối với những ai trong chúng ta có thể thấy tiến trình xây dựng và sử dụng antahkarana phần nào mơ hồ, Chân sư DK bảo đảm với chúng ta rằng việc sử dụng "cơ quan nội tại" tinh tế hơn này sẽ trở nên dễ dàng như việc sử dụng sự tiếp xúc của mình với thể nguyên nhân (vận cụ của linh hồn)—tức là, sử dụng phần thấp của "cây cầu".

20. The antahkarana gives access to the *true* Ego—the spiritual triad. That which we call the Ego on the two lower subplanes of the higher mental plane is the Ego 'enshrouded' in the causal body.

20. Antahkarana cho phép tiếp cận *chân* ngã đích thực—Tam nguyên tinh thần. Điều mà chúng ta gọi là chân ngã trên hai cõi phụ thấp của Cõi thượng trí là chân ngã được 'bao bọc' trong thể nguyên nhân.

We might generalise in the following manner as to the stages of growth and consequent ability to become the agent of ever increasing powers,

Chúng ta có thể khái quát hóa theo cách sau đây về các giai đoạn tăng trưởng và năng lực hệ quả để trở thành tác nhân của những quyền năng ngày càng gia tăng,

21. The "powers" are resident 'above' and descend when proper contact is established.

21. Các "quyền năng" cư ngụ ở 'bên trên' và giáng xuống khi sự tiếp xúc thích đáng được thiết lập.

22. Ponder on the thought—"ever-increasing powers".

22. Hãy suy ngẫm về tư tưởng—"những quyền năng ngày càng gia tăng".

tapping the resources of dynamic energy in the three worlds.

khai mở các nguồn lực của năng lượng năng động trong ba cõi giới.

23. Dynamic energy is of the will, of the Spirit and to a lesser extent of the Triad.. Dynamic energy is capable of creating 'movements' within the lower three worlds.

23. Năng lượng năng động thuộc về ý chí, thuộc về tinh thần và ở mức độ thấp hơn thuộc về Tam nguyên tinh thần.. Năng lượng năng động có khả năng tạo ra những

In addition there are energies *within* the lower three worlds which contact with higher sources (for instance, the Ego or Triad) will set loose.

'chuyển động' trong ba cõi thấp. Ngoài ra còn có những năng lượng *bên trong* ba cõi thấp mà sự tiếp xúc với các nguồn cao hơn (chẳng hạn chân ngã hay Tam nguyên tinh thần) sẽ giải phóng ra.

Lower types of humanity use the sutratma as it passes through the etheric body.

Những loại thấp của nhân loại sử dụng sutratma khi nó đi qua thể dĩ thái.

24. The sutratma always supports of *empowers* the consciousness of the vibratory field through which it passes. There can be no consciousness without *life support.*

24. Sutratma luôn nâng đỡ hoặc *tiếp năng lực cho* tâm thức của trường rung động mà nó đi qua. Không thể có tâm thức nếu không có *sự nâng đỡ của sự sống.*

25. Such people ("lower types of humanity") are basically *physically* polarized, recognizing that the etheric body is essentially a *physical* vehicle.

25. Những người như thế ("những loại thấp của nhân loại") về căn bản được phân cực *hồng trần*, nhận biết rằng thể dĩ thái về bản chất là một vận cụ *hồng trần.*

26. The first personality vehicle to become fully activated is the etheric-physical body. This is literally and symbolically a Lemurian activation.

26. Vận cụ phàm ngã đầu tiên trở nên được hoạt hóa đầy đủ là thể dĩ thái-hồng trần. Điều này theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa biểu tượng là một sự hoạt hóa Lemuria.

Average men utilise **almost** entirely that part of the sutratma which passes through the astral plane. Their reactions are largely based on desire, and are emotional.

Những người trung bình sử dụng **gần như** hoàn toàn phần sutratma đi qua cõi cảm dục. Những phản ứng của họ phần lớn dựa trên dục vọng, và mang tính cảm xúc.

27. Average man is definitely emotional in his responses. Average man is rather Atlantean in consciousness. Yet average men, also *think* (though that thinking be kama-manasic). Thus, the use of the term, "almost entirely".

27. Con người trung bình rõ rệt là cảm xúc trong các đáp ứng của y. Con người trung bình khá Atlantis trong tâm thức. Tuy nhiên, những người trung bình cũng *suy nghĩ* (dù sự suy nghĩ ấy là trí-cảm). Vì vậy mới dùng cụm từ "gần như hoàn toàn".

28. The sutratma (being the "life thread") naturally passes through *all* personality vehicles, without which they could not be sustained in livingness.

28. Sutratma (vốn là "sợi dây sự sống") tự nhiên đi qua *mọi* vận cụ phàm ngã, nếu không có nó thì chúng không thể được duy trì trong trạng thái sống động.

***Intellectual men* utilise the sutratma as it passes through the lower levels of the**

***Những người trí thức* sử dụng sutratma khi nó đi qua các mức thấp của cõi trí,** đi xuống

mental plane, down through the astral to the physical in its two sections.

qua cõi cảm dục đến cõi hồng trần trong hai phần của nó.

29. At each successive stage, the progressing man does not lose the sutratma function that demonstrates in the previous stage or stages.

29. Ở mỗi giai đoạn kế tiếp, con người đang tiến hóa không đánh mất chức năng của sutratma đã biểu lộ trong giai đoạn hay các giai đoạn trước đó.

30. Intellectual man is definitely focussed in his lower concrete mind. If a human being were focussed any higher upon the mental plane, he would no longer be strictly "intellectual".

30. Con người trí thức rõ rệt được tập trung trong hạ trí cụ thể của y. Nếu một con người được tập trung cao hơn trên cõi trí, y sẽ không còn hoàn toàn là "trí thức" nữa.

Their activities are energised by mind and not by desire, as in the earlier cases.

Các hoạt động của họ được tiếp năng lượng bởi trí tuệ chứ không phải bởi dục vọng, như trong các trường hợp trước.

31. Still very few human beings are those whose activities are energized principally by mind. It is not said that no desire is involved in this higher type of energizing.

31. Tuy vậy, vẫn có rất ít con người mà các hoạt động của họ được tiếp năng lượng chủ yếu bởi trí tuệ. Không phải là nói rằng không có dục vọng nào dính líu trong kiểu tiếp năng lượng cao hơn này.

32. Have you checked the sources of your own motivation? Have mental motivations superseded emotionally-based motivations?

32. Các bạn đã kiểm tra các nguồn động cơ của chính mình chưa? Những động cơ trí tuệ đã thay thế các động cơ dựa trên cảm xúc chưa?

Aspirants on the physical plane

Những người chí nguyện trên cõi hồng trần

33. DK seems to be hinting that there are effective aspirants on the subtler planes.

33. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng có những người chí nguyện hữu hiệu trên các cõi tinh tế hơn.

use the sutratma as it passes through the two lower subplanes of the abstract levels of the mental plane, and are beginning gradually to build the antaskarana, or the bridge between the Triad and the Personality. The power of the Ego can begin to make itself felt

sử dụng sutratma khi nó đi qua hai cõi phụ thấp của các mức trừu tượng của cõi trí, và đang bắt đầu dần dần xây dựng antaskarana, hay cây cầu giữa Tam nguyên tinh thần và phàm ngã. Quyền năng của chân ngã có thể bắt đầu làm cho chính nó được cảm nhận

34. Technically, the aspirant has advanced to a higher stage of development than the strictly intellectual man, though many aspirants have preserved their intellectual orientation.

34. Về mặt kỹ thuật, người chí nguyện đã tiến đến một giai đoạn phát triển cao hơn con người thuần túy trí thức, dù nhiều người chí nguyện vẫn giữ định hướng trí thức của mình.

35. We might ask whether the stage of aspiration begins *before* the Ego is focussed on the second subplane of the mental plane. Apparently this is the case. Even though the Ego of average man and even of intellectual man is polarized on the third subplane of the mental plane, the sutratma does not activate the third level of the abstract mental plane until the man has become an aspirant.

35. Chúng ta có thể hỏi liệu giai đoạn chí nguyện có bắt đầu *trước* khi chân ngã được tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi trí hay không. Rõ ràng là như vậy. Dù chân ngã của con người trung bình và ngay cả của con người trí thức được phân cực trên cõi phụ thứ ba của cõi trí, sutratma không hoạt hóa mức thứ ba của cõi trí trừu tượng cho đến khi con người ấy đã trở thành một người chí nguyện.

36. Here the antahkarana is defined as the "bridge between the Triad and the Personality". In other contexts, the entire triangle connecting the mental unit, the Jewel in the Lotus and the manasic permanent atom is seen as the antahkarana.

36. Ở đây antahkarana được định nghĩa là "cây cầu giữa Tam nguyên tinh thần và Phàm ngã". Trong những ngữ cảnh khác, toàn bộ tam giác nối đơn vị hạ trí, Viên Ngọc trong Hoa Sen và nguyên tử trường tồn manas được xem là antahkarana.

37. We have here the implication that for the aspirant some degree of abstract or higher mental thought is present for the higher mental plane is involved in their internal energy dynamics.

37. Ở đây hàm ý rằng đối với người chí nguyện, một mức độ nào đó của tư tưởng trừu tượng hay tư tưởng thượng trí hiện diện, vì Cõi thượng trí có liên quan trong động lực năng lượng nội tại của họ.

38. An aspirant is definitely subject to egoic influence whereas a strictly intellectual man is not.

38. Người chí nguyện rõ rệt chịu ảnh hưởng chân ngã, trong khi con người thuần túy trí thức thì không.

39. Even as an aspirant, one can *begin* to build the antahkarana.

39. Ngay cả khi là một người chí nguyện, người ta vẫn có thể *bắt đầu* xây dựng antahkarana.

40. The term "aspirant" covers a wide range of development as even an initiate of the second degree can be considered an aspirant.

40. Thuật ngữ "người chí nguyện" bao trùm một phạm vi phát triển rất rộng, vì ngay cả một điểm đạo đồ của cấp thứ hai cũng có thể được xem là một người chí nguyện.

41. From what is said below we may gather that the term "aspirant" (as just used above) indicates one who has stepped upon the Probationary Path but is not necessarily an initiate of the first degree. The Ego refocuses its polarization onto the second subplane of the mental plane when the individual becomes an aspirant. Such re-polarization may even be true of an "advanced man". In this case "advanced man" would indicate a stage higher than strictly intellectual man.

41. Từ điều được nói bên dưới, chúng ta có thể suy ra rằng thuật ngữ "người chí nguyện" (như vừa được dùng ở trên) chỉ người đã bước lên Con Đường Dự Bị nhưng chưa nhất thiết là một điểm đạo đồ của cấp thứ nhất. Chân ngã tái tập trung sự phân cực của nó lên cõi phụ thứ hai của cõi trí khi cá nhân trở thành một người chí nguyện. Sự tái phân cực như thế thậm chí có thể đúng với một "con người tiến bộ". Trong trường hợp này, "con người tiến bộ" sẽ chỉ một giai đoạn cao hơn con người thuần túy trí thức.

42. Some types of intellectual men (at least we call them that) have access *also* to the abstract mind. DK speaks of intellectual man as if he were only capable of thinking concretely. The higher types of intellectual men have the capacity for abstract thought. Perhaps, in DK's terminology, we would have to call them "aspirants".

42. Một số loại người trí thức (ít nhất chúng ta gọi họ như thế) cũng có khả năng tiếp cận *cả* trí trừu tượng. Chân sư DK nói về con người trí thức như thể y chỉ có khả năng suy nghĩ cụ thể. Những loại người trí thức cao hơn có năng lực tư tưởng trừu tượng. Có lẽ, theo thuật ngữ của Chân sư DK, chúng ta sẽ phải gọi họ là "những người chí nguyện".

Applicants for initiation and initiates up to the third initiation use both the sutratma **and** the antaskarana, employing them as a unit.

Những người xin điểm đạo và các điểm đạo đồ cho đến lần điểm đạo thứ ba sử dụng cả sutratma **và** antaskarana, dùng chúng như một đơn vị.

43. The antahkarana is employed as the human being becomes increasingly *conscious.*

43. Antahkarana được sử dụng khi con người trở nên ngày càng *hữu thức.*

44. When DK speaks of "applicants for initiation" it seems He is including even applicants for the first initiation. He seems to discriminate between aspirants/ probationers and those who are truly "applicants" even for the first degree.

44. Khi Chân sư DK nói về "những người xin điểm đạo", dường như Ngài bao gồm cả những người xin lần điểm đạo thứ nhất. Dường như Ngài phân biệt giữa những người chí nguyện/người dự bị và những ai thật sự là "người xin" ngay cả đối với cấp thứ nhất.

45. It might be that the type of "applicant" which Master DK has in mind is no lower than the applicant to the second degree, at which time the antahkarana is built to a noticeable extent.

45. Có thể loại "người xin" mà Chân sư DK nghĩ đến không thấp hơn người xin cấp thứ hai, vào lúc mà antahkarana đã được xây dựng đến một mức đáng kể.

46. To use the sutratma and antahkarana simultaneously suggests an empowered penetration into higher worlds. This simultaneous usage reminds one of the phase of *projection* in the sixfold method of building the antahkarana.

46. Việc sử dụng sutratma và antahkarana đồng thời gợi ý một sự xuyên nhập được tiếp năng lực vào các thế giới cao hơn. Việc sử dụng đồng thời này gợi nhớ đến giai đoạn *phóng chiếu* trong phương pháp lục phân xây dựng antahkarana.

The power of the Triad begins to pour through, thus energising all human [Page 960] activities upon the physical plane, **and vitalising in ever increasing degree the man's thought forms**.

Quyền năng của Tam nguyên tinh thần bắt đầu tuôn chảy qua, nhờ đó tiếp năng lượng cho mọi hoạt động của con người [Page 960] trên cõi hồng trần, **và tiếp sinh lực ở mức độ ngày càng tăng cho các hình tư tưởng của con người**.

47. We are speaking of the process of thoughtform vitalization as it occurs for those who are applicants for initiation.

47. Chúng ta đang nói về tiến trình tiếp sinh lực cho hình tư tưởng như nó xảy ra nơi những người xin điểm đạo.

48. Where there is triadal contact, *all* aspects of human nature are energized.

48. Ở đâu có sự tiếp xúc tam nguyên tinh thần, *mọi* phương diện của bản chất con người đều được tiếp năng lượng.

49. Can we discriminate within ourselves between—

49. Chúng ta có thể phân biện trong chính mình giữa—

a. Thoughtforms energized from the lower levels of the mental plane

a. Những hình tư tưởng được tiếp năng lượng từ các mức thấp của cõi trí

b. Thoughtforms energized from the Ego on the third and second subplane of the mental plane

b. Những hình tư tưởng được tiếp năng lượng từ chân ngã trên cõi phụ thứ ba và thứ hai của cõi trí

c. Thoughtforms energized body the power of the Triad

c. Những hình tư tưởng được tiếp năng lượng bởi quyền năng của Tam nguyên tinh thần

The key to the formation of the Mayavirupa is found in the right comprehension of the process.

Chìa khóa cho sự hình thành của Mayavirupa được tìm thấy trong sự thấu hiểu đúng đắn về tiến trình này.

50. It is clear that the mayavirupa is formed from an impulse originating within the spiritual triad. It may be supposed that the impact of triadal energy upon the lower mental field creates the mental thoughtform on which the mayavirupa is to be built. As the mayavirupa cannot be formed until after the fourth initiation, and as, following the fourth initiation there is no mental unit, per se, the triadal energy must recreate a kind of mental unit through which to work on the lower mental plane in carrying forward this act of creation.

50. Rõ ràng là mayavirupa được hình thành từ một xung lực phát sinh bên trong Tam nguyên tinh thần. Có thể giả định rằng tác động của năng lượng tam nguyên tinh thần lên trường hạ trí tạo ra hình tư tưởng trí tuệ mà trên đó mayavirupa sẽ được xây dựng. Vì mayavirupa không thể được hình thành cho đến sau lần điểm đạo thứ tư, và vì sau lần điểm đạo thứ tư không còn đơn vị hạ trí, chính nó, nên năng lượng tam nguyên tinh thần phải tái tạo một loại đơn vị hạ trí nào đó để hoạt động qua đó trên cõi hạ trí trong khi xúc tiến hành vi sáng tạo này.

If students will study carefully the above differentiations, **much light will be thrown upon the quality of the energy employed in thought-form building**.

Nếu các đạo sinh nghiên cứu cẩn thận những sự phân biệt trên, **nhiều ánh sáng sẽ được soi rọi lên phẩm tính của năng lượng được sử dụng trong việc xây dựng hình tư tưởng**.

51. Our immediate task is to understand the levels from which our thoughtforms are impulsed. Probably for all, there is a mixture of effective impulses. Perhaps our thoughtforms are more concrete than we may have supposed?

51. Nhiệm vụ trước mắt của chúng ta là thấu hiểu những cấp độ mà từ đó các hình tư tưởng của chúng ta được thúc đẩy. Có lẽ đối với tất cả mọi người, có một sự pha trộn của các xung lực hữu hiệu. Có lẽ các hình tư tưởng của chúng ta cụ thể hơn điều chúng ta từng giả định?

In the early stages of alignment, it has to be **concisely and carefully brought about through concentration and meditation**.

Trong các giai đoạn đầu của sự chỉnh hợp, nó phải được **được tạo ra một cách súc tích và cẩn thận qua sự tập trung và tham thiền**.

52. This is the method of "practice" which DK mentioned above.

52. Đây là phương pháp "thực hành" mà Chân sư DK đã đề cập ở trên.

53. We learn that alignment is not a natural process but rather an achievement hardly won. This we can verify for ourselves if we have become sensitive to the times when we

53. Chúng ta học được rằng sự chỉnh hợp không phải là một tiến trình tự nhiên mà đúng hơn là một thành tựu khó nhọc mới đạt được. Chúng ta có thể tự kiểm chứng

are truly aligned and the many moments when we may not be.

điều này nếu đã trở nên nhạy cảm với những lúc mình thật sự được chỉnh hợp và nhiều khoảnh khắc khi mình có thể không được như vậy.

Later, when the **right rhythm** has been set up in the bodies, and the purification of the sheaths has been rigidly pursued, the dual activity will become practically instantaneous,

Về sau, khi **nhịp điệu đúng đắn** đã được thiết lập trong các thể, và sự thanh luyện các thể vỏ đã được theo đuổi một cách nghiêm ngặt, hoạt động kép sẽ trở nên hầu như tức thời,

54. Concentration and meditation become practically instantaneous.

54. Sự tập trung và tham thiền trở nên hầu như tức thời.

55. Notice the requirements—right rhythm and purification. It would seem that each body must be rendered rhythmic, rather than characterized by disjointed activity or even chaos, and that the rhythm in one vehicle must correlate relatively harmoniously with the rhythm in the other two.

55. Hãy lưu ý các yêu cầu—nhịp điệu đúng đắn và sự thanh luyện. Dường như mỗi thể phải được làm cho có nhịp điệu, thay vì mang đặc tính hoạt động rời rạc hay thậm chí hỗn loạn, và nhịp điệu trong một vận cụ phải tương quan tương đối hài hòa với nhịp điệu trong hai vận cụ kia.

56. What comes to mind when you think of submitting your three personality vehicles to "right rhythm"? Perhaps it is not so difficult when thinking of the physical body, but what of the astral vehicle or the lower mental vehicle?

56. Điều gì xuất hiện trong tâm trí các bạn khi nghĩ đến việc đặt ba vận cụ phàm ngã của mình dưới "nhịp điệu đúng đắn"? Có lẽ điều đó không quá khó khi nghĩ đến thể xác, nhưng còn vận cụ cảm dục hay vận cụ hạ trí thì sao?

57. Perhaps giving due attention to cycles of activity and of receptivity/passivity will give a necessary clue.

57. Có lẽ việc chú ý thích đáng đến các chu kỳ hoạt động và tiếp nhận/thụ động sẽ cung cấp một đầu mối cần thiết.

and the student can then turn his attention to the work of ***conscious* building and vitalisation;** his point of concentration will not then be given to the attainment of alignment.

và khi đó đạo sinh có thể hướng sự chú ý của mình đến công việc ***xây dựng và tiếp sinh lực một cách hữu thức;*** khi ấy điểm tập trung của y sẽ không còn dành cho việc đạt được sự chỉnh hợp nữa.

58. Let us tabulate the sequence:

58. Chúng ta hãy lập bảng trình tự:

a. Concentration

b. Meditation

c. Conscious building

d. Vitalization

59. If there is to be conscious building and vitalization, then concentration cannot be constantly expended on the attainment of alignment.

60. We can see why it is so important to achieve alignment before any really creative work can be accomplished. One must not leap into supposed creativity before one is sure that alignment is established.

Accurate alignment entails,

Mental quiescence, or stable vibration,

61. The contents of the mind cannot be 'leaping about' or it will disturb the energy which seeks to descend.

62. Steady, long breaths will assist in the quieting of the mind.

Emotional stability, resulting in limpid reflection,

63. Eventually, the emotional body is to be a reflector of the intuition or buddhi.

64. We all know that it is impossible to meditate properly in a state of emotional agitation. One must first calm down.

a. Tập trung

b. Tham thiền

c. Xây dựng hữu thức

d. Tiếp sinh lực

59. Nếu phải có sự xây dựng và tiếp sinh lực một cách hữu thức, thì sự tập trung không thể liên tục bị tiêu hao vào việc đạt được sự chỉnh hợp.

60. Chúng ta có thể thấy vì sao việc đạt được sự chỉnh hợp lại quan trọng đến thế trước khi bất kỳ công việc sáng tạo thực sự nào có thể được hoàn thành. Người ta không được lao vào cái gọi là sáng tạo trước khi chắc chắn rằng sự chỉnh hợp đã được thiết lập.

Sự chỉnh hợp chính xác bao hàm,

Sự tĩnh lặng của thể trí, hay rung động ổn định,

61. Nội dung của thể trí không thể 'nhảy loạn lên' nếu không nó sẽ làm xáo trộn năng lượng đang tìm cách giáng xuống.

62. Những hơi thở dài và đều sẽ giúp làm lắng dịu thể trí.

Sự ổn định cảm xúc, đưa đến sự phản chiếu trong sáng,

63. Cuối cùng, thể cảm dục phải trở thành một tấm phản chiếu của trực giác hay Bồ đề.

64. Tất cả chúng ta đều biết rằng không thể tham thiền đúng đắn trong trạng thái kích

động cảm xúc. Trước hết người ta phải bình tĩnh lại.

65. What would be the quality of thoughtforms built while in an emotional state? They would hardly reflect the Ego.

65. Phẩm tính của những hình tư tưởng được xây dựng trong khi ở trong trạng thái cảm xúc sẽ là gì? Chúng khó có thể phản chiếu chân ngã.

66. The type of meditation we are studying is not kama-manasic.

66. Loại tham thiền mà chúng ta đang nghiên cứu không phải là trí-cảm.

Etheric poise, producing a condition in the head centre which would permit of the direct application of force to the physical brain via the centre.

Sự quân bình dĩ thái, tạo ra một tình trạng trong trung tâm đầu cho phép mãnh lực được áp dụng trực tiếp vào bộ não hồng trần qua trung tâm ấy.

67. This is a poised quiescence of the ethers. Again, long, steady breaths will facilitate this. Both aspects of the physical apparatus (the etheric and the dense physical) must be quieted.

67. Đây là một sự tĩnh lặng quân bình của các dĩ thái. Một lần nữa, những hơi thở dài và đều sẽ tạo thuận lợi cho điều này. Cả hai phương diện của bộ máy hồng trần (dĩ thái và hồng trần đậm đặc) đều phải được làm cho yên lặng.

68. We are given the mode through which the dense physical brain can be impacted from the etheric levels. The line of transmission seems to be from the head center above the head, through the etheric brain and thence to the dense physical brain.

68. Chúng ta được cho biết phương thức mà qua đó bộ não hồng trần đậm đặc có thể nhận tác động từ các mức dĩ thái. Đường truyền dường như là từ trung tâm đầu phía trên đầu, qua não dĩ thái và từ đó đến bộ não hồng trần đậm đặc.

69. We have examined alignment and now take up the question of "physical brain impression".

69. Chúng ta đã khảo sát sự chỉnh hợp và giờ đây bàn đến vấn đề "sự ghi nhận của bộ não hồng trần".

c. Physical brain impression. **The accurate realisation by the physical brain of what the Ego is seeking to convey concerning the work to be done only becomes possible when two things are realised**:

c. Sự ghi nhận của bộ não hồng trần. **Sự chứng nghiệm chính xác của bộ não hồng trần về điều mà chân ngã đang tìm cách truyền đạt liên quan đến công việc phải làm chỉ trở nên khả hữu khi hai điều được chứng nghiệm**:

70. Within the dense physical brain there must be accurate egoic impression. This

70. Trong bộ não hồng trần đậm đặc phải có sự ghi nhận chân ngã chính xác. Điều này có

means that we, in our normal, waking consciousness, must know what it is that the Ego intends. Are we truly aware of such impression? And if so, with accuracy?

nghĩa là chúng ta, trong tâm thức thức tỉnh bình thường của mình, phải biết điều mà chân ngã dự định. Chúng ta có thật sự nhận biết được sự ghi nhận ấy không? Và nếu có, có chính xác không?

Direct alignment.

Sự chỉnh hợp trực tiếp.

71. Direct, unimpeded alignment is required, and the meditator must *realize* that it is occurring.

71. Cần có sự chỉnh hợp trực tiếp, không bị cản trở, và người hành thiền phải *chứng nghiệm* rằng điều đó đang xảy ra.

The transmission of the egoic energy or will to one or other of the three physical centres in the head:

Sự truyền dẫn năng lượng hay ý chí chân ngã đến một trong ba trung tâm hồng trần trong đầu:

72. These glands are definitely involved in the process of transmission. Note, however, that DK speaks of the alta major center and not of the carotid gland. Yet, what is the meaning of the term "centre"?

72. Những tuyến này rõ rệt có liên quan trong tiến trình truyền dẫn. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng Chân sư DK nói đến trung tâm alta major chứ không phải tuyến cảnh. Tuy vậy, ý nghĩa của thuật ngữ "trung tâm" là gì?

The pineal gland.

Tuyến tùng quả.

The pituitary body.

Thể tuyến yên.

The alta major **centre**, or that **nerve centre at the top of the spine**, where the cranium and the spine make approximate contact.

Trung tâm **alta major**, hay **trung tâm thần kinh ở đỉnh cột sống**, nơi hộp sọ và cột sống tiếp xúc xấp xỉ với nhau.

73. Perhaps His use of the word "center" does not signify an *etheric* center but, rather, a *physical* center. The term "center" can indicate either.

73. Có lẽ việc Ngài dùng từ "trung tâm" không chỉ một trung tâm *dĩ thái* mà đúng hơn là một trung tâm *hồng trần*. Thuật ngữ "trung tâm" có thể chỉ một trong hai.

When this congery of nerves is fully developed,

Khi cụm dây thần kinh này được phát triển đầy đủ,

74. DK is definitely speaking in *physical* terms. He is not indicating, in this reference, an *etheric* center.

74. Chân sư DK rõ rệt đang nói theo thuật ngữ *hồng trần*. Trong chỗ dẫn này, Ngài không chỉ một trung tâm *dĩ thái*.

it forms a centre of communication between the vital energy of the spinal column (the kundalini fire) and the energy of the two head centres above enumerated.

nó tạo thành một trung tâm giao tiếp giữa sinh lực của cột sống (lửa kundalini) và năng lượng của hai trung tâm đầu được liệt kê ở trên.

75. This is a most important piece of occultism. We see that there can be no true connection between the kundalini and the higher centers in the head unless the alta major center, physically considered, plays its role.

75. Đây là một điểm huyền bí học hết sức quan trọng. Chúng ta thấy rằng không thể có sự nối kết chân thực nào giữa kundalini và các trung tâm cao hơn trong đầu trừ khi trung tâm alta major, xét về mặt hồng trần, đóng vai trò của nó.

It is the physical correspondence to the antaskarana on higher levels. [Page 961]

Nó là sự tương ứng hồng trần với antaskarana trên các mức cao hơn. [Page 961]

76. There is also an etheric correspondence to the antahkarana at this anatomical location, but DK seems to be referencing the alta major *nerve* center or congery of nerves as a kind of lower correspondence to the antahkarana.

76. Cũng có một sự tương ứng dĩ thái với antahkarana tại vị trí giải phẫu này, nhưng Chân sư DK dường như đang nói đến trung tâm *thần kinh* alta major hay cụm dây thần kinh như một loại tương ứng thấp với antahkarana.

CHART X — THE SCIENCE OF MEDITATION

BIỂU ĐỒ X — KHOA HỌC THAM THIỀN

77. We can learn certain things of importance by studying this chart.

77. Chúng ta có thể học được một số điều quan trọng bằng cách nghiên cứu biểu đồ này.

78. Note that the spiritual triad (atma/buddhi/manas) is directly reflected in the Ego on the higher mental plane. We might consider the sacrifice petals the reflection of atma; the love petals the reflection of buddhi; and the knowledge petals as the reflection of manas.

78. Hãy lưu ý rằng Tam nguyên tinh thần (atma/buddhi/manas) được phản chiếu trực tiếp trong chân ngã trên Cõi thượng trí. Chúng ta có thể xem các cánh hoa hi sinh là sự phản chiếu của atma; các cánh hoa bác ái là sự phản chiếu của buddhi; và các cánh hoa tri thức là sự phản chiếu của manas.

79. We also notice that there is a *direct* alignment with atma (as it is reflected within the Ego on the higher mental plane) and the mental unit. Obviously, then, the

79. Chúng ta cũng nhận thấy rằng có một sự chỉnh hợp *trực tiếp* với atma (như nó được phản chiếu trong chân ngã trên Cõi thượng trí) và đơn vị hạ trí. Hiển nhiên, như vậy,

mental unit is an instrument for conveying the will.

80. The mental unit is the only permanent atom (of a kind) that is *directly* connected to the reflection of atma, buddhi or manas within the Ego.

81. The manasic portion of the Ego does, however, connect with the alta major center. The buddhic portion of the Ego connects with the pituitary body. The atmic portion of the ego does, also, connect with the pineal gland.

82. We notice, by studying the vertical dotted line, that the atmic portion extends its influence through *all* members of the atomic triangle, but the line is only solid in relation to the mental unit.

83. Since the members of the atomic triangle are *directing centers* with respect to the three lower vehicles, we can understand why they are all connected to the atmic portion of the Ego.

84. In this particular map, however, we do not see the permanent atoms of the spiritual triad represented as connected to the atmic, buddhic, and manasic portions of the Ego on the higher mental plane. Other charts seem to show this connection.

[Page 962]

đơn vị hạ trí là một công cụ để truyền đạt ý chí.

80. Đơn vị hạ trí là nguyên tử trường tồn duy nhất (theo một nghĩa nào đó) được *trực tiếp* nối kết với sự phản chiếu của atma, buddhi hay manas bên trong chân ngã.

81. Tuy nhiên, phần manas của chân ngã có nối kết với trung tâm alta major. Phần Bồ đề của chân ngã nối kết với thể tuyến yên. Phần atma của chân ngã cũng nối kết với tuyến tùng quả.

82. Khi nghiên cứu đường chấm dọc, chúng ta nhận thấy rằng phần atma mở rộng ảnh hưởng của nó qua *mọi* thành viên của tam giác nguyên tử, nhưng đường này chỉ là đường liền đối với đơn vị hạ trí.

83. Vì các thành viên của tam giác nguyên tử là những *trung tâm chỉ đạo* đối với ba vận cụ thấp, chúng ta có thể hiểu vì sao tất cả chúng đều được nối kết với phần atma của chân ngã.

84. Tuy nhiên, trong sơ đồ đặc biệt này, chúng ta không thấy các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần được trình bày như nối kết với các phần atma, Bồ đề và manas của chân ngã trên Cõi thượng trí. Những biểu đồ khác dường như cho thấy sự nối kết này.

[Page 962]

The pituitary body (in all cases of correct normal development) forms the centre which receives the threefold vitalisation **pouring through the sutratma** from the lower mental, the astral, and the etheric planes.

Thể tuyến yên (trong mọi trường hợp phát triển bình thường đúng đắn) tạo thành trung tâm tiếp nhận sự tiếp sinh lực tam phân **tuôn chảy qua sutratma** từ cõi hạ trí, cõi cảm dục và cõi dĩ thái.

85. The pituitary body is particularly connected with the personality composed of the mental, astral and etheric-physical bodies.

85. Thể tuyến yên đặc biệt liên hệ với phàm ngã gồm thể trí, thể cảm dục và thể dĩ thái-hồng trần.

86. Notice, however, that the Tibetan speaks of "planes" and not of bodies, per se. Reception within the pituitary body from planes, and not just from within the personality vehicles, is suggested.

86. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng nói đến "các cõi" chứ không phải các thể, chính chúng. Điều này gợi ý sự tiếp nhận trong thể tuyến yên từ các cõi, chứ không chỉ từ bên trong các vận cụ phàm ngã.

87. One wonders what may befall the pituitary body in cases of *abnormal* development.

87. Người ta tự hỏi điều gì có thể xảy đến với thể tuyến yên trong những trường hợp phát triển *bất thường*.

88. Notice that, in this context, we are speaking of the sutratma and of vitalization and not of consciousness, per se.

88. Hãy lưu ý rằng, trong ngữ cảnh này, chúng ta đang nói về sutratma và về sự tiếp sinh lực chứ không phải về tâm thức, chính nó.

89. The sutratma is really the attenuated *presence* of the Monad in all phases of personality life. With this attenuated presence comes attenuated monadic awareness. The presence of life supports the presence of consciousness.

89. Sutratma thực sự là *sự hiện diện* được làm mảnh đi của chân thần trong mọi giai đoạn của đời sống phàm ngã. Cùng với sự hiện diện được làm mảnh đi này là sự nhận biết chân thần được làm mảnh đi. Sự hiện diện của sự sống nâng đỡ sự hiện diện của tâm thức.

The pineal gland comes into activity when this action is enhanced by the pouring through of energy from the Ego on its own plane.

Tuyến tùng quả đi vào hoạt động khi hoạt động này được tăng cường bởi sự tuôn chảy của năng lượng từ chân ngã trên chính cõi của nó.

90. We learn that there is a direct connection between the Ego "on its own plane" and the pineal gland.

90. Chúng ta học được rằng có một sự nối kết trực tiếp giữa chân ngã "trên chính cõi của nó" và tuyến tùng quả.

91. Usually, "on its own plane" represents the higher mental plane, but the planes of the spiritual triad (characterized by *will*—thus relating to the pineal gland) may also be indicated.

91. Thông thường, "trên chính cõi của nó" chỉ Cõi thượng trí, nhưng các cõi của Tam nguyên tinh thần (được đặc trưng bởi *ý chí*—do đó liên hệ với tuyến tùng quả) cũng có thể được hàm ý.

When the antaskarana is in process of utilisation the alta major centre is likewise employed,

Khi antaskarana đang trong tiến trình sử dụng thì trung tâm alta major cũng được dùng,

92. This seems to be a *later* development, even as the full activation of the base of the spine center comes well after all the other centers (perhaps with the exception of the crown center) are very unfolded.

92. Điều này dường như là một sự phát triển *muộn hơn*, cũng như sự hoạt hóa đầy đủ của trung tâm đáy cột sống đến rất lâu sau khi mọi trung tâm khác (có lẽ ngoại trừ trung tâm đỉnh đầu) đã được khai mở rất nhiều.

93. It is one thing for the antahkarana to be built and yet another for it to be utilized. The full activation of the alta major center seems to *follow* the activation of the pituitary body.

93. Việc antahkarana được xây dựng là một chuyện, còn việc nó được sử dụng lại là chuyện khác. Sự hoạt hóa đầy đủ của trung tâm alta major dường như *theo sau* sự hoạt hóa của thể tuyến yên.

and the **three physical head centres** begin to work as a unit, thus forming a kind of triangle.

và **ba trung tâm đầu hồng trần** bắt đầu hoạt động như một đơn vị, nhờ đó hình thành một loại tam giác.

94. The interactivity of these three physical centers is paralleled on the etheric plane by the interactivity of the crown center, the ajna center and the alta major center *considered etherically.*

94. Sự tương tác của ba trung tâm hồng trần này được song hành trên cõi dĩ thái bởi sự tương tác của trung tâm đỉnh đầu, trung tâm ajna và trung tâm alta major *xét về mặt dĩ thái.*

By the time the third Initiation is reached, this triangle is fully awakened and the fire (or energy) is circulated freely.

Vào lúc lần điểm đạo thứ ba đạt đến, tam giác này hoàn toàn thức tỉnh và lửa (hay năng lượng) được lưu chuyển tự do.

95. VSK notes: “This triangle is implicated in Stanza 1.”

95. VSK ghi chú: “Tam giác này được hàm ý trong Bài kệ 1.”

96. Fire or energy circulates through the physical triangle and *also* through the etheric triangle.

96. Lửa hay năng lượng lưu chuyển qua tam giác hồng trần và *cũng* qua tam giác dĩ thái.

It will be apparent, therefore, that man's ability to create in mental matter grows as he treads the Path.

Do đó, sẽ rõ ràng rằng khả năng sáng tạo trong chất liệu trí tuệ của con người tăng trưởng khi y bước đi trên Con Đường.

97. Higher impulsive sources can be accessed as he evolves.

97. Các nguồn xung lực cao hơn có thể được tiếp cận khi y tiến hóa.

He needs to remember that (from the angle from which we are studying) **we are not considering the power of the Ego to produce forms on the mental plane**,

Y cần nhớ rằng (từ góc độ mà chúng ta đang nghiên cứu) **chúng ta không xét đến quyền năng của chân ngã trong việc tạo ra các hình tướng trên cõi trí**,

98. That is a higher type of ability…

98. Đó là một loại năng lực cao hơn…

99. The personality of man is just such a creation, beginning with an Ego-created mental vehicle.

99. Phàm ngã của con người chính là một sáng tạo như thế, bắt đầu với một vận cụ trí tuệ do chân ngã tạo ra.

but the ability of physical plane man to create upon the mental plane those vehicles for energy which—when set in motion by his conscious will—will produce certain specific effects upon the physical plane.

nhưng là năng lực của con người cõi hồng trần trong việc tạo ra trên cõi trí những vận cụ cho năng lượng mà—khi được đặt vào chuyển động bởi ý chí hữu thức của y—sẽ tạo ra những hiệu quả đặc thù nào đó trên cõi hồng trần.

100. Here DK is dealing specifically with the white magical process. Man’s lesser and often personal creativity upon the lower mental plane is a reflection of the Ego’s creativity on the higher.

100. Ở đây Chân sư DK đang bàn riêng về tiến trình huyền thuật chánh đạo. Tính sáng tạo nhỏ hơn và thường mang tính cá nhân của con người trên cõi hạ trí là sự phản chiếu của tính sáng tạo của chân ngã trên cõi cao hơn.

101. Thoughtforms are those "vehicles of energy which…will produce certain specific effects upon the physical plane".

101. Hình tư tưởng là những "vận cụ cho năng lượng mà… sẽ tạo ra những hiệu quả đặc thù nào đó trên cõi hồng trần".

102. The magical creator utilizes the "conscious will". We remember in the chart above how the atmic portion of the Ego on the higher mental plane is directly connected with the mental unit.

102. Nhà sáng tạo huyền thuật sử dụng "ý chí hữu thức". Chúng ta nhớ trong biểu đồ trên rằng phần atma của chân ngã trên cõi thượng trí được nối trực tiếp với đơn vị hạ trí.

This is brought about by egoic energy passed down the sutratma to the physical brain, and retransmitted back to the mental plane, plus or minus that which has been gained or lost in the process.

Điều này được tạo ra bởi năng lượng chân ngã truyền xuống theo sutratma đến bộ não hồng trần, rồi được truyền ngược trở lại cõi trí, cộng hoặc trừ phần đã thu được hay mất đi trong tiến trình ấy.

103. This is a most interesting piece of information. In it we can see the modus operandi of soul-mind-brain coordination.

103. Đây là một mẩu thông tin hết sức thú vị. Trong đó chúng ta có thể thấy phương thức vận hành của sự phối hợp linh hồn-trí tuệ-bộ não.

104. This process of touching all points, then refocussing in a higher point that has already been touched, is found in several references and seems to be a customary process.

104. Tiến trình chạm đến mọi điểm này, rồi tái tập trung vào một điểm cao hơn đã được chạm đến trước đó, được thấy trong nhiều chỗ tham chiếu và dường như là một tiến trình thông thường.

105. The method is one which moves towards increasing integration.

105. Phương pháp này là một phương pháp tiến tới sự tích hợp ngày càng tăng.

The true Adept, through knowledge, conserves all energy while in process of transmission, and augments it with the energy contacted.

Chân sư đích thực, nhờ tri thức, bảo toàn mọi năng lượng trong khi đang được truyền dẫn, và gia tăng nó bằng năng lượng được tiếp xúc.

106. We can see how the Adept works with the Law of Economy—a law closely related

106. Chúng ta có thể thấy Chân sư vận dụng Định luật Tiết Kiệm như thế nào—một định

to the atmic plane whereon the Adept is focussed.

107. The Adept works with the energy of the planet Saturn, conserving and augmenting where possible.

108. All energies are to be wisely used and the Adept knows how. For ourselves, and at our present stage of evolution, an eye to the wise expenditure of energy would be useful.

It is, therefore, the energy of will, plus that of desire, fed by the energy of the physical brain.

109. It is as if the two higher energies, of will and desire, are augmented or fed by the lower energy—that of the physical brain.

110. We know little of the additive nature of energies, but as wave can be added to wave, so different forms of energy, when added, may lead to an augmentation of wave amplitude.

111. The egoic energy, it would seem, does not descend directly to the physical brain without engaging the higher energies during the descent.

Literally, therefore, it is a small resume of the creative process of the Godhead, being the [Page 963] energy of the three persons unified, and considered from the standpoint of the physical.

112. We have been given an analogy. The greater Creative Process is reflected in the

luật liên hệ mật thiết với cõi atma, nơi Chân sư tập trung.

107. Chân sư làm việc với năng lượng của hành tinh Sao Thổ, bảo toàn và gia tăng ở nơi nào có thể.

108. Mọi năng lượng đều phải được sử dụng một cách minh triết và Chân sư biết cách làm điều đó. Đối với chúng ta, và ở giai đoạn tiến hoá hiện nay của chúng ta, việc lưu tâm đến sự tiêu dùng năng lượng một cách minh triết sẽ rất hữu ích.

Vì vậy, đó là năng lượng của ý chí, cộng với năng lượng của dục vọng, được nuôi dưỡng bởi năng lượng của bộ não hồng trần.

109. Dường như hai năng lượng cao hơn, của ý chí và dục vọng, được gia tăng hay được nuôi dưỡng bởi năng lượng thấp hơn—đó là năng lượng của bộ não hồng trần.

110. Chúng ta biết rất ít về bản chất cộng thêm của các năng lượng, nhưng cũng như sóng có thể cộng vào sóng, thì những hình thức năng lượng khác nhau, khi được cộng lại, có thể dẫn đến sự gia tăng biên độ sóng.

111. Dường như năng lượng chân ngã không đi thẳng xuống bộ não hồng trần mà không huy động các năng lượng cao hơn trong khi giáng xuống.

Theo nghĩa đen, vì vậy, đó là một bản tóm lược nhỏ về tiến trình sáng tạo của Thượng đế, vì đó là [Page 963] năng lượng của ba ngôi vị được hợp nhất, và được xét từ quan điểm của cõi hồng trần.

112. Chúng ta đã được ban cho một phép loại suy. Tiến trình Sáng Tạo lớn lao hơn được phản chiếu trong tiến trình sáng tạo

creative process utilized by the microcosm as it creates thoughtforms.

mà tiểu thiên địa sử dụng khi nó tạo ra các hình tư tưởng.

113. We can practice this type of descent and reascent to see if we notice the unification of energies and their augmentation.

113. Chúng ta có thể thực hành loại giáng xuống và thăng trở lại này để xem liệu chúng ta có nhận thấy sự hợp nhất của các năng lượng và sự gia tăng của chúng hay không.

114. There is something about this process of descent and reascent which suggest the curvature of the Second Outpouring—the Outpouring of form-building.

114. Có điều gì đó trong tiến trình giáng xuống và thăng trở lại này gợi ý về đường cong của Lần Tuôn Đổ Thứ Hai—lần tuôn đổ của sự kiến tạo hình tướng.

It is the at-one-ment of the three fires in man, being in fact:

Đó là sự hợp nhất của ba ngọn lửa trong con người, thực ra là:

a. That much of the fire of spirit, or electric fire, which any particular Ego is embodying (relatively little prior to the third Initiation) or is able to transmit, coupled with,

a. Chừng ấy lửa của tinh thần, hay Lửa Điện, mà bất kỳ chân ngã riêng biệt nào đang thể hiện (tương đối ít trước lần điểm đạo thứ ba) hoặc có thể truyền dẫn, kết hợp với,

115. This is a most interesting angle on the subject. Not all Egos on the higher mental plane embody the same quantity of electric fire. The Spirit within the Jewel in the Lotus is not much released except in and through the Egos of those who have taken the third initiation.

115. Đây là một góc nhìn hết sức thú vị về đề tài này. Không phải mọi chân ngã trên cõi thượng trí đều thể hiện cùng một lượng Lửa Điện. Tinh thần bên trong Viên Ngọc trong Hoa Sen không được giải phóng bao nhiêu ngoại trừ trong và qua các chân ngã của những người đã trải qua lần điểm đạo thứ ba.

116. We note that the magical creative process requires the union of three fires, though not very much of 'Spirit-fire' is to be found until the creator is a true initiate.

116. Chúng ta lưu ý rằng tiến trình sáng tạo huyền thuật đòi hỏi sự hợp nhất của ba ngọn lửa, dù không có nhiều 'Lửa-tinh thần' được tìm thấy cho đến khi nhà sáng tạo là một điểm đạo đồ đích thực.

b. That much of the fire of the solar Angel (solar fire) or the egoic aspect which the Ego is able to transmit. This is but little in average man, a good deal in the man on the probationary path, and **a full downpour** by the time the third Initiation is reached.

117. Here we are speaking of the transmission of solar fire. While there is a full downpour of solar fire at the third initiation, the flow is Spirit-fire is much less.

118. The fire of the Ego is essentially the fire of the Solar Angel which has invested an aspect of itself within the egoic form, the causal body.

119. It seems that Egos are differentiated regarding how much of the fire of the Solar Angel they are able to transmit (or bear?).

120. We are given three stages: one for the average man; one for the probationer; and another for the initiate of the third degree. Each is characterized by a different degree of soul-infusion.

121. Can we, in our own lives, sense what DK here calls the "downpour"?

c. That much of the **fire of substance in its purified state** which can penetrate. This is dependent upon the purity of the three sheaths, and in the case of a highly advanced man is the kundalinic fire as it swells the blaze produced by the other two.

b. Chừng ấy lửa của Thái dương Thiên Thần (Lửa Thái dương) hay phương diện chân ngã mà chân ngã có thể truyền dẫn. Điều này chỉ rất ít nơi con người trung bình, khá nhiều nơi người trên Con Đường Dự Bị, và **một sự tuôn đổ trọn vẹn** vào lúc lần điểm đạo thứ ba đạt đến.

117. Ở đây chúng ta đang nói về sự truyền dẫn Lửa Thái dương. Dù có một sự tuôn đổ trọn vẹn của Lửa Thái dương ở lần điểm đạo thứ ba, dòng chảy của Lửa-tinh thần thì ít hơn nhiều.

118. Lửa của chân ngã về bản chất là lửa của Thái dương Thiên Thần, Đấng đã đầu tư một phương diện của chính mình vào trong hình tướng chân ngã, tức thể nguyên nhân.

119. Dường như các chân ngã được biến phân theo mức độ lửa của Thái dương Thiên Thần mà chúng có thể truyền dẫn (hay chịu đựng?).

120. Chúng ta được cho ba giai đoạn: một cho con người trung bình; một cho người dự bị; và một cho điểm đạo đồ bậc ba. Mỗi giai đoạn được đặc trưng bởi một mức độ được linh hồn thấm nhuần khác nhau.

121. Trong chính đời sống của mình, chúng ta có thể cảm nhận điều mà ở đây Chân sư DK gọi là "sự tuôn đổ" hay không?

c. Chừng ấy **lửa của chất liệu trong trạng thái thanh luyện của nó** có thể xuyên thấu. Điều này tùy thuộc vào sự thanh khiết của ba thể, và trong trường hợp của một người rất tiến bộ thì đó là lửa kundalini khi nó làm bùng lên ngọn lửa do hai ngọn lửa kia tạo ra.

122. The lower augments the higher. Just as the energy of the physical brain feeds the energy of will and desire, so does the fire of kundalini swell the blaze produced by the union of solar fire and electric fire.

122. Cái thấp gia tăng cái cao. Cũng như năng lượng của bộ não hồng trần nuôi dưỡng năng lượng của ý chí và dục vọng, thì lửa kundalini cũng làm bùng lên ngọn lửa được tạo ra bởi sự hợp nhất của Lửa Thái dương và Lửa Điện.

123. We note that if the "fire of substance" is to be involved in the creative process it must be in a *purified* state—a state which can "penetrate". Is this penetration related to the ascent of the lower fire once it is touched by the descent of the higher fire? It would seem so.

123. Chúng ta lưu ý rằng nếu "lửa của chất liệu" được tham dự vào tiến trình sáng tạo thì nó phải ở trong trạng thái *thanh luyện*—một trạng thái có thể "xuyên thấu". Sự xuyên thấu này có liên hệ với sự đi lên của ngọn lửa thấp một khi nó được chạm đến bởi sự giáng xuống của ngọn lửa cao hơn chăng? Dường như là như vậy.

When, therefore, **the alignment is corrected, and the physical head centres are awakening**, it becomes possible for man to become a conscious creator in mental matter.

Khi, vì vậy, **sự chỉnh hợp được điều chỉnh đúng, và các trung tâm đầu hồng trần đang thức tỉnh**, con người có thể trở thành một nhà sáng tạo hữu thức trong chất liệu trí tuệ.

124. This is the summary statement.

124. Đây là phát biểu tóm lược.

125. What is the sequence?

125. Trình tự là gì?

a. Alignment

a. Chỉnh hợp

b. Activation of the head centers—notice the plural

b. Hoạt hóa các trung tâm đầu—hãy lưu ý số nhiều

c. Conscious creation in mental matter.

c. Sáng tạo hữu thức trong chất liệu trí tuệ.

126. The foregoing section has dealt largely with the processes of alignment and of impression of higher or egoic energies upon the physical brain.

126. Phần trên chủ yếu đã bàn về các tiến trình chỉnh hợp và sự ghi nhận của các năng lượng cao hơn hay năng lượng chân ngã lên bộ não hồng trần.

S8S4 Part II

TCF 963 - 967

28 November – 13 December 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

IV. MAN AND THE FIRE SPIRITS OR BUILDERS

This section we will consider in somewhat greater detail than the previous one, as it concerns much of present practical value to man. **This will be seen particularly as we study the effects of speech, and the occult significance of the spoken word.**

1. Here we have the study of one of the most occult building processes under man's control.

2. By "fire spirits" are meant the builders who work within the lower three worlds.

TCF 963 - 967

28 tháng 11 – 13 tháng 12 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được để ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được để ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

IV. CON NGƯỜI VÀ CÁC HỎA LINH HAY CÁC ĐẤNG KIẾN TẠO

Phần này chúng ta sẽ xem xét chi tiết hơn đôi chút so với phần trước, vì nó liên quan đến nhiều điều có giá trị thực tiễn hiện nay đối với con người. **Điều này sẽ thấy rõ đặc biệt khi chúng ta nghiên cứu các hiệu quả của lời nói, và ý nghĩa huyền bí của lời được phát ra.**

1. Ở đây chúng ta có sự nghiên cứu một trong những tiến trình kiến tạo huyền bí nhất nằm dưới sự kiểm soát của con người.

2. "Hỏa linh" được hiểu là các đấng kiến tạo làm việc trong ba cõi thấp.

1. The Will Aspect and Creation.

In a previous division, we dealt somewhat with the transmission of the will of the Ego to the physical brain, and we saw how only in those persons who (through evolutionary development) had the sutratma and the antaskarana connected, and whose three physical head centres were more or less awakened, was the will of the Ego capable of transmission.

3. DK offers us an important summary of teaching given in the previous section of text: If the Ego is successfully to impress its will upon the physical brain the following are needed:

a. The sutratma and antahkarana must be connected. This only occurs in advanced individuals—those of sufficient evolutionary development.

b. The three physical head centers must sufficiently awakened.

4. In lower types of human beings, only the sutratma exists. The antahkarana has not yet been built, though latent consciousness, the seed of the antahkarana, is always present.

In the other cases, such as the average man and little developed man**, the purpose** [Page 964] **affecting the physical brain emanated from the astral or lower mental levels**,

5. What source of energy animates the physical brain of man at different stages of evolution? During the early stages of man's development and even during the stage of

1. Phương diện Ý chí và Sáng tạo.

Trong một phần trước, chúng ta đã bàn phần nào về sự truyền dẫn ý chí của chân ngã đến bộ não hồng trần, và chúng ta đã thấy rằng chỉ nơi những người mà (nhờ sự phát triển tiến hoá) sutratma và antahkarana đã được nối kết, và ba trung tâm đầu hồng trần của họ đã thức tỉnh ít nhiều, thì ý chí của chân ngã mới có khả năng được truyền dẫn.

3. Chân sư DK đưa ra cho chúng ta một bản tóm lược quan trọng về giáo huấn đã được nêu trong phần văn bản trước: Nếu chân ngã muốn ghi dấu ý chí của nó thành công lên bộ não hồng trần thì cần có những điều sau:

a. Sutratma và antahkarana phải được nối kết. Điều này chỉ xảy ra nơi những cá nhân tiến bộ—những người có sự phát triển tiến hoá đầy đủ.

b. Ba trung tâm đầu hồng trần phải được thức tỉnh đầy đủ.

4. Ở những loại người thấp hơn, chỉ có sutratma hiện hữu. Antahkarana vẫn chưa được xây dựng, dù tâm thức tiềm ẩn, hạt giống của antahkarana, luôn luôn hiện diện.

Trong các trường hợp khác, như nơi con người trung bình và con người ít phát triển**, mục đích** [Page 964] **tác động lên bộ não hồng trần phát xạ từ các cấp độ cảm dục hay hạ trí**,

5. Nguồn năng lượng nào làm sinh động bộ não hồng trần của con người ở các giai đoạn tiến hoá khác nhau? Trong các giai đoạn đầu của sự phát triển của con người và ngay cả

average man, it is not the Ego which impresses the physical brain and the sutratma and antahkarana (because still unbuilt) cannot be connected.

trong giai đoạn con người trung bình, không phải chân ngã ghi dấu lên bộ não hồng trần và sutratma cùng antahkarana (vì vẫn chưa được xây dựng) không thể được nối kết.

6. Rather, it is the astral body and eventually the lower mental body, and the tendencies of these lunar vehicles which impact the physical brain. Man is not yet, during those earlier stages, directed from solar sources.

6. Đúng hơn, chính thể cảm dục và cuối cùng là thể hạ trí, cùng các khuynh hướng của những vận cụ nguyệt tính này tác động lên bộ não hồng trần. Trong những giai đoạn sớm hơn ấy, con người vẫn chưa được định hướng từ các nguồn thái dương.

7. We begin to see how important to spiritual expression is the physical brain, even though the physical body is *not* an occult principle.

7. Chúng ta bắt đầu thấy bộ não hồng trần quan trọng thế nào đối với sự biểu hiện tinh thần, dù thể xác *không* phải là một nguyên khí huyền bí.

and was, therefore, more likely to be the impulse of some lunar Lord, even if of a high order, **than the divine will of the solar Angel, who is the true man.**

và vì vậy, có nhiều khả năng là xung lực của một nguyệt tinh quân nào đó, dù thuộc một cấp cao, **hơn là ý chí thiêng liêng của Thái dương Thiên Thần, Đấng là con người chân thực.**

8. This is an important sentence. We learn that lunar lords can be of a high order but are not to be considered the "true man". The true man is not *lunar.*

8. Đây là một câu quan trọng. Chúng ta học được rằng các nguyệt tinh quân có thể thuộc một cấp cao nhưng không được xem là "con người chân thực". Con người chân thực không phải là *nguyệt tính.*

9. It is interesting to see the "true man" called the "solar Angel". In one respect the Solar Angels are "the returning nirvanis of a previous logoic incarnation". (TCF 1125) Thus they are greater than the human beings whose higher nature they inform.

9. Thật thú vị khi thấy "con người chân thực" được gọi là "Thái dương Thiên Thần". Ở một phương diện, các Thái dương Thiên Thần là "những nirvani trở về của một lần nhập thể logoic trước đó". (TCF 1125) Vì vậy Các Ngài vĩ đại hơn những con người mà bản chất cao hơn của họ được Các Ngài thấm nhuần.

10. From another perspective, however, these Solar Angels are so closely identified with man's egoic nature, so thoroughly invested in it, that they are, reasonably considered, the "true man" expressing on

10. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, các Thái dương Thiên Thần này đồng hoá chặt chẽ đến thế với bản chất chân ngã của con người, đầu tư vào đó triệt để đến thế, nên một cách hợp lý có thể xem Các Ngài là "con

the higher mental plane. Yet, as is well known, the *true* man (or 'even truer man') is the human Monad and the human Monad is distinct from the Solar Angel.

người chân thực" biểu hiện trên cõi thượng trí. Tuy vậy, như ai cũng biết, con người *chân thực* (hay 'con người còn chân thực hơn nữa') là chân thần nhân loại và chân thần nhân loại thì khác biệt với Thái dương Thiên Thần.

11. We note that the will of the "solar Angel" is to be considered a "divine will". This makes attentiveness to the "solar Angel" of great importance in the carrying out of the *Divine* Will of the Planetary Logos. The term "divine" usually refers to the level of Spirit and is distinguished from "spiritual" which refers to the soul and spiritual triad.

11. Chúng ta lưu ý rằng ý chí của "Thái dương Thiên Thần" được xem là một "ý chí thiêng liêng". Điều này khiến sự chú tâm đến "Thái dương Thiên Thần" trở nên hết sức quan trọng trong việc thực hiện Ý Chí *thiêng liêng* của Hành Tinh Thượng Đế. Thuật ngữ "thiêng liêng" thường quy chiếu đến cấp độ của Tinh thần và được phân biệt với "tinh thần", vốn quy chiếu đến linh hồn và Tam Nguyên Tinh Thần.

12. Below we enter an important discussion on White Magic. This subject is of sufficient importance that the Tibetan expanded what He said here into a full treatise—*A Treatise on White Magic*.

12. Dưới đây chúng ta đi vào một cuộc thảo luận quan trọng về Chánh Thuật. Đề tài này đủ quan trọng để Chân sư Tây Tạng đã khai triển điều Ngài nói ở đây thành một luận thuyết trọn vẹn—*Luận về Chánh Thuật*.

13. Yet there is certain condensed information conveyed in *A Treatise on Cosmic Fire* which is not conveyed in that later and more popular book.

13. Tuy nhiên, có một số thông tin cô đọng được truyền đạt trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* mà không được truyền đạt trong quyển sách ra đời sau và phổ thông hơn ấy.

a. The condition of the Magician.

a. Điều kiện của nhà huyền thuật.

14. The white magician is ever the advanced individual. As students of occultism, we are all in process of becoming white magicians, even though our ray may not be the seventh.

14. Nhà huyền thuật chánh đạo luôn luôn là cá nhân tiến bộ. Là những đạo sinh của huyền bí học, tất cả chúng ta đều đang trong tiến trình trở thành những nhà huyền thuật chánh đạo, dù cung của chúng ta có thể không phải là cung bảy.

15. If we are soul-inspired creators, we are white magicians.

15. Nếu chúng ta là những nhà sáng tạo được linh hồn cảm hứng, chúng ta là những nhà huyền thuật chánh đạo.

It is of value to remember that when the physical head centres are awakened (through alignment of the etheric centres) **we have *the very lowest aspect of egoic influence.***

Điều hữu ích cần nhớ là khi các trung tâm đầu hồng trần được thức tỉnh (nhờ sự chỉnh hợp của các trung tâm dĩ thái) **chúng ta có *phương diện thấp nhất của ảnh hưởng chân ngã.***

16. This etheric alignment resulting in the alignment of the centers in the physical brain permits of the influence of the egoic will upon the physical brain, but this is considered "the very lowest aspect of egoic influence" even though it requires quite a degree of advancement in the disciple.

16. Sự chỉnh hợp dĩ thái này, dẫn đến sự chỉnh hợp của các trung tâm trong bộ não hồng trần, cho phép ý chí chân ngã ảnh hưởng lên bộ não hồng trần, nhưng điều này được xem là "phương diện thấp nhất của ảnh hưởng chân ngã" dù nó đòi hỏi một mức tiến bộ khá lớn nơi người đệ tử.

17. It appears that we are not yet speaking of the complete triangular coordination and activation of these awakened etheric and physical centers.

17. Dường như chúng ta vẫn chưa nói đến sự phối hợp tam giác hoàn chỉnh và sự hoạt hóa của các trung tâm dĩ thái và hồng trần đã thức tỉnh này.

From these three centres, man on the Probationary Path, and up to the third Initiation, directs and controls his **sheath**,

Từ ba trung tâm này, con người trên Con Đường Dự Bị, và cho đến lần điểm đạo thứ ba, điều khiển và kiểm soát **thể**,

18. Presumably we are speaking of the control of the dense physical *sheath* particularly.

18. Có lẽ ở đây chúng ta đang nói đặc biệt đến sự kiểm soát *thể* hồng trần đậm đặc.

19. If we were to involve the higher and subtler counterparts of these etheric centers, we could speak of the control of the astral body and lower mental body.

19. Nếu chúng ta bao gồm các đối phần cao hơn và vi tế hơn của các trung tâm dĩ thái này, chúng ta có thể nói đến sự kiểm soát thể cảm dục và thể hạ trí.

20. If the Path of Probation begins even before the first initiation, we can see that the three head centers are at least somewhat awakened and active even then.

20. Nếu Con Đường Dự Bị bắt đầu ngay cả trước lần điểm đạo thứ nhất, chúng ta có thể thấy rằng ba trung tâm đầu ít nhất cũng đã thức tỉnh và hoạt động phần nào ngay từ khi ấy.

21. We can ask ourselves, can we not, whether any disciple before he has achieved the third degree is to be considered as treading the Path of Probation? Certainly,

21. Chúng ta có thể tự hỏi, phải chăng bất kỳ đệ tử nào trước khi đạt bậc ba đều được xem là đang bước trên Con Đường Dự Bị? Chắc

before that point, he is to be considered a *probationary* initiate.

chắn, trước điểm đó, y được xem là một điểm đạo đồ *dự bị*.

and from them spreads that illumination which will irradiate the physical plane life.

và từ chúng lan tỏa sự soi sáng sẽ chiếu rạng đời sống cõi hồng trần.

22. The three physical centers in the head are to be considered sources of illumination. A certain radiance emanates from them and according to the quality and intensity of this radiance, the evolutionary status of the man can be judged.

22. Ba trung tâm hồng trần trong đầu phải được xem là những nguồn soi sáng. Một mức độ rạng ngời nào đó phát ra từ chúng, và tùy theo phẩm tính cùng cường độ của sự rạng ngời này mà có thể phán đoán tình trạng tiến hoá của con người.

By the time the third Initiation is reached, the **internal triangle is in full process of circulatory transmission**, and the whole life of the Personality is subjected to the will of the Ego.

Đến lúc lần điểm đạo thứ ba đạt tới, **tam giác nội tại đang ở trong tiến trình truyền dẫn tuần hoàn trọn vẹn**, và toàn bộ đời sống của Phàm ngã bị đặt dưới ý chí của chân ngã.

23. We can see that the importance of the triangle of physical centers begins long before the third initiation, but not until that initiation is this "internal triangle…in full process of circulatory transmission".

23. Chúng ta có thể thấy rằng tầm quan trọng của tam giác các trung tâm hồng trần bắt đầu từ rất lâu trước lần điểm đạo thứ ba, nhưng chỉ đến lần điểm đạo ấy thì "tam giác nội tại… mới ở trong tiến trình truyền dẫn tuần hoàn trọn vẹn".

24. In various references we read over and again that the personality is to be subjected to the Ego by the time the third initiation is reached.

24. Trong nhiều chỗ tham chiếu khác nhau, chúng ta đọc đi đọc lại rằng phàm ngã phải bị đặt dưới chân ngã vào lúc lần điểm đạo thứ ba đạt tới.

25. From various references we gather just how high a state of development and control the third initiation represents. Let us think and measure ourselves: "the whole life of the Personality is subjected to the will of the Ego". Is this true of us?

25. Từ nhiều chỗ tham chiếu khác nhau, chúng ta hiểu được lần điểm đạo thứ ba biểu thị một trạng thái phát triển và kiểm soát cao đến mức nào. Hãy suy nghĩ và tự đo lường mình: "toàn bộ đời sống của Phàm ngã bị đặt dưới ý chí của chân ngã". Điều này có đúng với chúng ta không?

"The Star absorbs the light of the moon, so that the rays of the Sun may be reflected back" is the occult way of expressing the truth anent this point in evolution.

"Ngôi Sao hấp thụ ánh sáng của mặt trăng, để những tia của Mặt Trời có thể được phản chiếu trở lại" là cách huyền bí diễn đạt chân lý liên quan đến điểm tiến hoá này.

26. This is an important occult aphorism. We cannot say that the "Star" is the Monad even though the Monad is frequently knows as a "Star". There is no reason why, at the third initiation, it should be said that the Monad absorbs the light of the *lunar* vehicles. If anything this absorption would be the function of the soul on the higher mental plane.

26. Đây là một cách ngôn huyền bí quan trọng. Chúng ta không thể nói rằng "Ngôi Sao" là chân thần dù chân thần thường được biết đến như một "Ngôi Sao". Không có lý do gì để nói rằng, ở lần điểm đạo thứ ba, chân thần hấp thụ ánh sáng của các vận cụ *nguyệt tính*. Nếu có gì, thì sự hấp thụ này phải là chức năng của linh hồn trên cõi thượng trí.

27. Can we say that the "Star", in this case, is the so-called "soul star" above the head? We can be sure that the term "Star" (in this reference) has a very occult meaning.

27. Chúng ta có thể nói rằng "Ngôi Sao", trong trường hợp này, là cái gọi là "ngôi sao linh hồn" phía trên đầu chăng? Chúng ta có thể chắc chắn rằng thuật ngữ "Ngôi Sao" (trong chỗ tham chiếu này) có một ý nghĩa rất huyền bí.

28. If the light of the lunar vehicles is dimmed, no longer overpowering the "rays of the Sun", then these are the rays (the solar rays) which will be reflected in the lower nature and which will rise again to their solar source. From the Ego emanate symbolically and qualitatively the "the rays of the Sun" and, because the lunar nature has be reconditioned, those solar rays can at the time of the third degree, condition the lower vehicles. Rather than be overpowered by the "light of the moon" (as heretofore they have been), these solar rays now become prominent and characterize the manner in which the lunar vehicles relate to the solar source, the Ego.

28. Nếu ánh sáng của các vận cụ nguyệt tính bị làm mờ đi, không còn lấn át "những tia của Mặt Trời", thì đó là những tia ấy (các tia thái dương) sẽ được phản chiếu trong bản chất thấp hơn và sẽ lại vươn lên nguồn thái dương của chúng. Từ chân ngã phát ra, một cách biểu tượng và về phẩm tính, "những tia của Mặt Trời" và, bởi vì bản chất nguyệt tính đã được tác động lại, những tia thái dương ấy vào lúc bậc ba có thể tác động lên các vận cụ thấp hơn. Thay vì bị lấn át bởi "ánh sáng của mặt trăng" (như trước đây vẫn thế), các tia thái dương này nay trở nên nổi bật và đặc trưng cho cách thức mà các vận cụ nguyệt tính liên hệ với nguồn thái dương, tức chân ngã.

It might be of value here also to point out the condition of the etheric centres during this process of **direct solar control**.

Ở đây cũng có thể hữu ích khi chỉ ra tình trạng của các trung tâm dĩ thái trong tiến trình **kiểm soát thái dương trực tiếp** này.

29. In this section of text we are speaking of the manner in which the Ego (the solar source within man) gains increasing control of the lunar vehicles.

29. Trong phần văn bản này chúng ta đang nói về cách thức chân ngã (nguồn thái dương bên trong con người) giành được sự kiểm soát ngày càng tăng đối với các vận cụ nguyệt tính.

30. Notice, too, that we are not speaking of *mediated* solar control but of "direct solar control". Eventually an unimpeded channel must be created between the Ego and the physical brain. This will mean that the astral body, which is so often the personality vehicle that is out of alignment, has been subdued and no longer thwarts the direct impress of the Ego upon the physical brain.

30. Cũng hãy lưu ý rằng chúng ta không nói về sự kiểm soát thái dương *được trung gian* mà là về "kiểm soát thái dương trực tiếp". Cuối cùng phải tạo ra một kênh không bị ngăn trở giữa chân ngã và bộ não hồng trần. Điều này sẽ có nghĩa là thể cảm dục, vốn rất thường là vận cụ phàm ngã bị lệch chỉnh hợp, đã được chế ngự và không còn cản trở sự ghi dấu trực tiếp của chân ngã lên bộ não hồng trần.

31. "Direct solar control" is a state characteristic of the third initiation.

31. "Kiểm soát thái dương trực tiếp" là một trạng thái đặc trưng của lần điểm đạo thứ ba.

Before the three **physical** head centres awaken, man is largely subjected to force flowing through the four minor etheric centres;

Trước khi ba trung tâm đầu **hồng trần** thức tỉnh, con người phần lớn bị đặt dưới các mãnh lực chảy qua bốn trung tâm dĩ thái phụ;

32. This is an interesting and important statement. It is obvious that the ajna is one of the three centers *in the head* and the pituitary body is its physical correspondence. Because the head, heart and throat centers are considered the three *major* centers, it becomes clear that the "four minor etheric centers" must be the sub-diaphragmatic centers and *must* include the spleen, because the ajna and pituitary (being part of the head apparatus) cannot be numbered among the three major centers.

32. Đây là một phát biểu thú vị và quan trọng. Rõ ràng ajna là một trong ba trung tâm *trong đầu* và tuyến yên là đối phần hồng trần của nó. Bởi vì các trung tâm đầu, tim và cổ họng được xem là ba trung tâm *chính*, nên rõ ràng "bốn trung tâm dĩ thái phụ" phải là các trung tâm dưới cơ hoành và *phải* bao gồm cả luân xa lá lách, bởi ajna và tuyến yên (vì là một phần của bộ máy đầu) không thể được tính vào ba trung tâm chính.

33. Notice that we are speaking of three *physical* head centers and four minor *etheric* centers. There is a mixture here of physicality and of ethereality.

33. Hãy lưu ý rằng chúng ta đang nói về ba trung tâm đầu *hồng trần* và bốn trung tâm phụ *dĩ thái*. Ở đây có một sự pha trộn giữa tính hồng trần và tính dĩ thái.

34. DK often intermixes the physical and etheric centers, perhaps because He does not want us to separate them too completely.

34. Chân sư DK thường đan xen các trung tâm hồng trần và dĩ thái, có lẽ vì Ngài không muốn chúng ta tách biệt chúng quá hoàn toàn.

later the three major centres—the head, the heart, and the throat —begin to vibrate, gradually assuming a greater sweep of activity, till their energy tends to negate that of the lower centres,

về sau ba trung tâm chính—đầu, tim và cổ họng—bắt đầu rung động, dần dần đảm nhận một phạm vi hoạt động lớn hơn, cho đến khi năng lượng của chúng có khuynh hướng phủ định năng lượng của các trung tâm thấp hơn,

35. The activity of the greater negates the activity of the lower.

35. Hoạt động của cái lớn hơn phủ định hoạt động của cái thấp hơn.

36. It would be an interesting study to discover the negation of lower energies by higher. What is the real meaning of this *negation?*

36. Sẽ là một nghiên cứu thú vị nếu khám phá sự phủ định các năng lượng thấp hơn bởi các năng lượng cao hơn. Ý nghĩa thực sự của sự *phủ định* này là gì?

to absorb their vitality and deflect the direction of their vitality, until **the three higher wheels** are in full fourth dimensional activity.

để hấp thụ sinh lực của chúng và làm chệch hướng sinh lực ấy, cho đến khi **ba bánh xe cao hơn** ở trong hoạt động chiều thứ tư trọn vẹn.

37. "The three higher wheels", in this context, are the three major centers—head, heart and throat. (Of course, in other contexts, the three higher wheels could be crown, ajna and alta major center.)

37. "Ba bánh xe cao hơn", trong ngữ cảnh này, là ba trung tâm chính—đầu, tim và cổ họng. (Dĩ nhiên, trong những ngữ cảnh khác, ba bánh xe cao hơn có thể là đỉnh đầu, ajna và trung tâm alta major.)

38. The sake of clarity, let us tabulate the effect of the three major centers upon the lower four centers, as these higher three assume a "greater sweep of activity" (this, in itself, an interesting phrase)—

38. Để rõ ràng, chúng ta hãy lập bảng hiệu quả của ba trung tâm chính đối với bốn trung tâm thấp hơn, khi ba trung tâm cao hơn này đảm nhận một "phạm vi hoạt động lớn hơn" (bản thân đây cũng là một cụm từ thú vị)—

a. The major centers “negate” the activity of the lower centers

b. The major centers absorb the vitality of the lower centers

c. The major centers deflect the direction of the vitality of the lower centers

39. These actions should be pondered.

40. Through the accomplishment of these three results, the higher centers enter full fourth dimensional activity.

41. We have read earlier in this Treatise that when chakras develop fourth dimensional activity, it is a sign that initiation is either imminent or in process.

Before initiation [meaning, in this case, the very first initiation], all the centres will be rotating in **fourth-dimensional** order, but after initiation they become flaming wheels, and—seen clairvoyantly—are of rare beauty, [we note the effect of the Rod of Initiation upon the centers] The fire of Kundalini is then awakened and is progressing in the necessary spirals. **At the second initiation the emotional centres are similarly awakened, and at the third initiation those on the mental plane are touched.** The initiate can then stand in the Presence of the Great King, the One Initiator. (LOM 74-75)

As this proceeds, the three physical head centres begin to awake from dormancy into activity, the effect being felt as follows:

a. Các trung tâm chính “phủ định” hoạt động của các trung tâm thấp hơn

b. Các trung tâm chính hấp thụ sinh lực của các trung tâm thấp hơn

c. Các trung tâm chính làm chệch hướng sinh lực của các trung tâm thấp hơn

39. Những tác động này cần được suy ngẫm.

40. Thông qua việc hoàn thành ba kết quả này, các trung tâm cao hơn đi vào hoạt động chiều thứ tư trọn vẹn.

41. Trước đây trong bộ Luận này chúng ta đã đọc rằng khi các luân xa phát triển hoạt động chiều thứ tư, đó là dấu hiệu cho thấy điểm đạo hoặc sắp xảy ra hoặc đang diễn ra.

Trước điểm đạo [nghĩa là, trong trường hợp này, chính là lần điểm đạo thứ nhất], tất cả các trung tâm sẽ xoay chuyển theo trật tự **bốn chiều**, nhưng sau điểm đạo chúng trở thành những bánh xe rực lửa, và—được thấy bằng thông nhãn—có một vẻ đẹp hiếm có, [chúng ta lưu ý tác động của Thần Trượng Điểm đạo lên các trung tâm] Lửa Kundalini khi ấy được đánh thức và đang tiến triển theo những vòng xoắn cần thiết. **Ở lần điểm đạo thứ hai, các trung tâm cảm xúc cũng được đánh thức tương tự, và ở lần điểm đạo thứ ba, những trung tâm trên cõi trí được chạm đến.** Điểm đạo đồ khi ấy có thể đứng trong Hiện Diện của Đại Vương, Đấng Điểm đạo Duy Nhất. (LOM 74-75)

Khi tiến trình này diễn ra, ba trung tâm đầu hồng trần bắt đầu thức dậy từ trạng thái ngủ yên để đi vào hoạt động, và tác động được cảm nhận như sau:

42. Due to the activity of the three major centers—head, heart and throat—and their effect upon the lower four sub-diaphragmatic centers, the *physical* head centers begin to awaken.

42. Do hoạt động của ba trung tâm chính—đầu, tim và cổ họng—và tác động của chúng lên bốn trung tâm thấp dưới cơ hoành, các trung tâm đầu *hồng trần* bắt đầu thức tỉnh.

43. It would seem that this awakening must follow or proceed pari passu with the awakening with the three etheric head centers to which the physical head centers correspond.

43. Dường như sự thức tỉnh này phải theo sau hoặc tiến hành song song với sự thức tỉnh của ba trung tâm đầu dĩ thái mà các trung tâm đầu hồng trần tương ứng với chúng.

a. As the major head centre awakens, the pineal gland begins to function.

a. Khi trung tâm đầu chính thức tỉnh, tuyến tùng bắt đầu hoạt động.

44. The pineal gland remains relatively dormant before the awakening of the head center.

44. Tuyến tùng vẫn tương đối ngủ yên trước khi trung tâm đầu được đánh thức.

b. As the heart centre becomes fully alive, the pituitary body enters into activity. [Page 965]

b. Khi trung tâm tim trở nên hoàn toàn sống động, thể tuyến yên đi vào hoạt động. [Page 965]

45. This connection is important and perhaps unexpected. It is the ajna center which is usually related to the pituitary body. Here we learn that the heart center is also related to this body. Expanding the implicit network of connections, we remember that the heart center and the ajna center are often considered related—both, at certain points in the development of man's energy system, are correlated with the *second* aspect of divinity.

45. Mối liên hệ này quan trọng và có lẽ không được chờ đợi. Chính trung tâm ajna thường được liên hệ với thể tuyến yên. Ở đây chúng ta biết rằng trung tâm tim cũng liên hệ với cơ quan này. Mở rộng mạng lưới liên hệ hàm ẩn ấy, chúng ta nhớ rằng trung tâm tim và trung tâm ajna thường được xem là có liên hệ—cả hai, tại những điểm nhất định trong sự phát triển của hệ thống năng lượng của con người, đều tương quan với phương diện *thứ hai* của thiên tính.

46. If the pituitary through its connection with the ajna center is related to the expression of the personality, then there must be aspects of heart center functioning which are also related to personal expression. We do note that even during very personality centered stages of

46. Nếu thể tuyến yên, thông qua mối liên hệ của nó với trung tâm ajna, có liên quan đến sự biểu lộ của phàm ngã, thì hẳn phải có những phương diện hoạt động của trung tâm tim cũng liên quan đến sự biểu lộ cá nhân. Chúng ta quả có lưu ý rằng ngay cả trong những giai đoạn phát triển rất tập trung vào phàm ngã, trung tâm tim luôn là

development, the heart center is always one of the principal three emphasized.

c. As the throat centre assumes its right place in the process of evolution, the alta major centre vibrates adequately.

47. Hitherto, the vibration of the alta major center was considered inadequate—inadequate to play its part in the full development of the major triangle in the head.

48. We might expect that the order of unfoldment would be:

a. Alta major center, followed by

b. Pituitary body, followed by

c. Pineal gland

49. There are also reasons to be believe that the alta major center reaches full development only *later* in the process of fully vitalizing the triangle in the head, just as the base of the spine center (while initially active in the primitive man) is only fully active at the most advanced stages of evolution—i.e., mastership.

When the triangle of force that these three physical centres form is in circulatory effect, the greater triangle can be seen in circulation;

50. By the "greater triangle" is only *perhaps* meant the etheric triangle of head, heart and throat.

51. It would seem, however, that the major etheric triangle in the head consisting of

một trong ba trung tâm chính được nhấn mạnh.

c. Khi trung tâm cổ họng đảm nhận đúng vị trí của nó trong tiến trình tiến hoá, trung tâm alta major rung động đầy đủ.

47. Cho đến nay, sự rung động của trung tâm alta major được xem là chưa đầy đủ—chưa đầy đủ để đảm nhiệm phần việc của nó trong sự phát triển trọn vẹn của tam giác chính trong đầu.

48. Chúng ta có thể chờ đợi rằng trật tự khai mở sẽ là:

a. Trung tâm alta major, tiếp theo là

b. Thể tuyến yên, tiếp theo là

c. Tuyến tùng

49. Cũng có những lý do để tin rằng trung tâm alta major chỉ đạt đến sự phát triển đầy đủ *muộn hơn* trong tiến trình tiếp sinh lực trọn vẹn cho tam giác trong đầu, cũng như trung tâm đáy cột sống (dù ban đầu hoạt động nơi con người nguyên thủy) chỉ hoàn toàn hoạt động ở những giai đoạn tiến hoá cao nhất—tức là, chân sư quả vị.

Khi tam giác mãnh lực do ba trung tâm hồng trần này tạo thành ở trong hiệu ứng tuần hoàn, tam giác lớn hơn có thể được thấy đang tuần hoàn;

50. Bởi "tam giác lớn hơn" có lẽ chỉ *có thể* được hiểu là tam giác dĩ thái của đầu, tim và cổ họng.

51. Tuy nhiên, dường như tam giác dĩ thái chính trong đầu gồm trung tâm đỉnh đầu,

crown center, ajna center and alta major center would necessarily be in full circulation.

trung tâm ajna và trung tâm alta major tất yếu phải ở trong sự tuần hoàn trọn vẹn.

it then becomes a "wheel turning upon itself."

khi ấy nó trở thành một “bánh xe tự xoay trên chính nó”.

52. As we study this section the relationship between the heart center and ajna center becomes important.

52. Khi nghiên cứu phần này, mối liên hệ giữa trung tâm tim và trung tâm ajna trở nên quan trọng.

53. Of which triangle is DK speaking when saying that the greater triangle “becomes a ‘wheel turning upon itself’. Is it the triangle of head, heart and throat? If so, this is hard to conceive, and yet the foregoing text *could* point in this direction.

53. DK đang nói đến tam giác nào khi nói rằng tam giác lớn hơn “trở thành một ‘bánh xe tự xoay trên chính nó’”? Có phải là tam giác đầu, tim và cổ họng không? Nếu vậy, điều này khó hình dung, tuy nhiên đoạn văn đi trước *có thể* chỉ theo hướng này.

54. Yet if the ajna center is substituted for the heart center, and the alta major center for the throat (the alta major center being arguably the higher correspondence to the throat center) the major triangle would be considered crown, ajna center and alta major center and the completed relationship between these three centers in the head can easily be conceived as a “wheel turning upon itself”.

54. Tuy nhiên, nếu trung tâm ajna được thay cho trung tâm tim, và trung tâm alta major thay cho cổ họng (vì trung tâm alta major có thể được xem là đối ứng cao hơn của trung tâm cổ họng) thì tam giác chính sẽ được xem là đỉnh đầu, trung tâm ajna và trung tâm alta major, và mối liên hệ hoàn tất giữa ba trung tâm này trong đầu có thể dễ dàng được hình dung như một “bánh xe tự xoay trên chính nó”.

The major etheric centres are in full action, and the man is nearing the moment of liberation.

Các trung tâm dĩ thái chính đang hoạt động trọn vẹn, và con người đang tiến gần đến khoảnh khắc giải thoát.

55. Again, these major etheric centers are either:

55. Một lần nữa, các trung tâm dĩ thái chính này hoặc là:

a. Head, heart and throat

a. Đầu, tim và cổ họng

b. Or head (i.e., crown), ajna center and alta major center

b. Hoặc đầu (tức là đỉnh đầu), trung tâm ajna và trung tâm alta major

In the work of creation, as occultly carried on, all these three physical centres have to be utilised,

56. DK is stating that the work of the magician requires the use not only the *etheric* centers, but the three *physical* centers which correspond to them. DK is indicating the strictly physical aspect of the magical work.

and from a consideration of the subject it will become apparent why it has been necessary to deal with them in this order.

57. Does DK mean an order beginning with the pineal gland and ending with the alta major center? Or does He mean that the material centers have to be dealt with first—even before the strictly etheric centers?

By means of the *pineal gland,*[89] the organ of spiritual perception, **man ascertains the will and purpose of the Ego**,

58. This is the clearest of statements. We understand that all possible must be done to render the pineal gland fully functional. This requires the proper direction of the bodily energies.

59. We see that it is not only by means of the head center that man ascertains the will and purpose of the Ego. The pineal gland is definitely involved.

60. We remember that spiritual perception and intuitive instinct indicate preparedness for the third initiation. From this we understand that the activation of the pineal

Trong công việc sáng tạo, như được tiến hành một cách huyền bí, cả ba trung tâm hồng trần này đều phải được sử dụng,

56. DK đang nói rằng công việc của nhà huyền thuật đòi hỏi việc sử dụng không chỉ các trung tâm *dĩ thái*, mà còn cả ba trung tâm *hồng trần* tương ứng với chúng. DK đang chỉ ra phương diện thuần hồng trần của công việc huyền thuật.

và từ việc xem xét chủ đề này, sẽ trở nên hiển nhiên vì sao cần phải bàn đến chúng theo trật tự này.

57. DK có muốn nói đến một trật tự bắt đầu với tuyến tùng và kết thúc với trung tâm alta major không? Hay Ngài muốn nói rằng các trung tâm vật chất phải được đề cập đến trước—ngay cả trước các trung tâm thuần dĩ thái?

Nhờ *tuyến tùng,*89 cơ quan của tri giác tinh thần, **con người xác định ý chí và mục đích của chân ngã**,

58. Đây là lời phát biểu rõ ràng nhất. Chúng ta hiểu rằng phải làm mọi điều có thể để làm cho tuyến tùng hoạt động đầy đủ. Điều này đòi hỏi sự định hướng đúng đắn của các năng lượng trong thể.

59. Chúng ta thấy rằng không chỉ nhờ trung tâm đầu mà con người xác định ý chí và mục đích của chân ngã. Tuyến tùng chắc chắn có liên can.

60. Chúng ta nhớ rằng tri giác tinh thần và bản năng trực giác cho thấy sự sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ ba. Từ đó chúng ta hiểu rằng sự hoạt hóa tuyến tùng đóng một vai trò quan trọng trong lần điểm đạo thứ ba.

gland plays an important role in the third initiation.

and **from thence he draws the necessary energy [Page 966] from the higher levels, via the head centre and the sutratma**.

61. So the pineal gland is to be considered magnetic. Energy is to be drawn into it. That energy comes through the head center (from higher levels via the sutratma).

By means of *the pituitary body,* the second element of desire or of the form-building energy, becomes available, and under the law of attraction he can **mould**, and build in deva substance.

62. From this we understand that the second aspect of divinity is closely related to the pituitary body as are the astral body and the solar plexus. The second aspect is the form building aspect. Imagination is a form-building faculty. We realize the close relation between an activated pituitary body and an activated imagination.

Footnote 89

The Pineal Gland. The Third Eye.—S. D., III, 548.

1. Goal of evolution to develop the inner vision.

63. This would end the long excommunication of the outer man from his true inner nature.

2. The occult significance of the eye.—S. D., III, 577.

và **từ đó y rút ra năng lượng cần thiết [Page 966] từ các cấp độ cao hơn, qua trung tâm đầu và sutratma**.

61. Vì vậy tuyến tùng phải được xem là có tính từ tính. Năng lượng phải được rút vào đó. Năng lượng ấy đến qua trung tâm đầu (từ các cấp độ cao hơn qua sutratma).

Nhờ *thể tuyến yên,* yếu tố thứ hai của dục vọng hay của năng lượng kiến tạo hình tướng, trở nên khả dụng, và dưới định luật hấp dẫn y có thể **nắn đúc**, và xây dựng trong chất liệu thiên thần.

62. Từ đây chúng ta hiểu rằng phương diện thứ hai của thiên tính có liên hệ mật thiết với thể tuyến yên, cũng như thể cảm dục và tùng thái dương. Phương diện thứ hai là phương diện kiến tạo hình tướng. Sự tưởng tượng là một năng lực kiến tạo hình tướng. Chúng ta nhận ra mối liên hệ chặt chẽ giữa một thể tuyến yên được hoạt hóa và một sự tưởng tượng được hoạt hóa.

Chú thích 89

Tuyến Tùng. Con Mắt Thứ Ba.—S. D., III, 548.

1. Mục tiêu của tiến hoá là phát triển linh thị bên trong.

63. Điều này sẽ chấm dứt sự tuyệt thông lâu dài của con người bên ngoài khỏi bản chất bên trong chân thực của mình.

2. Ý nghĩa huyền bí của con mắt.—S. D., III, 577.

64. The eye can be a vehicle for all three major aspects of divinity. It is, however, particularly connected with the second aspect and with consciousness.

64. Con mắt có thể là một vận cụ cho cả ba phương diện chính của thiên tính. Tuy nhiên, nó đặc biệt được nối kết với phương diện thứ hai và với tâm thức.

3. The "eye of Taurus the Bull."—(Compare bull's-eye.)

3. “Con mắt của Kim Ngưu.” —(So sánh với bull's-eye.)

65. We have been considering the *constructive, form-building* aspects of the eye (especially the pituitary body which correlates with the ajna center and with the two eyes). Taurus has two rulers, Venus and Vulcan. Venus is connected with the ajna center, the pituitary body and thus with form building. Venus, we realize, is a planet closely associated with the visual faculty. Vulcan is closely connected with the head center and, thus, with the pineal gland.

65. Chúng ta đã xem xét các phương diện *xây dựng, kiến tạo hình tướng* của con mắt (đặc biệt là thể tuyến yên, vốn tương quan với trung tâm ajna và với hai mắt). Kim Ngưu có hai chủ tinh, Sao Kim và Vulcan. Sao Kim liên hệ với trung tâm ajna, thể tuyến yên và do đó với việc kiến tạo hình tướng. Chúng ta nhận ra rằng Sao Kim là một hành tinh gắn bó chặt chẽ với năng lực thị giác. Vulcan gắn bó chặt chẽ với trung tâm đầu và do đó với tuyến tùng.

66. Interestingly, Mercury is also a planet connected with Taurus. We have a triangle in Taurus, Mercury and the Buddha. “Buddha” is the Sanskrit name for Mercury.

66. Điều thú vị là Sao Thủy cũng là một hành tinh liên hệ với Kim Ngưu. Chúng ta có một tam giác trong Kim Ngưu, Sao Thủy và Đức Phật. “Buddha” là tên Sanskrit của Sao Thủy.

67. So we have Vulcan, Venus and Mercury, all rulers of or closely related to Taurus, and all instruments of vision: from one perspective—Venus the left eye, Mercury the right eye and Vulcan the third eye.

67. Vì vậy chúng ta có Vulcan, Sao Kim và Sao Thủy, tất cả đều là các chủ tinh của hoặc có liên hệ chặt chẽ với Kim Ngưu, và tất cả đều là những công cụ của tầm nhìn: từ một góc độ—Sao Kim là mắt trái, Sao Thủy là mắt phải và Vulcan là con mắt thứ ba.

68. Venus and Mercury, thus, can be considered related to the pituitary body (for they both are closely associated with the ajna center) and Vulcan (ruling the head center) to the pineal gland.

68. Do đó, Sao Kim và Sao Thủy có thể được xem là liên hệ với thể tuyến yên (vì cả hai đều gắn bó chặt chẽ với trung tâm ajna) và Vulcan (cai quản trung tâm đầu) liên hệ với tuyến tùng.

69. The three planets together (and the functioning of the two glands) provide man with much of his *constructive* power.

69. Ba hành tinh cùng nhau (và hoạt động của hai tuyến) cung cấp cho con người phần lớn quyền năng *xây dựng* của y. Tính xây

Constructiveness, form-building and the power to see are all intimately related.

dựng, việc kiến tạo hình tướng và năng lực thấy đều liên hệ mật thiết với nhau.

The constellation of Taurus was called the **Mother of Revelation** and the interpreter of the divine Voice.—S. D., I, 721.

Chòm sao Kim Ngưu được gọi là **Mẹ của Mặc Khải** và là kẻ diễn giải Tiếng Nói thiêng liêng.—S. D., I, 721.

70. Taurus is also called the "Mother of Illumination".

70. Kim Ngưu cũng được gọi là "Mẹ của Soi Sáng".

71. Taurus stimulates the "Eye of the Bull" within man. From this perspective Taurus can be considered allied to the ajna center.

71. Kim Ngưu kích thích "Con Mắt của Con Bò Đực" bên trong con người. Từ góc độ này, Kim Ngưu có thể được xem là đồng minh với trung tâm ajna.

"Then the Bull of God carries the light in his forehead, and his eye transmits the radiance; (TWM 109)

"Bấy giờ Con Bò Đực của Thượng đế mang ánh sáng trên trán nó, và mắt nó truyền phát sự rạng ngời; (TWM 109)

72. Taurus, also, however, rules the Eye of Wisdom, the "Single Eye", the "Blue Eye", the "Eye of Shiva", and, thus, must have a close connection with the head center.

72. Tuy nhiên, Kim Ngưu cũng cai quản Con Mắt Minh Triết, "Con Mắt Đơn Nhất", "Con Mắt Xanh", "Con Mắt của Shiva", và do đó hẳn phải có một liên hệ chặt chẽ với trung tâm đầu.

73. We know well that the time of Shamballa's strongest yearly impact is the Taurus Full Moon. Shamballa is the head center of the planet. Thus, Taurus, must be connected with the planetary head center even though Aries, usually, is considered the sign associated with the head—and *is* of course, also particularly related to Shamballa

73. Chúng ta biết rõ rằng thời điểm tác động hằng năm mạnh nhất của Shamballa là Trăng Tròn Kim Ngưu. Shamballa là trung tâm đầu của hành tinh. Vì vậy, Kim Ngưu hẳn phải liên hệ với trung tâm đầu hành tinh mặc dù Bạch Dương thường được xem là dấu hiệu gắn với đầu—và dĩ nhiên *quả thật* cũng đặc biệt liên hệ với Shamballa

4. The organs of inner vision:

4. Các cơ quan của linh thị bên trong:

a. The exoteric organ.....Pineal gland.....physical.

a. Cơ quan ngoại môn.....Tuyến tùng.....hồng trần.

74. It is interesting to see the pineal gland referred to as an "exoteric" organ, when its

74. Thật thú vị khi thấy tuyến tùng được gọi là một cơ quan "ngoại môn", trong khi mục

true purpose and functioning are so occult. Yet, for all that, the pineal gland is indeed a *physical* "body".

đích và hoạt động thực sự của nó lại huyền bí đến thế. Tuy vậy, dù sao đi nữa, tuyến tùng quả thật là một "thể" *hồng trần*.

b. The esoteric organ.....the third eye.....etheric.

b. Cơ quan nội môn.....con mắt thứ ba.....dĩ thái.

75. The third eye is an *etheric* eye.

75. Con mắt thứ ba là một con mắt *dĩ thái*.

76. We have an important triangle in the head center, the third eye and the pineal gland.

76. Chúng ta có một tam giác quan trọng trong trung tâm đầu, con mắt thứ ba và tuyến tùng.

Note: Students must be careful to distinguish between the third eye and the pineal gland.—See S. D., II, 308. **"The third eye is dead and acts no longer.**" It has left behind a witness to its existence in the Pineal gland.

Lưu ý: Các đạo sinh phải cẩn thận phân biệt giữa con mắt thứ ba và tuyến tùng.—Xem S. D., II, 308. **"Con mắt thứ ba đã chết và không còn hoạt động nữa.**" Nó đã để lại một chứng tích về sự hiện hữu của nó trong tuyến tùng.

77. Well, this is an interesting statement as we are looking forward to the future activation of the third eye, if by "the third eye" H.P.B. means that organ of synthetic vision which is evoked into activity when the triangle of energy between the crown, ajna center and alta major center is flowing freely.

77. Đây là một phát biểu thú vị vì chúng ta đang hướng tới sự hoạt hóa trong tương lai của con mắt thứ ba, nếu bởi "con mắt thứ ba" H.P.B. muốn nói đến cơ quan của tầm nhìn tổng hợp được gợi vào hoạt động khi tam giác năng lượng giữa trung tâm đỉnh đầu, trung tâm ajna và trung tâm alta major đang lưu chuyển tự do.

78. The days of the reawakening of the third eye and, correspondingly, the pineal gland, are soon to be with us.

78. Những ngày tái thức tỉnh của con mắt thứ ba và, tương ứng, của tuyến tùng, sắp đến với chúng ta.

5. The Pineal gland is a small pea-like mass of **grey nervous matter** attached to the back of the third ventricle of the brain.

5. Tuyến tùng là một khối nhỏ giống hạt đậu của **chất thần kinh xám** gắn vào phía sau não thất thứ ba của bộ não.

79. Although the anatomists in our groups are rare, this piece of specific information is of value for everyone.

79. Mặc dù các nhà giải phẫu trong các nhóm của chúng ta rất hiếm, mẩu thông tin cụ thể này có giá trị đối với mọi người.

80. Probably it would be good to study the position and relations between the ventricles of the brain, as they have great occult significance.

80. Có lẽ sẽ là điều tốt nếu nghiên cứu vị trí và các mối liên hệ giữa các não thất của bộ não, vì chúng có ý nghĩa huyền bí lớn lao.

81. What do we make of the fact that the pineal gland (organ of the third eye) is at the back of the *third* ventricle of the brain?

81. Chúng ta hiểu thế nào về sự kiện rằng tuyến tùng (cơ quan của con mắt thứ ba) nằm ở phía sau não thất *thứ ba* của bộ não?

6. The Pituitary Body stands to the Pineal gland as manas does to Buddhi, or mind to wisdom.—S. D., III, 504, 505.

6. Thể tuyến yên đối với tuyến tùng cũng như manas đối với Bồ đề, hay trí tuệ đối với minh triết.—S. D., III, 504, 505.

82. A very logical statement. The implications connect the ajna center with manas and the pineal gland with buddhi. This makes sense if one thinks of the heart in the head center as connected with both buddhi and the pineal gland.

82. Một phát biểu rất hợp lý. Những hàm ý của nó nối kết trung tâm ajna với manas và tuyến tùng với Bồ đề. Điều này có ý nghĩa nếu người ta nghĩ đến tim trong trung tâm đầu như được nối kết với cả Bồ đề lẫn tuyến tùng.

83. The goal of the disciple is to create the union of buddhi and manas as buddhi-manas. The goal is also to merge the head center and the ajna center and the pineal gland with the pituitary body.

83. Mục tiêu của đệ tử là tạo ra sự hợp nhất của Bồ đề và manas thành buddhi-manas. Mục tiêu cũng là hợp nhất trung tâm đầu và trung tâm ajna, và tuyến tùng với thể tuyến yên.

7. The Pineal gland reached its highest development proportionately with the Lowest Physical development.—S. D., II, 308, 313.

7. Tuyến tùng đạt đến sự phát triển cao nhất của nó tương ứng với sự phát triển Hồng trần Thấp nhất.—S. D., II, 308, 313.

84. Perhaps we are speaking of a very primitive period during which man had one eye rather than two. It could have been an early 'cyclopean' period. This type of third eye may literally have been *physical*, and the pineal gland may not have descended to its present position within the head. In fact, the pineal gland may be the remnant of a physical third eye which descended into the middle of the head.

84. Có lẽ chúng ta đang nói đến một thời kỳ rất nguyên thủy trong đó con người có một mắt thay vì hai. Đó có thể là một thời kỳ "cyclopean" sơ khai. Loại con mắt thứ ba này có thể theo nghĩa đen đã là *hồng trần*, và tuyến tùng có thể chưa hạ xuống vị trí hiện nay của nó trong đầu. Thật vậy, tuyến tùng có thể là tàn tích của một con mắt thứ ba hồng trần đã hạ xuống giữa đầu.

85. In any case, the Ancient Tradition seems to speak of early man as, literally, "one-eyed". *Spiritually*, this will again become the case through the initiation process.

85. Dù sao đi nữa, Truyền Thống Cổ dường như nói về con người sơ khai như, theo nghĩa đen, là "một mắt". *Về mặt tinh thần*, điều này sẽ lại trở thành trường hợp như vậy qua tiến trình điểm đạo.

8. The third eye exists in etheric matter.

8. Con mắt thứ ba tồn tại trong vật chất dĩ thái.

a. In front of the head.

a. Ở phía trước đầu.

b. On a level with the eyes.

b. Ngang tầm với hai mắt.

86. More useful occult information to be experimented with during profound meditation.

86. Thêm những thông tin huyền bí hữu ích để được thử nghiệm trong tham thiền sâu xa.

87. Is the exact location of the third eye (etheric) "in front of the head" or more surrounding the pineal gland?

87. Vị trí chính xác của con mắt thứ ba (dĩ thái) là "ở phía trước đầu" hay bao quanh tuyến tùng nhiều hơn?

9. It is an energy centre formed by a triangle of force:

9. Nó là một trung tâm năng lượng được hình thành bởi một tam giác mãnh lực:

a. The Pituitary Body.

a. Thể tuyến yên.

b. The Pineal Gland.

b. Tuyến tùng.

c. The alta major centre.

c. Trung tâm alta major.

88. Again we notice that be have two physical 'bodies' and one "centre". The word "centre" in this case can indicate that which is either etheric or densely physical.

88. Một lần nữa chúng ta lưu ý rằng chúng ta có hai "thể" hồng trần và một "trung tâm". Từ "trung tâm" trong trường hợp này có thể chỉ điều gì đó hoặc là dĩ thái hoặc là hồng trần đậm đặc.

89. If DK were being strictly literal, He might have used the term "carotid gland".

89. Nếu DK hoàn toàn theo nghĩa đen, Ngài có thể đã dùng thuật ngữ "carotid gland".

10. The opened or third eye does not convey direct clairvoyance but is the organ through

10. Con mắt đã mở hay con mắt thứ ba không truyền đạt thông nhãn trực tiếp mà là

which direct and certain knowledge is obtained.—S. D., I, 77.

90. In this respect we remember that clairvoyance upon the mental plane is not the highest faculty to be found upon that plane.

91. From this perspective, we might consider the third eye as the organ of straight knowledge or intuition.

92. We also come to the conclusion that "direct clairvoyance" is not exactly the intuition.

a. The initiate directs the eye towards the essence of things.

93. Ultimately, the essence of things is buddhi. Conversely, buddhi is the faculty through which the essence of things can be discerned.

b. The third eye must be **acquired by the ascetic** before he becomes an adept.—S. D., II, 651.

94. Here is a tremendous occult hint. The third eye does not come into functionality until a degree of asceticism is applied. If the energies of the body are directed towards various material satisfactions, the energies do not rise to activate the latent pineal gland and third eye.

95. We note that the adept is not really the ascetic—as the Buddha discovered. Asceticism is a previous stage, but probably an inescapable stage. It all depends on how we understand the term "ascetic". It seems to have little appeal in today's world, but we

cơ quan nhờ đó tri thức trực tiếp và chắc chắn được đạt đến.—S. D., I, 77.

90. Về phương diện này, chúng ta nhớ rằng thông nhãn trên cõi trí không phải là năng lực cao nhất có thể tìm thấy trên cõi ấy.

91. Từ góc độ này, chúng ta có thể xem con mắt thứ ba như cơ quan của tri thức trực tiếp hay trực giác.

92. Chúng ta cũng đi đến kết luận rằng "thông nhãn trực tiếp" không hoàn toàn chính là trực giác.

a. Điểm đạo đồ hướng con mắt về phía tinh chất của sự vật.

93. Rốt cuộc, tinh chất của sự vật là Bồ đề. Ngược lại, Bồ đề là năng lực nhờ đó tinh chất của sự vật có thể được phân biện tinh thần.

b. Con mắt thứ ba phải được **người khổ hạnh đạt được** trước khi y trở thành một chân sư. —S. D., II, 651.

94. Đây là một gợi ý huyền bí vô cùng lớn lao. Con mắt thứ ba không đi vào hoạt động cho đến khi một mức độ khổ hạnh nào đó được áp dụng. Nếu các năng lượng của thể được hướng về nhiều sự thỏa mãn vật chất khác nhau, các năng lượng ấy sẽ không dâng lên để hoạt hóa tuyến tùng tiềm ẩn và con mắt thứ ba.

95. Chúng ta lưu ý rằng chân sư không thực sự là người khổ hạnh—như Đức Phật đã khám phá. Khổ hạnh là một giai đoạn trước đó, nhưng có lẽ là một giai đoạn không thể tránh. Tất cả tùy thuộc vào cách chúng ta hiểu thuật ngữ "người khổ hạnh". Nó dường

must remember the Patron God of all ascetics—Shiva!

như ít hấp dẫn trong thế giới ngày nay, nhưng chúng ta phải nhớ đến Vị Thượng đế Bảo Trợ của mọi người khổ hạnh—Shiva!

11. Students of occultism ought to know that the third eye is indissolubly connected with karma.—S. D., II, 312, note; S. D., II, 316, 320.

11. Các đạo sinh của huyền bí học nên biết rằng con mắt thứ ba gắn liền không thể tách rời với nghiệp quả.—S. D., II, 312, note; S. D., II, 316, 320.

96. Perhaps we may think of the *atrophying* of the third eye as related to karma.

96. Có lẽ chúng ta có thể nghĩ đến sự *teo đi* của con mắt thứ ba như có liên hệ với nghiệp quả.

a. From its Atlantean past, the fifth root-race is working out fourth root-race causes.

a. Từ quá khứ Atlantis của mình, giống dân gốc thứ năm đang giải quyết các nguyên nhân của giống dân gốc thứ tư.

97. It was during the fourth root-race that the third eye atrophied. It may be because of the materially-inclined emotionalism of the majority of that race.

97. Chính trong giống dân gốc thứ tư mà con mắt thứ ba đã teo đi. Điều này có thể là do tính cảm xúc thiên về vật chất của đa số thuộc giống dân ấy.

c. Because it reveals that which is its past.—S. D., II, 297, 320, 813.

c. Bởi vì nó tiết lộ điều vốn là quá khứ của nó. —S. D., II, 297, 320, 813.

98. Here is another hint concerning the relationship of the third eye to the reading of the akashic records. We also remember the connection of the pineal gland with the number *three*—the number of the past.

98. Đây là một gợi ý khác liên quan đến mối liên hệ của con mắt thứ ba với việc đọc các hồ sơ akashic. Chúng ta cũng nhớ đến mối liên hệ của tuyến tùng với con số *ba*—con số của quá khứ.

99. But if the third eye reveals the past, it also reveals the future, as buddhi is the future and this eye is connected with the buddhic faculty.

99. Nhưng nếu con mắt thứ ba tiết lộ quá khứ, nó cũng tiết lộ tương lai, vì Bồ đề là tương lai và con mắt này được nối kết với năng lực Bồ đề.

12. The third eye is the mirror of the soul.—S. D., II, 312.

12. Con mắt thứ ba là tấm gương của linh hồn.—S. D., II, 312.

100. That which the soul sees, the soul-in-incarnation may *also* see by using the third eye.

100. Điều mà linh hồn thấy, linh hồn đang nhập thể *cũng* có thể thấy bằng cách sử dụng con mắt thứ ba.

101. We often say that "the eyes are the windows to the soul", but perhaps it should be said that 'the *eye* is *the* window to the soul'.

101. Chúng ta thường nói rằng "đôi mắt là cửa sổ nhìn vào linh hồn", nhưng có lẽ nên nói rằng "con *mắt* là *cửa sổ* nhìn vào linh hồn".

102. That which the supervisory Ego seeks to see implemented through personality life can be sensed or reflected through the third eye.

102. Điều mà chân ngã giám sát tìm cách thấy được thực hiện qua đời sống phàm ngã có thể được cảm nhận hay phản chiếu qua con mắt thứ ba.

13. To the inner spiritual eye the Gods are no more abstractions than our soul and body are to us.—S. D., I, 694.

13. Đối với con mắt tinh thần bên trong, các Thượng đế không còn là những điều trừu tượng hơn linh hồn và thân thể của chúng ta đối với chúng ta.—S. D., I, 694.

103. Well, to some, the soul is still rather an abstraction, but certainly the body is not—it is the ultimate concretion!

103. Đối với một số người, linh hồn vẫn còn khá trừu tượng, nhưng chắc chắn thể thì không—nó là sự kết tinh tối hậu!

104. Through the third eye, it would see that one could begin to *see* the influences of the planets, for, really, the planets are the "Gods".

104. Qua con mắt thứ ba, người ta sẽ thấy rằng có thể bắt đầu *thấy* các ảnh hưởng của các hành tinh, vì thật ra, các hành tinh là các "Thượng đế".

105. This correlates well with the thought that the transfigured initiate sees the passage of the heavenly energies as streams of light and radiance.

105. Điều này tương hợp rất tốt với ý tưởng rằng điểm đạo đồ đã Biến hình nhìn thấy sự vận hành của các năng lượng thiên giới như những dòng ánh sáng và quang huy.

From the above few points, hints can be gathered together as to the interlocking forces of all the twelve constellations, as they pour into and through all the kingdoms in nature, carrying with them also not only their own individual potencies but also those of the seven rays, focussed through the sacred and non-sacred planets—the discovered and undiscovered planetary Lives. It has been occultly said that a vision of these powers and their many weaving lines (seen as rivers and streams of light) is given to the initiate from the mountain top of Capricorn, once that summit has been

Từ vài điểm nêu trên, có thể gom góp những gợi ý về các mãnh lực đan kết của cả mười hai chòm sao, khi chúng tuôn vào và xuyên qua mọi giới trong thiên nhiên, đồng thời mang theo không chỉ các tiềm lực cá biệt riêng của chúng mà còn cả các tiềm lực của bảy cung, được hội tụ qua các hành tinh thiêng liêng và không thiêng liêng—các Sự Sống Hành tinh đã được khám phá và chưa được khám phá. Một cách huyền bí, người ta đã nói rằng một linh ảnh về các quyền năng này và vô số đường đan dệt của chúng (được thấy như những con sông và dòng suối ánh sáng) được ban cho điểm đạo đồ từ đỉnh núi

reached. It is at the Transfiguration initiation that this vision appears before the eyes of the astounded disciple. (EA 167)

Ma Kết, một khi đỉnh ấy đã được đạt tới. Chính vào cuộc điểm đạo Biến hình mà linh ảnh này hiện ra trước mắt người đệ tử kinh ngạc. (EA 167)

a. The inner eye can see through the veil of matter.—S. D., I, 694.

a. Con mắt bên trong có thể nhìn xuyên qua bức màn của vật chất.—S. D., I, 694.

106. Since it is an etheric eye, this is to be presumed.

106. Vì đó là một con mắt dĩ thái, nên điều này là điều có thể giả định được.

107. But matter is of many varieties within the eighteen lower subplanes, and the true and highly developed third eye can penetrate the veils of subtle matter as well.

107. Nhưng vật chất có nhiều loại trong mười tám cõi phụ thấp, và con mắt thứ ba chân chính, được phát triển cao, cũng có thể xuyên thấu các bức màn của vật chất vi tế.

c. The spiritual eye reveals the super-sensual states.—S. D., II, 561.

c. Con mắt tinh thần tiết lộ các trạng thái siêu giác quan.—S. D., II, 561.

108. It certainly reveals that which lies beyond the senses (as normally considered).

108. Chắc chắn nó tiết lộ điều nằm vượt ngoài các giác quan (theo cách hiểu thông thường).

109. Notice the word “sensual” rather than “sensuous”. The ‘sensual states’ are those which are connected specifically to the dense physical subplanes of the etheric-physical plane.

109. Hãy lưu ý từ “sensual” thay vì “sensuous”. Các “trạng thái sensual” là những trạng thái được nối kết đặc biệt với các cõi phụ hồng trần đậm đặc của cõi dĩ thái-hồng trần.

110. The higher fifteen of the lower eighteen subplanes could, from this perspective, be considered “super-sensual”.

110. Mười lăm cõi phụ cao hơn trong mười tám cõi phụ thấp, từ góc nhìn này, có thể được xem là “siêu giác quan”.

14. In the spiritual regenerated man the third eye is active.—S. D., II, 458.

14. Ở con người được tái sinh tinh thần, con mắt thứ ba hoạt động.—S. D., II, 458.

111. Such is a man who has been created again. He has regained some of the spiritual prerogatives of his primitive nature (but with the addition of mind and a developed sentiency).

111. Đó là một con người đã được tạo ra lần nữa. Y đã phục hồi một số đặc quyền tinh thần của bản chất nguyên sơ của mình (nhưng có thêm trí tuệ và năng lực cảm nhận đã phát triển).

112. If Pluto is the 'Regenerator' and if Mercury "restores sight to the blind", we can see that *both* must be active in reawakening the third eye. This makes sense when we consider Pluto as ruler of Scorpio (darkness) and Mercury as especially related to the sign Taurus (the Divine Light). "Lead us from darkness to light".

112. Nếu Sao Diêm Vương là "Đấng Tái Sinh" và nếu Sao Thủy "phục hồi thị lực cho người mù", chúng ta có thể thấy rằng *cả hai* đều phải hoạt động trong việc đánh thức lại con mắt thứ ba. Điều này có ý nghĩa khi chúng ta xem Sao Diêm Vương là chủ tinh của Hổ Cáp (bóng tối) và Sao Thủy là hành tinh đặc biệt liên hệ với dấu hiệu Kim Ngưu (Ánh Sáng thiêng liêng). "Xin dẫn dắt chúng con từ bóng tối đến ánh sáng".

113. Mercury, kundalini and the regeneration of man are to be related.

113. Sao Thủy, kundalini và sự tái sinh của con người cần được liên hệ với nhau.

When *the alta major centre*, the synthesis of what might be called nervous energy, is awake, it becomes possible for him to materialise and activate the desired form which, through attractive energy, he is in process of constructing.

Khi *trung tâm alta major*, sự tổng hợp của cái có thể được gọi là năng lượng thần kinh, được đánh thức, thì y có thể hiện hình và kích hoạt hình tướng mong muốn mà, thông qua năng lượng hấp dẫn, y đang trong tiến trình kiến tạo.

114. We can understand the magical properties of the alta major center. The third ray is the Ray of Magic, per se, whereas the seventh ray is the Ray of the Ritualist—both rays, of course, intimately, related.

114. Chúng ta có thể hiểu các đặc tính huyền thuật của trung tâm alta major. Cung ba chính là Cung của huyền thuật, còn cung bảy là Cung của nhà nghi lễ—dĩ nhiên cả hai cung đều liên hệ mật thiết với nhau.

115. The alta major center is correlated with the third aspect of divinity, the aspect which makes *materialization* possible.

115. Trung tâm alta major tương quan với phương diện thứ ba của thiên tính, phương diện làm cho sự *hiện hình* trở nên khả hữu.

116. We have been given another potent hint in the thought that the alta major center is the "synthesis of....nervous energy". Here is a connection to the actual, material *nerves* rather than the etheric nadis. Mercury is involved. Probably the deepest ray connected with Mercury is the third. Mercury also, we realize from the Tarot, is the planet of the "Magician". Mercury is also "kundalini latent" and the alta major center is to the head as a whole in

116. Chúng ta đã được ban cho một gợi ý mạnh mẽ khác trong ý tưởng rằng trung tâm alta major là "sự tổng hợp của....năng lượng thần kinh". Ở đây có một mối liên hệ với các *dây thần kinh* vật chất thực sự hơn là với các nadi dĩ thái. Sao Thủy có liên quan. Có lẽ cung sâu xa nhất liên hệ với Sao Thủy là cung ba. Từ Tarot, chúng ta cũng nhận ra rằng Sao Thủy là hành tinh của "Nhà Huyền Thuật". Sao Thủy cũng là "kundalini tiềm ẩn", và trung tâm alta major đối với toàn bộ

a position analogous to the base of the spine center (with respect to the body as a whole).

đầu có một vị trí tương tự như trung tâm đáy cột sống đối với toàn bộ cơ thể.

It will be apparent, therefore, why it is **that so few people ever construct thought forms which are of constructive lasting benefit to humanity**, and also why it is that the Great Ones, (as They work through Their disciples) are forced to work with groups**, being seldom able to find a man or woman whose three physical head centres are simultaneously active.**

Do đó, sẽ hiển nhiên vì sao **rất ít người từng kiến tạo được các hình tư tưởng có lợi ích xây dựng và lâu bền cho nhân loại**, và cũng vì sao các Đấng Cao Cả, (khi Các Ngài hoạt động qua các đệ tử của Các Ngài) buộc phải làm việc với các nhóm**, vì hiếm khi có thể tìm được một người nam hay nữ mà ba trung tâm đầu hồng trần của họ cùng lúc hoạt động.**

117. We have been given a list of very exacting requirements for the true magician. Few fulfill them.

117. Chúng ta đã được trao cho một danh sách những đòi hỏi rất khắt khe đối với nhà huyền thuật chân chính. Rất ít người đáp ứng được chúng.

118. In the foregoing section we have been speaking of the interior requirements for thoughtform construction.

118. Trong phần trước, chúng ta đã bàn đến các đòi hỏi nội tại cho việc kiến tạo hình tư tưởng.

119. In the thought that the group can replace the individual, we see at work *compensatory* activity. No one group member may possess what is needed for true magical work, but, in a group, the deficiencies of one are compensated by the abilities of another. Thus, an effective wholeness can be created.

119. Trong ý tưởng rằng nhóm có thể thay thế cá nhân, chúng ta thấy hoạt động *bù trừ* đang vận hành. Không một thành viên nhóm nào có thể sở hữu đầy đủ những gì cần thiết cho công việc huyền thuật chân chính, nhưng trong một nhóm, những thiếu sót của người này được bù đắp bởi năng lực của người khác. Nhờ đó, một tính toàn vẹn hữu hiệu có thể được tạo ra.

120. The Hierarchy would work through third degree initiates if it could with reasonable frequency, but such initiates are hard to find and so the group must perforce be used. In any case, group work is the trend of the future. A still better instrument would be the third degree initiate *group.*

120. Thánh Đoàn hẳn sẽ làm việc qua các điểm đạo đồ cấp ba nếu có thể với tần suất hợp lý, nhưng những điểm đạo đồ như thế rất khó tìm, nên nhóm buộc phải được sử dụng. Dù sao đi nữa, công việc nhóm là xu hướng của tương lai. Một công cụ còn tốt hơn nữa sẽ là một *nhóm* điểm đạo đồ cấp ba.

They frequently have to work with **large groups** before the quota of energy supplied

Các Ngài thường phải làm việc với **những nhóm lớn** trước khi hạn ngạch năng lượng

to Them for the accomplishment of Their ends measures up to that necessitated.

121. Here we have a fascinating thought. A certain amount of energy must be generated before the Great Ones can work through an individual, a group or a large group. It is obvious why a large group is sometimes required—through the addition of many smaller sources of energy, sufficient energy can be achieved.

122. We have only to think of how the Avatar of Synthesis works—always through large groupings. In His case, no individual could withstand the pure application of energy—except (in our Spiritual Hierarchy) for the Christ and the Buddha and Shamballic Beings.

123. We are members now of relatively *smaller* occult groups. More pressure is put upon us if we are to generate an energy sufficient for use by the Great Ones. Each disciple in such a group must generate a higher quota of energy.

được cung cấp cho Các Ngài để hoàn thành mục đích của Các Ngài đạt tới mức cần thiết.

121. Ở đây chúng ta có một ý tưởng đầy hấp dẫn. Một lượng năng lượng nhất định phải được tạo ra trước khi các Đấng Cao Cả có thể làm việc qua một cá nhân, một nhóm hay một nhóm lớn. Hiển nhiên là vì sao đôi khi cần một nhóm lớn—nhờ cộng thêm nhiều nguồn năng lượng nhỏ hơn, có thể đạt được đủ năng lượng.

122. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến cách Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp hoạt động—luôn luôn qua những tập hợp lớn. Trong trường hợp của Ngài, không cá nhân nào có thể chịu đựng được sự áp dụng thuần túy của năng lượng—ngoại trừ (trong Thánh đoàn tinh thần của chúng ta) Đức Christ và Đức Phật cùng các Hữu thể Shamballa.

123. Hiện nay chúng ta là thành viên của những nhóm huyền bí tương đối *nhỏ hơn*. Áp lực đặt lên chúng ta lớn hơn nếu chúng ta phải tạo ra một năng lượng đủ để các Đấng Cao Cả sử dụng. Mỗi đệ tử trong một nhóm như vậy phải tạo ra một hạn ngạch năng lượng cao hơn.

S8S4 Part III

TCF 967 - 969

28 November – 13 December 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

TCF 967 - 969

28 tháng Mười Một – 13 tháng Mười Hai 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ

chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và chính cách trình bày cô đọng trong sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

It will be obvious, likewise, that **the disciple's power for service for humanity** is dependent largely upon three things: [Page 967]

Tương tự, cũng sẽ hiển nhiên rằng **quyền năng phụng sự nhân loại của người đệ tử** phần lớn tùy thuộc vào ba điều: [Page 967]

a. The state of his bodies and their egoic alignment.

a. Tình trạng các thể của y và sự chỉnh hợp chân ngã của chúng.

1. Notice the *occult* factors on which the disciple's power for service to humanity depends. This is probably little realized by those who are interested or engaged in service.

1. Hãy lưu ý các yếu tố *huyền bí* mà quyền năng phụng sự nhân loại của người đệ tử tùy thuộc vào. Điều này có lẽ ít được nhận ra bởi những người quan tâm đến hoặc đang dấn thân vào việc phụng sự.

2. We can never forget the importance of the condition of the instrument.

2. Chúng ta không bao giờ được quên tầm quan trọng của tình trạng của công cụ.

3. Instruments in good condition, however, are not sufficient. They must be correctly aligned with the Ego.

3. Tuy nhiên, những công cụ ở trong tình trạng tốt vẫn chưa đủ. Chúng phải được chỉnh hợp đúng đắn với Chân ngã.

b. The condition of activity present in the physical head centres.

b. Tình trạng hoạt động hiện diện trong các trung tâm đầu hồng trần.

4. Not only are the etheric centers to be sufficiently stimulated and in circulatory relationship, the *physical* head centers must be activated.

4. Không chỉ các trung tâm dĩ thái phải được kích thích đầy đủ và ở trong mối liên hệ tuần hoàn, mà các trung tâm đầu *hồng trần* cũng phải được hoạt hóa.

5. Service must work out onto the physical plane, so the physical apparatus, though not a principle, is of real importance.

5. Sự phụng sự phải được thể hiện ra trên cõi hồng trần, nên bộ máy hồng trần, tuy không phải là một nguyên khí, vẫn có tầm quan trọng thực sự.

c. The circulatory action of the triangular transmission of force.

c. Tác động tuần hoàn của sự truyền dẫn mãnh lực theo hình tam giác.

6. Presumably this applies to the transmission of force between the crown, ajna and alta major centers. In some manner there must be a triangular transmission of force (a more physical relationship—is it electro-chemical?) between the physical centers as well.

6. Có lẽ điều này áp dụng cho sự truyền dẫn mãnh lực giữa các trung tâm đỉnh đầu, ajna và alta major. Theo một cách nào đó, cũng phải có một sự truyền dẫn mãnh lực theo hình tam giác (một mối liên hệ vật chất hơn —có phải là điện-hóa học chăng?) giữa các trung tâm hồng trần.

These factors are again dependent upon others, among which might be enumerated:

Những yếu tố này lại tùy thuộc vào những yếu tố khác, trong số đó có thể kể ra:

7. We remember that we are speaking of the disciple's power in service and the factors upon which such power depends.

7. Chúng ta nhớ rằng chúng ta đang nói về quyền năng của người đệ tử trong phụng sự và các yếu tố mà quyền năng ấy tùy thuộc vào.

1. The ability of the disciple to meditate.

1. Khả năng tham thiền của người đệ tử.

8. We are being told that without the power to meditate, there can be no true service, because without meditation the necessary physical plane activations, stimulations, alignment and interconnection cannot be established.

8. Ở đây chúng ta được cho biết rằng nếu không có năng lực tham thiền thì không thể có sự phụng sự chân chính, bởi vì nếu không có tham thiền thì những sự hoạt hóa, kích thích, chỉnh hợp và liên kết cần thiết trên cõi hồng trần không thể được thiết lập.

9. How often has servers related their effectiveness in service to their power to meditate? At least servers associated with the Ageless Wisdom must do so.

9. Đã bao lần những người phụng sự liên hệ hiệu quả phụng sự của họ với năng lực tham thiền của họ? Ít nhất những người phụng sự gắn liền với Minh Triết Ngàn Đời phải làm như vậy.

2. The capacity he displays for **bringing through accurately** from the subtler levels

2. Năng lực mà y biểu lộ trong việc **chuyển xuống một cách chính xác** từ các cấp độ vi

the **plans and purposes of which his Ego is cognisant**.

10. This capacity, presumably, is somewhat dependent upon alignment but, perhaps, a certain profound quality of attentiveness is also required. Alignment may exist, but the power to bring through with accuracy still wanting.

11. We note that the Ego, on its own plane, is aware of aspects of the Plan of which the soul-in-incarnation is usually unaware. As the capacity for meditation grows and as alignment strengthens, some of that of which the Ego is aware will filter into the consciousness of the soul-in-incarnation within the personality. The disciple is literally an advanced condition of the soul-in-incarnation.

12. The thought of independent (though interrelated) centers of consciousness to be found within the entirety of our nature (from the Monad to the physical plane) is to be pondered.

3. The purity of his motives.

13. Such purity, therefore, has physical plane effects and affects the disciple's power in service. Obviously, if motives are impure, that tells us something about the condition of the astral and mental bodies. Impure motives arise from impure psychological conditions and such conditions (such energy dynamics within the lower vehicles) block the downflow of higher energies.

tế hơn những **kế hoạch và mục đích mà Chân ngã của y nhận biết**.

10. Năng lực này, có lẽ, phần nào tùy thuộc vào sự chỉnh hợp nhưng có thể cũng đòi hỏi một phẩm tính chú tâm sâu sắc nào đó. Sự chỉnh hợp có thể hiện hữu, nhưng năng lực chuyển xuống một cách chính xác vẫn còn thiếu.

11. Chúng ta lưu ý rằng Chân ngã, trên cõi riêng của nó, nhận biết những phương diện của Thiên Cơ mà linh hồn đang nhập thể thường không nhận biết. Khi năng lực tham thiền tăng trưởng và sự chỉnh hợp được củng cố, một phần những gì Chân ngã nhận biết sẽ thấm lọc vào tâm thức của linh hồn đang nhập thể bên trong phàm ngã. Người đệ tử theo nghĩa đen là một trạng thái tiến bộ của linh hồn đang nhập thể.

12. Ý tưởng về các trung tâm tâm thức độc lập (dù có liên hệ với nhau) hiện diện trong toàn thể bản chất của chúng ta (từ chân thần đến cõi hồng trần) là điều cần được suy ngẫm.

3. Sự thanh khiết của các động cơ của y.

13. Do đó, sự thanh khiết như thế có những tác động trên cõi hồng trần và ảnh hưởng đến quyền năng phụng sự của người đệ tử. Hiển nhiên, nếu các động cơ không thanh khiết, điều đó cho chúng ta biết điều gì đó về tình trạng của thể cảm dục và thể trí. Những động cơ không thanh khiết phát sinh từ những điều kiện tâm lý không thanh khiết, và những điều kiện như thế (những động lực năng lượng như thế trong các vận cụ thấp) ngăn chặn dòng chảy đi xuống của các năng lượng cao hơn.

4. His power to "hold a state of meditation," and while in that state begin **to build the form for his idea**, and **thus materialise the plan of his Ego**.

14. We began with the "power to meditate" as a prerequisite for ensuring certain physical plane developments necessary for power in service. Now we see that a *sustained* state of meditation is required, and also one in which constructive thoughtform building can be achieved.

15. One cannot build magically and with spiritual constructiveness unless in a state of meditation—presumably *sustained* meditation.

5. The amount of energy he can pour later into his thought form and thus procure for it a period of existence, or its tiny "day of Brahma."

16. It is not enough to build accurate thoughtforms in line with the Divine Plan; one must also *empower* those thoughtforms.

17. The energizing of thoughtforms may be considered related to occult breathing and to the degree of concentration of which the meditator is capable.

18. Each thoughtform has its tiny "day of Brahma", its span of endurance as a separate entity. The use of this term invites us to apply what is here said to the manner in which the Planetary Logos creates, and even the manner in which the Solar Logos creates.

4. Quyền năng của y để "giữ một trạng thái tham thiền," và trong khi ở trong trạng thái ấy bắt đầu **kiến tạo hình tướng cho ý tưởng của mình**, và **nhờ đó hiện hình Thiên Cơ của Chân ngã mình**.

14. Chúng ta đã bắt đầu với "năng lực tham thiền" như một điều kiện tiên quyết để bảo đảm một số phát triển trên cõi hồng trần cần thiết cho quyền năng trong phụng sự. Giờ đây chúng ta thấy rằng cần có một trạng thái tham thiền *duy trì*, và cũng là một trạng thái trong đó việc kiến tạo hình tư tưởng có tính xây dựng có thể được thực hiện.

15. Người ta không thể kiến tạo một cách huyền thuật và với tính xây dựng tinh thần nếu không ở trong trạng thái tham thiền—có lẽ là tham thiền *duy trì*.

5. Lượng năng lượng mà về sau y có thể tuôn vào hình tư tưởng của mình và nhờ đó đem lại cho nó một thời kỳ tồn tại, hay "ngày Brahma" nhỏ bé của nó.

16. Chỉ kiến tạo những hình tư tưởng chính xác phù hợp với Thiên Cơ là chưa đủ; người ta còn phải *tiếp năng lượng* cho những hình tư tưởng ấy.

17. Việc tiếp năng lượng cho các hình tư tưởng có thể được xem là liên hệ với sự hô hấp huyền bí và với mức độ tập trung mà người hành thiền có khả năng đạt được.

18. Mỗi hình tư tưởng đều có "ngày Brahma" nhỏ bé của nó, khoảng thời gian bền vững của nó như một thực thể riêng biệt. Việc dùng thuật ngữ này mời gọi chúng ta áp dụng điều được nói ở đây vào cách Hành Tinh Thượng Đế sáng tạo, và thậm chí cả cách Thái dương Thượng đế sáng tạo.

These subsidiary factors are again dependent upon:

19. We are being given tabulations of certain requirements necessary for those who would serve humanity with power and effectiveness. Each group of requirements seems dependent on certain other requirements:

a. Power in service is dependent upon the condition of the personality instruments, their degree of alignment with the Ego and the degree of activation and interrelation between the physical plane head centers and their etheric counterparts.

b. These physical conditions are dependent upon meditation, accurate reception of that which is touched in meditation, purity of motive, the power to build thoughtforms while in a state of meditation, and the capacity of the meditator to empower his thoughtforms.

c. This latter group of requirements is dependent upon certain conditions described below:

a. His place on the ladder of evolution.

20. The true white magician is ever an advanced soul.

21. It is futile for the individual to attempt thoughtform building under the influence of the Ego before the Ego has become a sensed and felt factor in his life.

Những yếu tố phụ thuộc này lại tùy thuộc vào:

19. Chúng ta đang được trao cho những bảng liệt kê về một số đòi hỏi cần thiết đối với những ai muốn phụng sự nhân loại với quyền năng và hiệu quả. Mỗi nhóm đòi hỏi dường như tùy thuộc vào một số đòi hỏi khác:

a. Quyền năng trong phụng sự tùy thuộc vào tình trạng của các công cụ phàm ngã, mức độ chỉnh hợp của chúng với Chân ngã và mức độ hoạt hóa cũng như tương liên giữa các trung tâm đầu trên cõi hồng trần và các đối phần dĩ thái của chúng.

b. Những điều kiện hồng trần này tùy thuộc vào tham thiền, sự tiếp nhận chính xác điều được chạm tới trong tham thiền, sự thanh khiết của động cơ, quyền năng kiến tạo hình tư tưởng trong khi ở trong trạng thái tham thiền, và năng lực của người hành thiền trong việc tiếp năng lượng cho các hình tư tưởng của mình.

c. Nhóm đòi hỏi sau cùng này tùy thuộc vào một số điều kiện được mô tả dưới đây:

a. Vị trí của y trên chiếc thang tiến hoá.

20. Nhà huyền thuật chánh đạo chân chính luôn luôn là một linh hồn tiến bộ.

21. Thật vô ích khi cá nhân cố gắng kiến tạo hình tư tưởng dưới ảnh hưởng của Chân ngã trước khi Chân ngã trở thành một yếu tố được cảm nhận và cảm thấy trong đời sống của y.

b. The condition of his bodies.

22. The condition of all vehicles of the personality. This condition will affect the condition of the physical plane apparatus to be found in the head.

23. Weak and chaotic vehicles cannot participate in the process of white magical thoughtform building.

c. His karmic condition.

24. There are many preoccupations forced by unresolved karma. These preoccupations deprive the disciple of the time to fulfill other of the requirements.

25. The karmic condition of the vehicles may also prevent them from adequately playing their role in ensuring the presence of the necessary requirements. We remember that the personality vehicles must be in good condition if a real capacity for white magic is to arise and karmic conditions (weakening the vehicles or rendering them disorganized) may militate against this.

d. The tenuosity of the etheric web.

26. If the etheric web is thick and, therefore, relatively impenetrable, the finer energies from higher dimensions will not be able to get through to stimulate the physical apparatus in the head, the activation of which is so necessary in producing the white magician.

27. We remember that as evolution proceeds, the gradual burning of the etheric web also proceeds. In the undeveloped

b. Tình trạng các thể của y.

22. Tình trạng của mọi vận cụ của phàm ngã. Tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến tình trạng của bộ máy trên cõi hồng trần nằm trong đầu.

23. Những vận cụ yếu ớt và hỗn loạn không thể tham gia vào tiến trình kiến tạo hình tư tưởng huyền thuật chánh đạo.

c. Tình trạng nghiệp quả của y.

24. Có nhiều mối bận tâm bị áp đặt bởi nghiệp quả chưa được giải quyết. Những mối bận tâm này tước mất của người đệ tử thời gian để hoàn thành các đòi hỏi khác.

25. Tình trạng nghiệp quả của các vận cụ cũng có thể ngăn cản chúng đóng vai trò của mình một cách đầy đủ trong việc bảo đảm sự hiện diện của các đòi hỏi cần thiết. Chúng ta nhớ rằng các vận cụ phàm ngã phải ở trong tình trạng tốt nếu một năng lực thực sự về Chánh Thuật muốn phát sinh, và các điều kiện nghiệp quả (làm suy yếu các vận cụ hoặc khiến chúng mất tổ chức) có thể chống lại điều này.

d. Độ mỏng của màng dĩ thái.

26. Nếu màng dĩ thái dày và do đó tương đối không thể xuyên thấu, các năng lượng tinh tế hơn từ những chiều kích cao hơn sẽ không thể đi xuyên qua để kích thích bộ máy hồng trần trong đầu, mà sự hoạt hóa của nó rất cần thiết để tạo nên nhà huyền thuật chánh đạo.

27. Chúng ta nhớ rằng khi tiến hoá tiếp diễn, sự đốt cháy dần dần của màng dĩ thái cũng tiếp diễn. Ở con người chưa phát triển, màng

human being, this web is very much intact and prevents the conscious intercommunication between the different aspects of man's personality nature and their communication with the Ego and still higher aspects of man's nature.

này còn nguyên vẹn rất nhiều và ngăn cản sự liên thông có ý thức giữa các phương diện khác nhau của bản chất phàm ngã của con người và sự liên lạc của chúng với Chân ngã cùng những phương diện còn cao hơn của bản chất con người.

e. The calibre of his physical body, and its relative refinement.

e. Phẩm chất của thể xác của y, và mức độ tinh luyện tương đối của nó.

28. This requirement has already been mentioned. The calibre of the physical vehicle is directly related to the condition of the all-important triangle of head centers.

28. Đòi hỏi này đã được nhắc đến rồi. Phẩm chất của vận cụ hồng trần liên hệ trực tiếp với tình trạng của tam giác cực kỳ quan trọng gồm các trung tâm đầu.

29. Here we are speaking of the degree of transmutation which remains to be accomplished. Personality vehicles which are not in process of transmutation will be obstructive to the white magical creation of soul-aligned thoughtforms.

29. Ở đây chúng ta đang nói về mức độ chuyển hoá còn phải được hoàn thành. Những vận cụ phàm ngã không ở trong tiến trình chuyển hoá sẽ gây cản trở cho sự sáng tạo huyền thuật chánh đạo các hình tư tưởng được chỉnh hợp với linh hồn.

It is necessary here to warn the student against the error of making any hard or fast rule anent the sequential order of the development of the physical head centres, and the vitalisation of the force centres.

Ở đây cần phải cảnh báo đạo sinh chống lại sai lầm là đặt ra bất kỳ quy luật cứng nhắc nào liên quan đến trình tự tuần tự của sự phát triển các trung tâm đầu hồng trần, và sự tiếp sinh lực cho các trung tâm lực.

30. Such development seems to depend on many and variable factors—for instance, the ray of the Monad.

30. Sự phát triển như thế dường như tùy thuộc vào nhiều yếu tố biến thiên—chẳng hạn như cung của chân thần.

31. In any case, many etheric and physical developments are occurring with *relative* simultaneity but this is not readily apparent to most disciples.

31. Dù sao đi nữa, nhiều phát triển dĩ thái và hồng trần đang xảy ra với tính đồng thời *tương đối* nhưng điều này không dễ thấy đối với đa số đệ tử.

This process is incident upon many things, **such as the ray upon which the monad may be found,** and **the nature of the development in the past incarnations.**

Tiến trình này tùy thuộc vào nhiều điều, **chẳng hạn như cung mà chân thần được tìm thấy trên đó,** và **bản chất của sự phát triển trong các kiếp quá khứ.**

32. It is quite arresting to consider that the ray of the highest center within the constitution of man is responsible for the sequence of etheric and physical plane developments. The Monad has a definite etheric-physical influence.

32. Thật đáng chú ý khi xét rằng cung của trung tâm cao nhất trong cấu tạo của con người chịu trách nhiệm về trình tự của các phát triển dĩ thái và trên cõi hồng trần. Chân thần có một ảnh hưởng dĩ thái-hồng trần xác định.

33. Different incarnations offer different kinds of opportunities for development. Probably the astrological configurations to be found in those incarnations are of importance in this process. We all build upon our past. Tendencies established in the past have influential momentum in the present.

33. Những kiếp sống khác nhau đem lại những loại cơ hội phát triển khác nhau. Có lẽ các cấu hình chiêm tinh hiện diện trong những kiếp ấy có tầm quan trọng trong tiến trình này. Tất cả chúng ta đều xây dựng trên quá khứ của mình. Những khuynh hướng được thiết lập trong quá khứ có một động lượng ảnh hưởng trong hiện tại.

34. If we do not know who as man *was* it is difficult to determine who he *is* in his present incarnation.

34. Nếu chúng ta không biết con người *đã là* ai thì khó mà xác định được y *là* ai trong kiếp hiện tại của mình.

Nature, in all departments of her corporate life, **parallels her efforts, and overlaps her various processes,** and **it takes a seer of [Page 968] vast wisdom and experience to state exactly the stage at which any particular unit of the human family may be**.

Thiên nhiên, trong mọi bộ phận của đời sống tập thể của mình, **song hành các nỗ lực của mình, và chồng lấp các tiến trình khác nhau của mình,** và **cần đến một nhà thông nhãn có [Page 968]minh triết và kinh nghiệm lớn lao mới có thể nói chính xác giai đoạn mà bất kỳ đơn vị nào của gia đình nhân loại có thể đang ở.**

35. Presumably a Master such as DK is such a seer, for He seems very capable of assessing the stage of development which His students have achieved.

35. Có lẽ một Chân sư như Chân sư DK là một nhà thông nhãn như thế, vì Ngài dường như rất có khả năng đánh giá giai đoạn phát triển mà các đạo sinh của Ngài đã đạt được.

36. The overlapping processes of nature are to be pondered. To reduce the growth process to a strictly linear sequence of states is an error. At best it reveals an incomplete picture of the truth. Such formulations satisfy only the limited human mind which, despite the truth, seems to possess the 'will-to-be-satisfied'!

36. Các tiến trình chồng lấp của thiên nhiên là điều cần được suy ngẫm. Giảm tiến trình tăng trưởng xuống thành một chuỗi trạng thái tuyến tính nghiêm ngặt là một sai lầm. Tốt nhất thì nó cũng chỉ cho thấy một bức tranh chưa trọn vẹn của chân lý. Những công thức như thế chỉ làm thỏa mãn trí tuệ hữu hạn của con người, vốn dường như, bất

chấp chân lý, lại sở hữu "ý chí muốn được thỏa mãn"!

He that is wise always refrains from assertion until he knows.

Người khôn ngoan luôn luôn tránh khẳng định cho đến khi y biết.

37. This is frequently the Master's advice to His students. Many are the apparently knowledgeable assertions prematurely offered.

37. Đây thường là lời khuyên của Chân sư dành cho các đạo sinh của Ngài. Có biết bao khẳng định tưởng như đầy hiểu biết đã được đưa ra quá sớm.

Let us now consider:

Bây giờ chúng ta hãy xét:

38. We now enter a subject of great importance to all white magical procedure.

38. Giờ đây chúng ta đi vào một chủ đề hết sức quan trọng đối với mọi thủ tục huyền thuật chánh đạo.

b. ***The construction, vitalisation, and actuating of the thought form****.*

b. ***Sự kiến tạo, tiếp sinh lực, và làm cho hình tư tưởng hoạt động****.*

39. Three factors have been given, and presumably they occur more or less in sequential order, though we must acknowledge the presence of overlapping processes just discussed.

39. Ba yếu tố đã được nêu ra, và có lẽ chúng xảy ra ít nhiều theo trình tự, dù chúng ta phải thừa nhận sự hiện diện của các tiến trình chồng lấp vừa được bàn đến.

40. In the white magical process, sufficiently vitalized, well-constructed thoughtforms are to become *actual,* i.e., are to become tangibly manifested.

40. Trong tiến trình huyền thuật chánh đạo, những hình tư tưởng được tiếp sinh lực đầy đủ và được kiến tạo tốt phải trở thành *thực tại,* nghĩa là phải trở nên được biểu hiện một cách hữu hình.

The Ego, having brought about a condition of receptivity, or of recognition in the physical brain of the man,

Chân ngã, sau khi đã tạo ra một tình trạng tiếp nhận, hay nhận biết trong bộ não hồng trần của con người,

41. This has been accomplished through the cooperation of the Solar Angel with the higher aspect of man (an attenuated extension of the presence of the Monad) focused on the higher mental plane.

41. Điều này đã được hoàn thành nhờ sự hợp tác của Thái dương Thiên Thần với phương diện cao hơn của con người (một sự mở rộng được làm mảnh đi của sự hiện diện của chân thần) được tập trung trên Cõi thượng trí.

42. We see that work occurs from two directions. Bringing the instrument into the proper condition is not the task of the soul-in-incarnation alone.

42. Chúng ta thấy rằng công việc diễn ra từ hai hướng. Việc đưa công cụ vào tình trạng thích hợp không phải chỉ là nhiệm vụ của linh hồn đang nhập thể.

and having drawn from him the necessary response,

và sau khi đã rút ra từ y sự đáp ứng cần thiết,

43. The Ego has *invoked* the lower man; response, or evocation, followed.

43. Chân ngã đã *khẩn cầu* phàm nhân; sự đáp ứng, hay gợi lên, tiếp theo sau đó.

the process of building is thereupon begun.

thì tiến trình kiến tạo liền được bắt đầu.

44. We see that building (presumably relatively constructive thoughtform building) begins after response to the Ego's invocation has arisen in the lower man.

44. Chúng ta thấy rằng việc kiến tạo (có lẽ là việc kiến tạo hình tư tưởng tương đối có tính xây dựng) bắt đầu sau khi sự đáp ứng đối với sự khẩn cầu của Chân ngã đã phát sinh trong phàm nhân.

This process of physical plane response is **based**—as is all else in nature—**upon the relation of the polar opposites**.

Tiến trình đáp ứng trên cõi hồng trần này **được đặt nền trên**—cũng như mọi điều khác trong thiên nhiên—**mối liên hệ của các cực đối nghịch**.

45. DK is telling us that all natural process arises from bi-polar interplay.

45. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng mọi tiến trình tự nhiên phát sinh từ sự tương tác lưỡng cực.

The physical centres are receptive to the positive influence of the force centres.

Các trung tâm hồng trần tiếp nhận ảnh hưởng dương của các trung tâm lực.

46. Negativity (electrically considered) is another name of receptivity.

46. Tính âm (xét về điện) là một tên gọi khác của tính tiếp nhận.

47. In studying occultism, we must always realize that etheric energy is *positive* to the strictly physical plane apparatus.

47. Khi nghiên cứu huyền bí học, chúng ta luôn phải nhận ra rằng năng lượng dĩ thái là *dương* đối với bộ máy thuần hồng trần.

The physical brain is responsive to the positive influence of the lower nature in the earlier evolutionary stages,

Bộ não hồng trần đáp ứng ảnh hưởng dương của bản chất thấp trong các giai đoạn tiến hoá ban đầu,

48. During the Lemurian and Atlantean stages of human development, the lower nature is positive and the physical brain negative, receptive or responsive. The lower nature runs the man.

48. Trong các giai đoạn Lemuria và Atlantis của sự phát triển nhân loại, bản chất thấp là dương còn bộ não hồng trần là âm, tiếp nhận hay đáp ứng. Bản chất thấp điều khiển con người.

49. During the Aryan Race comes man's great opportunity to reverse this polarity.

49. Trong nhân loại Arya xuất hiện cơ hội lớn lao để con người đảo ngược cực tính này.

or to the reactions of the substance of the sheaths, the impress of the lunar Lords.

hay đối với các phản ứng của chất liệu của các thể, dấu ấn của các nguyệt tinh quân.

50. The lunar lords have had control over the behavior of the human being for millions of years. Because the lunar lords represent (from the perspective of the Planetary Logos) *unprincipled* substance, man's behavior under their influence is unprincipled—in the moral sense.

50. Các nguyệt tinh quân đã kiểm soát hành vi của con người trong hàng triệu năm. Bởi vì các nguyệt tinh quân đại diện cho chất liệu *không có nguyên khí* (xét từ quan điểm của Hành Tinh Thượng Đế), nên hành vi của con người dưới ảnh hưởng của chúng là không có nguyên khí—theo nghĩa đạo đức.

51. We see that polarity changes over the course of evolution. At first the lunar lords are positive and influential; later, the etheric body, which *is* often numbered among the principles, turns positive to the physical brain and to the physical body as a whole and, thus, turns positive to the lunar lords and their influence.

51. Chúng ta thấy rằng cực tính thay đổi trong suốt tiến trình tiến hoá. Lúc đầu các nguyệt tinh quân là dương và có ảnh hưởng; về sau, thể dĩ thái, vốn *thường* được kể trong số các nguyên khí, trở nên dương đối với bộ não hồng trần và đối với toàn bộ thể xác, và do đó trở nên dương đối với các nguyệt tinh quân cùng ảnh hưởng của chúng.

It [the physical brain] responds in the later stages to the positive influence of the Ego or the impress of the solar Lord.

Nó [bộ não hồng trần] đáp ứng trong các giai đoạn sau đối với ảnh hưởng dương của Chân ngã hay dấu ấn của nhật tinh quân.

52. We have a threefold sequence:

52. Chúng ta có một trình tự tam phân:

a. At first the physical brain is negative to the influence of the personality vehicles and thus to the lunar lords.

a. Lúc đầu bộ não hồng trần là âm đối với ảnh hưởng của các vận cụ phàm ngã và do đó đối với các nguyệt tinh quân.

b. Then the physical brain becomes negative or receptive to the etheric body.

b. Sau đó bộ não hồng trần trở nên âm hay tiếp nhận đối với thể dĩ thái.

c. At last the physical brain becomes negative to the positive Ego.

c. Cuối cùng bộ não hồng trần trở nên âm đối với Chân ngã dương.

53. Here the Ego is called the "solar Lord" but this is not the same thing as to consider the Ego as identical with the Solar Angel in its true and independent nature. We must remember that the Solar Angel is a "returning Nirvani from a previous mahamanvantara". The Ego of man-the-Monad is less that this—far less.

53. Ở đây Chân ngã được gọi là "nhật tinh quân" nhưng điều này không giống với việc xem Chân ngã là đồng nhất với Thái dương Thiên Thần trong bản chất chân thực và độc lập của nó. Chúng ta phải nhớ rằng Thái dương Thiên Thần là một "nirvani quay trở về từ một Đại giai kỳ sinh hóa trước". Chân ngã của con người-chân thần còn kém hơn điều đó—kém hơn rất nhiều.

54. We might question ourselves: "To which of these three sources is *our* physical brain currently negative or receptive?"

54. Chúng ta có thể tự hỏi: "Hiện nay bộ não hồng trần của *chúng ta* đang âm hay tiếp nhận đối với nguồn nào trong ba nguồn này?"

As is apparent, this building process is divided into three parts, **which overlap, and assume an appearance of simultaneity**.

Như đã rõ, tiến trình kiến tạo này được chia thành ba phần, **chồng lấp lên nhau, và mang dáng vẻ đồng thời**.

55. DK is giving us a hint concerning how relatively sequential processes, by overlapping, assume the appearance of simultaneity without actually being so.

55. Chân sư DK đang cho chúng ta một gợi ý về cách các tiến trình tương đối tuần tự, do chồng lấp lên nhau, mang dáng vẻ của tính đồng thời mà thực ra không phải vậy.

56. For practical purposes, we must realize that both sequentiality and simultaneity are facts in nature.

56. Vì những mục đích thực tiễn, chúng ta phải nhận ra rằng cả tính tuần tự lẫn tính đồng thời đều là những sự kiện trong bản chất.

When (as is the case with the majority of the human family) **the process is an unconscious one**,

Khi (như trường hợp của đa số gia đình nhân loại) **tiến trình là một tiến trình vô thức**,

57. The building process is an unconscious one.

57. Tiến trình kiến tạo là một tiến trình vô thức.

produced by reflex action and based largely on the accomplishment of desire,

được tạo ra bởi phản xạ và phần lớn dựa trên sự hoàn thành của dục vọng,

58. It seems that desire, when accomplished, contributes to the building process.

58. Dường như dục vọng, khi được hoàn thành, góp phần vào tiến trình kiến tạo.

59. The mental elemental lives respond with reflexive activity to the impulse of desire.

59. Các sự sống hành khí trí tuệ đáp ứng bằng hoạt động phản xạ đối với xung lực của dục vọng.

60. We certainly know that many human beings build their thoughtforms (really kama-manasic forms which are a mixture of thought and desire) under the impulse of desire. Perhaps we should say that these persons to not so much *build* the thoughtforms but that within their energy system, thoughtforms are built *by reflex* as the lower manasic vehicle responds to the promptings of desire.

60. Chúng ta chắc chắn biết rằng nhiều con người xây dựng các Hình tư tưởng của mình (thực ra là các hình trí-cảm, là hỗn hợp của tư tưởng và dục vọng) dưới xung lực của dục vọng. Có lẽ chúng ta nên nói rằng những người này không hẳn là *xây dựng* các Hình tư tưởng cho bằng trong hệ thống năng lượng của họ, các Hình tư tưởng được xây dựng *do phản xạ* khi vận cụ manas thấp đáp ứng với những thôi thúc của dục vọng.

all is carried on with great rapidity,

mọi sự đều được tiến hành với tốc độ rất lớn,

61. Because there is no reflection! The salutary influence of the planet Saturn (a planet of mentality) is not applied.

61. Bởi vì không có sự phản tỉnh! Ảnh hưởng lành mạnh của hành tinh Sao Thổ (một hành tinh của trí tuệ) không được áp dụng.

62. All proceeds under the rapidity of Mars which is one of the rulers of the astral body.

62. Mọi sự diễn ra dưới tốc độ của Sao Hỏa, là một trong những chủ tinh của thể cảm dục.

and leads to rapid results—**these results being effective of accomplishment according to the ability of the man to vitalise and hold in coherent form his idea.**

và dẫn đến những kết quả nhanh chóng—**những kết quả này hữu hiệu trong việc hoàn thành tùy theo khả năng của con người tiếp sinh lực và giữ ý tưởng của mình trong hình tướng cố kết.**

63. We are speaking of the building process of the average man swayed far more by desire than mentality.

63. Chúng ta đang nói về tiến trình kiến tạo của con người trung bình, kẻ bị dục vọng chi phối nhiều hơn trí tuệ rất nhiều.

64. Intensity and persistence of desire contributes to the coherence of the thoughtform.

64. Cường độ và sự bền bỉ của dục vọng góp phần vào sự cố kết của Hình tư tưởng.

Most of the thought forms created by average man are only relatively effective, and this within great limitations, and having but a restricted radius.

Phần lớn các Hình tư tưởng do con người trung bình tạo ra chỉ tương đối hữu hiệu, và điều này trong những giới hạn lớn lao, đồng thời chỉ có một bán kính hạn chế.

65. Average human beings are far from being white magicians.

65. Những con người trung bình còn rất xa mới là các nhà huyền thuật chánh đạo.

66. We learn of the limited nature of the thoughtforms of average people and of the restricted radius within which they are only relatively effective. Given the nature and quality of these thoughtforms, we are fortunate that this is the case.

66. Chúng ta biết được bản chất hạn chế của các Hình tư tưởng của người trung bình và bán kính hạn chế trong đó chúng chỉ tương đối hữu hiệu. Xét theo bản chất và phẩm tính của các Hình tư tưởng này, thật may mắn là sự việc lại như thế.

When man is learning consciously to create, which he does through **the organisation of thought, concentration and meditation,**

Khi con người đang học cách sáng tạo một cách hữu thức, điều mà y làm thông qua **sự tổ chức tư tưởng, tập trung và tham thiền,**

67. Three factors are given involving largely the use of the fifth and seventh rays.

67. Ba yếu tố được nêu ra, phần lớn liên quan đến việc sử dụng cung năm và cung bảy.

he proceeds more slowly,

y tiến hành chậm hơn,

68. The restraining, reflective influence of Saturn is employed in his thoughtform building process.

68. Ảnh hưởng kiềm chế và phản tỉnh của Sao Thổ được sử dụng trong tiến trình xây dựng Hình tư tưởng của y.

for he has two primary things to do before the creative process can be carried through: [Page 969]

vì y có hai điều chủ yếu phải làm trước khi tiến trình sáng tạo có thể được thực hiện: [Page 969]

69. We are now speaking of *conscious* building and *conscious* creativity.

69. Hiện nay, chúng ta đang nói về sự kiến tạo *hữu thức* và sự sáng tạo *hữu thức*.

a. To contact or communicate with the Ego, or solar Angel.

a. Tiếp xúc hay giao tiếp với chân ngã, hay Thái dương Thiên Thần.

70. This is absolutely necessary. Whether we think of the Ego and "solar Angel" as equivalent or merely as cooperative, contact must be made with a supervising Entity on

70. Điều này tuyệt đối cần thiết. Dù chúng ta xem chân ngã và "Thái dương Thiên Thần" là tương đương hay chỉ đơn thuần là cộng tác, thì vẫn phải tạo được sự tiếp xúc với một

the higher mental plane and communication established.

Thực Thể giám sát trên Cõi thượng trí và thiết lập được sự giao tiếp.

b. To study the process of creation and to make it conform step by step with natural evolutionary law.

b. Nghiên cứu tiến trình sáng tạo và làm cho nó phù hợp từng bước với định luật tiến hoá tự nhiên.

71. For this reason *A Treatise on White Magic* was written. We can see from reading it how complex is the process of creation and how much the Tibetan refrained from including in this book, voluminous though it may be.

71. Vì lý do này mà *Luận về Chánh Thuật* đã được viết ra. Qua việc đọc tác phẩm ấy, chúng ta có thể thấy tiến trình sáng tạo phức tạp đến mức nào và Chân sư Tây Tạng đã kiềm chế biết bao khi không đưa vào cuốn sách này, dù nó có thể đồ sộ đến đâu.

72. The great danger to humanity is the unleashing of a creative potency which is out of conformity with evolutionary law. Man would then create only that which must later be destroyed if the Plan is to be manifested.

72. Mối nguy lớn đối với nhân loại là sự giải phóng một tiềm năng sáng tạo không phù hợp với định luật tiến hoá. Khi ấy con người sẽ chỉ sáng tạo ra điều mà về sau phải bị hủy diệt nếu Thiên Cơ được biểu lộ.

The above is necessarily but another way of defining meditation and its objective.

Điều nói trên tất yếu chỉ là một cách khác để định nghĩa tham thiền và mục tiêu của nó.

73. DK has defined creative meditation. The objective of the kind of meditation we are here discussing is *creative.* There are other forms of meditation which may have different objectives.

73. Chân sư DK đã định nghĩa tham thiền sáng tạo. Mục tiêu của loại tham thiền mà ở đây chúng ta đang bàn đến là *sáng tạo.* Có những hình thức tham thiền khác có thể có những mục tiêu khác.

Later on, when a man is an expert in meditation,

Về sau, khi một người trở thành chuyên gia trong tham thiền,

74. To become so is certainly possible and is held out for us as an incentive.

74. Việc trở thành như vậy chắc chắn là có thể, và được đặt ra trước chúng ta như một sự khích lệ.

the work of thought creation proceeds with ever increasing rapidity, **until he surpasses (on a higher turn of the spiral) the activity of the earlier unconscious period**.

công việc sáng tạo tư tưởng tiến hành với tốc độ ngày càng tăng, **cho đến khi y vượt qua (trên một vòng xoắn cao hơn) hoạt động của thời kỳ vô thức trước kia**.

75. We have been told of the rapidity of the creative process when under the impulse of desire. The interim process sees a slowing of the process under the reflective influence of Saturn. Later, again, when the meditator becomes highly accomplished, the creative process achieves even greater speed than it had when under the influence of desire.

75. Chúng ta đã được cho biết về tốc độ của tiến trình sáng tạo khi ở dưới xung lực của dục vọng. Tiến trình trung gian chứng kiến sự chậm lại của tiến trình dưới ảnh hưởng phản tỉnh của Sao Thổ. Về sau nữa, khi người hành thiền trở nên rất thành tựu, tiến trình sáng tạo đạt tới tốc độ còn lớn hơn cả khi nó ở dưới ảnh hưởng của dục vọng.

76. DK is telling us that the well-trained mind is more rapid than desire.

76. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng trí tuệ được huấn luyện tốt thì nhanh hơn dục vọng.

77. Most of us, however, are not yet *experts* in meditation.

77. Tuy nhiên, phần lớn chúng ta vẫn chưa phải là những *chuyên gia* trong tham thiền.

Starting, therefore, with the recognition of the egoic intent in the physical brain, the man proceeds to build the form for his idea.

Do đó, bắt đầu bằng việc nhận ra ý định chân ngã trong bộ não hồng trần, con người tiến hành xây dựng hình tướng cho ý tưởng của mình.

78. Notice that ideas come from a higher spiritual realm than the realm in which human thought originates.

78. Hãy lưu ý rằng các ý tưởng đến từ một cõi tinh thần cao hơn cõi mà trong đó tư tưởng của con người phát sinh.

79. For practical purposes we may say that ideas come from the Ego or Solar Angel though true ideas have sources even higher.

79. Vì những mục đích thực tiễn, chúng ta có thể nói rằng các ý tưởng đến từ chân ngã hay Thái dương Thiên Thần, dù các ý tưởng chân thực còn có những nguồn gốc cao hơn nữa.

80. One must not start building unless within the physical brain there is the recognition of egoic intent. Presumably such intent can be recognized by its impressive and selfless quality.

80. Người ta không được bắt đầu xây dựng trừ phi trong bộ não hồng trần có sự nhận ra ý định chân ngã. Có lẽ ý định ấy có thể được nhận ra nhờ phẩm tính gây ấn tượng và vô ngã của nó.

He begins first to organise the material required upon the *mental plane*.

Trước hết y bắt đầu tổ chức chất liệu cần thiết trên *cõi trí*.

81. The man organizes his material to produce coherent thought.

81. Con người tổ chức chất liệu của mình để tạo ra tư tưởng cố kết.

82. Even before organizing the material, he must *gather* the material. This, of course, requires a certain capacity for discriminative selectivity.

82. Ngay cả trước khi tổ chức chất liệu, y phải *thu thập* chất liệu. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi một năng lực chọn lọc có tính phân biện nhất định.

It is on that plane that the impulse takes to itself **its primary form.**

Chính trên cõi đó mà xung lực khoác lấy **hình tướng sơ khởi của nó.**

83. This is the *primary* form of the descending thoughtform but certainly not the final one.

83. Đây là hình tướng *sơ khởi* của Hình tư tưởng đang giáng xuống, nhưng chắc chắn chưa phải là hình tướng cuối cùng.

84. The impulse is the idea. The supervising or building consciousness is something still more essential and real. It is our very selves.

84. Xung lực là ý tưởng. Tâm thức giám sát hay kiến tạo là một điều còn cốt yếu và thực hơn nữa. Đó chính là bản thân chúng ta.

On the *desire or astral plane,* the process of vitalisation is largely pursued,

Trên *cõi dục vọng hay cõi cảm dục,* tiến trình tiếp sinh lực phần lớn được theo đuổi,

85. Vitalization is a term often associated with the etheric body, but we see that in the magical process of thoughtform building, the vitalization occurs largely on the astral plane. The thoughtform becomes vibrant and pulsates with color.

85. Tiếp sinh lực là một thuật ngữ thường gắn với thể dĩ thái, nhưng chúng ta thấy rằng trong tiến trình huyền thuật xây dựng Hình tư tưởng, sự tiếp sinh lực phần lớn xảy ra trên cõi cảm dục. Hình tư tưởng trở nên rung động và đập nhịp với màu sắc.

86. We well know that the factor of desire keeps thoughtforms alive.

86. Chúng ta biết rõ rằng yếu tố dục vọng giữ cho các Hình tư tưởng sống động.

for the length of the life of any thought form (even such an one as our solar system) is dependent upon the persistence of desire, and the strength of the desire.

vì độ dài sự sống của bất kỳ Hình tư tưởng nào (ngay cả một Hình tư tưởng như hệ mặt trời của chúng ta) đều tùy thuộc vào sự bền bỉ của dục vọng và sức mạnh của dục vọng.

87. The personality of a human being is a thoughtform and we realize that the "desire to live" (sometimes confused with the "will-to-live") is very influential in keeping that thoughtform alive, i.e., in physical incarnation.

87. Phàm ngã của một con người là một Hình tư tưởng, và chúng ta nhận ra rằng "dục vọng được sống" (đôi khi bị lẫn với "Ý Chí-hướng sống") có ảnh hưởng rất lớn trong việc giữ cho Hình tư tưởng ấy sống động, tức là trong sự lâm phàm hồng trần.

88. The desire to remain in incarnation perpetuates that incarnation. This is surely not the *only* factor influencing the length of an incarnation but it is a significant one in many cases. Of course, no human being desiring "to live forever" in a particular personality can do so, but the duration of that personality's physical body can be lengthened through intense desire. This may also apply to the perpetuation of the astral and mental bodies in the post-mortem state.

88. Dục vọng tiếp tục lâm phàm làm kéo dài sự lâm phàm ấy. Chắc chắn đây không phải là yếu tố *duy nhất* ảnh hưởng đến độ dài của một lần lâm phàm, nhưng trong nhiều trường hợp nó là một yếu tố đáng kể. Dĩ nhiên, không một con người nào mong muốn "sống mãi" trong một phàm ngã nhất định mà có thể làm được điều đó, nhưng thời lượng của thể xác của phàm ngã ấy có thể được kéo dài nhờ dục vọng mãnh liệt. Điều này cũng có thể áp dụng cho việc kéo dài sự tồn tại của thể cảm dục và thể trí trong trạng thái sau khi chết.

On the *etheric levels* of the physical plane **the process of physical concretion takes place;**

Trên *các mức dĩ thái* của cõi hồng trần, **tiến trình kết tụ hồng trần diễn ra;**

89. Thus far we have discussed the processes of formation and vitalization. These processes are followed concretion taking place on the etheric plane.

89. Cho đến đây chúng ta đã bàn về các tiến trình hình thành và tiếp sinh lực. Tiếp theo các tiến trình này là sự kết tụ diễn ra trên cõi dĩ thái.

as the physical vehicle assumes the necessary proportions, the **thought form becomes divorced from the one who is giving it form**.

khi vận cụ hồng trần đảm nhận những tỉ lệ cần thiết, **Hình tư tưởng trở nên tách rời khỏi kẻ đang ban hình tướng cho nó**.

90. This is a great interest. The creator must always, at the point of objectification, *release* his creation. At least such a release is desirable. The consequences of not doing so are destructive.

90. Điều này rất đáng quan tâm. Người sáng tạo luôn luôn phải, tại điểm khách quan hóa, *giải phóng* sáng tạo phẩm của mình. Ít nhất thì sự giải phóng như vậy là điều đáng mong muốn. Hậu quả của việc không làm như thế là có tính hủy diệt.

91. We are being told that the "divorce" comes "as the physical vehicle assumes the necessary proportions". The systemic physical plane includes both the etheric aspect and the dense physical aspect. DK is probably speaking of the assumption of necessary proportions as a process occurring upon the etheric plane.

91. Chúng ta được cho biết rằng sự "tách rời" xảy ra "khi vận cụ hồng trần đảm nhận những tỉ lệ cần thiết". Cõi hồng trần của hệ thống bao gồm cả phương diện dĩ thái lẫn phương diện hồng trần đậm đặc. Có lẽ Chân sư DK đang nói về việc đảm nhận những tỉ lệ cần thiết như một tiến trình xảy ra trên cõi dĩ thái.

92. In any case, as the objective form takes shape, the form becomes divorced from the one who created it.

92. Dù sao đi nữa, khi hình tướng khách quan thành hình, hình tướng ấy trở nên tách rời khỏi kẻ đã tạo ra nó.

Any idea of enough strength **will inevitably materialise** in dense physical matter,

Bất kỳ ý tưởng nào đủ mạnh **ắt sẽ hiện hình** trong vật chất hồng trần đậm đặc,

93. This should be an arresting thought. The question is—what exactly is *enough* strength?

93. Đây hẳn phải là một tư tưởng gây chấn động. Câu hỏi là—chính xác thì sức mạnh *đủ* là gì?

but the **main work of its creator ceases** when he has worked with it on mental, astral and etheric levels.

nhưng **công việc chính của người sáng tạo ra nó chấm dứt** khi y đã làm việc với nó trên các mức trí tuệ, cảm dục và dĩ thái.

94. Our question is: "does the 'divorce' of which DK speaks at least begin on the etheric plane"? It surely must be consummated on the dense physical plane.

94. Câu hỏi của chúng ta là: "sự 'tách rời' mà Chân sư DK nói đến có ít nhất bắt đầu trên cõi dĩ thái không?" Chắc chắn nó phải được hoàn tất trên cõi hồng trần đậm đặc.

The dense physical response is automatic and inevitable.

Sự đáp ứng hồng trần đậm đặc là tự động và tất yếu.

95. Apparently the occult creator has no extensive dense physical plane work to do. This should strike us as important when we think of our own creative process and will inform us concerning whether we have been creating using occult methods or only normal methods (which are very active upon the dense physical subplanes, per se).

95. Rõ ràng người sáng tạo huyền bí không có nhiều công việc phải làm trên cõi hồng trần đậm đặc. Điều này hẳn phải gây ấn tượng với chúng ta khi nghĩ về tiến trình sáng tạo của chính mình và sẽ cho chúng ta biết liệu chúng ta đã sáng tạo bằng các phương pháp huyền bí hay chỉ bằng các phương pháp thông thường (vốn rất hoạt động trên chính các cõi phụ hồng trần đậm đặc).

96. We must not overlook, however, the Tibetan's use of the words "main work", indicating that there may still be *some* work to be accomplished on the dense physical subplanes, even though relatively minor work.

96. Tuy nhiên, chúng ta không được bỏ qua việc Chân sư Tây Tạng dùng các từ "công việc chính", cho thấy rằng vẫn có thể còn *một ít* công việc phải hoàn thành trên các cõi phụ hồng trần đậm đặc, dù đó là công việc tương đối nhỏ.

Some ideas of a large and important nature, which have arisen in the consciousness of the Guides of the race, **reach full manifestation only through the medium of many agents, and the dynamic impulses of many minds**.

Một số ý tưởng có bản chất lớn lao và quan trọng, đã phát sinh trong tâm thức của các Đấng Hướng Dẫn nhân loại, **chỉ đạt đến sự biểu hiện trọn vẹn thông qua trung gian của nhiều tác nhân và các xung lực năng động của nhiều trí tuệ**.

97. DK is telling us that some ideas are too large to be contained or embodied by any one human being. Perhaps these are the ideas "whose time has come"—ideas which move entire nations, cultures, civilizations and even human civilization considered as a whole.

97. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng một số ý tưởng quá lớn để có thể được chứa đựng hay hiện thân bởi bất kỳ một con người nào. Có lẽ đó là những ý tưởng "đã đến thời của chúng"—những ý tưởng làm chuyển động cả các quốc gia, các nền văn hóa, các nền văn minh, và thậm chí cả nền văn minh nhân loại xét như một toàn thể.

98. As we think of the ideas which now propel us, do we think we are involved in the execution of any such large and important ideas? If so, do we recognize the group of those who are similarly impulsed?

98. Khi nghĩ về những ý tưởng hiện đang thúc đẩy chúng ta, liệu chúng ta có nghĩ rằng mình đang tham gia vào việc thực hiện bất kỳ ý tưởng lớn lao và quan trọng nào như thế không? Nếu có, liệu chúng ta có nhận ra nhóm những người cũng đang được thúc đẩy tương tự không?

A few work consciously, when this is the case, at the production of the necessitated [Page 970] form;

Một số ít làm việc một cách hữu thức, khi trường hợp là như vậy, để tạo ra hình tướng cần thiết [Page 970];

99. We could say that the Divine Purpose is the repository of the greatest ideas (from a planetary perspective), and that some of the Masters can work consciously at the registration of this Purpose ("Registrants of the Purpose"). They can build thoughtforms which embody this Purpose. Human beings recognize such thoughtforms as the Divine Plan.

99. Chúng ta có thể nói rằng Thiên Ý là nơi chứa đựng những ý tưởng vĩ đại nhất (xét từ góc độ hành tinh), và một số Chân sư có thể làm việc một cách hữu thức trong việc ghi nhận Thiên Ý này ("Những Đấng Ghi Nhận Thiên Ý"). Các Ngài có thể xây dựng những Hình tư tưởng hiện thân cho Thiên Ý này. Con người nhận ra những Hình tư tưởng như thế là Thiên Cơ.

many more are swept into activity and lend their aid through the very negativity of their natures; they are "forced" to be interested in spite of themselves, and are "swept into the movement," not through any mental

nhiều người hơn nữa bị cuốn vào hoạt động và góp phần trợ giúp qua chính tính tiêu cực trong bản chất của họ; họ bị "buộc" phải quan tâm bất chấp chính mình, và bị "cuốn vào phong trào", không phải do bất kỳ sự

apprehension or "vital desire," but **because it is the thing to do**.

100. DK is speaking of conscious and unconscious creators, indicating that there are many more who are unconscious than conscious.

101. We see that ideas can compel, can *force.* We are being told that many people follow the direction of an idea not because they think about it, or even because they desire to follow, but due to some etheric force. There is a certain inevitability in this.

102. We should ponder how often we have been swept into action by great ideas or thoughts without any conscious apprehension on our part and with no real desire to do what we have found ourselves doing!

103. The "thing to do" is an energy pattern with which one can hardly resist engagement. DK speaks of the people who are "swept up and down the land". Only very strong and conscious thinkers can choose whether or not to accept this 'sweep'. Probably there are some sweeping actions which we *cannot possibly resist*. If the Planetary Logos strongly wills a certain action, can the cells in His body (human beings) resist?

In this may be seen an instance of the ability of the Great Ones **to utilise conditions of apparent inertia and negativity** (due to little development), and thus produce good results.

lĩnh hội trí tuệ hay "dục vọng tiếp sinh lực" nào, mà **bởi vì đó là điều phải làm**.

100. Chân sư DK đang nói về những người sáng tạo hữu thức và vô thức, cho thấy rằng số người vô thức nhiều hơn số người hữu thức rất nhiều.

101. Chúng ta thấy rằng các ý tưởng có thể cưỡng bách, có thể *ép buộc.* Chúng ta được cho biết rằng nhiều người đi theo hướng của một ý tưởng không phải vì họ suy nghĩ về nó, hay thậm chí vì họ mong muốn đi theo, mà do một mãnh lực dĩ thái nào đó. Có một tính tất yếu nhất định trong điều này.

102. Chúng ta nên suy ngẫm xem đã bao nhiêu lần mình bị cuốn vào hành động bởi những ý tưởng hay tư tưởng lớn lao mà không có bất kỳ sự lĩnh hội hữu thức nào từ phía mình và cũng không có dục vọng thực sự nào muốn làm điều mà rốt cuộc mình đã thấy mình đang làm!

103. "Điều phải làm" là một mô hình năng lượng mà người ta hầu như không thể cưỡng lại việc dấn thân vào. Chân sư DK nói về những người bị "cuốn lên cuốn xuống khắp xứ sở". Chỉ những nhà tư tưởng rất mạnh và hữu thức mới có thể chọn có chấp nhận hay không chấp nhận sự "cuốn đi" này. Có lẽ có những hành động cuốn đi mà chúng ta *hoàn toàn không thể cưỡng lại*. Nếu Hành Tinh Thượng Đế mạnh mẽ muốn một hành động nào đó, liệu các tế bào trong thân thể của Ngài (con người) có thể chống lại không?

Trong điều này có thể thấy một ví dụ về khả năng của các Đấng Cao Cả **sử dụng những điều kiện có vẻ trì trệ và tiêu cực** (do ít phát triển), và nhờ đó tạo ra những kết quả tốt đẹp.

104. There is a great benevolence which sweeps the unknowing and even the unwilling into positive patterns of action.

104. Có một lòng nhân từ lớn lao cuốn những kẻ không biết, và thậm chí cả những kẻ không muốn, vào những mô hình hành động tích cực.

105. The entire process is an electrical one. The negative units are attracted to the positive energy source and, per force, must move (really, be moved) in accordance with the impulses emanating from that source.

105. Toàn bộ tiến trình là một tiến trình điện. Các đơn vị âm bị hút về nguồn năng lượng dương và, do sức ép ấy, phải chuyển động (thực ra là bị chuyển động) phù hợp với các xung lực phát ra từ nguồn đó.

106. Thus, even when we cannot direct ourselves into constructive channels, we are directed.

106. Do đó, ngay cả khi chúng ta không thể tự hướng mình vào những kênh xây dựng, chúng ta vẫn được hướng dẫn.

We will here only deal with the man who is learning consciously to build, and will not consider the process as pursued by the adept, or the chaotic attempts of the little evolved.

Ở đây chúng ta sẽ chỉ bàn đến con người đang học cách xây dựng một cách hữu thức, và sẽ không xét đến tiến trình như được chân sư theo đuổi, hay những cố gắng hỗn loạn của kẻ ít tiến hoá.

107. Thus, we are dealing with the building efforts of the conscious aspirant.

107. Như vậy, chúng ta đang bàn đến những nỗ lực kiến tạo của người chí nguyện hữu thức.

S8S4 Part IV

TCF 969 - 974

28 November – 13 December 2008

Having grasped the idea, and having with care discriminated the motive underlying the idea, thus ascertaining its utilitarian purposes, and its value to the group in the service of humanity, the man has certain things to do which, for the sake of clarity, we might sum up in certain statements:

TCF 969 - 974

28 tháng Mười Một – 13 tháng Mười Hai 2008

Sau khi đã nắm bắt ý tưởng, và đã cẩn thận phân biện động cơ nằm bên dưới ý tưởng, nhờ đó xác định được những mục đích hữu dụng của nó, và giá trị của nó đối với nhóm trong việc phụng sự nhân loại, con người có một số điều phải làm mà, để cho rõ ràng, chúng ta có thể tóm lược trong một số phát biểu:

1. We continue to describe the process of building thoughtforms. We are dealing with the white magical process.

a. The idea is grasped

b. The motive is discriminated—

c. The purpose of the idea is discerned

d. The service value of the idea is registered

He has, first of all, to **hold the idea** sufficiently long **for it to be faithfully registered in the physical brain.**

2. This necessity is often overlooked. Registration is not instantaneous. Perhaps we can see the reason for stilling the mind and *holding* the mind steady in the light.

3. Great *stillness,* the integration technique for those upon the third ray, is required for *faithful* registration. We can understand the mental activity is a deterrent to faithful registration of an egoically impulsed idea.

Frequently the Ego will "get through" to the brain some concept, some portion of the plan, **and yet will have to repeat the process continuously over quite a long period** before the physical response is such that the solar Angel can rest assured that it is intelligently registered and recorded.

1. Chúng ta tiếp tục mô tả tiến trình xây dựng Hình tư tưởng. Chúng ta đang bàn đến tiến trình huyền thuật chánh đạo.

a. Ý tưởng được nắm bắt

b. Động cơ được phân biện—

c. Mục đích của ý tưởng được nhận ra bằng phân biện tinh thần

d. Giá trị phụng sự của ý tưởng được ghi nhận

Trước hết, y phải **giữ ý tưởng** đủ lâu **để nó được ghi nhận trung thực trong bộ não hồng trần.**

2. Nhu cầu này thường bị bỏ qua. Sự ghi nhận không xảy ra tức thời. Có lẽ chúng ta có thể thấy lý do của việc làm lắng yên trí tuệ và *giữ* trí tuệ vững vàng trong ánh sáng.

3. Sự *tĩnh lặng* lớn lao, Kỹ Thuật Tích Hợp dành cho những người ở cung ba, là điều cần thiết cho sự ghi nhận *trung thực*. Chúng ta có thể hiểu rằng hoạt động trí tuệ là một trở ngại đối với sự ghi nhận trung thực một ý tưởng được chân ngã thúc đẩy.egoically impulsed idea.

Thường thì chân ngã sẽ “xuyên qua” đến bộ não một khái niệm nào đó, một phần nào đó của kế hoạch, **và tuy vậy vẫn phải lặp lại tiến trình ấy liên tục trong một thời gian khá dài** trước khi sự đáp ứng hồng trần đạt đến mức để Thái dương Thiên Thần có thể yên tâm rằng nó đã được ghi nhận và lưu giữ một cách thông minh.

4. This is so important. Can we see the need for steady and repeated meditation?

4. Điều này rất quan trọng. Liệu chúng ta có thể thấy nhu cầu của sự tham thiền đều đặn và lặp đi lặp lại không?

5. When group work is involved, some enhancement of the process may be expected. The partial registration of several group participants may equate to the registration of the whole idea.

5. Khi công việc nhóm có liên quan, có thể trông đợi một sự tăng cường nào đó của tiến trình. Sự ghi nhận từng phần của một số thành viên trong nhóm có thể tương đương với sự ghi nhận toàn bộ ý tưởng.

6. Note the Solar Angel's attentiveness. The Solar Angel wishes to be assured that the descending idea is intelligently and faithfully registered.

6. Hãy lưu ý sự chú tâm của Thái dương Thiên Thần. Thái dương Thiên Thần muốn được bảo đảm rằng ý tưởng đang giáng xuống được ghi nhận một cách thông minh và trung thực.

7. We see then that the Solar Angel is definitely involved, at least in a supervisory role, in the process of thoughtform building. Further the Solar Angel may be involved in communicating the idea to the brain of man.

7. Như vậy chúng ta thấy rằng Thái dương Thiên Thần chắc chắn có liên quan, ít nhất trong vai trò giám sát, đến tiến trình xây dựng Hình tư tưởng. Hơn nữa, Thái dương Thiên Thần có thể còn tham gia vào việc truyền đạt ý tưởng đến bộ não của con người.

8. The element of *time* is under discussion, and it is of importance.

8. Yếu tố *thời gian* đang được bàn đến, và nó rất quan trọng.

9. Saturn, the planet which rules the physical brain is also the Lord of Time. The implications should be clear.

9. Sao Thổ, hành tinh cai quản bộ não hồng trần, cũng là Chúa Tể của Thời Gian. Những hàm ý của điều này hẳn là rõ ràng.

It is perhaps unnecessary to say that the entire process is greatly facilitated if the "shadow," or the man, pursues regular meditation,

Có lẽ không cần phải nói rằng toàn bộ tiến trình được tạo điều kiện dễ dàng hơn rất nhiều nếu "cái bóng", hay con người, theo đuổi việc tham thiền đều đặn,

10. As stated. We often do not realize how very important this is.

10. Như đã nói. Chúng ta thường không nhận ra điều này quan trọng biết bao.

11. The "shadow", in this context, is really the soul-in-incarnation working through the personality. Recall the lines from *A*

11. "Cái bóng", trong ngữ cảnh này, thực ra là linh hồn đang nhập thể hoạt động qua phàm ngã. Hãy nhớ lại những dòng trong *Luận về*

Treatise on White Magic regarding the relation of the Solar Angel with the reflection or shadow.

Chánh Thuật liên quan đến mối quan hệ của Thái dương Thiên Thần với sự phản chiếu hay cái bóng.

RULE ONE

QUY LUẬT MỘT

The Solar Angel collects himself, scatters not his force, but, in meditation deep, communicates with his reflection.

Thái Dương Thiên Thần thu mình lại, không phân tán thần lực của Ngài mà, trong thiền định sâu sắc, giao tiếp với phản ảnh của Ngài.

RULE TWO

QUY LUẬT HAI

When the shadow hath responded, in meditation deep the work proceedeth. The lower light is thrown upward; the greater light illuminates the three, and the work of the four proceedeth. (TWM xii)

Khi cái bóng đã đáp ứng, trong thiền định sâu thẳm, công việc tiến triển. Ánh sáng thấp được ném lên trên; ánh sáng lớn hơn soi sáng bộ ba, và công việc của bốn tiến triển. (TWM xii)

cultivates the habit of **a daily and hourly recollectedness of the higher Self,**

vun bồi thói quen **hồi tưởng hằng ngày và hằng giờ về Bản Ngã Cao Siêu,**

12. Even hourly! In fact, a constant and continuous recollectedness is the eventual goal. We speak of "continuity of consciousness". It has its greatest application to continuity of soul-consciousness.

12. Ngay cả hằng giờ! Thực ra, một sự hồi tưởng liên tục và không gián đoạn là mục tiêu cuối cùng. Chúng ta nói đến "tính liên tục của tâm thức". Nó có ứng dụng lớn nhất đối với tính liên tục của tâm thức linh hồn.

and before retiring at night endeavours to **"hold the thought" of bringing through at the time of awakening as much as possible of any egoic impress**.

và trước khi đi ngủ vào ban đêm, cố gắng **"giữ tư tưởng" đưa xuyên qua vào lúc thức dậy càng nhiều càng tốt bất kỳ ấn tượng chân ngã nào**.

13. We are told of the act of setting a definite intention before retiring. To do so is a stabilization of a focussed receptivity to higher impression. The Ego is at work at night. There is much value in "sleeping on" any important matter (for this opens the door to egoic impression) and, in general, of

13. Chúng ta được nói cho biết về hành động đặt ra một ý định rõ ràng trước khi đi ngủ. Làm như vậy là một sự ổn định của tính tiếp nhận tập trung đối với ấn tượng cao hơn. Chân ngã hoạt động vào ban đêm. Có rất nhiều giá trị trong việc "ngủ cùng" với bất kỳ vấn đề quan trọng nào (vì điều này mở cánh cửa cho ấn tượng chân ngã), và nói chung là

remaining receptive to the flow of egoic influence.

trong việc duy trì tính tiếp nhận đối với dòng chảy của ảnh hưởng chân ngã.

14. I suppose it must be faced that for many of us, our alignment is weak and our physical brain resistant to impress from the higher dimensions. If this is the case, we must reverse the condition.

14. Tôi cho rằng phải đối diện với thực tế rằng đối với nhiều người trong chúng ta, sự chỉnh hợp của chúng ta còn yếu và bộ não hồng trần còn kháng cự ấn tượng từ các chiều kích cao hơn. Nếu đúng như vậy, chúng ta phải đảo ngược điều kiện này.

When the reaction between the two factors, **the Ego and the receptive physical brain**, is established,

Khi phản ứng giữa hai yếu tố, **chân ngã và bộ não hồng trần tiếp nhận**, được thiết lập,

15. This is the interplay which Master DK has been discussing for many pages. There is a definite link to be made between the higher mental plane and the physical brain.

15. Đây là sự tương tác mà Chân sư DK đã bàn đến trong nhiều trang. Có một liên kết rõ rệt phải được tạo ra giữa Cõi thượng trí và bộ não hồng trần.

the interplay is reciprocal,

sự tương tác là hỗ tương,

16. We are dealing with a dynamic ruled by both Mercury and Gemini.

16. Chúng ta đang bàn đến một động lực được cai quản bởi cả Sao Thủy lẫn Song Tử.

and the two are keyed or tuned to each other, the second stage is entered upon.

và cả hai được điều chỉnh hay hòa điệu với nhau, thì giai đoạn thứ hai được bước vào.

17. We are dealing not only with contact, impress and interplay, but with *attunement.* This is a conscious harmonization and must be *felt.*

17. Chúng ta không chỉ đang bàn đến sự tiếp xúc, ấn tượng và tương tác, mà còn đến sự *hòa điệu.* Đây là một sự hài hòa hóa hữu thức và phải được *cảm nhận.*

The idea is conceived. [Page 971]

Ý tưởng được thụ thai. [Page 971]

18. We note that before such conception can occur there must be an attunement between the Ego and the physical brain.

18. Chúng ta lưu ý rằng trước khi sự thụ thai như thế có thể xảy ra, phải có sự hòa điệu giữa chân ngã và bộ não hồng trần.

19. The idea is represents the masculine pole. The brain in this instance is the feminine receiver.

19. Ý tưởng tượng trưng cho cực dương. Trong trường hợp này, bộ não là kẻ tiếp nhận mang tính âm.

20. Note that the idea is not yet *born* but only "conceived". This is a Uranian process. Uranus is the idea. Mercury is the transmission of the idea. Saturn is the receptive physical brain.

20. Hãy lưu ý rằng ý tưởng vẫn chưa được *sinh ra* mà chỉ mới được "thụ thai". Đây là một tiến trình của Sao Thiên Vương. Sao Thiên Vương là ý tưởng. Sao Thủy là sự truyền đạt ý tưởng. Sao Thổ là bộ não hồng trần tiếp nhận.

A period of gestation is **then** pursued, itself divided into various stages.

Sau đó một thời kỳ thai nghén được theo đuổi, bản thân nó được chia thành nhiều giai đoạn khác nhau.

21. The period of gestation occurs within the personality vehicles.

21. Thời kỳ thai nghén xảy ra trong các vận cụ của phàm ngã.

The man **broods** over the idea; he **ponders** upon it, thereby setting up activity in mental matter, and attracting to his **germ thought** the material necessary for its clothing.

Con người **ấp ủ** ý tưởng; y **suy ngẫm** về nó, nhờ đó khơi dậy hoạt động trong vật chất trí tuệ, và hút về **tư tưởng mầm** của mình chất liệu cần thiết để khoác áo cho nó.

22. This process is simply the higher analogue of the birth process.

22. Tiến trình này đơn giản là sự tương đồng cao hơn của tiến trình sinh nở.

23. The implanted idea is called the "germ thought". It is that concentrated energy implanted upon the mental plane, from which the full blown thoughtform will germinate.

23. Ý tưởng được cấy vào được gọi là "tư tưởng mầm". Đó là năng lượng tập trung được cấy vào trên cõi trí, từ đó Hình tư tưởng nở rộ đầy đủ sẽ nảy mầm.

24. To brood is to focus, warm and hold contained. To ponder has the same effect. We see that brooding is also a magnetic process. The warming of the germ of the idea in mental matter is magnetic in relation to the thought material necessary for clothing the implanted idea with the proper mental material.

24. Ấp ủ là tập trung, sưởi ấm và giữ chứa bên trong. Suy ngẫm cũng có cùng tác dụng. Chúng ta thấy rằng sự ấp ủ cũng là một tiến trình từ tính. Sự sưởi ấm mầm của ý tưởng trong vật chất trí tuệ có tính từ tính đối với chất liệu tư tưởng cần thiết để khoác cho ý tưởng được cấy vào chất liệu trí tuệ thích hợp.

25. It is important to *stay with* the implanted idea, otherwise we emerge with thoughts which are "half baked"—we see the analogy to the brooding process. Pondering and

25. Điều quan trọng là phải *gắn bó với* ý tưởng được cấy vào, nếu không chúng ta sẽ xuất hiện với những tư tưởng "nửa sống nửa chín"—chúng ta thấy sự tương tự với tiến

brooding are not rapid processes. So patience is required.

trình ấp ủ. Suy ngẫm và ấp ủ không phải là những tiến trình nhanh. Vì vậy cần có sự kiên nhẫn.

He pictures to himself the **contour of the thought form**, **clothing it with colour,** and **painting in its details**.

Y hình dung cho chính mình **đường nét của Hình tư tưởng**, **khoác cho nó màu sắc,** và **vẽ vào các chi tiết của nó**.

26. VSK suggests: "This may include a hint about why colour is one of the most obscure and potent of the keys, due to the fact that we live 'in colour', and the visualization (mayavirupa-making) process involves fleshing out an idea in colour. It is the final step in magic making; the precipitation of the form."

26. VSK gợi ý: "Điều này có thể bao hàm một gợi ý về lý do tại sao màu sắc là một trong những chìa khóa mơ hồ nhất mà cũng mạnh mẽ nhất, do sự kiện rằng chúng ta sống 'trong màu sắc', và tiến trình hình dung (tạo mayavirupa) liên quan đến việc làm cho một ý tưởng có thân xác bằng màu sắc. Đó là bước cuối cùng trong việc tạo tác huyền thuật; sự ngưng tụ của hình tướng."

27. Little devas help with the painting as DK has suggested in other contexts.

27. Các thiên thần nhỏ giúp việc vẽ tô như Chân sư DK đã gợi ý trong những ngữ cảnh khác.

Under group 2 work the fairies of plant life, the elves **who build and paint the flowers**, the radiant little beings who inhabit the woods and the fields, the elementals who work with the fruits, vegetables, and with all that leads to the covering of the earth's surface with verdure. (TCF 913)

Trong công việc nhóm 2, các tiên nữ của sự sống thực vật, các tinh linh **xây dựng và tô vẽ các bông hoa**, những hữu thể nhỏ bé rạng ngời cư ngụ trong rừng và ngoài đồng, các hành khí làm việc với trái cây, rau cỏ, và với tất cả những gì dẫn đến việc phủ xanh bề mặt trái đất. (TCF 913)

28. We can see introduced into the thoughtform construction a visual/spatial dimension.

28. Chúng ta có thể thấy một chiều kích thị giác/không gian được đưa vào việc kiến tạo Hình tư tưởngn.

29. The visualizing mind must be held very steady during this process, otherwise purposeful construction cannot proceed.

29. Trí tuệ hình dung phải được giữ thật vững trong suốt tiến trình này, nếu không sự kiến tạo có mục đích sẽ không thể tiếp tục.

30. We can see, therefore, that the imagination has entered. This is process different from brooding or pondering upon the implanted idea.

30. Do đó, chúng ta có thể thấy rằng Sự tưởng tượng đã đi vào. Đây là một tiến trình khác với việc ấp ủ hay suy ngẫm về ý tưởng được cấy vào.

Hence will be seen the great value of a true imagination, **and its ordered scientific use.**

Vì thế sẽ thấy được giá trị lớn lao của một Sự tưởng tượng chân chính, **và việc sử dụng nó một cách có trật tự và khoa học.**

31. We are moving into a fifth ray/seventh ray age, in which the fourth ray of imagination will be prominently expressive. Can we not see that the scientific and ordered use of the imagination will certainly grow? Due to emerging ray combinations, we are entering highly creative age.

31. Chúng ta đang tiến vào một thời đại cung năm/cung bảy, trong đó cung bốn của sự tưởng tượng sẽ biểu lộ một cách nổi bật. Chẳng phải chúng ta có thể thấy rằng việc sử dụng sự tưởng tượng một cách khoa học và có trật tự chắc chắn sẽ phát triển hay sao? Do các kết hợp cung đang xuất hiện, chúng ta đang bước vào một thời đại có tính sáng tạo cao.

Imagination is kama-manasic in origin, being neither pure desire nor pure **mind**,

Sự tưởng tượng có nguồn gốc trí-cảm, không phải là dục vọng thuần túy cũng không phải là **trí tuệ** thuần túy,

32. Since imagination originates on the second subplane of the astral plane, can we identify this plane with kama-manas or (shall we say) especially with the *kama* aspect of kama-manas?

32. Vì sự tưởng tượng phát sinh trên cõi phụ thứ hai của cõi cảm dục, liệu chúng ta có thể đồng nhất cõi này với kama-manas hay không, hoặc (chúng ta hãy nói rằng) đặc biệt với phương diện *kama* của kama-manas?

33. We can think of the creative imagination as image plus purpose mentally applied to the image. The goal-creating aspect of the mind is at work and directs and regulates that which imagination produces.

33. Chúng ta có thể nghĩ về sự tưởng tượng sáng tạo như là hình ảnh cộng với mục đích được áp dụng bằng trí tuệ lên hình ảnh ấy. Phương diện tạo mục tiêu của trí tuệ đang hoạt động và định hướng cũng như điều chỉnh điều mà sự tưởng tượng tạo ra.

34. There is probably also an expression of the imagination which displays much less mental content. This expression can be associated with memory, as when we spontaneously imagine that which has happened, or when we allow fantasy to flow freely without any mental regulation. In

34. Có lẽ cũng có một biểu hiện của sự tưởng tượng cho thấy nội dung trí tuệ ít hơn nhiều. Biểu hiện này có thể được liên kết với ký ức, như khi chúng ta tự phát tưởng tượng điều đã xảy ra, hoặc khi chúng ta để cho huyễn tưởng tuôn chảy tự do mà không có bất kỳ sự điều chỉnh trí tuệ nào. Trong tâm lý học,

psychology, this latter expression is called "active imagination".

biểu hiện sau này được gọi là "sự tưởng tượng chủ động".

35. We remember that the mind is the organ of the will within the personality and possesses a regulatory faculty.

35. Chúng ta nhớ rằng trí tuệ là cơ quan của ý chí bên trong phàm ngã và sở hữu một năng lực điều chỉnh.

and is a purely human product,

và là một sản phẩm thuần túy của con người,

36. We could say that kama-manas is "a purely human product" but, then, both Venus and Sirius can be associated with kama-manas in a larger sense.

36. Chúng ta có thể nói rằng kama-manas là "một sản phẩm thuần túy của con người", nhưng khi đó, cả Sao Kim lẫn Sirius đều có thể được liên kết với kama-manas theo một ý nghĩa rộng lớn hơn.

37. If we think of imagination as a purely human product then, presumably, we are referring to imagination as the human being understand that faculty. One would suspect that the power to purposefully create images is the possession of all the great Creators as well as of human beings. God's Creation is a reflection of this power.

37. Nếu chúng ta nghĩ về sự tưởng tượng như một sản phẩm thuần túy của con người, thì hẳn là chúng ta đang nói đến sự tưởng tượng như con người thấu hiểu năng lực ấy. Người ta hẳn sẽ nghi ngờ rằng quyền năng tạo ra các hình ảnh một cách có chủ đích là sở hữu của mọi Đấng Sáng Tạo vĩ đại cũng như của con người. Sự Sáng Tạo của Thượng đế là một phản ánh của quyền năng này.

being superseded by the intuition in perfected men, and in the higher Intelligences of Nature.

được trực giác thay thế nơi những người đã hoàn thiện, và nơi các Trí Tuệ cao hơn của Thiên Nhiên.

38. The intuition connects the consciousness directly with the archetype to be materialized. Yet the picture-forming power must in some way be present or the formation would not occur in the lower worlds.

38. Trực giác nối kết tâm thức trực tiếp với nguyên mẫu sẽ được hiện hình. Tuy nhiên, quyền năng tạo hình ảnh hẳn phải hiện diện theo một cách nào đó, nếu không thì sự hình thành sẽ không xảy ra trong các cõi thấp.

39. The ideas which the intuition touches are, we usually say, "formless" (at least when compared to the form in the lower worlds), yet from a higher perspective, they have *cosmic etheric form,* analogous to the much

39. Những ý tưởng mà trực giác chạm tới, như chúng ta thường nói, là "vô tướng" (ít nhất là khi so với hình tướng trong các cõi thấp), tuy nhiên từ một viễn tượng cao hơn, chúng có *hình tướng dĩ thái vũ trụ,* tương tự với những hình tướng hữu hình hơn nhiều

more tangible forms to be found on the systemic etheric subplanes.

40. It must be the case that the intuition can be wielded in such a manner as to produce the precipitation of the lower images which correspond to the archetypal forms of ideas which intuition accesses. God can *dream.*

41. Normal psychism is close to imagination. Higher psychism engages the intuition. Intuition is a higher psychic power whether for man of a god.

When his will, or the initial impulse is sufficiently strong, and when the imagination, or power of visualisation, is adequately vivid, the **second part of the gestation period** is entered upon, and the **vitalisation by desire is begun.**

42. We have been speaking only of the first part of the gestation process. In includes:

a. The implantation of the idea

b. The brooding and pondering on the germ idea and gathering of mental substance around that germ

c. The kama-manasic use of the imagination to visualize the form which the implanted idea is to take

43. Students of Psychosynthesis will begin to recognize something very close to Roberto Assagioli's Act of Will. He was, as we know, a deep student of the Tibetan.

được tìm thấy trên các cõi phụ dĩ thái của hệ thốngs.

40. Hẳn phải là trường hợp trực giác có thể được vận dụng theo cách tạo ra sự ngưng tụ của các hình ảnh thấp tương ứng với các hình tướng nguyên mẫu của những ý tưởng mà trực giác tiếp cận. Thượng đế có thể *mơ.*

41. Thông linh bình thường gần với sự tưởng tượng. Thông linh cao hơn vận dụng trực giác. Trực giác là một quyền năng thông linh cao hơn, dù đối với con người hay một vị thần.

Khi ý chí của y, hay xung lực ban đầu, đủ mạnh, và khi sự tưởng tượng, hay quyền năng hình dung, đủ sống động, thì **phần thứ hai của thời kỳ thai nghén** được bắt đầu, và **sự tiếp sinh lực bằng dục vọng được khởi sự.**

42. Chúng ta mới chỉ nói về phần đầu của tiến trình thai nghén. Nó bao gồm:

a. Sự cấy ý tưởng

b. Sự ấp ủ và suy ngẫm về ý tưởng mầm, cùng việc tập hợp chất liệu trí tuệ quanh mầm ấy

c. Việc sử dụng sự tưởng tượng theo lối trí-cảm để hình dung hình tướng mà ý tưởng đã được cấy sẽ mang lấy

43. Các môn sinh của Tâm Tổng Hợp sẽ bắt đầu nhận ra điều gì đó rất gần với Hành Động của Ý Chí của Roberto Assagioli. Như chúng ta biết, ông là một môn sinh sâu sắc của Chân sư Tây Tạng.

The interplay of mental impulse and desire produce what might be called a pulsation in the organising form of the idea, and it becomes *alive*.

44. This is an important stage. We have moved—

a. From idea

b. To the implantation of the idea

c. To brooding over and pondering on the implanted idea—this is a *mental* activity

d. To the visualization of the form to be taken by the idea—this is a *kama-manasic* activity

e. To *vitalization* of the implanted visualized idea. It becomes *alive.*

45. As we will see below, although kama-manas is involved and although desire impulse is applied to vivify the germ idea, this idea is still to be found on the lower mental plane and has not yet descended to the astral plane.

46. Note how the interplay between mind and desire lead to vivification. The implanted, visualized idea becomes *vibrant.*

47. From the astrological angle, mind is Mercury, kama-manas is Venus and desire is Mars—thus bringing into focus three closely related planet commonly associated with each other.

Sự tương tác giữa xung lực trí tuệ và dục vọng tạo ra điều có thể được gọi là một nhịp đập trong hình tướng tổ chức của ý tưởng, và nó trở nên *sống động*.

44. Đây là một giai đoạn quan trọng. Chúng ta đã chuyển—

a. Từ ý tưởng

b. Đến sự cấy ý tưởng

c. Đến việc ấp ủ và suy ngẫm về ý tưởng đã được cấy—đây là một hoạt động *trí tuệ*

d. Đến sự hình dung hình tướng mà ý tưởng sẽ mang lấy—đây là một hoạt động *trí-cảm*

e. Đến sự *tiếp sinh lực* của ý tưởng đã được cấy và hình dung. Nó trở nên *sống động.*

45. Như chúng ta sẽ thấy dưới đây, mặc dù kama-manas có liên quan và mặc dù xung lực dục vọng được áp dụng để làm sống động ý tưởng mầm, ý tưởng này vẫn còn được tìm thấy trên cõi hạ trí và chưa hề giáng xuống cõi cảm dục.

46. Hãy lưu ý cách sự tương tác giữa trí tuệ và dục vọng dẫn đến sự làm sống động. Ý tưởng đã được cấy và hình dung trở nên *rung động.*

47. Xét từ góc độ chiêm tinh, trí tuệ là Sao Thủy, kama-manas là Sao Kim và dục vọng là Sao Hỏa—do đó làm nổi bật ba hành tinh có liên hệ mật thiết, thường được gắn với nhau.

Nó vẫn còn mơ hồ và độ mảnh nhẹ của nó rất lớn, nhưng nó cho thấy những dấu hiệu

It is yet but nebulous and its tenuosity is great, but it shows signs of organisation and the outline of its form.

của sự tổ chức và đường nét của hình tướng nó.

48. The process of the creation of planets and stars—from the nebular stage to a stage of greater formation—is analogous.

48. Tiến trình tạo ra các hành tinh và các ngôi sao—từ giai đoạn tinh vân đến một giai đoạn thành hình lớn hơn—là tương tự.

49. We see that with regard to form, there is no full formal articulation at the outset of the creative process.

49. Chúng ta thấy rằng xét về hình tướng, không có sự khớp nối hình thức đầy đủ nào ngay lúc khởi đầu của tiến trình sáng tạo.

Students must remember that **this entire process is being carried on now during this stage which we are considering from within the brain**.

Các môn sinh phải nhớ rằng **toàn bộ tiến trình này hiện đang được tiến hành trong giai đoạn mà chúng ta đang xem xét từ bên trong bộ não**.

50. The physical brain is definitely involved in this creative process. We remember that the process began as the Ego impressed the physical brain with its idea followed by the establishing of attuned rapport between the Ego and the physical brain.

50. Bộ não hồng trần chắc chắn có liên quan trong tiến trình sáng tạo này. Chúng ta nhớ rằng tiến trình bắt đầu khi Chân ngã gây ấn tượng lên bộ não hồng trần bằng ý tưởng của mình, tiếp theo là việc thiết lập sự giao cảm chỉnh hợp giữa Chân ngã và bộ não hồng trần.

There is thus a definite correspondence to the work of the nine Sephiroth:

Do đó có một sự tương ứng rõ rệt với công việc của chín Sephiroth:

51. The final or 10th Sephira is Malkuth and represents the physical brain, per se, and the Earth.

51. Sephira cuối cùng hay thứ 10th là Malkuth và tượng trưng cho chính bộ não hồng trần, và Trái Đất.

The initial three correspond to the egoic impulse with which we have earlier dealt.

Ba Sephiroth đầu tiên tương ứng với xung lực chân ngã mà chúng ta đã bàn đến trước đây.

52. DK is linking the configuration of the Tree of Life to the creative process.

52. Chân sư DK đang nối kết cấu hình của Cây Sự Sống với tiến trình sáng tạo.

53. He seems to be saying that Kether, Chochma and Binah relate to the egoic impulse, which apparently is threefold.

53. Ngài dường như đang nói rằng Kether, Chochma và Binah liên hệ với xung lực chân ngã, vốn rõ ràng là tam phân.

54. The Ego is thus represented by the transcendent Kabalistic Triad.

54. Do đó Chân ngã được biểu thị bởi Tam nguyên Kabbalah siêu việt.

The secondary group of Sephiroth find their analogy in the work pursued in the stage we are now dealing with, or the impulse of mind-desire, emanating consciously from man's brain.

Nhóm Sephiroth thứ hai tìm thấy sự tương tự của chúng trong công việc được theo đuổi ở giai đoạn mà hiện nay chúng ta đang bàn đến, hay xung lực của trí tuệ-dục vọng, phát ra một cách hữu thức từ bộ não của con người.

55. The secondary group of Sephiroth is involved with the process of the formulation of the germ idea by clothing it in mental and astral matter. This process is represented by the constructive interplay of:

55. Nhóm Sephiroth thứ hai có liên quan đến tiến trình định hình ý tưởng mầm bằng cách khoác cho nó vật chất trí tuệ và vật chất cảm dục. Tiến trình này được biểu thị bởi sự tương tác kiến tạo của:

a. Mind

a. Trí tuệ

b. Kama-manas

b. Kama-manas

c. Desire

c. Dục vọng

56. We are dealing with the manner in which these three are registered and expressed within the physical brain, but we have not come to that aspect of the Tree of Life which, per se, represents the physical brain.

56. Chúng ta đang bàn đến cách thức ba yếu tố này được ghi nhận và biểu lộ trong bộ não hồng trần, nhưng chúng ta vẫn chưa đi đến phương diện của Cây Sự Sống vốn tự nó tượng trưng cho bộ não hồng trần.

57. The three Sephiroth involved in this clothing process are Chesed (Mercy—Jupiter), Geburah (Severity—Mars) and Tiphereth (Harmony—Sun).

57. Ba Sephiroth liên quan trong tiến trình khoác áo này là Chesed (Mercy—Sao Mộc), Geburah (Severity—Sao Hỏa) và Tiphereth (Harmony—Mặt Trời).

The work of the final three is accomplished when the thought form, being clothed in

Công việc của ba Sephiroth cuối cùng được hoàn tất khi hình tư tưởng, đã được khoác

mental and astral matter, passes into objectivity on the physical plane. [Page 972]

58. Here we have Netzach (Victory—Venus), Hod (Splendor—Mercury) and Yesod (Formation—Moon).

59. The analogies to the Tree of Life are found in *The Secret Doctrine* and Master DK, Who is obviously schooled in that tradition, continues them here.

60. The Tree of Life is really a magical system and, therefore, has an important place in this type of discussion on thoughtform precipitation.

A later stage in the gestation period is pursued when the thought form, being clothed in mental matter, and having become vitalised by desire, **takes to itself a layer of substance of astral matter**, and is consequently enabled to function on the astral plane as well as the mental. Here its growth is rapid.

61. Even though we have discussed the influence of imagination and of desire upon the developing thoughtform (both of which have roots on the astral plane), we see that the stage of gestation in which the thoughtform actually descends to the astral plane is only now reached.

62. What do we have for a sequence?

a. The egoic impulse

b. The implantation of the egoic impulse in physical brain as a germ idea. Obviously, the lower mind must also be involved.

vật chất trí tuệ và cảm dục, đi vào tính khách quan trên cõi hồng trần. [Page 972]

58. Ở đây chúng ta có Netzach (Victory—Sao Kim), Hod (Splendor—Sao Thủy) và Yesod (Formation—Mặt Trăng).

59. Những sự tương tự với Cây Sự Sống được tìm thấy trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* và Chân sư DK, Đấng hiển nhiên được đào luyện trong truyền thống ấy, tiếp tục chúng ở đây.

60. Cây Sự Sống thực sự là một hệ thống huyền thuật và vì vậy có một vị trí quan trọng trong loại thảo luận này về sự ngưng tụ của hình tư tưởng.

Một giai đoạn sau của thời kỳ thai nghén được tiếp tục khi hình tư tưởng, đã được khoác vật chất trí tuệ, và đã được tiếp sinh lực bởi dục vọng, **khoác thêm cho chính nó một lớp chất liệu của vật chất cảm dục**, và do đó được làm cho có khả năng hoạt động trên cõi cảm dục cũng như cõi trí. Ở đây sự tăng trưởng của nó diễn ra nhanh chóng.

61. Mặc dù chúng ta đã bàn đến ảnh hưởng của sự tưởng tượng và của dục vọng lên hình tư tưởng đang phát triển (cả hai đều có gốc rễ trên cõi cảm dục), chúng ta thấy rằng giai đoạn thai nghén trong đó hình tư tưởng thực sự giáng xuống cõi cảm dục chỉ đến lúc này mới đạt tới.

62. Chúng ta có một trình tự như thế nào?

a. Xung lực chân ngã

b. Sự cấy xung lực chân ngã vào bộ não hồng trần như một ý tưởng mầm. Hiển nhiên, hạ trí cũng phải có liên quan.

c. The registration of mental, kama-manasic and desire energies in the physical brain, the processes of which always remain active in the procedure we are discussing

c. Sự ghi nhận các năng lượng trí tuệ, trí-cảm và dục vọng trong bộ não hồng trần, những tiến trình của chúng luôn luôn vẫn hoạt động trong thủ tục mà chúng ta đang bàn đến

d. The brooding and gathering—a mental activity

d. Sự ấp ủ và tập hợp—một hoạt động trí tuệ

e. The visualization—a kama-manasic activity

e. Sự hình dung—một hoạt động trí-cảm

f. The vitalization involving desire

f. Sự tiếp sinh lực có liên quan đến dục vọng

g. YET, the thoughtform has not yet really descended onto the astral plane

g. TUY NHIÊN, hình tư tưởng vẫn chưa thực sự giáng xuống cõi cảm dục

h. Now we have that descent, and with it a very rapid growth of the thoughtform. The second major stage of the gestation process has been reached.

h. Giờ đây chúng ta có sự giáng xuống đó, và cùng với nó là sự tăng trưởng rất nhanh của hình tư tưởng. Giai đoạn lớn thứ hai của tiến trình thai nghén đã đạt tới.

63. If we look carefully at the process we will see several stages of the gestation process some of them major and some minor. Movement from plane to plane are major stages.

63. Nếu chúng ta nhìn kỹ vào tiến trình, chúng ta sẽ thấy nhiều giai đoạn của tiến trình thai nghén, một số là lớn và một số là nhỏ. Những chuyển động từ cõi này sang cõi khác là những giai đoạn lớn.

64. Birth, when it finally occurs, is upon the dense physical plane.

64. Sự sinh ra, khi cuối cùng xảy ra, là trên cõi hồng trần đậm đặc.

It should be carefully borne in mind that the process of building in mental matter proceeds simultaneously, and that the development is now twofold.

Cần ghi nhớ cẩn thận rằng tiến trình kiến tạo trong vật chất trí tuệ diễn ra đồng thời, và sự phát triển hiện nay là nhị phân.

65. We see that the process is not strictly sequential but overlapping. When the second major stage of the gestation process begins the first stage continues in its development.

65. Chúng ta thấy rằng tiến trình không hoàn toàn tuần tự mà chồng lấn lên nhau. Khi giai đoạn lớn thứ hai của tiến trình thai nghén bắt đầu, giai đoạn thứ nhất vẫn tiếp tục trong sự phát triển của nó.

66. This overlapping process is so much typical of nature. We should get used to its presence.

66. Tiến trình chồng lấn này rất điển hình cho bản chất. Chúng ta nên quen với sự hiện diện của nó.

Here the conscious builder must be careful to hold the balance, and not to let imagination unduly assume too large proportions.

Ở đây đấng kiến tạo hữu thức phải cẩn thận giữ thế quân bình, và không để sự tưởng tượng phình lớn quá mức một cách không thích đáng.

67. We are on the astral plane and the sign of equilibrium, Libra, must emerge in strength, helping the builder to "hold the balance". The dynamic is described by Saturn in Libra.

67. Chúng ta đang ở trên cõi cảm dục và dấu hiệu của sự quân bình, Thiên Bình, phải xuất hiện mạnh mẽ, giúp đấng kiến tạo "giữ thế quân bình". Động lực này được mô tả bởi Sao Thổ trong Thiên Bình.

68. The astral plane is, in its own right, the plane whereon the dual forces may be found. Again Libra is required for equilibrizing.

68. Cõi cảm dục, theo đúng bản chất riêng của nó, là cõi nơi các mãnh lực nhị nguyên có thể được tìm thấy. Một lần nữa Thiên Bình được đòi hỏi để tạo quân bình.

69. Saturn regulates the scope of the imagination. Only those who are intelligent and mentally focussed can work in this way, but, then, the true white magician is ever so.

69. Sao Thổ điều chỉnh phạm vi của sự tưởng tượng. Chỉ những ai thông minh và tập trung trí tuệ mới có thể làm việc theo cách này, nhưng nhà huyền thuật chánh đạo chân chính thì luôn luôn như vậy.

70. The task, then, is to ensure that the imagination does not "run away with" the creator. An appropriate symbol would be the 'run-away horse'

70. Vậy thì nhiệm vụ là bảo đảm rằng sự tưởng tượng không "cuốn phăng" đấng sáng tạo đi. Một biểu tượng thích hợp sẽ là "con ngựa bất kham"

The manasic element and the kamic element must be justly proportioned, or else will be seen that too common manifestation, an idea **wrongly conceived** and **nurtured**, and therefore **impossible of playing its just part in the evolutionary plan**, **being but a grotesque distortion**.

Yếu tố manas và yếu tố kamic phải được cân xứng một cách công bằng, nếu không sẽ thấy xuất hiện biểu hiện quá đỗi thông thường ấy, một ý tưởng **được quan niệm sai lầm** và **được nuôi dưỡng**, và do đó **không thể đảm đương phần việc chính đáng của nó trong Thiên Cơ tiến hoá**, **mà chỉ là một sự bóp méo kỳ quái**.

71. Chân sư DK đang cảnh báo chúng ta chống lại sự bóp méo phát sinh khi các yếu

71. DK is warning us against the distortion which arises when the manasic and kamic elements are not kept justly proportioned.

71. DK đang cảnh báo chúng ta về sự méo mó phát sinh khi các yếu tố manas và kamic không được giữ ở thế cân xứng công bằng.

72. The word "just" is important as, again, it suggest Libra.

72. Từ "công bằng" là quan trọng vì, một lần nữa, nó gợi ý Thiên Bình.

73. The word "grotesque" is strong, but indicates what may eventuate if the balance is not held. Unless the balance is held, monstrosities can be created.

73. Từ "kỳ quái" rất mạnh, nhưng cho thấy điều gì có thể xảy ra nếu thế quân bình không được giữ. Trừ phi thế quân bình được giữ, những quái dạng có thể được tạo ra.

74. If there is too much mind and not enough of the kamic element, the implanted idea, good as it may be, may lack appeal.

74. Nếu có quá nhiều trí tuệ và không đủ yếu tố kamic, thì ý tưởng đã được cấy, dù tốt đến đâu, cũng có thể thiếu sức hấp dẫn.

75. If there is too much imagination and the manasic element weak, the implanted idea may have an appeal it does not deserve or may appeal only to those who are unbalanced in their nature. In any case, the form will not fit *justly* into the Plan which is a beautiful and well-proportioned Plan.

75. Nếu có quá nhiều sự tưởng tượng và yếu tố manas yếu, thì ý tưởng đã được cấy có thể có một sức hấp dẫn mà nó không đáng có, hoặc chỉ hấp dẫn những người mất quân bình trong bản chất của họ. Trong mọi trường hợp, hình tướng sẽ không khớp một cách *công bằng* vào Thiên Cơ, vốn là một Thiên Cơ đẹp đẽ và cân xứng.

76. We have all witnessed emerging thoughtforms which are simply missing something or distorted. We are repelled by such forms or simply not interested (i.e., attracted to them) and either do not want them to come to birth or are indifferent.

76. Tất cả chúng ta đều đã chứng kiến những hình tư tưởng đang xuất hiện mà đơn giản là thiếu một điều gì đó hoặc bị bóp méo. Chúng ta bị đẩy lùi bởi những hình tướng như thế hoặc đơn giản là không quan tâm (tức là không bị chúng thu hút), và hoặc không muốn chúng ra đời hoặc dửng dưng với chúng.

The idea **now is reaching a critical stage**, and should be ready for the assumption of physical matter and to take to itself an etheric form.

Ý tưởng **nay đang đạt đến một giai đoạn khủng hoảng**, và phải sẵn sàng để mang lấy vật chất hồng trần và khoác cho mình một hình thể dĩ thái.

77. This is really the third major phase of the gestation process. As we have seen, each

77. Đây thực sự là giai đoạn lớn thứ ba của tiến trình thai nghén. Như chúng ta đã thấy, mỗi giai đoạn của tiến trình thai nghén đều

phase of the gestation process has had subdivisions, especially the mental phase.

có những phân đoạn nhỏ, đặc biệt là giai đoạn trí tuệ.

78. Notice the word "critical", with the implication that something could go drastically wrong at this point. We are entering a stage of crisis in the process of precipitating a thoughtform.

78. Hãy chú ý từ "khủng hoảng", với hàm ý rằng ở điểm này một điều gì đó có thể đi sai nghiêm trọng. Chúng ta đang bước vào một giai đoạn khủng hoảng trong tiến trình ngưng tụ một hình tư tưởng.

When on etheric levels, it receives that final impulse which will lead to what may be called its "actuating,"

Khi ở trên các cấp dĩ thái, nó nhận được xung lực cuối cùng ấy sẽ dẫn đến điều có thể được gọi là "sự tác động hoá" của nó,

79. We noted that the implanted idea has received an impulse on each level. Here we are dealing with the "actuating" or "actualization" of the implanted idea.

79. Chúng ta đã lưu ý rằng ý tưởng được cấy đã nhận một xung lực trên mỗi cấp. Ở đây chúng ta đang bàn đến "sự tác động hoá" hay "sự hiện thực hoá" của ý tưởng đã được cấy.

80. Will the idea *actually* be born onto the dense physical plane? This is the issue.

80. Liệu ý tưởng có *thực sự* được sinh ra trên cõi hồng trần đậm đặc hay không? Đó là vấn đề.

or its reception of that motivating impulse which will lead to its dissociation from its originator,

hay sự tiếp nhận xung lực thúc đẩy ấy, xung lực sẽ dẫn đến sự tách rời của nó khỏi người khởi tạo nó,

81. DK has defined "actuation" as the reception of that motivating impulse which will lead to its [the thoughtform's] dissociation from its originator".

81. Chân sư DK đã định nghĩa "sự tác động hoá" là sự tiếp nhận xung lực thúc đẩy ấy, xung lực sẽ dẫn đến "sự tách rời của nó [của hình tư tưởng] khỏi người khởi tạo nó".

82. This is one of the key impulses in the creative process. The thoughtform, in order to be birthed, *must* become dissociated from its originator, just as the child become dissociated from the mother at birth. We can develop the analogy and understand the unhealthy or fatal implications if dissociation is not achieved.

82. Đây là một trong những xung lực then chốt trong tiến trình sáng tạo. Hình tư tưởng, để được sinh ra, *phải* trở nên tách rời khỏi người khởi tạo nó, cũng như đứa trẻ trở nên tách rời khỏi người mẹ khi sinh ra. Chúng ta có thể phát triển phép tương tự này và hiểu những hàm ý không lành mạnh hoặc chí tử nếu sự tách rời không đạt được.

and the sending out [i.e., onto the dense physical plane] to assume

và được phóng ra ngoài [i.e., onto the dense physical plane] để mang lấy

1. A dense form.

2. A separate existence.

83. The planet Saturn is at work. Saturn, the planet of density. Saturn the planet of separation.

84. The sending forth is impulsed from the etheric plane.

85. Those who are familiar with *A Treatise on White Magic* realize how thoroughly Master DK developed these ideas in that later book.

It should be remembered that the thought form has now passed from the mental plane, taken to itself an astral sheath, and likewise is gathering to itself a body of etheric matter.

86. DK continues to summarize the process so that we may be clear.

87. And all these processes continue to overlap.

When it has reached this stage its vitalisation is proceeding apace, and **the hour of its separated existence** is drawing near.

88. VSK suggests: "This echoes back to the opening statement in this section about the forming of the mayavirupa?" [Top of page 960]

89. One type of vitalization, we remember, depends upon the astral plane and the activation of the factor of desire. There seems to be an etheric component to

1. Một hình thể đậm đặc.

2. Một sự tồn tại riêng biệt.

83. Hành tinh Sao Thổ đang hoạt động. Sao Thổ, hành tinh của sự đậm đặc. Sao Thổ, hành tinh của sự phân ly.

84. Sự phóng ra được thúc đẩy từ cõi dĩ thái.

85. Những ai quen thuộc với *Luận về Chánh Thuật* nhận ra Chân sư DK đã triển khai những ý tưởng này một cách thấu đáo như thế nào trong cuốn sách ấy.

Cần nhớ rằng hình tư tưởng nay đã đi ra khỏi cõi trí, đã khoác cho mình một vỏ bọc cảm dục, và tương tự cũng đang tập hợp cho mình một thể bằng vật chất dĩ thái.

86. Chân sư DK tiếp tục tóm lược tiến trình để chúng ta có thể rõ ràng.

87. Và tất cả các tiến trình này tiếp tục chồng lấn lên nhau.

Khi nó đã đạt đến giai đoạn này, sự tiếp sinh lực của nó đang tiến hành nhanh chóng, và **giờ phút tồn tại tách biệt của nó** đang đến gần.

88. VSK gợi ý: "Điều này vọng lại phát biểu mở đầu trong phần này về sự hình thành của mayavirupa chăng?" [Top of page 960]

89. Một loại tiếp sinh lực, như chúng ta nhớ, tùy thuộc vào cõi cảm dục và sự hoạt hóa của yếu tố dục vọng. Dường như có một

vitalization and this would, of course, make sense.

thành phần dĩ thái trong sự tiếp sinh lực và điều này, dĩ nhiên, là hợp lý.

This vitalisation is **consciously** carried out by the man who—according to the original intent or initial impulse—**directs to the thought form energy of some kind**.

Sự tiếp sinh lực này được con người thực hiện một cách **hữu thức**—theo ý định nguyên thủy hay xung lực ban đầu—**bằng cách hướng một loại năng lượng nào đó đến hình tư tưởng**.

90. We see that the vitalization of which DK is speaking is not an unconscious process but, rather, is a deliberate process carried out by the man focussed in his brain consciousness.

90. Chúng ta thấy rằng sự tiếp sinh lực mà Chân sư DK đang nói đến không phải là một tiến trình vô thức mà đúng hơn là một tiến trình có chủ ý do con người tập trung trong tâm thức bộ não của mình thực hiện.

91. Do we know how to vitalize a thoughtform? The conscious use of the desire body and the breath are certainly involved as will be the imagination.

91. Chúng ta có biết cách tiếp sinh lực cho một hình tư tưởng không? Việc sử dụng hữu thức thể dục vọng và hơi thở chắc chắn có liên quan, cũng như sự tưởng tượng.

This energy is directed from one or other of the three higher centres, according to the quality of the embodied idea, [Page 973] **and will be seen pouring towards the rapidly objectivising idea from the particular centre involved**.

Năng lượng này được hướng ra từ một trong ba trung tâm cao, tùy theo phẩm tính của ý tưởng được nhập thể, [Page 973] **và sẽ được thấy đang tuôn về phía ý tưởng đang nhanh chóng khách quan hóa từ trung tâm đặc thù có liên quan**.

92. Here we have a most valuable occult hint. It requires that we understand the quality of the thoughtform we are creating and then consciously use one of the three higher chakras (perhaps with the accompanied use of the ajna center) to vitalize that thoughtform or "objectivising idea".

92. Ở đây chúng ta có một gợi ý huyền bí vô cùng quý giá. Nó đòi hỏi chúng ta phải hiểu phẩm tính của hình tư tưởng mà chúng ta đang tạo ra, rồi sau đó sử dụng một cách hữu thức một trong ba luân xa cao hơn (có lẽ cùng với việc sử dụng trung tâm ajna đi kèm) để tiếp sinh lực cho hình tư tưởng ấy hay "ý tưởng đang khách quan hóa".

93. We will, therefore, be dealing with thoughts imbued with intelligence, those imbued with love-wisdom and those imbued with will.

93. Do đó, chúng ta sẽ bàn đến những tư tưởng thấm nhuần trí tuệ, những tư tưởng thấm nhuần bác ái – minh triết, và những tư tưởng thấm nhuần ý chí.

94. A most significant method of vitalization has been given.

94. Một phương pháp tiếp sinh lực hết sức quan trọng đã được đưa ra.

95. Obviously, it is the true clairvoyant who sees this vitalization in process.

95. Hiển nhiên, chính nhà thông nhãn chân chính là người thấy sự tiếp sinh lực này trong tiến trình của nó.

We must not forget that we are considering the thought form of the *conscious* builder.

Chúng ta không được quên rằng chúng ta đang xem xét hình tư tưởng của đấng kiến tạo *hữu thức*.

96. This means that we are not considering the thoughtforms-building process of the average man.

96. Điều này có nghĩa là chúng ta không đang xem xét tiến trình kiến tạo hình tư tưởng của con người trung bình.

The thought forms of the majority of human beings are energised from no such high source, **but find their active impulse emanating from either the solar plexus, or the still lower organs of generation.**

Các hình tư tưởng của đa số con người không được tiếp năng lượng từ một nguồn cao như thế, **mà tìm thấy xung lực hoạt động của chúng phát ra từ hoặc tùng thái dương, hoặc các cơ quan sinh sản còn thấp hơn nữa.**

97. DK is speaking of the normal processes of fantasy—of the wishes, longings and sexual fantasies of the average human being.

97. Chân sư DK đang nói về các tiến trình huyễn tưởng bình thường—về những ước muốn, khát khao và huyễn tưởng tình dục của con người trung bình.

98. It is important to realize that thoughtforms can be energised from *any* chakric source. We can see why the influence of the lower chakras must be held in check during consciously creative thoughtform-building.

98. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng các hình tư tưởng có thể được tiếp năng lượng từ *bất kỳ* nguồn luân xa nào. Chúng ta có thể thấy vì sao ảnh hưởng của các luân xa thấp phải được kiềm chế trong việc kiến tạo hình tư tưởng một cách hữu thức và sáng tạo.

It is this constant stream of emotional or sexual energy which is responsible for the chaotic conditions of the present; the balance is not preserved,

Chính dòng năng lượng cảm xúc hay tình dục liên tục này chịu trách nhiệm cho những điều kiện hỗn loạn của hiện tại; thế quân bình không được duy trì,

99. Saturn in Libra does not control.

99. Sao Thổ trong Thiên Bình không kiểm soát.

100. Such is the stage of development of the average human being that the stream is "constant".

100. Giai đoạn phát triển của con người trung bình là như thế nên dòng chảy này là "liên tục".

101. The influence of the lower chakras, in this instance, tends towards chaos. The Moon is, in a sense, the "Mother of Chaos" and the lower chakras are, all of them, *lunar.*

101. Ảnh hưởng của các luân xa thấp, trong trường hợp này, có xu hướng dẫn đến hỗn loạn. Mặt Trăng, theo một nghĩa nào đó, là "Mẹ của Hỗn Loạn", và các luân xa thấp, tất cả đều là *nguyệt tính.*

102. Obviously, correct education would assist in the elevation of these energies. In the correctly educated person, the higher centers draw upon the lower, and the influence of the lower centers is regulated. The rational, Apollonian or solar factor subdues the chaotic lunar factor.

102. Hiển nhiên, sự giáo dục đúng đắn sẽ hỗ trợ trong việc nâng cao các năng lượng này. Ở người được giáo dục đúng đắn, các trung tâm cao rút dùng từ các trung tâm thấp, và ảnh hưởng của các trung tâm thấp được điều chỉnh. Yếu tố duy lý, Apollon hay thái dương chế ngự yếu tố nguyệt tính hỗn loạn.

the interaction between the two,

sự tương tác giữa hai yếu tố ấy,

103. We are speaking of the interaction between the sacral and solar plexus centers.

103. Chúng ta đang nói về sự tương tác giữa trung tâm xương cùng và trung tâm tùng thái dương.

and the myriads of thought forms consequently produced of a low order and vibration **are producing a condition which is going to require all the efforts of mental workers eventually to negate, offset, and transmute**.

và vô số hình tư tưởng do đó được tạo ra thuộc loại và rung động thấp **đang tạo ra một tình trạng mà rốt cuộc sẽ đòi hỏi mọi nỗ lực của những người hoạt động trí tuệ để phủ định, hóa giải và chuyển hoá**.

104. DK is speaking of a task which lies ahead for all of us. In fact, we may be in the midst of it right now. The sacral and solar plexus centers of mankind are enflamed.

104. Chân sư DK đang nói về một nhiệm vụ nằm phía trước tất cả chúng ta. Thực ra, có thể ngay lúc này chúng ta đang ở giữa nhiệm vụ ấy. Các trung tâm xương cùng và tùng thái dương của nhân loại đang bốc cháy.

105. DK has spoken of a great miasma which vampirizes humanity. To this vampiristic thoughtform average human beings are contributing constantly. In truth the

105. Chân sư DK đã nói về một đại chướng khí đang hút sinh lực của nhân loại. Vào hình tư tưởng có tính hút sinh lực này, những con người trung bình đang liên tục góp phần. Thật vậy, những người hoạt động

conscious workers of the world have much to dispel.

hữu thức của thế giới có rất nhiều điều phải làm tiêu tan.

A gigantic thought form hovers over the entire human family, built by men everywhere during the ages, energised by the insane desires and evil inclinations of all that is worst in man's nature, and kept alive by the promptings of his lower desires. (TCF 948)

Một hình tư tưởng khổng lồ lơ lửng trên toàn thể gia đình nhân loại, được những người nam và nữ ở khắp nơi xây dựng qua các thời đại, được tiếp sinh lực bởi những dục vọng điên loạn và những khuynh hướng xấu xa của tất cả những gì tệ hại nhất trong bản chất con người, và được duy trì bởi những sự thúc đẩy của các ham muốn thấp kém của y. (TCF 948)

These forms, which scarce merit the prefix "thought," being largely kamic with an admixture of the lowest grade of mental matter, are **responsible for the heavy, slow vibrating or pulsating fog or cloak which envelops the human family, and which produces much of the present evil, crime and mental lethargy**.

Những hình thể này, hầu như không đáng mang tiền tố "hình tư tưởng", vì phần lớn là cảm dục với sự pha trộn của loại vật chất trí tuệ thấp nhất, **chịu trách nhiệm cho màn sương hay tấm áo choàng nặng nề, rung động hay dao động chậm chạp bao bọc gia đình nhân loại, và tạo ra phần lớn điều ác, tội phạm và sự trì trệ trí tuệ hiện nay**.

106. This is a very repulsive picture. We would probably be horrified if we could see it with clarity.

106. Đây là một bức tranh rất ghê tởm. Có lẽ chúng ta sẽ kinh hoàng nếu có thể thấy nó một cách rõ ràng.

107. We do understand the very material nature of such thoughtforms as they can be composed of admixtures of different types of matter. According to the quality of the subtle matter composing them, so will be their general level of usefulness or deterrence to the Plan.

107. Chúng ta quả thật hiểu bản chất rất vật chất của những hình tư tưởng như thế, vì chúng có thể được cấu thành từ những hỗn hợp của các loại vật chất khác nhau. Tùy theo phẩm tính của chất liệu vi tế cấu tạo nên chúng, mức độ hữu ích tổng quát của chúng hay mức độ cản trở đối với Thiên Cơ cũng sẽ như vậy.

108. Note that these demi-thoughts not only incline to evil but to ignorance by promoting mental lethargy. To the Buddha, ignorance was the great sin.

108. Lưu ý rằng những bán-tư-tưởng này không chỉ nghiêng về điều ác mà còn nghiêng về vô minh, bằng cách thúc đẩy sự trì trệ trí tuệ. Đối với Đức Phật, vô minh là tội lỗi lớn lao.

People are mainly polarised in the astral body, as we know, and the lower centres

Như chúng ta biết, con người chủ yếu phân cực trong thể cảm dục, và các trung tâm

are the most active; when an atmosphere or environment of **thought-forms of a low key**

thấp là hoạt động mạnh nhất; khi một bầu khí quyển hay môi trường gồm những **hình tư tưởng có chủ âm thấp**

109. Notice here the musical reference —"key".

109. Hãy lưu ý ở đây sự quy chiếu âm nhạc —"chủ âm".

and vitalised by **all the baser forms of astral energy** is coupled to this,

và được tiếp sinh lực bởi **mọi hình thức thấp hèn hơn của năng lượng cảm dục** kết hợp với điều này,

110. Presumably this vitalization may occur from levels of the astral plane with which the human being is to have nothing to do--the sixth and seventh subplanes.

110. Có lẽ sự tiếp sinh lực này có thể xảy ra từ những cấp độ của cõi cảm dục mà con người không nên có bất cứ liên hệ nào—cõi phụ thứ sáu và thứ bảy.

it will become apparent how stupendous is the task of lifting humanity to a clearer, purer and better atmosphere,

thì sẽ trở nên hiển nhiên nhiệm vụ nâng nhân loại lên một bầu khí quyển trong sáng hơn, thanh khiết hơn và tốt đẹp hơn là vĩ đại đến mức nào,

111. We are thinking of the quality of the "air" to be found upon the astral plane. When the term "air" is used, the redeeming quality of buddhic energy (the buddhic plane is the plane of "air") is suggested.

111. Chúng ta đang nghĩ đến phẩm tính của "không khí" có thể được tìm thấy trên cõi cảm dục. Khi thuật ngữ "không khí" được dùng, phẩm tính cứu chuộc của năng lượng Bồ đề (cõi Bồ đề là cõi của "không khí") được gợi ý.

112. We live in several kinds of 'atmospheres' simultaneously—physical, etheric, astral and lower mental.

112. Chúng ta sống đồng thời trong nhiều loại "bầu khí quyển"—hồng trần, dĩ thái, cảm dục và hạ trí.

113. DK is painting no rosy picture. We live and 'breathe' within heavy pollution. Pollution is not only of the physical plane. The etheric, astral and mental miasms are the cause of our physical plane pollution.

113. Chân sư DK không vẽ nên một bức tranh màu hồng nào. Chúng ta sống và "hít thở" trong sự ô nhiễm nặng nề. Ô nhiễm không chỉ thuộc cõi hồng trần. Những khí độc dĩ thái, cảm dục và trí tuệ là nguyên nhân gây ra sự ô nhiễm trên cõi hồng trần của chúng ta.

114. Hercules, the world disciple, must *lift.* And Hercules in Aquarius must cleanse the mired stables of King Augeus.

114. Hercules, vị đệ tử thế gian, phải *nâng lên.* Và Hercules trong Bảo Bình phải tẩy sạch những chuồng ngựa lầy lội của Vua Augeus.

and **how easy it is for the lower aspects and appetites to flourish and to grow**.

và **các phương diện thấp kém cùng những thèm muốn dễ dàng phát triển và tăng trưởng biết bao**.

115. Humanity lives in a fetid atmosphere promotive of disease on all levels of the personality. We are spared the full realization of this because we cannot yet see with entire clarity on the etheric, astral and lower mental planes.

115. Nhân loại sống trong một bầu khí hôi thối, thúc đẩy bệnh tật trên mọi cấp độ của phàm ngã. Chúng ta được miễn khỏi sự chứng nghiệm trọn vẹn điều này vì chúng ta chưa thể thấy hoàn toàn rõ ràng trên các cõi dĩ thái, cảm dục và hạ trí.

As the vitalisation is pursued and the energy is poured from one or other of the centres into the thought-form,

Khi sự tiếp sinh lực được tiếp tục và năng lượng được tuôn đổ từ một hay một trung tâm khác vào hình tư tưởng,

116. Yes, this is a tremendous occult hint…

116. Đúng vậy, đây là một gợi ý huyền bí học vô cùng lớn lao…

the conscious builder **begins to extend this influence** in order to send it forth from him **to perform its mission**,

đấng kiến tạo có ý thức **bắt đầu mở rộng ảnh hưởng này** để phóng nó ra từ chính mình **hầu thực hiện sứ mệnh của nó**,

117. The created thoughtform is like the "jiva" sent forth from the Monad on a "mission" into the lower worlds.

117. Hình tư tưởng được tạo ra giống như "jiva" được phóng ra từ chân thần trong một "sứ mệnh" đi vào các cõi thấp.

whatever that may be, to make it occultly "radiant" so that its vibrations will emanate, and make themselves felt, and finally to make it magnetic, so that something [Page 974] in the thought form will call forth response from other thought forms or from the minds it may contact.

dù sứ mệnh ấy là gì đi nữa, để làm cho nó một cách huyền bí trở nên "rạng chiếu" hầu các rung động của nó sẽ phát xạ ra, tự làm cho mình được cảm nhận, và sau cùng làm cho nó có từ tính, để một điều gì đó [Page 974] trong hình tư tưởng sẽ gọi ra sự đáp ứng từ những hình tư tưởng khác hay từ những trí tuệ mà nó có thể tiếp xúc.

118. Let us tabulate the tasks of the conscious builder:

118. Chúng ta hãy lập bảng các nhiệm vụ của đấng kiến tạo có ý thức:

a. The conscious builder extends the influence of the energy coming forth from one of the three higher centers and into the thoughtform'

a. Đấng kiến tạo có ý thức mở rộng ảnh hưởng của năng lượng phát ra từ một trong ba trung tâm cao và đi vào hình tư tưởng.

b. The conscious builder makes the thoughtform occultly "radiant" so that it may impact the environment

b. Đấng kiến tạo có ý thức làm cho hình tư tưởng trở nên "rạng chiếu" một cách huyền bí để nó có thể tác động lên môi trường.

c. The conscious builder renders the thoughtform magnetic and hence attractive.

c. Đấng kiến tạo có ý thức làm cho hình tư tưởng có từ tính và do đó có sức hấp dẫn.

d. So we have empowerment, radiance and magnetism.

d. Như vậy chúng ta có sự trao quyền, sự rạng chiếu và từ tính.

119. Note that thoughtforms are magnetic between themselves. A magnetic thoughtform magnetizes and attracts other thoughtforms.

119. Lưu ý rằng các hình tư tưởng có từ tính đối với nhau. Một hình tư tưởng có từ tính sẽ từ hóa và thu hút những hình tư tưởng khác.

When these three objectives have been reached, **the life of the form itself is now so strong that it can pursue its own little life cycle and fulfil its work**,

Khi ba mục tiêu này đã đạt được, **sự sống của chính hình thể lúc này mạnh đến nỗi nó có thể theo đuổi chu kỳ sống nhỏ bé của riêng nó và hoàn thành công việc của nó**,

120. Just as can a human child who has been born…

120. Cũng như một đứa trẻ con người đã được sinh ra có thể làm như vậy…

121. Though the human child does seem to need much more tending than a thoughtform recently released from its originator.

121. Mặc dù đứa trẻ con người dường như cần được chăm nom nhiều hơn một hình tư tưởng vừa mới được giải phóng khỏi đấng khởi tạo của nó.

122. Perhaps, the released thoughtform also needs a degree of tending or supervision after is separation from its creator, its release.

122. Có lẽ hình tư tưởng được giải phóng cũng cần một mức độ chăm nom hay giám sát nào đó sau khi tách khỏi đấng sáng tạo của nó, sau khi được phóng thích.

being only linked to its creator by a tiny thread of radiant substance, which is a correspondence to the sutratma.

chỉ còn được nối với đấng sáng tạo của nó bằng một sợi chỉ nhỏ bé của chất liệu rạng chiếu, vốn là một tương ứng với sutratma.

123. Let us observe closely. Is this thread ever snapped? Ideas live on well after their originator has departed incarnation. Are such ideas *still* linked to the originator?

123. Chúng ta hãy quan sát kỹ. Sợi dây này có bao giờ bị cắt đứt không? Các ý tưởng vẫn sống rất lâu sau khi đấng khởi tạo của chúng đã rời khỏi lâm phàm. Những ý tưởng như thế có *vẫn* còn được nối với đấng khởi tạo không?

All forms have such a sutratma.

Mọi hình thể đều có một sutratma như vậy.

124. Sustaining life must flow.

124. Sự sống duy trì phải tuôn chảy.

It links a man's bodies to the inner Identity,

Nó nối các thể của con người với Bản Sắc bên trong,

125. In this instance, that "inner identity", as far as man is concerned, is his Monad.

125. Trong trường hợp này, "bản sắc bên trong" ấy, xét theo con người, là chân thần của y.

or to that magnetic current which, emanating from the true Identity, the solar Logos, connects the Creator of the solar system with His great thought form by a stream of energy **from the central Spiritual Sun to a point in the centre of the physical Sun.**

hay với dòng điện từ tính ấy, phát ra từ Bản Sắc chân thực, Thái dương Thượng đế, nối Đấng Sáng Tạo của hệ mặt trời với hình tư tưởng vĩ đại của Ngài bằng một dòng năng lượng **từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương đến một điểm ở trung tâm của mặt trời vật lý.**

126. More occult hints of real magnitude. The sutratma comes from the monadic nature of *any* Entity.

126. Những gợi ý huyền bí học khác có tầm vóc thực sự lớn lao. Sutratma phát xuất từ bản chất chân thần của *bất kỳ* Thực Thể nào.

127. We, as human beings, are thoughtforms of the Solar Logos.

127. Chúng ta, với tư cách những con người, là những hình tư tưởng của Thái dương Thượng đế.

128. The Central Spiritual Sun is the monadic nature of the Solar Logos.

128. Mặt trời Tinh thần Trung Ương là bản chất chân thần của Thái dương Thượng đế.

129. We note that the Monad of the Solar Logos is connected to His physical nature (the Sun and its system of planets) via a sutratma. We also note that the point of connection is the *center* of the physical Sun.

129. Chúng ta lưu ý rằng chân thần của Thái dương Thượng đế được nối với bản chất hồng trần của Ngài (Mặt Trời và hệ hành tinh của nó) qua một sutratma. Chúng ta cũng lưu ý rằng điểm nối kết là *trung tâm*

This tells us much about how the human Monad is connected to the human physical body.

As long as the attention of the creator of any thought form, great or small, is turned towards it, that magnetic link persists, the thought form is vitalised, and its work carried on.

130. Practical experience has shown us that this is true. When we take our eye off the progressive development of our thoughtforms, those thoughtforms fall apart. A supervisor must supervise.

131. We gather then, that even in the release of the thoughtform, the magnetic link is preserved.

When the work has been accomplished, and the thought-form has served its purpose, **every creator, consciously or unconsciously, turns his attention elsewhere, and his thought form disintegrates.**

132. This is the point…the dissolving the magnetic link occurs with the removal of attention. This is why every creator must keep his *eye* on that which he has created.

133. We see that *attention* is the great life-giving power.

134. Of course the human creator can, at a certain point, release the thoughtform from his attention, because it is *otherwise* vitalized—i.e., by the attention of those whom the thoughtform serves. What keeps great works of art alive long after the creator has departed this plane? Is it not the life

của mặt trời vật lý. Điều này cho chúng ta biết nhiều về cách chân thần con người được nối với thể xác con người.

Chừng nào sự chú ý của đấng sáng tạo của bất kỳ hình tư tưởng nào, lớn hay nhỏ, còn hướng về nó, thì liên kết từ tính ấy vẫn tồn tại, hình tư tưởng được tiếp sinh lực, và công việc của nó được tiếp tục.

130. Kinh nghiệm thực tiễn đã cho chúng ta thấy điều này là đúng. Khi chúng ta rời mắt khỏi sự phát triển tiến bộ của các hình tư tưởng của mình, những hình tư tưởng ấy tan rã. Một người giám sát phải giám sát.

131. Vậy thì chúng ta hiểu rằng ngay cả khi hình tư tưởng được phóng thích, liên kết từ tính vẫn được bảo tồn.

Khi công việc đã hoàn tất, và hình tư tưởng đã phụng sự mục đích của nó, **mọi đấng sáng tạo, dù có ý thức hay vô thức, đều chuyển sự chú ý của mình sang nơi khác, và hình tư tưởng của mình tan rã.**

132. Đây là điểm then chốt… sự tan biến của liên kết từ tính xảy ra cùng với việc rút sự chú ý đi. Đây là lý do vì sao mọi đấng sáng tạo phải giữ *mắt* của mình trên điều mà mình đã tạo ra.

133. Chúng ta thấy rằng *sự chú ý* là quyền năng ban sự sống vĩ đại.

134. Dĩ nhiên, đấng sáng tạo con người có thể, ở một điểm nào đó, giải phóng hình tư tưởng khỏi sự chú ý của mình, vì nó được tiếp sinh lực theo *cách khác*—nghĩa là bởi sự chú ý của những người mà hình tư tưởng ấy phụng sự. Điều gì giữ cho những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại sống động rất lâu sau khi

energy of those who support the thoughtform and wish for it to remain 'alive'? It would seem so.

đấng sáng tạo đã rời cõi này? Chẳng phải đó là năng lượng sự sống của những người nâng đỡ hình tư tưởng và mong nó vẫn "sống" hay sao? Có vẻ là như vậy.

Hence the occult significance of all the processes occultly involved in sight, can be seen.

Do đó, có thể thấy được ý nghĩa huyền bí học của mọi tiến trình liên quan một cách huyền bí đến thị giác.

135. The eye is a life-giving organ.

135. Con mắt là một cơ quan ban sự sống.

As long as the eye of the Creator is upon that which is created, just so long does it persist;

Chừng nào mắt của Đấng Sáng Tạo còn đặt trên điều được tạo ra, chừng đó nó còn tồn tại;

136. Yes, unless and until the sustaining of the form is taken over by others.

136. Đúng vậy, trừ phi và cho đến khi việc duy trì hình thể được người khác tiếp nhận.

137. We begin to think that the physical death by natural causes of man upon the physical plane comes when the Ego averts its eye from its physical expression. The same is to be inferred by so-called death upon the astral plane and upon the lower mental plane.

137. Chúng ta bắt đầu nghĩ rằng cái chết hồng trần do nguyên nhân tự nhiên của con người trên cõi hồng trần xảy ra khi chân ngã quay mắt khỏi biểu hiện hồng trần của nó. Điều tương tự cũng được suy ra đối với cái gọi là cái chết trên cõi cảm dục và trên cõi hạ trí.

let the Creator withdraw "the light of his countenance"

hãy để Đấng Sáng Tạo rút lại "ánh sáng của dung nhan mình"

138. It is, then, a life-giving light.

138. Vậy thì đó là một ánh sáng ban sự sống.

and the death of the thought form ensues, **for vitality or energy follows the line of the eye.**

và cái chết của hình tư tưởng sẽ tiếp theo, **vì sinh lực hay năng lượng đi theo đường của con mắt.**

139. In general we find this to be the case. DK is offering is sound advice for all creators, especially during the period that they are the major supporting influence for the created form.

139. Nói chung, chúng ta thấy đây là trường hợp như vậy. Chân sư DK đang đưa ra lời khuyên xác đáng cho mọi đấng sáng tạo, đặc biệt trong giai đoạn họ là ảnh hưởng nâng đỡ chủ yếu cho hình thể được tạo ra.

140. There would seem to occur, however, a transfer of responsibility for sustenance. For instance, Beethoven's Fifth Symphony is vitally alive in the consciousness of humanity, yet it is not Beethoven who is presently keeping it alive!

140. Tuy nhiên, dường như có xảy ra một sự chuyển dịch trách nhiệm duy trì. Chẳng hạn, Bản Giao Hưởng số Năm của Beethoven vẫn sống động mạnh mẽ trong tâm thức nhân loại, nhưng hiện nay không phải Beethoven đang giữ cho nó sống!

141. We often say that "energy follows thought". We should also say that 'life-giving energy follows the focus of the eye'.

141. Chúng ta thường nói rằng "năng lượng đi theo tư tưởng". Chúng ta cũng nên nói rằng "năng lượng ban sự sống đi theo tiêu điểm của con mắt".

When, therefore, a man, in meditation, considers his work and builds his thought form for service, **he is occultly looking, and consequently energising**; he begins to use the **third eye** in its secondary aspect.

Vì vậy, khi một người, trong tham thiền, suy xét công việc của mình và xây dựng hình tư tưởng của mình để phụng sự, **y đang nhìn một cách huyền bí, và do đó tiếp sinh lực**; y bắt đầu sử dụng **con mắt thứ ba** trong phương diện thứ yếu của nó.

142. A primary function of the eye is imaginative formation—the third eye searches the world of the Ego and faithfully registers the pattern of egoic intent.

142. Một chức năng chính yếu của con mắt là sự hình thành bằng tưởng tượng—con mắt thứ ba dò tìm thế giới của chân ngã và trung thành ghi nhận mô hình của ý định chân ngã.

143. The secondary function of the third eye is to occultly energize thoughtforms in process of creation.

143. Chức năng thứ yếu của con mắt thứ ba là tiếp sinh lực một cách huyền bí cho các hình tư tưởng trong tiến trình được tạo ra.

144. Can we see, by implication, why it is so important for people to be *seen* for who they are? Can we see that *seeing* another person in his or her soul identity keeps that person 'alive'? Discerning vision vitalizes the soul expression of the one who is *seen*—spiritually.

144. Qua hàm ý, chúng ta có thể thấy vì sao điều quan trọng đến thế là con người phải được *nhìn thấy* đúng như họ là ai không? Chúng ta có thể thấy rằng việc *nhìn thấy* một người khác trong bản sắc linh hồn của người ấy giữ cho người ấy "sống" không? Linh thị phân biện tiếp sinh lực cho biểu hiện linh hồn của người được *nhìn thấy*—về mặt tinh thần.

S8S4 Part V

TCF 974 - 977

28 November – 13 December 2008

The third or spiritual eye has several functions.

1. We will want to note these carefully.

2. We have a wonderful compilation on "Eye". It has some 280 pages. Go to the AWC Group and reference it. In it, of course, are a great many reference to the third eye.

Amongst others,

3. Other functions will be discussed.

it is the organ of illumination, the unveiled eye of the soul, through which light and illumination comes into the mind, and thus the entire lower life becomes irradiated.

4. If the third eye is the organ of illumination and the third initiation is called by many the "Enlightenment" or the "Illumination", we can infer the role of the third initiation in this initiation.

5. The soul-in-incarnation sees, usually, through *veiled* eyes. Sight through the *functioning* third initiation is *unveiled.* Even on the Path of Discipleship, however, that third eye is relatively veiled.

TCF 974 - 977

28 tháng Mười Một – 13 tháng Mười Hai 2008

Con mắt thứ ba hay con mắt tinh thần có một số chức năng.

1. Chúng ta sẽ muốn lưu ý kỹ những điều này.

2. Chúng ta có một bản tổng hợp tuyệt vời về "Con Mắt". Nó dài khoảng 280 trang. Hãy đến Nhóm AWC và tham chiếu nó. Trong đó, dĩ nhiên, có rất nhiều tham chiếu đến con mắt thứ ba.

Trong số những chức năng khác,

3. Những chức năng khác sẽ được bàn đến.

nó là cơ quan của sự soi sáng, con mắt không che phủ của linh hồn, qua đó ánh sáng và sự soi sáng đi vào trí tuệ, và như thế toàn bộ đời sống thấp kém được chiếu rạng.

4. Nếu con mắt thứ ba là cơ quan của sự soi sáng và lần điểm đạo thứ ba được nhiều người gọi là "Giác Ngộ" hay "Soi Sáng", chúng ta có thể suy ra vai trò của lần điểm đạo thứ ba trong cuộc điểm đạo này.

5. Linh hồn đang nhập thể thường nhìn qua những đôi mắt *có màn che*. Thị giác qua lần điểm đạo thứ ba đang *hoạt động* là *không che phủ.* Tuy nhiên, ngay cả trên Con Đường Đệ Tử, con mắt thứ ba ấy vẫn còn tương đối bị che phủ.

6. If we consider the third eye to be an etheric evocation arising from the interplay between the crown center, the ajna center and the alta major center, then the mind into which illumination comes is the mind as it expresses in the brain consciousness of the personality.

6. Nếu chúng ta xem con mắt thứ ba là một sự gợi lên dĩ thái phát sinh từ sự tương tác giữa trung tâm đỉnh đầu, trung tâm ajna và trung tâm alta major, thì trí tuệ mà vào đó sự soi sáng đi đến là trí tuệ khi nó biểu hiện trong tâm thức não bộ của phàm ngã.

It is also the organ through which pours the directing energy [Page 975] **which streams out from the conscious creating adept to the instruments of service**, his thought-forms.

Nó cũng là cơ quan qua đó năng lượng chỉ đạo tuôn đổ [Page 975] **phát ra từ chân sư sáng tạo có ý thức đến các công cụ phụng sự**, tức các hình tư tưởng của Ngài.

7. We see and understand that the adept serves largely through thoughtform building.

7. Chúng ta thấy và hiểu rằng chân sư phụng sự phần lớn thông qua việc xây dựng hình tư tưởng.

8. As the "organ of illumination" the third eye serves largely a second ray function. As the organ through which directing energy pours, it exhibits a first ray function.

8. Là "cơ quan của sự soi sáng", con mắt thứ ba phần lớn phụng sự một chức năng cung hai. Là cơ quan qua đó năng lượng chỉ đạo tuôn đổ, nó biểu lộ một chức năng cung một.

9. We understand the association of the number *five* with creativity (and the creative sign Leo). The Adept of the fifth initiation is, above all, a *creative* being.

9. Chúng ta hiểu sự liên hệ của con số *năm* với tính sáng tạo (và dấu hiệu sáng tạo Sư Tử). Chân sư của lần điểm đạo thứ năm, trên hết, là một hữu thể *sáng tạo*.

10. We also understand that the adept (an initiate of the fifth degree) is possessed of a third eye even though His personality apparatus is, in most cases, no longer a vehicle produced by ordinary generative means but by the power of Kriyashakti. This means that within the mayavirupa, the spiritual organ called the "third eye" does, indeed, exist.

10. Chúng ta cũng hiểu rằng chân sư (một điểm đạo đồ của cấp thứ năm) sở hữu con mắt thứ ba mặc dù bộ máy phàm ngã của Ngài, trong đa số trường hợp, không còn là một vận cụ được tạo ra bằng những phương tiện sinh sản thông thường mà bằng quyền năng của Kriyashakti. Điều này có nghĩa là trong mayavirupa, cơ quan tinh thần được gọi là "con mắt thứ ba" quả thật hiện hữu.

The little evolved do not, of course, employ the third eye for the stimulating of their thought forms.

Những người ít tiến hoá dĩ nhiên không sử dụng con mắt thứ ba để kích thích các hình tư tưởng của họ.

11. The power of the third eye is not available to the little evolved.

11. Quyền năng của con mắt thứ ba không sẵn có cho những người ít tiến hoá.

12. We remember that the insight of the soul is revealed through the third eye and thus, thoughtforms stimulated by the third eye will be built in accordance with those perceived soul patterns.

12. Chúng ta nhớ rằng linh thị của linh hồn được biểu lộ qua con mắt thứ ba và như thế, những hình tư tưởng được kích thích bởi con mắt thứ ba sẽ được xây dựng phù hợp với những mô hình linh hồn được tri nhận ấy.

13. It is obvious that disciples such as we are, are increasingly to use the third eye for the stimulating of thoughtforms. This means, of course, that we have to evoke the potency of this "eye" in our lives.

13. Rõ ràng là những đệ tử như chúng ta ngày càng phải sử dụng con mắt thứ ba để kích thích các hình tư tưởng. Điều này dĩ nhiên có nghĩa là chúng ta phải gợi lên tiềm lực của "con mắt" này trong đời sống của mình.

14. The work of Taurus suggests how we are to do this. The 'Bull of Instinct' must become the "Bull of Illumination".

14. Công việc của Kim Ngưu gợi ý cách chúng ta phải làm điều này. "Con Bò của Bản Năng" phải trở thành "Con Bò của Sự Soi Sáng".

15. There will be no use of a functional third eye until we change our desires and our values, and thus redirect occult energies to the head where the third eye resides.

15. Sẽ không có việc sử dụng một con mắt thứ ba đang hoạt động nào cho đến khi chúng ta thay đổi các ham muốn và các giá trị của mình, và nhờ đó tái định hướng các năng lượng huyền bí học lên đầu, nơi con mắt thứ ba cư ngụ.

The energy used by them in the majority of cases originates in the solar plexus, and works in two directions, either via the organs of generation, or through the physical eyes.

Năng lượng được họ sử dụng trong đa số trường hợp phát sinh từ tùng thái dương, và hoạt động theo hai hướng, hoặc qua các cơ quan sinh sản, hoặc qua đôi mắt hồng trần.

16. Do we realize the profound occultism which is being taught here?

16. Chúng ta có nhận ra tính huyền bí học sâu xa đang được giảng dạy ở đây không?

17. DK is telling us that the majority of human beings energize thoughtforms with energy arising in the solar plexus.

17. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng đa số con người tiếp sinh lực cho các hình tư tưởng bằng năng lượng phát sinh trong tùng thái dương.

18. Apparently many thoughtforms deal with the sexual life of humanity and are expressed, eventually, in relation to or through the organs of generation.

18. Rõ ràng nhiều hình tư tưởng đề cập đến đời sống tính dục của nhân loại và cuối cùng được biểu lộ trong liên hệ với hay qua các cơ quan sinh sản.

19. Some occult functions of the physical eyes are suggested. Many thoughtforms relate directly to what is "seen" and to that which, being seen, is *desired.*

19. Một số chức năng huyền bí học của đôi mắt hồng trần được gợi ý. Nhiều hình tư tưởng liên hệ trực tiếp đến điều được "nhìn thấy" và đến điều mà, vì được nhìn thấy, nên được *ham muốn.*

20. We note that the physical eyes (two organs, which together, symbolize dualistic perception) are the eyes in use and not the *unitive* third eye.

20. Chúng ta lưu ý rằng đôi mắt hồng trần (hai cơ quan, cùng nhau tượng trưng cho tri giác nhị nguyên) là những con mắt đang được sử dụng chứ không phải con mắt thứ ba *hợp nhất.*

In many people **these three points—the lower organs, the solar plexus, and the physical eyes—form a triangle of force**,

Ở nhiều người **ba điểm này—các cơ quan thấp, tùng thái dương, và đôi mắt hồng trần—tạo thành một tam giác lực**,

21. This triangle involves the planets Mars, Venus and Mercury in their lower expressions in man.

21. Tam giác này liên quan đến các hành tinh Sao Hỏa, Sao Kim và Sao Thủy trong những biểu hiện thấp của chúng nơi con người.

22. Man desires what he "sees" and seeks to possess it. Possession of those objects to which sexual energy attaches itself, (i.e., "sex-objects") is part of this process.

22. Con người ham muốn điều y "thấy" và tìm cách chiếm hữu nó. Việc chiếm hữu những đối tượng mà năng lượng tính dục gắn vào, (tức là "đối tượng tính dục") là một phần của tiến trình này.

23. The whole process is very *dualistic*: man as an egoistic self (i.e., man identified as a lower ego) desires the 'other' and goes forth (Mars) to possess that other. Such as man has no notion, alter revealed by the unitive "Eye", that he *is* the other.

23. Toàn bộ tiến trình này rất *nhị nguyên*: con người như một bản ngã ích kỷ (tức con người được đồng hoá với một phàm ngã) ham muốn "kẻ khác" và tiến ra (Sao Hỏa) để chiếm hữu kẻ khác ấy. Con người như thế không có khái niệm nào, về sau được bộc lộ bởi "Con Mắt" hợp nhất, rằng y *chính là* kẻ khác ấy.

around which the **stream of energy flows before going out to the objectivised thought form**.

quanh đó **dòng năng lượng chảy trước khi đi ra đến hình tư tưởng đã được khách quan hoá**.

24. Thus, we learn that most thoughtforms are servants of egoistically-based desire.

24. Như vậy, chúng ta học được rằng phần lớn các hình tư tưởng là những kẻ phụng sự của ham muốn đặt nền trên tính ích kỷ.

25. From another perspective, "why do most human beings create thoughtforms"? Largely, in order to fulfill their lower desires within the dualistically perceived lower three worlds.

25. Từ một góc nhìn khác, "vì sao đa số con người tạo ra các hình tư tưởng"? Phần lớn là để hoàn thành những ham muốn thấp kém của họ trong ba cõi thấp được tri nhận một cách nhị nguyên.

26. We learn that forces circulates between the sacral center, the solar plexus center and the two eyes *before* attaching itself to the "objectivized thoughtform"—the thoughtform in process of construction.

26. Chúng ta học được rằng các mãnh lực lưu chuyển giữa trung tâm xương cùng, trung tâm tùng thái dương và đôi mắt *trước khi* gắn vào "hình tư tưởng đã được khách quan hoá"—hình tư tưởng đang trong tiến trình được xây dựng.

In the aspirant, and the man who is intellectual,

Ở người chí nguyện, và người có trí tuệ,

27. DK seems to distinguish between these two. The aspirant is not necessarily the man who is intellectual. Ray difference may distinguish them—the intellectual found more on the hard line rays (especially three and five) and the aspirant upon rays six, four and two. Nor is one type necessarily *higher* than the other, though usually the aspirant is seen to be more spiritually receptive and advanced than the man who is *merely* intellectual.

27. Chân sư DK dường như phân biệt hai hạng người này. Người chí nguyện không nhất thiết là người có trí tuệ. Sự khác biệt về cung có thể phân biệt họ—người trí tuệ thường thấy nhiều hơn trên các cung tuyến cứng (đặc biệt là ba và năm) còn người chí nguyện trên các cung sáu, bốn và hai. Cũng không phải một loại nhất thiết *cao hơn* loại kia, dù thông thường người chí nguyện được xem là dễ tiếp nhận tinh thần hơn và tiến bộ hơn người chỉ *đơn thuần* có trí tuệ.

the triangle may be from the solar plexus, to the throat centre and thence to the eyes.

tam giác có thể là từ tùng thái dương đến trung tâm cổ họng rồi từ đó đến đôi mắt.

28. As long as the two physical eyes are involved, dualism has not yet merged with the unitive vision of the third eye.

28. Chừng nào đôi mắt hồng trần còn tham dự, nhị nguyên tính vẫn chưa hòa nhập vào linh thị hợp nhất của con mắt thứ ba.

29. We thus far have two triangles and a third will be discussed.:

29. Cho đến nay chúng ta có hai tam giác và một tam giác thứ ba sẽ được bàn đến.:

a. The generative organs, the solar plexus and the two physical eyes

a. Các cơ quan sinh sản, tùng thái dương và đôi mắt hồng trần

b. The solar plexus center, the throat center and the two physical eyes.

b. Trung tâm tùng thái dương, trung tâm cổ họng và đôi mắt hồng trần.

30. Note that there is a progression here, as energy seems to go from the lower centers towards the higher

30. Lưu ý rằng ở đây có một sự tiến triển, vì năng lượng dường như đi từ các trung tâm thấp lên các trung tâm cao hơn.

31. We note that the in these two triangles, two of the centers are the same, but the throat center has replaced the sacral center. Thus, in the aspirant and intellectual man, a higher creativity is demonstrating instead of ordinary sacral procreativity.

31. Chúng ta lưu ý rằng trong hai tam giác này, hai trung tâm là giống nhau, nhưng trung tâm cổ họng đã thay thế trung tâm xương cùng. Như vậy, nơi người chí nguyện và người trí tuệ, một tính sáng tạo cao hơn đang biểu lộ thay cho khả năng sinh sản xương cùng thông thường.

Later, as the aspirant grows in knowledge and purity of motive,

Về sau, khi người chí nguyện tăng trưởng trong tri thức và sự thanh khiết của động cơ,

32. Thus, becoming, shall we say, a disciple…

32. Như vậy, trở thành, chúng ta hãy nói rằng, một đệ tử…

the triangle of energy will have the heart for its lowest point instead of the solar plexus, and the third eye will begin to do its work, **though as yet very imperfectly**.

tam giác năng lượng sẽ lấy tim làm điểm thấp nhất thay cho tùng thái dương, và con mắt thứ ba sẽ bắt đầu làm công việc của nó, **dù cho đến lúc ấy vẫn còn rất bất toàn**.

33. DK is describing the incipient working of the third eye in the life of the disciple.

33. Chân sư DK đang mô tả sự hoạt động chớm nở của con mắt thứ ba trong đời sống của đệ tử.

34. The triangle here involves the throat center again, apparently.

34. Tam giác ở đây dường như lại liên quan đến trung tâm cổ họng.

35. These triangles can be compared with the triangles of chakras active in the case of

35. Những tam giác này có thể được so sánh với các tam giác luân xa hoạt động trong

human beings at different stages of evolution. (TCF 170)

trường hợp con người ở những giai đoạn tiến hoá khác nhau. (TCF 170)

36. Even at the third initiation it may be that the working of the third eye cannot be considered perfect. We may infer this because the Master, Himself, uses the third eye as a "conscious creating adept".

36. Ngay cả ở lần điểm đạo thứ ba, có thể sự hoạt động của con mắt thứ ba vẫn chưa thể được xem là hoàn hảo. Chúng ta có thể suy ra điều này vì chính Chân sư sử dụng con mắt thứ ba như một "chân sư sáng tạo có ý thức".

37. We will want to associate the opening of the third initiation with heart energy, which tends towards unification, just as the third eye tends towards singleness of vision.

37. Chúng ta sẽ muốn liên kết sự khai mở của lần điểm đạo thứ ba với năng lượng tim, vốn có khuynh hướng hướng đến sự hợp nhất, cũng như con mắt thứ ba có khuynh hướng hướng đến tính đơn nhất của linh thị.

Just as long as the "Eye" is directed to the created form, the current of force will be transmitted to it, and the more one-pointed the man may be the more this energy will be centralised and effective.

Chừng nào "Con Mắt" còn hướng vào hình thể được tạo ra, dòng mãnh lực sẽ được truyền đến nó, và con người càng nhất tâm bao nhiêu thì năng lượng này càng được tập trung và hữu hiệu bấy nhiêu.

38. We are speaking of how to maintain the vitality of any created form. An *eye* must be upon it, or its coherence and vitality will fade and dissipate.

38. Chúng ta đang nói về cách duy trì sinh lực của bất kỳ hình thể được tạo ra nào. Một *con mắt* phải đặt trên nó, nếu không sự cố kết và sinh lực của nó sẽ phai nhạt và tiêu tan.

39. This makes one wonder *who* or *what* is observing the thoughtform called "man". The answer is, in a way, obvious—"the *eye* of the soul".

39. Điều này khiến người ta tự hỏi *ai* hay *điều gì* đang quan sát hình tư tưởng gọi là "con người". Câu trả lời, theo một cách nào đó, là hiển nhiên—"*con mắt* của linh hồn".

40. At the same time, from a practical perspective, we are being informed of the technique for keeping our own creations coherent and vital.

40. Đồng thời, từ một góc độ thực tiễn, chúng ta đang được cho biết kỹ thuật để giữ cho các sáng tạo của chính mình được cố kết và đầy sinh lực.

Much of the **ineffectiveness of people is due to the fact that their interests are not centralised but very diffuse**, and no one thing engrosses their attention.

Phần lớn **sự thiếu hiệu quả của con người là do các mối quan tâm của họ không được tập trung mà rất phân tán**, và không có một điều gì chiếm trọn sự chú ý của họ.

41. Without one-pointed vision, a would-be creator remains ineffective. Diffuse attention (refusal or incapacity to pay attention) guarantees ineffectiveness—i.e., lack of success of bringing intentions *through* into manifestation.

41. Không có linh thị nhất tâm, một người muốn trở thành đấng sáng tạo vẫn sẽ không hiệu quả. Sự chú ý phân tán (sự từ chối hay bất lực trong việc chú ý) bảo đảm sự thiếu hiệu quả—tức là thiếu thành công trong việc đưa các ý định *đi xuyên suốt* vào biểu hiện.

42. We are discussing the relation between correct thoughtform building and effectiveness upon the physical plane.

42. Chúng ta đang bàn về mối liên hệ giữa việc xây dựng hình tư tưởng đúng đắn và tính hiệu quả trên cõi hồng trần.

They scatter their energy and are attempting to satisfy every wandering desire, and to **dabble** in everything which comes their way.

Họ làm phân tán năng lượng của mình và đang cố thỏa mãn mọi ham muốn lang thang, và **nhúng tay hời hợt** vào mọi thứ đến với họ.

43. The point is clear: dabblers cannot help but be ineffective!

43. Điểm này rất rõ: những kẻ nhúng tay hời hợt không thể nào không thiếu hiệu quả!

44. This thought should incline us to strengthen our point of tension.

44. Tư tưởng này nên khiến chúng ta nghiêng về việc tăng cường điểm tập trung nhất tâm của mình.

45. It is as if we are told of how the early expression of Gemini must be transformed into the one-pointedness of Sagittarius if effectiveness is to be achieved.

45. Dường như chúng ta đang được cho biết cách biểu hiện ban đầu của Song Tử phải được chuyển đổi thành tính nhất tâm của Nhân Mã nếu muốn đạt được hiệu quả.

46. Obviously discrimination is needed—the ability to choose where attention will be 'paid'. This requires the work of Saturn and Libra.

46. Hiển nhiên là cần có sự phân biện—khả năng chọn nơi mà sự chú ý sẽ được "trao vào". Điều này đòi hỏi công việc của Sao Thổ và Thiên Bình.

Therefore, no thought they think **ever assumes a proper form**, or is **ever duly energised**.

Do đó, không một tư tưởng nào họ nghĩ **bao giờ mang lấy một hình thể thích đáng**, hay **bao giờ được tiếp sinh lực** đúng mức.

47. We are discussing the haphazard creation of weak, inchoate thoughtforms. We are speaking of those who have not yet learned to be true *creators.*

47. Chúng ta đang bàn về sự tạo tác ngẫu nhiên những hình tư tưởng yếu ớt, chưa thành hình. Chúng ta đang nói về những người chưa học được cách trở thành những *đấng sáng tạo* chân chính.

They are consequently surrounded by a **dense cloud of half-formed disintegrating thought forms and clouds of partially energised matter in process of dissolution**.

Do đó, họ bị bao quanh bởi một **đám mây dày đặc gồm những hình tư tưởng đang tan rã, mới chỉ thành hình một nửa, và những đám mây vật chất được tiếp sinh lực một phần đang trong tiến trình tan biến**.

48. The image presented is one of a noxious atmosphere in which clear sight and even the ability to 'breathe' is compromised.

48. Hình ảnh được trình bày là một bầu khí quyển độc hại, trong đó linh thị rõ ràng và ngay cả khả năng "hít thở" cũng bị tổn hại.

49. Obviously, this is not how we wish for our mental body to appear!

49. Hiển nhiên, đây không phải là cách chúng ta mong muốn thể trí của mình xuất hiện!

50. Have we ever felt such a surrounding cloud—within ourselves? In a gathering of people?

50. Chúng ta đã bao giờ cảm thấy một đám mây bao quanh như thế—ở bên trong chính mình chưa? Trong một cuộc tụ họp đông người chăng?

This produces occultly a condition similar to the decay of a physical form, and is equally unpleasant and unwholesome. It accounts for much of the diseased condition of the human family at this time.

Điều này, về mặt huyền bí, tạo ra một tình trạng tương tự như sự phân rã của một hình tướng hồng trần, và cũng khó chịu và không lành mạnh như vậy. Nó giải thích phần lớn tình trạng bệnh hoạn của gia đình nhân loại vào lúc này.

51. What an amazing thought! Our inability to create (accompanied by the unconscious tendency constantly to create) produces a poisonous, decaying atmosphere which affects the health of our physical vehicle and probably the health of our emotional and mental vehicles as well.

51. Thật là một ý nghĩ đáng kinh ngạc! Sự bất lực của chúng ta trong việc sáng tạo (đi kèm với khuynh hướng vô thức là liên tục sáng tạo) tạo ra một bầu khí quyển độc hại, đang phân rã, ảnh hưởng đến sức khỏe của hiện thể hồng trần của chúng ta và có lẽ cả sức khỏe của các hiện thể cảm xúc và trí tuệ nữa.

52. Because we are not really conscious on the mental and astral planes (at least not conscious of many conditions existing there) the unwholesome condition of which Master DK speaks is not a 'reality' to us and we do not think of its presence as especially dire. The occult perspective, however, reveals how serious the situation really is.

52. Bởi vì chúng ta không thật sự hữu thức trên các cõi trí và cảm dục (ít nhất là không hữu thức về nhiều điều kiện đang hiện hữu ở đó), nên tình trạng không lành mạnh mà Chân sư DK nói đến không phải là một "thực tại" đối với chúng ta, và chúng ta không xem sự hiện diện của nó là đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, quan điểm huyền bí cho thấy tình hình thật sự nghiêm trọng đến mức nào.

53. Obviously, our entire planet is presently surrounded by such an unwholesome atmosphere.

53. Hiển nhiên, toàn bộ hành tinh của chúng ta hiện nay đang bị bao quanh bởi một bầu khí quyển không lành mạnh như thế.

Failure in thought creation is due also to the fact that [Page 976] **the laws of thought are not taught**,

Sự thất bại trong việc sáng tạo tư tưởng cũng là do sự kiện rằng [Page 976] **các quy luật của tư tưởng không được giảng dạy**,

54. Scattered throughout Master DK's books we can find statements and hints regarding these laws. Work with the Fifteen Rules of White Magic reveals some of the laws of thought as does the list of Fifteen Injunctions found in *A Treatise on White Magic*. The Yoga Sutras bear heavily on the question of the correct creation of thought. The study of *illusion* in *Glamour: A World Problem* touches directly on the matter.

54. Rải rác trong các sách của Chân sư DK, chúng ta có thể tìm thấy những phát biểu và gợi ý liên quan đến các quy luật này. Việc làm việc với Mười Lăm Quy Luật của Chánh Thuật cho thấy một số quy luật của tư tưởng, cũng như danh sách Mười Lăm Huấn Thị được tìm thấy trong *Luận về Chánh Thuật*. Kinh Yoga Sutras liên hệ rất nhiều đến vấn đề sáng tạo tư tưởng đúng đắn. Việc nghiên cứu *ảo tưởng* trong *Glamour: A World Problem* cũng trực tiếp chạm đến vấn đề này.

55. What do *you* think to be some of the laws of thought? Certainly the very first occult Point of Revelations from the "Five Points of Revelation"—"Energy follows thought and the eye directs that energy" is one of the very first laws of thought.

55. các *bạn* nghĩ một số quy luật của tư tưởng là gì? Chắc chắn, chính Điểm Mặc Khải huyền bí đầu tiên trong "Năm Điểm Mặc Khải"—"Năng lượng đi theo tư tưởng và con mắt điều hướng năng lượng ấy"—là một trong những quy luật đầu tiên của tư tưởng.

and men do not know how, **through meditation**, to create **those children of their activity** to carry on their work.

và con người không biết cách, **qua tham thiền**, tạo ra **những đứa con của hoạt động mình** để tiếp tục công việc của mình.

56. In other words, men do not understand and cannot practice occult meditation.

56. Nói cách khác, con người không hiểu và không thể thực hành tham thiền huyền bí.

57. The "children of one's mind" are meant to serve one's intentions. Our thoughtforms are intended to be our servants.

57. "Những đứa con của trí óc một người" được dự định để phục vụ các ý định của người ấy. Các hình tư tưởng của chúng ta được dự định là những kẻ phụng sự của chúng ta.

58. One remembers the regulatory power of the star Regulus, so closely associated with the creative activity of Leo. That activity must be submitted for first ray/seventh ray restraints.

58. Người ta nhớ đến quyền năng điều tiết của ngôi sao Regulus, vốn gắn bó chặt chẽ với hoạt động sáng tạo của Sư Tử. Hoạt động ấy phải được đặt dưới những sự kiềm chế của cung một/cung bảy.

59. The hint: one never acts alone. One is intended to scientifically create an army of thoughtforms to carry forth one's work.

59. Gợi ý là: không ai hành động một mình. Người ta được dự định là phải sáng tạo một cách khoa học cả một đạo quân hình tư tưởng để mang công việc của mình tiến lên.

Results on the physical plane are much more quickly achieved through scientific thought creation than through the directly physical plane means.

Các kết quả trên cõi hồng trần đạt được nhanh hơn nhiều qua sự sáng tạo tư tưởng có tính khoa học so với bằng những phương tiện trực tiếp của cõi hồng trần.

60. Perhaps we find this to be a surprising statement. If we accept it, we will hasten to purify and control our thoughtform-making apparatus.

60. Có lẽ chúng ta thấy đây là một phát biểu đáng ngạc nhiên. Nếu chấp nhận điều đó, chúng ta sẽ mau chóng thanh lọc và kiểm soát bộ máy tạo hình tư tưởng của mình.

10. For thee, the aspirant on the way of life, the way of conscious building is not yet the goal. The work of cleaning out the atmosphere of thought, of barring fast the doors of thought to hate and pain, to fear, and jealousy and low desire, must first precede the conscious work of building. See to thy aura, oh traveler on the way.

10. Đối với ngươi, người chí nguyện trên đường đời, con đường kiến tạo có ý thức chưa phải là mục tiêu. Công việc quét sạch bầu khí quyển của tư tưởng, đóng chặt các cánh cửa của tư tưởng trước hận thù và đau khổ, trước sợ hãi, ghen tị và dục vọng thấp hèn, trước hết phải đi trước công việc kiến tạo có ý thức. Hãy chăm lo hào quang của ngươi, hỡi lữ khách trên đường.

11. Hãy canh giữ chặt các cổng của tư tưởng. Hãy canh chừng dục vọng. Hãy tống khứ

11. Watch close the gates of thought. Sentinel desire. Cast out all fear, all hate, all greed. Look out and up. (TWM 473-474)

mọi sợ hãi, mọi hận thù, mọi tham lam. Hãy nhìn ra ngoài và nhìn lên trên. (TWM 473-474)

61. We are still a long way from the scientific creation of effective thoughtforms in line with the Divine Plan.

61. Chúng ta vẫn còn cách rất xa việc sáng tạo một cách khoa học những hình tư tưởng hữu hiệu phù hợp với Thiên Cơ.

62. Perhaps another two or three hundred years of close training and supervision may see us in a position to be trusted.

62. Có lẽ phải cần thêm hai hoặc ba trăm năm huấn luyện và giám sát chặt chẽ nữa thì chúng ta mới ở vào vị thế có thể được tín nhiệm.

This is becoming more realised, but **until the race has reached a point of greater purity and unselfishness**, the more detailed explanation of the process must necessarily be withheld.

Điều này đang ngày càng được chứng nghiệm nhiều hơn, nhưng **cho đến khi nhân loại đạt đến một điểm thanh khiết và vô ngã lớn hơn**, thì sự giải thích chi tiết hơn về tiến trình này nhất thiết phải bị giữ lại.

63. One studies *A Treatise on White Magic* only to realize that the most practical instructions on the magical process have been withheld. It is obvious from DK's statements here why this is the case.

63. Người ta nghiên cứu *Luận về Chánh Thuật* chỉ để nhận ra rằng những chỉ dẫn thực tiễn nhất về tiến trình huyền thuật đã bị giữ lại. Từ những phát biểu của DK ở đây, hiển nhiên là vì sao lại như vậy.

64. "A little knowledge is a dangerous thing" and this applies to *premature* knowledge as well. It is surprising but true that the Masters labor to withhold from man premature knowledge of the Plan. If too much is discovered too quickly, the plans leading towards the manifestation of the Plan could be ruined.

64. "Một ít tri thức là điều nguy hiểm" và điều này cũng áp dụng cho tri thức *quá sớm*. Thật đáng ngạc nhiên nhưng đúng là các Chân sư nỗ lực giữ không cho con người có được tri thức quá sớm về Thiên Cơ. Nếu quá nhiều điều được khám phá quá nhanh, thì những kế hoạch dẫn đến sự biểu hiện của Thiên Cơ có thể bị phá hỏng.

Another **reason for creative ineffectiveness** is owing to the currents which emanate from the majority of people being of such a low order that the **thought forms never reach the point of independent action, except through cumulative group work.**

Một **lý do khác của sự bất hiệu quả trong sáng tạo** là do các dòng năng lượng phát ra từ đa số con người thuộc một trật tự quá thấp đến nỗi các **hình tư tưởng không bao giờ đạt đến điểm hành động độc lập, ngoại trừ qua công việc nhóm tích lũy.**

65. We are being given reasons for "creative ineffectiveness" and this is an interesting one.

65. Chúng ta đang được trao cho những lý do của "sự bất hiệu quả trong sáng tạo" và đây là một lý do thú vị.

66. Apparently energy currents animating thoughtforms must be of a relatively high order if thoughtforms capable of real independence are to be generated.

66. Rõ ràng, các dòng năng lượng làm sinh động các hình tư tưởng phải thuộc một trật tự tương đối cao nếu muốn tạo ra những hình tư tưởng có khả năng độc lập thật sự.

67. It is arresting to realize, however, that a *group* in which the majority of members are relatively low grade creators *can,* nevertheless, *together* create thoughtforms which are capable of independent action. This points to a certain danger. We come to understand something of the menace of mob or mass psychology and the relative effectiveness of public opinion even of a low order (as was seen in Nazi Germany and more recently in countries under the grip of religious fanaticism).

67. Tuy nhiên, thật đáng chú ý khi nhận ra rằng một *nhóm* mà trong đó đa số thành viên là những người sáng tạo ở cấp tương đối thấp *vẫn có thể,* dẫu vậy, *cùng nhau* tạo ra những hình tư tưởng có khả năng hành động độc lập. Điều này chỉ ra một mối nguy nhất định. Chúng ta bắt đầu hiểu phần nào mối đe dọa của tâm lý đám đông hay tâm lý quần chúng và hiệu quả tương đối của dư luận công cộng ngay cả ở cấp thấp (như đã thấy ở nước Đức Quốc Xã và gần đây hơn ở các quốc gia nằm dưới sự kềm tỏa của cuồng tín tôn giáo).

Until matter of the three higher subplanes of the astral and physical planes finds its place in the thought form, it has to be energised principally by **mob energy**.

Cho đến khi vật chất của ba cõi phụ cao hơn của cõi cảm dục và cõi hồng trần tìm được chỗ của nó trong hình tư tưởng, thì nó phải được tiếp sinh lực chủ yếu bởi **năng lượng đám đông**.

68. Yes, here is Master DK giving us a strong hint in His use of the word "mob"—a powerful and suggestive word. We understand now, from the occult perspective, the reason by demagogues can be so effective and so dangerous. They can shape the thought of the mob and use its energy to render their own thoughts effective on a mass scale.

68. Đúng vậy, ở đây Chân sư DK đang cho chúng ta một gợi ý mạnh mẽ qua việc Ngài dùng từ "đám đông"—một từ đầy sức mạnh và gợi mở. Giờ đây, từ quan điểm huyền bí, chúng ta hiểu lý do vì sao những kẻ mị dân có thể hữu hiệu đến thế và cũng nguy hiểm đến thế. Họ có thể định hình tư tưởng của đám đông và dùng năng lượng của nó để làm cho những tư tưởng riêng của họ trở nên hữu hiệu trên quy mô quần chúng.

69. We are learning that an individual can create independent thoughtforms *if* that

69. Chúng ta đang học rằng một cá nhân có thể tạo ra những hình tư tưởng độc lập *nếu*

individual can work on the higher etheric and astral subplanes.

cá nhân ấy có thể hoạt động trên các cõi phụ cao hơn của dĩ thái và cảm dục.

70. We must note, when considering the potencies to be found on these levels (etheric and astral), that the senses of smell, taste and sight are necessarily involved etherically, and the siddhis called emotional idealism, imagination and clairvoyance are involved astrally.

70. Khi xem xét các tiềm lực có thể tìm thấy trên những cấp độ này (dĩ thái và cảm dục), chúng ta phải lưu ý rằng các giác quan ngửi, nếm và thấy tất yếu có liên quan về mặt dĩ thái, còn các siddhi được gọi là chủ nghĩa duy tâm cảm xúc, sự tưởng tượng và thông nhãn thì có liên quan về mặt cảm dục.

71. What is really interesting, from the etheric perspective, is that that the capacity of the individual creator to use the fourth ether is insufficient to vitalize thoughtforms to the point of independence.

71. Điều thật sự thú vị, từ quan điểm dĩ thái, là năng lực của cá nhân sáng tạo trong việc sử dụng dĩ thái thứ tư là không đủ để tiếp sinh lực cho các hình tư tưởng đến mức độc lập.

When the higher substance begins to find its way into the form, then it can be seen acting independently**, for the individual Ego of the man concerned can begin to work through the matter—a thing before impossible**.

Khi chất liệu cao hơn bắt đầu tìm được đường đi vào hình tướng, thì khi ấy nó có thể được thấy đang hành động độc lập**, vì chân ngã cá nhân của người liên hệ có thể bắt đầu hoạt động xuyên qua chất liệu ấy—một điều trước đó là không thể**.

72. We are being told that the individual Ego can only work through thoughtforms which have matter of the three higher subplanes.

72. Chúng ta đang được cho biết rằng chân ngã cá nhân chỉ có thể hoạt động xuyên qua những hình tư tưởng có vật chất của ba cõi phụ cao hơn.

73. We are being told that *unless* the Ego can work through the thoughtforms of the individual creator, those thoughtforms *cannot* achieve independent action.

73. Chúng ta đang được cho biết rằng *trừ phi* chân ngã có thể hoạt động xuyên qua các hình tư tưởng của cá nhân sáng tạo, thì những hình tư tưởng ấy *không thể* đạt được hành động độc lập.

74. This stands to reason, as the individual Ego is found on the third and second subplanes, and, some say, the first subplane of the mental plane as well.

74. Điều này là hợp lý, vì chân ngã cá nhân được tìm thấy trên cõi phụ thứ ba và thứ hai, và theo một số người, cả cõi phụ thứ nhất của cõi trí nữa.

75. The higher three subplanes of the etheric and astral planes correspond to the higher three subplanes of the mental plane (the

75. Ba cõi phụ cao hơn của cõi dĩ thái và cõi cảm dục tương ứng với ba cõi phụ cao hơn của cõi trí (những cõi phụ mà từ đó năng

subplanes from which soul energy emanates), and thus the resonance and the ability of the Ego to be influential on these subplanes.

lượng linh hồn phát ra), và do đó có sự cộng hưởng cùng khả năng để chân ngã có ảnh hưởng trên các cõi phụ này.

The Ego cannot work freely in the personality until third subplane matter is found in his bodies; the correspondence consequently holds good.

Chân ngã không thể hoạt động tự do trong phàm ngã cho đến khi vật chất cõi phụ thứ ba được tìm thấy trong các thể của y; vì thế sự tương ứng này là đúng.

76. Yes, we understand this, do we not?

76. Đúng vậy, chúng ta hiểu điều này, phải không?

77. Still more effective work can be accomplished when second and first subplane matter is found in the vehicles and in the thoughtforms being created.

77. Công việc còn hữu hiệu hơn nữa có thể được hoàn thành khi vật chất cõi phụ thứ hai và thứ nhất được tìm thấy trong các hiện thể và trong các hình tư tưởng đang được tạo ra.

Once the thought form has been vitalised and its etheric form is completed or "sealed" as it is called, it can attain the dense physical form if desired.

Một khi hình tư tưởng đã được tiếp sinh lực và hình thể dĩ thái của nó đã hoàn tất hay được "niêm phong" như cách gọi, thì nó có thể đạt đến hình thể hồng trần đậm đặc nếu muốn.

78. So many occult hints! Here we have the *sealing* of the etheric form of the thoughtform. How is this to be done? One imagines that there are certain symbolic gestures (undertaken in the ethers) and Words of Power which can accomplish the task.

78. Biết bao gợi ý huyền bí! Ở đây chúng ta có sự *niêm phong* hình thể dĩ thái của hình tư tưởng. Điều này phải được thực hiện như thế nào? Người ta hình dung rằng có những cử chỉ biểu tượng nhất định (được thực hiện trong các cõi dĩ thái) và những Quyền năng từ có thể hoàn thành công việc ấy.

79. All this knowledge was once in our possession, but through misuse it has been withdrawn.

79. Tất cả tri thức này đã từng nằm trong sở hữu của chúng ta, nhưng do bị lạm dụng nên đã bị rút lại.

This does not mean that the individual thought forms of every man take dense substance upon the etheric, **but they will eventuate in activity upon the physical plane.**

Điều này không có nghĩa là các hình tư tưởng cá nhân của mọi người đều khoác lấy chất liệu đậm đặc trên cõi dĩ thái, **nhưng cuối cùng chúng sẽ đưa đến hoạt động trên cõi hồng trần.**

80. DK offers an important qualification for our understanding.

80. DK đưa ra một sự giới định quan trọng cho sự hiểu biết của chúng ta.

81. Some thoughtforms, we are to understand, *do* take dense substance upon the etheric subplanes.

81. Chúng ta phải hiểu rằng một số hình tư tưởng *quả thật* khoác lấy chất liệu đậm đặc trên các cõi phụ dĩ thái.

82. The agglomeration of similar thoughtforms is part of the eventual dense physical plane activity which such thoughtforms achieve.

82. Sự kết tụ của những hình tư tưởng tương tự là một phần của hoạt động cuối cùng trên cõi hồng trần đậm đặc mà những hình tư tưởng ấy đạt được.

A man, for instance, is thinking a kindly thought; he has built it up and vitalised it; it is objective to the clairvoyant and exists in etheric matter close to the man.

Chẳng hạn, một người đang nghĩ một tư tưởng tử tế; y đã xây dựng nó và tiếp sinh lực cho nó; nó khách quan đối với nhà thông nhãn và tồn tại trong vật chất dĩ thái gần bên người ấy.

83. Such a thoughtform has not yet been released, hence its actual closeness to man.

83. Một hình tư tưởng như thế vẫn chưa được phóng thích, vì vậy nó thực sự ở gần con người.

84. Notice that it takes time to build such thoughtforms.

84. Hãy lưu ý rằng cần có thời gian để xây dựng những hình tư tưởng như thế.

It will, therefore, find physical expression in an act of kindness or a physical caress. **When the act is over, the caress consummated, the interest of the man in that particular thought form fades out and it dies**.

Do đó, nó sẽ tìm được sự biểu hiện hồng trần trong một hành động tử tế hay một sự vuốt ve bằng thân thể. **Khi hành động chấm dứt, sự vuốt ve hoàn tất, thì sự quan tâm của người ấy đối với hình tư tưởng đặc biệt đó phai nhạt đi và nó chết**.

85. We find described the motivating power of thoughtforms and their outworking in particular physical plane expressions.

85. Chúng ta thấy được mô tả quyền năng thúc đẩy của các hình tư tưởng và sự biểu lộ của chúng trong những biểu hiện đặc thù trên cõi hồng trần.

86. The *expression* of a thoughtform seems to remove the motivating power from that thoughtform. The modern phrase, "Been there. Done that" illuminates the process.

86. Sự *biểu hiện* của một hình tư tưởng dường như lấy đi quyền năng thúc đẩy khỏi hình tư tưởng ấy. Cụm từ hiện đại "Đã ở đó. Đã làm điều đó." soi sáng tiến trình này.

87. As interest fades and the gaze of the eyes is removed from the thoughtform, the thoughtform dies of attrition.

87. Khi sự quan tâm phai nhạt và ánh mắt được rút khỏi hình tư tưởng, thì hình tư tưởng chết đi vì hao mòn.

88. Some thoughtforms are very strong, however, and continue to reappear and, thus, continue to be expressed in the manner described above. Eventually, however, desire for such expression will die, and an expressed thoughtform will not be re-constellated and reinvigorated by desire.

88. Tuy nhiên, một số hình tư tưởng rất mạnh và tiếp tục tái xuất hiện, và do đó tiếp tục được biểu hiện theo cách mô tả ở trên. Tuy vậy, cuối cùng dục vọng đối với sự biểu hiện như thế sẽ chết đi, và một hình tư tưởng đã được biểu hiện sẽ không còn được dục vọng tái kết tụ và tiếp thêm sinh lực nữa.

Similarly with a crime—the [Page 977] thought form has been built up and inevitably it will find its physical expression in some deed of one kind or another.

Tương tự với một tội ác—[Page 977] hình tư tưởng đã được xây dựng và tất yếu nó sẽ tìm được sự biểu hiện hồng trần của mình trong một hành vi nào đó thuộc loại này hay loại khác.

89. We have here the plotting and planning of those who nurture and harbor evil within themselves. In EP II, DK discussed this form of *brooding* anti-social behavior as particularly related to abnormal individuals upon the second, fourth or sixth rays.

89. Ở đây chúng ta thấy sự mưu tính và hoạch định của những kẻ nuôi dưỡng và chứa chấp điều ác trong chính mình. Trong EP II, DK đã bàn đến hình thức hành vi phản xã hội *ủ ấp* này như có liên hệ đặc biệt với những cá nhân bất thường thuộc cung hai, cung bốn hay cung sáu.

All activity of every kind is the result:

Mọi hoạt động thuộc mọi loại đều là kết quả:

90. DK will present the main cause of *activity.*

90. DK sẽ trình bày nguyên nhân chính của *hoạt động.*

a. Of thought forms built consciously or unconsciously.

a. Của những hình tư tưởng được xây dựng một cách hữu thức hay vô thức.

91. This is very interesting because is makes us question the activity of man *before* he was capable of much thought.

91. Điều này rất thú vị vì nó khiến chúng ta đặt câu hỏi về hoạt động của con người *trước khi* y có khả năng tư tưởng nhiều.

92. What of the activity of man before He was individualized? Surely there was

92. Còn hoạt động của con người trước khi y được biệt ngã hóa thì sao? Chắc chắn vẫn có

activity. Who then was doing the *thinking*? The same question could be asked re the activity animals.

hoạt động. Vậy khi ấy ai là kẻ đang *tư duy*? Câu hỏi tương tự cũng có thể được đặt ra đối với hoạt động của động vật.

93. Of course, there are many grades of thinkers and un-self-conscious lives are responsive to them rather than only to their own individualized center.

93. Dĩ nhiên, có nhiều cấp độ của những kẻ tư duy, và những sự sống chưa có ngã thức đáp ứng với họ chứ không chỉ với trung tâm biệt ngã hóa riêng của mình.

94. Below it will be shown that thoughtforms alone are not the cause of all activities. Lesser impulses also play their role.

94. Ở dưới sẽ cho thấy rằng chỉ riêng các hình tư tưởng không phải là nguyên nhân của mọi hoạt động. Những xung lực thấp hơn cũng đóng vai trò của chúng.

b. Of self-initiated thought forms or of the effect of the thought forms of others.

b. Của những hình tư tưởng do chính mình khởi xướng hoặc của hiệu quả từ những hình tư tưởng của người khác.

95. Here we realize that a particular form of life may respond as much to the thoughtforms of others as to its *own* thoughtforms.

95. Ở đây chúng ta nhận ra rằng một hình thức sự sống nhất định có thể đáp ứng với các hình tư tưởng của người khác cũng nhiều như với các hình tư tưởng *riêng* của nó.

96. Given the non-individualized man, response to the thoughtforms of others (of other and higher beings) is certainly possible.

96. Đối với con người chưa biệt ngã hóa, sự đáp ứng với các hình tư tưởng của người khác (của những hữu thể khác và cao hơn) chắc chắn là có thể.

97. Response to his own lower impulses also actuates activity.

97. Sự đáp ứng với các xung lực thấp hơn của chính y cũng thúc đẩy hoạt động.

c. **Of responsiveness to one's own inner impulses, or of responsiveness to the impulses of others**, and therefore to **group thought forms**.

c. **Của sự đáp ứng với những xung lực bên trong của chính mình, hoặc của sự đáp ứng với những xung lực của người khác**, và do đó với **các hình tư tưởng nhóm**.

98. Here the cause of activity no longer resides in the world of thought but in the world of impulse. Within this world we find impulses from the actor and impulses from others.

98. Ở đây nguyên nhân của hoạt động không còn nằm trong thế giới của tư tưởng mà nằm trong thế giới của xung lực. Trong thế giới này, chúng ta thấy có những xung lực từ

người hành động và những xung lực từ người khác.

99. It is clear that un-individualized man is certainly possessed of astral and etheric-physical (i.e., instinctual) *impulses*, and it is these, rather than thought, which impel him into activity.

99. Rõ ràng là con người chưa biệt ngã hóa chắc chắn có những xung lực cảm dục và dĩ thái-hồng trần (tức là bản năng) *xung lực*, và chính những xung lực này, chứ không phải tư tưởng, thúc đẩy y đi vào hoạt động.

100. DK hints at the idea that "group thought forms" are created by combining the impulses of a group. This hearkens back to the creation of independent thoughtforms through mob energy.

100. DK gợi ý ý tưởng rằng "các hình tư tưởng nhóm" được tạo ra bằng cách kết hợp các xung lực của một nhóm. Điều này gợi lại việc tạo ra các hình tư tưởng độc lập thông qua năng lượng đám đông.

101. We can summarize this little section by saying that activity is caused both by thoughtforms and by lesser impulses (from within the individual or from within a group).

101. Chúng ta có thể tóm tắt phần nhỏ này bằng cách nói rằng hoạt động được gây ra vừa bởi các hình tư tưởng vừa bởi những xung lực thấp hơn (từ bên trong cá nhân hoặc từ bên trong một nhóm).

It will be apparent, therefore, how vital is this matter,

Do đó, sẽ hiển nhiên thấy được vấn đề này thiết yếu đến mức nào,

102. We are speaking of thoughtform *vitalization* and manifestation.

102. Chúng ta đang nói về sự *tiếp sinh lực* và biểu hiện của hình tư tưởng.

103. We are speaking of the sources of those conditioning factors and impulses which drive any being (great or tiny) into action.

103. Chúng ta đang nói về các nguồn của những yếu tố tác động và những xung lực thúc đẩy bất kỳ hữu thể nào (lớn hay nhỏ) đi vào hoạt động.

and how influenced men and women are by the thought forms they themselves create, or the mental children of other men.

và những người nam và nữ bị ảnh hưởng biết bao bởi các hình tư tưởng do chính họ tạo ra, hay những đứa con trí tuệ của những người khác.

104. We hear the note of responsibility sounding. Day in and out, night after night, we create thoughtforms and desire forms—mostly *unconsciously.* This condition must

104. Chúng ta nghe thấy âm điệu của trách nhiệm đang vang lên. Ngày này qua ngày khác, đêm này qua đêm khác, chúng ta tạo ra các hình tư tưởng và hình dục vọng—phần lớn là *vô thức.* Tình trạng này phải được sửa

be rectified if we are to become true white magicians.

105. We are being told that it is not only what we *do* that counts for good or ill, but what we *desire* and most of all, what we *think*—for thinking is the seed of all that transpires on the two lower planes. This is especially true of disciples.

106. We are being encouraged to take responsibility for our creative life and realize that the whole matter of creation of far more subtle than we may have thought.

107. The life of the occultist becomes ever more subtle and his responsibility exists on levels which others believe non-existent.

108. Great caution is demanded of us. Our creations determine our karma and that, collectively, that of the human race.

chữa nếu chúng ta muốn trở thành những nhà huyền thuật chánh đạo chân chính.

105. Chúng ta đang được bảo rằng không chỉ điều chúng ta *làm* mới tạo nên thiện hay ác, mà còn điều chúng ta *ham muốn* và trên hết là điều chúng ta *nghĩ*—vì tư tưởng là hạt giống của mọi điều diễn ra trên hai cõi thấp. Điều này đặc biệt đúng đối với các đệ tử.

106. Chúng ta đang được khuyến khích nhận trách nhiệm về đời sống sáng tạo của mình và nhận ra rằng toàn bộ vấn đề sáng tạo tinh tế hơn rất nhiều so với điều chúng ta có thể đã nghĩ.

107. Đời sống của nhà huyền bí học ngày càng trở nên tinh tế hơn và trách nhiệm của y tồn tại trên những cấp độ mà người khác cho là không hiện hữu.

108. Chúng ta được đòi hỏi phải hết sức thận trọng. Những sáng tạo của chúng ta quyết định nghiệp quả của chúng ta và, một cách tập thể, cả nghiệp quả của nhân loại.

S8S5 Part I

TCF 978-982

13 – 28 December 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of

TCF 977-982

13 – 28 tháng Mười Hai 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên

continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

c. The occult significance of speech. The old Scripture saith: "In the multitude of words there wanteth not sin,"[90] [Bible. Prov. 10:19]

c. Ý nghĩa huyền bí của lời nói. Thánh thư xưa nói rằng: "Trong nhiều lời nói, tội lỗi chẳng thiếu,"90 [Bible. Prov. 10:19]

1. One is reminded of the rather amusing saying reputedly by Bertrand Russell, "A big book is a big evil", yet it may be a far more ancient saying.

1. Người ta nhớ đến câu nói khá khôi hài được cho là của Bertrand Russell, "Một quyển sách lớn là một điều ác lớn", tuy nhiên đó có thể là một câu nói còn cổ xưa hơn nhiều.

because in a tide of words at this stage of man's evolution, many are spoken **purposelessly** or from motives which (when analysed) will be found to be **based purely in the personality**.

bởi vì trong một dòng thác lời nói ở giai đoạn này của tiến hoá nhân loại, nhiều lời được nói ra **không mục đích** hoặc từ những động cơ mà (khi được phân tích) sẽ thấy là **hoàn toàn dựa trên phàm ngã**.

2. The problem lies not with speech but in the manner in the content of speech.

2. Vấn đề không nằm ở lời nói mà ở cách thức và nội dung của lời nói.

3. Sin is of the personality (the 666, the three levels of form, each a 6) Sin is to be found in the natural tendencies of the lunar vehicles when not guided by the Ego.

3. Tội lỗi thuộc về phàm ngã (con số 666, ba cấp độ của hình tướng, mỗi cấp là một số 6). Tội lỗi được tìm thấy trong những khuynh hướng tự nhiên của các hiện thể nguyệt tinh khi không được chân ngã hướng dẫn.

The greater the progress that is made along the path of approach to the Mysteries, **the greater the care that must be taken by the aspirant.**

Tiến bộ đạt được trên con đường tiếp cận các Mầu Nhiệm càng lớn bao nhiêu, thì **người chí nguyện càng phải thận trọng bấy nhiêu.**

4. As the aspirant becomes a more powerful thinker, the aspirant's speech (if spoken in a manner unmotivated by soul consciousness) will have more power to harm.

4. Khi người chí nguyện trở thành một kẻ tư duy mạnh mẽ hơn, thì lời nói của y (nếu được nói ra theo cách không được thúc đẩy bởi tâm thức linh hồn) sẽ có nhiều quyền năng gây hại hơn.

This is necessary for three reasons:

First, owing to his stage in evolution, **he is able to enforce his words in a manner which would surprise him could he but see on the mental plane.**

5. Enforcement is found—the powers of Mars and Saturn. The aspirant has greater will than has the average man, and this will goes into his words.

He builds **more accurately** than the average men, his subsequent thought-form is **more strongly vitalised**, and it performs the function whereon it is sent by the "Sound" or speech with greater precision.

6. Greater force, greater vitality, greater accuracy, greater precision—all these can be of value, but if the speech is strictly personal in nature it will become a strong obstacle to the achievement of spiritual objectives.

Second, any word spoken and consequent thought-form built

7. A spoken word is a thoughtform which has been *built.*

(unless along the higher path and not based on personality impulses) is **apt to cause a barrier of mental matter between a man and his goal**.

8. Thoughtforms rendered into word can become barriers as well as instruments of assistance.

Điều này là cần thiết vì ba lý do:

Thứ nhất, do giai đoạn tiến hoá của mình, **y có thể áp đặt lời nói của mình theo một cách mà nếu có thể thấy trên cõi trí thì chính y cũng sẽ ngạc nhiên.**

5. Sự áp đặt được tìm thấy ở đó—các quyền năng của Sao Hỏa và Sao Thổ. Người chí nguyện có ý chí lớn hơn người bình thường, và ý chí này đi vào lời nói của y.

Y xây dựng **chính xác hơn** người bình thường, hình tư tưởng tiếp theo của y được **tiếp sinh lực mạnh hơn**, và nó thực hiện chức năng mà nó được gửi đến nhờ "Âm Thanh" hay lời nói với độ chính xác lớn hơn.

6. Mãnh lực lớn hơn, sinh lực lớn hơn, độ chính xác lớn hơn, sự chuẩn xác lớn hơn—tất cả những điều này đều có giá trị, nhưng nếu lời nói mang bản chất hoàn toàn cá nhân thì nó sẽ trở thành một chướng ngại mạnh mẽ đối với việc đạt được các mục tiêu tinh thần.

Thứ hai, bất kỳ lời nào được nói ra và hình tư tưởng hệ quả được xây dựng

7. Một lời nói ra là một hình tư tưởng đã được *xây dựng.*

(trừ phi thuộc con đường cao hơn và không dựa trên các xung lực của phàm ngã) đều **có khuynh hướng gây ra một bức tường bằng vật chất trí tuệ giữa con người và mục tiêu của y**.

8. Những hình tư tưởng được chuyển thành lời nói có thể trở thành những bức tường ngăn cách cũng như những công cụ trợ giúp.

9. We are reminded of what DK as said about "the idle thought, the selfish thought, the cruel, hateful thought" when "rendered into word":

14. The idle thought, the selfish thought, the cruel hateful thought if rendered into word produce a prison, poison all the springs of life, lead to disease, and cause disaster and delay. Therefore, be sweet and kind and good as far as in thee lies. Keep silence and the light will enter in. (TWM 474)

10. These barriers are subtle but effective in preventing access to spiritual energy and realization.

This matter or separating wall has to be dissipated before further [Page 978] advance can be made, and this process is karmic and unavoidable.

11. Saturn, the primary planet of karma, represents barriers, obstructions, separating walls. If for instance a country builds without justification an actual wall on borders with another country, the country building the wall will have to tear it down before further development between the two countries is possible. We have seen this with the "Berlin Wall" and can imagine it will be so with new walls which are presently being built.

Third, speech is very largely **a mode of communication on the physical levels**; on the subtler levels whereon the worker stands, and **in his communications with his fellow workers and chosen co-**

9. Chúng ta được nhắc nhớ điều DK đã nói về "tư tưởng nhàn rỗi, tư tưởng ích kỷ, tư tưởng tàn nhẫn, đầy hận thù" khi chúng được "chuyển thành lời nói":

14. Tư tưởng nhàn rỗi, tư tưởng ích kỷ, tư tưởng tàn nhẫn đầy hận thù nếu được chuyển thành lời nói sẽ tạo ra một nhà tù, đầu độc mọi nguồn suối của sự sống, dẫn đến bệnh tật, và gây nên tai họa cùng trì hoãn. Vì vậy, hãy dịu dàng, tử tế và tốt lành trong mức ngươi có thể. Hãy giữ im lặng và ánh sáng sẽ đi vào. (TWM 474)

10. Những bức tường ngăn cách này tuy vi tế nhưng hữu hiệu trong việc ngăn cản sự tiếp cận năng lượng tinh thần và sự chứng nghiệm.

Chất liệu này hay bức tường ngăn cách phải được làm tiêu tan trước khi có thể tiến xa hơn [Page 978], và tiến trình này là nghiệp quả và không thể tránh khỏi.

11. Sao Thổ, hành tinh chủ yếu của nghiệp quả, tượng trưng cho những rào cản, chướng ngại, những bức tường ngăn cách. Chẳng hạn, nếu một quốc gia xây dựng không chính đáng một bức tường thực sự trên biên giới với một quốc gia khác, thì quốc gia xây bức tường ấy sẽ phải phá bỏ nó trước khi sự phát triển xa hơn giữa hai quốc gia có thể xảy ra. Chúng ta đã thấy điều này với "Bức tường Berlin" và có thể hình dung rằng cũng sẽ như vậy với những bức tường mới hiện đang được xây dựng.

Thứ ba, lời nói phần lớn là **một phương thức giao tiếp trên các cấp độ hồng trần**; trên những cấp độ vi tế hơn nơi người hoạt động đứng, và **trong sự giao tiếp của y với các bạn đồng sự và những người cộng tác được chọn, nó sẽ đóng vai trò ngày càng ít hơn**.

operators it will play an ever lessening part.

12. DK is predicting the future of the factor of speech, especially between spiritual co-workers.

12. DK đang tiên đoán tương lai của yếu tố lời nói, đặc biệt giữa những người cộng tác tinh thần.

13. Speech, per se, will be transcended, just a the third aspect of divinity is transcended by the second.

13. Chính lời nói sẽ bị vượt qua, cũng như phương diện thứ ba của thiên tính bị vượt qua bởi phương diện thứ hai.

Intuitive perception and telepathic interplay will distinguish the intercourse between aspirants and disciples, and when this is coupled with a **full trust, sympathy and united effort for the plan** we will have a formation wherewith the Master can work, and through which He can pour His force.

Linh thị trực giác và sự tương tác viễn cảm sẽ phân biệt sự giao tiếp giữa những người chí nguyện và các đệ tử, và khi điều này được kết hợp với **sự tín nhiệm trọn vẹn, sự cảm thông và nỗ lực hợp nhất vì Thiên Cơ** thì chúng ta sẽ có một sự hình thành mà Chân sư có thể làm việc với nó, và xuyên qua đó Ngài có thể tuôn đổ mãnh lực của Ngài.

14. It becomes necessary to ensure that the results speech do not prevent the Master from pouring His force into the spiritual work undertaken.

14. Cần phải bảo đảm rằng các kết quả của lời nói không ngăn cản Chân sư tuôn đổ mãnh lực của Ngài vào công việc tinh thần đang được thực hiện.

15. Let us tabulate that which should increasingly characterize intercourse between aspirants and disciples and the atmosphere in which their relations occur:

15. Chúng ta hãy lập bảng những điều ngày càng nên đặc trưng cho sự giao tiếp giữa những người chí nguyện và các đệ tử, cũng như bầu khí quyển trong đó các mối quan hệ của họ diễn ra:

a. Intuitive perception

a. Linh thị trực giác

b. Telepathic interplay

b. Sự tương tác viễn cảm

c. Full trust

c. Sự tín nhiệm trọn vẹn

d. Sympathy

d. Sự cảm thông

e. United effort

e. Nỗ lực hợp nhất

16. It is obvious that too great a tide of speech can obstruct the development of intuitive perception and telepathic interplay.

16. Hiển nhiên là một dòng thác lời nói quá lớn có thể cản trở sự phát triển của linh thị trực giác và sự tương tác viễn cảm.

17. Speech relates to the third aspect of divinity and it is principally the second aspect which is being cultivated in relations between aspirants and disciples.

17. Lời nói liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính, và chính phương diện thứ hai là điều đang được vun bồi chủ yếu trong các mối quan hệ giữa những người chí nguyện và các đệ tử.

18. If intuitive perception and telepathic interplay are in process of realization, the level of understanding is becoming increasingly representative of the third initiation. The concrete mind is being transcended.

18. Nếu linh thị trực giác và sự tương tác viễn cảm đang trong tiến trình được chứng nghiệm, thì cấp độ thấu hiểu đang ngày càng đại diện cho lần điểm đạo thứ ba. Trí cụ thể đang bị vượt qua.

The Master works through groups (large or small) and **the work is facilitated for Them if the interplay between units of the group is steady and uninterrupted**. **One of the most frequent causes of difficulty in group work and consequent arrest of the inflow of force from the Master temporarily is based on misuse of speech. It brings about a clogging of the channel for the time being on the mental plane.**

Chân sư làm việc thông qua các nhóm (lớn hay nhỏ) và **công việc được tạo thuận lợi cho Các Ngài nếu sự tương tác giữa các đơn vị của nhóm là vững vàng và không gián đoạn**. **Một trong những nguyên nhân thường gặp nhất của khó khăn trong công việc nhóm và do đó sự ngưng trệ tạm thời của dòng mãnh lực từ Chân sư, là dựa trên việc lạm dụng lời nói. Nó gây ra sự tắc nghẽn của kênh trong một thời gian trên cõi trí.**

19. These are arresting thoughts. During these days when the internet is so conveniently available, many aspirants and disciples communicate through a torrent of words. We are, however, being warned about the clogging effect of too much speech. It can prevent the assistance of the Master from reaching the groups He has under cultivation and, additionally, prevent steady, uninterrupted interplay between the members of a group.

19. Đây là những ý nghĩ đáng chú ý. Trong những ngày này, khi internet sẵn có một cách thuận tiện, nhiều người chí nguyện và đệ tử giao tiếp qua một dòng thác lời nói. Tuy nhiên, chúng ta đang được cảnh báo về tác dụng gây tắc nghẽn của quá nhiều lời nói. Nó có thể ngăn cản sự trợ giúp của Chân sư đến được các nhóm mà Ngài đang vun bồi và, thêm vào đó, ngăn cản sự tương tác vững vàng, không gián đoạn giữa các thành viên của một nhóm.

I mention these three factors for this question of group work is of vital

Tôi đề cập đến ba yếu tố này vì vấn đề công việc nhóm có tầm quan trọng thiết yếu và

importance and much is hoped from it in these days.

rất nhiều hy vọng đang được đặt vào đó trong những ngày này.

20. We have been given three convincing reasons why aspirants and disciples must be watchful concerning the nature of their speech.

20. Chúng ta đã được trao cho ba lý do đầy sức thuyết phục vì sao những người chí nguyện và các đệ tử phải cảnh giác đối với bản chất của lời nói của mình.

21. From the point of view of group dynamics, the group process and the Master's intended assistance to the group must not be interrupted by the unwise and excessive use of speech.

21. Xét từ quan điểm động lực nhóm, tiến trình nhóm và sự trợ giúp mà Chân sư dự định dành cho nhóm không được bị gián đoạn bởi việc sử dụng lời nói thiếu khôn ngoan và quá mức.

If in any organisation on the physical plane the Masters **can get a nucleus of even three people who mutually interact** (I choose the word deliberately) and who **disinterestedly follow the path of service**, They can produce more definite results in a shorter space of time than is possible with a large and active body of people who may be sincere and earnest but do not know the meaning of trust in, and co-operation with each other and who guard not the gate of speech.

Nếu trong bất kỳ tổ chức nào trên cõi hồng trần, các Chân sư **có thể có được một hạt nhân chỉ gồm ba người biết tương tác lẫn nhau** (tôi cố ý chọn từ này) và những người ấy **vô tư bước theo con đường phụng sự**, thì Các Ngài có thể tạo ra những kết quả xác định hơn trong một khoảng thời gian ngắn hơn so với điều có thể thực hiện được với một tập thể đông đảo và năng động gồm những người có thể chân thành và nhiệt thành nhưng không biết ý nghĩa của sự tin cậy lẫn nhau và sự hợp tác với nhau, và không canh giữ cánh cổng của lời nói.

22. There can be no passivity or imbalance between these three. It is the responsibility of the three (or more) to interact each with each, and each with all. The factor of personality is also reduced through the disinterested following of service. The purpose of the interaction has only service as its objective.

22. Không thể có sự thụ động hay mất quân bình giữa ba người này. Trách nhiệm của ba người ấy (hay nhiều hơn) là tương tác từng người với từng người, và từng người với tất cả. Yếu tố phàm ngã cũng được giảm thiểu nhờ việc vô tư bước theo sự phụng sự. Mục đích của sự tương tác chỉ lấy phụng sự làm cứu cánh.

23. Members of the Hierarchy work through 'creative minorities'. Work with crowds does not interest Them.

23. Các thành viên của Thánh Đoàn hoạt động thông qua "những thiểu số sáng tạo". Làm việc với đám đông không khiến Các Ngài quan tâm.

24. DK is warning against the futility of sincere and earnest groupings of those who do trust in and cooperate with each other and who do not "guard the gate of speech".

24. Chân sư DK đang cảnh báo về tính vô ích của những nhóm chân thành và nhiệt thành gồm những người không tin cậy và hợp tác với nhau, và không "canh giữ cánh cổng của lời nói".

25. A we survey the nature of most group work today, we are given much to ponder.

25. Khi khảo sát bản chất của phần lớn công việc nhóm ngày nay, chúng ta được trao cho nhiều điều đáng suy ngẫm.

If a man succeeds in understanding the significance of speech, if he learns **how** to speak, **when** to speak, **what is gained** by speech, and **what happens** when he speaks, he is well on the way to achieving his goal. **The person [Page 979] who regulates his speech rightly is the person who is going to make the most progress. This has ever been realised by all leaders of occult movements.**

Nếu một người thành công trong việc hiểu thâm nghĩa của lời nói, nếu y học được **cách** nói, **khi nào** nên nói, **điều gì đạt được** nhờ lời nói, và **điều gì xảy ra** khi y nói, thì y đã đi rất xa trên con đường đạt đến mục tiêu của mình. **Người [Page 979] điều chỉnh lời nói của mình một cách đúng đắn là người sẽ tiến bộ nhiều nhất. Điều này từ lâu vẫn được chứng nghiệm bởi mọi nhà lãnh đạo của các phong trào huyền bí học.**

26. The goal of all speech is effective service.

26. Mục tiêu của mọi lời nói là sự phụng sự hữu hiệu.

27. Since what is said here is so important, let us tabulate for emphasis:

27. Vì điều được nói ra ở đây quan trọng đến thế, chúng ta hãy liệt kê thành bảng để nhấn mạnh:

a. One must understand the *significance* of speech

a. Người ta phải hiểu *thâm nghĩa* của lời nói

b. One must learn *how* to speak

b. Người ta phải học *cách* nói

c. One must learn *when* to speak

c. Người ta phải học *khi nào* nên nói

d. One must learn *what is gained* and to be gained by speech

d. Người ta phải học *điều gì đạt được* và có thể đạt được nhờ lời nói

e. One must learn *what happens* when he speaks

e. Người ta phải học *điều gì xảy ra* khi y nói

f. One must, in short, *regulate* his speech

That most occult order of Pythagoras at Crotona,

28. Within this order, it is said the Master DK had an authoritative position.

29. Perhaps this was one of His two "European incarnations" (DINA II 473)

30. Master DK is said to have been Pythagoras' favorite pupil, "Kleinias".

and many other of the esoteric schools in Europe and Asia had a rule that **all neophytes and probationers were not permitted to speak for two years after entering the school and when they had learned to keep silence for that period,** they were given the **right** to speak, for they had learned a specific reticence.

31. Some might consider this a hard way to learn reticence in speech, but apparently it proved effective.

32. If such an apparently strict discipline could not have been upheld, it would have been impossible to successfully subject oneself to the still the more demanding disciplines of true Schools of the Mysteries.

33. The Mystery Schools are now in process of reemerging. In this respect, we should think of the value of reticence and silence if we wish to participate in them.

f. Tóm lại, người ta phải *điều chỉnh* lời nói của mình

Dòng huyền môn nhất của Pythagoras tại Crotona ấy,

28. Người ta nói rằng trong dòng này, Chân sư DK giữ một vị trí có thẩm quyền.

29. Có lẽ đây là một trong hai "lần lâm phàm tại châu Âu" của Ngài (DINA II 473)

30. Người ta nói Chân sư DK là môn sinh được Pythagoras yêu quý nhất, "Kleinias".

và nhiều trường phái bí truyền khác ở châu Âu và châu Á có một quy luật rằng **mọi người sơ cơ và những người trên Con Đường Dự Bị đều không được phép nói trong hai năm sau khi vào trường, và khi họ đã học được cách giữ im lặng trong suốt thời kỳ ấy,** họ được ban cho **quyền** nói, vì họ đã học được một sự kín tiếng đặc thù.

31. Một số người có thể xem đây là một cách khắc nghiệt để học sự kín tiếng trong lời nói, nhưng rõ ràng nó đã chứng tỏ là hữu hiệu.

32. Nếu một kỷ luật có vẻ nghiêm khắc như thế không thể được duy trì, thì sẽ không thể nào tự đặt mình thành công dưới những kỷ luật còn đòi hỏi hơn nữa của các Trường Huyền Bí chân chính.s.

33. Các Trường Huyền Bí hiện đang trong tiến trình tái xuất hiện. Về phương diện này, chúng ta nên suy nghĩ về giá trị của sự kín tiếng và im lặng nếu muốn tham dự vào đó.

Điều này có thể có giá trị ở đây nếu các đạo sinh chứng nghiệm rằng mọi diễn giả giỏi

It might be of value here if students realised that every good speaker is doing a most occult work.

đều đang thực hiện một công việc huyền bí học sâu xa.

34. Perhaps the value of esoteric conferences is justified!

34. Có lẽ giá trị của các hội nghị bí truyền là điều có thể được biện minh!

A good lecturer (for instance) is one who is doing work that is analogous on a small scale to that done by the solar Logos. What did He do? He thought, He built, He vitalised.

Một diễn giả giỏi (chẳng hạn) là người đang làm một công việc tương tự ở quy mô nhỏ với công việc do Thái dương Thượng đế thực hiện. Ngài đã làm gì? Ngài suy tưởng, Ngài kiến tạo, Ngài tiếp sinh lực.

35. Obviously meditative thought must precede gathering, building and vitalization.

35. Hiển nhiên tư tưởng tham thiền phải đi trước việc thu thập, kiến tạo và tiếp sinh lực.

A lecturer, therefore, **segregates the material** with which he is going to build his lecture and which he is going to vitalise.

Vì vậy, một diễn giả **phân loại chất liệu** mà ông sẽ dùng để xây dựng bài giảng của mình và sẽ tiếp sinh lực cho nó.

36. This is a phase of gathering.

36. Đây là một giai đoạn của sự thu thập.

37. The note or tone of the thought which he intends to convey will determine the material to be gathered.

37. Âm điệu hay cung bậc của tư tưởng mà ông định truyền đạt sẽ quyết định chất liệu cần được thu thập.

Out of all the thought matter of the world **he gathers together the substance which he individually seeks to use**.

Từ toàn bộ vật chất tư tưởng của thế giới, **ông gom lại chất liệu mà cá nhân ông tìm cách sử dụng**.

38. This initial work is apparently analogous to the process undertaken by the Third Logos.

38. Công việc khởi đầu này dường như tương tự với tiến trình do Thượng đế thứ ba đảm nhiệm.

39. We have learned elsewhere of the accumulative faculty of the third aspect.

39. Ở nơi khác, chúng ta đã học về năng lực tích lũy của phương diện thứ ba.

In these "Rays of Aspect" or of divine expression, if so I may call them, the shattering is brought about by the widening of the channel, due to the driving power of will in the first case; by the expansion of the

Trong các "Các Cung Trạng Thái" hay các cung của sự biểu lộ thiêng liêng, nếu tôi có thể gọi như vậy, sự phá vỡ được tạo ra bởi sự mở rộng của kênh dẫn, do quyền năng thúc đẩy của ý chí trong trường hợp thứ nhất; bởi

lower auric egg, the causal body, in the second case, due to the inclusiveness of the synthetic Ray of Love and Wisdom; and by the breaking of the periphery of the causal body in the third case, **due to the accumulative faculty** and systematic absorption of the Adaptability Ray. (LOM 16)

sự mở rộng của noãn hào quang thấp hơn, tức thể nguyên nhân, trong trường hợp thứ hai, do tính bao gồm của Cung tổng hợp Bác Ái – Minh Triết; và bởi sự phá vỡ chu vi của thể nguyên nhân trong trường hợp thứ ba, **do năng lực tích lũy** và sự hấp thụ có hệ thống của Cung Thích Ứng. (LOM 16)

Next he copies the work of the second Logos in wisely building it into form. He constructs the form, and then when it is constructed,

Tiếp theo ông sao chép công việc của Thượng đế thứ hai bằng cách khôn ngoan xây dựng nó thành hình tướng. Ông kiến tạo hình tướng, và rồi khi nó đã được kiến tạo,

40. The second aspect of divinity is the *form-building* aspect.

40. Phương diện thứ hai của thiên tính là phương diện *kiến tạo hình tướng*.

he finishes up by playing the part of the first Person of the Trinity putting his Spirit, vitality and force into it so that it is a vibrant, living manifestation.

ông hoàn tất bằng cách đóng vai Ngôi thứ nhất của Tam Vị, đặt tinh thần, sinh lực và mãnh lực của mình vào đó để nó trở thành một biểu hiện sống động, rung động.

41. The first aspect of divinity is particularly associated with *life* and *vitality.*

41. Phương diện thứ nhất của thiên tính đặc biệt gắn liền với *sự sống* và *sinh lực.*

42. The use of the energies of the "first person of the Trinity" ensures that the lecture will have impact, 'punch', that it will *make the necessary impression.*

42. Việc sử dụng các năng lượng của "ngôi thứ nhất của Tam Vị" bảo đảm rằng bài giảng sẽ có tác động, có "sức đánh", rằng nó sẽ *tạo nên ấn tượng cần thiết.*

When a lecturer or speaker of any kind can accomplish that, **he can always hold his audience** and his audience will always learn from him; they will recognise that which the thought form is intended to convey.

Khi một diễn giả hay người nói thuộc bất kỳ loại nào có thể làm được điều đó, **ông luôn có thể giữ được thính giả của mình** và thính giả của ông sẽ luôn học hỏi từ ông; họ sẽ nhận ra điều mà hình tư tưởng ấy được dự định truyền đạt.

43. The power to *hold* is specifically related to the first ray, but unless the work of the second and third aspects support the first ray 'delivery', full effectiveness will be lacking.

43. Năng lực *giữ* đặc biệt liên hệ với cung một, nhưng trừ phi công việc của các phương diện thứ hai và thứ ba nâng đỡ sự "truyền đạt" của cung một, thì hiệu quả trọn vẹn sẽ thiếu vắng.

44. We see that Master DK is dealing with very practical matters.

In everyday life when the student speaks, he is doing just the same thing, only the trouble frequently arises that in his speech **he constructs something that is usually not worth while** and **vitalises it with the wrong kind of energy**, so that the form, instead of being a constructive, vital, helpful force, is a destructive one in the world.

45. DK points specifically to the kind of errors often made when students speak:

a. The construction has no real value

b. It is vitalized by the wrong kind of energy.

46. We may assume that the wrong kind of material has been gathered—i.e., that it is unsuitable to express that which the gatherer intends; that perhaps what has been gathered has been poorly built; and that emotional energy has been used to vitalize speech rather than higher energies of heart and will.

47. DK warns us against rendering idle thoughts into speech. Such thoughts, he says, "will each produce effect".

If we study the various **cosmologies** of the world, we shall [Page 980] see that the process of creation was carried on by the means of sound or speech or the Word.

44. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đang bàn đến những vấn đề rất thực tiễn.

Trong đời sống hằng ngày, khi đạo sinh nói, y cũng đang làm đúng điều ấy, chỉ có điều rắc rối thường phát sinh là trong lời nói của mình, y **xây dựng một điều thường không đáng giá** và **tiếp sinh lực cho nó bằng loại năng lượng sai lầm**, đến nỗi hình tướng ấy, thay vì là một mãnh lực xây dựng, sống động và hữu ích, lại trở thành một mãnh lực phá hoại trong thế giới.

45. DK đặc biệt chỉ ra loại sai lầm thường được các đạo sinh phạm phải khi nói:

a. Sự kiến tạo không có giá trị thực sự

b. Nó được tiếp sinh lực bằng loại năng lượng sai lầm.

46. Chúng ta có thể giả định rằng loại chất liệu sai lầm đã được thu thập—nghĩa là, nó không thích hợp để biểu đạt điều mà người thu thập dự định; rằng có lẽ điều đã được thu thập đã được xây dựng một cách tồi tệ; và rằng năng lượng cảm xúc đã được dùng để tiếp sinh lực cho lời nói thay vì các năng lượng cao hơn của tim và ý chí.

47. DK cảnh báo chúng ta đừng biến những tư tưởng vô ích thành lời nói. Theo Ngài, những tư tưởng ấy "mỗi cái đều sẽ tạo ra hiệu quả".

Nếu chúng ta nghiên cứu các **vũ trụ luận** khác nhau của thế giới, chúng ta sẽ [Page 980] thấy rằng tiến trình sáng tạo đã được thực hiện bằng âm thanh hay lời nói hay Linh từ.

48. All three aspects of divinity are involved in this process:

48. Cả ba phương diện của thiên tính đều dự phần vào tiến trình này:

a. The throat center is related to the third aspect of divinity

a. Trung tâm cổ họng liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính

b. The formative value of the Word is related to the second ray

b. Giá trị tạo hình của Linh từ liên hệ với cung hai

c. The factor of *enunciation* is related to the first ray.

c. Yếu tố *phát ngôn* liên hệ với cung một.

Some of the Masters of the Wisdom and Their groups of disciples are actively engaged at this time in an endeavor to **impose** certain basic and needed ideas upon the races of men, and much of **Their work is being prepared for by a group of Destroying Disciples, and also by a group of Enunciating Disciples, for these two types of work carry forward their task as a unit.** The idea to be dominant in the future is proclaimed in writing and by the voice, by one Group. The Group of Destroyers takes it up, and proceed to break up the old forms of truth so as to make room and way for the new emerging idea. (EP II 141)

Một số Chân sư của Minh Triết và các nhóm đệ tử của Các Ngài hiện đang tích cực dấn thân vào một nỗ lực nhằm **áp đặt** một số ý tưởng căn bản và cần thiết lên các nhân loại của loài người, và phần lớn **công việc của Các Ngài đang được chuẩn bị bởi một nhóm Đệ tử Hủy Diệt, và cũng bởi một nhóm Đệ tử Phát Ngôn, vì hai loại công việc này xúc tiến nhiệm vụ của mình như một đơn vị.** Ý tưởng sẽ chi phối trong tương lai được một Nhóm công bố bằng văn bản và bằng tiếng nói. Nhóm Hủy Diệt tiếp nhận nó, rồi tiến hành phá vỡ các hình tướng cũ của chân lý để dọn chỗ và mở đường cho ý tưởng mới đang xuất hiện. (EP II 141)

We have it in the Christian Bible, "In the beginning was the Word, and the Word was God. All things were made by Him and without Him was not anything made that was made."[91] [Bible. John X] Thus, according to the Christian teaching, **the worlds were made by the Word of God**.

Chúng ta có điều này trong Kinh Thánh Cơ Đốc giáo: "Ban đầu có Linh từ, và Linh từ là Thượng đế. Muôn vật được tạo thành bởi Ngài, và không có Ngài thì chẳng vật gì được tạo thành mà đã được tạo thành."91 [Bible. John X] Như vậy, theo giáo huấn Cơ Đốc giáo, **các thế giới đã được tạo thành bởi Linh từ của Thượng đế**.

49. We have here a description of the initiatory, creatively impulsive power of the Word, and of sound in general.

49. Ở đây chúng ta có một mô tả về quyền năng điểm đạo, xung lực sáng tạo của Linh từ, và của âm thanh nói chung.

50. Every word we utter inaugurates a form. By speaking, we are ever in process of creating.

50. Mỗi lời chúng ta thốt ra đều khởi tạo một hình tướng. Bằng việc nói, chúng ta luôn luôn ở trong tiến trình sáng tạo.

In the Hindu Scriptures we will find that the Lord Vishnu, Who stands for the second Person of the Trinity, **is called "The Voice." He is the great Singer Who has built the worlds and the universe by His song.**

Trong Kinh điển Ấn giáo, chúng ta sẽ thấy rằng Chúa Vishnu, Đấng tượng trưng cho Ngôi thứ hai của Tam Vị, **được gọi là "Tiếng Nói". Ngài là Đấng Ca Hát vĩ đại đã xây dựng các thế giới và vũ trụ bằng bài ca của Ngài.**

51. Song comes through the throat center (ruled by the third aspect of divinity) and yet it involves the unifying energy of the heart.

51. Bài ca phát ra qua trung tâm cổ họng (được cai quản bởi phương diện thứ ba của thiên tính), nhưng đồng thời nó bao hàm năng lượng hợp nhất của tim.

52. Among the Rays of Aspect, it is specifically the second ray which rules the creation of music.

52. Trong Các Cung Trạng Thái, chính cung hai là cung đặc biệt cai quản sự sáng tạo âm nhạc.

53. To speak and create a world of thought is one thing. To *sing* a world into existence is a still higher act.

53. Nói và tạo ra một thế giới tư tưởng là một chuyện. *Hát* một thế giới vào hiện hữu còn là một hành vi cao hơn nữa.

54. Various mythologies describe this 'singing the world into existence'.

54. Nhiều thần thoại khác nhau mô tả việc "hát thế giới vào hiện hữu" này.

He is the Revealer of the thought of God Who has constructed the universe of solar systems.

Ngài là Đấng Mặc Khải tư tưởng của Thượng đế, Đấng đã kiến tạo vũ trụ của các hệ mặt trời.

55. The Musical Voice of Vishnu reveals Divine Ideation.

55. Tiếng Nói Âm Nhạc của Vishnu mặc khải Ý Tưởng thiêng liêng.

56. The manifested construction of the universe of solar systems is first constructed in the realm of thought.

56. Sự kiến tạo biểu hiện của vũ trụ các hệ mặt trời trước hết được xây dựng trong cõi tư tưởng.

57. *A Treatise on Cosmic Fire* was written before it was widely understood that the universe consisted of countless galaxies.

57. *Luận về Lửa Vũ Trụ* được viết trước khi người ta hiểu rộng rãi rằng vũ trụ gồm vô số thiên hà.

58. From a specific point of view, our galaxy of solar systems may, at that time, have been considered "the universe".

58. Từ một quan điểm nhất định, thiên hà của chúng ta gồm các hệ mặt trời có thể vào thời điểm ấy đã được xem là "vũ trụ".

Just as the Christian speaks about **the great Word**, the Word of God, the Christ, so the Hindu speaks of Vishnu, the **great Singer**, creating by means of His song.

Cũng như người Cơ Đốc giáo nói về **Linh từ vĩ đại**, Linh từ của Thượng đế, Đức Christ, thì người Ấn giáo nói về Vishnu, **Đấng Ca Hát vĩ đại**, sáng tạo bằng bài ca của Ngài.

59. Vishnu and the Christ are both representatives of the great Second Ray.

59. Vishnu và Đức Christ đều là những vị đại diện của cung hai vĩ đại.

60. The tradition which describes the worlds being *sung* into existence is not usually found in the West (though there is something of this approach in the creation myth of Finland. Essentially, the Hindu Tradition is a more beautiful tradition than is normally conceived by conventional Christian or Jewish thinkers.

60. Truyền thống mô tả các thế giới được *hát* vào hiện hữu thường không được tìm thấy ở phương Tây (dù có phần nào đó của cách tiếp cận này trong huyền thoại sáng tạo của Phần Lan). Về bản chất, Truyền thống Ấn giáo là một truyền thống đẹp đẽ hơn điều thường được các nhà tư tưởng Cơ Đốc giáo hay Do Thái giáo quy ước hình dung.

In physical plane manifestation, we are known by our speech; we are known by our reticence, by the things we say, and by the things we leave unsaid and are judged by the quality of our conversation.

Trong biểu hiện cõi hồng trần, chúng ta được biết đến qua lời nói của mình; chúng ta được biết đến qua sự kín tiếng của mình, qua những điều mình nói, và qua những điều mình không nói ra, và được phán xét bởi phẩm tính của cuộc trò chuyện của mình.

61. Here we have an important idea. We are known not only by what we *say*, but also by things we *do not say*.

61. Ở đây chúng ta có một ý tưởng quan trọng. Chúng ta được biết đến không chỉ bởi những gì mình *nói*, mà còn bởi những điều mình *không nói*.

62. Few there are who can accurately read the thoughts of another, and so we are necessarily judged by the quality of our conversation.

62. Rất ít người có thể đọc chính xác tư tưởng của người khác, và vì thế tất yếu chúng ta bị phán xét bởi phẩm tính của cuộc trò chuyện của mình.

We think of people in terms of what they say, because **their words disclose the type of thought-matter in which they work and**

Chúng ta nghĩ về người khác theo những gì họ nói, bởi vì **lời nói của họ tiết lộ loại vật chất tư tưởng mà họ hoạt động trong đó và**

the quality of energy or life which they put behind their words.

63. Let us ponder what is said here:

a. Words disclose the type of thought matter in which we work

b. Words disclose the quality of energy which we put behind those words

64. Therefore, we have both a mental disclosure and an emotional disclosure (allied, in some cases, to the quality of the soul).

To the various solar Logoi of the vast constellations that are apparent when we scan the starry heavens**, the quality of the Logos of our solar system is seen through the medium of that great thought form He has built by the power of His speech, and which is energised by His particular quality of love.**

65. DK is telling us of the manner in which our Solar Logos is judged by those great Beings Who can perceive and understand the nature of His creation, the solar system.

66. Our solar system was created by the speech (and, presumably, song) of our Solar Logos.

67. The solar system discloses the nature of the Solar Logos' thought and His quality (a particular quality of love) is also disclosed to these Celestial Observers.

phẩm tính của năng lượng hay sự sống mà họ đặt đằng sau lời nói của mình.

63. Chúng ta hãy suy ngẫm về điều được nói ra ở đây:

a. Lời nói tiết lộ loại vật chất tư tưởng mà chúng ta hoạt động trong đó

b. Lời nói tiết lộ phẩm tính của năng lượng mà chúng ta đặt đằng sau những lời ấy

64. Do đó, chúng ta có cả một sự bộc lộ trí tuệ lẫn một sự bộc lộ cảm xúc (trong một số trường hợp, gắn liền với phẩm tính của linh hồn).

Đối với các Thái dương Thượng đế khác nhau của những chòm sao bao la hiện rõ khi chúng ta quét nhìn bầu trời đầy sao**, phẩm tính của Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta được nhìn thấy qua trung gian của hình tư tưởng vĩ đại mà Ngài đã xây dựng bằng quyền năng của lời nói của Ngài, và hình tư tưởng ấy được nạp năng lượng bởi phẩm tính bác ái đặc thù của Ngài.**

65. DK đang cho chúng ta biết cách thức mà Thái dương Thượng đế của chúng ta được các Đấng vĩ đại kia phán xét, những Đấng có thể tri giác và thấu hiểu bản chất của sự sáng tạo của Ngài, tức hệ mặt trời.

66. Hệ mặt trời của chúng ta đã được tạo ra bởi lời nói (và có lẽ cả bài ca) của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

67. Hệ mặt trời tiết lộ bản chất tư tưởng của Thái dương Thượng đế, và phẩm tính của Ngài (một phẩm tính bác ái đặc thù) cũng được bộc lộ cho những Đấng Quan Sát Thiên Giới này.

68. It seems that all are judged by their creations.

When God speaks, the worlds are made and at this present time **He is only in process of speaking**.

69. The divine speaking and singing is still pouring forth. The Word may have occurred "in the beginning", but the many combinations and permutations of that Word continue to emerge from the throat center of the Solar Logos.

70. We might question to what extent the planet Saturn (reasonably the throat center of the Solar Logos) and Mercury (the planet of speech) are involved in this process.

He has not yet concluded what He has to say, and hence the present apparent imperfection.

71. Time is needed for the Solar Logos' full utterance.

72. DK is telling us that an incomplete utterance is an imperfect sentence.

73. Through the power of speech one clarifies one's intentions. One also corrects misperceptions.

When that great divine phrase or sentence which occupies His thought is brought to a close, we [Page 981] will have a perfect solar system inhabited by perfect existences.

68. Dường như mọi hữu thể đều được phán xét bởi những sáng tạo của mình.

Khi Thượng đế nói, các thế giới được tạo thành, và hiện nay **Ngài vẫn chỉ đang ở trong tiến trình nói**.

69. Sự nói và hát thiêng liêng vẫn còn đang tuôn đổ. Linh từ có thể đã xảy ra "thuở ban đầu", nhưng nhiều tổ hợp và hoán vị của Linh từ ấy vẫn tiếp tục xuất hiện từ trung tâm cổ họng của Thái dương Thượng đế.

70. Chúng ta có thể tự hỏi hành tinh Sao Thổ (hợp lý là trung tâm cổ họng của Thái dương Thượng đế) và Sao Thủy (hành tinh của lời nói) dự phần vào tiến trình này đến mức nào.

Ngài vẫn chưa kết thúc điều Ngài phải nói, và vì thế mới có sự bất toàn biểu kiến hiện nay.

71. Cần có thời gian để Thái dương Thượng đế phát ngôn trọn vẹn.

72. DK đang cho chúng ta biết rằng một phát ngôn chưa hoàn tất là một câu chưa hoàn chỉnh.

73. Qua quyền năng của lời nói, người ta làm sáng tỏ các ý định của mình. Người ta cũng sửa chữa những nhận thức sai lầm.

Khi cụm từ thiêng liêng hay câu vĩ đại đang chiếm lĩnh tư tưởng của Ngài được khép lại, chúng ta [Page 981] sẽ có một hệ mặt trời hoàn hảo được cư ngụ bởi những hiện hữu hoàn hảo.

74. We are being told of the nature of God's creativity (the creativity of the Solar Logos) through sound, word, phrase and sentence. The factor of music should also not be ignored.

74. Chúng ta đang được cho biết về bản chất của tính sáng tạo của Thượng đế (tính sáng tạo của Thái dương Thượng đế) thông qua âm thanh, Linh từ, cụm từ và câu. Yếu tố âm nhạc cũng không nên bị bỏ qua.

75. DK speaks of a "divine phrase" or "sentence" inviting the thought that there are other speakers creating in concert with our Solar Logos and adding their phrases or sentences to His so that, for instance, a stanza may be created, a number of stanzas completing a chapter.

75. DK nói về một "cụm từ thiêng liêng" hay "câu", gợi ra ý nghĩ rằng còn có những người nói khác đang sáng tạo trong hòa điệu với Thái dương Thượng đế của chúng ta và thêm các cụm từ hay câu của họ vào câu của Ngài, để chẳng hạn một bài kệ có thể được tạo thành, và một số bài kệ hoàn tất một chương.

76. We can speak of the solar system as if it were a book of many chapters but also as if it were a symphony in process of being performed. Presumably, the symphony is created in the mind of God the Solar Logos before it is performed. Likewise, any sentence or phrase in a larger "Book of Life" would be created in the Mind of God the Solar Logos before it was uttered by that Logos.

76. Chúng ta có thể nói về hệ mặt trời như thể nó là một cuốn sách có nhiều chương, nhưng cũng như thể nó là một bản giao hưởng đang trong tiến trình được trình diễn. Có lẽ bản giao hưởng ấy được sáng tạo trong Trí của Thượng đế là Thái dương Thượng đế trước khi được trình diễn. Tương tự như vậy, bất kỳ câu hay cụm từ nào trong một "Sách Sự Sống" lớn hơn cũng sẽ được sáng tạo trong Trí của Thượng đế là Thái dương Thượng đế trước khi được Thượng đế ấy phát ngôn.

Through speech a thought is evoked and becomes present;

Qua lời nói, một tư tưởng được gợi lên và trở nên hiện diện;

77. Through speech the hidden stands revealed.

77. Qua lời nói, điều ẩn giấu được mặc khải.

it is brought out of abstraction and out of a nebulous condition and materialised upon the physical plane,

nó được đưa ra khỏi sự trừu tượng và khỏi một trạng thái mơ hồ, rồi được hiện hình trên cõi hồng trần,

78. To speak is an 'act of concretion'. Saturn, a planet promoting the processes of concretion, rules the throat center of the disciple. Vulcan, to be associated in part

78. Nói là một "hành vi làm thành cụ thể". Sao Thổ, một hành tinh thúc đẩy các tiến trình làm thành cụ thể, cai quản trung tâm cổ họng của đệ tử. Vulcan, được liên kết

with the throat center, may be involved as well.

79. Perhaps we can understand how Saturn might function in relation to the planet of idealism, Neptune, or the planet of vision, Jupiter.

producing (could we but see it) something very definite on etheric levels.

80. We are also reminded that in the case of disciples, the ruler of the throat center, after the first initiation (and, perhaps, before the third), is Uranus, a planet intimately associated with manifestation, the etheric plane and etheric form.

81. Speech, then, produces definite *etheric* effects, which, it may be assumed, work towards concrete manifestation.

Objective manifestation is produced, for **"Things are that which the Word makes them in naming them."**

82. Here we have an ancient saying pointing to the power of the *name.*

phần nào với trung tâm cổ họng, cũng có thể dự phần.

79. Có lẽ chúng ta có thể hiểu Sao Thổ có thể hoạt động như thế nào trong tương quan với hành tinh của chủ nghĩa lý tưởng là Sao Hải Vương, hay hành tinh của tầm nhìn là Sao Mộc.

tạo ra (nếu chúng ta có thể thấy được) một điều gì đó rất xác định trên các cấp độ dĩ thái.

80. Chúng ta cũng được nhắc rằng trong trường hợp các đệ tử, chủ tinh của trung tâm cổ họng, sau lần điểm đạo thứ nhất (và có lẽ trước lần điểm đạo thứ ba), là Sao Thiên Vương, một hành tinh gắn bó mật thiết với sự biểu hiện, cõi dĩ thái và hình tướng dĩ thái.

81. Vậy thì lời nói tạo ra những hiệu quả *dĩ thái* xác định, mà có thể giả định là hướng tới sự biểu hiện cụ thể.

Biểu hiện khách quan được tạo ra, vì **"Sự vật là điều mà Linh từ làm cho chúng trở thành khi gọi tên chúng."**

82. Ở đây chúng ta có một câu nói cổ xưa chỉ đến quyền năng của *danh xưng.*

83. We are dealing with the true nature of a thing (its *name*) in a way 'assigned' to that thing by the Great Word in the Beginning. All things, in fact, are aspects of an 'emanative Word' rolling forth as speech/song in various combinations and permutations. In fact, all things or B/beings *are* words, i.e., essentially patterns of sound which have aggregated matter into form.

83. Chúng ta đang bàn đến bản chất chân thực của một sự vật (tức *danh xưng* của nó) theo một cách được "ấn định" cho sự vật ấy bởi Linh từ Vĩ Đại thuở Ban Đầu. Thật vậy, mọi sự vật đều là những phương diện của một "Linh từ phát xạ" đang cuộn trào ra như lời nói/bài ca trong nhiều tổ hợp và hoán vị khác nhau. Thật ra, mọi sự vật hay mọi H/hữu thể *đều là* những lời, nghĩa là về bản chất là những mô hình âm thanh đã kết tụ vật chất thành hình tướng.

84. The idea is that the *true name* of a thing denotes the *true nature* of the thing named.

84. Ý tưởng ở đây là *danh xưng chân thực* của một sự vật biểu thị *bản chất chân thực* của sự vật được gọi tên.

Speech is literally a great magical force,

Lời nói theo nghĩa đen là một mãnh lực huyền thuật vĩ đại,

85. Yet it is so common and commonly use that we overlook or ignore its magical properties.

85. Tuy nhiên, nó quá thông thường và được dùng quá thông thường đến nỗi chúng ta bỏ qua hay phớt lờ các đặc tính huyền thuật của nó.

and the adepts or white magicians, **through knowledge of the forces and power of silence and of speech, can produce effects upon the physical plane.**

và các chân sư hay các nhà huyền thuật chánh đạo, **nhờ tri thức về các mãnh lực và quyền năng của im lặng và của lời nói, có thể tạo ra những hiệu quả trên cõi hồng trần.**

86. To produced desired effects upon the physical plane it is not enough to speak. Speech must be combined with measured silence and also something more.

86. Để tạo ra những hiệu quả mong muốn trên cõi hồng trần, chỉ nói thôi thì chưa đủ. Lời nói phải được kết hợp với sự im lặng có chừng mực và còn với một điều gì khác nữa.

87. Rhythm consists of events and interludes (which are the absence of such events).

87. Nhịp điệu gồm các biến cố và các quãng ngắt (là sự vắng mặt của những biến cố ấy).

88. We are being told that the use of correct rhythm (often in pronouncing mantrams) is

88. Chúng ta đang được cho biết rằng việc sử dụng đúng nhịp điệu (thường là trong khi

a vitally important factor in rendering the mantram effective.

89. Yet *three* things are here required for magical effectiveness:

a. Knowledge of the forces

b. The power of silence

c. The power of speech

90. Without a true knowledge of the forces to be conveyed in speech, speech will remain ineffective despite an expert use of speech and silence.

91. It is interesting that the "power of silence" is mentioned *before* the power of speech.

92. It is almost as if there must be a moment of silence before speech is delivered.

93. While silence may be required *before* speech is uttered, it is also necessary between utterances.

94. Before speaking, one must also be very sure of the strength and quality of force which one wishes to convey.

As we well know, there is a branch of magical work which consists in the utilisation of this knowledge in the form of Words of Power and of those mantrams and formulae which set in motion the hidden energies of nature and call the devas to their work.

95. We are speaking of Mantra Yoga.

phát âm các mantram) là một yếu tố cực kỳ quan trọng để làm cho mantram hữu hiệu.

89. Tuy nhiên, ở đây cần đến *ba* điều để có hiệu quả huyền thuật:

a. Tri thức về các mãnh lực

b. Quyền năng của im lặng

c. Quyền năng của lời nói

90. Nếu không có tri thức chân thực về các mãnh lực cần được chuyển tải trong lời nói, thì lời nói sẽ vẫn không hiệu quả dù có sử dụng lời nói và im lặng một cách thành thạo.

91. Điều đáng chú ý là "quyền năng của im lặng" được nhắc đến *trước* quyền năng của lời nói.

92. Dường như gần như phải có một khoảnh khắc im lặng trước khi lời nói được thốt ra.

93. Trong khi im lặng có thể được đòi hỏi *trước* khi lời nói được thốt ra, thì nó cũng cần thiết giữa các lần phát ngôn.

94. Trước khi nói, người ta cũng phải hết sức chắc chắn về sức mạnh và phẩm tính của mãnh lực mà mình muốn chuyển tải.

Như chúng ta đều biết rõ, có một ngành công việc huyền thuật bao gồm việc sử dụng tri thức này dưới hình thức các Quyền năng từ và những mantram cùng công thức làm chuyển động các năng lượng ẩn giấu của bản chất và kêu gọi các thiên thần vào công việc của họ.

95. Chúng ta đang nói về Mantra Yoga.

96. We note that the relation of Mantra Yoga to the third aspect of divinity because the factor of "motion" is particularly related to the third ray.

96. Chúng ta lưu ý mối liên hệ của Mantra Yoga với phương diện thứ ba của thiên tính, bởi vì yếu tố "chuyển động" đặc biệt liên hệ với cung ba.

97. Through the correct use of certain mantrams and formulas, devas are *called* to their work. *Must* they *obey* the call? The implication here seems to be that they must.

97. Qua việc sử dụng đúng một số mantram và công thức, các thiên thần được *kêu gọi* vào công việc của họ. Họ *có phải tuân theo* lời kêu gọi ấy không? Hàm ý ở đây dường như là họ phải tuân theo.

98. Elsewhere, we are told that devas (self-conscious devas, presumably) attend events freely and according to their will.

98. Ở nơi khác, chúng ta được cho biết rằng các thiên thần (có lẽ là các thiên thần có ngã thức) tham dự các sự kiện một cách tự do và theo ý chí của họ.

Speech is one of the keys which opens the doors of communication between men and subtler beings. It gives the **clue to the discovery** of those entities who are contacted on the other side of the veil. But only he who has learned to keep silent, and has arrived at the knowledge of the times to speak can pass this veil and make certain esoteric contacts.

Lời nói là một trong những chìa khóa mở ra các cánh cửa giao tiếp giữa con người và những hữu thể vi tế hơn. Nó cho **manh mối để khám phá** những thực thể được tiếp xúc ở phía bên kia bức màn. Nhưng chỉ người nào đã học được cách giữ im lặng, và đã đạt đến tri thức về những thời điểm cần nói, mới có thể vượt qua bức màn này và thực hiện một số tiếp xúc huyền bí nhất định.

99. Here the necessity for correct silence is emphasized.

99. Ở đây sự cần thiết của im lặng đúng đắn được nhấn mạnh.

100. Speech is not only an instrument of revelation and disclosure but an instrument of discovery. Certain beings cannot be contacted except through correct mantric speech. As well intercourse is not possible with them except through the kind of speech cognizable by them.

100. Lời nói không chỉ là một công cụ của sự mặc khải và bộc lộ mà còn là một công cụ của sự khám phá. Một số hữu thể không thể được tiếp xúc ngoại trừ qua lời nói mantram đúng đắn. Hơn nữa, sự giao tiếp với họ cũng không thể có được ngoại trừ qua loại lời nói mà họ có thể nhận biết.

101. But one must be extremely sensitive in these matters, as there are times to speak and times to remain silent. Ill-timed speech (even rightly motivated and rightly delivered) can have a disruptive effect.

101. Nhưng người ta phải cực kỳ nhạy bén trong những vấn đề này, vì có lúc để nói và có lúc để im lặng. Lời nói không đúng lúc (dù được thúc đẩy đúng đắn và được phát ra

đúng đắn) có thể gây ra một tác động làm xáo trộn.

Magic consists, we are told in the *Secret Doctrine*, in addressing the Gods in Their own language; therefore, the speech of average man cannot reach Them.

Như chúng ta được bảo trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, huyền thuật hệ tại ở việc xưng hô với các Thượng đế bằng ngôn ngữ của chính Các Ngài; vì vậy, lời nói của con người trung bình không thể vươn tới Các Ngài.

102. In one respect, the true language of mantra is that language.

102. Ở một phương diện, ngôn ngữ chân thực của mantra chính là ngôn ngữ ấy.

103. There is also a language of symbolism as well as a musical language and a language of color; all these are effective in contacting and holding discourse with devas.

103. Cũng có một ngôn ngữ của biểu tượng, cũng như một ngôn ngữ âm nhạc và một ngôn ngữ màu sắc; tất cả những ngôn ngữ này đều hữu hiệu trong việc tiếp xúc và đàm đạo với các thiên thần.

104. There exists lore which reveals how the "Gods" first spoke to us. Knowledge of how they spoke and what they imparted has been preserved. We must learn to enter discourse with them using the language in which they addressed us.

104. Có một truyền thuyết tiết lộ cách các "Thượng đế" lần đầu tiên nói với chúng ta. Tri thức về cách họ đã nói và điều họ đã truyền đạt đã được bảo tồn. Chúng ta phải học cách bước vào cuộc đàm đạo với họ bằng ngôn ngữ mà họ đã dùng để ngỏ lời với chúng ta.

105. We come to realize how really ineffective is our ordinary speech in the task of penetrating the veils to higher spiritual levels. A very refined approach even to ordinary speech is required if that speech is to be rendered more spiritually effective.

105. Chúng ta đi đến chỗ nhận ra rằng ngôn ngữ thông thường của chúng ta thật sự kém hiệu quả biết bao trong nhiệm vụ xuyên thấu các bức màn để đạt tới những cấp độ tinh thần cao hơn. Cần có một cách tiếp cận hết sức tinh luyện ngay cả đối với lời nói thông thường nếu lời nói ấy muốn trở nên hữu hiệu hơn về mặt tinh thần.

Therefore, those who seek to learn the occult language, those who yearn to become aware of the words which will penetrate to the ears of those who stand on the other side, and those who seek to utilise the formulae and phrases which will give them power over the Builders,

Vì vậy, những ai tìm cách học ngôn ngữ huyền bí, những ai khát khao trở nên nhận biết những lời sẽ xuyên thấu đến tai của những vị đứng ở phía bên kia, và những ai tìm cách sử dụng các công thức và cụm từ sẽ ban cho họ quyền năng đối với các đấng kiến tạo, phải quên đi cách dùng từ ngữ

have to unlearn their previous use of words and to refrain from ordinary methods of talking.

106. How fascinating that we must no longer speak as we have habitually spoken if we wish to—

a. Learn the truly occult language

b. Penetrate to the ears of those who are on the other side

c. Seek to use those words which will give us power over the Builders

107. We are told that we must "unlearn" and "refrain"…

Let the disciple turn his attention to the enunciating of those sounds which echo in the halls where walks the Master. Let him not sound the lesser notes which awaken vibration within the halls of Maya. (IHS 198)

108. To follow the injunction above would at least represent a beginning in the process of learning the true occult language.

Then the new language will be theirs and the new expressions, words, mantrams and formulas will be entrusted to their care. [Page 982]

109. How will this happen? For one thing, the soul (from its vast repositories of knowledge) may reveal some of this language. As well, ancient memory may reawaken, for there was a time when many of us knew the necessary words.

trước đây của mình và phải kiêng dùng những phương pháp nói năng thông thường.

106. Thật hấp dẫn biết bao khi chúng ta không còn được nói như thói quen lâu nay nữa nếu chúng ta muốn—

a. Học ngôn ngữ huyền bí chân chính

b. Xuyên thấu đến tai của những vị ở phía bên kia

c. Tìm cách dùng những lời sẽ ban cho chúng ta quyền năng đối với các đấng kiến tạo

107. Chúng ta được bảo rằng mình phải "quên đi" và "kiêng dùng"…

Hãy để người đệ tử hướng sự chú ý của y vào việc phát ra những âm thanh vang dội trong các điện đường nơi Chân sư bước đi. Đừng để y xướng lên những âm điệu thấp hơn, những âm điệu đánh thức rung động trong các điện đường của ảo lực. (IHS 198)

108. Tuân theo huấn lệnh trên ít nhất cũng sẽ tượng trưng cho một sự khởi đầu trong tiến trình học ngôn ngữ huyền bí chân chính.

Khi đó ngôn ngữ mới sẽ thuộc về họ và những cách diễn đạt mới, những lời, những mantram và những công thức mới sẽ được giao phó cho họ gìn giữ. [Page 982]

109. Điều này sẽ xảy ra như thế nào? Trước hết, linh hồn (từ những kho tàng tri thức bao la của nó) có thể mặc khải một phần ngôn ngữ này. Ngoài ra, ký ức cổ xưa có thể thức dậy trở lại, vì đã từng có một thời nhiều

người trong chúng ta biết những lời cần thiết ấy.

110. Then, there is the process of initiation in which certain words and phrases are entrusted to the initiate in the initiation chamber. These are, perhaps, rarely remembered in the waking brain-consciousness, but the possibility of retention can be enhanced through methods known by the Masters.

110. Rồi còn có tiến trình điểm đạo, trong đó một số lời và cụm từ nhất định được giao phó cho điểm đạo đồ trong phòng điểm đạo. Có lẽ những điều này hiếm khi được nhớ lại trong tâm thức não bộ lúc thức, nhưng khả năng lưu giữ có thể được tăng cường nhờ những phương pháp mà các Chân sư biết rõ.

The laws of speech are the laws of matter

Các định luật của lời nói là các định luật của vật chất

111. We are, let us remember, dealing with Saturn, the throat center and the third ray—the Ray of Materiality.

111. Xin nhớ rằng chúng ta đang đề cập đến Sao Thổ, trung tâm cổ họng và cung ba—Cung của Tính Vật Chất.

and students can apply the laws governing physical plane substance to their use of words, for it concerns the manipulation of matter on other levels.

và các đạo sinh có thể áp dụng các định luật chi phối chất liệu cõi hồng trần vào việc sử dụng từ ngữ của mình, vì điều này liên quan đến sự vận dụng vật chất trên những cấp độ khác.

112. Such application suggests the use, among other things, of the Law of Economy.

112. Sự áp dụng như thế gợi ý việc sử dụng, trong nhiều điều khác, Định luật Tiết Kiệm.

113. Through the correct use of words, matter of *all* kinds can be manipulated—not just etheric matter. Every plane and subplane of the cosmic physical plane has its Words of Power.

113. Qua việc sử dụng đúng đắn từ ngữ, vật chất thuộc *mọi* loại đều có thể được vận dụng—không chỉ riêng vật chất dĩ thái. Mỗi cõi và cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ đều có những Quyền năng từ của riêng nó.

Speech is the great medium whereby we make apparent the nature of the little system we are constructing

Lời nói là môi giới lớn lao nhờ đó chúng ta làm hiển lộ bản chất của hệ thống nhỏ bé mà chúng ta đang kiến tạo

114. We are creative workers in constant process of creation. This creative activity should be purposeful and in line with the Divine Plan.

114. Chúng ta là những người hoạt động sáng tạo trong tiến trình sáng tạo không ngừng. Hoạt động sáng tạo này phải có mục đích và phù hợp với Thiên Cơ.

—**that system of which each human unit is the central sun,** for under the Law of Attraction he draws to himself that which he needs.

—**hệ thống mà trong đó mỗi đơn vị nhân loại là mặt trời trung tâm,** vì dưới Định luật Hấp Dẫn, y thu hút về mình điều mà y cần.

115. We are creating a world or system just as the Solar Logos has created a solar system.

115. Chúng ta đang sáng tạo một thế giới hay một hệ thống cũng như Thái dương Thượng đế đã sáng tạo một hệ mặt trời.

116. Every creator is as the Sun to the system he is in process of creating.

116. Mỗi đấng sáng tạo đều như Mặt Trời đối với hệ thống mà vị ấy đang trong tiến trình sáng tạo.

117. There are ugly, useless or harmful creations, and there are those which are beautiful, timely and aid the objectives of the Planetary Logos. May we be capable of thinking, speaking and creating in such a way which will further the manifestation intended by the "One in Whom we live and move and have our being"!

117. Có những sáng tạo xấu xí, vô dụng hoặc có hại, và cũng có những sáng tạo đẹp đẽ, đúng lúc và hỗ trợ các mục tiêu của Chân Linh Hành Tinh. Mong sao chúng ta có khả năng suy nghĩ, nói năng và sáng tạo theo cách sẽ thúc đẩy sự biểu hiện mà "Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu" đã dự định!

S8S5 Part II.1

TCF 977-985

13 – 28 December 2008

2. The Nature of Magic. [92]

Footnote 92:

Magic.—S. D., I, 284.

1. Magic is a divine science which leads to a participation in the attributes of divinity itself.—Isis Unveiled, I, 25-27.

TCF 977-985

13 – 28 tháng Mười Hai 2008

2. Bản Chất của huyền thuật. 92

Chú thích 92:

Huyền thuật.—S. D., I, 284.

1. Huyền thuật là một khoa học thiêng liêng dẫn đến sự tham dự vào chính các thuộc tính của thiên tính.—Isis Unveiled, I, 25-27.

1. We can assume that HBP is not really differentiating between "attributes" and "aspects".

1. Chúng ta có thể giả định rằng HBP thực ra không phân biệt rõ giữa "thuộc tính" và "phương diện".

2. To participate in the "attributes of divinity" is both to contact them and wield them.

2. Tham dự vào "các thuộc tính của thiên tính" vừa là tiếp xúc với chúng vừa là vận dụng chúng.

2. All magical operations consist in freeing oneself from the coils of the Ancient Serpent.—Isis Unveiled, I, 138.

2. Mọi hoạt động huyền thuật đều bao gồm việc tự giải thoát khỏi những vòng cuốn của Con Rắn Cổ Xưa.—Isis Unveiled, I, 138.

3. There are many possible meanings of "the Ancient Serpent". We can think that the true magician is freed from the coils of *lunar* life, the "Serpent of Matter". We can think that he is freed of lunar compulsion, helplessness before lunar forces and unconsciousness.

3. Có nhiều ý nghĩa khả dĩ của "Con Rắn Cổ Xưa". Chúng ta có thể nghĩ rằng nhà huyền thuật chân chính được giải thoát khỏi những vòng cuốn của sự sống *thái âm*, "Con Rắn của Vật Chất". Chúng ta có thể nghĩ rằng ông được giải thoát khỏi sự cưỡng bách thái âm, sự bất lực trước các mãnh lực thái âm và trạng thái vô thức.

3. The object of the art of magic is the perfection of man.—Isis Unveiled, I, 309.

3. Mục tiêu của nghệ thuật huyền thuật là sự hoàn thiện của con người.—Isis Unveiled, I, 309.

4. This is a magnificent thought. If, by magical means, the entire lower nature can be transmuted, transformed and transfigured.

4. Đây là một tư tưởng tráng lệ. Nếu bằng những phương tiện huyền thuật, toàn bộ bản chất thấp có thể được chuyển hoá, chuyển đổi và biến hình.

5. The purpose of magic is certainly *not* the manipulation of subtle matter for selfish ends.

5. Mục đích của huyền thuật chắc chắn *không* phải là sự vận dụng vật chất vi tế cho những mục đích ích kỷ.

6. Magic is the means of bringing the higher nature of man into redemptive contact with the lower.

6. Huyền thuật là phương tiện đưa bản chất cao hơn của con người vào sự tiếp xúc cứu chuộc với bản chất thấp hơn.

4. Magic explores the **essence** and **power** of everything.—Isis Unveiled, I, 282; S. D., II, 538.

4. Huyền thuật khảo sát **tinh chất** và **quyền năng** của mọi sự vật.—Isis Unveiled, I, 282; S. D., II, 538.

7. We can see that magic is related to the first ray of will and power, and also to the seventh which is a more concrete reflection of the first ray. The true occultist is a magician and operates along the 1—3—5—7 ray line.

7. Chúng ta có thể thấy rằng huyền thuật liên hệ với cung một của ý chí và quyền năng, và cũng với cung bảy là sự phản chiếu cụ thể hơn của cung một. Nhà huyền bí học chân chính là một nhà huyền thuật và hoạt động theo tuyến cung 1—3—5—7.

8. If magic explores the "essence" as well as the "power" of everything, it must have some power to touch the Spirit aspect. Of course, HPB may have in mind a more relative definition of the word "essence".

8. Nếu huyền thuật khảo sát "tinh chất" cũng như "quyền năng" của mọi sự vật, thì nó hẳn phải có một quyền năng nào đó để chạm đến phương diện tinh thần. Dĩ nhiên, HPB có thể đang nghĩ đến một định nghĩa tương đối hơn của từ "tinh chất".

5. Magic and magnetism are synonymous terms.—Isis Unveiled, I, 279.

5. Huyền thuật và từ điện là những thuật ngữ đồng nghĩa.—Isis Unveiled, I, 279.

9. This is a fascinating thought. It is as if magical arrangements are not so much compelled but magnetically *drawn into* the necessary pattern.

9. Đây là một tư tưởng thật hấp dẫn. Dường như những sắp xếp huyền thuật không hẳn bị cưỡng ép mà được từ tính *hút vào* mô hình cần thiết.

10. Magic has so much to do with the activation of certain devic forces. This is done through the power of the "word". When the "word" sounds, certain devas are magnetically drawn and patterned into a relationship contained within the word.

10. Huyền thuật liên hệ rất nhiều đến sự hoạt hóa một số mãnh lực thiên thần nhất định. Điều này được thực hiện qua quyền năng của "linh từ". Khi "linh từ" được xướng lên, một số thiên thần nhất định bị hút bằng từ tính và được định hình vào một tương quan nằm trong linh từ ấy.

6. Magic is the sum-total of **natural knowledge**.—Isis Unveiled, II, 99, 189.

6. Huyền thuật là tổng thể của **tri thức tự nhiên**.—Isis Unveiled, II, 99, 189.

11. Magic is particularly related to the third aspect of divinity. Knowledge is subsumed by the third aspect of divinity whereas wisdom pertains more to the second. Really, wisdom is the bridge between the third and second aspects of divinity.

11. Huyền thuật đặc biệt liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính. Tri thức được bao hàm trong phương diện thứ ba của thiên tính, trong khi minh triết thuộc nhiều hơn về phương diện thứ hai. Thật ra, minh triết là cây cầu nối giữa phương diện thứ ba và thứ hai của thiên tính.

12. What is “natural knowledge”? May we say that it is knowledge which pertains, particularly, to the lower three worlds?

12. “Tri thức tự nhiên” là gì? Chúng ta có thể nói rằng đó là tri thức liên hệ đặc biệt đến ba cõi thấp chăng?

13. In a sense, however, the natural world is the entire cosmic physical plane. There are, no doubt, magical processes which pertain to the cosmic ethers.

13. Tuy nhiên, theo một nghĩa nào đó, thế giới tự nhiên là toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ. Chắc chắn có những tiến trình huyền thuật liên hệ đến các dĩ thái vũ trụ.

7. Magic does not imply a transgression of the laws of nature.—Isis Unveiled, I, Preface.

7. Huyền thuật không hàm ý sự vi phạm các định luật của bản chất.—Isis Unveiled, I, Lời tựa.

14. In fact, the true magic implies deep cooperation with the laws of nature. It is only those who are addicted to black magic, selfish magic, who transgress the laws of nature.

14. Thật vậy, huyền thuật chân chính hàm ý sự hợp tác sâu sắc với các định luật của bản chất. Chỉ những kẻ nghiện hắc thuật, huyền thuật ích kỷ, mới vi phạm các định luật của bản chất.

15. We can see that the book *Isis Unveiled* was a pioneering book for its time.

15. Chúng ta có thể thấy rằng quyển *Isis Unveiled* là một tác phẩm tiên phong đối với thời đại của nó.

The Basis of Magic.

Nền Tảng của Huyền thuật.

1. Magic is based on the inner powers in man's soul.—Isis Unveiled, I, 459.

1. Huyền thuật dựa trên những quyền năng bên trong trong linh hồn con người.—Isis Unveiled, I, 459.

16. DK has often told us that only the soul-infused disciple can be a white magician.

16. Chân sư DK thường nói với chúng ta rằng chỉ đệ tử được linh hồn thấm nhuần mới có thể là một nhà huyền thuật chánh đạn.

17. The true white magician *is* the soul in expression in the three lower worlds.

17. Nhà huyền thuật chánh đạo chân chính *là* linh hồn đang biểu hiện trong ba cõi thấp.

2. The **trinity of nature is the lock of magic**, the trinity of man the key that fits it.—Isis Unveiled, II, 635.

2. **bộ ba của bản chất là ổ khóa của huyền thuật**, bộ ba của con người là chiếc chìa khóa vừa khít với nó.—Isis Unveiled, II, 635.

18. This is a profound analogy. The “trinity of nature” can be considered the three lower

18. Đây là một phép tương đồng sâu sắc. “Bộ ba của bản chất” có thể được xem là ba giới

kingdoms. The trinity of man may be considered the three aspects of his soul, or, ultimately, the power of atma-buddhi-manas.

thấp. Bộ ba của con người có thể được xem là ba phương diện của linh hồn y, hoặc rốt ráo là quyền năng của atma-buddhi-manas.

19. Man must *know himself* to body evolution a true magician.

19. Con người phải *biết chính mình* để trở thành một nhà huyền thuật chân chính qua tiến hoá của thể.

3. Magic is occult psychology.—Isis Unveiled, I, 612-616.

3. Huyền thuật là Tâm Lý Học Nội Môn.—Isis Unveiled, I, 612-616.

20. This is another way of saying that the performance of magic is based upon a knowledge of the *qualities* of all things.

20. Đây là một cách khác để nói rằng việc thực hành huyền thuật dựa trên sự hiểu biết về các *phẩm tính* của mọi sự vật.

21. Further, there is *psyche* or *soul* in all things—even the tiniest atom or particle. Magic calls from soul to soul and bring the true qualities of all things into expression.

21. Hơn nữa, có *psyche* hay *linh hồn* trong mọi sự vật—ngay cả nguyên tử hay hạt nhỏ bé nhất. Huyền thuật kêu gọi từ linh hồn đến linh hồn và đưa các phẩm tính chân thực của mọi sự vật vào biểu hiện.

4. The astral light is the chief agent of magic. —Isis Unveiled, I, 128, 616; S. D., I, 275; II, 537.

4. Ánh sáng cảm dục là tác nhân chủ yếu của huyền thuật.—Isis Unveiled, I, 128, 616; S. D., I, 275; II, 537.

22. Certainly this is the case with the lower magic. The astral light is essentially the *power of formation* behind and within concretion. When we speak of the astral light we will not be speaking of the astral plane at all but of the dynamic formative power of the ethers. The term “astral” means “starry” and describes the appearance of the ethers.

22. Chắc chắn điều này đúng với huyền thuật thấp. Ánh sáng cảm dục về bản chất là *quyền năng tạo hình* ở phía sau và bên trong sự kết tụ cụ thể. Khi chúng ta nói về ánh sáng cảm dục, chúng ta hoàn toàn không nói về cõi cảm dục mà nói về quyền năng tạo hình năng động của các dĩ thái. Thuật ngữ “cảm dục” có nghĩa là “đầy sao” và mô tả sắc tướng của các dĩ thái.

23. After this series of definitions, we return to text.

23. Sau loạt định nghĩa này, chúng ta trở lại bản văn.

We have considered somewhat at length the building of thought forms, and have seen that the process pursued by man is

Chúng ta đã khảo sát khá dài về việc kiến tạo các Hình tư tưởng, và đã thấy rằng tiến trình do con người theo đuổi là tương tự với tiến

analogous to that pursued by the threefold Logos in the creation of the solar system.

trình do Thượng đế tam phân theo đuổi trong việc sáng tạo hệ mặt trời.

24. DK offers us a brief summary. Whether the thoughtform built is a human thought or a solar system, the process is essentially the same though the C/creators are vastly different in power and consciousness.

24. Chân sư DK đưa ra cho chúng ta một bản tóm lược ngắn. Dù hình tư tưởng được xây dựng là một tư tưởng của con người hay một hệ mặt trời, tiến trình về cơ bản là như nhau, mặc dù các đấng sáng tạo khác nhau rất xa về quyền năng và tâm thức.

We are to deal now with that great department in occultism which is usually termed magic.

Giờ đây chúng ta sẽ đề cập đến bộ môn lớn lao trong huyền bí học thường được gọi là huyền thuật.

25. There is a huge interest in this subject because man innately realizes that in the mastery of magic lie his freedom and also his ability to co-create with the Deity.

25. Có một mối quan tâm rất lớn đối với chủ đề này vì con người bẩm sinh nhận ra rằng chính trong sự làm chủ huyền thuật có tự do của y và cả khả năng đồng sáng tạo với Thượng đế của y.

26. We realize from this statement that there are other departments in occultism to be considered.

26. Từ phát biểu này, chúng ta nhận ra rằng còn có những bộ môn khác trong huyền bí học cần được xem xét.

The man who masters the esoteric significance of what is here said will take his place in the ranks of those entitled to call themselves the **"Brothers of White Magic."**

Người nào làm chủ được thâm nghĩa huyền bí của điều được nói ở đây sẽ chiếm vị trí của mình trong hàng ngũ những người có quyền gọi mình là **"Huynh đệ của Chánh Thuật."**

27. In this title we have described those who are members of the Great White Lodge.

27. Trong danh xưng này, chúng ta có sự mô tả những người là thành viên của Thánh đoàn.

28. It is clear that to use the name, "Brother of White Magic" one must *earn* the right.

28. Rõ ràng là để dùng danh xưng "Huynh đệ của Chánh Thuật", người ta phải *xứng đáng* với quyền ấ.

29. Obviously, a student of white magic, such as we are, cannot yet call himself a "Brother of White Magic".

29. Hiển nhiên, một đạo sinh của Chánh Thuật như chúng ta chưa thể gọi mình là "Huynh đệ của Chánh Thuật".

The subject is too immense to be more than briefly touched upon, for **it covers [Page 983] the entire range of endeavour in the field of material construction**.

30. We have been told that *A Treatise on Cosmic Fire* is written upon the first ray and the third ray. The "field of material construction" is, broadly considered, the province of the third ray under Saturn and 'Greater Saturn'.

31. The seventh ray is also involved through Uranus and the first ray through Vulcan.

We must deal first with the **mental attitude of man** as he faces the work of creation, and **his ability to bring through, via the mental body, the purpose of the Ego**,

32. We remember that not only has the Ego to impress the mind but the brain as well.

33. *A Treatise on Cosmic Fire* is also a book on *creativity* and thus the abundant information on the deva kingdom.

34. How many of us, when we think, can be sure that our thoughts reflect the purposes of the Ego?

thereby impressing **the building agents** on the mental plane with a certain rate of rhythm, and a certain vibratory activity. This is the prime factor which results (on the physical plane) in direct egoic activity.

Chủ đề này quá bao la nên chỉ có thể được chạm đến một cách ngắn gọn, vì **nó bao trùm [Page 983] toàn bộ phạm vi nỗ lực trong lĩnh vực kiến tạo vật chất**.

30. Chúng ta đã được bảo rằng *Luận về Lửa Vũ Trụ* được viết trên cung một và cung ba. "Lĩnh vực kiến tạo vật chất", xét theo nghĩa rộng, là phạm vi của cung ba dưới Sao Thổ và 'Đại Sao Thổ'.

31. Cung bảy cũng có liên hệ qua Sao Thiên Vương và cung một qua Vulcan.

Trước hết, chúng ta phải đề cập đến **thái độ trí tuệ của con người** khi y đối diện với công việc sáng tạo, và **khả năng của y trong việc mang xuyên qua, qua thể trí, mục đích của chân ngã**,

32. Chúng ta nhớ rằng không chỉ chân ngã phải gây ấn tượng lên trí tuệ mà còn lên cả bộ não nữa.

33. *Luận về Lửa Vũ Trụ* cũng là một quyển sách về *sự sáng tạo* và do đó có rất nhiều thông tin về giới thiên thần.

34. Có bao nhiêu người trong chúng ta, khi suy nghĩ, có thể chắc chắn rằng tư tưởng của mình phản ánh các mục đích của chân ngã?

nhờ đó gây ấn tượng lên **các tác nhân kiến tạo** trên cõi trí bằng một nhịp điệu nhất định, và một hoạt động rung động nhất định. Đây là yếu tố chủ yếu dẫn đến (trên cõi hồng trần) hoạt động chân ngã trực tiếp.

35. We are interested in direct egoic activity on the physical plane. Such activity begins on the mental plane.

35. Chúng ta quan tâm đến hoạt động chân ngã trực tiếp trên cõi hồng trần. Hoạt động như thế bắt đầu trên cõi trí.

36. From the Ego emanates that certain rate of rhythm and a certain vibratory activity which evokes correct response from the building agents of the mental plane.

36. Từ chân ngã phát ra một nhịp điệu nhất định và một hoạt động rung động nhất định, điều này gợi lên sự đáp ứng đúng đắn từ các tác nhân kiến tạo của cõi trí.

37. There are "building agents" on the mental plane. This does not mean only mental elemental essence, but actual devic builders on the evolutionary arc who assist man in the carrying forward of his creative objectives (objectives, however, often unconsciously approached).

37. Có những "tác nhân kiến tạo" trên cõi trí. Điều này không chỉ có nghĩa là tinh chất hành khí trí tuệ, mà còn là những đấng kiến tạo thiên thần thực sự trên cung tiến hoá, những vị trợ giúp con người trong việc xúc tiến các mục tiêu sáng tạo của y (tuy nhiên, những mục tiêu này thường được tiếp cận một cách vô thức).

We must also bear in mind, that in the consideration of this matter we are not dealing with the every day work of average man,

Chúng ta cũng phải ghi nhớ rằng, khi xem xét vấn đề này, chúng ta không đề cập đến công việc hằng ngày của con người trung bình,

38. Average man is also a creator but largely an unconscious creator.

38. Con người trung bình cũng là một đấng sáng tạo nhưng phần lớn là một đấng sáng tạo vô thức.

but are speaking of the organised creative work, under law and rule, of the advanced man.

mà đang nói đến công việc sáng tạo có tổ chức, dưới định luật và quy luật, của con người tiến bộ.

39. Advanced man is the human being whose Ego has refocused itself on he second subplane of the higher mental plane.

39. Con người tiến bộ là con người mà chân ngã của y đã tái tập trung trên cõi phụ thứ hai của Cõi thượng trí.

40. The creative work of which we are speaking is

40. Công việc sáng tạo mà chúng ta đang nói đến là

a. Organized

a. Có tổ chức

b. Under law

b. Dưới định luật

c. Under rule

41. Remember that laws cannot be evaded. Rules can be disobeyed but they represent the very best ways of working in response to laws.

We thereby set a standard and emphasise the ideal towards which occult students should strive.

42. And we who read these pages are exactly those who should be striving in this manner, for we are far from mastery.

43. We are far from being white magicians. This portion of *A Treatise on Cosmic Fire* and the entire book, *A Treatise on White Magic*, are intended to produce in one suspects the aspiration to become white magicians.

We must also consider the work of the wise magical student upon the astral plane, whereon, through purified desire and sanctified emotion, he provides those **equilibrised conditions** and those **stable vibrations**, which will permit of the transmission without hindrance to the physical plane via the physical brain of the man, of the vibratory activity emanating from the Ego, and of the circulatory action of the higher force.

44. Here we have a very powerful sentence.

45. The "wise" magical student is to have "purified desire" and "sanctified emotion"—emotions which are expressive of spiritual states of consciousness or, at least, build no

c. Dưới quy luật

41. Hãy nhớ rằng các định luật không thể bị né tránh. Các quy luật có thể bị bất tuân, nhưng chúng tượng trưng cho những cách làm việc tốt nhất để đáp ứng các định luật.

Nhờ đó chúng ta đặt ra một tiêu chuẩn và nhấn mạnh lý tưởng mà các đạo sinh huyền bí học nên phấn đấu hướng tới.

42. Và chính chúng ta, những người đọc các trang này, là những người nên phấn đấu theo cách ấy, vì chúng ta còn xa mới đạt đến sự làm chủ.

43. Chúng ta còn xa mới là những nhà huyền thuật chánh đạo. Phần này của *Luận về Lửa Vũ Trụ* và toàn bộ quyển sách, *Luận về Chánh Thuật*, nhằm khơi dậy nơi người ta, ta ngờ rằng, khát vọng trở thành những nhà huyền thuật chánh đạo.

Chúng ta cũng phải xem xét công việc của đạo sinh huyền thuật minh triết trên cõi cảm dục, nơi mà, nhờ dục vọng được thanh lọc và xúc cảm được thánh hiến, y tạo ra những **điều kiện quân bình** và những **rung động ổn định**, những điều sẽ cho phép hoạt động rung động phát ra từ chân ngã, và tác động tuần hoàn của mãnh lực cao hơn, được truyền xuống cõi hồng trần không bị cản trở qua bộ não hồng trần của con người.

44. Ở đây chúng ta có một câu rất mạnh mẽ.

45. Đạo sinh huyền thuật "minh triết" phải có "dục vọng được thanh lọc" và "xúc cảm được thánh hiến"—những xúc cảm biểu lộ các trạng thái tâm thức tinh thần hoặc ít

barrier against their transmission through the astral body.

nhất không dựng lên rào cản nào chống lại sự truyền dẫn của chúng qua thể cảm dục.

46. One of the most important requirements for the transmission of thought to the physical brain is a condition of peace in the astral body. Thus, the indispensable role of the energy of Libra, a sign which eventually brings peace, balance and tranquility to any vibratory field which it touches.

46. Một trong những đòi hỏi quan trọng nhất để truyền tư tưởng đến bộ não hồng trần là một trạng thái bình an trong thể cảm dục. Vì thế, vai trò không thể thiếu của năng lượng Thiên Bình, một dấu hiệu hoàng đạo cuối cùng mang lại bình an, quân bình và tĩnh lặng cho bất kỳ trường rung động nào mà nó chạm đến.

47. For most people it is precisely turbulent, unbalanced conditions within the astral body which hinder egoic transmission through to the physical brain.

47. Đối với phần lớn mọi người, chính những điều kiện hỗn loạn, mất quân bình trong thể cảm dục cản trở sự truyền dẫn chân ngã đến bộ não hồng trần.

Hence (if a remark of a practical nature may be interpolated for the average student) **the cultivation of emotional tranquility is one of the first steps towards the achievement of the needed equipment of the white magician**.

Do đó (nếu có thể xen vào một nhận xét có tính thực tiễn cho đạo sinh trung bình) **việc vun bồi sự tĩnh lặng cảm xúc là một trong những bước đầu tiên hướng tới việc đạt được trang bị cần thiết của nhà huyền thuật chánh đạo**.

48. This seems a simple statement but it obviously points to an indispensable requirement. We can understand that no matter how well conceived may be a thoughtform, it could be drowned upon the astral plane by roiling 'waters'.

48. Điều này có vẻ là một phát biểu đơn giản nhưng hiển nhiên chỉ đến một đòi hỏi không thể thiếu. Chúng ta có thể hiểu rằng dù một hình tư tưởng có được hình thành tốt đến đâu, nó vẫn có thể bị nhấn chìm trên cõi cảm dục bởi những "làn nước" cuộn xoáy.

49. One who has emotional tranquility has cultivated emotional *equanimity*—i.e., the ability to remain in balanced emotional condition even when faced with potentially disturbing circumstances.

49. Người có sự tĩnh lặng cảm xúc là người đã vun bồi sự *bình thản* cảm xúc—tức là khả năng duy trì trạng thái cảm xúc quân bình ngay cả khi đối diện với những hoàn cảnh có thể gây xáo động.

This tranquillity is not to be achieved by an effort of the will which succeeds in strangling all astral vibratory activity,

Sự tĩnh lặng này không đạt được bằng một nỗ lực của ý chí thành công trong việc bóp nghẹt mọi hoạt động rung động cảm dục,

50. What an interesting use of words —"strangling"! One thinks of a kind of grip

50. Thật là một cách dùng từ thú vị—"bóp nghẹt"! Người ta nghĩ đến một loại siết chặt

or clamp which the will can exert. Through assertion of the will vibratory activity can be made to cease, but this does not eradicate that condition within the astral body which lies as the root of such activity.

hay kẹp chặt mà ý chí có thể áp đặt. Qua sự khẳng định của ý chí, hoạt động rung động có thể bị làm cho chấm dứt, nhưng điều này không xóa bỏ được tình trạng nằm trong thể cảm dục vốn là gốc rễ của hoạt động ấy.

but by the cultivation of response to the Ego, and a negation of all response to the inherent vibration of the astral sheath itself.

mà bằng việc vun bồi sự đáp ứng với chân ngã, và phủ nhận mọi đáp ứng đối với rung động cố hữu của chính vỏ bọc cảm dục.

51. The Ego, itself, possesses those energies which can tranquilize aggravated activity within the astral body. The end result is that the inherent activity of the astral sheath is entirely neutralized. In creating this negation, the strength of the personal will (with its potent sense of "this controls that") is not present.

51. Bản thân chân ngã sở hữu những năng lượng có thể làm lắng dịu hoạt động bị kích động trong thể cảm dục. Kết quả cuối cùng là hoạt động cố hữu của vỏ bọc cảm dục hoàn toàn bị trung hòa. Trong việc tạo ra sự phủ nhận này, sức mạnh của ý chí cá nhân (với cảm giác mạnh mẽ rằng "cái này kiểm soát cái kia") không hiện diện.

52. As the dense physical body provides an avenue of expression for the personality; and as the mind, eventually, provides an avenue of expression for the Monad; so the astral body is naturally attuned to the Ego/ soul and provides an avenue of expression for that central (second) periodical vehicle.

52. Cũng như thể xác đậm đặc cung cấp một con đường biểu hiện cho phàm ngã; và cũng như trí tuệ cuối cùng cung cấp một con đường biểu hiện cho chân thần; thì thể cảm dục tự nhiên được chỉnh hợp với chân ngã/ linh hồn và cung cấp một con đường biểu hiện cho vận cụ tuần hoàn trung tâm (thứ hai) ấy.

We will take up the work of force transmission on the physical plane via the etheric centres and the physical brain, studying somewhat the effect of sound as it is emitted unconsciously in everyday speech, and **consciously [Page 984] in the ordered regulated words of the true worker in magic.**[93]

Chúng ta sẽ bàn đến công việc truyền dẫn mãnh lực trên cõi hồng trần qua các trung tâm dĩ thái và bộ não hồng trần, đồng thời khảo sát phần nào tác động của âm thanh khi nó được phát ra một cách vô thức trong lời nói hằng ngày, và **một cách hữu thức [Page 984] trong những lời có trật tự và được điều chỉnh của người hoạt động huyền thuật chân chính.**93

53. Force transmission on the physical plane occurs via or through the etheric centers. Sound accompanies this transmission, especially through the throat center. This sound is either unconsciously emitted or

53. Sự truyền dẫn mãnh lực trên cõi hồng trần diễn ra qua các trung tâm dĩ thái. Âm thanh đi kèm sự truyền dẫn này, đặc biệt qua trung tâm cổ họng. Âm thanh này hoặc được phát ra một cách vô thức, hoặc được phát ra

consciously emitted in an ordered and regulated manner.

một cách hữu thức theo cách có trật tự và được điều chỉnh.

Footnote 93:

Chú thích 93:

Magic.—The very word Magic bears within itself proof of its high origin. The Latin Magus, the Greek Magos, a magician, gives us all those other words that are so indicative of authority, wisdom, superiority.

Huyền thuật.—Chính từ Magic đã tự mang trong nó bằng chứng về nguồn gốc cao cả của nó. Từ Latin Magus, từ Hy Lạp Magos, một nhà huyền thuật, cho chúng ta tất cả những từ khác gợi rõ đến quyền uy, minh triết, sự siêu việt.

54. HBP touches upon the high origin of the word "magic". Essentially it indicates that which is rooted in greatness.

54. HBP chạm đến nguồn gốc cao cả của từ "huyền thuật". Về bản chất, nó chỉ điều gì đó bắt rễ trong sự vĩ đại.

55. She seeks to restore the proper dignity to the subject which has been so basely defiled through misuse.

55. Bà tìm cách khôi phục phẩm giá đúng đắn cho chủ đề này, vốn đã bị làm ô uế một cách thấp hèn qua sự lạm dụng.

Then we have magnitude, magnificent, magniloquent, to express **greatness in position, in action and in speech**.

Rồi chúng ta có magnitude, magnificent, magniloquent, để diễn tả **sự vĩ đại trong vị thế, trong hành động và trong lời nói**.

56. And all of these are certainly required:

56. Và tất cả những điều này chắc chắn đều cần thiết:

a. The perspective of the soul is greatness in position

a. Quan điểm của linh hồn là sự vĩ đại trong vị thế

b. The action of the soul in the three worlds is greatness in action

b. Hành động của linh hồn trong ba cõi giới là sự vĩ đại trong hành động

c. The magician must utter great words and hence be magniloquent

c. Nhà huyền thuật phải thốt ra những lời lớn lao và do đó phải hùng biện

With the termination slightly changed the same words become **majesty**, implying dominion,

Với phần kết được thay đổi đôi chút, những từ ấy trở thành **majesty**, hàm ý quyền thống trị,

57. In this word there is always the suggestion of authority and control. The

word implies the hierarchical arrangement of nature.

57. Trong từ này luôn có gợi ý về quyền uy và sự kiểm soát. Từ ấy hàm ý sự sắp xếp có tôn ti của bản chất.

58. No one can be a true magician without the ability to achieve dominion over the lesser lives.

58. Không ai có thể là một nhà huyền thuật chân chính nếu không có khả năng đạt được quyền thống trị đối với các sự sống nhỏ hơn.

and again, we have **magistrate**, anything that is **magisterial** which again has been simplified into Master, and finally by the process of word evolution has become plain Mister.

và rồi nữa, chúng ta có **magistrate**, bất cứ điều gì **magisterial**, rồi lại được đơn giản hóa thành Master, và cuối cùng qua tiến trình tiến hoá của từ ngữ đã trở thành đơn giản là Mister.

59. Is this not fascinating? The use of the word "Mister" suggests the recognition of greatness inherent in every human being. When using this word one is, in essence, addressing the 'Master' within, though the word has become

59. Điều này chẳng phải rất hấp dẫn sao? Việc dùng từ "Mister" gợi ý sự thừa nhận tính vĩ đại vốn có trong mỗi con người. Khi dùng từ này, về bản chất người ta đang xưng hô với 'Chân sư' bên trong, mặc dù từ ấy đã trở nên

But the Latin is only a transmitter of words. We can equally follow up the historical development of this root until we reach the Zend **where we find it doing duty as the name for the** whole priestly caste.

Nhưng tiếng Latin chỉ là một môi giới truyền đạt từ ngữ. Chúng ta cũng có thể lần theo sự phát triển lịch sử của gốc từ này cho đến khi đạt tới Zend **nơi chúng ta thấy nó được dùng như tên gọi của** toàn bộ giai cấp tư tế.

60. The priestly caste is the caste having divine authority. The magical abilities of this class serve to meditate between the inherent divinity and the lesser lives within each human being.

60. Giai cấp tư tế là giai cấp có thẩm quyền thiêng liêng. Các khả năng huyền thuật của giai cấp này phục vụ cho việc tham thiền giữa thiên tính cố hữu và các sự sống nhỏ hơn trong mỗi con người.

The magi were renowned all over the world for their wisdom and skill in occultism and no doubt our word magic is mostly indebted to that source for its present existence and meaning.

Các magi nổi danh khắp thế giới vì minh triết và kỹ năng của họ trong huyền bí học, và chắc chắn từ magic của chúng ta phần lớn mắc nợ nguồn này về sự hiện hữu và ý nghĩa hiện nay của nó.

61. The magic were also great astrologers. They knew the times and seasons and the method of invoking specific energies.

61. Các magi cũng là những nhà chiêm tinh học vĩ đại. Họ biết thời điểm và mùa kỳ, cùng

phương pháp khẩn cầu những năng lượng đặc thù.

62. The correct use of magical process is very dependent upon “times and seasons”.

62. Việc sử dụng đúng đắn tiến trình huyền thuật phụ thuộc rất nhiều vào “thời điểm và mùa kỳ”.

That we need not pause even here for back of the Zend "mag," "looms up the Sanskrit, **maha**, signifying great."

Chúng ta cũng không cần dừng lại ở đây, vì đằng sau từ Zend "mag," thấp thoáng hiện ra từ Sanskrit, **maha**, có nghĩa là lớn lao."

63. The word “magic”, then, is being traced to the Sanskrit. Probably behind the Sanskrit root is a still older Atlantean root.

63. Như vậy, từ “magic” đang được truy nguyên về Sanskrit. Có lẽ đằng sau gốc Sanskrit còn có một gốc Atlantis cổ xưa hơn nữa.

It is thought by good scholars that **maha** was originally spelled **magha**. To be sure, there is in the Sanskrit the word Maga meaning a priest of the Sun, but this was evidently a later borrowing from the Zend which had originally derived its root from its neighbor the Sanskrit.—Lucifer, Vol. X, p. 157.

Người ta cho rằng theo các học giả giỏi, **maha** nguyên thủy được đánh vần là **magha**. Quả thật, trong Sanskrit có từ Maga nghĩa là một tư tế của Mặt Trời, nhưng hiển nhiên đây là một sự vay mượn muộn hơn từ Zend, mà bản thân Zend ban đầu đã rút gốc từ người láng giềng của nó là Sanskrit.—Lucifer, Tập X, tr. 157.

64. This exercise in etymology informs us of the potent essential meaning of the word “magic”.

64. Bài tập về từ nguyên học này cho chúng ta biết ý nghĩa bản chất đầy mãnh lực của từ “huyền thuật”.

In this connection, therefore, owing to the vital practical value of this section, and to the dangers attendant upon a comprehension of these matters by those who are as yet unready for the work of **conscious manipulation of force,**

Vì vậy, trong mối liên hệ này, do giá trị thực tiễn sống còn của phần này, và do những nguy hiểm đi kèm với việc thấu hiểu các vấn đề này bởi những người còn chưa sẵn sàng cho công việc **vận dụng mãnh lực một cách hữu thức,**

65. This is yet another definition of the term “magic”—the “conscious manipulation of force”, presumably for worthy (or, better, “great”) purposes and ends.

65. Đây lại là một định nghĩa khác của thuật ngữ “huyền thuật”—“sự thao tác mãnh lực một cách hữu thức”, hẳn là vì những mục đích và cứu cánh xứng đáng (hay đúng hơn là “cao cả”).

it is proposed to impart the necessary teaching under the formula of "Rules of Magic,"

người ta đề nghị truyền đạt giáo huấn cần thiết dưới công thức "Các quy luật Huyền thuật,"

66. The method of impartation is a safeguard. Apparently, the Rules conceal as much as they reveal.

66. Phương pháp truyền đạt này là một sự bảo vệ. Rõ ràng, các quy luật che giấu cũng nhiều như chúng mặc khải.

with certain elucidating comments. In this way, **the magical work is fully safeguarded,** and at the same time sufficient is imparted to those who have the **inner ear attentive,** and the **eye of wisdom in process of opening**.

kèm theo một số nhận xét làm sáng tỏ. Bằng cách này, **công việc huyền thuật được bảo vệ trọn vẹn,** và đồng thời vẫn truyền đạt đủ cho những ai có **nội nhĩ chăm chú lắng nghe,** và **con mắt minh triết đang trong tiến trình mở ra**.

67. The Masters are experts in simultaneously revealing and concealing. The "inner ear" is to be attentive to the magical words. The "eye of wisdom" is the third eye which sees into the world of the soul.

67. Các Chân sư là những bậc thiện nghệ trong việc đồng thời mặc khải và che giấu. "Nội nhĩ" phải chăm chú lắng nghe những lời huyền thuật. "Con mắt minh triết" là con mắt thứ ba, nhìn vào thế giới của linh hồn.

68. It may be that the visualized disk of indigo is, if cultivated, the "Eye of Shiva"—the eye of synthesis.

68. Có thể là đĩa màu chàm được hình dung ấy, nếu được vun bồi, chính là "Con Mắt của Shiva"—con mắt của tổng hợp.

69. The "inner ear" suggests buddhic sensitivity. On the seventh subplane of the buddhic plane we find the siddhi "comprehension of four sounds". The buddhic plane is subjective when compared to the higher mental plane. This type of hearing/comprehension is most definitely "inner hearing".

69. "Nội nhĩ" gợi ý tính nhạy cảm Bồ đề. Trên cõi phụ thứ bảy của cõi Bồ đề, chúng ta thấy siddhi "sự thấu hiểu bốn âm thanh". Cõi Bồ đề là chủ quan khi so với Cõi thượng trí. Loại nghe/thấu hiểu này chắc chắn là "thính giác bên trong".

70. The attentive "inner ear" can hear the inner sound of other beings.

70. "Nội nhĩ" chăm chú có thể nghe được âm thanh bên trong của các hữu thể khác.

S8S5 - Part II.2

TCF 985-989

TCF 985-989

13 – 28 December 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

a. Black Magicians and White. Much is said among occult students these days anent white and black magic,[94] and much that is said is without force, or truth. It has [985] been truly said that between the two types of workers, the line of demarcation is so slight as to be difficult of recognition by those who, as yet, merit not the term "knower."

1. DK is warning us that we may not yet in a position to differentiate between white and black magic and the exponents of these two types of magic. Master M says the same.

2. Only the true "knower"—perhaps the "knower" is minimally an initiate of the third degree—is in a position to distinguish.

Footnote 94:

13 – 28 tháng 12 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi trình chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

a. Các nhà hắc thuật và nhà huyền thuật chánh đạo. Ngày nay, trong giới đạo sinh huyền bí học, người ta nói nhiều về chánh thuật và hắc thuật,94 và nhiều điều được nói ra lại thiếu mãnh lực hoặc chân lý. Đã có lời nói rất đúng rằng giữa hai loại người hoạt động này, ranh giới phân định mong manh đến nỗi khó được nhận ra bởi những ai, cho đến nay, vẫn chưa xứng đáng với danh xưng "thức giả".

1. Chân sư DK đang cảnh báo chúng ta rằng có thể chúng ta chưa ở vào vị thế để phân biệt giữa chánh thuật và hắc thuật cùng những người đại diện cho hai loại huyền thuật này. Chân sư M. cũng nói như vậy.

2. Chỉ "thức giả" chân chính—có lẽ tối thiểu là một điểm đạo đồ bậc ba—mới ở vào vị thế để phân biệt.

Chú thích 94:

Magic.—The art of divine Magic consists in the ability to perceive the essence of things in the light of nature (astral light),

Huyền thuật.—Nghệ thuật của Huyền thuật thiêng liêng hệ tại ở khả năng nhận biết tinh túy của sự vật trong ánh sáng của bản chất (ánh sáng cảm dục),

3. The term "astral light" can be understood in a number of ways. Here it is called "the light of nature" which, again, may suggest the light of the etheric subplanes.

3. Thuật ngữ "ánh sáng cảm dục" có thể được hiểu theo nhiều cách. Ở đây nó được gọi là "ánh sáng của bản chất", điều này lại có thể gợi ý ánh sáng của các cõi phụ dĩ thái.

4. The word "essence", too, can be variously interpreted. In a sense, an etheric template is the "essence" of all things physical, though it is not the true essence.

4. Từ "tinh túy" cũng có thể được giải thích theo nhiều cách. Theo một nghĩa nào đó, một khuôn mẫu dĩ thái là "tinh túy" của mọi sự vật hồng trần, dù nó không phải là tinh túy đích thực.

and—by using the **soul-powers of the Spirit**

và—bằng cách sử dụng **các quyền năng linh hồn của Tinh thần**

5. This is a very interesting phrase—"the soul-powers of the Spirit". Indeed, the soul is an extension of the Spirit.

5. Đây là một cụm từ rất thú vị—"các quyền năng linh hồn của Tinh thần". Quả thật, linh hồn là một sự mở rộng của Tinh thần.

6. Both soul power and Spirit powers are involved in the magical process, but first soul powers and when we become students of white magic, as now we are, it is the magical powers of the soul to which we first attend.

6. Cả quyền năng linh hồn lẫn các quyền năng của Tinh thần đều tham dự vào tiến trình huyền thuật, nhưng trước hết là các quyền năng linh hồn; và khi chúng ta trở thành đạo sinh của chánh thuật, như hiện nay, thì trước tiên chúng ta chú ý đến các quyền năng huyền thuật của linh hồn.

—**to produce material things from the unseen universe**,

—**để tạo ra những sự vật vật chất từ vũ trụ vô hình**,

7. The "unseen universe" consists of all the subtle planes. For practical purposes, we can consider this universe as consisting of the etheric-physical plane, the astral plane, the mental plane and the higher mental plane. Impression may arise in still higher worlds, but in order to be materialized, it has to pass

7. "Vũ trụ vô hình" gồm tất cả các cõi vi tế. Vì mục đích thực tiễn, chúng ta có thể xem vũ trụ này gồm cõi hồng trần-dĩ thái, cõi cảm dục, cõi trí và Cõi thượng trí. Ấn tượng có thể phát sinh trong những thế giới còn cao hơn nữa, nhưng để được hiện hình, nó phải đi qua chân ngã cao hơn và qua các phương diện vi tế của bộ máy phàm ngã.

through the higher Ego and through the subtle aspects of the personality equipment.

and in such operations the Above and the Below must be brought together and made to act harmoniously.—S. D., II, 538.

và trong những thao tác như thế, Cái Trên và Cái Dưới phải được đưa lại với nhau và làm cho hoạt động hài hòa.—S. D., II, 538.

8. We have here a version of the seventh ray Word of Power—"The Highest and the Lowest Meet". The first and seventh rays are both involved in bringing the "Above" and the "Below" together. It is via the fourth ray that they can these two can be "made to act harmoniously".

8. Ở đây chúng ta có một phiên bản của Quyền năng từ cung bảy—"Cái Cao Nhất và Cái Thấp Nhất Gặp Nhau". Cung một và cung bảy đều cùng tham dự vào việc đưa "Cái Trên" và "Cái Dưới" lại với nhau. Chính qua cung bốn mà hai cái này có thể được "làm cho hoạt động hài hòa".

9. These three rays, the first, fourth and seventh, present the essence of Masonry and also of the ancient Egyptian Mystery Religion.

9. Ba cung này, cung một, cung bốn và cung bảy, trình bày tinh túy của Hội Tam Điểm và cả của Tôn Giáo Huyền Nhiệm Ai Cập cổ đại.

Magic is the **second of the four Vidyas**, and is the great maha-Vidya in the Tantric writings.

Huyền thuật là **thứ hai trong bốn Vidya**, và là maha-Vidya vĩ đại trong các trước tác Tantras.

"Of the four Vidyas -- out of the seven branches of Knowledge mentioned in the Puranas -- namely, **'Yajna-Vidya'** (the performance of religious rites in order to produce certain results); **'Maha-Vidya,'** the great (Magic) knowledge, now degenerated into Tantrika worship; **'Guhya-Vidya,'** the science of Mantras and their true rhythm or chanting, of mystical incantations, etc. -- it is only the last one, **'Atma-Vidya,'** or the true *Spiritual* and *Divine wisdom*, which can throw absolute and final light upon the teachings of the three first named. Without the help of Atma-Vidya, the other three remain no better than *surface* sciences, geometrical magnitudes having length and breadth, but no thickness." (Spiritual Theosophy Dictionary)

"Trong bốn Vidya -- trong số bảy ngành Tri Thức được nhắc đến trong các Purana -- tức là, **'Yajna-Vidya'** (việc thực hiện các nghi lễ tôn giáo nhằm tạo ra những kết quả nhất định); **'Maha-Vidya,'** tri thức vĩ đại (Huyền thuật), nay đã suy đồi thành sự thờ phụng Tantrika; **'Guhya-Vidya,'** khoa học về các Mantram và nhịp điệu hay cách xướng chân chính của chúng, về những câu chú thần bí, v.v. -- chỉ có môn cuối cùng, **'Atma-Vidya,'** hay *minh triết tinh thần và thiêng liêng* chân chính, mới có thể rọi ánh sáng tuyệt đối và tối hậu lên giáo huấn của ba môn được nêu tên trước. Không có sự trợ giúp của Atma-Vidya, ba môn kia vẫn chỉ là những khoa học *bề mặt*, những đại lượng hình học có chiều dài và chiều rộng, nhưng không có chiều sâu." (Từ điển Thông Thiên Học Tinh thần)

10. We may think of magic as the knowledge *of* all forms and *over* all forms—this knowledge an expression of the spiritual essence of man.

10. Chúng ta có thể nghĩ về huyền thuật như tri thức *về* mọi hình tướng và *trên* mọi hình tướng—tri thức này là một biểu hiện của tinh túy tinh thần của con người.

It needs the light of the fourth vidya (atmavidya) thrown on it in order to be White magic.—S. D., I, 192.

Nó cần ánh sáng của vidya thứ tư (atmavidya) chiếu rọi lên nó để trở thành chánh thuật.—S. D., I, 192.

11. DK does not tell us the nature of the four Vidyas or powers (though see above=, but we can see that uninfluenced by the fourth or highest Vidya (expressive of the power of the will aspect and identified with the highest of the seventh principles), magic cannot be *white* magic.

11. Chân sư DK không cho chúng ta biết bản chất của bốn Vidya hay quyền năng này (dù xem phần trên=), nhưng chúng ta có thể thấy rằng nếu không được vidya thứ tư hay cao nhất tác động đến (vidya biểu lộ quyền năng của phương diện ý chí và đồng nhất với nguyên khí cao nhất trong bảy nguyên khí), thì huyền thuật không thể là *chánh* thuật.

12. The *whiteness* of magic arises from the fact that it is aligned with the Spirit and the Higher Will, and represents them.

12. Tính *trắng* của huyền thuật phát sinh từ sự kiện rằng nó được chỉnh hợp với Tinh thần và Ý Chí Cao Cả, và biểu hiện các điều ấy.

Black Magic is defined by H. P. B. as follows:

H. P. B. định nghĩa Hắc thuật như sau:

a. Black magic employs the astral light

a. Hắc thuật sử dụng ánh sáng cảm dục

The invisible region that surrounds our globe, as it does every other, and corresponding as the second Principle of Kosmos (the third being Life, of which it is the vehicle) to the *Linga Sarira.* or Astral Double in man. A subtle Essence visible only to a clairvoyant eye, and the lowest but one (viz. the earth) of the Seven Akashic or Kosmic Principles. Eliphas Levi calls it the great Serpent and the Dragon from which radiates on Humanity every evil influence. This is so; but why not add that the Astral Light gives out nothing but what it has received; that it is the great terrestrial crucible, in which the vile emanations of the earth (moral and physical) upon which the

Miền vô hình bao quanh bầu hành tinh của chúng ta, cũng như bao quanh mọi bầu hành tinh khác, và tương ứng, như Nguyên khí thứ hai của Vũ Trụ (nguyên khí thứ ba là Sự sống, mà nó là vận cụ), với *Linga Sarira.* hay Bản Sao Cảm Dục nơi con người. Một Tinh chất vi tế chỉ thấy được đối với con mắt thông nhãn, và là nguyên khí thấp thứ nhì (nghĩa là trên Trái Đất) trong Bảy Nguyên khí Akasha hay Vũ Trụ. Eliphas Levi gọi nó là Con Rắn lớn và Con Rồng, từ đó mọi ảnh hưởng xấu đều phát xạ lên Nhân loại. Điều này là đúng; nhưng tại sao không nói thêm rằng Ánh Sáng Cảm Dục không phát ra điều gì ngoài những gì nó đã tiếp nhận; rằng nó là chiếc nồi nấu luyện lớn của địa cầu, trong đó

Astral Light is fed, are all converted into their subtlest essence, and radiated back intensified, thus becoming epidemics - moral, psychic and physical. Finally, the Astral Light is the same as the *Sidereal Light* of Paracelsus and other Hermetic philosophers. Physically, it is the ether of modern [Note, 19th century] science. Metaphysically, and in its spiritual, or occult sense, ether is a great deal more than is often imagined. In occult physics and alchemy it is well demonstrated to enclose within its shoreless waves not only Mr. Tyndall's "*promise* and potency of every quality of life" but also the *realisation* of the potency of every quality of spirit. (H.P.B. from the Theosophical Glossary)

những phát xạ thấp kém của trái đất (đạo đức và hồng trần), là thứ nuôi dưỡng Ánh Sáng Cảm Dục, đều được chuyển thành tinh túy vi tế nhất của chúng, rồi được phát xạ trở lại với cường độ tăng mạnh, nhờ đó trở thành những dịch bệnh - đạo đức, thông linh và hồng trần. Sau cùng, Ánh Sáng Cảm Dục cũng chính là *Ánh Sáng Tinh Tú* của Paracelsus và các triết gia Hermetic khác. Về mặt hồng trần, nó là dĩ thái của khoa học hiện đại [Lưu ý, thế kỷ 19]. Về mặt siêu hình, và trong ý nghĩa tinh thần hay huyền bí của nó, dĩ thái còn lớn lao hơn nhiều so với điều người ta thường tưởng. Trong vật lý học huyền bí và thuật luyện kim, người ta đã chứng minh rõ rằng trong những làn sóng vô bờ của nó không chỉ bao hàm *"lời hứa* và tiềm năng của mọi phẩm tính của sự sống" của ông Tyndall mà còn cả *sự chứng nghiệm* của tiềm năng của mọi phẩm tính của tinh thần. (H.P.B. trích từ Theosophical Glossary)

13. Again, the formative power of nature. We are dealing with creative work and the all-important *motive* behind that work.

13. Một lần nữa, đây là quyền năng tạo hình của bản chất. Chúng ta đang bàn đến công việc sáng tạo và *động cơ* tối quan trọng đứng sau công việc ấy.

14. When we speak of magic we inevitably must discuss the ethers and their use. Both types of magicians employ the ethers, though, from what DK tells us above and elsewhere, the black magician uses the ethers far more frequently. The white magician is more likely to impulse creation from a subtle vibratory level 'above' the ethers. In earlier sections of this book DK emphasized the use by the Spiritual Hierarchy of the magnetic forces of the astral plane. As the White Brothers work with souls, their impulses emanate from still higher levels.

14. Khi nói về huyền thuật, tất yếu chúng ta phải bàn đến các dĩ thái và việc sử dụng chúng. Cả hai loại nhà huyền thuật đều sử dụng các dĩ thái, dù theo điều Chân sư DK nói ở trên và ở nơi khác, nhà hắc thuật sử dụng các dĩ thái thường xuyên hơn nhiều. Nhà huyền thuật chánh đạo có nhiều khả năng thúc đẩy sự sáng tạo từ một cấp độ rung động vi tế "ở trên" các dĩ thái. Trong những phần trước của quyển sách này, Chân sư DK đã nhấn mạnh việc Thánh đoàn tinh thần sử dụng các mãnh lực từ tính của cõi cảm dục. Vì các Huynh Đệ Chánh đạo làm việc với các linh hồn, nên các xung lực của họ phát ra từ những cấp độ còn cao hơn nữa.

for purposes of deception and seduction,

vì những mục đích lừa dối và quyến dụ,

15. No true forms are created. Forms are created to deceive and mislead. Forms are utilized to gain power over others by weakening their will.

15. Không có hình tướng chân thực nào được tạo ra. Các hình tướng được tạo ra để lừa dối và dẫn lạc. Các hình tướng được sử dụng để giành quyền lực trên người khác bằng cách làm suy yếu ý chí của họ.

16. The black brother on the second ray is called "The Deluder of Souls". On the third ray, he is called "The Manipulator of Souls".

16. Huynh đệ bóng tối thuộc cung hai được gọi là "Kẻ Mê Hoặc các linh hồn". Ở cung ba, y được gọi là "Kẻ Thao Túng các linh hồn".

whereas the white magician employs it for purposes of information, and the aiding of evolution.—S. D., I, 274.

trong khi nhà huyền thuật chánh đạo sử dụng nó vì những mục đích truyền đạt thông tin và trợ giúp tiến hoá.—S. D., I, 274.

17. The forms created by the white magician convey light and attempt faithfully to represent the greater archetypal arupa forms ('formless forms') inherent in the Divine Plan.

17. Các hình tướng do nhà huyền thuật chánh đạo tạo ra truyền đạt ánh sáng và cố gắng biểu hiện trung thành những hình tướng nguyên mẫu arupa lớn hơn ("những hình tướng vô tướng") vốn tiềm ẩn trong Thiên Cơ.

18. Are we in a position to determine why a subtle form was created and whether it is, in essence, beneficent or maleficent?

18. Chúng ta có ở vào vị thế để xác định vì sao một hình tướng vi tế được tạo ra và liệu về bản chất nó là thiện lành hay độc hại không?

b. Black magic works with opposing poles. The white magician seeks the point of equilibrium or balance, and of synthesis.—S. D., I, 448.

b. Hắc thuật làm việc với các cực đối nghịch. Nhà huyền thuật chánh đạo tìm kiếm điểm quân bình hay cân bằng, và điểm tổng hợp. —S. D., I, 448.

19. This is an interesting distinction. We can see that the principle of conflict (and, hence, disharmony and destruction) is built into the black magical process, but that the reconciliation of the poles leading to unity is characteristic of the method pursued by the white magician.

19. Đây là một sự phân biệt thú vị. Chúng ta có thể thấy rằng nguyên lý xung đột (và do đó, bất hòa và hủy diệt) được cài sẵn trong tiến trình hắc thuật, còn sự hòa giải các cực dẫn đến hợp nhất lại là đặc trưng của phương pháp mà nhà huyền thuật chánh đạo theo đuổi.

20. Evolution is unitive in intent. Involution divides and differentiates.

20. Tiến hoá có ý hướng hợp nhất. Giáng hạ tiến hoá thì phân chia và biến phân.

c. Black magic has for its symbol the **inverted 5-pointed star.** White magic uses **the same symbol with the point uppermost.**

c. Hắc thuật lấy **ngôi sao 5 cánh đảo ngược.** làm biểu tượng. Chánh thuật dùng **cùng biểu tượng ấy nhưng với một đỉnh hướng lên trên.**

21. Many are familiar with this distinction. There is probably far more occultism in it than we can at present grasp.

21. Nhiều người đã quen thuộc với sự phân biệt này. Có lẽ trong đó chứa đựng nhiều huyền bí học hơn mức hiện nay chúng ta có thể nắm bắt.

22. We can see that the single point of the pentagram (whether pointing upwards or downwards) is the point of resolution or focused expression for the star, the most powerful point.

22. Chúng ta có thể thấy rằng một đỉnh đơn của ngôi sao năm cánh (dù hướng lên hay hướng xuống) là điểm giải quyết hay biểu hiện tập trung của ngôi sao, điểm mạnh nhất.

23. The five-pointed star represents the mind, and the direction of the single point represents the direction of the forces of the star. For the black magician the star points towards the world of desire (the astral plane immediately 'below' the lower mental) and towards dense physicality.

23. Ngôi sao năm cánh tượng trưng cho trí tuệ, và hướng của đỉnh đơn tượng trưng cho hướng đi của các mãnh lực của ngôi sao. Đối với nhà hắc thuật, ngôi sao hướng về thế giới dục vọng (cõi cảm dục ngay "bên dưới" cõi hạ trí) và về tính hồng trần đậm đặc.

24. The dualistic forces of nature, which the black magician emphasises are meant to lead to 'unitive materialism'—the complete power of matter over soul and Spirit.

24. Các mãnh lực nhị nguyên của bản chất mà nhà hắc thuật nhấn mạnh được dự định dẫn đến "chủ nghĩa duy vật hợp nhất"—quyền lực hoàn toàn của vật chất đối với linh hồn và Tinh thần.

25. For the white magician, the direction is towards the higher mental plane and the spiritual triad.

25. Đối với nhà huyền thuật chánh đạo, hướng đi là về phía Cõi thượng trí và Tam Nguyên Tinh Thần.

26. Thus, the upright five-pointed star signals the direction of release and the inverted star, the direction of bondage.

26. Do đó, ngôi sao năm cánh dựng thẳng báo hiệu hướng giải thoát, còn ngôi sao đảo ngược báo hiệu hướng trói buộc.

27. We have all seen the head of the devil-goat superimposed upon the inverted five-pointed star—with two horns and two ears

27. Tất cả chúng ta đều đã thấy đầu dê quỷ chồng lên ngôi sao năm cánh đảo ngược—với hai sừng và hai tai tượng trưng cho hai

representing the highest two points and middle two points of the inverted star.

đỉnh cao nhất và hai đỉnh giữa của ngôi sao đảo ngược.

28. This image suggests the lower expression of Capricorn—dense, materialistic—interested only in concretion and in the power of the lower mind over all still lower forces.

28. Hình ảnh này gợi ra biểu hiện thấp của Ma Kết—đậm đặc, duy vật—chỉ quan tâm đến sự kết tinh và quyền lực của hạ trí trên mọi mãnh lực còn thấp hơn.

d. Black magic is maha-vidya **without the light of atma-vidya**. White magic is maha-vidya illumined by atma-vidya.—S. D., I, 592.

d. Hắc thuật là maha-vidya **không có ánh sáng của atma-vidya**. Chánh thuật là maha-vidya được atma-vidya soi sáng.—S. D., I, 592.

29. This statement explains the difference precisely and is a further elaboration of the discussion of the second and fourth Vidyas above.

29. Phát biểu này giải thích sự khác biệt một cách chính xác và là sự khai triển thêm cho cuộc bàn luận ở trên về vidya thứ hai và thứ tư.

30. Atma Vidya is essentially "Spiritual or Divine Wisdom".

30. Atma Vidya về bản chất là "Minh triết Tinh thần hay Thiêng liêng".

31. Black magic is magic unillumined. White magic is illumined magic.

31. Hắc thuật là huyền thuật không được soi sáng. Chánh thuật là huyền thuật được soi sáng.

32. The greatest of all the Vidyas is "atma-vidya". It stands for the *seventh* School of Indian Philosophy, embracing the other six, just as the seventh or highest plane is the essence of the other six subplanes.

32. Vĩ đại nhất trong mọi Vidya là "atma-vidya". Nó tượng trưng cho Trường phái thứ *bảy* của Triết học Ấn Độ, bao gồm sáu trường phái kia, cũng như cõi thứ bảy hay cao nhất là tinh túy của sáu cõi phụ còn lại.

e. Black magic is ruled over by the moon. White magic is ruled over by the sun.

e. Hắc thuật bị mặt trăng cai quản. Chánh thuật bị mặt trời cai quản.

33. We have here a most powerful distinction. We also find it in esoteric healing—lunar forces lead to disease and death; solar energies lead to health and life.

33. Ở đây chúng ta có một sự phân biệt cực kỳ mạnh mẽ. Chúng ta cũng thấy điều đó trong trị liệu huyền môn—các mãnh lực nguyệt dẫn đến bệnh tật và cái chết; các năng lượng thái dương dẫn đến sức khỏe và sự sống.

When the building energies of the soul are active in the body, then there is health, clean interplay and right activity. When the builders are the lunar lords and those who work under the control of the moon and at the behest of the lower Personal self, then you have disease, ill health and death. (EH 191)

Khi các năng lượng kiến tạo của linh hồn hoạt động trong thể, thì có sức khỏe, sự tương tác thanh sạch và hoạt động đúng đắn. Khi các đấng kiến tạo là các nguyệt tinh quân và những vị hoạt động dưới sự kiểm soát của mặt trăng và theo mệnh lệnh của phàm ngã thấp, thì bạn có bệnh tật, sức khỏe kém và cái chết. (EH 191)

34. The Moon, symbolically and for lives attempting to express themselves progressively within the Earth-chain represents all that is retrogressive. Such forces represent the forces of the past, forces which should have been mastered and outlived but which are allowed to attract and even dominate.

34. Mặt Trăng, về mặt biểu tượng và đối với những sự sống đang cố gắng biểu hiện chính mình một cách tiến bộ trong Dãy Địa Cầu, tượng trưng cho tất cả những gì là thoái hóa. Những mãnh lực như thế tượng trưng cho các mãnh lực của quá khứ, những mãnh lực lẽ ra phải được chế ngự và vượt qua nhưng lại được cho phép hấp dẫn và thậm chí thống trị.

35. In an important sense, black magic is a refusal to move into the future. It is based upon a perverse satisfaction with the powers of the past and the attempt to perpetuate those powers unduly instead of developing the powers appropriate to the present (the forces related to Love) which lead to the fulfillment of the intended divinely intended plans.

35. Theo một nghĩa quan trọng, hắc thuật là sự từ chối tiến vào tương lai. Nó dựa trên một sự thỏa mãn lệch lạc với các quyền năng của quá khứ và nỗ lực kéo dài các quyền năng ấy một cách quá mức thay vì phát triển những quyền năng thích hợp với hiện tại (các mãnh lực liên hệ đến Bác ái), những quyền năng dẫn đến sự hoàn thành các kế hoạch được thiêng liêng dự định.

f. Black and white magic arose during the great schism which started during the fourth root-race.—S. D., II, 221, 445, 520.

f. Hắc thuật và chánh thuật phát sinh trong cuộc phân ly lớn bắt đầu vào giống dân gốc thứ tư.—S. D., II, 221, 445, 520.

36. DK has described the great conflict between the “Lords of the Dark Face” and the “Lords of the Shining Countenance”. This schism arose for many reasons. In one respect it was exacerbated by the entry of intelligent Moon-chain Egos into the Earth-chain during the early fourth rootrace. From another perspective, the conflict was precipitated by the highly intelligent but morally degraded initiates of the first solar

36. Chân sư DK đã mô tả cuộc xung đột lớn giữa “các Đấng của Khuôn Mặt Tối Tăm” và “các Đấng của Dung Nhan Rạng Ngời”. Sự phân ly này phát sinh vì nhiều lý do. Theo một phương diện, nó bị làm trầm trọng thêm bởi sự gia nhập của các Chân ngã Dãy Mặt Trăng thông minh vào Dãy Địa Cầu trong thời kỳ đầu của giống dân gốc thứ tư. Theo một góc nhìn khác, cuộc xung đột bị kết tủa bởi những điểm đạo đồ rất thông

system who sought to dominate a humanity which was still in its early adolescence and relatively incapable of discriminating between good and evil.

minh nhưng suy đồi về đạo đức của hệ mặt trời thứ nhất, những kẻ tìm cách thống trị một nhân loại vẫn còn ở giai đoạn đầu của tuổi vị thành niên và tương đối chưa có khả năng phân biện giữa thiện và ác.

37. We should note that the fourth ray is as much as ray of division as of the healing of through harmony of division.

37. Chúng ta nên lưu ý rằng cung bốn cũng là cung của sự phân chia nhiều như là cung chữa lành thông qua sự hài hòa của phân chia.

g. Black magic is based on the degradation of sex and of the creative function. White magic is based on the transmutation of the creative faculty into the higher creative thought, the generative organs being neglected by the inner fire, which passes to the throat, the centre of creative sound.

g. Hắc thuật dựa trên sự suy đồi của tính dục và chức năng sáng tạo. Chánh thuật dựa trên sự chuyển hoá năng lực sáng tạo thành tư tưởng sáng tạo cao hơn, các cơ quan sinh dục bị nội hỏa bỏ qua, nội hỏa ấy chuyển lên cổ họng, trung tâm của âm thanh sáng tạo.

38. Here we have a crucial distinction. The sex function is meant for the production of forms through which the higher will can be expressed. When it is perverted or bent to wrong use, the form of man is weakened and is unable to support the ascension of the soul.

38. Ở đây chúng ta có một sự phân biệt then chốt. Chức năng tính dục được dự định để tạo ra những hình tướng qua đó ý chí cao hơn có thể được biểu hiện. Khi nó bị làm lệch lạc hay bị uốn theo cách sử dụng sai lầm, hình tướng con người bị suy yếu và không thể nâng đỡ sự thăng lên của linh hồn.

39. We can see how Uranus, the planet of elevation and hence, *transmutation*, is naturally connected with white magic. Interestingly, Uranus is the normal ruler of the sacral center and, if properly used, will direct these energies upwards towards the throat center contributing to the generation of the "creative sound"—a regenerative sound. In the initiate of the first degree (the true disciple), Uranus and the seventh ray become the rulers of the throat center.

39. Chúng ta có thể thấy Uranus, hành tinh của sự nâng cao và do đó của *sự chuyển hoá*, tự nhiên liên hệ với chánh thuật như thế nào. Điều thú vị là Uranus là chủ tinh thông thường của trung tâm xương cùng và, nếu được sử dụng đúng cách, sẽ hướng các năng lượng này đi lên trung tâm cổ họng, góp phần tạo ra "âm thanh sáng tạo"—một âm thanh tái sinh. Trong điểm đạo đồ bậc một (người đệ tử chân chính), Uranus và cung bảy trở thành các chủ tinh của trung tâm cổ họng.

40. From another perspective, the sacral center is ruled by the Moon—by the forces of regression leading deeper into matter. But the Moon veils Uranus which speaks of a

40. Theo một góc nhìn khác, trung tâm xương cùng bị Mặt Trăng cai quản—bởi các mãnh lực thoái hóa dẫn sâu hơn vào vật chất. Nhưng Mặt Trăng che giấu Uranus,

reorientation of the sacral center toward a higher creativity.

điều này nói lên sự tái định hướng của trung tâm xương cùng về phía một tính sáng tạo cao hơn.

41. In the contrast between the Moon and Uranus as rulers of the sacral center, we have another representation of the effects of the upright and inverted pentagram.

41. Trong sự tương phản giữa Mặt Trăng và Uranus như các chủ tinh của trung tâm xương cùng, chúng ta có thêm một biểu hiện khác của các hiệu quả của ngôi sao năm cánh dựng thẳng và đảo ngược.

42. The intended union is represented by two stars—the upright pentagram and the six-pointed star (representing the astral plane and the sacral center—the sixth chakra counting from above).

42. Sự kết hợp được dự định được biểu hiện bằng hai ngôi sao—ngôi sao năm cánh dựng thẳng và ngôi sao sáu cánh (tượng trưng cho cõi cảm dục và trung tâm xương cùng—luân xa thứ sáu tính từ trên xuống).

h. Black magic deals with the forces of involution. White magic works with the powers of evolution.

h. Hắc thuật đề cập đến các mãnh lực của giáng hạ tiến hoá. Chánh thuật làm việc với các quyền năng của tiến hoá.

43. The black magician is a dedicated enemy of evolution as evolution is conceived by the Planetary Logoi and Solar Logos.

43. Nhà hắc thuật là kẻ thù tận tụy của tiến hoá như tiến hoá được các Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế quan niệm.

44. We are learning that the black magician works with the elementals but not exclusively so. There are also some lesser manipulating devas with which the black brother also works. DK has detailed the lower devas who respond to the behests of the black magician and those who do not.

44. Chúng ta đang học rằng nhà hắc thuật làm việc với các hành khí nhưng không chỉ riêng với chúng. Cũng có một số thiên thần thao túng thấp mà huynh đệ bóng tối cũng làm việc cùng. Chân sư DK đã trình bày chi tiết về các thiên thần thấp đáp ứng các mệnh lệnh của nhà hắc thuật và những vị không đáp ứng.

45. Still, the *quality* of the lives with which these various magicians work is an important discriminating factor. The white magician works naturally with higher types of devic entities.

45. Tuy nhiên, *phẩm tính* của những sự sống mà các nhà huyền thuật khác nhau này làm việc cùng là một yếu tố phân biện quan trọng. Nhà huyền thuật chánh đạo tự nhiên làm việc với những loại thực thể thiên thần cao hơn.

i. Black magic is concerned with the form, with matter. White magic is concerned with the life within the form, with Spirit.

i. Hắc thuật quan tâm đến hình tướng, đến vật chất. Chánh thuật quan tâm đến sự sống bên trong hình tướng, đến Tinh thần.

46. We have the great pairs of opposites, Spirit and matter. It comes as no surprise that black magic is concerned with the matter aspect and with attempting to preserve the dominance of matter over Spirit.

46. Chúng ta có cặp đối cực lớn, Tinh thần và vật chất. Không có gì đáng ngạc nhiên khi hắc thuật quan tâm đến phương diện vật chất và đến việc cố duy trì sự thống trị của vật chất đối với Tinh thần.

47. In this respect, the nucleus of any atom (we have been told that the energy of buddhi lies at the heart of every atom) is the concern of the white magician and the electrons the focus of the black magician.

47. Về phương diện này, hạt nhân của bất kỳ nguyên tử nào (chúng ta đã được cho biết rằng năng lượng của Bồ đề nằm ở trung tâm của mọi nguyên tử) là mối quan tâm của nhà huyền thuật chánh đạo, còn các điện tử là trọng tâm của nhà hắc thuật.

48. Can we distinguish in our own energy system between those forces and patterns which are responsive to the nucleus of the human atom and those which are related to its electronic nature?

48. Trong hệ thống năng lượng của chính mình, chúng ta có thể phân biệt giữa những mãnh lực và mô hình đáp ứng với hạt nhân của nguyên tử nhân loại và những gì liên hệ với bản chất điện tử của nó không?

49. We might also say that white magic is concerned with higher types of forms—those of an arupa nature and found within the cosmic ethers.

49. Chúng ta cũng có thể nói rằng chánh thuật quan tâm đến những loại hình tướng cao hơn—những hình tướng có bản chất arupa và được tìm thấy trong các dĩ thái vũ trụ.

The distinction between the two exists in both motive and method, and might be summed up as follows:

Sự phân biệt giữa hai bên tồn tại cả trong động cơ lẫn phương pháp, và có thể được tóm tắt như sau:

50. We are certainly using the Geminian/Mercurian method of *contrast* to gain the clearest possible idea of the differences between these two groups, so active on the world stage at this very moment of history just as once they were in Atlantean times.

50. Chắc chắn chúng ta đang sử dụng phương pháp Song Tử/Sao Thủy của *sự tương phản* để đạt được ý niệm rõ ràng nhất có thể về những khác biệt giữa hai nhóm này, hiện đang hoạt động mạnh mẽ trên vũ đài thế giới vào chính thời điểm lịch sử này cũng như đã từng như thế trong thời Atlantis.

The white magician has for motive that which will be of benefit to the group for whom he is expending his energy and time.

51. We see that the white magician is *group consciousness.* He thinks beyond his own ring-pass-not. He is actuated by love and inclusiveness.

The magician of the left hand path ever works alone, or if he at any time co-operates with others, it is with a hidden selfish purpose.

52. We see the unworthy motive for engaging in alliances.

53. The unrelated atom can be seen as a symbol of the third aspect of divinity. The principle of right relationship has not yet influenced those who are exclusively motivated by third aspect values.

54. We see also that the principle of concealment is one of the chief methods by means of which the black brother works.

55. The left hand path leads to intense individualism and, hence, isolation.

56. If there is coalition on magicians on the left hand path, it is not a natural coalition based on loving magnetism, but is unnatural and enforced, the seeds of its own disintegration prominent though suppressed.

57. If the black magician seems to cooperate with those who are *not* on the left hand

Nhà huyền thuật chánh đạo lấy làm động cơ điều gì sẽ mang lại lợi ích cho nhóm mà y đang dành năng lượng và thời gian của mình cho họ.

51. Chúng ta thấy rằng nhà huyền thuật chánh đạo là *tâm thức nhóm.* Y suy nghĩ vượt ra ngoài vòng-giới-hạn của riêng mình. Y được thúc đẩy bởi bác ái và tính bao gồm.

Nhà huyền thuật của tả đạo luôn luôn làm việc một mình, hoặc nếu vào bất kỳ lúc nào y hợp tác với người khác, thì đó là với một mục đích ích kỷ ẩn giấu.

52. Chúng ta thấy động cơ bất xứng đằng sau việc tham gia các liên minh.

53. Nguyên tử không liên hệ có thể được xem như một biểu tượng của phương diện thứ ba của thiên tính. Nguyên lý của mối liên hệ đúng đắn vẫn chưa tác động đến những ai chỉ được thúc đẩy bởi các giá trị của phương diện thứ ba.

54. Chúng ta cũng thấy rằng nguyên lý che giấu là một trong những phương pháp chủ yếu mà huynh đệ bóng tối sử dụng để hoạt động.

55. Tả đạo dẫn đến chủ nghĩa cá nhân mãnh liệt và do đó dẫn đến cô lập.

56. Nếu có sự liên minh của các nhà huyền thuật trên tả đạo, thì đó không phải là một liên minh tự nhiên dựa trên từ điện của bác ái, mà là điều không tự nhiên và bị cưỡng ép, trong đó những hạt giống của sự tan rã của chính nó nổi bật dù bị đè nén.

57. Nếu nhà hắc thuật dường như hợp tác với những người *không* ở trên tả đạo, thì đó

path, it is for purposes of deceiving them and using them for his own purposes.

là nhằm lừa dối họ và sử dụng họ cho những mục đích riêng của y.

The exponent of white magic interests himself in the work of **constructive endeavour** in order to co-operate in hierarchical plans, and to **further the desires of the planetary Logos**.

Người đại diện của chánh thuật quan tâm đến công việc **nỗ lực kiến tạo** để hợp tác trong các kế hoạch của Thánh đoàn, và **thúc đẩy các mục đích của Hành Tinh Thượng Đế**.

58. The white magician serves his superiors in the spirit of love. The black magician, if he does serve a known superior, serves from fear or with the intent of personal gain.

58. Nhà huyền thuật chánh đạo phụng sự các bậc trên mình trong tinh thần bác ái. Nhà hắc thuật, nếu y có phụng sự một bề trên mà y biết, thì phụng sự vì sợ hãi hoặc với ý định thu lợi cá nhân.

59. We can see that the white magician is, essentially, a *builder* and the brother of the left hand path is, essentially, a destroyer, an obstructer. Or if the dark brother seems to be constructive, it is constructiveness with destructive purposes in mind.

59. Chúng ta có thể thấy rằng nhà huyền thuật chánh đạo, về bản chất, là một *đấng kiến tạo* còn huynh đệ của tả đạo, về bản chất, là một kẻ hủy diệt, một kẻ cản trở. Hoặc nếu huynh đệ bóng tối có vẻ như đang kiến tạo, thì đó là sự kiến tạo với những mục đích hủy diệt trong tâm trí.

60. In the white magician, there exists inherent selflessness. The opposite is naturally true of the dark brother.

60. Trong nhà huyền thuật chánh đạo có sẵn tính vô ngã. Điều ngược lại dĩ nhiên đúng đối với huynh đệ bóng tối.

The Brother of Darkness occupies himself with **that which lies outside the plans of the Hierarchy** and **with that which is not included in the purpose of the Lord of the planetary Ray.**

Huynh Đệ Bóng Tối bận tâm với **điều gì nằm ngoài các kế hoạch của Thánh Đoàn** và **với điều gì không được bao gồm trong mục đích của Chúa Tể của Cung hành tinh.**

61. In the black magician there is an inherent rebellion against his *true* spiritual Superiors—such as Sanat Kumara and the Spiritual Hierarchy of the planet and also the Planetary Logos of the planet on which he works. He is envious of them. He seeks Their downfall and his own elevation. He seeks to thwart the purposes and plans.

61. Trong nhà hắc thuật có một sự phản loạn cố hữu chống lại các Bề Trên tinh thần *đích thực* của y—như Đức Sanat Kumara và Thánh đoàn tinh thần của hành tinh, cũng như Hành Tinh Thượng Đế của hành tinh mà y hoạt động trên đó. Y ghen tị với Các Ngài. Y tìm cách làm sụp đổ Các Ngài và nâng cao chính mình. Y tìm cách cản trở các mục đích và kế hoạch.

62. We can see that the black magician is characterized by a definite and drastic limitation of perspective.

62. Chúng ta có thể thấy rằng nhà hắc thuật được đặc trưng bởi một sự giới hạn quan điểm rõ rệt và nghiêm trọng.

The white magician, as has been earlier said, works entirely through the greater Deva Builders,

Nhà huyền thuật chánh đạo, như đã được nói trước đây, làm việc hoàn toàn thông qua các đấng đại kiến tạo thiên thần,

63. From one perspective this is work within the cosmic ethers. But we do not want to raise the consideration beyond the context we are considering.

63. Theo một góc nhìn, đây là công việc trong các dĩ thái vũ trụ. Nhưng chúng ta không muốn nâng sự xem xét vượt quá bối cảnh đang được bàn đến.

64. These greater Deva Builders can also be found upon the higher mental plane where the egoic group life is pursued.

64. Các đấng đại kiến tạo thiên thần này cũng có thể được tìm thấy trên Cõi thượng trí, nơi đời sống nhóm chân ngã được theo đuổi.

65. From another perspective the "greater Deva Builders" are those upon the evolutionary path and not the "lesser builders", who can be understood as substance itself.'

65. Theo một góc nhìn khác, "các đấng đại kiến tạo thiên thần" là những vị ở trên con đường tiến hoá chứ không phải "các vị tiểu kiến tạo", những vị có thể được hiểu là chính chất liệu.'

66. The greatest of the Deva Builders with Whom the white magician associates (when He becomes a Master) are the Raja Deva Lords of the seven solar planes. These great Lords are utterly loyal to the purpose and plans of the Planetary Logos.

66. Vĩ đại nhất trong các đấng kiến tạo thiên thần mà nhà huyền thuật chánh đạo liên kết cùng (khi Ngài trở thành một Chân sư) là các Raja Deva Lords của bảy cõi thái dương. Những Đấng vĩ đại này tuyệt đối trung thành với mục đích và các kế hoạch của Hành Tinh Thượng Đế.

and **through sound and numbers he blends their work**, and thus influences **the lesser Builders who form the substance of their bodies**, and therefore of all that is.

và **thông qua âm thanh và các con số, y hòa trộn công việc của các vị ấy**, và nhờ đó tác động đến **các vị tiểu kiến tạo tạo thành chất liệu của các thể của các vị ấy**, và do đó của mọi cái đang hiện hữu.

67. Sometimes the term, "lesser builders" refers even to devas in the three worlds who are on the evolutionary path. In this case the

67. Đôi khi thuật ngữ "các vị tiểu kiến tạo" thậm chí còn chỉ các thiên thần trong ba cõi giới đang ở trên con đường tiến hoá. Trong

"lesser Builders" appears to be involutionary substance as well.

trường hợp này, "các vị tiểu kiến tạo" dường như cũng là chất liệu giáng hạ tiến hoá nữa.

68. We note that the white magician does not work directly upon these lesser Builders but, through sound and numbers, blends the work of the greater Builders who in their turn influence the lesser Builders.

68. Chúng ta lưu ý rằng nhà huyền thuật chánh đạo không làm việc trực tiếp trên các vị tiểu kiến tạo này mà, thông qua âm thanh và các con số, hòa trộn công việc của các đấng đại kiến tạo, rồi đến lượt các vị này tác động đến các vị tiểu kiến tạo.

69. The terms "greater Builders" and "lesser Builders" are, we see, relative terms. We have to establish the context under discussion to determine exactly which Builders are being referenced.

69. Như chúng ta thấy, các thuật ngữ "đấng đại kiến tạo" và "vị tiểu kiến tạo" là những thuật ngữ tương đối. Chúng ta phải xác lập bối cảnh đang được bàn đến để xác định chính xác những đấng kiến tạo nào đang được nói tới.

He works [Page 986] through group centres and vital points of energy, and from thence produces, in substance, the desired results.

Ngài hoạt động [Page 986] qua các trung tâm nhóm và các điểm năng lượng thiết yếu, và từ đó tạo ra, trong chất liệu, những kết quả mong muốn.

70. What are "group centers"? On the higher mental plane there are egoic groups which can be considered group centers. Also the combined chakras of a group can be considered a group center.

70. "Các trung tâm nhóm" là gì? Trên Cõi thượng trí có những nhóm chân ngã có thể được xem là các trung tâm nhóm. Ngoài ra, các luân xa kết hợp của một nhóm cũng có thể được xem là một trung tâm nhóm.

71. On the buddhic plane, there are Ashrams and these, too, are group centers.

71. Trên cõi Bồ đề, có các ashram và các ashram này cũng là những trung tâm nhóm.

72. DK is purposely somewhat vague here. "Vital points of energy" can mean any number of things.

72. Ở đây, Chân sư DK cố ý nói hơi mơ hồ. "Các điểm năng lượng thiết yếu" có thể mang nhiều ý nghĩa khác nhau.

73. From one perspective, permanent atoms are "vital points of energy". The energy of the permanent atoms is higher than the energy of substance, per se, and may offer a point of useful expression for the White Brother.

73. Từ một góc nhìn, các nguyên tử trường tồn là "những điểm năng lượng thiết yếu". Năng lượng của các nguyên tử trường tồn cao hơn năng lượng của chính chất liệu, và có thể đem lại một điểm biểu hiện hữu ích cho huynh đệ chánh đạo.

The dark brother works directly with substance itself, and with the lesser builders;

74. In this case, DK discriminates between the energy of substance (elemental substance) and the lesser builders. Sometimes the "lesser builders" and substance are considered equivalent.

75. In any case, the dark brother works with lower rather than higher forms of devic life and definitely with involutionary substance (building essence).

He does not co-operate with the forces which emanate from egoic levels.

76. We have a hint here of how the White Brother works: **he cooperates with forces which emanate from egoic levels.** And **it is here that we may find those "group centers" referenced above**.

77. We have been told that the Master works with *souls* and not with personalities. This may be a hint that the Master works principally with devic forces found upon the higher mental plane and not with devas to be found as builders within the personality —though certainly the White Brother is *capable* of working with the higher types of these devas.

The lesser cohorts of the "Army of the Voice" are his servants, and not the directing Intelligences in the three worlds,

Huynh đệ bóng tối làm việc trực tiếp với chính chất liệu, và với các vị tiểu kiến tạo;

74. Trong trường hợp này, Chân sư DK phân biệt giữa năng lượng của chất liệu (chất liệu hành khí) và các vị tiểu kiến tạo. Đôi khi "các vị tiểu kiến tạo" và chất liệu được xem là tương đương nhau.

75. Dù sao đi nữa, huynh đệ bóng tối làm việc với những hình thái thấp hơn thay vì cao hơn của sự sống thiên thần, và rõ ràng với chất liệu giáng hạ tiến hoá (tinh chất kiến tạo).

Y không cộng tác với các mãnh lực phát ra từ các cấp độ chân ngã.

76. Ở đây chúng ta có một gợi ý về cách huynh đệ chánh đạo hoạt động: **y cộng tác với các mãnh lực phát ra từ các cấp độ chân ngã.** Và **chính ở đây chúng ta có thể tìm thấy những "trung tâm nhóm" đã được nhắc đến ở trên**.

77. Chúng ta đã được cho biết rằng Chân sư làm việc với *các linh hồn* chứ không làm việc với các phàm ngã. Đây có thể là một gợi ý rằng Chân sư chủ yếu làm việc với các mãnh lực thiên thần được tìm thấy trên Cõi thượng trí chứ không phải với các thiên thần được tìm thấy như những đấng kiến tạo bên trong phàm ngã—mặc dù chắc chắn huynh đệ chánh đạo *có khả năng* làm việc với các loại thiên thần cao hơn này.

Các đoàn ngũ thấp hơn của "Đạo Quân của Âm Thanh" là những kẻ phụng sự của y, chứ không phải các Trí Tuệ chỉ đạo trong ba cõi giới,

78. Here we have a technical occult phrase: "the lesser cohorts of the 'Army of the Voice. These seem to be the lesser and lower devas, but still devas who are on the evolutionary path.

78. Ở đây chúng ta có một cụm từ huyền bí học chuyên môn: "các đoàn ngũ thấp hơn của 'Đạo Quân của Âm Thanh'". Dường như đây là các thiên thần thấp hơn và nhỏ hơn, nhưng vẫn là những thiên thần đang ở trên đường tiến hoá.

79. We note, however, that the "directing Intelligences" are *in* the three worlds. So much depends on what the term "three worlds" really represents. If the three worlds, as here presented, includes the higher mental plane, then the devic forces of the higher mental plane can be considered among the "directing intelligences", but if the "three worlds" are the "lower three worlds" (as is so often the case when the term "three worlds" is used), then the solar angelic forces of the higher mental plane will not be included, and the "directing Intelligences" will have to be found upon the lower mental plane, the astral plane, and the etheric subplanes.

79. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng các "Trí Tuệ chỉ đạo" ở *trong* ba cõi giới. Rất nhiều điều tùy thuộc vào việc thuật ngữ "ba cõi giới" thực sự biểu thị điều gì. Nếu ba cõi giới, như được trình bày ở đây, bao gồm cõi thượng trí, thì các mãnh lực thiên thần của cõi thượng trí có thể được xem là thuộc về các "Trí Tuệ chỉ đạo"; nhưng nếu "ba cõi giới" là "ba cõi thấp" (như thường xảy ra khi thuật ngữ "ba cõi giới" được dùng), thì các mãnh lực thái dương thiên thần của cõi thượng trí sẽ không được bao gồm, và các "Trí Tuệ chỉ đạo" sẽ phải được tìm thấy trên cõi hạ trí, cõi cảm dục, và các cõi phụ dĩ thái.

80. But we have already been shown that there are certain of the devas within the lower three worlds with which the dark brother simply cannot work whereas the White Brother can. From this we may assume that, even though the white magician may tend toward work with forces of the higher mental plane and even those upon the cosmic ethers, He is also capable of working with devic forces of the lower three worlds with whom the black magician cannot work.

80. Nhưng chúng ta đã được chỉ ra rằng có một số thiên thần trong ba cõi thấp mà huynh đệ bóng tối đơn giản là không thể làm việc cùng, trong khi huynh đệ chánh đạo thì có thể. Từ đó chúng ta có thể giả định rằng, dù nhà huyền thuật chánh đạo có thể thiên về làm việc với các mãnh lực của cõi thượng trí và thậm chí với những mãnh lực trên các dĩ thái vũ trụ, Ngài cũng có khả năng làm việc với các mãnh lực thiên thần của ba cõi thấp mà nhà hắc thuật không thể làm việc cùng.

b—The Dark Brothers who occasionally employ these elemental forces to wreak their will and vengeance on all opponents. Under their control work sometimes the elementals of the earth plane, the gnomes and the elemental essence as found in evil form, some of the brownies, and the fairy

b—Các huynh đệ bóng tối đôi khi sử dụng các mãnh lực hành khí này để thực hiện ý chí và sự báo oán của chúng lên mọi đối thủ. Dưới sự kiểm soát của chúng đôi khi hoạt động các hành khí của cõi trần, các gnome và Tinh chất hành khí như được tìm thấy trong hình thức xấu ác, một số brownie, và

folk of colours brown, grey and sombre-hued. **They cannot control the devas of high development, nor the fairies of colours blue, green and yellow, though a few of the red fairies can be made to work under their direction.** The water elementals (though not the sprites or sylphs) move on occasion to their assistance, and in the control of these forces of involution they at times damage the furtherance of our work. (LOM 135)

dân tiên có màu nâu, xám và sắc thái u ám.d **Chúng không thể kiểm soát các thiên thần đã phát triển cao, cũng không thể kiểm soát các tiên có màu xanh lam, xanh lục và vàng, mặc dù một số ít tiên đỏ có thể bị khiến phải làm việc dưới sự chỉ đạo của chúng.** Các hành khí của nước (mặc dù không phải các sprite hay sylph) đôi khi cũng đến trợ giúp chúng, và trong việc kiểm soát các mãnh lực giáng hạ tiến hoá này, đôi lúc chúng gây tổn hại cho sự xúc tiến công việc của chúng ta. (LOM 135)

81. Notice, as one reads the paragraph above, how cautious one must be with determining the meaning of the term "elemental". It seems to have a certain elasticity and to apply to lower devas who are not elemental essence or building essence.

81. Hãy lưu ý, khi đọc đoạn trên, rằng người ta phải thận trọng đến mức nào khi xác định ý nghĩa của thuật ngữ "hành khí". Dường như nó có một độ co giãn nhất định và được áp dụng cho các thiên thần thấp hơn, vốn không phải là tinh chất hành khí hay tinh chất kiến tạo.

and he therefore works primarily on the astral and physical planes,

và vì thế y hoạt động chủ yếu trên cõi cảm dục và cõi hồng trần,

82. We have to study this very carefully as there are other references which tell us that the Army of the Voice are strictly *etheric* devas and are not found upon the astral plane at all.

82. Chúng ta phải nghiên cứu điều này thật cẩn thận vì có những chỗ khác cho chúng ta biết rằng Đạo Quân của Âm Thanh hoàn toàn là các thiên thần *dĩ thái* và hoàn toàn không được tìm thấy trên cõi cảm dục.

83. When speaking of the "lesser cohorts" is DK speaking of those devic lives which are within the Army of the Voice but are lower members of that army? Or is He speaking of those lives which cannot be numbered in the Army of the Voice at all and are merely "cohorts" of those who are within that Army?

83. Khi nói về "các đoàn ngũ thấp hơn", Chân sư DK có đang nói về những sự sống thiên thần nằm trong Đạo Quân của Âm Thanh nhưng là những thành viên thấp hơn của đạo quân ấy không? Hay Ngài đang nói về những sự sống không thể được kể vào Đạo Quân của Âm Thanh chút nào và chỉ đơn thuần là "đoàn ngũ" của những kẻ ở trong Đạo Quân đó?

84. In any case, the black magician works primarily on the astral and physical planes (including the etheric subplanes). These are,

84. Dù sao đi nữa, nhà hắc thuật hoạt động chủ yếu trên cõi cảm dục và cõi hồng trần (bao gồm các cõi phụ dĩ thái). Từ một góc

from one perspective, *irrational* planes lacking the quality of mentality.

nhìn, đây là những cõi *phi lý trí*, thiếu phẩm tính trí tuệ.

only in rare cases working with the mental forces,

chỉ trong những trường hợp hiếm hoi mới làm việc với các mãnh lực trí tuệ,

85. Presumably the work of the black magician is rare even upon the lower mental plane, through from a certain perspective they are 'masters of concrete mind'.

85. Có lẽ công việc của nhà hắc thuật là hiếm hoi ngay cả trên cõi hạ trí, mặc dù từ một góc nhìn nào đó chúng là 'những bậc thầy của trí cụ thể'.

86. They do not, it seems, attempt to influence those who truly *think*, but only those who are under the spell of kama-manas and thus 'think' in a manner highly influenced by desire.

86. Dường như chúng không cố gắng ảnh hưởng đến những ai thực sự *suy nghĩ*, mà chỉ ảnh hưởng đến những ai đang ở dưới bùa mê của trí-cảm và do đó 'suy nghĩ' theo một cách bị dục vọng chi phối mạnh mẽ.

and only in a few special cases, hidden in cosmic karma, is a black magician found working on the higher mental levels.

và chỉ trong một vài trường hợp đặc biệt, ẩn kín trong nghiệp quả vũ trụ, người ta mới thấy một nhà hắc thuật hoạt động trên các cấp độ thượng trí.

87. DK hints that if black magicians work upon mental levels, it will be upon *lower* mental levels primarily.

87. Chân sư DK gợi ý rằng nếu các nhà hắc thuật hoạt động trên các cấp độ trí tuệ, thì chủ yếu sẽ là trên các cấp độ trí tuệ *thấp*.

88. We can only imagine the strangeness of a black magician working upon levels which are usually the field of expression of the Solar Angels. If they did work upon such levels, would it be to induce pride and to prevent those focused upon such levels from making the ultimate sacrifice leading to the fourth degree?

88. Chúng ta chỉ có thể hình dung sự kỳ lạ của một nhà hắc thuật hoạt động trên những cấp độ vốn thường là lĩnh vực biểu hiện của các Thái dương Thiên Thần. Nếu chúng thực sự hoạt động trên những cấp độ ấy, liệu có phải để gây ra kiêu ngạo và ngăn cản những ai tập trung trên những cấp độ ấy thực hiện sự hi sinh tối hậu dẫn đến cấp độ thứ tư không?

89. DK speaks of "cosmic karma". May we infer that this is the karma of the Cosmic Logos in which our Solar Logos plays His part?

89. Chân sư DK nói đến "nghiệp quả vũ trụ". Chúng ta có thể suy ra rằng đây là nghiệp quả của Thượng đế Vũ Trụ, trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta đóng vai trò của Ngài chăng?

Yet the cases which are there to be discovered are the main contributing causes of all manifesting black magic.

Tuy nhiên, những trường hợp có thể được phát hiện ở đó lại là những nguyên nhân đóng góp chủ yếu cho mọi hắc thuật đang biểu hiện.

90. Perhaps it will be significant to remember that the permanent atoms, through which the black magician so often works, are actually to be found within the egoic lotus.

90. Có lẽ sẽ có ý nghĩa nếu nhớ rằng các nguyên tử trường tồn, qua đó nhà hắc thuật thường hoạt động, thực ra được tìm thấy bên trong Hoa Sen Chân Ngã.

91. Another extraordinary statement. Although cases of the black magician working upon the higher mental plane are rare, they are powerful and are major contributing causes of all "manifesting" black magic.

91. Một phát biểu phi thường khác. Mặc dù những trường hợp nhà hắc thuật hoạt động trên cõi thượng trí là hiếm, chúng lại rất mạnh mẽ và là những nguyên nhân đóng góp chủ yếu cho mọi hắc thuật "đang biểu hiện".

92. IN considering this possibility we must remember that the higher mental plane is to be found within the *physical* body of the Solar Logos—that part of His constitution which is *not* a principle.

92. Khi xem xét khả năng này, chúng ta phải nhớ rằng cõi thượng trí được tìm thấy bên trong *thể xác* của Thái dương Thượng đế—phần cấu tạo của Ngài vốn *không* phải là một nguyên khí.

93. Such black magicians would have chosen the highest vantage point within the physical body of the Solar Logos to obstruct the transit of consciousness into the higher ethers.

93. Những nhà hắc thuật như thế hẳn đã chọn điểm thuận lợi cao nhất bên trong thể xác của Thái dương Thượng đế để ngăn trở sự chuyển vận của tâm thức vào các dĩ thái cao hơn.

The Brother of Light works ever through the inherent force of the second aspect as long as he is functioning in connection with the three lower planes.

Huynh đệ Ánh sáng luôn luôn hoạt động qua mãnh lực cố hữu của phương diện thứ hai chừng nào y còn đang hoạt động trong liên hệ với ba cõi thấp.

94. Here we have the definite confirmation that a Brother of Light can, indeed, function in connection with the three lower planes.

94. Ở đây chúng ta có sự xác nhận rõ ràng rằng một Huynh Đệ Ánh sáng quả thực có thể hoạt động trong liên hệ với ba cõi thấp.

95. The three lower planes are, per se, under the influence of the third aspect of divinity, but it is not with the third aspect that the

95. Ba cõi thấp, tự chúng, nằm dưới ảnh hưởng của phương diện thứ ba của thiên tính, nhưng Huynh Đệ Ánh sáng không làm

Brother of Light works even when within dimensions ruled by that aspect.

việc với phương diện thứ ba ngay cả khi ở trong những chiều kích do phương diện ấy cai quản.

96. Whereas the dark brother works with the forces inherent in the third aspect, the White Brother is progressive and works with the forces of the present solar system—the forces of the second aspect.

96. Trong khi huynh đệ bóng tối làm việc với các mãnh lực cố hữu trong phương diện thứ ba, thì huynh đệ chánh đạo có tính tiến bộ và làm việc với các mãnh lực của hệ mặt trời hiện tại—các mãnh lực của phương diện thứ hai.

97. There is also the suggestion that the White Brother can and does work with the inherent force of the *first aspect* when working on still higher planes.

97. Cũng có gợi ý rằng huynh đệ chánh đạo có thể và thực sự làm việc với mãnh lực cố hữu của *phương diện thứ nhất* khi hoạt động trên những cõi còn cao hơn.

98. The work of the White Brother is to redeem the third aspect by means of the second.

98. Công việc của huynh đệ chánh đạo là cứu chuộc phương diện thứ ba bằng phương tiện của phương diện thứ hai.

After the third Initiation, he works increasingly with spiritual energy, or with the force of the first aspect.

Sau lần điểm đạo thứ ba, y ngày càng làm việc nhiều hơn với năng lượng tinh thần, hay với mãnh lực của phương diện thứ nhất.

99. We note that the "Brother of Light" is not necessarily a Master, but can, as well, be one who is applying to the third initiation.

99. Chúng ta lưu ý rằng "Huynh Đệ Ánh sáng" không nhất thiết là một Chân sư, mà cũng có thể là một người đang xin dự lần điểm đạo thứ ba.

100. Following the third initiation, the energy of the Spirit/Monad is newly available to the initiate, and it is with this higher energy, that of the first aspect, that he works.

100. Sau lần điểm đạo thứ ba, năng lượng của Tinh thần/Chân thần trở nên mới mẻ khả dụng đối với điểm đạo đồ, và chính với năng lượng cao hơn này, tức năng lượng của phương diện thứ nhất, mà y làm việc.

101. We also receive the hint that the initiate of the third degree has much work to do 'above' the level of the lower three worlds.

101. Chúng ta cũng nhận được gợi ý rằng điểm đạo đồ cấp ba có nhiều công việc phải làm 'ở trên' cấp độ của ba cõi thấp.

He impresses the lower substances, and manipulates the lesser building lives with the vibration of love,

Y gây ấn tượng lên các chất liệu thấp hơn, và điều khiển các sự sống kiến tạo nhỏ hơn bằng rung động của bác ái,

102. Again we find the discrimination between the "lower substances" or building essences and the "lesser building lives".

102. Một lần nữa chúng ta thấy sự phân biệt giữa "các chất liệu thấp hơn" hay các tinh chất kiến tạo và "các sự sống kiến tạo nhỏ hơn".

and the attractive coherency of the Son, and through wisdom the forms are built.

và tính cố kết hấp dẫn của Con, và qua minh triết mà các hình tướng được xây dựng.

103. Spiritual energy, however, emanates principally from the spiritual triad which, though, in a way, the *personality* of the Monad, is still expressive of the second aspect of divinity.

103. Tuy nhiên, năng lượng tinh thần chủ yếu phát ra từ Tam Nguyên Tinh Thần, vốn tuy theo một cách nào đó là *phàm ngã* của Chân thần, nhưng vẫn biểu hiện phương diện thứ hai của thiên tính.

104. The White Brother then affects both the lower elemental substances and the building lives which are higher than these substances.

104. Như vậy, huynh đệ chánh đạo tác động cả lên các chất liệu hành khí thấp hơn lẫn các sự sống kiến tạo cao hơn những chất liệu ấy.

105. His manner of affecting them, however, is not through third-aspect manipulation but through that form of manipulation that becomes possible through the attractive coherence of the energy of love. He induces such lives to build forms which are congruent with the Divine Plan.

105. Tuy nhiên, cách y tác động lên chúng không phải qua sự điều khiển của phương diện thứ ba, mà qua hình thức điều khiển trở nên khả hữu nhờ tính cố kết hấp dẫn của năng lượng bác ái. Y khiến những sự sống ấy xây dựng các hình tướng phù hợp với Thiên Cơ.

106. We must ask ourselves: "How is it that *we* affect the forms around us through the energy of love?" "In our own way, and without the hierarchically sanctioned magical mantrams which would facilitate the process, how do *we* bring love into matter and form?"

106. Chúng ta phải tự hỏi: "Làm thế nào mà *chúng ta* tác động lên các hình tướng quanh mình qua năng lượng bác ái?" "Theo cách riêng của mình, và không có các mantram huyền thuật được Thánh đoàn chuẩn thuận vốn sẽ tạo điều kiện cho tiến trình ấy, làm thế nào *chúng ta* đem bác ái vào vật chất và hình tướng?"

He learns to work from the heart,

Y học cách làm việc từ tim,

107. Thus, the white magician here discussed, is not yet the Master.

107. Như vậy, nhà huyền thuật chánh đạo được bàn đến ở đây vẫn chưa phải là Chân sư.

and therefore to manipulate that energy which streams from the "Heart of the Sun" until (when he becomes a Buddha) he can dispense somewhat the force emanating from the "Spiritual Sun."

và vì thế điều khiển năng lượng tuôn chảy từ "Tâm của Mặt Trời" cho đến khi (khi y trở thành một Buddha) y có thể phần nào phân phát mãnh lực phát ra từ "Mặt trời Tinh thần".

108. Here we have more hints of a revelatory nature. The “Heart of the Sun” is the soul of the Solar Logos and it is found upon the higher cosmic mental plane. The Brother of Light (the White Brother), can function as a soul, a true triadal Ego, and is, thus, a recipient of the energy of the Heart of the Sun.

108. Ở đây chúng ta có thêm những gợi ý mang tính mặc khải. “Tâm của Mặt Trời” là linh hồn của Thái dương Thượng đế và được tìm thấy trên cõi thượng trí vũ trụ. Huynh Đệ Ánh sáng (huynh đệ chánh đạo) có thể hoạt động như một linh hồn, một chân ngã tam nguyên đích thực, và do đó là người tiếp nhận năng lượng của Tâm của Mặt Trời.

109. Who is a Buddha? Is such a Being minimally an Initiate of the sixth degree? It would seem so. The sixth degree establishes the Initiate in the consciousness of the Monad on its own plane. The Monad is, microcosmically the Central Spiritual Sun of the Initiate. Further, the Central Spiritual Sun of the Solar Logos is the monadic nature of the Logos.

109. Một Buddha là ai? Một Đấng như thế tối thiểu có phải là một điểm đạo đồ cấp sáu không? Có vẻ là như vậy. Cấp sáu thiết lập điểm đạo đồ trong tâm thức của Chân thần trên chính cõi của nó. Chân thần, trong tiểu thiên địa, là Mặt trời Tinh thần Trung Ương của điểm đạo đồ. Hơn nữa, Mặt trời Tinh thần Trung Ương của Thái dương Thượng đế là bản chất chân thần của Thượng đế ấy.

110. We see then, that, Buddhas are Monads in manifestation and are inspired by the solar logoic Central Spiritual Sun. There are Buddhas of all degrees, and the sixth degree simply indicates entry into the high state of Buddhahood. The higher Buddhas, we can imagine, are even more potent expressions of the Monad and more directly in touch with the solar logoic Central Spiritual Sun:

110. Như vậy, chúng ta thấy rằng các Buddha là các Chân thần trong biểu hiện và được cảm hứng bởi Mặt trời Tinh thần Trung Ương của Thái dương Thượng đế. Có các Buddha ở mọi cấp độ, và cấp sáu chỉ đơn giản biểu thị sự bước vào trạng thái cao của quả vị Buddha. Chúng ta có thể hình dung rằng các Buddha cao hơn còn là những biểu hiện mạnh mẽ hơn nữa của Chân thần và tiếp xúc trực tiếp hơn với Mặt trời Tinh thần Trung Ương của Thái dương Thượng đế:

Therefore, the **heart centre** in the Brother of the right hand path is the transmitting agency for the building force,

Vì vậy, **trung tâm tim** trong huynh đệ của chánh đạo là cơ quan truyền dẫn cho mãnh lực kiến tạo,

111. We can probably say with security that this is rarely, if ever, the case with the

111. Có lẽ chúng ta có thể nói một cách chắc chắn rằng điều này hiếm khi, nếu từng, là

brother of darkness, though DK has told of us ways in which the heart center can be utilized by the brother on the left hand path.

trường hợp nơi huynh đệ bóng tối, mặc dù Chân sư DK đã cho chúng ta biết những cách mà trung tâm tim có thể được huynh đệ trên tả đạo sử dụng.

and the triangle he uses in this work is

và tam giác mà y sử dụng trong công việc này là

a. The centre in the head which corresponds to the heart.

a. Trung tâm trong đầu tương ứng với tim.

112. The 'geography' or exact location of these centers within the head is unrevealed and deeply occult.

112. "Địa lý" hay vị trí chính xác của các trung tâm này trong đầu vẫn chưa được tiết lộ và mang tính huyền bí sâu xa.

b. The heart centre itself.

b. Chính trung tâm tim.

c. The throat centre.

c. Trung tâm cổ họng.

113. We see that all these centers are *super*-diaphragmatic. None of the lower centers is involved. Yet there is, nevertheless, a union between the second and third aspects. Two centers which distribute the second aspect are united with one which distributes the third. Additionally, one of the centers which distributes the second aspect distributes the *first aspect* of the second aspect—this is the heart enter within the head.

113. Chúng ta thấy rằng tất cả các trung tâm này đều *ở trên* cơ hoành. Không một trung tâm thấp nào được liên hệ đến. Tuy nhiên, vẫn có một sự kết hợp giữa phương diện thứ hai và thứ ba. Hai trung tâm phân phối phương diện thứ hai được hợp nhất với một trung tâm phân phối phương diện thứ ba. Ngoài ra, một trong các trung tâm phân phối phương diện thứ hai còn phân phối *phương diện thứ nhất* của phương diện thứ hai—đó là trung tâm tim trong đầu.

The Brothers of the left hand path work with the forces of the third aspect entirely,

Các huynh đệ của tả đạo làm việc hoàn toàn với các mãnh lực của phương diện thứ ba,

114. If they work with the heart center it is the third aspect of the heart center. Working with the energy of the causal body, it is third aspect of the causal body with which they work.

114. Nếu chúng làm việc với trung tâm tim thì đó là phương diện thứ ba của trung tâm tim. Khi làm việc với năng lượng của thể nguyên nhân, thì chính phương diện thứ ba của thể nguyên nhân là điều chúng làm việc cùng.

115. These Brothers are related to the previous solar system in which the third aspect was dominant.

115. Các huynh đệ này có liên hệ với hệ mặt trời trước, trong đó phương diện thứ ba là phương diện trội vượt.

116. We may assume that it was a solar system in which the *personality* aspect of the Solar Logos was in expression. The aspect controlling the personality is the *third aspect.*

116. Chúng ta có thể giả định rằng đó là một hệ mặt trời trong đó phương diện *phàm ngã* của Thái dương Thượng đế đang biểu hiện. Phương diện kiểm soát phàm ngã là *phương diện thứ ba.*

and this it is which [987] gives them so much apparent power,

và chính điều này [987] đem lại cho chúng quá nhiều quyền năng bề ngoài,

117. Master DK calls their power "apparent power" because it is power over transient things. It is essentially, power over that which to both the Solar Logos and Planetary Logos is not a *principle*—the lower eighteen subplanes in the case of the Planetary Logos and the lower twenty-one subplanes in the case of the Solar Logos.

117. Chân sư DK gọi quyền năng của chúng là "quyền năng bề ngoài" vì đó là quyền năng trên những sự vật nhất thời. Về bản chất, đó là quyền năng trên điều mà đối với cả Thái dương Thượng đế lẫn Hành Tinh Thượng Đế đều không phải là một *nguyên khí*—mười tám cõi phụ thấp trong trường hợp của Hành Tinh Thượng Đế và hai mươi mốt cõi phụ thấp trong trường hợp của Thái dương Thượng đế.

for the second aspect is only in process of reaching its vibratory consummation,

vì phương diện thứ hai chỉ mới đang trong tiến trình đạt đến sự viên mãn rung động của nó,

118. Such is the evolutionary status of our Solar Logos.

118. Đó là tình trạng tiến hoá của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

whereas the third aspect is at the height of its vibratory activity, being the product of the evolutionary processes of the preceding **major** solar system.

trong khi phương diện thứ ba đang ở đỉnh cao hoạt động rung động của nó, là sản phẩm của các tiến trình tiến hoá của hệ mặt trời **chính yếu** trước đó.

119. Even though we find ourselves in the second solar system, the third aspect is at the height of its vibratory activity. Does this mean that it is stronger *now* than it was in the previous solar system or only that it is

119. Dù chúng ta đang ở trong hệ mặt trời thứ hai, phương diện thứ ba vẫn ở đỉnh cao hoạt động rung động của nó. Điều này có nghĩa là nó mạnh hơn *hiện nay* so với trong hệ mặt trời trước, hay chỉ có nghĩa là nó

reaching the height of its vibratory activity within *this* solar system?

120. The second aspect is not yet as strong as it will be when our Solar Logos achieves some of the higher initiations which are destined for Him during this present solar system—at least the third and fourth initiations, both of which strengthen the expression of the second aspect profoundly.

121. Notice the word "major" and the hint which it conveys. There were also *minor* solar systems through which our Solar Logos expressed—three of them, apparently, since the last solar system was the first *major* solar system and we are currently in the second *major* solar system which is sometimes called the *fifth* solar system.

122. It is indicated that our Solar Logos must make a transition from the third aspect to the second—from the Primordial Ray to the "Divine Ray" (as it is called in *A Treatise on Cosmic Fire*).

123. Perhaps we think it unusual that the power of the third ray should endure for such a long time within our present second ray solar system, yet it does provide the foundation and there is much karma related to this foundational ray which has yet to be worked through in our present system.

He works from the throat centre almost entirely, and manipulates primarily the forces of the physical sun.

124. The black magician in powerful. He wields not only the forces of the Moon.

đang đạt đến đỉnh cao hoạt động rung động của nó trong *hệ mặt trời* này?

120. Phương diện thứ hai vẫn chưa mạnh bằng mức nó sẽ đạt được khi Thái dương Thượng đế của chúng ta đạt một số điểm đạo cao hơn vốn được định cho Ngài trong hệ mặt trời hiện tại này—ít nhất là lần điểm đạo thứ ba và thứ tư, cả hai đều tăng cường sâu sắc sự biểu hiện của phương diện thứ hai.

121. Hãy lưu ý từ "chính yếu" và gợi ý mà nó chuyển tải. Cũng đã có những hệ mặt trời *thứ yếu* qua đó Thái dương Thượng đế của chúng ta đã biểu hiện—dường như là ba hệ, vì hệ mặt trời trước là hệ mặt trời *chính yếu* đầu tiên và hiện nay chúng ta đang ở trong hệ mặt trời *chính yếu* thứ hai, đôi khi được gọi là hệ mặt trời *thứ năm*.

122. Có chỉ dẫn rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta phải thực hiện một sự chuyển tiếp từ phương diện thứ ba sang phương diện thứ hai—từ Cung Nguyên Sơ sang "Cung Thiêng Liêng" (như được gọi trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*).

123. Có lẽ chúng ta thấy lạ khi quyền năng của cung ba lại kéo dài lâu đến thế trong hệ mặt trời cung hai hiện tại của chúng ta, nhưng nó quả thực cung cấp nền tảng, và còn nhiều nghiệp quả liên hệ với cung nền tảng này vẫn chưa được giải quyết trong hệ thống hiện tại của chúng ta.

Y làm việc gần như hoàn toàn từ trung tâm cổ họng, và chủ yếu điều khiển các mãnh lực của mặt trời hồng trần.

124. Nhà hắc thuật rất mạnh. Y không chỉ vận dụng các mãnh lực của Mặt Trăng.

125. Presumably we can include among the forces with which he works, the ethers which emanate from the physical Sun, for ethers are, technically, physical.

125. Có lẽ chúng ta có thể bao gồm trong số các mãnh lực mà y làm việc cùng các dĩ thái phát ra từ mặt trời hồng trần, vì các dĩ thái, về mặt kỹ thuật, là hồng trần.

126. The throat center is directly expressive of the third aspect of divinity and is the intelligent form-building center. The brothers of the left hand path are Lords of Form and highly intelligent—though not spiritual.

126. Trung tâm cổ họng trực tiếp biểu hiện phương diện thứ ba của thiên tính và là trung tâm xây dựng hình tướng bằng trí tuệ. Các huynh đệ của tả đạo là các Chúa Tể của Hình Tướng và có trí tuệ rất cao—dù không tinh thần.

127. We can imagine that the black brother is proficient in the use of many mantrams which control elemental and lower devic forces.

127. Chúng ta có thể hình dung rằng huynh đệ bóng tối rất thành thạo trong việc sử dụng nhiều mantram kiểm soát các mãnh lực hành khí và thiên thần thấp hơn.

This is the reason why he achieves many of his ends **through the method of pranic stimulation or of pranic devitalisation**,

Đây là lý do vì sao y đạt được nhiều mục đích của mình **qua phương pháp kích thích prana hay làm mất sinh lực bằng prana**,

128. Here it is confirmed that the black brother works with prana.

128. Ở đây điều đó được xác nhận rằng huynh đệ bóng tối làm việc với prana.

129. The prana with which he works is solar in origin. The dark brother works etherically to a large extent and prana is the etheric vitality of the Sun.

129. Prana mà y làm việc cùng có nguồn gốc thái dương. Huynh đệ bóng tối làm việc theo cách dĩ thái ở mức độ lớn, và prana là sinh lực dĩ thái của Mặt Trời.

130. We may infer that he stimulates with prana that which moves against the Divine Plan while attempting to devitalize all that works in accordance with that Plan.

130. Chúng ta có thể suy ra rằng y dùng prana để kích thích điều gì chống lại Thiên Cơ, đồng thời tìm cách làm mất sinh lực mọi điều hoạt động phù hợp với Thiên Cơ ấy.

and why, also, most of his effects are carried out on the physical plane.

và cũng là lý do vì sao phần lớn các hiệu quả của y được thực hiện trên cõi hồng trần.

131. We must include the etheric subplanes when speaking of the Will “physical plane”.

131. Khi nói đến “cõi hồng trần”, chúng ta phải bao gồm các cõi phụ dĩ thái.

He works, therefore, through

Vì vậy, y hoạt động qua

a. The centre in the head corresponding to the throat centre.

132. What may be the location of this center we do not know but it is one of the seven head centers which are *other* than the crown center, ajna center and alta major center

b. The throat centre.

c. The centre at the base of the spine.

133. The base of the spine center is correlated largely with Pluto and the Earth. We can see why we have such difficulty with the black forces upon our planet.

134. Each of these centers is powerfully connected with the third aspect, and the center at the base of the spine *also* with the first aspect.

135. We must realize the center at the base of the spine as the center largely responsible for *access to pranic vitality* and compulsory control. Since the black brother works so much with prana it is understandable that this power center should be highly active in his nature.

136. There is deep occultism in the nature of the seven head centers. We see, as we might expect, that each of them is correlated with one of the normal seven chakras. One might wonder, however, if one of the seven head centers is correlated with the greater head center as a whole.

a. Trung tâm trong đầu tương ứng với trung tâm cổ họng.

132. Chúng ta không biết vị trí của trung tâm này có thể ở đâu, nhưng đó là một trong bảy trung tâm đầu *khác* với trung tâm đỉnh đầu, trung tâm ajna và trung tâm alta major

b. Trung tâm cổ họng.

c. Trung tâm ở đáy cột sống.

133. Trung tâm đáy cột sống phần lớn tương quan với Sao Diêm Vương và Trái Đất. Chúng ta có thể thấy vì sao chúng ta gặp quá nhiều khó khăn với các mãnh lực hắc ám trên hành tinh của mình.

134. Mỗi trung tâm này đều được nối kết mạnh mẽ với phương diện thứ ba, và trung tâm ở đáy cột sống *cũng* với phương diện thứ nhất.

135. Chúng ta phải nhận ra trung tâm ở đáy cột sống là trung tâm chịu trách nhiệm phần lớn về *việc tiếp cận sinh lực prana* và sự kiểm soát cưỡng bách. Vì huynh đệ bóng tối làm việc quá nhiều với prana, nên có thể hiểu được vì sao trung tâm quyền năng này lại rất hoạt động trong bản chất của y.

136. Có huyền bí học sâu xa trong bản chất của bảy trung tâm đầu. Như có thể chờ đợi, chúng ta thấy rằng mỗi trung tâm trong số đó tương quan với một trong bảy luân xa thông thường. Tuy nhiên, người ta có thể tự hỏi liệu một trong bảy trung tâm đầu ấy có tương quan với trung tâm đầu lớn hơn như một toàn thể hay không.

Nhà huyền thuật chánh đạo luôn luôn làm việc trong sự cộng tác với những người khác,

The white magician works always in co-operation with others, and is himself under the direction of certain group Heads.

và bản thân y ở dưới sự chỉ đạo của một số Đầu Mối nhóm nhất định.

137. The second aspect of divinity is the aspect which promotes cooperation and group consciousness. The third aspect promotes individualism.

137. Phương diện thứ hai của thiên tính là phương diện thúc đẩy sự cộng tác và tâm thức nhóm. Phương diện thứ ba thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân.

138. We have seen that when the third aspect influences the atom of substance, it is rotary motion which is emphasized and also the inability of the rotating atom to merge with other atoms—thus a primitive example of the antithesis of cooperation.

138. Chúng ta đã thấy rằng khi phương diện thứ ba ảnh hưởng đến nguyên tử của chất liệu, thì chuyển động quay là điều được nhấn mạnh, và đồng thời là sự bất lực của nguyên tử đang quay trong việc hòa nhập với các nguyên tử khác—do đó là một ví dụ nguyên sơ về phản đề của sự cộng tác.

139. These “Heads” (in this case, the “Three Great Lords”) are known to the white brother. It is often not the case with the brother of darkness.

139. Những “Đầu Mối” này (trong trường hợp này là “Ba Đấng Chúa Tể Vĩ Đại”) được huynh đệ chánh đạo biết đến. Điều này thường không đúng với huynh đệ bóng tối.

For instance, the Brothers of the White Lodge work under the three great Lords and conform to the plans laid down, subordinating Their individual purposes and ideas to the great general scheme.

Chẳng hạn, các Huynh Đệ của Thánh đoàn làm việc dưới ba Đấng Chúa Tể Vĩ Đại và tuân theo các kế hoạch đã được đề ra, đặt các mục đích và ý tưởng cá nhân của Các Ngài dưới hệ hành tinh tổng quát vĩ đại.

140. The factors of subordination and sacrifice are distinctive of the methods of the Brothers of the White Lodge. For Them there is always a higher purpose than Their own. To this purpose they willingly, joyfully, submit.

140. Các yếu tố phục tùng và hi sinh là đặc trưng của các phương pháp của các Huynh Đệ của Thánh đoàn. Đối với Các Ngài, luôn luôn có một mục đích cao hơn mục đích riêng của Các Ngài. Các Ngài tự nguyện, hoan hỉ, quy phục mục đích ấy.

141. These Brothers of the White Lodge have learned through long and often painful experience the art of subordination. Such is their humility. The brothers of the Black Lodge are "Lords of Wicked Pride" and are presently incapable of that true sense of proportion which works out as humility.

141. Những Huynh Đệ của Thánh đoàn này đã học được, qua kinh nghiệm lâu dài và thường đau đớn, nghệ thuật phục tùng. Đó là sự khiêm nhường của Các Ngài. Các huynh đệ của Hắc đoàn là "Chúa Tể của Kiêu Ngạo Tà Ác" và hiện nay chưa có khả năng đạt được ý thức về tỉ lệ đích thực, vốn biểu hiện thành sự khiêm nhường.

The black magician usually works in an intensely individualistic way,

Nhà hắc thuật thường làm việc theo một cách cực kỳ cá nhân chủ nghĩa,

142. This is as we might expect from a combination of the third and first rays. We may infer that most black brothers are third ray Monads with first ray souls.

142. Điều này đúng như ta có thể chờ đợi từ sự kết hợp của cung ba và cung một. Chúng ta có thể suy ra rằng phần lớn các huynh đệ bóng tối là các Chân thần cung ba với các linh hồn cung một.

and can be seen carrying out his schemes alone, or with the aid of subordinates.

và có thể được thấy đang thực hiện các mưu đồ của y một mình, hoặc với sự trợ giúp của các thuộc hạ.

143. These are agents who, necessarily, cooperate out of fear rather than love.

143. Đây là những tay sai, tất yếu cộng tác vì sợ hãi chứ không phải vì bác ái.

144. It can be presumed that the black magician has no real respect for his subordinates, merely using them to accomplish his purposes. Once they have served him, he will show no gratitude. He may simply dispose of them as he may fear that, being of a nature similar to his own, they want what he has.

144. Có thể giả định rằng nhà hắc thuật không hề có sự tôn trọng thực sự nào đối với các thuộc hạ của mình, mà chỉ đơn thuần sử dụng chúng để hoàn thành các mục đích của y. Một khi chúng đã phụng sự y, y sẽ không tỏ ra biết ơn. Y có thể đơn giản loại bỏ chúng vì có thể sợ rằng, do có bản chất tương tự như y, chúng muốn điều mà y đang có.

145. We note the use of the word "schemes" rather than "plans". The term "scheme" suggests the secretive, manipulative quality of his intentions.

145. Chúng ta lưu ý việc dùng từ "mưu đồ" thay vì "kế hoạch". Thuật ngữ "mưu đồ" gợi ra phẩm tính bí mật và thao túng trong các ý định của y.

He brooks usually no **known** superior,

Y thường không dung thứ một cấp trên **được biết đến** nào,

146. A “known superior” would induce in him the spirit of competition and the furtive will to overcome such a superior.

146. Một “cấp trên được biết đến” sẽ khơi dậy trong y tinh thần cạnh tranh và ý chí kín đáo muốn vượt qua cấp trên ấy.

147. Should he ever accept a superior, If will be out of fear and the realization that, temporarily at least, he can accomplish his ends more successfully by such acceptance.

147. Nếu y có bao giờ chấp nhận một cấp trên, thì đó sẽ là vì sợ hãi và vì nhận ra rằng, ít nhất là tạm thời, y có thể hoàn thành các mục đích của mình thành công hơn nhờ sự chấp nhận ấy.

but is nevertheless frequently the victim of agents on higher levels of cosmic evil,

nhưng tuy vậy lại thường là nạn nhân của các tác nhân ở những cấp độ cao hơn của điều ác vũ trụ,

148. The karma is exact and exacting. As he uses, so is he used.

148. Nghiệp quả thì chính xác và nghiêm khắc. Y sử dụng thế nào thì y cũng bị sử dụng như thế.

149. We may presume that DK is speaking of the dominant black forces which are focussed on the cosmic astral plane.

149. Chúng ta có thể giả định rằng Chân sư DK đang nói về các mãnh lực hắc ám chi phối, được tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ.

150. Presumably, these forces or agents are for the most part unknown to the black magician.

150. Có lẽ phần lớn các mãnh lực hay tác nhân này đều không được nhà hắc thuật biết đến.

who use him as he uses his inferior co-operators, that is, he works (as far as the bigger purpose is involved) blindly and unconsciously.

chúng sử dụng y như y sử dụng các cộng sự thấp kém hơn của mình, nghĩa là y hoạt động (xét theo mục đích lớn hơn có liên quan) một cách mù quáng và vô thức.

151. There are greater evil plans than the average black magician can fathom. As he carries out his apparently self-conceived plans, he is really serving evil ends which are far greater than his own. This thought gives one pause concerning the extent and ‘elevation’ of cosmic evil.

151. Có những kế hoạch xấu ác lớn hơn mức mà nhà hắc thuật trung bình có thể hiểu thấu. Khi thực hiện các kế hoạch tưởng như do chính mình nghĩ ra, y thực ra đang phụng sự những mục đích xấu ác lớn hơn rất nhiều so với mục đích riêng của y. Ý nghĩ này khiến người ta phải dừng lại suy ngẫm về mức độ và ‘độ cao’ của điều ác vũ trụ.

152. The brother of darkness is uniquely *blind*—blind to the larger purposes in which

152. Huynh đệ bóng tối mù quáng một cách độc nhất vô nhị —*mù quáng* trước những

he must play out his unholy and unwholesome part.

mục đích lớn hơn trong đó y phải đóng vai phần bất thánh và bất lành của mình.

153. Such a brother thinks he is master of his destiny but is a mere pawn in the plans of those still more malevolent than he, though his malefactions may mysteriously be turned to good ends by great Beings of Light who factor planetary and cosmic evil into Their redemptive Plans.

153. Một huynh đệ như thế nghĩ rằng mình là chủ nhân của số phận mình, nhưng thực ra chỉ là một quân cờ trong các kế hoạch của những kẻ còn ác độc hơn y, mặc dù các hành vi ác độc của y có thể một cách huyền nhiệm được chuyển thành những mục đích tốt lành bởi các Đấng Ánh sáng vĩ đại, những Đấng đưa điều ác hành tinh và vũ trụ vào trong các Thiên Cơ cứu chuộc của Các Ngài.

154. One may wonder where and how cosmic evil ceases. We may infer that it does not ascend beyond the cosmic astral plane and certainly not beyond the lower four levels of the cosmic mental plane.

154. Người ta có thể tự hỏi điều ác vũ trụ chấm dứt ở đâu và bằng cách nào. Chúng ta có thể suy ra rằng nó không vươn lên vượt quá cõi cảm dục vũ trụ và chắc chắn không vượt quá bốn cấp độ thấp của cõi trí vũ trụ.

155. The cause of the dark brother's "unique blindness" is an unnaturally intense egotism.

155. Nguyên nhân của "sự mù quáng độc nhất vô nhị" của huynh đệ bóng tối là một tính vị kỷ mãnh liệt một cách bất tự nhiên.

The white magician, as is well known, works on the side of evolution or in connection with the Path of Return. The black brother **occupies himself with the forces of involution,** or with the Path of Outgoing.

Như ai cũng biết, nhà huyền thuật chánh đạo làm việc về phía tiến hoá hay trong liên hệ với Con Đường Trở Về. Huynh đệ bóng tối **bận tâm với các mãnh lực của giáng hạ tiến hoá,** hay với Con Đường Đi Ra.

156. From this we may deduce that the black brother will do he can to prevent "return to the Father"—the consummation of the plans of the Planetary Logos and even of the Solar Logos.

156. Từ đây chúng ta có thể suy ra rằng huynh đệ bóng tối sẽ làm mọi điều y có thể để ngăn cản "sự trở về với Cha"—sự hoàn tất các kế hoạch của Hành Tinh Thượng Đế và thậm chí của cả Thái dương Thượng đế.

157. He is focussed on externalities; on the perpetuation of that state of energy-force we call "matter". Against all ultimate hope, he seeks to perpetuate the existence of that which, in the plans of the Solar Logos, is destined to disappear.

157. Y tập trung vào các ngoại hiện; vào sự duy trì trạng thái năng lượng-mãnh lực mà chúng ta gọi là "vật chất". Đi ngược lại mọi hy vọng tối hậu, y tìm cách duy trì sự tồn tại của điều mà, trong các kế hoạch của Thái dương Thượng đế, được định là sẽ biến mất.

158. We must realize that there is no future for the black magician other than a dreadful future of decomposition and decay. Unwilling to integrate himself into the large, benevolent plans of the Brotherhoods of Light, he is doomed to a state of eventual disintegration and severance from the Spirit. During his career on the left hand path he has contributed strenuously to the disintegration of the hopes and dreams of those who follow the Good and the karmic result is exact.

158. Chúng ta phải chứng nghiệm rằng nhà hắc thuật không có tương lai nào khác ngoài một tương lai khủng khiếp của sự phân rã và mục nát. Không muốn tích hợp chính mình vào các kế hoạch rộng lớn, từ ái của các Huynh đệ Đoàn Ánh sáng, y bị định phải đi đến một trạng thái tan rã và bị cắt lìa khỏi tinh thần. Trong suốt sự nghiệp của mình trên tả đạo, y đã ra sức góp phần vào sự tan rã những hy vọng và mộng tưởng của những ai theo đuổi Điều Thiện, và kết quả nghiệp quả là hoàn toàn chính xác.

159. We see that the brother of darkness is working against the evolutionary trend of this solar system. He is at cross purposes with the Divine Plan for the solar system, and the friction of his unwillingness to be a concordant member of the larger system must eventually tear him apart.

159. Chúng ta thấy rằng huynh đệ bóng tối đang hoạt động chống lại xu hướng tiến hoá của hệ mặt trời này. Y đi ngược với Thiên Cơ thiêng liêng dành cho hệ mặt trời, và sự ma sát do y không muốn trở thành một thành viên hài hòa của hệ thống lớn hơn ấy rốt cuộc phải xé tan y.

They form the great balancing force in evolution, and though they [Page 988] are occupied with the material side of manifestation and the Brother of Light is concerned with the aspect of soul or consciousness, **they and their work, under the great law of evolution, contribute to the general purpose of the solar Logos,**

Các y tạo thành mãnh lực quân bình lớn trong tiến hoá, và dù [Page 988] các y bận tâm đến mặt vật chất của biểu hiện còn Huynh Đệ Ánh Sáng quan tâm đến phương diện linh hồn hay tâm thức, **các y và công việc của các y, dưới định luật lớn của sự tiến hoá, vẫn góp phần vào mục đích chung của Thái dương Thượng đế,**

160. This is the amazing part of the process. It almost seems as if the contrary work they do is *necessary.* ˆYet we know they have entered the left hand path *by choice* and were not fated or condemned to the terrible fate which awaits them.

160. Đây là phần đáng kinh ngạc của tiến trình. Hầu như có vẻ như công việc đối nghịch mà các y làm là *cần thiết.* ˆ Tuy vậy, chúng ta biết rằng các y đã bước vào tả đạo *do lựa chọn* chứ không phải do số phận hay bị kết án vào định mệnh khủng khiếp đang chờ đợi các y.

161. It would seem the role of Libra to balance these forces.

161. Dường như vai trò của Thiên Bình là quân bình các mãnh lực này.

162. If the brothers of darkness had not willfully *chosen* to occupy themselves with

162. Nếu các huynh đệ bóng tối đã không cố ý *chọn* chuyên chú vào mặt vật chất của biểu

the material side of manifestation, would the necessary balance have been preserved?

163. One may hypothesize that it *would* have been preserved as the evil caused by ignorance is a transient necessity in any evolving solar system.

164. It is probably not realized by these brothers that their efforts can all be turned to Good by the Will of the Solar Logos. Their egotism and their blindness would prevent such realization.

165. Probably some balance of form and light is needed, but the balance could have been achieved by more natural means. The necessity to utilize the willful malignancy of the dark brothers is a wise and provident adaptation by the Great Energies.

166. Under the great law of solar logoic evolution, all evil is necessarily turned to good. Free will exists, but it is the freedom to follow or not to follow the eventually irresistible Will of the greatest Logoi.

though (and this is of tremendous occult significance to the illuminated student) *not to the individual purpose of the planetary Logos.*

167. It is as if the Solar Logos can commandeer the expression of cosmic evil and, balancing it with cosmic Good, achieve within His nature a balancing of the pairs of opposites.

168. Our Planetary Logos is far from overcoming cosmic evil and is still, for the

hiện, thì sự quân bình cần thiết có được duy trì hay không?

163. Người ta có thể giả định rằng nó *vẫn* sẽ được duy trì, vì điều ác do vô minh gây ra là một tất yếu tạm thời trong bất kỳ hệ mặt trời đang tiến hoá nào.

164. Có lẽ các huynh đệ này không nhận ra rằng mọi nỗ lực của họ đều có thể được chuyển thành Điều Thiện bởi Ý Chí của Thái dương Thượng đế. Tính vị ngã và sự mù quáng của họ sẽ ngăn cản sự chứng nghiệm như thế.

165. Có lẽ cần một sự quân bình nào đó giữa hình tướng và ánh sáng, nhưng sự quân bình ấy đã có thể đạt được bằng những phương tiện tự nhiên hơn. Sự cần thiết phải sử dụng ác ý cố chấp của các huynh đệ bóng tối là một sự thích ứng minh triết và liệu trước của các Năng Lượng Vĩ Đại.

166. Dưới định luật lớn của sự tiến hoá logoi thái dương, mọi điều ác tất yếu đều được chuyển thành điều thiện. Tự do ý chí có tồn tại, nhưng đó là tự do để theo hoặc không theo Ý Chí rốt cuộc không thể cưỡng lại của các Thượng đế vĩ đại nhất.

dù rằng (và điều này có ý nghĩa huyền bí vô cùng to lớn đối với đạo sinh được soi sáng) *không phải đối với mục đích cá nhân của Hành Tinh Thượng Đế.*

167. Dường như Thái dương Thượng đế có thể trưng dụng sự biểu lộ của điều ác vũ trụ và, quân bình nó với Điều Thiện vũ trụ, đạt được trong bản chất của Ngài một sự quân bình của các cặp đối nghịch.

168. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta còn xa mới vượt thắng được điều ác vũ trụ và

moment, subject to it. Therefore the influence of cosmic evil within the system of our Planetary Logos does not contribute to the realization of His purpose.

hiện vẫn, trong lúc này, còn chịu sự chi phối của nó. Vì vậy, ảnh hưởng của điều ác vũ trụ bên trong hệ thống của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta không góp phần vào sự chứng nghiệm mục đích của Ngàie.

169. We can say that our Planetary Logos is still very much astrally polarized, and battles are now being fought upon the cosmic astral plane to decide the point at which He can take the second cosmic initiation.

169. Chúng ta có thể nói rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vẫn còn rất phân cực cảm xúc, và hiện nay các trận chiến đang được tiến hành trên cõi cảm dục vũ trụ để quyết định điểm mà tại đó Ngài có thể nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ hai.

170. For our Solar Logos, the second cosmic initiation has been taken. We do not know whether He has passed the higher analogy to the "Temptation in the Desert", but we know that His next objective is the third cosmic initiation.

170. Đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta, lần điểm đạo vũ trụ thứ hai đã được nhận. Chúng ta không biết liệu Ngài đã vượt qua sự tương đồng cao hơn với "Sự Cám Dỗ trong Sa Mạc" hay chưa, nhưng chúng ta biết rằng mục tiêu kế tiếp của Ngài là lần điểm đạo vũ trụ thứ ban.

171. We may infer that the Solar Logos is much more capable in the balancing of cosmic forces and cannot be deviated by the machinations of cosmic evil.

171. Chúng ta có thể suy ra rằng Thái dương Thượng đế có năng lực hơn nhiều trong việc quân bình các mãnh lực vũ trụ và không thể bị làm chệch hướng bởi những mưu toan của điều ác vũ trụ.

172. The Planetary Logos through His failed manifestation called the Moon-chain has already demonstrated that He can be deviated.

172. Hành Tinh Thượng Đế, qua biểu hiện thất bại của Ngài gọi là Dãy Mặt Trăng, đã chứng minh rằng Ngài có thể bị làm chệch hướng.

Finally, it might be briefly said in connection with the distinctions between magicians that the magician of the Good Law works with the soul of things. His brothers of darkness work with the material aspect.

Sau cùng, có thể nói ngắn gọn liên quan đến những phân biệt giữa các nhà huyền thuật rằng nhà huyền thuật của Thiện Luật làm việc với linh hồn của vạn vật. Các huynh đệ bóng tối của y làm việc với phương diện vật chất.

173. We have already learned that the "magician of the Good Law" is inspired by the Spirit. The white magician is cooperating with the agenda of both the

173. Chúng ta đã học rằng "nhà huyền thuật của Thiện Luật" được tinh thần cảm hứng. Nhà huyền thuật chánh đạo đang hợp tác với chương trình nghị sự của cả Hành Tinh

Planetary Logos and the Solar Logos. This agenda presently calls for the unfoldment of the soul aspect.

Thượng Đế lẫn Thái dương Thượng đế. Chương trình này hiện nay đòi hỏi sự khai mở của phương diện linh hồn.

174. I think we can see in all these comparisons that materialism is a kind of profound ignorance. It is clear that the brothers of the left hand path are profoundly unconscious of the experience of love.

174. Tôi nghĩ chúng ta có thể thấy trong tất cả những so sánh này rằng chủ nghĩa duy vật là một loại vô minh sâu xa. Rõ ràng là các huynh đệ của tả đạo vô cùng vô thức đối với kinh nghiệm của tình thương.

The white magician works through the force centres, on the first and fourth subplanes of each plane. The black magician works through the permanent atoms, and with the substance and forms concerned.

Nhà huyền thuật chánh đạo làm việc qua các trung tâm mãnh lực, trên cõi phụ thứ nhất và thứ tư của mỗi cõi. Nhà hắc thuật làm việc qua các nguyên tử trường tồn, và với chất liệu cùng các hình tướng liên hệ.

175. Here we have a link with the atomic and buddhic subplanes. The first aspect of divinity is curiously linked with the expression of buddhi on the fourth subplane. The correspondence to buddhi on each systemic plane expresses through the fourth subplane.

175. Ở đây chúng ta có một mối liên hệ với các cõi phụ nguyên tử và Bồ đề. Phương diện thứ nhất của thiên tính được liên kết một cách kỳ lạ với sự biểu lộ của Bồ đề trên cõi phụ thứ tư. Sự tương ứng với Bồ đề trên mỗi cõi của hệ thống biểu lộ qua cõi phụ thứ tư.

176. We may infer that it is through the fourth subplane of every plane that the forces of any particular systemic plane may be balanced.

176. Chúng ta có thể suy ra rằng chính qua cõi phụ thứ tư của mọi cõi mà các mãnh lực của bất kỳ cõi hệ thống đặc thù nào cũng có thể được quân bình.

177. Some fairly high devas express as transmitting devas and magnetic devas through the permanent atoms, yet the permanent atoms are the seeds of form, and though they embody the expression of principles, it is the chakras or energy centers which are the direct expression of the energy of the Monad.

177. Một số thiên thần khá cao biểu lộ như các thiên thần truyền dẫn và thiên thần từ tính qua các nguyên tử trường tồn, tuy nhiên các nguyên tử trường tồn là những hạt giống của hình tướng, và dù chúng thể hiện sự biểu lộ của các nguyên khí, thì chính các luân xa hay trung tâm năng lượng mới là biểu lộ trực tiếp của năng lượng của chân thần.

178. When one studies the causal body, realizing that the three members of the atomic triangle are found in the lower

178. Khi người ta nghiên cứu thể nguyên nhân, và nhận ra rằng ba thành phần của tam giác nguyên tử được tìm thấy ở phần

portion of the egoic lotus, one realizes that, representing the third aspect of divinity as they do, they are not *central* to the causal body/egoic lotus.

thấp của hoa sen chân ngã, người ta nhận ra rằng, vì chúng đại diện cho phương diện thứ ba của thiên tính, nên chúng không phải là *trung tâm* của thể nguyên nhân/hoa sen chân ngã.

179. The dichotomies continue. We begin to realize that the contrasts with which we have been presented are to be useful in helping us make a transition from a normal, materialistic consciousness to one that is characterized by soul perception.

179. Các tính nhị phân vẫn tiếp tục. Chúng ta bắt đầu nhận ra rằng những tương phản đã được trình bày cho chúng ta sẽ hữu ích trong việc giúp chúng ta thực hiện một sự chuyển tiếp từ một tâm thức bình thường, duy vật sang một tâm thức được đặc trưng bởi tri giác linh hồn.

180. If one studies Chart VIII in TCF, 817, one realizes that there are force centers on all the four higher subplanes of every plane. From this perspective, if subplanes two and three are not included, then the correspondence to the heart and throat centers on the four correspondences to the etheric subplanes on every plane are excluded.

180. Nếu người ta nghiên cứu Biểu đồ VIII trong TCF, 817, người ta nhận ra rằng có các trung tâm mãnh lực trên cả bốn cõi phụ cao của mọi cõi. Từ góc nhìn này, nếu cõi phụ hai và ba không được bao gồm, thì sự tương ứng với các trung tâm tim và cổ họng trên bốn tương ứng với các cõi phụ dĩ thái trên mọi cõi sẽ bị loại trừ.

181. Yet, as we can see below, black magicians work through chakras as well.

181. Tuy vậy, như chúng ta có thể thấy bên dưới, các nhà hắc thuật cũng làm việc qua các luân xa.

182. And we should not think that the higher forces cannot work through the permanent atoms. Some of the highest forms of devic life in the lower three worlds transmit the will of the Ego through the permanent atoms.

182. Và chúng ta không nên nghĩ rằng các mãnh lực cao hơn không thể làm việc qua các nguyên tử trường tồn. Một số dạng sống thiên thần cao nhất trong ba cõi thấp truyền đạt ý chí của Chân ngã qua các nguyên tử trường tồn.

The white magician utilises in this connection the higher three centres.

Nhà huyền thuật chánh đạo sử dụng trong mối liên hệ này ba trung tâm cao hơn.

183. The three higher centers would usually be considered as the head center, the heart center and the throat center. We must wonder whether the ajna center is to be included.

183. Ba trung tâm cao hơn thường được xem là trung tâm đầu, trung tâm tim và trung tâm cổ họng. Chúng ta phải tự hỏi liệu trung tâm ajna có được bao gồm hay không.

The black magician uses the energy of the lower three centres (the organs of generation, the spleen, and the solar plexus) synthesising their energy by an act of the will and directing it to the centre at the base of the spine, so that the fourfold energy is thence transmitted to the throat centre.

Nhà hắc thuật sử dụng năng lượng của ba trung tâm thấp hơn (các cơ quan sinh dục, luân xa lá lách và tùng thái dương), tổng hợp năng lượng của chúng bằng một hành vi của ý chí và hướng nó đến trung tâm ở đáy cột sống, để từ đó năng lượng tứ phân được truyền đến trung tâm cổ họng.

184. We have here a very technical explanation of how the black magician works. We note that the sacral center is not mentioned but its physical exteriorization, the organs of generation, is.

184. Ở đây chúng ta có một giải thích rất kỹ thuật về cách nhà hắc thuật làm việc. Chúng ta lưu ý rằng trung tâm xương cùng không được nhắc đến, nhưng ngoại hiện hồng trần của nó, tức các cơ quan sinh dục, thì có.

185. It is interested that the energy is driven downwards to the base of the spine. This is reasonable considering the importance of the base of the spine center to the black magician, and also that the direction is downwards. So often we study the elevation of the energy at the base of the spine.

185. Điều đáng chú ý là năng lượng được đẩy xuống dưới đến đáy cột sống. Điều này là hợp lý nếu xét đến tầm quan trọng của trung tâm đáy cột sống đối với nhà hắc thuật, và cũng vì hướng đi là đi xuống. Rất thường khi chúng ta nghiên cứu sự nâng cao năng lượng tại đáy cột sống.

186. In this case, it is as if the energy of the higher centers is made to serve the expression of the lower. We know that in the based of the spine center is found the etheric organ of personal will. The black magician strongly asserts his personal will for strictly personal purposes.

186. Trong trường hợp này, dường như năng lượng của các trung tâm cao hơn bị buộc phải phụng sự cho sự biểu lộ của các trung tâm thấp hơn. Chúng ta biết rằng trong trung tâm đáy cột sống có cơ quan dĩ thái của ý chí cá nhân. Nhà hắc thuật khẳng định mạnh mẽ ý chí cá nhân của mình vì những mục đích hoàn toàn cá nhân.

187. In the five centers mentioned we may have a physical representation of the inverted pentagram.

187. Trong năm trung tâm được nhắc đến này, chúng ta có thể có một biểu hiện hồng trần của hình ngôi sao năm cánh ngược.

The white magician uses the kundalini force as it is transmitted via the central spinal channel. The black magician uses the inferior channels, **dividing the fourfold energy in two units,** which mount via the two channels, leaving the central one dormant.

Nhà huyền thuật chánh đạo sử dụng mãnh lực kundalini khi nó được truyền qua kinh mạch trung ương của cột sống. Nhà hắc thuật sử dụng các kinh mạch thấp hơn, **chia năng lượng tứ phân thành hai đơn vị,** đi lên qua hai kinh mạch ấy, để kinh mạch trung ương ở trạng thái ngủ yên.

188. The black magician does not know how to tread the Noble Middle Path of which the central channel is symbolic.

188. Nhà hắc thuật không biết cách bước đi trên Con Đường Trung Đạo Cao Quý mà kinh mạch trung ương là biểu tượng.

189. We learn here something of considerable importance. The Kundalini is a *fourfold* energy. We might have suspected this as there are four petals to the base of the spine center.

189. Ở đây chúng ta học được một điều có tầm quan trọng đáng kể. Kundalini là một năng lượng *tứ phân*. Chúng ta có thể đã nghi ngờ điều này vì trung tâm đáy cột sống có bốn cánh hoa.

190. The channels Ida and Pingala are utilized by the black magician.

190. Các kinh mạch Ida và Pingala được nhà hắc thuật sử dụnn.

191. We see clearly that the black magician *divides* energy and that the white magician seeks to unify. A true spiritual synthesis will always evade the black magician.

191. Chúng ta thấy rõ rằng nhà hắc thuật *chia cắt* năng lượng, còn nhà huyền thuật chánh đạo thì tìm cách hợp nhất. Một sự tổng hợp tinh thần chân chính sẽ luôn luôn vượt khỏi tầm với của nhà hắc thuật.

192. We may also see why the point of division in the fourth root-race, which was probably the *fourth* sub-race of that rootrace, was the point period of the great war between the dark forces and the Brotherhood of Light.

192. Chúng ta cũng có thể thấy vì sao điểm phân chia trong giống dân gốc thứ tư, có lẽ là giống dân phụ *thứ tư* của giống dân gốc ấy, lại là thời kỳ của cuộc chiến lớn giữa các mãnh lực bóng tối và Huynh đệ Đoàn Ánh sáng.

Hence it will be apparent that one works with duality and the other with unity. On the planes of duality, therefore, it is apparent why the black magician has so much power. The plane of unity for humanity is the mental plane.

Do đó, sẽ rõ rằng một bên làm việc với nhị nguyên tính còn bên kia làm việc với hợp nhất. Vì vậy, trên các cõi của nhị nguyên tính, hiển nhiên là nhà hắc thuật có rất nhiều quyền lực. Cõi của hợp nhất đối với nhân loại là cõi trí.

193. DK is telling us that the black magician has the most power on the astral and physical planes. They are both planes of duality.

193. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng nhà hắc thuật có quyền lực lớn nhất trên cõi cảm dục và cõi hồng trần. Cả hai đều là những cõi của nhị nguyên tíy.

194. When true mental light can be brought to bear, the power of the black magician fades. His power thrives on ignorance.

194. Khi ánh sáng trí tuệ chân chính có thể được đem vào tác động, quyền lực của nhà hắc thuật sẽ phai nhạt. Quyền lực của y phát triển nhờ vô minh.

195. One of the key factors in overcoming the power of the black magician is education. When education is prostituted to ignorant formulations, as so often it is today, true light from the mental plane cannot enter the mind expressing through the physical brain. Instead, the mind is used to distort the truth and reinforce the guiding glamor.

195. Một trong những yếu tố then chốt để vượt qua quyền lực của nhà hắc thuật là giáo dục. Khi giáo dục bị làm sa đọa để phục vụ những công thức vô minh, như ngày nay rất thường xảy ra, thì ánh sáng chân chính từ cõi trí không thể đi vào trí tuệ đang biểu lộ qua bộ não hồng trần. Thay vào đó, trí tuệ bị dùng để bóp méo chân lý và củng cố ảo cảm chỉ đạo.

The planes of diversity are the astral and the physical. Hence the black magician **is of more apparent power** than the white brother on the two lower planes in the three worlds.

Các cõi của tính đa tạp là cõi cảm dục và cõi hồng trần. Vì vậy nhà hắc thuật **có quyền lực biểu kiến lớn hơn** huynh đệ chánh đạo trên hai cõi thấp trong ba cõi giới.

196. It is interesting to hear the Tibetan call the physical and astral planes, "planes of diversity". Perhaps we can understand this if we notice that the physical plane is divided between dense and etheric expressions. As for the astral plane, it is uniquely the plane whereon the contrast between the pairs of opposites is felt most intensely is uniquely the astral plane.

196. Thật thú vị khi nghe Chân sư Tây Tạng gọi cõi hồng trần và cõi cảm dục là "các cõi của tính đa tạp". Có lẽ chúng ta có thể hiểu điều này nếu lưu ý rằng cõi hồng trần được phân chia giữa các biểu lộ đậm đặc và dĩ thái. Còn đối với cõi cảm dục, chính đó là cõi nơi sự tương phản giữa các cặp đối nghịch được cảm nhận mãnh liệt nhất.

The white brother works under the Hierarchy, or under the great King,

Huynh đệ chánh đạo làm việc dưới Thánh Đoàn, hay dưới vị Đại Vương,

197. The "great King" is Sanat Kumara. It is apparent that the form of government within Hierarchy is monarchy.

197. "Vị Đại Vương" là Đức Sanat Kumara. Rõ ràng hình thức cai quản bên trong Thánh Đoàn là quân chủ.

carrying out His planetary purposes. [Page 989] The dark brother **works under certain separated Entities**, unknown to him, who are connected with the forces of matter itself.

thi hành các mục đích hành tinh của Ngài. [Page 989] Huynh đệ bóng tối **làm việc dưới một số Thực Thể biệt lập**, không được y biết đến, là những Đấng có liên hệ với chính các mãnh lực của vật chất.

198. The concept of "separated Entities" is in intriguing one. These Entities, apparently, are out of cooperative relation with each

198. Khái niệm về "các Thực Thể biệt lập" là một điều gợi nhiều suy nghĩ. Hiển nhiên các Thực Thể này không ở trong mối liên hệ hợp

other. The greater Entities of Light are *all* in cooperation with each other.

tác với nhau. Các Thực Thể Ánh sáng lớn hơn thì *đều* hợp tác với nhau.

199. From what is stated elsewhere, among such Entities may be great devas of a very material nature.

199. Từ những gì được nói ở nơi khác, trong số các Thực Thể như thế có thể có những thiên thần lớn mang bản chất rất vật chất.

Some few, through a mysterious cycle of events inexplainable to man in this solar system, repudiated opportunity and linked themselves with that great deva existence which is the impulse of the dense physical, and they cannot loose themselves. (TCF 1125-1126)

Một số ít, qua một chu kỳ sự kiện huyền bí không thể giải thích đối với con người trong hệ mặt trời này, đã khước từ cơ hội và liên kết chính mình với sự tồn tại thiên thần vĩ đại vốn là xung lực của cõi hồng trần đậm đặc, và họ không thể tự giải thoát. (TCF 1125-1126)

200. Again, it is interesting that the greater Entities under whom the white brother words *are known* to Him. In the hierarchy of dark ones it seems that the factors of ignorance and lack of relationship are pervasive.

200. Một lần nữa, thật thú vị khi các Thực Thể lớn hơn mà dưới quyền các Ngài huynh đệ chánh đạo làm việc *được* Ngài biết đến. Trong hệ thống cấp bậc của những kẻ bóng tối, dường như các yếu tố vô minh và thiếu liên hệ lan tràn khắp nơi.

201. The “forces of matter” are definitely the forces of the earlier solar system. The separated Entities work with that which, in our solar system, is considered unprincipled.

201. “Các mãnh lực của vật chất” chắc chắn là các mãnh lực của hệ mặt trời trước. Các Thực Thể biệt lập làm việc với điều mà, trong hệ mặt trời của chúng ta, được xem là không có nguyên khí.

Much more could be given in this connection, but what is here imparted suffices for our purpose.

Có thể nói thêm nhiều điều liên quan đến vấn đề này, nhưng những gì được truyền đạt ở đây là đủ cho mục đích của chúng ta.

202. There is much that would feed the curiosity of the student of occultism, but of what real value would it be?

202. Có nhiều điều có thể nuôi dưỡng tính tò mò của đạo sinh huyền bí học, nhưng chúng sẽ có giá trị thực sự gì?

S8S5 Part III.1

TCF 989 - 994:

TCF 989 - 994:

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Xin đề nghị phần Bình luận này được **đọc với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn bị chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình luận**

b. The Source of Black Magic. In touching upon this point, we are **trespassing into the realms of the mystery**

b. Nguồn gốc của Hắc thuật. Khi chạm đến điểm này, chúng ta đang **xâm nhập vào những lĩnh vực của huyền nhiệm**

1. The word "trespassing" indicates that we as human beings are not really permitted to enter this realm of inquiry. We would be completely incapable of doing so without the guidance of a Teacher such as the Tibetan.

1. Từ "xâm nhập" cho thấy rằng chúng ta, với tư cách là con người, thực ra không được phép đi vào lĩnh vực khảo cứu này. Chúng ta sẽ hoàn toàn bất lực nếu không có sự hướng dẫn của một huấn sư như Chân sư Tây Tạng.

and the domain of the inexplicable.

và miền của điều không thể giải thích.

2. We wonder whether it is inexplicable even to the Masters of the Wisdom.

2. Chúng ta tự hỏi liệu điều đó có không thể giải thích ngay cả đối với các Chân sư Minh Triết hay không.

Certain statements can, however, be made here which, if pondered upon, may throw a little light upon this dark subject.

Tuy nhiên, ở đây có thể đưa ra một số phát biểu mà, nếu được suy ngẫm, có thể soi một ít ánh sáng lên chủ đề tối tăm này.

3. Obviously, as far as the human conscious is concerned, this is one of the *darkest* of subjects.

3. Hiển nhiên, xét theo tâm thức con người, đây là một trong những chủ đề *tối tăm nhất*.

4. We gather that the subject is inexplicable to students of our spiritual rank. We wonder

4. Chúng ta hiểu rằng chủ đề này không thể giải thích được đối với các đạo sinh ở cấp độ tinh thần của chúng ta. Chúng ta tự hỏi đối

to what grade of Intelligence it is truly explicable.

với cấp bậc Trí Tuệ nào thì nó thực sự có thể được giải thích.

First. It should be remembered that the whole subject of **planetary evil** (and students must distinguish carefully between planetary and **cosmic evil**) lies **hid in the individual life cycles** and in the history of the Great Being who is the planetary Logos of the Earth.

Thứ nhất. Cần nhớ rằng toàn bộ chủ đề về **điều ác hành tinh** (và các đạo sinh phải phân biệt cẩn thận giữa điều ác hành tinh và **điều ác vũ trụ**) nằm **ẩn kín trong các chu kỳ sự sống cá biệt** và trong lịch sử của Hữu Thể Vĩ Đại là Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất.

5. We might say that "planetary evil' is something natural and unavoidable during the earlier developmental stages of our Planetary Logos. There are cycles during the history of the Logos of our Earth when certain aspects of His nature will necessarily be subjected to relative darkness and ignorance.

5. Chúng ta có thể nói rằng "điều ác hành tinh" là điều gì đó tự nhiên và không thể tránh khỏi trong các giai đoạn phát triển sớm của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta. Có những chu kỳ trong lịch sử của Thượng đế của Trái Đất chúng ta khi một số phương diện trong bản chất của Ngài tất yếu sẽ chịu sự chi phối của bóng tối và vô minh tương đối.

6. While planetary evil is, in the earlier stages of the development of our Planetary Logos inescapable, this is not the case with the expression of cosmic evil upon our planet. Such expression arises through the freewill of those who choose to align themselves which the sources of cosmic evil even if those who align are incompletely aware of the true nature of such sources..

6. Trong khi điều ác hành tinh, ở các giai đoạn đầu của sự phát triển của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta, là không thể tránh khỏi, thì điều này không đúng đối với sự biểu lộ của điều ác vũ trụ trên hành tinh chúng ta. Sự biểu lộ như thế phát sinh qua tự do ý chí của những kẻ chọn chỉnh hợp với các nguồn của điều ác vũ trụ, ngay cả khi những kẻ chỉnh hợp ấy chưa hoàn toàn ý thức được bản chất thật sự của các nguồn đó.

Therefore, until a man has taken certain initiations and thus achieved a measure of planetary consciousness,

Vì vậy, cho đến khi con người đã nhận một số điểm đạo nhất định và nhờ đó đạt được một mức độ tâm thức hành tinh,

7. We could assume that the initiations here discussed are minimally the third and fourth initiations. What we might call the "planetarization of consciousness" becomes something of a reality at the third initiation.

7. Chúng ta có thể giả định rằng các điểm đạo được bàn đến ở đây tối thiểu là lần điểm đạo thứ ba và thứ tư. Điều mà chúng ta có thể gọi là "sự hành tinh hóa của tâm thức" trở thành một phần nào hiện thực ở lần điểm đạo thứ ba.

it is useless for him to speculate upon that record. H. P. B. has touched, in the *Secret Doctrine,*[95] [S.D., III, 62; Section 6, page 67] upon the subject of "the imperfect Gods," and in these words lies the key to planetary evil.

thì việc y suy đoán về biên niên sử ấy là vô ích. H. P. B. đã chạm đến, trong *Giáo Lý Bí Nhiệm,*95 [S.D., III, 62; Mục 6, trang 67] chủ đề về "các Thượng đế bất toàn", và trong những lời này có chìa khóa của điều ác hành tinh.

8. The "imperfect Gods" are the non-sacred planets ensouled by the relatively less evolved planetary Deities. The Planetary Logos of our Earth, of Mars and Pluto are all, from this perspective, "imperfect Gods"

8. "Các Thượng đế bất toàn" là các hành tinh không thiêng liêng được phú linh bởi các Thượng đế hành tinh tương đối kém tiến hoá hơn. Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất chúng ta, của Sao Hỏa và Sao Diêm Vương đều, từ góc nhìn này, là "các Thượng đế bất toàn"

9. We can wonder whether planetary evil exists within and upon the sacred planetary schemes. It would seem that a great deal of it had been overcome through the process of planetary initiation.

9. Chúng ta có thể tự hỏi liệu điều ác hành tinh có tồn tại bên trong và trên các hệ hành tinh thiêng liêng hay không. Có vẻ như phần lớn điều đó đã được vượt qua nhờ tiến trình điểm đạo hành tinh.

10. One may suspect that when a lesser equivalent to the fifth cosmic initiation is taken, planetary evil is overcome to a significant extent. We may remember that there are two series of initiations which concern a Planetary Logos—a "cosmic" series and a lesser series involving planetary chains.

10. Người ta có thể nghi ngờ rằng khi một tương đương thấp hơn của lần điểm đạo vũ trụ thứ năm được nhận, điều ác hành tinh sẽ được vượt qua ở một mức độ đáng kể. Chúng ta có thể nhớ rằng có hai chuỗi điểm đạo liên quan đến một Hành Tinh Thượng Đế—một chuỗi "vũ trụ" và một chuỗi thấp hơn liên quan đến các dãy hành tinh.

11. One may also wonder whether the human exponents of evil are found on *all* planets within the solar system or only within and upon non-sacred planetary schemes. Venus, for instance, has overcome the type of evil which is found upon the Earth. Are member of the Dark Brotherhood there to be found?

11. Người ta cũng có thể tự hỏi liệu những kẻ biểu hiện điều ác trong nhân loại có được tìm thấy trên *mọi* hành tinh trong hệ mặt trời hay chỉ bên trong và trên các hệ hành tinh không thiêng liêng. Chẳng hạn, Sao Kim đã vượt qua loại điều ác được tìm thấy trên Trái Đất. Có thể tìm thấy các thành viên của Hắc đoàn ở đó hay không?

12. There are some very interesting elaborations on the "imperfect Gods" to be found in *Esoteric Healing,* 297-298. The present state of these "Gods" results not only

12. Có một số khai triển rất thú vị về "các Thượng đế bất toàn" trong *Trị Liệu Huyền Môn,* 297-298. Tình trạng hiện tại của các "Thượng đế" này không chỉ dẫn đến sự biểu

in the expression of planetary evil but, in general, of planetary *disease* as well.

lộ của điều ác hành tinh mà còn, nói chung, của *bệnh tật* hành tinh nữa.

Second. It might briefly be said that, as far as our humanity is concerned, **the terms planetary evil and cosmic evil might be interpreted thus**:

Thứ hai. Có thể nói ngắn gọn rằng, xét theo nhân loại chúng ta, **các thuật ngữ điều ác hành tinh và điều ác vũ trụ có thể được diễn giải như sau**:

13. It would seem that in relation to other human evolutions within our solar system, planetary and cosmic evil would be interpreted differently.

13. Có vẻ như trong tương quan với các tiến hoá nhân loại khác trong hệ mặt trời chúng ta, điều ác hành tinh và điều ác vũ trụ sẽ được diễn giải khác đi.

14. As well, beings higher in consciousness than human beings will probably understand these two terms from a higher perspective than that possible to man.

14. Đồng thời, những hữu thể có tâm thức cao hơn con người có lẽ sẽ hiểu hai thuật ngữ này từ một góc nhìn cao hơn góc nhìn mà con người có thể đạt được.

Planetary evil arises from certain relations existing between our planetary Logos and another planetary Logos. When this condition of **polar opposition** is adjusted, then planetary evil will cease.

Điều ác hành tinh phát sinh từ một số quan hệ tồn tại giữa Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và một Hành Tinh Thượng Đế khác. Khi điều kiện **đối cực phân cực** này được điều chỉnh, thì điều ác hành tinh sẽ chấm dứt.

15. The term “polar opposition” suggests the involvement of the Planetary Logos of Venus, so often considered to be the polar opposite or “alter ego” of the Logos of the Earth-scheme.

15. Thuật ngữ “đối cực phân cực” gợi ý sự can dự của Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim, vốn thường được xem là đối cực hay “bản ngã đối ứng” của Thượng đế của hệ Trái Đất.

16. Planetary evil is the result of ignorance. Venus is the “Light-Bearer” to Earth. When the light is more completely distributed and expressed through Earth-scheme processes, such evil will cease.

16. Điều ác hành tinh là kết quả của vô minh. Sao Kim là “Đấng Mang Ánh Sáng” cho Trái Đất. Khi ánh sáng được phân phối và biểu lộ đầy đủ hơn qua các tiến trình của hệ Trái Đất, điều ác như thế sẽ chấm dứt.

17. Additionally, there is much to recommend a consideration of the non-sacred planet Mars when considering that which promotes the expression planetary evil within the Earth-scheme.

17. Ngoài ra, cũng có nhiều lý do để xem xét hành tinh không thiêng liêng Sao Hỏa khi suy xét về điều thúc đẩy sự biểu lộ của điều ác hành tinh trong hệ Trái Đất.

The adjustment will be brought about through the **mediation** (occultly understood) of a third planetary Logos.

Sự điều chỉnh sẽ được mang lại qua **sự trung gian** (được hiểu theo nghĩa huyền bí) của một Hành Tinh Thượng Đế thứ ba.

18. When we mention a term like "meditation", the function of Mercury the 'Mediator' is suggested.

18. Khi chúng ta nhắc đến một thuật ngữ như "sự trung gian", chức năng của Sao Thủy, "Đấng Trung Gian", được gợi lên.

19. Just as there is a triangle between Venus, Earth and Mars so there is one between Mercury, Venus and Earth.

19. Cũng như có một tam giác giữa Sao Kim, Trái Đất và Sao Hỏa, thì cũng có một tam giác giữa Sao Thủy, Sao Kim và Trái Đất.

20. Mercury stands for many things, but in this case it can represent the mediating mind which represents the powers of the Venusian Solar Angel to the personality aspect of man and of the planet.

20. Sao Thủy tượng trưng cho nhiều điều, nhưng trong trường hợp này nó có thể đại diện cho trí tuệ trung gian, vốn biểu hiện các quyền năng của Thái dương Thiên Thần Kim tinh đối với phương diện phàm ngã của con người và của hành tinh.

These three will eventually form an equilateral triangle, and then planetary evil will cease.

Ba Đấng này rốt cuộc sẽ tạo thành một tam giác đều, và khi đó điều ác hành tinh sẽ chấm dứt.

21. We note the emphasis upon an "equilateral triangle" suggesting the equal or equilibrized presence of three kinds of energies.

21. Chúng ta lưu ý sự nhấn mạnh vào một "tam giác đều", gợi ý sự hiện diện bình đẳng hay quân bình của ba loại năng lượng.

22. The triangle Venus, Mars and Earth also needs adjustment. Venus tames the energy of Mars. Planetary evil is reinforced by the cruder energies of Mars.

22. Tam giác Sao Kim, Sao Hỏa và Trái Đất cũng cần được điều chỉnh. Sao Kim thuần hóa năng lượng của Sao Hỏa. Điều ác hành tinh được củng cố bởi các năng lượng thô trược hơn của Sao Hỏa.

23. If Mercury is, in fact, the mediating planet here referenced by the Tibetan, we may be dealing with the necessity of completing a kind of Antahkarana between the Earth and Venus. From this perspective, such evil will cease when this bridge is completed. The same may be said of the

23. Nếu quả thực Sao Thủy là hành tinh trung gian được Chân sư Tây Tạng nhắc đến ở đây, thì chúng ta có thể đang đối diện với sự cần thiết phải hoàn tất một loại antahkarana giữa Trái Đất và Sao Kim. Từ góc nhìn này, điều ác như thế sẽ chấm dứt khi cây cầu này được hoàn tất. Điều tương tự

human being with respect to the evil caused by ignorance.

Free circulation will ensue; planetary obscuration will become possible, and the "imperfect Gods" will have achieved a relative perfection.

24. By "imperfect Gods" does DK mean *all* non-sacred planets in our solar system?

25. Interestingly, both Venus and Mercury are undergoing planetary obscuration. Earth lags behind them in this process but is not as far from the initial phases of obscuration as we might tend to believe.

26. The Buddha and the Christ represent Mercury and Venus respectively. The influence upon humanity of these two great Saviors is part of the process of equilibrization and contributes to the most necessary reconciliation of the third and second rays within humanity and upon the planet in general.

27. From another perspective, an adjustment between *all four* energies is necessary if planetary evil is to be entirely eradicated upon *our* planet. Venus, Mercury and Mars can be seen to representative the higher mind, the concrete mind and the astral body of the Earth (which is the planet related to the etheric body). Mercury also has higher meanings.

Thus will the karma of the manvantara, or secondary [Page 990] cycle, be adjusted, and so much planetary karmic evil be "worked off."

cũng có thể nói về con người đối với điều ác do vô minh gây ra.

Sự lưu thông tự do sẽ tiếp diễn; sự che khuất hành tinh sẽ trở nên khả hữu, và "các Thượng đế bất toàn" sẽ đạt được một sự hoàn thiện tương đối.

24. Bởi "các Thượng đế bất toàn", Chân sư DK có muốn nói đến *mọi* hành tinh không thiêng liêng trong hệ mặt trời chúng ta không?

25. Điều thú vị là cả Sao Kim lẫn Sao Thủy đều đang trải qua sự che khuất hành tinh. Trái Đất tụt lại phía sau các hành tinh ấy trong tiến trình này, nhưng không xa các giai đoạn đầu của sự che khuất như chúng ta thường có xu hướng nghĩ.

26. Đức Phật và Đức Christ lần lượt đại diện cho Sao Thủy và Sao Kim. Ảnh hưởng của hai Đấng Cứu Thế vĩ đại này lên nhân loại là một phần của tiến trình quân bình hóa và góp phần vào sự hòa giải hết sức cần thiết của cung ba và cung hai trong nhân loại và trên hành tinh nói chung.

27. Từ một góc nhìn khác, một sự điều chỉnh giữa *cả bốn* năng lượng là cần thiết nếu điều ác hành tinh phải được hoàn toàn diệt trừ trên *hành tinh* của chúng ta. Sao Kim, Sao Thủy và Sao Hỏa có thể được xem là đại diện cho thượng trí, trí cụ thể và thể cảm dục của Trái Đất (vốn là hành tinh liên hệ với thể dĩ thái). Sao Thủy cũng có những ý nghĩa cao hơn.

Như thế nghiệp quả của giai kỳ sinh hóa, hay chu kỳ [Page 990] thứ yếu, sẽ được điều chỉnh, và rất nhiều điều ác nghiệp quả hành tinh sẽ được "giải trừ."

28. Maybe not the entirety of planetary karmic evil but “much” of it.

28. Có lẽ không phải toàn bộ điều ác nghiệp quả hành tinh mà là “rất nhiều” trong số đó.

29. A “manvantara” is usually considered a round or alternatively a “Day of Brahma”; perhaps, from another perspective, a “Year of Brahma”. The term “manvantara” is relatively flexible depending upon the context in which it is used.

29. “Giai kỳ sinh hóa” thường được xem là một cuộc tuần hoàn hay, theo cách khác, là một “Ngày của Brahma”; có lẽ, từ một góc nhìn khác, là một “Năm của Brahma”. Thuật ngữ “giai kỳ sinh hóa” tương đối linh hoạt tùy theo ngữ cảnh mà nó được dùng.

a. A manvantara can be one chain round.

a. Một giai kỳ sinh hóa có thể là một cuộc tuần hoàn của một dãy.

b. A manvantara can be seven chain rounds.

b. Một giai kỳ sinh hóa có thể là bảy cuộc tuần hoàn của dãy.

c. From a higher perspective, a manvantara can be one scheme round.

c. Từ một góc nhìn cao hơn, một giai kỳ sinh hóa có thể là một cuộc tuần hoàn của một hệ hành tinh.

d. A manvantara can be equated with a Day of Brahma, a Week of Brahma or even a Year of Brahma.

d. Một giai kỳ sinh hóa có thể được đồng nhất với một Ngày của Brahma, một Tuần của Brahma hay thậm chí một Năm của Brahma.

30. These are smaller cycles when compared to a mahamanvantara.

30. Đây là những chu kỳ nhỏ hơn khi so với một Đại giai kỳ sinh hóa.

All the above must be interpreted in its esoteric sense and not its exoteric.

Tất cả những điều trên phải được diễn giải theo nghĩa huyền bí chứ không phải nghĩa ngoại môn của nó.

31. We are not so much dealing with the exoteric expression of events but with conditions within the inner vehicles and principles of a Planetary Logos.

31. Chúng ta không xử lý nhiều với sự biểu lộ ngoại môn của các biến cố cho bằng với các điều kiện bên trong những hiện thể và nguyên khí nội tại của một Hành Tinh Thượng Đế.

Cosmic evil from the standpoint of our planet

Điều ác vũ trụ theo quan điểm của hành tinh chúng ta

32. Let us note this, as it is apparently possible to consider "cosmic evil" from the standpoint of *other* planets. Our entire solar system is affected by it.

consists in **the relation between that spiritual intelligent Unit or "Rishi of the Superior Constellation"** as He is called (who is the informing Life of one of the seven stars of the Great Bear, and our planetary prototype) **and one of the forces of the Pleiades.**[96] [S.D., II 579-581]

33. We may with reason infer that "spiritual intelligent Unit" is the Logos of Alioth, the third star in the handle of the "Big Dipper". There is a star in the Pleiades which corresponds to this star. It is probably a star emitting the third ray. Is the name of this star "Maia"?

34. Which of the Seven Rishis is "our planetary prototype"? From what is said above, it seems to be the third star, Alioth. The personality ray of our Planetary Logos is the third. Presently, the third ray is the strongest ray on our planet. It this temporary strength sufficient cause for considering the third major star of the Great Bear as our planetary prototype? When the second ray becomes the ray expressing most strongly through our planet will our planetary prototype change to the second star in the Great Bear—Mizar?

35. Our planetary prototype with the Great Bear obviously has a ray connection with our planet. The question is: is this ray connection based on the *personality* ray, the *soul* ray or the *monadic* ray? Or can the prototype change as our planet, in its

32. Chúng ta hãy lưu ý điều này, vì hiển nhiên có thể xem xét "điều ác vũ trụ" từ quan điểm của các hành tinh *khác*. Toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta đều bị nó tác động.

bao gồm **mối quan hệ giữa Đơn Vị tinh thần thông tuệ hay "Rishi của Chòm Sao Thượng Đẳng"** như Ngài được gọi (Đấng là Sự Sống phú linh của một trong bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh, và là nguyên mẫu hành tinh của chúng ta) **và một trong các mãnh lực của Thất Nữ Tinh.**96 [S.D., II 579-581]

33. Chúng ta có thể suy ra một cách hợp lý rằng "Đơn Vị tinh thần thông tuệ" là Thượng đế của Alioth, ngôi sao thứ ba trong cán của "Đại Hùng Tinh". Có một ngôi sao trong Thất Nữ Tinh tương ứng với ngôi sao này. Có lẽ đó là một ngôi sao phát ra cung ba. Tên của ngôi sao này có phải là "Maia" không?

34. Vị nào trong Bảy Rishi là "nguyên mẫu hành tinh" của chúng ta? Từ những gì đã nói ở trên, dường như đó là ngôi sao thứ ba, Alioth. cung phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta là cung ba. Hiện nay, cung ba là cung mạnh nhất trên hành tinh chúng ta. Liệu sức mạnh tạm thời này có phải là nguyên nhân đủ để xem ngôi sao lớn thứ ba của Đại Hùng Tinh là nguyên mẫu hành tinh của chúng ta không? Khi cung hai trở thành cung biểu lộ mạnh nhất qua hành tinh chúng ta, liệu nguyên mẫu hành tinh của chúng ta có đổi sang ngôi sao thứ hai trong Đại Hùng Tinh—Mizar—không?

35. Nguyên mẫu hành tinh của chúng ta với Đại Hùng Tinh hiển nhiên có một liên hệ cung với hành tinh chúng ta. Câu hỏi là: liên hệ cung này dựa trên cung *phàm ngã*, cung *linh hồn* hay cung *chân thần*? Hay nguyên mẫu có thể thay đổi khi hành tinh chúng ta, trong tiến hoá của nó, biểu lộ với sức mạnh

evolution, expresses in greatest strength its soul ray and finally its monadic ray?

lớn nhất cung linh hồn của nó và cuối cùng là cung chân thần của nó?

36. We also should not overlook the Tibetan's use of the term "forces" in the phrase "one of the forces of the Pleiades". Why does He use this term "forces" instead of the term "energies"? Does it have to do with the relative sacredness of the star in question?

36. Chúng ta cũng không nên bỏ qua việc Chân sư Tây Tạng dùng thuật ngữ "các mãnh lực" trong cụm từ "một trong các mãnh lực của Pleiades". Tại sao Ngài dùng thuật ngữ "các mãnh lực" thay vì thuật ngữ "các năng lượng"? Điều này có liên quan đến mức độ thiêng liêng tương đối của ngôi sao đang được nói đến chăng?

Students need here to remember that the "seven sisters" are **occultly** called the "seven wives" of the Rishis,

Ở đây, các đạo sinh cần nhớ rằng "bảy chị em" được **một cách huyền bí** gọi là "bảy người vợ" của các Rishi,

37. The term "occultly" is important. Obviously the Rishis and the Sisters are in relationship with each other even though not located in the same area of space.

37. Thuật ngữ "một cách huyền bí" là quan trọng. Hiển nhiên các Rishi và các Chị Em có liên hệ với nhau dù không nằm trong cùng một vùng không gian.

38. We may assume that the relationship is bi-polar, with the Rishis representing the positive pole and the Sisters the negative.

38. Chúng ta có thể giả định rằng mối liên hệ này là lưỡng cực, với các Rishi đại diện cho cực dương và các Chị Em đại diện cho cực âm.

and that the dual forces (resultant from that relationship) converge and play through that one of the planetary Logoi who is the Logos of any particular planet, and is the "reflection" of any specific Rishi.

và rằng các mãnh lực kép (phát sinh từ mối liên hệ đó) hội tụ và vận hành xuyên qua vị Hành Tinh Thượng Đế là Thượng đế của bất kỳ hành tinh riêng biệt nào, và là "phản chiếu" của một Rishi đặc thù nào đó.

39. Earlier we saw the use of the term "prototype". Each Rishi the Great Bear is a prototype to at least one of the major planets within our solar system. Now we see the use of the term "reflection".

39. Trước đó chúng ta đã thấy việc dùng thuật ngữ "nguyên mẫu". Mỗi Rishi của Đại Hùng Tinh là một nguyên mẫu cho ít nhất một trong các hành tinh chính trong hệ mặt trời chúng ta. Giờ đây chúng ta thấy việc dùng thuật ngữ "phản chiếu".

40. The term "reflection" is useful when considering the ray in fullest expression through a planet at any one time and the Rishi Who is the source of that ray. The term

40. Thuật ngữ "phản chiếu" hữu ích khi xét đến cung đang biểu lộ đầy đủ nhất qua một hành tinh vào một thời điểm nào đó và vị Rishi là nguồn của cung ấy. Thuật ngữ

"prototype" seems, somehow, more essential and indicates a more enduring relationship.

"nguyên mẫu" dường như, theo một cách nào đó, cốt yếu hơn và chỉ ra một mối liên hệ bền lâu hơn.

41. A "reflection" carries the energy pattern of that which is reflected but not in the same degree or level of intensity.

41. Một "phản chiếu" mang mô hình năng lượng của cái được phản chiếu nhưng không ở cùng mức độ hay cấp độ cường lực.

In this relation, at present lacking perfect adjustment, lies hid the **mystery** of cosmic evil as it makes itself felt in any particular planetary scheme.

Trong mối liên hệ này, hiện nay còn thiếu sự điều chỉnh hoàn hảo, ẩn giấu **bí nhiệm** của ác tính vũ trụ khi nó tự làm cho được cảm nhận trong bất kỳ hệ hành tinh riêng biệt nào.

42. Let us take note: the nature and origin of cosmic evil is a "mystery" in relation to any planet through which it may manifest.

42. Chúng ta hãy lưu ý: bản chất và nguồn gốc của ác tính vũ trụ là một "bí nhiệm" trong liên hệ với bất kỳ hành tinh nào mà qua đó nó có thể biểu lộ.

43. Also—imperfection and evil are questions of *relationship.* When relationships are harmonized and then perfected, imperfection and evil disappear.

43. Ngoài ra—bất toàn và ác là những vấn đề của *mối liên hệ.* Khi các mối liên hệ được hài hòa rồi được hoàn thiện, bất toàn và ác sẽ biến mất.

44. We may presume that, with respect to certain planets, the relationship involving one of the Rishis and one of the Pleiades is in better adjustment than with respect to others.

44. Chúng ta có thể giả định rằng, đối với một số hành tinh nào đó, mối liên hệ liên quan đến một trong các Rishi và một trong các Pleiades được điều chỉnh tốt hơn so với những hành tinh khác.

45. We might presume that, when compared to the Rishis and the Pleiades, the planetary schemes represent the negative or material aspect of the triangular relationship.

45. Chúng ta có thể giả định rằng, khi so sánh với các Rishi và các Pleiades, các hệ hành tinh đại diện cho phương diện âm hay vật chất của mối liên hệ tam giác.

Again, when the heavenly triangle

Một lần nữa, khi tam giác thiên giới

46. Each of these triangles (involving two stars and a planetary scheme) is a "heavenly" triangle.

46. Mỗi tam giác này (liên quan đến hai ngôi sao và một hệ hành tinh) là một tam giác "thiên giới".

is duly equilibrated, and the force circulates freely through

47. DK refers to this process of perfecting relationships as 'equilibrization of relationships'.

48. We are given the hint that when relationships are equilibrated, blockages to the free flow of energy disappear.

a. One of the stars of the Great Bear,

b. The Pleiad involved,

c. The planetary scheme concerned,

49. This tabulation gives us an important hint regarding the appearance of cosmic evil in *every* planetary scheme. We see that imperfect adjustment of Great Intelligences with respect to each other is involved in what we, often glibly, call "cosmic evil".

then again cosmic evil will be negated, and a **relative perfection** achieved.

50. Much greater adjustments over far greater spans of time are required to negate cosmic evil.

51. Let us note that, even with its negation, the perfection achieved is only "relative". The "relative perfection" here mentioned probably concerns conditions upon and within the planetary scheme which is the third point in any such triangle.

được quân bình đúng mức, và mãnh lực lưu chuyển tự do qua

47. Ở đây, Chân sư DK gọi tiến trình hoàn thiện các mối liên hệ này là "sự quân bình hóa các mối liên hệ".

48. Chúng ta được gợi ý rằng khi các mối liên hệ được quân bình, các chướng ngại đối với dòng chảy tự do của năng lượng sẽ biến mất.

a. Một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh,

b. Pleiad liên hệ,

c. Hệ hành tinh được nói đến,

49. Bảng liệt kê này cho chúng ta một gợi ý quan trọng về sự xuất hiện của ác tính vũ trụ trong *mọi* hệ hành tinh. Chúng ta thấy rằng sự điều chỉnh bất toàn giữa các Trí Tuệ Vĩ Đại đối với nhau có liên quan đến điều mà chúng ta thường hời hợt gọi là "ác tính vũ trụ".

thì một lần nữa ác tính vũ trụ sẽ bị phủ nhận, và một sự **tương đối hoàn hảo** sẽ đạt được.

50. Những sự điều chỉnh lớn lao hơn nhiều trong những khoảng thời gian dài hơn nhiều là cần thiết để phủ nhận ác tính vũ trụ.

51. Chúng ta hãy lưu ý rằng, ngay cả khi nó bị phủ nhận, sự hoàn hảo đạt được cũng chỉ là "tương đối". "Sự hoàn hảo tương đối" được nói đến ở đây có lẽ liên quan đến các điều kiện trên và trong hệ hành tinh là điểm thứ ba trong bất kỳ tam giác nào như thế.

This will mark the attainment of **primary perfection**, and the consummation of the greater cycle.

Điều này sẽ đánh dấu việc đạt đến **sự hoàn hảo sơ cấp**, và sự viên mãn của chu kỳ lớn hơn.

52. What this cycle may be, we cannot ascertain. Perhaps it is the cycle of the solar system. Or it could be a cycle of *all* the solar systems through which our Solar Logos has incarnated and will be incarnating as He passes through all developmental stages up to His *sixth* cosmic initiation. By that time, all Planetary Logoi should have been perfected-as *planets.*

52. Chúng ta không thể xác định chu kỳ này có thể là gì. Có lẽ đó là chu kỳ của hệ mặt trời. Hoặc đó có thể là một chu kỳ của *mọi* hệ mặt trời mà qua đó Thái dương Thượng đế của chúng ta đã lâm phàm và sẽ còn lâm phàm khi Ngài đi qua mọi giai đoạn phát triển cho đến lần điểm đạo vũ trụ thứ *sáu* của Ngài. Vào lúc đó, mọi Hành Tinh Thượng Đế hẳn đã được hoàn thiện-với tư cách là các *hành tinh.*

53. The "relative perfection" to be achieved is considered, nonetheless, a "primary perfection"—probably because it involved two great stars from prototypical constellations and the dissipation of cosmic evil. When, however, *planetary* evil disappears, we may infer that we are to consider it as an attainment of *secondary* perfection.

53. "Sự hoàn hảo tương đối" cần đạt được, tuy vậy, vẫn được xem là một "sự hoàn hảo sơ cấp"—có lẽ vì nó liên quan đến hai ngôi sao lớn từ các chòm sao nguyên mẫu và sự làm tiêu tan ác tính vũ trụ. Tuy nhiên, khi ác *hành tinh* biến mất, chúng ta có thể suy ra rằng phải xem đó là sự đạt đến *hoàn hảo* thứ cấp.

Cyclic evil, or tertiary evil, lies hid in the relation between the globes in any particular scheme, two of them ever being in opposition until equilibrised by force emanating from a third.

Ác tính chu kỳ, hay ác tính tam cấp, ẩn giấu trong mối liên hệ giữa các bầu hành tinh trong bất kỳ hệ riêng biệt nào, hai trong số đó luôn ở thế đối kháng cho đến khi được quân bình hóa bởi mãnh lực phát ra từ một bầu hành tinh thứ ba.

54. What of the adjustment between two *schemes*? It seems that one type of adjustment has not been referenced.

54. Còn sự điều chỉnh giữa hai *hệ* thì sao? Dường như một loại điều chỉnh đã không được nhắc đến.

55. Note—we are told of adjustments between "globes" in a particular "scheme" and not 'globes in a particular *chain'*. If referencing a scheme and not a chain, how does one know which globes to choose? There are so many at the *scheme* level.

55. Lưu ý—chúng ta được nói về các sự điều chỉnh giữa các "bầu hành tinh" trong một "hệ" riêng biệt chứ không phải "các bầu hành tinh trong một *dãy* riêng biệt". Nếu đang nói đến một hệ chứ không phải một dãy, làm sao biết phải chọn những bầu hành tinh nào? Có quá nhiều ở cấp độ *hệ*.

56. We learn that there is always a mediating or equilibrizing energy adjusting the relationship between two centers representing the positive and negative poles. Does Mercury provide an equilibrizing energy between Venus and our Earth (these being polar opposites)?

56. Chúng ta học được rằng luôn có một năng lượng trung gian hay quân bình hóa điều chỉnh mối liên hệ giữa hai trung tâm đại diện cho cực dương và cực âm. Liệu Sao Thủy có cung cấp một năng lượng quân bình hóa giữa Sao Kim và Trái Đất chúng ta không (vì chúng là các cực đối nghịch)?

57. Let us tabulate:

57. Chúng ta hãy lập bảng:

a. Primary Evil or Cosmic Evil concerns adjustments between two 'Stellar Logoi' and a Planetary Logos.

a. Ác Sơ Cấp hay Ác Vũ Trụ liên quan đến các sự điều chỉnh giữa hai 'Thượng đế Tinh Tú' và một Hành Tinh Thượng Đế.

b. Secondary Evil or Planetary Evil concerns adjustments between two Planetary Logoi and another Planetary Logos. The example given concerns our own Planetary Logos and its relationship to two other Planetary Logoi.

b. Ác Thứ Cấp hay Ác Hành Tinh liên quan đến các sự điều chỉnh giữa hai Hành Tinh Thượng Đế và một Hành Tinh Thượng Đế khác. Thí dụ được đưa ra liên quan đến chính Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và mối liên hệ của Ngài với hai Hành Tinh Thượng Đế khác.

c. Tertiary Evil (is this evil within a planetary chain?) concerns adjustments between two planetary globes and another globe.

c. Ác Tam Cấp (đây có phải là ác trong một dãy hành tinh không?) liên quan đến các sự điều chỉnh giữa hai bầu hành tinh và một bầu hành tinh khác.

d. We wonder about the omission of adjustments between two planetary chains and another planetary chain.

d. Chúng ta tự hỏi về sự bỏ sót các sự điều chỉnh giữa hai dãy hành tinh và một dãy hành tinh khác.

58. We may begin to assume that the conflict between opposites involved in the expression of evil must always be

58. Chúng ta có thể bắt đầu giả định rằng xung đột giữa các cặp đối nghịch liên quan đến sự biểu lộ của ác luôn luôn phải được

equilibrated. Equilibrization (perhaps through the second aspect) is required for the negation of evil—whether cyclic, planetary or cosmic.

quân bình hóa. Sự quân bình hóa (có lẽ qua phương diện thứ hai) là điều cần thiết để phủ nhận ác—dù là chu kỳ, hành tinh hay vũ trụ.

Students will only apprehend the significance of this teaching **as they study the pairs of opposites in their own cycles, and the equilibrising work of the Ego.**

Các đạo sinh sẽ chỉ nắm bắt được thâm nghĩa của giáo huấn này **khi họ nghiên cứu các cặp đối nghịch trong những chu kỳ riêng của mình, và công việc quân bình hóa của chân ngã.**

59. From this perspective, the "pairs of opposites" within the energy system of a disciple are the Monad and the personality.

59. Từ góc nhìn này, "các cặp đối nghịch" trong hệ thống năng lượng của một đệ tử là Chân thần và phàm ngã.

60. For the human being, then, it can be inferred, that the Ego reconciles the Monad to the personality, and thus, Spirit to matter.

60. Vì vậy, đối với con người, có thể suy ra rằng chân ngã hòa giải Chân thần với phàm ngã, và như thế hòa giải tinh thần với vật chất.

61. If, in general, the equilibrizer represents the second aspect, then it is more problematic to choose Mercury as the equilibrizer between the Earth and Venus.

61. Nếu, nói chung, yếu tố quân bình hóa đại diện cho phương diện thứ hai, thì việc chọn Sao Thủy làm yếu tố quân bình hóa giữa Trái Đất và Sao Kim sẽ có vấn đề hơn.

A fourth type of evil growing out of the above finds [Page 991] **its main expression in the sorrows and troubles of the fourth or human kingdom**, and will find its solution in two ways: [firstly] by the balancing of the forces of the three kingdoms (the spiritual or fifth kingdom, the human, and the animal),

Một loại ác thứ tư phát sinh từ những điều trên tìm thấy [Page 991] **sự biểu lộ chính của nó trong những nỗi buồn và rắc rối của giới thứ tư hay giới nhân loại**, và sẽ tìm được giải pháp theo hai cách: [firstly] trước hết là bằng sự quân bình các mãnh lực của ba giới (giới tinh thần hay giới thứ năm, giới nhân loại, và giới động vật),

62. There is a fourth type of evil which applies directly to the fourth kingdom of nature rather than to a planet or globe. Shall we call it 'Quadrennial Evil'?

62. Có một loại ác thứ tư áp dụng trực tiếp cho giới thứ tư của thiên nhiên hơn là cho một hành tinh hay bầu hành tinh. Chúng ta có nên gọi nó là 'Ác Tứ Phân' không?

63. It becomes clear that humanity shall not rid itself of this type of evil until the soul is brought into right relationship with both the human and animal nature.

63. Rõ ràng là nhân loại sẽ không tự giải thoát khỏi loại ác này cho đến khi linh hồn được đưa vào mối liên hệ đúng đắn với cả bản chất người lẫn bản chất thú.

64. In this quadrennial relationship, man (Mercury) is the equilibrizer. Venus represents the fifth or spiritual kingdom and Mars/Earth the animal kingdom. The appropriateness of this lower relationship seems to support the triangle of Mercury, Venus, Earth/Mars as the planets involved in the expression of planetary evil.

64. Trong mối liên hệ tứ phân này, con người (Sao Thủy) là yếu tố quân bình hóa. Sao Kim đại diện cho giới thứ năm hay giới tinh thần, còn Sao Hỏa/Trái Đất đại diện cho giới động vật. Tính thích hợp của mối liên hệ thấp hơn này dường như hỗ trợ tam giác Sao Thủy, Sao Kim, Trái Đất/Sao Hỏa như là các hành tinh liên quan đến sự biểu lộ của ác hành tinh.

and **secondly**, by the negation of the attractive power of the three lower kingdoms (the mineral, the vegetable, and the animal, who thus form one unit), by the spiritual kingdom, utilising the fourth or human kingdom.

và **thứ hai**, bằng sự phủ nhận quyền năng hấp dẫn của ba giới thấp (giới kim thạch, giới thực vật, và giới động vật, do đó hợp thành một đơn vị), bởi giới tinh thần, sử dụng giới thứ tư hay giới nhân loại.

65. In one respect, the three lower kingdoms are collectively the Moon (veiling the energies of Vulcan, Neptune and Uranus), and are associated with the lunar lords. The fifth kingdom under Venus must negate the attraction of the Moon.

65. Xét theo một phương diện, ba giới thấp tập thể là Mặt Trăng (che giấu các năng lượng của Vulcan, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương), và được liên kết với các nguyệt tinh quân. Giới thứ năm dưới Sao Kim phải phủ nhận sức hút của Mặt Trăng.

66. We can see and understand the meaning of difficult aspects between Venus and the Moon (from one perspective) and between Venus and Mars from another.

66. Chúng ta có thể thấy và thấu hiểu ý nghĩa của các góc hợp khó giữa Sao Kim và Mặt Trăng (theo một góc nhìn) và giữa Sao Kim và Sao Hỏa theo một góc nhìn khác.

In all these cases, triangles of force are formed which, when balanced, procure the desired end.

Trong tất cả các trường hợp này, các tam giác mãnh lực được hình thành, và khi được quân bình, sẽ mang lại kết quả mong muốn.

67. We are speaking of the equilibrizing of triangles in order to produce perfected adjustment and consequent full and ideal energy-flow.

67. Chúng ta đang nói về sự quân bình hóa các tam giác để tạo ra sự điều chỉnh hoàn hảo và do đó là dòng năng lượng đầy đủ và lý tưởng.

68. Along with this equilibrization comes the elimination of evil incident to maladjustments between the three factors constituting any particular triangle.

68. Cùng với sự quân bình hóa này là sự loại bỏ ác phát sinh từ các sự điều chỉnh sai lệch giữa ba yếu tố cấu thành bất kỳ tam giác riêng biệt nào.

Black magic is spoken of as making its appearance upon our planet during the fourth root race.[97] [S.D., I, 451, 452; II, 221, 234, 519]

Hắc thuật được nói là đã xuất hiện trên hành tinh chúng ta trong giống dân gốc thứ tư.97 [S.D., I, 451, 452; II, 221, 234, 519]

69. Whatever may have been the abuses in Lemuria, they were, apparently, not the result of the specific focus of the Black Lodge upon humanity.

69. Dù những sự lạm dụng ở Lemuria có thể là gì đi nữa, rõ ràng chúng không phải là kết quả của sự tập chú đặc thù của Hắc đoàn lên nhân loại.

70. This is not to say that evil beings who were initiates in the first solar system were *not* present in Lemuria. There is every indication that they were present, just as the "nomads" who wandered into the Earth-scheme of the second solar system were present even before individualization occurred in the middle of the third root race of fourth round of the Earth-chain of the Earth-scheme.

70. Điều này không có nghĩa là các thực thể ác vốn là các điểm đạo đồ trong hệ mặt trời thứ nhất đã *không* hiện diện ở Lemuria. Có mọi dấu hiệu cho thấy họ đã hiện diện, cũng như các "kẻ du mục" lang thang vào hệ Địa Cầu của hệ mặt trời thứ hai đã hiện diện ngay cả trước khi biệt ngã hóa xảy ra vào giữa giống dân gốc thứ ba của cuộc tuần hoàn thứ tư của Dãy Địa Cầu thuộc hệ Địa Cầu.

71. It would seem that Black Lodge initiates originating within the solar system immediately antedating ours may have been present on the Moon-chain (as, apparently, an eruption of cosmic evil occurred there, too) as well as within both the Lemurian rootrace and the Atlantean rootrace. Their influence in the fifth rootrace was demonstrably present in the first and second world wars.

71. Dường như các điểm đạo đồ của Hắc đoàn có nguồn gốc trong hệ mặt trời ngay trước hệ của chúng ta có thể đã hiện diện trên Dãy Mặt Trăng (vì rõ ràng ở đó cũng đã xảy ra một sự bùng phát của ác tính vũ trụ) cũng như trong cả giống dân gốc Lemuria lẫn giống dân gốc Atlantis. Ảnh hưởng của họ trong giống dân gốc thứ năm đã hiện diện một cách rõ rệt trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai.

...a part of the mystery of evil is to be found in the readiness of certain of these cosmic entities (particularly our planetary Logos in the moon chain) to remain polarised in the physical etheric body after having supposedly dominated the material aspect,

...một phần của bí nhiệm về ác có thể được tìm thấy trong sự sẵn sàng của một số thực thể vũ trụ này (đặc biệt là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trong Dãy Mặt Trăng) tiếp tục phân cực trong thể dĩ thái hồng trần sau khi được cho là đã chế ngự

or gained the control of the third Fire in an earlier system. A hint lies here for the wise student anent present evil on this planet. (TCF 721)

phương diện vật chất, hay đã giành được quyền kiểm soát ngọn Lửa thứ ba trong một hệ trước đó. Ở đây có một gợi ý cho đạo sinh minh triết liên quan đến ác hiện nay trên hành tinh này. (TCF 721)

It should be borne in mind here that this means strictly in connection with the fourth kingdom and its conscious use by wrongly developed men.

Cần ghi nhớ rằng điều này có nghĩa một cách nghiêm ngặt là liên hệ với giới thứ tư và việc sử dụng có ý thức của nó bởi những người nam và nữ phát triển sai lệch.

72. Master DK is speaking in a rather specific manner and in connection with the Earth-chain of the Earth-scheme within the second solar system.

72. Chân sư DK đang nói theo một cách khá đặc thù và trong liên hệ với Dãy Địa Cầu của hệ Địa Cầu trong hệ mặt trời thứ hai.

73. DK is also not speaking of *unconsciously* expressed magic of a lower kind. He is speaking of the deliberate, conscious use of that which we call black magic and which characterizes the approach of the Black Lodge associated with the Earth-scheme.

73. Chân sư DK cũng không nói về loại huyền thuật thấp hơn được biểu lộ một cách *vô thức*. Ngài đang nói về việc sử dụng có chủ ý, có ý thức điều mà chúng ta gọi là hắc thuật và điều này đặc trưng cho phương thức của Hắc đoàn liên kết với hệ Địa Cầu.

The forces of evil of the planetary and cosmic kind have been present since manifestation [the manifestation of our Planetary Logos] set in, being latent in the karma of the planetary Logos,

Các mãnh lực của ác thuộc loại hành tinh và vũ trụ đã hiện diện từ khi sự biểu hiện [sự biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta] bắt đầu, tiềm ẩn trong nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế,

74. Here He explains the distinction between the presence on Earth of the representatives of the Black Lodge and the *conscious use* of black magic by "wrongly developed men".

74. Ở đây Ngài giải thích sự phân biệt giữa sự hiện diện trên Trái Đất của các đại diện của Hắc đoàn và việc *sử dụng có ý thức* hắc thuật bởi "những người nam và nữ phát triển sai lệch".

but human beings began consciously to work with these forces and to use them for specified selfish ends in this round during the fourth root race.

nhưng con người bắt đầu làm việc một cách có ý thức với các mãnh lực này và sử dụng chúng cho những mục đích ích kỷ xác định trong cuộc tuần hoàn này vào giống dân gốc thứ tư.

75. Perhaps the mental development of Lemurians was not sufficient to enable them

75. Có lẽ sự phát triển trí tuệ của người Lemuria chưa đủ để giúp họ làm việc một

to work consciously with black magic. Also, the relatively intelligent (and relatively selfish) Egos from the Moon-chain had not yet entered the Earth-chain during Lemurian times.

cách có ý thức với hắc thuật. Ngoài ra, các Chân ngã tương đối thông minh (và tương đối ích kỷ) từ Dãy Mặt Trăng vẫn chưa đi vào Dãy Địa Cầu trong thời Lemuria.

76. So we are speaking not only of evil on a large scale but of humanity's conscious, deliberate indulgence in black magic for strictly selfish ends. This indulgence did not arise until the fourth root-race, and even then probably not until the third or fourth subraces of that root-race.

76. Vì vậy, chúng ta đang nói không chỉ về ác trên quy mô lớn mà còn về sự buông mình có ý thức, có chủ ý của nhân loại vào hắc thuật vì những mục đích hoàn toàn ích kỷ. Sự buông mình này không xuất hiện cho đến giống dân gốc thứ tư, và ngay cả khi đó có lẽ cũng chưa xảy ra cho đến các giống dân phụ thứ ba hay thứ tư của giống dân gốc ấy.

Black magicians work under **certain great Entities, six in number**,

Các nhà hắc thuật hoạt động dưới quyền **một số Thực Thể lớn, gồm sáu vị**,

77. Let us note that these Entities are greater than the twelve present leaders of the Black Lodge on Earth—six of them in the East and six of them in the West. The number *six*, however, is significant in the expression conscious, deliberate evil.

77. Chúng ta hãy lưu ý rằng các Thực Thể này lớn hơn mười hai nhà lãnh đạo hiện nay của Hắc đoàn trên Trái Đất—sáu vị ở phương Đông và sáu vị ở phương Tây. Tuy nhiên, con số *sáu* có ý nghĩa trong sự biểu lộ của ác có ý thức, có chủ ý.

The dark forces are ruled on the physical plane by a group of six oriental leaders and six occidental leaders; of these the oriental are the most powerful because they are the oldest racially and therefore the most experienced. (EP II 577-578)

Các mãnh lực tối tăm được cai quản trên cõi hồng trần bởi một nhóm sáu nhà lãnh đạo phương Đông và sáu nhà lãnh đạo phương Tây; trong số này, các vị phương Đông mạnh hơn vì các vị ấy cổ xưa hơn về mặt chủng tộc và do đó giàu kinh nghiệm hơn. (EP II 577-578)

who are spoken of, for instance, in the Christian Bible **as having the number 666**.[98] [Bible. Rev. 13:18]

những vị được nói đến, chẳng hạn, trong Kinh Thánh Cơ Đốc giáo **như mang con số 666**.98 [Bible. Rev. 13:18]

78. We must determine whether all these Entities *collectively* are characterized by the number 666 or whether each such Entity is thus characterized.

78. Chúng ta phải xác định liệu tất cả các Thực Thể này *với tính cách tập thể* được đặc trưng bởi con số 666 hay mỗi Thực Thể như vậy đều được đặc trưng như thế.

79. The planet (a non-sacred planet) most correlated with the number 666 is Mars, and it would not be surprising to find that these six Entities have a close relation, within our solar system, to Mars.

79. Hành tinh (một hành tinh không thiêng liêng) tương quan nhiều nhất với con số 666 là Sao Hỏa, và sẽ không có gì đáng ngạc nhiên nếu thấy rằng sáu Thực Thể này có một liên hệ mật thiết, trong hệ mặt trời chúng ta, với Sao Hỏa.

They came in (**being cosmic, not systemic**) on that stream of force emanating from cosmic mental levels which produced the three worlds of human endeavour.

Các vị ấy đi vào (**vì có tính vũ trụ, không phải có tính hệ thống**) trên dòng mãnh lực phát ra từ các cấp độ trí tuệ vũ trụ đã tạo ra ba cõi giới của nỗ lực nhân loại.

80. Black magicians work under *cosmic* Entities.

80. Các nhà hắc thuật hoạt động dưới quyền các Thực Thể *vũ trụ*.

81. The coming in of these Entities is probably the coming into our solar system.

81. Sự đi vào của các Thực Thể này có lẽ là sự đi vào hệ mặt trời chúng ta.

82. It is probable that the planet Mars (a distributor of the sixth ray) is related to these cosmic Entities.

82. Có thể là hành tinh Sao Hỏa (một đấng phân phối cung sáu) có liên hệ với các Thực Thể vũ trụ này.

83. Just as the soul on the higher mental plane produces within the lower three worlds the three elemental vehicles of the human being, so a cosmic type of soul (the type of soul possessed by our Planetary Logos and Solar Logos) produces three cosmic personality vehicles for cosmic elemental expression within the three lower *cosmic* worlds (and especially within the lower two and a half cosmic worlds or planes).

83. Cũng như linh hồn trên Cõi thượng trí tạo ra trong ba cõi thấp ba hiện thể hành khí của con người, thì một loại linh hồn vũ trụ (loại linh hồn mà Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế của chúng ta sở hữu) tạo ra ba hiện thể phàm ngã vũ trụ cho sự biểu lộ hành khí vũ trụ trong ba cõi *vũ trụ* thấp hơn (và đặc biệt trong hai cõi rưỡi vũ trụ thấp hơn).

84. The Solar Angel expressing through the higher mental plane arranges the creation of the lower vehicles of the human being. The greater energy stream which animates the work of the Solar Angels on the higher mental plane emanates from the cosmic mental plane.

84. Thái dương Thiên Thần biểu lộ qua Cõi thượng trí sắp xếp việc tạo ra các hiện thể thấp của con người. Dòng năng lượng lớn hơn làm sinh động công việc của các Thái dương Thiên Thần trên Cõi thượng trí phát ra từ cõi trí vũ trụ.

85. It is evident that these six Entities are related to the personality expression of our Planetary Logos and perhaps to the personality expression of our Solar Logos. Similarly and on a lower level, the lesser members of the Black Lodge work with forces drawn from the personality vehicles of man

85. Rõ ràng là sáu Thực Thể này có liên hệ với sự biểu lộ phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta và có lẽ với sự biểu lộ phàm ngã của Thái dương Thượng đế chúng ta. Tương tự như vậy và ở một cấp độ thấp hơn, các thành viên nhỏ hơn của Hắc đoàn làm việc với các mãnh lực được rút ra từ các hiện thể phàm ngã của con người

Students should remember here the fact that the three lower planes of our solar system are not considered as embodying a **cosmic** principle,

Ở đây, các đạo sinh nên nhớ sự kiện rằng ba cõi thấp của hệ mặt trời chúng ta không được xem là hiện thân của một nguyên khí **vũ trụ**,

86. Though a number of the *human* principles find expression upon and through the three lower planes of our solar system…

86. Dù một số nguyên khí của *con người* tìm thấy sự biểu lộ trên và qua ba cõi thấp của hệ mặt trời chúng ta…

87. We note the use of the word "cosmic" to describe the type of principle under discussion. We are speaking of principles as they apply to the Solar Logos and our Planetary Logos and not of the principles of a human being.

87. Chúng ta lưu ý việc dùng từ "vũ trụ" để mô tả loại nguyên khí đang được bàn đến. Chúng ta đang nói về các nguyên khí khi chúng áp dụng cho Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chứ không phải các nguyên khí của một con người.

for they form the dense physical body of the Logos, and the dense physical body is not considered a principle.

vì chúng tạo thành thể xác đậm đặc của Thượng đế, và thể xác đậm đặc không được xem là một nguyên khí.

88. Even the systemic higher mental plane is considered part of the dense physical body of the Solar Logos, though not necessarily a part or the dense physical body of our Planetary Logos.

88. Ngay cả Cõi thượng trí hệ thống cũng được xem là một phần của thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế, dù không nhất thiết là một phần của thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta.

There is an occult significance in the expression "unprincipled."

Có một ý nghĩa huyền bí trong từ ngữ "không có nguyên khí".

89. We can think of two meanings:

89. Chúng ta có thể nghĩ đến hai nghĩa:

a. Not animated by one of the principles of the Logos; this is the cosmic meaning.

a. Không được làm sinh động bởi một trong các nguyên khí của Thượng đế; đây là nghĩa vũ trụ.

b. Inferior in moral expression, i.e., not abiding by or conforming to expected standards.

b. Thấp kém về biểu lộ đạo đức, tức là không tuân theo hay không phù hợp với các tiêu chuẩn được mong đợi.

90. The two meanings are obviously related.

90. Hai nghĩa này hiển nhiên có liên hệ với nhau.

These entities

Các thực thể này

91. Six Entities…

91. Sáu Thực Thể…

are the **sumtotal of the substance of the three lower subplanes of the cosmic physical plane** (our three lower systemic [Page 992] planes), and it is under them that the black magicians are swept into activity, **often unconsciously, but rising to power as they work consciously**.[99]

là **tổng thể chất liệu của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ** (ba cõi [Page 992] hệ thống thấp của chúng ta), và chính dưới quyền các vị ấy mà các nhà hắc thuật bị cuốn vào hoạt động, **thường là vô thức, nhưng vươn lên quyền lực khi họ hoạt động một cách có ý thức**.99

92. We must wonder about the polarity of these Entities. Since there are six of them representing three lower systemic planes, it would seem that they come in bi-polar pairs.

92. Chúng ta phải tự hỏi về cực tính của các Thực Thể này. Vì có sáu vị đại diện cho ba cõi hệ thống thấp, dường như các vị ấy đi thành những cặp lưỡng cực.

93. We must also wonder about the relationship between these six Entities and the Raja Deva Lords of the lower three systemic planes. The Raja Deva Lords are definitely evolutionary and are equivalent (some of them at least) to a human initiate of the seventh degree. Are the six great Entities *involutionary* in nature?

93. Chúng ta cũng phải tự hỏi về mối liên hệ giữa sáu Thực Thể này và các Chúa Tể Raja Deva của ba cõi hệ thống thấp. Các Chúa Tể Raja Deva rõ ràng thuộc tiến hoá thăng thượng và tương đương (ít nhất một số vị) với một điểm đạo đồ nhân loại bậc bảy. Liệu sáu Thực Thể lớn này có bản chất *giáng hạ tiến hoá* không?

94. We note that the six Entities provide a certain power which sweeps the black magicians into power, often *unconsciously* to themselves.

94. Chúng ta lưu ý rằng sáu Thực Thể này cung cấp một quyền năng nào đó cuốn các nhà hắc thuật vào quyền lực, thường là *vô thức* đối với chính họ.

95. It is curious to realize that black magicians, for all their intelligence, are completely or largely unconscious of the greater maleficent powers which impel them.

95. Thật kỳ lạ khi nhận ra rằng các nhà hắc thuật, dù thông minh đến đâu, vẫn hoàn toàn hoặc phần lớn không ý thức về các quyền năng ác độc lớn hơn đang thúc đẩy họ.

96. As black magicians pursue their goals with increasing consciousness, they increase in power.

96. Khi các nhà hắc thuật theo đuổi các mục tiêu của họ với tâm thức ngày càng tăng, họ cũng gia tăng quyền lực.

Footnote [99]:

Chú thích 99:

It might here be asked what, if any, relation there may be in this connection with the inner round?

Ở đây có thể đặt câu hỏi rằng, nếu có, thì trong mối liên hệ này có thể có quan hệ gì với cuộc tuần hoàn nội tại?

97. The question inquires whether the rise in power of black magicians has anything to do with the inner round.

97. Câu hỏi này thăm dò xem sự gia tăng quyền lực của các nhà hắc thuật có liên quan gì đến cuộc tuần hoàn nội tại hay không.

The inner round has many meanings some impossible to give, but two things may here be said: That it concerns itself with the effect of the triangular balancing of forces towards **the close of the cycle,**

Cuộc tuần hoàn nội tại có nhiều nghĩa một số không thể nêu ra, nhưng ở đây có thể nói hai điều: rằng nó liên quan đến tác động của sự quân bình tam giác của các mãnh lực hướng tới **sự kết thúc của chu kỳ,**

98. Does this cycle concern our solar system or is it a much larger cycle concerning the "One About Whom Naught May Be Said"?

98. Chu kỳ này có liên quan đến hệ mặt trời chúng ta hay là một chu kỳ lớn hơn nhiều liên quan đến "Đấng Bất Khả Tư Nghị"?

99. Three types of electrical force must be reconciled towards the close of any cycle (incidentally eliminating evil). We can imagine the constellation Libra (whose symbol is the triangle), or similar equilibrizing energies, involved in this balancing.

99. Ba loại mãnh lực điện phải được hòa giải vào lúc gần kết thúc của bất kỳ chu kỳ nào (đồng thời làm tiêu tan ác). Chúng ta có thể hình dung chòm sao Thiên Bình (biểu tượng là tam giác), hay các năng lượng quân bình hóa tương tự, có liên quan đến sự quân bình này.

when the force or energy involved is circulating unimpeded, even if slowly, through:

khi mãnh lực hay năng lượng liên quan đang lưu chuyển không bị cản trở, dù chậm, qua:

1. Two constellations of the solar system,

100. This is a peculiar statement, as constellations usually consist of more than one solar system and are not (according to standard definition) contained *within* a solar system.

101. It would make more sense if the statement were "two constellations *and* the solar system".

102. Of course the term "solar system" might not mean a system consisting of one star and a number of planets, but rather a larger structure consisting of a number of constellations. From this perspective the system of the "One About Whom Naught May Be Said" might be considered a "solar system"

2. The planetary schemes

103. We might presume that these are the planetary schemes of our solar system, but, if we are speaking of a cycle larger than a solar systemic cycle, a number the planetary schemes of a number of solar systems might be indicated.

3. Three globes in the scheme.

104. We presume the higher globes of a grouping of seven or ten globes to be included.

105. The information given in this footnote is obscure and seems to be occultly blinded.

1. Hai chòm sao của hệ mặt trời,

100. Đây là một phát biểu kỳ lạ, vì các chòm sao thường gồm nhiều hơn một hệ mặt trời và không phải (theo định nghĩa tiêu chuẩn) nằm *trong* một hệ mặt trời.

101. Sẽ hợp lý hơn nếu phát biểu là "hai chòm sao *và* hệ mặt trời".

102. Dĩ nhiên, thuật ngữ "hệ mặt trời" có thể không có nghĩa là một hệ gồm một ngôi sao và một số hành tinh, mà đúng hơn là một cấu trúc lớn hơn gồm một số chòm sao. Từ góc nhìn này, hệ của "Đấng Bất Khả Tư Nghị" có thể được xem là một "hệ mặt trời"

2. Các hệ hành tinh

103. Chúng ta có thể giả định rằng đây là các hệ hành tinh của hệ mặt trời chúng ta, nhưng nếu đang nói về một chu kỳ lớn hơn chu kỳ hệ mặt trời, thì có thể đang chỉ đến một số hệ hành tinh của một số hệ mặt trời.

3. Ba bầu hành tinh trong hệ.

104. Chúng ta giả định rằng các bầu hành tinh cao hơn của một nhóm bảy hay mười bầu hành tinh được bao gồm ở đây.

105. Thông tin được đưa ra trong chú thích này mơ hồ và dường như đã bị che giấu một cách huyền bí.

Cần nhớ rằng cả ba điều này đều phụ thuộc lẫn nhau. Mãnh lực bắt đầu lưu chuyển như

It should be remembered that all these three are interdependent. The force begins thus to flow when any cycle is two thirds run.

106. We seem to be speaking of the forces which flow through the "inner round".

107. As a general principle, we might say that *equilibrizing forces* begin to flow when any cycle of two third run.

108. We might also infer that it is useless to attempt to eliminate evil until two thirds of a cycle has run its course.

109. It is interesting that after two thirds of the incarnation of a human being have passed, that human being will choose a vocation in line with soul quality.

It deals with the greater Initiations, and is the correspondence on the higher planes to the occult short cut to wisdom and knowledge which we call the Path of Initiation.

110. DK is giving us an analogy between the inner round and the Path of Initiation.

111. It would seem that, via the inner round, higher initiations can be taken. The inner round, apparently, represents the possibility for accelerated progress. Connected with it, we have been told, are rare opportunities and certain dangers.

In the early stages of human unfoldment all men are unconscious black magicians, but are not occultly "damned" thereby.

thế khi bất kỳ chu kỳ nào đã đi được hai phần ba.

106. Dường như chúng ta đang nói về các mãnh lực lưu chuyển qua "cuộc tuần hoàn nội tại".

107. Như một nguyên lý tổng quát, chúng ta có thể nói rằng các *mãnh lực quân bình hóa* bắt đầu lưu chuyển khi bất kỳ chu kỳ nào đã đi được hai phần ba.

108. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng cố gắng loại bỏ ác trước khi hai phần ba chu kỳ đã trôi qua là vô ích.

109. Điều thú vị là sau khi hai phần ba kiếp lâm phàm của một con người đã trôi qua, con người ấy sẽ chọn một thiên chức phù hợp với phẩm tính linh hồn.

Nó liên quan đến các điểm đạo lớn hơn, và là sự tương ứng trên các cõi cao hơn với lối tắt huyền bí dẫn đến minh triết và tri thức mà chúng ta gọi là Con Đường Điểm Đạo.

110. Ở đây, Chân sư DK đang cho chúng ta một phép tương đồng giữa cuộc tuần hoàn nội tại và Con Đường Điểm Đạo.

111. Dường như qua cuộc tuần hoàn nội tại, các điểm đạo cao hơn có thể được tiếp nhận. Cuộc tuần hoàn nội tại, rõ ràng, biểu thị khả năng tiến bộ gia tốc. Liên hệ với nó, như chúng ta đã được cho biết, là những cơ hội hiếm có và một số nguy hiểm.

Trong các giai đoạn đầu của sự khai mở nhân loại mọi người đều là những nhà hắc

thuật vô thức, nhưng vì thế mà không bị huyền bí học xem là "đọa phạt".

112. This means that, due to ignorance, all undeveloped men use their powers selfishly. They are, however, largely unaware that they are doing so.

112. Điều này có nghĩa là, do vô minh, tất cả những người chưa phát triển đều sử dụng các quyền năng của mình một cách ích kỷ. Tuy nhiên, phần lớn họ không nhận biết rằng mình đang làm như vậy.

113. Occult damnation occurs through the *deliberate, willful and prolonged* prostitution of human powers to selfish ends.

113. Sự đọa lạc huyền bí xảy ra qua việc *cố ý, có chủ tâm và kéo dài* đem các quyền năng của con người phụng sự cho những mục đích ích kỷ.

As evolution proceeds they [most human beings who have been laboring in the Hall of Ignorance] come under the force of the second aspect, and the majority respond to it,

Khi tiến hoá tiếp diễn, họ [đa số nhân loại đã lao động trong Phòng Vô Minh] chịu dưới mãnh lực của phương diện thứ hai, và đa số đáp ứng với nó,

114. DK hints at the idea that black magic occurs under the influence of the third aspect of divinity.

114. Chân sư DK gợi ý về tư tưởng rằng hắc thuật xảy ra dưới ảnh hưởng của phương diện thứ ba của thiên tính.

escaping from the **meshes** of the black magicians, and coming under the force of a different number.

thoát khỏi những **mắt lưới** của các nhà hắc thuật, và đi vào dưới mãnh lực của một con số khác.

115. The majority escapes from its response to the number three and begins to respond to the number two.

115. Đa số thoát khỏi sự đáp ứng của mình đối với số ba và bắt đầu đáp ứng với số hai.

116. When the word "meshes" is used it suggest the idea of the "web"—a symbol for the third ray under which black magicians principally work.

116. Khi từ "mắt lưới" được dùng, nó gợi ra ý niệm về "mạng lưới"—một biểu tượng của cung ba, dưới đó các nhà hắc thuật chủ yếu hoạt động.

117. We see that the Christ Force offers a way of escape for all those who are overly-influenced by the third aspect of divinity.

117. Chúng ta thấy rằng Mãnh Lực Christ cống hiến một lối thoát cho tất cả những ai bị phương diện thứ ba của thiên tính ảnh hưởng quá mức.

The few who do not do so in this manvantara are the "failures" who have to continue the struggle at a later date.

Số ít không làm như vậy trong giai kỳ sinh hóa này là những "kẻ thất bại", những người phải tiếp tục cuộc đấu tranh vào một thời điểm sau này.

118. Here we are speaking of 'manvantaric failure' but not of 'mahamanvantaric failure'. If manvantaric failure *continues*, however, it may end in mahamanvantaric failure.

118. Ở đây chúng ta đang nói về sự thất bại 'trong một giai kỳ sinh hóa' chứ không phải sự thất bại 'trong một Đại giai kỳ sinh hóa'. Tuy nhiên, nếu sự thất bại trong một giai kỳ sinh hóa *tiếp diễn*, nó có thể kết thúc trong sự thất bại trong một Đại giai kỳ sinh hóa.

119. There are also some forms of failure which are more natural and relate to the 'date' (within the developmental process of a solar system) on which certain groups of Monads began their evolutionary journey. Commencement of this journey (if too far into the cycle of the solar system) may result in the impossibility of achieving liberation *within that solar system*.

119. Cũng có những hình thức thất bại tự nhiên hơn và liên hệ đến "thời điểm" (trong tiến trình phát triển của một hệ mặt trời) mà vào đó một số nhóm chân thần bắt đầu cuộc hành trình tiến hoá của mình. Việc khởi đầu cuộc hành trình này (nếu quá muộn trong chu kỳ của hệ mặt trời) có thể dẫn đến sự bất khả đạt được giải thoát *trong hệ mặt trời đó*.

120. This, our second solar system, will have its mahamanvantaric "failures" even as the previous solar system had its failures (those who were compelled to continue their development in this, our present, solar system instead of completing it in the preceding system). Such failures will result either from 'late commencement' or from prolonged *inadequate* response to the major energy expressed in the system. An *initial* inadequate response may be rectified *within* the mahamanvantara and would thus simply result in "manvantaric failure".

120. Hệ mặt trời thứ hai này của chúng ta sẽ có những "kẻ thất bại" trong một Đại giai kỳ sinh hóa cũng như hệ mặt trời trước đã có những kẻ thất bại của nó (những người bị buộc phải tiếp tục sự phát triển của mình trong hệ mặt trời hiện tại này của chúng ta thay vì hoàn tất nó trong hệ thống trước đó). Những thất bại như thế sẽ phát sinh hoặc từ "sự khởi đầu muộn" hoặc từ sự đáp ứng *không đầy đủ* kéo dài đối với năng lượng chủ yếu được biểu lộ trong hệ thống. Một sự đáp ứng không đầy đủ *ban đầu* có thể được sửa chữa *trong* Đại giai kỳ sinh hóa và như thế chỉ dẫn đến "sự thất bại trong một giai kỳ sinh hóa".

121. For instance, if certain units in our solar system of Love-Wisdom do not respond adequately to Love-Wisdom, and continue that inadequate response in subsequent manvantaras, they will have to

121. Thí dụ, nếu một số đơn vị trong hệ mặt trời Bác Ái – Minh Triết của chúng ta không đáp ứng đầy đủ với Bác Ái – Minh Triết, và tiếp tục sự đáp ứng không đầy đủ đó trong các giai kỳ sinh hóa kế tiếp, họ sẽ phải tiếp

continue their development of Love-Wisdom in the next or Will solar system.

tục sự phát triển Bác Ái – Minh Triết của mình trong hệ mặt trời kế tiếp, tức hệ mặt trời Ý Chí.

A tiny percentage wilfully refuse to "pass on," and they become the true "black magicians."

Một tỉ lệ phần trăm cực nhỏ cố ý từ chối "tiến lên", và họ trở thành những "nhà hắc thuật" đích thực.

122. The type of failure indicated here is *not* what the Tibetan means by failure within a manvantara nor even failure (through ignorance) within a mahamanvantara. It is much more serious and its consequences far more dire.

122. Loại thất bại được chỉ ra ở đây *không* phải là điều mà Chân sư Tây Tạng muốn nói khi nói về thất bại trong một giai kỳ sinh hóa, thậm chí cũng không phải thất bại (do vô minh) trong một Đại giai kỳ sinh hóa. Nó nghiêm trọng hơn nhiều và hậu quả của nó cũng khốc liệt hơn rất nhiều.

123. The failures, due to initial or prolonged inadequate response or to late commencement in the evolutionary process, are either unfortunate or predictable, but *willful* refusal to "pass on" is quite another matter. It is this misapplication of the will which makes of a man a true black magician and, thus, a member or the Black Lodge (responsive to cosmic evil).

123. Những thất bại do sự đáp ứng không đầy đủ ban đầu hay kéo dài, hoặc do khởi đầu muộn trong tiến trình tiến hoá, thì hoặc là đáng tiếc hoặc là có thể dự đoán được; nhưng sự từ chối *có chủ ý* không chịu "tiến lên" lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Chính sự áp dụng sai lạc ý chí này biến một người thành một nhà hắc thuật đích thực và do đó thành một thành viên của Hắc đoàn (đáp ứng với điều ác vũ trụ).

124. We see how small a percentage of all human beings *willfully* refuse to move forward into responsiveness to the second aspect of divinity. Such beings willfully refuse to love.

124. Chúng ta thấy tỉ lệ những người *cố ý* từ chối tiến lên để đáp ứng với phương diện thứ hai của thiên tính nhỏ đến mức nào trong toàn thể nhân loại. Những hữu thể như thế cố ý từ chối yêu thương.

For them the end is ever the same, ***first***, severance of the Ego from the Monad, entailing a wait for many aeons until another solar system has its being.

Đối với họ, kết cuộc luôn luôn như nhau, ***thứ nhất***, sự cắt đứt Chân ngã khỏi chân thần, kéo theo một sự chờ đợi qua nhiều đại kiếp cho đến khi một hệ mặt trời khác xuất hiện.

125. This is the greatest disaster which can befall the human unit.

125. Đây là tai họa lớn nhất có thể giáng xuống đơn vị nhân loại.

126. We note that the term "aeon", as here used, must necessarily be less than that of a

126. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ "đại kiếp", như được dùng ở đây, tất yếu phải

solar system. The use of this term is, more often than not, indefinite.

ngắn hơn một hệ mặt trời. Việc dùng thuật ngữ này thường là không xác định.

127. When the term "Ego" is used, we do not initially know whether the spiritual triad is indicated or the Ego (in the egoic body) on the higher mental plane. Probably, it is the latter, for the following reason:

127. Khi thuật ngữ "Chân ngã" được dùng, ban đầu chúng ta không biết liệu Tam Nguyên Tinh Thần được chỉ định hay Chân ngã (trong thể chân ngã) trên Cõi thượng trí được chỉ định. Có lẽ là trường hợp sau, vì lý do sau đây:

It is the rejection of the Triadal Lives by units in the fourth Hierarchy, that of the human Monads, which precipitates a man eventually into the eighth sphere. He refuses to become a Christ, a Saviour and remains self-centred. (TCF 1199)

Chính sự khước từ các Sự sống Tam nguyên bởi các đơn vị trong Huyền Giai thứ tư, tức các chân thần nhân loại, đã đẩy một người cuối cùng vào khối cầu thứ tám. Y từ chối trở thành một Đức Christ, một Đấng Cứu Rỗi, và vẫn tập trung vào bản thân. (TCF 1199)

128. To remain focussed as a lower ego, uninfluenced by the Ego on the higher mental plane, is a form of self-centeredness. It is also possible to remain focussed in the Ego on the higher mental plane (uninspired by the Triadal Lives). This would eventuate in a higher form of self-centeredness.

128. Vẫn tập trung như một phàm ngã thấp, không chịu ảnh hưởng của Chân ngã trên Cõi thượng trí, là một hình thức tập trung vào bản thân. Cũng có thể vẫn tập trung trong Chân ngã trên Cõi thượng trí (không được các Sự sống Tam nguyên truyền cảm hứng). Điều này sẽ dẫn đến một hình thức tập trung vào bản thân cao hơn.

129. For the remainder of the present solar system, one whose Ego has been severed from the Monad will express through decaying identity and without hope of Spirit-redemption.

129. Trong phần còn lại của hệ mặt trời hiện tại, kẻ có Chân ngã đã bị cắt đứt khỏi chân thần sẽ biểu lộ qua một bản sắc đang suy tàn và không có hy vọng được tinh thần cứu chuộc.

In the case of the "failures"

Trong trường hợp của những "kẻ thất bại"

130. This is a category which incurs far less karmic punishment than the category of black magicians.

130. Đây là một loại chịu sự trừng phạt nghiệp quả ít hơn rất nhiều so với loại các nhà hắc thuật.

the Ego severed itself from the personality or lower self, **entailing a setback for a lesser period**, but still having opportunity within the system.

Chân ngã tự cắt đứt khỏi phàm ngã hay phàm ngã thấp, **kéo theo một sự thụt lùi trong một thời kỳ ngắn hơn**, nhưng vẫn còn cơ hội trong hệ thống.

131. In the category of those who have not become true members of the Black Lodge, there appear to be failures *within* the solar system and failures at the *termination* of the solar system (condemned to pursue continued development in the next solar system).

131. Trong loại những người chưa trở thành thành viên đích thực của Hắc đoàn, dường như có những thất bại *trong* hệ mặt trời và những thất bại vào lúc *chấm dứt* hệ mặt trời (bị buộc phải theo đuổi sự phát triển tiếp tục trong hệ mặt trời kế tiếp).

132. The one who is not a member of the Black Lodge and who fails at the termination of the solar system still enters the succeeding solar system *as an individualized Ego.* The black magician enters the next solar system as one who must again undertake the entire monadic pilgrimage through all the lower kingdoms. So we see that the loss incurred by a black magician is vastly more severe.

132. Người không phải là thành viên của Hắc đoàn nhưng thất bại vào lúc chấm dứt hệ mặt trời vẫn đi vào hệ mặt trời kế tiếp *như một Chân ngã đã được biệt ngã hóa.* Nhà hắc thuật đi vào hệ mặt trời kế tiếp như kẻ phải một lần nữa đảm nhận toàn bộ cuộc hành hương chân thần qua tất cả các giới thấp. Vì vậy chúng ta thấy rằng sự mất mát mà một nhà hắc thuật phải gánh chịu nghiêm trọng hơn vô cùng.

133. Severance from the Ego seems equivalent to severance from a supervisory Solar Angel. The one thus severed can be considered, from a certain technical perspective, "soulless", He still has an individualized identity but it is uninspired by a higher Ego, i.e., by a Solar Angel. Perhaps re-association with another Solar Angel or with some other form of supervisory force is possible within the same solar system.

133. Sự cắt đứt khỏi Chân ngã dường như tương đương với sự cắt đứt khỏi một Thái dương Thiên Thần giám sát. Kẻ bị cắt đứt như thế có thể được xem, từ một góc độ kỹ thuật nào đó, là "vô hồn". Y vẫn có một bản sắc biệt ngã hóa nhưng bản sắc ấy không được một Chân ngã cao hơn truyền cảm hứng, tức không được một Thái dương Thiên Thần truyền cảm hứng. Có lẽ sự tái liên kết với một Thái dương Thiên Thần khác hoặc với một dạng mãnh lực giám sát nào khác là điều có thể trong cùng hệ mặt trời này.

134. Along this line, we understand that there are a number of human beings (of different kinds) who are not associated with Solar Angels. The most undeveloped human beings are not. As well, those who individualized on the Moon-chain and achieved *on the Moon-chain* were not. The "failures" of which we are speaking, however, are advanced types who, it appears, are deprived of the privilege of continued

134. Theo hướng này, chúng ta hiểu rằng có một số người thuộc nhân loại (thuộc những loại khác nhau) không liên kết với các Thái dương Thiên Thần. Những người kém phát triển nhất thì không. Cũng vậy, những người đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng và đã đạt được *trên Dãy Mặt Trăng* thì cũng không. Tuy nhiên, những "kẻ thất bại" mà chúng ta đang nói đến là những loại tiến bộ, dường như bị tước mất đặc quyền được tiếp tục chịu sự giám sát của một "Đấng Hướng Đạo"

supervision by a solar "Guide". At least, such guidance is interrupted.

135. When the personality is severed from the Ego how long is the severance? Can it be that the Ego or Solar Angel still 'hovers above' the severed personality for some time awaiting a condition of contrition before re-associating itself with that particular human being? Can it be that the severed personality spends many cycles upon the astral plane before such a re-association becomes possible? We can see that much remains to be explored regarding the fate of those who have been severed from the higher Ego.

136. As for those who experience the severance of the Ego from the Monad, their fate is far more obscure.

Second,

137. DK continues speaking of black magicians who are member of the Black Lodge, and not of the ordinary "failures" (whether 'manvantaric failures' or 'mahamanvantaric failures'—the latter existing for two main reasons).

a cycle of existence, spent in unlimited evil, and dependent upon the vitality of the severed egoic body and its innate persistence.

138. Close consideration of this statement confirms that *it is the egoic body* that is severed from the Monad and not the spiritual triad. A severed egoic body will persist for a long time—perhaps for the duration of the dense physical body of our Planetary Logos.

thái dương. Ít nhất, sự hướng dẫn như thế bị gián đoạn.

135. Khi phàm ngã bị cắt đứt khỏi Chân ngã, sự cắt đứt ấy kéo dài bao lâu? Có thể nào Chân ngã hay Thái dương Thiên Thần vẫn còn 'lơ lửng phía trên' phàm ngã bị cắt đứt trong một thời gian, chờ đợi một trạng thái ăn năn trước khi tái liên kết với chính con người ấy? Có thể nào phàm ngã bị cắt đứt phải trải qua nhiều chu kỳ trên cõi cảm dục trước khi sự tái liên kết như thế trở nên khả hữu? Chúng ta có thể thấy rằng còn rất nhiều điều cần được khảo cứu liên quan đến số phận của những ai đã bị cắt đứt khỏi Chân ngã cao hơn.

136. Còn đối với những ai trải qua sự cắt đứt Chân ngã khỏi chân thần, số phận của họ còn mờ mịt hơn nhiều.

Thứ hai,

137. Chân sư DK tiếp tục nói về các nhà hắc thuật là thành viên của Hắc đoàn, chứ không phải những "kẻ thất bại" thông thường (dù là những 'thất bại trong một giai kỳ sinh hóa' hay 'thất bại trong một Đại giai kỳ sinh hóa'—loại sau tồn tại vì hai lý do chính).

một chu kỳ hiện hữu, được sống trong điều ác vô hạn độ, và tùy thuộc vào sinh lực của thể chân ngã đã bị cắt đứt và sự bền bỉ cố hữu của nó.

138. Sự xem xét kỹ lưỡng phát biểu này xác nhận rằng *chính thể chân ngã* bị cắt đứt khỏi chân thần chứ không phải Tam Nguyên Tinh Thần. Một thể chân ngã bị cắt đứt sẽ tồn tại rất lâu—có lẽ trong suốt thời gian tồn tại của thể xác đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

These are the ordinary "lost souls" spoken of in the *Secret Doctrine.*[1]

Đây là những "linh hồn lạc mất" thông thường được nói đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm.*1

139. DK clarifies that the "lost souls" are black magicians whose egoic bodies have been severed from their Monads.

139. Chân sư DK làm rõ rằng những "linh hồn lạc mất" là các nhà hắc thuật có thể chân ngã đã bị cắt đứt khỏi chân thần của họ.

140. The following tabulation explains why there are so few "lost souls"

140. Bảng liệt kê sau đây giải thích vì sao có quá ít "linh hồn lạc mất"

Footnote 1:

No soul can be lost where—

a. **One good aspiration is present.**

b. **One unselfish deed is done**.

c. The life is strong in virtue.

d. The life is righteous.

e. The life is a naturally pure life.— Unveiled, II, 368.

-- Read S. D., III, 528, 529.

Chú thích 1:

Không linh hồn nào có thể bị lạc mất khi—

a. **có hiện diện một khát vọng thiện lành.**

b. **thực hiện một hành động vô kỷ**.

c. Sự sống mạnh mẽ trong đức hạnh.

d. Sự sống là chính trực.

e. Sự sống là một đời sống tự nhiên thanh khiết.— Unveiled, II, 368.

-- Đọc S. D., III, 528, 529.

141. The last three stipulations indicate those who are high souls and who, consequently, cannot ever be considered "lost souls".

141. Ba điều kiện cuối cùng chỉ ra những linh hồn cao cả, và do đó, không bao giờ có thể bị xem là "linh hồn lạc mất".

142. The first two stipulations indicate those who are nearly spiritually impoverished (spiritually spent) but are prevented from becoming "lost souls" by the presence of the tiniest bit of good still resident within their nature.

142. Hai điều kiện đầu chỉ ra những người gần như kiệt quệ về tinh thần (hao mòn về tinh thần) nhưng được ngăn không trở thành "linh hồn lạc mất" nhờ sự hiện diện của chút thiện nhỏ nhoi nhất vẫn còn cư ngụ trong bản chất của họ.

143. If (following the behest of at least one good aspiration) one unselfish deed is done, a path of recovery from evil has begun.

143. Nếu (theo sự thôi thúc của ít nhất một khát vọng thiện lành) một hành động vô kỷ được thực hiện, thì một con đường phục hồi khỏi điều ác đã bắt đầu.

If students will study these conditions, and will extend the same concept to an earlier and **more matured solar system**, they will get [Page 993] some light upon the problem of the origin of evil in this solar system.

Nếu các đạo sinh nghiên cứu những điều kiện này, và mở rộng cùng một khái niệm ấy sang một hệ mặt trời sớm hơn và **trưởng thành hơn**, họ sẽ nhận được [Page 993] một ít ánh sáng về vấn đề nguồn gốc của điều ác trong hệ mặt trời này.

144. Basically the origin of evil in this solar system stems from an immediately preceding solar system—the immediately former incarnation of our Solar Logos.

144. Về căn bản, nguồn gốc của điều ác trong hệ mặt trời này bắt nguồn từ hệ mặt trời ngay trước đó—lần lâm phàm ngay trước của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

145. There are also, as we have been discussing, extra-systemic origins of the evil which affects our solar system.

145. Cũng có, như chúng ta đã bàn đến, những nguồn gốc ngoài hệ thống của điều ác đang tác động đến hệ mặt trời của chúng ta.

146. We might gather that the previous solar system was not brought to an abrupt end as was the Moon-chain of our Earth-scheme, but that it reached its full maturity. We presently live in a solar system which is only approximately midway through its complete development.

146. Chúng ta có thể suy ra rằng hệ mặt trời trước không bị chấm dứt đột ngột như Dãy Mặt Trăng của hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta, mà đã đạt đến sự trưởng thành trọn vẹn. Hiện nay chúng ta đang sống trong một hệ mặt trời mới chỉ xấp xỉ ở điểm giữa của sự phát triển hoàn chỉnh của nó.

147. We might wonder why, in preparation for a discussion on white magic, so much attention should be paid to black magic and its origin. Perhaps the dangers of a misguided approach to the magical process are very great. Much of human civilization was already destroyed during the Atlantean era precisely for this reason. It is necessary for aspirants to the magical art to be forewarned in the strongest terms.

147. Chúng ta có thể tự hỏi vì sao, để chuẩn bị cho một cuộc bàn luận về Chánh Thuật, lại phải dành quá nhiều chú ý cho Hắc thuật và nguồn gốc của nó. Có lẽ những nguy hiểm của một cách tiếp cận sai lạc đối với tiến trình huyền thuật là rất lớn. Phần lớn nền văn minh nhân loại đã từng bị hủy diệt trong thời Atlantis chính vì lý do này. Điều cần thiết là những người chí nguyện đối với nghệ thuật huyền thuật phải được cảnh báo trước bằng những lời lẽ mạnh mẽ nhất.

S8S5 - Part III. 2

TCF 994 - 996

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

c. Conditions for White Magic. In considering the factors requiring adjustment prior to undertaking the work of magic, we are dealing with that which is of eminently practical value.

1. Perhaps we have noticed that we have entered a very practical section of the Treatise. What is more 'practical' than the magical art, the very purpose of which is correct manifestation?

Unless students of magic enter upon this pursuit fortified by pure motive, clean bodies, and high aspiration, they are foredoomed to disappointment and even to disaster.

2. Let us tabulate for emphasis the requirements placed upon those who would enter seriously upon the pursuit of magic:

TCF 994 - 996

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

c. Những điều kiện cho Chánh Thuật. Khi xem xét các yếu tố cần được điều chỉnh trước khi đảm nhận công việc huyền thuật, chúng ta đang đề cập đến điều có giá trị thực tiễn nổi bật.

1. Có lẽ chúng ta đã nhận thấy rằng mình đã bước vào một phần rất thực tiễn của bộ Luận. Còn gì "thực tiễn" hơn nghệ thuật huyền thuật, mà chính mục đích của nó là sự biểu hiện đúng đắn?

Trừ phi các đạo sinh huyền thuật bước vào sự theo đuổi này với sự phòng hộ của động cơ thanh khiết, các thể thanh sạch, và khát vọng cao cả, họ đã được định trước là sẽ gặp thất vọng và thậm chí tai họa.

2. Để nhấn mạnh, chúng ta hãy liệt kê các yêu cầu đặt ra cho những ai muốn nghiêm túc bước vào việc theo đuổi huyền thuật:

a. Pure motive

b. Clean bodies (all of the personality vehicles, presumably)

c. High aspiration

3. DK promises no real achievement unless these requirements are completely fulfilled. The use of the word "foredoomed" is certainly serious.

All those who seek to work consciously with the forces of manifestation, and who endeavour to control the Energies of all that is seen, need the strong protection of purity.

4. If they do not have this purity, they may be tempted towards misuse of the energies they seek to control. Impurity induces various types of magnetism which run counter to the magician's higher purposes and motives.

5. We know that physical impurity may lead to infection and death. The same is true on the subtler levels. There must be nothing within the magician which can respond to lower, disintegrative tendencies.

This is a point which cannot be too strongly emphasised and urged, and hence the constant injunctions to self control, comprehension of the nature of man, and devotion to the cause of humanity.

6. The following three factors will insure purity:

a. Động cơ thanh khiết

b. Các thể thanh sạch (hẳn là tất cả các vận cụ của phàm ngã)

c. Khát vọng cao cả

3. Chân sư DK không hứa hẹn một thành tựu thực sự nào trừ phi các yêu cầu này được hoàn thành trọn vẹn. Việc dùng từ "được định trước" quả thật rất nghiêm trọng.

Tất cả những ai tìm cách hoạt động một cách hữu thức với các mãnh lực của sự biểu hiện, và nỗ lực kiểm soát các Năng Lượng của mọi điều được thấy, đều cần sự bảo vệ mạnh mẽ của tính thanh khiết.

4. Nếu họ không có sự thanh khiết này, họ có thể bị cám dỗ đi đến việc lạm dụng các năng lượng mà họ tìm cách kiểm soát. Sự ô uế gây ra nhiều loại từ điện khác nhau đi ngược lại các mục đích và động cơ cao hơn của nhà huyền thuật.

5. Chúng ta biết rằng sự ô uế hồng trần có thể dẫn đến nhiễm trùng và tử vong. Điều ấy cũng đúng trên các cấp độ vi tế hơn. Không được có bất cứ điều gì bên trong nhà huyền thuật có thể đáp ứng với các khuynh hướng thấp kém, phân rã.

Đây là một điểm không thể được nhấn mạnh và thúc giục quá mức, và do đó mới có những lời huấn thị liên tục về tự chủ, thấu hiểu bản chất của con người, và hiến dâng cho chính nghĩa của nhân loại.

6. Ba yếu tố sau đây sẽ bảo đảm sự thanh khiết:

a. “Self-control”. This will prevent the magician from being swept from his presumably high purpose by lower currents.

a. “Tự chủ”. Điều này sẽ ngăn nhà huyền thuật bị các dòng chảy thấp hơn cuốn khỏi mục đích vốn được giả định là cao cả của mình.

b. “Comprehension of the nature of man”. This will prevent the magician from being blinded by the lure of the lower powers. He will acknowledge the existence of the higher aspects of his nature and will understand the desirability of developing the higher powers associated with these higher aspects.

b. “Thấu hiểu bản chất của con người”. Điều này sẽ ngăn nhà huyền thuật bị làm mù quáng bởi sức quyến rũ của các quyền năng thấp. Y sẽ thừa nhận sự hiện hữu của các phương diện cao hơn trong bản chất mình và sẽ hiểu tính đáng mong muốn của việc phát triển các quyền năng cao hơn gắn liền với các phương diện cao hơn ấy.

c. “Devotion to the cause of humanity”. This will promote in the magician a willingness to commit all his powers to humanity’s greatest good.

c. “Hiến dâng cho chính nghĩa của nhân loại”. Điều này sẽ thúc đẩy nơi nhà huyền thuật sự sẵn lòng hiến dâng mọi quyền năng của mình cho thiện ích lớn lao nhất của nhân loại.

7. DK enters into greater detail concerning the dangers which await those who pursue magical investigation.

7. Chân sư DK đi vào chi tiết hơn về những nguy hiểm đang chờ đợi những ai theo đuổi việc khảo cứu huyền thuật.

The pursuit of magical investigation is dangerous in three ways.

Việc theo đuổi sự khảo cứu huyền thuật nguy hiểm theo ba cách.

If a man's bodies are not sufficiently purified and their atomic vibration is not sufficiently high, **he is in danger of over-stimulation when brought in contact with the forces of nature**, and this inevitably entails the destruction and disintegration of one or other of his bodies.

Nếu các thể của một người không được thanh lọc đầy đủ và rung động nguyên tử của chúng không đủ cao, **y sẽ có nguy cơ bị kích thích quá mức khi tiếp xúc với các mãnh lực của thiên nhiên**, và điều này tất yếu kéo theo sự hủy diệt và phân rã của một hay một thể khác trong các thể của y.

8. The relatively high energy of the forces contacted proves too much for the atoms of lower vibration contained within his vehicles. Atoms of high vibration can receive these forces and still maintain their integrity. The integrity of atoms of relatively lower vibration is threatened by the

8. Năng lượng tương đối cao của các mãnh lực được tiếp xúc tỏ ra quá sức đối với các nguyên tử có rung động thấp hơn chứa trong các vận cụ của y. Các nguyên tử có rung động cao có thể tiếp nhận các mãnh lực này mà vẫn duy trì được tính toàn vẹn của chúng. Tính toàn vẹn của các nguyên tử có rung động tương đối thấp hơn bị đe dọa bởi việc

application of forces more potent than those to which they have become habituated.

áp dụng những mãnh lực mạnh hơn những mãnh lực mà chúng đã quen chịu đựng.

9. The principle is simple: ensure purification before invoking and receiving potencies higher than the potencies to which one is normally exposed.

9. Nguyên lý thì đơn giản: hãy bảo đảm sự thanh lọc trước khi khẩn cầu và tiếp nhận những tiềm lực cao hơn các tiềm lực mà người ta thường xuyên tiếp xúc.

10. In the section above, DK speaks of the possible destruction of one or other of the magician's bodies.

10. Trong phần trên, Chân sư DK nói về khả năng hủy diệt một hay một thể khác của nhà huyền thuật.

At times it may entail the destruction of two or more, and when this is the case,

Đôi khi điều đó có thể kéo theo sự hủy diệt của hai hay nhiều thể hơn, và khi trường hợp ấy xảy ra,

11. Even two of the magician's bodies may be disintegrated and destroyed. Is it possible that he may suffer the same fate in all three of the personality's vehicles?

11. Ngay cả hai thể của nhà huyền thuật cũng có thể bị phân rã và hủy diệt. Có thể nào y phải chịu cùng số phận ấy trong cả ba vận cụ của phàm ngã không?

it involves a definite setback to egoic unfoldment, for **it requires, in such cases, a much longer interval between incarnations, owing to the difficulty of assembling the needed materials in the sheaths.**

điều đó bao hàm một sự thụt lùi rõ rệt đối với sự khai mở chân ngã, vì **trong những trường hợp như thế, nó đòi hỏi một khoảng cách giữa các lần lâm phàm dài hơn nhiều, do khó khăn trong việc tập hợp các chất liệu cần thiết trong các thể vỏ bọc.**

12. We have here a very interesting occult hint. The effect of the disintegration and destruction of the magician's vehicles through overstimulation shows itself in relation to the building processes between incarnations. During this interval, materials for the future sheaths must be assembled and built into form, and if there has been disintegration and destruction of the vehicles during the previous incarnation, the period of time necessary to assemble and build-in the material necessary for the sheaths of the forthcoming incarnation is much longer. This stands to reason.

12. Ở đây chúng ta có một gợi ý huyền bí rất thú vị. Tác động của sự phân rã và hủy diệt các vận cụ của nhà huyền thuật do bị kích thích quá mức biểu lộ trong mối liên hệ với các tiến trình kiến tạo giữa các lần lâm phàm. Trong khoảng thời gian này, các chất liệu cho những thể vỏ bọc tương lai phải được tập hợp và xây dựng thành hình tướng, và nếu đã có sự phân rã và hủy diệt các vận cụ trong lần lâm phàm trước, thì thời gian cần thiết để tập hợp và xây dựng chất liệu cần cho các thể vỏ bọc của lần lâm phàm sắp tới sẽ dài hơn nhiều. Điều này là hợp lý.

13. Apparently, while delay may be expected if but *one* of the personality vehicles has been compromised, it is a delay of much shorter duration than if *two* vehicles have been compromised through unwise exposure to energies too potent to be rightly assimilated.

13. Rõ ràng, tuy có thể chờ đợi sự trì hoãn nếu chỉ *một* trong các vận cụ của phàm ngã bị tổn hại, nhưng sự trì hoãn ấy ngắn hơn nhiều so với khi *hai* vận cụ bị tổn hại do phơi mình thiếu khôn ngoan trước những năng lượng quá mạnh để có thể đồng hoá đúng đắn.

[Danger 2]

[Danger 2]

Further, unless a man is strengthened in his endeavour by right motive, he is liable to be led astray by the acquisition of power.

Hơn nữa, trừ phi một người được củng cố trong nỗ lực của mình bằng động cơ đúng đắn, y rất dễ bị dẫn lạc bởi việc đạt được quyền năng.

14. This, we can understand, happens quite frequently. There is a certain "glamor of magical powers" which can be most intoxicating and which leads many astray.

14. Điều này, chúng ta có thể hiểu, xảy ra khá thường xuyên. Có một thứ "ảo cảm về các quyền năng huyền thuật" có thể cực kỳ say mê và dẫn nhiều người đi lạc.

Knowledge of the laws of magic puts into the hands of the student powers which enable him to create, to acquire, and to control.

Sự hiểu biết các quy luật của huyền thuật đặt vào tay đạo sinh những quyền năng giúp y sáng tạo, đạt được và kiểm soát.

15. Creation, acquisition and control—the student/practitioner of magic can fulfill his desires with far greater ease than can the normal person. If his desires are not pure, his creations and acquisitions and, additionally, his ability to control the forces and the lives of others will only lead to his further imprisonment.

15. Sáng tạo, đạt được và kiểm soát—đạo sinh/người thực hành huyền thuật có thể hoàn thành các ham muốn của mình dễ dàng hơn rất nhiều so với người bình thường. Nếu các ham muốn của y không thanh khiết, thì những sáng tạo và sự đạt được của y, và thêm vào đó, khả năng kiểm soát các mãnh lực và các sự sống của người khác, sẽ chỉ dẫn y đến sự giam hãm sâu hơn nữa.

Such powers [Page 994] are fraught with menace to the unprepared and unready, for the student can, in this case, turn them to selfish ends, use them for his own temporal material advancement, and acquire in this way that which will feed the desires of the lower nature.

Những quyền năng như thế [Page 994] đầy hiểm họa đối với người chưa chuẩn bị và chưa sẵn sàng, vì trong trường hợp này đạo sinh có thể quay chúng về những mục đích ích kỷ, dùng chúng cho sự thăng tiến vật chất tạm thời của riêng mình, và bằng cách

ấy đạt được điều sẽ nuôi dưỡng các ham muốn của bản chất thấp.

16. If the desire nature grows in potency without being transmuted into aspiration, then the tendency to bondage is only increased.

16. Nếu bản chất ham muốn tăng trưởng về tiềm lực mà không được chuyển hoá thành khát vọng, thì khuynh hướng đi vào trói buộc chỉ càng gia tăng.

17. The liberated man is free from such desires and, thus, can safely use the magical powers. These powers, especially the ones operative within the three lower worlds, only strengthen the relationship to those lower worlds and hold back the misguided and selfish magician from liberation.

17. Con người được giải thoát thì tự do khỏi những ham muốn như thế và do đó có thể sử dụng các quyền năng huyền thuật một cách an toàn. Những quyền năng này, đặc biệt là những quyền năng hoạt động trong ba cõi thấp, chỉ làm mạnh thêm mối liên hệ với các cõi thấp ấy và giữ nhà huyền thuật lầm lạc và ích kỷ lại khỏi sự giải thoát.

He takes, therefore, the first step towards the left hand path,

Vì vậy, y bước bước đầu tiên trên tả đạo,

18. He does this by strengthening within his energy system the power of lower desire and augmenting the strength of energy patterns which encumber his soul.

18. Y làm điều này bằng cách tăng cường trong hệ thống năng lượng của mình quyền lực của ham muốn thấp và gia tăng sức mạnh của các mô hình năng lượng đang trói buộc linh hồn y.

and each life may see him progressing towards it with greater readiness,

và mỗi kiếp sống có thể thấy y tiến gần về phía đó với sự sẵn sàng lớn hơn,

19. A habitual pattern of action has been established. Progressively he will find within himself less and less resistance to its fulfillment.

19. Một mô hình hành động theo thói quen đã được thiết lập. Dần dần y sẽ thấy trong chính mình ngày càng ít sự kháng cự đối với việc hoàn thành nó.

until (almost unconsciously) he will find himself in the ranks of the black masters.

cho đến khi (gần như vô thức) y sẽ thấy mình ở trong hàng ngũ các hắc chân sư.

20. We notice the term “masters” It would appear that it is possible for a black magician to achieve a condition of power and status equivalent in its own way to the rank of Master of the Great White Lodge

20. Chúng ta lưu ý thuật ngữ “chân sư”. Dường như một nhà hắc thuật có thể đạt đến một trạng thái quyền lực và địa vị tương đương theo cách riêng của nó với cấp bậc Chân sư của Thánh đoàn

Such a state of affairs can only be **offset through the cultivation of altruism, sincere love of man, and a steady negation of all lower desire**.

21. Love and desire are *not* equivalent.

22. For the sake of emphasis, let us tabulate those practices and attitude which can offset any tendency to tread the left hand path.

a. The cultivation of altruism.

b. The sincere love of man

c. A steady negation of all lower desire

23. It becomes apparent that the development of real love negates the appeal of lower desire. Love must replace low desire. The power of the heart center must replace the power of the solar plexus center.

[Danger 3]

The third danger which menaces the unwary student of magic lies in the fact that when he tampers with these forces and energies **he is dealing with that which is akin to his own lower nature.** He, therefore, follows the line of least resistance; he augments these energies, thereby increasing their response to the lower and to the material aspects of his nature. This he does at the expense of his higher nature, retarding its unfoldment and delaying his progress.

Một tình trạng như thế chỉ có thể được **hóa giải bằng việc vun bồi lòng vị tha, tình thương chân thành đối với con người, và sự phủ nhận bền bỉ mọi ham muốn thấp**.

21. Tình thương và ham muốn *không* tương đương.

22. Để nhấn mạnh, chúng ta hãy liệt kê những thực hành và thái độ có thể hóa giải bất kỳ khuynh hướng nào muốn bước trên tả đạo.

a. Sự vun bồi lòng vị tha.

b. Tình thương chân thành đối với con người

c. Sự phủ nhận bền bỉ mọi ham muốn thấp

23. Rõ ràng là sự phát triển tình thương đích thực sẽ phủ nhận sức hấp dẫn của ham muốn thấp. Tình thương phải thay thế ham muốn thấp. Quyền năng của trung tâm tim phải thay thế quyền năng của trung tâm tùng thái dương.

[Danger 3]

Nguy hiểm thứ ba đe dọa đạo sinh huyền thuật thiếu thận trọng nằm ở chỗ khi y can thiệp vào các mãnh lực và năng lượng này **y đang đề cập đến điều tương cận với bản chất thấp của chính mình**. Vì vậy, y đi theo con đường ít trở ngại nhất; y làm tăng cường các năng lượng này, do đó làm tăng sự đáp ứng của chúng đối với các phương diện thấp và vật chất trong bản chất của y. Y làm điều này với cái giá là bản chất cao hơn của mình, làm chậm sự khai mở của nó và trì hoãn sự tiến bộ của mình.

24. The essence of this danger is the tendency of man to strengthen his lower nature. Rather than participate in the salutary struggle between the higher and lower natures, he reinforces the strength of that which is of the personality and akin to the forces of the personality. Personality gratification becomes ever earlier of accomplishment.

24. Bản chất của nguy hiểm này là khuynh hướng của con người muốn tăng cường bản chất thấp của mình. Thay vì tham dự vào cuộc đấu tranh lành mạnh giữa bản chất cao và thấp, y củng cố sức mạnh của điều gì thuộc về phàm ngã và tương cận với các mãnh lực của phàm ngã. Sự thỏa mãn phàm ngã ngày càng trở nên dễ đạt được hơn.

25. If he follows the line of least resistance, he is strengthening within himself the third aspect of divinity instead of transferring his polarization into the second aspect.

25. Nếu y đi theo con đường ít trở ngại nhất, y đang tăng cường trong chính mình phương diện thứ ba của thiên tính thay vì chuyển dịch sự phân cực của mình vào phương diện thứ hai.

26. It becomes apparent that if the lower nature is strengthened without the cultivation of its response to the higher nature, the grip of the higher nature upon the lower will be weakened and the man's spiritual process retarded.

26. Rõ ràng là nếu bản chất thấp được tăng cường mà không vun bồi sự đáp ứng của nó đối với bản chất cao hơn, thì sự nắm giữ của bản chất cao hơn trên bản chất thấp sẽ bị suy yếu và tiến trình tinh thần của con người sẽ bị trì hoãn.

Incidentally also, he attracts the attention of those masters of the left hand path

Ngoài ra, y cũng thu hút sự chú ý của những chân sư của tả đạo

27. Again, the term "masters" is used.

27. Một lần nữa, thuật ngữ "chân sư" lại được dùng.

28. This is a type of "attention" which wise aspirants and disciples would be only too glad to relinquish if they but knew its nature.

28. Đây là một loại "sự chú ý" mà những người chí nguyện và đệ tử khôn ngoan hẳn sẽ vô cùng sẵn lòng từ bỏ nếu họ biết bản chất của nó.

who are ever on the lookout for those who can be bent to their purposes, and he becomes (unwittingly at first), an agent on the side of evil.

những kẻ luôn luôn canh chừng những ai có thể bị uốn nắn theo các mục đích của họ, và y trở thành (lúc đầu là vô tình) một tác nhân đứng về phía điều ác.

29. Probably there are few who would *wittingly* serve the black masters. Their methods, however, are subtle and deceptive

29. Có lẽ rất ít người *cố ý* phụng sự các hắc chân sư. Tuy nhiên, các phương pháp của họ thì tinh vi và lừa dối, và một khi một nhà

and, once an aspiring magician has practiced magic in such a manner as to put him in resonance with such masters, it becomes much easier for these masters to influence his consciousness and actions.

huyền thuật chí nguyện đã thực hành huyền thuật theo cách khiến y cộng hưởng với các chân sư như thế, thì các chân sư ấy sẽ dễ dàng hơn nhiều trong việc ảnh hưởng đến tâm thức và hành động của y.

30. We notice that, however subtly, the force of compulsion is used. This is the connotation of the word "bent".

30. Chúng ta lưu ý rằng, dù tinh vi đến đâu, mãnh lực cưỡng bách vẫn được sử dụng. Đó là hàm ý của từ "uốn nắn".

31. We notice that there is type of vigilance to be found in the adepts of *both* lodges. Naturally, we do not wish to fall under the eye of the black masters unless because they consider our work inhibitory of their purposes. While we would not be wise to deliberately cultivate such attention, it will inevitably come if we are successful in serving the Great White Brotherhood.

31. Chúng ta lưu ý rằng có một loại tỉnh thức cảnh giác nơi các chân sư của *cả hai* đoàn. Đương nhiên, chúng ta không muốn rơi vào tầm mắt của các hắc chân sư trừ phi vì họ xem công việc của chúng ta là cản trở các mục đích của họ. Dù chúng ta không khôn ngoan nếu cố ý vun bồi sự chú ý như thế, nó vẫn sẽ tất yếu đến nếu chúng ta thành công trong việc phụng sự Huynh đệ Đoàn Chánh đạo.

It will be apparent, therefore, that the student has need of the following qualities before he undertakes the arduous task of becoming a conscious Master of Magic:

Vì vậy, rõ ràng là đạo sinh cần có những phẩm tính sau đây trước khi đảm nhận nhiệm vụ gian lao là trở thành một Chân sư Huyền thuật hữu thức:

32. Now Master DK tabulates in a most specific manner summarizing the cautions He has been sharing in the preceding pages.

32. Giờ đây Chân sư DK liệt kê một cách rất cụ thể để tóm lược những lời cảnh báo mà Ngài đã chia sẻ trong các trang trước.

Physical Purity. This is a thing not easily to be acquired, but entailing **many lives of strenuous effort**.

Sự thanh khiết hồng trần. Đây không phải là điều dễ đạt được, mà đòi hỏi **nhiều kiếp sống nỗ lực mãnh liệt**.

33. We cannot think that the Tibetan is exaggerating. Anyone who has really tried to conquer his physical nature knows the difficulty of the enterprise.

33. Chúng ta không thể nghĩ rằng Chân sư Tây Tạng đang phóng đại. Bất kỳ ai thực sự đã cố gắng chinh phục bản chất hồng trần của mình đều biết sự khó khăn của công việc ấy.

34. Perhaps there are a number of learned aspirants who think of this type of work as accomplished long ago and requiring of

34. Có lẽ có một số người chí nguyện uyên bác nghĩ rằng loại công việc này đã được hoàn tất từ lâu và không còn đòi hỏi nơi họ

them no further attention. In this they are often mistaken.

Through abstinence, right continence, clean living, vegetarian diet, and rigid self-control, the man gradually **raises the vibration of his physical atoms**, builds a body of ever greater resistance and strength, and succeeds in "manifesting" forth in a sheath of greater refinement.

35. The requirements here presented are very strict.

36. From what must a man abstain? From all excess, especially in the use of he creative energies of the body.

37. What is “right continence”? Is it not a conservation of the powers of the body so that they may be used rightly and not inappropriately or prodigally?

38. We note the call to “clean living” and vegetarianism. So much depends upon what the man seeks to accomplish. These requirements do not apply to those who do not seek consciously to tread the Path of Initiation. The true applicant cannot tolerate within his nature that which attracts energies and forces inimical to his spiritual goals.

39. We note also the use of the word “rigid”—a word used not infrequently by the Tibetan. Here it applies to “self-control”. The aspirant to white magic must never allow any of his vehicles to ‘carry him away’. If he does so, he will become guilty of *unprincipled* behavior!

sự chú ý nào nữa. Trong điều này, họ thường lầm lẫn.

Qua sự kiêng cữ, tiết dục đúng đắn, đời sống thanh khiết, chế độ ăn chay, và sự tự chủ nghiêm ngặt, con người dần dần **nâng cao rung động của các nguyên tử thể xác của mình**, xây dựng một thể ngày càng có sức đề kháng và sức mạnh lớn hơn, và thành công trong việc “biểu lộ” ra ngoài trong một vỏ bọc tinh luyện hơn.

35. Những đòi hỏi được trình bày ở đây rất nghiêm ngặt.

36. Con người phải kiêng điều gì? Kiêng mọi sự thái quá, đặc biệt trong việc sử dụng các năng lượng sáng tạo của thể.

37. “Tiết dục đúng đắn” là gì? Chẳng phải đó là sự bảo tồn các năng lực của thể để chúng có thể được sử dụng đúng đắn chứ không phải một cách không thích hợp hay phung phí sao?

38. Chúng ta cũng lưu ý đến lời kêu gọi về “đời sống thanh khiết” và ăn chay. Rất nhiều điều tùy thuộc vào điều con người tìm cách thành tựu. Những đòi hỏi này không áp dụng cho những ai không tìm cách một cách hữu thức bước đi trên Con Đường Điểm Đạo. Người thỉnh cầu chân chính không thể dung thứ trong bản chất mình bất cứ điều gì thu hút các năng lượng và mãnh lực đối nghịch với các mục tiêu tinh thần của y.

39. Chúng ta cũng lưu ý đến việc dùng từ “nghiêm ngặt”—một từ không hiếm khi được Chân sư Tây Tạng sử dụng. Ở đây nó áp dụng cho “sự tự chủ”. Người chí nguyện hướng đến Chánh Thuật không bao giờ được để cho bất kỳ vận cụ nào của mình “cuốn y

đi". Nếu làm vậy, y sẽ phạm vào hành vi *vô nguyên tắc*!

Etheric Freedom.

Tự do dĩ thái.

40. Each of these terms must be studied closely—purity, freedom, stability and poise.

40. Mỗi thuật ngữ này phải được nghiên cứu kỹ lưỡng—thanh khiết, tự do, ổn định và quân bình.

This term does not convey all that [Page 995] I seek to impart, but it suffices for need of a better. The student of magic who can safely undertake the enterprise, will have constructed an etheric body of such a nature that **vitality, or pranic force and energy, can circulate unimpeded**;

Thuật ngữ này không chuyển tải trọn vẹn điều [Page 995] tôi tìm cách truyền đạt, nhưng tạm đủ khi chưa có từ nào tốt hơn. Đạo sinh huyền thuật nào có thể an toàn đảm nhận công việc này sẽ đã kiến tạo một thể dĩ thái có bản chất sao cho **sinh lực, hay prana và năng lượng, có thể lưu thông không bị ngăn trở**;

41. DK is speaking of the requirement for unimpeded circulation of prana within the etheric body. Obviously, etheric blockages are responsibility for many diseases in the physical body and a general weakening or overstimulation in that outermost vehicle. Poor circulation of prana creates imbalance and malfunction within the dense physical form.

41. DK đang nói về yêu cầu để prana lưu thông không bị ngăn trở trong thể dĩ thái. Hiển nhiên, các tắc nghẽn dĩ thái là nguyên nhân của nhiều bệnh tật trong thể xác và của sự suy yếu chung hoặc sự kích thích quá mức trong vận cụ ngoài cùng ấy. Sự lưu thông prana kém tạo ra mất quân bình và rối loạn chức năng trong hình tướng hồng trần đậm đặc.

he will have formed **an etheric web of such tenuosity that it forms no barrier to consciousness**.

y sẽ đã hình thành **một màng lưới dĩ thái mỏng mảnh đến mức nó không tạo thành rào cản đối với tâm thức**.

42. The implication here is that a *thickened* etheric web will, indeed, form a barrier to consciousness. The states of consciousness possible on the astral and mental planes (and on planes above) must eventually be accessible within the physical brain. This will not be possible unless a sufficiently tenuous etheric web permits of the transmission of these higher states to the physical brain.

42. Hàm ý ở đây là một màng lưới dĩ thái bị *dày đặc hóa* quả thật sẽ tạo thành một rào cản đối với tâm thức. Những trạng thái tâm thức có thể có trên cõi cảm dục và cõi trí (và trên các cõi cao hơn) rốt cuộc phải trở nên khả dụng trong bộ não hồng trần. Điều này sẽ không thể xảy ra trừ phi một màng lưới dĩ thái đủ mỏng cho phép truyền các trạng thái cao hơn ấy đến bộ não hồng trần.

This is all that can be said on this subject, owing to the danger involved, but it suffices for the conveyance of information to those who are beginning to know.

Đó là tất cả những gì có thể nói về chủ đề này, do mối nguy hiểm liên hệ, nhưng như thế cũng đủ để truyền đạt thông tin cho những ai đang bắt đầu biết.

43. We see that while the physical body must be strong, it must also be pure: that while the etheric body must protect, it must also be sufficiently tenuous to allow the transmission of that which must reach the physical brain.

43. Chúng ta thấy rằng tuy thể xác phải mạnh, nó cũng phải thanh khiết; rằng tuy thể dĩ thái phải bảo vệ, nó cũng phải đủ mỏng để cho phép sự truyền đạt điều phải đến được bộ não hồng trần.

Astral Stability. The student of magic aims, above all,

Sự ổn định cảm dục. Trên hết, đạo sinh huyền thuật nhắm đến

44. This, it seems, is the most important requirement.

44. Điều này, dường như, là yêu cầu quan trọng nhất.

to purify his desires, and so to transmute his emotions that the lower physical purity and the higher mental responsiveness and transmutative power may equally be available.

việc thanh lọc các ham muốn của mình, và nhờ đó chuyển hoá các cảm xúc của mình để sự thanh khiết hồng trần thấp hơn và khả năng đáp ứng trí tuệ cao hơn cùng quyền năng chuyển hoá đều có thể sẵn dùng như nhau.

45. The implication here is that if the desires are impure, that there will be no “lower physical purity” and that the higher mind will not be accessible. Without the energy of the higher mind, the energy of the spiritual triad will not be made available within the personality and its power of transmutation (eventually etheric substitution) will not work within the personality.

45. Hàm ý ở đây là nếu các ham muốn không thanh khiết thì sẽ không có “sự thanh khiết hồng trần thấp hơn” và thượng trí sẽ không thể tiếp cận được. Không có năng lượng của thượng trí, năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần sẽ không được làm cho khả dụng trong phàm ngã và quyền năng chuyển hoá của nó (rốt cuộc là sự thay thế dĩ thái) sẽ không hoạt động trong phàm ngã.

Every magician has to learn the fact that, in this solar system, during the cycle of humanity, the astral body is the pivotal point of endeavour,

Mọi nhà huyền thuật đều phải học sự kiện rằng, trong hệ mặt trời này, trong chu kỳ của nhân loại, thể cảm dục là điểm then chốt của nỗ lực,

46. So strong is the astral body of our emotionally polarized Solar Logos…

46. Thể cảm dục của Thái dương Thượng đế phân cực cảm xúc của chúng ta mạnh mẽ biết bao...

47. Notice that the existence of humanity has a certain time period or cycle. We may judge that humanity has not always existed in the solar system nor will it.

47. Hãy lưu ý rằng sự hiện hữu của nhân loại có một thời kỳ hay chu kỳ nhất định. Chúng ta có thể phán đoán rằng nhân loại không phải lúc nào cũng hiện hữu trong hệ mặt trời và cũng sẽ không luôn như vậy.

having a reflex effect on both the other sheaths, the physical and the mental.

vì nó có tác động phản chiếu lên cả hai vỏ bọc kia, thể xác và thể trí.

48. What is suggested is that no true use of the etheric-physical body and of the mind (both lower and higher) will be possible unless the astral body is in a correct condition.

48. Điều được gợi ý là sẽ không thể có việc sử dụng đích thực thể dĩ thái-hồng trần và trí tuệ (cả hạ trí lẫn thượng trí) trừ phi thể cảm dục ở trong tình trạng đúng đắn.

He, therefore, **aims at transmuting (as has often been said) lower desire into aspiration**;

Vì vậy, y **nhắm đến việc chuyển hoá (như thường được nói) dục vọng thấp thành khát vọng**;

49. Transmutation can be applied to *all* the vehicles of the personality.

49. Sự chuyển hoá có thể được áp dụng cho *mọi* vận cụ của phàm ngã.

50. Transmutation always represents an elevation of vibration and quality.

50. Sự chuyển hoá luôn luôn biểu thị một sự nâng cao rung động và phẩm tính.

at changing the lower cruder colors which distinguish the astral body of average man, for the clearer, purer tones of the spiritual man,

nhắm đến việc thay đổi những màu sắc thấp kém, thô trược vốn đặc trưng cho thể cảm dục của con người trung bình, thành những sắc điệu trong sáng hơn, thanh khiết hơn của con người tinh thần,

51. This process entails a refinement of color. Since color is, essentially, a *veil*, such refinement allows a more thorough transmission of the higher to the lower, and an easier access to the higher by the lower.

51. Tiến trình này bao hàm một sự tinh luyện màu sắc. Vì màu sắc, về bản chất, là một *bức màn*, nên sự tinh luyện ấy cho phép sự truyền đạt từ cao xuống thấp được trọn vẹn hơn, và sự tiếp cận cái cao hơn của cái thấp hơn được dễ dàng hơn.

52. There is also a process of growing translucency leading to transparency.

52. Cũng có một tiến trình ngày càng trở nên bán trong suốt, dẫn đến trong suốt hoàn toàn.

and of transforming its normal chaotic vibration, and the "stormy sea of life,"

và nhắm đến việc chuyển đổi rung động hỗn loạn thông thường của nó, cùng "biển đời dậy sóng,"

53. DK has spoken of the engulfing effect of the "waves which rise upon the stormy sea of life" in His injunction (in *A Treatise on White Magic*) to "control the body of emotion".

53. DK đã nói về tác động nhấn chìm của "những làn sóng dâng lên trên biển đời dậy sóng" trong lời huấn thị của Ngài (trong *Luận về Chánh Thuật*) là phải "kiểm soát thể cảm xúc".

for the steady rhythmic response to that which is highest and the centre of peace.

thành sự đáp ứng nhịp nhàng, vững vàng đối với điều cao nhất và đối với trung tâm bình an.

54. Peacefulness in the astral body is achieved when there is established within the meditating consciousness a steady rhythmic response to the soul and especially to its buddhic quality.

54. Sự an hòa trong thể cảm dục đạt được khi trong tâm thức tham thiền đã thiết lập được một sự đáp ứng nhịp nhàng, vững vàng đối với linh hồn và đặc biệt đối với phẩm tính Bồ đề của nó.

55. While chaos often reigns within the lunar vehicles, the soul expresses the principle of "cosmos"— i.e., of order and beauty.

55. Trong khi hỗn loạn thường ngự trị trong các vận cụ nguyệt tính, linh hồn biểu lộ nguyên khí của "vũ trụ"—tức là của trật tự và vẻ đẹp.

These things he effects by **constant watchfulness, unremitting control, and steady meditation**.

Y thực hiện những điều này bằng **sự tỉnh thức thường xuyên, sự kiểm soát không ngơi nghỉ, và sự tham thiền đều đặn**.

56. The requirements are uncompromising.

56. Những đòi hỏi này không chấp nhận sự nhân nhượng.

57. How must a man approach the transmutation of the astral body?

57. Con người phải tiếp cận việc chuyển hoá thể cảm dục như thế nào?

a. Through constant watchfulness. This suggests an ability to focus as the observer within the mind.

a. Qua sự tỉnh thức thường xuyên. Điều này gợi ý khả năng tập trung như người quan sát trong trí tuệ.

b. Through unremitting control. One does not allow the astral body to *react.*

b. Qua sự kiểm soát không ngơi nghỉ. Người ta không cho phép thể cảm dục *phản ứng.*

c. Through steady meditation. The influence of the soul and its rhythm steadies the astral body and produces within it a new rhythm conducive to loving response.

c. Qua sự tham thiền đều đặn. Ảnh hưởng của linh hồn và nhịp điệu của nó làm ổn định thể cảm dục và tạo ra trong đó một nhịp điệu mới thuận lợi cho sự đáp ứng bác ái.

Mental Poise. These words are used in the occult sense, wherein the mind (as it is commonly understood) becomes the keen steady instrument of the indwelling thinker, and **the point from which he can travel onwards to higher realms of comprehension**.

Sự quân bình trí tuệ. Những từ này được dùng theo nghĩa huyền bí, trong đó trí tuệ (như thường được hiểu) trở thành công cụ sắc bén, vững vàng của thức giả ngự bên trong, và **là điểm từ đó y có thể tiến onward đến những lĩnh vực thấu hiểu cao hơn**.

58. First there must be mental control. Then the use of the mind to enter wider and higher realms of comprehension and understanding.

58. Trước hết phải có sự kiểm soát trí tuệ. Sau đó là việc sử dụng trí tuệ để đi vào những lĩnh vực thấu hiểu và hiểu biết rộng lớn hơn và cao hơn.

59. The mind becomes sharp. The mind becomes steady. The mind becomes progressive, leading into areas greater mental perception.

59. Trí tuệ trở nên sắc bén. Trí tuệ trở nên vững vàng. Trí tuệ trở nên tiến bộ, dẫn vào những lĩnh vực tri giác trí tuệ lớn hơn.

It is **the foundation stone** whence the higher expansion can be initiated.

Nó là **viên đá nền tảng** từ đó sự mở rộng cao hơn có thể được khởi sự.

60. Initiation is an achieved and sustained expansion of consciousness.

60. Điểm đạo là một sự mở rộng tâm thức đã đạt được và được duy trì bền vững.

61. A poised mind is required of one who seeks those higher expansions of consciousness we call “initiations”. We see that without proper training there is no real treading of the Path of Initiation.

61. Một trí tuệ quân bình được đòi hỏi nơi người tìm kiếm những sự mở rộng tâm thức cao hơn mà chúng ta gọi là “các điểm đạo”. Chúng ta thấy rằng nếu không có sự huấn

luyện thích đáng thì không có việc bước đi thực sự trên Con Đường Điểm Đạo.

Let not the would-be student of magic proceed in his investigations and his experiments until he has attended to these injunctions, and until **the whole bent of his thought** is towards their manifestation and their demonstration [Page 996] in his every day life.

Đừng để người muốn trở thành đạo sinh huyền thuật tiến hành các khảo cứu và các thử nghiệm của mình cho đến khi y đã lưu tâm đến những huấn lệnh này, và cho đến khi **toàn bộ khuynh hướng tư tưởng của y** hướng về sự biểu lộ và sự chứng minh của chúng [Page 996] trong đời sống hằng ngày của y.

62. Probably it will be many decades and even centuries before the requisite magical words and formulas are placed in his hands. Nevertheless, there are still many ancient formulas extant which can be used ignorantly, improperly and with wrong motive. Until the true magical formulas are revealed, DK's warnings may safeguard many.

62. Có lẽ sẽ phải mất nhiều thập niên và thậm chí nhiều thế kỷ trước khi những linh từ và công thức huyền thuật cần thiết được đặt vào tay y. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều công thức cổ xưa hiện tồn có thể bị sử dụng trong vô minh, không thích đáng và với động cơ sai lầm. Cho đến khi các công thức huyền thuật chân chính được mặc khải, những lời cảnh báo của DK có thể bảo vệ được nhiều người.

When he has so worked, ceaselessly and untiringly, **and his physical plane life and service bear witness to the inner transmutation**, **then he can proceed to parallel this life with magical studies and work**.

Khi y đã làm việc như thế, không ngừng nghỉ và không mệt mỏi, **và đời sống cùng sự phụng sự trên cõi hồng trần của y làm chứng cho sự chuyển hoá bên trong**, **thì y có thể tiến tới song hành đời sống này với việc học hỏi và công việc huyền thuật**.

63. It is clear that the inner transmutation upon which the true student has labored long must be visible and in serviceable expression before it is wise for him to apply himself to magical studies of the practical kind.

63. Rõ ràng là sự chuyển hoá bên trong mà đạo sinh chân chính đã lao động lâu dài phải trở nên hữu hình và được biểu lộ một cách phụng sự trước khi y nên khôn ngoan áp dụng mình vào những nghiên cứu huyền thuật có tính thực hành.

Only the solar Angel can do the work of the white magician, and he effects it **through the control of the lunar angels and their complete subjugation**.

Chỉ Thái dương Thiên Thần mới có thể làm công việc của nhà huyền thuật chánh đạo, và nó thực hiện điều đó **qua việc kiểm soát các thiên thần nguyệt tính và sự khuất phục hoàn toàn họ**.

64. This is a potent statement giving pause for reflection. One implication is that, well before the taking of the fourth initiation, the human being can become a white magician.

64. Đây là một phát biểu mạnh mẽ khiến người ta phải dừng lại suy ngẫm. Một hàm ý là, từ rất lâu trước khi trải qua lần điểm đạo thứ tư, con người có thể trở thành một nhà huyền thuật chánh đạo.

65. The Solar Angel is *not* the white magician and yet it *is*. When the energy system and consciousness of the magician are a pure and clear conduit for the energies of the Solar Angel (energies which are normally suffused throughout the causal body), then the magician can act as a *white* magician and not before. Then and only then can the Solar Angel work *through* the magician—now a *white* magician.

65. Thái dương Thiên Thần *không* phải là nhà huyền thuật chánh đạo, nhưng đồng thời nó *là*. Khi hệ thống năng lượng và tâm thức của nhà huyền thuật là một ống dẫn thanh khiết và trong sáng cho các năng lượng của Thái dương Thiên Thần (những năng lượng vốn thường thấm nhuần khắp thể nguyên nhân), thì khi ấy nhà huyền thuật mới có thể hành động như một nhà huyền thuật *chánh đạo* chứ không phải trước đó. Khi ấy và chỉ khi ấy Thái dương Thiên Thần mới có thể hoạt động *qua* nhà huyền thuật—nay là một nhà huyền thuật *chánh đạo*.

66. The Solar Angel *knows* the Divine Plan. The true white magician seeks ever to cooperate with this Plan.

66. Thái dương Thiên Thần *biết* Thiên Cơ. Nhà huyền thuật chánh đạo chân chính luôn tìm cách hợp tác với Thiên Cơ này.

67. We note that the Solar Angel working *through* the white magician does not share authority with the lunar angels but seeks to control them completely. The greater Angel (working through the white magician—i.e., through the purified soul-in-incarnation) subjugates the lesser 'angels' entirely. When such subjugation is firmly established, white magic can be performed.

67. Chúng ta lưu ý rằng Thái dương Thiên Thần hoạt động *qua* nhà huyền thuật chánh đạo không chia sẻ quyền lực với các thiên thần nguyệt tính mà tìm cách kiểm soát họ hoàn toàn. Thiên Thần lớn hơn (hoạt động qua nhà huyền thuật chánh đạo—tức là qua linh hồn đang nhập thể đã được thanh lọc) khuất phục hoàn toàn các "thiên thần" nhỏ hơn. Khi sự khuất phục ấy được thiết lập vững chắc, Chánh Thuật mới có thể được thực hiện.

They are arrayed against him, until, through meditation, aspiration, and control, he bends them to his will and they become his servants.

Họ dàn trận chống lại y, cho đến khi, qua tham thiền, khát vọng và kiểm soát, y uốn họ theo ý chí mình và họ trở thành những kẻ phụng sự của y.

68. The magician who can identify with the Solar Angel and transmit its potency *becomes* (in a sense and for purposes of white magic) the Solar Angel.

68. Nhà huyền thuật nào có thể đồng hoá với Thái dương Thiên Thần và truyền đạt uy lực của nó thì *trở thành* (theo một nghĩa nào đó và vì các mục đích của Chánh Thuật) chính Thái dương Thiên Thần.

69. We are to make no mistake. The lunar angels are the opponents of the Solar Angel. To be "arrayed against him" is to act as an opposing army.

69. Chúng ta không được lầm lẫn. Các thiên thần nguyệt tính là những đối thủ của Thái dương Thiên Thần. "Dàn trận chống lại y" có nghĩa là hành động như một đạo quân đối nghịch.

70. The white magician does not lose his own identity but identifies so closely with the Solar Angel that it is as if, for purposes of magical work, they are *one*.

70. Nhà huyền thuật chánh đạo không đánh mất bản sắc riêng của mình, nhưng đồng hoá mật thiết với Thái dương Thiên Thần đến mức dường như, vì các mục đích của công việc huyền thuật, họ là *một*.

71. The three methods of bending the lunar angels to the united will of the Solar Angel and white magician are *meditation, aspiration* and *control.* Unless these three means constitute the approach of the magician to the lunar lords, they will not become his servants and the white magical process cannot proceed.

71. Ba phương pháp để uốn các thiên thần nguyệt tính theo ý chí hợp nhất của Thái dương Thiên Thần và nhà huyền thuật chánh đạo là *tham thiền, khát vọng* và *kiểm soát.* Trừ phi ba phương tiện này cấu thành cách tiếp cận của nhà huyền thuật đối với các nguyệt tinh quân, họ sẽ không trở thành những kẻ phụng sự của y và tiến trình huyền thuật chánh đạo không thể tiếp tục.

This thought brings us to the vital and real distinction between the white brother and the brother of darkness, and in this summation we will conclude the present discussion and proceed with the rules.

Tư tưởng này đưa chúng ta đến sự phân biệt thiết yếu và thực sự giữa huynh đệ chánh đạo và huynh đệ bóng tối, và với phần tóm lược này chúng ta sẽ kết thúc cuộc thảo luận hiện tại và tiếp tục với các quy luật.

72. It seems that to draw the basic distinctions between the white and dark brother has been DK's intention throughout these pages.

72. Dường như việc vạch ra những phân biệt căn bản giữa huynh đệ chánh đạo và huynh đệ bóng tối chính là chủ ý của DK xuyên suốt những trang này.

The worker in white magic utilises ever the energy of the Solar Angel to effect his ends. The dark brother works through the

Người hoạt động trong Chánh Thuật luôn luôn sử dụng năng lượng của Thái dương Thiên Thần để đạt các mục đích của mình. Huynh đệ bóng tối hoạt động qua mãnh lực

inherent force of the lunar lords, which are allied in nature to all that is objective.

73. The dark brother has no use for the energies of the Solar Angel. He rejects such energies because attunement to such energies and their subsequent expression leads to the victory of the second aspect of divinity and not the third.

74. The final purposes of the dark brother concern objectivity—i.e., all that is within the dense physical body of the Solar Logos and, especially, within the dense physical body of the Planetary Logos.

75. The lunar lords, we remember, are elemental lives and are inherently involutionary. The dark brother works against the etherealization of cosmic dense physical matter. He seeks to remove the dense physical matter of the lower three systemic planes from the possibility of redemption by the higher, principled energies.

In an old book of magic, hidden in the caves of learning

76. Are these "caves" the Master's inner libraries?

guarded by the Masters,

77. This knowledge clearly is not available on demand.

are the following **conclusive words**, which find their place in this Treatise on Fire through their very appropriateness:

cố hữu của các nguyệt tinh quân, vốn đồng minh về bản chất với mọi điều khách quan.

73. Huynh đệ bóng tối không dùng đến các năng lượng của Thái dương Thiên Thần. Y khước từ các năng lượng ấy vì sự chỉnh hợp với các năng lượng ấy và sự biểu lộ tiếp theo của chúng dẫn đến chiến thắng của phương diện thứ hai của thiên tính chứ không phải phương diện thứ ba.

74. Những mục đích tối hậu của huynh đệ bóng tối liên quan đến tính khách quan—tức là mọi điều nằm trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế và đặc biệt trong thể xác đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

75. Chúng ta nhớ rằng các nguyệt tinh quân là các sự sống hành khí và vốn dĩ thuộc giáng hạ tiến hoá. Huynh đệ bóng tối hoạt động chống lại sự dĩ thái hóa vật chất hồng trần đậm đặc vũ trụ. Y tìm cách loại bỏ vật chất hồng trần đậm đặc của ba cõi thấp hệ thống khỏi khả năng được cứu chuộc bởi các năng lượng cao hơn, có nguyên khí.

Trong một cuốn sách huyền thuật cổ, ẩn trong những hang động của tri thức

76. Những "hang động" này có phải là các thư viện nội môn của Chân sư không?

được các Chân sư canh giữ,

77. Hiển nhiên tri thức này không thể có được theo yêu cầu.

có những **lời kết luận dứt khoát** sau đây, vốn có chỗ đứng trong Luận về Lửa Vũ Trụ này chính vì tính thích đáng của chúng:

78. Here we have in the words of the Old Commentary a definitive distinction between the Brothers of the Sun and of the Moon.

78. Ở đây, trong lời của Cổ Luận, chúng ta có một sự phân biệt dứt khoát giữa các Huynh Đệ của Mặt Trời và của Mặt Trăng.

"The Brothers of the Sun, through the force of solar fire, fanned to a flame in the blazing vault of the second Heaven, put out the lower lunar fires, and render naught that lower 'fire by friction.'

"Các Huynh Đệ của Mặt Trời, nhờ mãnh lực của Lửa Thái dương, được quạt bùng thành ngọn lửa trong vòm sáng rực của tầng Trời thứ hai, dập tắt các lửa nguyệt tính thấp hơn, và làm cho cái 'Lửa ma sát' thấp hơn ấy trở thành hư không.

79. How may we interpret the idea of the "second Heaven"? The term "heaven" is used to describe a number of locales upon the subtler planes.

79. Chúng ta có thể diễn giải ý niệm về "tầng Trời thứ hai" như thế nào? Thuật ngữ "trời" được dùng để mô tả một số nơi chốn trên các cõi vi tế hơn.

80. It is reasonable to conclude that each of the subplanes of the higher mental plane is as a "heaven" and that the "second Heaven" represents the second subplane on which the Ego of the advanced individual is polarized.

80. Thật hợp lý khi kết luận rằng mỗi cõi phụ của Cõi thượng trí đều như một "tầng Trời" và "tầng Trời thứ hai" biểu thị cõi phụ thứ hai, nơi chân ngã của cá nhân tiến bộ được phân cực.

81. From another perspective, each of the systemic planes above the systemic physical plane can be considered a kind of "heaven". From this perspective, the logoic plane is the "seventh Heaven".

81. Từ một góc nhìn khác, mỗi cõi hệ thống ở trên cõi hồng trần hệ thống đều có thể được xem như một loại "tầng Trời". Từ góc nhìn này, cõi logoic là "tầng Trời thứ bảy".

"The Brother of the Moon ignores the sun and solar heat;

"Huynh đệ của Mặt Trăng phớt lờ mặt trời và nhiệt thái dương;

82. "Heat" in this case represents spiritual energy.

82. Trong trường hợp này, "nhiệt" biểu thị năng lượng tinh thần.

That light is clear and cold, but produces the needed **"heat," which is a symbolic word used in many of the world Scriptures to express living, spiritual energy.** I said "spiritual energy" and not soul force, and

Ánh sáng ấy trong sáng và lạnh, nhưng tạo ra "nhiệt" cần thiết, **một từ biểu tượng được dùng trong nhiều Thánh Kinh của thế giới để diễn tả năng lượng sống, tinh thần.** Tôi đã nói "năng lượng tinh thần" chứ không phải mãnh lực linh hồn, và chính trong đó có

herein lies a distinction which you will some day have to grasp. (R&I 32)

một sự phân biệt mà một ngày nào đó bạn sẽ phải nắm bắt. (R&I 32)

borrows his fire from all that triply is,

vay mượn lửa của mình từ mọi điều thuộc bộ ba,

83. He borrows his fire from the three lunar lords, working through their inherent force.

83. Y vay mượn lửa của mình từ ba nguyệt tinh quân, hoạt động qua mãnh lực cố hữu của họ.

and pursues his cycle.

và theo đuổi chu kỳ của mình.

84. It becomes apparent that there is a limited cycle during which a brother of darkness can pursue his low objectives. There will come a time in the development of our solar system when the dense physical body of the Solar Logos will disappear entirely. This would not augur well for such misguided brothers who have confined their objectives to that unprincipled cosmic vehicle.

84. Rõ ràng là có một chu kỳ giới hạn trong đó một huynh đệ bóng tối có thể theo đuổi các mục tiêu thấp kém của y. Sẽ đến một thời điểm trong sự phát triển của hệ mặt trời chúng ta khi thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế sẽ hoàn toàn biến mất. Điều này hẳn không báo trước điều gì tốt đẹp cho những huynh đệ lầm lạc đã giới hạn các mục tiêu của mình vào vận cụ vũ trụ vô nguyên tắc ấy.

The fires of hell await, and lunar fire dies out.

Những lửa địa ngục chờ đợi, và lửa nguyệt tính tắt lịm.

85. Hell has been called the seventh subplane of the astral plane. Is this subplane to be considered the Avitchi?

85. Địa ngục đã được gọi là cõi phụ thứ bảy của cõi cảm dục. Có phải cõi phụ này được xem là Avitchi không?

4. Certain devas who—being of the third order—form the Heaven of the average orthodox Christian or believer of any faith. Another group—being the seventh order—form the Hell for the same class of thinker. (TCF 677)

4. Một số thiên thần nào đó—thuộc bậc thứ ba—tạo thành Thiên Đàng của người Kitô hữu chính thống trung bình hay của tín đồ thuộc bất kỳ đức tin nào. Một nhóm khác—thuộc bậc thứ bảy—tạo thành Địa Ngục cho cùng loại người suy tưởng ấy. (TCF 677)

86. Below it seems that Avitchi must have still broader connotations.

86. Dưới đây dường như Avitchi phải có những hàm nghĩa còn rộng hơn nữa.

35: Avitchi. A state of consciousness, not necessarily after death or between births for

35: Avitchi. Một trạng thái tâm thức, không nhất thiết sau khi chết hay giữa các lần sinh,

it can take place on earth as well. Literally it means "uninterrupted hell." The last of the eight hells we are told where "the culprits die and are reborn without interruption—yet not without hope of final redemption." See S. D., I

vì nó cũng có thể xảy ra trên trần thế. Theo nghĩa đen, nó có nghĩa là "địa ngục không gián đoạn". Chúng ta được cho biết đó là địa ngục cuối cùng trong tám địa ngục, nơi "những kẻ có tội chết đi và tái sinh không gián đoạn—nhưng không phải không có hy vọng được cứu chuộc cuối cùng." Xem S. D., I

87. In the following writings by H.P.B., we are presented with a still fuller description of the "hell" to which the unrepentant dark brother will be confined.

87. Trong những trước tác sau đây của H.P.B., chúng ta được trình bày một mô tả còn đầy đủ hơn về "địa ngục" mà huynh đệ bóng tối không ăn năn sẽ bị giam cầm.

HPB: COLLECTED WRITINGS: The "furnace of Nature" is the *eighth* sphere. When man fails to mould his soul "in the image and likeness of the great Adam"—we say of—Buddha, Krishna, or Christ (according to our respective creeds)—he is "a failure of nature" and nature has to remould the cast before it can launch it again on the shoreless

HPB: COLLECTED WRITINGS: "Lò luyện của Thiên Nhiên" là khối cầu thứ *tám*. Khi con người không nắn đúc linh hồn mình "theo hình ảnh và giống như đại Adam"—hay, theo tín điều tương ứng của chúng ta, là của Đức Phật, Krishna, hay Đức Christ—thì y là "một thất bại của thiên nhiên" và thiên nhiên phải đúc lại khuôn đúc ấy trước khi có thể phóng nó trở lại lên bờ của Đại Dương

Ocean of Immortality

Bất Tử

HPB: VEIL OF ISIS.

HPB: VEIL OF ISIS.

This gehenna, termed by the occultists the *eighth* sphere is merely a planet like our own, *attached to the latter and following it in its penumbra*; a kind of dust-hole, a "place where all its garbage and filth is consumed," to borrow an expression of the above-mentioned authors, and on which all the dross and scorification of the cosmic matter pertaining to our planet is in a continual state of remodelling.

Gehenna này, được các nhà huyền bí học gọi là khối cầu *thứ tám*, chỉ đơn thuần là một hành tinh giống như hành tinh của chúng ta, *gắn liền với hành tinh sau và đi theo nó trong vùng nửa tối của nó*; một loại bãi rác, một "nơi mà mọi rác rưởi và ô uế của nó bị thiêu hủy," mượn cách diễn đạt của các tác giả nói trên, và trên đó mọi cặn bã và xỉ của vật chất vũ trụ thuộc về hành tinh chúng ta đều ở trong một trạng thái được tái cấu trúc liên tục.

When, through vice, fearful crimes and animal passions, a disembodied spirit has fallen to the eighth sphere — the allegorical Hades, and the *gehenna* of the Bible — the

Khi, do thói xấu, những tội ác ghê sợ và các dục vọng thú tính, một tinh thần không còn thể xác đã sa xuống khối cầu thứ tám — Hades theo nghĩa ngụ ngôn, và *gehenna* của

nearest to our earth — he can, with the help of that glimpse of reason and consciousness left to him, repent; that is to say, he can, by exercising the remnants of his will-power, strive upward, and like a drowning man, struggle once more to the surface. A strong aspiration to retrieve his calamities, a pronounced desire, will draw him once more into the earth's atmosphere. Here he will wander and suffer more or less in dreary solitude. His instincts will make him seek with avidity contact with living persons.... These spirits are the invisible but too tangible magnetic vampires; the *subjective* dæmons so well known to mediæval ecstatics, nuns, and monks, to the "witches" made so famous in the *Witch-Hammer*; and to certain sensitive clairvoyants, according to their own confessions. They are the blood-dæmons of Porphyry, the *larvæ* and *lemures* of the ancients; the fiendish instruments which sent so many unfortunate and weak victims to the rack and stake. Origen held all the dæmons which possessed the demoniacs mentioned in the *New Testament* to be *human* "spirits." It is because Moses knew so well what they were, and how terrible were the consequences to weak persons who yielded to their influence, that he enacted the cruel, murderous law against such would-be "witches"; but Jesus, full of justice and divine love to humanity, *healed* instead of *killing* them. Subsequently our clergy, the pretended exemplars of Christian principles, followed the law of Moses, and quietly ignored the law of Him whom they call their "one living God," by burning dozens of thousands of such pretended "witches."

Kinh Thánh — nơi gần Trái Đất chúng ta nhất — y vẫn có thể, với sự trợ giúp của tia lý trí và tâm thức còn sót lại nơi mình, ăn năn; nghĩa là, bằng cách vận dụng những tàn dư của quyền năng ý chí, y có thể cố gắng vươn lên, và như một người chết đuối, lại vật lộn để nổi lên mặt nước. Một khát vọng mạnh mẽ muốn sửa chữa tai họa của mình, một ước muốn rõ rệt, sẽ kéo y trở lại bầu khí quyển của Trái Đất. Ở đây y sẽ lang thang và đau khổ ít nhiều trong cô quạnh ảm đạm. Các bản năng của y sẽ khiến y háo hức tìm kiếm sự tiếp xúc với những người đang sống.... Những tinh thần này là những ma cà rồng từ tính vô hình nhưng quá hữu hình; những *chủ quan* dæmons quá quen thuộc với các nhà xuất thần trung cổ, các nữ tu và tu sĩ, với những "phù thủy" được làm cho nổi tiếng trong *Witch-Hammer*; và với một số nhà thông nhãn nhạy cảm, theo chính lời thú nhận của họ. Chúng là những dæmons hút máu của Porphyry, những *larvæ* và *lemures* của người xưa; những công cụ quỷ dữ đã đưa biết bao nạn nhân bất hạnh và yếu đuối lên giá tra tấn và giàn hỏa thiêu. Origen cho rằng tất cả những dæmons ám những người bị quỷ nhập được nhắc đến trong *Tân Ước* đều là *những* "tinh thần" con người. Chính vì Moses biết quá rõ chúng là gì, và hậu quả đối với những người yếu đuối khi khuất phục ảnh hưởng của chúng khủng khiếp đến đâu, nên ông đã ban hành luật tàn nhẫn, đẫm máu chống lại những "phù thủy" như thế; nhưng Đức Jesus, đầy công lý và tình thương thiêng liêng đối với nhân loại, đã *chữa lành* thay vì *giết* họ. Về sau, hàng giáo sĩ của chúng ta, những kẻ tự xưng là gương mẫu của các nguyên lý Kitô giáo, đã theo luật của Moses, và lặng lẽ phớt lờ luật của Đấng mà họ gọi là "Thượng đế hằng sống duy nhất" của mình, bằng cách thiêu sống hàng chục ngàn những "phù thủy" bị gán ghép như thế.

Then neither sun nor moon avails him,

Khi ấy cả mặt trời lẫn mặt trăng đều không giúp ích gì cho y,

88. At the point when the dark brother enters Avitchi, he can expect no hope (DK says, for the duration of the solar system) from either the Solar Lords or the lunar lords. Both will fail him. He will be, eventually, bereft of both the lunar personality and the solar "soul".

88. Vào lúc huynh đệ bóng tối đi vào Avitchi, y không thể mong đợi hy vọng nào (DK nói, trong suốt thời gian của hệ mặt trời) từ cả các Thái dương tổ phụ lẫn các nguyệt tinh quân. Cả hai đều sẽ bỏ rơi y. Rốt cuộc y sẽ bị tước mất cả phàm ngã nguyệt tính lẫn "linh hồn" thái dương.

only the highest heaven awaits the spark electric,

chỉ tầng Trời cao nhất chờ đợi tia lửa điện,

89. The "highest heaven" is either the monadic plane or the logoic plane (into which the essential Monad—the "spark electric"—will one day be released).

89. "Tầng Trời cao nhất" hoặc là cõi chân thần hoặc là cõi logoic (mà một ngày nào đó chân thần cốt yếu—"tia lửa điện"—sẽ được giải phóng vào đó).

90. It is as if the Monad awaits the return of the "Prodigal Son", but the Prodigal Son, completely captured in Avitchi, does not return.

90. Dường như chân thần đang chờ đợi sự trở về của "Đứa Con Hoang Đàng", nhưng Đứa Con Hoang Đàng, bị giam hãm hoàn toàn trong Avitchi, lại không trở về.

seeking vibration synchronous from that which lies beneath.

tìm kiếm rung động đồng bộ từ điều nằm bên dưới.

91. The Monad seeks to reproduce on 'earth' that which is in 'heaven'—i.e., through its long pilgrimage, to "bring heaven to earth".

91. Chân thần tìm cách tái tạo trên 'đất' điều ở trên 'trời'—tức là, qua cuộc hành hương dài lâu của nó, "mang trời xuống đất".

92. The Monad Whose venturing Jiva has come to express itself as a brother of darkness has failed in its pilgrimage. No heavenly vibration arises "from that which lies beneath".

92. Chân thần mà Jiva phiêu lưu của nó đã đi đến chỗ biểu lộ như một huynh đệ bóng tối đã thất bại trong cuộc hành hương của mình. Không có rung động thiên thượng nào phát sinh "từ điều nằm bên dưới".

And yet it cometh not."

Và tuy vậy nó vẫn không đến."

93. From that area of experience called Avitchi no such synchronous vibration *can* arise. The Monad's pilgrimage will have to be

93. Từ khu vực kinh nghiệm được gọi là Avitchi ấy, không một rung động đồng bộ nào như thế *có thể* phát sinh. Cuộc hành

undertaken anew in a succeeding solar system.

94. H.P.B. hints at the possibility of redemption following Avitchi, but she does not offer details concerning this redemption as does the Tibetan. According to the Tibetan, redemption comes only in a future solar system.

95. The selected writings of H.P.B. offered above seem to offer redemption from Avitchi within the aura of the planetary scheme. Perhaps this redemption (occurring still within the solar system in which the great misdeeds were enacted) is available only for those who have somehow managed to free themselves from Avitchi. Obviously, there are some members of the Black Lodge who never succeed in freeing themselves and perhaps do not wish to do so.

hương của chân thần sẽ phải được đảm nhận lại trong một hệ mặt trời kế tiếp.

94. H.P.B. gợi ý về khả năng cứu chuộc sau Avitchi, nhưng bà không đưa ra chi tiết về sự cứu chuộc này như Chân sư Tây Tạng đã làm. Theo Chân sư Tây Tạng, sự cứu chuộc chỉ đến trong một hệ mặt trời tương lai.

95. Những trước tác được chọn của H.P.B. nêu trên dường như đưa ra sự cứu chuộc khỏi Avitchi trong hào quang của hệ hành tinh. Có lẽ sự cứu chuộc này (vẫn xảy ra trong hệ mặt trời nơi những ác nghiệp lớn đã được thực hiện) chỉ dành cho những ai bằng cách nào đó đã tự giải thoát khỏi Avitchi. Hiển nhiên, có một số thành viên của Hắc đoàn không bao giờ thành công trong việc tự giải thoát và có lẽ cũng không muốn làm như vậy.

S8S6 Part I.1

TCF 997-1002

Section VI, Part I.1

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read**

TCF 996-1002

Phần VI, Phần I.1

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc**

an entire paragraph and then study the Commentary

3. Fifteen Rules for Magic.

These rules will necessarily be of an esoteric nature, and the student will need to remember that the terminology is in the nature of a blind, which ever carries [Page 997] revelation to those who have the clue, but tends to perplex and to bewilder the student who as yet is unready for the truth.

1. Here we have a foundational principle. Those who have eyes to see will see. Those who have ears to hear will hear.

2. Through deliberate blinding Master DK will protect the unready from the truth while simultaneously bringing revelation to those who have a sufficient clue and are, thus, ready to receive the truth.

I would also remind the student to bear in mind that all that is here imparted concerns *"white magic,"* and is given from the standpoint of the solar Angel, and of solar Fire.

3. Some might begin reading such a book in the hope of acquiring magical methods for selfish purposes. They will find no satisfaction in the Tibetan's writings.

4. The fire used in white magic is *solar fire.* The Agent of white magic is the *Solar* Angel.

trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận

3. Mười lăm Quy Luật về Huyền Thuật.

Những quy luật này tất yếu sẽ có bản chất huyền bí, và đạo sinh cần nhớ rằng thuật ngữ mang bản chất của một bức màn che, luôn mang theo [Page 997] sự mặc khải cho những ai có chìa khóa, nhưng lại có khuynh hướng làm rối trí và gây hoang mang cho đạo sinh còn chưa sẵn sàng cho chân lý.

1. Ở đây chúng ta có một nguyên lý nền tảng. Những ai có mắt để thấy sẽ thấy. Những ai có tai để nghe sẽ nghe.

2. Qua sự làm mù có chủ ý, Chân sư DK sẽ bảo vệ những người chưa sẵn sàng khỏi chân lý, đồng thời mang lại sự mặc khải cho những ai có đủ đầu mối và vì thế đã sẵn sàng tiếp nhận chân lý.

Tôi cũng xin nhắc đạo sinh ghi nhớ rằng tất cả những gì được truyền đạt ở đây đều liên quan đến *"Chánh Thuật,"* và được ban ra từ quan điểm của Thái dương Thiên Thần, và của Lửa Thái dương.

3. Một số người có thể bắt đầu đọc một quyển sách như thế này với hy vọng đạt được các phương pháp huyền thuật cho những mục đích ích kỷ. Họ sẽ không tìm thấy sự thỏa mãn nào trong các trước tác của Chân sư Tây Tạng.

4. Ngọn lửa được dùng trong Chánh Thuật là *Lửa Thái dương.* Tác nhân của Chánh Thuật là *Thái dương* Thiên Thần.

Bearing these two points in mind the student will find much in these **rules** to produce eventual internal illumination.

Ghi nhớ hai điểm này, đạo sinh sẽ thấy trong các **quy luật** này nhiều điều có thể tạo ra sự soi sáng nội tại về sau.

5. DK does not promise immediate illumination but rather "eventual illumination"

5. Chân sư DK không hứa hẹn sự soi sáng tức thời mà đúng hơn là "sự soi sáng về sau"

6. Why does He add the word "internal"? Perhaps, because He is working with the second aspect of divinity rather than the third. He seeks the improvement of the consciousness.

6. Vì sao Ngài thêm từ "nội tại"? Có lẽ vì Ngài đang làm việc với phương diện thứ hai của thiên tính hơn là phương diện thứ ba. Ngài tìm cách cải thiện tâm thức.

We will divide them into three groups of aphorisms or occult phrases;

Chúng ta sẽ chia chúng thành ba nhóm châm ngôn hay cụm từ huyền bí;

7. The personality is threefold.

7. Phàm ngã là tam phân.

of these, the first will concern itself with the work of the magician on the mental plane, with his manipulation of solar energy, and his ability to sweep the Builders into co-operation with his purposes.

trong đó, nhóm thứ nhất sẽ quan tâm đến công việc của nhà huyền thuật trên cõi trí, đến sự vận dụng năng lượng thái dương của y, và khả năng lôi cuốn các đấng kiến tạo vào sự hợp tác với các mục đích của y.

8. Upon the mental plane, the work of the magician is to—

8. Trên cõi trí, công việc của nhà huyền thuật là—

a. Manipulate solar energy

a. Vận dụng năng lượng thái dương

b. To sweep the Builders into cooperation with his purposes.

b. Lôi cuốn các đấng kiến tạo vào sự hợp tác với các mục đích của y.

9. Presumably, the "Builders" are deva lives and not only elemental lives, though the term "builders" is often used in connection with both. The elemental lives, however, are more *built* than *building.*

9. Có lẽ "các đấng kiến tạo" là các sự sống thiên thần chứ không chỉ là các sự sống hành khí, dù thuật ngữ "đấng kiến tạo" thường được dùng liên hệ với cả hai. Tuy nhiên, các sự sống hành khí thiên về được *xây dựng* hơn là *xây dựng.*

The second group will carry the work on down to the plane of desire, and of

Nhóm thứ hai sẽ đưa công việc đi xuống cõi của dục vọng, và của sự tiếp sinh lực, và sẽ

vitalisation, and will convey information as to the balancing of the pairs of opposites, and their equilibrising, so that eventual manifestation becomes possible.

truyền đạt thông tin về việc quân bình các cặp đối đãi, và đưa chúng đến thế quân bình, để sự biểu hiện rốt cuộc trở nên khả hữu.

10. Upon the astral plane, the work of the magician is to—

10. Trên cõi cảm dục, công việc của nhà huyền thuật là—

a. Work with the factors of desire and vitalization

a. Làm việc với các yếu tố dục vọng và sự tiếp sinh lực

b. To balance the pairs of opposites

b. Quân bình các cặp đối đãi

c. To equilibrize the pairs of opposites

c. Đưa các cặp đối đãi đến thế quân bình

d. To condition the "waters" so that manifestation eventually becomes possible

d. Tác động lên "các dòng nước" để sự biểu hiện rốt cuộc trở nên khả hữu

11. Do we find it interesting that the astral plane is called the "plane…of vitalisation"? We often hear of being animated by desire. Certainly the factors of desire, vitalization, animation and inspiration are all related. A man is moved or activated by these factors.

11. Chúng ta có thấy thú vị không khi cõi cảm dục được gọi là "cõi… của sự tiếp sinh lực"? Chúng ta thường nghe nói đến việc được dục vọng làm cho sinh động. Chắc chắn các yếu tố dục vọng, sự tiếp sinh lực, sự linh hoạt và cảm hứng đều có liên hệ với nhau. Con người được các yếu tố này thúc đẩy hay hoạt hóa.

The third group of rules will deal with the physical plane, with the transmission of force:

Nhóm quy luật thứ ba sẽ bàn đến cõi hồng trần, với sự truyền dẫn mãnh lực:

a. Through the centres,

a. Qua các trung tâm,

b. Through the brain,

b. Qua bộ não,

c. Through the physical plane itself.

c. Qua chính cõi hồng trần.

12. Upon the physical plane, the work of the magician is to deal with the transmission of force through the magician and into the surrounding physical environment.

12. Trên cõi hồng trần, công việc của nhà huyền thuật là bàn đến sự truyền dẫn mãnh lực qua nhà huyền thuật và đi vào môi trường hồng trần chung quanh.

13. We must not forget that the centers are found on the astral and mental planes as well.

13. Chúng ta không được quên rằng các trung tâm cũng được tìm thấy trên cõi cảm dục và cõi trí.

a. Six Rules for the Mental Plane. Certain of the laws of speech will be given, and the significance of colour and of sound will appear beneath the exoteric form of the phrasing to those whose perception suffices.

a. Sáu Quy Luật cho Cõi Trí. Một số định luật của lời nói sẽ được ban ra, và thâm nghĩa của màu sắc và âm thanh sẽ hiện ra bên dưới hình thức ngoại môn của cách diễn đạt đối với những ai có tri giác đầy đủ.

14. The Tibetan intends to convey certain laws of speech and to inform the perceptive student regarding the significance of color and sound. Obviously, then, the instruction has to be read with the aid of the intuition.

14. Chân sư Tây Tạng có ý định truyền đạt một số định luật của lời nói và cho đạo sinh có tri giác biết về thâm nghĩa của màu sắc và âm thanh. Hiển nhiên, vì thế, giáo huấn này phải được đọc với sự trợ giúp của trực giác.

15. He is asking us to sharpen our perception as we read. Perhaps this suffice to reveal to us more than the words *seem* to convey.

15. Ngài đang yêu cầu chúng ta làm sắc bén tri giác của mình khi đọc. Có lẽ điều này đủ để mặc khải cho chúng ta nhiều hơn những gì các từ ngữ *dường như* chuyển tải.

RULE I. *The Solar Angel collects himself, scatters not his force, but in meditation deep communicates with his reflection.*

QUY LUẬT I. *Thái Dương Thiên Thần thu mình lại, không phân tán thần lực của Ngài mà, trong thiền định sâu sắc, giao tiếp với phản ảnh của Ngài.*

16. In this case the Solar Angel is a high being working through the egoic lotus of man.

16. Trong trường hợp này, Thái dương Thiên Thần là một hữu thể cao cả đang hoạt động qua hoa sen chân ngã của con người.

17. Before the time when an evolving human being is ready for specific cultivation, the Solar Angel has been involved with many pursuits of its own.

17. Trước thời điểm một con người đang tiến hóa sẵn sàng cho sự tu dưỡng chuyên biệt, Thái dương Thiên Thần đã bận rộn với nhiều theo đuổi riêng của nó.

18. When the time comes that a man is capable of profiting from the Solar Angel's direct supervision, the Angel collects His forces prior to a renewed focus upon its projection—the soul-in-incarnation.

18. Khi đến lúc một người có khả năng hưởng lợi từ sự giám sát trực tiếp của Thái dương Thiên Thần, Thiên Thần thu nhiếp các mãnh lực của Ngài trước khi tái tập trung vào sự phóng chiếu của mình—linh hồn đang nhập thể.

19. The Solar Angel meditates sending streams of meditatively generated energy towards the soul-in-incarnation.

19. Thái dương Thiên Thần tham thiền, gửi những dòng năng lượng được tạo ra trong tham thiền về phía linh hồn đang nhập thể.

It may be of use to the student if he here remembers that the ego (as well as the Logos) is in deep meditation during the whole cycle of physical incarnation. This meditation is cyclic in nature, the pitri involved sending out to his "reflection" rhythmic streams of energy, which streams are recognised by the man concerned as his "high impulses," his dreams and aspirations. (TWM 61)

Điều này có thể hữu ích cho đạo sinh nếu y ở đây nhớ rằng chân ngã (cũng như Thượng đế) đang ở trong tham thiền sâu suốt toàn bộ chu kỳ lâm phàm hồng trần. Sự tham thiền này có tính chu kỳ, vị pitri liên hệ gửi ra cho "phản ảnh" của mình những dòng năng lượng có nhịp điệu, và những dòng này được người liên hệ nhận biết như các "thúc đẩy cao cả", các giấc mơ và khát vọng của mình. (TWM 61)

20. To what extent and how is the soul-in-incarnation (the disciple) the “reflection” of the Solar Angel? May we say that the lower man is threefold (or fourfold) as is the Solar Angel within the egoic lotus? Every aspect of the man in the three lower worlds bears a similarity in quality to an aspect of the higher Ego.

20. Linh hồn đang nhập thể (đệ tử) là “phản ảnh” của Thái dương Thiên Thần đến mức nào và theo cách nào? Chúng ta có thể nói rằng phàm nhân là tam phân (hay tứ phân) cũng như Thái dương Thiên Thần bên trong hoa sen chân ngã chăng? Mọi phương diện của con người trong ba cõi thấp đều mang một sự tương tự về phẩm tính với một phương diện của Chân ngã cao hơn.

21. We may, thus, say that the Solar Angel creates its “shadow” in its own image.

21. Vì thế, chúng ta có thể nói rằng Thái dương Thiên Thần tạo ra “cái bóng” của mình theo hình ảnh của chính mình.

The significance of this rule is easily to be seen. The white magician is ever one who, **through conscious alignment with his Ego, with his "Angel,"** is receptive to his plans and purposes, and therefore capable of receiving the higher impression.

Thâm nghĩa của quy luật này rất dễ thấy. Nhà huyền thuật chánh đạo luôn luôn là người mà, **qua sự chỉnh hợp có ý thức với Chân ngã của mình, với "Thiên Thần" của mình,** có khả năng tiếp nhận các kế hoạch và mục đích của y, và do đó có khả năng tiếp nhận ấn tượng cao hơn.

22. We have established that the true white magician is a highly developed human being.

22. Chúng ta đã xác lập rằng nhà huyền thuật chánh đạo chân chính là một con người phát triển cao.

23. Are the "Ego" and the "Angel" identical? Probably the correct answer to this question must be subtle.

23. "Chân ngã" và "Thiên Thần" có đồng nhất không? Có lẽ câu trả lời đúng cho câu hỏi này phải thật tinh tế.

24. The true higher Ego of man is his spiritual triad.

24. Chân ngã cao hơn đích thực của con người là Tam Nguyên Tinh Thần của y.

25. The Solar Angel, per se, was once a human being in a previous mahamanvantara and now is one of a host of "returning nirvanis" from that mahamanvantara.

25. Thái dương Thiên Thần, chính nó, đã từng là một con người trong một Đại giai kỳ sinh hóa trước đây và nay là một trong vô số "nirvani trở về" từ Đại giai kỳ sinh hóa ấy.

26. Yet the Ego of man *upon the higher mental plane* would not exist if the matter of that plane were not suffused by the presence and consciousness of the Solar Angel.

26. Tuy nhiên, Chân ngã của con người *trên cõi thượng trí* sẽ không tồn tại nếu vật chất của cõi ấy không được thấm nhuần bởi sự hiện diện và tâm thức của Thái dương Thiên Thần.

27. We might say that the Solar Angel substanding the egoic lotus of the human being *is* the Ego on the higher mental plane. When the Solar Angel returns to its source, the Ego on the higher mental plane will exist no longer. The consciousness of the Ego will 'relocate' itself upon the planes of the spiritual triad. Man will *be* in full consciousness a higher Ego and the Solar Angel will no longer substand (or participate in) egoic consciousness.

27. Chúng ta có thể nói rằng Thái dương Thiên Thần nâng đỡ từ bên dưới hoa sen chân ngã của con người *là* Chân ngã trên cõi thượng trí. Khi Thái dương Thiên Thần trở về nguồn của nó, Chân ngã trên cõi thượng trí sẽ không còn tồn tại nữa. Tâm thức của Chân ngã sẽ "tái định vị" trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần. Con người sẽ *là* một Chân ngã cao hơn trong đầy đủ tâm thức và Thái dương Thiên Thần sẽ không còn nâng đỡ từ bên dưới (hay tham dự vào) tâm thức chân ngã nữa.

We must remember that [Page 998] **white magic works from above downwards**, and is the result of **solar vibration**, and not of the heating impulses emanating from one or other of the lunar Pitris;

Chúng ta phải nhớ rằng [Page 998] **Chánh Thuật hoạt động từ trên xuống dưới**, và là kết quả của **rung động thái dương**, chứ không phải của các xung lực nung nóng phát ra từ một hay một nhóm thái âm tổ phụ nào đó;

28. The lunar Pitris are ruled by Mars. At least the lunar lords (when the meaning of

28. Các thái âm tổ phụ được Sao Hỏa cai quản. Ít nhất các nguyệt tinh quân (khi ý nghĩa của "nguyệt tinh quân" là "thái âm tổ

"lunar lords" is "lunar Pitris" instead of lunar elementals) are ruled by Mars.

29. Mars is the planet most directly associated with "heat".

30. Occult process proceeds from above to below. White magic, as an aspect of occult process, likewise proceeds from above to below.

31. True "solar vibration" ultimately emanates from the cosmic mental plane and from the far greater Solar Angels there found.

32. It is vitally important to distinguish between fire by friction and solar fire, between the *heat* of fire by friction and the warmth of solar fire.

33. The sub-diaphragmatic centers are associated with heat and with fire by friction. The super-diaphragmatic centers are associated with solar fire *and* fire electric.

34. Have we managed in our own consciousness to distinguish between solar vibration and fire by friction? At the present point of our evolution, such a distinction is vital.

the downflow of the impressing energy from the solar Pitri is the result of his internal recollectedness,

35. The Solar Angel is, in this context, the same as the "solar Pitri".

phụ" thay vì hành khí thái âm) được Sao Hỏa cai quản.

29. Sao Hỏa là hành tinh liên hệ trực tiếp nhất với "nhiệt".

30. Tiến trình huyền bí diễn ra từ trên xuống dưới. Chánh Thuật, như một phương diện của tiến trình huyền bí, cũng diễn ra từ trên xuống dưới.

31. "Rung động thái dương" chân chính rốt cuộc phát ra từ cõi trí vũ trụ và từ các Thái dương Thiên Thần còn vĩ đại hơn nhiều được tìm thấy ở đó.

32. Điều tối quan trọng là phải phân biệt giữa Lửa ma sát và Lửa Thái dương, giữa *nhiệt* của Lửa ma sát và sự ấm áp của Lửa Thái dương.

33. Các trung tâm dưới cơ hoành liên hệ với nhiệt và với Lửa ma sát. Các trung tâm trên cơ hoành liên hệ với Lửa Thái dương *và* Lửa Điện.

34. Trong tâm thức của chính mình, chúng ta đã xoay xở để phân biệt giữa rung động thái dương và Lửa ma sát chưa? Ở điểm tiến hoá hiện nay của chúng ta, một sự phân biệt như thế là tối quan trọng.

sự tuôn xuống của năng lượng gây ấn tượng từ thái dương tổ phụ là kết quả của sự thu nhiếp nội tại của vị ấy,

35. Trong ngữ cảnh này, Thái dương Thiên Thần cũng chính là "thái dương tổ phụ".

36. Thái dương tổ phụ là *một* hay là một *nhóm*? Có lẽ là cả hai. Đó là *một* phát xuất

36. Is the Solar Pitri a *one* or a *group*? Probably both. It is *one* which emanates as a group while still retaining its oneness.

như một nhóm mà vẫn giữ được tính nhất thể của mình.

37. To remind ourselves of the exalted nature of a "solar Pitri" and to distinguish it from man's Ego per se, the following sentence is of importance:

37. Để nhắc mình về bản chất cao cả của một "thái dương tổ phụ" và phân biệt nó với Chân ngã của con người chính nó, câu sau đây rất quan trọng:

Perfected men are in the councils of the planetary Logos of their particular ray; the solar Pitris are in the council of the solar Logos.[69] (TCF 843)

Những con người đã hoàn thiện ở trong các hội đồng của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung riêng của họ; các thái dương tổ phụ ở trong hội đồng của Thái dương Thượng đế.69 (TCF 843)

38. We must find a way to avoid confusing the Solar Angel or Solar Pitri with the human Ego or Higher Self, and yet realize that this Ego, as it manifests on the higher mental plane is substanded by the Angel or Pitri, and represents the influence of that Angel or Pitri in man's constitution.

38. Chúng ta phải tìm ra một cách để tránh nhầm lẫn Thái dương Thiên Thần hay thái dương tổ phụ với Chân ngã con người hay Bản Ngã Cao Siêu, nhưng đồng thời nhận ra rằng Chân ngã này, khi biểu hiện trên cõi thượng trí, được Thiên Thần hay Pitri nâng đỡ từ bên dưới, và biểu trưng ảnh hưởng của Thiên Thần hay Pitri ấy trong cấu tạo của con người.

his indrawing of his forces prior to sending them out concentratedly to his shadow, man, and his steady meditation upon the purpose and the plan.

sự thu rút các mãnh lực của vị ấy trước khi gửi chúng ra một cách tập trung đến cái bóng của vị ấy, con người, và sự tham thiền bền bỉ của vị ấy về Thiên Ý và Thiên Cơ.

39. The Solar Angel can impress His shadow man. Why it his possible?

39. Thái dương Thiên Thần có thể gây ấn tượng lên con người là cái bóng của Ngài. Vì sao điều này có thể xảy ra?

a. Because He has achieved internal recollectedness

a. Vì Ngài đã đạt được sự thu nhiếp nội tại

b. Because He has indrawn His forces

b. Vì Ngài đã thu rút các mãnh lực của Ngài

c. Because He has sent out His indrawn forces in a concentrated manner to his shadow, man.

c. Vì Ngài đã gửi các mãnh lực đã thu rút của Ngài ra một cách tập trung đến cái bóng của Ngài, con người.

d. Because He pursues steady meditation upon the Divine Purpose and Divine Plan, and impresses man with the results of His meditation.

d. Vì Ngài theo đuổi sự tham thiền bền bỉ về Thiên Ý và Thiên Cơ, và gây ấn tượng lên con người bằng các kết quả của sự tham thiền của Ngài.

40. We are being told that knowledge of the Divine Plan and Divine Purpose can be derived from communion with the Solar Angel Who substands our Ego. This provides a strong incentive for occult meditation.

40. Chúng ta đang được cho biết rằng tri thức về Thiên Cơ và Thiên Ý có thể được rút ra từ sự giao cảm với Thái dương Thiên Thần, Đấng nâng đỡ từ bên dưới Chân ngã của chúng ta. Điều này tạo ra một động lực mạnh mẽ cho tham thiền huyền bí học.

It may be of use to the student if he here remembers that the Ego (as well as the Logos) **is in deep meditation during the whole cycle of physical incarnation.**

Điều này có thể hữu ích cho đạo sinh nếu y ở đây nhớ rằng Chân ngã (cũng như Thượng đế) **đang ở trong tham thiền sâu suốt toàn bộ chu kỳ lâm phàm hồng trần.**

41. This is another way of saying that each of *us*, in our higher nature, is in deep meditation during the whole cycle of physical incarnation. This suggests the reality of simultaneous multi-dimensional consciousness.

41. Đây là một cách khác để nói rằng mỗi *chúng ta*, trong bản chất cao hơn của mình, đều đang ở trong tham thiền sâu suốt toàn bộ chu kỳ lâm phàm hồng trần. Điều này gợi ý thực tại của tâm thức đa chiều đồng thời.

42. Our requirement is to synchronize our meditation 'below' (within the lower nature) with our meditation 'above'.

42. Điều chúng ta cần là đồng bộ hóa sự tham thiền của mình "ở dưới" (trong bản chất thấp hơn) với sự tham thiền của mình "ở trên".

43. White it may be the case that the Ego is in deep meditation throughout the cycle of physical incarnation (especially as the personality becomes more advanced—so one would think), the personality of man is not at all times in its developmental cycle in a position to receive and profit by the results of the Ego's meditation.

43. Dù có thể đúng là Chân ngã ở trong tham thiền sâu suốt chu kỳ lâm phàm hồng trần (đặc biệt khi phàm ngã trở nên tiến bộ hơn—người ta hẳn sẽ nghĩ như vậy), phàm ngã của con người không phải lúc nào trong chu kỳ phát triển của nó cũng ở vào vị thế có thể tiếp nhận và hưởng lợi từ các kết quả của sự tham thiền của Chân ngã.

44. The cycle of physical incarnation is a much larger process than the cycle of a single physical incarnation and in early

44. Chu kỳ lâm phàm hồng trần là một tiến trình lớn hơn nhiều so với chu kỳ của một lần lâm phàm hồng trần đơn lẻ, và trong những ngày đầu của các lần nhập thể, phàm

incarnational days, the personality simply has no notion of the existence of the Ego.

ngã đơn giản là không có khái niệm nào về sự hiện hữu của Chân ngã.

45. Even later and during a cycle when the personality is relatively advanced, it may fail to sustain a continuity of awareness of the Ego. Rhythmic occult meditation is one of the methods of sustaining continuity of awareness.

45. Ngay cả về sau, trong một chu kỳ khi phàm ngã tương đối tiến bộ, nó vẫn có thể không duy trì được tính liên tục của sự nhận biết về Chân ngã. Tham thiền huyền bí học có nhịp điệu là một trong những phương pháp để duy trì tính liên tục của sự nhận biết.

This solar meditation is cyclic in nature, the Pitri involved sending out to his "reflection" rhythmic streams of energy, which streams are recognised by the man concerned as his "higher impulses," his dreams and aspirations.

Sự tham thiền thái dương này có tính chu kỳ, vị Pitri liên hệ gửi ra cho "phản ảnh" của mình những dòng năng lượng có nhịp điệu, và những dòng này được nhận biết bởi người liên hệ như các "thúc đẩy cao cả", các giấc mơ và khát vọng của mình.

46. This is one of the most important statements regarding the relationship between the Solar Pitri and the human being.

46. Đây là một trong những phát biểu quan trọng nhất liên quan đến mối quan hệ giữa thái dương tổ phụ và con người.

47. Perhaps meditation at sunrise is particularly propitious for receiving the streams of energy send forth by the Solar Pitri.

47. Có lẽ việc tham thiền vào lúc mặt trời mọc đặc biệt thuận lợi cho việc tiếp nhận các dòng năng lượng do thái dương tổ phụ phát ra.

48. It would be of value for every disciple to determine the rhythm or cycle of these rhythmic streams of energy.

48. Sẽ có giá trị đối với mọi đệ tử nếu xác định được nhịp điệu hay chu kỳ của các dòng năng lượng có nhịp điệu này.

49. When we have received higher impulses; when our dreams have been stimulated and aspirations have arisen, have we thought of their source as the Solar Angel or Solar Pitri?

49. Khi chúng ta đã tiếp nhận các thúc đẩy cao hơn; khi các giấc mơ của chúng ta đã được kích thích và khát vọng đã khởi lên, chúng ta có nghĩ đến nguồn gốc của chúng như là Thái dương Thiên Thần hay thái dương tổ phụ không?

Therefore, it will be apparent why workers in white magic are ever advanced, and spiritual men, for the "reflection" is seldom responsive to the **Ego or the solar Angel**

Vì vậy, sẽ rõ vì sao những người hoạt động trong Chánh Thuật luôn luôn là những người tiến bộ và những người tinh thần, vì "phản ảnh" hiếm khi đáp ứng với **Chân ngã**

until many cycles of incarnation have transpired.

hay Thái dương Thiên Thần cho đến khi nhiều chu kỳ nhập thể đã trôi qua.

50. It would seem useless to begin the study of white magic until the first initiation had been passed.

50. Dường như sẽ vô ích nếu bắt đầu nghiên cứu Chánh Thuật trước khi lần điểm đạo thứ nhất đã được vượt qua.

51. In this case the term "advanced" must mean more than the term "advanced man" (when designating an intelligent though not necessarily spiritual human being).

51. Trong trường hợp này, thuật ngữ "tiến bộ" hẳn phải có nghĩa nhiều hơn thuật ngữ "người tiến bộ" (khi chỉ một con người thông minh dù không nhất thiết là tinh thần).

52. It may be thought that, in some manner, the human personality reflects the structure of the Solar Angel and not just the structure of the egoic lotus.

52. Có thể nghĩ rằng, theo một cách nào đó, phàm ngã con người phản ánh cấu trúc của Thái dương Thiên Thần chứ không chỉ cấu trúc của hoa sen chân ngã.

53. The Solar Angel is as being which, like man, has a chakric system. In fact, is there any living thing which does not have a correspondence to a chakric system?

53. Thái dương Thiên Thần là một hữu thể mà, cũng như con người, có một hệ thống luân xa. Thật vậy, có sinh thể nào lại không có một tương ứng với một hệ thống luân xa chăng?

The solar Pitri communicates with his "shadow" or reflection by means of the sutratma, which passes down through the bodies to a **point of entrance in the physical brain**.

Thái dương tổ phụ truyền thông với "cái bóng" hay phản ảnh của mình bằng phương tiện sutratma, sợi này đi xuống qua các thể đến một **điểm đi vào trong bộ não hồng trần**.

54. The sutratma is usually considered a channel for the impartation of vital energy, per se, and not for the communication of consciousness. Yet we understand that the streams of energy coming forth from the Solar Angel also relate to high ideals and impulses and, thus, to consciousness.

54. Sutratma thường được xem là một kênh để truyền đạt sinh lực, chính nó, chứ không phải để truyền thông tâm thức. Tuy nhiên, chúng ta hiểu rằng các dòng năng lượng phát ra từ Thái dương Thiên Thần cũng liên hệ đến các lý tưởng và thúc đẩy cao cả, và vì thế liên hệ đến tâm thức.

55. The very *physical* point of communication is to be noted. In one way then, the influence of the Solar Angel reaches into the very lowest aspect of man---his dense physical aspect.

55. Chính điểm truyền thông *hồng trần* này cần được lưu ý. Theo một cách như thế, ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần vươn tới tận phương diện thấp nhất của con người---phương diện hồng trần đậm đặc của y.

RULE II. *When the shadow hath responded, in meditation deep the work proceedeth.*

56. This response, as we have learned, arises only in the case of advanced or spiritually inclined human beings.

57. After the response of the shadow, the proceeding meditative work is dual. The Ego/Solar Angel continues its meditation which is now joined by the rhythmic meditation of the shadow—the disciple, the soul-in-incarnation.

58. The personality elementals, per se, do not meditate.

The lower light is thrown upward;

59. This is the light arising within the energy system of the shadow and specifically in two of its vehicles.

the greater light illuminates the three,

60. The three are the three personality aspects and the greater light is the light of the Ego or soul.

and the work of the four proceedeth.

61. The Ego/Solar Angel is the fourth when the three aspects of the disciple are considered.

62. There is also a chakric significance to the four as we will see below.

63. There is more to this phrase "the lower light is thrown upward". In two other

QUY LUẬT II. *Khi cái bóng đã đáp ứng, trong thiền định sâu thẳm, công việc tiến triển.*

56. Như chúng ta đã học, sự đáp ứng này chỉ phát sinh trong trường hợp những con người tiến bộ hay có khuynh hướng tinh thần.

57. Sau sự đáp ứng của cái bóng, công việc tham thiền tiếp theo là nhị phân. Chân ngã/Thái dương Thiên Thần tiếp tục sự tham thiền của nó, và nay được kết hợp bởi sự tham thiền có nhịp điệu của cái bóng—đệ tử, linh hồn đang nhập thể.

58. Các hành khí phàm ngã, chính chúng, không tham thiền.

Ánh sáng thấp được ném lên trên;

59. Đây là ánh sáng phát sinh bên trong hệ thống năng lượng của cái bóng và đặc biệt trong hai vận cụ của nó.

ánh sáng lớn hơn soi sáng bộ ba,

60. Bộ ba là ba phương diện của phàm ngã và ánh sáng lớn hơn là ánh sáng của Chân ngã hay linh hồn.

và công việc của bốn tiến triển.

61. Chân ngã/Thái dương Thiên Thần là yếu tố thứ tư khi ba phương diện của đệ tử được xét đến.

62. Cũng có một thâm nghĩa luân xa đối với bộ bốn này như chúng ta sẽ thấy dưới đây.

63. Cụm từ "ánh sáng thấp hơn được ném lên trên" còn có nhiều ý nghĩa hơn nữa.

references in TWM, DK gives some more specific understanding of its meaning:

Trong hai chỗ dẫn khác trong TWM, Chân sư DK đưa ra một sự thấu hiểu cụ thể hơn về ý nghĩa của nó:

The significance of the words, "the lower light is thrown upward." These deal with the centers and the Kundalini Fire. (TWM 766)

Thâm nghĩa của những lời, "ánh sáng thấp hơn được ném lên trên." Những lời này liên quan đến các trung tâm và Hỏa Kundalini. (TWM 766)

64. The next quotation is very long, but gives a much fuller interpretation of its meaning.

64. Đoạn trích tiếp theo rất dài, nhưng đưa ra một cách giải thích đầy đủ hơn nhiều về ý nghĩa của nó.

Let us now consider the words at the end of the previous rule: *"The lower light is thrown upward and the greater light illuminates the three; the work of the four proceedeth."*

Bây giờ chúng ta hãy xét những lời ở cuối quy luật trước: *"Ánh sáng thấp hơn được ném lên trên và ánh sáng lớn hơn soi sáng bộ ba; công việc của bộ bốn tiếp diễn."*

What of this lower light? The student should remember that for the present purposes he has three bodies of light to consider:

Ánh sáng thấp hơn này là gì? Đạo sinh nên nhớ rằng đối với các mục đích hiện tại, y có ba thể ánh sáng cần xem xét:

There is the radiant body of the soul itself, found on its own plane, and called, frequently, the Karana Sarira or the causal body.

Có thể rạng ngời của chính linh hồn, được tìm thấy trên cõi riêng của nó, và thường được gọi là Karana Sarira hay thể nguyên nhân.

There is the vital or etheric body, the vehicle of prana which is the body of golden light, or rather the flame coloured vehicle.

Có thể sinh lực hay thể dĩ thái, vận cụ của prana, là thể ánh sáng vàng kim, hay đúng hơn là vận cụ màu ngọn lửa.

There is the body of "dark light", which is the occult way of referring to the hidden light of the physical body, and to the light latent in the atom itself.

Có thể của "ánh sáng tối", là cách nói huyền bí để chỉ ánh sáng ẩn tàng của thể xác, và ánh sáng tiềm ẩn trong chính nguyên tử.

These three types of energy are referred to in the Old Commentary under the following symbolic terms:

Ba loại năng lượng này được nói đến trong Cổ Luận dưới các thuật ngữ biểu tượng sau đây:

"When the radiant light of the Solar Angel is fused with the golden light of the cosmic intermediary, it awakens from darkness the rush light of anu, the speck."

"Khi ánh sáng rạng ngời của Thái dương Thiên Thần được dung hợp với ánh sáng vàng kim của đấng trung gian vũ trụ, nó đánh thức khỏi bóng tối ánh sáng bấc đèn của anu, điểm nhỏ."

The "cosmic intermediary" is the term given to the etheric body, which is part and parcel of the universal ether. It is through the etheric body that all the energies flow, whether emanating from the soul, or from the sun, or from a planet. Along those living lines of fiery essence pass all the contacts that do not emanate specifically from the tangible world.

"Đấng trung gian vũ trụ" là thuật ngữ được dùng cho thể dĩ thái, vốn là một phần không thể tách rời của dĩ thái vũ trụ. Chính qua thể dĩ thái mà mọi năng lượng tuôn chảy, dù phát ra từ linh hồn, hay từ mặt trời, hay từ một hành tinh. Dọc theo những đường sống của tinh chất rực lửa ấy đi qua mọi tiếp xúc không phát ra một cách chuyên biệt từ thế giới hữu hình.

The dark light of the tiny atoms of which the physical vehicle is constructed is responsive to the stimulation passing down from the soul into its vehicle, and, when the man is under control of the soul, there eventuates the shining forth of the light throughout the body. This [shows as the radiance emanating from the bodies of adepts and saints, giving the effect of bright and shining light.

Ánh sáng tối của những nguyên tử nhỏ bé cấu thành vận cụ hồng trần đáp ứng với sự kích thích đi xuống từ linh hồn vào vận cụ của nó, và khi con người ở dưới sự kiểm soát của linh hồn, thì ánh sáng bừng tỏa khắp thể sẽ xảy ra. Điều này [biểu lộ như sự rạng sáng phát ra từ các thể của các chân sư và các thánh nhân, tạo nên hiệu quả của ánh sáng sáng chói và rực rỡ.

When the radiant light of the soul is blended with the magnetic light of the vital body, it stimulates the atoms of the physical body to such an extent that each atom becomes in turn a tiny radiant centre. **This only becomes possible when the head, heart, the solar plexus and the centre at the base of the spine are connected in a peculiar fashion,** which is one of the secrets of the first initiation. When these four are in close cooperation the "floor of the triangle" as it is symbolically called, is prepared for the magical work. In other words—these can be enumerated as follows:

Khi ánh sáng rạng ngời của linh hồn được hòa trộn với ánh sáng từ tính của thể sinh lực, nó kích thích các nguyên tử của thể xác đến mức mỗi nguyên tử lần lượt trở thành một trung tâm rạng ngời nhỏ bé. **Điều này chỉ trở nên khả hữu khi đầu, tim, tùng thái dương và trung tâm ở đáy cột sống được nối kết theo một cách đặc biệt,** vốn là một trong những bí mật của lần điểm đạo thứ nhất. Khi bốn trung tâm này ở trong sự hợp tác chặt chẽ thì "đáy của tam giác", như nó được gọi một cách biểu tượng, được chuẩn bị cho công việc huyền thuật. Nói cách khác—chúng có thể được liệt kê như sau:

a. The physical material form with its centre at the base of the spine.

a. Hình tướng vật chất hồng trần với trung tâm của nó ở đáy cột sống.

b. The vital body working through the heart centre where the life principle has its seat. The activities of the body which are due to this stimulation are carried through the circulation of the blood.

b. Thể sinh lực hoạt động qua trung tâm tim, nơi nguyên khí sự sống có chỗ ngự. Các hoạt động của thể do sự kích thích này được thực hiện qua sự tuần hoàn của máu.

c. The emotional body, working through the solar plexus centre.

c. Thể cảm xúc, hoạt động qua trung tâm tùng thái dương.

d. The head centre, the direct agent of the soul and its interpreter, the mind. These four are in complete accord and alignment. (TWM 105-106)

d. Trung tâm đầu, tác nhân trực tiếp của linh hồn và là thông dịch viên của nó, trí tuệ. Bốn yếu tố này ở trong sự hòa hợp và chỉnh hợp hoàn toàn. (TWM 105-106)

65. Here we have another interpretation of the "work of the four"—meaning the head, heart, solar plexus and base of the spine, i.e., the "floor of the triangle".

65. Ở đây chúng ta có một cách giải thích khác về "công việc của bộ bốn"—nghĩa là đầu, tim, tùng thái dương và đáy cột sống, tức "đáy của tam giác".

Here the work of the two, the Ego on its own plane, and its instrument in the three worlds, is shown as linked and co-ordinated.

Ở đây công việc của bộ hai, Chân ngã trên cõi riêng của nó, và công cụ của nó trong ba cõi giới, được cho thấy là được nối kết và phối hợp.

66. The plane of the Ego is the higher mental plane. The instrument of the Ego in the three lower worlds is threefold.

66. Cõi của Chân ngã là cõi thượng trí. Công cụ của Chân ngã trong ba cõi thấp là tam phân.

67. Linking is the first stage; communication is established. Coordination follows upon the linking and requires practice.

67. Nối kết là giai đoạn đầu tiên; sự truyền thông được thiết lập. Sự phối hợp theo sau sự nối kết và đòi hỏi thực hành.

As we well know, the main function of meditation is to bring the lower instrument into such a condition of receptivity and vibratory response that **the Ego, or solar Angel**, can use it, and produce specific results.

Như chúng ta đều biết rõ, chức năng chính của tham thiền là đưa công cụ thấp hơn vào một trạng thái tiếp nhận và đáp ứng rung động sao cho **Chân ngã, hay Thái dương Thiên Thần**, có thể sử dụng nó, và tạo ra những kết quả chuyên biệt.

68. DK continues to equate the Ego and Solar Angel. We understand, now, the manner in

68. Chân sư DK tiếp tục đồng nhất Chân ngã với Thái dương Thiên Thần. Giờ đây chúng ta hiểu cách mà chúng có thể được xem là

which they can be considered equivalent and the manner in which they cannot.

tương đương và cách mà chúng không thể được xem là tương đương.

69. The threefold lower instrument is to be used by the Ego. The more the disciple identifies *as the Ego,* the more successful the production of specific results.

69. Công cụ thấp hơn tam phân sẽ được Chân ngã sử dụng. Đệ tử càng đồng hoá *như là Chân ngã,* thì việc tạo ra các kết quả chuyên biệt càng thành công.

70. It is clear that the threefold instrument is not immediately responsive to the Ego. As the practice of occult meditation proceeds, receptivity and responsiveness grow.

70. Rõ ràng là công cụ tam phân không đáp ứng ngay lập tức với Chân ngã. Khi việc thực hành tham thiền huyền bí học tiếp diễn, tính tiếp nhận và khả năng đáp ứng tăng trưởng.

This involves, therefore, a downflow of force from the upper levels of the mental plane [Page 999] (the habitat of the real Man)

Do đó, điều này bao hàm một sự tuôn xuống của mãnh lực từ các cấp độ cao hơn của cõi trí [Page 999] (nơi trú ngụ của Con Người đích thực)

71. By the time this type of interplay between Ego and personality is possible, the Ego is focussed on the second subplane of the mental plane. This refocussing of the Ego, we are told in a number of references, occurs around the time of the first initiation.

71. Vào lúc loại tương tác này giữa Chân ngã và phàm ngã trở nên khả hữu, Chân ngã được tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi trí. Sự tái tập trung này của Chân ngã, như chúng ta được cho biết trong nhiều chỗ dẫn, xảy ra vào khoảng thời gian của lần điểm đạo thứ nhất.

72. DK names that which flows down "force" rather than energy. Perhaps this is so because that which flows has a targeted purpose and point of application.

72. Chân sư DK gọi điều tuôn xuống là "mãnh lực" hơn là năng lượng. Có lẽ là vì điều tuôn chảy ấy có một mục đích nhắm đích và một điểm ứng dụng.

73. The Ego is considered the "real man". As disciples we are to consider our egoic nature *more real* than our personality nature.

73. Chân ngã được xem là "con người đích thực". Là các đệ tử, chúng ta phải xem bản chất chân ngã của mình là *thực hơn* bản chất phàm ngã của mình.

and a reciprocal vibration, emanating from Man, the Reflection.

và một rung động tương hỗ, phát ra từ Con Người, Phản Ảnh.

74. What is being described is a Mercurian, Geminian process involving reciprocity. A stage of increasingly productive interplay

74. Điều đang được mô tả là một tiến trình mang tính Sao Thủy, Song Tử, bao hàm tính tương hỗ. Một giai đoạn tương tác ngày càng

has been reached by the Ego and its reflection in the three lower worlds.

hữu hiệu đã được đạt tới giữa Chân ngã và phản ảnh của nó trong ba cõi thấp.

When these two vibrations are attuned,

Khi hai rung động này được điều hợp,

75. Attunement is a process of harmonization. The sense of 'clash' between the quality of the Ego and the qualities of the personality vehicles must be reduced until the inner sense of harmony supervenes. Probably no one can tell the meditator when this has been achieved. He will simply have to *know* it.

75. Chỉnh hợp là một tiến trình hài hòa hóa. Cảm giác "xung đột" giữa phẩm tính của chân ngã và các phẩm tính của những vận cụ phàm ngã phải được giảm thiểu cho đến khi cảm nhận nội tại về sự hài hòa xuất hiện. Có lẽ không ai có thể nói cho người hành thiền biết khi nào điều này đã được đạt đến. Y đơn giản sẽ phải *biết* điều đó.

and the interplay is rhythmic,

và sự tương tác mang tính nhịp điệu,

76. This will result if occult meditation is practiced with regularity. Again, morning meditation presents the best opportunity to establish the necessary rhythm.

76. Điều này sẽ là kết quả nếu huyền bí học tham thiền được thực hành đều đặn. Một lần nữa, tham thiền buổi sáng đem lại cơ hội tốt nhất để thiết lập nhịp điệu cần thiết.

then the two meditations proceed synchronously,

khi ấy hai sự tham thiền tiến hành đồng bộ,

77. The two meditations proceed simultaneously and there is mutual interplay.

77. Hai sự tham thiền tiến hành đồng thời và có sự tương tác hỗ tương.

and the work of magic and of creation can proceed unimpeded.

và công việc huyền thuật và sáng tạo có thể tiến hành không bị cản trở.

78. The magical process is a creative process. Unimpeded flow is the optimal condition and is achieved only after much meditative practice.

78. Tiến trình huyền thuật là một tiến trình sáng tạo. Dòng chảy không bị cản trở là điều kiện tối ưu và chỉ đạt được sau nhiều thực hành tham thiền.

It will, therefore, be apparent that **the brain is the physical correspondence to the force centres upon the mental plane,** and that the vibration has to be *consciously* set up by the man when meditating.

Do đó, sẽ rõ ràng rằng **bộ não là sự tương ứng hồng trần với các trung tâm mãnh lực trên cõi trí,** và rung động phải được con người thiết lập một cách *có ý thức* khi tham thiền.

79. Here we have a very interesting statement. Perhaps it would be more likely to read that *within* the brain are to be found correspondences to the force centers upon the mental plane.

79. Ở đây chúng ta có một phát biểu rất thú vị. Có lẽ sẽ đúng hơn nếu nói rằng *bên trong* bộ não có thể tìm thấy những sự tương ứng với các trung tâm mãnh lực trên cõi trí.

80. As there are only four force centers, per se, to be found upon mental plane, the brain is the correspondence of *all four.* The other three force centers are, during the human stage of development, replaced by the three tiers of petals of the egoic lotus.

80. Vì chỉ có bốn trung tâm mãnh lực, chính chúng, được tìm thấy trên cõi trí, nên bộ não là sự tương ứng của *cả bốn.* Ba trung tâm mãnh lực kia, trong giai đoạn phát triển nhân loại, được thay thế bằng ba tầng cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã.

81. The meditating disciple must know exactly what he is doing. The link between the mental centers and the physical brain is to be consciously established *during meditation.*

81. Người đệ tử hành thiền phải biết chính xác mình đang làm gì. Mối liên kết giữa các trung tâm trí tuệ và bộ não hồng trần phải được thiết lập một cách có ý thức *trong khi tham thiền.*

82. Probably at a certain point of mental tension, this link with the mental force centers is appreciated in the physical brain.

82. Có lẽ tại một điểm tập trung trí tuệ nhất định, mối liên kết với các trung tâm mãnh lực trí tuệ này được nhận biết trong bộ não hồng trần.

83. Although the physical brain is part of that which is *not* a principle, it is not an apparatus that can be ignored by the occultist.

83. Mặc dù bộ não hồng trần là một phần của cái *không* phải là nguyên khí, nó không phải là một bộ máy mà nhà huyền bí học có thể bỏ qua.

When this is effected, the man can be a *conscious* creator,

Khi điều này được thực hiện, con người có thể là một đấng sáng tạo *có ý thức*,

84. We hardly realize to what an extent we are *unconscious* creators.

84. Chúng ta hầu như không nhận ra mình là những đấng sáng tạo *vô thức* đến mức nào.

85. We also realize that creativity is largely a mental process and depends very much upon the force centers upon the mental plane and their vibratory linking with the physical brain.

85. Chúng ta cũng nhận ra rằng tính sáng tạo phần lớn là một tiến trình trí tuệ và phụ thuộc rất nhiều vào các trung tâm mãnh lực trên cõi trí cùng sự liên kết rung động của chúng với bộ não hồng trần.

86. The egoic lotus cannot be excluded from the creative process. It is even more important than the force emanating from the force centers upon the lower mental plane.

86. Hoa Sen Chân Ngã không thể bị loại khỏi tiến trình sáng tạo. Nó thậm chí còn quan trọng hơn mãnh lực phát ra từ các trung tâm mãnh lực trên cõi hạ trí.

and the work proceeds therefore in a triple manner; the force circulates freely via three points of centralised activity:

và vì thế công việc tiến hành theo cách tam phân; mãnh lực lưu chuyển tự do qua ba điểm hoạt động tập trung trung tâm:

87. The three centers listed below are perhaps not exactly the three centers we might anticipate.

87. Ba trung tâm được liệt kê dưới đây có lẽ không hoàn toàn chính là ba trung tâm mà chúng ta có thể dự đoán.

First. From that circle of petals in the egoic lotus which the Ego chooses to use, or is in a position to use.

Thứ nhất. Từ vòng cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã mà chân ngã chọn sử dụng, hoặc ở vào vị thế có thể sử dụng.

88. The white magician is ever an advanced or spiritual man. Such a man would be in a position to use *both* the knowledge petals and the love petals but the number of sacrifice petals he might be able to use would be limited according to his initiatory degree.

88. Nhà huyền thuật chánh đạo luôn luôn là một người tiến bộ hoặc tinh thần. Một người như thế sẽ ở vào vị thế có thể sử dụng *cả* các cánh hoa tri thức lẫn các cánh hoa bác ái, nhưng số cánh hoa hi sinh mà y có thể sử dụng sẽ bị giới hạn tùy theo cấp độ điểm đạo của y.

89. We must not consider the tiers of petals to be passive repositories of quality. They are *dynamic* in relation to the personality vehicles.

89. Chúng ta không được xem các tầng cánh hoa là những kho chứa phẩm tính thụ động. Chúng *năng động* trong mối liên hệ với các vận cụ phàm ngã.

This is conditioned by the **objective in view**, and the **state of egoic unfoldment.**

Điều này được định hình bởi **mục tiêu được nhắm đến**, và **trạng thái khai mở chân ngã.**

90. The man as Solar Angel/Ego is at work in this magical process.

90. Con người với tư cách Thái dương Thiên Thần/chân ngã đang hoạt động trong tiến trình huyền thuật này.

91. Perhaps the different phases of the magical process will determine which of the tiers of petals (or individual petals) are put into use by the Solar Angel/Ego.

91. Có lẽ các giai đoạn khác nhau của tiến trình huyền thuật sẽ quyết định tầng cánh hoa nào (hoặc cánh hoa riêng lẻ nào) được

Thái dương Thiên Thần/chân ngã đưa vào sử dụng.

92. One must be an initiate of the second degree before the love tier is *completely* unfolded and, thus, before its complete powers are at the disposal of magician/Ego.

92. Người ta phải là một điểm đạo đồ cấp hai trước khi tầng bác ái được khai mở *hoàn toàn* và như vậy, trước khi các quyền năng trọn vẹn của nó nằm trong tầm sử dụng của nhà huyền thuật/chân ngã.

Secondly. **The centre in the physical brain** which is active in meditation.

Thứ hai. **Trung tâm trong bộ não hồng trần** hoạt động trong khi tham thiền.

93. We must bear firmly in mind that within the physical brain there are physical centers which are activated during the meditation process. These will naturally correspond to certain of the etheric head centers.

93. Chúng ta phải ghi nhớ vững chắc rằng bên trong bộ não hồng trần có những trung tâm hồng trần được hoạt hóa trong tiến trình tham thiền. Những trung tâm này dĩ nhiên sẽ tương ứng với một số trung tâm đầu dĩ thái.

94. As there are a group of seven etheric head centers, will there also be seven correspondences to them within the physical brain?

94. Vì có một nhóm bảy trung tâm đầu dĩ thái, liệu cũng sẽ có bảy sự tương ứng với chúng bên trong bộ não hồng trần hay không?

95. Three major physical centers in the physical brain are the pineal gland, the pituitary gland and the carotid gland(s).

95. Ba trung tâm hồng trần chính trong bộ não hồng trần là tuyến tùng, tuyến yên và tuyến cảnh.

This is also conditioned by the man's point in evolution, and the particular goal in mind.

Điều này cũng được định hình bởi điểm tiến hoá của con người, và mục tiêu đặc thù trong trí.

96. We learn that according to a man's point of evolution, so will be the centers in the physical brain which are available for use.

96. Chúng ta học được rằng tùy theo điểm tiến hoá của một người, các trung tâm trong bộ não hồng trần sẵn có để sử dụng cũng sẽ như vậy.

97. We do not know yet whether the man is to work etherically and thus automatically activate the centers in the physical brain or whether he is to concentrate upon a given center in the physical brain per se.

97. Chúng ta vẫn chưa biết liệu con người phải hoạt động theo cách dĩ thái và do đó tự động hoạt hóa các trung tâm trong bộ não hồng trần, hay liệu y phải tập trung vào một

trung tâm nhất định trong chính bộ não hồng trầne.

Thirdly. **The centre of force** generated by the man upon the lower mental plane, as he proceeds to **form the necessitated thought form,** and to **sweep into activity those builders who can respond to the vibration sent forth**.

Thứ ba. **Trung tâm mãnh lực** do con người tạo ra trên cõi hạ trí, khi y tiến hành **hình thành hình tư tưởng cần thiết,** và **quét vào hoạt động những đấng kiến tạo có thể đáp ứng với rung động được phát ra**.

98. Upon the lower mental plane the magician does two major things:

98. Trên cõi hạ trí, nhà huyền thuật làm hai việc chính:

a. He forms the necessitated thoughtform

a. Y hình thành hình tư tưởng cần thiết

b. He sweeps into activity those builders who can respond to the vibration sent forth

b. Y quét vào hoạt động những đấng kiến tạo có thể đáp ứng với rung động được phát ra

99. In this triangle of force we have an alignment between soul, mind and brain (presumably, both etheric brain and physical brain).

99. Trong tam giác mãnh lực này, chúng ta có một sự chỉnh hợp giữa linh hồn, thể trí và bộ não (có lẽ là cả não dĩ thái lẫn não hồng trần).

100. Let us recapitulate:

100. Chúng ta hãy tóm lược:

a. Petals and tiers of petals in the egoic lotus. One tier will be singled out and perhaps one petal in that tier, especially.

a. Các cánh hoa và các tầng cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã. Một tầng sẽ được chọn riêng ra và có lẽ đặc biệt là một cánh hoa trong tầng ấyy.

b. The physical and etheric brains and their centers. One center will be singled out particularly

b. Não hồng trần và não dĩ thái cùng các trung tâm của chúng. Một trung tâm sẽ được chọn riêng ra đặc biệt

c. The center of force generated by man upon the lower mental plane

c. Trung tâm mãnh lực do con người tạo ra trên cõi hạ trí

This is likewise conditioned by the strength of his meditation,

Điều này cũng được định hình bởi sức mạnh tham thiền của y,

101. Only a strong meditator will be able to create and see built the necessitated

101. Chỉ một người hành thiền mạnh mới có thể sáng tạo và thấy hình tư tưởng cần thiết

thoughtform. Only a strong meditator will be able to command the necessary builders.

được xây dựng. Chỉ một người hành thiền mạnh mới có thể điều khiển các đấng kiến tạo cần thiết.

the fullness of the note sent forth by him, and the strength of his initiated vibration.

sự viên mãn của âm điệu do y phát ra, và sức mạnh của rung động do y khởi xướng.

102. Three factors are to be taken into consideration upon the lower mental plane:

102. Ba yếu tố phải được xét đến trên cõi hạ trí:

a. The magician's meditative strength

a. Sức mạnh tham thiền của nhà huyền thuật

b. The fulness of the note sent forth by the magician

b. Sự viên mãn của âm điệu do nhà huyền thuật phát ra

c. The strength of the magician's initiated vibration

c. Sức mạnh của rung động do nhà huyền thuật khởi xướng

103. It is apparent that the initial note which starts the magical process must be both strong and full. The magician's alignment with the soul will determine whether these prerequisites can be met.

103. Rõ ràng là âm điệu ban đầu khởi động tiến trình huyền thuật phải vừa mạnh vừa đầy đủ. Sự chỉnh hợp của nhà huyền thuật với linh hồn sẽ quyết định liệu các điều kiện tiên quyết này có thể được đáp ứng hay khôngt.

Hence, the first thing the solar Angel does is to form a triangle, consisting of **himself**, the **man on the physical plane**, and **the tiny point of force** which is the result of their united endeavour.

Do đó, điều đầu tiên Thái dương Thiên Thần làm là hình thành một tam giác, gồm **chính nó**, **con người trên cõi hồng trần**, và **điểm mãnh lực nhỏ bé** là kết quả của nỗ lực hợp nhất của cả hai.

104. The tiny point of light is found upon the lower mental plane.

104. Điểm ánh sáng nhỏ bé được tìm thấy trên cõi hạ trí.

105. The Solar Angel pervades the egoic lotus and works through various aspects of the egoic lotus.

105. Thái dương Thiên Thần thấm nhuần Hoa Sen Chân Ngã và hoạt động qua nhiều phương diện khác nhau của Hoa Sen Chân Ngã.

106. It is interesting to consider who or what is active from the plane of soul:

106. Thật thú vị khi xem xét ai hay cái gì đang hoạt động từ cõi linh hồn:

a. The Solar Angel

b. The Ego

c. The man as Ego infused by the presence and power of the Solar Angel

107. When considering the Solar Angel it is necessary to consider it both as the Ego and yet *not* the Ego. It is far more.

It will be of value to students of meditation to ponder upon this procedure, and to study the correspondence between it and the work of the solar Logos as He created "the Heavens and the Earth."

108. We are speaking of the “Heavens” as they exist within this solar system. We are also speaking of the “Heavens” as the higher planes or dimensions (as found upon the cosmic physical plane).

The [Page 1000] Highest and the lowest aspects met, spirit and matter were brought into contact with each other; the consequence of this interplay was the birth of the **Son, or the great solar thought form.**

109. DK is speaking of the creative process initiated by the Solar Logos as He creates His solar system, both objective and subtle.

110. From one perspective, the solar system is the Divine Son. It is the form created by the soul aspect of the Solar Logos. This soul aspect is the true “Son of God”. The solar system might be considered the “Son of Necessity”.

a. Thái dương Thiên Thần

b. Chân ngã

c. Con người với tư cách chân ngã được thấm nhuần bởi sự hiện diện và quyền năng của Thái dương Thiên Thần

107. Khi xem xét Thái dương Thiên Thần, cần phải xem nó vừa là chân ngã mà lại vừa *không* là chân ngã. Nó còn hơn thế rất nhiều.

Điều này sẽ có giá trị đối với các đạo sinh tham thiền nếu suy ngẫm về tiến trình này, và nghiên cứu sự tương ứng giữa nó với công việc của Thái dương Thượng đế khi Ngài tạo ra “Trời và Đất”.

108. Chúng ta đang nói về “Trời” như chúng hiện hữu bên trong hệ mặt trời này. Chúng ta cũng đang nói về “Trời” như các cõi cao hơn hay các chiều kích cao hơn (như được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ).

[Page 1000] Phương diện cao nhất và thấp nhất gặp nhau, tinh thần và vật chất được đưa vào tiếp xúc với nhau; hệ quả của sự tương tác này là sự ra đời của **Người Con, hay hình tư tưởng thái dương vĩ đại.**

109. Chân sư DK đang nói về tiến trình sáng tạo do Thái dương Thượng đế khởi xướng khi Ngài tạo ra hệ mặt trời của Ngài, vừa khách quan vừa vi tế.

110. Từ một góc nhìn, hệ mặt trời là Người Con Thiêng Liêng. Nó là hình tướng được tạo ra bởi phương diện linh hồn của Thái dương Thượng đế. Phương diện linh hồn này là “Con của Thượng đế” đích thực. Hệ mặt trời có thể được xem là “Người Con của Tất Yếu”.

111. It is obvious that this greater creative process is *cosmic* in scope and involves work upon the various cosmic planes—especially the cosmic mental plane and the cosmic physical plane. The cosmic astral plane is naturally involved in relation to the *desire* of the Solar Logos for a physical-etheric solar system.

111. Rõ ràng là tiến trình sáng tạo lớn lao hơn này có phạm vi *vũ trụ* và bao hàm công việc trên các cõi vũ trụ khác nhau—đặc biệt là cõi trí vũ trụ và cõi hồng trần vũ trụ. Cõi cảm dục vũ trụ dĩ nhiên cũng liên hệ đến *dục vọng* của Thái dương Thượng đế đối với một hệ mặt trời hồng trần-dĩ thái.

In the three worlds, man, the lesser Deity, within his limits,

Trong ba cõi giới, con người, vị Thượng đế nhỏ hơn, trong các giới hạn của mình,

112. The true human being is a *god* as St. Paul has informed us.

112. Con người chân chính là một *thượng đế* như Thánh Paul đã cho chúng ta biết.

proceeds along analogous lines. **The three who are illumined by the light of the One are the three persons of the lower Triad, the mental body, the astral body, and the physical body.**

tiến hành theo những đường lối tương tự. **Ba cái được soi sáng bởi ánh sáng của Đấng Duy Nhất là ba ngôi vị của Tam nguyên thấp, thể trí, thể cảm dục và thể xác.**

113. The “One” is the soul/Ego/project of the Solar Angel.

113. “Đấng Duy Nhất” là linh hồn/chân ngã/phóng chiếu của Thái dương Thiên Thần.

114. We have been told above that “the greater Light illumines the three”.

114. Chúng ta đã được nói ở trên rằng “Ánh Sáng lớn hơn soi sáng ba cái”.

They, with the Illuminator,

Chúng, cùng với Đấng Soi Sáng,

115. The Illuminator is the Ego/Solar Angel/soul

115. Đấng Soi Sáng là chân ngã/Thái dương Thiên Thần/linh hồn

make the "Four" referred to, and thus becomes apparent the microcosmic Tetraktys.

tạo thành “Bốn” được nói đến, và như vậy Tetraktys vi mô trở nên hiển nhiên.

116. The Tetraktys is the ten and yet the four.

116. Tetraktys là mười mà cũng là bốn.

117. The ‘macrocosmic Tetraktys’ consists of the cosmic Soul of the Solar Logos and the

117. “Tetraktys vĩ mô” gồm linh hồn vũ trụ của Thái dương Thượng đế và ba vận cụ của

three vehicles of the solar logoic personality upon the lower three cosmic planes.

118. We have been given one view of the "work of the four"—the soul and its three vehicles.

119. The other perspective involves the lower four which are the "floor of the triangle".

The two rules above form the esoteric basis of all meditation, and need to be carefully studied if results are to be achieved.

120. DK is suggesting that the *meditative* process is a *magical* process. Thus the foundational rules for magic are also the esoteric basis of all meditation.

121. We as human beings are learning to create as the Planetary Logos and Solar Logos create. One day we (in collective form) shall be as They are.

RULE III. *The Energy circulates. The point of light, the product of the labours of the Four, waxeth and groweth.*

122. The point of light is upon the lower mental plane and has been created by the work of the Four.

123. This point cannot remain only a point but must be developed into the requisite thoughtform.

124. In this case shall we say that "the Four" are the Ego and the energies of the three

phàm ngã logoi thái dương trên ba cõi vũ trụ thấp.

118. Chúng ta đã được ban cho một cách nhìn về "công việc của bốn"—linh hồn và ba vận cụ của nó.

119. Góc nhìn kia liên quan đến bốn thấp là "đáy của tam giác".

Hai quy luật trên tạo thành nền tảng huyền bí của mọi sự tham thiền, và cần được nghiên cứu cẩn thận nếu muốn đạt kết quả.

120. Chân sư DK đang gợi ý rằng tiến trình *tham thiền* là một tiến trình *huyền thuật*. Vì vậy, các quy luật nền tảng của huyền thuật cũng là cơ sở huyền bí của mọi sự tham thiền.

121. Chúng ta, với tư cách con người, đang học cách sáng tạo như Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế sáng tạo. Một ngày kia chúng ta (trong hình thức tập thể) sẽ như Các Ngài vậy.

QUY LUẬT III. *Năng Lượng tuần hoàn. Điểm ánh sáng, sản phẩm do công sức của bốn, trở nên mạnh mẽ và tăng trưởng.*

122. Điểm ánh sáng ở trên cõi hạ trí và đã được tạo ra bởi công việc của Bốn.

123. Điểm này không thể chỉ còn là một điểm mà phải được phát triển thành hình tư tưởng cần thiết.

124. Trong trường hợp này, chúng ta có nên nói rằng "Bốn" là chân ngã và các năng lượng

vehicles? The three persons of the lower triad?

The myriads gather round its glowing warmth until its light recedes. Its fire grows dim.

125. The "myriads' are the builders who (in response to the originating impulse and the note sounding) will build themselves into the thoughtform to be materialized.

Then shall the second sound go forth.

126. This is a "secondary note" emanating from that which is built on the mental plane.

The white magician, having, through meditation and conscious purpose, formed a focal point of energy upon the mental plane, **increases the vibration through strenuous concentration**;

127. We learn of the 'feeding power' of concentration. Concentration is an energy conduit. The strength of the point of light must be augmented, its vibration increased. Concentration is necessitated to accomplish this.

he begins then to visualise in detail the form he is seeking to build; he pictures it with all its component parts, and sees "before his mind's eye" **the consummated product of the egoic meditation as he has succeeded in bringing it through**.

128. From this description, we understand visualization to be a *mental* activity. It is an activity involving the manipulation of the form provided by the astral imagination.

của ba vận cụ không? Ba ngôi vị của tam nguyên thấp chăng?

Vô số sinh linh tập trung quanh hơi ấm rực rỡ của nó cho đến khi ánh sáng của nó mờ dần. Ngọn lửa của nó mờ đi.

125. "Muôn vàn" là các đấng kiến tạo, những vị sẽ tự xây mình vào hình tư tưởng sẽ được hiện hình, để đáp ứng với xung lực khởi nguyên và âm điệu đang vang lên.

Kế đó, âm thanh thứ hai sẽ phát ra.

126. Đây là một "âm điệu thứ cấp" phát ra từ cái được xây dựng trên cõi trí.

Nhà huyền thuật chánh đạo, sau khi đã, nhờ tham thiền và mục đích có ý thức, hình thành một điểm hội tụ năng lượng trên cõi trí, **gia tăng rung động bằng sự tập trung mãnh liệt**;

127. Chúng ta học được về "quyền năng nuôi dưỡng" của sự tập trung. Tập trung là một ống dẫn năng lượng. Sức mạnh của điểm ánh sáng phải được tăng cường, rung động của nó phải được nâng cao. Sự tập trung là điều cần thiết để hoàn thành việc này.

y bắt đầu rồi hình dung chi tiết hình tướng mà y đang tìm cách xây dựng; y hình dung nó với tất cả các bộ phận cấu thành, và thấy "trước con mắt trí tuệ của mình" **sản phẩm hoàn tất của sự tham thiền chân ngã khi y đã thành công trong việc đưa nó xuyên qua**.

128. Từ mô tả này, chúng ta hiểu sự hình dung là một hoạt động *trí tuệ*. Đó là một hoạt động liên quan đến việc thao tác hình tướng do sự tưởng tượng cảm dục cung cấp.

129. We see that visualization is not a vague process but requires detailed work in the formulation of the required image.

129. Chúng ta thấy rằng sự hình dung không phải là một tiến trình mơ hồ mà đòi hỏi công việc chi tiết trong việc hình thành linh ảnh cần thiết.

130. Without sufficient contact with the Ego, that which must be imagined in detail will not be known. The Ego provides the template for that which must first be 'seen' in clarity and built in detail and then brought through onto the lower planes.

130. Nếu không có sự tiếp xúc đầy đủ với chân ngã, điều phải được hình dung chi tiết sẽ không được biết đến. Chân ngã cung cấp nguyên mẫu cho điều trước hết phải được "thấy" một cách rõ ràng và được xây dựng chi tiết rồi sau đó được đưa xuống các cõi thấp.

This

Điều này

131. The magician's labors…

131. Những lao tác của nhà huyền thuật…

produces what is here called "the secondary note," the first being the note emanating from the Ego on its own plane,

tạo ra cái ở đây được gọi là "âm điệu thứ cấp", âm điệu thứ nhất là âm điệu phát ra từ chân ngã trên cõi riêng của nó,

132. The labors of man, the magician, produce the "secondary note".

132. Những lao tác của con người, nhà huyền thuật, tạo ra "âm điệu thứ cấp".

133. "The secondary note", through the labors of the magician, sounds forth, apparently, on the lower mental plane (after ascending there) because the magician in creating his thoughtform is working on the lower mental plane via the physical brain, just as the primary note sounds forth from the higher.

133. "Âm điệu thứ cấp", nhờ những lao tác của nhà huyền thuật, vang ra, dường như trên cõi hạ trí (sau khi đi lên đó), bởi vì nhà huyền thuật khi sáng tạo hình tư tưởng của mình đang làm việc trên cõi hạ trí qua bộ não hồng trần, cũng như âm điệu sơ cấp vang ra từ cõi cao hơn.

134. We have been studying the role of transmitting devas who convey the primary note to the builders of the form.

134. Chúng ta đã nghiên cứu vai trò của các thiên thần truyền dẫn, những vị chuyển tải âm điệu sơ cấp đến các đấng kiến tạo của hình tướng.

which awakened the "reflection" and called forth response.

âm điệu ấy đã đánh thức "sự phản chiếu" và gọi ra sự đáp ứng.

135. The “primary note” sounded by the Ego on its own plane awakened the “reflection”—the reflection, we remember, being the lower man—really the soul-in-incarnation.

135. “Âm điệu sơ cấp” do chân ngã xướng lên trên cõi riêng của nó đã đánh thức “sự phản chiếu”—mà chúng ta nhớ là phàm nhân—thực ra là linh hồn đang nhập thể.

The vibration becomes stronger, **and the note sounded by the man on the physical plane**

Rung động trở nên mạnh hơn, **và âm điệu do con người trên cõi hồng trần xướng lên**

136. The man on the physical plane is the creator and the *original* sounder of the “secondary note” which arises in response to the “primary note”. It is his labors upon the mental plane which lead to the sounding of the “secondary note”.

136. Con người trên cõi hồng trần là đấng sáng tạo và là người xướng *nguyên thủy* của “âm điệu thứ cấp” phát sinh để đáp ứng với “âm điệu sơ cấp”. Chính những lao tác của y trên cõi trí dẫn đến việc xướng lên “âm điệu thứ cấp”.

ascends and is heard upon the mental plane.

đi lên và được nghe thấy trên cõi trí.

137. The “secondary note” arises in response to the “primary note” of the Ego. It begins with an activity of the magician involving the physical brain and mental concentration. This note “ascends” to the mental plane and is there heard.

137. “Âm điệu thứ cấp” phát sinh để đáp ứng với “âm điệu sơ cấp” của chân ngã. Nó bắt đầu bằng một hoạt động của nhà huyền thuật liên quan đến bộ não hồng trần và sự tập trung trí tuệ. Âm điệu này “đi lên” cõi trí và được nghe thấy ở đó.

138. If this note ascends, one wonders whether it must not also ascend *through* the astral plane. If this is the case, the limpidity of the astral plane would be important in the initial phases of the creative process.

138. Nếu âm điệu này đi lên, người ta tự hỏi liệu nó cũng không phải đi lên *qua* cõi cảm dục hay sao. Nếu đúng như vậy, tính trong sáng của cõi cảm dục sẽ rất quan trọng trong các giai đoạn đầu của tiến trình sáng tạo.

139. If the “secondary note” is heard upon the mental plane, is it heard by the builders, who, it seems, are already gathering in response to the primary note of the Ego.

139. Nếu “âm điệu thứ cấp” được nghe thấy trên cõi trí, liệu nó có được nghe bởi các đấng kiến tạo, những vị dường như đã đang tụ họp để đáp ứng với âm điệu sơ cấp của chân ngã hay không.

140. Let us keep clearly in mind the sequence involved in the generation of “notes”:

140. Chúng ta hãy ghi nhớ rõ ràng trình tự liên quan đến việc phát sinh các “âm điệu”:

a. From the Ego on the higher mental plane…

a. Từ chân ngã trên cõi thượng trí…

b. To man the magician on the physical plane laboring through the physical brain and through the mind…

b. Đến con người, nhà huyền thuật trên cõi hồng trần, đang lao tác qua bộ não hồng trần và qua thể trí…

c. To the lower mental plane itself, where the ascending note gains in fulness and volume.

c. Đến chính cõi hạ trí, nơi âm điệu đi lên đạt được sự viên mãn và âm lượng lớn hơn.

Hence, in all meditation that is [Page 1001] of occult value, the man has to do certain things in order to aid in bringing about the results.

Do đó, trong mọi sự tham thiền có [Page 1001] giá trị huyền bí, con người phải làm một số điều nhất định để giúp đem lại các kết quả.

141. We note there can be meditation which is *not* of "occult value". Perhaps it is of *mystical* value or of no value at all.

141. Chúng ta lưu ý rằng có thể có sự tham thiền *không* có "giá trị huyền bí". Có lẽ nó có giá trị *thần bí* hoặc hoàn toàn không có giá trị nào cả.

He tranquilises his bodies in order that there be no impediment to the egoic intent, and listens for the "Voice of the Silence."

Y làm cho các thể của mình tĩnh lặng để không có chướng ngại nào đối với ý định chân ngã, và lắng nghe "Tiếng Nói của Im Lặng."

142. Without tranquility the "still small voice" cannot be heard.

142. Không có sự tĩnh lặng thì "tiếng nói nhỏ nhẹ tĩnh lặng" không thể được nghe thấy.

143. A fundamental principle in all meditative practice is that vibration within the lunar vehicles inhibits impression from the soul.

143. Một nguyên lý nền tảng trong mọi thực hành tham thiền là rung động bên trong các vận cụ thái âm ngăn cản sự cảm thụ từ linh hồn.

He responds then to that Voice consciously, **and broods over** the imparted plans.

Khi ấy y đáp ứng với Tiếng Nói đó một cách có ý thức, **và trầm tư về** các kế hoạch được truyền đạt.

144. The magician 'hears' the "Voice of the Soul" the "Voice of the Silence" because the 'noise' in his lower vehicles has abated sufficiently for this Voice to be heard.

144. Nhà huyền thuật "nghe" được "Tiếng Nói của Linh Hồn", "Tiếng Nói của Im Lặng" vì "tiếng ồn" trong các vận cụ thấp của y đã

lắng xuống đủ để Tiếng Nói này được nghe thấy.

145. He registers the soul's 'message' and then ponders or broods. We can see that time is required and that instantaneous action taken by the lower man is likely to militate against understanding and expressing the soul's plans with accuracy.

145. Y ghi nhận "thông điệp" của linh hồn rồi suy ngẫm hay trầm tư. Chúng ta có thể thấy rằng thời gian là cần thiết và hành động tức thời do phàm nhân thực hiện có khả năng cản trở việc thấu hiểu và biểu lộ các kế hoạch của linh hồn một cách chính xác.

He then sounds the Sacred Word, taking up the note of the Ego as he believes he hears it,

Sau đó y xướng Linh từ Thiêng Liêng, tiếp nhận âm điệu của chân ngã như y tin rằng mình nghe được,

146. The Sacred Word (taken to be the OM) is not the same as the note of the Ego (the "primary note"), though it reinforces the note of the Ego.

146. Linh từ Thiêng Liêng (được hiểu là OM) không giống với âm điệu của chân ngã ("âm điệu sơ cấp"), mặc dù nó củng cố âm điệu của chân ngã.

147. By sounding the Sacred Word the magician is reproducing within the lower worlds the Word as the soul sounds it.

147. Bằng cách xướng Linh từ Thiêng Liêng, nhà huyền thuật đang tái tạo trong các cõi thấp Linh từ như linh hồn xướng nó.

148. We see that the magician cannot be *sure* that he is hearing the "note of the Ego" with complete accuracy, but he must act as if he does.

148. Chúng ta thấy rằng nhà huyền thuật không thể *chắc chắn* mình đang nghe "âm điệu của chân ngã" với độ chính xác hoàn toàn, nhưng y phải hành động như thể mình nghe được.

149. The Ego has its own ray which expresses as a note, but it is probably not to this ray note that this text is referring.

149. Chân ngã có cung riêng của nó, được biểu lộ như một âm điệu, nhưng có lẽ bản văn này không nói đến âm điệu cung ấy.

and sending it [presumably, the OM or Sacred Word] forth to swell the egoic sound, and to set in motion matter on the mental plane.

và gửi nó [có lẽ là OM hay Linh từ Thiêng Liêng] ra ngoài để làm tăng âm thanh chân ngã, và làm cho vật chất trên cõi trí chuyển động.

150. The egoic sound or note is swelled by the OM which the magician sounds.

150. Âm thanh hay âm điệu chân ngã được làm tăng lên bởi OM mà nhà huyền thuật xướng ra.

151. In this way the magician consciously participates in the building process which must take place on the lower mental plane.

He (synchronously with this sounding) visualises the proposed thought form which is to embody egoic purposes, and pictures it in detail.

152. DK has added some important details concerning the construction of the thoughtform to be materialized.

153. Earlier we learned of the act of visualization to be accomplished by the magician. Now we learn that the sounding of the OM (which is swelling the egoic sound) must be sounded *synchronously* with the detailed visualization of the thoughtform to be built—this thoughtform arising from concentration upon the point of light created by the united labors of the Ego on the higher mental plane and of the magician upon the physical plane.

We must not forget that we are here dealing with those **conscious meditations, based on knowledge and long experience**, which produce magical results on the physical plane. We are not dealing here with those meditations which have for their purpose the revelation of the inner God, and the bringing in of the illuminating fire of the Ego.

154. DK discriminates between two types of meditation. Magical meditation is only undertaken successfully by experienced meditators.

151. Theo cách này, nhà huyền thuật tham gia một cách có ý thức vào tiến trình xây dựng phải diễn ra trên cõi hạ trí.

Y (đồng thời với sự xướng này) hình dung hình tư tưởng được đề xuất sẽ hiện thân cho các mục đích chân ngã, và hình dung nó một cách chi tiết.

152. Chân sư DK đã thêm một số chi tiết quan trọng liên quan đến việc kiến tạo hình tư tưởng sẽ được hiện hình.

153. Trước đây chúng ta đã học về hành động hình dung mà nhà huyền thuật phải thực hiện. Giờ đây chúng ta học được rằng việc xướng OM (đang làm tăng âm thanh chân ngã) phải được xướng *đồng bộ* với sự hình dung chi tiết về hình tư tưởng sẽ được xây dựng—hình tư tưởng này phát sinh từ sự tập trung vào điểm ánh sáng được tạo ra bởi những lao tác hợp nhất của chân ngã trên cõi thượng trí và của nhà huyền thuật trên cõi hồng trần.

Chúng ta không được quên rằng ở đây chúng ta đang đề cập đến những **sự tham thiền có ý thức, dựa trên tri thức và kinh nghiệm lâu dài**, những sự tham thiền tạo ra các kết quả huyền thuật trên cõi hồng trần. Ở đây chúng ta không đề cập đến những sự tham thiền có mục đích là sự mặc khải Thượng đế nội tại, và việc đưa lửa soi sáng của chân ngã vào.

154. Chân sư DK phân biệt giữa hai loại tham thiền. Tham thiền huyền thuật chỉ được thực hiện thành công bởi những người hành thiền giàu kinh nghiệm.

155. Cũng có những phép tham thiền mà mục đích là mặc khải "Thượng đế bên trong"

155. There are also meditations the purpose of which is to reveal the "inner God" or soul, thus invoking the light of the soul.

hay linh hồn, nhờ đó khẩn cầu ánh sáng của linh hồn.

156. Proficiency with the first type of meditation presupposes the ability to engage in the second. If one wants to meditate occultly and magically, he must have contacted the "inner god" mystically.

156. Sự thành thạo đối với loại tham thiền thứ nhất giả định khả năng thực hành loại thứ hai. Nếu người ta muốn tham thiền một cách huyền bí và bằng huyền thuật, y phải tiếp xúc được với "thượng đế bên trong" theo lối thần bí.

When this process is proceeding under rule and order,

Khi tiến trình này diễn ra dưới quy luật và trật tự,

157. The rhythmic seventh ray is necessary to this approach.

157. cung bảy có nhịp điệu là điều cần thiết cho cách tiếp cận này.

the focal point of energy on the lower mental plane gains in strength;

tiêu điểm năng lượng trên cõi hạ trí gia tăng sức mạnh;

158. The point of light on the lower mental plane is strengthened through the magician's concentration, through the magician's sounding of the Sacred Word which augments the egoic note (which contains the originating impulse of the thoughtform to be manifested).

158. Điểm ánh sáng trên cõi hạ trí được tăng cường nhờ sự tập trung của nhà huyền thuật, nhờ việc nhà huyền thuật xướng Linh từ Thiêng liêng, điều này làm tăng cường âm điệu chân ngã (vốn chứa xung lực khởi nguyên của hình tư tưởng sẽ được biểu hiện).

its light or fire makes itself felt;

ánh sáng hay lửa của nó trở nên cảm nhận được;

159. Concentration and the OM augments the light and fire of the point of light.

159. Sự tập trung và OM làm tăng cường ánh sáng và lửa của điểm ánh sáng.

it becomes, in the occult sense, visually objective,

nó trở nên, theo nghĩa huyền bí, khách quan đối với thị giác,

160. To those with clairvoyant vision upon the lower mental plane…

160. đối với những ai có linh thị thông nhãn trên cõi hạ trí…

and attracts the attention of the lesser builders through

161. Light and fire are 'noticed' by the lesser builders.

162. We must see to what extent these builders are intelligent, evolutionary builders and not simply elemental lives.

a. Its radiation or warmth,

b. Its active vibration,

c. Its sound or note,

d. Its light.

163. These are the details concerning the intensification of the original point of light created by the dual work of the Ego and the lower man upon the physical plane.

The **elemental workers** of responsive capacity are gathered and swept into the radius of the force, and begin to gather around.

164. According to the statement given, those who are gathered around the intensified point of light are *elemental* workers or builders and not, apparently, more conscious manipulating devas. Yet, we must not jump to conclusions. Members of the Army of the Voice must also necessarily respond to the augmented egoic note.

The intended form begins to be apparent,

và thu hút sự chú ý của các vị tiểu kiến tạo qua

161. Ánh sáng và lửa được các vị tiểu kiến tạo "nhận thấy".

162. Chúng ta phải xem những đấng kiến tạo này thông tuệ và thăng thượng tiến hoá đến mức nào, chứ không chỉ đơn thuần là các sự sống hành khí.

a. sự bức xạ hay hơi ấm của nó,

b. rung động hoạt động của nó,

c. âm thanh hay âm điệu của nó,

d. ánh sáng của nó.

163. Đây là những chi tiết liên quan đến sự tăng cường của điểm ánh sáng nguyên thủy được tạo ra bởi công việc kép của Chân ngã và phàm nhân trên cõi hồng trần.

Các **hành khí hoạt động** có năng lực đáp ứng được tập hợp lại và bị cuốn vào trong bán kính của mãnh lực, rồi bắt đầu tụ tập chung quanh.

164. Theo lời trình bày đã cho, những kẻ tụ tập quanh điểm ánh sáng được tăng cường là các người hoạt động hay đấng kiến tạo *hành khí* chứ dường như không phải là các thiên thần thao tác có tâm thức hơn. Tuy nhiên, chúng ta không được vội kết luận. Các thành viên của Đạo Quân của Âm Thanh cũng tất yếu phải đáp ứng với âm điệu chân ngã đã được tăng cường.

Hình tướng được dự định bắt đầu hiện ra rõ rệt,

165. We can imagine that the outlines of the form are at first dim.

165. Chúng ta có thể hình dung rằng lúc đầu các đường nét của hình tướng còn mờ nhạt.

and tiny life after tiny life takes its place in its construction.

và từng sự sống nhỏ bé một đảm nhận vị trí của mình trong sự kiến tạo nó.

166. The tiny *elemental* lives are built into the growing form in an orderly manner.

166. Các sự sống *hành khí* nhỏ bé được xây vào hình tướng đang tăng trưởng một cách có trật tự.

167. One wonders if manipulating and building devas are required if the tiny lives are to take their proper place in the structure.

167. Người ta tự hỏi liệu có cần các thiên thần thao tác và kiến tạo hay không nếu các sự sống nhỏ bé phải đảm nhận đúng vị trí của chúng trong cấu trúc.

168. Much concerning this building will depend upon the accuracy of the required detailed visualization.

168. Nhiều điều liên quan đến sự kiến tạo này sẽ tùy thuộc vào độ chính xác của sự hình dung chi tiết cần thiết.

The result of this "coherency"

Kết quả của "sự cố kết" này

169. By "coherency" is meant the gathering together of many elemental lives and their building into the visualized thoughtform.

169. "Sự cố kết" ở đây có nghĩa là việc tập hợp nhiều sự sống hành khí lại với nhau và xây chúng vào hình tư tưởng đã được hình dung.

is that the inner light becomes veiled, its brilliancy dimmed,

là ánh sáng bên trong trở nên bị che phủ, độ rực rỡ của nó bị làm mờ,

170. We are dealing with a somewhat second ray process operative also in relation to the Monad (as discussed below).

170. Chúng ta đang đề cập đến một tiến trình phần nào thuộc cung hai, cũng hoạt động trong liên hệ với chân thần (như sẽ bàn dưới đây).

"The Blessed One built him an ark. Stage by stage he built it, and floated upon the bosom of the waters. Deeply he hid himself, and his light was no more seen,—only his floating ark. (EP II 36)

"Đấng Chân Phúc đã xây cho y một con thuyền. Từng giai đoạn một Ngài xây nó, và nổi trên lòng nước. Ngài ẩn mình thật sâu, và ánh sáng của Ngài không còn được thấy nữa,—chỉ còn con thuyền nổi của Ngài. (EP II 36)

just as the inner light of the Ego in its shadow, or thought form, man, is similarly dimmed and hidden. [Page 1002]

cũng như ánh sáng bên trong của Chân ngã trong cái bóng của nó, hay hình tư tưởng là con người, cũng tương tự bị làm mờ và che giấu. [Page 1002]

171. Man in the lower worlds is to be considered a thoughtform and a *veiling* thoughtform at that.

171. Con người trong các cõi thấp phải được xem như một hình tư tưởng, và hơn nữa là một hình tư tưởng *che phủ*.

172. Within each of us is the luminous Ego hidden to a certain degree by the opacity of our lunar vehicles.

172. Bên trong mỗi chúng ta là Chân ngã rực sáng, bị che khuất ở một mức độ nào đó bởi tính đục mờ của các vận cụ thái âm của chúng ta.

S8S6 Part I.2

TCF 1002-1008

TCF 1002-1008

Section VI, Part I.2

Phần VI, Phần I.2

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

RULE IV. *Sound, light, vibration, and the form blend and merge, and thus the work is one.*

QUY LUẬT IV. *Âm thanh, ánh sáng, rung động, và hình tướng hòa trộn và dung hợp, và như thế công việc trở thành một.*

1. Only the factor of color is missing from the usual listing.

1. Chỉ còn thiếu yếu tố màu sắc trong bảng liệt kê thông thường.

It proceedeth under the law, and naught can hinder now the work from going forward.

Công việc tiến hành theo định luật, và không gì có thể ngăn cản công việc tiến tới.

2. A point of no return has been reached in the process. There is a certain 'devic momentum' arising from the steps already taken in the previous rules.

2. Một điểm không thể quay lui đã đạt đến trong tiến trình. Có một "động lượng thiên thần" nhất định phát sinh từ những bước đã được thực hiện trong các quy luật trước.

The man breathes deeply.

Con người hít thở sâu.

3. Here we have a psychic breath, not just a physical one.

3. Ở đây chúng ta có một hơi thở thông linh, không chỉ là hơi thở thể xác.

He concentrates his forces, and drives the thought-form from him.

Y tập trung các lực của mình và đẩy hình tư tưởng ra khỏi y.

4. All propulsion requires a previous concentration of forces.

4. Mọi sự phóng đẩy đều đòi hỏi một sự tập trung mãnh lực từ trước.

5. If the thoughtform is not properly driven from the magician, it cannot be effective in its mission and, further, may act in a manner inimical to the welfare of the magician.

5. Nếu hình tư tưởng không được đẩy ra khỏi nhà huyền thuật một cách đúng đắn, nó không thể hữu hiệu trong sứ mạng của nó và hơn nữa có thể hành động theo cách đối nghịch với phúc lợi của nhà huyền thuật.

Here we have a very important piece of work of magic dealt with, and one that is little considered and known.

Ở đây chúng ta có một công việc huyền thuật rất quan trọng được bàn đến, và là điều ít được xem xét và biết.

6. We see how much the Tibetan is revealing that is *new* to the common trend of thought about magic.

6. Chúng ta thấy Chân sư Tây Tạng đang tiết lộ biết bao điều *mới* đối với khuynh hướng tư tưởng thông thường về huyền thuật.

The force used by the Ego in the work of **forcing the man to carry out His purpose** has been ***dynamic* will**,

Mãnh lực được Chân ngã sử dụng trong công việc **buộc con người thực hiện Thiên Ý của Ngài** đã là ***ý chí* năng động**,

7. It is interesting that the Ego has been operating as the first ray factor in the entire process, and this, whatever the ray of the Ego concerned.

7. Điều thú vị là Chân ngã đã hoạt động như yếu tố cung một trong toàn bộ tiến trình, bất kể cung của Chân ngã là gì đi nữa.

8. The Ego has been a driving, propelling force in the entire magical process. This, perhaps, is little realized.

8. Chân ngã đã là một mãnh lực thúc đẩy, đẩy tới trong toàn bộ tiến trình huyền thuật. Có lẽ điều này ít được nhận ra.

9. The magician may think he is invoking the Ego, but, in fact, his invocation arises because he has been evoked by the initiative of the Ego.

9. Nhà huyền thuật có thể nghĩ rằng mình đang khẩn cầu Chân ngã, nhưng thật ra, sự khẩn cầu của y phát sinh vì y đã được gợi lên bởi sáng kiến của Chân ngã.

10. We note the relationship between the Solar Angel/Ego. Perhaps surprisingly to some, the Ego applies force.

10. Chúng ta lưu ý mối liên hệ giữa Thái dương Thiên Thần/Chân ngã. Có lẽ gây ngạc nhiên cho một số người, Chân ngã có vận dụng mãnh lực.

and the **petal**, or energy centre, employed has been one of the *will* petals.

và **cánh hoa**, hay trung tâm năng lượng, được sử dụng là một trong những cánh hoa *ý chí*.

11. Earlier we have been told that the Ego was in a position to use different tiers of petals according to his development.

11. Trước đây chúng ta đã được cho biết rằng Chân ngã ở vào vị thế có thể sử dụng những tầng cánh hoa khác nhau tùy theo sự phát triển của y.

12. The process pursued by the Ego now seems both more limited and more specific. Now, so it seems, the Ego works through only *one* petal and it is a *will* petal.

12. Tiến trình mà Chân ngã hiện đang theo đuổi dường như vừa hạn định hơn vừa chuyên biệt hơn. Giờ đây, có vẻ như Chân ngã chỉ hoạt động qua *một* cánh hoa và đó là một cánh hoa *ý chí*.

13. We may infer that first degree initiates can work through the seventh petal; second degree initiates through the eighth petal; and third degree initiates through the ninth petal. These are, respectively, the first, second and third sacrifice petals.

13. Chúng ta có thể suy ra rằng các điểm đạo đồ bậc một có thể hoạt động qua cánh hoa thứ bảy; các điểm đạo đồ bậc hai qua cánh hoa thứ tám; và các điểm đạo đồ bậc ba qua cánh hoa thứ chín. Đây lần lượt là cánh hoa hi sinh thứ nhất, thứ hai và thứ ba.

14. Note that a petal is really an "energy center". This is an important way to think of a petal, as petals are, as energy centers are, influential within the personality.

14. Lưu ý rằng một cánh hoa thật ra là một "trung tâm năng lượng". Đây là một cách quan trọng để suy nghĩ về cánh hoa, vì các cánh hoa, cũng như các trung tâm năng lượng, đều có ảnh hưởng trong phàm ngã.

The man has, up till now, been driven by egoic will,

Cho đến lúc này, con người đã được thúc đẩy bởi ý chí chân ngã,

15. If he is a true white magician, he is not driven by personal will.

15. Nếu y là một nhà huyền thuật chánh đạo chân chính, y không bị thúc đẩy bởi ý chí cá nhân.

16. We see that the Solar Angel/Ego really initiates the entire magical process.

16. Chúng ta thấy rằng Thái dương Thiên Thần/Chân ngã thật sự khởi xướng toàn bộ tiến trình huyền thuật.

but has blended with this much of the energy of the attraction aspect (desire or love) thereby gathering to himself on the mental plane, the material needed for his thought form.

nhưng đã hòa trộn với điều này một phần năng lượng của phương diện hấp dẫn (ham muốn hay tình thương), nhờ đó tập hợp về cho mình trên cõi trí, chất liệu cần thiết cho hình tư tưởng của mình.

17. We remember that there are two types of major lunar pitris—transmitters and what might be called 'magnetic gatherers'. They are responsible for the building of the lunar vehicles of man.

17. Chúng ta nhớ rằng có hai loại thái âm tổ phụ chính—những vị truyền dẫn và những vị có thể gọi là "những kẻ tập hợp từ tính". Các vị này chịu trách nhiệm xây dựng các vận cụ thái âm của con người.

18. It is the man and not the Ego per se, who seems responsible for blending the attractive energy to be used upon the mental plane to gather the material needed for the building of his intended thoughtform. The second category of lunar pitri *is* the attractive energy of the permanent atom. The attractive energy used by man-as-builder is different yet similar in its effect. In the first case the substance to build the mental vehicle is gathered. In the second case the substance to build a human thoughtform is gathered.

18. Dường như chính con người chứ không phải bản thân Chân ngã là kẻ chịu trách nhiệm hòa trộn năng lượng hấp dẫn sẽ được dùng trên cõi trí để tập hợp chất liệu cần thiết cho việc xây dựng hình tư tưởng dự định của mình. Loại thái âm tổ phụ thứ hai *là* năng lượng hấp dẫn của nguyên tử trường tồn. Năng lượng hấp dẫn được con người-với-tư-cách-đấng-kiến-tạo sử dụng thì khác nhưng tương tự trong hiệu quả của nó. Trong trường hợp thứ nhất, chất liệu để xây dựng thể trí được tập hợp. Trong trường hợp

thứ hai, chất liệu để xây dựng một hình tư tưởng của con người được tập hợp.

19. We have, we remember, a "primary note" and a "secondary note". The primary note is an egoic sound and is associated with the will. The "secondary note" is a note arising from the labors of the magician, and is characterized more by the energy of the second aspect of divinity.

19. Chúng ta nhớ rằng có một "âm điệu sơ cấp" và một "âm điệu thứ cấp". Âm điệu sơ cấp là một âm thanh chân ngã và gắn liền với ý chí. "Âm điệu thứ cấp" là một âm điệu phát sinh từ lao động của nhà huyền thuật, và được đặc trưng nhiều hơn bởi năng lượng của phương diện thứ hai của thiên tính.

20. We might imagine that it is the energy of desire which is at work. The man is *motivated* to build a certain thoughtform, and this energy (essentially of the second aspect) which assists him in gathering the necessary mental material.

20. Chúng ta có thể hình dung rằng chính năng lượng của ham muốn đang hoạt động. Con người được *thúc đẩy* để xây dựng một hình tư tưởng nào đó, và chính năng lượng này (về bản chất thuộc phương diện thứ hai) trợ giúp y trong việc tập hợp chất liệu trí tuệ cần thiết.

21. In the previous rules the interplay of soul, mind and brain has been emphasized. Now the second aspect is to be considered.

21. Trong các quy luật trước, sự tương tác của linh hồn, thể trí và bộ não đã được nhấn mạnh. Giờ đây phương diện thứ hai cần được xem xét.

He has succeeded so far that on the concrete levels of the mental plane **is to be seen a form in mental matter which is coherent, alive, vibrant, and of a desired nature.**

Cho đến nay y đã thành công đến mức trên các cấp độ cụ thể của cõi trí **có thể thấy một hình tướng trong vật chất trí tuệ, cố kết, sống động, rung động và có bản chất như mong muốn.**

22. We see that the factor of desire *has,* indeed, been involved in the building of the thoughtform.

22. Chúng ta thấy rằng yếu tố ham muốn *quả thật* đã tham dự vào việc xây dựng hình tư tưởng.

23. The man on the physical plane, though driven by the Ego, would not begin the magical process unless he *desired* to do so.

23. Con người trên cõi hồng trần, dù được Chân ngã thúc đẩy, cũng sẽ không bắt đầu tiến trình huyền thuật nếu y không *mong muốn* làm như vậy.

24. Let us think through each of these words —"coherent", "alive", "vibrant"—to gather some idea of the condition of the thoughtform under construction.

24. Hãy suy xét từng từ này—"cố kết", "sống động", "rung động"—để nắm được phần nào tình trạng của hình tư tưởng đang được xây dựng.

Its **internal activity is such that its persistence for the length of time necessary to ensure achievement of the egoic purpose is assured**;

Hoạt động **bên trong của nó đến mức sự bền vững của nó trong khoảng thời gian cần thiết để bảo đảm việc hoàn thành Thiên Ý của Chân ngã được bảo đảm**;

25. There are so many thoughtforms for which this is not the case. We see that we are already dealing with a thoughtform which is strong and persistent. It has enough vitality to materialize.

25. Có rất nhiều hình tư tưởng không được như vậy. Chúng ta thấy rằng mình đã đang đề cập đến một hình tư tưởng mạnh mẽ và bền bỉ. Nó có đủ sinh lực để hiện hình.

26. Fortunately for humanity and the planet this type of strength is lacking in most or the thoughtforms constructed.

26. May mắn cho nhân loại và hành tinh là loại sức mạnh này thiếu vắng trong phần lớn các hình tư tưởng được kiến tạo.

it stands ready to be sent forth upon its mission,

nó đứng sẵn để được phóng ra trong sứ mạng của nó,

27. By analogy, the Jiva is a kind of thoughtform sent forth on a mission. The one who impels it forth is the Monad.

27. Theo định luật tương đồng, Jiva là một loại hình tư tưởng được phóng ra trong một sứ mạng. Đấng thúc đẩy nó đi ra là chân thần.

28. The directing of potentized thoughtforms comes very much under the influence of the sign Sagittarius which contains both directing and propelling power.

28. Việc định hướng các hình tư tưởng đã được tăng cường quyền năng chịu ảnh hưởng rất nhiều của dấu hiệu hoàng đạo Nhân Mã, vốn chứa cả năng lực định hướng lẫn năng lực đẩy tới.

to gather to itself material of a denser nature upon the astral plane, and to achieve greater **consolidation**.

để tự tập hợp lấy chất liệu có bản chất đậm đặc hơn trên cõi cảm dục, và đạt tới sự **củng cố** lớn hơn.

The thoughtform is not ready to be sent on a mission into the dense physical plane. The next part of its mission is to be sent forth upon the astral plane.

Hình tư tưởng chưa sẵn sàng để được gửi vào một sứ mạng trên cõi hồng trần đậm đặc. Phần kế tiếp của sứ mạng nó là được phóng ra trên cõi cảm dục.

29. Upon the astral plane it is to achieve greater consolidation through the *magnetic forces* of that plane.

29. Trên cõi cảm dục nó phải đạt tới sự củng cố lớn hơn nhờ các mãnh lực *từ tính* của cõi ấy.

30. Note that astral matter is definitely of a denser nature than the matter of the mental plane.

30. Lưu ý rằng vật chất cảm dục rõ ràng có bản chất đậm đặc hơn vật chất của cõi trí.

This is brought about by **an act of will emanating from the man,** and he gives the living form power **"to break loose."**

Điều này được thực hiện bởi **một hành vi ý chí phát ra từ con người,** và y ban cho hình tướng sống động quyền năng **"bứt thoát ra."**

31. The Ego has driven the man to create the thoughtform. Now the created thoughtform is to be driven forth by an act of will, but it is not the egoic will. Rather, it is the will of the magician.

31. Chân ngã đã thúc đẩy con người tạo ra hình tư tưởng. Giờ đây hình tư tưởng đã được tạo ra phải được đẩy ra bằng một hành vi ý chí, nhưng đó không phải là ý chí chân ngã. Đúng hơn, đó là ý chí của nhà huyền thuật.

32. When we think of the act of conferring the power to break loose we think of two planets especially—Vulcan as the driving, propelling, impacting power, and Uranus, the ability to break *free* and achieve independent life.

32. Khi nghĩ đến hành vi ban cho quyền năng bứt thoát, chúng ta đặc biệt nghĩ đến hai hành tinh—Vulcan như quyền năng thúc đẩy, đẩy tới, tác động; và Sao Thiên Vương, như khả năng bứt *ra tự do* và đạt được sự sống độc lập.

33. Interestingly, Uranus is associated in astrology with the nature of the "conception chart" which literally rules the nature of the *concept* to be materialized. All aspects of the personality are concepts or conceptions of the creative Ego.

33. Điều thú vị là trong chiêm tinh học, Sao Thiên Vương gắn liền với bản chất của "lá số thụ thai", vốn theo nghĩa đen cai quản bản chất của *khái niệm* sẽ được hiện hình. Mọi phương diện của phàm ngã đều là những khái niệm hay những sự hình thành ý niệm của Chân ngã sáng tạo.

It is exactly at this point, fortunately for the human race, that the majority of magical investigators fail in their work.

Chính ngay tại điểm này, may thay cho nhân loại, mà đa số các nhà nghiên cứu huyền thuật thất bại trong công việc của họ.

34. DK states the obvious and we can well understand the reason.

34. Chân sư DK nêu ra điều hiển nhiên và chúng ta hoàn toàn có thể hiểu lý do.

They build a form in mental matter, but do not know how to send it forth, so that inevitably it will fulfill its mission.

Họ xây dựng một hình tướng trong vật chất trí tuệ, nhưng không biết cách phóng nó ra, để nó tất yếu hoàn thành sứ mạng của mình.

35. Thus, the thoughtform remains within the aura, possibly burdening its creator.

35. Do đó, hình tư tưởng vẫn ở trong hào quang, có thể trở thành gánh nặng cho người tạo ra nó.

Thus many thought forms die a natural death on the mental plane **owing to the inability of the man to exert the will faculty constructively**,

Vì vậy nhiều hình tư tưởng chết một cách tự nhiên trên cõi trí **do con người không có khả năng vận dụng năng lực ý chí một cách kiến tạo**,

36. The suggestion is that would-be magicians can assert the will aspect, but not constructively in relation to the thoughtforms they wish to send forth.

36. Điều được gợi ý là những người muốn trở thành nhà huyền thuật có thể khẳng định phương diện ý chí, nhưng không thể làm điều đó một cách kiến tạo trong liên hệ với các hình tư tưởng mà họ muốn phóng ra.

37. Perhaps they also lack sufficient *strength* of will.

37. Có lẽ họ cũng thiếu đủ *sức mạnh* của ý chí.

38. It would seem that there are certain aspects of knowledge which are missing.

38. Dường như có một số phương diện tri thức còn thiếu.

and his failure to understand the laws of thought-form construction.

và sự thất bại của y trong việc thấu hiểu các định luật của sự kiến tạo hình tư tưởng.

39. We may infer that the magician has not learned to build really well. Presumably his constructed thoughtforms are weak and relatively incoherent.

39. Chúng ta có thể suy ra rằng nhà huyền thuật chưa học được cách xây dựng thật tốt. Có lẽ các hình tư tưởng do y tạo ra đều yếu và tương đối thiếu cố kết.

Another factor is his **lack of knowledge [Page 1003] of the formula which releases the elemental builders from their surroundings,**

Một yếu tố khác là **sự thiếu hiểu biết [Page 1003] về công thức giải phóng các đấng kiến tạo hành khí khỏi môi trường chung quanh của chúng,**

40. We may presume that this is guarded knowledge.

40. Chúng ta có thể giả định rằng đây là tri thức được gìn giữ kín.

41. A formula of 'severance' exists but such knowledge is, if not completely esoteric, not readily available.

41. Có tồn tại một công thức "cắt lìa", nhưng tri thức ấy, nếu không hoàn toàn huyền bí, thì cũng không dễ tiếp cận.

and forces them to cohere within the periphery of the thought form for as long as the thinker desires.

và buộc chúng phải cố kết trong chu vi của hình tư tưởng chừng nào người tư tưởng còn mong muốn.

42. We are obviously speaking of a *binding* formula. In magical lore we hear much of binding and loosening. Obviously the will is involved in forcing certain lives to be bound or in giving them 'permission' to be free.

42. Rõ ràng chúng ta đang nói đến một công thức *trói buộc*. Trong truyền thống huyền thuật, chúng ta nghe nhiều về việc trói buộc và tháo mở. Rõ ràng ý chí có liên quan trong việc buộc một số sự sống phải bị ràng buộc hoặc ban cho chúng "sự cho phép" để được tự do.

43. It would seem that these bound lives (bound through the efficacy of a magical formula) can only be unbound through a loosening formula.

43. Dường như những sự sống bị trói buộc này (bị trói buộc nhờ hiệu lực của một công thức huyền thuật) chỉ có thể được tháo mở bằng một công thức nới lỏng.

44. When the magician no longer *desires* the thoughtform to cohere, he applies the loosening or liberating formula.

44. Khi nhà huyền thuật không còn *mong muốn* hình tư tưởng cố kết nữa, y áp dụng công thức nới lỏng hay giải phóng.

Finally, they die owing to the incapacity of the man, **which prevents him holding a meditation long enough, and formulating his ideas clearly enough to bring about ultimate materialisation**.

Sau cùng, chúng chết do sự bất lực của con người, **điều ngăn cản y duy trì một sự tham thiền đủ lâu, và hình thành các ý tưởng của mình đủ rõ ràng để đưa đến sự hiện hình**.

45. We see that all 'properly conceived' magical process depends upon meditation—its strength and quality. A weak meditator can never be a true magician.

45. Chúng ta thấy rằng mọi tiến trình huyền thuật được "quan niệm đúng đắn" đều tùy thuộc vào tham thiền—vào sức mạnh và phẩm tính của nó. Một người hành thiền yếu kém không bao giờ có thể là một nhà huyền thuật chân chính.

46. Strength and persistence in meditation are required and also clear formulation of thoughtforms through meditation.

46. Cần có sức mạnh và sự bền bỉ trong tham thiền, đồng thời cũng cần sự hình thành rõ ràng các hình tư tưởng qua tham thiền.

47. Let us tabulate the reasons why so few thoughtforms reach the stage of materialization.

47. Hãy liệt kê các lý do vì sao rất ít hình tư tưởng đạt đến giai đoạn hiện hình.

a. The inability of the magician to use the will constructively

a. Nhà huyền thuật không có khả năng sử dụng ý chí một cách kiến tạo

b. The inability of the would-be magician to understand the laws of thoughtform building

b. Người muốn trở thành nhà huyền thuật không có khả năng thấu hiểu các định luật của việc xây dựng hình tư tưởng

c. Lack of knowledge of the binding and releasing formulas

c. Thiếu hiểu biết về các công thức trói buộc và giải phóng

d. A meditative approach lacking strength, persistence and clarity.

d. Một cách tiếp cận tham thiền thiếu sức mạnh, sự bền bỉ và tính rõ ràng.

Men are, as yet, too impure and too selfish to be trusted with this knowledge.

Cho đến nay, con người vẫn còn quá bất tịnh và quá ích kỷ để có thể được tin cậy giao cho tri thức này.

48. This is Master DK's frank assessment. Does it differ from our own?

48. Đây là sự đánh giá thẳng thắn của Chân sư DK. Nó có khác với đánh giá của chính chúng ta không?

49. Do we estimate that we are pure and selfless enough to be trusted with this knowledge?

49. Chúng ta có tự đánh giá rằng mình đủ thanh khiết và vô ngã để được tin cậy giao cho tri thức này không?

Their thought forms would be constructed in order to be sent on selfish missions and for destructive ends,

Các hình tư tưởng của họ sẽ được xây dựng để được gửi đi trong những sứ mạng ích kỷ và nhằm những mục đích hủy diệt,

50. Almost immediately they would be applied to military ends.

50. Hầu như ngay lập tức chúng sẽ được áp dụng vào các mục đích quân sự.

51. As we read these words we can imagine the fray which arose in ancient Atlantis when powerful sorcerers could command the elemental forces.

51. Khi đọc những lời này, chúng ta có thể hình dung cuộc hỗn chiến đã phát sinh trong Atlantis cổ xưa khi các pháp sư quyền năng có thể điều khiển các mãnh lực hành khí.

and until they are more spiritual, and have gained control over their lower nature, **the magical words which galvanise into separated activity the form in mental substance will not be available for their use.**

và cho đến khi họ trở nên tinh thần hơn, và đã đạt được sự kiểm soát đối với bản chất thấp của mình, **những linh từ huyền thuật làm kích hoạt hình tướng trong chất liệu trí tuệ vào hoạt động biệt lập sẽ không được trao cho họ sử dụng.**

52. DK almost seems to suggest not only that the magical words will not be conveyed to the unworthy by those who know, but that these words cannot arise in the consciousness of the unworthy because of their lack of spirituality and their inability to control their lower nature.

52. Chân sư DK hầu như gợi ý không chỉ rằng các linh từ huyền thuật sẽ không được những người biết truyền cho kẻ không xứng đáng, mà còn rằng những linh từ này không thể khởi lên trong tâm thức của kẻ không xứng đáng vì họ thiếu tinh thần và không có khả năng kiểm soát bản chất thấp của mình.

53. We may think of the process of producing 'Mind-born Sons' and realize that there are similarities between it and the art of releasing thoughtforms and sending them on their mission. Every Mind-born Son is related to its generator by a thread of energy. The same of true of a thoughtform which has been 'released' into the world.

53. Chúng ta có thể nghĩ đến tiến trình tạo ra "Các Con sinh bởi Trí Tuệ" và nhận ra rằng có những điểm tương đồng giữa tiến trình ấy với nghệ thuật giải phóng các hình tư tưởng và gửi chúng đi trong sứ mạng của chúng. Mỗi Con sinh bởi Trí Tuệ đều liên hệ với đấng sinh ra nó bằng một sợi dây năng lượng. Điều tương tự cũng đúng với một hình tư tưởng chân chính đã được "giải phóng" vào thế giới.

It might be asked how it is that men do achieve their ends, through concentration and visualisation, and do manage to send forth thought forms which reach their objective.

Có thể đặt câu hỏi làm sao con người vẫn đạt được mục đích của mình, qua sự tập trung và sự hình dung, và vẫn xoay xở để phóng ra những hình tư tưởng đạt đến mục tiêu của chúng.

54. DK is speaking of the magical success of those who are ignorant of the binding and

54. Chân sư DK đang nói về sự thành công huyền thuật của những người không biết các công thức trói buộc và giải phóng, vì quả

releasing formulas, for there are, indeed, instances of such success.

thật có những trường hợp thành công như thế.

In two ways this can be brought about:

Điều này có thể được thực hiện theo hai cách:

First. By an unconscious recollection of methods and formulas known and used in Atlantean days, **when the magical formulas were public property,** and men produced results through the **pronouncement of certain sounds.**

Thứ nhất. Bằng một sự hồi tưởng vô thức về các phương pháp và công thức đã được biết và sử dụng trong thời Atlantis, **khi các công thức huyền thuật là tài sản công khai,** và con người tạo ra kết quả qua việc **phát âm một số âm thanh nhất định.**

55. Probably buried in the sub-conscious of many of us, these methods and formulas are still extant. Nothing is permanently forgotten and under the right circumstances can be retrieved.

55. Có lẽ được chôn sâu trong tiềm thức của nhiều người chúng ta, những phương pháp và công thức này vẫn còn tồn tại. Không có gì bị quên lãng vĩnh viễn và trong những hoàn cảnh thích hợp có thể được phục hồi.

56. It seems that pronouncements were sufficient because the sounds used and the order in which they were pronounced were sufficiently accurate to achieve the desired results.

56. Dường như việc phát âm là đủ, bởi vì các âm thanh được dùng và trật tự mà chúng được phát âm ra đủ chính xác để đạt được các kết quả mong muốn.

57. It is interesting that DK did not say, 'the pronouncement of certain *words*'. Maybe the formulas had little to do with 'words' as we now understand the nature of words. Maybe, certain sounds and sequences of sounds were sufficient.

57. Điều thú vị là Chân sư DK đã không nói, "việc phát âm một số *từ ngữ* nhất định". Có lẽ các công thức ít liên quan đến "từ ngữ" như hiện nay chúng ta hiểu bản chất của từ ngữ. Có lẽ chỉ cần một số âm thanh và chuỗi âm thanh nhất định là đủ.

They did not achieve their ends through mental ability, but principally through **a parrot-like capacity to repeat mantrams**.

Họ không đạt được mục đích của mình nhờ năng lực trí tuệ, mà chủ yếu nhờ **khả năng như con vẹt trong việc lặp lại các mantram**.

58. The Atlanteans, per se, were not distinguished by mentality as we in the Aryan race understand mentality.

58. Người Atlantis, chính họ, không nổi bật về trí tuệ như chúng ta trong nhân loại Arya hiểu về trí tuệ.

59. We remember how for millions of years, wisdom was passed from generation to

59. Chúng ta nhớ rằng trong hàng triệu năm, minh triết đã được truyền từ thế hệ này sang

generation through *oral* transmission. Apparently, those living in those ancient times had a great ability to remember and repeat.

thế hệ khác qua sự truyền đạt *khẩu truyền*. Hiển nhiên, những người sống trong các thời đại cổ xưa ấy có khả năng ghi nhớ và lặp lại rất lớn.

These are, at times,

Đôi khi, những điều này

60. But, perhaps, not at *all* times…

60. Nhưng, có lẽ, không phải vào *mọi* lúc…

hidden in the subconscious nature, **and are used unwittingly by the man who is *feeling* strongly enough.**

được ẩn giấu trong bản chất tiềmthức, **và được con người sử dụng một cách vô tình khi y *cảm thấy* đủ mạnh.**

61. Here is a powerful occult hint: intensity of feeling evokes hidden memories.

61. Đây là một gợi ý huyền bí học đầy uy lực: cường độ cảm xúc gợi lên những ký ức ẩn giấu.

62. The man may not *know* what he is doing but manages to recapture that which he once knew consciously.

62. Con người có thể không *biết* mình đang làm gì nhưng vẫn xoay xở để thu hồi lại điều mà trước đây y đã từng biết một cách hữu thức.

63. The idea that Scorpio (a sign often conveying intensity of feeling) is linked to the factor of memory should be contemplated.

63. Ý tưởng cho rằng Hổ Cáp (một dấu hiệu thường chuyển tải cường độ cảm xúc) có liên hệ với yếu tố ký ức nên được chiêm ngưỡng.

Second. Through the thoughts and ideas of the man fitting in with the plans and purposes of those who *do* know, either on the path of white or black magic. **Then they utilise the form with its inherent force and galvanise it into activity, and a temporary separate identity, thus sending it forth to accomplish its purpose.**

Thứ hai. Qua các tư tưởng và ý tưởng của con người phù hợp với các kế hoạch và mục đích của những kẻ *quả thực* biết, hoặc trên con đường của các nhà huyền thuật chánh đạo hay hắc thuật. **Khi đó họ sử dụng hình tướng với mãnh lực cố hữu của nó và kích hoạt nó vào hoạt động, cùng một bản sắc tách biệt tạm thời, nhờ đó phóng nó ra để hoàn thành mục đích của nó.**

64. In other words, the magician is sufficiently attuned with certain magical *knowers* to evoke their unsuspected aid.

64. Nói cách khác, nhà huyền thuật được chỉnh hợp đầy đủ với một số *thức giả* huyền thuật nào đó để gợi lên sự trợ giúp mà y không ngờ tới.

65. The magician has built the thoughtform and the thoughtform is seen by magical knowers (white or black) to be useful to *their* purposes. They, therefore, apply their knowledge to the created thoughtform and assist (through definite knowledge) with the sending of the thoughtform upon its mission and the maintenance of its coherence.

65. Nhà huyền thuật đã xây dựng hình tư tưởng và hình tư tưởng ấy được các thức giả huyền thuật (chánh đạo hay hắc đạo) thấy là hữu ích cho các mục đích của *họ*. Vì vậy, họ áp dụng tri thức của mình vào hình tư tưởng đã được tạo ra và trợ giúp (qua tri thức xác định) trong việc phóng hình tư tưởng vào sứ mệnh của nó và duy trì sự cố kết của nó.

66. From the white magical perspective, we can see the value to creating constructive thoughtforms in line with the Divine Plan. Higher Agencies know how to utilize such forms, animating them and sending them forth upon a mission in accordance with the nature of the thoughtforms.

66. Từ quan điểm huyền thuật chánh đạo, chúng ta có thể thấy giá trị của việc tạo ra những hình tư tưởng có tính xây dựng phù hợp với Thiên Cơ. Các Tác Nhân Cao Cả biết cách sử dụng những hình tướng như thế, tiếp sinh lực cho chúng và phóng chúng ra thực hiện một sứ mệnh phù hợp với bản chất của các hình tư tưởng.

67. Thus, even if we are far from fully accomplished in the magical arts, our engagement in meditative, creative thoughtform-building can be a service and can bring about magical results in the world through the aid and assistance of our superiors.

67. Do đó, ngay cả khi chúng ta còn xa mới hoàn toàn thành tựu trong các nghệ thuật huyền thuật, sự dấn thân của chúng ta vào việc xây dựng hình tư tưởng sáng tạo trong tham thiền vẫn có thể là một sự phụng sự và có thể đem lại những kết quả huyền thuật trong thế giới nhờ sự trợ giúp và hỗ trợ của các bậc cao hơn chúng ta.

This accounts for many of the apparently **phenomenal results** achieved by selfish or by incompetent (though good) thinkers. [Page 1004]

Điều này giải thích nhiều **kết quả phi thường** đạt được bởi những người suy tư ích kỷ hoặc bất tài (dù tốt lành). [Page 1004]

68. These good people (who are incompetent because they are not fully proficient in the magical arts) have provided the needed thought material by means of which significant results can be achieved.

68. Những người tốt này (bất tài vì họ chưa hoàn toàn tinh thông các nghệ thuật huyền thuật) đã cung cấp chất liệu tư tưởng cần thiết nhờ đó những kết quả quan trọng có thể đạt được.

69. Even if, by human standards, some of us may be "good thinkers", we are still, with respect to the performance of magic, "incompetent".

69. Ngay cả nếu, theo tiêu chuẩn nhân loại, một số chúng ta có thể là những "người suy tư giỏi", thì xét về việc thực hành huyền thuật, chúng ta vẫn là những kẻ "bất tài".

70. We may infer that the dark brothers aid the powerful selfish thinkers, often rendering their thoughtforms phenomenally effective. One cannot help but think of Hitler in this regard.

70. Chúng ta có thể suy ra rằng các huynh đệ bóng tối trợ giúp những người suy tư ích kỷ đầy quyền lực, thường khiến các hình tư tưởng của họ trở nên hữu hiệu một cách phi thường. Trong phương diện này, người ta không thể không nghĩ đến Hitler.

The magical words are only communicated under the seal of secrecy, to men working under the Brotherhood of Light, to initiates, and to pledged chelas, owing to the great danger involved.

Các linh từ huyền thuật chỉ được truyền đạt dưới ấn tín bí mật, cho những người nam đang hoạt động dưới Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, cho các điểm đạo đồ, và cho các đệ tử đã tuyên thệ, do mối nguy hiểm lớn lao liên hệ đến điều đó.

71. Notice that we are now speaking of "words" and not merely of "sounds". One wonders of utterances which move relatively higher forces must be "words" possessing meaning whereas utterances which move elemental forces can merely be concatenations of "sounds" without meaning. The future will make this clear.

71. Hãy lưu ý rằng giờ đây chúng ta đang nói đến "các linh từ" chứ không chỉ đơn thuần là "các âm thanh". Người ta tự hỏi liệu những phát ngôn làm chuyển động các mãnh lực tương đối cao hơn hẳn phải là những "linh từ" mang ý nghĩa, trong khi những phát ngôn làm chuyển động các mãnh lực hành khí có thể chỉ đơn thuần là những chuỗi "âm thanh" không có ý nghĩa. Tương lai sẽ làm sáng tỏ điều này.

72. Presumably the pledged chelas are at least treading the earlier phases of the Path of Initiation.

72. Có lẽ các đệ tử đã tuyên thệ ít nhất cũng đang bước đi trên những giai đoạn đầu của Con Đường Điểm Đạo.

73. We see that this type of communication is a most solemn affair. Recipients of such communication must have proved themselves and be deemed trustworthy.

73. Chúng ta thấy rằng loại truyền đạt này là một việc hết sức trang nghiêm. Những người tiếp nhận sự truyền đạt như thế hẳn phải tự chứng tỏ mình và được xem là đáng tin cậy.

74. Interestingly, until a disciple stands at least midway between the second and third initiations and has passed the "Temptations

74. Điều đáng chú ý là, cho đến khi một đệ tử đứng ít nhất ở khoảng giữa lần điểm đạo thứ hai và lần điểm đạo thứ ba và đã vượt qua

in the Desert" he is deemed untrustworthy and a hazard.

Occasionally, too, they are ascertained by men and women who have brought about a condition of alignment with the Ego, and are, therefore, in touch with **the inner centre of all knowledge within themselves**.

75. Short of their purposeful conferral by one of the Great Ones, this is, perhaps, the most reliable method of reception.

76. It becomes clear that all knowledge resides within us. This is not a fanciful assertion but is the basis of the omniscience which is possible to the Spirit.

When this is so, the knowledge is safe, for the Ego ever works on the side of law and righteousness,

77. The moral position of the Ego is established. There can be no evil or injustice in it. It may have deficiencies but no corruption.

and the words being emanated by the Ego are **"lost in His sound" (**as it is occultly termed)

78. This is a fascinating proposition. It reminds one of the phrase from Rule III for Disciples and Initiates—"When the demand the response are lost in one great Sound…"

and will not be remembered by the physical brain when not under the influence of the solar Angel.

các "Cám dỗ trong Sa mạc", y vẫn bị xem là không đáng tin cậy và là một mối nguy.

Đôi khi nữa, chúng cũng được khám phá bởi những người nam và nữ đã tạo ra một tình trạng chỉnh hợp với chân ngã, và vì thế, tiếp xúc với **trung tâm bên trong của mọi tri thức ở ngay trong chính họ**.

75. Ngoài việc được một trong Các Đấng Cao Cả truyền ban có chủ đích, đây có lẽ là phương pháp tiếp nhận đáng tin cậy nhất.

76. Điều trở nên rõ ràng là mọi tri thức đều cư ngụ bên trong chúng ta. Đây không phải là một khẳng định viển vông mà là nền tảng của toàn tri vốn có thể có đối với tinh thần.

Khi điều này là như thế, tri thức được an toàn, vì chân ngã luôn luôn hoạt động về phía quy luật và chính trực,

77. Vị thế đạo đức của chân ngã đã được xác lập. Trong nó không thể có điều ác hay bất công. Nó có thể có những thiếu sót nhưng không có sự bại hoại.

và các linh từ do chân ngã phát ra sẽ **"mất đi trong âm thanh của Ngài" (**như được gọi một cách huyền bí)

78. Đây là một mệnh đề đầy hấp dẫn. Nó gợi nhớ đến cụm từ trong Quy luật III dành cho Đệ tử và Điểm đạo đồ—"Khi sự đòi hỏi và sự đáp ứng mất đi trong một Âm Thanh Vĩ Đại…"

và sẽ không được bộ não hồng trần ghi nhớ khi không ở dưới ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần.

79. A safeguard is, thus, established. The influence of the Solar Angel (which, after all, *does* reach all the way to the physical brain) induces the necessary memory in the physical brain consciousness.

79. Do đó, một sự bảo vệ được thiết lập. Ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần (vốn rốt cuộc *quả thực* vươn tới tận bộ não hồng trần) tạo ra ký ức cần thiết trong tâm thức của bộ não hồng trần.

80. We can see the importance of true communion with the Ego/Solar Angel if true white magic is to be performed.

80. Chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của sự hiệp thông chân chính với chân ngã/Thái dương Thiên Thần nếu Chánh Thuật đích thực được thực hiện.

81. Again, by the way, the Ego and Solar Angel seem to be given equivalence though, as always, we must remember that there is more to the Solar Angel than the Ego.

81. Nhân tiện, một lần nữa, chân ngã và Thái dương Thiên Thần dường như được xem là tương đương, dù như mọi khi, chúng ta phải nhớ rằng Thái dương Thiên Thần còn nhiều hơn chân ngã.

82. We live in a veritable cacophony of words and other sounds. The truly essential words and sounds are thereby veiled. We must learn to neutralize the endless babble within us and around us if we are to arrive at true knowledge of the creative words and sounds.

82. Chúng ta sống trong một thứ hỗn âm thực sự của các linh từ và những âm thanh khác. Vì thế, những linh từ và âm thanh thật sự cốt yếu bị che khuất. Chúng ta phải học cách trung hòa sự huyên thuyên bất tận bên trong và quanh mình nếu muốn đạt đến tri thức chân thật về các linh từ và âm thanh sáng tạo.

83. Let us summarize a few of the ways in which the magician's thoughtforms may be rendered effective (even though he does not know the sounds and words) the magician of the present day may come into the possession of these sounds and words:

83. Hãy tóm lược một vài cách mà các hình tư tưởng của nhà huyền thuật có thể được làm cho hữu hiệu (dù y không biết các âm thanh và linh từ), và nhà huyền thuật thời nay có thể đi đến chỗ sở hữu các âm thanh và linh từ ấy:

a. Through intensity of feeling he remembers the sounds or words

a. Qua cường độ cảm xúc, y nhớ lại các âm thanh hoặc các linh từ

b. Through the aid of those who do know, his thoughts are released and send upon their mission

b. Qua sự trợ giúp của những người thực sự biết, các tư tưởng của y được giải phóng và được phóng đi thực hiện sứ mệnh của chúng

c. The necessary words are conveyed by one of the Great Ones, *or* one of the evil ones

c. Các linh từ cần thiết được truyền đạt bởi một trong Các Đấng Cao Cả, *hoặc* một trong những kẻ ác

d. The Ego conveys the words to the magician

d. Chân ngã truyền các linh từ cho nhà huyền thuật

The six rules for the mental plane are necessarily brief, owing to the fact that the plane of mind is as yet an unknown land to the majority,—unknown in so far as its conscious control is concerned.

Sáu quy luật dành cho cõi trí nhất thiết phải ngắn gọn, do sự kiện rằng cõi trí vẫn còn là một miền đất chưa biết đối với đa số,—chưa biết xét theo phương diện sự kiểm soát hữu thức đối với nó.

84. From the very first, following individualization, some presence of mind is acknowledged (however primitive).

84. Ngay từ đầu, sau biệt ngã hóa, một mức độ hiện diện của trí tuệ nào đó đã được thừa nhận (dù rất sơ khai).

85. Through the discipline of Raja Yoga the conscious control of the mind is established.

85. Qua kỷ luật của Raja Yoga, sự kiểm soát hữu thức đối với trí tuệ được thiết lập.

These two remaining rules concern, in the first case, the brother engaged in white magic, and in the second the thought form he is constructing.

Hai quy luật còn lại này, trong trường hợp thứ nhất, liên quan đến huynh đệ đang dấn thân vào Chánh Thuật, và trong trường hợp thứ hai, liên quan đến hình tư tưởng mà y đang kiến tạo.

86. The rules become increasingly practical and concern the welfare of the creator and the viability of his creation.

86. Các quy luật ngày càng trở nên thực tiễn hơn và liên quan đến phúc lợi của người sáng tạo cùng tính khả thi của sự sáng tạo của y.

RULE V. *Three things engage the solar Angel before the sheath created passes downward:*

QUY LUẬT V. *Ba điều thu hút Thái Dương Thiên Thần trước khi cái vỏ được tạo ra đi xuống;*

87. We are speaking not only of the Solar Angel as it expresses itself through a "fragment' of its presence on the higher mental plane, but of the human consciousness as it is identified *as the Ego* and thus *knows* itself to be immersed within the consciousness of the Solar Angel.

87. Chúng ta đang nói không chỉ về Thái dương Thiên Thần khi nó biểu lộ chính mình qua một "mảnh" hiện diện của nó trên cõi thượng trí, mà còn về tâm thức con người khi nó đồng hoá với *chân ngã* và nhờ đó *biết* chính mình đang được chìm đắm trong tâm thức của Thái dương Thiên Thần.

the condition of the waters,

88. Here is a reference to the condition of the astral plane through which the thoughtform, in process of creation, must descend.

the safety of the one who thus creates,

89. It is not commonly realize that the would-be magician can be damaged or destroyed in the process of attempting to create.

and steady contemplation.

90. Only the soul can contemplate. Perhaps, it is better to say that only the human consciousness *identified as a soul* or Ego, can contemplate.

Thus are the heart, the throat, and the eye, allied for triple service.

91. Here we have three major organs which are externalizations of three of the four higher or major energy centers.

92. Which of these organs will fulfill the function of the will?

The **focal point of energy** that the man, the magician, has now created upon the mental plane, has reached a vibratory activity which makes it certain that **response will be called forth from the matter required for the providing of the next, and denser sheath.**

93. DK seems to suggest that unless the "vibratory activity" of the created focal

tình trạng của các dòng nước,

88. Đây là một quy chiếu đến tình trạng của cõi cảm dục mà hình tư tưởng, trong tiến trình được tạo ra, phải đi xuống xuyên qua.

sự an toàn của người tạo ra hình tư tưởng như vậy,

89. Người ta thường không nhận ra rằng nhà huyền thuật tương lai có thể bị tổn hại hoặc bị hủy diệt trong tiến trình cố gắng sáng tạo.

và sự chiêm ngưỡng đều đặn.

90. Chỉ linh hồn mới có thể chiêm ngưỡng. Có lẽ, nói đúng hơn, chỉ tâm thức con người *được đồng hoá như một linh hồn* hay chân ngã mới có thể chiêm ngưỡng.

Như vậy, tim, cổ họng và mắt, được liên kết cho sự phụng sự tam phân.

91. Ở đây chúng ta có ba cơ quan chính là những ngoại hiện của ba trong bốn trung tâm năng lượng cao hơn hay chính yếu.

92. Cơ quan nào trong số này sẽ hoàn thành chức năng của ý chí?

Điểm hội tụ của năng lượng mà con người, nhà huyền thuật, nay đã tạo ra trên cõi trí, đã đạt đến một hoạt động rung động khiến cho chắc chắn rằng **sự đáp ứng sẽ được gợi lên từ vật chất cần thiết để cung cấp lớp vỏ kế tiếp và đậm đặc hơn**.

93. Chân sư DK dường như gợi ý rằng trừ phi "hoạt động rung động" của điểm hội tụ năng

point of energy is sufficient, response will *not* be called forth from astral matter—i.e., from that of which the "next and denser sheath" must be created.

lượng đã được tạo ra là đủ mạnh, sự đáp ứng sẽ *không* được gợi lên từ vật chất cảm dục—tức là từ thứ mà "lớp vỏ kế tiếp và đậm đặc hơn" phải được tạo thành.

This vibration will result in an aggregation of **a different type of divine life-substance** around the central nucleus.

Sự rung động này sẽ dẫn đến sự tập hợp của **một loại chất liệu sự sống thiêng liêng khác** quanh hạt nhân trung tâm.

94. We may pause to reflect that although the astral plane is said to be an illusion, the substance of which it is composed is as real as the substance of any of the other solar planes. This is a thought worth pondering.

94. Chúng ta có thể dừng lại để suy ngẫm rằng mặc dù cõi cảm dục được nói là một ảo tưởng, chất liệu cấu thành nó vẫn thực như chất liệu của bất kỳ cõi thái dương nào khác. Đây là một tư tưởng đáng để suy ngẫm.

The form, occultly, is **made to be sent forth**, to descend, to [Page 1005] fly as a bird forth upon its mission, and a critical moment is near for the magician.

Hình tướng, một cách huyền bí, được **làm cho được phóng ra**, đi xuống, [Page 1005]bay đi như một con chim trên sứ mệnh của nó, và một thời điểm trọng yếu đang đến gần đối với nhà huyền thuật.

95. Created thoughtforms are not be retained but sent forth for specific purposes.

95. Các hình tư tưởng được tạo ra không phải để giữ lại mà để được phóng ra vì những mục đích xác định.

96. A "bird", however well trained, has some degree of independence. To what extent does a created thoughtform sent forth have any degree of independence?

96. Tuy nhiên, một "con chim", dù được huấn luyện tốt đến đâu, cũng có một mức độ độc lập nào đó. Một hình tư tưởng được tạo ra và phóng đi có mức độ độc lập nào không, và đến mức nào?

One of the things the magician has to see to is that this form which he has constructed, **and which he holds linked to him by a fine thread of animated substance (a correspondence on a minute scale of the sutratmic thread whereby the Monad or the Ego holds in connection its "form of manifestation")**

Một trong những điều mà nhà huyền thuật phải lưu tâm là hình tướng này mà y đã kiến tạo, **và mà y giữ cho liên kết với mình bằng một sợi dây mảnh của chất liệu được tiếp sinh lực (một tương ứng ở quy mô cực nhỏ của sợi dây sutratma**

nhờ đó chân thần hay chân ngã giữ cho "hình tướng biểu hiện" của nó được nối kết)

97. Here we have a most important revelation: the created thoughtform is definitely linked to the creator.

97. Ở đây chúng ta có một mặc khải hết sức quan trọng: hình tư tưởng được tạo ra được nối kết rõ rệt với người sáng tạo.

98. We can presume that the linking "thread" is not only made of "animated substance" but is an energy flow responsible for animating the thoughtform.

98. Chúng ta có thể giả định rằng "sợi dây" liên kết ấy không chỉ được làm bằng "chất liệu được tiếp sinh lực" mà còn là một dòng năng lượng chịu trách nhiệm tiếp sinh lực cho hình tư tưởng.

99. Here we have an explanation for the 'karmic return' of that which we create. It is as if no creator can be entirely free of that which he creates, especially if he creates under the spell of ahamkara (the principle of limited "I-ness").

99. Ở đây chúng ta có một giải thích cho "sự trở lại theo nghiệp quả" của điều mà chúng ta tạo ra. Dường như không người sáng tạo nào có thể hoàn toàn tự do khỏi điều mình tạo ra, đặc biệt nếu y sáng tạo dưới bùa lực của ahamkara (nguyên khí của "tính tôi" giới hạn).

100. We note that the sutratma extends from *both* the Monad and the Ego. Both of these higher centers are centers of vitalization.

100. Chúng ta lưu ý rằng sutratma kéo dài từ *cả* chân thần lẫn chân ngã. Cả hai trung tâm cao hơn này đều là những trung tâm tiếp sinh lực.

101. The vitality of the Ego must necessarily depend upon the sutratma extending from the Monad.

101. Sinh lực của chân ngã nhất thiết phải tùy thuộc vào sutratma kéo dài từ chân thần.

shall neither die for lack of vital sustenance nor return to him with its mission unfulfilled.

sẽ không chết vì thiếu sự nuôi dưỡng sinh lực cũng không trở về với y khi sứ mệnh của nó chưa hoàn thành.

102. Here are described two conditions which must definitely be avoided by the successful magician.

102. Ở đây mô tả hai điều kiện mà nhà huyền thuật thành công nhất định phải tránh.

103. That which is created must be sustained or it will die. An infant in womb must be fed by the umbilical cord or it will die. An infant newly born must also be sustained by its mother through its childhood years.. Only much later can the child truly fend for itself in the acquisition its sustenance.

103. Điều gì được tạo ra thì phải được duy trì, nếu không nó sẽ chết. Một hài nhi trong bụng mẹ phải được nuôi bằng dây rốn, nếu không nó sẽ chết. Một hài nhi mới sinh cũng phải được mẹ nuôi dưỡng trong những năm thơ ấu.. Chỉ về sau rất lâu đứa trẻ mới thực sự có thể tự lo liệu việc kiếm lấy sự nuôi dưỡng cho mình.

104. Likewise, thoughtforms under construction are wholly dependent upon their creator for continued sustenance. Later, when finally released upon the physical plane, other methods of sustenance may suffice. Certain great thoughtforms have been kept 'alive' by the devotion of those who admire the thoughtform long after their creator has died.

104. Tương tự như vậy, các hình tư tưởng đang trong quá trình kiến tạo hoàn toàn lệ thuộc vào người sáng tạo của chúng để được nuôi dưỡng liên tục. Về sau, khi cuối cùng được giải phóng trên cõi hồng trần, những phương pháp nuôi dưỡng khác có thể là đủ. Một số hình tư tưởng lớn lao đã được giữ cho "sống" nhờ lòng sùng mộ của những người ngưỡng mộ hình tư tưởng ấy rất lâu sau khi người sáng tạo của chúng đã qua đời.

When this latter catastrophe is the case, the thought form becomes a menace to the magician, and he becomes the prey of that which he has created.

Khi thảm họa sau này xảy ra, hình tư tưởng trở thành một mối đe dọa đối với nhà huyền thuật, và y trở thành con mồi của chính điều mình đã tạo ra.

105. He cannot disengage from his creation.

105. Y không thể tách rời khỏi sự sáng tạo của mình.

106. We see a human analogy in the case of overly-dependent adult children who never "make it into the world" and who either never leave home or retreat to home creating a toxic atmosphere (generated by a realized sense of failure) both for themselves and their parents.

106. Chúng ta thấy một tương tự nơi con người trong trường hợp những đứa con trưởng thành lệ thuộc quá mức, không bao giờ "bước được vào đời", hoặc không bao giờ rời nhà, hoặc lại quay về nhà, tạo nên một bầu khí độc hại (được phát sinh bởi cảm giác thất bại đã được chứng nghiệm) cho cả chính họ lẫn cha mẹ họ.

107. There are unfulfilled human beings who never succeed "on their own" and there are unfulfilled thoughtforms.

107. Có những con người không được hoàn thành, không bao giờ thành công "bằng chính mình", và cũng có những hình tư tưởng không được hoàn thành.

108. We have, perhaps, met those who are "haunted by a sense of failure". There is much practical occultism concealed in this phrase and, especially, in the word "haunted".

108. Có lẽ chúng ta đã gặp những người "bị ám bởi một cảm giác thất bại". Có rất nhiều huyền bí học thực tiễn được che giấu trong cụm từ này và đặc biệt trong từ "bị ám".

The devas who form the body of the idea which has failed in its purpose form a drain upon his vital force.

Các thiên thần tạo thành thể của ý tưởng đã thất bại trong mục đích của nó tạo nên một sự rút cạn đối với quyền năng thiết yếu của y.

109. Here DK seems to be speaking of devic life rather than of elemental life.

109. Ở đây Chân sư DK dường như đang nói về sự sống thiên thần hơn là về sự sống hành khí.

110. Notice that we first speak of an "idea". The thoughtform is the "body of the idea".

110. Hãy lưu ý rằng trước tiên chúng ta nói đến một "ý tưởng". Hình tư tưởng là "thể của ý tưởng".

111. As all living things seek sustenance, and as a thoughtform is akin to a living thing, it is natural that thoughtforms which have not "broken free", or have not broken free successfully, having returned to their creator, will seek their sustenance within the aura of that creator.

111. Vì mọi sinh vật đều tìm kiếm sự nuôi dưỡng, và vì một hình tư tưởng tương tự như một sinh vật, nên thật tự nhiên khi những hình tư tưởng chưa "bứt ra tự do", hoặc chưa bứt ra thành công, sau khi trở về với người sáng tạo của chúng, sẽ tìm sự nuôi dưỡng trong hào quang của người sáng tạo ấy.

112. We often hear of those who are "consumed by their own thoughts", having little energy for productive expression.

112. Chúng ta thường nghe nói đến những người "bị chính tư tưởng của mình thiêu đốt", hầu như không còn năng lượng cho sự biểu lộ có tính sản xuất.

He, therefore, sees to it that the motive or desire lying back of the "idea," now clothed with its first sheath, retains its pristine purity;

Vì vậy, y bảo đảm rằng động cơ hay dục vọng nằm phía sau "ý tưởng", nay đã được khoác lớp vỏ đầu tiên của nó, vẫn giữ được sự tinh tuyền nguyên thủy của nó;

113. The implication here is that a thoughtform created as the result of impure motive or desire will return to its creator and work destructively within his aura.

113. Hàm ý ở đây là một hình tư tưởng được tạo ra do động cơ hay dục vọng bất tịnh sẽ trở về với người sáng tạo của nó và hoạt

động một cách phá hoại trong hào quang của y.

114. Selfish people are self-centered. That which they create centers around themselves and will return to the egoistic center which the selfish creator conceives or bears in mind as he creates. We find here the dynamic of "nemesis".

114. Những người ích kỷ là những người tập trung vào bản thân. Điều họ tạo ra xoay quanh chính họ và sẽ trở về trung tâm vị ngã mà người sáng tạo ích kỷ hình dung hay ghi nhớ trong trí khi y sáng tạo. Ở đây chúng ta thấy động lực của "nghiệp báo".

that no trace of selfish intent, **no perversion of the initial purpose of the solar Angel** has been permitted to bring in an unworthy vibration.

để không một dấu vết nào của ý định ích kỷ, **không một sự xuyên tạc nào đối với mục đích ban đầu của Thái dương Thiên Thần** được cho phép mang vào một rung động không xứng đáng.

115. The Solar Angel is, in a way, the true Creator and the magician is to be so merged within the consciousness of the Solar Angel that solar angelic intent is not *refracted*—bent, distorted, minimized.

115. Thái dương Thiên Thần, theo một nghĩa nào đó, là Đấng Sáng Tạo đích thực và nhà huyền thuật phải được hòa nhập đến mức như thế trong tâm thức của Thái dương Thiên Thần để ý định của thái dương thiên thần không bị *khúc xạ*—uốn cong, bóp méo, làm giảm thiểu.

116. We are studying the necessity for *purity* in the creative process. The true white magician realizes that *he,* per se, is not the creator in the white magical process. He is but the *medium* for a higher magical Agency which creates. Remember that the whole process begins with an initiative of the Solar Angel.

116. Chúng ta đang nghiên cứu sự cần thiết của *sự tinh tuyền* trong tiến trình sáng tạo. Nhà huyền thuật chánh đạo chân chính nhận ra rằng *y,* chính y, không phải là người sáng tạo trong tiến trình huyền thuật chánh đạo. Y chỉ là *trung gian* cho một Tác Nhân huyền thuật cao hơn đang sáng tạo. Hãy nhớ rằng toàn bộ tiến trình bắt đầu bằng một sáng kiến của Thái dương Thiên Thần.

This is what is meant by attending to the "condition of the waters."

Đó là điều được hàm ý khi nói đến việc lưu tâm đến "tình trạng của các nước".

117. That which we call motive arises on the astral plane.

117. Điều mà chúng ta gọi là động cơ phát sinh trên cõi cảm dục.

118. The condition of the "waters" will be correct (i.e., pure) when motive and desire are pure (i.e., faithful to solar angelic intend

118. Tình trạng của "các nước" sẽ đúng đắn (tức là tinh tuyền) khi động cơ và dục vọng là tinh tuyền (tức là trung thành với ý định

rather than distortive or deflective of that intent).

119. A healthy creation, a health thoughtform, cannot be bathed in turbid, tainted "waters". 'Infection' will result.

As we well know, **water stands for matter**,

120. This is a standard equivalence in occultism.

and the **substances** of the astral plane which are now under consideration are of prime importance in all form-building.

121. DK views astral matter as composed not just of one substance but of a number of substances. We realize that, when considering seven subplanes and seven sub-subplanes within each subplane, there must necessarily be a variety of substances

122. We are studying the form-building process and must remember that the forces of the astral plane are correlated with the second aspect of divinity—the form-building aspect.

According to the substance used and the nature of the Builders

123. Here DK (or the editor) capitalizes the word "Builders", but as may have been noticed in the foregoing pages, often He does not.

124. Substance and Builders may be considered distinct.

của thái dương thiên thần thay vì bóp méo hay làm chệch hướng ý định ấy).

119. Một sự sáng tạo lành mạnh, một hình tư tưởng lành mạnh, không thể được tắm trong những "dòng nước" đục ngầu, ô nhiễm. Sự "nhiễm độc" sẽ xảy ra.

Như chúng ta đều biết rõ, **nước tượng trưng cho vật chất**,

120. Đây là một tương đương tiêu chuẩn trong huyền bí học.

và các **chất liệu** của cõi cảm dục hiện đang được xét đến có tầm quan trọng hàng đầu trong mọi sự kiến tạo hình tướng.

121. Chân sư DK xem vật chất cảm dục không chỉ được cấu thành từ một chất liệu mà từ một số chất liệu. Chúng ta nhận ra rằng, khi xét đến bảy cõi phụ và bảy cõi phụ-phụ trong mỗi cõi phụ, nhất thiết phải có nhiều loại chất liệu

122. Chúng ta đang nghiên cứu tiến trình kiến tạo hình tướng và phải nhớ rằng các mãnh lực của cõi cảm dục có tương quan với phương diện thứ hai của thiên tính—phương diện kiến tạo hình tướng.

Tùy theo chất liệu được dùng và bản chất của các Đấng kiến tạo

123. Ở đây Chân sư DK (hoặc biên tập viên) viết hoa từ "Đấng kiến tạo", nhưng như có thể đã được nhận thấy trong các trang trước, thường thì Ngài không làm vậy.

124. Chất liệu và các Đấng kiến tạo có thể được xem là khác biệt.

who respond to the note of the form in mental matter,

những vị đáp ứng với âm điệu của hình tướng trong vật chất trí tuệ,

125. We remember the "secondary note"…

125.Chúng ta nhớ đến "âm điệu thứ yếu"…

126. This note began with the magician on the physical plane and ascended to the mental plane.

126.Âm điệu này bắt đầu với nhà huyền thuật trên cõi hồng trần và đi lên cõi trí.

will the purpose be accomplished.

thì mục đích mới được hoàn thành.

127. Different classes of Builders are correlated with different grades of substance. In fact, different classes of Builders *are*, in a way, different grades of energy-substance. Devas are energy and energy is substance.

127.Các loại Đấng kiến tạo khác nhau tương quan với các cấp độ chất liệu khác nhau. Thực ra, các loại Đấng kiến tạo khác nhau, theo một nghĩa nào đó, *là* những cấp độ khác nhau của chất liệu-năng lượng. Các thiên thần là năng lượng và năng lượng là chất liệu.

128. We have, nevertheless, to distinguish between the elemental substance of any particular subplane or sub-subplane and the deva Builders associated with those substances.

128.Tuy nhiên, chúng ta phải phân biệt giữa chất liệu hành khí của bất kỳ cõi phụ hay cõi phụ-phụ nào với các thiên thần kiến tạo gắn liền với những chất liệu ấy.

129. We can see that if the form is sending forth 'mixed signals', the grade of Builder suited to the fulfillment of the thoughtform's essential purpose (i.e., the egoic intent which sought manifestation) may *not* be attracted.

129.Chúng ta có thể thấy rằng nếu hình tướng đang phát ra những "tín hiệu pha tạp", thì cấp độ Đấng kiến tạo thích hợp cho việc hoàn thành mục đích cốt yếu của hình tư tưởng (tức là ý định chân ngã đã tìm cách biểu hiện) có thể *không* được thu hút.

This is the most important stage in many ways, for the astral body of any form conditions:

Đây là giai đoạn quan trọng nhất theo nhiều phương diện, vì thể cảm dục của bất kỳ hình tướng nào cũng tác động lên:

a. The nature of the physical vehicle.

a. Bản chất của vận cụ hồng trần.

130. The importance of water within the physical vehicle gives some hint regarding

130.Tầm quan trọng của nước trong vận cụ hồng trần cho thấy phần nào cách thức mà thể cảm dục tác động lên vận cụ hồng trần.

the manner in which the astral body conditions the physical vehicle.

b. The transmission of force from the next highest plane.

131. In this case, the “next highest plane” is the mental plane. We all realize the extent to which that which exists upon the mental plane can be distorted as it ‘moves down and through’ the astral plane.

Provided the man on the physical plane can hold the purpose steady, and refuse to permit its distortion by the influences and vibrations emanating from the lower man, then the "devas of kama" can carry on their work. [Page 1006]

132. The ‘lower man’, in this case, seems to implicate the physical-instinctual nature. Desires, as they are centered in the sacral center, must not become influential.

133. To “hold the purpose steady” is a mental act, for within the personality, the will functions through the mind.

134. It would seem that the “devas of kama

135. ” must remain undisturbed by lower influences.

136. Influences of the lower astral plane must also be negated in all true white magical work.

I would remind students at this juncture that **any thought form necessarily finds its way into greater streams**

b. Sự truyền dẫn mãnh lực từ cõi cao hơn kế tiếp.

131.Trong trường hợp này, “cõi cao hơn kế tiếp” là cõi trí. Tất cả chúng ta đều nhận ra mức độ mà điều tồn tại trên cõi trí có thể bị bóp méo khi nó “đi xuống và xuyên qua” cõi cảm dục.

Miễn là con người trên cõi hồng trần có thể giữ cho mục đích được vững bền, và từ chối cho phép nó bị bóp méo bởi các ảnh hưởng và rung động phát ra từ phàm nhân, thì các “thiên thần của kama” có thể tiếp tục công việc. [Page 1006]

132.Trong trường hợp này, “phàm nhân” dường như hàm ý bản chất bản năng-hồng trần. Những dục vọng, khi được tập trung trong trung tâm xương cùng, không được phép trở nên có ảnh hưởng.

133.“Giữ cho mục đích được vững bền” là một hành động trí tuệ, vì trong phàm ngã, ý chí hoạt động qua trí tuệ.

134.Dường như các “thiên thần của kama

135.” phải không bị quấy nhiễu bởi các ảnh hưởng thấp hơn.

136.Các ảnh hưởng của cõi cảm dục thấp hơn cũng phải bị phủ nhận trong mọi công việc huyền thuật chánh đạo chân chính.k.

Tại điểm này, tôi muốn nhắc các đạo sinh rằng **bất kỳ hình tư tưởng nào nhất thiết cũng tìm đường đi vào**

of force or energy, emanating from advanced thinkers of every grade, from the planetary Logos downward, and according to its nature and motive so the work of evolution is assisted or retarded.

những dòng mãnh lực hay năng lượng lớn hơn, phát ra từ các nhà tư tưởng tiến hóa ở mọi cấp độ, từ Hành Tinh Thượng Đế đi xuống, và tùy theo bản chất cùng động cơ của nó mà công việc tiến hoá được trợ giúp hay bị trì hoãn.

137. This section of text reminds us of our creative responsibility, for it is possible for us to promote or retard the evolutionary work of greater thinkers and even such Thinkers as the Planetary Logos.

137. Phần văn bản này nhắc nhở chúng ta về trách nhiệm sáng tạo của mình, vì chúng ta có thể thúc đẩy hoặc làm chậm lại công việc tiến hoá của các thức giả vĩ đại hơn, và ngay cả của những Đấng Tư Tưởng như Hành Tinh Thượng Đế.

138. Our thoughtforms necessarily swell the strength of various kinds of energy-streams (whether positive or negative). No generated thoughtform remains forever unaffiliated with other thoughtforms, nor does it remain uninfluenced by the quality of other thoughtforms with which it has qualitative resonance.

138. Các hình tư tưởng của chúng ta tất yếu làm tăng sức mạnh của nhiều loại dòng năng lượng khác nhau (dù tích cực hay tiêu cực). Không một hình tư tưởng nào được tạo ra lại mãi mãi không liên kết với các hình tư tưởng khác, cũng không đứng ngoài ảnh hưởng của phẩm tính nơi những hình tư tưởng khác mà nó có sự cộng hưởng về phẩm tính.

139. By thinking and speaking we cannot help but *create,* and the resultant thoughtforms will necessarily have a certain quality. It is our responsibility to ensure that our creations have the highest quality which we can manage.

139. Bằng tư tưởng và lời nói, chúng ta không thể không *sáng tạo,* và các hình tư tưởng được tạo thành tất yếu sẽ có một phẩm tính nhất định. Trách nhiệm của chúng ta là bảo đảm rằng các sáng tạo của mình có phẩm tính cao nhất mà chúng ta có thể đạt được.

It is in this connection that the Nirmanakayas work, **manipulating streams of thought energy, vitalising the forms created by men, and thus carrying on the work of construction or**

Chính trong mối liên hệ này mà các Nirmanakaya hoạt động, **điều khiển các dòng năng lượng tư tưởng, tiếp sinh lực cho các hình tướng do con người tạo ra, và như thế tiếp tục công việc kiến tạo**

destruction. They have to use that which exists; hence the necessity for clear thinking.

140. Here we have quite an extraordinary thought. Thoughtforms created by human beings fall under the province of the Nirmanakayas—the Divine Contemplatives.

141. Let us tabulate that which the Nirmanakayas *do*:

a. They manipulate streams of thought energy

b. They vitalize the thoughtforms created by man

c. In relation to the thoughtforms created by men, the Nirmanakayas carry on the work of construction and destruction.

142. DK is suggesting that it is our responsibility to present the Nirmanakayas with suitable 'thought material' with which to work. Probably, this is an angle of responsibility which is prone to escape us.

Having "purified" the waters, or safeguarded his desires,

143. The two processes are equivalent. To purify is to safeguard.

the thinker next proceeds (through **the use of certain words which are imparted to him by the solar Angel**)

hoặc hủy diệt. Các Ngài phải sử dụng những gì đang hiện có; do đó mới cần đến tư tưởng minh xác.

140. Ở đây chúng ta có một ý tưởng thật phi thường. Những hình tư tưởng do con người tạo ra thuộc phạm vi hoạt động của các Nirmanakaya—các Đấng Chiêm Ngưỡng Thiêng Liêng.

141. Chúng ta hãy liệt kê điều mà các Nirmanakaya *thực hiện*:

a. Các Ngài điều khiển các dòng năng lượng tư tưởng

b. Các Ngài tiếp sinh lực cho các hình tư tưởng do con người tạo ra

c. Liên quan đến các hình tư tưởng do con người tạo ra, các Nirmanakaya tiếp tục công việc kiến tạo và hủy diệt.

142. Chân sư DK đang gợi ý rằng trách nhiệm của chúng ta là cung cấp cho các Nirmanakaya "chất liệu tư tưởng" thích hợp để các Ngài làm việc. Có lẽ đây là một góc độ trách nhiệm rất dễ thoát khỏi sự chú ý của chúng ta.

Sau khi đã "thanh lọc" các dòng nước, hay gìn giữ các ham muốn của mình,

143. Hai tiến trình này là tương đương. Thanh lọc tức là gìn giữ.

thức giả kế đó tiến hành (thông qua **việc sử dụng một số lời được thái dương Thiên Thần truyền cho y**)

144. There are words to control the elementals and there are also words of protection—protective mantrams.

144. Có những lời để kiểm soát các hành khí, và cũng có những lời bảo vệ—những mantram bảo hộ.

145. Again, clear egoic contact is required if these words are to be consciously realized.

145. Một lần nữa, sự tiếp xúc chân ngã minh xác là điều cần thiết nếu những lời này được chứng nghiệm một cách hữu thức.

to protect himself from the **devas of elemental nature** with which he is purposing to work.

để tự bảo vệ mình khỏi các **thiên thần có bản chất hành khí** mà y dự định làm việc.

146. Is Master DK speaking of devas or of elementals, per se?

146. Chân sư DK đang nói về các thiên thần hay về chính các hành khí?

147. Usually there is a distinction between the two types of B/builders, devas being evolutionary and elementals, involutionary.

147. Thông thường có một sự phân biệt giữa hai loại đấng kiến tạo này, thiên thần thì thuộc thăng thượng tiến hoá, còn hành khí thì thuộc giáng hạ tiến hoá.

148. Some of the lower types of devas (perhaps manipulatory devas of the lower classes) might be reasonably called, "devas of elemental nature".

148. Một số loại thiên thần thấp hơn (có lẽ là các thiên thần thao tác thuộc những cấp thấp) có thể được gọi một cách hợp lý là "các thiên thần có bản chất hành khí".

149. Since DK's use of terminology seems not to be entirely consistent in all instances, caution is needed. Sometimes He clearly distinguishes devas from elementals, but not always.

149. Vì cách dùng thuật ngữ của Chân sư DK dường như không hoàn toàn nhất quán trong mọi trường hợp, nên cần thận trọng. Đôi khi Ngài phân biệt rõ thiên thần với hành khí, nhưng không phải lúc nào cũng vậy.

On the mental plane, the nature and vibration of the solar Angel proved sufficient protection,

Trên cõi trí, bản chất và rung động của thái dương Thiên Thần tỏ ra là sự bảo vệ đầy đủ,

150. The influence of the Solar Angels is powerful upon the mental plane. It would seem that devas of the lower mental plane are more easily influenced by the Solar Angels than are devas of the still lower

150. Ảnh hưởng của các Thái dương Thiên Thần rất mạnh trên cõi trí. Có vẻ như các thiên thần của cõi hạ trí dễ chịu ảnh hưởng của các Thái dương Thiên Thần hơn là các thiên thần của những cõi hệ thống còn thấp

systemic planes. The lower mental plane is simply 'closer' to the domain of the soul/ Ego/Solar Angel.

hơn nữa. Cõi hạ trí đơn giản là "gần" hơn với lãnh vực của linh hồn/chân ngã/thái dương Thiên Thần.

but he is now proposing to work with the most dangerous elementals and existences in the three worlds.[2]

nhưng giờ đây y đang đề nghị làm việc với những hành khí và thực thể nguy hiểm nhất trong ba cõi giới.2

151. This is a bold statement. DK is telling us that the astral elementals are the most dangerous "elementals and existences in the three worlds".

151. Đây là một phát biểu táo bạo. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng các hành khí cảm dục là những "hành khí và thực thể nguy hiểm nhất trong ba cõi giới".

152. We should, perhaps, pause and realize the effect of emotion in the expression of the human family.

152. Có lẽ chúng ta nên dừng lại và nhận ra ảnh hưởng của cảm xúc trong sự biểu lộ của gia đình nhân loại.

Footnote 2:

Chú thích 2:

H. P. B. has said that the elementals of the air are the most wicked and dangerous. He

H. P. B. đã nói rằng các hành khí của khí là độc ác và nguy hiểm nhất. Ông

153. We note the use of the word "He" when describing H.P.B. We can consider H.P.B. a masculine soul on the first ray. There may be other reasons for using the masculine personal pronoun as well. How many Great Ones used the vehicle of H.P.B. (who was a medium) to bring about the necessary presentation of aspects of the Teaching?

153. Chúng ta lưu ý việc dùng từ "Ông" khi mô tả H.P.B. Chúng ta có thể xem H.P.B. là một linh hồn nam tính thuộc cung một. Cũng có thể còn những lý do khác để dùng đại từ nhân xưng giống đực. Có bao nhiêu Đấng Cao Cả đã sử dụng vận cụ của H.P.B. (vốn là một đồng tử) để đem lại sự trình bày cần thiết về các phương diện của Giáo Huấn?

refers there to the physical plane, and to dangers menacing the physical body.

đề cập ở đó đến cõi hồng trần, và đến những hiểm nguy đe dọa thể xác.

154. We must remember that this was written at a time when air travel was nothing like what it is today. Is the Tibetan referring to the arising of great and

154. Chúng ta phải nhớ rằng điều này được viết vào thời mà việc di chuyển bằng đường không hoàn toàn không giống như ngày nay. Chân sư Tây Tạng có đang nói đến sự nổi lên

destructive winds which whip both fire and water into irresistible forces?

của những cơn gió lớn và tàn phá, quất cả lửa lẫn nước thành những mãnh lực không thể cưỡng lại chăng?

They are the most dangerous where the physical plane is concerned, **but in the case we are considering, we are dealing with man, the unity in the three worlds.**

Chúng là nguy hiểm nhất khi liên quan đến cõi hồng trần, **nhưng trong trường hợp chúng ta đang xét, chúng ta đang bàn đến con người, đơn vị trong ba cõi giới.**

155. Man, *as a unity,* is menaced more by the astral devas than by any other. It must be that these devas threaten his psychological balance and his fate in all three vehicles.

155. Con người, *như một đơn vị,* bị các thiên thần cảm dục đe dọa nhiều hơn bất cứ loại nào khác. Hẳn là các thiên thần này đe dọa sự quân bình tâm lý của y và số phận của y trong cả ba hiện thể.

These protective formulas are sounded forth by the thinker, **in conjunction with** the solar Angel,

Những công thức bảo hộ này được thức giả xướng lên, **kết hợp với** thái dương Thiên Thần,

156. Let us be clear in differentiating the "thinker" from the Solar Angel, Who is also, at times, called the "Thinker". Certainly the Ego is called the "Thinker".

156. Chúng ta hãy phân biệt rõ "thức giả" với Thái dương Thiên Thần, Đấng đôi khi cũng được gọi là "Thức Giả". Chắc chắn chân ngã được gọi là "Thức Giả".

157. The "thinker" can be thought of as the soul-in-incarnation acting as the magician and focussed on the lower mental plane but highly influenced and infused by the Solar Angel.

157. "Thức giả" có thể được hiểu là linh hồn đang nhập thể hành động như nhà huyền thuật và tập trung trên cõi hạ trí nhưng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ và được Thái dương Thiên Thần thấm nhuần.

158. We are gathering the thought that, unless the protective formulas are imparted to us by one of the Initiates or Masters, fusion with the consciousness of the Solar Angel is required to receive (and retain) them.

158. Chúng ta đang thu nhận ý tưởng rằng, trừ phi các công thức bảo hộ được một trong các điểm đạo đồ hay các Chân sư truyền cho chúng ta, thì cần có sự dung hợp với tâm thức của Thái dương Thiên Thần để tiếp nhận (và giữ lại) chúng.

at the moment the thought form is ready to receive its astral sheath.

vào lúc hình tư tưởng sẵn sàng tiếp nhận thể vỏ cảm dục của nó.

159. It would seem that it is precisely at this moment that the protective formulas are needed. We can see why the adage "fools

159. Có vẻ như chính vào lúc này mà các công thức bảo hộ là cần thiết. Chúng ta có thể hiểu vì sao câu ngạn ngữ "kẻ ngu lao vào

rush in where angels fear to tread" is peculiarly related to the work of magical creation.

nơi thiên thần còn ngại bước" lại đặc biệt liên hệ với công việc sáng tạo huyền thuật.

The mantram deals with the forces **which impel activity** in the Agnisuryans,

Mantram này xử lý các mãnh lực **thúc đẩy hoạt động** trong các Agnisuryan,

160. We are definitely dealing (whether the elementals are involved or not) with the *devas* of the astral plane known as the Agnisuryans.

160. Chúng ta rõ ràng đang bàn đến (dù có liên quan đến các hành khí hay không) các *thiên thần* của cõi cảm dục được gọi là các Agnisuryan.

161. One definition of the Agnisuryans revealing their *deva* rather than elemental nature is as follows: They are…

161. Một định nghĩa về các Agnisuryan cho thấy bản chất *thiên thần* hơn là hành khí của họ như sau: Họ là…

the animating lives of that involutionary matter of the astral plane which we call the elemental essence, and as the **vitality** energising the desire elementals of all that is sentient.(TCF 658)

các sự sống hoạt hóa của loại vật chất giáng hạ tiến hoá nơi cõi cảm dục mà chúng ta gọi là tinh chất hành khí, và là **sinh lực** tiếp năng lượng cho các hành khí ham muốn của mọi loài hữu cảm.(TCF 658)

162. One can imagine that if such forces are excessive, the magician will find himself in serious difficulty if not danger.

162. Người ta có thể hình dung rằng nếu những mãnh lực như thế quá mức, nhà huyền thuật sẽ lâm vào khó khăn nghiêm trọng, nếu không muốn nói là nguy hiểm.

and starts a stream of protective energy

from one of the heart petals of the Egoic lotus.

và khởi động một dòng năng lượng bảo hộ

từ một trong các cánh hoa tim của Hoa Sen Chân Ngã.

163. Is the Tibetan suggesting that only *one* of these heart petals is involved *always,* or that one or the other of them can be involved depending on the degree of development of the magician?

163. Chân sư Tây Tạng có đang gợi ý rằng chỉ *một* trong các cánh hoa tim này luôn luôn tham dự, hay là cánh này hoặc cánh kia có thể tham dự tùy theo mức độ phát triển của nhà huyền thuật?

164. The fifth petal is, for many ones, the one most closely associated with the Solar Angel.

164. Đối với nhiều người, cánh hoa thứ năm là cánh hoa gắn bó mật thiết nhất với Thái dương Thiên Thần.

165. We see, again, that the petals are not passive repositories of quality but can be drawn upon to influence process in the lower three worlds. They are as much dynamic energy centers as are the chakras per se.

165. Một lần nữa, chúng ta thấy rằng các cánh hoa không phải là những kho chứa phẩm tính thụ động mà có thể được rút dùng để ảnh hưởng đến tiến trình trong ba cõi thấp. Chúng năng động như những trung tâm năng lượng chẳng kém gì chính các luân xa.

This circulates through the throat centre of the man,

Dòng này lưu chuyển qua trung tâm cổ họng của con người,

166. The second and third aspects of divinity are both involved, the heart love petals representing the second aspect and the throat center the third.

166. Cả phương diện thứ hai và thứ ba của thiên tính đều tham dự, các cánh hoa bác ái của tim tượng trưng cho phương diện thứ hai và trung tâm cổ họng tượng trưng cho phương diện thứ ba.

167. Because we are dealing with protective words and sounds, the throat center is naturally involved.

167. Vì chúng ta đang bàn đến những lời và âm thanh bảo hộ, nên trung tâm cổ họng đương nhiên có liên quan.

and sets up **a circulatory stream of energy around him**

và thiết lập **một dòng năng lượng tuần hoàn quanh y**

168. Is the rotary motion characteristic of the third aspect of divinity involved?

168. Phải chăng chuyển động quay, đặc trưng của phương diện thứ ba của thiên tính, có liên quan ở đây?

which automatically repulses the devas who might (through their blind unintelligent work) menace his peace.

tự động đẩy lùi các thiên thần có thể (qua công việc mù quáng vô trí của họ) đe dọa sự bình an của y.

169. If repulsion is involved in the process, so is the first ray.

169. Nếu sự đẩy lùi có liên quan trong tiến trình này, thì cung một cũng có liên quan.

170. The word “peace” should not be overlooked. A condition of equilibrium must be created within the astral body. This fact

170. Không nên bỏ qua từ “bình an”. Một trạng thái quân bình phải được tạo ra trong thể cảm dục. Sự kiện này có thể gợi đến khả

might point to the possibility that the *central* petal of the nine petals (the second love petal) is the petal from which the protective stream of energy is sent.

171. We remember that the devas of the lower three worlds are not self-conscious and are, therefore, "blind".

172. When, however, DK speaks of "blind unintelligent work" He seems to be speaking more in terms of elementals.

These two matters attended to

173. May we say, the purification of the waters and the utilization of protective formulas?

—**desire adjusted** and the **identity guarded**

174. The purification of desire and motive is the "adjustment" of desire and motive.

175. The thought that protective formulas *guard identity* is most interesting. It is within the power of certain members of the deva kingdom to sweep a man away so that he forgets who he is. He is overcome by driving forces which compel him to forget his own center—his center of identity.

176. It may be supposed that the impulse of the deva kingdom is to lead away from *center,* whereas man is always seeking to centralize.

177. We can also infer that the activity of certain devas can become so intense that a man becomes completely *distracted* and,

năng rằng cánh hoa *trung tâm* trong chín cánh hoa (cánh hoa bác ái thứ hai) là cánh hoa từ đó dòng năng lượng bảo hộ được phát ra.

171. Chúng ta nhớ rằng các thiên thần của ba cõi thấp không có ngã thức và vì thế là "mù quáng".

172. Tuy nhiên, khi Chân sư DK nói đến "công việc mù quáng vô trí", Ngài dường như đang nói nhiều hơn theo nghĩa các hành khí.

Hai vấn đề này đã được xử lý xong

173. Chúng ta có thể nói là sự thanh lọc các dòng nước và việc sử dụng các công thức bảo hộ chăng?

—**ham muốn được điều chỉnh** và **bản sắc được bảo vệ**

174. Sự thanh lọc ham muốn và động cơ chính là sự "điều chỉnh" ham muốn và động cơ.

175. Ý tưởng rằng các công thức bảo hộ *bảo vệ bản sắc* thật rất đáng chú ý. Một số thành viên của giới thiên thần có khả năng cuốn phăng một người đi đến mức y quên mất mình là ai. Y bị áp đảo bởi những mãnh lực thúc bách khiến y quên mất trung tâm của chính mình—trung tâm bản sắc của y.

176. Có thể giả định rằng xung lực của giới thiên thần là dẫn ra xa khỏi *trung tâm,* trong khi con người luôn tìm cách tập trung hóa.

177. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng hoạt động của một số thiên thần có thể trở nên mãnh liệt đến mức một người trở nên hoàn

similarly, forgets who he is. He becomes entirely preoccupied with disruptive forces.

toàn *phân tâm* và tương tự như vậy, quên mất mình là ai. Y trở nên hoàn toàn bận tâm với những mãnh lực gây xáo trộn.

—both the solar Angel and the worker in magic maintain an attitude of contemplation, [Page 1007] **or that profound condition which succeeds that called meditation.**

—cả thái dương Thiên Thần lẫn người hoạt động trong huyền thuật đều duy trì một thái độ chiêm ngưỡng, [Page 1007] **hay trạng thái thâm sâu nối tiếp điều được gọi là tham thiền.**

178. Two precautionary measure have been taken. These are succeeded by a *dual* contemplation—the contemplation of the Solar Angel and the contemplation of the man merging within the contemplation of the Solar Angel.

178. Hai biện pháp phòng ngừa đã được thực hiện. Tiếp theo đó là một sự chiêm ngưỡng *kép*—sự chiêm ngưỡng của thái dương Thiên Thần và sự chiêm ngưỡng của con người hòa nhập vào trong sự chiêm ngưỡng của thái dương Thiên Thần.

179. We are alerted to the thought that contemplation *succeeds* what we normally call "meditation".

179. Chúng ta được cảnh báo về ý tưởng rằng chiêm ngưỡng *nối tiếp* điều mà chúng ta thường gọi là "tham thiền".

180. Again we remember that only the soul contemplates, so the man who has found his way into contemplation is focusing within the higher mind where the soul 'resides'.

180. Một lần nữa, chúng ta nhớ rằng chỉ linh hồn mới chiêm ngưỡng, vì thế con người đã tìm được đường vào trạng thái chiêm ngưỡng là đang tập trung trong thượng trí, nơi linh hồn "cư ngụ".

181. Libra, the sign associated with the necessary equilibrium we have been discussing, is also the sign associated with contemplation. Some degree of "peace" is required if contemplation is to ensue.

181. Thiên Bình, dấu hiệu gắn liền với sự quân bình cần thiết mà chúng ta đã bàn đến, cũng là dấu hiệu gắn liền với sự chiêm ngưỡng. Một mức độ "bình an" nào đó là cần thiết nếu sự chiêm ngưỡng muốn tiếp diễn.

In contemplation, the inner eye is fixed upon the object of contemplation,

Trong sự chiêm ngưỡng, nội nhĩ được cố định vào đối tượng chiêm ngưỡng,

182. At first this "inner eye" may be considered the imagination. Later it is the third eye, per se.

182. Thoạt đầu, "con mắt bên trong" này có thể được xem là sự tưởng tượng. Về sau, chính nó là con mắt thứ ba.

183. Let us note the fixity involved in the act of contemplation.

183. Chúng ta hãy lưu ý tính cố định có liên quan trong hành vi chiêm ngưỡng.

184. There is always an "object of contemplation", but during the act of contemplation the contemplator merges with the object.

184. Luôn luôn có một "đối tượng chiêm ngưỡng", nhưng trong hành vi chiêm ngưỡng, người chiêm ngưỡng hòa nhập với đối tượng.

and this produces (unconsciously in most cases)

và điều này tạo ra (một cách vô thức trong đa số trường hợp)

185. If all goes as it should...

185. Nếu mọi sự diễn ra đúng như cần phải vậy...

a steady stream of energy which is focussed upon the objective, producing vitalisation and activity.

một dòng năng lượng ổn định được tập trung vào mục tiêu, tạo ra sự tiếp sinh lực và hoạt động.

186. The stage of contemplation here discussed precedes any possible merging of subject and object. Through this stage of contemplation, vitalization ensues and additional activity. It is a way of conveying added livingness to the object of contemplation.

186. Giai đoạn chiêm ngưỡng được bàn đến ở đây đi trước bất kỳ sự hòa nhập nào có thể có giữa chủ thể và đối tượng. Qua giai đoạn chiêm ngưỡng này, sự tiếp sinh lực và hoạt động gia tăng sẽ xảy ra. Đây là một cách truyền thêm sinh động tính cho đối tượng chiêm ngưỡng.

It is the basis of the "work of transmutation," for instance, when the human substance is transmuted into solar substance.

Đó là nền tảng của "công việc chuyển hoá", chẳng hạn khi chất liệu nhân loại được chuyển hoá thành chất liệu thái dương.

187. This is a rather unique definition of transmutation. One type of substance can become another. Really, all substances are *one*. The changing of one substance to a higher or lower is really a change of quality which is essentially a change in vibratory frequency.

187. Đây là một định nghĩa khá độc đáo về sự chuyển hoá. Một loại chất liệu có thể trở thành một loại khác. Thật ra, mọi chất liệu đều là *một*. Việc biến đổi một chất liệu thành cao hơn hay thấp hơn thực ra là một sự thay đổi phẩm tính, mà về bản chất là một sự thay đổi về tần số rung động.

188. By "human substance" is presumably meant, "lunar substance"—the substance of the lunar vehicles.

188. Bởi "chất liệu nhân loại" có lẽ được hàm ý là "chất liệu nguyệt tính"—chất liệu của các hiện thể nguyệt tính.

The Ego contemplates his lunar bodies, and gradually the work is accomplished.

189. How interesting that via contemplation, transmutation is effected.

190. We must realize contemplation as a *dynamic, transmutative act*. The "eye" brings about change simply by the act of gazing in a certain way.

191. Consciousness *is,* in a sense, the "eye" and when an elevated state of consciousness is turned upon or fixed upon an object which must be raised in quality, that raising occurs.

192. For this reason we must be careful of the manner in which we *regard* others and various objects. Our gaze is having an effect whether good or ill.

When his reflection, man, has reached a point in evolution where he can meditate and contemplate,

193. Because he is merging into the consciousness of the Ego/Solar Angel…

the work is more rapidly accelerated,

194. The resistance which unconsciousness inevitably offers is overcome.

195. A dual contemplative transmutation is then possible.

Chân ngã chiêm ngưỡng các thể nguyệt tính của y, và dần dần công việc được hoàn tất.

189. Thật thú vị biết bao khi qua sự chiêm ngưỡng, sự chuyển hoá được thực hiện.

190. Chúng ta phải nhận ra sự chiêm ngưỡng như một *hành vi năng động, có tính chuyển hoá*. "Con mắt" tạo ra sự thay đổi chỉ bằng chính hành vi nhìn theo một cách nhất định.

191. Tâm thức *theo một nghĩa nào đó,* là "con mắt", và khi một trạng thái tâm thức cao được hướng vào hay cố định vào một đối tượng cần được nâng cao về phẩm tính, thì sự nâng cao ấy xảy ra.

192. Vì lý do này, chúng ta phải cẩn trọng về cách mình *nhìn* người khác và nhiều đối tượng khác nhau. Ánh nhìn của chúng ta đang tạo ra ảnh hưởng, dù tốt hay xấu.

Khi phản ánh của Ngài là con người đã đạt đến một điểm tiến hoá mà y có thể tham thiền và chiêm ngưỡng,

193. Bởi vì y đang hòa nhập vào tâm thức của chân ngã/thái dương Thiên Thần…

công việc được tăng tốc nhanh hơn,

194. Sự kháng cự mà vô thức tất yếu tạo ra được vượt qua.

195. Khi ấy, một sự chuyển hoá chiêm ngưỡng kép trở nên khả hữu.

and transmutation proceeds with rapidity, particularly on the physical plane.

196. This is the first arena of transmutation. The first initiation concerns the etheric and physical vehicles, the patterns of which must first be regulated before astral purification becomes possible.

In the work of thought-form building, the man, in contemplation, pursues the work of energising and vitalising.

197. We have the Ego/Solar Angel contemplating man and thus raising his quality. We also have man in advanced meditation contemplating the thoughtform he is creating and intending to manifest. This contemplation vitalizes and energizes the thoughtform contributing to its endurance and viability.

It might here be said that the eye is the great directing agency.

198. The eye can express itself under the influence of all three major aspects of divinity. As the "great directing agency" the eye is expressive of the first ray.

When the third eye is used, which is the case in contemplation,

199. I.e., in the case of all *true* contemplation…Stages preliminary to contemplation are imaginative and do not employ the fully unfolded third eye.

và sự chuyển hoá tiến hành nhanh chóng, đặc biệt trên cõi hồng trần.

196. Đây là đấu trường đầu tiên của sự chuyển hoá. Lần điểm đạo thứ nhất liên quan đến các hiện thể dĩ thái và hồng trần, mà các mô hình của chúng trước hết phải được điều hòa thì sự thanh lọc cảm dục mới trở nên khả hữu.

Trong công việc xây dựng hình tư tưởng, con người, trong sự chiêm ngưỡng, theo đuổi công việc tiếp năng lượng và tiếp sinh lực.

197. Chúng ta có chân ngã/thái dương Thiên Thần chiêm ngưỡng con người và nhờ đó nâng cao phẩm tính của y. Chúng ta cũng có con người trong tham thiền cao cấp chiêm ngưỡng hình tư tưởng mà y đang tạo ra và dự định biểu hiện. Sự chiêm ngưỡng này tiếp sinh lực và tiếp năng lượng cho hình tư tưởng, góp phần vào sức bền và khả năng tồn tại của nó.

Ở đây có thể nói rằng con mắt là cơ quan chỉ đạo vĩ đại.

198. Con mắt có thể biểu lộ dưới ảnh hưởng của cả ba phương diện chính của thiên tính. Với tư cách là "cơ quan chỉ đạo vĩ đại", con mắt là biểu hiện của cung một.

Khi con mắt thứ ba được sử dụng, như trong trường hợp chiêm ngưỡng,

199. Tức là, trong trường hợp của mọi sự chiêm ngưỡng *đích thực*… Những giai đoạn sơ khởi trước chiêm ngưỡng mang tính tưởng tượng và không sử dụng con mắt thứ ba đã khai mở hoàn toàn.

it is the synthesiser and director of triple energy;

200. The energy of the first three, i.e., *major* rays.

hence **the powerful work** performed by those in whom it is functioning.

201. This is the powerful work of an initiate of the third degree.

202. Thus far, we are informed that the eye is an organ of *synthesis* and also an organ of *direction.*

The third eye only begins to function when the third circle of egoic petals is beginning slowly to unfold.

203. A most important hint is here given. The third eye does not open suddenly. There is a long period of preparation. Perhaps it takes twenty or thirty lives to unfold the final tier of petals—the sacrifice petals. All during this time it can be said that the third eye is in process of unfoldment.

204. Since these are the sacrifice petals for the mental plane, it can be said that the third eye slowly opens only when the man is becoming mentally focussed and is subjecting his life to sacrifice.

205. When normal desire relents (based as it is on the rejection of sacrifice) the third eye can be stimulated due to the redirection of

nó là đấng tổng hợp và chỉ đạo năng lượng tam phân;

200. Năng lượng của ba cung đầu tiên, tức là các cung *chính*.

do đó có **công việc đầy quyền năng** được thực hiện bởi những ai nơi họ nó đang hoạt động.

201. Đây là công việc đầy quyền năng của một điểm đạo đồ cấp ba.

202. Cho đến nay, chúng ta được cho biết rằng con mắt là một cơ quan của *sự tổng hợp* và cũng là một cơ quan của *sự chỉ đạo.*

Con mắt thứ ba chỉ bắt đầu hoạt động khi vòng cánh hoa chân ngã thứ ba bắt đầu chậm rãi khai mở.

203. Ở đây một gợi ý vô cùng quan trọng được đưa ra. Con mắt thứ ba không mở ra đột ngột. Có một thời kỳ chuẩn bị dài lâu. Có lẽ phải mất hai mươi hay ba mươi kiếp sống để khai mở tầng cánh hoa cuối cùng—các cánh hoa hi sinh. Trong suốt thời gian này, có thể nói rằng con mắt thứ ba đang trong tiến trình khai mở.

204. Vì đây là các cánh hoa hi sinh dành cho cõi trí, nên có thể nói rằng con mắt thứ ba chỉ chậm rãi mở ra khi con người đang trở nên tập trung trí tuệ và đang đặt đời sống mình dưới sự hi sinh.

205. Khi ham muốn thông thường dịu xuống (vốn dựa trên sự khước từ hi sinh), con mắt thứ ba có thể được kích thích do sự

energy liberated as desire becomes aspiration.

tái định hướng của năng lượng được giải phóng khi ham muốn trở thành khát vọng.

206. The relation between the faculty of imagination and the opening of the third eye must be explored.

206. Mối liên hệ giữa năng lực tưởng tượng và sự mở ra của con mắt thứ ba phải được khảo cứu.

If students will study the effect of the human eye on the physical plane, and then extend the concept to the work of the interior Thinker, as he utilises the third eye, they will get an interesting light upon the subject of thought control.

Nếu các đạo sinh nghiên cứu ảnh hưởng của mắt người trên cõi hồng trần, rồi mở rộng khái niệm ấy đến công việc của Thức Giả bên trong, khi y sử dụng con mắt thứ ba, họ sẽ có được một ánh sáng thú vị về chủ đề kiểm soát tư tưởng.

207. A project is hereby proposed. The human eye is part of a dualistic system. The "interior Thinker" sees with the eye of *unity* which is the contemplative eye.

207. Một dự án được đề nghị ở đây. Mắt người là một phần của một hệ thống nhị nguyên. "Thức Giả bên trong" nhìn bằng con mắt của *hợp nhất*, tức là con mắt chiêm ngưỡng.

208. DK seems to be suggesting that certain external energy and force demonstrations can be regulated by the human eye. Likewise, many interior energy and force demonstrations can be regulated by the third eye.

208. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng một số biểu hiện năng lượng và mãnh lực bên ngoài có thể được điều chỉnh bởi mắt người. Tương tự, nhiều biểu hiện năng lượng và mãnh lực bên trong có thể được điều chỉnh bởi con mắt thứ ba.

209. The subjects of "light" and of "thought control" are to be simultaneously studied.

209. Hai chủ đề "ánh sáng" và "kiểm soát tư tưởng" cần được nghiên cứu đồng thời.

210. We are left with the impression that the *eye* controls and directs thought.

210. Chúng ta còn lại với ấn tượng rằng *con mắt* kiểm soát và chỉ đạo tư tưởng.

The old Commentary says:

Cổ Luận nói:

"When the eye is blind, the forms created revolve in circles and fulfill not the law.

"Khi con mắt mù, các hình tướng được tạo ra quay vòng tròn và không hoàn thành quy luật.

211. It is the third eye which is "blind" at the stage of evolution discussed.

211. Chính con mắt thứ ba là cái "mù" ở giai đoạn tiến hoá đang được bàn đến.

212. If forms revolve in circles they are subject to rotary motion (the motion of the third aspect) and are not responding to the transmutative, spiral-cyclic motion characteristic of the second aspect.

212. Nếu các hình tướng quay vòng tròn thì chúng chịu chuyển động quay (chuyển động của phương diện thứ ba) và không đáp ứng với chuyển động xoắn ốc-chu kỳ có tính chuyển hoá, vốn là đặc trưng của phương diện thứ hai.

213. The third aspect of divinity evades the law through the exercise of undisciplined motion.

213. Phương diện thứ ba của thiên tính né tránh quy luật qua việc vận dụng chuyển động vô kỷ luật.

When the eye is open, force streams forth, direction is assured, fulfillment is certain, and the plans proceed under law;

Khi con mắt mở ra, mãnh lực tuôn ra, sự chỉ đạo được bảo đảm, sự hoàn thành là chắc chắn, và các kế hoạch tiến hành theo quy luật;

214. The third eye is obviously associated with the directing will.

214. Con mắt thứ ba rõ ràng gắn liền với ý chí chỉ đạo.

215. The third eye sees the vision to be achieved under soul direction. The third eye also reveals the ways to avoid being lured off the track by the devas of the three lower worlds.

215. Con mắt thứ ba thấy linh ảnh cần đạt được dưới sự chỉ đạo của linh hồn. Con mắt thứ ba cũng bày ra những cách để tránh bị các thiên thần của ba cõi thấp dụ lệch khỏi đường đi.

216. We might think about the influence of the major star in the constellation Leo (i.e., Regulus) and its connection to the third eye as director and *regulator*.

216. Chúng ta có thể suy nghĩ về ảnh hưởng của ngôi sao chính trong chòm Sư Tử (tức Regulus) và mối liên hệ của nó với con mắt thứ ba như là đấng chỉ đạo và *điều hòa*.

the eye which is blue in color, and the eye which sees not red, when open, produce that which is intended with great facility."

con mắt có màu xanh lam, và con mắt không thấy màu đỏ ấy, khi mở ra, tạo ra điều được dự định với sự dễ dàng lớn lao."

217. The eye is "blue in color" because it opens in connection with the energizing of the egoic lotus on the higher mental plane. We may think of the higher mental plane as associated with "blue" which is the complement of orange (a color also rightfully associated with the higher mental plane).

217. Con mắt "có màu xanh lam" vì nó mở ra cùng với sự tiếp năng lượng cho Hoa Sen Chân Ngã trên cõi thượng trí. Chúng ta có thể nghĩ đến cõi thượng trí như gắn liền với "xanh lam", là màu bổ sung của cam (một màu cũng gắn liền một cách chính đáng với cõi thượng trí).

218. We live within the “Blue Logos” and the developed soul ‘sees’ within the unified energy of Love-Wisdom (the color of which is dark blue or indigo—the dark blue of the second ray).

218. Chúng ta sống trong “Logos Xanh Lam” và linh hồn đã phát triển “thấy” trong năng lượng hợp nhất của Bác Ái – Minh Triết (màu của nó là xanh lam đậm hay chàm—màu xanh lam đậm của cung hai).

219. The third eye does not see “red” in this case, as red is the color of desire (based on duality). As the third eye opens, desire for life in the dualistic world is fast fading.

219. Trong trường hợp này, con mắt thứ ba không thấy “đỏ”, vì đỏ là màu của ham muốn (dựa trên nhị nguyên tính). Khi con mắt thứ ba mở ra, ham muốn sống trong thế giới nhị nguyên đang nhanh chóng phai tàn.

220. From an astrological perspective, we have the third eye as the “Eye of Jupiter”, overcoming through unity and inclusiveness the dualistic vision of Mercury and Venus (in their lower forms of expression)—this lower perception being driven by the energy of ruddy Mars which produces the “Desire for Duality”.

220. Từ góc nhìn chiêm tinh học, chúng ta có con mắt thứ ba như “Con Mắt của Sao Mộc”, vượt thắng bằng sự hợp nhất và tính bao gồm đối với linh thị nhị nguyên của Sao Thủy và Sao Kim (trong những hình thức biểu lộ thấp của chúng)—sự tri giác thấp này bị thúc đẩy bởi năng lượng của Sao Hỏa đỏ rực, vốn tạo ra “Ham Muốn đối với Nhị Nguyên Tính”.

221. The third eye or "Eye of Shiva" is often considered blue in color. It truly does not see the *lower* red of desire. But DK may, perhaps, be speaking of two centers of vision—one of them the third eye and also the eye(s) of the human thinker which finally arrive at a condition which is focussed on blue and impervious to the influence of red.

221. Con mắt thứ ba hay “Mắt của Shiva” thường được xem là có màu xanh lam. Quả thật, nó không nhìn thấy màu đỏ *thấp* của dục vọng. Nhưng có lẽ Chân sư DK đang nói đến hai trung tâm thị giác—một là con mắt thứ ba và cũng là mắt của nhà tư tưởng con người, cuối cùng đạt đến một trạng thái tập trung vào màu xanh lam và không thấm ảnh hưởng của màu đỏ.

The final rule is contained in the words: [Page 1008]

Quy luật cuối cùng được chứa trong những lời sau: [Page 1008]

RULE VI. *The devas of the lower four feel the force when the eye opens;*

QUY LUẬT VI. *Các thiên thần của bốn cõi thấp cảm nhận được mãnh lực khi con mắt mở ra;*

222. We are speaking of the force of the opening third eye.

222. Chúng ta đang nói về mãnh lực của con mắt thứ ba đang mở ra.

223. The lower four are the four force fields included within the human personality.

they are driven forth and lose their master.

224. The following reference from *A Treatise on White Magic* reveals to us how we may consider the term "master" in this context:

Here is an enigmatic phrase. Who, then, is the *master* of the "devas of the lower four"? Bringing these concepts down to practical expression in relation to the Rule under consideration, it can be noted that all these three activities are dealt with in this Rule. The third eye opens as the result of conscious development, right alignment and the inflow of soul life. Then its magnetic controlling force makes itself felt, controlling the lives of the lower bodies, driving forth the lower four elementals (of earth, water, fire, air) and forcing the lunar lords to abdicate. **The personality, which has hitherto been the master, no longer can control, and the soul comes into full domination in the three worlds.**

The elemental of earth, who is the sum total of the many lives which form the physical body, is controlled and feels the eye of the Master (the one Master in the head) upon it. The gross elements constituting that body are "driven forth" and better and more adequate atoms or lives are built in. Or should we think of the "master" as the personality—the inclusive elemental life. (TWM 214)

223. Bốn thấp là bốn trường lực được bao gồm trong phàm ngã con người.

họ bị xua đuổi và đánh mất chủ nhân của mình.

224. Đoạn trích sau đây từ *Luận về Chánh Thuật* cho chúng ta thấy có thể hiểu từ "chủ nhân" trong ngữ cảnh này như thế nào:

Đây là một cụm từ bí ẩn. Vậy thì ai là *chủ nhân* của "các thiên thần của bốn thấp"? Khi đưa các khái niệm này xuống mức biểu hiện thực tiễn liên hệ với Quy luật đang được xem xét, cần lưu ý rằng cả ba hoạt động này đều được bàn đến trong Quy luật này. Con mắt thứ ba mở ra như kết quả của sự phát triển hữu thức, sự chỉnh hợp đúng đắn và dòng tuôn đổ của sự sống linh hồn. Khi đó, mãnh lực kiểm soát từ tính của nó được cảm nhận, kiểm soát các sự sống của các thể thấp, xua ra ngoài bốn hành khí thấp (của đất, nước, lửa, khí) và buộc các nguyệt tinh quân phải thoái vị. **Phàm ngã, vốn từ trước đến nay là chủ nhân, không còn có thể kiểm soát nữa, và linh hồn đi đến chỗ hoàn toàn thống trị trong ba cõi giới.**

Hành khí của đất, là tổng thể của nhiều sự sống tạo thành thể xác, bị kiểm soát và cảm nhận con mắt của Chân sư (một Chân sư trong đầu) chiếu lên nó. Các nguyên tố thô cấu thành thể ấy bị "xua ra ngoài" và những nguyên tử hay sự sống tốt hơn, thích hợp hơn được xây dựng vào. Hay chúng ta nên nghĩ "chủ nhân" là phàm ngã—sự sống hành khí bao gồm? (TWM 214)

The egoic energy, transmitted via the physical brain, is directed now to the work of sending forth the form, so that it may clothe itself in astral matter.

225. There are several 'sendings forth'; this is the first. Each time there is such a sending forth, the thoughtform descends into a plane of greater density.

226. We remember that the magician is working as a conscious human being upon the physical plane and utilizing the physical brain.

227. There is a link between soul—mind—brain—and again, mind.

228. Man is not directing the process from the mental plane alone. He is utilizing the physical brain as well.

The eye of the Thinker opens, and repulsing vitality streams forth.

229. The magician is identified as the Ego and strongly under the influence of the Solar Angel.

230. The third eye is functioning in its first ray mode and drives the thoughtform towards the astral plane.

231. Let us ponder the words "repulsing vitality". We know that vitality repulses the agents of disease. Here it overcomes the bonds which would keep the thoughtform upon the mental plane.

More need not be said here, for **until the eye is functioning, it is not possible for men to**

Năng lượng chân ngã, được truyền qua bộ não hồng trần, nay được hướng vào công việc phóng xuất hình tướng, để nó có thể khoác lấy vật chất cảm dục.

225. Có một số lần "phóng xuất"; đây là lần thứ nhất. Mỗi khi có một lần phóng xuất như thế, hình tư tưởng lại đi xuống một cõi có mật độ lớn hơn.

226. Chúng ta nhớ rằng nhà huyền thuật đang hoạt động như một con người hữu thức trên cõi hồng trần và sử dụng bộ não hồng trần.

227. Có một liên kết giữa linh hồn—trí tuệ—bộ não—và một lần nữa, trí tuệ.

228. Con người không chỉ điều khiển tiến trình từ cõi trí. Y cũng sử dụng bộ não hồng trần nữa.

Con mắt của Nhà Tư Tưởng mở ra, và sinh lực đẩy lùi tuôn ra ngoài.

229. Nhà huyền thuật được đồng hoá với Chân ngã và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Thái dương Thiên Thần.

230. Con mắt thứ ba đang hoạt động trong phương thức cung một của nó và đẩy hình tư tưởng về phía cõi cảm dục.

231. Chúng ta hãy suy ngẫm về những lời "sinh lực đẩy lùi". Chúng ta biết rằng sinh lực đẩy lùi các tác nhân gây bệnh. Ở đây nó vượt thắng những ràng buộc vốn sẽ giữ hình tư tưởng lại trên cõi trí.

Không cần nói thêm ở đây, vì **cho đến khi con mắt hoạt động, con người không thể**

comprehend the nature of the energy which they will then wield or direct.

232. Our task, then, is to ensure that the third eye opens. How we manage our desire life (under Taurus) and the energies of the physical elemental (again associated with Taurus) has much to do with when and with what strength the third eye opens (again, under Taurus).

hiểu được bản chất của năng lượng mà khi ấy họ sẽ vận dụng hay điều khiển.

232. Vậy thì nhiệm vụ của chúng ta là bảo đảm rằng con mắt thứ ba mở ra. Chúng ta quản trị đời sống dục vọng của mình như thế nào (dưới Kim Ngưu) và các năng lượng của hành khí thể xác (cũng lại liên hệ với Kim Ngưu) có liên quan rất nhiều đến thời điểm và sức mạnh mà con mắt thứ ba mở ra (một lần nữa, dưới Kim Ngưu).

S8S6 Part II

TCF 1008--1013

Section VI, Part II

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

b. Five Rules for the Astral Plane. Before we take up the consideration of the second set of "Rules for Magic,"

1. Within the Fifteen Rules for Magic there are three *sets* of rules corresponding to the three planes of the lower worlds and the

TCF 1008--1013

Phần VI, Phần II

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Giải**

b. Năm Quy Luật cho Cõi Cảm Dục. Trước khi chúng ta bắt đầu xem xét bộ thứ hai của "Các Quy Luật về Huyền Thuật,"

1. Trong Mười Lăm Quy Luật về Huyền Thuật có ba *bộ* quy luật tương ứng với ba cõi

three vehicles which correspond to these planes.

của các thế giới thấp và ba vận cụ tương ứng với các cõi ấy.

I would like to make a few remarks anent the "eye of the Magician," to which reference has been earlier made.

Tôi muốn đưa ra vài nhận xét liên quan đến "con mắt của Nhà Huyền Thuật", điều đã được nhắc đến trước đây.

2. Let us see if by the "eye of the Magician" the Tibetan means the third eye.

2. Hãy xem liệu qua "con mắt của Nhà Huyền Thuật", Chân sư Tây Tạng có muốn nói đến con mắt thứ ba hay không.

One of the fundamental rules back of all magical processes is that no man is a magician or worker in white magic until the third eye is opened,

Một trong những quy luật căn bản đứng sau mọi tiến trình huyền thuật là không ai là nhà huyền thuật hay người hoạt động trong Chánh Thuật cho đến khi con mắt thứ ba được mở ra,

3. Indeed, He *does* mean the third eye.

3. Quả thật, Ngài *quả có* ý nói đến con mắt thứ ba.

or **in process of opening**,

hoặc **đang trong tiến trình mở ra**,

4. To what extent must it be open? We recall that from the time the sacrifice petals are unfolding the third eye is slowly in the process of opening.

4. Nó phải mở đến mức nào? Chúng ta nhớ rằng từ lúc các cánh hoa hi sinh bắt đầu khai mở thì con mắt thứ ba chậm rãi ở trong tiến trình mở ra.

5. The opening or these petals occurs from the time that a man is nearing or undergoing the first initiation.

5. Sự mở ra của các cánh hoa này xảy ra từ lúc một người đang tiến gần đến hoặc đang trải qua lần điểm đạo thứ nhất.

6. Can a man really be called a "white magician" when his consciousness is focussed at the level of the first degree? It seems unlikely. Yet he can create in a benevolent and useful manner and thus, to a degree, precipitate upon the physical plane those patterns which are in line with the Divine Plan.

6. Liệu một người thật sự có thể được gọi là "nhà huyền thuật chánh đạo" khi tâm thức của y tập trung ở cấp độ của bậc thứ nhất không? Điều đó dường như khó có thể xảy ra. Tuy nhiên, y có thể sáng tạo theo cách thiện lành và hữu ích, và như thế, ở một mức độ nào đó, ngưng tụ trên cõi hồng trần những mô hình phù hợp với Thiên Cơ.

for it is by means of that eye that the thought form is energised,

vì chính nhờ con mắt ấy mà hình tư tưởng được tiếp sinh lực,

7. We remember when studying the rules for the mental plane that contemplation is that which energizes the thoughtform. True contemplation takes place only when the third eye is opening.

7. Chúng ta nhớ khi nghiên cứu các quy luật cho cõi trí rằng chiêm ngưỡng là điều tiếp sinh lực cho hình tư tưởng. Sự chiêm ngưỡng chân chính chỉ diễn ra khi con mắt thứ ba đang mở ra.

directed and controlled and the lesser builders or forces are swept into any particular line of activity.

được hướng dẫn và kiểm soát, và các vị tiểu kiến tạo hay các mãnh lực bị cuốn vào một đường hoạt động đặc thù nào.

8. Here we have the actions for which the third eye is responsible in relation to the work of the magician.

8. Ở đây chúng ta có những tác động mà con mắt thứ ba chịu trách nhiệm trong liên hệ với công việc của nhà huyền thuật.

a. It energizes the thoughtform under construction

a. Nó tiếp sinh lực cho hình tư tưởng đang được xây dựng

b. It directs that thoughtform

b. Nó hướng dẫn hình tư tưởng ấy

c. It controls that thoughtform

c. Nó kiểm soát hình tư tưởng ấy

d. It sweeps the lesser builders into a particular line of activity

d. Nó cuốn các vị tiểu kiến tạo vào một đường hoạt động đặc thù

Among the coming **discoveries**, and among the next revelations of materialistic science will be one which will concern itself with the **force-directing faculty of the human eye**, alone or collectively, and this will indicate one of the first stages towards the rediscovery of the third eye, or the "Eye of Shiva."

Trong số những **khám phá** sắp đến, và trong số những mặc khải kế tiếp của khoa học duy vật sẽ có một khám phá liên quan đến **năng lực định hướng mãnh lực của mắt người**, riêng lẻ hoặc tập thể, và điều này sẽ chỉ ra một trong những giai đoạn đầu tiên hướng tới việc tái khám phá con mắt thứ ba, hay "Mắt của Shiva".

9. DK is informing us that the third eye will not be rediscovered over night. First will come confirmable discoveries concerning the eyes of which we are already aware—the "human eye".

9. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng con mắt thứ ba sẽ không được tái khám phá chỉ trong một đêm. Trước hết sẽ đến những khám phá có thể kiểm chứng được liên quan đến đôi mắt mà chúng ta đã biết—"mắt người".

10. It is important that we realize that the eye does not only 'see'; it also directs. This can already be felt as true in relation to the gaze of certain powerful individuals.

10. Điều quan trọng là chúng ta nhận ra rằng mắt không chỉ 'nhìn thấy'; nó còn định hướng nữa. Điều này đã có thể được cảm nhận là đúng trong liên hệ với ánh nhìn của một số cá nhân đầy quyền lực.

11. We see, however, that we are not only dealing with individuals but with groups. We must research the power of the 'collective gaze'.

11. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng mình không chỉ đang đề cập đến các cá nhân mà còn đến các nhóm. Chúng ta phải nghiên cứu quyền năng của 'ánh nhìn tập thể'.

12. Can we think of the force-directing faculty of public opinion based upon the vision or shared perspective of many?

12. Chúng ta có thể nghĩ đến năng lực định hướng mãnh lực của dư luận quần chúng dựa trên linh thị hay quan điểm chung của nhiều người không?

Shiva is, as we know, one of the names for the first great logoic aspect, and under that name is hidden much of esoteric moment.

Shiva, như chúng ta biết, là một trong những danh xưng của phương diện logoic vĩ đại thứ nhất, và dưới danh xưng ấy ẩn giấu nhiều điều có tầm quan trọng huyền bít.

13. Perhaps we will need to know the language and the tradition associated with Shiva to discover that which is hidden and of esoteric moment.

13. Có lẽ chúng ta sẽ cần biết ngôn ngữ và truyền thống gắn liền với Shiva để khám phá điều đang bị che giấu và có tầm quan trọng huyền bí.

14. The fact that the third eye is called the "Eye of Shiva" alerts us to its power, its directing potential.

14. Việc con mắt thứ ba được gọi là "Mắt của Shiva" báo cho chúng ta biết về quyền năng của nó, tiềm năng định hướng của nó.

Shiva stands for:

Shiva tượng trưng cho:

a. The Will aspect,

a. Phương diện Ý Chí,

b. The Spirit aspect,

b. Phương diện Tinh thần,

c. The Father in Heaven,

c. Đức Cha trên Trời,

d. The directing purpose,

d. mục đích định hướng,

e. Conscious energy,

e. năng lượng hữu thức,

f. Dynamic intent, [Page 1009]

15. All of these are considered to be roughly synonymous.

16. Shiva represents occultism which is the Science of Energy and of energy direction.

17. The "Eye of Shiva" is considered blue. Sometimes the first ray is assigned the color blue. We read of the “eye that sees not red” and yet red is the color of the first ray. Blue and red must be studied in connection with the "Eye of Shiva".

and in the consideration of these phrases the innate faculties of the third eye will become apparent.

18. Here then, is a hint. What are the innate faculties which will become apparent as we consider this list of words? What may we infer?

a. The third eye conveys the Will.

b. The third eye reveals the World of Spirit.

c. The third eye is connected with the Monad or “Father in Heaven”.

The Monad is to the planetary Logos what the third eye is to man, esoterically understood. (DINA II 310)

d. Via the third eye, Divine Purpose can direct the life in the lower three worlds.

f. ý định năng động, [Page 1009]

15. Tất cả những điều này được xem là gần như đồng nghĩa với nhau.

16. Shiva tượng trưng cho huyền bí học, vốn là Khoa Học về Năng Lượng và về sự định hướng năng lượng.

17. “Mắt của Shiva” được xem là màu xanh lam. Đôi khi cung một được gán màu xanh lam. Chúng ta đọc về “con mắt không thấy màu đỏ”, thế nhưng đỏ lại là màu của cung một. Xanh lam và đỏ phải được nghiên cứu trong liên hệ với “Mắt của Shiva”.

và khi xem xét những cụm từ này, các năng lực bẩm sinh của con mắt thứ ba sẽ trở nên hiển nhiên.

18. Vậy thì đây là một gợi ý. Những năng lực bẩm sinh nào sẽ trở nên hiển nhiên khi chúng ta xem xét danh sách từ ngữ này? Chúng ta có thể suy ra điều gì?

a. Con mắt thứ ba truyền đạt Ý Chí.

b. Con mắt thứ ba mặc khải Thế giới của Tinh thần.

c. Con mắt thứ ba được nối kết với chân thần hay “Đức Cha trên Trời”.

Chân thần đối với Hành Tinh Thượng Đế cũng như con mắt thứ ba đối với con người, nếu được hiểu theo nghĩa huyền bí. (DINA II 310)

d. Qua con mắt thứ ba, Thiên Ý có thể định hướng đời sống trong ba cõi thấp.

e. When the third eye opens, one becomes consciously aware of energy and where and how it may be directed.

e. Khi con mắt thứ ba mở ra, người ta trở nên hữu thức về năng lượng và về nơi chốn cũng như cách thức mà nó có thể được định hướng.

f. The power of the third eye renders intent dynamic.

f. Quyền năng của con mắt thứ ba làm cho ý định trở nên năng động.

19. These are some of the various factors which will manifest in the life as the third eye is opening.

19. Đây là một số yếu tố khác nhau sẽ biểu hiện trong đời sống khi con mắt thứ ba đang mở ra.

20. We can see that the third eye, contemplation and Shiva must be studied together.

20. Chúng ta có thể thấy rằng con mắt thứ ba, sự chiêm ngưỡng và Shiva phải được nghiên cứu cùng nhau.

The "Eye of Shiva" **in the human being** has its position, as is already known, in the centre of the forehead between the two physical eyes.[3] [S.D., I, 77; II, 297, 309, 316]

"Mắt của Shiva" **trong con người** có vị trí của nó, như đã được biết, ở trung tâm trán giữa hai mắt hồng trần.3 [S.D., I, 77; II, 297, 309, 316]

21. This positioning of the "Eye of Shiva" is a conventional positioning. The actual "Eye of Shiva" may be more properly located more towards the center of the head and surrounding the pineal gland.

21. Vị trí này của "Mắt của Shiva" là một vị trí quy ước. "Mắt của Shiva" thực sự có lẽ đúng hơn nên được đặt về phía trung tâm đầu hơn và bao quanh tuyến tùng.

22. We are also learning that the "Eye of Shiva" exists in beings *other* than human beings.

22. Chúng ta cũng đang học rằng "Mắt của Shiva" hiện hữu trong những hữu thể *khác* ngoài con người.

It is not to be confounded with the pineal gland, which is distinctly a physical centre or gland.

Không nên nhầm lẫn nó với tuyến tùng, vốn rõ ràng là một trung tâm hay tuyến hồng trần.

23. But, in fact, its location surrounds the pineal gland. We can say that the pineal gland is the physical organ through which the "Eye of Shiva" works.

23. Nhưng trên thực tế, vị trí của nó bao quanh tuyến tùng. Chúng ta có thể nói rằng tuyến tùng là cơ quan hồng trần mà qua đó "Mắt của Shiva" hoạt động.

The **third eye**, not the pineal gland but its etheric correspondence. This is the

Con **mắt thứ ba**, không phải tuyến tùng mà là đối phần dĩ thái của nó. Đây là bộ máy đáp

responsive mechanism to the directing **eye of the soul**. (DINA II 290)

; related to this **third eye** as it awakens and comes into functioning activity is what we call "the **eye of the soul**"; this is a point within the highest head centre. This **eye of the soul** can and does transmit energy to the ajna centre and is itself the agent (before the fourth initiation) of the energy of the Spiritual Triad. (EH 571)

The third eye exists in etheric matter, and is an etheric centre of force,

24. Thus, in a way, the "Eye of Shiva" is a kind of chakra.

25. This must be remembered when we enumerate the chakras to be found in and around the head.

being made of the substance of the ethers, whereas the pineal gland is formed of matter of the three lower subplanes of the physical plane.

26. The pineal gland is a strictly physical organ, not etheric.

The latter, nevertheless, has to be functioning more or less before the "Eye of Shiva" becomes in any degree active, and it is this fact that has led writers of occult books in the past **purposely to confound the two**, in order to protect the knowledge.

27. We are given a hint showing a particular method of occult blinding—substituting something physical for its etheric correspondence, or, in general, something

ứng đối với **con mắt của linh hồn** đang định hướng. (DINA II 290)

; liên hệ với **con mắt thứ ba** này khi nó thức tỉnh và đi vào hoạt động là điều chúng ta gọi là "**con mắt của linh hồn**"; đây là một điểm bên trong trung tâm đầu cao nhất. **Con mắt của linh hồn** này có thể và quả thật truyền năng lượng đến trung tâm ajna và chính nó là tác nhân (trước lần điểm đạo thứ tư) của năng lượng Tam Nguyên Tinh Thần. (EH 571)

Con mắt thứ ba hiện hữu trong vật chất dĩ thái, và là một trung tâm lực dĩ thái,

24. Như vậy, theo một nghĩa nào đó, "Mắt của Shiva" là một loại luân xa.

25. Điều này phải được ghi nhớ khi chúng ta liệt kê các luân xa được tìm thấy trong và quanh đầu.

được tạo thành từ chất liệu của các dĩ thái, trong khi tuyến tùng được tạo thành từ vật chất của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần.

26. Tuyến tùng là một cơ quan hoàn toàn hồng trần, không phải dĩ thái.

Tuy nhiên, cơ quan sau đó, phải hoạt động ít nhiều trước khi "Mắt của Shiva" trở nên hoạt động ở bất kỳ mức độ nào, và chính sự kiện này đã khiến các tác giả sách huyền bí trong quá khứ **cố ý đánh đồng hai điều ấy**, để bảo vệ tri thức.

27. Chúng ta được cho một gợi ý cho thấy một phương pháp làm mù huyền bí đặc thù —thay thế một điều hồng trần bằng đối phần dĩ thái của nó, hay nói chung, thay thế

lower for something closely related but higher.

một điều thấp bằng một điều cao hơn có liên hệ mật thiết với nó.

28. We are being told of an occult blind which has existed for many centuries so that knowledge of the *etheric nature* of the "Eye of Shiva" could be protected.

28. Chúng ta đang được cho biết về một sự che giấu huyền bí đã tồn tại trong nhiều thế kỷ để tri thức về *bản chất dĩ thái* của "Mắt của Shiva" có thể được bảo vệ.

29. We do see that a certain degree of functioning of physical organs may be necessary before more subtle organs or centers connected with them can manifest their powers on the physical plane.

29. Chúng ta quả thật thấy rằng một mức độ hoạt động nào đó của các cơ quan hồng trần có thể là cần thiết trước khi những cơ quan hay trung tâm tinh tế hơn liên hệ với chúng có thể biểu lộ quyền năng của mình trên cõi hồng trần.

30. If we wish for the pineal gland to come into power, we must follow the ancient rules concerning purification and continence.

30. Nếu chúng ta muốn tuyến tùng đi vào quyền năng, chúng ta phải tuân theo những quy luật cổ xưa liên quan đến sự thanh lọc và tiết dục.

The **third eye is formed** through the activity of three factors:

Con **mắt thứ ba được hình thành** qua hoạt động của ba yếu tố:

31. Here is the occult explanation. We can see that much more is being revealed in this text than has previously been revealed.

31. Đây là lời giải thích huyền bí. Chúng ta có thể thấy rằng trong bản văn này đang được tiết lộ nhiều hơn rất nhiều so với những gì trước đây từng được tiết lộ.

First, **through the direct impulse of the Ego on its own plane**. During the greater part of evolution the Ego makes its contact with its reflection, physical plane man, **through the centre at the top of the head.**

Thứ nhất, **qua xung lực trực tiếp của Chân ngã trên chính cõi của nó.** Trong phần lớn tiến trình tiến hoá, Chân ngã tiếp xúc với phản ánh của nó, con người trên cõi hồng trần, **qua trung tâm ở đỉnh đầu.**

32. The essence of this point is that the activation of the third eye is based at least partially upon egoic impulse—an impulse released from the higher mental plane.

32. Cốt lõi của điểm này là sự hoạt hóa con mắt thứ ba ít nhất một phần dựa trên xung lực chân ngã—một xung lực được giải phóng từ cõi thượng trí.

33. Egoic stimulation at the top of the head is a partial stimulation. There is a further

33. Sự kích thích chân ngã ở đỉnh đầu là một sự kích thích từng phần. Còn có một giai

stage of egoic impression and control possible.

When man is more highly evolved, and is nearing or treading the Path, the indwelling Self takes a more complete grasp of its lower vehicle, and descends to a point in the head or brain which is found approximately in the centre of the forehead. This is its lowest contact.

34. Here we have a most valuable piece of occult information. The Ego is taking an ever-firmer grip upon its instrument. Its stimulation of the center at the top of the head is important but not ultimate.

35. The point within the brain which is the Ego's lowest point of descent has sometimes been called the "cave".

36. The word "grasp" is important as it indicates the power of the planet Vulcan which can reasonably be inferred as the ruler of the seven major head centers. Vulcan is also the planet directly associated with the pineal gland. As well, Vulcan is said to rule the head center of the disciple or initiate.

37. Through the power of Vulcan the Ego takes a firmer grip upon its instrument through the third eye—a chakra in the center of the head found approximately at the level of the forehead.

38. Vulcan, we must realize, is the esoteric and hierarchical ruler of Taurus, the zodiacal sign particularly associated with the third eye. Through Vulcan comes the intense

đoạn xa hơn của sự gây ấn tượng và kiểm soát của chân ngã có thể xảy ra.

Khi con người tiến hoá cao hơn, và đang tiến gần hoặc đang bước trên Con Đường, Bản Ngã Cao Siêu nội tại nắm giữ hoàn bị hơn công cụ thấp của nó, và hạ xuống một điểm trong đầu hay bộ não được tìm thấy xấp xỉ ở trung tâm trán. Đây là điểm tiếp xúc thấp nhất của nó.

34. Ở đây chúng ta có một mẩu thông tin huyền bí vô cùng quý giá. Chân ngã đang nắm giữ công cụ của nó ngày càng vững chắc hơn. Sự kích thích của nó đối với trung tâm ở đỉnh đầu là quan trọng nhưng chưa phải tối hậu.

35. Điểm trong bộ não là điểm hạ xuống thấp nhất của Chân ngã đôi khi đã được gọi là "hang động".

36. Từ "nắm giữ" rất quan trọng vì nó chỉ ra quyền năng của hành tinh Vulcan, vốn có thể được suy ra một cách hợp lý là chủ tinh của bảy trung tâm đầu chính. Vulcan cũng là hành tinh liên hệ trực tiếp với tuyến tùng. Ngoài ra, Vulcan được nói là cai quản trung tâm đầu của đệ tử hay điểm đạo đồ.

37. Qua quyền năng của Vulcan, Chân ngã nắm giữ công cụ của nó vững chắc hơn qua con mắt thứ ba—một luân xa ở trung tâm đầu được tìm thấy xấp xỉ ngang mức trán.

38. Chúng ta phải nhận ra rằng Vulcan là chủ tinh nội môn và chủ tinh huyền giai của Kim Ngưu, dấu hiệu hoàng đạo đặc biệt liên hệ với con mắt thứ ba. Qua Vulcan đến ánh

luminosity which is an aspect of the "Greatest Light". presumably the third eye is needed to perceive this "Greatest Light"

sáng chói lọi mãnh liệt, là một phương diện của "Ánh Sáng Vĩ Đại Nhất". Có lẽ con mắt thứ ba là cần thiết để tri giác "Ánh Sáng Vĩ Đại Nhất" này.

It is interesting here to note the correspondence with the evolution of the senses. The three major senses and the three first to demonstrate in order are, hearing, touch, sight. For the greater part of evolution, ***hearing* is the guiding impulse of human life through egoic contact with the top of the head.**

Ở đây thật thú vị khi lưu ý đến sự tương ứng với sự tiến hoá của các giác quan. Ba giác quan chính và cũng là ba giác quan đầu tiên biểu hiện theo thứ tự là thính giác, xúc giác, thị giác. Trong phần lớn tiến trình tiến hoá, ***thính giác* là xung lực hướng dẫn của đời sống con người qua sự tiếp xúc chân ngã với đỉnh đầu.**

39. This statement is of fascinating importance. The third aspect of divinity rules the human being for the greater part of his evolutionary journey. Similarly, we are told, the sense of hearing is the guiding impulse of human life for the greater part of evolution.

39. Phát biểu này có tầm quan trọng đầy hấp dẫn. Phương diện thứ ba của thiên tính cai quản con người trong phần lớn hành trình tiến hoá của y. Tương tự như vậy, chúng ta được cho biết, giác quan thính giác là xung lực hướng dẫn của đời sống con người trong phần lớn tiến trình tiến hoán.

40. DK is associating the sense of hearing with initial egoic stimulation at the top of the head. For this reason, we will have to connect the third ray—the ray associated with the sense of hearing—with stimulation at the top of the head.

40. Chân sư DK đang liên hệ giác quan thính giác với sự kích thích chân ngã ban đầu ở đỉnh đầu. Vì lý do này, chúng ta sẽ phải nối kết cung ba—cung liên hệ với giác quan thính giác—với sự kích thích ở đỉnh đầu.

41. Usually, the center at the top of the head is given to the first ray and is considered the most important of the head centers. In fact, it *is* so, in its entirety, but DK is alerting us to a kind of stimulation of the head which precedes stimulations caused by the second and first aspects as these emanate from the Ego.

41. Thông thường, trung tâm ở đỉnh đầu được gán cho cung một và được xem là quan trọng nhất trong các trung tâm đầu. Thực ra, điều đó *đúng* như vậy, trong tính toàn thể của nó, nhưng Chân sư DK đang báo cho chúng ta biết về một loại kích thích của đầu đi trước những kích thích do phương diện thứ hai và thứ nhất gây ra khi chúng phát xạ từ Chân ngã.

Later, when the Ego descends a little lower, the etheric centre which is active in connection with the pituitary body, is added, and man becomes responsive [Page 1010] to subtler and higher vibrations; the

Về sau, khi Chân ngã hạ xuống thấp hơn một chút, trung tâm dĩ thái hoạt động liên hệ với tuyến yên được thêm vào, và con người trở nên đáp ứng [Page 1010] với những rung động tinh tế và cao hơn; đối phần huyền bí

occult correspondence to the physical sense of *touch* awakens.

42. Here we have a definite correlation of the pituitary body with the sense of *touch* and, thus, with the second ray and the *second* aspect.

43. Anatomically, however, we will find that the pituitary is located still more deeply in the head than the pineal gland though not as deeply recessed in the head.

44. Pituitary stimulation is correlated with subtler and higher vibrations than can be registered following the preliminary stimulation of the top of the head.

Finally, the third *eye* opens and the **pineal gland simultaneously begins to function.**

45. It is difficult to know the order of the process as we have just been told that the pineal gland must be somewhat functioning if the third eye is to function.

46. We may assume that at approximately the time of the third initiation, the two centers—one densely physical and the other etheric—begin to function together powerfully and effectively in relation to the consciousness of the disciple/initiate upon the physical plane.

At first, the sight is dim, and the gland is only partially responsive to vibration,

47. DK, naturally, speaks as one who has undergone the unfoldment of the power of this subtle organ of spiritual sight. We cannot expect that the inner sight will open suddenly and completely. At first the quality

của giác quan hồng trần là *xúc giác* thức tỉnh.

42. Ở đây chúng ta có một sự tương quan rõ rệt giữa tuyến yên với giác quan *xúc giác* và như thế, với cung hai và phương diện *thứ hai*.

43. Tuy nhiên, về mặt giải phẫu, chúng ta sẽ thấy rằng tuyến yên nằm còn sâu hơn trong đầu so với tuyến tùng, dù không lùi sâu vào đầu bằng.

44. Sự kích thích tuyến yên tương quan với những rung động tinh tế và cao hơn những gì có thể được ghi nhận sau sự kích thích sơ bộ ở đỉnh đầu.

Cuối cùng, con mắt thứ ba mở ra và **tuyến tùng đồng thời bắt đầu hoạt động.**

45. Thật khó biết được thứ tự của tiến trình vì chúng ta vừa được cho biết rằng tuyến tùng phải hoạt động phần nào nếu con mắt thứ ba muốn hoạt động.

46. Chúng ta có thể giả định rằng vào khoảng thời gian của lần điểm đạo thứ ba, hai trung tâm—một đậm đặc hồng trần và một dĩ thái—bắt đầu cùng hoạt động một cách mạnh mẽ và hữu hiệu trong liên hệ với tâm thức của đệ tử/điểm đạo đồ trên cõi hồng trần.

Lúc đầu, thị giác còn mờ nhạt, và tuyến chỉ đáp ứng một phần với rung động,

47. Dĩ nhiên, Chân sư DK nói như một vị đã trải qua sự khai mở quyền năng của cơ quan tinh tế của linh thị tinh thần này. Chúng ta không thể mong đợi rằng nội nhĩ sẽ mở ra đột ngột và hoàn toàn. Lúc đầu phẩm tính

of spiritual sight is as if “through a glass darkly” (in the words of St. Paul).

của thị giác tinh thần giống như “nhìn qua một tấm kính mờ tối” (theo lời Thánh Paul).

but gradually the eye opens fully,

nhưng dần dần con mắt mở ra hoàn toàn,

48. We realize that the period of its opening is long because the complete unfoldment of the sacrifice petals spans quite a number of lives.

48. Chúng ta nhận ra rằng thời kỳ mở ra của nó kéo dài vì sự khai mở trọn vẹn của các cánh hoa hi sinh trải qua khá nhiều kiếp sống.

the gland is fully active, and we have the "fully awakened" man.

tuyến trở nên hoàn toàn hoạt động, và chúng ta có con người “hoàn toàn thức tỉnh”.

49. When this full awakening has occurred, we have the “Enlightenment”, the “Illumination”, “Satori”, “Realization”—minimally the third initiation.

49. Khi sự thức tỉnh trọn vẹn này đã xảy ra, chúng ta có “Giác Ngộ”, “Soi Sáng”, “Satori”, “Chứng nghiệm”—ít nhất là lần điểm đạo thứ ba.

50. In order that this state of consciousness supervene, it is required that *both* the pineal gland and third eye be significantly active. With respect to the gland, DK tells us that it becomes “fully active”.

50. Để trạng thái tâm thức này xuất hiện, đòi hỏi rằng *cả* tuyến tùng lẫn con mắt thứ ba đều phải hoạt động đáng kể. Đối với tuyến, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng nó trở nên “hoàn toàn hoạt động”.

51. We think of the Buddha (identified so completely with Taurus) as the “Supremely Awakened One”. Obviously His stage of awakening was far beyond that which is here discussed.

51. Chúng ta nghĩ đến Đức Phật (được đồng nhất trọn vẹn đến thế với Kim Ngưu) như “Đấng Tối Thượng Giác Ngộ”. Hiển nhiên giai đoạn thức tỉnh của Ngài vượt xa điều đang được bàn đến ở đây.

When this is the case, the alta major centre vibrates and then the three physical head centres are functioning.

Khi điều này xảy ra, trung tâm alta major rung động và khi ấy ba trung tâm đầu hồng trần đều hoạt động.

52. We seem to be told that the alta major center awakens fully only during the very latest stages of the process. It seems that a fully awakened third eye requires a fully awakened alta major center.

52. Dường như chúng ta được cho biết rằng trung tâm alta major chỉ thức tỉnh hoàn toàn trong những giai đoạn rất muộn của tiến trình. Có vẻ như một con mắt thứ ba hoàn toàn thức tỉnh đòi hỏi một trung tâm alta major hoàn toàn thức tỉnh.

53. The alta major center is sometimes called a physical head center, but the lowest and truly physical head center is the carotid gland (or glands).

53. Trung tâm alta major đôi khi được gọi là một trung tâm đầu hồng trần, nhưng trung tâm đầu thấp nhất và thật sự hồng trần là tuyến cảnh mạch (hay các tuyến cảnh mạch).

54. We continue now with our discussion of the *formation* of the third eye.

54. Giờ đây chúng ta tiếp tục cuộc thảo luận về sự *hình thành* của con mắt thứ ba.

55. The first factor involved was egoic impulse.

55. Yếu tố thứ nhất liên hệ là xung lực chân ngã.

***Second*, through the co-ordinated activity of the major head centre, the many petalled lotus above the top of the head.**

***Thứ hai*, qua hoạt động phối hợp của trung tâm đầu chính, hoa sen nhiều cánh phía trên đỉnh đầu.**

56. Obviously there can be activity within the major head center long before there is *coordinated* activity between its many aspects.

56. Hiển nhiên có thể có hoạt động bên trong trung tâm đầu chính rất lâu trước khi có hoạt động *phối hợp* giữa nhiều phương diện của nó.

This **centre directly affects the pineal gland**,

Trung tâm này **tác động trực tiếp lên tuyến tùng**,

57. We are discriminating between the initial stimulation by the Ego registered at the top of the head and the actual coordinated activity of the highest head center, directly affecting as it does the pineal gland.

57. Chúng ta đang phân biện giữa sự kích thích ban đầu bởi Chân ngã được ghi nhận ở đỉnh đầu và hoạt động phối hợp thực sự của trung tâm đầu cao nhất, vốn trực tiếp tác động lên tuyến tùng.

and the interplay of force behind the two (the correspondence, on a tiny scale, of the pairs of opposites, spirit and matter), produces the great organ of consciousness, the "Eye of Shiva."

và sự tương tác của mãnh lực phía sau cả hai (đối phần, trên một quy mô rất nhỏ, của các cặp đối cực, tinh thần và vật chất), tạo ra cơ quan lớn của tâm thức, "Mắt của Shiva."

58. Here we have a very direct statement about the manner in which the "Eye of Shiva" or third eye is produced. It appears that the energy of the highest head center

58. Ở đây chúng ta có một phát biểu rất trực tiếp về cách thức mà "Mắt của Shiva" hay con mắt thứ ba được tạo ra. Có vẻ như năng lượng của trung tâm đầu cao nhất và sự

and its interplay with the pineal gland produces the "Eye of Shiva".

tương tác của nó với tuyến tùng tạo ra "Mắt của Shiva".

59. We are also learning that this is not the entire story as it can be presumed that the pituitary/ajna and alta major/carotid are also involved, just as is the Ego in a fundamental way.

59. Chúng ta cũng đang học rằng đây không phải là toàn bộ câu chuyện, vì có thể giả định rằng tuyến yên/ajna và alta major/cảnh mạch cũng có liên quan, cũng như chân ngã theo một cách thức căn bản.

60. As with all major occult processes occurring within the human being, a number of lesser processes contribute to the fulfillment of the greater process.

60. Cũng như với mọi tiến trình huyền bí học lớn diễn ra bên trong con người, một số tiến trình nhỏ hơn góp phần vào sự hoàn tất của tiến trình lớn hơn.

It is the **instrument of wisdom**,

Đó là **khí cụ của minh triết**,

61. It is a subtle and not a dense instrument.

61. Đó là một khí cụ vi tế chứ không phải một khí cụ đậm đặc.

62. The third eye is sometimes called the "wisdom eye".

62. Con mắt thứ ba đôi khi được gọi là "con mắt minh triết".

and in these three centres of energy **we have the correspondence of the three aspects within the head of man**.

và trong ba trung tâm năng lượng này **chúng ta có sự tương ứng của ba phương diện bên trong đầu của con người**.

63. Master DK is exploring our subject from a number of angles and in this process a variety of correspondences appears.

63. Chân sư DK đang khảo sát chủ đề của chúng ta từ nhiều góc độ, và trong tiến trình này nhiều sự tương ứng xuất hiện.

64. We are to consider the "Eye of Shiva" or the third eye as the "instrument of wisdom". From this perspective, true wisdom does not express itself through the human consciousness until the third initiation, bringing with it a very full stimulation of the etheric centers in and around the head and their dense physical counterparts in the head.

64. Chúng ta phải xem "Con Mắt của Shiva" hay con mắt thứ ba như là "khí cụ của minh triết". Từ góc nhìn này, minh triết chân chính không biểu lộ qua tâm thức con người cho đến lần điểm đạo thứ ba, mang theo cùng nó một sự kích thích rất đầy đủ đối với các trung tâm dĩ thái trong và quanh đầu cùng các đối phần hồng trần đậm đặc của chúng trong đầu.

1. Major head centre Will Aspect Spirit Father in Heaven

1. Trung tâm đầu chính Phương diện Ý chí Tinh thần Cha trên Trời

65. We continue to discriminate between this major center and the etheric area at the top of the head which was stimulated by the Ego in its initial grasp upon the human being.

65. Chúng ta tiếp tục phân biện giữa trung tâm chính yếu này và vùng dĩ thái ở đỉnh đầu, vốn đã được chân ngã kích thích trong sự nắm bắt ban đầu của nó đối với con người.

2. Pineal gland Love-Wisdom aspect Consciousness Son

2. Tuyến tùng quả phương diện Bác Ái – Minh Triết Tâm thức Con

66. Usually considered a material expression of the major head center above the top of the head, in this set of correspondences the pineal gland is associated with the second aspect. Yet the pineal gland is more *material* than the third eye which it is etheric counterpart.

66. Thường được xem là một biểu hiện vật chất của trung tâm đầu chính yếu ở phía trên đỉnh đầu, trong tập hợp các sự tương ứng này, tuyến tùng quả được liên kết với phương diện thứ hai. Tuy nhiên tuyến tùng quả lại *vật chất* hơn con mắt thứ ba, vốn là đối phần dĩ thái của nó.

67. From this perspective, it is the organ of the *soul* and especially of the light of the soul.

67. Từ góc nhìn này, nó là cơ quan của *linh hồn* và đặc biệt là của ánh sáng linh hồn.

3. Third eye. Activity aspect Matter... Mother

3. Con mắt thứ ba. Phương diện hoạt động Vật chất... Mẹ

68. The correspondences here are definitely unusual. In much of the foregoing text, the third eye has been considered correlated with the first aspect of divinity, but now it is assigned to the third or matter aspect, even when it is more closely related to consciousness than is its physical expression, the pineal gland.

68. Các sự tương ứng ở đây quả thật khác thường. Trong phần lớn đoạn văn đi trước, con mắt thứ ba đã được xem là tương quan với phương diện thứ nhất của thiên tính, nhưng giờ đây nó lại được gán cho phương diện thứ ba hay phương diện vật chất, dù nó liên hệ chặt chẽ với tâm thức hơn là biểu hiện hồng trần của nó, tức tuyến tùng quả.

69. From another point of view, the third eye is closely related to the "Eye of the Soul" and is the expression *in matter* of soul vision. Thus, perhaps, its relation to the third aspect of divinity.

69. Từ một quan điểm khác, con mắt thứ ba liên hệ mật thiết với "Con Mắt của Linh Hồn" và là biểu hiện *trong vật chất* của linh thị linh hồn. Vì thế, có lẽ, là mối liên hệ của nó với phương diện thứ ba của thiên tính.

70. In this particular correspondence, we have yet to solve why the third eye (which is etheric) should be assigned to the third

70. Trong sự tương ứng đặc biệt này, chúng ta vẫn chưa giải quyết được vì sao con mắt thứ ba (vốn là dĩ thái) lại được gán cho

aspect of divinity whereas the pineal gland (which is *material*) is assigned to the second aspect. One factor may be the dynamic, manipulative aspect of the third eye.

phương diện thứ ba của thiên tính, trong khi tuyến tùng quả (vốn *vật chất*) lại được gán cho phương diện thứ hai. Một yếu tố có thể là phương diện năng động, thao tác của con mắt thứ ba.

71. Here is an excerpt which presents a picture of nature and functions of the various "eyes" to be found in the head:

71. Đây là một đoạn trích trình bày một bức tranh về bản chất và chức năng của các "con mắt" khác nhau được tìm thấy trong đầu:

In between these two directing eyes is to be found the ajna centre, which is like a **third eye** or directing agent for the blended and fused energies of the personality; related to this **third eye** as it awakens and comes into functioning activity is what we call "the **eye of the soul**"; **this is a point within the highest head centre.** This **eye of the soul** can and does transmit energy to the ajna centre and is itself the agent (before the fourth initiation) of the energy of the Spiritual Triad. This esoteric relationship is only set up when the soul is dominating its instrument, the personality, and is bringing all the lower activities upon the physical plane under soul direction.

Ở giữa hai con mắt chỉ đạo này có thể tìm thấy trung tâm ajna, vốn giống như một **con mắt thứ ba** hay tác nhân chỉ đạo cho các năng lượng đã được hòa trộn và dung hợp của phàm ngã; liên hệ với **con mắt thứ ba** này khi nó thức tỉnh và đi vào hoạt động chức năng là điều mà chúng ta gọi là "**con mắt của linh hồn**"; **đây là một điểm bên trong trung tâm đầu cao nhất.** **Con mắt của linh hồn** này có thể và thực sự truyền năng lượng đến trung tâm ajna, và chính nó là tác nhân (trước lần điểm đạo thứ tư) của năng lượng Tam Nguyên Tinh Thần. Mối liên hệ huyền bí này chỉ được thiết lập khi linh hồn đang chi phối khí cụ của nó là phàm ngã, và đang đưa mọi hoạt động thấp trên cõi hồng trần vào dưới sự chỉ đạo của linh hồn.

In the perfected man, there is to be found, therefore, the following distributors or distributing agents of energy:

Trong con người hoàn thiện, vì vậy, có thể tìm thấy các bộ phân phối hay tác nhân phân phối năng lượng sau đây:

1. The **eye of the soul** agent of the Spiritual Triad Will.

1. **Con mắt của linh hồn** tác nhân của Tam Nguyên Tinh Thần Ý chí.

2. The **third eye** agent of the soul Love.

2. **Con mắt thứ ba** tác nhân của linh hồn Bác ái.

3. The right eye distributor of buddhic energy.

3. Mắt phải bộ phân phối năng lượng Bồ đề.

4. The left eye conveyor of pure manasic energy.

4. Mắt trái bộ chuyển tải năng lượng manas thuần túy.

5. The ajna centre focussing and directing point for all these energies. (EH 571)

5. Trung tâm ajna điểm tập trung và chỉ đạo cho tất cả các năng lượng này. (EH 571)

72. Returning to text…

72. Trở lại bản văn…

The third eye is the **director of energy or force**, and thus an instrument of the will or Spirit;

Con mắt thứ ba là **đấng chỉ đạo năng lượng hay mãnh lực**, và do đó là một khí cụ của ý chí hay tinh thần;

73. This is the more usual correspondence. The Ego is also an instrument of the will or Spirit, but an instrument generically on the second ray.

73. Đây là sự tương ứng thông thường hơn. Chân ngã cũng là một khí cụ của ý chí hay tinh thần, nhưng là một khí cụ nói chung thuộc cung hai.

74. The third eye can be considered an expression of the *activity* of Spirit.

74. Con mắt thứ ba có thể được xem là một biểu hiện của *hoạt động* của tinh thần.

it is responsive only to that **will as controlled by the Son-aspect,**

nó chỉ đáp ứng với **ý chí như sự kiểm soát được điều khiển bởi phương diện Con,**

75. This is important as the Monad/Spirit does not have *initial* control of the third eye. Rather, it is initially a *mediated* control via the Ego or "Son-aspect".

75. Điều này quan trọng, vì Chân thần/Tinh thần không có sự kiểm soát *ban đầu* đối với con mắt thứ ba. Đúng hơn, lúc đầu đó là sự kiểm soát *được trung giới* thông qua chân ngã hay "phương diện Con".

the revealer of the love-wisdom nature of gods and man, and it is therefore the sign of the white magician.

đấng mặc khải bản chất bác ái-minh triết của các vị thần và con người, và vì thế nó là dấu hiệu của nhà huyền thuật chánh đạo.

76. We are considering the third eye in relation to the stage of *soul* development and expression.

76. Chúng ta đang xem xét con mắt thứ ba trong liên hệ với giai đoạn phát triển và biểu lộ của *linh hồn*.

77. The third eye is the "sign of the white magician".

77. Con mắt thứ ba là "dấu hiệu của nhà huyền thuật chánh đạo".

78. Given our present stage of evolution, the third eye is to be considered the instrument of the *second* aspect of divinity (not yet fully the direct instrument of the first aspect).

78. Với giai đoạn tiến hoá hiện nay của chúng ta, con mắt thứ ba phải được xem là khí cụ của phương diện *thứ hai* của thiên tính (chưa hoàn toàn là khí cụ trực tiếp của phương diện thứ nhất).

79. The accomplished white magician is one who expresses fully the second aspect of divinity, the egoic or soul aspect. For practical purposes, the third eye is his instrument of expression.

79. Nhà huyền thuật chánh đạo thành tựu là người biểu lộ trọn vẹn phương diện thứ hai của thiên tính, phương diện chân ngã hay linh hồn. Xét về mặt thực tiễn, con mắt thứ ba là khí cụ biểu lộ của y.

80. Later when the egoic lotus is destroyed and the man is directed from the triadal and even monadic levels, the third eye will be a direct expression of the spirit (even though it manifests itself within and through a mayavirupa).

80. Về sau, khi hoa sen chân ngã bị hủy diệt và con người được chỉ đạo từ các cấp độ tam nguyên tinh thần và thậm chí chân thần, con mắt thứ ba sẽ là một biểu hiện trực tiếp của tinh thần (dù nó tự biểu lộ bên trong và thông qua một mayavirupa).

Third, the reflex action of the pineal gland itself.

Thứ ba, phản ứng phản xạ của chính tuyến tùng quả.

81. We continue in discussing the three means by which the third eye is generated.

81. Chúng ta tiếp tục bàn đến ba phương tiện nhờ đó con mắt thứ ba được tạo ra.

82. We have discussed the originating impulse of the Ego and also the coordinated activity of the many petalled lotus (the major head center). Now we also consider a strictly physical response—the reflex action of the pineal gland itself.

82. Chúng ta đã bàn đến xung lực khởi nguyên của chân ngã và cả hoạt động phối hợp của hoa sen nhiều cánh (trung tâm đầu chính yếu). Giờ đây chúng ta cũng xét đến một đáp ứng thuần túy hồng trần—phản ứng phản xạ của chính tuyến tùng quả.

83. We have already discussed how indispensable is the full functioning of the pineal gland to the full activation of the third eye.

83. Chúng ta đã bàn đến việc sự vận hành trọn vẹn của tuyến tùng quả là thiết yếu đến mức nào đối với sự hoạt hóa trọn vẹn của con mắt thứ ba.

As these three types of energy, or the vibration of these three centres, begin to contact each other, a definite interplay is set up.

Khi ba loại năng lượng này, hay rung động của ba trung tâm này, bắt đầu tiếp xúc với nhau, một sự tương tác xác định được thiết lập.

84. The third eye is definitely the result of triangular interplay.

84. Con mắt thứ ba rõ ràng là kết quả của sự tương tác tam giác.

85. Here we are being told that it is the interplay between the Ego, the crown center and the pineal gland that produces the emergence of the third eye.

85. Ở đây chúng ta được cho biết rằng chính sự tương tác giữa chân ngã, trung tâm đỉnh đầu và tuyến tùng quả tạo ra sự xuất hiện của con mắt thứ ba.

86. In other sections of text, we are told that the interplay between the crown center, the ajna center and the alta major center produce the emergence of that etheric organ we call the third eye. In all, five factors seem to be involved in its generation.

86. Trong những phần khác của bản văn, chúng ta được cho biết rằng sự tương tác giữa trung tâm đỉnh đầu, trung tâm ajna và trung tâm alta major tạo ra sự xuất hiện của cơ quan dĩ thái mà chúng ta gọi là con mắt thứ ba. Tính chung lại, dường như có năm yếu tố liên quan đến sự phát sinh của nó.

This triple interplay forms in time a vortex or centre of force, which finds its place in the centre of the forehead,

Sự tương tác tam phân này theo thời gian hình thành một xoáy hay trung tâm mãnh lực, tìm thấy vị trí của nó ở trung tâm trán,

87. Yet, as we have studied—yet still *within* the head, i.e., within the etheric brain.

87. Tuy nhiên, như chúng ta đã nghiên cứu —nhưng vẫn còn *bên trong* đầu, tức là bên trong bộ não dĩ thái.

and takes eventually the semblance of an eye looking out between the other two.

và cuối cùng mang dáng vẻ của một con mắt nhìn ra giữa hai con mắt kia.

[Page 1011]

[Page 1011]

88. Again, this is one of the standard descriptions of the third eye—an eye which looks out between the other two eyes.

88. Một lần nữa, đây là một trong những mô tả tiêu chuẩn về con mắt thứ ba—một con mắt nhìn ra giữa hai con mắt kia.

89. We seem to have a discrepancy between the standard placement of the third eye and the position of the pineal gland within the head (given that the third eye in some sense said to be an etheric center or organ which is the etheric correspondence to the pineal gland and located in such a way as to surround that gland.

89. Dường như có một sự sai biệt giữa vị trí tiêu chuẩn của con mắt thứ ba và vị trí của tuyến tùng quả bên trong đầu (nếu quả thật con mắt thứ ba theo một nghĩa nào đó được nói là một trung tâm hay cơ quan dĩ thái, là sự tương ứng dĩ thái với tuyến tùng quả và được định vị theo cách bao quanh tuyến ấy.

90. From another perspective, the soul is the "eye" which looks out between the two.

90. Từ một góc nhìn khác, linh hồn là "con mắt" nhìn ra giữa hai mắt.

91. Rule XII for Applicants deals with this "eye".

91. Quy luật XII dành cho người thỉnh cầu bàn đến "con mắt" này.

"Let the disciple learn the use of the hands in service. Let him seek the mark of the messenger in his feet. **And let him learn to see with the eye which looks out between the two**".

"Hãy để người đệ tử học cách sử dụng đôi tay trong phụng sự. Hãy để y tìm dấu hiệu của sứ giả nơi đôi bàn chân. **Và hãy để y học cách nhìn bằng con mắt nhìn ra giữa hai con mắt**".

92. In the discussion of Rule XII, we are told that it is definitely the soul which is to be considered as the "eye which looks out between the two". (IHS 206)

92. Trong phần bàn về Quy luật XII, chúng ta được cho biết rằng chính linh hồn phải được xem là "con mắt nhìn ra giữa hai con mắt". (IHS 206)

It is **the eye of the inner vision**, and he who has opened it can direct and *control the energy of matter*,

Đó là **con mắt của linh thị bên trong**, và người đã mở được nó có thể chỉ đạo và *kiểm soát năng lượng của vật chất*,

93. Thus, the connection with the *third aspect of divinity* and with the first (the aspect of the director).

93. Như vậy, có mối liên hệ với *phương diện thứ ba của thiên tính* và với phương diện thứ nhất (phương diện của đấng chỉ đạo).

94. Perhaps it is the pure receptivity of the pineal gland which justified the correspondence relating it to the *second* aspect of divinity.

94. Có lẽ chính tính tiếp nhận thuần túy của tuyến tùng quả đã biện minh cho sự tương ứng liên hệ nó với phương diện *thứ hai* của thiên tính.

see all things in the Eternal Now,

thấy mọi sự trong Hiện Tại Vĩnh Cửu,

95. This ability represents the overcoming of time and space. Under the second and first rays the polar opposites are unified. Influences from both the buddhic and atmic planes are involved in this process.

95. Khả năng này biểu thị sự vượt thắng thời gian và không gian. Dưới cung hai và cung một, các cực đối lập được hợp nhất. Các ảnh hưởng từ cả cõi Bồ đề lẫn cõi atma đều liên quan đến tiến trình này.

96. One wonders about the relation of Uranus to the third eye. Uranus is the planet of *simultaneity,* and its energy promotes the overcoming of the illusion of time (and

96. Người ta tự hỏi về mối liên hệ của Sao Thiên Vương với con mắt thứ ba. Sao Thiên Vương là hành tinh của *tính đồng thời,* và năng lượng của nó thúc đẩy sự vượt thắng

space) and the ability to perceive the reality of the Eternal Now.

ảo tưởng về thời gian (và không gian) cùng khả năng tri nhận thực tại của Hiện Tại Vĩnh Cửu.

and therefore be in touch with causes more than with effects,

và vì thế tiếp xúc với các nguyên nhân nhiều hơn là với các kết quả,

97. Uranus is also the planet of causes rather than effects (Saturn).

97. Sao Thiên Vương cũng là hành tinh của các nguyên nhân hơn là các kết quả (Sao Thổ).

98. The Ego which *initially* stimulates the emerging of the third eye is focussed through the *causal* body. From this perspective, the higher mental plane is a world of causes.

98. Chân ngã, vốn *ban đầu* kích thích sự xuất hiện của con mắt thứ ba, được tập trung qua thể *nguyên nhân*. Từ góc nhìn này, cõi thượng trí là một thế giới của các nguyên nhân.

read the akashic records, and see clairvoyantly. Therefore, its possessor can control the builders of low degree.

đọc các hồ sơ akasha, và thấy bằng thông nhãn. Vì vậy, người sở hữu nó có thể kiểm soát các đấng kiến tạo cấp thấp.

99. It seems important for us to tabulate that which the possession of a functioning third eye confers upon its possessor:

99. Dường như điều quan trọng là chúng ta phải lập bảng những gì mà việc sở hữu một con mắt thứ ba đang hoạt động đem lại cho người sở hữu nó:

a. Directing and controlling the energy of matter

a. Chỉ đạo và kiểm soát năng lượng của vật chất

b. Seeing all things in the “Eternal Now”

b. Thấy mọi sự trong “Hiện Tại Vĩnh Cửu”

c. Being in touch with causes more than effects

c. Tiếp xúc với các nguyên nhân nhiều hơn là các kết quả

d. Reading the akashic records

d. Đọc các hồ sơ akasha

e. Seeing clairvoyantly

e. Thấy bằng thông nhãn

f. Controlling the builders of low degree. By these builders we probably mean elemental forces or “devas of elemental nature” (TCF 1006).

f. Kiểm soát các đấng kiến tạo cấp thấp. Bởi các đấng kiến tạo này, có lẽ chúng ta muốn nói đến các mãnh lực hành khí hay “các

thiên thần có bản chất hành khí" (TCF 1006).

The "Eye of Shiva," when perfected, is **blue in colour**, and as our solar Logos is the "Blue Logos" so do His children occultly resemble Him; but this colour must be interpreted esoterically.

"Con Mắt của Shiva", khi được hoàn thiện, thì **có màu xanh lam**, và cũng như Thái dương Thượng đế của chúng ta là "Blue Logos", thì con cái của Ngài về mặt huyền bí cũng giống Ngài; nhưng màu sắc này phải được giải thích một cách huyền bí.

100. We are dealing, therefore, with an *esoteric* blue.

100. Vì vậy, chúng ta đang bàn đến một màu xanh lam *huyền bí*.

101. When the "Blue Eye" is developed one is in the process of taking the first of the truly *solar* initiations. We realize that the initiations of the threshold (i.e., the first two initiations) are strictly *planetary* initiations.

101. Khi "Con Mắt Xanh" được phát triển, người ta đang trong tiến trình nhận lấy lần điểm đạo đầu tiên trong các điểm đạo thực sự *thái dương*. Chúng ta nhận ra rằng các điểm đạo của ngưỡng cửa (tức hai lần điểm đạo đầu tiên) hoàn toàn là các điểm đạo *hành tinh*.

102. VSK alerts us to the thought that "this refers to the blue as the indicator of the second ray, the synthesizing ray for this solar system."

102. VSK lưu ý chúng ta đến ý tưởng rằng "điều này ám chỉ màu xanh lam như dấu chỉ của cung hai, cung tổng hợp của hệ mặt trời này."

103. Since the color *indigo* is specifically the color of synthesis, we may be justified in considering indigo the esoteric blue.

103. Vì màu *chàm* đặc biệt là màu của sự tổng hợp, nên có lẽ chúng ta có cơ sở để xem màu chàm là màu xanh lam huyền bí.

It must be remembered also that prior to the final two Initiations (the sixth and seventh),

Cũng phải nhớ rằng trước hai lần Điểm đạo cuối cùng (lần thứ sáu và thứ bảy),

104. We see that the eighth and ninth are not included as they are rarely taken within the confines of our planet.

104. Chúng ta thấy rằng lần thứ tám và thứ chín không được kể đến vì chúng hiếm khi được nhận trong phạm vi hành tinh của chúng ta.

the eye of the white magician, when developed, will be coloured according to the man's ray—again **esoterically** understood.

con mắt của nhà huyền thuật chánh đạo, khi được phát triển, sẽ được nhuốm màu theo cung của con người—một lần nữa được hiểu **một cách huyền bí**.

105. The term “esoteric” (in this context) means *monadic,* as by the time the sixth and seventh initiations are being taken, man is truly the Monad.

105. Thuật ngữ “huyền bí” (trong ngữ cảnh này) có nghĩa là *chân thần,* vì vào lúc lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy được nhận, con người thực sự là Chân thần.

106. It is important to realize that the term “esoteric” is, in certain significant contexts, used to indicate the Spirit aspect or Monad. This is true, for instance, when discussing the esoteric rays of Saturn, Neptune and Uranus (c.f. EP I 420)

106. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng thuật ngữ “huyền bí”, trong một số ngữ cảnh quan trọng, được dùng để chỉ phương diện Tinh thần hay Chân thần. Điều này đúng, chẳng hạn, khi bàn về các cung huyền bí của Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương (xem EP I 420)

107. We must ask, however, whether, at this high point of evolution, the third eye is no longer *blue*? Or does it remain blue and also display one of the sub-shades of blue according to a man’s monadic ray?

107. Tuy nhiên, chúng ta phải hỏi liệu ở điểm tiến hoá cao này, con mắt thứ ba có còn không còn *xanh lam* nữa chăng? Hay nó vẫn giữ màu xanh lam và đồng thời cũng biểu lộ một trong những sắc độ phụ của xanh lam tùy theo cung chân thần của một người?

More anent this question of colour may not be communicated. According to the colour, so will be the type of energy manipulated,

Không thể truyền đạt thêm gì nữa về vấn đề màu sắc này. Theo màu sắc, loại năng lượng được thao tác cũng sẽ như vậy,

108. Knowledge of color is important in the process of manipulating certain builders which are keyed to certain colors.

108. Kiến thức về màu sắc là điều quan trọng trong tiến trình thao tác một số đấng kiến tạo nào đó vốn được điều chỉnh theo những màu sắc nhất định.

109. Is DK telling us that according to the color of a man’s monadic ray, so will be the type of energy he customarily manipulates?

109. Phải chăng Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng tùy theo màu sắc của cung chân thần của một người, loại năng lượng mà y thường thao tác cũng sẽ tương ứng như vậy?

but here it must be borne in mind that **all magicians work with three types of energy**:

nhưng ở đây phải ghi nhớ rằng **mọi nhà huyền thuật đều làm việc với ba loại năng lượng**:

110. A white magician can do many things. DK does not want us to narrow our vision of the possibilities.

110. Một nhà huyền thuật chánh đạo có thể làm được nhiều điều. Chân sư DK không

muốn chúng ta thu hẹp tầm nhìn về các khả năng.

a. That which is the same as their own Ray,

a. Loại giống với cung riêng của họ,

111. Shall we consider this “Ray” the egoic ray, the monadic ray or both (used at different points in the unfoldment of the magician)?

111. Chúng ta có nên xem “Cung” này là cung chân ngã, cung chân thần hay cả hai (được dùng ở những điểm khác nhau trong sự khai mở của nhà huyền thuật) không?

112. The magician manipulates energy which correlates directly with his own ray. Depending upon his level of evolution, it will be either the soul ray or monadic ray.

112. Nhà huyền thuật thao tác năng lượng tương quan trực tiếp với cung riêng của y. Tùy theo cấp độ tiến hoá của y, đó sẽ là cung linh hồn hoặc cung chân thần.

b. That which is complementary to their own type of force,

b. Loại bổ sung cho kiểu mãnh lực riêng của họ,

113. Are we dealing here with the complementary color or with the color of *a ray energy* which is complementary to the original ray (which is the magician’s own ray)? They are two different things.

113. Ở đây chúng ta đang bàn đến màu bổ sung hay màu của *một năng lượng cung* bổ sung cho cung nguyên thủy (là cung riêng của nhà huyền thuật)? Đó là hai điều khác nhau.

c. Their polar opposite,

c. Cực đối lập của họ,

114. The color of the polar opposite of a given ray, may be a represented by the complementary color to the *color* of the ray of the magician. But it also possible to think simply of an energy which is the polar opposite of the major ray energy of the magician.

114. Màu của cực đối lập của một cung nhất định có thể được biểu thị bằng màu bổ sung đối với *màu* của cung của nhà huyền thuật. Nhưng cũng có thể đơn giản nghĩ đến một năng lượng là cực đối lập của năng lượng cung chính của nhà huyền thuật.

115. Complementary *rays* and complementary *colors* have to be differentiated.

115. Các *cung* bổ sung và các *màu sắc* bổ sung phải được phân biệt.

and they work, therefore, either along the line of least resistance, or through attraction, and repulsion.

và vì thế họ làm việc hoặc theo con đường ít trở ngại nhất, hoặc thông qua hấp dẫn và đẩy lùi.

116. VSK suggests: This would be correlated then to:

116. VSK gợi ý: Khi ấy điều này sẽ tương quan với:

a. One's own ray is the line of least resistance

a. Cung riêng của một người là con đường ít trở ngại nhất

b. The complementary ray is that which is attractive

b. Cung bổ sung là điều có tính hấp dẫn

c. And the polar opposite is that which is repulsed

c. Và cực đối lập là điều bị đẩy lùi

117. VSK suggests: There may be an example as follows:

117. VSK gợi ý: Có thể có một ví dụ như sau:

a. The blue ray works with the blue ray, there is no resistance, no difference.

a. Cung xanh lam làm việc với cung xanh lam, không có kháng lực, không có khác biệt.

b. The blue ray works with its complement (which is not the opposite, but harmonious). MDR suggests that if we consider that the rays four and six are harmonious or complementary to ray two, then the worker on the blue ray can also work with the colors representing rays four and six. Blue is a color correlated to both rays six and two. Yellow, while not the complementary color (of blue) strictly speaking, is the color of a ray complementary to the blue ray. From the angle of harmony, the colors blue and yellow work well together.

b. Cung xanh lam làm việc với phần bổ sung của nó (không phải đối lập, mà là hài hòa). MDR gợi ý rằng nếu chúng ta xem cung bốn và cung sáu là hài hòa hay bổ sung cho cung hai, thì người hoạt động trên cung xanh lam cũng có thể làm việc với các màu sắc biểu thị cung bốn và cung sáu. Xanh lam là một màu tương quan với cả cung sáu lẫn cung hai. Vàng, tuy không phải là màu bổ sung (của xanh lam) theo nghĩa chặt chẽ, lại là màu của một cung bổ sung cho cung xanh lam. Từ góc độ hòa điệu, các màu xanh lam và vàng phối hợp tốt với nhau.

c. VSK suggests: The polar opposite of the blue ray, the second ray, may well be considered to be the first ray, or red. While blue and red are not opposites exoterically, esoterically we may well consider them as such—at least in the context of this discussion.

c. VSK gợi ý: Cực đối lập của cung xanh lam, tức cung hai, rất có thể được xem là cung một, hay màu đỏ. Dù xanh lam và đỏ không đối lập theo nghĩa ngoại môn, nhưng về mặt huyền bí chúng ta hoàn toàn có thể xem chúng như vậy—ít nhất là trong ngữ cảnh của cuộc bàn luận này.

It is through the medium of this "all-seeing eye" that the Adept can at any moment put

Chính thông qua trung gian của "con mắt thấy tất cả" này mà chân sư có thể vào bất cứ

Himself in touch with His disciples anywhere;

lúc nào đặt Chính Ngài vào sự tiếp xúc với các đệ tử của Ngài ở bất cứ nơi đâu;

118. We see that well after the causal body has been destroyed, Adept has the use of the “all-seeing-eye”.

118. Chúng ta thấy rằng rất lâu sau khi thể nguyên nhân đã bị hủy diệt, chân sư vẫn sử dụng “con mắt thấy tất cả”.

119. There are a number of "All-Seeing Eyes". The Tibetan is speaking of the “all-seeing-eye” which works within the etheric head of the magician (even if, later, that head is part of a mayavirupa).

119. Có một số “Con Mắt Thấy Tất Cả”. Chân sư Tây Tạng đang nói về “con mắt thấy tất cả” hoạt động bên trong đầu dĩ thái của nhà huyền thuật (dù về sau cái đầu ấy là một phần của mayavirupa).

120. If we wish to know how it is that the Master can contact His disciples, it is here explained. As disciples, we are always ‘under the Eye of the Master’, if and when He chooses to exercise this capacity.

120. Nếu chúng ta muốn biết bằng cách nào Chân sư có thể tiếp xúc với các đệ tử của Ngài, thì điều đó được giải thích ở đây. Là các đệ tử, chúng ta luôn ‘ở dưới Con Mắt của Chân sư’, nếu và khi Ngài chọn vận dụng năng lực này.

that He can communicate with His compeers on the planet, on the polar opposite of our planet, and on the third planet which, with ours, forms a triangle;

rằng Ngài có thể giao tiếp với các đồng đẳng của Ngài trên hành tinh, trên cực đối lập của hành tinh chúng ta, và trên hành tinh thứ ba, hành tinh cùng với hành tinh chúng ta tạo thành một tam giác;

121. Many are the capacities of the Master’s all-seeing-eye.

121. Nhiều thay là các năng lực của con mắt thấy tất cả của Chân sư.

122. He observes His disciples; He communicates with other Masters; He communicates with Masters on the polar opposite of our planet, presumably, Venus; He communicates with Masters presumably on Mars (considering Mars as the planet complementary to our planet but not its polar opposite).

122. Ngài quan sát các đệ tử của Ngài; Ngài giao tiếp với các Chân sư khác; Ngài giao tiếp với các Chân sư trên cực đối lập của hành tinh chúng ta, có lẽ là Sao Kim; Ngài giao tiếp với các Chân sư có lẽ trên Sao Hỏa (nếu xem Sao Hỏa là hành tinh bổ sung cho hành tinh chúng ta nhưng không phải cực đối lập của nó).

123. It is also likely that Mercury forms a triangle with Earth and Venus.

123. Cũng có khả năng Sao Thủy tạo thành một tam giác với Trái Đất và Sao Kim.

that He can, through the energy directed from it, control and direct the builders, and

rằng Ngài có thể, thông qua năng lượng được chỉ đạo từ đó, kiểm soát và chỉ đạo các đấng

hold any thought form He may have created within His sphere of influence, and upon its intended path of service; and that through his eye by means of directed energy currents He can help and stimulate His disciples or groups of men in any place at any time.

kiến tạo, và giữ bất kỳ hình tư tưởng nào mà Ngài có thể đã tạo ra trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài, và trên con đường phụng sự đã được định cho nó; và rằng thông qua con mắt của Ngài, bằng các dòng năng lượng được chỉ đạo, Ngài có thể giúp đỡ và kích thích các đệ tử của Ngài hoặc các nhóm người nam và nữ ở bất cứ nơi nào vào bất cứ lúc nào.

124. Let us continue tabulating the Master's or Adept's use of the third eye:

124. Chúng ta hãy tiếp tục lập bảng các cách sử dụng con mắt thứ ba của Chân sư hay chân sư:

a. From the third eye the Adept directs and controls the lesser builders.

a. Từ con mắt thứ ba, chân sư chỉ đạo và kiểm soát các vị tiểu kiến tạo.

b. The Adept holds any thoughtform He has created within His sphere of influence.

b. Chân sư giữ bất kỳ hình tư tưởng nào mà Ngài đã tạo ra trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài.

c. The Adept sends that thoughtform upon its mission of service.

c. Chân sư gửi hình tư tưởng ấy lên sứ mệnh phụng sự của nó.

d. Through the third eye the Master or Adept stimulates His disciples or any groups of men He may wish to stimulate.

d. Thông qua con mắt thứ ba, Chân sư hay chân sư kích thích các đệ tử của Ngài hoặc bất kỳ nhóm người nam và nữ nào mà Ngài muốn kích thích.

125. Perhaps we can see how the use of the faculty of *imagination* can, in lesser way, allow the disciples to stimulate individuals and groups related to him.

125. Có lẽ chúng ta có thể thấy cách việc sử dụng năng lực *sự tưởng tượng*, theo một cách nhỏ hơn, có thể cho phép các đệ tử kích thích những cá nhân và nhóm có liên hệ với y.

126. Immediately below we deal with two lines of stimulation which stimulate the pineal gland. We have to take them very seriously as much of the success of this stimulation lies in our hands.

126. Ngay bên dưới, chúng ta bàn đến hai tuyến kích thích tác động lên tuyến tùng quả. Chúng ta phải xem chúng thật nghiêm túc vì phần lớn thành công của sự kích thích này nằm trong tay chúng ta.

The pineal gland is subject to two lines of stimulation: **First, that which**

Tuyến tùng quả chịu hai tuyến kích thích: **Thứ nhất, tuyến phát ra từ**

emanates from the Ego itself via the etheric force centres.

127. This stimulation comes via the center at the top of the head and also via the special etheric center which we are naming the third eye.

128. It would seem that the centers in the head are especially involved in the stimulation of the pineal gland, yet other centers may also be involved.

This downflow of egoic energy (the result of the awakening of the centres through meditation and spirituality of life),

129. The more the etheric centers are awakened through meditation and spirituality of life, the greater the stimulation which can reach the pineal gland via those centers and, of course, via the Ego.

130. DK also seems to be saying that the awakening of the centers evokes the downflow of egoic energy.

impinges upon the gland **and in the course of years gradually increases its secretion, enlarges its form, and starts it into a new cycle of activity.**

131. DK is informing us that it is precisely egoic energy which stimulates and activates the pineal gland and increases its secretions.

chính chân ngã thông qua các trung tâm mãnh lực dĩ thái.

127. Sự kích thích này đến qua trung tâm ở đỉnh đầu và cũng qua trung tâm dĩ thái đặc biệt mà chúng ta đang gọi là con mắt thứ ba.

128. Dường như các trung tâm trong đầu đặc biệt liên quan đến sự kích thích tuyến tùng quả, tuy nhiên các trung tâm khác cũng có thể liên quan.

Dòng tuôn xuống của năng lượng chân ngã này (kết quả của sự thức tỉnh các trung tâm thông qua tham thiền và đời sống tinh thần),

129. Các trung tâm dĩ thái càng được thức tỉnh qua tham thiền và đời sống tinh thần bao nhiêu, thì sự kích thích có thể đến tuyến tùng quả qua các trung tâm ấy và dĩ nhiên qua chân ngã càng lớn bấy nhiêu.

130. Chân sư DK dường như cũng đang nói rằng sự thức tỉnh các trung tâm gợi lên dòng tuôn xuống của năng lượng chân ngã.

tác động lên tuyến ấy **và trong tiến trình nhiều năm dần dần làm tăng sự tiết dịch của nó, làm lớn hình thể của nó, và khởi động nó vào một chu kỳ hoạt động mới.**

131. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng chính năng lượng chân ngã kích thích và hoạt hóa tuyến tùng quả, đồng thời làm tăng các chất tiết của nó.

132. Thus, we may conclude, that without the proper kind of meditation, there will be no such stimulation of that gland. Here DK is dealing with the physiological effects of occult meditation.

132. Vì vậy, chúng ta có thể kết luận rằng nếu không có loại tham thiền thích hợp, sẽ không có sự kích thích như thế đối với tuyến ấy. Ở đây Chân sư DK đang bàn đến các tác động sinh lý của tham thiền huyền bí học.

133. The new cycle of activity of the pineal gland follows upon a long period of relative atrophy which began in Atlantean days.

133. Chu kỳ hoạt động mới của tuyến tùng quả tiếp theo sau một thời kỳ dài tương đối teo thoái đã bắt đầu từ thời Atlantis.

The second line of stimulation affecting the pineal gland is that which is the consequence of the discipline of the physical body, and its subjugation to the laws of spiritual unfoldment.

Đường kích thích thứ hai tác động lên tuyến tùng là điều phát sinh từ sự kỷ luật của thể xác, và sự quy phục của nó trước các định luật của sự khai mở tinh thần.

134. The disciple-magician must not only work 'from above' but 'from below'.

134. Đệ tử-nhà huyền thuật không chỉ phải hoạt động "từ trên xuống" mà còn "từ dưới lên".

135. Not only occult meditation but physical discipline is required. What we do with the energies of our physical-etheric body are thus crucial to the development of the third eye.

135. Không chỉ cần tham thiền huyền bí học mà còn cần cả kỷ luật hồng trần. Điều chúng ta làm với các năng lượng của thể hồng trần-dĩ thái của mình vì thế có tính quyết định đối với sự phát triển của con mắt thứ ba.

As the disciple lives a regulated life,

Khi đệ tử sống một đời sống điều độ,

136. Presumably coming under the influence or the star "Regulus"…

136. Có lẽ đang chịu ảnh hưởng của ngôi sao "Regulus"…

avoids meat, nicotine and alcohol, and practises continence, the pineal gland becomes no longer atrophied, but resumes its earlier activity.

tránh thịt, nicotine và rượu, và thực hành tiết dục, thì tuyến tùng không còn bị teo nữa, mà phục hồi hoạt động trước kia của nó.

137. There are many arguments for and against vegetarianism, for and against

137. Có nhiều lập luận ủng hộ và phản đối việc ăn chay, ủng hộ và phản đối sự tiết dục,

continence for and against the consumption of alcoholic beverages. (The drinking of wine is a well-established part of the Christian tradition, for instance.) Its ceremonial use is found in other religions as well.

ủng hộ và phản đối việc dùng đồ uống có cồn. (Chẳng hạn, việc uống rượu vang là một phần đã được xác lập vững chắc trong truyền thống Cơ Đốc giáo.) Việc sử dụng có tính nghi lễ của nó cũng được thấy trong các tôn giáo khác.

138. Some even think that smoking offers no obstacle to the unfoldment of the higher spiritual powers. This little paragraph, however, says something quite different in no uncertain terms.

138. Một số người thậm chí còn nghĩ rằng hút thuốc không tạo ra chướng ngại nào cho sự khai mở các quyền năng tinh thần cao hơn. Tuy nhiên, đoạn ngắn này lại nói một điều hoàn toàn khác, bằng những lời lẽ hết sức dứt khoát.

More cannot here be given but enough has been indicated to give the student food for thought.

Ở đây không thể nói thêm nữa, nhưng đã chỉ ra đủ để cho đạo sinh nhiều điều đáng suy ngẫm.

139. Indeed the question of developing the pineal gland concerns food and its consumption to no small extent.

139. Thật vậy, vấn đề phát triển tuyến tùng liên quan đến thực phẩm và việc tiêu thụ thực phẩm ở một mức độ không nhỏ.

140. Hour by hour, day by day, practices are followed which either develop the pineal gland or contribute to its abiding atrophy. It is well to have these processes well in mind as we live our normal life. Fewer mistakes (with retarding consequences) will be made.

140. Từng giờ, từng ngày, người ta theo đuổi những thực hành hoặc phát triển tuyến tùng hoặc góp phần vào tình trạng teo tóp kéo dài của nó. Thật tốt khi ghi nhớ rõ những tiến trình này trong tâm trí khi chúng ta sống đời sống bình thường của mình. Khi ấy sẽ phạm ít sai lầm hơn (với những hậu quả làm chậm trễ).

In meditation, by the sounding of the word,

Trong tham thiền, bằng việc xướng linh từ,

141. In this case, the Sacred Word.

141. Trong trường hợp này, là Linh từ Thiêng Liêng.

the student awakens response in the major head centre,

đạo sinh đánh thức sự đáp ứng trong trung tâm đầu chính yếu,

142. The thousand-petalled lotus…

142. Hoa sen ngàn cánh…

causes reciprocal vibration between it and the physical head centre,

gây ra rung động hỗ tương giữa nó và trung tâm đầu hồng trần,

143. In this context the pineal gland.

143. Trong ngữ cảnh này là tuyến tùng.

and gradually co-ordinates the forces in the head.

và dần dần phốihợp các mãnh lực trong đầu.

144. These will be all forces—etheric and physical.

144. Đó sẽ là tất cả các mãnh lực—dĩ thái và hồng trần.

145. Let us register the importance of the sounding of the Sacred Word in the development of the pineal gland.

145. Hãy ghi nhận tầm quan trọng của việc xướng Linh từ Thiêng Liêng trong sự phát triển của tuyến tùng.

Through the practice of the power of visualisation, the third eye is developed.

Thông qua việc thực hành năng lực sự hình dung, con mắt thứ ba được phát triển.

146. Here is one of the most practical pieces of advice.

146. Đây là một trong những lời khuyên thực tiễn nhất.

147. Through occult meditation (promoting contact with the Ego on its own plane) and visualization, the pineal gland is lifted from its state of atrophy.

147. Thông qua tham thiền huyền bí học (thúc đẩy sự tiếp xúc với chân ngã trên cõi riêng của nó) và sự hình dung, tuyến tùng được nâng lên khỏi trạng thái teo tóp của nó.

The forms visualised, and the ideas and abstractions which are, in the process, mentally clothed and vehicled, **are pictured a few inches from the third eye.**

Các hình tướng được hình dung, và các ý tưởng cùng các trừu tượng vốn, trong tiến trình ấy, được khoác lấy hình thức trí tuệ và được mang chuyên chở, **được hình dung cách con mắt thứ ba vài inch.**

148. Knowledge of this position is of real value to the meditator who is intent on results.

148. Sự hiểu biết về vị trí này có giá trị thực sự đối với người hành thiền đang nhắm đến kết quả.

149. The third eye, we realize, is rather recessed within the head. This point of visualization is place forward from the third eye's actual location, surrounding the pineal gland, more towards the front of the head.

149. Chúng ta nhận ra rằng con mắt thứ ba nằm khá sâu bên trong đầu. Điểm hình dung này được đặt về phía trước vị trí thực sự của con mắt thứ ba, bao quanh tuyến tùng, hướng nhiều hơn về phía trước đầu.

It is the knowledge of this which causes the Eastern yogi to speak of "concentration upon the tip of the nose." Behind this **misleading phrase** a great truth is veiled.

Chính sự hiểu biết điều này khiến yogi phương Đông nói về "sự tập trung vào chóp mũi". Đằng sau **cụm từ gây hiểu lầm** này có che giấu một chân lý lớn lao.

150. We see how occult blinds work and how difficult they are to penetrate. Their true meaning is so obvious—once explained!

150. Chúng ta thấy các bức màn che huyền bí học vận hành như thế nào và việc xuyên thủng chúng khó khăn ra sao. Ý nghĩa thật của chúng trở nên quá hiển nhiên—một khi đã được giải thích!

In proceeding with the "Rules for Magic," we will take up those concerned with the second set, which deal with **the form-building impulses, and those attractive tendencies which are the basis of physical plane manifestation**.

Khi tiếp tục với "Các Quy Luật về Huyền Thuật", chúng ta sẽ xét đến những quy luật thuộc bộ thứ hai, bàn đến **những xung lực kiến tạo hình tướng, và những khuynh hướng hấp dẫn vốn là nền tảng của sự biểu hiện trên cõi hồng trần**.

151. DK is informing us that the attractive tendencies of the astral body are the basis of physical plane manifestation. Desire is a great materializing force. When desires are strong enough, physical forms *necessarily* arise.

151. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các khuynh hướng hấp dẫn của thể cảm dục là nền tảng của sự biểu hiện trên cõi hồng trần. Dục vọng là một mãnh lực hiện hình lớn lao. Khi các dục vọng đủ mạnh, các hình tướng hồng trần *tất yếu* phát sinh.

152. Upon the astral plane, as well, powerful form-building impulses originate. Imagination serves desire as one 'out-pictures' the objects of desire.

152. Trên cõi cảm dục cũng vậy, những xung lực kiến tạo hình tướng mạnh mẽ phát sinh. Sự tưởng tượng phục vụ dục vọng khi người ta "vẽ ra bên ngoài" các đối tượng của dục vọng.

We have considered certain rules which deal with the work of the solar Angel, who (in all true magical work of any kind), **is the active agent**.

Chúng ta đã xét đến một số quy luật bàn đến công việc của Thái dương Thiên Thần, Đấng mà (trong mọi công việc huyền thuật chân chính thuộc bất kỳ loại nào), **là tác nhân hoạt động**.

153. This must never be forgotten. White magic does not originate within the human personality or with the magician in the lower three worlds. The magician and his

153. Điều này không bao giờ được quên. Chánh Thuật không khởi nguồn trong phàm ngã con người hay nơi nhà huyền thuật trong ba cõi thấp. Nhà huyền thuật và phàm

personality are only the conduit through which it can be brought into expression.

ngã của y chỉ là ống dẫn qua đó nó có thể được đưa vào biểu hiện.

We have [Page 1013] considered the rules whereby **He** constructs a thought form upon the mental plane, or that germ body which will (through accretion and vibratory sound), take to itself other forms.

Chúng ta đã [Page 1013] xét đến các quy luật nhờ đó **Ngài** kiến tạo một Hình tư tưởng trên cõi trí, hay thể mầm đó, thể sẽ (thông qua sự bồi đắp và âm thanh rung động) thu hút về cho chính nó những hình tướng khác.

154. Notice from the capitalization of the word, "He", we are speaking of the Solar Angel as the true Magician.

154. Hãy lưu ý từ việc viết hoa chữ "Ngài" rằng chúng ta đang nói về Thái dương Thiên Thần như Nhà Huyền Thuật đích thực.

155. The process of actual construction begins upon the lower mental plane even though the impulse to construct originates from the higher mental plane.

155. Tiến trình kiến tạo thực sự bắt đầu trên cõi hạ trí mặc dù xung lực kiến tạo bắt nguồn từ Cõi thượng trí.

156. The thoughtform which must grow and eventually precipitate may, when it is on the lower mental plane, be considered a "germ body".

156. Hình tư tưởng phải tăng trưởng và cuối cùng ngưng tụ có thể, khi ở trên cõi hạ trí, được xem như một "thể mầm".

157. The thoughtform gathers matter to itself (mental, astral, etheric and eventually dense physical matter).

157. Hình tư tưởng thu hút vật chất về cho chính nó (vật chất trí tuệ, cảm dục, dĩ thái và cuối cùng là vật chất hồng trần đậm đặc).

158. But it also grows and is enhanced by the application of vibratory sound. When we seek to augment the efficacy of any thoughtform we may create, we must understand the role which applied vibration plays in this process.

158. Nhưng nó cũng tăng trưởng và được tăng cường nhờ việc áp dụng âm thanh rung động. Khi chúng ta tìm cách gia tăng hiệu lực của bất kỳ hình tư tưởng nào mình có thể tạo ra, chúng ta phải hiểu vai trò mà rung động được áp dụng giữ trong tiến trình này.

S8S7 Part I

TCF 1014-1021

TCF 1013-1021

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ

font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

RULE VII. *The dual forces on the plane whereon the vital power must be sought, are seen; the two paths face the Solar Angel; the poles vibrate. A choice confronts the one who meditates.*

QUY LUẬT VII. *Các mãnh lực kép của cõi mà trên đó quyền năng thiết yếu phải được tìm kiếm được nhìn thấy; hai con đường đối diện với Thái Dương Thiên Thần; các cực rung động. Một sự lựa chọn đối mặt với người đang tham thiền.*

1. Here we have two figures at work—the Solar Angel and the "one who meditates".

1. Ở đây chúng ta có hai nhân vật đang hoạt động—Thái dương Thiên Thần và "người hành thiền".

2. Two paths face the Solar Angel. Choice confronts the one who meditates.

2. Hai con đường đối diện với Thái dương Thiên Thần. Sự lựa chọn đối diện người hành thiền.

3. It would seem that the Solar Angel, facing the two paths (right and left) will always choose the "right".

3. Dường như Thái dương Thiên Thần, khi đối diện hai con đường (chánh đạo và tả đạo), sẽ luôn chọn con đường "đúng".

4. The "one who meditates" (i.e., the human soul or disciple) is far less illumined and must wisely deliberate so he chooses aright.

4. "Người hành thiền" (tức linh hồn con người hay đệ tử) được soi sáng ít hơn nhiều và phải cân nhắc một cách khôn ngoan để y chọn đúng.

5. Probably no plane is more dualistic that the astral plane.

5. Có lẽ không cõi nào mang tính nhị nguyên hơn cõi cảm dục.

6. The following is an important excerpt from TWM on the "dual forces". It is required that we have a clear idea of the meaning of

6. Sau đây là một trích đoạn quan trọng từ Luận về Chánh Thuật về "các mãnh lực kép". Chúng ta cần phải có một ý niệm rõ ràng về ý

the pairs of opposites. Speaking of the astral plane, DK says:

It is first of all the plane of dual forces. The first thing the aspirant becomes aware of is duality. The little evolved man is aware of synthesis, but it is the synthesis of his material nature. The highly spiritual man is aware also of synthesis but it is that in his soul, whose consciousness is that of unity. But in between is the wretched aspirant, conscious of duality above all else and pulled hither and thither between the two. His first step has, for its objective, to make him aware of the pairs of opposites and of the necessity to choose between them. Through the light, which he has discovered in himself, he becomes aware of the dark. Through the good which attracts him, he sees the evil which is for him the line of least resistance. Through the activity of pain, he can visualize and become aware of pleasure, and heaven and hell become to him realities. Through the activity of the attractive life of his soul, he realizes the attraction of matter and of form, and is forced to recognize the urge and pull of both of them. He learns to feel himself as "pendant 'twixt the two great forces", and, once the dualities are grasped, it dawns on him slowly and surely that the deciding factor in the struggle is his divine will, in contradistinction to his selfish will. [Page 229] Thus the dual forces play their part until they are seen as two great streams of divine energy, pulling in opposite directions, and he becomes then aware of the two paths, mentioned in our rule. One path leads back into the dreary land of rebirth, and the other leads through the golden gate to the city of free souls. One is therefore involutionary and involves him in deepest matter; the other leads him out of the body nature, and makes him eventually aware of his spiritual body, through which he can function in the kingdom of the soul.

nghĩa của các cặp đối cực. Nói về cõi cảm dục, Chân sư DK viết:

Trước hết, đó là cõi của các mãnh lực kép. Điều đầu tiên mà người chí nguyện nhận biết là nhị nguyên tính. Con người ít tiến hóa nhận biết sự tổng hợp, nhưng đó là sự tổng hợp của bản chất vật chất của y. Con người có tinh thần cao cũng nhận biết sự tổng hợp, nhưng đó là sự tổng hợp trong linh hồn của y, mà tâm thức của linh hồn là tâm thức hợp nhất. Nhưng ở giữa là người chí nguyện khốn khổ, trên hết là hữu thức về nhị nguyên tính và bị kéo qua kéo lại giữa hai bên. Bước đầu tiên của y có mục tiêu là làm cho y nhận biết các cặp đối cực và sự cần thiết phải chọn lựa giữa chúng. Nhờ ánh sáng mà y đã khám phá trong chính mình, y nhận biết bóng tối. Nhờ điều thiện thu hút y, y thấy điều ác vốn đối với y là con đường ít trở ngại nhất. Nhờ hoạt động của đau khổ, y có thể hình dung và nhận biết khoái lạc, và thiên đường cùng địa ngục trở thành những thực tại đối với y. Nhờ hoạt động của sự sống hấp dẫn của linh hồn mình, y nhận ra sức hấp dẫn của vật chất và của hình tướng, và bị buộc phải thừa nhận sự thôi thúc và sức kéo của cả hai. Y học cách cảm thấy mình như “lơ lửng giữa hai mãnh lực lớn”, và một khi các nhị nguyên tính đã được nắm bắt, thì dần dần và chắc chắn y bừng hiểu rằng yếu tố quyết định trong cuộc đấu tranh là ý chí thiêng liêng của y, đối lập với ý chí ích kỷ của y. [Page 229] Như thế các mãnh lực kép đóng vai trò của chúng cho đến khi chúng được thấy như hai dòng năng lượng thiêng liêng lớn, kéo theo hai hướng đối nghịch, và khi ấy y nhận biết hai con đường được nhắc đến trong quy luật của chúng ta. Một con đường dẫn trở lại miền đất tái sinh ảm đạm, và con đường kia dẫn qua cánh cổng vàng đến thành phố của những linh hồn tự do. Vì vậy một con đường là giáng hạ tiến hoá và cuốn y vào vật chất sâu đậm nhất; con đường kia dẫn y ra khỏi bản chất thể xác, và cuối cùng

One path, later on (when he is a true and pledged chela) is known to him as the left hand path and the other the path of right activity. On one path, he becomes proficient in black magic, which is only the developed powers of the personality, subordinated to the selfish purposes of a man whose motives are those of self interest and worldly ambition. These confine him to the three worlds and shut the door which opens on to life. On the other path, he subordinates his personality and exercises the magic of the White Brotherhood, working always in the light of the soul with the soul in all forms, and laying no emphasis upon the ambitions of the personal self. Clear discrimination of these two paths reveals what is called in some occult books that "narrow razor-edged Path" which lies between the two. This is the "noble middle Path" of the Buddha and marks the fine line of demarcation between the pairs of opposites, and between the two streams which he has learnt to recognize—one going up unto the gates of heaven, and the other passing down into the nethermost hell. (TWM 228-229)

làm cho y nhận biết thể tinh thần của mình, qua đó y có thể hoạt động trong giới của linh hồn. Về sau, một con đường (khi y là một đệ tử chân chính và đã phát nguyện) được y biết là tả đạo và con đường kia là con đường của hoạt động đúng đắn. Trên một con đường, y trở nên thành thạo trong Hắc thuật, vốn chỉ là những quyền năng đã phát triển của phàm ngã, bị đặt dưới các mục đích ích kỷ của một con người có động cơ là tư lợi và tham vọng thế gian. Những điều này giam hãm y trong ba cõi giới và đóng cánh cửa mở vào sự sống. Trên con đường kia, y quy phục phàm ngã của mình và thực hành huyền thuật của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, luôn hoạt động trong ánh sáng của linh hồn với linh hồn trong mọi hình tướng, và không nhấn mạnh đến các tham vọng của phàm ngã cá nhân. Sự phân biện rõ ràng giữa hai con đường này làm lộ ra điều được gọi trong một số sách huyền bí học là "Con Đường hẹp sắc như lưỡi dao cạo" nằm giữa hai con đường ấy. Đây là "Con Đường trung đạo cao quý" của Đức Phật và đánh dấu ranh giới tinh tế giữa các cặp đối cực, và giữa hai dòng mà y đã học cách nhận ra—một dòng đi lên đến các cổng trời, và dòng kia đi xuống địa ngục sâu thẳm nhất. (TWM 228-229)

7. We understand how the power of *choice* under Libra must be applied to this plane to achieve the necessary balance. We must learn to decide using the spiritual will which is a reflection of the Divine Will.

7. Chúng ta hiểu quyền năng của *sự lựa chọn* dưới Libra phải được áp dụng vào cõi này như thế nào để đạt được sự quân bình cần thiết. Chúng ta phải học cách quyết định bằng ý chí tinh thần, vốn là sự phản chiếu của Ý Chí thiêng liêng.

8. The "vital power" that power which will further vitalize the thoughtform in process of construction and will render it sufficiently vital to descend onto the next plane—the etheric plane while remaining viable.

8. "Quyền năng thiết yếu" là quyền năng sẽ tiếp tục tiếp sinh lực cho hình tư tưởng đang trong tiến trình kiến tạo và sẽ làm cho nó đủ sinh động để đi xuống cõi kế tiếp—cõi dĩ thái—trong khi vẫn còn khả dụng.

9. A much fuller elaboration would be possible by consulting *A Treatise on White Magic* where these ideas are quite thoroughly explored.

9. Có thể khai triển đầy đủ hơn nhiều bằng cách tham khảo *Luận về Chánh Thuật*, nơi những ý tưởng này được khảo sát khá thấu đáo.

Upon the astral plane the thought form must now function, and a body must be provided so as to make this possible.

Trên cõi cảm dục, hình tư tưởng giờ đây phải hoạt động, và phải được cung cấp một thể để làm cho điều này trở nên khả hữu.

10. We notice that we still call the descending form a '*thought*form' even though its sphere of functioning has now become the astral plane.

10. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta vẫn gọi hình tướng đang đi xuống là một "hình *tư tưởng*" mặc dù khối cầu hoạt động của nó giờ đây đã trở thành cõi cảm dục.

11. We note that we retain the idea of *thought* as the form descends to the dense physical plane. Every form on the physical plane is known occultly as a '*thought*form'.

11. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta vẫn giữ ý niệm về *tư tưởng* khi hình tướng đi xuống cõi hồng trần đậm đặc. Mọi hình tướng trên cõi hồng trần đều được biết một cách huyền bí như một "hình *tư tưởng*".

The energy of desire enters it,

Năng lượng của dục vọng đi vào nó,

12. We note that the thoughtform can be penetrated by the energy of desire from the astral plane.

12. Chúng ta lưu ý rằng hình tư tưởng có thể được năng lượng dục vọng từ cõi cảm dục thâm nhập.

13. All the planes, as we know, are interpenetrating and can thus occupy the same 'space'.

13. Như chúng ta biết, tất cả các cõi đều xuyên thấm lẫn nhau và do đó có thể cùng chiếm một "không gian".

and "he who meditates" has to energise the form with one of two types of force before it passes into objectivity.

và "người hành thiền" phải tiếp năng lượng cho hình tướng bằng một trong hai loại mãnh lực trước khi nó đi vào tính khách quan.

14. The two types of force are found upon the astral plane—the "dual" forces.

14. Hai loại mãnh lực này được tìm thấy trên cõi cảm dục—các mãnh lực "kép".

15. One type of force operates under the influence of the personality; the other operates under the influence of the soul. One type of force leads into the world of form

15. Một loại mãnh lực hoạt động dưới ảnh hưởng của phàm ngã; loại kia hoạt động dưới ảnh hưởng của linh hồn. Một loại mãnh lực dẫn vào thế giới hình tướng và loại kia

and the other into the worlds of soul and Spirit.

dẫn vào các thế giới của linh hồn và tinh thần.

16. We see that the human being, the disciple, the soul-in-incarnation has the responsibility of energizing the thoughtform in a certain manner—according to the choice which has been made.

16. Chúng ta thấy rằng con người, đệ tử, linh hồn đang nhập thể có trách nhiệm tiếp năng lượng cho hình tư tưởng theo một cách nhất định—phù hợp với sự lựa chọn đã được thực hiện.

Upon the action taken depends the construction of the etheric body,

Tùy theo hành động được thực hiện mà việc kiến tạo thể dĩ thái,

17. In this instance, the etheric body of the thoughtform, if the human magician is the one who constructs.

17. Trong trường hợp này là thể dĩ thái của hình tư tưởng, nếu nhà huyền thuật con người là người kiến tạo.

18. Whatever DK says of thoughtform construction can be applied to the creation of that thoughtform we call the incarnated human being.

18. Bất cứ điều gì Chân sư DK nói về việc kiến tạo hình tư tưởng đều có thể được áp dụng vào sự sáng tạo hình tư tưởng mà chúng ta gọi là con người đang lâm phàm.

and the consequent physical manifestation.

và sự biểu hiện hồng trần kéo theo sau đó.

19. Choice upon the astral plane lies behind the type of physical manifestation which will result.

19. Sự lựa chọn trên cõi cảm dục nằm phía sau loại biểu hiện hồng trần sẽ phát sinh.

20. However the etheric body of a thoughtform or of a man is constructed, so will be the resultant dense physical manifestation.

20. Dù thể dĩ thái của một hình tư tưởng hay của một con người được kiến tạo như thế nào, thì biểu hiện hồng trần đậm đặc phát sinh cũng sẽ như thế ấy.

This point is but little realised by the average thinker, but the parallel with his own life experience is exact, as is the correspondence with the cosmic process.

Điểm này ít được nhà tư tưởng trung bình chứng nghiệm, nhưng sự song hành với kinh nghiệm sống của chính y là hoàn toàn chính xác, cũng như sự tương ứng với tiến trình vũ trụ.

21. As always, DK takes us into the realm of analogy, paralleling the microcosmic process with that of the macrocosm.

21. Như thường lệ, Chân sư DK đưa chúng ta vào lĩnh vực của định luật tương đồng, đặt

tiến trình tiểu thiên địa song hành với tiến trình của đại thiên địa.

22. Whenever we are faced with choice, we are faced with responsibility.

22. Bất cứ khi nào chúng ta đối diện với sự lựa chọn, chúng ta đối diện với trách nhiệm.

23. We are also faced with the type of will which we shall employ.

23. Chúng ta cũng đối diện với loại ý chí mà chúng ta sẽ sử dụng.

The "nature of the deva" (as it is called), enters in, and upon the quality of its love nature, and the specific type of that which is the object of love will depend the nature of the thought form.

"bản chất của thiên thần" (như cách gọi của nó) đi vào, và tùy theo phẩm tính của bản chất bác ái của nó, và loại đặc thù của điều là đối tượng của tình thương mà bản chất của hình tư tưởng sẽ tùy thuộc vào đó.

24. We are here offered a very occult piece of information. The "nature of the deva", its quality, will determine the destiny of the thoughtform when that thoughtform precipitates finally upon the physical plane.

24. Ở đây chúng ta được trao cho một mẩu thông tin rất huyền bí học. "Bản chất của thiên thần", phẩm tính của nó, sẽ quyết định số phận của hình tư tưởng khi hình tư tưởng ấy cuối cùng ngưng tụ trên cõi hồng trần.

25. When we speak above of the "love nature" of the deva we are speaking very much of the quality of desire which it evidences.

25. Khi ở trên chúng ta nói về "bản chất bác ái" của thiên thần, chúng ta đang nói rất nhiều đến phẩm tính của dục vọng mà nó biểu lộ.

26. It also seems clear that the nature of the thoughtform itself will be influential in attracting a deva of a certain quality.

26. Dường như cũng rõ ràng rằng bản chất của chính hình tư tưởng sẽ có ảnh hưởng trong việc thu hút một thiên thần có một phẩm tính nhất định.

If the deva, or solar Angel, is as yet in love with manifestation, and has a desire for objective existence, thus identifying himself voluntarily with substance, there ensues the phenomenon of reincarnated physical life.

Nếu thiên thần, hay Thái dương Thiên Thần, vẫn còn yêu thích sự biểu hiện, và có dục vọng đối với sự tồn tại khách quan, do đó tự nguyện đồng hoá với chất liệu, thì hiện tượng đời sống hồng trần tái sinh sẽ xảy ra.

27. Here we have a fascinating idea concerning the desire nature of the astral deva who is to ensoul a thoughtform. And

27. Ở đây chúng ta có một ý tưởng hấp dẫn liên quan đến bản chất dục vọng của thiên thần cảm dục sẽ phú linh cho một hình tư tưởng. Tuy nhiên, chúng ta khó có thể xem

yet, we can hardly consider such a deva as a 'solar Angel"

một thiên thần như thế là một "Thái dương Thiên Thần"

28. Has Master DK now changed the focus and is He speaking of the general quality of the Ego of the magician?

28. Phải chăng giờ đây Chân sư DK đã thay đổi trọng tâm và Ngài đang nói về phẩm tính tổng quát của chân ngã của nhà huyền thuật?

29. This section of text is perplexing in as much as the *very presence* of a Solar Angel associated with a man assures the phenomenon of "reincarnated physical life". This is so whether there have been few incarnations or many.

29. Phần văn bản này gây bối rối ở chỗ *sự hiện diện* của một Thái dương Thiên Thần gắn liền với một con người bảo đảm hiện tượng "đời sống hồng trần tái sinh". Điều này đúng dù đã có ít hay nhiều lần lâm phàm.

30. A Solar Angel who was no longer in love with manifestation would, it seems, be a 'liberated' Solar Angel (i.e., one who had been released from its supervisory duties over an evolving human being).

30. Dường như một Thái dương Thiên Thần không còn yêu thích sự biểu hiện nữa sẽ là một Thái dương Thiên Thần "được giải thoát" (tức một vị đã được giải phóng khỏi các nhiệm vụ giám hộ đối với một con người đang tiến hoá).

31. So, strangely, it seems, we are now speaking of a very high type of deva, when originally we were speaking the effect upon a descending thoughtform of an astral deva.

31. Vì vậy, thật lạ lùng, dường như giờ đây chúng ta đang nói về một loại thiên thần rất cao, trong khi ban đầu chúng ta đang nói về ảnh hưởng lên một hình tư tưởng đang đi xuống của một thiên thần cảm dục.

32. Using his analogical mode of thought, DK often switches contexts without informing us.

32. Sử dụng lối tư duy tương đồng của mình, Chân sư DK thường chuyển ngữ cảnh mà không báo cho chúng ta.

33. Solar Angels, we understand, are *not* astral devas, so their mention in this context will require close interpretive analysis.

33. Như chúng ta hiểu, các Thái dương Thiên Thần *không* phải là các thiên thần cảm dục, nên việc nhắc đến các vị ấy trong ngữ cảnh này sẽ đòi hỏi sự phân tích diễn giải chặt chẽ.

34. Of course, if the Solar Angel is, in a certain sense, the Ego and if the *true* Ego is the spiritual triad, then, once the man has absorbed that which the Solar Angel came to give, it might be possible to consider the

34. Dĩ nhiên, nếu Thái dương Thiên Thần, theo một nghĩa nào đó, là chân ngã và nếu chân ngã *đích thực* là Tam Nguyên Tinh Thần, thì một khi con người đã hấp thu điều mà Thái dương Thiên Thần đến để ban cho,

spiritual triad as the Solar Angel or as the substitute for the qualities of the Solar Angel.

có lẽ có thể xem Tam Nguyên Tinh Thần như Thái dương Thiên Thần hoặc như sự thay thế cho các phẩm tính của Thái dương Thiên Thần.

35. It is certainly possible to be focused in the spiritual triad (as are the Great Ones) and have no attraction towards physical incarnation. For such a being there need not recur the phenomenon of "reincarnated physical life".

35. Chắc chắn có thể tập trung trong Tam Nguyên Tinh Thần (như Các Đấng Cao Cả) mà không có sức hút nào đối với sự lâm phàm hồng trần. Đối với một hữu thể như thế, hiện tượng "đời sống hồng trần tái sinh" không nhất thiết phải tái diễn.

If the deva, or solar Angel, is no longer attracted by matter, then there is no identification, and objective life is no longer the law of his existence.

Nếu thiên thần, hay Thái dương Thiên Thần, không còn bị vật chất thu hút nữa, thì không còn sự đồng hoá, và đời sống khách quan không còn là định luật của sự tồn tại của y nữa.

36. Here DK continues to speak of the Solar Angel and its general orientation to physical incarnation.

36. Ở đây Chân sư DK tiếp tục nói về Thái dương Thiên Thần và định hướng tổng quát của vị ấy đối với sự lâm phàm hồng trần.

37. The two processes—that of human physical incarnation and that of creating a manifested thoughtform—are often considered in a parallel manner. Perhaps he is speaking of *both* types of beings—both astral devas *and* Solar Angels.

37. Hai tiến trình—tiến trình lâm phàm hồng trần của con người và tiến trình tạo ra một hình tư tưởng biểu hiện—thường được xét theo cách song hành. Có lẽ ông đang nói về *cả hai* loại hữu thể—cả các thiên thần cảm dục *lẫn* các Thái dương Thiên Thần.

38. Perhaps the type of astral deva which is likely to ensoul a descending mental thoughtform depends very much on the basic orientation of the Solar Angel which informs the Ego on the higher mental plane.

38. Có lẽ loại thiên thần cảm dục có khả năng phú linh cho một hình tư tưởng trí tuệ đang đi xuống phụ thuộc rất nhiều vào định hướng căn bản của Thái dương Thiên Thần đang thấm nhuần chân ngã trên cõi thượng trí.

39. At a certain point in the process, the orientation of the Ego is *not* towards experience in physical incarnation but towards service within physical incarnation and for gradual extrication from incarnation.

39. Ở một điểm nào đó trong tiến trình, định hướng của chân ngã *không* hướng đến kinh nghiệm trong sự lâm phàm hồng trần mà hướng đến sự phụng sự trong khi lâm phàm hồng trần và hướng đến việc dần dần thoát khỏi sự lâm phàm.

40. This more spiritual orientation will affect the choice made by the "one who meditates", for that one is really the 'Ego-in-extension'.

He identifies himself then with quality, or energy, and becomes an expression of the divine attributes.

41. DK seems to be speaking about the level of identification of *man* as the Ego.

42. We know that there must come a time when every human being does just as this sentence describes—"identifies himself… with quality, or energy, and becomes an expression of the divine attributes". Obviously, a true white magician must do so.

43. One could think that an Ego (which the Solar Angel substands) *always* would do so, but obviously a man (considered as an Ego) is always evolving and has differing orientations towards physical manifestation depending upon his evolutionary progress.

44. Let us pause to realize:

a. There is the Ego *as higher man.* We might call this 'transpersonal human consciousness'.

b. There is the Ego as the instrument of the Solar Angel. An aspect of the consciousness of the Solar Angel infuses the egoic nature and guides it.

c. The Ego, per se, is not omniscient. Consciousnesses within causal bodies

40. Định hướng tinh thần hơn này sẽ ảnh hưởng đến sự lựa chọn do "người hành thiền" thực hiện, vì người ấy thực sự là 'chân ngã-trong-sự-mở-rộng'.

Khi ấy y đồng hoá với phẩm tính, hay năng lượng, và trở thành một biểu hiện của các thuộc tính thiêng liêng.

41. Dường như Chân sư DK đang nói về cấp độ đồng hoá của *con người* như chân ngã.

42. Chúng ta biết rằng phải đến một lúc nào đó mọi con người đều làm đúng như câu này mô tả—"đồng hoá… với phẩm tính, hay năng lượng, và trở thành một biểu hiện của các thuộc tính thiêng liêng". Hiển nhiên, một nhà huyền thuật chánh đạo đích thực phải làm như vậy.

43. Người ta có thể nghĩ rằng một chân ngã (mà Thái dương Thiên Thần nâng đỡ) *luôn luôn* sẽ làm như thế, nhưng hiển nhiên một con người (được xét như một chân ngã) luôn luôn đang tiến hoá và có những định hướng khác nhau đối với sự biểu hiện hồng trần tùy theo tiến bộ tiến hoá của mình.

44. Hãy dừng lại để nhận ra:

a. Có chân ngã *như con người cao hơn.* Chúng ta có thể gọi đây là 'tâm thức con người siêu cá nhân'.

b. Có chân ngã như công cụ của Thái dương Thiên Thần. Một phương diện của tâm thức của Thái dương Thiên Thần thấm nhuần bản chất chân ngã và hướng dẫn nó.

c. Chính chân ngã không phải là toàn tri. Các tâm thức trong các thể nguyên nhân tiếp tục phát triển và định hướng của chúng đối với

continue to develop and their orientation to physical plane life evolves over time.

đời sống cõi hồng trần tiến hoá theo thời gian.

d. The Solar Angel, however, *is,* with respect to the customary knowledge of man, relatively omniscient and will *always* be oriented toward the better choice within the lower worlds.

d. Tuy nhiên, Thái dương Thiên Thần *là*, xét theo tri thức thông thường của con người, tương đối toàn tri và *luôn luôn* sẽ định hướng về sự lựa chọn tốt hơn trong các cõi thấp.

Objectivity may then ensue as a voluntary offering to the good of the group or planetary existence, but identification with the separated form is no longer the case.

Khi ấy tính khách quan có thể xảy ra như một sự hiến dâng tự nguyện cho thiện ích của sự tồn tại nhóm hay hành tinh, nhưng sự đồng hoá với hình tướng biệt lập không còn là trường hợp nữa.

45. Here we would have entry into incarnation for service purposes. It would be, as stated, a "voluntary offering to the good of the group of planetary existence".

45. Ở đây chúng ta sẽ có sự đi vào lâm phàm vì mục đích phụng sự. Như đã nói, đó sẽ là một "sự hiến dâng tự nguyện cho thiện ích của sự tồn tại nhóm hay hành tinh".

46. This can occur even after the Solar Angel, per se, has returned to the Heart of the Sun or the Central Spiritual Sun (the monadic nature of the Solar Logos), for the true Ego is the spiritual triad and there are those who have achieved the fourth degree who voluntarily offer themselves through the process of physical incarnation to serve the good of the group or the planet.

46. Điều này có thể xảy ra ngay cả sau khi chính Thái dương Thiên Thần đã trở về Trái Tim của Mặt Trời hay Mặt trời Tinh thần Trung Ương (bản chất chân thần của Thái dương Thượng đế), vì chân ngã đích thực là Tam Nguyên Tinh Thần và có những vị đã đạt đến cấp độ thứ tư tự nguyện hiến mình qua tiến trình lâm phàm hồng trần để phụng sự thiện ích của nhóm hay hành tinh.

47. We could ponder well the differences and similarities between the Solar Angel and the spiritual triad of man. Most men, as we realize, are 'apprentice Solar Angels'.

47. Chúng ta có thể suy ngẫm kỹ về những khác biệt và tương đồng giữa Thái dương Thiên Thần và Tam Nguyên Tinh Thần của con người. Như chúng ta nhận ra, phần lớn con người là những 'Thái dương Thiên Thần tập sự'.

The human vehicle then created is as much a thought form in this case as any other particularised idea,

Vận cụ con người được tạo ra khi ấy cũng là một hình tư tưởng trong trường hợp này chẳng khác gì bất kỳ ý tưởng cá biệt hoá nào khác,

48. Yes, Master DK has been working *analogically*: the orientation of the Solar Angel/Ego and its effect upon the production of a manifested human being has been compared to the tendency of an astral deva (of a specific quality) to ensoul a thoughtform and thus determine the physical plane destiny of that thoughtform.

48. Đúng vậy, Chân sư DK đã làm việc *theo lối tương đồng*: định hướng của Thái dương Thiên Thần/chân ngã và ảnh hưởng của nó lên việc tạo ra một con người biểu hiện đã được so sánh với khuynh hướng của một thiên thần cảm dục (có phẩm tính đặc thù) phú linh cho một hình tư tưởng và do đó quyết định số phận trên cõi hồng trần của hình tư tưởng ấy.

and [Page 1014] **the greatest act of conscious magic is to be seen**. All other magical creations are subsidiary to this.

và [Page 1014] **hành vi huyền thuật hữu thức vĩ đại nhất được thấy nơi đây**. Mọi sáng tạo huyền thuật khác đều phụ thuộc vào điều này.

49. Here we have an idea of real importance. The process of human incarnation is the "greatest act of conscious magic". The creation of thoughtforms by human beings reflect this greater process and is definitely subsidiary to it.

49. Ở đây chúng ta có một ý tưởng thật sự quan trọng. Tiến trình nhập thể của con người là "hành vi huyền thuật hữu thức vĩ đại nhất". Việc con người tạo ra các Hình tư tưởng phản ánh tiến trình lớn lao hơn này và rõ ràng là phụ thuộc vào nó.

Through manipulation of negative and positive energy, thus bringing them to the point of equilibrium before informing them, the perfected body of the Adept is formed.

Thông qua việc vận dụng năng lượng âm và dương, nhờ đó đưa chúng đến điểm quân bình trước khi phú linh cho chúng, thể hoànhảo của chân sư được hình thành.

50. If an "Adept" is a Master, is DK here speaking technically of the method of creating a mayavirupa?

50. Nếu một "chân sư" là một Chân sư, thì ở đây DK có đang nói theo nghĩa kỹ thuật về phương pháp tạo ra một mayavirupa không?

51. One can also become an Adept while still in a body which has been created by normal generative means. Master DK appears to have done this. Perhaps while in such a normal body, negative and positive energies can be manipulated until a state of equilibrium is achieved.

51. Người ta cũng có thể trở thành một chân sư trong khi vẫn còn ở trong một thể được tạo ra bằng phương tiện sinh sản thông thường. Dường như Chân sư DK đã làm điều này. Có lẽ khi ở trong một thể bình thường như vậy, các năng lượng âm và dương có thể được vận dụng cho đến khi đạt được một trạng thái quân bình.

52. Later in this text, DK will focus on the contrast between desire and will. Probably it

52. Về sau trong bản văn này, DK sẽ tập trung vào sự tương phản giữa dục vọng và ý chí. Có

is these two energies which the adept must manipulate. In one way, Kriyashakti, as it found on the sixth or monadic plane, is has a close relation to the energy of desire.

lẽ chính hai năng lượng này là những gì chân sư phải vận dụng. Theo một phương diện, Kriyashakti, như được tìm thấy trên cõi thứ sáu hay cõi chân thần, có liên hệ mật thiết với năng lượng của dục vọng.

53. However, the manner in which this sentence is worded seems to suggest that such a body is *prepared* before being *informed.* This would strongly suggest the creation of a mayavirupa.

53. Tuy nhiên, cách diễn đạt của câu này dường như gợi ý rằng một thể như thế được *chuẩn bị* trước khi được *phú linh.* Điều này gợi ý rất mạnh đến việc tạo ra một mayavirupa.

54. The mayavirupa, as well, is a thoughtform.

54. Mayavirupa cũng là một Hình tư tưởng.

55. It is often the way of Master DK to seem to be speaking of one thing while speaking of several, giving a variety of hints all the time.

55. Thường đó là cách của Chân sư DK: dường như nói về một điều trong khi thực ra đang nói về nhiều điều, luôn luôn đưa ra nhiều gợi ý khác nhau.

All magical work on the astral plane has to be along the line of equilibrising activity,

Mọi công việc huyền thuật trên cõi cảm dục đều phải đi theo đường lối của hoạt động quân bình hóa,

56. The importance of Libra (a sign through which the third ray is conveyed) is emphasized. Along with this, fifth ray Venus and seventh Ray Uranus will be important. Saturn as the strongest ruler in Libra will be a dominant *equilibrizing* force.

56. Tầm quan trọng của Thiên Bình (một dấu hiệu hoàng đạo qua đó cung ba được truyền dẫn) được nhấn mạnh. Cùng với điều này, Sao Kim cung năm và Sao Thiên Vương cung bảy sẽ là những yếu tố quan trọng. Sao Thổ, với tư cách là chủ tinh mạnh nhất trong Thiên Bình, sẽ là một mãnh lực *quân bình hóa* chi phối.

57. The skillful magician, we realize, is a controlled and controlling individual, and Saturn is the planet of control. We often hear of the "magical controls" which the magician must master.

57. Chúng ta nhận ra rằng nhà huyền thuật thiện xảo là một cá nhân được kiểm soát và biết kiểm soát, và Sao Thổ là hành tinh của sự kiểm soát. Chúng ta thường nghe nói đến những "kiểm soát huyền thuật" mà nhà huyền thuật phải làm chủ.

and the distinctive nature of this type of work on the three planes in the three worlds might be summed up as follows:

58. In the three examples below we seem, again, to be speaking of the task of creating a human physical manifestation, with the Solar Angel standing in the role of the magician. The other interpretation, however, is always possible, with the Solar Angel strongly influencing all that the magician carries out in the process of creative thoughtform building.

On the mental plane, the *positive* force of the solar Angel drives the substance needed into the correct form.

59. Are we speaking of creating the mental body of the incarnated man? If so, the Solar Angel is working through the mental unit.

60. If we are speaking of man as magician, then under the *influence* of the Solar Angel, the substance to be utilized in created a mental thoughtform is driven into the correct form.

61. The Solar Angel, we realize, is still influential in the creative process of the human magician. Actually, the Solar Angel instigates even the process which creates thoughtforms in line with its own purposes, so, in a way, is present and active in the creative process of the white magician.

On the astral plane, the *equilibrising* force of the solar Angel gathers the needed material

và bản chất đặc thù của loại công việc này trên ba cõi trong ba cõi giới có thể được tóm lược như sau:

58. Trong ba thí dụ dưới đây, dường như một lần nữa chúng ta đang nói về nhiệm vụ tạo ra một biểu hiện hồng trần của con người, với Thái dương Thiên Thần đứng trong vai trò nhà huyền thuật. Tuy nhiên, cách giải thích khác vẫn luôn có thể có, theo đó Thái dương Thiên Thần ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi điều mà nhà huyền thuật thực hiện trong tiến trình xây dựng Hình tư tưởng sáng tạo.

Trên cõi trí, mãnh lực *dương* của Thái dương Thiên Thần đẩy chất liệu cần thiết vào đúng hình tướng.

59. Có phải chúng ta đang nói về việc tạo ra thể trí của con người nhập thể không? Nếu vậy, Thái dương Thiên Thần đang hoạt động thông qua đơn vị hạ trí.

60. Nếu chúng ta đang nói về con người như nhà huyền thuật, thì dưới *ảnh hưởng* của Thái dương Thiên Thần, chất liệu được sử dụng để tạo ra một Hình tư tưởng trí tuệ được đẩy vào đúng hình tướng.

61. Chúng ta nhận ra rằng Thái dương Thiên Thần vẫn còn có ảnh hưởng trong tiến trình sáng tạo của nhà huyền thuật con người. Thực ra, Thái dương Thiên Thần còn khởi xướng cả tiến trình tạo ra các Hình tư tưởng phù hợp với các mục đích riêng của nó, nên theo một nghĩa nào đó, nó hiện diện và hoạt động trong tiến trình sáng tạo của nhà huyền thuật chánh đạo.

Trên cõi cảm dục, mãnh lực *quân bình hóa* của Thái dương Thiên Thần tập hợp chất liệu và năng lượng cần thiết từ mọi phương

and energy from all directions and builds it into the necessary astral sheath.

hướng và xây dựng chúng thành lớp vỏ cảm dục cần thiết.

62. Yes, it is clear that we are speaking *principally* of the creation of the human astral body.

62. Đúng vậy, rõ ràng là chúng ta đang nói *chủ yếu* về việc tạo ra thể cảm dục của con người.

63. The Solar Angel, in this instance, is definitely the magician and must work through the atomic triangle. The work, in this case, is *magnetic,* and comes under the second aspect.

63. Trong trường hợp này, Thái dương Thiên Thần rõ ràng là nhà huyền thuật và phải hoạt động thông qua tam giác nguyên tử. Công việc, trong trường hợp này, là *từ tính,* và thuộc về phương diện thứ hai.

64. We must remember that the members of the atomic triangle are within the causal body and thus the Solar Angel has immediate access to them. We can say that the Angel can work through them without ever 'leaving' the causal body.

64. Chúng ta phải nhớ rằng các thành viên của tam giác nguyên tử nằm trong thể nguyên nhân và vì thế Thái dương Thiên Thần có thể tiếp cận trực tiếp với chúng. Chúng ta có thể nói rằng Thiên Thần có thể hoạt động thông qua chúng mà không hề 'rời khỏi' thể nguyên nhân.

On the physical plane the *negative* force of the solar Angel is all that is needed to gather the desired etheric substance. By this I mean the form **has now achieved a vitality and distinction of its own**, so that no **aggressive** action emanating from the egoic centre is required to continue the work. The note and vibration of the form itself suffices.

Trên cõi hồng trần mãnh lực *âm* của Thái dương Thiên Thần là tất cả những gì cần thiết để tập hợp chất liệu dĩ thái mong muốn. Qua điều này tôi muốn nói rằng hình tướng **nay đã đạt được một sinh lực và một tính phân biệt riêng của nó**, đến mức không cần **hành động mạnh bạo** nào phát ra từ trung tâm chân ngã để tiếp tục công việc. Chính âm điệu và rung động của bản thân hình tướng là đủ.

65. We see we have three types of force expressed by the Solar Angel through the sheaths: positive (in relation to the mental body), equilibrizing (in relation to the astral body) and negative (in relation to the physical body).

65. Chúng ta thấy có ba loại mãnh lực được Thái dương Thiên Thần biểu lộ qua các lớp vỏ: dương (liên hệ với thể trí), quân bình hóa (liên hệ với thể cảm dục) và âm (liên hệ với thể xác).

66. On the astral and physical planes, the Solar Angel "gathers", using its magnetism. On the mental plane, the Solar Angel

66. Trên cõi cảm dục và cõi hồng trần, Thái dương Thiên Thần "tập hợp", sử dụng từ điện của nó. Trên cõi trí, Thái dương Thiên

"drives" substance into correct form rather than gathering it.

Thần "đẩy" chất liệu vào đúng hình tướng thay vì tập hợp nó.

67. We note that the Solar Angel does not have to work aggressively in order to create the dense physical form. This implies that the action on the two higher planes is more "aggressive". Apparently, the negative force of the Solar Angel is the least aggressive of the three types of forces used to create the vehicles. We would expect the driving method on the mental plane to be the most aggressive.

67. Chúng ta lưu ý rằng Thái dương Thiên Thần không phải hoạt động mạnh bạo để tạo ra hình tướng hồng trần đậm đặc. Điều này hàm ý rằng hành động trên hai cõi cao hơn thì "mạnh bạo" hơn. Rõ ràng, mãnh lực âm của Thái dương Thiên Thần là loại ít mạnh bạo nhất trong ba loại mãnh lực được dùng để tạo ra các vận cụ. Chúng ta có thể mong đợi phương pháp đẩy trên cõi trí là mạnh bạo nhất.

68. From what is here said it is as if the "distinction" of the thoughtform is created largely on the mental plane and its "vitality" (considering that word in its non-etheric meaning—shall we call it 'attractive vibrancy') is generated on the astral plane.

68. Từ những gì được nói ở đây, dường như "tính phân biệt" của Hình tư tưởng phần lớn được tạo ra trên cõi trí, còn "sinh lực" của nó (xét từ này theo nghĩa phi-dĩ-thái—chúng ta có nên gọi là 'sự rung động hấp dẫn' chăng) được phát sinh trên cõi cảm dục.

69. We are given a hint regarding the creation of a dense physical form. Such a form is created by a "note" and by a "vibration". It is as if the Solar Angel is minimally involved in this process.

69. Chúng ta được cho một gợi ý liên quan đến việc tạo ra một hình tướng hồng trần đậm đặc. Một hình tướng như vậy được tạo ra bằng một "âm điệu" và bằng một "rung động". Dường như Thái dương Thiên Thần chỉ tham dự tối thiểu vào tiến trình này.

RULE VIII. *The Agnisuryans respond to the sound. The waters ebb and flow.*

QUY LUẬT VIII. *Các Agnisuryans đáp ứng với âm thanh. Các vùng nước lên xuống và chảy.*

70. Always we will have dual motion on this plane—in this case, contracting and expanding.

70. Trên cõi này, chúng ta sẽ luôn có chuyển động nhị nguyên—trong trường hợp này là co lại và giãn ra.

*Let the magician **guard himself from drowning** at the point where land and water meet. The midway spot which is neither dry nor wet must provide the standing place whereon his feet are set. When water, land and air meet there is the place for magic to be wrought.*

*Hãy để nhà huyền thuật **tự bảo vệ mình khỏi chết đắm** tại điểm nơi đất và nước gặp nhau. Nơi ở giữa, không khô cũng không ướt, phải cung cấp vị trí đứng mà trên đó y phải đặt bàn chân. Khi nước, đất và không khí gặp nhau, đó là nơi để huyền thuật được thực hiện.*

71. Here, in relation to the Agnisuryans, we must discover whether DK is indicating the *devas* of the astral plane or the *elemental* lives. Sometimes they are considered together under the term "Agnisuryans" and sometimes differentiated.

71. Ở đây, liên quan đến các Agnisuryan, chúng ta phải khám phá xem DK đang chỉ đến các *thiên thần* của cõi cảm dục hay các sự sống *hành khí*. Đôi khi chúng được xét chung dưới thuật ngữ "Agnisuryans", và đôi khi được phân biệt.

72. Upon the astral plane we will always find dual forces, ebbs and flows.

72. Trên cõi cảm dục, chúng ta sẽ luôn luôn thấy các mãnh lực nhị nguyên, những đợt lên xuống.

73. We must determine the occult significance of "drowning". References below indicate its nature.

73. Chúng ta phải xác định ý nghĩa huyền bí của việc "chết đuối". Những dẫn chiếu bên dưới cho thấy bản chất của nó.

74. As well it will be necessary to determine the occult meaning of the "midway spot". One suspects that the dense physical plane is "dry" and the astral plane is "wet", but as we are not yet dealing with the Rules of Magic for the etheric subplanes, there may be other and more specific meanings.

74. Cũng sẽ cần phải xác định ý nghĩa huyền bí của "nơi ở giữa". Người ta ngờ rằng cõi hồng trần đậm đặc là "khô" còn cõi cảm dục là "ướt", nhưng vì chúng ta chưa bàn đến các Quy Luật Huyền Thuật cho các cõi phụ dĩ thái, nên có thể còn có những ý nghĩa khác và chuyên biệt hơn.

75. In fact, if we do not consult *A Treatise on White Magic* we will be in no position fully to understand "the midway spot", so this we shall do below.

75. Thật vậy, nếu chúng ta không tham khảo *Luận về Chánh Thuật* thì chúng ta sẽ không thể hoàn toàn hiểu được "nơi ở giữa", vì vậy dưới đây chúng ta sẽ làm điều đó.

76. In *A Treatise on White Magic* the Tibetan gives a very full analysis of this rule. The pertinent sections of *A Treatise on Cosmic Fire* and *A Treatise on White Magic* must be read carefully *in conjunction* with each other.

76. Trong *Luận về Chánh Thuật*, Chân sư Tây Tạng đưa ra một phân tích rất đầy đủ về quy luật này. Những phần thích đáng trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* và *Luận về Chánh Thuật* phải được đọc cẩn thận *kết hợp* với nhau.

It will be noted that in this rule, **no mention is made of the fourth element, fire.** The reason for this is that the **magician has to accomplish the stupendous task of generating the needed fire at this triple "meeting place."**

Cần lưu ý rằng trong quy luật này, **không hề nhắc đến nguyên tố thứ tư, lửa.** Lý do là vì **nhà huyền thuật phải hoàn thành nhiệm vụ phi thường là phát sinh ngọn lửa cần thiết tại "điểm gặp gỡ" tam phân này.**

77. The occultism is deep.

77. Tính huyền bí học ở đây thật sâu.

78. What is the meaning of "fire" in this context? What will such fire accomplish? We gather the implication that fire will make the magical work effective. We may also gather that the production of magic is a fiery act.

78. "Lửa" trong ngữ cảnh này có nghĩa là gì? Ngọn lửa ấy sẽ hoàn thành điều gì? Chúng ta rút ra hàm ý rằng lửa sẽ làm cho công việc huyền thuật trở nên hữu hiệu. Chúng ta cũng có thể rút ra rằng việc tạo ra huyền thuật là một hành vi rực lửa.

79. We may infer that the magician must generate the needed "fire" from within himself. This, will be substantiated by stanzas from the Old Commentary below.

79. Chúng ta có thể suy ra rằng nhà huyền thuật phải phát sinh "lửa" cần thiết từ bên trong chính mình. Điều này sẽ được xác chứng bằng các bài kệ từ Cổ Luận ở bên dưới.

This is one of the most occult and most puzzling of the [Page 1015] rules.

Đây là một trong những quy luậ[Page 1015]ts huyền bí nhất và khó hiểu nhất.

80. Surely, on first reading, many of us thought the same.

80. Chắc chắn, khi đọc lần đầu, nhiều người trong chúng ta cũng đã nghĩ như vậy.

Some light is thrown on it by the following three sentences from the old Commentary:

Một ít ánh sáng được soi rọi lên điều này qua ba câu sau đây từ Cổ Luận:

81. The following three excerpts deal with the origins of the fire to be used in the magical creative process.

81. Ba trích đoạn sau đây bàn về nguồn gốc của ngọn lửa sẽ được dùng trong tiến trình sáng tạo huyền thuật.

82. Perhaps, if we extend the analogy, fire must be drawn upon the Ego when it creates its personal reflection—the incarnated human being.

82. Có lẽ, nếu chúng ta mở rộng phép tương đồng, lửa phải được rút ra từ chân ngã khi nó tạo ra phản ảnh cá nhân của mình—con người nhập thể.

*"When **the fire is drawn from the inmost point within the heart** the waters suffice not to subdue it. Like a stream of flame it issues forth, and traverses the waters, which disappear before it. Thus the goal is found."*

*"Khi **lửa được rút ra từ điểm sâu kín nhất bên trong tim** thì nước không đủ sức dập tắt nó. Như một dòng lửa, nó tuôn ra và băng qua nước, và nước biến mất trước nó. Như thế mục tiêu được tìm thấy."*

83. In this context, the "heart" may have more than one meaning. One occult meaning would be the soul or egoic lotus. In this case, the "inmost point within the heart" would be the Jewel in the Lotus. If so,

83. Trong ngữ cảnh này, "tim" có thể có hơn một ý nghĩa. Một ý nghĩa huyền bí là linh hồn hay Hoa Sen Chân Ngã. Trong trường hợp này, "điểm sâu kín nhất bên trong tim" sẽ là Bảo Châu trong Hoa Sen. Nếu vậy, ngọn

the fire drawn forth would have its point of origin in the Monad.

lửa được rút ra sẽ có điểm xuất phát trong chân thần.

84. Should the waters "subdue" the fire, drowning would ensue.

84. Nếu nước "dập tắt" được lửa, thì sự chết đuối sẽ xảy ra.

85. In reading this section of text, one is reminded of the first words from Formula I from DINA II—"A line of fire between two blazing points." The "blazing points" can be interpreted as the Monad and the Jewel in the Lotus

85. Khi đọc phần văn bản này, người ta nhớ đến những lời đầu tiên của Công Thức I trong DINA II—"Một đường lửa giữa hai điểm rực cháy." "Hai điểm rực cháy" có thể được diễn giải là chân thần và Bảo Châu trong Hoa Sen

86. The fire issuing forth from the heart has the effect of negating any harm which might be perpetrated by the water devas—whether harm to the thoughtform or harm to the magician.

86. Ngọn lửa phát ra từ tim có tác dụng phủ nhận bất kỳ tổn hại nào mà các thiên thần nước có thể gây ra—dù là tổn hại cho Hình tư tưởng hay tổn hại cho nhà huyền thuật.

87. The "inmost point within the heart" might also have a more anatomical meaning related to the heart center of the creator. Surely, however, it suggests the presence of the energy of the first aspect. The heart, let us remember, is the seat for *both* the second aspect of divinity and the first as well.

87. "Điểm sâu kín nhất bên trong tim" cũng có thể có một ý nghĩa giải phẫu hơn, liên hệ với trung tâm tim của đấng sáng tạo. Tuy nhiên, chắc chắn nó gợi ý sự hiện diện của năng lượng thuộc phương diện thứ nhất. Xin nhớ rằng tim là chỗ ngự của *cả* phương diện thứ hai của thiên tính lẫn phương diện thứ nhất.

88. If we are to relate the "inmost point within the heart" to the etheric heart center, that point should probably be considered the *jewel* within that heart center.

88. Nếu chúng ta liên hệ "điểm sâu kín nhất bên trong tim" với trung tâm tim dĩ thái, thì điểm đó có lẽ nên được xem là *bảo châu* bên trong trung tâm tim ấy.

89. Uniting the two perspectives, we could say that the jewel in the heart center is definitely connected to the Jewel in the Lotus. Further, every jewel in every chakra is ultimately connected to the Monad.

89. Kết hợp hai góc nhìn, chúng ta có thể nói rằng bảo châu trong trung tâm tim chắc chắn có liên hệ với Bảo Châu trong Hoa Sen. Hơn nữa, mọi bảo châu trong mọi luân xa rốt cuộc đều liên hệ với chân thần.

"When the fire descends from the One Who watches above, *the wind suffices not to blow it out.*

"Khi lửa giáng xuống từ Đấng quan sát ở bên trên, *thì gió không đủ sức thổi tắt nó.*

90. It is becoming clear that the fire is to be drawn from the higher Ego on the higher mental plane. The Solar Angel/Ego is the "One who watches from above".

90. Ngày càng rõ rằng lửa phải được rút ra từ chân ngã cao hơn trên Cõi thượng trí. Thái dương Thiên Thần/chân ngã là "Đấng quan sát từ bên trên".

91. While the lower mental plane is rightfully associated with fire, mental currents can also be associated with air and, thus, with wind.

91. Trong khi cõi hạ trí được liên kết đúng đắn với lửa, các dòng trí tuệ cũng có thể được liên kết với khí và do đó với gió.

92. In this sentence, then, we can see a relation between the higher mental plane and the lower four mental subplanes. The fire originates on the higher mental plane and the wind can be understood as forces upon the lower mental plane which could blow out the higher fire or some how blow out the descending idea emanating from the higher mental plane.

92. Vậy thì trong câu này, chúng ta có thể thấy một mối liên hệ giữa Cõi thượng trí và bốn cõi phụ trí tuệ thấp. Lửa phát sinh trên Cõi thượng trí, còn gió có thể được hiểu là các mãnh lực trên cõi hạ trí, những mãnh lực có thể thổi tắt ngọn lửa cao hơn hoặc bằng cách nào đó thổi tắt ý tưởng giáng xuống phát ra từ Cõi thượng trí.

The very winds protect, shield and aid the work, guiding the falling fire unto the point of entrance."

Chính những luồng gió bảo vệ, che chở và trợ giúp công việc, hướng dẫn ngọn lửa đang rơi xuống đến điểm đi vào."

93. This is a very occult passage and there is no way we can be certain as we attempt to interpret it.

93. Đây là một đoạn rất huyền bí và không có cách nào để chúng ta có thể chắc chắn khi cố gắng diễn giải nó.

94. We could say that the fire from the higher mental plane has such an effect upon the lower mental plane that the mental currents guard rather than disrupt the thoughtform in process of creation.

94. Chúng ta có thể nói rằng ngọn lửa từ Cõi thượng trí có một tác động như thế lên cõi hạ trí đến nỗi các dòng trí tuệ bảo vệ thay vì làm gián đoạn Hình tư tưởng đang trong tiến trình được tạo ra.

95. What might be the "point of entrance"? Are we speaking of the point of entrance onto the astral plane? If so, then the thought currents of the lower mental plane assist the passage of fire from the higher mental plane as it enters and descends through the lower planes towards the magician on the physical plane.

95. "Điểm đi vào" có thể là gì? Có phải chúng ta đang nói về điểm đi vào cõi cảm dục không? Nếu vậy, thì các dòng tư tưởng của cõi hạ trí hỗ trợ sự chuyển vận của lửa từ Cõi thượng trí khi nó đi vào và giáng xuống qua các cõi thấp hướng về nhà huyền thuật trên cõi hồng trần.

96. Since in this chapter we are dealing with the Rules of Magic for the astral plane, the "point of entrance" might be considered more physical. The guarding of the thought form by the winds would occur then on the astral plane and the "point of entrance" would lead into etheric-physical manifestation.

96. Vì trong chương này chúng ta đang bàn đến các Quy Luật Huyền Thuật cho cõi cảm dục, nên "điểm đi vào" có thể được xem là mang tính hồng trần hơn. Khi ấy, việc các luồng gió bảo vệ Hình tư tưởng sẽ xảy ra trên cõi cảm dục, và "điểm đi vào" sẽ dẫn đến biểu hiện dĩ thái-hồng trần.

"When the fire emanates from the mouth of the one who thinks and sees,

"Khi lửa phát ra từ miệng của kẻ suy tưởng và thấy,

97. We may gather that "the one who thinks and sees" is the magician upon the physical plane.

97. Chúng ta có thể suy ra rằng "kẻ suy tưởng và thấy" là nhà huyền thuật trên cõi hồng trần.

98. The fire has been drawn from occult sources: either from the Jewel in the Lotus (fed by the fire of the Monad) or, we suggest, the jewel at the center of the heart chakra—*or both.*

98. Ngọn lửa đã được rút ra từ các nguồn huyền bí: hoặc từ Bảo Châu trong Hoa Sen (được nuôi dưỡng bởi lửa của chân thần), hoặc như chúng tôi gợi ý, từ bảo châu ở trung tâm luân xa tim—*hoặc cả hai.*

99. It makes its way towards the throat center of the magician as is released in magical words and creative mantrams.

99. Nó tiến về trung tâm cổ họng của nhà huyền thuật và được giải phóng trong những lời huyền thuật và các mantram sáng tạo.

then the earth sufficeth not to hide or kill the flame.

thì đất không đủ sức che giấu hay giết chết ngọn lửa.

100. The forces of the dense physical plane could suffocate or bury the flame, halting the further progress of the magical process.

100. Các mãnh lực của cõi hồng trần đậm đặc có thể làm ngạt hoặc chôn vùi ngọn lửa, ngăn chặn sự tiến triển thêm của tiến trình huyền thuật.

101. Since the physical plane includes *both* an etheric and dense physical aspect, we could consider the etheric energies to be those of "earth". This may make sense in the context of the next sentence.

101. Vì cõi hồng trần bao gồm *cả* phương diện dĩ thái lẫn phương diện hồng trần đậm đặc, chúng ta có thể xem các năng lượng dĩ thái là những năng lượng của "đất". Điều này có thể hợp lý trong ngữ cảnh của câu tiếp theo.

102. We have seen so far, when speaking of the fire which has issued forth, that wind could not blow it out, water could not drown it and earth could not kill or suffocate it.

102. Cho đến nay, khi nói về ngọn lửa đã phát ra, chúng ta thấy rằng gió không thể thổi tắt nó, nước không thể làm nó chết đuối, và đất không thể giết hay làm ngạt nó.

103. The normal antagonism of the elements is moderated and, instead, they are made to become supportive of the descending fire.

103. Sự đối kháng thông thường của các nguyên tố được điều hòa, và thay vào đó, chúng được làm cho trở thành những yếu tố hỗ trợ ngọn lửa đang giáng xuống.

It feeds the flame, causing a growth and magnitude of fire which reaches to the narrow door of entrance."

Nó nuôi ngọn lửa, làm cho lửa tăng trưởng và lớn mạnh cho đến khi chạm tới cánh cửa hẹp của sự đi vào."

104. *What* feeds the flame? It would seem that "earth" can be made to feed the flame. If this is the case, then "earth" will have a closer connection to the *ethers* of the systemic physical plane than to the densest aspects of that plane.

104. *Điều gì* nuôi ngọn lửa? Dường như "đất" có thể được làm cho nuôi ngọn lửa. Nếu đúng như vậy, thì "đất" sẽ có liên hệ gần gũi hơn với các *dĩ thái* của cõi hồng trần hệ thống hơn là với những phương diện đậm đặc nhất của cõi ấy.

105. One can rather easily envision the ethers feeding the flame and augmenting the intensity of fire. The ethers are connected with "air" just as it the buddhic plane. "Air" feeds "fire".

105. Người ta có thể khá dễ dàng hình dung các dĩ thái nuôi ngọn lửa và tăng cường cường độ của lửa. Các dĩ thái liên hệ với "khí" cũng như cõi Bồ đề vậy. "Khí" nuôi "lửa".

106. As for the "narrow door of entrance" it can be conceived as entrance upon the dense physical plane which final manifestation must occur. This, ultimately, is probably the best interpretation.

106. Còn về "cánh cửa hẹp của sự đi vào", nó có thể được quan niệm là sự đi vào cõi hồng trần đậm đặc, nơi biểu hiện cuối cùng phải xảy ra. Rốt cuộc, đây có lẽ là cách diễn giải tốt nhất.

107. As well we have the suggestion of the birth canal through which all human beings find entrance into incarnated life.

107. Ngoài ra, chúng ta còn có gợi ý về ống sinh, qua đó mọi con người đi vào đời sống nhập thể.

Under this symbology much is hidden anent the **life-giving energy**, the centres symbolised to focalise it, and to drive it forth, and the place the various types of receptive matter play in the magical work.

Dưới biểu tượng học này, nhiều điều được che giấu liên quan đến **năng lượng ban sự sống**, các trung tâm được biểu tượng hóa để hội tụ nó và phóng nó ra, cùng vai trò mà các

loại vật chất tiếp nhận khác nhau đảm nhiệm trong công việc huyền thuật.

108. In discussing what is hidden in the arcane symbology, DK offers us hints.

108. Khi bàn về những gì được che giấu trong biểu tượng học bí truyền này, DK đưa cho chúng ta những gợi ý.

109. We are definitely speaking of certain centers or chakras. As well, the energy of the fire is to be associated with *life* and, thus, with the first aspect.

109. Rõ ràng chúng ta đang nói về một số trung tâm hay luân xa nhất định. Đồng thời, năng lượng của lửa phải được liên kết với *sự sống* và do đó với phương diện thứ nhất.

110. The chakras, and especially the jewels within the chakras, act as focal points for the descending life energy. Centers *focalize* and *drive forth* this energy. These functions are most significant to the magician engaged in the creative process.

110. Các luân xa, và đặc biệt là các bảo châu bên trong các luân xa, hoạt động như những điểm hội tụ cho năng lượng sự sống đang giáng xuống. Các trung tâm *hội tụ* và *phóng ra* năng lượng này. Những chức năng này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với nhà huyền thuật đang tham gia vào tiến trình sáng tạo.

111. The elements discussed—the wind, the waters, the earth—are all in the category of "receptive matter". This receptive matter is to be used by the descending fire and is not to present a hindrance to that fire as might usually be the case.

111. Các nguyên tố được bàn đến—gió, nước, đất—đều thuộc loại "vật chất tiếp nhận". Vật chất tiếp nhận này sẽ được ngọn lửa đang giáng xuống sử dụng và không được gây cản trở cho ngọn lửa ấy như thường có thể xảy ra.

112. Certain secret formulas prevent the elemental matter through which the descending idea must pass from overwhelming the thoughtform which represents that idea.

112. Một số công thức bí mật ngăn không cho vật chất hành khí mà ý tưởng đang giáng xuống phải đi qua áp đảo Hình tư tưởng đại diện cho ý tưởng ấy.

113. Now let us look at an excerpt from *A Treatise on White Magic* to better understand the meaning of the "midway spot".

113. Bây giờ chúng ta hãy xem một trích đoạn từ *Luận về Chánh Thuật* để hiểu rõ hơn ý nghĩa của "nơi ở giữa".

114. At each of the following categories of "midway spot" different types of students find their point of focus and their labor.

114. Trong mỗi loại "nơi ở giữa" sau đây, những loại đạo sinh khác nhau tìm thấy điểm tập trung và công việc của mình.

Most true aspirants are now at the midway spot, and can either drown (and so make no further progress this life), stand and so hold the ground gained, or become true practicing magicians, efficient in white magic, which is based on love, animated by wisdom and intelligently applied to forms. (TWM 235-236)

Hầu hết những người chí nguyện chân chính hiện nay đều ở nơi ở giữa, và có thể hoặc chết đuối (và như thế không tiến bộ thêm trong kiếp này), hoặc đứng vững và nhờ đó giữ được phần đất đã giành được, hoặc trở thành những nhà huyền thuật chân chính đang thực hành, hữu hiệu trong Chánh Thuật, vốn đặt nền trên bác ái, được minh triết làm sinh động, và được áp dụng một cách trí tuệ vào các hình tướng. (TWM 235-236)

115. DK's use of the word "drown" in relation to aspirants is a much milder use than its meaning in connection with certain errant magicians.

115. Việc DK dùng từ "chết đuối" liên hệ đến những người chí nguyện mang ý nghĩa nhẹ hơn nhiều so với ý nghĩa của nó khi liên hệ đến một số nhà huyền thuật lầm lạc.

You ask for a clearer definition of the "midway" spot.

Bạn hỏi về một định nghĩa rõ ràng hơn của "nơi ở giữa".

For the *probationer* it is the emotional plane, the Kurukshetra, or the plane of illusion, where land (physical nature) and water (emotional nature) meet.

Đối với *người dự bị*, đó là cõi cảm xúc, Kurukshetra, hay cõi ảo tưởng, nơi đất (bản chất hồng trần) và nước (bản chất cảm xúc) gặp nhau.

For the *disciple* it is the mental plane where form and soul make contact and the great transition becomes possible. For the advanced disciple and the initiate, the midway spot is the causal body, the karana sarira, the spiritual body of the soul, standing as the intermediary between Spirit and matter, Life and form, the monad and the personality.

Đối với *đệ tử*, đó là cõi trí nơi hình tướng và linh hồn tiếp xúc, và cuộc Chuyển tiếp lớn trở nên khả hữu. Đối với đệ tử tiến bộ và điểm đạo đồ, nơi ở giữa là thể nguyên nhân, karana sarira, thể tinh thần của linh hồn, đứng như trung gian giữa Tinh thần và vật chất, Sự sống và hình tướng, chân thần và phàm ngã.

This can also be discussed and understood in terms of the centres.

Điều này cũng có thể được bàn đến và thấu hiểu theo các trung tâm.

As every student knows, there are two centres in the head. One centre is between the eyebrows and has the pituitary body as its objective manifestation. The other is in the region at the top of the head and has the pineal gland as its concrete aspect. The pure

Như mọi đạo sinh đều biết, có hai trung tâm trong đầu. Một trung tâm nằm giữa hai chân mày và có tuyến yên là biểu hiện khách quan của nó. Trung tâm kia ở vùng đỉnh đầu và có tuyến tùng quả là phương diện cụ thể của nó. Nhà thần bí thuần túy có tâm thức tập

mystic has his consciousness centred in the top of the head, almost entirely in the etheric body. The advanced worldly man is centred in the pituitary region. **When, through occult unfoldment and esoteric knowledge, the relation between the personality and the soul is established there is a midway spot in the centre of the head in the magnetic field which is called the "light in the head", and it is here that the aspirant takes his stand.** This is the spot of vital import. It is neither land or physical, nor water or emotional. It might be regarded as the vital or etheric body which has become the field of conscious service, of directed control, and of force utilisation towards specific ends.

trung ở đỉnh đầu, gần như hoàn toàn trong thể dĩ thái. Người thế tục tiến bộ thì tập trung ở vùng tuyến yên. **Khi, thông qua sự khai mở huyền bí và tri thức nội môn, mối liên hệ giữa phàm ngã và linh hồn được thiết lập thì có một nơi ở giữa trong trung tâm đầu, trong từ trường được gọi là "ánh sáng trong đầu", và chính tại đây người chí nguyện đứng vững.** Đây là điểm có tầm quan trọng sinh tử. Nó không phải đất hay hồng trần, cũng không phải nước hay cảm xúc. Nó có thể được xem là thể sinh lực hay thể dĩ thái đã trở thành lĩnh vực của sự phụng sự hữu thức, của sự kiểm soát có định hướng, và của việc sử dụng mãnh lực hướng đến những mục đích chuyên biệt.

Here the magician takes his stand and through the [Page 248] medium of his force or energy body performs the magical creative work. (TWM 247-248)

Tại đây nhà huyền thuật đứng vững và thông qua [Page 248] trung gian của thể mãnh lực hay thể năng lượng của mình mà thực hiện công việc sáng tạo huyền thuật. (TWM 247-248)

116. Master DK's words from TWM are self-explanatory. We are dealing with the occultism of the head.

116. Những lời của Chân sư DK từ TWM tự chúng đã giải thích rõ. Chúng ta đang bàn đến huyền bí học của đầu.

117. It is clear that it is not sufficient to work exclusively from either the top of the head (as does the mystic) or from the area of the pituitary body (as does the worldly man). A point 'midway' between the two is needed and at the point the magician takes his stand.

117. Rõ ràng là không đủ nếu chỉ hoạt động riêng từ đỉnh đầu (như nhà thần bí làm) hoặc từ vùng tuyến yên (như người thế tục làm). Cần có một điểm "ở giữa" giữa hai nơi ấy, và tại điểm đó nhà huyền thuật đứng vững.

118. We will learn later that from a point of soul focus the advanced magician can influence the process undertaken at the "midway spot".

118. Về sau chúng ta sẽ học rằng từ một điểm tập trung của linh hồn, nhà huyền thuật tiến bộ có thể ảnh hưởng đến tiến trình được thực hiện tại "nơi ở giữa".

119. Vậy thì nhà huyền bí học tập trung trong từ trường được gọi là ánh sáng trong

119. The occultist, then, focuses within that magnetic field called the light in the head and from this 'place' performs his work.

đầu, và từ "nơi chốn" này thực hiện công việc của mình.

120. Here also from TWM is a useful summary of the work covered to this point:

120. Ở đây cũng từ TWM có một bản tóm lược hữu ích về công việc đã được đề cập cho đến điểm này:

The situation might be stated in the following terse statements. The rules already studied convey the truth anent the magician.

Tình huống có thể được phát biểu trong những mệnh đề vắn tắt sau đây. Những quy luật đã được nghiên cứu rồi truyền đạt chân lý liên quan đến nhà huyền thuật.

1. The soul has communicated with his instrument in the three worlds.

1. Linh hồn đã truyền thông với khí cụ của mình trong ba cõi giới.

2. The man on the physical plane recognises the contact, and the light in the head shines forth, sometimes recognised and sometimes unrecognised by the aspirant.

2. Con người trên cõi hồng trần nhận ra sự tiếp xúc ấy, và ánh sáng trong đầu bừng chiếu, đôi khi được người chí nguyện nhận biết và đôi khi không được nhận biết.

3. The soul sounds forth its note. A thought-form is created in consonance with the united meditation of the soul and the man, his instrument.

3. Linh hồn xướng lên âm điệu của nó. Một Hình tư tưởng được tạo ra phù hợp với sự tham thiền hợp nhất của linh hồn và con người, khí cụ của linh hồn.

4. This thought-form, embodying the will of the ego or soul, cooperating with the personality, takes to itself a triple form, constituted of the matter of all three planes, and vitalized through the activity and by the emanations from the heart, throat and [Page 237] ajna centres of the white magician—the soul in conjunction with its instrument.

4. Hình tư tưởng này, hiện thân cho ý chí của chân ngã hay linh hồn, hợp tác với phàm ngã, khoác lấy cho mình một hình thức tam phân, được cấu thành từ vật chất của cả ba cõi, và được tiếp sinh lực thông qua hoạt động và các phát xạ từ các trung tâm tim, cổ họng và [Page 237] ajna của nhà huyền thuật chánh đạo—linh hồn kết hợp với khí cụ của mình.

5. The personality sheaths, each with its own individual life, feel they are losing their power and the battle between the forces of matter and the force of the soul is violently renewed.

5. Các lớp vỏ phàm ngã, mỗi lớp với sự sống cá biệt riêng của nó, cảm thấy rằng chúng đang mất quyền lực, và trận chiến giữa các mãnh lực của vật chất và mãnh lực của linh hồn lại được tái diễn một cách dữ dội.

6. This battle must be fought out on the astral plane and will decide three things:

a. Whether the soul will, in any one life (for some life holds the critical stage), be the dominant factor and the personality from henceforth be the servant of the soul.

b. Whether the astral plane is no longer the plane of illusion, but can become the field of service.

c. Whether the man can become an active co-operator with the Hierarchy, able to create and to wield mental matter, and so work out the purposes of the Universal Mind, which are prompted by boundless and infinite love, and are the expression of the One Life. (TWM 236-237)

121. Let us include another paragraph which deals with the nature of "air" and the relation between the soul and the midway point. It becomes increasingly clear that this section of *A Treatise on Cosmic Fire* cannot be fully understood without recourse to the Tibetan's explanations found in *A Treatise on White Magic*.

One point is rather abstrusely dealt with in this rule, but it clarifies, if the words are studied with care. At the close of the rule we are told that when "water, land and air meet" there is the place for the working of magic. Curiously in these phrases the idea of location is omitted and only the time equation considered.

Air is the symbol of the buddhic vehicle, of the plane of spiritual love, and **when the three above enumerated (in their energy aspects) meet, it is indicative of a**

6. Trận chiến này phải được chiến đấu trên cõi cảm dục và sẽ quyết định ba điều:

a. Liệu linh hồn có, trong một kiếp sống nào đó (vì có những kiếp giữ giai đoạn quyết định), trở thành yếu tố chi phối và từ đó về sau phàm ngã trở thành người phụng sự của linh hồn hay không.

b. Liệu cõi cảm dục không còn là cõi ảo tưởng nữa, mà có thể trở thành lĩnh vực phụng sự hay không.

c. Liệu con người có thể trở thành một cộng tác viên tích cực với Thánh Đoàn, có khả năng tạo ra và vận dụng vật chất trí tuệ, và như thế thực hiện các mục đích của Vũ Trụ Trí, những mục đích được thúc đẩy bởi tình thương vô biên vô tận, và là biểu hiện của Sự Sống Duy Nhất hay không. (TWM 236-237)

121. Hãy đưa vào thêm một đoạn bàn về bản chất của "khí" và mối liên hệ giữa linh hồn với điểm ở giữa. Ngày càng rõ rằng phần này của *Luận về Lửa Vũ Trụ* không thể được thấu hiểu trọn vẹn nếu không viện đến những giải thích của Chân sư Tây Tạng trong *Luận về Chánh Thuật*.

Có một điểm được bàn đến khá khó hiểu trong quy luật này, nhưng nó làm sáng tỏ vấn đề nếu các lời được nghiên cứu cẩn trọng. Ở cuối quy luật, chúng ta được bảo rằng khi "nước, đất và khí gặp nhau" thì đó là nơi để huyền thuật hoạt động. Điều lạ là trong các cụm từ này, ý niệm về vị trí bị lược bỏ và chỉ xét đến phương trình thời gian.

Khí là biểu tượng của vận cụ Bồ đề, của cõi bác ái tinh thần, và **khi ba điều đã liệt kê ở trên (trong các phương diện năng lượng của chúng) gặp nhau, điều đó cho thấy có**

focussing in the soul consciousness and a centralisation of the man in the spiritual body. From that point of power, outside of form, from the central sphere of unification and from the focussed point within that circle of consciousness, the spiritual man projects his consciousness into the midway spot within the brain cavity where the magical work must, in relation to the physical plane, be carried out. This ability to project the consciousness from the plane of soul realisation into that of creative magical work on the etheric subplanes is gradually made possible as the student in his meditation work develops facility in focussing his attention in one or other of the centres in the body. This is accomplished through the medium of the force centres in the etheric body. He gradually gains that plasticity and that fluidity of the self-directed consciousness which will enable him to play on the centres, as a musician utilises the seven notes of music. When this has been achieved he can begin to train himself in wider and more extended focussings and must learn to withdraw his consciousness, not only to the brain, but to the soul on its own plane and thence re-direct his energies in the performance of the magical work of the soul. (TWM 248)

một sự tập trung trong tâm thức linh hồn và một sự tập trung hóa con người trong thể tinh thần. Từ điểm quyền năng ấy, ở ngoài hình tướng, từ khối cầu trung tâm của sự hợp nhất và từ điểm tập trung bên trong vòng tròn tâm thức đó, con người tinh thần phóng chiếu tâm thức của mình vào nơi ở giữa trong khoang não, nơi công việc huyền thuật phải được thực hiện liên hệ với cõi hồng trần. Khả năng phóng chiếu tâm thức từ cõi chứng nghiệm linh hồn vào cõi của công việc huyền thuật sáng tạo trên các cõi phụ dĩ thái dần dần trở nên khả hữu khi đạo sinh, trong công việc tham thiền của y, phát triển sự thành thạo trong việc tập trung sự chú ý của mình vào trung tâm này hay trung tâm khác trong thể. Điều này được hoàn thành thông qua các trung tâm lực trong thể dĩ thái. Y dần dần đạt được tính uyển chuyển và tính lưu chất của tâm thức tự định hướng, điều sẽ giúp y có thể vận dụng các trung tâm như một nhạc sĩ sử dụng bảy nốt nhạc. Khi điều này đã đạt được, y có thể bắt đầu tự huấn luyện mình trong những sự tập trung rộng hơn và bao quát hơn, và phải học cách rút tâm thức của mình không chỉ về bộ não mà còn về linh hồn trên cõi riêng của nó, rồi từ đó tái định hướng các năng lượng của mình trong việc thực hiện công việc huyền thuật của linh hồn. (TWM 248)

122. Continuing now with the text on which this commentary is based—

122. Giờ đây tiếp tục với bản văn làm nền cho phần bình giải này—

As is ever the case in all white magic, the activity of the solar Angel is the primary factor and the work of the man upon the physical plane is regarded as secondary;

Như luôn luôn là trường hợp trong mọi chánh thuật, hoạt động của Thái dương Thiên Thần là yếu tố chính yếu và công việc của con người trên cõi hồng trần được xem là thứ yếu;

123. This thought is recommended to the consideration of egocentric magicians who

123. Tư tưởng này được khuyến nghị để những nhà huyền thuật tập trung vào bản thân suy ngẫm, những kẻ nghĩ về *chính mình*

think of *themselves* (in the lower sense) as the center of the magical process.

(theo nghĩa thấp) như là trung tâm của tiến trình huyền thuật.

his physical body, and the work engendered therein, being frequently referred to as "fuel and its warmth."

thể xác của y, và công việc được phát sinh trong đó, thường được gọi là "nhiên liệu và hơi ấm của nó."

124. We see how peripheral the physical body is to the actual work of magic. The physical body allows the magic to manifest on the physical plane, but it is, in the last analysis, only a final conduit for a process originating on higher planes.

124. Chúng ta thấy thể xác ở vị trí ngoại vi đến mức nào đối với công việc huyền thuật thực sự. Thể xác cho phép huyền thuật biểu hiện trên cõi hồng trần, nhưng rốt cuộc nó chỉ là một ống dẫn cuối cùng cho một tiến trình bắt nguồn trên các cõi cao hơn.

125. We are speaking here of the “latent fires” of the dense physical vehicle.

125. Ở đây chúng ta đang nói về các “ngọn lửa tiềm ẩn” của vận cụ hồng trần đậm đặc.

This needs careful remembering, and will give the clue to the necessity of egoic alignment, and to the problem of the **extinction** of certain workers in magic, **who were "destroyed by their own fire" or energy**.

Điều này cần được ghi nhớ cẩn trọng, và sẽ cho manh mối về sự cần thiết của sự chỉnh hợp chân ngã, và về vấn đề của sự **dập tắt** nơi một số người hoạt động trong huyền thuật, **những kẻ đã bị "hủy diệt bởi chính lửa" hay năng lượng của mình**.

126. Without the proper egoic alignment, danger lurks for the magician.

126. Nếu không có sự chỉnh hợp chân ngã thích đáng, hiểm nguy rình rập nhà huyền thuật.

127. The word “extinction” is a arresting. It is a rather drastic word and suggests the putting out of a flame (“extinguished”) but even more the elimination of such workers, leaving in doubt their ability to return to the process even in another incarnation. Some, on the left hand path, can *never* return.

127. Từ “dập tắt” thật gây chú ý. Đó là một từ khá quyết liệt và gợi ý việc làm tắt một ngọn lửa (“bị dập tắt”), nhưng còn hơn thế nữa, nó gợi ý sự loại bỏ những người hoạt động như thế, khiến người ta nghi ngờ khả năng họ có thể quay lại tiến trình ấy ngay cả trong một kiếp khác. Một số kẻ, trên tả đạo, *không bao giờ* có thể quay lại.

128. The word also suggests that the methods which contributed to their “extinction” were old, form-bound methods, now surpassed by the methods associated with white magic.

128. Từ này cũng gợi ý rằng các phương pháp góp phần vào sự “dập tắt” của họ là những phương pháp cũ, bị ràng buộc vào hình tướng, nay đã bị vượt qua bởi các phương pháp gắn liền với chánh thuật.

129. The section of text seems to suggest that such magicians were destroyed by their own latent fires—the "ancient fires" which are among the most dangerous with which the magician has to deal.

129. Phần bản văn dường như gợi ý rằng những nhà huyền thuật như thế đã bị hủy diệt bởi chính các ngọn lửa tiềm ẩn của họ—những "ngọn lửa cổ xưa" vốn thuộc loại nguy hiểm nhất mà nhà huyền thuật phải đề cập đến.

130. The implication is that this fate would not have befallen them had they been properly aligned with the Ego/Solar Angel.

130. Hàm ý là số phận này đã không giáng xuống họ nếu họ được chỉnh hợp đúng đắn với Chân ngã/Thái dương Thiên Thần.

The discreet magician is one who sees to the readiness of his lowest vehicle to carry the fire wherewith he works, and this **he accomplishes through discipline and strict purity**.

Nhà huyền thuật thận trọng là người bảo đảm sự sẵn sàng của vận cụ thấp nhất của mình để mang ngọn lửa mà y làm việc cùng, và điều này **y hoàn thành bằng kỷ luật và sự thanh khiết nghiêm ngặt**.

131. Even that which is *not* a principle is not ignored by the "discreet magician". Such a magician is characterized by great caution. His knowledge of all the vehicles is extensive. He is aware of many pitfalls and he avoids them scrupulously.

131. Ngay cả điều *không* phải là một nguyên khí cũng không bị "nhà huyền thuật thận trọng" bỏ qua. Một nhà huyền thuật như thế được đặc trưng bởi sự dè dặt lớn lao. Kiến thức của y về mọi vận cụ đều rộng lớn. Y ý thức được nhiều cạm bẫy và tránh chúng một cách hết sức cẩn mật.

132. We notice the importance of discipline, and not only of purity, but of *strict* purity. No point of entry must be given to lower forces which could overcome the magician or force him to lose control of the delicate processes with which he is engaged.

132. Chúng ta lưu ý tầm quan trọng của kỷ luật, và không chỉ của sự thanh khiết, mà còn của sự thanh khiết *nghiêm ngặt*. Không được để bất kỳ điểm xâm nhập nào cho các mãnh lực thấp có thể áp đảo nhà huyền thuật hoặc buộc y mất quyền kiểm soát các tiến trình tinh tế mà y đang dấn thân vào.

133. We realize that the elemental lives on every level of descent must be controlled and the impurity gives these elementals an opportunity to seize control.

133. Chúng ta nhận ra rằng các sự sống hành khí ở mọi cấp độ giáng xuống đều phải được kiểm soát, và sự ô uế tạo cho các hành khí này cơ hội chiếm quyền kiểm soát.

The magician guards himself from "drowning" or from coming under the influence of the water or astral elementals,

Nhà huyền thuật tự bảo vệ mình khỏi "chết đuối" hay khỏi việc rơi vào dưới ảnh hưởng của các hành khí của nước hay hành khí cảm dục,

134. This, then, is the occult definition of "drowning". It means to come under the control of the "water or astral elementals". Here, apparently, we are not speaking of the Agnisuryans as devas on the evolutionary path but strictly of water elementals.

134. Vậy thì đây là định nghĩa huyền bí học của "chết đuối". Nó có nghĩa là rơi vào dưới quyền kiểm soát của các "hành khí của nước hay hành khí cảm dục". Ở đây, hiển nhiên chúng ta không nói về các Agnisuryans như các thiên thần trên con đường thăng thượng tiến hoá mà nói chỉ riêng về các hành khí của nước.

135. In less drastic cases, if a man came increasingly under the control of the water or astral elementals, he would find himself under the constant sway of desires which were contrary to his soul purposes. He would be overcome by feeling and emotion and would not be able to sustain his mental focus.

135. Trong những trường hợp ít nghiêm trọng hơn, nếu một người ngày càng rơi vào dưới quyền kiểm soát của các hành khí của nước hay hành khí cảm dục, y sẽ thấy mình ở dưới sự chi phối liên tục của những ham muốn trái ngược với các mục đích của linh hồn mình. Y sẽ bị cảm giác và cảm xúc lấn át và sẽ không thể duy trì sự tập trung trí tuệ của mình.

136. While the term "Agnisuryans" can be used broadly, perhaps including water elementals, so often, in the books, the term indicates devas on the evolutionary path.

136. Dù thuật ngữ "Agnisuryans" có thể được dùng theo nghĩa rộng, có lẽ bao gồm cả các hành khí của nước, nhưng rất thường trong các sách, thuật ngữ này chỉ các thiên thần trên con đường thăng thượng tiến hoá.

through a knowledge of certain formulas, and until these sounds and mantrams are **imparted and known**, it is not safe for the man on the physical plane to attempt magical creation.

nhờ tri thức về một số công thức nhất định, và cho đến khi những âm thanh và mantram này được **truyền dạy và biết đến**, thì con người trên cõi hồng trần vẫn chưa an toàn để thử sáng tạo huyền thuật.

137. This is a *point blank* statement. There is no way to evade its implications. "Do not attempt magical work until the protective formulas have been imparted and until they are assimilated." Readers of this book cannot say they have not been warned.

137. Đây là một phát biểu *thẳng thừng*. Không có cách nào né tránh các hàm ý của nó. "Đừng thử công việc huyền thuật cho đến khi các công thức bảo vệ đã được truyền dạy và cho đến khi chúng được đồng hóa." Những độc giả của cuốn sách này không thể nói rằng họ đã không được cảnh báo.

138. Below are some hints regarding the formulas but naturally, they are not imparted..

138. Dưới đây là một vài gợi ý liên quan đến các công thức ấy, nhưng dĩ nhiên chúng không được truyền dạy..

These formulas are three in number: [Page 1016]

First, those which blend the two notes, add a third, and **thus call into activity the builders of the astral plane, the Agnisuryans,** in some one or other of their grades.

139. In this section of text the Agnisuryans are indicated as "builders" and thus, most probably, as evolutionary devas. Earlier in the text DK discussed the difference between the dangerous elementals and the devas who are evolutionary builders. Far greater purity of life was needed to contact the latter.

140. Below we have the nature of the three notes sounded.

These are based on the initiatory sound of the Ego,

141. Given the sequence of notes discussed in the section of text above, this is the first note.

and distinguish between it and the sound of the note of the builders

142. This is the third note, calling into activity the Agnisuryans.

and lives of the tiny thought form already formed.

Các công thức này có ba loại: [Page 1016]

Thứ nhất, những công thức hòa trộn hai nốt, thêm một nốt thứ ba, và **nhờ đó gọi vào hoạt động các đấng kiến tạo của cõi cảm dục, các Agnisuryans,** trong một cấp độ nào đó của họ.

139. Trong phần bản văn này, các Agnisuryans được chỉ ra như những "đấng kiến tạo" và do đó rất có thể là các thiên thần tiến hoá. Trước đó trong bản văn, Chân sư DK đã bàn về sự khác biệt giữa các hành khí nguy hiểm và các thiên thần là những đấng kiến tạo tiến hoá. Cần có sự thanh khiết đời sống lớn lao hơn nhiều để tiếp xúc với loại sau.r.

140. Dưới đây chúng ta có bản chất của ba nốt được xướng lên.

Những công thức này dựa trên âm thanh điểm đạo của Chân ngã,

141. Xét theo chuỗi nốt được bàn đến trong phần bản văn trên, đây là nốt thứ nhất.

và phânbiệt nó với âm thanh của nốt của các đấng kiến tạo

142. Đây là nốt thứ ba, gọi các Agnisuryans vào hoạt động.

và các sự sống của hình tư tưởng nhỏ bé đã được tạo thành rồi.

143. The note emanating from these tiny elemental lives is presumably the second note.

143. Nốt phát ra từ các sự sống hành khí nhỏ bé này hẳn là nốt thứ hai.

The formula is chanted on a basis of these three notes,

Công thức được tụng dựa trên ba nốt này,

144. Though exactly how it is chanted we are not told. We see that the voice is involved and an ability to sing or chant on certain pitches.

144. Dù chính xác nó được tụng như thế nào thì chúng ta không được cho biết. Chúng ta thấy giọng nói có liên quan và có một khả năng hát hay tụng ở những cao độ nhất định.

variation of tone and note, though not of formula, producing the types of forms.

sự biến đổi của âm sắc và nốt, dù không phải của công thức, tạo ra các loại hình tướng.

145. Probably, in this context, "tone" is not the equivalent of "note". Tone may have more to do with quality of voice and with the pitch of the note. The "note" is probably one of the notes of the scale. As we know, the same note can be intoned in different octaves.

145. Có lẽ, trong ngữ cảnh này, "âm sắc" không tương đương với "nốt". Âm sắc có thể liên quan nhiều hơn đến phẩm tính của giọng nói và đến cao độ của nốt. "Nốt" có lẽ là một trong các nốt của thang âm. Như chúng ta biết, cùng một nốt có thể được ngân lên ở những quãng tám khác nhau.

146. We see there is much to be learned. Such knowledge must be *imparted* by One who knows. Can the soul itself impart such detail?

146. Chúng ta thấy còn rất nhiều điều phải học. Tri thức như thế phải được *truyền dạy* bởi Đấng biết rõ. Chính linh hồn có thể truyền dạy những chi tiết như thế chăng?

147. We might think that such a formula would control any relationship developing between these three factors.

147. Chúng ta có thể nghĩ rằng một công thức như thế sẽ kiểm soát bất kỳ mối quan hệ nào phát triển giữa ba yếu tố này.

148. The formula would remain the same but the notes and their relationship could change. Much would depend upon the vibratory notes of the subplanes upon which magical work was being attempted.

148. Công thức sẽ giữ nguyên, nhưng các nốt và mối liên hệ của chúng có thể thay đổi. Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào các nốt rung động của những cõi phụ nơi công việc huyền thuật đang được thử thực hiện.

149. Different kinds of forms would result from the use of different notes, but the

149. Những loại hình tướng khác nhau sẽ phát sinh từ việc sử dụng những nốt khác

formula for chanting would remain the same.

nhau, nhưng công thức để tụng sẽ vẫn giữ nguyên.

Second, those which are of a **purely protective nature**, and which, through a knowledge of the laws of sound as they are known in connection with water (or the astral plane), place a vacuum between the magician and the waters, **as well as** between him and his creation.

Thứ hai, những công thức có bản chất **thuần túy bảo vệ**, và những công thức ấy, nhờ tri thức về các định luật của âm thanh như chúng được biết trong liên hệ với nước (hay cõi cảm dục), đặt một khoảng chân không ở giữa nhà huyền thuật và các làn nước, **cũng như** giữa y và sáng tạo phẩm của y.

150. Perhaps the most important thought to be extracted from the second paragraph is that through a knowledge of sound, protective vacuums can be created.

150. Có lẽ tư tưởng quan trọng nhất rút ra từ đoạn thứ hai là nhờ tri thức về âm thanh, các khoảng chân không bảo vệ có thể được tạo ra.

151. A vacuum is a protective barrier preventing the elementals of water from reaching and disrupting the magician.

151. Một khoảng chân không là một hàng rào bảo vệ ngăn các hành khí của nước tiếp cận và phá rối nhà huyền thuật.

152. Why the vacuum between the magician and the thoughtform he is in process of creating? We have read of the need to keep the magician distinct from that which he creates. It is disastrous to the magician for the thoughtform to return and lodge within the aura of the magician or be absorbed by that aura. There it would act as a vampire and obsessing agent. It would seem that the vacuum created is one of the methods to prevent this 'return to sender'.

152. Tại sao lại có khoảng chân không giữa nhà huyền thuật và hình tư tưởng mà y đang trong tiến trình tạo ra? Chúng ta đã đọc về nhu cầu phải giữ cho nhà huyền thuật tách biệt với điều mà y tạo ra. Sẽ là tai hại cho nhà huyền thuật nếu hình tư tưởng quay trở lại và trú ngụ trong hào quang của nhà huyền thuật hoặc bị hào quang ấy hấp thụ. Ở đó nó sẽ hoạt động như một ma cà rồng và một tác nhân ám nhập. Có vẻ như khoảng chân không được tạo ra là một trong những phương pháp để ngăn chặn sự 'trả lại người gửi' này.

This formula is based on the sounds connected with air as well,

Công thức này cũng dựa trên các âm thanh gắn liền với khí,

153. We are learning that there are sounds connected with all the elements.

153. Chúng ta đang học rằng có những âm thanh gắn liền với mọi nguyên tố.

for it is through **placing around himself a protecting shell of air atoms,** esoterically understood, that the magician guards

vì chính nhờ **đặt quanh mình một vỏ bảo vệ bằng các nguyên tử khí,** được hiểu theo nghĩa huyền bí, mà nhà huyền thuật tự bảo

himself from **the approach of the water builders**.

154. This seems to be a definition of what it means to create a vacuum between the magician and the waters.

155. Perhaps at this point we should remember that the element of "air" is associated with the *buddhic* plane. Are buddhic atoms involved in creating this protective shell? We have often been told of the necessity for the astral plane to become responsive to the buddhic plane and of the close interplay between the two planes.

156. Here again we find the term "builders"—the "water builders". We have to determine whether DK is referencing the elementals of water or the Agnisuryans.

157. We know that the magician can be menaced by the elementals of the various elements in which he is working? To what degree is he menaced by the Agnisuryans?

Third, those which, when sounded, produce **two results: the sending forth of the perfected creation**, so that it may take to itself a physical body, and next, the **dispersal of the building forces**, now that their work is completed.

158. Let us tabulate the results of this third kind of formula:

a. The sending forth of the perfected creation. It is clear that this creation is *etheric* in nature. Such an etheric form naturally takes to itself a physical body.

vệ mình khỏi **sự tiếp cận của các đấng kiến tạo của nước**.

154. Điều này dường như là một định nghĩa về ý nghĩa của việc tạo ra một khoảng chân không giữa nhà huyền thuật và các làn nước.

155. Có lẽ tại điểm này chúng ta nên nhớ rằng nguyên tố "khí" gắn liền với cõi *Bồ đề*. Có phải các nguyên tử Bồ đề tham gia vào việc tạo ra lớp vỏ bảo vệ này không? Chúng ta thường được bảo về sự cần thiết để cõi cảm dục trở nên đáp ứng với cõi Bồ đề và về sự tương tác mật thiết giữa hai cõi này.

156. Ở đây một lần nữa chúng ta gặp thuật ngữ "đấng kiến tạo"—các "đấng kiến tạo của nước". Chúng ta phải xác định liệu Chân sư DK đang nói đến các hành khí của nước hay các Agnisuryans.

157. Chúng ta biết rằng nhà huyền thuật có thể bị đe dọa bởi các hành khí của những nguyên tố khác nhau mà y đang làm việc trong đó. Y bị các Agnisuryans đe dọa đến mức nào?

Thứ ba, những công thức mà khi được xướng lên sẽ tạo ra **hai kết quả: sự phóng ra sáng tạo phẩm đã hoàn chỉnh**, để nó có thể tự nhận lấy một thể xác, và kế đó là **sự phân tán các mãnh lực kiến tạo**, nay khi công việc của chúng đã hoàn tất.

158. Hãy lập bảng các kết quả của loại công thức thứ ba này:

a. Sự phóng ra sáng tạo phẩm đã hoàn chỉnh. Rõ ràng sáng tạo phẩm này có bản chất *dĩ thái*. Một hình tướng dĩ thái như thế tự nhiên sẽ nhận lấy một thể xác.

b. The dispersal of the building forces. These devas must not be bound once their work is completed. So much in the magical process consists of binding and then releasing. Naturally, there would be both binding and releasing formulas.

b. Sự phân tán các mãnh lực kiến tạo. Những thiên thần này không được bị trói buộc khi công việc của chúng đã hoàn tất. Rất nhiều trong tiến trình huyền thuật bao gồm việc trói buộc rồi giải phóng. Tự nhiên sẽ có cả những công thức trói buộc lẫn giải phóng.

This last set of formulas is of exceeding interest, and were they not so powerful the magician might find himself cumbered with the produce of his thought, and the prey of a vital form, and of certain "devas of the waters" who would never leave him until they had completely drained from him all the "waters of his nature," absorbing it into their own nature, and **producing his astral death**.

Bộ công thức cuối cùng này cực kỳ đáng quan tâm, và nếu chúng không mạnh mẽ đến thế thì nhà huyền thuật có thể thấy mình bị chất chồng bởi sản phẩm của tư tưởng mình, và trở thành mồi của một hình tướng sinh lực, và của một số "thiên thần của nước" nhất định, những kẻ sẽ không bao giờ rời y cho đến khi chúng đã rút cạn khỏi y toàn bộ "các làn nước của bản chất y," hấp thụ chúng vào bản chất riêng của chúng, và **gây ra cái chết cảm dục của y**.

159. Here we have a fascinating section. DK tells us how fortunate the magician is that the third type of formula is so powerful.

159. Ở đây chúng ta có một đoạn thật hấp dẫn. Chân sư DK cho chúng ta biết nhà huyền thuật may mắn biết bao vì loại công thức thứ ba mạnh mẽ đến thế.

160. What does this type of formula prevent?

160. Loại công thức này ngăn ngừa điều gì?

a. Becoming the prey of a vital form—presumably, a vital thought form. This, we know, leads often to obsession.

a. Trở thành mồi của một hình tướng sinh lực—hẳn là một hình tư tưởng sinh lực. Điều này, như chúng ta biết, thường dẫn đến ám nhập.

b. Becoming the prey of certain “devas of the waters” who would induce his astral death. Would this mean the magician had become completely incapable of sensitive response or of normal desire? Or would it mean the death of the incarnated personality? The link between the mental body and the etheric-physical body would be broken.

b. Trở thành mồi của một số “thiên thần của nước” nhất định, những kẻ sẽ gây ra cái chết cảm dục của y. Điều này có nghĩa là nhà huyền thuật đã trở nên hoàn toàn bất lực trong đáp ứng nhạy cảm hay trong ham muốn bình thường chăng? Hay nó có nghĩa là cái chết của phàm ngã đang lâm phàm? Mối liên kết giữa thể trí và thể dĩ thái-hồng trần sẽ bị cắt đứt.

161. Regarding these “devas of the waters”, DK is being purposely obscure. Are they elemental forces? If so, why does He use the word “devas”. Are they, then, certain devic forces on the evolutionary path, but still dangerous to the magician if not controlled? One day when we are practical white magicians, a mastery of these technicalities will be ours.

161. Về những “thiên thần của nước” này, Chân sư DK cố ý nói mơ hồ. Chúng có phải là các mãnh lực hành khí không? Nếu vậy, tại sao Ngài lại dùng từ “thiên thần”? Vậy thì chúng có phải là một số mãnh lực thiên thần nào đó trên con đường tiến hoá, nhưng vẫn nguy hiểm đối với nhà huyền thuật nếu không được kiểm soát? Một ngày kia khi chúng ta là những nhà huyền thuật chánh đạo thực hành, sự làm chủ các chi tiết kỹ thuật này sẽ thuộc về chúng ta.

162. Subtle forms of interplay are at work here. Our vehicles are composed of subtle substances, and subtle beings will have their inevitable effect upon such substances. It is our ignorance of these matters which makes us at times, foolhardy.

162. Những hình thức tương tác vi tế đang hoạt động ở đây. Các vận cụ của chúng ta được cấu thành từ những chất liệu vi tế, và những hữu thể vi tế tất sẽ có ảnh hưởng của chúng lên các chất liệu ấy. Chính sự vô minh của chúng ta về những vấn đề này khiến đôi khi chúng ta trở nên liều lĩnh.

The curious phenomenon would then be seen of the Ego or solar Angel

Khi ấy hiện tượng kỳ lạ sẽ được thấy là Chân ngã hay Thái dương Thiên Thần

163. Note here again the equivalence between the term “Ego” and the term “solar Angel”.

163. Ở đây một lần nữa hãy lưu ý sự tương đương giữa thuật ngữ “Chân ngã” và thuật ngữ “Thái dương Thiên Thần”.

being incarnated in the mental sheath, yet separated from the physical body, owing to the occult "drowning" of the magician.

đang nhập thể trong thể trí, nhưng lại tách rời khỏi thể xác, do sự "chết đuối" huyền bí của nhà huyền thuật.

164. “Drowning” we see, in *this* instance (different from the normal “drowning” of the aspirant), is much more drastic than merely being overcome by the astral devas and compelled by them. It is as if the astral body is completely destroyed. Naturally, the astral permanent atom would remain.

164. Trong *trường hợp này*, như chúng ta thấy, “chết đuối” (khác với sự “chết đuối” bình thường của người chí nguyện) nghiêm trọng hơn nhiều so với việc chỉ bị các thiên thần cảm dục áp đảo và cưỡng bách. Dường như thể cảm dục bị hủy diệt hoàn toàn. Dĩ nhiên, nguyên tử trường tồn cảm dục vẫn còn.

165. This could create an easily 'obsessable' physical vehicle if the vehicle endured for long.

165. Điều này có thể tạo ra một vận cụ hồng trần dễ bị 'ám nhập' nếu vận cụ ấy còn tồn tại lâu.

There is nothing left for the Ego to do then but to snap the sutratma [Page 1017] or thread, and sever all connection with the lowest sheath.

Khi ấy Chân ngã không còn gì để làm ngoài việc bẻ gãy sutratma [Page 1017] hay sợi dây, và cắt đứt mọi liên hệ với thể thấp nhất.

166. We should note that this option is well within the capacity of the Ego. It can control the death process.

166. Chúng ta nên lưu ý rằng lựa chọn này hoàn toàn nằm trong khả năng của Chân ngã. Nó có thể kiểm soát tiến trình chết.

167. Apparently, without the astral vehicle the lowest sheath is useless to the Ego. All communication between the lower and the higher would be severed.

167. Hiển nhiên, không có vận cụ cảm dục thì thể thấp nhất là vô dụng đối với Chân ngã. Mọi thông đạt giữa phần thấp và phần cao sẽ bị cắt đứt.

This lowest sheath then may persist for a short time, according to the strength of the animal life,

Khi ấy thể thấp nhất này có thể còn tồn tại trong một thời gian ngắn, tùy theo sức mạnh của sự sống thú tính,

168. The physical vehicle, we realize, has a life of its own. There are many more normal cases in which the vegetative life of the physical vehicle persists but "no one is at home".

168. Chúng ta nhận ra rằng vận cụ hồng trần có một sự sống riêng của nó. Có nhiều trường hợp bình thường hơn trong đó sự sống thực vật của vận cụ hồng trần vẫn tiếp diễn nhưng "không có ai ở nhà".

but more probably death would immediately ensue.[4] Several magicians have perished thus.

nhưng có lẽ nhiều hơn là cái chết sẽ xảy ra ngay lập tức.4 Một số nhà huyền thuật đã chết như thế.

169. Master DK has access to the records.

169. Chân sư DK có quyền tiếp cận các hồ sơ.

170. How would such a death appear to the onlooker? As a heart attack? As a stroke?

170. Một cái chết như thế sẽ hiện ra thế nào đối với người quan sát? Như một cơn đau tim? Như một cơn đột quỵ?

171. Below are some footnotes from *The Secret Doctrine* telling of what may result following the separation of the Ego from the physical body. We must note carefully—

171. Dưới đây là một số cước chú từ *Giáo Lý Bí Nhiệm* kể về điều có thể xảy ra sau khi Chân ngã tách khỏi thể xác. Chúng ta phải lưu ý cẩn thận—khi nào chúng ta đang nói về một

when are we speaking of a temporary separation (if the footnotes deal with this at all) and when of a permanent separation.

sự tách rời tạm thời (nếu các cước chú có bàn đến điều này) và khi nào là một sự tách rời vĩnh viễn.

Footnote 4:

Cước chú 4:

The courses open to the Divine Ego after separation are two.—S. D., III, 524.

Có hai con đường mở ra cho Chân ngã thiêng liêng sau khi tách rời.—S. D., III, 524.

a. It can start a fresh series of incarnations.

a. Nó có thể bắt đầu một chuỗi lâm phàm mới.

172. We note that a "series" may begin. It may be that such a series would be characterized by a 'corrective theme'—some trend or pursuit which would not lead the magician into the same fatal predicament again.

172. Chúng ta lưu ý rằng một "chuỗi" có thể bắt đầu. Có thể chuỗi ấy sẽ được đặc trưng bởi một 'chủ đề hiệu chỉnh'—một xu hướng hay sự theo đuổi nào đó sẽ không dẫn nhà huyền thuật vào cùng hoàn cảnh chí tử ấy lần nữa.

173. To start such a series would be the normal course of action and would not suggest the Ego's retreat due to the moral turpitude of its personality.

173. Bắt đầu một chuỗi như thế sẽ là tiến trình hành động bình thường và sẽ không gợi ý sự rút lui của Chân ngã do sự bại hoại đạo đức của phàm ngã nó.

174. The separation which preceded this "fresh series" was obviously not permanent.

174. Sự tách rời đi trước "chuỗi mới" này rõ ràng không phải là vĩnh viễn.

b. It can return to the 'bosom of the Father' and be gathered back to the Monad.

b. Nó có thể trở về "lòng Cha" và được thu hồi về chân thần.

175. Why would this occur? And if it did occur, would it not interrupt the overall evolution of the Ego from individualization to initiation?

175. Tại sao điều này lại xảy ra? Và nếu nó thực sự xảy ra, chẳng phải nó sẽ làm gián đoạn toàn bộ tiến hoá của Chân ngã từ biệt ngã hóa đến điểm đạo sao?

176. However, is DK hinting that periodically the Ego *is* gathered back to the "bosom of the Father"?

176. Tuy nhiên, có phải Chân sư DK đang gợi ý rằng theo chu kỳ, Chân ngã *được* thu hồi về "lòng Cha" chăng?

177. If this should occur on any periodic basis according to egoic cycles, would it not mean the premature destruction of the

177. Nếu điều này xảy ra trên một cơ sở chu kỳ nào đó theo các chu kỳ chân ngã, chẳng phải nó sẽ có nghĩa là sự hủy diệt sớm của

causal body? Factors mysterious to us seem to be involved.

178. Before considering these footnotes, we seemed to have been speaking of a calamity which could befall an unwise magician. Yet, in this context, we seem most likely to be speaking of those who have chosen the left hand path, as a result of which the Ego has given up its association with the evil-tending personality.

179. These do not seem to be the same subjects. The appended footnote, then, (at least in point b.) is interesting but not directly explanatory of calamity encountered through the faulty execution of the magical process.

Two courses are open to the lower discarded self.—S. D., III, 525, 527.

180. Here we are speaking of the second course of action and not of the self which is given the opportunity of a fresh series of incarnations.

a. If with a physical body it becomes a soulless man. In this case there is hope.

181. How long can a discarded self survive? How long can the physical body of a discarded self survive? Can a discarded self reincarnate? It would seem not as this would require the soul. Does a discarded self, once death ensures, persist upon the astral plane? This is possible.

182. The instances in this footnote seem to suggest the survival of the personality once the sutratma has been snapped. *Or,* in the

thể nguyên nhân sao? Dường như có những yếu tố huyền nhiệm đối với chúng ta đang can dự vào đây.

178. Trước khi xem xét các cước chú này, dường như chúng ta đã nói về một tai họa có thể giáng xuống một nhà huyền thuật thiếu khôn ngoan. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này, dường như rất có thể chúng ta đang nói về những kẻ đã chọn tả đạo, kết quả là Chân ngã đã từ bỏ sự liên kết của nó với phàm ngã có xu hướng ác.

179. Dường như đây không phải là cùng một đối tượng. Vậy thì cước chú được thêm vào này (ít nhất ở điểm b.) thật thú vị nhưng không trực tiếp giải thích tai họa gặp phải do việc thực hiện sai lầm tiến trình huyền thuật.

Có hai con đường mở ra cho phàm ngã bị loại bỏ.—S. D., III, 525, 527.

180. Ở đây chúng ta đang nói về tiến trình hành động thứ hai chứ không phải về cái ngã được trao cơ hội cho một chuỗi lâm phàm mới.

a. Nếu có thể xác, nó trở thành một con người vô hồn. Trong trường hợp này vẫn còn hy vọng.

181. Một cái ngã bị loại bỏ có thể sống sót bao lâu? Thể xác của một cái ngã bị loại bỏ có thể sống sót bao lâu? Một cái ngã bị loại bỏ có thể tái sinh không? Có vẻ là không, vì điều này sẽ đòi hỏi linh hồn. Một cái ngã bị loại bỏ, một khi cái chết xảy ra, có còn tồn tại trên cõi cảm dục không? Điều này là có thể.

182. Những trường hợp trong cước chú này dường như gợi ý sự tồn tại của phàm ngã sau khi sutratma đã bị bẻ gãy. *Hoặc,* trong

case here discussed, *has* the sutratma actually been snapped. Perhaps not. Perhaps there is still a sutratma, otherwise the physical body would immediately die and the other vehicles in short order. Perhaps in the case here discussed, the soul has merely turned away for a time. Perhaps discarding does mean the fatal snapping of the sutratma, otherwise how could there be the kind of case discussed above—i.e., "with a physical body".

trường hợp đang được bàn ở đây, *liệu* sutratma có thực sự đã bị bẻ gãy không. Có lẽ là không. Có lẽ vẫn còn một sutratma, nếu không thì thể xác sẽ chết ngay lập tức và các thể khác cũng sẽ nhanh chóng như vậy. Có lẽ trong trường hợp đang được bàn ở đây, linh hồn chỉ mới quay đi trong một thời gian. Có lẽ việc loại bỏ quả thực có nghĩa là sự bẻ gãy chí tử của sutratma, nếu không thì làm sao có thể có loại trường hợp được bàn ở trên—tức là, "có thể xác".

183. The term "discarded self" needs examination. Before taking up the footnote, DK was speaking of a discarded physical body, probably followed by a fresh series of incarnations. But when H.P.B. speaks of a "discarded self" she could be speaking of the Ego's *dissociation* from the atomic triangle and, thus, its dissociation from the remaining personality. This would produce, then, in the words of the footnote, the "soulless man".

183. Thuật ngữ "cái ngã bị loại bỏ" cần được khảo sát. Trước khi đề cập cước chú, Chân sư DK đang nói về một thể xác bị loại bỏ, có lẽ tiếp theo là một chuỗi lâm phàm mới. Nhưng khi H.P.B. nói về một "cái ngã bị loại bỏ", bà có thể đang nói về sự *tách rời* của Chân ngã khỏi tam giác nguyên tử và như vậy, sự tách rời của nó khỏi phàm ngã còn lại. Khi ấy điều này sẽ tạo ra, theo lời cước chú, "con người vô hồn".

b. If without a physical body it becomes a spook, or one form of the Dweller on the Threshold.

b. Nếu không có thể xác, nó trở thành một bóng ma, hay một dạng của Kẻ Chận Ngõ.

184. A "soulless man" has a physical body. A "spook" does not. We still need to solve the problem of the condition of the sutratma in the soulless man.

184. Một "con người vô hồn" có thể xác. Một "bóng ma" thì không. Chúng ta vẫn cần giải quyết vấn đề về tình trạng của sutratma trong con người vô hồn.

185. We see that it is possible for the Ego/Solar Angel either to 'snap the cord' or dissociated itself when the lower center of consciousness is focussed upon the astral plane and there is no physical body.

185. Chúng ta thấy rằng Chân ngã/Thái dương Thiên Thần có thể hoặc 'bẻ gãy sợi dây' hoặc tự tách rời khi trung tâm tâm thức thấp được tập trung trên cõi cảm dục và không có thể xác.

186. Reviewing, then, two types of disaster seem to have been discussed above:

186. Vậy thì khi điểm lại, dường như hai loại tai họa đã được bàn ở trên:

a. The ‘drowning’ of the magician and the subsequent “astral death”, followed by a deliberate snapping of the sutratma by the Ego. This process does not necessarily imply moral wickedness—perhaps only foolishness on the part of the magician.

a. Sự ‘chết đuối’ của nhà huyền thuật và “cái chết cảm dục” tiếp theo, rồi sau đó là sự bẻ gãy sutratma một cách có chủ ý bởi Chân ngã. Tiến trình này không nhất thiết hàm ý sự xấu ác về đạo đức—có lẽ chỉ là sự ngu xuẩn nơi nhà huyền thuật.

b. The discarding by the Ego of the personality (whether focussed in a physical body or upon the astral plane) for reasons *other* than failed magic. Such reasons usually involve focus on the left hand path and wickedness. In the first place we have only a temporary discarding of the personality, perhaps only for an incarnational period. In the second case, we seem to have a more permanent dissociation, perhaps for many lives, or even for a monadic cycle.

b. Sự loại bỏ phàm ngã bởi Chân ngã (dù được tập trung trong một thể xác hay trên cõi cảm dục) vì những lý do *khác* hơn huyền thuật thất bại. Những lý do ấy thường liên quan đến sự tập trung vào tả đạo và sự gian ác. Trong trường hợp thứ nhất, chúng ta chỉ có một sự loại bỏ tạm thời phàm ngã, có lẽ chỉ trong một thời kỳ lâm phàm. Trong trường hợp thứ hai, dường như chúng ta có một sự phân ly bền lâu hơn, có lẽ trong nhiều kiếp sống, hoặc thậm chí trong một chu kỳ chân thần.

c. That to which the second footnote and its elaborations refer are, therefore, much more serious cases.

c. Vì vậy, điều mà cước chú thứ hai và những phần khai triển của nó đề cập đến là những trường hợp nghiêm trọng hơn nhiều.

d. Perhaps this discarding of the lower self, especially when permanent or of lengthy duration, is the real occult meaning of “excommunication”.

d. Có lẽ sự loại bỏ phàm ngã này, nhất là khi mang tính thường trực hoặc kéo dài lâu, chính là ý nghĩa huyền bí thực sự của “sự tuyệt thông”.

RULE IX. *Condensation next ensues. The fire and waters meet, the form swells and grows. Let the magician set his form upon the proper path.*

QUY LUẬT IX. *Sự ngưng tụ tiếp theo xảy ra. Lửa và nước gặp nhau, hình tướng phồng lên và tăng trưởng. Hãy để nhà huyền thuật đặt hình tướng của mình trên con đường thích hợp.*

187. It is clear that we are in the midst of an alchemical process.

187. Rõ ràng là chúng ta đang ở giữa một tiến trình thuật luyện kim.

188. In the meeting of fire and water lies much difficulty for the average aspirant. We will see its result in relation to the magical process.

188. Trong sự gặp gỡ của lửa và nước có nhiều khó khăn đối với người chí nguyện trung bình. Chúng ta sẽ thấy kết quả của nó trong liên hệ với tiến trình huyền thuật.

This rule is very briefly summed up in the injunction: **Let desire and mind be so pure and so equally apportioned and the created form so justly balanced that it cannot be attracted towards the destructive or "left-hand" path.**

Quy luật này được tóm lược rất ngắn gọn trong mệnh lệnh sau: **Hãy để dục vọng và trí tuệ tinh khiết đến mức như nhau và được phân phối đồng đều đến mức như nhau, và hình tướng được tạo ra được quân bình công chính đến mức nó không thể bị lôi cuốn về phía con đường hủy diệt hay "tả đạo".**

189. Here we have one of the shortest synopses.

189. Ở đây chúng ta có một trong những bản tóm lược ngắn nhất.

190. There is a very important indication—imbalance within the created form may attract it to the left hand path.

190. Ở đây có một chỉ dẫn rất quan trọng—sự mất quân bình bên trong hình tướng được tạo ra có thể lôi kéo nó vào tả đạo.

191. We may also say that imbalance within the *thoughtform which is man* may attract him to the left hand path.

191. Chúng ta cũng có thể nói rằng sự mất quân bình bên trong *hình tư tưởng là con người* có thể lôi kéo y vào tả đạo.

192. As well we see that the left hand path is the "destructive" path.

192. Chúng ta cũng thấy rằng tả đạo là con đường "hủy diệt".

RULE X. *As the waters bathe the form created, they are absorbed and used.*

QUY LUẬT X. *Khi các vùng nước tắm rửa hình tướng được tạo ra, chúng được hấp thụ và sử dụng.*

193. This bathing seems a gentle act and not disruptive to the welfare of the thoughtform.

193. Sự tắm gội này dường như là một hành động nhẹ nhàng và không gây xáo trộn cho phúc lợi của hình tư tưởng.

The form increases in its strength; let the magician thus continue until the work suffices.

Hình tướng tăng lên về sức mạnh của nó; hãy để nhà huyền thuật tiếp tục cho đến khi công việc đã đủ.

194. We have a slow and balanced process. The factor of balance has been much emphasized in the discussion of magical work upon the astral plane.

194. Chúng ta có một tiến trình chậm rãi và quân bình. Yếu tố quân bình đã được nhấn mạnh rất nhiều trong cuộc bàn luận về công việc huyền thuật trên cõi cảm dục.

195. Upon the astral plane the thoughtform is gradually increasing in strength.

Let the outer builders cease their labors then, and let the inner workers enter on their cycle.

196. Here is a quotation from *A Treatise on White Magic* which clarifies the meaning of "the outer builders"

There is first the group of forces which concerns purely the form side, that are the work of the outer Builders, and which are the predominant factors right up to the stage of the Probationary Path. These are the forces inherent in matter itself; they deal with the body nature…(TWM 281)

197. These "outer builders" concern both the physical and etheric forces.

198. The section immediately following tells us how outer and inner builders are directed:

Let him withdraw the builders of the outer form, and let the inner builders of dynamic force push it forth into manifestation. Through the eye of the creator are these inner builders brought to functioning, directed action. Through the word of the creator were the outer builders guided. (TWM 279)

199. There comes a time for every evolving Son of God when he must learn to build from within rather than only labor on the

195. Trên cõi cảm dục, hình tư tưởng đang dần dần gia tăng sức mạnh.

Khi đó, hãy để các đấng kiến tạo bên ngoài ngừng các công việc của họ, và hãy để các công nhân bên trong bước vào chu kỳ của họ.

196. Đây là một trích dẫn từ *Luận về Chánh Thuật* làm sáng tỏ ý nghĩa của "các đấng kiến tạo bên ngoài"

Trước hết có nhóm các mãnh lực chỉ liên quan thuần túy đến phương diện hình tướng, là công việc của các Đấng Kiến Tạo bên ngoài, và là những yếu tố chi phối chủ yếu cho đến tận giai đoạn của Con Đường Dự Bị. Đây là những mãnh lực vốn có trong chính vật chất; chúng đề cập đến bản chất thể…(TWM 281)

197. Những "đấng kiến tạo bên ngoài" này liên quan đến cả các mãnh lực hồng trần lẫn dĩ thái.

198. Phần ngay sau đó cho chúng ta biết các đấng kiến tạo bên ngoài và bên trong được chỉ đạo như thế nào:

Hãy để y rút các đấng kiến tạo của hình tướng bên ngoài lại, và hãy để các đấng kiến tạo bên trong của mãnh lực năng động đẩy nó ra biểu hiện. Chính nhờ con mắt của đấng sáng tạo mà các đấng kiến tạo bên trong này được đưa vào hoạt động, vào hành động có định hướng. Chính nhờ lời của đấng sáng tạo mà các đấng kiến tạo bên ngoài được hướng dẫn. (TWM 279)

199. Sẽ đến một lúc đối với mọi Con của Thượng đế đang tiến hoá khi y phải học cách kiến tạo từ bên trong thay vì chỉ lao tác ở chu

periphery manually moving and arranging the most material building forces.

vi, bằng tay di chuyển và sắp xếp những mãnh lực kiến tạo vật chất nhất.

One of the fundamental concepts which is grasped by all magical workers, is that **both will and desire are *force emanations.***

Một trong những khái niệm căn bản được mọi người hoạt động huyền thuật nắm bắt là **cả ý chí lẫn dục vọng đều là những *sự phát xạ mãnh lực.***

200. As occultists we are workers within fields of energy. We have to realize that energy *goes forth* from energy centers. Will and desire are different types of emanations and their impact will be different. The first is impressive. The second is attractive.

200. Là những nhà huyền bí học, chúng ta là những người hoạt động trong các trường năng lượng. Chúng ta phải nhận ra rằng năng lượng *phát ra* từ các trung tâm năng lượng. Ý chí và dục vọng là những loại phát xạ khác nhau và tác động của chúng sẽ khác nhau. Loại thứ nhất có tính gây ấn tượng. Loại thứ hai có tính hấp dẫn.

They differ in quality and vibration, **but are essentially currents of energy**, one forming an initial vortex or centre of activity, being centrifugal, and the other being centripetal, and the main factor in the accretion of matter into a form around the central vortex.

Chúng khác nhau về phẩm tính và rung động, **nhưng về bản chất đều là những dòng năng lượng**, một dòng tạo thành một xoáy ban đầu hay trung tâm hoạt động, mang tính lytâm, và dòng kia mang tính hướng tâm, là yếu tố chính trong sự bồi tụ vật chất thành một hình tướng quanh xoáy trung tâm.

201. DK is speaking of centrifugal and centripetal force. In this context, we can think of desire as related to Mars and centrifugal. Will emphasizes the center and gathers to the center.

201. Chân sư DK đang nói về mãnh lực ly tâm và hướng tâm. Trong ngữ cảnh này, chúng ta có thể nghĩ dục vọng liên hệ với Sao Hỏa và tính ly tâm. Ý chí nhấn mạnh trung tâm và thu gom về trung tâm.

202. Desire rushes outwards. Will “holds the center”.

202. Dục vọng lao vọt ra ngoài. Ý chí thì “giữ vững trung tâm”.

203. However we find ourselves interpreting these statements, we find will emphasizing the center and desire, the periphery.

203. Dù chúng ta diễn giải những phát biểu này theo cách nào, chúng ta vẫn thấy ý chí nhấn mạnh trung tâm còn dục vọng nhấn mạnh chu vi.

204. The will is involved in a number of motions. When a line of energy leaves the center and imposes itself upon the

204. Ý chí tham dự vào một số chuyển động. Khi một đường năng lượng rời trung tâm và áp đặt chính nó lên môi trường xung quanh,

surroundings, will can be seen as the propelling factor. Also, when the center is emphasized and 'held', sustaining coherently all related *circum*stantial factors, again it is the will.

ý chí có thể được thấy như yếu tố thúc đẩy. Cũng vậy, khi trung tâm được nhấn mạnh và được 'giữ vững', duy trì một cách cố kết mọi yếu tố *hoàn cảnh* có liên hệ, thì một lần nữa đó là ý chí.

This can be seen demonstrating in an interesting way in the case of the egoic lotus, where we have the will aspect forming the "jewel in the lotus," or the inner [Page 1018] centre of electrical energy, and the desire or love aspect forming the egoic lotus itself, or the form which hides the centre.

Điều này có thể được thấy biểu lộ một cách thú vị trong trường hợp của Hoa Sen Chân Ngã, nơi chúng ta có phương diện ý chí tạo thành "ngọc trong hoa sen," hay trung tâm bên trong [Page 1018] của năng lượng điện, và phương diện dục vọng hay bác ái tạo thành chính Hoa Sen Chân Ngã, hay hình tướng che giấu trung tâm.

205. Desire/love is always structurally peripheral--external to the will.

205. Dục vọng/bác ái luôn luôn ở chu vi về mặt cấu trúc—bên ngoài ý chí.

206. We have a planetary contrast here between Vulcan and Mars—two planets often in contention in the life of the disciple. Vulcan represents the will and the Jewel in the Lotus and Mars represents the factor of desire and all that is peripheral to will.

206. Ở đây chúng ta có một sự tương phản hành tinh giữa Vulcan và Sao Hỏa—hai hành tinh thường xung khắc trong đời sống của đệ tử. Vulcan tượng trưng cho ý chí và Ngọc trong Hoa Sen, còn Sao Hỏa tượng trưng cho yếu tố dục vọng và mọi điều thuộc chu vi đối với ý chí.

207. As well they emphasize the difference between centralization (Vulcan) and outgoing (Mars).

207. Chúng cũng nhấn mạnh sự khác biệt giữa sự tập trung vào trung tâm (Vulcan) và sự hướng ngoại (Sao Hỏa).

The analogy in all form building holds good for gods, men and atoms. The solar system is (from the higher cosmic planes), seen as a **vast blue lotus**, and so on down the scale;

Sự tương đồng trong mọi công việc kiến tạo hình tướng đều đúng đối với các vị thần, những người nam và nữ, và các nguyên tử. Hệ mặt trời được nhìn thấy (từ các cõi vũ trụ cao hơn) như một **hoa sen xanh bao la**, và cứ thế đi xuống theo thang bậc;

208. We are presented with a beautiful and powerful image. We note that this perception requires a vantage point on higher cosmic planes. How high? From the cosmic mental plane? The solar system is seen as a chakra—a heart chakra,

208. Chúng ta được trao cho một hình ảnh đẹp đẽ và đầy mãnh lực. Chúng ta lưu ý rằng nhận thức này đòi hỏi một điểm quan sát trên các cõi vũ trụ cao hơn. Cao đến mức nào? Từ cõi trí vũ trụ chăng? Hệ mặt trời được nhìn như một luân xa—có lẽ là một

presumably? From what vantage point are the human chakras clearly seen? Is a correspondence to the "Eye of the Soul" involved?

luân xa tim? Từ điểm quan sát nào mà các luân xa của con người được thấy rõ ràng? Có phải một sự tương ứng với "Con Mắt của Linh Hồn" có liên hệ ở đây không?

209. Are we also to think that every being, grand or minute, can be perceived, from a certain vantage point, as a "lotus"? The implication seems to be here.

209. Chúng ta cũng có nên nghĩ rằng mọi hữu thể, lớn lao hay nhỏ bé, đều có thể được nhận biết, từ một điểm quan sát nào đó, như một "hoa sen" chăng? Hàm ý dường như là như vậy.

even the tiny atom of substance can be so considered.

ngay cả nguyên tử nhỏ bé của chất liệu cũng có thể được xem như vậy.

210. These visions will open up to properly trained psychics. When it comes to observation of the "tiny atom of substance", perhaps Master H., Who seeks to relate science and psychism, will play an important role.

210. Những linh ảnh này sẽ mở ra cho các nhà thông linh được huấn luyện đúng đắn. Khi nói đến việc quan sát "nguyên tử nhỏ bé của chất liệu", có lẽ Chân sư H., Đấng tìm cách liên kết khoa học và thông linh, sẽ đóng một vai trò quan trọng.

The **distinction between these various lotuses exists in the number and arrangement of the petals. The solar system is literally a twelve-petalled lotus, each petal being formed of forty-nine lesser petals.**

Sự phân biệt giữa các hoa sen khác nhau này nằm ở số lượng và sự sắp xếp của các cánh hoa. Hệ mặt trời theo nghĩa đen là một hoa sen mười hai cánh, mỗi cánh được tạo thành bởi bốn mươi chín cánh hoa nhỏ hơn.

211. Here we have a *very* important statement.

211. Ở đây chúng ta có một phát biểu *rất* quan trọng.

212. If all beings can be conceived, from a certain vantage point, as lotuses, the number of petals in each lotus and their arrangement will be of the greatest interest when determining the nature and function of the being. This matter obviously touches on the deeper secrets of occultism.

212. Nếu mọi hữu thể đều có thể được quan niệm, từ một điểm quan sát nào đó, như những hoa sen, thì số lượng cánh hoa trong mỗi hoa sen và sự sắp xếp của chúng sẽ là điều cực kỳ đáng quan tâm khi xác định bản chất và chức năng của hữu thể ấy. Vấn đề này hiển nhiên chạm đến những bí mật sâu xa hơn của huyền bí học.

213. We note the use of the word “literally” telling us that we are not here dealing with symbolism but with fact.

213. Chúng ta lưu ý việc dùng từ “theo nghĩa đen”, cho biết rằng ở đây chúng ta không bàn đến biểu tượng mà là sự kiện.

214. From what is here said we may imagine that there are or will be twelve *major* planets (one connected with each sign of the zodiac), each one of them considered as a major petal. Each of these planets or petals will be understood as forty-nine-fold. The forty nine lesser petals would indicate the globes within planetary schemes.

214. Từ điều được nói ở đây, chúng ta có thể hình dung rằng có hoặc sẽ có mười hai hành tinh *chính* (mỗi hành tinh liên kết với một dấu hiệu hoàng đạo), mỗi hành tinh trong số đó được xem như một cánh hoa chính. Mỗi hành tinh hay cánh hoa này sẽ được hiểu là có cấu trúc bốn mươi chín phân. Bốn mươi chín cánh hoa nhỏ hơn sẽ chỉ các bầu hành tinh trong các hệ hành tinh.

215. One would wonder (when considering the forty-nine), whether seven petals, more prominent than any of the forty-nine and representing planetary chains would not also be seen. The chain is a significant structure in the planetary scheme and one can hardly emphasize the globe-level without emphasizing the chain-level which is superordinate to the globe level.

215. Người ta sẽ tự hỏi (khi xét đến con số bốn mươi chín), liệu có phải cũng sẽ thấy bảy cánh hoa nổi bật hơn bất kỳ cánh nào trong số bốn mươi chín cánh ấy và tượng trưng cho các dãy hành tinh hay không. Dãy là một cấu trúc quan trọng trong hệ hành tinh, và khó có thể nhấn mạnh cấp độ bầu hành tinh mà không nhấn mạnh cấp độ dãy, vốn cao hơn cấp độ bầu hành tinh.

The planetary lotuses differ in each scheme,

Các hoa sen hành tinh khác nhau trong mỗi hệ hành tinh,

216. Much will depend upon the chakric function of each planet within the solar system. Would we be justified in relating the number of petals in a human chakra to the number of petals in a solar systemic chakra —i.e., in a planet?

216. Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào chức năng luân xa của mỗi hành tinh trong hệ mặt trời. Liệu chúng ta có chính đáng không nếu liên hệ số cánh hoa trong một luân xa của con người với số cánh hoa trong một luân xa của hệ mặt trời—tức là trong một hành tinh?

and one of the secrets of initiation is revealed when the number of the petals of

và một trong những bí mật của điểm đạo được mặc khải khi số cánh hoa của

a. Our earth planet,

a. hành tinh Trái Đất của chúng ta,

b. Our planetary polar opposite,

b. đối cực phân cực hành tinh của chúng ta,

217. This is probably Venus.

c. Our complementary or equilibrising planet,

218. This is probably Mars.

is committed to the initiate.

219. If we consider Earth as a base of the spine center, Mars as related to the sacral and Venus as the solar plexus center of our Solar Logos, and if we further relate to these planetary centers the numbers of petals in the human energy system, we have 4 + 6 + 10 = 20. The human base of the spine center has four petals; the human sacral center has six petals; the human solar plexus has ten petals.

220. It is interesting that the numbers associated with the base of the spine center and the sacral center sum to the number associated with the solar plexus center.

221. While we so not know whether it would be legitimate to reckon using the numbers of petals in the human chakras when dealing with planetary chakras, the total number of petals (taking Earth, Mars and Venus as chakras) would be most significant. Even more fundamentally, the number of petals associated with *each* of these planets (considering them as chakras within the system of the Solar Logos) would be of great importance.

222. At the moment we can only *attempt* to understand the function of these planets

217. Đây có lẽ là Sao Kim.

c. hành tinh bổ sung hay quân bình hóa của chúng ta,

218. Đây có lẽ là Sao Hỏa.

được trao cho điểm đạo đồ.

219. Nếu chúng ta xem Trái Đất như một trung tâm đáy cột sống, Sao Hỏa như liên hệ với xương cùng và Sao Kim như trung tâm tùng thái dương của Thái dương Thượng đế của chúng ta, và nếu chúng ta còn liên hệ với các trung tâm hành tinh này các số cánh hoa trong hệ năng lượng con người, thì chúng ta có 4 + 6 + 10 = 20. Trung tâm đáy cột sống của con người có bốn cánh hoa; trung tâm xương cùng của con người có sáu cánh hoa; tùng thái dương của con người có mười cánh hoa.

220. Điều thú vị là các con số gắn với trung tâm đáy cột sống và trung tâm xương cùng cộng lại thành con số gắn với trung tâm tùng thái dương.

221. Dù chúng ta không biết liệu có chính đáng hay không khi tính toán bằng các số cánh hoa trong các luân xa con người khi bàn đến các luân xa hành tinh, tổng số cánh hoa (nếu lấy Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Kim như các luân xa) sẽ mang ý nghĩa hết sức quan trọng. Còn căn bản hơn nữa, số cánh hoa gắn với *mỗi* hành tinh này (khi xem chúng như các luân xa trong hệ thống của Thái dương Thượng đế) sẽ có tầm quan trọng lớn lao.

222. Hiện nay chúng ta chỉ có thể *cố gắng* thấu hiểu chức năng của các hành tinh này

within the solar system, and speculate upon the number of petals based on that function.

223. If Venus represents a heart rather than a solar plexus, the number would more likely be twelve than ten and the total would be the master number 22. Six is a number always associated with Mars ("Mars was called the six-faced planet." SD I. 399.), and the number four is easily associated with Earth (the fourth major planet from the Sun, counting Vulcan) and a planet the symbol of which includes and emphasizes the cross.

Armed with this knowledge, he can then work out certain formulas of magic which enable him to create in the three spheres.

224. Here we have an amazing thought. Knowledge of planetary function and of petal numbers and petal arrangement will equip the magician with creative powers within and upon those planets to which the numbers and arrangement pertain.

225. We can begin with the Earth and relate magical, creative possibilities on our planet to the factors under discussion.

226. When dealing with magic upon the Earth, the function of the base of the spine center has certainly to be considered, but the Earth can also be understood in relation to the sacral center and the spleen.

227. What seems to be suggested is that a knowledge of *number,* and of *rhythm* based on number, will be very important in the magical creative process.

trong hệ mặt trời, và suy đoán về số cánh hoa dựa trên chức năng ấy.

223. Nếu Sao Kim tượng trưng cho một trung tâm tim thay vì một tùng thái dương, thì con số có lẽ sẽ là mười hai hơn là mười, và tổng số sẽ là con số chủ 22. Sáu là một con số luôn gắn với Sao Hỏa ("Sao Hỏa được gọi là hành tinh sáu mặt." SD I. 399.), và số bốn dễ dàng gắn với Trái Đất (hành tinh chính thứ tư tính từ Mặt Trời, kể cả Vulcan) và với một hành tinh mà biểu tượng của nó bao hàm và nhấn mạnh thập giá.

Được trang bị bằng tri thức này, khi ấy y có thể khai triển một số công thức huyền thuật giúp y sáng tạo trong ba khối cầu.

224. Ở đây chúng ta có một tư tưởng đáng kinh ngạc. Tri thức về chức năng hành tinh, về số cánh hoa và sự sắp xếp cánh hoa sẽ trang bị cho nhà huyền thuật những quyền năng sáng tạo bên trong và trên những hành tinh mà các con số và sự sắp xếp ấy liên hệ đến.

225. Chúng ta có thể bắt đầu với Trái Đất và liên hệ những khả năng huyền thuật, sáng tạo trên hành tinh của chúng ta với các yếu tố đang được bàn đến.

226. Khi bàn đến huyền thuật trên Trái Đất, chức năng của trung tâm đáy cột sống chắc chắn phải được xét đến, nhưng Trái Đất cũng có thể được hiểu trong liên hệ với trung tâm xương cùng và luân xa lá lách.

227. Điều dường như được gợi ý là tri thức về *số lượng,* và về *nhịp điệu* dựa trên số lượng, sẽ rất quan trọng trong tiến trình sáng tạo huyền thuật.

228. Each chakra will as well have it note and its color and these will be important factors in the devising or discovery of magical formulas. Each chakra will also have a rhythm of pulsation and this will be important to know when using the energy of that chakra for purposes of magic.

228. Mỗi luân xa cũng sẽ có âm điệu và màu sắc của nó, và đây sẽ là những yếu tố quan trọng trong việc thiết lập hay khám phá các công thức huyền thuật. Mỗi luân xa cũng sẽ có một nhịp điệu rung động, và điều này sẽ quan trọng cần biết khi sử dụng năng lượng của luân xa ấy cho các mục đích huyền thuật.

It is the same basic concept which governs thought form building, and which enables a magician of white magic to produce objective phenomena on the physical plane.

Đó cũng là cùng một khái niệm căn bản chi phối việc kiến tạo hình tư tưởng, và giúp một nhà huyền thuật chánh đạo tạo ra những hiện tượng khách quan trên cõi hồng trần.

229. There is surely a hint here. Can we penetrate it? That is another matter.

229. Chắc chắn ở đây có một gợi ý. Chúng ta có thể xuyên thấu nó chăng? Đó lại là chuyện khác.

230. Certain mantric rhythms, notes and colors will probably be involved in working with the creative process on certain planes. Upon each plane, the use of a different chakra may be necessitated. The nature of the chakra will give hints concerning the mantrams, rhythms, colors and notes to be used. The matter is complex but will be rendered into scientific technique as the centuries unfold.

230. Một số nhịp điệu mantram, âm điệu và màu sắc có lẽ sẽ liên quan đến việc làm việc với tiến trình sáng tạo trên những cõi nhất định. Trên mỗi cõi, việc sử dụng một luân xa khác nhau có thể là điều cần thiết. Bản chất của luân xa sẽ cho những gợi ý liên quan đến các mantram, nhịp điệu, màu sắc và âm điệu cần được sử dụng. Vấn đề này phức tạp nhưng sẽ được chuyển thành kỹ thuật khoa học khi các thế kỷ dần mở ra.

He works with the two types of energy, **will and desire**, and their equilibrising is what leads to the balancing of the pairs of opposites, **and the subsequent release of energy-substance in the formation of the physical plane structure**.

Y làm việc với hai loại năng lượng, **ý chí và dục vọng**, và sự quân bình hóa của chúng là điều dẫn đến sự quân bình của các cặp đối lập, **và sự giải phóng tiếp theo của năng lượng-chất liệu trong sự hình thành cấu trúc cõi hồng trần**.

231. DK is emphasizing the importance of will and desire as fundamental energies in the magical process.

231. Chân sư DK đang nhấn mạnh tầm quan trọng của ý chí và dục vọng như những năng lượng căn bản trong tiến trình huyền thuật.

232. If we consider the three planets discussed above, perhaps the Earth (with its

232. Nếu chúng ta xét ba hành tinh đã bàn ở trên, có lẽ Trái Đất (với những liên hệ đến

base of the spine associations) can be considered a source of will; Mars always relates to desire. Is Venus, then, the equilibrizing, balancing force? Its relation to the equilibrizing sign, Libra, makes this a reasonable thought.

đáy cột sống) có thể được xem như một nguồn ý chí; Sao Hỏa luôn liên hệ với dục vọng. Vậy thì Sao Kim có phải là mãnh lực quân bình hóa, cân bằng không? Liên hệ của nó với dấu hiệu quân bình hóa, Thiên Bình, khiến đây là một ý nghĩ hợp lý.

233. When we think of the egoic lotus, and of Vulcan/Mars, and of will/desire, perhaps the creation for which the Ego is responsible (i.e., the incarnated human being) requires an equilibrizing between the forces of the Jewel in the Lotus (Vulcan) and the forces of the petals (related to desire).

233. Khi chúng ta nghĩ đến Hoa Sen Chân Ngã, đến Vulcan/Sao Hỏa, và đến ý chí/dục vọng, thì có lẽ sự sáng tạo mà Chân ngã chịu trách nhiệm (tức con người nhập thể) đòi hỏi một sự quân bình hóa giữa các mãnh lực của Ngọc trong Hoa Sen (Vulcan) và các mãnh lực của các cánh hoa (liên hệ với dục vọng).

234. What is interesting here is the idea that the appearance of physical plane structure is dependent upon the equilibrization of forces.

234. Điều thú vị ở đây là ý tưởng cho rằng sự xuất hiện của cấu trúc cõi hồng trần tùy thuộc vào sự quân bình hóa của các mãnh lực.

235. There is also suggested a kind of 'etheric release' (the "release of energy substance") which, arising from the equilibrization of will and desire, results in the production of dense physical form.

235. Ở đây cũng gợi ý một loại 'giải phóng dĩ thái' (sự "giải phóng năng lượng-chất liệu") mà, phát sinh từ sự quân bình hóa của ý chí và dục vọng, dẫn đến việc tạo ra hình tướng hồng trần đậm đặc.

The magician has to know the following facts:

Nhà huyền thuật phải biết các sự kiện sau đây:

The formulas for the two aspects of logoic energy, will and desire.

Các công thức cho hai phương diện của năng lượng logoic, ý chí và dục vọng.

236. This is the magician as he works with solar and planetary energy. The term "logoic" refers to the Solar Logos.

236. Đây là nhà huyền thuật khi y làm việc với năng lượng thái dương và hành tinh. Thuật ngữ "logoic" chỉ Thái dương Thượng đế.

237. DK seems to hint that the magician must understand these energies and be able to wield them if he is to work effectively upon a certain planet.

237. Chân sư DK dường như gợi ý rằng nhà huyền thuật phải hiểu các năng lượng này và có thể vận dụng chúng nếu y muốn làm việc hữu hiệu trên một hành tinh nhất định.

238. Each of these aspects (both will and desire) interestingly, has a formula associated with it.

238. Điều thú vị là mỗi phương diện này (cả ý chí lẫn dục vọng) đều có một công thức gắn liền với nó.

This is literally apprehension of **the note and formula** of the Brahma or substance aspect, and **the note and formula** of the Vishnu, or building aspect.

Đây theo nghĩa đen là sự lĩnh hội **âm điệu và công thức** của phương diện Brahma hay chất liệu, và **âm điệu và công thức** của phương diện Vishnu, hay phương diện kiến tạo.

239. This may come as a surprise. One can understand desire as related to Brahma but the real source of will—the Shiva aspect—is not included. Vishnu takes His place.

239. Điều này có thể gây ngạc nhiên. Người ta có thể hiểu dục vọng là liên hệ với Brahma, nhưng nguồn thực sự của ý chí—phương diện Shiva—lại không được bao gồm. Vishnu thay vào vị trí của Ngài.

240. It seems that the magician is using the *constructive* aspect of will as it expresses through the Vishnu aspect. The energy of Vulcan, though strongly upon the first ray, also has its constructive aspect and can be related to the Heart of the Sun, over which Vishnu rules.

240. Dường như nhà huyền thuật đang sử dụng phương diện *xây dựng* của ý chí khi nó biểu lộ qua phương diện Vishnu. Năng lượng của Vulcan, dù mạnh mẽ trên cung một, cũng có phương diện xây dựng của nó và có thể được liên hệ với Trái Tim của Mặt Trời, mà Vishnu cai quản.

2. Vulcan.—The one who reveals that which is deeply hidden and brings it up into the light. Esoterically—the heart of the Sun. (EA 393)

2. Vulcan.—Đấng mặc khải điều được che giấu sâu kín và đưa nó ra ánh sáng. Về mặt huyền bí—trái tim của Mặt Trời. (EA 393)

One he **ascertains** because he has mastered matter; the other is **revealed** to him when he has achieved group consciousness. [Page 1019]

Một công thức y **xác định được** vì y đã làm chủ vật chất; công thức kia được **mặc khải** cho y khi y đã đạt được tâm thức nhóm. [Page 1019]

241. The formula for the energy of desire comes to the magician through the mastery of matter, i.e., of the third aspect.

241. Công thức cho năng lượng của dục vọng đến với nhà huyền thuật qua sự làm chủ vật chất, tức phương diện thứ ba.

242. The formula for the energy of will (as will is expressed in this process) comes to the magician through soul consciousness which is here called “group consciousness”.

242. Công thức cho năng lượng của ý chí (khi ý chí được biểu lộ trong tiến trình này) đến với nhà huyền thuật qua tâm thức linh hồn, ở đây được gọi là “tâm thức nhóm”. Chúng ta

We note that we have related Vulcan to "group consciousness" and to the soul.

243. It is apparent that every formula is closely associated with a "note". This is a hint. If the formula is a form of words or sounds, the note on which it is chanted or intoned will be required if the formula is to be effective.

244. Of course, there are formulas which are not used through the throat center but through the ajna center through the process of visualization. We have seen this in relation to some of the formulas presented in DINA II.

245. We see that these formulas are not lightly conferred and come into the possession of the magician only which certain types of masteries or achievements are his.

246. Note—we are dealing with ascertainment (a more mental process) and revelation (which the soul confers).

The formula for the particular type of energy substance which he is seeking to employ.

247. This appears to be a different type of formula than the formula for will or for desire. Rather, it depends upon the type of energy-substance in which the magician is working and which he seeks to utilize.

This will have relation to that particular petal in the solar lotus from which the desired force emanates.

lưu ý rằng chúng ta đã liên hệ Vulcan với "tâm thức nhóm" và với linh hồn.

243. Rõ ràng là mọi công thức đều gắn chặt với một "âm điệu". Đây là một gợi ý. Nếu công thức là một dạng ngôn từ hay âm thanh, thì âm điệu mà trên đó nó được tụng hay xướng sẽ là điều cần thiết nếu công thức muốn có hiệu lực.

244. Dĩ nhiên, có những công thức không được dùng qua trung tâm cổ họng mà qua trung tâm ajna bằng tiến trình sự hình dung. Chúng ta đã thấy điều này trong liên hệ với một số công thức được trình bày trong DINA II.

245. Chúng ta thấy rằng những công thức này không được ban truyền một cách dễ dãi và chỉ đi vào quyền sở hữu của nhà huyền thuật khi một số loại làm chủ hay thành tựu nhất định đã là của y.

246. Lưu ý—chúng ta đang bàn đến sự xác định (một tiến trình trí tuệ hơn) và sự mặc khải (điều mà linh hồn ban cho).

Công thức cho loại năng lượng-chất liệu đặc thù mà y đang tìm cách sử dụng.

247. Đây dường như là một loại công thức khác với công thức cho ý chí hay cho dục vọng. Đúng hơn, nó tùy thuộc vào loại năng lượng-chất liệu mà nhà huyền thuật đang làm việc trong đó và y tìm cách sử dụng.

Điều này sẽ có liên hệ với cánh hoa đặc thù trong hoa sen thái dương mà từ đó mãnh lực mong muốn phát ra.

248. The magician is becoming a selective manipulator of emanating forces.

248. Nhà huyền thuật đang trở thành một người thao tác có chọn lọc đối với các mãnh lực phát ra.

249. DK uses the interesting term "solar lotus". Is He speaking of the lotus of the Solar Logos and of a particular planet (solar chakra) which is the source of that type of force? He does not seem to be speaking of the egoic lotus of the Solar Logos, but of course there would be a connection between this vast egoic lotus and the blue "solar lotus" of twelve petals.

249. Chân sư DK dùng thuật ngữ thú vị "hoa sen thái dương". Ngài có đang nói về hoa sen của Thái dương Thượng đế và về một hành tinh đặc thù (luân xa thái dương) là nguồn của loại mãnh lực ấy không? Dường như Ngài không nói về Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế, nhưng dĩ nhiên sẽ có một mối liên hệ giữa Hoa Sen Chân Ngã bao la này và "hoa sen thái dương" xanh mười hai cánh.

250. If so, there will be a solar and planetary correspondence within the human egoic lotus and the greater forces can make their way through corresponding petals within the human egoic lotus.

250. Nếu vậy, sẽ có một sự tương ứng thái dương và hành tinh bên trong Hoa Sen Chân Ngã của con người, và các mãnh lực lớn hơn có thể đi qua các cánh hoa tương ứng trong Hoa Sen Chân Ngã của con người.

251. We are learning that the magician must be solar-systemically attuned—understanding the solar and planetary sources from which certain energies emanate. He must have the ability to appropriate these forces. This appropriation is accomplished through correct formulas.

251. Chúng ta đang học rằng nhà huyền thuật phải được chỉnh hợp theo hệ mặt trời—thấu hiểu các nguồn thái dương và hành tinh mà từ đó những năng lượng nhất định phát ra. Y phải có khả năng chiếm dụng các mãnh lực này. Sự chiếm dụng này được thực hiện qua các công thức đúng đắn.

252. We can see how important a knowledge of astrology and rayology would be to the white magician.

252. Chúng ta có thể thấy tri thức về chiêm tinh học và khoa học về cung sẽ quan trọng biết bao đối với nhà huyền thuật chánh đạo.

The **formula for the particular type of energy which is transmitted to him via one or other of the three circles of petals in his own egoic lotus**.

Công thức cho loại năng lượng đặc thù được truyền đến y qua một hay một vòng nào khác trong ba vòng cánh hoa trong chính Hoa Sen Chân Ngã của y.

253. Yes, as stated above. These types of energy will be correlated with the types of solar and planetary forces he is accessing.

253. Đúng vậy, như đã nói ở trên. Những loại năng lượng này sẽ được tương quan với các loại mãnh lực thái dương và hành tinh mà y đang tiếp cận.

254. When we wish to access various higher energies, visualizations involving the three tiers of petals in *our* egoic lotus and even certain petals within the tiers are recommended—once we know what we are doing.

254. Khi chúng ta muốn tiếp cận các năng lượng cao hơn khác nhau, những sự hình dung liên quan đến ba tầng cánh hoa trong *Hoa Sen Chân Ngã* của chúng ta, và thậm chí những cánh hoa nhất định trong các tầng ấy, được khuyến nghị—một khi chúng ta biết mình đang làm gì.

The formula for the particular petal in a circle of petals with which he may choose to work.

Công thức cho cánh hoa đặc thù trong một vòng cánh hoa mà y có thể chọn để làm việc.

255. We have been told of a number of formulas which a man must use in accessing the energies necessary to render the magical process effective:

255. Chúng ta đã được cho biết về một số công thức mà một người phải dùng khi tiếp cận các năng lượng cần thiết để làm cho tiến trình huyền thuật có hiệu quả:

a. The formula related to a particular petal in the solar lotus from which the force to be used emanates. This suggests a formula for a particular type of planetary forces, for the major planets are petals within the solar lotus. (Parenthetically, we must learn to discriminate between the egoic lotus of the Solar Logos and the blue, twelve-petalled lotus mentioned above. Though related, they are not the same.)

a. Công thức liên hệ với một cánh hoa đặc thù trong hoa sen thái dương mà từ đó mãnh lực cần dùng phát ra. Điều này gợi ý một công thức cho một loại mãnh lực hành tinh đặc thù, vì các hành tinh chính là những cánh hoa trong hoa sen thái dương. (Nói thêm, chúng ta phải học cách phân biện giữa Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế và hoa sen xanh mười hai cánh được nhắc đến ở trên. Dù có liên hệ, chúng không phải là một.)

b. The formula which emanates from one or other of the three tiers of the human egoic lotus.

b. Công thức phát ra từ một hay một tầng nào khác trong ba tầng của Hoa Sen Chân Ngã con người.

c. The formula which emanates from a particular petal within any tier of the human egoic lotus.

c. Công thức phát ra từ một cánh hoa đặc thù trong bất kỳ tầng nào của Hoa Sen Chân Ngã con người.

256. Formulas are used for the correct access of energy. There will be different formulas for every source of energy and each formula will be related to a different quality and intensity of energy.

256. Các công thức được dùng để tiếp cận năng lượng một cách đúng đắn. Sẽ có những công thức khác nhau cho mọi nguồn năng lượng, và mỗi công thức sẽ liên hệ với một

phẩm tính và cường độ năng lượng khác nhau.

257. We can see how much we have to learn about scientific magic. Our knowledge of these factors is in its infancy.

257. Chúng ta có thể thấy mình còn phải học biết bao về huyền thuật khoa học. Kiến thức của chúng ta về các yếu tố này vẫn còn ở thời kỳ ấu trĩ.

All these concern primarily the will aspect, ***as far as the thought form to be produced is concerned,*** for the magician is the will, or purpose, or spirit behind the objective phenomenon which he is in process of producing.

Tất cả những điều này chủ yếu liên quan đến phương diện ý chí, ***xét theo hình tư tưởng cần được tạo ra,*** vì nhà huyền thuật là ý chí, hay mục đích, hay tinh thần đứng sau hiện tượng khách quan mà y đang trong tiến trình tạo ra.

258. Previously we spoke of will-related formulas and desire-related formulas.

258. Trước đây chúng ta đã nói về các công thức liên hệ với ý chí và các công thức liên hệ với dục vọngs.

259. The types of formulas noted above (related to the solar lotus and to the human egoic lotus) concern, therefore, the Vishnu aspect, which DK relates to the will.

259. Vì vậy, các loại công thức được ghi nhận ở trên (liên hệ với hoa sen thái dương và Hoa Sen Chân Ngã của con người) liên quan đến phương diện Vishnu, mà Chân sư DK liên hệ với ý chí.

260. The white magician is soul-infused and a representative of the solar forces, and, thus, of the second aspect of divinity.

260. Nhà huyền thuật chánh đạo được linh hồn thấm nhuần và là một đại diện của các mãnh lực thái dương, và do đó, của phương diện thứ hai của thiên tính.

261. With regard to the thoughtform to be produce, however, the magician represents the directing *will* aspect.

261. Tuy nhiên, đối với hình tư tưởng cần được tạo ra, nhà huyền thuật đại diện cho phương diện *ý chí* chỉ đạo.

262. Thus far, then, we have been enumerating formulas related to the will aspect.

262. Như vậy, cho đến nay, chúng ta đã liệt kê các công thức liên hệ với phương diện ý chí.

263. Now, it seems, we will be discussing formulas related to the factor of desire.

263. Giờ đây, dường như chúng ta sẽ bàn đến các công thức liên hệ với yếu tố dục vọng.

The formula which sweeps into activity (and thus produces a form), those Agnisuryans who are energised by any particular aspect of solar force.

Công thức quét các Agnisuryan vào hoạt động (và do đó tạo ra một hình tướng), tức những vị được tiếp năng lượng bởi một phương diện đặc thù nào đó của mãnh lực thái dươnge.

264. We are still dealing with the astral plane.

264. Chúng ta vẫn đang đề cập đến cõi cảm dục.

265. DK now discusses formulas related to the *activity aspect*—the Brahma aspect.

265. Giờ đây Chân sư DK bàn đến các công thức liên hệ với *phương diện hoạt động*—phương diện Brahma.

266. There is a definite line of connection between the forces of the Agnisuryans and solar forces. This relationship occurs along the "soft line"—the 2—4—6 line.

266. Có một đường liên kết xác định giữa các mãnh lực của các Agnisuryan và các mãnh lực thái dương. Mối liên hệ này diễn ra theo "đường mềm"—đường 2—4—6.

267. Each type of Agnisuryan, we are leaning, is responsive to a particular type of "solar" force.

267. Mỗi loại Agnisuryan, như chúng ta đang học, đều đáp ứng với một loại mãnh lực "thái dương" đặc thù.

268. Microcosmically, the various types of Agnisuryans in our astral body are responsive to different types of forces from our egoic lotus—i.e., microcosmic solar forces.

268. Ở cấp vi mô, các loại Agnisuryan khác nhau trong thể cảm dục của chúng ta đáp ứng với các loại mãnh lực khác nhau từ Hoa Sen Chân Ngã của chúng ta—tức là các mãnh lực thái dương vi mô.

269. Less is said about the formula which sweeps the Agnisuryans into activity.

269. Ít điều được nói hơn về công thức quét các Agnisuryan vào hoạt động.

Where the two forces [the force of will and the force of desire] are brought into contact, the form is produced, or the third energy centre appears or manifests:

Khi hai mãnh lực [mãnh lực ý chí và mãnh lực dục vọng] được đưa vào tiếp xúc, hình tướng được tạo ra, hay trung tâm năng lượng thứ ba xuất hiện hoặc biểu hiện:

270. The will force corresponds to the Father; the desire force (in this instance) to the Mother; and the resultant thoughtform to the Son.

270. Mãnh lực ý chí tương ứng với Cha; mãnh lực dục vọng (trong trường hợp này) tương ứng với Mẹ; và hình tư tưởng kết quả tương ứng với Con.

a. The energy of the will aspect.

b. The energy of the desire or love aspect.

c. The energy of the consequent thought form.

271. In this particular creative process, however, the unmodified energy of Shiva is not to be seen. Perhaps we could say that for the time being it manifests through the Vishnu aspect.

There is no contradiction here to the occult teaching that Father and Mother, or Spirit and Matter, when brought into contact, produce the Son.

272. DK knows that we, working with our understanding of the usual correspondences, will pause and wonder at the apparent rearrangement of aspects. Desire is usually not associated with Mother.

273. The section of text immediately above is foundational to all occult understanding.

The difficulty which students have to surmount consists in the true interpretation of the three terms: Mother—Matter—Moisture (or the waters).

274. Here the alchemical aspect is introduced.

275. When the term "Mother" is expanded to mean "Moisture", we can understand the link between desire (found upon the astral

a. Năng lượng của phương diện ý chí.

b. Năng lượng của phương diện dục vọng hay bác ái.

c. Năng lượng của hình tư tưởng hệ quả.

271. Tuy nhiên, trong tiến trình sáng tạo đặc thù này, năng lượng Shiva chưa biến đổi không thể được thấy. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng trong lúc này nó biểu hiện qua phương diện Vishnu.

Ở đây không có mâu thuẫn nào với giáo huấn huyền bí rằng Cha và Mẹ, hay Tinh thần và Vật chất, khi được đưa vào tiếp xúc, tạo ra Con.

272. Chân sư DK biết rằng chúng ta, khi làm việc với sự thấu hiểu của mình về các tương ứng thông thường, sẽ dừng lại và ngạc nhiên trước sự sắp xếp lại các phương diện có vẻ như vậy. Dục vọng thường không được liên kết với Mẹ.

273. Đoạn văn ngay bên trên là nền tảng cho mọi sự thấu hiểu huyền bí học.

Khó khăn mà các đạo sinh phải vượt qua nằm ở sự giải thích đúng đắn ba thuật ngữ: Mẹ—Vật chất—Ẩm tính (hay các nước).

274. Ở đây phương diện thuật luyện kim được đưa vào.

275. Khi thuật ngữ "Mẹ" được mở rộng để có nghĩa là "Ẩm tính", chúng ta có thể hiểu được mối liên hệ giữa dục vọng (được tìm

plane, the plane of “water”) and the Mother aspect.

thấy trên cõi cảm dục, cõi của “nước”) và phương diện Mẹ.

In creation, the three vibratory spheres:

Trong sáng tạo, ba khối cầu rung động:

1. The dense physical Mother..... Matter,

1. Người Mẹ hồng trần đậm đặc..... Vật chất,

2. The etheric..... Matter..... Holy Spirit,

2. Cõi dĩ thái..... Vật chất..... Chúa Thánh Thần,

3. The astral..... Moisture... Water,

3. Cõi cảm dục..... Ẩm tính... Nước,

work as a unit, and in the occult teaching, during the earlier stages of creation, must not be separated or distinguished apart.

hoạt động như một đơn vị, và trong giáo huấn huyền bí, trong các giai đoạn đầu của sáng tạo, không được tách rời hay phân biệt riêng biệt.

276. Here is yet another set of important correspondences. We see that, in DK’s understanding, matter is etheric.

276. Đây lại là một bộ tương ứng quan trọng khác. Chúng ta thấy rằng, theo cách hiểu của Chân sư DK, vật chất là dĩ thái.

277. Yet “Mother” and “Matter” have elsewhere, in different sets of correspondences, been considered equivalent and “Water” has also been considered as “Matter”.

277. Tuy nhiên, ở nơi khác, trong những bộ tương ứng khác, “Mẹ” và “Vật chất” đã được xem là tương đương, và “Nước” cũng đã được xem là “Vật chất”.

278. We have been given a kind of lower Trinity which must not be separated. Indeed there is often to be seen an equivalence between Mother, Matter and Moisture.

278. Chúng ta đã được trao cho một loại Tam Vị thấp không được tách rời. Quả thật, thường có thể thấy một sự tương đương giữa Mẹ, Vật chất và Ẩm tính.

279. The excerpt below establishes the equivalence between “water” and “matter”.

279. Đoạn trích dưới đây xác lập sự tương đương giữa “nước” và “vật chất”.

As we well know, **water stands for matter**, and the substances of the astral plane which are now under consideration are of prime importance in all form-building. According to the substance used and the nature of the Builders who respond to the note of the form

Như chúng ta đều biết rõ, **nước tượng trưng cho vật chất**, và các chất liệu của cõi cảm dục hiện đang được xem xét có tầm quan trọng hàng đầu trong mọi công việc xây dựng hình tướng. Tùy theo chất liệu được dùng và bản chất của các đấng kiến tạo đáp ứng với âm điệu của hình tướng trong vật

in mental matter, will the purpose be accomplished. (TCF 1005)

chất trí tuệ, mà mục đích sẽ được hoàn thành. (TCF 1005)

On the path of involution, if the subject may be approached from a different angle, and thus [Page 1020] somewhat clarify, **distinctions are made, and on the path of evolution, or of return, they are, as we well know, surmounted**;

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, nếu chủ đề này có thể được tiếp cận từ một góc độ khác, và nhờ đó [Page 1020] làm sáng tỏ phần nào, thì **các sự phân biệt được tạo ra, và trên con đường tiến hoá, hay Con Đường Trở Về, như chúng ta đều biết rõ, chúng được vượt qua**;

280. This simple sentence summarizes all outgoing and incoming.

280. Câu đơn giản này tóm lược toàn bộ sự đi ra và đi vào.

281. To diversify is the way of involution. To re-unite is the way of evolution.

281. Đa dạng hóa là con đường của giáng hạ tiến hoá. Tái hợp nhất là con đường của tiến hoá.

282. This statement touches on DK's earlier statement that the three in this Trinity—Mother, Matter and Moisture—work as a unit and must not be separated.

282. Phát biểu này chạm đến nhận định trước đó của Chân sư DK rằng ba yếu tố trong Tam Vị này—Mẹ, Vật chất và Ẩm tính—hoạt động như một đơn vị và không được tách rời.

on the middle point of equilibrium, as on our globe, for instance, confusion ensues in the mind of the student owing to the occult fact that the various formulas are being employed simultaneously,

tại điểm ở giữa của sự quân bình, như chẳng hạn trên bầu hành tinh của chúng ta, sự lẫn lộn nảy sinh trong trí tuệ của đạo sinh do sự kiện huyền bí rằng các công thức khác nhau đang được sử dụng đồng thời,

283. Presumably, both *will* formulas and *desire* formulas.

283. Có lẽ là cả các công thức *ý chí* lẫn các công thức *dục vọng*.

284. On our planet, the forces if involution and evolution are somewhat balanced.

284. Trên hành tinh của chúng ta, các mãnh lực của giáng hạ tiến hoá và tiến hoá phần nào ở thế quân bình.

285. Who, we may ask, is applying these formulas? Most men can only apply them unconsciously if at all.

285. Chúng ta có thể hỏi, ai đang áp dụng các công thức này? Phần lớn những người nam và nữ chỉ có thể áp dụng chúng một cách vô thức, nếu quả thật có áp dụng.

286. DK is telling us that on our planet, we have reached "the middle point of equilibrium".

286. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng trên hành tinh của chúng ta, chúng ta đã đạt đến "điểm ở giữa của sự quân bình".

the thought-forms are at all stages of construction, and the ensuing chaos is terrible.

các hình tư tưởng đang ở mọi giai đoạn của sự kiến tạo, và sự hỗn loạn phát sinh thật khủng khiếp.

287. DK is a Thinker Who is not given to exaggeration.

287. Chân sư DK là một Đấng Tư Tưởng không thiên về cường điệu.

288. On our planet we are passing through a stage strongly characterized by the fourth ray with its "confused [and confusing] combat".

288. Trên hành tinh của chúng ta, chúng ta đang đi qua một giai đoạn mang đậm đặc tính của cung bốn với "cuộc chiến hỗn loạn [và gây hỗn loạn]" của nó.

289. We see that before magic can be safely and sanely practiced, confusion in the mind of the practitioner must be brought to an end.

289. Chúng ta thấy rằng trước khi huyền thuật có thể được thực hành một cách an toàn và lành mạnh, sự lẫn lộn trong trí tuệ của người thực hành phải được chấm dứt.

The rule [Rule X] which we are commenting upon may be interpreted as stating that in the magical work, **the energy of the waters becomes paramount,** and desire for the form and the fulfilment of its objective increases.

Quy luật [Rule X] mà chúng ta đang bình giải có thể được diễn giải là nói rằng trong công việc huyền thuật, **năng lượng của các nước trở nên tối quan trọng,** và dục vọng đối với hình tướng cùng sự hoàn thành mục tiêu của nó gia tăng.

290. Certainly this is true of the stage of the creative process under discussion.

290. Chắc chắn điều này đúng với giai đoạn của tiến trình sáng tạo đang được bàn đến.

291. The thoughtform will not see the light of day unless the desire for it to manifest is sufficient. Many good ideas are born but do not manifest for just this reason. The creator has insufficient *desire* to manifest his idea.

291. Hình tư tưởng sẽ không thấy ánh sáng ban ngày trừ phi dục vọng để nó biểu hiện là đủ mạnh. Nhiều ý tưởng tốt được sinh ra nhưng không biểu hiện chỉ vì lý do này. Đấng sáng tạo có *dục vọng* không đủ để biểu hiện ý tưởng của mình.

This takes place after the **will energy has formed the central nucleus by being brought into contact with the desire force.**

Điều này diễn ra sau khi **năng lượng ý chí đã hình thành hạt nhân trung tâm bằng cách được đưa vào tiếp xúc với mãnh lực dục vọng.**

292. We cannot dissociate will from centralization.

292. Chúng ta không thể tách rời ý chí khỏi sự tập trung hoán.

293. We might as well be speaking of the formation of the egoic lotus. The jewel or nucleus relates to the will force. The tiers of petals are related to love or desire force. Love and desire are, of course, closely related.

293. Chúng ta cũng có thể đang nói về sự hình thành của Hoa Sen Chân Ngã. viên ngọc hay hạt nhân liên hệ với mãnh lực ý chí. Các tầng cánh hoa liên hệ với mãnh lực bác ái hay dục vọng. Dĩ nhiên, bác ái và dục vọng có liên hệ mật thiết với nhau.

294. Are we speaking of the central nucleus of the thoughtform to be manifested? If so, why is the formation of this nucleus dependent on contact with desire force? It would seem that the nucleus was present once the idea from the Solar Angel had been apprehended and once a thoughtform on the lower mental plane had been constructed around that idea. Does not the nucleus pre-exist contact with the "desire force".

294. Có phải chúng ta đang nói về hạt nhân trung tâm của hình tư tưởng sẽ được biểu hiện không? Nếu vậy, tại sao sự hình thành hạt nhân này lại tùy thuộc vào sự tiếp xúc với mãnh lực dục vọng? Có vẻ như hạt nhân đã hiện diện một khi ý tưởng từ Thái dương Thiên Thần đã được nắm bắt và một khi một hình tư tưởng trên cõi hạ trí đã được kiến tạo quanh ý tưởng đó. Chẳng phải hạt nhân đã hiện hữu trước sự tiếp xúc với "mãnh lực dục vọng" sao.

295. Of course, *what* is the central nucleus? When considering the formation of the egoic lotus, both atmic and buddhic forces unite to form the Jewel in the Lotus (atmic) and the three synthesizing petals (buddhic). Can buddhic forces be related to the quality of *desire?* We must remember that Agnisuryans (usually considered devas of desire) are definitely found upon the buddhic plane.

295. Dĩ nhiên, *điều gì* là hạt nhân trung tâm? Khi xét đến sự hình thành của Hoa Sen Chân Ngã, cả các mãnh lực atma lẫn Bồ đề hợp nhất để tạo thành Viên Ngọc trong Hoa Sen (atma) và ba cánh hoa tổng hợp (Bồ đề). Liệu các mãnh lực Bồ đề có thể được liên hệ với phẩm tính của *dục vọng* không? Chúng ta phải nhớ rằng các Agnisuryan (thường được xem là các thiên thần của dục vọng) chắc chắn hiện diện trên cõi Bồ đề.

296. Nevertheless, we have to accept the sentence just as DK presents it and ponder its meaning.

296. Tuy nhiên, chúng ta phải chấp nhận câu này đúng như Chân sư DK trình bày và suy ngẫm về ý nghĩa của nó.

The magician, through desire (or strong motive), increases the vitality of the form until it is so powerful and intense in its own separated life that it is ready to go forth on its mission upon the physical plane.

Nhà huyền thuật, thông qua dục vọng (hay động cơ mạnh mẽ), gia tăng sinh lực của hình tướng cho đến khi nó mạnh mẽ và mãnh liệt đến mức trong sự sống biệt lập riêng của nó, nó sẵn sàng tiến ra thi hành sứ mệnh của mình trên cõi hồng trần.

297. This is very straightforward.

297. Điều này rất rõ ràng.

298. We see that, in this sense, *vitalization* is produced upon the astral plane. We are not speaking of etheric vitality, but of the induction of a vibrant tendency towards manifestation.

298. Chúng ta thấy rằng, theo nghĩa này, *sự tiếp sinh lực* được tạo ra trên cõi cảm dục. Chúng ta không nói về sinh lực dĩ thái, mà nói về việc gây nên một khuynh hướng rung động hướng tới sự biểu hiện.

299. The thoughtform must achieve a certain degree of astral vitality before it can be viable upon the physical plane.

299. Hình tư tưởng phải đạt được một mức sinh lực cảm dục nhất định trước khi nó có thể khả thi trên cõi hồng trần.

The **building devas** who have been impelled to construct the form out of the myriads of **elemental lives** available,

Các **thiên thần kiến tạo** đã được thúc đẩy để kiến tạo hình tướng từ vô số **sự sống hành khí** sẵn có,

300. This is clear. Both types of water beings are involved—water devas (Agnisuryans) and water elementals.

300. Điều này rõ ràng. Cả hai loại hữu thể nước đều tham dự—các thiên thần nước (Agnisuryan) và các hành khí của nước.

301. Sometimes it is unclear whether DK is speaking of devas or elementals, but in this instance, it is clear.

301. Đôi khi không rõ Chân sư DK đang nói về các thiên thần hay các hành khí, nhưng trong trường hợp này thì rõ ràng.

302. We note that the "building devas" have been "impelled", which is not the same as "compelled". We could say with justification that the elementals are *compelled*.

302. Chúng ta lưu ý rằng các "thiên thần kiến tạo" đã được "thúc đẩy", điều này không giống với "bị cưỡng bách". Chúng ta có thể nói một cách chính đáng rằng các hành khí thì *bị cưỡng bách*.

303. To be *impelled* is to be stimulated into activity, to be urged along, to be given an irresistible impulse to act. To be *compelled* is to be *forced*. The blind, lower lives (i.e., the elementals) are *forced*.

303. Được *thúc đẩy* là được kích thích vào hoạt động, được thôi thúc tiến lên, được trao một xung lực không thể cưỡng lại để hành động. Bị *cưỡng bách* là bị *ép buộc*. Các sự sống thấp mù quáng (tức các hành khí) bị *ép buộc*.

have completed their work, and now cease from constructing;

đã hoàn tất công việc của mình, và giờ đây ngừng việc kiến tạo;

304. It is the "building *devas*" who have completed their work. The passive elementals have been built into a completed from

304. Chính các "thiên thần kiến tạo " đã hoàn tất công việc của mình. Các hành khí thụ động đã được xây dựng thành một hình tướng hoàn chỉnh

this particular type of energy no longer drives the lesser lives in any specific direction,

loại năng lượng đặc thù này không còn thúc đẩy các sự sống nhỏ hơn theo bất kỳ hướng đặc thù nào nữa,

305. We are speaking of the type of astral energy used in the constructive process.

305. Chúng ta đang nói về loại năng lượng cảm dục được sử dụng trong tiến trình kiến tạo.

and the final cycle of work upon the astral plane is entered upon.

và chu kỳ công việc cuối cùng trên cõi cảm dục được bắt đầun.

306. On every level there comes a termination of the construction process. This occurs when sufficiency is reached. The astrally-enhanced thoughtform is now vibrant enough to make its way onto the next lower plane.

306. Trên mọi cấp độ đều có lúc tiến trình kiến tạo chấm dứt. Điều này xảy ra khi đạt đến mức đầy đủ. Hình tư tưởng được tăng cường về cảm dục giờ đây đã đủ rung động để tự mở đường sang cõi thấp kế tiếp.

This is summed up in the next rule.

Điều này được tóm lược trong quy luật kế tiếp.

RULE XI. *Three things the worker with the law must now accomplish. First, ascertain the formula which will confine the lives within the ensphering wall;*

QUY LUẬT XI. *Ba điều người làm việc với định luật bây giờ phải hoàn thành. Trước hết, xác định công thức sẽ giới hạn các sự sống trong bức tường bao quanh;*

307. Martian energy is always seeking to break through. Neptunian energy (also

307. Năng lượng Sao Hỏa luôn tìm cách phá vỡ để xuyên qua. Năng lượng Sao Hải Vương

associated with the astral plane) is useless in the attempt to maintain ring-pass-nots.

(cũng liên hệ với cõi cảm dục) vô dụng trong nỗ lực duy trì các vòng-giới-hạn.

308. We note that the true magician is the "worker with the law". If the worker does not work with and under the law, he cannot be a *white* magician.

308. Chúng ta lưu ý rằng nhà huyền thuật chân chính là "người hoạt động với định luật". Nếu người hoạt động không làm việc cùng với và dưới định luật, y không thể là một nhà huyền thuật *chánh đạo*.

next, pronounce the words which will tell them what to do and where to carry that which has been made;

tiếp theo, xướng các từ ngữ sẽ nói cho chúng biết phải làm gì và mang cái gì đã được tạo ra đến đâu;

309. The magician does not only *think* the words, but pronounces them This involves the throat center and a physical act.

309. Nhà huyền thuật không chỉ *nghĩ* các lời ấy, mà còn phát âm chúng. Điều này liên quan đến trung tâm cổ họng và một hành động hồng trần.

and finally, to utter forth the mystic phrase which will save him from their work.

và cuối cùng, thốt ra cụm từ thần bí sẽ cứu y khỏi công việc của chúng.

310. The phrase is "mystic" which means that it is arcane in its nature.

310. Cụm từ ấy là "thần bí", nghĩa là nó có bản chất bí truyền.

311. We are told clearly that danger is ever present.

311. Chúng ta được nói rõ rằng hiểm nguy luôn hiện diện.

The embodied idea has now form and shape upon the astral plane; but all is as yet in a state of flux,

Ý tưởng đã nhập thể giờ đây có hình tướng và hình dạng trên cõi cảm dục; nhưng mọi sự vẫn còn ở trong trạng thái lưu chuyển,

312. Instability characterizes the state of the form. An unstable form is unready for further descent. It would not maintain its integrity. It would disintegrate.

312. Tính bất ổn đặc trưng cho trạng thái của hình tướng. Một hình tướng bất ổn chưa sẵn sàng cho sự giáng xuống thêm nữa. Nó sẽ không duy trì được tính toàn vẹn của mình. Nó sẽ tan rã.

and the lives are only held in place through the fixed attention [Page 1021] of the magician, working through the greater builders.

và các sự sống chỉ được giữ tại chỗ nhờ sự chú tâm cố định [Page 1021] của nhà huyền thuật, hoạt động thông qua các đấng đại kiến tạos.

313. Again there are two types of lives:

a. Those that are held in form

b. Those who are the "greater builders". "Greater than what?" we might ask. The term "greater builders" is applied in so many contexts. In this case, they are certainly greater than the confined elemental lives. They are evolutionary devas, and, though unconscious, are not blind, elemental lives.

314. We see that the willful "fixed attention" of the magician must be *relieved.* He cannot keep his mind on his creation forever. It must achieve some degree of independent life.

315. Further, we note that the magician works *through* the greater builders, directing and *impelling* them, though not in the full sense *compelling* them.

316. It is through these greater builders that the magician controls the elemental lives which, in this context, should be called "lesser builders".

317. We should bear in mind that those called "greater builders" in this context would be called "lesser builders" in other contexts.

He must, through knowledge of certain magical phrases, **make the work more permanent and independent** and fix the place of the vitalising elements within the

313. Một lần nữa có hai loại sự sống:

a. Những sự sống được giữ trong hình tướng

b. Những vị là "các đấng đại kiến tạo". "Lớn hơn cái gì?" chúng ta có thể hỏi. Thuật ngữ "đấng đại kiến tạo" được áp dụng trong rất nhiều ngữ cảnh. Trong trường hợp này, chắc chắn các vị ấy lớn hơn các sự sống hành khí bị giam giữ. Các vị ấy là các thiên thần thăng thượng tiến hoá, và tuy vô thức, nhưng không phải là các sự sống hành khí mù quáng.

314. Chúng ta thấy rằng "sự chú tâm cố định" đầy ý chí của nhà huyền thuật phải được *giải tỏa.* Y không thể giữ trí tuệ mình trên sáng tạo phẩm của mình mãi mãi. Nó phải đạt được một mức độ nào đó của sự sống độc lập.

315. Hơn nữa, chúng ta lưu ý rằng nhà huyền thuật hoạt động *thông qua* các đấng đại kiến tạo, chỉ đạo và *thúc đẩy* các vị ấy, dù không theo nghĩa trọn vẹn là *cưỡng bách* các vị ấy.

316. Chính thông qua các đấng đại kiến tạo này mà nhà huyền thuật kiểm soát các sự sống hành khí, mà trong ngữ cảnh này nên được gọi là "các vị tiểu kiến tạo".

317. Chúng ta nên ghi nhớ rằng những vị được gọi là "các đấng đại kiến tạo" trong ngữ cảnh này sẽ được gọi là "các vị tiểu kiến tạo" trong những ngữ cảnh khác.

Thông qua tri thức về một số cụm từ huyền thuật nhất định, y phải **làm cho công việc trở nên bền vững và độc lập hơn** và ấn định vị trí của các yếu tố tiếp sinh lực bên trong

form, and give them an impetus that will result in more settled concretion.

318. Yes, the thoughtform must achieve greater permanence and independence. A creator cannot be *tied* to his creation. It must not forever demand his attention or he will be bound and constricted by that thoughtform.

319. Let us tabulate what the magician must do at this point:

a. He must make the thoughtform more permanent and more independent.

b. He must "fix the place of the vitalising elements within the form". What these elements may be DK does not discuss, but they have to be permanently associated with the form. This is *fixation.* If he had called the "vitalizing elements" by the name "vitalized elements or elementals" understanding would come more easily.

c. He must impel these vitalizing elements towards more permanent concretion. The concretion thus far achieved is tangible but insufficient.

Having accomplished that, he becomes, if it might so be expressed, **an agent of Karma,** and sends forth the dual thought form (clothed in mental and astral matter), to fulfil its mission, whatever that may be.

320. Why an "agent of Karma"? May we say that he has created a form which will affect the environment and thus produced harmony or disharmony? That which he has created will either accord with the Plan or

hình tướng, và trao cho chúng một xung lực sẽ dẫn đến sự ngưng tụ ổn định hơn.

318. Đúng vậy, hình tư tưởng phải đạt được tính bền vững và tính độc lập lớn hơn. Một đấng sáng tạo không thể bị *trói buộc* vào sáng tạo phẩm của mình. Nó không được mãi mãi đòi hỏi sự chú ý của y, nếu không y sẽ bị ràng buộc và co hẹp bởi hình tư tưởng ấy.

319. Chúng ta hãy lập bảng những gì nhà huyền thuật phải làm vào lúc này:

a. Y phải làm cho hình tư tưởng bền vững hơn và độc lập hơn.

b. Y phải "ấn định vị trí của các yếu tố tiếp sinh lực bên trong hình tướng". Chân sư DK không bàn đến việc các yếu tố này có thể là gì, nhưng chúng phải được gắn kết thường trực với hình tướng. Đây là *sự cố định.* Nếu Ngài gọi các "yếu tố tiếp sinh lực" bằng tên "các yếu tố hay hành khí đã được tiếp sinh lực" thì sự thấu hiểu sẽ đến dễ dàng hơn.

c. Y phải thúc đẩy các yếu tố tiếp sinh lực này hướng tới sự ngưng tụ bền vững hơn. Sự ngưng tụ đạt được cho đến nay là hữu hình nhưng chưa đủ.

Sau khi hoàn thành điều đó, y trở thành, nếu có thể diễn đạt như vậy, **một tác nhân của nghiệp quả,** và phóng xuất hình tư tưởng nhị phân (được khoác trong vật chất trí tuệ và cảm dục), để hoàn thành sứ mệnh của nó, dù sứ mệnh ấy có thể là gì đi nữa.

320. Tại sao lại là một "tác nhân của nghiệp quả"? Chúng ta có thể nói rằng y đã tạo ra một hình tướng sẽ tác động lên môi trường và do đó tạo ra hài hòa hay bất hòa chăng? Điều mà y đã tạo ra hoặc sẽ phù hợp với

not. If it does not, it will attract to itself the 'Karma of adjustment'.

Thiên Cơ hoặc không. Nếu không, nó sẽ tự thu hút về mình "nghiệp quả của sự điều chỉnh".

321. The word "karma" is based on "karman"—to *act*. If we do not act, no karma is produced. If we act when identified with the greater Life, then the karma produced is the karma of the greater Life, and our participation in it is as one identified with that greater Life. We could call this "planetary Karma", or the "karma of humanity" depending on our level of identification.

321. Từ "karma" dựa trên "karman"—tức *hành động*. Nếu chúng ta không hành động, không nghiệp quả nào được tạo ra. Nếu chúng ta hành động khi đồng hoá với Sự sống vĩ đại hơn, thì nghiệp quả được tạo ra là nghiệp quả của Sự sống vĩ đại hơn ấy, và sự tham dự của chúng ta vào đó là như một kẻ đã đồng hoá với Sự sống vĩ đại hơn ấy. Chúng ta có thể gọi đây là "nghiệp quả hành tinh", hay "nghiệp quả của nhân loại" tùy theo cấp độ đồng hoá của chúng ta.

322. The term "mission" is important as it suggests the impelling force of the sixth ray acquired upon the astral plane.

322. Thuật ngữ "sứ mệnh" rất quan trọng vì nó gợi ý mãnh lực thúc đẩy của cung sáu có được trên cõi cảm dục.

Finally, he has to take steps **to protect himself from the attractive forces of his own nature,** which might eventuate in his holding the thought form so closely within the radius of his own influence that it would be rendered useless, its own inherent energy neutralised, and its purpose negated.

Cuối cùng, y phải thực hiện các bước **để tự bảo vệ mình khỏi các mãnh lực hấp dẫn của chính bản chất mình,** những mãnh lực có thể dẫn đến việc y giữ hình tư tưởng quá chặt trong bán kính ảnh hưởng của chính mình đến nỗi nó trở nên vô dụng, năng lượng cố hữu của nó bị hóa giải, và mục đích của nó bị phủ định.

323. This is surely interesting. There is something within the magician which may not wish to release the prepared thoughtform. There are attractive forces with the astral body which desire to *withhold* that which has been created.

323. Điều này quả thật thú vị. Có điều gì đó bên trong nhà huyền thuật có thể không muốn phóng thích hình tư tưởng đã được chuẩn bị. Có những mãnh lực hấp dẫn trong thể cảm dục muốn *giữ lại* điều đã được tạo ra.

324. Through this final set of formulas, the magician seeks to protect the creative process from futility.

324. Thông qua bộ công thức cuối cùng này, nhà huyền thuật tìm cách bảo vệ tiến trình sáng tạo khỏi sự vô ích.

325. There are many analogies to the human birth process and early child rearing, and to

325. Có nhiều tương đồng với tiến trình sinh nở của con người và việc nuôi dưỡng trẻ thơ

the mother, for instance, who does not want to let go.

thời kỳ đầu, và chẳng hạn với người mẹ không muốn buông ra.

They might also produce such a powerful, attractive force that **he would draw the form so closely to himself that he would be forced to absorb it.**

Chúng cũng có thể tạo ra một mãnh lực hấp dẫn mạnh đến mức **y sẽ kéo hình tướng lại quá gần mình đến nỗi bị buộc phải hấp thụ nó.**

326. This is like having to 'eat' one's own creation.

326. Điều này giống như phải "ăn" chính sáng tạo phẩm của mình.

This can be harmlessly accomplished by the man who knows how, but results, nevertheless, in a waste of energy which is forbidden under the Law of Economy.

Điều này có thể được thực hiện một cách vô hại bởi người biết cách, nhưng tuy vậy vẫn dẫn đến sự phí phạm năng lượng bị cấm theo Định luật Tiết Kiệm.

327. It is interesting that *laws* cannot be violated—ultimately. The Law of Karma enforces adherence to law in general.

327. Thật thú vị khi *các định luật* rốt cuộc không thể bị vi phạm. Định luật Nghiệp quả cưỡng hành sự tuân thủ định luật nói chung.

328. It is wasteful to create and then fail to utilize that which has been created.

328. Thật lãng phí khi tạo ra rồi lại không sử dụng điều đã được tạo ra.

329. DK seems to suggest that absorption may also be a harmful process.

329. Chân sư DK dường như gợi ý rằng sự hấp thụ cũng có thể là một tiến trình gây hại.

With the majority of men, who are oft unconscious magicians, many thought forms are malicious or destructive, and react back upon their creators in a disastrous manner.

Với đa số những người nam và nữ, vốn thường là các nhà huyền thuật vô thức, nhiều hình tư tưởng là ác ý hay phá hoại, và phản tác động trở lại lên những người tạo ra chúng theo một cách tai hại.

330. Here something of real importance is said. There is a type of absorption which can bring real harm to the generator.

330. Ở đây một điều thật sự quan trọng đã được nói ra. Có một loại hấp thụ có thể gây tổn hại thực sự cho người phát sinh ra nó.

331. The minute we begin to *think,* we are engaged in a karmic process.

331. Ngay khi chúng ta bắt đầu *suy nghĩ,* chúng ta đã tham dự vào một tiến trình nghiệp quả.

332. The Fifteen Counsels given in *A Treatise on White Magic*, p. 473, are invaluable in this respect.

332. Mười Lăm Huấn Thị được đưa ra trong *Luận về Chánh Thuật*, tr. 473, là vô giá về phương diện này.

333. It must be brought home to us that we are definitely responsible for our creations.

333. Cần phải làm cho chúng ta thấm thía rằng chúng ta chắc chắn chịu trách nhiệm về những sáng tạo của mình.

334. As long as we cannot help but be magicians (though largely unconscious) we had best with all due deliberate speed become *conscious white magicians.*

334. Bao lâu chúng ta còn không thể không là những nhà huyền thuật (dù phần lớn là vô thức), thì tốt nhất chúng ta nên với tất cả sự mau lẹ thận trọng mà trở thành những *nhà huyền thuật chánh đạo hữu thức.*

S8S7 Part II

TCF 1021-1026

TCF 1021-1026

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

c. Four Rules for the Physical Plane. In the magical work of form creation, we have carried the thought form down from the mental plane **where the solar Angel initiated the work,**

c. Bốn Quy Luật cho cõi hồng trần. Trong công việc huyền thuật của sự sáng tạo hình tướng, chúng ta đã đưa hình tư tưởng xuống từ cõi trí **nơi Thái dương Thiên Thần khởi xướng công việc,**

1. This is to be remembered. Even when it *seems* that the white magician initiates the work, it is actually under the impulse of the Solar Angel.

1. Điều này cần được ghi nhớ. Ngay cả khi dường như *có vẻ* nhà huyền thuật chánh đạo khởi xướng công việc, thì thực ra điều đó diễn ra dưới xung lực của Thái dương Thiên Thần.

2. Obviously the personality must be in a certain fit condition if this is to occur. The Solar Angel, however, is the best judge of the timing.

2. Hiển nhiên phàm ngã phải ở trong một tình trạng thích hợp nào đó thì điều này mới có thể xảy ra. Tuy nhiên, Thái dương Thiên Thần là vị phán đoán tốt nhất về thời điểm.

3. As for the magical work of creation (another and higher category of magic) it is obvious that the Solar Angel initiates the work. It is not so obvious with regard to the white magician's thoughtform building.

3. Đối với công việc huyền thuật của sự sáng tạo (một loại huyền thuật khác và cao hơn), hiển nhiên là Thái dương Thiên Thần khởi xướng công việc. Điều này không hiển nhiên bằng đối với việc xây dựng hình tư tưởng của nhà huyền thuật chánh đạo.

through the astral, where the equilibrising work was done,

qua cõi cảm dục, nơi công việc quân bình hóa đã được thực hiện,

4. This equilibrizing is the balancing of the forces of will and desire upon the astral plane. This balancing makes possible the correct guidance of the thoughtform and ensures that it will not become a servant of the energies of the left hand path.

4. Sự quân bình hóa này là sự cân bằng các mãnh lực của ý chí và dục vọng trên cõi cảm dục. Sự cân bằng này làm cho việc hướng dẫn đúng đắn hình tư tưởng trở nên khả hữu và bảo đảm rằng nó sẽ không trở thành kẻ phụng sự cho các năng lượng của tả đạo.

to the physical plane, or to the etheric levels.

đến cõi hồng trần, hay đến các cấp độ dĩ thái.

5. First to the etheric plane and thence to the dense physical plane.

5. Trước hết đến cõi dĩ thái và từ đó đến cõi hồng trần đậm đặc.

6. We remember that the etheric levels are part of the systemic physical plane and, from one perspective, constitute the *true* physical plane.

6. Chúng ta nhớ rằng các cấp độ dĩ thái là một phần của cõi hồng trần hệ thống và, từ một góc nhìn, cấu thành cõi hồng trần *đích thực*.

Here the work of producing objectivity is carried forward, and here the worker in magic is in **critical danger of failure should**

Tại đây công việc tạo ra tính khách quan được tiếp tục, và chính tại đây người hoạt động trong huyền thuật ở trong **nguy cơ**

he not be cognisant of the forms and mantrams by which the new group of builders can be reached, and the gap between the astral plane and the gaseous subplane of the physical be bridged.

thất bại nghiêm trọng nếu y không nhận biết được các hình thức và các mantram nhờ đó nhóm đấng kiến tạo mới có thể được tiếp cận, và khoảng cách giữa cõi cảm dục với cõi phụ thể khí của cõi hồng trần được bắt cầu.

7. DK extends what He did not discuss in the previous chapter. He mentioned the critical danger of failure and the necessity of using certain mantrams to prevent this failure, but he did not mention "the new group of builders" and the bridging of the gap (presumably via the etheric subplanes) between the astral plane and the gaseous subplane of the dense physical plane.

7. Chân sư DK mở rộng điều mà Ngài đã không bàn đến trong chương trước. Ngài có nhắc đến nguy cơ thất bại nghiêm trọng và sự cần thiết phải dùng một số mantram nhất định để ngăn ngừa thất bại này, nhưng Ngài không nhắc đến "nhóm đấng kiến tạo mới" và việc bắt cầu qua khoảng cách (có lẽ qua các cõi phụ dĩ thái) giữa cõi cảm dục và cõi phụ thể khí của cõi hồng trần đậm đặc.

8. The fires of the gaseous subplane are of critical importance in the final processes of manifesting a dense physical form.

8. Các ngọn lửa của cõi phụ thể khí có tầm quan trọng quyết định trong các tiến trình cuối cùng của việc biểu hiện một hình tướng hồng trần đậm đặc.

9. DK remarked that these particular mantrams were "of exceeding interest", very effective and powerful.

9. Chân sư DK nhận xét rằng các mantram đặc biệt này "cực kỳ đáng quan tâm", rất hữu hiệu và đầy quyền năng.

It might be useful here to remember that in the work of creation [Page 1022] the white magician avails himself *of the current Ray influence.*

Ở đây có lẽ hữu ích nếu nhớ rằng trong công việc sáng tạo [Page 1022] nhà huyền thuật chánh đạo tận dụng *ảnh hưởng cung hiện hành.*

10. Hence the need of the magician to understand the larger context within which he works and the various ray cycles which manifest in that context.

10. Do đó cần thiết để nhà huyền thuật thấu hiểu bối cảnh lớn hơn trong đó y hoạt động và các chu kỳ cung khác nhau đang biểu hiện trong bối cảnh ấy.

When the third, fifth and seventh rays are in power, either coming in, at full meridian,

Khi các cung ba, năm và bảy đang có quyền năng, hoặc đang đi vào, ở đúng Thiên Đỉnh,

11. Note here the astrological reference to the Midheaven.

11. Xin lưu ý ở đây sự quy chiếu chiêm tinh đến Thiên Đỉnh.

12. Every ray in manifestation waxes, reaches the height of its power, and then wanes.

12. Mỗi cung trong biểu hiện đều tăng trưởng, đạt đến đỉnh cao quyền năng của nó, rồi suy giảm.

or passing out, the work is much easier than when the second, sixth or fourth are dominant.

hoặc đang đi ra, thì công việc dễ dàng hơn nhiều so với khi cung hai, sáu hay bốn chiếm ưu thế.

13. This is very interesting. The soft-line rays do not concern manifestation but, rather, the life within the form. They are, from one perspective, the *abstract* rays.

13. Điều này rất đáng chú ý. Các cung thuộc đường mềm không liên quan đến sự biểu hiện mà đúng hơn là đến sự sống bên trong hình tướng. Từ một góc nhìn, chúng là các cung *trừu tượng*.

14. The seventh ray, of course, is on the hard-line and so that other hard line rays, because related to it, have direct access to it.

14. Dĩ nhiên, cung bảy thuộc về đường cứng và vì vậy các cung đường cứng khác, do có liên hệ với nó, có lối tiếp cận trực tiếp đến nó.

At the present time, the seventh Ray, as we know, is rapidly dominating, and it is one of the easiest of the forces with which man has to work.

Hiện nay, như chúng ta biết, cung bảy đang nhanh chóng chiếm ưu thế, và đó là một trong những mãnh lực dễ làm việc nhất mà con người phải làm việc.

15. One reason why it is easiest for man to work with is because it is in power. It has been in power since 1675.

15. Một lý do khiến đó là mãnh lực dễ nhất để con người làm việc cùng là vì nó đang nắm quyền. Nó đã ở trong quyền năng từ năm 1675.

16. Another reason why it is one of the easiest forces with which man has to work is that the seventh ray governs the systemic physical plane on which man is presently more conscious (and relatively more effective) than on any other plane.

16. Một lý do khác khiến đó là một trong những mãnh lực dễ nhất để con người làm việc cùng là vì cung bảy cai quản cõi hồng trần hệ thống, trên đó hiện nay con người có tâm thức nhiều hơn (và tương đối hữu hiệu hơn) so với bất kỳ cõi nào khác.

17. Cycles of seven years, seventy years, seven hundred years, seven thousand years, etc. are ruled by the seventh ray. When speaking of the racial ray cycles (those which pertain closely to the life of humanity) the cycle is expressed in hundreds of years. We could ask then, if we

17. Các chu kỳ bảy năm, bảy mươi năm, bảy trăm năm, bảy nghìn năm, v.v. đều do cung bảy cai quản. Khi nói về các chu kỳ cung của nhân loại (những chu kỳ liên hệ mật thiết đến đời sống của nhân loại), chu kỳ được biểu thị bằng hàng trăm năm. Khi ấy chúng ta có thể hỏi, liệu chúng ta có đang ở giữa

are in the midst of a seven hundred ray cycle? If so, the peak of this cycle or its meridian will occur in 2025—the year at which a very great decision will be made by the assembled Hierarchy regarding the plan for its externalization and the Reappearance of the Christ.

một chu kỳ cung bảy trăm năm không? Nếu vậy, đỉnh điểm của chu kỳ này hay điểm cực đại của nó sẽ xảy ra vào năm 2025—năm mà một quyết định rất lớn sẽ được Thánh Đoàn tập hợp đưa ra liên quan đến kế hoạch cho Sự Hiển Lộ của Thánh đoàn và sự Tái Lâm của Đức Christ.

18. Yet, from another perspective, the seventh ray is expressing in an approximately 2500 year cycle which parallels that of the energy of the sign Aquarius. Technically the Aquarian Age begins in the year 2117, so are we to expect this longer seventh ray cycle to begin at that time?

18. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, cung bảy đang biểu lộ trong một chu kỳ xấp xỉ 2500 năm song hành với chu kỳ của năng lượng dấu hiệu Bảo Bình. Về mặt kỹ thuật, Kỷ Nguyên Bảo Bình bắt đầu vào năm 2117, vậy chúng ta có nên chờ đợi chu kỳ cung bảy dài hơn này bắt đầu vào thời điểm đó không?

19. Probably it began earlier, because the true duration of a precessional age is 2160 years. There are said to be overlap periods of about 500 years found in relation to every precessional age, so it is probable that the seventh ray will have entered into this longer cycle about two hundred and fifty years before the actual beginning of the Age of Aquarius. If this is the case it would be startlingly close to the year 1875 which saw the beginning of the Theosophical Society and the Initiation of Mastership for the Master DK.

19. Có lẽ nó đã bắt đầu sớm hơn, vì thời lượng thực sự của một kỷ nguyên tuế sai là 2160 năm. Người ta nói rằng có những giai đoạn chồng lấn khoảng 500 năm liên hệ với mỗi kỷ nguyên tuế sai, vì vậy có thể cung bảy đã đi vào chu kỳ dài hơn này khoảng hai trăm năm mươi năm trước khi Kỷ Nguyên Bảo Bình thực sự bắt đầu. Nếu đúng như vậy thì điều đó gần một cách đáng kinh ngạc với năm 1875, năm chứng kiến sự khởi đầu của Hội Thông Thiên Học và cuộc điểm đạo Chân sư của Chân sư DK.

Under this Ray it will be possible to build a new structure for the **rapidly decaying civilisation**,

Dưới Cung này, sẽ có thể xây dựng một cấu trúc mới cho nền văn minh **đang suy tàn nhanh chóng**,

20. We must be prepared for the unhappy experiences which accompany decay. This decay is equivalent to that "withering of the law" which occurs just before the appearance of the Bodhisattva or a redeeming Avatar on some other ray than the second.

20. Chúng ta phải sẵn sàng cho những kinh nghiệm đau buồn đi kèm với sự suy tàn. Sự suy tàn này tương đương với "sự héo tàn của quy luật" xảy ra ngay trước khi Đức Bồ Tát xuất hiện hoặc một Đấng Hoá Thân cứu chuộc trên một cung nào khác ngoài cung hai.

21. The worst thing we could do when faced with this inevitable decay is to attempt to reconstitute the decaying forms, restoring them to their former structure. Rather, the new emerging forms must be emphasized and it is towards them we must train the feeding power of the attention.

21. Điều tệ hại nhất chúng ta có thể làm khi đối diện với sự suy tàn tất yếu này là cố gắng tái lập các hình tướng đang suy tàn, phục hồi chúng về cấu trúc cũ của chúng. Trái lại, các hình tướng mới đang xuất hiện phải được nhấn mạnh, và chính về phía chúng mà chúng ta phải rèn luyện năng lực nuôi dưỡng của sự chú ý.

and to **erect the new temple** desired for the religious impulse.

và để **dựng lên ngôi đền mới** được mong muốn cho xung lực tôn giáo.

22. In this sentence is embodied the transition in the field of religion which must occur within the *church;* for those upon the seventh ray, this impulse is the *temple.*

22. Trong câu này hàm chứa sự chuyển tiếp trong lĩnh vực tôn giáo vốn phải xảy ra bên trong *giáo hội;* đối với những người thuộc cung bảy, xung lực này là *ngôi đền.*

23. The religious impulse in man never dies, but the forms through which it expresses change with every cycle.

23. Xung lực tôn giáo trong con người không bao giờ chết, nhưng các hình thức qua đó nó biểu lộ thay đổi theo mỗi chu kỳ.

24. The methods of the New World Religion in the Aquarian Age will be invocation, ritual and ceremony executed intelligently according to the availability of subtle energies.

24. Các phương pháp của Tôn Giáo Thế Giới Mới trong Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ là khẩn cầu, nghi lễ và lễ thức được thực hiện một cách thông minh tùy theo mức độ sẵn có của các năng lượng vi tế.

25. Some may think that the church will die during the Aquarian Age. This is not necessarily true, but in order to survive and be effective, it must be reformed to align more closely with the prevailing seventh ray impulse. The church considered as a center of worship, per se, will likely subside.

25. Một số người có thể nghĩ rằng giáo hội sẽ chết đi trong Kỷ Nguyên Bảo Bình. Điều này không nhất thiết đúng, nhưng để tồn tại và hữu hiệu, nó phải được cải cách để chỉnh hợp chặt chẽ hơn với xung lực cung bảy đang thịnh hành. Giáo hội, được xét như một trung tâm thờ phụng chính nó, có lẽ sẽ lắng xuống.

Under its [the seventh ray's] influence the work of the numerous unconscious magicians will be much facilitated.

Dưới ảnh hưởng của nó [của cung bảy] công việc của vô số nhà huyền thuật vô thức sẽ được tạo điều kiện dễ dàng hơn nhiều.

26. Presumably this will bring about a rather dangerous situation.

26. Có lẽ điều này sẽ đưa đến một tình trạng khá nguy hiểm.

This will eventuate in the rapid growth of unconscious psychic phenomena, in the spread of mental science, and the consequent ability of thinkers to acquire and to create those tangible benefits they desire.

Điều này sẽ dẫn đến sự tăng trưởng nhanh chóng của các hiện tượng thông linh vô thức, sự lan rộng của khoa học trí tuệ, và do đó là khả năng để các nhà tư tưởng đạt được và tạo ra những lợi ích hữu hình mà họ mong muốn.

27. Let us tabulate for emphasis some of the consequences of the presence of a strong seventh ray:

27. Để nhấn mạnh, chúng ta hãy lập bảng một số hệ quả của sự hiện diện của một cung bảy mạnh:

a. The rapid growth of unconscious psychic phenomena. We can expect one layer of civilization during the Aquarian Age to have considerable psychic sensitivity though not necessarily of a high quality.

a. Sự tăng trưởng nhanh chóng của các hiện tượng thông linh vô thức. Chúng ta có thể mong đợi một tầng lớp văn minh trong Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ có độ nhạy cảm thông linh đáng kể, dù không nhất thiết có phẩm chất cao.

b. The spread of mental science. We have seen the teaching of "mind over matter" (another form of magic) strongly emphasized in mental science groups. For what purposes, however, is the mind cultivated?

b. Sự lan rộng của khoa học trí tuệ. Chúng ta đã thấy giáo huấn "trí tuệ trên vật chất" (một hình thức huyền thuật khác) được nhấn mạnh mạnh mẽ trong các nhóm khoa học trí tuệ. Tuy nhiên, trí tuệ được trau dồi nhằm những mục đích nào?

c. The ability to acquire and create tangible benefits desired. We see that selfish motives as well as selfless motives will be fulfilled. We see why the establishment of true spiritual values will be so important in an Age when values in general can be more easily materialized.

c. Khả năng đạt được và tạo ra những lợi ích hữu hình được mong muốn. Chúng ta thấy rằng các động cơ ích kỷ cũng như các động cơ vô ngã đều sẽ được hoàn thành. Chúng ta thấy vì sao việc thiết lập các giá trị tinh thần chân chính sẽ rất quan trọng trong một Kỷ Nguyên mà các giá trị nói chung có thể được hiện hình dễ dàng hơn.

28. Perhaps some of the dangers with which we will be presented become evident in this description of future trends.

28. Có lẽ một số nguy cơ mà chúng ta sẽ phải đối diện trở nên hiển nhiên trong mô tả này về các xu hướng tương lai.

Nevertheless, this magic of the unconscious or selfish kind leads to **karmic results of a deplorable nature**, for **only those who work with the law and who control the lesser lives through knowledge, love and will,**

Tuy nhiên, huyền thuật này thuộc loại vô thức hay ích kỷ dẫn đến **những kết quả nghiệp quả đáng than phiền**, vì **chỉ những ai làm việc với định luật và kiểm soát các sự sống nhỏ hơn bằng tri thức, bác ái và ý**

evade the consequences entailed on those who manipulate living matter for selfish ends.

29. It is quite clear that DK is speaking of the results of following the left hand path and eventually, in the worst cases, of becoming a black magician.

30. If the lunar vehicles find their involutionary tendencies magically fulfilled, the patterns or tendencies of the soul cannot manifest.

31. We realize that in magic of the deliberately selfish kind the lesser lives are *not* controlled through knowledge, love and will. They may be, to a degree, *controlled* but not for the sake of the expression of higher lives *through* them. In fact the involutionary tendencies of the lesser lives are strengthened through the kind of control exerted by the Brother of the left hand path.

32. In selfish magic of the unconscious kind (as is expressed by ignorant individuals who are not deliberately selfish), the lesser lives will be far less controlled, but the consequences will also be less dire.

33. When will and deliberation reinforce selfishness, we have the brother of the left hand path.

The white magician utilises solar forces.

34. In definite contradistinction to the forces of decay arising from the effluvia of the Moon---

chí mới tránh được các hậu quả giáng xuống trên những kẻ thao túng vật chất sống vì những mục đích ích kỷ.

29. Rõ ràng là Chân sư DK đang nói về các kết quả của việc đi theo tả đạo và cuối cùng, trong những trường hợp xấu nhất, trở thành một nhà hắc thuật.

30. Nếu các vận cụ thái âm tìm thấy các khuynh hướng giáng hạ tiến hoá của chúng được hoàn thành một cách huyền thuật, thì các mô hình hay khuynh hướng của linh hồn không thể biểu lộ.

31. Chúng ta nhận ra rằng trong huyền thuật thuộc loại cố ý ích kỷ, các sự sống nhỏ hơn *không* được kiểm soát bằng tri thức, bác ái và ý chí. Chúng có thể, ở một mức độ nào đó, được *kiểm soát* nhưng không phải vì mục đích biểu lộ của các sự sống cao hơn *qua* chúng. Thực ra, các khuynh hướng giáng hạ tiến hoá của các sự sống nhỏ hơn được tăng cường qua loại kiểm soát do Huynh Đệ của tả đạo áp dụng.

32. Trong huyền thuật ích kỷ thuộc loại vô thức (như được biểu lộ bởi những cá nhân vô minh không cố ý ích kỷ), các sự sống nhỏ hơn sẽ được kiểm soát ít hơn nhiều, nhưng các hậu quả cũng sẽ bớt nghiêm trọng hơn.

33. Khi ý chí và sự chủ tâm củng cố tính ích kỷ, chúng ta có huynh đệ của tả đạo.

Nhà huyền thuật chánh đạo sử dụng các mãnh lực thái dương.

34. Hoàn toàn đối lập với các mãnh lực suy tàn phát sinh từ các khí thải của Mặt Trăng---

As the planet passes around the sun different types of solar energy are contacted,

Khi hành tinh đi quanh mặt trời, các loại năng lượng thái dương khác nhau được tiếp xúc,

35. Among these energies, of course, are the energies of the zodiac of twelve constellations.

35. Trong số các năng lượng này, dĩ nhiên, có các năng lượng của hoàng đạo gồm mười hai chòm sao.

and **expert knowledge** is required to utilise the influences **in due time,**

và **tri thức chuyên sâu** là điều cần thiết để sử dụng các ảnh hưởng **đúng lúc,**

36. Although there are many more such energies than we understand or can utilize, we are, at least, being trained in the use of some of them. Our Full Moon meditations and observances are part of this training.

36. Mặc dù có nhiều năng lượng như thế hơn mức chúng ta hiểu hay có thể sử dụng, ít nhất chúng ta đang được huấn luyện trong việc sử dụng một số trong chúng. Các kỳ tham thiền Trăng Tròn và các nghi thức tuân hành của chúng ta là một phần của sự huấn luyện này.

37. Expert knowledge is enhanced by the contribution of the fifth ray.

37. Tri thức chuyên sâu được tăng cường nhờ sự đóng góp của cung năm.

38. We notice that there is a time limit on the effective use of these energies.

38. Chúng ta nhận thấy rằng có một giới hạn thời gian đối với việc sử dụng hữu hiệu các năng lượng này.

and to have the form so constituted that **it can respond at the needed hour** to the differentiated energy.

và làm cho hình tướng được cấu thành sao cho **nó có thể đáp ứng vào giờ cần thiết** với năng lượng đã được biến phân.

39. This is not an idle statement. It would seem that Master DK may not only be referencing the exact moment of the different Full Moons, but also hinting at the importance of the various “planetary hours” of each day, during which a particular planet’s power is in power.

39. Đây không phải là một phát biểu vô thưởng vô phạt. Có vẻ như Chân sư DK không chỉ quy chiếu đến thời điểm chính xác của các kỳ Trăng Tròn khác nhau, mà còn gợi ý đến tầm quan trọng của các “giờ hành tinh” khác nhau trong mỗi ngày, trong đó quyền năng của một hành tinh nhất định đang nắm quyền.

40. Apparently certain adjustments in the form are needed if there is to be proper response to the various zodiacal energies.

40. Hiển nhiên cần có những điều chỉnh nhất định trong hình tướng nếu muốn có sự đáp ứng đúng đắn với các năng lượng hoàng

Our task, then, is not only to be *aware* of the energy or force of the moment but to be able to receive it and express it correctly, of course in a timely manner.

Nhiệm vụ của chúng ta không chỉ là *nhận biết* năng lượng hay mãnh lực của thời điểm mà còn phải có khả năng tiếp nhận nó và biểu lộ nó một cách đúng đắn, dĩ nhiên là đúng lúc.

41. All of this will be part of the magical process to be mastered during the Aquarian Age.

41. Tất cả điều này sẽ là một phần của tiến trình huyền thuật cần được làm chủ trong Kỷ Nguyên Bảo Bình.

He manipulates planetary force of a triple nature:

Ngài thao tác mãnh lực hành tinh có bản chất tam phân:

42. Again we find reference to a triplicity of planets of which ours is one. This particular triangle is mentioned in several places throughout the books.

42. Một lần nữa chúng ta lại thấy sự quy chiếu đến một bộ ba hành tinh mà hành tinh của chúng ta là một trong số đó. Tam giác đặc biệt này được nhắc đến ở nhiều nơi trong các sách.

a. That which is the product of his own planet, and the most easily available.

a. Mãnh lực là sản phẩm của chính hành tinh của y, và là thứ sẵn có dễ dàng nhất.

43. Are we aware of when we are exposed to the planetary force of our Earth?

43. Chúng ta có nhận biết khi nào mình đang tiếp xúc với mãnh lực hành tinh của Trái Đất chúng ta không?

44. In one way we are speaking of the devic forces which specifically represent the vibrations of the Earth.

44. Theo một cách nào đó, chúng ta đang nói về các mãnh lực thiên thần đặc biệt biểu trưng cho các rung động của Trái Đất.

45. Perhaps we are so totally enveloped by it that we do not differentiate it from other forces.

45. Có lẽ chúng ta bị nó bao bọc hoàn toàn đến mức không phân biệt nó với các mãnh lực khác.

b. That which emanates from the polar opposite of our planet.

b. Mãnh lực phát ra từ cực đối nghịch của hành tinh chúng ta.

46. We may infer that the polar opposite of our planet is Venus. When we attempt to contact the energy of the soul and of the Solar Angel, we are invoking this particular type of force. Of course, Venusian energy is

46. Chúng ta có thể suy ra rằng cực đối nghịch của hành tinh chúng ta là Sao Kim. Khi chúng ta cố gắng tiếp xúc với năng lượng của linh hồn và của Thái dương Thiên Thần, chúng ta đang khẩn cầu loại mãnh lực đặc

also manifested in many other ways as well —some of them expressive upon the lower planes.

biệt này. Dĩ nhiên, năng lượng Kim Tinh cũng được biểu lộ theo nhiều cách khác nữa —một số trong đó biểu lộ trên các cõi thấp.

c. That which can be felt originating from that planet which forms, with our earth and its opposite, the esoteric triangle. [Page 1023]

c. Mãnh lực có thể được cảm nhận là phát sinh từ hành tinh tạo thành, cùng với trái đất chúng ta và cực đối nghịch của nó, tam giác huyền bí. [Page 1023]

47. This we presume to be the energy of Mars, very expressive upon our planet at this time though probably in the process of being transcended if humanity chooses correctly at this decisive time.

47. Chúng ta cho rằng đây là năng lượng của Sao Hỏa, hiện nay biểu lộ rất mạnh trên hành tinh chúng ta dù có lẽ đang trong tiến trình được vượt qua nếu nhân loại chọn lựa đúng đắn vào thời điểm quyết định này.

48. Recently Mars came closer to our planet than it has been in 70,000 years.

48. Gần đây Sao Hỏa đã đến gần hành tinh chúng ta hơn bất kỳ lúc nào trong 70.000 năm.

49. It is as if it is as if Venus occultly pulls upon the Earth from one direction and Mars, occultly, from an opposite direction.

49. Dường như Sao Kim huyền bí học kéo Trái Đất từ một hướng và Sao Hỏa, một cách huyền bí, từ hướng đối nghịch.

50. Why is it called an “esoteric triangle” rather than an ‘exoteric triangle’? Perhaps because many of the energies pertaining to this triangle are unknown or undetected. As well, the effects between them are largely etheric.

50. Vì sao nó được gọi là một “tam giác huyền bí” thay vì một “tam giác ngoại môn”? Có lẽ vì nhiều năng lượng liên hệ với tam giác này chưa được biết đến hoặc chưa được phát hiện. Hơn nữa, các tác động giữa chúng phần lớn là dĩ thái.

Students need here to remember that we are now dealing with etheric matter and vital energy, and are therefore concerning ourselves with the physical plane and all that is included in that term.

Ở đây các đạo sinh cần nhớ rằng hiện nay chúng ta đang bàn đến vật chất dĩ thái và năng lượng sinh lực, và vì vậy đang đề cập đến cõi hồng trần cùng mọi điều được bao hàm trong thuật ngữ ấy.

51. We remember that the etheric plane is definitely a part of the systemic physical plane.

51. Chúng ta nhớ rằng cõi dĩ thái chắc chắn là một phần của cõi hồng trần hệ thống.

52. DK often refers to the idea that the true physical plane is the *etheric* plane.

52. Chân sư DK thường quy chiếu đến ý tưởng rằng cõi hồng trần đích thực là cõi *dĩ thái.*

53. Shall we consider the energies from these three planets as *solar* forces? Since each of them is as a petal in the twelve-petalled lotus of the Solar Logos, it becomes apparent that they musts be so considered.

53. Chúng ta có nên xem các năng lượng từ ba hành tinh này như các mãnh lực *thái dương* không? Vì mỗi hành tinh trong số đó như một cánh hoa trong hoa sen mười hai cánh của Thái dương Thượng đế, nên hiển nhiên chúng phải được xem như vậy.

They need likewise to remember that the magician (as he is working on the plane of objectivity) **is in a position to use his own vital forces in the work of thought form creation**, but this is only possible and permissible when he has reached **the point in evolution where he is a channel for force and knows how to draw it within himself, transmute it, or combine it with the forces of his own body,** and then transmit it to the thought form which he is in process of constructing.

Các đạo sinh cũng cần nhớ rằng nhà huyền thuật (khi y đang hoạt động trên cõi khách quan) **ở vào vị thế có thể sử dụng các mãnh lực sinh lực của chính mình trong công việc sáng tạo hình tư tưởng**, nhưng điều này chỉ có thể và được phép khi y đã đạt đến **điểm tiến hoá mà tại đó y là một kênh dẫn cho mãnh lực và biết cách thu hút nó vào bên trong mình, chuyển hoá nó, hoặc kết hợp nó với các mãnh lực của chính thể y,** và sau đó truyền nó đến hình tư tưởng mà y đang trong tiến trình xây dựng.

54. Here we have a fascinating piece of occultism on the use of the magician's own energy system in the magical process.

54. Ở đây chúng ta có một đoạn huyền bí học hấp dẫn về việc sử dụng chính hệ thống năng lượng của nhà huyền thuật trong tiến trình huyền thuật.

55. The time will come when we can use our own etheric energies in the process of thoughtform building.

55. Thời điểm sẽ đến khi chúng ta có thể sử dụng các năng lượng dĩ thái của chính mình trong tiến trình xây dựng hình tư tưởng.

56. The following requirements will be necessary however:

56. Tuy nhiên, các yêu cầu sau đây sẽ là cần thiết:

a. We as the magician will have to be sufficiently spiritually developed to be a channel for force

a. Chúng ta, với tư cách nhà huyền thuật, sẽ phải phát triển tinh thần đủ mức để trở thành một kênh dẫn cho mãnh lực

b. We will have to have the ability to draw that force within ourselves

b. Chúng ta sẽ phải có khả năng thu hút mãnh lực đó vào bên trong mình

c. We will have to be able to transmute that force

c. Chúng ta sẽ phải có khả năng chuyển hoá mãnh lực đó

d. We will have to be able to combine that force with the energies of our own body

d. Chúng ta sẽ phải có khả năng kết hợp mãnh lực đó với các năng lượng của chính thể mình

e. We will have to be able to transmit this force to the thoughtform we are in process of constructing

e. Chúng ta sẽ phải có khả năng truyền mãnh lực này đến hình tư tưởng mà chúng ta đang trong tiến trình xây dựng

57. The art and science of astrological invocation enters here and in the New Age, when much more will be known about the Science of Cycles, this type of invocation will be performed with scientific accuracy—by some.

57. Nghệ thuật và khoa học của sự khẩn cầu chiêm tinh đi vào ở đây và trong Kỷ Nguyên Mới, khi nhiều điều hơn nữa sẽ được biết về Khoa Học về các Chu Kỳ, loại khẩn cầu này sẽ được thực hiện với độ chính xác khoa học—bởi một số người.

Much of interest will open up before the thinker who extends this idea to the planetary Logos and His work of form creating.

Nhiều điều đáng quan tâm sẽ mở ra trước nhà tư tưởng khi y mở rộng ý tưởng này đến Hành Tinh Thượng Đế và công việc sáng tạo hình tướng của Ngài.

58. DK offers us an analogical extension. Of what (we must ask ourselves) must our Planetary Logos become the conduit, the One who indraws, the Transmuter, the Combiner, and the Transmitter?

58. Chân sư DK đưa ra cho chúng ta một sự mở rộng theo định luật tương đồng. Chúng ta phải tự hỏi: Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta phải trở thành ống dẫn của điều gì, phải là Đấng thu hút vào, Đấng Chuyển hoá, Đấng Kết hợp và Đấng Truyền phát điều gì?

59. If the human being is to appropriate planetary forces, it seems clear that the Planetary Logos will be appropriating stellar and constellational forces.

59. Nếu con người phải chiếm dụng các mãnh lực hành tinh, thì dường như rõ ràng là Hành Tinh Thượng Đế sẽ chiếm dụng các mãnh lực tinh tú và chòm sao.

60. All this will be done within the etheric body of the Planetary Logos and, thus, upon what we usually call the cosmic ethers.

60. Tất cả điều này sẽ được thực hiện trong thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế và, do đó, trên cái mà chúng ta thường gọi là các dĩ thái vũ trụ.

With these few preliminary remarks, we can now continue with the Rules of Magic for the physical plane.

Với vài nhận xét sơ bộ này, giờ đây chúng ta có thể tiếp tục với các Quy Luật Huyền Thuật cho cõi hồng trần.

RULE XII. *The web pulsates.*

QUY LUẬT XII. *Mạng lưới đập nhịp.*

61. This is the etheric web and presumably the etheric body of the magician.

61. Đây là mạng dĩ thái và có lẽ là thể dĩ thái của nhà huyền thuật.

It contracts and expands.

Nó co lại và giãn ra.

62. A dual movement is seen here just as it was upon the astral plane.

62. Ở đây thấy có một chuyển động kép cũng như đã có trên cõi cảm dục.

Let the magician seize the midway point

Hãy để nhà huyền thuật nắm bắt điểm ở giữa

63. This is that etheric point of tension between the top of the head and the pituitary gland. We may think of it as associated with the pineal gland.

63. Đây là điểm tập trung nhất tâm dĩ thái giữa đỉnh đầu và tuyến yên. Chúng ta có thể nghĩ đến nó như có liên hệ với tuyến tùng quả.

64. The soul on its own plane must be brought into relation with the midway point.

64. Linh hồn trên cõi riêng của nó phải được đưa vào liên hệ với điểm ở giữa.

and thus release those "prisoners of the planet"

và như vậy giải phóng những "tù nhân của hành tinh"

65. From one perspective, there are certain “lesser builders”. From another perspective, all unenlightened men and members of the lower kingdoms are “prisoners of the planet”.

65. Từ một góc nhìn, có những “vị tiểu kiến tạo” nhất định. Từ một góc nhìn khác, tất cả những người nam và nữ chưa giác ngộ cùng các thành viên của các giới thấp đều là “tù nhân của hành tinh”.

whose note is right and justly tuned to that which must be made.

mà âm điệu đúng và được điều chỉnh chính xác với cái phải được tạo ra.

66. These particular “prisoners” are found upon the etheric plane and are to be built into the etheric form which the magician is in process of building.

66. Những “tù nhân” đặc biệt này được tìm thấy trên cõi dĩ thái và sẽ được xây dựng vào hình tướng dĩ thái mà nhà huyền thuật đang trong tiến trình xây dựng.

It is necessary for the magician here to remember **that all that takes place upon the earth is to be found within the planetary etheric web**.

Ở đây nhà huyền thuật cần nhớ **rằng mọi điều diễn ra trên trái đất đều được tìm thấy bên trong mạng dĩ thái hành tinh**.

67. DK is telling us that there are no dense physical forms which are not substanded by etheric forms or patterns.

67. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng không có hình tướng hồng trần đậm đặc nào lại không được nâng đỡ bởi các hình tướng hay mô hình dĩ thái.

68. Is there an atom for-atom-correspondence? This remains to be seen but, certainly, anything appearing in dense physical form has a corresponding etheric pattern behind and 'substanding' it.

68. Có chăng một sự tương ứng nguyên tử đối nguyên tử? Điều này còn phải chờ xem, nhưng chắc chắn bất cứ điều gì xuất hiện trong hình tướng hồng trần đậm đặc đều có một mô hình dĩ thái tương ứng ở phía sau và "nâng đỡ" nó.

The worker in white magic, being an occultist,

Người hoạt động trong Chánh Thuật, vì là một nhà huyền bí học,

69. This may indicate that he often works upon the hard-line rays—the rays of the occultist. Workers on all rays can be occultists but the hard-line rays are particularly concerned with the mastery of form and this is the province of the occultist.

69. Điều này có thể cho thấy rằng y thường hoạt động trên các cung theo đường cứng—các cung của nhà huyền bí học. Những người hoạt động trên mọi cung đều có thể là nhà huyền bí học, nhưng các cung theo đường cứng đặc biệt liên quan đến việc làm chủ hình tướng, và đây là lĩnh vực của nhà huyền bí học.

deals in universals, and starts his magical work on the confines of the physical etheric sphere.

bàn đến các phổ quát, và bắt đầu công việc huyền thuật của mình tại ranh giới của khối cầu dĩ thái hồng trần.

70. "On' the confines or "within" the confines? DK seems to be indicating that such a worker does not start within the dense physical vehicle per se, but more within the etheric sphere, or perhaps where the physical sphere through its gaseous envelope meets the fourth ether.

70. "Tại" ranh giới hay "bên trong" ranh giới? Chân sư DK dường như đang chỉ ra rằng một người hoạt động như thế không bắt đầu chính trong vận cụ hồng trần đậm đặc, mà đúng hơn trong khối cầu dĩ thái, hoặc có lẽ tại nơi khối cầu hồng trần, qua lớp bao khí của nó, gặp dĩ thái thứ tư.

71. From another perspective, the magician is working at first within his *own* etheric body attempting to work through and beyond that body until he can engage with the planetary vital body.

71. Từ một góc nhìn khác, lúc đầu nhà huyền thuật hoạt động bên trong *chính* thể dĩ thái của mình, cố gắng hoạt động xuyên qua và vượt ra ngoài thể ấy cho đến khi y có thể tiếp xúc với thể sinh lực hành tinh.

72. We can judge that the dense physical sphere is *not* the realm of universals.

72. Chúng ta có thể phán đoán rằng khối cầu hồng trần đậm đặc *không* phải là lĩnh vực của các phổ quáts.

His problem is to locate those lesser lives, within the web, who are of the right order to be built into the proposed thought vehicle.

Vấn đề của y là định vị những sự sống nhỏ hơn ấy, bên trong tấm lưới, những sự sống thuộc đúng trật tự để được xây dựng vào vận cụ tư tưởng được đề xuất.

73. This is one of the meanings of releasing the "prisoners of the planet".

73. Đây là một trong những ý nghĩa của việc giải phóng "những tù nhân của hành tinh".

74. Can the magician discover the "right order" of lesser lives consciously?

74. Nhà huyền thuật có thể khám phá "đúng trật tự" của các sự sống nhỏ hơn ấy một cách hữu thức chăng?

75. In this instance it seems that the etheric body is being called a web, and that we are not dealing with those protective layers of ether which prevent the man's escape onto the astral plane. These protective layers also have the name "web".

75. Trong trường hợp này, dường như thể dĩ thái đang được gọi là một tấm lưới, và rằng chúng ta không bàn đến những lớp dĩ thái bảo vệ ngăn con người thoát ra cõi cảm dục. Những lớp bảo vệ này cũng mang tên là "lưới".

Such work can necessarily only be done by the man who, through the severance of the confining web of his own etheric web, can reach out to that which is consciously recognised by him as the planetary vital body.

Công việc như thế tất yếu chỉ có thể được thực hiện bởi người mà, nhờ sự cắt đứt tấm lưới giam hãm của chính lưới dĩ thái của mình, có thể vươn tới điều mà y nhận biết một cách hữu thức là thể sinh lực hành tinh.

76. We note that the term "web" is here being used in two ways: as the etheric body itself; and as that which prevents the magician's etheric body from interacting effectively with the etheric plane. There are

76. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ "lưới" ở đây đang được dùng theo hai cách: như chính thể dĩ thái; và như cái ngăn thể dĩ thái của nhà huyền thuật tương tác hữu hiệu với cõi dĩ thái. Cũng có những "lưới dĩ thái" bao quanh mọi luân xa.

also “etheric webs” surrounding every chakra.

77. The magician who will be successful in this work has reached managed to penetrate the boundary which separates his own etheric body from the etheric body of the planet.

78. Further, it is apparent that this type of magician is consciously aware not only of his own etheric body but of the body of the planet.

Only he who is free can control and utilise those who are prisoners. **This is an occult axiom [Page 1024] of real moment,**

79. So, prior to being able to work successfully with this law, the magician must achieve etheric freedom.

80. We can also see that the applications of the axiom above are many and do not apply only to the etheric-physical plane.

and much of the failure undergone by would-be workers in magic is to be traced to the fact that they themselves are not free.

81. Ambition always has a man attempting to work beyond his real capacity. He may in fact learn thereby, but he must not expect immediate success. His reach exceeds his grasp.

82. We should assess the conditions of freedom as they occur on every plane:

77. Nhà huyền thuật sẽ thành công trong công việc này đã đạt tới và xoay xở xuyên thủng được ranh giới ngăn cách thể dĩ thái riêng của y với thể dĩ thái của hành tinh.

78. Hơn nữa, rõ ràng là loại nhà huyền thuật này hữu thức nhận biết không chỉ thể dĩ thái riêng của mình mà còn cả thể của hành tinh.

Chỉ người nào tự do mới có thể kiểm soát và sử dụng những kẻ là tù nhân. **Đây là một tiên đề huyền bí [Page 1024] có tầm quan trọng thực sự,**

79. Vì vậy, trước khi có thể hoạt động thành công với định luật này, nhà huyền thuật phải đạt được sự tự do dĩ thái.

80. Chúng ta cũng có thể thấy rằng những ứng dụng của tiên đề trên rất nhiều và không chỉ áp dụng cho cõi dĩ thái-hồng trần.

và phần lớn thất bại mà những người muốn hoạt động trong huyền thuật phải trải qua có thể truy nguyên về sự kiện là chính họ không tự do.

81. Tham vọng luôn khiến con người cố hoạt động vượt quá năng lực thực sự của mình. Thật ra y có thể nhờ đó mà học hỏi, nhưng y không được mong đợi thành công tức thì. Tầm với của y vượt quá sức nắm bắt của y.

82. Chúng ta nên đánh giá các điều kiện của tự do khi chúng xuất hiện trên mọi cõi: tự do

freedom on the mental plane, freedom on the astral plane and freedom on the etheric plane, leading automatically to freedom on the dense physical plane.

trên cõi trí, tự do trên cõi cảm dục và tự do trên cõi dĩ thái, tự động dẫn đến tự do trên cõi hồng trần đậm đặc.

83. In general, for the free magician, the lesser lives are responsive according to his will. These lesser lives are not in danger of overcoming the free magician.

83. Nói chung, đối với nhà huyền thuật tự do, các sự sống nhỏ hơn đáp ứng theo ý chí của y. Những sự sống nhỏ hơn này không có nguy cơ chế ngự nhà huyền thuật tự do.

The **"prisoners of the planet" are those myriads of deva lives who form the planetary pranic body,** and are swept in on the floods of vital force emanating from the physical sun.

Những **"tù nhân của hành tinh" là vô số sự sống thiên thần tạo thành thể prana hành tinh,** và bị cuốn vào theo những dòng lũ mãnh lực sinh lực phát ra từ mặt trời hồng trần.

84. It would seem that they are under a kind of planetary and solar compulsion.

84. Dường như họ ở dưới một loại cưỡng bách hành tinh và thái dương nào đó.

85. The physical sun apparently has its etheric aspect. So the word "physical" does not, in this context, mean *dense* physical. In fact, it can be questioned whether the physical sun can be considered dense physical matter at all.

85. Mặt trời hồng trần hiển nhiên có phương diện dĩ thái của nó. Vì vậy, từ "hồng trần" trong ngữ cảnh này không có nghĩa là hồng trần *đậm đặc*. Thật ra, người ta có thể đặt câu hỏi liệu mặt trời hồng trần có thể được xem là vật chất hồng trần đậm đặc hay không.

86. The magician, at this stage, is learning how to control many etheric devas.

86. Ở giai đoạn này, nhà huyền thuật đang học cách kiểm soát nhiều thiên thần dĩ thái.

RULE XIII. *The magician must recognise the four; note in his work the shade of violet which they evidence, and thus construct the shadow.*

QUY LUẬT XIII. *Nhà huyền thuật phải nhận ra bộ bốn; lưu ý trong công việc của mình sắc thái tím mà chúng thể hiện, và như vậy xây dựng cái bóng.*

87. There are four orders of devas on the systemic etheric plane, one order for each of the subplanes. Each order is of a different color. From the fourth subplane to the first: purple, violet, light violet and lavender.

87. Có bốn đẳng cấp thiên thần trên cõi dĩ thái của hệ thống, một đẳng cấp cho mỗi cõi phụ. Mỗi đẳng cấp có một màu khác nhau. Từ cõi phụ thứ tư đến thứ nhất: tím đỏ, tím, tím nhạt và oải hương.

When this is so, the shadow clothes itself, and the four become the seven.

Khi điều này được như vậy, cái bóng tự khoác quần áo, và bốn trở thành bảy.

88. The “shadow” is the etheric vehicle of the thoughtform under construction (whether that thoughtform is created by man or is the human personality created by the Solar Angel). The clothing of this shadow is of a dense physical nature and is threefold. These three with the etheric four make the seven.

88. “Cái bóng” là vận cụ dĩ thái của hình tư tưởng đang được xây dựng (dù hình tư tưởng ấy do con người tạo ra hay là phàm ngã con người do Thái dương Thiên Thần tạo ra). Sự khoác y phục cho cái bóng này có bản chất hồng trần đậm đặc và là tam phân. Ba điều này cùng với bốn dĩ thái tạo thành bảy.

This means literally that the magician must be in a position to discriminate between the different ethers,

Điều này có nghĩa theo nghĩa đen rằng nhà huyền thuật phải ở vào vị thế có thể phân biện giữa các dĩ thái khác nhau,

89. This is done with conscious, sentient, intelligence.

89. Điều này được thực hiện với trí tuệ hữu thức, cảm nhận được.

and to note the special hue of the different levels, thereby ensuring a balanced building of the "shadow."

và ghi nhận sắc thái đặc biệt của các cấp độ khác nhau, nhờ đó bảo đảm sự xây dựng cân bằng của "cái bóng."

90. It seems apparent that there must be balance amongst the etheric constituents. Must all ethers be equally represented no matter what the quality of the thoughtform? Upon this we will have to reserve judgment.

90. Dường như hiển nhiên là phải có sự cân bằng giữa các thành phần dĩ thái. Mọi dĩ thái có phải đều phải được biểu hiện ngang nhau bất kể phẩm tính của hình tư tưởng là gì chăng? Về điều này, chúng ta sẽ phải tạm đình chỉ phán đoán.

He "recognises" them in the occult sense; that is, **he knows their note and key, and is aware of the particular type of energy they embody.**

Y "nhận biết" chúng theo nghĩa huyền bí; nghĩa là, **y biết âm điệu và chủ âm của chúng, và nhận thức được loại năng lượng đặc thù mà chúng thể hiện.**

91. To this we should add the recognition of color. So with the aid of etheric vision and sentiency, he recognizes their note, key, color and energy.

91. Vào điều này chúng ta nên thêm sự nhận biết màu sắc. Vì vậy, với sự trợ giúp của linh thị dĩ thái và khả năng cảm nhận, y nhận biết âm điệu, chủ âm, màu sắc và năng lượng của chúng.

92. We can see what skillful perception and *building* is required of the true white magician.

92. Chúng ta có thể thấy sự tri giác khéo léo và *xây dựng* mà nhà huyền thuật chánh đạo chân chính phải có.

Enough emphasis has not been laid upon the fact that the three higher levels of the etheric planes are in vibratory communication with the three higher planes of the cosmic physical plane,

Người ta chưa nhấn mạnh đủ vào sự kiện rằng ba cấp độ cao hơn của các cõi dĩ thái đang ở trong sự giao tiếp rung động với ba cõi cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ,

93. The logoic monadic and atmic planes are in communication with the atomic, sub-atomic and super-etheric subplanes of the etheric-physical plane respectively.

93. các cõi logoic, chân thần và atma lần lượt giao tiếp với các cõi phụ nguyên tử, hạ-nguyên tử và siêu dĩ thái của cõi dĩ thái-hồng trần.

94. We may ask that the fourth or etheric level is in communication with the buddhic plane.

94. Chúng ta có thể hỏi rằng cấp độ thứ tư hay dĩ thái có giao tiếp với cõi Bồ đề chăng.

95. This type of contact ensures etheric substitution—the substitution of the higher etheric energies for the lower.

95. Loại tiếp xúc này bảo đảm sự thay thế dĩ thái—sự thay thế các năng lượng dĩ thái cao hơn cho các năng lượng thấp hơn.

and they (with their ensphering fourth level) have been called in the occult books "the inverted Tetraktys."

và chúng (cùng với cấp độ thứ tư bao bọc thành khối cầu của chúng) đã được gọi trong các sách huyền bí là "Tetraktys đảo ngược."

96. Why inverted, we might ask? Should not the four be found upon the logoic plane, the three upon the monadic, the two upon the atmic plane and the one upon the buddhic? It would seem that it would be justifiable to note these four simply as “the Tetraktys”—without inversion.

96. Tại sao lại đảo ngược, chúng ta có thể hỏi? Chẳng phải bốn phải được tìm thấy trên cõi logoic, ba trên cõi chân thần, hai trên cõi atma và một trên cõi Bồ đề sao? Dường như sẽ là chính đáng nếu chỉ ghi nhận bốn điều này đơn giản như “Tetraktys”—không có sự đảo ngược.

97. And yet, the buddhic plane is the most concrete of the four and, hence, justifiably related to the point or the pyramid as a ‘point of concretion’.

97. Tuy nhiên, cõi Bồ đề là cõi cụ thể nhất trong bốn cõi và do đó chính đáng khi được liên hệ với điểm hay kim tự tháp như một ‘điểm kết tinh’.

98. We note the word “ensphering”? There is always something spherical about any field with which Jupiter is associated, and Jupiter, with its strong second ray, is closely associated with the buddhic plane.

98. Chúng ta lưu ý từ “bao bọc thành khối cầu” chăng? Luôn luôn có điều gì đó mang tính hình cầu trong bất kỳ trường nào mà Sao Mộc được liên kết, và Sao Mộc, với cung hai mạnh mẽ của nó, có liên hệ mật thiết với cõi Bồ đề.

99. These four cosmic ethers can be seen as a triangle within a sphere. This structure is a higher correspondence to the causal body. The buddhic plane is the most material of the four and serves as the relatively dense vehicle—the outer sphere.

99. Bốn dĩ thái vũ trụ này có thể được xem như một tam giác bên trong một khối cầu. Cấu trúc này là một tương ứng cao hơn với thể nguyên nhân. Cõi Bồ đề là cõi vật chất nhất trong bốn cõi và phục vụ như vận cụ tương đối đậm đặc—khối cầu bên ngoài.

It is this knowledge which puts the magician in possession of the three types of planetary force and their combination, or the fourth type,

Chính tri thức này đặt nhà huyền thuật vào quyền sở hữu ba loại mãnh lực hành tinh và sự kết hợp của chúng, hay loại thứ tư,

100. The buddhic energy is a 'combinatory' energy. In a way the three are summed together as the fourth.

100. Năng lượng Bồ đề là một năng lượng 'kết hợp'. Theo một cách nào đó, ba được tổng hợp lại thành bốn.

101. Even when we are dealing with the cosmic ethers we may still use the term "force".

101. Ngay cả khi chúng ta đang bàn đến các dĩ thái vũ trụ, chúng ta vẫn có thể dùng thuật ngữ "mãnh lực".

102. We can see that the 'reach' of the white magician is quite high, quite expansive.

102. Chúng ta có thể thấy rằng "tầm với" của nhà huyền thuật chánh đạo khá cao, khá bao quát.

and thus releases for him that vital energy which will drive this idea into objectivity.

và nhờ đó giải phóng cho y năng lượng sinh lực sẽ thúc đẩy ý tưởng này đi vào tính khách quan.

103. We see that vital energy is needed to drive the idea into objectivity. This need must be applied to the appearance of a human being (himself a 'greater idea') as well.

103. Chúng ta thấy rằng năng lượng sinh lực là cần thiết để thúc đẩy ý tưởng đi vào tính khách quan. Nhu cầu này cũng phải được áp dụng cho sự xuất hiện của một con người (bản thân y cũng là một 'ý tưởng lớn hơn').

104. Unless the magician can break through the confines of his own etheric web and contact the various layers of the ethers beyond his own etheric ring-pass-not he cannot generate the vital energy which will drive his idea into objectivity.

104. Trừ phi nhà huyền thuật có thể xuyên thủng những giới hạn của chính lưới dĩ thái của mình và tiếp xúc với các lớp dĩ thái khác nhau vượt ra ngoài vòng-giới-hạn dĩ thái riêng của mình, y không thể tạo ra năng lượng sinh lực sẽ thúc đẩy ý tưởng của mình đi vào tính khách quan.

105. In other words, it seems that we are saying that the energies of the cosmic ethers (immense energies, really) are required to help the magician achieve the necessary vital energy to drive his thoughtform into objectivity.

105. Nói cách khác, dường như chúng ta đang nói rằng các năng lượng của những dĩ thái vũ trụ (thật sự là những năng lượng vô cùng lớn lao) là cần thiết để giúp nhà huyền thuật đạt được năng lượng sinh lực cần thiết nhằm thúc đẩy hình tư tưởng của mình đi vào tính khách quan.

As the different types of forces meet and coalesce, a dim shadowy form clothes itself upon the vibrating astral and mental sheath, and the idea of the solar Angel is attaining definite concretion.

Khi các loại mãnh lực khác nhau gặp nhau và hợp nhất, một hình tướng mờ nhạt như bóng tự khoác lên thể cảm dục và thể trí đang rung động, và ý tưởng của Thái dương Thiên Thần đang đạt tới sự kết tinh xác định.

106. The dim shadowy form is obviously the etheric form.

106. Hình tướng mờ nhạt như bóng ấy hiển nhiên là hình tướng dĩ thái.

107. We note that both the mental and astral sheaths are vibrating as the etheric forces clothe these subjective forms.

107. Chúng ta lưu ý rằng cả thể trí lẫn thể cảm dục đều đang rung động khi các mãnh lực dĩ thái khoác lên những hình tướng chủ quan này.

108. Again DK emphasizes that it is the Solar Angel who is really responsible for producing the descending idea. Every white magician should give credit to the Entity who is ultimately responsible for the idea which animates him.

108. Một lần nữa Chân sư DK nhấn mạnh rằng chính Thái dương Thiên Thần mới thật sự chịu trách nhiệm tạo ra ý tưởng giáng xuống. Mọi nhà huyền thuật chánh đạo nên ghi công cho Thực Thể rốt ráo chịu trách nhiệm về ý tưởng đang tiếp sinh lực cho y.

RULE XIV. *The sound swells out. The hour of danger to the soul courageous draweth near.*

QUY LUẬT XIV. *Âm thanh vang dội. Giờ phút nguy hiểm đối với linh hồn quả cảm đang đến gần.*

109. The implication is clear. The white magician is a courageous soul.

109. Hàm ý thật rõ ràng. Nhà huyền thuật chánh đạo là một linh hồn dũng cảm.

110. His confrontation with the "ancient fires" draws nigh. The danger presented is the abortion of the prepared thoughtform, and, perhaps, even the death of its creator.

110. Sự đối diện của y với "những ngọn lửa cổ xưa" đang đến gần. Mối nguy được đặt ra là sự phá hỏng hình tư tưởng đã được chuẩn bị, và có lẽ thậm chí cả cái chết của người tạo ra nó.

The waters have not hurt the white creator and naught could drown nor drench him.

Nước đã không làm tổn hại nhà sáng tạo chánh thuật, và không gì có thể nhấn chìm hay làm y ướt đẫm.

111. He has passed through the perils of creation upon the astral plane. We have learned what it means to "drown". We may assume that to be "drenched" is to be overcome by astral energies but not to be subject to the complete 'draining' of the astral body as in drowning.

111. Y đã đi qua những hiểm nguy của sự sáng tạo trên cõi cảm dục. Chúng ta đã học được "nhấn chìm" có nghĩa là gì. Chúng ta có thể giả định rằng bị "ướt sũng" là bị các năng lượng cảm dục chế ngự nhưng không phải chịu sự 'rút cạn' hoàn toàn của thể cảm dục như trong sự nhấn chìm.

Danger from fire and flame [Page 1025] menaces now,

Giờ đây, hiểm nguy từ lửa và ngọn lửa [Page 1025] đang đe dọa,

112. The ethers are a sphere more fiery than the astral sphere. This is the sphere of vital energy or prana.

112. Các dĩ thái là một khối cầu rực lửa hơn khối cầu cảm dục. Đây là khối cầu của năng lượng sinh lực hay prana.

113. If the mental plane is associated with fire, then that subplane of the etheric-physical plane which corresponds to the mental plane must also be associated with fire. This is the gaseous subplane.

113. Nếu cõi trí được liên kết với lửa, thì cõi phụ của cõi dĩ thái-hồng trần tương ứng với cõi trí cũng phải được liên kết với lửa. Đó là cõi phụ khí.

and dimly yet the rising smoke is seen.

và làn khói bốc lên mới chỉ hiện ra lờ mờ.

114. The magician is at that point in the process which is only incipient. The full effect of the fires is not yet in expression.

114. Nhà huyền thuật đang ở tại điểm trong tiến trình mới chỉ là khởi phát. Hiệu quả trọn vẹn của các ngọn lửa vẫn chưa biểu lộ.

Let him again, after the cycle of peace, call on the solar Angel.

Sau chu kỳ bình an, hãy để y một lần nữa cầu gọi Thái dương Thiên Thần.

115. We have been told of the mantrams which are necessary at this point in the process. The energy of the Solar Angel may be needed for various reasons. The magician alone and unaided cannot carry through at this particular phase of the magical process.

115. Chúng ta đã được cho biết về những mantram cần thiết tại điểm này trong tiến trình. Năng lượng của Thái dương Thiên Thần có thể cần đến vì nhiều lý do. Nhà huyền thuật một mình và không được trợ giúp không thể hoàn tất giai đoạn đặc biệt này của tiến trình huyền thuật.

The work of creation **assumes now serious proportions**, and **for the final time the body of the magician is menaced by destruction**.

Công việc sáng tạo **giờ đây mang những tỉ lệ nghiêm trọng**, và **lần cuối cùng thân thể của nhà huyền thuật bị đe dọa hủy diệt**.

116. We see that there are two kinds of danger: the thoughtform which the magician is creating may be threatened. Further, the life of the magician, himself, may be threatened—which is a far greater threat.

116. Chúng ta thấy rằng có hai loại hiểm nguy: hình tư tưởng mà nhà huyền thuật đang tạo ra có thể bị đe dọa. Hơn nữa, chính sự sống của bản thân nhà huyền thuật cũng có thể bị đe dọa—đó là mối đe dọa lớn hơn nhiều.

117. We saw that the life of the magician was menaced during the work of astral construction, and now again. Was the life of the magician menaced during the creative process upon the lower mental plane? We have no indication that it was.

117. Chúng ta đã thấy rằng sự sống của nhà huyền thuật bị đe dọa trong công việc kiến tạo cảm dục, và giờ đây lại như vậy. Sự sống của nhà huyền thuật có bị đe dọa trong tiến trình sáng tạo trên cõi hạ trí không? Chúng ta không có dấu hiệu nào cho thấy là có.

The "shadow" having been formed,

"Cái bóng" đã được hình thành,

118. This is the etheric vehicle of the descending thoughtform.

118. Đây là vận cụ dĩ thái của hình tư tưởng giáng xuống.

it is now ready to take to itself a "fiery" or gaseous body,

giờ đây nó sẵn sàng tự nhận lấy một thể "rực lửa" hay khí,

119. This represents the first stage of descent onto the dense physical plane. The gaseous body or sheath, though relatively subtle, is still a part of the dense physical vehicle.

119. Điều này tượng trưng cho giai đoạn đầu tiên của sự giáng xuống cõi hồng trần đậm đặc. Thể hay vỏ bọc khí, tuy tương đối vi tế, vẫn là một phần của vận cụ hồng trần đậm đặc.

and it is **these fire builders** who menace the life of the magician, and this for the following reasons.

và chính **những đấng kiến tạo bằng lửa này** đe dọa sự sống của nhà huyền thuật, và điều này vì những lý do sau đây.

120. We are speaking of gaseous elementals and gaseous devas.

120. Chúng ta đang nói về các hành khí khí và các thiên thần khí.

Firstly, **because the fires of the human body are closely allied to the fires with which**

Thứ nhất, **bởi vì các ngọn lửa của thân thể người có liên hệ mật thiết với những ngọn**

the magician seeks to work, and should these latent fires of the body and the latent fires of the planet be brought into too close juxtaposition, the creator is in danger of burning and destruction.

lửa mà nhà huyền thuật tìm cách làm việc cùng, và nếu những ngọn lửa tiềm ẩn này của thân thể và những ngọn lửa tiềm ẩn của hành tinh bị đưa vào sự kề cận quá mức, người sáng tạo sẽ lâm nguy bị thiêu cháy và hủy diệt.

121. A type of occult ignition is here discussed. We have read of "spontaneous human combustion". Though it seems like a bizarre phenomenon, we can see here some of its possible causes.

121. Một loại sự bốc cháy huyền bí đang được bàn đến ở đây. Chúng ta đã đọc về "sự tự bốc cháy của con người". Dù có vẻ như một hiện tượng kỳ quái, ở đây chúng ta có thể thấy một vài nguyên nhân khả dĩ của nó.

122. We run the risk, at this point in the process, of an excessive augmentation of the fires—based upon the degree to which the general fires (with which the magician seeks to work) and the fires of the body are brought into juxtaposition.

122. Tại điểm này trong tiến trình, chúng ta đối diện nguy cơ gia tăng quá mức các ngọn lửa—dựa trên mức độ mà các ngọn lửa tổng quát (mà nhà huyền thuật tìm cách làm việc cùng) và các ngọn lửa của thể bị đưa vào sự kề cận.

123. Much of the trouble which disciples and aspirants experience with fiery energies can be traced exactly to this type of contact.

123. Phần lớn rắc rối mà các đệ tử và người chí nguyện trải nghiệm với các năng lượng rực lửa có thể được truy nguyên chính xác về loại tiếp xúc này.

Secondly, **the Agnichaitans,** being allied to the "fire devas" of the mental plane, have much power, and **can only be controlled properly by the solar Angel Himself.**

Thứ hai, **các Agnichaitan,** vì có liên hệ với các "thiên thần lửa" của cõi trí, có nhiều quyền năng, và **chỉ có thể được kiểm soát đúng đắn bởi chính Thái dương Thiên Thần.**

124. Upon what planes do the Agnichaitans express? In fact, upon all etheric levels and upon the three dense subplanes as well.

124. Agnichaitan biểu lộ trên những cõi nào? Thật ra, trên mọi cấp độ dĩ thái và cả trên ba cõi phụ đậm đặc nữa.

125. The alliance here discussed occurs along the hard-line relating the devas of the seventh order with those of the fifth.

125. Sự liên minh được bàn đến ở đây xảy ra dọc theo đường cứng liên hệ các thiên thần

của trật tự thứ bảy với các thiên thần của trật tự thứ năm.

126. We can see the reason why the Solar Angel is again summoned at this point in the process. In a way, a Solar Angel is a fire deva of the mental plane. Control of the Agnichaitans is needed and the Solar Angels, allied to the Agnichaitans, can serve in this respect.

126. Chúng ta có thể thấy lý do vì sao Thái dương Thiên Thần lại được triệu thỉnh lần nữa tại điểm này trong tiến trình. Theo một nghĩa nào đó, một Thái dương Thiên Thần là một thiên thần lửa của cõi trí. Việc kiểm soát các Agnichaitan là cần thiết và các Thái dương Thiên Thần, vốn liên hệ với các Agnichaitan, có thể phụng sự trong phương diện này.

Thirdly, on this planet **the planetary fires are not as yet dominated by solar fire,** and are very easily driven into the work of destruction.

Thứ ba, trên hành tinh này **các ngọn lửa hành tinh vẫn chưa bị Lửa Thái dương chế ngự,** và rất dễ bị thúc đẩy vào công việc hủy diệt.

127. When the magician comes in contact with the gaseous fires, they are not yet (due to the insufficient level of evolution of our Planetary Deity), in a state of regulation. Eventually, as the Planetary Logos progresses in His evolutionary process, these fires of the lower eighteen subplanes *will be controlled* by solar fire.

127. Khi nhà huyền thuật tiếp xúc với các ngọn lửa khí, chúng vẫn chưa ở trong trạng thái được điều hòa (do cấp độ tiến hoá chưa đủ của Thượng đế Hành Tinh của chúng ta). Cuối cùng, khi Đức Hành Tinh Thượng Đế tiến bộ trong tiến trình thăng thượng tiến hoá của Ngài, những ngọn lửa này của mười tám cõi phụ thấp hơn *sẽ được kiểm soát* bởi Lửa Thái dương.

128. This presumes a closer and more merging relationship between the Planetary Logos of Venus and the Planetary Logos and the Earth.

128. Điều này giả định một mối quan hệ gần gũi hơn và dung hợp hơn giữa Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim và Hành Tinh Thượng Đế cùng Trái Đất.

The solar Angel must, therefore, now again be invoked.

Vì vậy, Thái dương Thiên Thần giờ đây lại phải được khẩn cầu.

129. When was the last time in this process that the Solar Angel was invoked? Was it at the very outset of the process?

129. Lần cuối cùng trong tiến trình này mà Thái dương Thiên Thần được khẩn cầu là khi nào? Có phải ngay lúc khởi đầu tiến trình không?

This means that the magician (when his "shadow" is completed, and prior to the final

Điều này có nghĩa là nhà huyền thuật (khi "cái bóng" của y đã hoàn tất, và trước các giai

stages of concretion) **must see to it that his alignment with the Ego is just and unimpeded, and the communicating currents in full play**.

130. We have a clear and direct statement. The Solar Angel is invoked and alignment with the Ego is to be assured at that point in the creative process when the etheric "shadow" is completed but prior to the final stages of concretization upon the dense physical subplanes.

He must literally "renew his meditation," and make direct contact afresh before proceeding with the work.

131. Here is a phrase of the work which the magician cannot ignore if he wishes to ensure the successful emergence of his thoughtform and his own safety.

Otherwise, the fires of his own body may get out of control,

132. These are the latent fires and would refer to the fires on all levels of the dense physical body. This loss of control is augmented but the unregulated application of somewhat chaotic planetary fires, as yet unregulated by solar fire.

and his etheric body suffer in consequence.

133. This tells us of a mutual interplay. It is not only the subtle sphere which affects the

đoạn cuối của sự kết tinh) **phải bảo đảm rằng sự chỉnh hợp của mình với chân ngã là đúng đắn và không bị ngăn trở, và các dòng truyền thông đang vận hành trọn vẹn**.

130. Chúng ta có một phát biểu rõ ràng và trực tiếp. Thái dương Thiên Thần được khẩn cầu và sự chỉnh hợp với chân ngã phải được bảo đảm tại điểm ấy trong tiến trình sáng tạo khi "cái bóng" dĩ thái đã hoàn tất nhưng trước các giai đoạn cuối của sự kết tinh trên các cõi phụ hồng trần đậm đặc.

Y phải theo nghĩa đen là "làm mới lại sự tham thiền của mình," và lại tạo tiếp xúc trực tiếp trước khi tiếp tục công việc.

131. Đây là một giai đoạn của công việc mà nhà huyền thuật không thể bỏ qua nếu y muốn bảo đảm sự xuất hiện thành công của hình tư tưởng của mình và sự an toàn của chính mình.

Nếu không, các ngọn lửa của chính thể y có thể vượt khỏi kiểm soát,

132. Đây là những ngọn lửa tiềm ẩn và sẽ chỉ đến các ngọn lửa trên mọi cấp độ của thể hồng trần đậm đặc. Sự mất kiểm soát này còn bị gia tăng bởi việc áp dụng không điều hòa các ngọn lửa hành tinh phần nào hỗn loạn, vốn cho đến nay vẫn chưa được Lửa Thái dương điều hòa.

và thể dĩ thái của y phải chịu hậu quả vì điều đó.

133. Điều này cho chúng ta biết về một sự tương tác hỗ tương. Không chỉ khối cầu vi tế

grosser sphere. The grosser sphere can also affect the subtler. Ill-regulated fires of the dense physical body can damage etheric structure—this is what we are being told.

ảnh hưởng đến khối cầu thô hơn. Khối cầu thô hơn cũng có thể ảnh hưởng đến khối cầu vi tế hơn. Những ngọn lửa bị điều hòa sai lệch của thể hồng trần đậm đặc có thể làm hư hại cấu trúc dĩ thái—đó là điều đang được nói với chúng ta.

He, therefore, fights fire with fire, and draws down solar fire for his protection.

Vì vậy, y lấy lửa chống lửa, và kéo Lửa Thái dương xuống để bảo vệ mình.

134. Solar fire is combating fire by friction. This is one of the clearest examples of what it means to fight fire with fire.

134. Lửa Thái dương đang chống lại Lửa ma sát. Đây là một trong những ví dụ rõ ràng nhất về ý nghĩa của việc lấy lửa chống lửa.

135. It is amazing how this really occult injunction has made its way into the popular mind.

135. Thật đáng kinh ngạc khi mệnh lệnh huyền bí thực sự này đã đi vào tâm trí đại chúng.

This was not necessary on the astral plane.

Điều này không cần thiết trên cõi cảm dục.

136. So it was not at that point (work upon the astral plane) that the Solar Angel was previously invoked.

136. Vì vậy, không phải tại điểm ấy (công việc trên cõi cảm dục) mà Thái dương Thiên Thần trước đó đã được khẩn cầu.

137. It seems that on the astral plane, certain mantrams were sufficient to guard the magician and his creation—these and both love and equilibrizing power.

137. Dường như trên cõi cảm dục, một số mantram nhất định đã đủ để bảo vệ nhà huyền thuật và tạo vật của y—cùng với bác ái và quyền năng quân bình.

For the magician, **the moments of the greatest danger in the work of creating are at certain junctures on the astral plane, where he is in danger of occult drowning, and at the transition from etheric levels** [Page 1026] **to the planes of tangible concretion, when he is menaced by "occult burning**."

Đối với nhà huyền thuật, **những thời điểm nguy hiểm lớn nhất trong công việc sáng tạo là tại một số thời điểm then chốt trên cõi cảm dục, nơi y có nguy cơ bị nhấn chìm huyền bí, và tại sự chuyển tiếp từ các cấp độ dĩ thái** [Page 1026] **sang các cõi kết tinh hữu hình, khi y bị đe dọa bởi "sự thiêu cháy huyền bí**."

138. There is great danger to the magician on *both* the astral plane and at the point of transition from the etheric plane to the dense physical plane—but on the astral

138. Có hiểm nguy lớn đối với nhà huyền thuật trên *cả hai* cõi cảm dục và tại điểm chuyển tiếp từ cõi dĩ thái sang cõi hồng trần đậm đặc—nhưng trên cõi cảm dục không có

plane there is not the same necessity invoking the Solar Angel.

cùng mức cần thiết phải khẩn cầu Thái dương Thiên Thần.

139. The two dire fates are "occult drowning" and "occult burning". We are being warned of them perhaps centuries ahead of the time when we may be exposed to similar dangers.

139. Hai số phận khủng khiếp ấy là "nhấn chìm huyền bí" và "thiêu cháy huyền bí". Chúng ta đang được cảnh báo về chúng có lẽ trước hàng thế kỷ so với thời điểm chúng ta có thể bị phơi bày trước những hiểm nguy tương tự.

In the one case, he does not call on the Ego, but **stems the tide** by **love and the equilibrising powers of his own nature.**

Trong trường hợp thứ nhất, y không kêu cầu chân ngã, mà **chặn đứng thủy triều** bằng **bác ái và các quyền năng quân bình của chính bản chất mình.**

140. We are speaking of danger upon the astral plane, and so the word "tide" is very appropriate. The energy akin to soul energy —i.e., the energy of love—must be called in and also the equilibrizing power about which we have been speaking in some detail in the previous commentaries.

140. Chúng ta đang nói về hiểm nguy trên cõi cảm dục, vì vậy từ "thủy triều" rất thích hợp. Năng lượng tương cận với năng lượng linh hồn—tức năng lượng bác ái—phải được gọi vào, và cả quyền năng quân bình mà chúng ta đã bàn đến khá chi tiết trong các phần bình giải trước.s.

141. Perhaps we can see that Venus is Libra would be a valuable energy to see the magician through this astral process—Venus a planet conveying the energy of love and Libra, the sign of equilibrium.

141. Có lẽ chúng ta có thể thấy rằng Sao Kim trong Thiên Bình sẽ là một năng lượng có giá trị để giúp nhà huyền thuật vượt qua tiến trình cảm dục này—Sao Kim là hành tinh chuyển tải năng lượng bác ái và Thiên Bình là dấu hiệu của sự quân bình.

142. Notice the phrase, "stems the tide". It speaks worlds of the process of combating unregulated elemental hosts and also ill-regulated devic agencies.

142. Hãy lưu ý cụm từ "chặn đứng thủy triều". Nó nói lên rất nhiều về tiến trình chống lại các đạo quân hành khí không điều hòa và cả các tác nhân thiên thần bị điều hòa sai lệch.

143. One way or another, the magician must avoid becoming overwhelmed.

143. Bằng cách này hay cách khác, nhà huyền thuật phải tránh để mình bị áp đảo.

In the latter case, he must call in that which represents the will aspect in the three worlds, **the impulsive, dynamic thinker or solar Angel.**

Trong trường hợp sau, y phải gọi vào điều tượng trưng cho phương diện ý chí trong ba cõi giới, **nhà tư tưởng xung động, năng động hay Thái dương Thiên Thần.**

144. Will is then needed to combat the gaseous elementals and the Agnichaitans.

144. Khi ấy cần đến ý chí để chống lại các hành khí khí thể và các Agnichaitan.

145. We see here that (in this context) the Solar Angel is not considered the source of love so much as the source of will. Perhaps it is important to consider the Solar Angel as much in relation to will as in relation to the energy of love—as is done by so many. It is, indeed, a powerful agent of the will and also of karma.

145. Ở đây chúng ta thấy rằng (trong văn cảnh này) Thái dương Thiên Thần không được xem là nguồn của tình thương nhiều bằng là nguồn của ý chí. Có lẽ điều quan trọng là phải xem Thái dương Thiên Thần liên hệ với ý chí cũng nhiều như liên hệ với năng lượng bác ái—như rất nhiều người vẫn làm. Quả thật, đó là một tác nhân mạnh mẽ của ý chí và cũng của nghiệp quả.

146. The Solar Angel is certainly not a passive agency. DK calls it "the impulsive, dynamic thinker"—the originator of the entire process of creation.

146. Thái dương Thiên Thần chắc chắn không phải là một tác nhân thụ động. Chân sư DK gọi nó là "nhà tư tưởng xung động, năng động"—đấng khởi xướng toàn bộ tiến trình sáng tạo.

He accomplishes this by means of a mantram. No clue can be given to this, owing to the powers it confers.

Ngài hoàn thành điều này bằng một mantram. Không thể đưa ra manh mối nào về điều này, vì những quyền năng mà nó ban cho.

147. This is the mantram which summons solar fire and which allows the magician to "stem the tide"—the elemental and devic tide.

147. Đây là mantram triệu gọi Lửa Thái dương và cho phép nhà huyền thuật "chặn đứng thủy triều"—thủy triều hành khí và thiên thần.

148. We note that this mantram pertains to work upon the etheric-physical plane and should not confuse it with other powerful (and also inaccessible mantrams) previously discussed. We have discussed a few types of mantrams related to successful and safe work upon the astral plane. This mantram is different.

148. Chúng ta lưu ý rằng mantram này liên quan đến công việc trên cõi dĩ thái-hồng trần và không nên nhầm lẫn nó với những mantram mạnh mẽ khác (và cũng không thể tiếp cận) đã được bàn đến trước đây. Chúng ta đã bàn đến một vài loại mantram liên hệ với công việc thành công và an toàn trên cõi cảm dục. Mantram này khác.

149. Notice that DK will not give even a *clue* to this mantram. Knowledge of this mantram must be dangerous indeed if He is so reserved about the matter.

149. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK sẽ không đưa ra dù chỉ một *manh mối* nào về mantram này. Kiến thức về mantram này hẳn thật sự nguy hiểm nếu Ngài dè dặt đến thế về vấn đề này.

RULE XV. *The fires approach the shadow, yet burn it not.*

QUY LUẬT XV. *Các ngọn lửa tiếp cận cái bóng, nhưng không đốt cháy nó.*

150. The shadow has been protected now through solar angelic intervention and through the use of a powerful protective mantram.

150. Bóng tối nay đã được bảo vệ nhờ sự can thiệp của Thái dương Thiên Thần và nhờ việc sử dụng một mantram bảo hộ mạnh mẽ.

151. Were the fires to burn the shadow, the magical work would come immediately to an end.

151. Nếu các ngọn lửa thiêu đốt bóng tối, công việc huyền thuật sẽ lập tức chấm dứt.

The fire sheath is completed.

Lớp vỏ lửa đã hoàn thành.

152. This is the gaseous sheath, not the sheath which has been called the "shadow".

152. Đây là vỏ bọc khí thể, không phải vỏ bọc đã được gọi là "bóng tối".

Let the magician chant the words that blend the fire and water.

Hãy để nhà huyền thuật xướng lên những lời kết hợp lửa và nước.

153. Now we are speaking of the actual waters in the dense physical body and within the physical environment.

153. Giờ đây chúng ta đang nói đến những nước thực sự trong thể xác đậm đặc và trong môi trường hồng trần.

154. "Water" is also "matter" and so we have reached that part of the process which affects the lowest two subplanes of the etheric-physical plane.

154. "Nước" cũng là "vật chất", và như vậy chúng ta đã đạt đến phần của tiến trình tác động đến hai cõi phụ thấp nhất của cõi dĩ thái-hồng trần.

Little can here be said in interpretation of these words, beyond a reference to the general sense. **The gaseous sheath is created, and the hour for the formation of the sheath for the sixth subplane, the liquid, is near.** The two must blend.

Ở đây có thể nói rất ít để giải thích những lời này, ngoài việc quy chiếu đến ý nghĩa tổng quát. **Vỏ bọc khí thể được tạo ra, và giờ hình thành vỏ bọc cho cõi phụ thứ sáu, cõi lỏng, đã gần.** Cả hai phải dung hợp.

155. Every subplane, it seems, has its sheath. The fiery sheath is the gaseous sheath. There is also a watery sheath consisting of the densest types of waters—the liquid element of the systemic dense physical plane.

155. Dường như mỗi cõi phụ đều có vỏ bọc của nó. Vỏ bọc lửa là vỏ bọc khí thể. Cũng có một vỏ bọc nước gồm những loại nước đậm đặc nhất—nguyên tố lỏng của cõi hồng trần đậm đặc của hệ mặt trời.

This is the moment of the greatest danger, as far as the thought form itself is concerned. **Earlier dangers have menaced the magician.**

Đây là thời điểm nguy hiểm lớn nhất, xét theo chính hình tư tưởng ấy. **Những nguy hiểm trước đó đã đe dọa nhà huyền thuật.**

156. Danger to the magician occurred at the transition from the etheric subplanes to the dense physical subplanes.

156. Nguy hiểm đối với nhà huyền thuật đã xảy ra tại chỗ chuyển tiếp từ các cõi phụ dĩ thái sang các cõi phụ hồng trần đậm đặc.

Now the form he is creating must be protected.

Giờ đây hình tướng mà y đang tạo ra phải được bảo vệ.

DK emphasizes danger to the magician's creation. At this point we are reminded of the dangers incident to birth as a human being on the dense physical plane.

Chân sư DK nhấn mạnh đến nguy hiểm đối với tạo vật của nhà huyền thuật. Tại điểm này chúng ta được nhắc nhớ đến những nguy hiểm gắn liền với sự sinh ra làm người trên cõi hồng trần đậm đặc.

The nature of the danger is hinted at in the words: "Where fire and water meet apart from chanted sound, all dissipates in steam. The fire ceases to be."

Bản chất của nguy hiểm được gợi ý trong những lời: "Nơi lửa và nước gặp nhau ngoài âm thanh được xướng lên, mọi sự tan biến thành hơi nước. Lửa không còn nữa."

157. Hence the value of the mantram used at this point in the process.

157. Do đó có giá trị của mantram được dùng tại điểm này trong tiến trình.

158. If "fire ceases to be", the thoughtform and its fiery envelope are destroyed.

158. Nếu "lửa không còn nữa", hình tư tưởng và lớp bao lửa của nó sẽ bị hủy diệt.

This danger is hid in the karmic enmity existing between the two great groups of devas. These groups can only be united by the mediator, man.

Nguy hiểm này ẩn trong sự thù nghịch do nghiệp quả đang tồn tại giữa hai nhóm thiên thần lớn. Hai nhóm này chỉ có thể được hợp nhất bởi đấng trung gian, con người.

159. Again a hint of great occult importance. Conditions in the deva and elemental kingdoms are the source of the danger here confronted. How interesting that only man can serve as the "mediator" between these two antagonistic groups. Hence the need to a mantram to be sounded the point of juncture between fire and water.

159. Lại thêm một gợi ý có tầm quan trọng huyền bí lớn lao. Những điều kiện trong các giới thiên thần và hành khí là nguồn gốc của nguy hiểm đang được đối diện ở đây. Thật thú vị khi chỉ con người mới có thể phụng sự như "đấng trung gian" giữa hai nhóm đối kháng này. Do đó cần có một mantram được xướng lên tại điểm giao tiếp giữa lửa và nước.

It might be asked of what use the fifteen rules for magic communicated above may be. **Naught, as yet, as far as practical work is concerned,**

Có thể người ta sẽ hỏi mười lăm quy luật về huyền thuật được truyền đạt ở trên có ích gì. **Chưa có gì, xét về công việc thực tiễn,**

160. This is a sobering statement.

160. Đây là một phát biểu khiến người ta phải tỉnh táo.

but much where inner intellectual development is desired.

nhưng rất nhiều khi mong muốn sự phát triển trí tuệ bên trong.

161. This is simply where we are. Our minds need to be well-trained before it is safe to engage in the practical aspects of the magical process.

161. Đơn giản đây chính là chỗ chúng ta đang đứng. Trí tuệ của chúng ta cần được huấn luyện kỹ lưỡng trước khi việc dấn thân vào các phương diện thực tiễn của tiến trình huyền thuật trở nên an toàn.

He who meditates and broods over these rules in the light of what has been earlier communicated anent the devas and building forces, **will arrive at an understanding of the Laws of Construction in the macrocosm,** which will avail him much, and save him much time when the magical work and formulas are put in his hands.

Người nào tham thiền và suy tư về các quy luật này dưới ánh sáng của những gì đã được truyền đạt trước đây liên quan đến các thiên thần và các mãnh lực kiến tạo, **sẽ đi đến chỗ thấu hiểu các Định luật Kiến Tạo trong đại thiên địa,** điều này sẽ giúp ích cho y rất nhiều, và tiết kiệm cho y nhiều thời gian khi công việc huyền thuật và các công thức được trao vào tay y.

162. Yes, we are in training for eventualities which will emerge in a number of centuries. Does it seem too long a wait? Or has our general training in occultism served, at last, to make us patient.

162. Đúng vậy, chúng ta đang được huấn luyện cho những khả năng sẽ xuất hiện trong một số thế kỷ tới. Có phải thời gian chờ đợi ấy dường như quá dài không? Hay rốt cuộc sự huấn luyện tổng quát của chúng ta

trong huyền bí học đã khiến chúng ta trở nên kiên nhẫn?

163. Master DK writes of the long term, for the centuries to come. We had best take a deep breath, realize what we can and cannot do, and set about accomplishing that which is truly within our power.

163. Chân sư DK viết cho dài hạn, cho những thế kỷ sắp đến. Tốt hơn hết chúng ta nên hít một hơi thật sâu, nhận ra điều gì chúng ta có thể và không thể làm, rồi bắt tay hoàn thành điều thật sự nằm trong quyền năng của chúng ta.

Semester 8-9 Preamble

Dear Fellow Students of *A Treatise on Cosmic Fire*,

Các đạo sinh đồng môn thân mến của *Luận về Lửa Vũ Trụ*,

We have a very deep section of text for this fortnight's work. It deals with *motion*--the usual three types of motion are included. But important and perhaps unexpected discriminations exist. There are *five* types of motion discussed, when only three are usually considered.

Chúng ta có một phần văn bản rất sâu sắc cho công việc hai tuần này. Nó bàn đến *chuyển động*--bao gồm ba loại chuyển động thông thường. Nhưng có những sự phân biện quan trọng và có lẽ bất ngờ. Có *năm* loại chuyển động được bàn đến, trong khi thông thường chỉ xét ba loại.

1. Rotary Motion

1. Chuyển động quay tròn

2. Cyclic Activity

2. Hoạt động chu kỳ

3. Spiral-Cyclic Motion

3. Chuyển động xoắn ốc-chu kỳ

4. Spiraling Progression

4. Sự xoắn ốc tiến triển

5. Progress Onward

5. Tiến bước về phía trước

It begins to dawn that spiral-cyclic activity, usually considered a solidly second ray type of motion, is rather a combination of the will aspect and the love aspect. 'Spirality' belongs to the first ray according to Master DK. 'Cyclicity' to the second ray. And spiral-cyclic motion is a hybrid of these two types.

Bắt đầu hé lộ rằng hoạt động xoắn ốc-chu kỳ, thường được xem là một loại chuyển động thuần túy cung hai, thật ra là sự kết hợp của phương diện ý chí và phương diện bác ái. Theo Chân sư DK, "tính xoắn ốc" thuộc cung một. "Tính chu kỳ" thuộc cung hai. Và chuyển động xoắn ốc-chu kỳ là một dạng lai của hai loại.

We also have to learn to discriminate "cyclic motion" (which I might term 'gently progressive') from "spiral-cyclic motion" which is strongly elevative.

Chúng ta cũng phải học cách phân biện “chuyển động chu kỳ” (mà tôi có thể gọi là ‘tiến triển nhẹ nhàng’) với “chuyển động xoắn ốc-chu kỳ”, vốn có tính nâng cao mạnh mẽ.

It becomes clear that the whole process of initiation represents the strong expression of spiral-cyclic motion and that those who simply go along, rising with the mass over time, are demonstrating "cyclic activity".

Rõ ràng là toàn bộ tiến trình điểm đạo biểu hiện mạnh mẽ chuyển động xoắn ốc-chu kỳ, và những ai chỉ thuận theo, dần dần đi lên cùng quần chúng theo thời gian, thì đang biểu lộ “hoạt động chu kỳ”.

Master DK goes more deeply into these matters than He has in previous sections of text.

Chân sư DK đi sâu vào những vấn đề này hơn trong các phần văn bản trước đây.

There are also some excellent analogies between the groupings of Lipika Lords in our solar system and the structure of the egoic lotus. It seems that the synthesis petals, the ordinary nine petals and the members of the atomic triangle, all correspond to certain categories of Lipikas. We see how karma is administered by groupings of Solar Angels Who underlie and pervade the structure of our egoic lotus. Truly the Law of Analogy is the great interpretive law of the system. We have to become adept at its use.

Cũng có một số tương đồng rất xuất sắc giữa các nhóm các Đấng Lipika trong hệ mặt trời của chúng ta và cấu trúc của Hoa Sen Chân Ngã. Dường như các cánh hoa tổng hợp, chín cánh hoa thông thường và các thành viên của tam giác nguyên tử, tất cả đều tương ứng với những loại Lipika nhất định. Chúng ta thấy nghiệp quả được quản trị như thế nào bởi các nhóm Thái dương Thiên Thần là những Đấng làm nền tảng và thấm nhuần cấu trúc của Hoa Sen Chân Ngã của chúng ta. Quả thật định luật tương đồng là định luật diễn giải vĩ đại của hệ thống. Chúng ta phải trở nên thành thạo trong việc sử dụng nó.

He also gives more information on the ray cycles. There are cycles which last under 1000 years, but also those which last 1000, 2500, 5000, 9000, and 15,000 years.

Ngài cũng cung cấp thêm thông tin về các chu kỳ cung. Có những chu kỳ kéo dài dưới 1000 năm, nhưng cũng có những chu kỳ kéo dài 1000, 2500, 5000, 9000 và 15.000 năm.

The intricacy of the tapestry of energies in which we are perforce involved is staggering. He warns us about dogmatizing concerning these ray cycles. Tantalizing hints are given which help us realize that we have only slightly lifted the hem on the garment of cyclic mystery.

Sự phức tạp của tấm thảm năng lượng mà chúng ta buộc phải dự phần vào thật choáng ngợp. Ngài cảnh báo chúng ta đừng giáo điều hóa về các chu kỳ cung này. Những gợi ý đầy khêu gợi được đưa ra giúp chúng ta nhận ra rằng chúng ta mới chỉ hơi vén được gấu áo của huyền nhiệm chu kỳ.

I would suggest you go deeply into these matters. We will not be able to arrive at any firm conclusions about the intricate patterning of all cycles. In fact there are just so many major and minor cycles about which we know nothing, but we will get the impression that we are on our way towards the apprehension of the Science of the Initiates, as many hundreds or thousands of years as it may take to ascertain what They already *know*.

Tôi xin gợi ý các bạn hãy đi sâu vào những vấn đề này. Chúng ta sẽ không thể đi đến bất kỳ kết luận chắc chắn nào về mô hình phức tạp của mọi chu kỳ. Thật vậy, có quá nhiều chu kỳ lớn và nhỏ mà chúng ta không biết gì cả, nhưng chúng ta sẽ có ấn tượng rằng mình đang trên đường tiến tới sự lĩnh hội Khoa Học của các Điểm đạo đồ, dù có thể phải mất hàng trăm hay hàng ngàn năm để xác định điều mà Các Ngài đã *biết*.

Many Blessings and Solid Endurance,

Michael

Nhiều phúc lành và sức bền vững chắc,

Michael

S8S9

(1027-1039)

(1027-1039)

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách AAB khác và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read**

Có đề nghị rằng phần Bình luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc**

an entire paragraph and then study the Commentary

1. This following presents a table of contents for subjects to be covered in the next hundreds of pages. We can see that we are dealing with that section of the book which pertains largely to electric fire.

SECTION TWO

DIVISION E - MOTION ON THE PLANE OF MIND

I. Introductory Remarks.

II. The Nature of this Motion.

1. Spiral-cyclic.

2. Triple.

3. Attractive.

III. Results of its Activity.

1. The Law of Expansion.

2. The Law of Monadic Return.

3. The Law of Solar Evolution.

4. The Law of Radiation.

a. The cause of radiation.

b. Radiation in the five kingdoms,

c. Radiation and cyclic law.

trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình luận

1. Phần sau đây trình bày một mục lục các chủ đề sẽ được đề cập trong hàng trăm trang kế tiếp. Chúng ta có thể thấy rằng mình đang xử lý phần của quyển sách chủ yếu liên quan đến Lửa Điện.

PHẦN HAI

PHÂN ĐOẠN E - CHUYỂN ĐỘNG TRÊN CÕI TRÍ

I. Những nhận xét mở đầu.

II. Bản chất của chuyển động này.

1. Xoắn ốc-chu kỳ.

2. Tam phân.

3. Hấp dẫn.

III. Những kết quả của hoạt động của nó.

1. Định luật Mở Rộng.

2. Định luật Chân Thần Trở Về.

3. Định luật Tiến Hóa Thái dương.

4. Định luật Phóng xạ.

a. Nguyên nhân của phóng xạ.

b. Phóng xạ trong năm giới,

c. Phóng xạ và định luật chu kỳ.

IV. The Turning of the Wheel.

1. The solar wheel.

2. The planetary wheel.

3. The human wheel.

2. It is obvious from studying the subjects in this table of contacts that we are dealing with large, macrocosmic matters.

V. Motion and the Form-Building Aspect.

1. In the mental sheath.

2. In the causal body.

VI. Effects of Synthetic Motion.

1. Introductory remarks.

2. It produces periodic manifestation.

3. Causes triangular linking.

4. Produces a relation between three centres.

I. INTRODUCTORY REMARKS

We have now concluded our consideration of thought forms, having **viewed the whole universe (including man) as an embodied thought,**

IV. Sự quay của bánh xe.

1. Bánh xe thái dương.

2. Bánh xe hành tinh.

3. Bánh xe nhân loại.

2. Rõ ràng từ việc nghiên cứu các chủ đề trong bảng mục lục này rằng chúng ta đang xử lý những vấn đề lớn lao, thuộc đại thiên địa.

V. Chuyển động và phương diện kiến tạo hình tướng.

1. Trong thể trí.

2. Trong thể nguyên nhân.

VI. Những hiệu quả của chuyển động tổng hợp.

1. Những nhận xét mở đầu.

2. Nó tạo ra sự biểu hiện theo chu kỳ.

3. Gây ra sự liên kết tam giác.

4. Tạo ra một mối liên hệ giữa ba trung tâm.

I. NHỮNG NHẬN XÉT MỞ ĐẦU

Giờ đây chúng ta đã kết thúc việc xem xét các hình tư tưởng, sau khi **xem toàn thể vũ trụ (kể cả con người) như một tư tưởng được nhập thể,**

3. Thus the entire preceding section has dealt with thoughtform creation—both microcosmic and macrocosmic.

3. Như vậy toàn bộ phần trước đã bàn đến việc tạo hình tư tưởng—cả ở tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa.

4. Yes, the entire "universe" itself, if by "universe" means that entire collection of all stars and starry systems. We would then have to ask, "If the entire universe is a vast thoughtform or "embodied thought", WHO or WHAT is the THINKER Who created this thoughtform?" Though the answer to this question may seem easy—for instance, "GOD" or the "ABSOLUTE", may problems arise by attributing conscious action to "BE-NESS".

4. Đúng vậy, chính toàn thể "vũ trụ", nếu "vũ trụ" có nghĩa là toàn bộ tập hợp của mọi ngôi sao và các hệ sao. Khi ấy chúng ta phải hỏi, "Nếu toàn thể vũ trụ là một hình tư tưởng bao la hay 'tư tưởng được nhập thể', thì AI hay CÁI GÌ là ĐẤNG TƯ TƯỞNG đã tạo ra hình tư tưởng này?" Dù câu trả lời cho câu hỏi này có vẻ dễ dàng—chẳng hạn, "THƯỢNG ĐẾ" hay "TUYỆT ĐỐI"—nhiều vấn đề sẽ nảy sinh khi quy cho "TỒN TẠI TÍNH" một hành động có ý thức.

and having dealt with the ability [Page 1028] of man himself to create forms for the clothing of his ideas.

và sau khi bàn đến khả năng [Trang 1028] của chính con người trong việc tạo ra các hình tướng để khoác lên những ý tưởng của y.

5. We are referring to the entire white magical process.

5. Chúng ta đang nói đến toàn bộ tiến trình huyền thuật chánh đạo.

We now return once more to the realm of technicalities,

Giờ đây chúng ta lại quay về lĩnh vực của các chi tiết kỹ thuật,

6. As if, perhaps, the foregoing sections had not been filled with technicalities—at least from the perspective of the average reader!

6. Như thể, có lẽ, các phần trước đó đã không đầy những chi tiết kỹ thuật—ít nhất là từ góc nhìn của độc giả trung bình!

and to the more scientific part of our thesis. I use the word "scientific," for that which will be said concerns **that which is proven and known to occultists, and deals with facts**.

và về phần khoa học hơn của luận đề của chúng ta. Tôi dùng từ "khoa học", vì điều sẽ được nói đến liên quan đến **điều đã được các nhà huyền bí học chứng minh và biết rõ, và bàn đến các sự kiện**.

7. In this respect, normal readers of *A Treatise on Cosmic Fire* are not referenced. They are *not* occultists, as DK is here using the term. Rather, high initiates and Master

7. Về phương diện này, những độc giả thông thường của *Luận về Lửa Vũ Trụ* không phải là đối tượng được nói đến. Họ *không* phải là các nhà huyền bí học, theo cách Chân sư DK dùng thuật ngữ này ở đây. Đúng hơn, các

of the Wisdom are the kind of "occultists" of whom Master DK speaks.

điểm đạo đồ cao cấp và các Chân sư Minh Triết mới là loại "nhà huyền bí học" mà Chân sư DK đang nói tới.

8. In the following, we find DK's definition of the term "fact" as that term is considered in the modern world.

8. Trong phần sau, chúng ta thấy định nghĩa của DK về thuật ngữ "sự kiện" theo cách thuật ngữ ấy được hiểu trong thế giới hiện đại.

The modern fact of the modern scientist is his approximation of a part, and often an infinitesimal part, of some greater whole,

Sự kiện hiện đại của nhà khoa học hiện đại là sự xấp xỉ của ông đối với một phần, và thường là một phần vô cùng nhỏ, của một toàn thể lớn hơn,

9. "I take that garment piece by piece." This sentence derives from the Technique of Integration to be used by those who are fifth ray souls.

9. "Tôi lấy chiếc áo ấy từng mảnh một." Câu này xuất phát từ Kỹ Thuật Tích Hợp được dùng bởi những linh hồn cung năm.

10. The focus of modern scientific inquiry is often narrow, certainly exclusive of higher realities, but extremely intense.

10. Trọng tâm của việc khảo cứu khoa học hiện đại thường hẹp, chắc chắn loại trừ các thực tại cao hơn, nhưng lại cực kỳ mãnh liệt.

and even then it concerns only the most objective part of manifestation,

và ngay cả khi ấy nó cũng chỉ liên quan đến phần khách quan nhất của sự biểu hiện,

11. This, of course, is the problem. Not only is penetration into subjective realities rarely to be found, but the scope of modern scientific inquiry is often very limited—at least when compare to the possible scope of inquiry offered by occultism.

11. Dĩ nhiên, đây là vấn đề. Không những sự thâm nhập vào các thực tại chủ quan hiếm khi được tìm thấy, mà phạm vi khảo cứu khoa học hiện đại cũng thường rất hạn hẹp —ít nhất khi so với phạm vi khảo cứu khả hữu mà huyền bí học đem lại.

for that which is the essence is not regarded as a reality at all by them as it is by the real occult knower.

vì điều là tinh túy hoàn toàn không được họ xem là một thực tại như nó được thức giả huyền bí chân chính xem là như vậy.

12. This type of modern scientific mind is veiled thickly by skepticism as regards all that the occultist considers "real".

12. Loại trí tuệ khoa học hiện đại này bị che phủ dày đặc bởi sự hoài nghi đối với tất cả những gì mà nhà huyền bí học xem là "thực".

That which we see and can touch is but an *effect* of inner underlying causes.

Điều mà chúng ta thấy và có thể chạm tới chỉ là một *hiệu quả* của những nguyên nhân bên trong làm nền tảng.

13. After numerous years of study, many students of the Ageless Wisdom consider this a foregone conclusion, but it is not so for the average scientist. Some there are in the scientific field, who sense the deeper realities and have begun to search for them. They have begun "...searching for the Mystery which brought the mysteries to thee."

13. Sau nhiều năm nghiên cứu, nhiều đạo sinh của Minh Triết Ngàn Đời xem đây là một kết luận hiển nhiên, nhưng với nhà khoa học trung bình thì không phải vậy. Có một số người trong lĩnh vực khoa học cảm nhận được những thực tại sâu xa hơn và đã bắt đầu tìm kiếm chúng. Họ đã bắt đầu "... tìm kiếm Huyền Nhiệm đã mang các huyền nhiệm đến cho ngươi."

The occultist does not concern himself with effects, but only with their originating cause.

Nhà huyền bí học không quan tâm đến các hiệu quả, mà chỉ quan tâm đến nguyên nhân phát sinh ra chúng.

14. Here we have the most clarifying definition possible. Now, how would we measure our *own* approach against this standard? Are there any ways in which we find ourselves preoccupied with effects instead of causes? I suggest that we ponder the matter carefully.

14. Ở đây chúng ta có định nghĩa sáng tỏ nhất có thể có. Vậy, chúng ta sẽ đo lường cách tiếp cận *của chính mình* theo tiêu chuẩn này như thế nào? Có cách nào mà chúng ta thấy mình đang bận tâm với các hiệu quả thay vì các nguyên nhân không? Tôi gợi ý rằng chúng ta hãy suy ngẫm vấn đề này một cách cẩn trọng.

The modern scientist, therefore, is not as yet occupying himself with causes,

Do đó, nhà khoa học hiện đại cho đến nay vẫn chưa bận tâm với các nguyên nhân,

15. To a degree (now almost ninety years after *A Treatise on Cosmic Fire* was written), this is changing. The deepest causes, however, are still not touched by the modern scientist.

15. Ở một mức độ nào đó (nay gần chín mươi năm sau khi *Luận về Lửa Vũ Trụ* được viết), điều này đang thay đổi. Tuy nhiên, những nguyên nhân sâu xa nhất vẫn chưa được nhà khoa học hiện đại chạm tới.

and during the past only approached the realm of these initiatory impulses

và trong quá khứ chỉ mới tiếp cận lĩnh vực của những xung lực điểm đạo này

16. Shall we think of them as *etheric* impulses, for surely, the modern scientific student of the "Garment of God" is not

16. Chúng ta có nên nghĩ đến chúng như những xung lực *dĩ thái* không, vì chắc chắn đạo sinh khoa học hiện đại của "Y Phục của

scientifically studying the astral plane nor the lower mental plane? Nor is he able to penetrate, in most cases, beyond the fourth and lowest ether.

Thượng đế" không nghiên cứu một cách khoa học cõi cảm dục cũng không nghiên cứu cõi hạ trí? Ông cũng không thể, trong đa số trường hợp, thâm nhập vượt quá dĩ thái thứ tư và thấp nhất.

when he began to comprehend the energy aspect of matter, and to consider the nature of the atom.

khi ông bắt đầu hiểu phương diện năng lượng của vật chất, và xem xét bản chất của nguyên tử.

17. Einstein, we see, had begun to comprehend the "energy aspect of matter". This is, according to occultism *etheric* in nature, even though the scientists in Einstein's day discounted the need for any ether.

17. Như chúng ta thấy, Einstein đã bắt đầu hiểu "phương diện năng lượng của vật chất". Theo huyền bí học, điều này có bản chất *dĩ thái*, mặc dù các nhà khoa học thời Einstein phủ nhận nhu cầu về bất kỳ dĩ thái nào.

When he can pass more directly in his thoughts to the discussion and consideration of **the etheric substratum** which underlies the tangible, then and only then will he be entering the domain of causes,

Khi ông có thể chuyển trực tiếp hơn trong tư tưởng của mình sang việc thảo luận và xem xét **nền tảng dĩ thái** nằm bên dưới cái hữu hình, thì khi ấy và chỉ khi ấy ông mới bước vào lãnh vực của các nguyên nhân,

18. If we consider the entire gamut of occult causes, these etheric causes are relatively secondary causes, but they are primary in relation to the dense physical plane.

18. Nếu chúng ta xét toàn bộ phổ các nguyên nhân huyền bí, thì những nguyên nhân dĩ thái này là những nguyên nhân tương đối thứ yếu, nhưng chúng là nguyên nhân sơ cấp trong liên hệ với cõi hồng trần đậm đặc.

19. We can see how much attention is given to the etheric plane in this book *A Treatise on Cosmic Fire*.

19. Chúng ta có thể thấy cõi dĩ thái được chú ý nhiều đến mức nào trong quyển *Luận về Lửa Vũ Trụ* này.

and even in this case, only those physical causes which underlie the grossly objective;

và ngay cả trong trường hợp này, cũng chỉ là những nguyên nhân hồng trần nằm bên dưới cái khách quan thô nặng;

20. As stated. Etheric causes are still "physical" from a larger perspective.

20. Như đã nói. Các nguyên nhân dĩ thái vẫn là "hồng trần" từ một góc nhìn rộng hơn.

he will not really have ascertained the vital impulses which produce Being.

ông vẫn chưa thực sự xác định được những xung lực thiết yếu tạo ra Bản Thể.

21. From one perspective we might ask if there is *any* impulse which can *ever* produce "Being". Is not "Being" that which *is—forever.* Or should we refer to 'BE-NESS" as the ABSOLUTE SUBSTRATUM, differentiating IT from "Being"? Are we really capable of doing this?

21. Từ một góc nhìn nào đó, chúng ta có thể hỏi liệu có *bất kỳ* xung lực nào có thể *bao giờ* tạo ra "Bản Thể" hay không. Chẳng phải "Bản Thể" là điều *là—mãi mãi* sao? Hay chúng ta nên quy chiếu 'TỒN TẠI TÍNH" như NỀN TẢNG TUYỆT ĐỐI, phân biệt NÓ với "Bản Thể"? Chúng ta có thật sự có khả năng làm điều này không?

Yet a great step will have been made for, under the Law of Analogy, he will then be in a position to comprehend some of the major secrets of solar manifestation;

Tuy vậy, một bước tiến lớn sẽ được thực hiện vì, dưới định luật tương đồng, khi ấy ông sẽ ở vào vị thế để hiểu được một số bí mật lớn của sự biểu hiện thái dương;

22. The Law of Analogy is the great interpretive law of the system.

22. Định luật tương đồng là định luật diễn giải vĩ đại của hệ thống.

23. It is amazing that we can analogize from the etheric plane to planes and relations far higher.

23. Thật đáng kinh ngạc khi chúng ta có thể suy luận tương đồng từ cõi dĩ thái đến những cõi và những tương quan cao hơn rất nhiều.

24. DK is telling us that some of the "major secrets of solar manifestation" are discernible from an understanding of the etheric plane. We must remember that the etheric plane is both *solar* and *lunar* simultaneously—or shall we say that prana is especially solar and that the etheric body, per se, is more lunar,

24. DK đang cho chúng ta biết rằng một số "bí mật lớn của sự biểu hiện thái dương" có thể được phân biện từ sự hiểu biết về cõi dĩ thái. Chúng ta phải nhớ rằng cõi dĩ thái vừa là *thái dương* vừa là *thái âm* đồng thời—hay chúng ta nên nói rằng prana đặc biệt mang tính thái dương còn thể dĩ thái, chính nó, lại mang tính thái âm hơn,

In the words "prana and the etheric body" (or life force and form) we have the key to the mystery of the solar and lunar pitris, and a hint as to the place of the physical body in the scheme of things. (TCF 617)

Trong những lời "prana và thể dĩ thái" (hay sinh lực và hình tướng), chúng ta có chìa khóa cho huyền nhiệm của các thái dương tổ phụ và thái âm tổ phụ, và một gợi ý về vị trí của thể xác trong hệ thống sự vật. (TCF 617)

for the planes of our solar system constitute, as we know, and as this Treatise seeks to

vì các cõi của hệ mặt trời chúng ta cấu thành, như chúng ta biết, và như Luận

demonstrate, the seven subplanes of the cosmic physical plane.

25. DK is telling us that whatever we can understand with regard to the *systemic* physical plane (which includes the systemic etheric subplanes) we can in some respect understand in relation to the *cosmic* physical plane (which includes the cosmic etheric subplanes).

It is apparent to all careful students of this *Treatise on Fire* that in this section we are concerned with:

26. We pause—"Are we truly *careful* students?"

First, that **mode of activity** which distinguishes the Vishnu aspect of Deity, or the motion of the Divine Manasaputras. [Page 1029]

27. The Vishnu aspect of Deity, we know, is associated with the second aspect of divinity.

28. The Divine Manasaputras are, from one perspective, the Planetary Logoi or "Dragons of Wisdom". In general, they are thought to embody the second aspect of Deity—the Love-Wisdom aspect. They express that aspect far more fully than man and less fully than the Solar Logos.

29. We are probably speaking, in general, of "spiral-cyclic motion" (though occasionally, such motion is associated with the first aspect of divinity).

30. We shall have to watch how Master DK refers to spiral-cyclic motion. Sometimes He

thuyết này tìm cách chứng minh, bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

25. DK đang cho chúng ta biết rằng bất cứ điều gì chúng ta có thể hiểu liên quan đến cõi hồng trần *của hệ thống* (bao gồm các cõi phụ dĩ thái của hệ thống) thì ở một phương diện nào đó chúng ta cũng có thể hiểu trong liên hệ với cõi hồng trần *vũ trụ* (bao gồm các cõi phụ dĩ thái vũ trụ).

Hiển nhiên đối với mọi đạo sinh cẩn trọng của *Luận về Lửa* này rằng trong phần này chúng ta quan tâm đến:

26. Chúng ta dừng lại—"Chúng ta có thật sự là những đạo sinh *cẩn trọng* không?"

Thứ nhất, đó là **phương thức hoạt động** phân biệt phương diện Vishnu của Thượng đế, hay chuyển động của các Manasaputra thiêng liêng. [Trang 1029]

27. Như chúng ta biết, phương diện Vishnu của Thượng đế gắn liền với phương diện thứ hai của thiên tính.

28. Các Manasaputra thiêng liêng, từ một góc nhìn, là các Hành Tinh Thượng Đế hay "Những Rồng Minh Triết". Nói chung, các Ngài được xem là hiện thân của phương diện thứ hai của Thượng đế—phương diện Bác Ái – Minh Triết. Các Ngài biểu lộ phương diện ấy đầy đủ hơn con người rất nhiều và kém đầy đủ hơn Thái dương Thượng đế.

29. Có lẽ, nói chung, chúng ta đang nói đến "chuyển động xoắn ốc-chu kỳ" (dù đôi khi, chuyển động như thế lại được liên kết với phương diện thứ nhất của thiên tính).

30. Chúng ta sẽ phải theo dõi cách Chân sư DK đề cập đến chuyển động xoắn ốc-chu kỳ.

associates it specifically with the second aspect of divinity but sometimes it is presented as a combination of first and second ray motions. In such instances He calls second ray motion by the name “cyclic activity”, which He distinguishes from “rotary motion”.

Đôi khi Ngài liên kết nó một cách đặc biệt với phương diện thứ hai của thiên tính, nhưng đôi khi nó lại được trình bày như một sự kết hợp của các chuyển động cung một và cung hai. Trong những trường hợp như thế, Ngài gọi chuyển động cung hai bằng tên “hoạt động chu kỳ”, mà Ngài phân biệt với “chuyển động quay tròn”.

31. We must also be alert to those rare moments when He refers to spiral-cyclic motion as related to the *first* ray. We shall see that “spiral” motion certainly is so related—at least in our solar system and at this time.

31. Chúng ta cũng phải tỉnh táo trước những lúc hiếm hoi khi Ngài nói đến chuyển động xoắn ốc-chu kỳ như có liên hệ với cung *một*. Chúng ta sẽ thấy rằng chuyển động “xoắn ốc” chắc chắn có liên hệ như thế—ít nhất trong hệ mặt trời của chúng ta và vào thời điểm này.

This involves, therefore, a consideration of the effects of this motion:

Vì vậy, điều này bao hàm việc xem xét các hiệu quả của chuyển động này:

a. Within the planetary schemes, Their bodies.

a. Bên trong các hệ hành tinh, các thể của Các Ngài.

32. The Divine Manasaputras have planetary schemes as Their “bodies” of manifestation.

32. Các Manasaputra thiêng liêng có các hệ hành tinh như những “thể” biểu hiện của Các Ngài.

33. This type of motion, then, is particularly influential on the scheme level.

33. Vậy thì, loại chuyển động này đặc biệt có ảnh hưởng ở cấp độ hệ hành tinh.

b. Upon the atoms or "Points" in those bodies, the human and deva Monads.

b. Lên các nguyên tử hay “Các Điểm” trong những thể ấy, tức các chân thần người và thiên thần.

34. This seems a very occult reference. Somehow, an equivalence between human and deva Monads is suggested. Presumably, they are both found upon the same subplane of the cosmic physical plane.

34. Điều này dường như là một quy chiếu rất huyền bí. Bằng cách nào đó, một sự tương đương giữa các chân thần người và chân thần thiên thần được gợi ra. Có lẽ, cả hai đều được tìm thấy trên cùng một cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

35. The term “bodies” has to examined in this context. Often DK differentiates the

35. Thuật ngữ “các thể” cần được xem xét trong bối cảnh này. DK thường phân biệt các

centers or chakras from the remainder of the body. The deva units are said to be part of the body per se, and man, part of the centers. Yet, since these deva units are "Monads", their essence would have to find their place on the monadic plane just as does man's essence.

trung tâm hay luân xa với phần còn lại của thể. Các đơn vị thiên thần được nói là thuộc về chính thể ấy, còn con người thì thuộc về các trung tâm. Tuy nhiên, vì các đơn vị thiên thần này là các "chân thần", nên tinh túy của chúng hẳn phải tìm được vị trí của mình trên cõi chân thần cũng như tinh túy của con người vậy.

36. We are being told that both human and deva Monads are affected by spiral-cyclic motion. For one thing, the process of reincarnation to which human beings, at least, are subjected, demonstrates this. The 'motion' of reincarnation is repetitive and, thus, rotary (or cyclic—in the general but not specific sense) but the indispensable factor of 'occult elevation' is also present, rendering it "spiral".

36. Chúng ta đang được cho biết rằng cả các chân thần người lẫn chân thần thiên thần đều bị ảnh hưởng bởi chuyển động xoắn ốc-chu kỳ. Trước hết, tiến trình tái sinh mà ít nhất con người phải chịu đã chứng minh điều này. "Chuyển động" của tái sinh có tính lặp lại và do đó là quay tròn (hay chu kỳ—theo nghĩa tổng quát chứ không phải nghĩa chuyên biệt), nhưng yếu tố không thể thiếu của "sự nâng cao huyền bí" cũng hiện diện, khiến nó trở thành "xoắn ốc".

37. Do devas reincarnate? This is a question which has not been touched upon satisfactorily to give an adequate answer. Since the Law of Periodicity controls all forms of life, it would seem that in some manner, they must necessarily do so.

37. Các thiên thần có tái sinh không? Đây là một câu hỏi chưa được đề cập một cách thỏa đáng để có thể đưa ra câu trả lời đầy đủ. Vì Định luật Chu Kỳ chi phối mọi hình thái sự sống, dường như theo một cách nào đó, họ nhất thiết cũng phải như vậy.

38. If devas do not re-incarnate, then they perfect themselves in some other manner. They are not yet perfect, so they too must be engaged in the process of self-perfection.

38. Nếu các thiên thần không tái sinh, thì họ tự hoàn thiện mình theo một cách nào khác. Họ vẫn chưa hoàn hảo, nên họ cũng phải đang tham dự vào tiến trình tự hoàn thiện.

Second, that impulse which is the basis of the Law of Periodicity, and which results in the **cyclic** incarnation of all Beings.

Thứ hai, xung lực là nền tảng của Định luật Chu Kỳ, và đưa đến sự nhập thể **chu kỳ** của mọi Hữu thể.

39. Now Master DK begins to discuss this very thing.

39. Giờ đây Chân sư DK bắt đầu bàn đến chính điều này.

40. First we discussed a "mode of activity" in relation to the Vishnu aspect of Deity. Now we discuss another aspect lying behind the

40. Trước hết chúng ta đã bàn về một "phương thức hoạt động" liên hệ với phương diện Vishnu của Thượng đế. Giờ đây chúng

Law of Periodicity. We have to focus. Is DK considering the Law of Periodicity the result of a second ray or third ray impulse? Is DK saying that the Vishnu aspect is *not* the basis of the Law of Periodicity? Certainly there is something "rotary" about the Law of Periodicity, and this would relate it to the third aspect of divinity.

ta bàn về một phương diện khác nằm phía sau Định luật Chu Kỳ. Chúng ta phải tập trung. DK có xem Định luật Chu Kỳ là kết quả của một xung lực cung hai hay cung ba không? DK có đang nói rằng phương diện Vishnu *không* phải là nền tảng của Định luật Chu Kỳ không? Chắc chắn có điều gì đó "quay tròn" trong Định luật Chu Kỳ, và điều này sẽ liên hệ nó với phương diện thứ ba của thiên tính.

This i**mpulse** manifests in three cycles or in three turns of the wheel of Being.

Xung **lực này** biểu lộ trong ba chu kỳ hay trong ba vòng quay của bánh xe Hữu thể.

41. Let us not gloss over the phrase "the wheel of Being". With this phrase and in this context, DK seems to be referring to the action of the first, second and third Logos, which are subsidiary to the Solar Logos.

41. Chúng ta đừng lướt qua cụm từ "bánh xe Hữu thể". Với cụm từ này và trong bối cảnh này, DK dường như đang nói đến hoạt động của Logos thứ nhất, thứ hai và thứ ba, là những Đấng phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế.

a. The activity which produces involution, or the submergence in matter of Life or Spirit.

a. Hoạt động tạo ra sự giáng hạ tiến hoá, hay sự chìm đắm của Sự sống hoặc tinh thần vào vật chất.

42. This is what is known as the First Outpouring and includes the first half of the Second Outpouring. The entire First Outpouring is involutionary and half of the Second Outpouring is also involutionary.

42. Đây là điều được biết đến như Lần Tuôn Đổ Thứ Nhất và bao gồm nửa đầu của Lần Tuôn Đổ Thứ Hai. Toàn bộ Lần Tuôn Đổ Thứ Nhất là giáng hạ tiến hoá, và một nửa của Lần Tuôn Đổ Thứ Hai cũng là giáng hạ tiến hoá.

43. When we use the term "submergence" we can understand why "matter" and "water" are often considered equivalent terms.

43. Khi chúng ta dùng thuật ngữ "chìm đắm", chúng ta có thể hiểu vì sao "vật chất" và "nước" thường được xem là những thuật ngữ tương đương.

b. The activity which produces the equilibrium of these two forces, matter and Spirit, or manifestation, or the processes of evolution.

b. Hoạt động tạo ra sự quân bình của hai mãnh lực này, vật chất và tinh thần, hay sự biểu hiện, hay các tiến trình tiến hoá.

44. In general the activity which produces equilibrium of these two forces

44. Nói chung, đó là hoạt động tạo ra sự quân bình của hai mãnh lực này

45. This process begins in the second part of the Second Outpouring which is evolutionary in nature.

45. Tiến trình này bắt đầu trong phần thứ hai của Lần Tuôn Đổ Thứ Hai, vốn có bản chất tiến hoá.

46. At the beginning of the Second Outpouring, such equilibrium does not yet exist.

46. Vào lúc khởi đầu của Lần Tuôn Đổ Thứ Hai, sự quân bình như thế vẫn chưa hiện hữu.

c. The activity which **withdraws the central energy from out of the responsive form** and produces obscuration.

c. Hoạt động **rút năng lượng trung tâm ra khỏi hình tướng đáp ứng** và tạo ra sự che mờ.

47. This is the result of the Third Outpouring and represents the consummation of that outpouring.

47. Đây là kết quả của Lần Tuôn Đổ Thứ Ba và biểu thị sự hoàn tất của lần tuôn đổ ấy.

48. In other words we are speaking of the withdrawal of the Jewel in the Lotus into its source, the Monad.

48. Nói cách khác, chúng ta đang nói về việc rút Viên Ngọc trong Hoa Sen trở về nguồn của nó, tức chân thần.

49. From one perspective the Monad has been present throughout involution and evolution coming only into consciousness during the latter phases of evolution after the second outpouring has risen through four kingdoms. Once the human being becomes conscious of himself as an extension of the Monad, the withdrawal process is already beginning. This happens with definiteness at the third initiation.

49. Từ một góc nhìn, chân thần đã hiện diện suốt trong giáng hạ tiến hoá và tiến hoá, chỉ đi vào tâm thức trong các giai đoạn sau của tiến hoá sau khi lần tuôn đổ thứ hai đã đi lên qua bốn giới. Một khi con người trở nên có ý thức về chính mình như một sự mở rộng của chân thần, tiến trình rút lui đã bắt đầu rồi. Điều này xảy ra một cách xác định ở lần điểm đạo thứ ba.

Third, that activity which causes **the interplay—attraction and consequent repulsion—between all atoms**, from the great cosmic atom, a solar system, to the tiny atom of the chemist or the physicist.

Thứ ba, hoạt động gây ra **sự tương tác—hấp dẫn và sự đẩy lùi hệ quả—giữa mọi nguyên tử**, từ nguyên tử vũ trụ vĩ đại là một hệ mặt trời cho đến nguyên tử nhỏ bé của nhà hóa học hay nhà vật lýt.

50. Thus far we have dealt with the two modes or activity or impulses:

a. The mode of activity behind the Vishnu aspect of Deity

b. The impulse behind the Law of Periodicity as it works out in three turnings of the Great Wheel.

51. In seems that in all these examples we are speaking very much of motion associated with the second aspect of divinity.

52. Now the third mode of activity concerns "interplay"—both attraction and repulsion.

53. Such activity comes under the Law of Attraction which we recognize as related both the Vishnu aspect and to spiral-cyclic motion. The factor of repulsion (normally a first ray, dispersive factor) is to be included as an aspect of this second ray law.

This activity, therefore, may be viewed as:

a. Inter-cosmic, or affecting constellations.

54. The implication is that constellations are attracted to and repelled by each other. The Law of Attraction has within it an aspect of repulsion.

55. We recognize this, perhaps, in the attraction and repulsion which exists between the energies of certain sign of the zodiac—really constellations of the zodiac.

50. Cho đến đây chúng ta đã bàn đến hai phương thức hoạt động hay xung lực:

a. Phương thức hoạt động đứng sau phương diện Vishnu của Thượng đế

b. Xung lực đứng sau Định luật Chu Kỳ khi nó được triển khai trong ba vòng quay của Đại Luân.

51. Dường như trong tất cả các thí dụ này, chúng ta đang nói rất nhiều về chuyển động gắn liền với phương diện thứ hai của thiên tính.

52. Giờ đây phương thức hoạt động thứ ba liên quan đến "sự tương tác"—cả hấp dẫn lẫn đẩy lùi.

53. Hoạt động như thế thuộc về Định luật Hấp Dẫn mà chúng ta nhận ra là có liên hệ cả với phương diện Vishnu lẫn với chuyển động xoắn ốc-chu kỳ. Yếu tố đẩy lùi (thường là một yếu tố phân tán của cung một) phải được bao gồm như một phương diện của định luật cung hai này.

Vì vậy, hoạt động này có thể được xem như:

a. Liên-vũ-trụ, hay tác động đến các chòm sao.

54. Hàm ý ở đây là các chòm sao bị hút về nhau và bị đẩy ra khỏi nhau. Định luật Hấp Dẫn chứa trong nó một phương diện đẩy lùi.

55. Có lẽ chúng ta nhận ra điều này trong sự hấp dẫn và đẩy lùi tồn tại giữa các năng lượng của một số dấu hiệu hoàng đạo—thực ra là các chòm sao hoàng đạo.

56. One level of interaction has been skipped, apparently. What about the attraction and repulsion of various stars? This certainly exists, for our Solar Logos seeks the Logos Who is His polar opposite and will 'marry' that Logos.

56. Dường như một cấp độ tương tác đã bị bỏ qua. Còn sự hấp dẫn và đẩy lùi của các ngôi sao khác nhau thì sao? Điều này chắc chắn có tồn tại, vì Thái dương Thượng đế của chúng ta tìm kiếm Logos là cực đối nghịch của Ngài và sẽ "kết hôn" với Logos ấy.

57. We must pause to ask whether Master DK is considering our solar system a kind of "constellation". Sometimes, it seems He does. The following quotation demonstrates that DK sometimes considers solar systems as constellations:

57. Chúng ta phải dừng lại để hỏi liệu Chân sư DK có đang xem hệ mặt trời của chúng ta như một loại "chòm sao" hay không. Đôi khi dường như Ngài có như vậy. Trích dẫn sau đây chứng minh rằng DK đôi khi xem các hệ mặt trời như các chòm sao:

This "fall of the angels" was a tremendous event in the history of our planet, but was nevertheless only a passing and interesting phenomenon in the history of the solar system, and a trifling incident in the **affairs of the seven constellations, of which our solar system is but one.** (EP I 395)

"Sự 'sa ngã của các thiên thần' này là một biến cố lớn lao trong lịch sử hành tinh chúng ta, nhưng tuy vậy chỉ là một hiện tượng thoáng qua và đáng chú ý trong lịch sử của hệ mặt trời, và là một sự cố nhỏ nhặt trong **các công việc của bảy chòm sao, mà hệ mặt trời của chúng ta chỉ là một trong số đó.** (EP I 395)

b. Inter-planetary, or affecting the schemes.

b. Liên-hành-tinh, hay tác động đến các hệ hành tinh.

58. The term "planet" or "planetary" is sometimes ambiguous and one does not know whether DK is referring to a globe (such as our so-called "dense globe"—though not entirely dense!) or to the entire planetary scheme. Here it is apparent that He is referring to the scheme level and that the term "planetary" can reference an entire scheme.

58. Thuật ngữ "hành tinh" hay "thuộc hành tinh" đôi khi mơ hồ, và người ta không biết DK đang nói đến một bầu hành tinh (như "bầu đậm đặc" được gọi như thế của chúng ta—dù không hoàn toàn đậm đặc!) hay toàn bộ hệ hành tinh. Ở đây rõ ràng là Ngài đang nói đến cấp độ hệ hành tinh và rằng thuật ngữ "thuộc hành tinh" có thể quy chiếu đến toàn bộ một hệ.

c. Inter-chain, or affecting the chains.

c. Liên-dãy, hay tác động đến các dãy.

59. Of this kind of inter-chain attraction and repulsion we know very little if anything. Yet we can use the Law of Analogy. Chakras are attracted to and (so one presumes) repelled from each other—at least

59. Về loại hấp dẫn và đẩy lùi liên-dãy này, chúng ta biết rất ít, nếu có biết gì. Tuy nhiên, chúng ta có thể dùng định luật tương đồng. Các luân xa hút nhau và (người ta giả định như vậy) đẩy nhau—ít nhất về mặt phẩm

qualitatively. At least in the process of the rising of energy from a lesser to a greater chakra, the Law of Attraction seems to be in effect. Probably, as well, the functioning of a higher chakra often negates the excessive functioning of the lower chakra with which it is naturally paired and does not allow the quality of energy found in such a lower chakra to rise *into it* without undergoing transmutation.

tính. Ít nhất trong tiến trình năng lượng đi lên từ một luân xa thấp hơn đến một luân xa cao hơn, Định luật Hấp Dẫn dường như đang có hiệu lực. Có lẽ cũng vậy, hoạt động của một luân xa cao hơn thường phủ nhận hoạt động quá mức của luân xa thấp hơn mà nó được ghép cặp một cách tự nhiên, và không cho phép phẩm tính năng lượng được tìm thấy trong luân xa thấp hơn ấy đi lên *vào nó* mà không trải qua sự chuyển hoá.

d. Inter-globular, or producing an interchange of force between the globes of the chains.

d. Liên-bầu hành tinh, hay tạo ra sự trao đổi mãnh lực giữa các bầu hành tinh của các dãy.

60. We could be speaking of two kinds of "inter-globular" interchange.

60. Chúng ta có thể đang nói đến hai loại trao đổi "liên-bầu hành tinh".

a. Between globes in the same chain.

a. Giữa các bầu hành tinh trong cùng một dãy.

b. Between the globes in one chain and corresponding or complementary globes in another chain—all presumably within the same planetary scheme. As for inter-globular contact from scheme to scheme we have heard very little if anything.

b. Giữa các bầu hành tinh trong một dãy và các bầu hành tinh tương ứng hay bổ sung trong một dãy khác—tất cả có lẽ đều nằm trong cùng một hệ hành tinh. Còn về sự tiếp xúc liên-bầu hành tinh từ hệ này sang hệ khác thì chúng ta hầu như chưa nghe gì, nếu có.

61. If there can be an interchange of force between the globes in one chain and the globes in another, then, analogously, there can be an interchange of force between the chains in one planetary scheme and the chains in another.

61. Nếu có thể có sự trao đổi mãnh lực giữa các bầu hành tinh trong một dãy và các bầu hành tinh trong một dãy khác, thì theo phép tương đồng, cũng có thể có sự trao đổi mãnh lực giữa các dãy trong một hệ hành tinh và các dãy trong một hệ hành tinh khác.

62. Carrying the idea further, we could have an interchange of forces between the planetary schemes in one solar system and the planetary schemes in another.

62. Đẩy ý tưởng đi xa hơn, chúng ta có thể có sự trao đổi các mãnh lực giữa các hệ hành tinh trong một hệ mặt trời và các hệ hành tinh trong một hệ mặt trời khác.

63. Similarly we would find an interchange of forces between the solar systems in one

63. Tương tự, chúng ta sẽ thấy có sự trao đổi các mãnh lực giữa các hệ mặt trời trong một

Cosmic Logos and the solar systems in another Cosmic Logos—etc. We could continue the speculation to the bound of the universe.

Logos Vũ Trụ và các hệ mặt trời trong một Logos Vũ Trụ khác—v.v. Chúng ta có thể tiếp tục suy đoán đến tận biên giới của vũ trụ.

64. It seems that throughout the vast cosmic web of life there is nothing but flow and exchange impulsed by the Cosmic Law of Attraction (and Repulsion).

64. Dường như trong toàn bộ mạng lưới vũ trụ bao la của sự sống, không có gì ngoài dòng chảy và sự trao đổi được thúc đẩy bởi Định luật Hấp Dẫn (và Đẩy Lùi) Vũ Trụ.

e. Inter-sectional, or affecting the transference of force between the five kingdoms of nature.

e. Liên-phân-khu, hay tác động đến sự chuyển dịch mãnh lực giữa năm giới trong tự nhiên.

65. This interchange will not be limited to exchange upon a single planet, as kingdoms of nature are found throughout the solar system.

65. Sự trao đổi này sẽ không bị giới hạn vào sự trao đổi trên một hành tinh đơn lẻ, vì các giới trong tự nhiên được tìm thấy khắp hệ mặt trời.

66. The word "sectional" is important and should be noted. It corresponds to the *kingdom* level.

66. Từ "phân khu" là quan trọng và cần được lưu ý. Nó tương ứng với cấp độ *giới*.1

67. This level, it appears, is one level lower than the globe level.

67. Dường như cấp độ này thấp hơn một cấp so với cấp độ bầu hành tinh.

68. Is the Being Who informs a kingdom of nature within a planetary scheme of lower status than the Being who informs a globe within that planetary scheme?

68. Hữu thể phú linh cho một giới trong tự nhiên bên trong một hệ hành tinh có địa vị thấp hơn Hữu thể phú linh cho một bầu hành tinh trong hệ hành tinh ấy chăng?

69. Is the Being Who informs a kingdom of nature *within the solar system* of lower status or higher status that the Being who informs a globe within that planetary scheme?

69. Hữu thể phú linh cho một giới trong tự nhiên *bên trong hệ mặt trời* có địa vị thấp hơn hay cao hơn Hữu thể phú linh cho một bầu hành tinh trong hệ hành tinh ấy chăng?

f. Inter-human, or relating to the interplay between the various human units.

f. Liên-nhân loại, hay liên hệ đến sự tương tác giữa các đơn vị người khác nhau.

70. With this level, of course, we are very familiar. It provides the very substance of our life within the human kingdom.

70. Dĩ nhiên, với cấp độ này, chúng ta rất quen thuộc. Nó cung cấp chính chất liệu của đời sống chúng ta trong giới nhân loại.

71. The perpetuation of the race of human beings depends upon interplay and exchange as must be obvious.

71. Sự duy trì nòi giống của nhân loại hiển nhiên phụ thuộc vào sự tương tác và trao đổi.

g. Inter-atomic, or the passage of force from one atom to another atom.

g. Liên-nguyên-tử, hay sự truyền mãnh lực từ nguyên tử này sang nguyên tử khác.

72. This type of passage of forces is the province of the realms of chemistry and physics.

72. Loại truyền các mãnh lực này thuộc phạm vi của các lĩnh vực hóa học và vật lý học.

73. The term "chemical affinity" indicates this type of exchange involving both attraction and repulsion.

73. Thuật ngữ "ái lực hóa học" chỉ ra loại trao đổi này, bao gồm cả hấp dẫn lẫn đẩy lùi.

74. Note that we have spoken of *seven* levels of exchange, from the cosmic to the level involving the atom of substances. Obviously there are more levels to consider, but it is interesting that Master DK cited seven.

74. Lưu ý rằng chúng ta đã nói đến *bảy* cấp độ trao đổi, từ cấp độ vũ trụ cho đến cấp độ liên quan đến nguyên tử của các chất liệu. Hiển nhiên còn nhiều cấp độ khác cần xem xét, nhưng điều đáng chú ý là Chân sư DK đã nêu ra bảy cấp độ.

Students need here to remember that we **are concerned with the energy or activity which produces forms,** and, [Page 1030] therefore, with the **forces which tend to coherence, to concretion, and to the stabilisation of the work of the builders**.

Ở đây các đạo sinh cần nhớ rằng chúng ta **đang quan tâm đến năng lượng hay hoạt động tạo ra các hình tướng,** và, [Trang 1030] vì vậy, đến các **mãnh lực có khuynh hướng tạo nên sự cố kết, sự kết tinh cụ thể, và sự ổn định hóa công việc của các đấng kiến tạo**.

75. There is no reason why we should not consider the energy of the second ray in this light.

75. Không có lý do gì khiến chúng ta không xem năng lượng của cung hai dưới ánh sáng này.

76. Coherence, however, is one thing and concretion another. The factor of concretion is better accounted for by the hard line rays, each of which plays its part such a process.

76. Tuy nhiên, sự cố kết là một chuyện, còn sự kết tinh cụ thể là chuyện khác. Yếu tố kết tinh cụ thể được giải thích tốt hơn bởi các cung tuyến cứng, mỗi cung đều góp phần của mình trong một tiến trình như thế.

77. The factor of concretion is particularly related to the fifth ray and the "stabilisation

of the work of the builders" to the seventh ray.

77. Yếu tố kết tinh cụ thể đặc biệt liên hệ với cung năm, còn "sự ổn định hóa công việc của các đấng kiến tạo" thì liên hệ với cung bảy.

If they but realised it, the key to much that is connected with the production of forms, or of the Son,

Nếu họ chỉ chứng nghiệm được điều đó, thì chìa khóa của nhiều điều liên hệ với việc tạo ra các hình tướng, hay của Con,

78. The second ray is the great 'Ray of Form Production'. The third ray is related to *matter*; the second ray to *form*; the first ray to the life within the form, animating both form and matter.

78. Cung hai là 'Cung của Sự Tạo Dựng Hình Tướng' vĩ đại. Cung ba liên hệ với *vật chất*; cung hai với *hình tướng*; cung một với sự sống bên trong hình tướng, làm sinh động cả hình tướng lẫn vật chất.

79. Our solar system is the Divine Son in manifestation.

79. Hệ mặt trời của chúng ta là Con thiêng liêng đang biểu hiện.

80. The word "inter" suggests particularly the second ray and its subsidiary, the fourth.

80. Từ "liên" đặc biệt gợi đến cung hai và cung phụ của nó là cung bốn.

the second aspect**, is contained in the above tabulation,**

phương diện thứ hai**, được bao hàm trong bảng liệt kê trên,**

81. Whatever the subsidiary rays involved, DK is informing us that in the three modes of motion or activity which He has somewhat elaborated, He has been speaking principally of the energy of the *second* aspect of divinity.

81. Dù các cung phụ nào có liên quan đi nữa, DK đang cho chúng ta biết rằng trong ba phương thức chuyển động hay hoạt động mà Ngài đã phần nào khai triển, Ngài chủ yếu đang nói về năng lượng của phương diện *thứ hai* của thiên tính.

82. The tabulation is therefore explanatory and important.

82. Vì vậy, bảng liệt kê này có tính giải thích và quan trọng.

for all nature holds together, and the life of any scheme, globe, kingdom, or atom, **becomes in turn the animating principle of another scheme, globe, kingdom, or atom**.

vì toàn thể tự nhiên kết dính với nhau, và sự sống của bất kỳ hệ, bầu hành tinh, giới hay nguyên tử nào **đến lượt nó trở thành nguyên khí sinh động của một hệ, bầu hành tinh, giới hay nguyên tử khác**.

83. That which is animated becomes that which animates. That which is receptive is also that which is positive to lesser centers

83. Cái được làm sinh động trở thành cái làm sinh động. Cái tiếp nhận cũng là cái mang tính dương đối với những trung tâm thấp

which are receptive to itself. There is a seemingly endless chain of E/entities, varying in their polarity relative to each other.

hơn vốn tiếp nhận từ chính nó. Có một chuỗi Hữu thể/thực thể dường như vô tận, khác nhau về cực tính tương đối đối với nhau.

Everything in the solar system is in a state of flux, as is everything in the universe,

Mọi sự trong hệ mặt trời đều ở trong trạng thái lưu chuyển, cũng như mọi sự trong vũ trụ,

84. This is why it is so terribly difficult to understand the universal process with the aid of the concrete mind alone. Perhaps only the Mercurian intuition can begin to see reason and pattern in the perpetual flux.

84. Đây là lý do vì sao thật vô cùng khó hiểu được tiến trình vũ trụ chỉ với sự trợ giúp của trí cụ thể. Có lẽ chỉ trực giác kiểu Sao Thủy mới có thể bắt đầu nhìn ra lý do và mô hình trong dòng lưu chuyển bất tận ấy.

and the vital energy circulates, as the blood or the nervous energy of the body circulates, throughout the entire system.

và năng lượng sinh lực lưu thông, như máu hay năng lượng thần kinh của thể lưu thông, khắp toàn bộ hệ thống.

85. Such are the rivers and streams of energy revealed to the initiate of the third degree from his point of consciousness "upon the mountaintop".

85. Đó là những con sông và dòng suối năng lượng được mặc khải cho điểm đạo đồ bậc ba từ điểm tâm thức của y "trên đỉnh núi".

This is the basis of the occult fact that all in nature, for instance, will be, is, or has been, through the human kingdom.[5] [S.D., I, 215, 242, 293]

Đây là nền tảng của sự kiện huyền bí rằng mọi sự trong tự nhiên, chẳng hạn, sẽ đi qua, đang đi qua, hoặc đã đi qua giới nhân loại.[5] [S.D., I, 215, 242, 293]

86. We must be very cautious as we approach the interpretation of this thought. Is the human "kingdom" *literally* the human *form* (as we know it or as it may appear on other planets), or are we discussing a human *stage* which is characterized by an individualized consciousness poised midway between super-human kingdoms and sub-human kingdoms?

86. Chúng ta phải hết sức thận trọng khi tiến đến việc giải thích tư tưởng này. "Giới" người có *theo nghĩa đen* là *hình tướng* người (như chúng ta biết hoặc như nó có thể xuất hiện trên các hành tinh khác) hay không, hay chúng ta đang bàn về một *giai đoạn* người được đặc trưng bởi một tâm thức biệt ngã hóa đứng ở điểm giữa giữa các giới siêu nhân và các giới hạ nhân?

87. In other words, can there be an individualized devas equivalent in its *consciousness* to a human being and yet living through a human *stage* which is

87. Nói cách khác, có thể có một thiên thần biệt ngã hóa tương đương với một con người về *tâm thức* của nó, nhưng lại sống qua một

equivalent to living within the human *form*, per se?

giai đoạn người tương đương với việc sống trong chính *hình tướng* người hay không?

88. This question is not easily resolved unless deep thought is applied to the line of progress pursued by the deva evolution from its lower reaches to its higher.

88. Câu hỏi này không dễ giải quyết trừ phi áp dụng sự suy tư sâu sắc vào đường tiến bộ mà tiến hoá thiên thần theo đuổi từ những tầng thấp đến những tầng cao của nó.

Under this type of solar activity, **the ultimate good is attained by the method of interplay, interchange, and in mutual attraction and repulsion**.

Dưới loại hoạt động thái dương này, **thiện hảo tối hậu được đạt đến bằng phương pháp tương tác, trao đổi, và trong sự hấp dẫn và đẩy lùi hỗ tương**.

89. We see how the Will-to-Good, involving the motion of the Vishnu aspect achieves this "ultimate good".

89. Chúng ta thấy Ý Chí-hướng Thiện, bao hàm chuyển động của phương diện Vishnu, đạt được "thiện hảo tối hậu" này như thế nào.

90. Let us list the factors which achieve, eventually, the "ultimate good"

90. Hãy liệt kê các yếu tố cuối cùng đạt đến "thiện hảo tối hậu"

a. Interplay

a. Sự tương tác

b. Interchange

b. Sự trao đổi

c. Attraction

c. Sự hấp dẫn

d. Repulsion

d. Sự đẩy lùi

91. We note that DK calls the general type of motion He has been discussing a "solar activity" so we are to conclude that He has been discussing the Law of Attraction as it operates *within the solar system*.

91. Chúng ta lưu ý rằng DK gọi loại chuyển động tổng quát mà Ngài đã bàn đến là một "hoạt động thái dương", vì vậy chúng ta phải kết luận rằng Ngài đã bàn về Định luật Hấp Dẫn khi nó vận hành *bên trong hệ mặt trời*.

It would be advisable here if students would study that which was communicated in the early part of this treatise upon motion upon the physical and astral planes.

Ở đây sẽ là điều nên làm nếu các đạo sinh nghiên cứu điều đã được truyền đạt trong phần đầu của bộ luận này về chuyển động trên cõi hồng trần và cõi cảm dục.

92. No part of this book stands entirely on its own but must be cross referenced and

92. Không phần nào của quyển sách này đứng hoàn toàn riêng lẻ, mà phải được đối

supplemented by material from earlier and later sections. Thus, we are directed back to that which we have already studied. Can any one of us say we have thoroughly absorbed it?

chiếu chéo và bổ sung bằng tài liệu từ các phần trước và sau. Vì vậy, chúng ta được hướng trở lại với điều mình đã học. Có ai trong chúng ta có thể nói rằng mình đã hấp thụ nó một cách thấu đáo không?

93. While *A Treatise on Cosmic Fire* is a study of "fire" it is also necessarily a study of "motion". In many respects, fire is motion and motion is fire.

93. Trong khi *Luận về Lửa Vũ Trụ* là một nghiên cứu về "lửa", nó cũng tất yếu là một nghiên cứu về "chuyển động". Ở nhiều phương diện, lửa là chuyển động và chuyển động là lửa.

Under the Law of Analogy, much will be noted as necessarily translated on to the higher plane, and to be transmuted into the energy of the form-building impulse.

Theo định luật tương đồng, nhiều điều sẽ được lưu ý như là nhất thiết được chuyển dịch lên cõi cao hơn, và được chuyển hoá thành năng lượng của xung lực tạo hình tướng.

94. Our method of inter-plane comparison continues and is encouraged.

94. Phương pháp so sánh liên-cõi của chúng ta vẫn tiếp tục và được khuyến khích.

95. We are to recognize processes occurring on a lower plane which, when transmuted, are closely related to the form-building impulse of the Vishnu aspect.

95. Chúng ta phải nhận ra các tiến trình xảy ra trên một cõi thấp hơn mà, khi được chuyển hoá, có liên hệ mật thiết với xung lực tạo hình tướng của phương diện Vishnu.

We will consider what we have to say in this section under the following heads:

Chúng ta sẽ xem xét điều mình phải nói trong phần này dưới các đề mục sau:

96. There are five headings given.

96. Có năm đề mục được nêu ra.

1. The nature of this motion.....spiral cycling

1. Bản chất của chuyển động này.....chu chuyển xoắn ốc

97. Yes, we are studying principally the second ray aspect of motion. But we will note in sections of text following that DK correlates the term "spiral" with the first ray and "cycling" with the second.

97. Đúng vậy, chúng ta chủ yếu đang nghiên cứu phương diện chuyển động của cung hai. Nhưng trong các phần văn bản tiếp theo, chúng ta sẽ lưu ý rằng DK liên hệ thuật ngữ "xoắn ốc" với cung một và "chu chuyển" với cung hai.

2. The results of its activity. These results can be viewed as **four subsidiary laws or adjuncts** to the **major law of Attraction**, and may be called:

2. Các kết quả của hoạt động của nó. Những kết quả này có thể được xem như **bốn định luật phụ thuộc hay bổ trợ** cho **định luật lớn về Hấp Dẫn**, và có thể được gọi là:

98. We see here that DK has, in this context, definitely related spiral-cyclic motion or "spiral cycling" motion to the major law of the system, the Law of Attraction.

98. Ở đây chúng ta thấy rằng Chân sư DK, trong ngữ cảnh này, đã dứt khoát liên hệ chuyển động xoắn ốc-chu kỳ hay chuyển động "chu chuyển xoắn ốc" với định luật lớn của hệ thống, tức Định luật Hấp Dẫn.

99. As stated previously, however, we have to remain alert to those one or two instances in which He seems to connect spiral motion to the first ray and spiral-cyclic motion to some combination of first and second ray motions.

99. Tuy nhiên, như đã nói trước đây, chúng ta phải luôn cảnh giác với một hay hai trường hợp trong đó Ngài dường như nối kết chuyển động xoắn ốc với cung một và chuyển động xoắn ốc-chu kỳ với một sự kết hợp nào đó của các chuyển động cung một và cung hai.

The Law of Expansion.

Định luật Mở Rộng.

100. We can see the analogy to Jupiter and the second ray. Probably our second ray Solar Logos operates largely under this law.

100. Chúng ta có thể thấy sự tương đồng với Sao Mộc và cung hai. Có lẽ Thái dương Thượng đế cung hai của chúng ta vận hành phần lớn dưới định luật này.

The Law of Monadic Return.

Định luật Trở Về của Chân Thần.

101. We understand that the Monad has its permanent place of focus ('permanent' during its long pilgrimage into the five lower worlds) on the monadic plane.

101. Chúng ta hiểu rằng chân thần có điểm tập trung thường trực của nó ("thường trực" trong suốt cuộc hành hương dài của nó vào năm cõi thấp) trên cõi chân thần.

The Law of Solar Evolution.

Định luật Tiến Hóa Thái Dương.

102. We are presently in a second ray solar system and the soul ray of our Solar Logos (the soul being the aspect presently undergoing evolution) is the *second* ray. (His Personality is also upon the second ray.) Naturally, the Solar Logos is extremely

102. Hiện nay chúng ta đang ở trong một hệ mặt trời cung hai và cung linh hồn của Thái dương Thượng đế của chúng ta (linh hồn là phương diện hiện đang trải qua tiến hoá) là cung *hai*. (Phàm ngã của Ngài cũng ở trên cung hai.) Một cách tự nhiên, Thái dương

responsive to the second Ray of Love-Wisdom.

Thượng đế cực kỳ đáp ứng với cung hai Bác Ái – Minh Triết.

103. The Beings Who emanate from Him (i.e., the Solar Angels) are also extremely responsive to the love-Wisdom ray.

103. Các Đấng xuất lộ từ Ngài (tức các Thái dương Thiên Thần) cũng cực kỳ đáp ứng với cung Bác Ái – Minh Triết.

The Law of Radiation. [Page 1031]

Định luật Bức Xạ. [Page 1031]

104. The Second Ray Lord is called among other things, "The Radiance in the Form". (EP I 66)

104. Đấng Chúa Tể Cung hai, trong nhiều danh xưng khác, được gọi là "Sự Rạng Ngời trong Hình Tướng". (EP I 66)

It will, therefore, be apparent that, as we consider these laws, we are dealing with matters that concern:

Do đó, sẽ hiển nhiên rằng khi chúng ta xem xét các định luật này, chúng ta đang đề cập đến những vấn đề liên quan tới:

The process of initiation.

Tiến trình điểm đạo.

105. The highest of the teaching methods of teaching truth to humanity utilized by those representing the second ray focuses upon the "processes of initiation". (EP I 50)

105. Phương pháp giáo huấn cao nhất để truyền dạy chân lý cho nhân loại, được những vị đại diện cho cung hai sử dụng, tập trung vào "các tiến trình điểm đạo". (EP I 50)

The life of the divine pilgrims upon the upward arc.

Sự sống của các lữ khách thiêng liêng trên cung đi lên.

106. The "divine pilgrims" are the Jivas which are really extensions of the Monad. The Monad, in the form of the Jiva, *is* the divine pilgrim.

106. Các "lữ khách thiêng liêng" là các Jivas, vốn thực sự là những sự mở rộng của chân thần. Chân thần, dưới hình thức Jiva, *là* lữ khách thiêng liêng.

107. The "upward arc" is the second half to the Second Outpouring which but the part of that "upward arc" here referenced occurs only after individualization has occurred.

107. "Cung đi lên" là nửa sau của Lần Tuôn Đổ thứ Hai, nhưng phần của "cung đi lên" được nói đến ở đây chỉ xảy ra sau khi biệt ngã hóa đã diễn ra.

The impulse which produces the Son, and which drives Him to gain experience through the medium of the solar system.

Xung lực tạo ra Con, và thúc đẩy Ngài đạt được kinh nghiệm qua trung gian của hệ mặt trời.

108. The “Son” is the second aspect of Deity. We can consider the “Son” as the soul or consciousness aspect of the Solar Logos.

108. “Con” là phương diện thứ hai của Thượng đế. Chúng ta có thể xem “Con” như phương diện linh hồn hay tâm thức của Thái dương Thượng đế.

109. The impulse which produces the Son is a kind of cosmic individualization.

109. Xung lực tạo ra Con là một loại biệt ngã hóa vũ trụ.

Magnetism, or Divine Alchemy.

Từ điện, hay Thuật Luyện Kim Thiêng Liêng.

110. This is certainly a different way of defining “Divine Alchemy”. We must gather that the liberation of the volatile essence (the entombed essence plus the first aspect) would not occur unless it were subjected to the second aspect of divinity—in other words to ‘Divine Magnetism’. It is drawn forth from the containing vessel as much as it breaks through the containing vessel.

110. Đây chắc chắn là một cách khác để định nghĩa “Thuật Luyện Kim Thiêng Liêng”. Chúng ta phải hiểu rằng sự giải phóng tinh chất dễ bay hơi (tinh chất bị giam hãm cộng với phương diện thứ nhất) sẽ không xảy ra trừ phi nó chịu tác động của phương diện thứ hai của thiên tính—nói cách khác là của “Từ Điện Thiêng Liêng”. Nó được kéo ra khỏi bình chứa cũng nhiều như nó phá vỡ bình chứa ấy.

3. The turning of the wheel,

3. Sự quay của bánh xe,

111. This phrase is often used to indicate the reincarnational process.

111. Cụm từ này thường được dùng để chỉ tiến trình tái sinhs.

a. The solar wheel,

a. Bánh xe thái dương,

b. The planetary wheel,

b. Bánh xe hành tinh,

c. The human wheel.

c. Bánh xe nhân loại.

112. All these types of atoms are subject to reincarnation.

112. Tất cả các loại nguyên tử này đều chịu sự tái sinh.

113. Reincarnation always involves the second aspect because there results an expansion and elevation of consciousness. The fact that it is repetitive involves as well the third aspect of motion—rotary motion.

113. Tái sinh luôn bao hàm phương diện thứ hai vì kết quả là có sự mở rộng và nâng cao tâm thức. Việc nó có tính lặp lại cũng đồng thời bao hàm phương diện thứ ba của chuyển động—chuyển động quay.

114. We see that DK is very much discussing what we *will* take up in discussion. The text thus far considered in this commentary is preparatory to larger discussions.

114. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đang bàn rất nhiều về điều mà chúng ta *sẽ* đem ra thảo luận. Bản văn được xét cho đến nay trong phần bình giải này chỉ là phần chuẩn bị cho những cuộc thảo luận lớn hơn.

115. We see below that the considerations are including many macrocosmic factors.

115. Chúng ta thấy dưới đây rằng các xem xét này bao gồm nhiều yếu tố đại thiên địa.

This will involve our taking up the consideration of the **orbital paths of these various spheres**, their centres, interplay and intercommunication, and of force transference,

Điều này sẽ đòi hỏi chúng ta phải xem xét **các quỹ đạo của những khối cầu khác nhau này**, các trung tâm của chúng, sự tương tác và sự liên lạc qua lại, và sự chuyển dịch mãnh lực,

116. As we have discussed above…

116. Như chúng ta đã bàn ở trên…

and will bring out the concept that all spiral-cyclic activity is not the result of the rotary action of matter itself, but of an impulse emanating from without any particular atom, and therefore extraneous to it.

và sẽ làm nổi bật khái niệm rằng mọi hoạt động xoắn ốc-chu kỳ không phải là kết quả của chính tác động quay của vật chất, mà là của một xung lực phát ra từ bên ngoài bất kỳ nguyên tử riêng biệt nào, và do đó là ngoại lai đối với nó.

117. Mistakes are made by modern thinkers when they attribute consciousness to the activities of matter, as if consciousness were some extrusion or side-effect of material processes.

117. Các nhà tư tưởng hiện đại phạm sai lầm khi quy tâm thức cho các hoạt động của vật chất, như thể tâm thức là một sự phóng xuất hay tác dụng phụ nào đó của các tiến trình vật chất.

118. Superior types of motion do not derive from lesser types. Rather, it is the other way round.

118. Các loại chuyển động cao hơn không phát sinh từ các loại thấp hơn. Đúng hơn, điều ngược lại mới đúng.

119. DK is telling us that spiral-cyclic motion is always extraneous to the motion of any atom which is, per se, *rotary* rather than spiral-cyclic.

119. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng chuyển động xoắn ốc-chu kỳ luôn luôn là điều ngoại lai đối với chuyển động của bất kỳ nguyên tử nào mà, chính nó, là *quay* chứ không phải xoắn ốc-chu kỳ.

4. Motion, or the form-building impulse latent in:

120. Is motion to be equated with the "form-building impulse"?

a. The mental sheath itself, both cosmically and humanly considered.

121. The second and fifth rays are intimately related as a study of the nature of the Solar Angel will reveal.

122. Processes emanating from the mental sheath are meant to bring about cohesion. We can see this when studying the white magical process as applied to the creations of the human magician. Activity upon the mental plane is the first strictly *human* activity in the white magical process.

b. The causal body of the macrocosm and the microcosm.

123. For millions of years the causal body is the cohesive factor in the human energy system.

c. The centres, divine and human.

124. These centers collectively hold in coherence the vehicle in which they are located.

125. We are dealing with three 'places' where motion or the "form-building impulse" are to be considered "latent".

4. Chuyển động, hay xung lực kiến tạo hình tướng tiềm ẩn trong:

120. Có phải chuyển động được đồng nhất với "xung lực kiến tạo hình tướng" không?

a. Chính thể trí, xét cả về mặt vũ trụ lẫn nhân loại.

121. Cung hai và cung năm có liên hệ mật thiết với nhau, như việc nghiên cứu bản chất của Thái dương Thiên Thần sẽ cho thấy.

122. Các tiến trình phát ra từ thể trí nhằm tạo nên sự cố kết. Chúng ta có thể thấy điều này khi nghiên cứu tiến trình huyền thuật chánh đạo như được áp dụng vào các sáng tạo của nhà huyền thuật nhân loại. Hoạt động trên cõi trí là hoạt động đầu tiên thực sự mang tính *nhân loại* trong tiến trình huyền thuật chánh đạo.

b. Thể nguyên nhân của đại thiên địa và tiểu thiên địa.

123. Trong hàng triệu năm, thể nguyên nhân là yếu tố cố kết trong hệ thống năng lượng của con người.

c. Các trung tâm, thiêng liêng và nhân loại.

124. Các trung tâm này, xét chung, giữ cho vận cụ mà chúng tọa lạc trong đó được nhất quán.

125. Chúng ta đang đề cập đến ba "nơi chốn" mà trong đó chuyển động hay "xung lực kiến tạo hình tướng" được xem là "tiềm ẩn".

5. The effects of the united activity of the sheath, the centres, and the causal body as it produces:

126. We are listing the various subject headings to be considered in the forthcoming sections of text.

127. We are looking at the combined activity of the causal body, the mental sheath and the centers with the sheaths.

a. Periodic manifestation.

128. Reincarnation is one of the chief of these period manifestations.

129. The combination of causal body, mental sheath and the centers brings about periodic manifestation.

b. The linking of the triangles.

130. This brings coherent interplay into any system in which these triangles are found.

131. The impulses of the causal body and the mental sheath combined promote the linking of the triangles.

c. The **relation between the throat centre, the alta major centre, and the mental centre**, macrocosmically and microcosmically considered. [Page 1032]

132. This triple interplay is unusual. What is meant by the "mental centre"? A particular center within the lower mental sheath?

5. Các hiệu quả của hoạt động hợp nhất của thể, các trung tâm, và thể nguyên nhân khi nó tạo ra:

126. Chúng ta đang liệt kê các đề mục khác nhau sẽ được xem xét trong những phần bản văn sắp tới.

127. Chúng ta đang nhìn vào hoạt động kết hợp của thể nguyên nhân, thể trí và các trung tâm cùng với các thể.

a. Biểu hiện theo chu kỳ.

128. Tái sinh là một trong những biểu hiện theo chu kỳ chủ yếu này.

129. Sự kết hợp của thể nguyên nhân, thể trí và các trung tâm tạo ra biểu hiện theo chu kỳ.

b. Sự nối kết các tam giác.

130. Điều này đem lại sự tương tác nhất quán vào bất kỳ hệ thống nào trong đó các tam giác này được tìm thấy.

131. Các xung lực của thể nguyên nhân và thể trí kết hợp với nhau thúc đẩy sự nối kết các tam giác.

c. **Mối liên hệ giữa trung tâm cổ họng, trung tâm alta major, và trung tâm trí tuệ**, xét về mặt đại thiên địa và tiểu thiên địa. [Page 1032]

132. Sự tương tác tam phân này thật khác thường. "Trung tâm trí tuệ" có nghĩa là gì? Một trung tâm đặc biệt nào đó bên trong thể trí hạ hay sao?

133. All of members of this relation are related to the third aspect of divinity.

133. Tất cả các thành phần của mối liên hệ này đều liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

134. There is no throat center in the mental sheath per se—i.e., the sheath which encompasses the four subplanes of the lower mental plane. With what then are the throat center and the alta major center linked? With the sacral center in the mental body? The sacral center is the home or location of the mental elemental prior to its transference to the throat center. Remember we are speaking of the a mental center on the lower mental plane.

134. Không có trung tâm cổ họng nào trong chính thể trí—tức thể bao trùm bốn cõi phụ của cõi hạ trí. Vậy thì trung tâm cổ họng và trung tâm alta major được nối kết với cái gì? Với trung tâm xương cùng trong thể trí chăng? Trung tâm xương cùng là nơi cư ngụ hay vị trí của hành khí trí tuệ trước khi nó được chuyển dịch lên trung tâm cổ họng. Hãy nhớ rằng chúng ta đang nói về một trung tâm trí tuệ trên cõi hạ trí.

II. THE NATURE OF THIS MOTION

II. BẢN CHẤT CỦA CHUYỂN ĐỘNG NÀY

As we well know, the nature of the motion on the plane of matter is rotary.

Như chúng ta đều biết rõ, bản chất của chuyển động trên cõi vật chất là sự quayy.

135. It functions under the third aspect of divinity.

135. Nó vận hành dưới phương diện thứ ba của thiên tính.

136. We have to remember that all our twenty-one lowest systemic planes are located on the “planet of matter” as far as our Solar Logos is concerned. The eighteen lower sub-planes are located on the “planet of matter” as far as our Planetary Logos is concerned.

136. Chúng ta phải nhớ rằng tất cả hai mươi mốt cõi thấp nhất trong hệ thống của chúng ta đều nằm trên “hành tinh vật chất” xét theo Thái dương Thượng đế của chúng ta. Mười tám cõi phụ thấp hơn nằm trên “hành tinh vật chất” xét theo Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

Each atom of matter

Mỗi nguyên tử vật chất

137. There are rather material atoms on the astral plane and the lower mental plane and really, on all levels of the cosmic physical plane.

137. Có những nguyên tử vật chất trên cõi cảm dục và cõi hạ trí, và thực ra, trên mọi cấp độ của cõi hồng trần vũ trụ.

138. Therefore, we will find lesser types or rotary motion and greater type of rotary motion which are occurring on those planes

138. Do đó, chúng ta sẽ thấy những loại chuyển động quay thấp hơn và những loại chuyển động quay lớn hơn đang xảy ra trên

whereon lower forms of cyclic, spiral-cyclic and progressive motion are thought to occur.

những cõi mà tại đó các hình thức thấp hơn của chuyển động chu kỳ, xoắn ốc-chu kỳ và tiến triển được cho là xảy ra.

139. In other words, the entire cosmic physical plane is *rotating* even though within that cosmic physical plane all kinds of lesser cyclic, spiral-cyclic and progressive motions are occurring. Wheels within wheels. Cycles within cycles.

139. Nói cách khác, toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ đều đang *quay* mặc dù bên trong cõi hồng trần vũ trụ ấy mọi loại chuyển động chu kỳ, xoắn ốc-chu kỳ và tiến triển thấp hơn đều đang xảy ra. Những bánh xe trong các bánh xe. Những chu kỳ trong các chu kỳs.

rotates on its own axis, and each larger atom, from the purely physical standpoint, likewise does the same;

quay trên trục riêng của nó, và mỗi nguyên tử lớn hơn, xét từ quan điểm thuần hồng trần, cũng làm như vậy;

140. In a way, this "purely physical standpoint" exists throughout the cosmic physical plane.

140. Theo một nghĩa nào đó, "quan điểm thuần hồng trần" này tồn tại khắp cõi hồng trần vũ trụ.

a cosmic atom, a solar system, a planetary atom, and a human atom, man, can be seen equally **rotating at differing degrees of velocity upon their own axis or around their own pole.**

một nguyên tử vũ trụ, một hệ mặt trời, một nguyên tử hành tinh, và một nguyên tử nhân loại, con người, đều có thể được thấy là **quay với những mức độ vận tốc khác nhau trên trục riêng của chúng hay quanh cực riêng của chúng.**

141. Each atom has a "pole". This has not been much emphasized in modern physics though there has been an emphasis on polarity.

141. Mỗi nguyên tử đều có một "cực". Điều này chưa được nhấn mạnh nhiều trong vật lý học hiện đại mặc dù đã có sự nhấn mạnh về tính phân cực.

142. While we can imagine that we can perceive some semblance of shape for an atom of matter, a human atom, a planetary atom and a solar-systemic atom, how would we conceive the shape of a "cosmic atom"—for instance that atom composed of seven major solar systems (and many others) which contains our particular solar system. Would the shape be etheric?

142. Trong khi chúng ta có thể hình dung rằng mình có thể nhận biết một dáng vẻ nào đó của hình thể nơi một nguyên tử vật chất, một nguyên tử nhân loại, một nguyên tử hành tinh và một nguyên tử hệ mặt trời, thì chúng ta sẽ quan niệm hình thể của một "nguyên tử vũ trụ" như thế nào—thí dụ nguyên tử gồm bảy hệ mặt trời lớn (và nhiều hệ khác) chứa hệ mặt trời riêng của chúng ta. Hình thể ấy có phải là dĩ thái không?

143. As for a 'galactic atom', again, we imagine that it is conceivable. The factor of rotation is certainly evident in such an atom and its speed of rotation is the subject of modern scientific investigation.

143. Còn đối với một "nguyên tử thiên hà", một lần nữa, chúng ta hình dung rằng điều đó có thể quan niệm được. Yếu tố quay chắc chắn hiển nhiên trong một nguyên tử như thế và tốc độ quay của nó là đối tượng nghiên cứu của khoa học hiện đại.

144. We can imagine that the speed of rotation of some of these atoms (not only as regards physical rotation but subtle rotation as well) is a secret of initiation and contains within itself many secrets regarding the dynamics occurring within the atom.

144. Chúng ta có thể hình dung rằng tốc độ quay của một số nguyên tử này (không chỉ xét về sự quay hồng trần mà cả sự quay vi tế nữa) là một bí mật của điểm đạo và tự nó chứa đựng nhiều bí mật liên quan đến các động lực xảy ra bên trong nguyên tử.

145. Our solar systemic atom is said to rotate about once every 100,000 years.

145. Nguyên tử hệ mặt trời của chúng ta được nói là quay khoảng một lần trong mỗi 100.000 năm.

The solar atom must be considered as pursuing analogous lines of activity and as paralleling on a vast scale the evolution of the planetary atom. The entire solar sphere, the logoic ring-pass-not, rotates upon its axis, and thus all that is included within the sphere is carried in a circular manner through the Heavens. The exact figures of the cycle which covers the vast rotation must remain as yet esoteric, but it may be stated that it **approximates one hundred thousand years,** being, as might be supposed, controlled by the energy of the first aspect, and therefore of the first Ray. (TCF 1057)

Nguyên tử thái dương phải được xem như đang theo đuổi những đường hoạt động tương tự và đang song hành trên một quy mô rộng lớn với sự tiến hoá của nguyên tử hành tinh. Toàn bộ khối cầu thái dương, vòng-giới-hạn của đấng logoic, quay trên trục của nó, và như thế mọi sự được bao gồm trong khối cầu đều được mang theo theo cách tròn xoay xuyên qua các cõi trời. Những con số chính xác của chu kỳ bao trùm sự quay bao la ấy hiện vẫn phải còn là huyền bí, nhưng có thể nói rằng nó **xấp xỉ một trăm ngàn năm,** do, như có thể giả định, bị kiểm soát bởi năng lượng của phương diện thứ nhất, và vì thế bởi cung một. (TCF 1057)

When we arrive at the plane of mind, and have to consider the **activity of the second aspect of divinity**, **that which builds and holds the forms in coherent form,**

Khi chúng ta đạt đến cõi trí, và phải xem xét **hoạt động của phương diện thứ hai của thiên tính**, **điều kiến tạo và giữ các hình tướng trong sự nhất quán của hình tướng,**

146. Here we have an excellent definition of the second aspect of divinity.

146. Ở đây chúng ta có một định nghĩa tuyệt vời về phương diện thứ hai của thiên tính.

147. Also, we find that we are tracing the activity of the second aspect through different sheaths and centers—the causal body, the mental sheath and the various chakras.

147. Ngoài ra, chúng ta thấy rằng mình đang lần theo hoạt động của phương diện thứ hai qua các thể và các trung tâm khác nhau—thể nguyên nhân, thể trí và các luân xa khác nhau.

and which is the basis of the phenomenon we call **time (literally, the awareness of the form)**, a different type of force or motion becomes apparent.

và là nền tảng của hiện tượng mà chúng ta gọi là **thời gian (theo nghĩa đen, sự nhận biết hình tướng)**, một loại mãnh lực hay chuyển động khác trở nên hiển lộ.

148. Here is a most important definition of "time"—awareness of the form.

148. Đây là một định nghĩa hết sức quan trọng về "thời gian"—sự nhận biết hình tướng.

149. Is DK telling us that the *second* aspect of divinity is the basis of the "phenomenon we call time"? Usually, the third aspect is considered in this respect.

149. Có phải Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng phương diện *thứ hai* của thiên tính là nền tảng của "hiện tượng mà chúng ta gọi là thời gian" không? Thông thường, phương diện thứ ba được xét trong mối liên hệ này.

150. DK, however, is relating time to *form* and not to *matter* per se (though even the tiniest unit of matter can be considered a form.

150. Tuy nhiên, Chân sư DK đang liên hệ thời gian với *hình tướng* chứ không phải với *vật chất* chính nó (mặc dù ngay cả đơn vị vật chất nhỏ nhất cũng có thể được xem là một hình tướng.

151. Another important definition of time is the following:

151. Một định nghĩa quan trọng khác về thời gian là như sau:

People are apt to forget that time is **the sequence of events and of states of consciousness as registered by the physical brain.** Where no physical brain exists, what humanity understands by time is nonexistent. (EH 403-404)

Người ta thường quên rằng thời gian là **chuỗi tiếp nối của các biến cố và các trạng thái tâm thức như được bộ não hồng trần ghi nhận.** Nơi nào không có bộ não hồng trần, điều mà nhân loại hiểu là thời gian không tồn tại. (EH 403-404)

152. As well, we are reminded when considering the "Seed of all Philosophy":

152. Ngoài ra, khi xem xét "Hạt Giống của mọi Triết Học", chúng ta được nhắc nhở rằng:

"Time *IS*. Being descends to manifest. Creation is. **Time then and form agree. Being and time do not agree**.

153. We see the connection here of time and form, but not of time and matter.

154. Just as Being and Time do not agree, it could be said that formless Matter and Time to not agree.

155. If we can succeed in the requirements for Rule V and Rule IX, the light of form will be blotted out, and, even more radically (in Rule IX), form itself will be blotted out. When this has occurred, time as we know it will be eradicated.

Rule V: For Disciples and Initiates: In unison let the group perceive the Triad shining forth, **dimming the light of the soul and blotting out the light of form**. The macrocosmic Whole is all there is. Let the group perceive that Whole and then no longer use the thought "My soul and thine." (R&I 20)

Rule IX: For Disciples and Initiates: Let the group know there are no other selves. Let the group know there is no colour, only light; and then let darkness take the place of light, **hiding all difference, blotting out all form**. Then—at the place of tension, and at that darkest point—let the group see a point of clear cold fire, and in the fire (right at its very heart) let the One Initiator appear Whose star shone forth when the Door first was passed. (R&I 21)

"Thời gian *LÀ*. Bản Thể giáng xuống để biểu hiện. Sáng tạo hiện hữu. **Khi ấy thời gian và hình tướng tương hợp. Bản Thể và thời gian không tương hợp**.

153. Ở đây chúng ta thấy mối liên hệ giữa thời gian và hình tướng, nhưng không phải giữa thời gian và vật chất.

154. Cũng như Bản Thể và Thời Gian không tương hợp, có thể nói rằng Vật chất vô tướng và Thời Gian cũng không tương hợp.

155. Nếu chúng ta có thể thành công trong các đòi hỏi của Quy luật V và Quy luật IX, ánh sáng của hình tướng sẽ bị xóa mờ, và, còn triệt để hơn nữa (trong Quy luật IX), chính hình tướng sẽ bị xóa bỏ. Khi điều này xảy ra, thời gian như chúng ta biết sẽ bị triệt tiêu.

Quy luật V: Dành cho các đệ tử và các điểm đạo đồ: Trong hợp nhất, hãy để nhóm nhận biết Tam nguyên tinh thần đang chiếu sáng, **làm mờ ánh sáng của linh hồn và xóa bỏ ánh sáng của hình tướng**. Toàn Thể đại thiên địa là tất cả những gì hiện hữu. Hãy để nhóm nhận biết Toàn Thể ấy và rồi không còn dùng tư tưởng "Linh hồn của tôi và của bạn." (R&I 20)

Quy luật IX: Dành cho các đệ tử và các điểm đạo đồ: Hãy để nhóm biết rằng không có những bản ngã nào khác. Hãy để nhóm biết rằng không có màu sắc, chỉ có ánh sáng; rồi hãy để bóng tối thay chỗ ánh sáng, **che giấu mọi khác biệt, xóa bỏ mọi hình tướng**. Khi đó—tại điểm tập trung nhất tâm, và tại điểm tối tăm nhất ấy—hãy để nhóm thấy một điểm lửa lạnh trong sáng, và trong lửa (ngay tại trung tâm của nó) hãy để Đấng Điểm đạo Duy Nhất xuất hiện, Đấng mà ngôi sao của

Ngài đã chiếu sáng khi Cánh Cửa lần đầu được vượt qua. (R&I 21)

156. In a way, time or the experience of time is the 'awareness of the sequence of differences". When homogeneity can be perceived regardless of apparent difference, the sense of time ceases.

156. Theo một nghĩa nào đó, thời gian hay kinh nghiệm về thời gian là "sự nhận biết chuỗi tiếp nối của các dị biệt". Khi tính đồng nhất có thể được nhận biết bất kể sự khác biệt biểu kiến, cảm thức về thời gian chấm dứt.

157. Spirit in essence is homogeneous. Matter *in essence* is also homogeneous, but students do not sufficiently distinguish between matter and form.

157. Tinh thần trong bản chất là đồng nhất. Vật chất *trong bản chất* cũng đồng nhất, nhưng các đạo sinh không phân biệt đầy đủ giữa vật chất và hình tướng.

This type of energy [the energy of the second aspect] in no way negates or renders useless the atomic rotary type,

Loại năng lượng này [năng lượng của phương diện thứ hai] không hề phủ nhận hay làm cho vô dụng loại quay nguyên tử,

158. The greater includes the lesser. This principle is constantly found in occultism.

158. Cái lớn hơn bao gồm cái nhỏ hơn. Nguyên lý này luôn luôn được tìm thấy trong huyền bí học.

159. And there is also a greater third aspect motion which includes lesser second aspect motions.

159. Và cũng có một chuyển động phương diện thứ ba lớn hơn bao gồm các chuyển động phương diện thứ hai nhỏ hơn.

but involves it, and yet at the same time it brings the atoms of all degrees under the influence of its own activity,

nhưng bao hàm nó, đồng thời cũng đưa các nguyên tử ở mọi cấp độ vào dưới ảnh hưởng của hoạt động riêng của nó,

160. Atoms continue their own rotary motion but become subject, as well, to spiral-cyclic motion—generically the motion usually considered associated with the second aspect of divinity.

160. Các nguyên tử tiếp tục chuyển động quay riêng của chúng nhưng đồng thời cũng trở thành đối tượng của chuyển động xoắn ốc-chu kỳ—nói chung là chuyển động thường được xem là gắn liền với phương diện thứ hai của thiên tính.

so that in every form which is in manifestation, the two types are manifested.

để cho trong mọi hình tướng đang biểu hiện, cả hai loại đều được biểu lộ.

161. Rotation and spiral cyclicity…

161. Sự quay và tính xoắn ốc-chu kỳ…

162. This dual demonstration is certainly how it is *now.*

I would here remind the student that we are primarily considering the force of the second aspect

163. And this despite all the various angles of vision presented in the foregoing text

as it concerns the human and superhuman kingdoms, or as the Manasaputras and their various groups are concerned.

164. Again, the "Manasaputras"—not called "Divine Manasaputras" in this instance, function most specifically under the second aspect of divinity.

165. The human and super-human kingdoms are considered as various groups within the body of manifestation of the Divine Manasaputras.

On the involutionary arc, the Vishnu force is likewise felt,

166. We are speaking of the *first* part of the Second Outpouring.

but until the nature of the **group soul** is more apprehended,

167. And, truly, at this time it is *not* well apprehended. The formation of group souls occurs on the downward arc of the Second Outpouring, but is still active on the

162. Sự biểu lộ nhị phân này chắc chắn là cách mà nó đang là *hiện nay.*

Ở đây tôi muốn nhắc đạo sinh rằng chúng ta chủ yếu đang xem xét mãnh lực của phương diện thứ hai

163. Và điều này bất chấp mọi góc độ tầm nhìn khác nhau được trình bày trong phần bản văn đi trước

khi nó liên quan đến các giới nhân loại và siêu nhân loại, hay khi các Manasaputras và các nhóm khác nhau của các Ngài được xét đến.

164. Một lần nữa, các "Manasaputras"—không được gọi là "Các Manasaputras Thiêng Liêng" trong trường hợp này—vận hành một cách đặc biệt nhất dưới phương diện thứ hai của thiên tính.

165. Các giới nhân loại và siêu nhân loại được xem như những nhóm khác nhau bên trong thể biểu hiện của các Manasaputras Thiêng Liêng.

Trên cung giáng hạ tiến hoá, mãnh lực Vishnu cũng được cảm nhận,

166. Chúng ta đang nói về phần *đầu tiên* của Lần Tuôn Đổ thứ Hai.

nhưng cho đến khi bản chất của **Hồn nhóm** được lĩnh hội nhiều hơn,

167. Và quả thật, vào lúc này nó *chưa* được lĩnh hội rõ. Sự hình thành các hồn nhóm xảy ra trên cung đi xuống của Lần Tuôn Đổ thứ Hai, nhưng vẫn còn hoạt động trên cung tiến hoá cho đến khi đạt tới biệt ngã hóa.

evolutionary arc until individualization is reached.

and the **quality** of the Life who informs each of the subhuman kingdoms of nature is known with greater accuracy,

và **phẩm tính** của Sự Sống phú linh cho mỗi giới dưới nhân loại của thiên nhiên được biết đến với độ chính xác lớn hơn,

168. We are speaking of the second aspect of divinity which is that aspect which demonstrates as *quality.*

168. Chúng ta đang nói về phương diện thứ hai của thiên tính, là phương diện biểu lộ thành *phẩm tính.*

169. Such a Life (informing each of the subhuman kingdoms) is a great *systemic* Being. The Lords of the kingdoms are primarily systemic Beings, but in Their subdivisions become *planetary.*

169. Một Sự Sống như thế (phú linh cho mỗi giới dưới nhân loại) là một Hữu thể *hệ thống* vĩ đại. Các Chúa Tể của các giới trước hết là những Hữu thể hệ thống, nhưng trong các phân bộ của Các Ngài thì trở thành *hành tinh.*

170. A little has been written about the relationship between the Being informing the animal kingdom and the Being informing the human kingdom, but not much else.

170. Một ít điều đã được viết về mối liên hệ giữa Hữu thể phú linh cho giới động vật và Hữu thể phú linh cho giới nhân loại, nhưng ngoài ra thì không nhiều.

171. It also seems that the Being informing the vegetable kingdom is the most advanced (relatively) of the Lords of all the three lower kingdoms.

171. Dường như Hữu thể phú linh cho giới thực vật cũng là vị tiến bộ nhất (xét tương đối) trong các Chúa Tể của cả ba giới thấp.

it will profit us more to deal with force as it affects the **human being**, the planet on which he may be found, and the system in which that planet is playing its part.

sẽ có ích cho chúng ta hơn nếu bàn đến mãnh lực khi nó tác động lên **con người**, hành tinh nơi y có thể được tìm thấy, và hệ thống trong đó hành tinh ấy đang giữ phần việc của nó.

172. DK is suggesting that we should consider the effect of the second aspect of divinity, or spiral-cyclic motion, or the Law of Attraction, on a higher turn of the spiral where it is possible to achieve better understanding. In other words we are to concentrate on the manner in which this

172. Chân sư DK đang gợi ý rằng chúng ta nên xem xét hiệu quả của phương diện thứ hai của thiên tính, hay chuyển động xoắn ốc-chu kỳ, hay Định luật Hấp Dẫn, trên một vòng xoắn cao hơn nơi có thể đạt được sự thấu hiểu tốt hơn. Nói cách khác, chúng ta phải tập trung vào cách thức mà mãnh lực

force affects the human kingdom and not the lower kingdoms of nature.

173. The true nature of the consciousness of the lower kingdoms is still very opaque to present human understanding.

The activity of **the second aspect has been called spiral-cyclic,** which in itself involves the concept of duality.

174. Wherever the second aspect is mentioned *duality* is inescapably involved.

175. Our solar system is a Love-Wisdom solar system and the second ray is a manifestly *dual* ray.

176. In this reference, DK discusses the activity of the second aspect in relation to spiral-cyclic motion and not only in relation to *cyclic* motion which He does as well in the text covered in this commentary.

177. Shortly below, we will find DK taking the term "spiral-cyclic" and relating it to a combination of both first and second ray motions.

This activity is the **cause of all cyclic evolution**, and has been **called in the occult phraseology "the activity of Brahma's year."**

178. "Cyclic evolution" involves the idea of repetition but also of ascent.

179. The occult phraseology here offered is very interesting. Implied is the ascent in consciousness which occurs with each

này tác động lên giới nhân loại chứ không phải các giới thấp của thiên nhiên.

173. Bản chất thực sự của tâm thức của các giới thấp vẫn còn rất mờ đục đối với sự thấu hiểu hiện nay của con người.

Hoạt động của **phương diện thứ hai đã được gọi là xoắn ốc-chu kỳ,** mà tự nó bao hàm khái niệm về nhị nguyên tínhy.

174. Bất cứ nơi nào phương diện thứ hai được nhắc đến thì *nhị nguyên tính* đều tất yếu được bao hàm.

175. Hệ mặt trời của chúng ta là một hệ mặt trời Bác Ái – Minh Triết và cung hai là một cung biểu hiện rõ rệt tính *kép*.

176. Trong chỗ dẫn này, Chân sư DK bàn đến hoạt động của phương diện thứ hai trong liên hệ với chuyển động xoắn ốc-chu kỳ chứ không chỉ trong liên hệ với chuyển động *chu kỳ*, điều mà Ngài cũng làm trong phần văn bản được khảo sát trong lời bình này.

177. Ngay bên dưới, chúng ta sẽ thấy Chân sư DK lấy thuật ngữ "xoắn ốc-chu kỳ" và liên hệ nó với sự kết hợp của cả chuyển động cung một lẫn cung hai.

Hoạt động này là **nguyên nhân của mọi tiến hoá theo chu kỳ**, và đã được **gọi trong cụm từ huyền bí là "hoạt động của năm Brahma".**

178. "Tiến hoá theo chu kỳ" bao hàm ý niệm lặp lại nhưng cũng bao hàm sự thăng tiến.

179. Cụm từ huyền bí được nêu ra ở đây rất đáng chú ý. Hàm ý ở đây là sự thăng lên trong tâm thức diễn ra theo mỗi "Năm của

succeeding “Year of Brahma”. Sometimes a “Year of Brahma” has been considered as a round, but sometimes, strangely, as the period of duration of a planetary scheme.

Brahma” kế tiếp. Đôi khi một “Năm của Brahma” được xem là một cuộc tuần hoàn, nhưng đôi khi, một cách lạ lùng, lại được xem là thời kỳ tồn tại của một hệ hành tinh.

180. When we consider rounds we should consider them as containing a spiralling dimension. Each succeeding round is evolutionarily in advance of the preceding.

180. Khi chúng ta xét đến các cuộc tuần hoàn, chúng ta nên xem chúng như có chứa một chiều kích xoắn ốc. Mỗi cuộc tuần hoàn kế tiếp đều tiến hoá vượt trước cuộc tuần hoàn trước đó.

It is that which brings about the [Page 1033] periodical appearing and disappearing of all existences, great or small.

Chính điều đó mang lại [Page 1033] sự xuất hiện và biến mất theo chu kỳ của mọi tồn tại, lớn hay nhỏ.

181. We see how spiral-cyclic motion, the motion of the second aspect of divinity, is directly related to the Law of Periodicity.

181. Chúng ta thấy chuyển động xoắn ốc-chu kỳ, chuyển động của phương diện thứ hai của thiên tính, có liên hệ trực tiếp với Định luật Chu Kỳ.

182. This type of motion seems to demand the relinquishing of form so that a new form can reappear on a higher turn of the spiral.

182. Loại chuyển động này dường như đòi hỏi phải từ bỏ hình tướng để một hình tướng mới có thể tái xuất hiện trên một vòng xoắn cao hơn.

183. This makes sense because as consciousness expands and deepens under spiral-cyclic motion, a new type of form is needed through which the advancing consciousness can more adequately express.

183. Điều này hợp lý, bởi vì khi tâm thức mở rộng và đào sâu dưới chuyển động xoắn ốc-chu kỳ, một loại hình tướng mới là cần thiết để qua đó tâm thức đang tiến lên có thể biểu lộ đầy đủ hơn.

184. Rotary motion, per se, does not demand the disappearance of the form.

184. Chính chuyển động quay, chính nó, không đòi hỏi sự biến mất của hình tướng.

It is intimately linked with the will aspect of Divinity, and with the Lipika Lords of the highest degree and its origin is, therefore, difficult for us to comprehend.

Nó gắn bó mật thiết với phương diện ý chí của thiên tính, và với các Đấng Lipika ở cấp độ cao nhất, vì thế nguồn gốc của nó khó để chúng ta thấu hiểu.

185. We are speaking of the manner in which second ray motion is related to the First Divine Aspect. The Lipika Lords of

185. Chúng ta đang nói về cách mà chuyển động cung hai liên hệ với Phương diện Thiêng liêng thứ nhất. Các Đấng Lipika ở cấp

highest degree are directly related to the first aspect.

186. Further, the *will* as it expresses in this solar system, is an expression of Love-Wisdom, and therefore linked directly to the second aspect.

187. We might think of the motion of the first aspect as *driving* the motion of the second aspect—as making second aspect motion possible.

188. The Spirit is always the source of progression or "progress onward".

189. When thinking of the second aspect itself, it is always possible to *expand* without *progressing*. Expansion would be "more of the same". Progression would involve something new.

190. With regard to the Lipikas, we must remember that for our Solar Logos Sirius (and the great Lipika Lives there found) is the source of karma.

Perhaps all that can be said about it is that it is largely due to certain impulses which (as far as our solar system is concerned) can be traced to the sun Sirius.

độ cao nhất có liên hệ trực tiếp với phương diện thứ nhất.

186. Hơn nữa, *ý chí*, như nó biểu lộ trong hệ mặt trời này, là một biểu hiện của Bác Ái – Minh Triết, và do đó liên kết trực tiếp với phương diện thứ hai.

187. Chúng ta có thể nghĩ đến chuyển động của phương diện thứ nhất như đang *thúc đẩy* chuyển động của phương diện thứ hai—như làm cho chuyển động của phương diện thứ hai trở nên khả hữu.

188. Tinh thần luôn luôn là nguồn gốc của sự tiến triển hay "tiến lên phía trước".

189. Khi suy nghĩ về chính phương diện thứ hai, luôn luôn có thể *mở rộng* mà không *tiến triển*. Sự mở rộng sẽ là "nhiều hơn của cùng một điều". Sự tiến triển sẽ bao hàm một điều gì mới.

190. Liên quan đến các Lipika, chúng ta phải nhớ rằng đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta, Sirius (và các Sự sống Lipika vĩ đại được tìm thấy ở đó) là nguồn của nghiệp quả.

Có lẽ tất cả những gì có thể nói về nó là rằng nó phần lớn là do một số xung lực nào đó mà (xét theo hệ mặt trời của chúng ta) có thể được truy nguyên về mặt trời Sirius.

191. Sirius can be considered related to the *all three* aspects of divinity. We know that the Lipika Lords Who karmically administrate our Solar Logos and His system have residence on Sirius and come forth from Sirius. They *impose* karma on our Solar Logos and hence express a first aspect function.

191. Sirius có thể được xem là liên hệ với *cả ba* phương diện của thiên tính. Chúng ta biết rằng các Đấng Lipika, Đấng quản trị nghiệp quả cho Thái dương Thượng đế của chúng ta và hệ của Ngài, cư ngụ trên Sirius và xuất phát từ Sirius. Các Ngài *áp đặt* nghiệp quả lên Thái dương Thượng đế của chúng ta và do đó biểu lộ một chức năng của phương diện thứ nhất.

192. Yet Sirius is, from one perspective, the Cosmic Christ and as the One Who bestowed manasic stimulation upon our Solar Logos can also be related to the third aspect of divinity.

192. Tuy nhiên, Sirius, từ một góc nhìn, là Đức Christ Vũ Trụ và, với tư cách là Đấng đã ban sự kích thích manas cho Thái dương Thượng đế của chúng ta, cũng có thể được liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

193. DK seems to be saying that all within our solar system is spiraling upward due to impulses emanating form the Logos of the star Sirius.

193. Chân sư DK dường như đang nói rằng mọi sự bên trong hệ mặt trời của chúng ta đều đang xoắn ốc đi lên do các xung lực phát ra từ Thượng đế của ngôi sao Sirius.

These impulses **find their analogy** in the impulses emanating in cyclic fashion from the causal body of man,

Những xung lực này **tìm thấy sự tương đồng của chúng** trong những xung lực phát ra theo cách chu kỳ từ thể nguyên nhân của con người,

194. The implication in this context is that Sirius is to our Solar Logos and His solar system as the causal body is to man.

194. Hàm ý trong bối cảnh này là Sirius đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta và hệ mặt trời của Ngài cũng như thể nguyên nhân đối với con người.

195. From the point of view we can consider the causal body a tiny representative of the Sirian energy, and the Solar Angels as Representatives of Sirius.

195. Từ quan điểm này, chúng ta có thể xem thể nguyên nhân là một đại diện nhỏ bé của năng lượng Sirian, và các Thái dương Thiên Thần là các Đại Diện của Sirius.

which impulses bring about his appearance upon the plane of maya for a temporary period.

những xung lực này mang lại sự xuất hiện của y trên cõi ảo lực trong một thời kỳ tạm thời.

196. Impulses from the causal body cause the emergence of the human being into incarnation and his withdrawal to the inner planes with the incarnational cycle is completed.

196. Các xung lực từ thể nguyên nhân gây ra sự xuất hiện của con người vào lâm phàm và sự rút lui của y vào các cõi bên trong khi chu kỳ nhập thể hoàn tất.

A hint may here be given to the earnest student; in the threefold Ego (**the lives who form the central bud, the lives of the petals, and the triple group of lives who form the three permanent atoms**—[all of these three groups are solar angelic lives]) is seen a correspondence to the **three groups of Lipika Lords** who are the karmic cause of solar manifestation, and who control its periodic manifestation.

Ở đây có thể đưa ra một gợi ý cho đạo sinh chí thành; trong Chân ngã tam phân (**các sự sống tạo thành nụ trung tâm, các sự sống của các cánh hoa, và nhóm tam phân các sự sống tạo thành ba nguyên tử trường tồn**—[tất cả ba nhóm này đều là các sự sống thái dương thiên thần]) người ta thấy một sự tương ứng với **ba nhóm các Đấng Lipika** là những Đấng là nguyên nhân nghiệp quả của sự biểu hiện thái dương, và kiểm soát sự biểu hiện theo chu kỳ của nó.

197. Are we to correlate the Lipika Lords with the greater Solar Angels found on the cosmic mental plane? It if from this cosmic plane that the Solar Logos comes forth into cosmic manifestation—presumably with the aid of the greater Solar Angels and the Lipika Lords. Are They to be considered equivalent? This must be researched.

197. Chúng ta có nên tương quan các Đấng Lipika với các Thái dương Thiên Thần lớn hơn được tìm thấy trên cõi trí vũ trụ chăng? Chính từ cõi vũ trụ này mà Thái dương Thượng đế đi ra vào biểu hiện vũ trụ—có lẽ với sự trợ giúp của các Thái dương Thiên Thần lớn hơn và các Đấng Lipika. Có nên xem Các Ngài là tương đương nhau không? Điều này cần được nghiên cứu.

198. From what is here said, it seems that the Lipika Lords are 'sending' the Solar Logos into incarnational existence and are doing so according the cosmic Law of Karma which They administrate.

198. Từ những gì được nói ở đây, dường như các Đấng Lipika đang 'gửi' Thái dương Thượng đế vào sự tồn tại nhập thể và làm như vậy theo Định luật Nghiệp quả vũ trụ mà Các Ngài quản trị.

199. There is no doubt that we are presented with a profound occult hint.

199. Không còn nghi ngờ gì rằng chúng ta đang được trình bày một gợi ý huyền bí sâu xa.

200. How shall we interpret this?

200. Chúng ta sẽ diễn giải điều này như thế nào?

201. Perhaps we should begin by realizing that there are Lipika Lords Who *remain* 'on'

201. Có lẽ chúng ta nên bắt đầu bằng cách nhận ra rằng có những Đấng Lipika *ở lại*

Sirius (the three great Orders of Lives on Sirius) and Those which are delegated to 'go' to our solar system and there administrate karma.

'trên' Sirius (ba Đại Đẳng Cấp Sự Sống trên Sirius) và những Đấng được ủy phái 'đi' đến hệ mặt trời của chúng ta và tại đó quản trị nghiệp quả.

The Lipika Lords of our system, the systemic Lords of Karma, are under the rule of a greater corresponding Lord on Sirius. (TCF 570)

Các Đấng Lipika của hệ chúng ta, các Chúa Tể Nghiệp quả của hệ, ở dưới quyền cai quản của một Chúa Tể tương ứng lớn hơn trên Sirius. (TCF 570)

202. Each Lipika Lord within our solar system has its higher correspondence on Sirius.

202. Mỗi Đấng Lipika trong hệ mặt trời của chúng ta đều có sự tương ứng cao hơn của mình trên Sirius.

203. We could say that the Ones Who remain (on Sirius) are closer to the first and second aspects of divinity and that the One Who are sent forth (probably as Emanations of the three Great Orders of Lives on Sirius) are closer to the third aspect.

203. Chúng ta có thể nói rằng những Đấng ở lại (trên Sirius) gần với các phương diện thứ nhất và thứ hai của thiên tính hơn, còn những Đấng được phái đi (có lẽ như các phát xạ của ba Đại Đẳng Cấp Sự Sống trên Sirius) gần với phương diện thứ ba hơn.

204. We know with certainty that the solar angelic lives which inform or substand the three synthesis petals are of a higher emanatory calibre than the solar angels substanding nine petals of the egoic lotus and those substanding the members of the atomic triangle. The latter are, of course, associated with the third aspect of divinity. The Solar Angels substanding the bud are to be related to the first aspect and the Solar Angels substanding the nine petals to the second aspect. Yet even within the synthesis petals there is something of the second aspect since this tier of petals was formed by a downflow of buddhi.

204. Chúng ta biết chắc rằng các sự sống thái dương thiên thần thấm nhuần hay làm nền cho ba cánh hoa tổng hợp thuộc về một cấp bậc phát xạ cao hơn các thái dương thiên thần làm nền cho chín cánh hoa của hoa sen chân ngã và những vị làm nền cho các thành phần của tam giác nguyên tử. Dĩ nhiên, nhóm sau được liên kết với phương diện thứ ba của thiên tính. Các Thái dương Thiên Thần làm nền cho nụ phải được liên hệ với phương diện thứ nhất và các Thái dương Thiên Thần làm nền cho chín cánh hoa với phương diện thứ hai. Tuy nhiên, ngay cả trong các cánh hoa tổng hợp vẫn có điều gì đó của phương diện thứ hai vì tầng cánh hoa này được hình thành bởi một dòng tuôn đổ của Bồ đề.

205. We may infer that the Lipikas on Sirius are meant to induce in the Solar Logos the realization of cosmic synthesis, just as the function of the synthesis petals is to induce

205. Chúng ta có thể suy ra rằng các Lipika trên Sirius có mục đích gây ra nơi Thái dương Thượng đế sự chứng nghiệm tổng hợp vũ trụ, cũng như chức năng của các cánh hoa tổng hợp là gây ra nơi con người

in man a much lower and microcosmic sense of synthesis.

một cảm thức tổng hợp thấp hơn nhiều và mang tính tiểu thiên địa.

206. It is to be noted that when Lipika Lords come to our solar system, They come or manifest in groups.

206. Cần lưu ý rằng khi các Đấng Lipika đến hệ mặt trời của chúng ta, Các Ngài đến hay biểu hiện theo nhóm.

207. The relationship between the Lipika Lords of our system and the Four Maharajas (making seven groups) is to be carefully explored.

207. Mối liên hệ giữa các Đấng Lipika của hệ chúng ta và Bốn Maharaja (tạo thành bảy nhóm) cần được khảo sát cẩn trọng.

208. They are a high example of a higher three and a lower four.

208. Các Ngài là một thí dụ cao về một bộ ba cao hơn và một bộ bốn thấp hơn.

These three groups are related to Their guiding Intelligences on Sirius.

Ba nhóm này có liên hệ với các Trí Tuệ hướng dẫn của Các Ngài trên Sirius.

209. To be clear, we have so far:

209. Để rõ ràng, cho đến nay chúng ta có:

a. A triple group of "guiding Intelligences" on Sirius. They are the higher correspondences of the Lipika Lords sent to our solar system.

a. Một nhóm tam phân các "Trí Tuệ hướng dẫn" trên Sirius. Các Ngài là những sự tương ứng cao hơn của các Đấng Lipika được phái đến hệ mặt trời của chúng ta.

b. Three groups of Lipika Lords within our solar system and guided by the Lords on Sirius.

b. Ba nhóm các Đấng Lipika trong hệ mặt trời của chúng ta và được các Chúa Tể trên Sirius hướng dẫn.

c. A triple structure within the egoic lotus of man:

c. Một cấu trúc tam phân bên trong hoa sen chân ngã của con người:

i. The lives substanding the bud or synthesis petals plus, perhaps, the Jewel in the Lotus

i. Các sự sống làm nền cho nụ hay các cánh hoa tổng hợp cộng thêm, có lẽ, Bảo Châu trong Hoa Sen

ii. The lives substanding the nine petals of the egoic lotus

ii. Các sự sống làm nền cho chín cánh hoa của hoa sen chân ngã

iii. The lives substanding the members of the atomic triangle.

iii. Các sự sống làm nền cho các thành phần của tam giác nguyên tử.

210. We are presented with a threefold connection.

a. The Lives on Sirius uphold, relatively, the function of the first aspect, through in three divisions.

b. The Lipika Lords within our solar system are, relative to the Lives on Sirius, representatives of the second aspect, though relative to our Solar Logos and His expression within His solar system, these Lipika have a very first ray function.

c. The solar angelic lives, substanding the structure of the human egoic lotus are, in this context, up holding the functions of the third aspect.

211. It becomes clear that Solar Angels are karmic agents of the Lipika Lords, receiving 'instructions' one would think, from these greater Beings and administrating the appropriate karma to the human being under supervision.

212. This relationship between three groups of intra-systemic Lipikas and three groups of Solar Angels deserves close consideration. Light will be thrown upon the functions of each by examining the analogical comparison.

*The Law of Periodicity is the effect produced by the **amalgamation of these two types of force with a third**.*

213. Now we have the clarification of what DK seemed to be hinting in the foregoing discussions.

210. Chúng ta được trình bày một mối liên kết tam phân.

a. Các Sự Sống trên Sirius tương đối duy trì chức năng của phương diện thứ nhất, dù trong ba phân bộ.

b. Các Đấng Lipika trong hệ mặt trời của chúng ta, xét tương đối với các Sự Sống trên Sirius, là những đại diện của phương diện thứ hai, dù xét tương đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta và biểu hiện của Ngài trong hệ mặt trời của Ngài, các Lipika này có một chức năng cung một rất mạnh.

c. Các sự sống thái dương thiên thần, làm nền cho cấu trúc của hoa sen chân ngã của con người, trong bối cảnh này đang duy trì các chức năng của phương diện thứ ba.

211. Rõ ràng là các Thái dương Thiên Thần là những tác nhân nghiệp quả của các Đấng Lipika, nhận 'chỉ thị', người ta có thể nghĩ vậy, từ các Đấng vĩ đại hơn này và quản trị nghiệp quả thích hợp cho con người dưới sự giám sát.

212. Mối liên hệ giữa ba nhóm Lipika nội hệ này và ba nhóm Thái dương Thiên Thần đáng được xem xét kỹ lưỡng. Ánh sáng sẽ được soi rọi lên chức năng của mỗi bên bằng cách khảo sát sự so sánh tương đồng.

*Định luật Chu Kỳ là hiệu quả được tạo ra bởi **sự hòa trộn của hai loại mãnh lực này với một loại thứ ba**.*

213. Giờ đây chúng ta có sự làm sáng tỏ về điều mà Chân sư DK dường như đã gợi ý trong những phần bàn luận trước đós.

214. From one perspective, in the motions of the Law of Periodicity, there is both repetition (third aspect) and yet spiral-cyclic vibrational advancement (second aspect cyclicity with first aspect spirality), and thus the blending of the third and second aspects (with the first implied within the second). There would be no purpose in periodicity if there we not a refinement of form and an elevation of consciousness accompanying the process.

214. Từ một góc nhìn, trong các chuyển động của Định luật Chu Kỳ, vừa có sự lặp lại (phương diện thứ ba) vừa có sự tiến bộ rung động theo xoắn ốc-chu kỳ (tính chu kỳ của phương diện thứ hai cùng với tính xoắn ốc của phương diện thứ nhất), và do đó có sự hòa trộn của phương diện thứ ba và thứ hai (với phương diện thứ nhất được hàm ý trong phương diện thứ hai). Sẽ không có mục đích nào trong tính chu kỳ nếu không có sự tinh luyện hình tướng và sự nâng cao tâm thức đi kèm tiến trình này.

215. We see that when spiral-cyclic motion is usually considered related to the second aspect, but when one analyzes its constituents, it is considered to be a union of first and second aspects energies—'spirality' related to the first aspect and 'cyclicity' related to the second.

215. Chúng ta thấy rằng khi chuyển động xoắn ốc-chu kỳ thường được xem là liên hệ với phương diện thứ hai, nhưng khi người ta phân tích các thành phần của nó, nó được xem là sự hợp nhất của các năng lượng phương diện thứ nhất và thứ hai—'tính xoắn ốc' liên hệ với phương diện thứ nhất và 'tính chu kỳ' liên hệ với phương diện thứ hai.

The two types of force or energy are the activity of the first Aspect, the logoic will or purpose, and the energy of the second aspect.

Hai loại mãnh lực hay năng lượng ấy là hoạt động của Phương diện thứ nhất, ý chí hay mục đích logoic, và năng lượng của phương diện thứ hai.

216. How shall we apportion these forces? We realize that when the motion of the first aspect is applied to the motion of the third aspect, the motion of the second aspect of produced. This is easily seen.

216. Chúng ta sẽ phân định các mãnh lực này như thế nào? Chúng ta nhận ra rằng khi chuyển động của phương diện thứ nhất được áp dụng vào chuyển động của phương diện thứ ba, thì chuyển động của phương diện thứ hai được tạo ra. Điều này dễ thấy.

217. DK seems, however, to be speaking of the union of the first and second types of forces and their blending with the third or rotary force, rather than considering spiral-cyclic motion as emerging from the union of the first and third types.

217. Tuy nhiên, Chân sư DK dường như đang nói về sự hợp nhất của loại mãnh lực thứ nhất và thứ hai cùng sự hòa trộn của chúng với mãnh lực thứ ba hay mãnh lực quay, hơn là xem chuyển động xoắn ốc-chu kỳ như phát sinh từ sự hợp nhất của loại thứ nhất và thứ ba.

218. In some way, both cyclic motion and spiral-cyclic motion are derived from the first type of motion—the energy of "progress onwards".

218. Theo một cách nào đó, cả chuyển động chu kỳ lẫn chuyển động xoắn ốc-chu kỳ đều bắt nguồn từ loại chuyển động thứ nhất—năng lượng của "tiến lên phía trước".

219. Unlike strictly rotary motion, cyclic motion implies some degree of growth and expansion. Spiral-cyclic motion definitely suggests elevation (on a higher turn of the spiral).

219. Không giống chuyển động quay thuần túy, chuyển động chu kỳ hàm ý một mức độ tăng trưởng và mở rộng nào đó. Chuyển động xoắn ốc-chu kỳ chắc chắn gợi ý sự nâng cao (trên một vòng xoắn cao hơn).

This purpose is hidden in foreknowledge of the Logos and is completely hidden even from the Adept of the fifth Initiation.

Mục đích này được che giấu trong sự biết trước của Thượng đế và hoàn toàn bị che giấu ngay cả đối với chân sư của lần điểm đạo thứ năm.

220. The Masters, Themselves, are not apprised of the true Purpose of our Planetary Logos. How, then, are disciples of our calibre to fathom it?

220. Chính các Chân sư cũng không được biết Mục Đích đích thực của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Vậy thì các đệ tử có cấp độ như chúng ta làm sao có thể dò thấu được?

221. It is as if DK is saying that the *two* types of motion/force are contained within that type of motion/force which is to be blended with rotary motion/force.

221. Dường như Chân sư DK đang nói rằng *hai* loại chuyển động/mãnh lực được chứa bên trong loại chuyển động/mãnh lực sẽ được hòa trộn với chuyển động/mãnh lực quay.

The Adept has achieved a comprehension of the purpose of the Son, and <u>for Him there remains the problem to recognise the purpose of the Father</u>.

Chân sư đã đạt được sự thấu hiểu mục đích của Con, và <u>đối với Ngài vẫn còn vấn đề là nhận ra mục đích của Người Cha</u>.

222. Purpose, itself, seems divided in three grades—that which applies to the Father; that which applies to the Son; and one would surmise that an aspect of the Purpose applies as well to the Mother aspect.

222. Bản thân Mục Đích dường như được chia thành ba cấp—điều áp dụng cho Người Cha; điều áp dụng cho Người Con; và người ta có thể suy đoán rằng một phương diện của Mục Đích cũng áp dụng cho phương diện Người Mẹ.

223. Technically, the Adept has not yet become the pure Monad. When He achieves

223. Về mặt kỹ thuật, chân sư vẫn chưa trở thành Chân thần thuần túy. Khi Ngài đạt lần

the sixth initiation, this becomes possible and He will recognize the purpose of the Father.

điểm đạo thứ sáu, điều này trở nên khả hữu và Ngài sẽ nhận ra mục đích của Người Cha.

The one is **the impulse behind the *forward* movement of all life,** and the **other the impulse behind its cyclic activity, and this is called spiral-cyclic**.

Một là **xung lực đứng sau sự chuyển động *tiến tới* của mọi sự sống,** và cái **kia là xung lực đứng sau hoạt động chu kỳ của nó, và điều này được gọi là xoắn ốc-chu kỳ**.

224. It is the Father Who is responsible for "the *forward* movement of all life". This type of motion is called "progress onwards" or "driving forward through space".

224. Chính Người Cha chịu trách nhiệm cho "sự chuyển động *tiến tới* của mọi sự sống". Loại chuyển động này được gọi là "tiến lên phía trước" hay "được thúc đẩy tiến tới xuyên qua không gian".

225. It is the Son or Deity representing the second aspect Who is responsible for the impulse behind the cyclic activity of all life.

225. Chính Người Con hay Thượng đế đại diện cho phương diện thứ hai chịu trách nhiệm cho xung lực đứng sau hoạt động chu kỳ của mọi sự sống.

226. Note that DK here equates "cyclic activity" with "spiral-cyclic motion". In other references He seems to separate "cyclic activity" from "spiral-cyclic-activity".

226. Lưu ý rằng ở đây Chân sư DK đồng nhất "hoạt động chu kỳ" với "chuyển động xoắn ốc-chu kỳ". Trong những chỗ dẫn khác, Ngài dường như tách biệt "hoạt động chu kỳ" khỏi "hoạt động xoắn ốc-chu kỳ".

When this **blended dual force** is brought in touch with the rotary activity of matter itself, **we have the triple activity of the Ego,**

Khi **mãnh lực nhị nguyên đã hòa trộn** này được đưa vào tiếp xúc với hoạt động quay của chính vật chất, **chúng ta có hoạt động tam phân của Chân ngã,**

227. The Ego puts forth recurrent personalities. This is, in one respect, *rotary* motion. The Ego sees to the spiralling elevation of those personalities. The Ego-as-Triad (representing the Monad) drives the consciousness (the consciousness of both the personality and Ego on the higher mental plane) forward according to that portion of the Divine Plan and Purpose which it apprehends.

227. Chân ngã phóng ra các phàm ngã tái diễn. Ở một phương diện, đây là chuyển động *quay*. Chân ngã bảo đảm sự nâng cao theo xoắn ốc của các phàm ngã ấy. Chân ngã-như-Tam nguyên tinh thần (đại diện cho chân thần) thúc đẩy tâm thức (tâm thức của cả phàm ngã lẫn chân ngã trên cõi thượng trí) tiến lên theo phần Thiên Cơ và Mục Đích thiêng liêng mà nó lĩnh hội được.

228. DK is speaking of the fusing of the two (first and second aspects) and their approach to the waiting, rotary third aspect.

228. Chân sư DK đang nói về sự dung hợp của hai phương diện (thứ nhất và thứ hai) và sự tiếp cận của chúng đối với phương diện thứ ba đang chờ đợi, tức phương diện quay.

229. The apparent discrepancy to keep in mind is that DK most often associates spiral-cyclic motion with the second aspect, but also speaks of it as containing "the activity of the first Aspect, the logoic will or purpose, and the energy of the second aspect".

229. Điểm sai biệt bề ngoài cần ghi nhớ là Chân sư DK thường gắn chuyển động xoắn ốc-chu kỳ với phương diện thứ hai nhất, nhưng cũng nói về nó như chứa đựng "hoạt động của Phương diện thứ nhất, ý chí hay mục đích logoic, và năng lượng của phương diện thứ hai".

230. Importantly, we should look back and consider the three types of Solar Angels underlying the egoic lotus. If we follow this analogy, the "blended dual force", represents the energy of the synthesis petals and the energy of the nine normal petals of the egoic lotus, and the third type of force is associated with the energy of the lower permanent atoms (the mental unit, the astral permanent atom, and the physical permanent atom).

230. Điều quan trọng là chúng ta nên nhìn lại và xét đến ba loại Thái dương Thiên Thần làm nền cho hoa sen chân ngã. Nếu theo sự tương đồng này, "mãnh lực nhị nguyên đã hòa trộn" biểu thị năng lượng của các cánh hoa tổng hợp và năng lượng của chín cánh hoa thông thường của hoa sen chân ngã, còn loại mãnh lực thứ ba được liên kết với năng lượng của các nguyên tử trường tồn thấp hơn (đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục, và nguyên tử trường tồn hồng trần).

231. If we look at the constitution of the egoic lotus we can apportion the motions in the following way:

231. Nếu chúng ta nhìn vào cấu tạo của hoa sen chân ngã, chúng ta có thể phân định các chuyển động theo cách sau:

a. The motion of associated with the permanent atoms: rotary motion

a. Chuyển động gắn với các nguyên tử trường tồn: chuyển động quay

b. The motion associated with the causal body: cyclic motion (as distinguished from spiral cyclic motion.

b. Chuyển động gắn với thể nguyên nhân: chuyển động chu kỳ (phân biệt với chuyển động xoắn ốc-chu kỳ).

c. The motion associated with the spiritual triad: spiral-cyclic motion (as the spiritual triad is a blend of both second ray energy and first ray energy.

c. Chuyển động gắn với Tam Nguyên Tinh Thần: chuyển động xoắn ốc-chu kỳ (vì Tam Nguyên Tinh Thần là sự hòa trộn của cả năng lượng cung hai lẫn năng lượng cung một).

d. The motion associated with the Monad: "progress onwards" or "driving forward through space"

d. Chuyển động gắn với Chân thần: "tiến lên phía trước" hay "được thúc đẩy tiến tới xuyên qua không gian"

232. If we look at the constitution of the egoic lotus per se then:

232. Nếu chúng ta nhìn vào cấu tạo của chính hoa sen chân ngã thì:

a. The types of Solar Angels associated with the atomic triangle are associated with the energy of rotary motion.

a. Các loại Thái dương Thiên Thần gắn với tam giác nguyên tử được gắn với năng lượng của chuyển động quay.

b. The types of Solar Angels associated with the nine petals of the egoic lotus are associated with the energy of cyclic motion.

b. Các loại Thái dương Thiên Thần gắn với chín cánh hoa của hoa sen chân ngã được gắn với năng lượng của chuyển động chu kỳ.

c. The type of Solar Angels associated with the three synthesizing petals are associated with the energy of spiral-cyclic motion. These petals reflect the spiritual triad and so we see how this tabulation accords with the one given immediately above.

c. Loại Thái dương Thiên Thần gắn với ba cánh hoa tổng hợp được gắn với năng lượng của chuyển động xoắn ốc-chu kỳ. Các cánh hoa này phản chiếu Tam Nguyên Tinh Thần và vì thế chúng ta thấy bảng phân loại này phù hợp với bảng vừa nêu ngay trên.

d. Within the egoic lotus per se, we do not have a full representative of the motion of "progress onward" (TCF 1059), but the Jewel in the Lotus, in part, serves this function.

d. Trong chính hoa sen chân ngã, chúng ta không có một đại diện đầy đủ cho chuyển động của "tiến lên phía trước" (TCF 1059), nhưng Bảo Châu trong Hoa Sen phần nào đảm nhiệm chức năng này.

233. Thus, all four types of motion are represented in the egoic lotus by its four major structures: the atomic triangle; the nine petals; the three synthesis petals; the Jewel in the Lotus.

233. Như vậy, cả bốn loại chuyển động đều được biểu hiện trong hoa sen chân ngã qua bốn cấu trúc chính của nó: tam giác nguyên tử; chín cánh hoa; ba cánh hoa tổng hợp; Bảo Châu trong Hoa Sen.

234. Are there Solar Angels particularly associated with the Jewel in the Lotus, per se? As it is the representative of the Monad on the higher mental plane, perhaps not. This remains to be researched.

234. Có những Thái dương Thiên Thần đặc biệt gắn với chính Bảo Châu trong Hoa Sen chăng? Vì nó là đại diện của chân thần trên cõi thượng trí, có lẽ là không. Điều này vẫn cần được nghiên cứu.

235. Is it possible that if the three synthesis petals are macrocosmic representatives of

235. Có thể chăng nếu ba cánh hoa tổng hợp là những đại diện đại thiên địa của ba Đấng

the three intra-systemic Lipika Lords, that the Jewel in the Lotus, reflecting the triple Monad, is the representative of the controlling Lords Who direct the Lipikas from Sirius?

Lipika nội hệ, thì Bảo Châu trong Hoa Sen, phản chiếu Chân thần tam phân, là đại diện của các Chúa Tể kiểm soát, những Đấng chỉ đạo các Lipika từ Sirius?

236. One problematic discrimination is that between "cyclic activity" and "spiral-cyclic-activity". They seem to be very similar, but the first does not carry the same progressive, elevative power.

236. Một sự phân biện khó khăn là giữa "hoạt động chu kỳ" và "hoạt động xoắn ốc-chu kỳ". Chúng dường như rất giống nhau, nhưng loại thứ nhất không mang cùng quyền năng tiến bộ, nâng cao như vậy.

for instance, which is rotary-spiral-cyclic,

chẳng hạn, vốn là quay-xoắn ốc-chu kỳ,

237. This is DK's description of the triple motion of the Ego.

237. Đây là mô tả của Chân sư DK về chuyển động tam phân của Chân ngã.

and that which results in the stimulation of the self-contained atom, in the periodical emergence of form, and in the [Page 1034] steady, though slow, progress towards a goal.

và điều dẫn đến sự kích thích của nguyên tử tự chứa, sự xuất hiện theo chu kỳ của hình tướng, và sự tiến bộ[Page 1034] đều đặn, dù chậm chạp, hướng tới một mục tiêu.

238. Let us tabulate. From rotary spiral-cyclic activity emerges:

238. Chúng ta hãy lập bảng. Từ hoạt động quay-xoắn ốc-chu kỳ phát sinh:

a. The stimulation of the self-contained atom. (Rotary motion)

a. Sự kích thích của nguyên tử tự chứa. (Chuyển động quay)

b. The periodical emergence of form (Cyclic motion or spiral-cyclic motion)

b. Sự xuất hiện theo chu kỳ của hình tướng (Chuyển động chu kỳ hoặc chuyển động xoắn ốc-chu kỳ)

Preamble for S8S10

Dear Fellow Students of *A Treatise on Cosmic Fire*,

Kính gửi các đạo sinh đồng học của *Luận về Lửa Vũ Trụ*,

We have entered that portion of the book in which truly vast considerations are found on nearly every page. We are engaged in a study of motion with all its differentiations —motion both in the microcosm and the

Chúng ta đã bước vào phần của cuốn sách trong đó những khảo sát thật sự bao la xuất hiện trên gần như mọi trang. Chúng ta đang tham gia vào một nghiên cứu về chuyển động với mọi sự biến phân của nó—chuyển

macrocosm. DK has given us a truly abstract and impersonal way of viewing the process and progress of all atoms, great and small. As well, we ill find many illuminating notes from H.P.B. and *The Secret Doctrine.*

động trong cả tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa. Chân sư DK đã trao cho chúng ta một cách nhìn thật sự trừu tượng và phi ngã về tiến trình và sự tiến bộ của mọi nguyên tử, lớn cũng như nhỏ. Đồng thời, chúng ta sẽ tìm thấy nhiều ghi chú soi sáng từ H.P.B. và *Giáo Lý Bí Nhiệm.*

In this commentary we will study the Law of Expansion which related to the process by means of which great Beings undergo an expansion of consciousness, and the "Law of Monadic Return" which is the analogue to the Law of Expansion as applied to the microcosm whose field of experience is the monadic auric egg.

Trong lời bình này, chúng ta sẽ nghiên cứu Định luật Mở Rộng, vốn liên hệ với tiến trình nhờ đó các Đấng vĩ đại trải qua một sự mở rộng tâm thức, và "Định luật Trở Về của Chân thần", là sự tương đồng với Định luật Mở Rộng khi được áp dụng cho tiểu thiên địa, mà trường kinh nghiệm của nó là noãn hào quang chân thần.

The monadic pilgrimage is our main focus and all the many energies and forces to which the Monad is subject during that pilgrimage. The number of energy and forces are of great variety and their sources extend 'upwards' to the "One About Whom Naught May Be Said" and 'downwards' to the tiny atoms of substance.

Cuộc hành hương của chân thần là trọng tâm chính của chúng ta, cùng với tất cả nhiều năng lượng và mãnh lực mà Chân thần phải chịu trong suốt cuộc hành hương ấy. Số lượng các năng lượng và mãnh lực ấy vô cùng đa dạng và nguồn gốc của chúng trải dài 'lên trên' đến "Đấng Bất Khả Tư Nghị" và 'xuống dưới' đến những nguyên tử nhỏ bé của chất liệu.

All of us will have to work very carefully as we study this abstruse section of the book. I would recommend that you have your TCF book open before you as you read this commentary, the text of which is necessarily divided into relatively small sections. The open book will help you preserve continuity as you study.

Tất cả chúng ta sẽ phải làm việc thật cẩn trọng khi nghiên cứu phần khó hiểu này của cuốn sách. Tôi xin khuyến nghị rằng các bạn nên mở cuốn TCF trước mặt khi đọc lời bình này, mà văn bản của nó tất yếu được chia thành những phần tương đối nhỏ. Cuốn sách mở ra sẽ giúp các bạn giữ được tính liên tục khi các bạn nghiên cứu.

We will have to bring our powers of abstract thinking to this study. We are talking about things which we can only visualize and, even then, only dimly. But a sense of our monadic 'place' within the 'Grand Scheme' will surely begin to dawn in our consciousness and our occult understanding of planetary, systemic, cosmic logoic and

Chúng ta sẽ phải vận dụng năng lực trí trừu tượng của mình vào công trình nghiên cứu này. Chúng ta đang nói về những điều mà chúng ta chỉ có thể hình dung, và ngay cả như thế cũng chỉ một cách mờ nhạt. Nhưng một cảm nhận về "vị trí" chân thần của chúng ta trong "Đại Thiên Cơ" chắc chắn sẽ bắt đầu ló rạng trong tâm thức chúng ta, và

super-cosmic logoic processes will be significantly stimulated.

sự thấu hiểu huyền bí học của chúng ta về các tiến trình logoi hành tinh, hệ thống, vũ trụ và siêu-vũ-trụ sẽ được kích thích một cách đáng kể.

It's summer now up here, so you can bring this commentary to the beach! ☽

Hiện nay trên này đang là mùa hè, nên các bạn có thể mang bản bình giải này ra bãi biển! ☽

Love and Many Blessings,

Thương mến và nhiều phúc lành,

Michael

Michael

S8S10

(1039 – 1054)

(1039 – 1054)

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Xin đề nghị rằng bản Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Giải**

III. RESULTS OF ITS ACTIVITY.

III. CÁC KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG CỦA NÓ.

These results can be studied in four ways, considering each as a subsidiary Law of the basic Law of Attraction and Repulsion.

Những kết quả này có thể được nghiên cứu theo bốn cách, xem mỗi cách như một Định luật phụ thuộc của Định luật căn bản về Hấp Dẫn và Đẩy Lui.

1. We are in a first ray portion of the book during which the focus is upon "law" and "laws".

All motion is the **result** literally of the impact, or intercourse, between atoms, and there is no atom anywhere which escapes this force.

2. We might however, ask, what is it which 'moves' the atoms so that there can be impact. If motion is the "result" of impact, what made that impact possible? How did motion arise—a deep question.

3. From another perspective, "intercourse" may not be the same as impact and may suggest a magnetic field which generates motion. For now, it seems best to think of the force which causes motion.

In the case of ***rotary* motion**, which governs the activity of the atom of substance, **the impulse emanates from within the ring-pass-not**, and is produced by the impact of the positive charge upon the negative charges.

4. Much depends on how we define "impact". If we define it as 'influence' rather than as, let us say, 'collision', we come closer to saying that motion is generates by energy or force.

5. Rotary motion is not generated by the impact with, influence from or intercourse with *other* atoms. It arises from *within* the atom itself and is born of the relationship existing between the positive and negative charge *within* the atom.

1. Chúng ta đang ở trong một phần cung một của quyển sách, trong đó trọng tâm đặt vào "định luật" và "các định luật".

Mọi chuyển động theo nghĩa đen đều là **kết quả** của sự va chạm, hay tương giao, giữa các nguyên tử, và không có nguyên tử nào ở bất cứ đâu thoát khỏi mãnh lực này.

2. Tuy nhiên, chúng ta có thể hỏi: điều gì "làm chuyển động" các nguyên tử để có thể có sự va chạm? Nếu chuyển động là "kết quả" của va chạm, thì điều gì đã làm cho sự va chạm ấy trở nên khả hữu? Chuyển động đã phát sinh như thế nào—một câu hỏi sâu xa.

3. Từ một góc nhìn khác, "tương giao" có thể không đồng nhất với va chạm, và có thể gợi ý một trường từ tính tạo ra chuyển động. Hiện giờ, dường như tốt nhất là nghĩ đến mãnh lực gây ra chuyển động.

Trong trường hợp của chuyển động ***xoay tròn***, vốn chi phối hoạt động của nguyên tử chất liệu, **xung lực phát ra từ bên trong vòng-giới-hạn**, và được tạo ra bởi sự va chạm của điện tích dương lên các điện tích âm.

4. Rất nhiều điều tùy thuộc vào cách chúng ta định nghĩa "va chạm". Nếu chúng ta định nghĩa nó là "ảnh hưởng" thay vì, giả sử, là "đụng chạm", thì chúng ta tiến gần hơn đến việc nói rằng chuyển động được tạo ra bởi năng lượng hay mãnh lực.

5. Chuyển động xoay tròn không được tạo ra bởi sự va chạm với, ảnh hưởng từ, hay tương giao với các nguyên tử *khác*. Nó phát sinh từ *bên trong* chính nguyên tử và được sinh ra từ mối tương quan hiện hữu giữa điện tích dương và điện tích âm *bên trong* nguyên tử.

6. When the positive and negative within any atom engage, the atom moves.

6. Khi yếu tố dương và âm bên trong bất kỳ nguyên tử nào tương tác, nguyên tử ấy chuyển động.

7. We see then, how very *individual* rotary motion is.

7. Như vậy, chúng ta thấy chuyển động xoay tròn có tính *cá biệt* biết bao.

This is true of all atoms, cosmic, solar, individual, chemical, and so forth.

Điều này đúng với mọi nguyên tử, vũ trụ, thái dương, cá nhân, hóa học, v.v.

8. Rotation guarantees exposure to all energies within the sphere in which the rotating unit is contained. Thus rotation promotes the reception and assimilation of the influences necessary for growth.

8. Sự xoay tròn bảo đảm sự phơi mở trước mọi năng lượng bên trong khối cầu mà đơn vị đang xoay tròn được chứa trong đó. Vì vậy, sự xoay tròn thúc đẩy việc tiếp nhận và đồng hóa những ảnh hưởng cần thiết cho sự tăng trưởng.

9. The effect of the positive charge upon the negative charges induces atoms to move, but yet they are held in their orbits by both the attractive and the repulsive power of the nucleus, The only possible response then is *rotary* motion. The negative charges rotate themselves and at the same time revolve around the center from which acts as the nucleus of the system in which the atom finds its place. We see in the Earth's motion (rotation and revolution) an analogy to the type of system discussed.

9. Tác động của điện tích dương lên các điện tích âm khiến các nguyên tử chuyển động, nhưng chúng vẫn được giữ trong quỹ đạo của mình bởi cả năng lực hấp dẫn lẫn năng lực đẩy lùi của hạt nhân. Khi ấy, đáp ứng khả hữu duy nhất là chuyển động *xoay tròn*. Các điện tích âm tự xoay quanh chính mình và đồng thời quay quanh trung tâm, trung tâm ấy hoạt động như hạt nhân của hệ thống mà trong đó nguyên tử tìm thấy vị trí của nó. Chúng ta thấy trong chuyển động của Trái Đất (tự quay và quay quanh) một sự tương đồng với loại hệ thống đang được bàn đến.

When, however, the effect of the rotation of the atom is so strong that it begins to affect other atoms outside its individual ring-pass-not,

Tuy nhiên, khi tác động của sự xoay tròn của nguyên tử mạnh đến mức nó bắt đầu ảnh hưởng đến các nguyên tử khác bên ngoài vòng-giới-hạn cá biệt của nó,

10. We see that one type of motion leads to another. The effect of a sufficiently stimulated atom is not confined within itself. It reaches a point when it influences the field in which it is found.

10. Chúng ta thấy rằng một loại chuyển động dẫn đến một loại khác. Tác động của một nguyên tử được kích thích đầy đủ không bị giới hạn trong chính nó. Nó đạt đến một điểm mà tại đó nó ảnh hưởng đến trường nơi nó hiện diện.

another influence begins to make itself felt, **which draws together, or dissipates, those contacting coalescing atoms.**

11. We can recognize this second type of motion as related to the Law of Attraction and Repulsion.

12. A rotating atom is sounding its note and if it rotates with sufficient strength and intensity that note reaches other atoms which are either attracted or repelled by the quality of the note. As long as the rotation is of insufficient strength or intensity this attractive and repulsive action is not experienced.

13. The Law of Economy (which governs individual rotation) is first to manifest just as the manifestation of the third ray precedes that of the second. The Law of Attraction and Repulsion manifests next and ends the strictly 'individual phase' point of focus the atom.

Thus forms are built **under the impulse of** aggregated forces of some one kind,

14. The second ray is the form-building ray.

15. We can imagine how units of matter (densified, "congested" forces) aggregate.

16. How, however, do we understand the aggregation of *forces*?

17. Can forces interpenetrate each other and occupy the same field? It would seem so. The

một ảnh hưởng khác bắt đầu tự biểu lộ, **ảnh hưởng này kéo các nguyên tử đang tiếp xúc và đang kết tụ lại với nhau, hoặc làm tiêu tan chúng.**

11. Chúng ta có thể nhận ra loại chuyển động thứ hai này là có liên hệ với Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi.

12. Một nguyên tử đang xoay tròn đang xướng lên âm điệu của nó, và nếu nó xoay tròn với đủ sức mạnh và cường độ, âm điệu ấy sẽ chạm đến các nguyên tử khác, những nguyên tử này hoặc bị hút hoặc bị đẩy bởi phẩm tính của âm điệu đó. Chừng nào sự xoay tròn chưa đủ mạnh hay đủ cường độ, thì hành động hấp dẫn và đẩy lùi này chưa được cảm nhận.

13. Định luật Tiết Kiệm (chi phối sự xoay tròn cá biệt) là định luật đầu tiên biểu lộ, cũng như sự biểu lộ của cung ba đi trước cung hai. Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi biểu lộ tiếp theo và chấm dứt giai đoạn hoàn toàn "cá biệt" là điểm tập trung của nguyên tử.

Như vậy các hình tướng được xây dựng **dưới xung lực của** những mãnh lực kết tập thuộc một loại nào đó,

14. cung hai là cung xây dựng hình tướng.

15. Chúng ta có thể hình dung cách các đơn vị vật chất (những mãnh lực được làm đậm đặc, "ứ đọng") kết tập lại.

16. Tuy nhiên, chúng ta hiểu sự kết tập của các *mãnh lực* như thế nào?

17. Các mãnh lực có thể xuyên nhập lẫn nhau và chiếm cùng một trường không? Có

more concentrated these forces are within a given field, then the more aggregated they are.

vẻ là có. Những mãnh lực này càng tập trung trong một trường nhất định, thì chúng càng được kết tập nhiều hơn.

18. Let us take an analogy: several powerful individuals of very different character are sitting in the same room. Another person enters the room and is subjected to the influence of all of these individuals simultaneously. It would be very different, however, if only one of the individuals were in the room and the other were thousands of miles away and incommunicado. The aggregation of forces would have been greatly reduced.

18. Hãy lấy một sự tương đồng: vài cá nhân mạnh mẽ với tính cách rất khác nhau đang ngồi trong cùng một căn phòng. Một người khác bước vào phòng và đồng thời chịu ảnh hưởng của tất cả những cá nhân ấy. Tuy nhiên, sẽ rất khác nếu chỉ có một trong những cá nhân ấy ở trong phòng còn những người kia ở cách xa hàng ngàn dặm và không thể liên lạc. Sự kết tập của các mãnh lực khi đó sẽ giảm đi rất nhiều.

and these forms in turn produce effects on other cohering atomic forms,

và đến lượt mình, các hình tướng này tạo ra những tác động lên các hình tướng nguyên tử cố kết khác,

19. Groups of atoms within coherent forms affect other groups of atoms also related within coherent forms.

19. Các nhóm nguyên tử bên trong những hình tướng cố kết tác động đến những nhóm nguyên tử khác cũng liên hệ với nhau bên trong những hình tướng cố kết.

20. We are not so much speaking of atomic interplay as the interplay between forms.

20. Chúng ta không nói nhiều đến sự tương tác giữa các nguyên tử bằng sự tương tác giữa các hình tướng.

until the rhythm is built up,

cho đến khi nhịp điệu được xây dựng lên,

21. A rhythm of attraction and repulsion...

21. một nhịp điệu của hấp dẫn và đẩy lùi...

22. When forms come into sustained relation, rhythmic patterns between the forms are soon established.

22. Khi các hình tướng đi vào mối liên hệ bền vững, các mô hình nhịp điệu giữa các hình tướng ấy sớm được thiết lập.

and a vibration [Page 1040] instigated which is a continuation of the rotary motion of the individual atoms,

và một rung động [Trang 1040] được khởi phát, là sự tiếp nối của chuyển động xoay tròn của các nguyên tử cá biệt,

23. Third ray motion is not discontinued; it is simply modified.

23. Chuyển động cung ba không bị chấm dứt; nó chỉ đơn giản được biến đổi.

and the modification produced on them by their group activity. This causes progression and simultaneous rotation.

và sự biến đổi được tạo ra nơi chúng bởi hoạt động nhóm của chúng. Điều này gây ra sự tiến triển và sự xoay tròn đồng thời.n

24. We have been given the manner in which spiral-cyclic motion is generated.

24. Chúng ta đã được cho biết cách thức chuyển động xoắn ốc-chu kỳ được tạo ra.

25. When progression and simultaneous rotation are found, we have spiral-cyclic motion.

25. Khi có sự tiến triển và sự xoay tròn đồng thời, chúng ta có chuyển động xoắn ốc-chu kỳ.

26. Rotary motion is not progressive, but the interplay between groups of atoms induces progression.

26. Chuyển động xoay tròn không có tính tiến triển, nhưng sự tương tác giữa các nhóm nguyên tử gây ra sự tiến triển.

27. For the human being, group interplay of the right kind promote progression while not ending the process of rotation, which must continue.

27. Đối với con người, sự tương tác nhóm đúng đắn thúc đẩy sự tiến triển mà không chấm dứt tiến trình xoay tròn, vốn phải tiếp tục.

28. The human being who remains in a strictly individual phase (rotating only) will not progress. The group has what he needs.

28. Con người còn ở trong một giai đoạn hoàn toàn cá biệt (chỉ xoay tròn mà thôi) sẽ không tiến triển. Nhóm có điều mà y cần.

The movement forward

Sự chuyển động tiến về phía trước

29. This is a first ray inducement. But when first ray motion is modified by "internal atomic activity" or "rotary motion" the result is spiral-cyclic motion.

29. Đây là một sự thúc đẩy của cung một. Nhưng khi chuyển động cung một được biến đổi bởi "hoạt động nguyên tử nội tại" hay "chuyển động xoay tròn", kết quả là chuyển động xoắn ốc-chu kỳ.

is modified considerably by the internal atomic activity, and this it is which causes **that motion we call spiral cyclic**.

được biến đổi đáng kể bởi hoạt động nguyên tử nội tại, và chính điều này gây ra **chuyển động mà chúng ta gọi là xoắn ốc-chu kỳ**.

30. If one *drives* a rotating object forward, this will clearly be seen. A spiral will be produced which is a modification of

30. Nếu người ta *đẩy* một vật đang xoay tròn tiến về phía trước, điều này sẽ được thấy rõ. Một đường xoắn ốc sẽ được tạo ra, là một sự

progression along a straight line, and also a modification of strictly repetitive, rotary motion.

biến đổi của sự tiến triển theo đường thẳng, đồng thời cũng là một sự biến đổi của chuyển động xoay tròn lặp đi lặp lại một cách nghiêm ngặt.

It demonstrates in all forms as a tendency to repeat, owing to the backward pull of the rotating atoms, and **yet is offset by the strong progressive impulse of the form activity**.

Nó biểu lộ trong mọi hình tướng như một khuynh hướng lặp lại, do sức kéo lùi của các nguyên tử đang xoay tròn, và **tuy vậy được hóa giải bởi xung lực tiến triển mạnh mẽ của hoạt động hình tướng**.

31. We are dealing with the contrast between matter and form—which are not the same.

31. Chúng ta đang bàn đến sự tương phản giữa vật chất và hình tướng—vốn không phải là một.

32. The attractive life of the form (not the life of the rotating atoms) induces progression in those atoms. Progression, thus, is magnetically induced from without.

32. Sự sống hấp dẫn của hình tướng (không phải sự sống của các nguyên tử đang xoay tròn) gây ra sự tiến triển nơi các nguyên tử ấy. Vì vậy, sự tiến triển được cảm ứng từ tính từ bên ngoài.

33. This same dynamic is obvious in human life: every human being can be asked, "Are you just doing the 'same old thing' or are you moving forward?"

33. Chính động lực này cũng hiển nhiên trong đời sống con người: mỗi con người có thể được hỏi, "Bạn chỉ đang làm đi làm lại 'cùng một việc cũ' hay bạn đang tiến lên?"

34. Right group relations promote progression—*and* there will always be the backward pull of old habits.

34. Những tương quan nhóm đúng đắn thúc đẩy sự tiến triển—*và* luôn luôn sẽ có sức kéo lùi của những thói quen cũ.

Students can work this out in connection with:

Các đạo sinh có thể triển khai điều này liên hệ với:

The planetary Logos, as He manifests through the rounds, each one of which, in its earlier stages, **recapitulates** all that has previously occurred.

Hành Tinh Thượng Đế, khi Ngài biểu lộ qua các cuộc tuần hoàn, mỗi cuộc trong những giai đoạn đầu của nó **đều tái diễn tóm lược** tất cả những gì đã xảy ra trước đó.

35. Rounds, we can understand, are spiral cyclic in their nature. They are not simply repetitions. Yet the fact that in their earlier phases they recapitulate previous rounds is analogous to the effect upon the backward

35. Chúng ta có thể hiểu rằng các cuộc tuần hoàn có bản chất xoắn ốc-chu kỳ. Chúng không đơn thuần là những sự lặp lại. Tuy nhiên, sự kiện là trong các giai đoạn đầu chúng tái diễn các cuộc tuần hoàn trước đó

pull of the rotating atoms upon the tendency towards progression induced by relationship.

thì tương tự với tác động của sức kéo lùi của các nguyên tử đang xoay tròn lên khuynh hướng tiến triển do tương quan gây ra.

36. We might seek to understand rotation as stabilization. The Third Ray Lord is the "Builder of the Foundation" and this is accomplished in no small degree by repetition.

36. Chúng ta có thể tìm cách hiểu sự xoay tròn như sự ổn định hóa. Đấng Chúa Tể Cung ba là "Đấng Kiến Tạo Nền Tảng", và điều này được hoàn thành không ít nhờ sự lặp lại.

37. Saturn is a third ray planet (*essentially* so in its Monad) and is also a planet of stabilization. It is Uranus which produces the urge to onward progression. In one respect, Jupiter, a largely second ray planet, the planet which rules progressive expansion, is an influence which promotes spiral-cyclic-activity.

37. Sao Thổ là một hành tinh cung ba (*về bản chất* là như vậy trong Chân thần của nó) và cũng là một hành tinh của sự ổn định hóa. Chính Sao Thiên Vương tạo ra sự thôi thúc hướng đến tiến triển đi tới. Xét theo một phương diện, Sao Mộc, một hành tinh phần lớn thuộc cung hai, hành tinh cai quản sự mở rộng tiến triển, là một ảnh hưởng thúc đẩy hoạt động xoắn ốc-chu kỳ.

Man, in the ante-natal period, in which he runs through the various stages of development.

Con người, trong thời kỳ trước khi sinh, khi y trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau.

38. Ontogeny recapitulates phylogeny.

38. Sự phát triển của cá thể tái diễn sự phát triển của chủng loại.

39. Nature seeks order and continuity through sequential progression. Saturn is the planet of the past and, from one point of view, the planet of sequential progression.

39. Bản chất tìm kiếm trật tự và tính liên tục thông qua sự tiến triển tuần tự. Sao Thổ là hành tinh của quá khứ và, từ một góc nhìn nào đó, là hành tinh của sự tiến triển tuần tự.

Spiritual man, as he creates that which will destroy the "Dweller on the Threshold."

Con người tinh thần, khi y tạo ra điều sẽ hủy diệt "Kẻ Chận Ngõ".

40. This is, perhaps, a little harder to understand. What will destroy the "Dweller on the Threshold"? Perhaps it is the perfected causal body (a fully developed egoic lotus) built up through many incarnations, each incarnation of which repeats in a rapid way all the others.

40. Điều này có lẽ hơi khó hiểu hơn một chút. Điều gì sẽ hủy diệt "Kẻ Chận Ngõ"? Có lẽ đó là thể nguyên nhân đã được hoàn thiện (một Hoa Sen Chân Ngã phát triển đầy đủ) được xây dựng qua nhiều kiếp sống, mà mỗi kiếp sống trong số đó lặp lại một cách nhanh chóng tất cả các kiếp khác.

41. When a human individuality runs into difficulty during a certain earlier developmental phase, it is perhaps an indication that there were a number of lives, expressive of that developmental phase, which lives were also were problematic. We should read each incarnation for its indications of the past.

41. Khi một cá thể tính con người gặp khó khăn trong một giai đoạn phát triển sớm nào đó, thì có lẽ đó là dấu hiệu cho thấy đã có một số kiếp sống biểu hiện giai đoạn phát triển ấy, và những kiếp sống đó cũng có vấn đề. Chúng ta nên đọc mỗi kiếp nhập thể để nhận ra những chỉ dấu của quá khứ.

This spiral-cyclic activity, which is distinctive of all forms,

Hoạt động xoắn ốc-chu kỳ này, vốn là đặc trưng của mọi hình tướng,

42. Does this include that tiniest type of form—the atom, or even the 'lesser atoms' *within* the atom?

42. Điều này có bao gồm loại hình tướng nhỏ bé nhất ấy—nguyên tử, hay thậm chí cả những "nguyên tử nhỏ hơn" *bên trong* nguyên tử không?

can perhaps be comprehended more practically if we **study it as an expression of four laws**, taking each one briefly in turn:

có lẽ có thể được hiểu một cách thực tiễn hơn nếu chúng ta **nghiên cứu nó như một biểu hiện của bốn định luật**, lần lượt xét ngắn gọn từng định luật:

43. So now we will analyze spiral-cyclic motion in terms of four subsidiary laws in the attempt to understand it more practically.

43. Vì vậy giờ đây chúng ta sẽ phân tích chuyển động xoắn ốc-chu kỳ theo bốn định luật phụ thuộc nhằm cố gắng hiểu nó một cách thực tiễn hơn.

1. The Law of Expansion.

1. Định luật Mở Rộng.

This law of a **gradual evolutionary expansion of the consciousness** indwelling every form is the cause of the spheroidal form of every life in the entire solar system.

Định luật về **sự mở rộng tiến hoá dần dần của tâm thức** nội tại trong mọi hình tướng này là nguyên nhân của hình cầu nơi mọi sự sống trong toàn thể hệ mặt trời.

44. We see that the production of the sphere is related to an innate tendency towards the expansion of consciousness.

44. Chúng ta thấy rằng việc tạo ra khối cầu có liên hệ với một khuynh hướng bẩm sinh hướng đến sự mở rộng của tâm thức.

45. The outer form derives from tendencies within the consciousness aspect of divinity.

45. Hình tướng bên ngoài phát sinh từ những khuynh hướng bên trong phương diện tâm thức của thiên tính.

46. As consciousness expands the form must form must accommodate the expansion by expanding.

46. Khi tâm thức mở rộng, hình tướng phải thích ứng với sự mở rộng ấy bằng cách tự mở rộng.

47. Then we might ask whether fully developed human beings are spherical in nature? This may not be a facetious question.

47. Khi ấy chúng ta có thể hỏi liệu những con người phát triển đầy đủ có mang bản chất hình cầu hay không? Đây có thể không phải là một câu hỏi đùa cợt.

It is a fact in nature that all that is in existence dwells within a sphere.[6]

Đó là một sự kiện trong bản chất rằng mọi thứ đang hiện hữu đều cư ngụ trong một khối cầu.6

48. This will have to be explained in light of the many apparently non-spherical forms. Yet even these forms dwell within *subtle* spheres. The fivefold form of man dwells with the causal and monadic spheres.

48. Điều này sẽ phải được giải thích dưới ánh sáng của nhiều hình tướng dường như không có dạng cầu. Tuy nhiên, ngay cả những hình tướng ấy cũng cư ngụ trong những khối cầu *vi tế*. Hình tướng ngũ phân của con người cư ngụ trong các khối cầu nguyên nhân và chân thần.

Footnote 6:

The Atom.—S. D., I, 113, 566. It is on the illusive nature of matter and the **infinite divisibility of the atom** that the whole Science of Occultism is built.

Chú thích 6:

Nguyên Tử.—S. D., I, 113, 566. Toàn bộ Khoa Học Huyền Bí Học được xây dựng trên bản chất ảo huyễn của vật chất và **tính khả phân vô hạn của nguyên tử**.

49. One can understand matter as a kind of "congestion" of energy which appears dense to the illusion-producing senses.

49. Người ta có thể hiểu vật chất như một loại "sự ứ đọng" của năng lượng, thứ xuất hiện là đậm đặc đối với các giác quan tạo ra ảo tưởng.

50. Is the atom *infinitely* divisible or is the term "infinite" not use in a strictly literal manner?

50. Nguyên tử có phải là *vô hạn* khả phân hay không, hay từ "vô hạn" không được dùng theo nghĩa hoàn toàn đen?

51. In the proposition of the "infinite divisibility of the atom" we have a difficult philosophical issue, especially if we try to reconcile infinite divisibility with a periodically appearing universe.

51. Trong mệnh đề về "tính khả phân vô hạn của nguyên tử", chúng ta có một vấn đề triết học khó khăn, đặc biệt nếu cố gắng dung hòa tính khả phân vô hạn với một vũ trụ xuất hiện theo chu kỳ.

1. Everything is atomic—God, Monads, atoms.

1. Mọi sự đều là nguyên tử—Thượng đế, các chân thần, các nguyên tử.

52. By an atom we mean a complete, self-contained unit or life.

52. Bởi nguyên tử, chúng ta muốn nói đến một đơn vị hay sự sống hoàn chỉnh, tự chứa đựng trong chính nó.

a. The sphere of solar manifestation..... God

a. Khối cầu của biểu lộ thái dương..... Thượng đế

53. From the point of view of man, the Solar Logos is "God".

53. Từ quan điểm của con người, Thái dương Thượng đế là "Thượng đế".

The mundane egg. The logoic auric egg Macrocosm

Noãn thế gian. Noãn hào quang logoi Đại thiên địa

54. The true and final macrocosm is vastly larger than this, but from the perspective of man, the logoic auric egg (including the causal body of the Solar Logos) must be considered the macrocosm. Perhaps the solar logoic monadic expression must also be included within the macrocosm. The solar logoic monadic auric egg would be the fullest representation of this particular macrocosm, but then is the term "mundane" really applicable to this greatest type of logoic auric egg?

54. Đại thiên địa chân thực và tối hậu còn lớn lao hơn thế này rất nhiều, nhưng từ góc nhìn của con người, noãn hào quang logoi (bao gồm thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế) phải được xem là đại thiên địa. Có lẽ biểu hiện chân thần logoi thái dương cũng phải được bao gồm trong đại thiên địa. Noãn hào quang chân thần logoi thái dương sẽ là biểu hiện đầy đủ nhất của đại thiên địa đặc thù này, nhưng khi ấy liệu từ "thế gian" có thực sự thích hợp với loại noãn hào quang logoi vĩ đại nhất này không?

55. Is H.P.B. saying that “the mundane egg” and “logoic auric egg” are equivalent?

55. Có phải H.P.B. đang nói rằng “noãn thế gian” và “noãn hào quang logoi” là tương đương không?

b. The sphere of monadic manifestation Monads

b. Khối cầu của biểu lộ chân thần Các chân thần

The monadic auric egg..... Microcosm

Noãn hào quang chân thần..... Tiểu thiên địa

56. The normal relation of macrocosm to microcosm is found in the relation between the Solar Logos and man.

56. Tương quan bình thường giữa đại thiên địa và tiểu thiên địa được tìm thấy trong tương quan giữa Thái dương Thượng đế và con người.

57. When we speak of the microcosm, we should not think only of the personality of man and even of his soul and personality. The Monad of man must be included and the monadic auric egg.

57. Khi nói đến tiểu thiên địa, chúng ta không nên chỉ nghĩ đến phàm ngã của con người, và ngay cả linh hồn cùng phàm ngã của y. Chân thần của con người và noãn hào quang chân thần cũng phải được bao gồm.

c. The sphere of the ultimate physical atom Atoms

c. Khối cầu của nguyên tử hồng trần tối hậu Các nguyên tử

58. What does DK mean here by “the ultimate physical atom”? Although He has discussed the tiny atom of substance which is etheric and appears on the atomic etheric subplane, has He actually discussed the *tiniest* atom of *all* types of matter? Probably not.

58. Ở đây Chân sư DK muốn nói gì bởi “nguyên tử hồng trần tối hậu”? Mặc dù Ngài đã bàn đến nguyên tử chất liệu cực nhỏ vốn là dĩ thái và xuất hiện trên cõi phụ nguyên tử dĩ thái, liệu Ngài đã thực sự bàn đến nguyên tử *nhỏ nhất* của *mọi* loại vật chất chưa? Có lẽ là chưa.

59. Perhaps, in this context, what is meant, after all, is the tiniest or ultimate atom of etheric substance. The etheric subplanes are part of the systemic *physical* plane There are, we have learned in our study of occultism, atoms far tinier but they are not part of the systemic physical plane.

59. Có lẽ, trong ngữ cảnh này, điều được hàm ý rốt cuộc là nguyên tử nhỏ nhất hay tối hậu của chất liệu dĩ thái. Các cõi phụ dĩ thái là một phần của cõi *hồng trần* hệ thống. Chúng ta đã học trong quá trình nghiên cứu huyền bí học rằng có những nguyên tử còn nhỏ hơn rất nhiều, nhưng chúng không thuộc cõi hồng trần hệ thống.

60. Even a bubble in the koilon is far larger than the tiniest possible “atom”.

60. Ngay cả một bong bóng trong koilon cũng lớn hơn rất nhiều so với “nguyên tử” nhỏ nhất khả hữu.

61. If H.P.B. is correct about infinite divisibility, then there is no tiniest possible atom, but the matter is debatable.

61. Nếu H.P.B. đúng về tính khả phân vô hạn, thì không có nguyên tử nhỏ nhất khả hữu, nhưng vấn đề này vẫn còn có thể tranh luận.

2. The solar system is a cosmic atom.

2. Hệ mặt trời là một nguyên tử vũ trụ.

62. The Solar Logos is a *cosmic* Being. His vehicle, our solar system, is as much an atom as the atom of substance known to the physicist and chemist.

62. Thái dương Thượng đế là một Hữu thể *vũ trụ*. Vận cụ của Ngài, hệ mặt trời của chúng ta, cũng là một nguyên tử chẳng kém gì nguyên tử chất liệu mà nhà vật lý và nhà hóa học biết đến.

3. Each plane is an atom or complete sphere.

3. Mỗi cõi là một nguyên tử hay một khối cầu hoàn chỉnh.

63. This is an important point as the manner in which the planes are usually presented creates in our minds a misconception as to their nature.

63. Đây là một điểm quan trọng vì cách các cõi thường được trình bày tạo ra trong trí tuệ chúng ta một ngộ nhận về bản chất của chúng.

64. The planes and subplanes are actually spherical and are atomic in their nature—but how we are to conceive their atomic nature is still undisclosed.

64. Các cõi và các cõi phụ thực ra có dạng cầu và có bản chất nguyên tử—nhưng chúng ta phải quan niệm bản chất nguyên tử của chúng như thế nào thì vẫn chưa được tiết lộ.

4. Each planet is an atom.

4. Mỗi hành tinh là một nguyên tử.

65. Is DK speaking of globes? Or is He referencing the level of a planetary chain? He seems to be speaking of the substantial nature of a Planetary Logos and not of His psychological nature.

65. Chân sư DK đang nói về các bầu hành tinh chăng? Hay Ngài đang quy chiếu đến cấp độ của một dãy hành tinh? Dường như Ngài đang nói về bản chất chất liệu của một Hành Tinh Thượng Đế chứ không phải bản chất tâm lý của Ngài.

66. Because a planetary scheme has chain and globe structures, within the planetary

66. Bởi vì một hệ hành tinh có các cấu trúc dãy và bầu hành tinh, nên bên trong nguyên

atom will be a number of very large subsidiary atoms—i.e., chains and globes.

tử hành tinh sẽ có một số nguyên tử phụ rất lớn—tức là các dãy và các bầu hành tinh.

5. Each Heavenly man is an atomic unit.

5. Mỗi Đấng Thiên Nhân là một đơn vị nguyên tử.

67. A Heavenly Man is much greater than a planet—if we consider a planet to be merely a globe. The Heavenly Man expresses through a planetary scheme and through all "planets' (i.e., globes) which are corporate parts of that scheme.

67. Một Đấng Thiên Nhân lớn lao hơn nhiều so với một hành tinh—nếu chúng ta xem hành tinh chỉ đơn thuần là một bầu hành tinh. Đấng Thiên Nhân biểu lộ qua một hệ hành tinh và qua mọi "hành tinh" (tức các bầu hành tinh) là những phần hợp thành của hệ ấy.

68. Of course it is possible to consider both Chain-Lords and Globe-Lords as types of Heavenly Man, though minor when compared with the Heavenly Man Who is the full Planetary Logos.

68. Dĩ nhiên có thể xem cả các Chúa Tể Dãy lẫn các Chúa Tể Bầu Hành Tinh như những loại Đấng Thiên Nhân, dù là thứ yếu khi so với Đấng Thiên Nhân là Hành Tinh Thượng Đế trọn vẹn.

6. Each human Monad is an **atom in the body of one of the Heavenly Men.**

6. Mỗi chân thần nhân loại là một **nguyên tử trong thể của một trong các Đấng Thiên Nhân.**

69. Let us look at the word "atom" in this context. Sometimes it is said that the human Monad is a "cell" within the body of Planetary Logos. It seems as if the term "atom" is being used in a generic sense and does not describe the magnitude of the human Monad in relation to the magnitude of a Heavenly Man.

69. Hãy nhìn vào từ "nguyên tử" trong ngữ cảnh này. Đôi khi người ta nói rằng chân thần nhân loại là một "tế bào" trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế. Dường như từ "nguyên tử" đang được dùng theo nghĩa tổng quát và không mô tả độ lớn của chân thần nhân loại trong tương quan với độ lớn của một Đấng Thiên Nhân.

7. The causal body is an atom, or sphere.

7. Thể nguyên nhân là một nguyên tử, hay khối cầu.

70. The implication is that every atom is spherical.

70. Hàm ý ở đây là mọi nguyên tử đều có dạng cầu.

71. The causal body, then, must have the same structure as every other atom.

71. Vậy thì thể nguyên nhân phải có cùng cấu trúc như mọi nguyên tử khác.

8. The physical plane elemental is an atomic unit.

72. This is interesting because, of all the elementals associated with the human energy system, the physical elemental (including, shall we say, the etheric vehicle) is least spherical. Even the causal body is said to sometime assume an ovoid shape instead of the shape of a sphere—depending, probably, upon the ray type of the Ego for whom the causal body is a vehicle.

What is an atom?

1. A sheath formed of the matter of the solar system in one or other of its seven grades and indwelt by life of some kind.

73. An atom is a sheath (spherical) indwelt by "life of some kind".

74. If an atom is a "sheath", within every atom is a "life"

a. Absolute intelligence informs each atom. —S. D., I, 298.

75. Presumably this means that the intelligence of the Solar Logos informs each atom. Expanding the range greatly, we could infer that the intelligence of the Universal Logos of all possible systems informs each atom.

8. Hành khí cõi hồng trần là một đơn vị nguyên tử.

72. Điều này thật thú vị vì, trong tất cả các hành khí liên kết với hệ thống năng lượng của con người, hành khí thể xác (bao gồm, giả sử, vận cụ dĩ thái) là ít có dạng cầu nhất. Ngay cả thể nguyên nhân đôi khi cũng được nói là mang hình trứng thay vì hình cầu—có lẽ tùy thuộc vào loại cung của chân ngã mà đối với chân ngã ấy, thể nguyên nhân là một vận cụ.

Nguyên tử là gì?

1. Một vỏ bọc được tạo thành từ vật chất của hệ mặt trời ở một hay một loại nào khác trong bảy cấp độ của nó và được một loại sự sống nào đó cư ngụ bên trong.

73. Một nguyên tử là một vỏ bọc (hình cầu) được "một loại sự sống nào đó" cư ngụ bên trong.

74. Nếu nguyên tử là một "vỏ bọc", thì bên trong mọi nguyên tử đều có một "sự sống"

a. Trí tuệ tuyệt đối thấm nhuần mỗi nguyên tử.—S. D., I, 298.

75. Có lẽ điều này có nghĩa là trí tuệ của Thái dương Thượng đế thấm nhuần mỗi nguyên tử. Mở rộng phạm vi rất nhiều, chúng ta có thể suy ra rằng trí tuệ của Thượng đế Vũ Trụ của mọi hệ khả hữu thấm nhuần mỗi nguyên tử.

76. The point is that although each atom of substance is elemental and, in a sense, an involutionary life, it is nevertheless *intelligent.* Substance is intelligent.

76. Điểm cốt yếu là tuy mỗi nguyên tử của chất liệu là hành khí và, theo một nghĩa nào đó, là một sự sống giáng hạ tiến hoá, nhưng dù vậy nó vẫn *thông minh.* Chất liệu là thông minh.

b. Absolute life informs each atom.—S. D., I, 278, 28l; II, 742, note.

b. Sự sống tuyệt đối thấm nhuần mỗi nguyên tử.—S. D., I, 278, 28l; II, 742, note.

77. This is more of the same and is a statement derived from Hylozoistic thought.

77. Đây cũng vẫn là cùng một ý và là một phát biểu phát sinh từ tư tưởng Hylozoism.

78. Philosophically, the Wholeness of God the Universal Logos is within each atom, no matter how tiny.

78. Về mặt triết học, Tính Toàn Thể của Thượng đế là Thượng đế Vũ Trụ ở trong mỗi nguyên tử, dù nhỏ bé đến đâu.

2. Atoms and souls are synonymous terms. —S. D., I, 620-622.

2. Nguyên tử và linh hồn là những thuật ngữ đồng nghĩa.—S. D., I, 620-622.

79. Every atom has consciousness, and nothing we usually (even esoterically) call an atom appears unless there is a 'soul-center' within it, generating it.

79. Mỗi nguyên tử đều có tâm thức, và không có gì mà chúng ta thường gọi là một nguyên tử (ngay cả theo nghĩa huyền bí) lại xuất hiện nếu không có một 'trung tâm linh hồn' bên trong nó, tạo ra nó.

80. There are no 'soulless' atoms.

80. Không có những nguyên tử 'vô hồn'.

a. In **this solar system** atoms and souls are synonymous terms. The Primordial Ray plus the Divine Ray of Wisdom.

a. Trong **hệ mặt trời này**, nguyên tử và linh hồn là những thuật ngữ đồng nghĩa. Cung Nguyên Sơ cộng với Cung thiêng liêng của Minh triết.

81. Atoms are examples of the union of the second and third aspects of divinity. It would seem that the first aspect must also be represented as the positive charge within the positive nucleus.

81. Các nguyên tử là những ví dụ về sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba của thiên tính. Có vẻ như phương diện thứ nhất cũng phải được biểu hiện như điện tích dương bên trong hạt nhân dương.

82. Notice, however, the phrase "in this solar system". The first aspect is not yet emphasized in this solar system, thus DK refers to only two rays as demonstrable in

82. Tuy nhiên, hãy lưu ý cụm từ "trong hệ mặt trời này". Phương diện thứ nhất chưa được nhấn mạnh trong hệ mặt trời này, vì thế Chân sư DK chỉ đề cập đến hai cung như

each atom. Technically, this is not correct. There can be no B/being in cosmos in which the first aspect is not, at least, latent.

có thể chứng minh được trong mỗi nguyên tử. Về mặt kỹ thuật, điều này không đúng. Không thể có B/sự hiện hữu nào trong vũ trụ mà phương diện thứ nhất lại không hiện diện, ít nhất là ở trạng thái tiềm ẩn.

b. In the previous solar system atoms and mind were probably synonymous terms. It resulted in the Primordial Ray of active intelligent matter, the basis of the present evolution.

b. Trong hệ mặt trời trước, nguyên tử và trí tuệ có lẽ là những thuật ngữ đồng nghĩa. Điều đó đã tạo ra Cung Nguyên Sơ của vật chất hoạt động thông minh, là nền tảng của tiến hoá hiện tại.

83. We can see how DK is developing the thought. Though it is true that all aspects of divinity must be simultaneously present, DK is emphasizing that aspect of the three which is most prominent in any of the three major solar systems.

83. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK đang triển khai tư tưởng này như thế nào. Dù đúng là mọi phương diện của thiên tính phải đồng thời hiện diện, Chân sư DK đang nhấn mạnh phương diện nào trong ba phương diện là nổi trội nhất trong bất kỳ một trong ba hệ mặt trời lớn nào.

84. In the previous solar system, if an atom manifested, mind manifested inescapably. This, though, is also true of atoms in this solar system, though the more subtle factor of soul has emerged more fully.

84. Trong hệ mặt trời trước, nếu một nguyên tử biểu lộ, trí tuệ tất yếu biểu lộ. Tuy nhiên, điều này cũng đúng với các nguyên tử trong hệ mặt trời này, dù yếu tố tinh tế hơn là linh hồn đã xuất hiện đầy đủ hơn.

85. In the next solar system, all three aspects of divinity will be present expressing through an atom, but, eventually, Spirit will be most prominent.

85. Trong hệ mặt trời kế tiếp, cả ba phương diện của thiên tính sẽ hiện diện khi biểu lộ qua một nguyên tử, nhưng rốt cuộc, tinh thần sẽ là phương diện nổi trội nhất.

c. In the next system atoms and the third factor, pure spirit may be synonymous terms. The Primordial Ray and The Divine Ray plus the third cosmic Ray of Will or Power.

c. Trong hệ kế tiếp, nguyên tử và yếu tố thứ ba, tinh thần thuần túy, có thể là những thuật ngữ đồng nghĩa. Cung Nguyên Sơ và Cung thiêng liêng cộng với Cung vũ trụ thứ ba của Ý Chí hay Quyền Năng.

86. There is an additive effect. No lesser factor in the Trinity is entirely relinquished, however, when a greater factor emerges into greater prominence.

86. Có một hiệu ứng cộng thêm. Tuy nhiên, không có yếu tố thấp hơn nào trong Ba Ngôi bị từ bỏ hoàn toàn khi một yếu tố cao hơn xuất hiện với mức độ nổi trội lớn hơn.

3. Atoms are inseparable from Spirit.—S. D., I, 367.

87. This is what I was suggesting above.

a. They are the sheaths through which the informing God manifests.

88. Each atom is a sheath. From this perspective the entire Universe is but an atom, a sheath.

b. The form of the sheath is a sphere.

89. This is the archetype, and some formal variations are said to occur.

90. Can we say then that the entire Universe, as an atom, is a sphere?

c. The quality of the sheath is latent love.

91. This means that the sheath will eventually develop a relationship of magnetic, appropriate coherence with every other sheath.

92. The quality of latent love is especially prominent in the sheaths found in *this* solar system.

d. The matter of the sheath is active intelligent substance.

93. Note that there can be no matter without intelligence, and no matter without activity. Even the blind elemental lives are intelligent in their own way—i.e., selectively responsive.

3. Nguyên tử không thể tách rời khỏi Tinh thần.—S. D., I, 367.

87. Đó là điều tôi đã gợi ý ở trên.

a. Chúng là những vỏ bọc mà qua đó Thượng đế thấm nhuần biểu lộ.

88. Mỗi nguyên tử là một vỏ bọc. Từ góc độ này, toàn thể Vũ trụ chỉ là một nguyên tử, một vỏ bọc.

b. Hình dạng của vỏ bọc là một khối cầu.

89. Đây là nguyên mẫu, và người ta nói rằng có xảy ra một số biến thể hình thức.

90. Vậy thì chúng ta có thể nói rằng toàn thể Vũ trụ, như một nguyên tử, là một khối cầu chăng?

c. Phẩm tính của vỏ bọc là tình thương tiềm ẩn.

91. Điều này có nghĩa là vỏ bọc rốt cuộc sẽ phát triển một mối liên hệ cố kết từ tính thích hợp với mọi vỏ bọc khác.

92. Phẩm tính của tình thương tiềm ẩn đặc biệt nổi trội trong những vỏ bọc được tìm thấy trong hệ mặt trời *này*.

d. Vật chất của vỏ bọc là chất liệu hoạt động thông minh.

93. Hãy lưu ý rằng không thể có vật chất mà không có trí tuệ, và không thể có vật chất mà không có hoạt động. Ngay cả những sự sống hành khí mù quáng cũng thông minh theo

cách riêng của chúng—tức là đáp ứng có chọn lọc.

The chemical atom is spheroidal;

Nguyên tử hóa học có dạng gần cầu;

94. This is largely confirmed by the modern physicist and chemist.

94. Điều này phần lớn đã được nhà vật lý và nhà hóa học hiện đại xác nhận.

man [Page 1041] dwells within a sphere, as does the planetary Logos and the solar Logos,

con người [Page 1041] cư ngụ trong một khối cầu, cũng như Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế,

95. DK is speaking of the auric nature of man, the Planetary Logos and Solar Logos.

95. Chân sư DK đang nói về bản chất hào quang của con người, của Hành Tinh Thượng Đế và của Thái dương Thượng đế.

this sphere being the form matter takes **when its own internal activity, and the activity of the form are working in unison.**

khối cầu này là hình tướng mà vật chất mang lấy **khi hoạt động nội tại của chính nó, và hoạt động của hình tướng đang vận hành đồng nhất.**

96. We are being told that when the third aspect of divinity and the second aspect of divinity work “in unison” the resultant form is the sphere.

96. Chúng ta được cho biết rằng khi phương diện thứ ba của thiên tính và phương diện thứ hai của thiên tính vận hành “đồng nhất”, hình tướng kết quả là khối cầu.

97. Form production is largely under the second ray which ray, particularly, tends towards the creation of sphericity.

97. Việc tạo ra hình tướng phần lớn nằm dưới cung hai, cung này đặc biệt có khuynh hướng tạo ra tính cầu thể.

98. To be factored in with this idea is the thought presented earlier that the positive charge acting upon the negative charge causes rotary motion.

98. Điều cần được đưa vào cùng với ý tưởng này là tư tưởng đã được trình bày trước đó rằng điện tích dương tác động lên điện tích âm gây ra chuyển động quay.

99. There are so many layers of hints in this text. We can see how the scientist of the future will receive many progressive hints from *A Treatise on Cosmic Fire*.

99. Có quá nhiều tầng lớp gợi ý trong bản văn này. Chúng ta có thể thấy nhà khoa học của tương lai sẽ nhận được nhiều gợi ý tiến bộ từ *Luận về Lửa Vũ Trụ*.

It requires the two types of force—rotary and spiral-cyclic—to produce this.

Cần đến hai loại mãnh lực—quay và xoắn ốc-chu kỳ—để tạo ra điều này.

100. We remember from the previous commentary that cyclic force has been associated with the second ray and spiral activity with the first ray. Together they produce spiral-cyclic motion, which seems to be the manner in which the first ray can make its impact in the present solar system —always, at this time, through the medium of the second ray.

100. Chúng ta nhớ từ phần bình luận trước rằng mãnh lực chu kỳ đã được liên kết với cung hai và hoạt động xoắn ốc với cung một. Cùng nhau chúng tạo ra chuyển động xoắn ốc-chu kỳ, dường như là cách mà cung một có thể tạo tác động của nó trong hệ mặt trời hiện tại—luôn luôn, vào lúc này, thông qua trung gian của cung hai.

101. Thus, in a way, all three aspects of divinity are involved in producing the spherical form: the rotary motion which represents the third ray and the spiral-cyclic motion which is a union of the first and second rays, though it is largely identified with the second ray when that type of motion is contrasted with the motion of "progress onward" or "driving forward through space".

101. Vì vậy, theo một cách nào đó, cả ba phương diện của thiên tính đều tham gia vào việc tạo ra hình tướng cầu thể: chuyển động quay tượng trưng cho cung ba và chuyển động xoắn ốc-chu kỳ là sự hợp nhất của cung một và cung hai, dù nó phần lớn được đồng nhất với cung hai khi loại chuyển động đó được đối chiếu với chuyển động "tiến lên phía trước" hay "lao tới xuyên qua không gian".

Scientists are beginning to recognise this more or less, and to realise that it is **the Law of Relativity, or the relation between all atoms,** which produces that which is called Light, and which, in its aggregated phenomena, forms that composite sphere, a solar system.

Các nhà khoa học đang bắt đầu nhận ra điều này ít nhiều, và chứng nghiệm rằng đó là **Định luật Tương đối, hay mối liên hệ giữa mọi nguyên tử,** điều tạo ra cái được gọi là Ánh sáng, và điều mà, trong các hiện tượng tổng hợp của nó, hình thành nên khối cầu tổng hợp ấy, một hệ mặt trời.

102. This may seem an obvious statement, but there is much in it which is *not* obvious and which points the way ahead for advanced students of physics.

102. Điều này có thể có vẻ là một phát biểu hiển nhiên, nhưng trong đó có nhiều điều *không* hiển nhiên và chỉ ra con đường phía trước cho những đạo sinh cao cấp của ngành vật lý.

103. DK is defining the Law of Relativity in a manner different from the way the usual scientist would define the "Theory of Relativity".

103. Chân sư DK đang định nghĩa Định luật Tương đối theo một cách khác với cách mà nhà khoa học thông thường sẽ định nghĩa "Thuyết Tương đối".

104. *Are* atoms light or is it the relationship between them which produces light. The Kabala tells us that all matter is light.

104. *Phải chăng* các nguyên tử là ánh sáng hay chính mối quan hệ giữa chúng tạo ra

ánh sáng? Kabala cho chúng ta biết rằng mọi vật chất đều là ánh sáng.

105. We note also that the solar system is a sphere. In many diagrams we are used to consider it somewhat planar, yet there are advanced astrologers who posit bodies within that solar system which revolve around the Sun in a manner perpendicular to the plane of the ecliptic.

105. Chúng ta cũng lưu ý rằng hệ mặt trời là một khối cầu. Trong nhiều sơ đồ, chúng ta quen xem nó như có phần phẳng, tuy nhiên có những nhà chiêm tinh học cao cấp cho rằng trong hệ mặt trời ấy có những thiên thể quay quanh Mặt Trời theo cách vuông góc với mặt phẳng hoàng đạo.

106. We note that it is not just the atoms which compose the composite sphere called the solar system, but the “aggregated phenomena” associated with such atoms. This deepens the question.

106. Chúng ta lưu ý rằng không chỉ các nguyên tử cấu thành khối cầu tổng hợp gọi là hệ mặt trời, mà còn cả những “hiện tượng tổng hợp” gắn liền với các nguyên tử ấy. Điều này làm cho vấn đề trở nên sâu sắc hơn.

107. One sees that revealing the mysteries contained in the "Garment of God" will be a very “piece-by-piece” process. The veil of ignorance is still very thick though much unveiling, relatively, has been accomplished.

107. Người ta thấy rằng việc vén mở các huyền nhiệm chứa trong "Y Phục của Thượng đế" sẽ là một tiến trình rất “từng mảnh một”. Bức màn vô minh vẫn còn rất dày dù tương đối mà nói, nhiều sự vén mở đã được hoàn thành.

The motion of the constellations external to the solar sphere is responsible for its form in conjunction with its own rotary motion in space.

Chuyển động của các chòm sao ở bên ngoài khối cầu mặt trời chịu trách nhiệm về hình dạng của nó kết hợp với chuyển động quay riêng của nó trong không gian.

108. DK has extended the atomic analogy to the cosmic sphere. The solar system, in this context, is analogized to the atom and the constellations external to the solar system are as other atoms or greater congeries of atoms.

108. Chân sư DK đã mở rộng phép loại suy nguyên tử sang khối cầu vũ trụ. Trong bối cảnh này, hệ mặt trời được ví như nguyên tử và các chòm sao ở bên ngoài hệ mặt trời giống như những nguyên tử khác hay những tập hợp nguyên tử lớn hơn.

109. We may correlate the motion of these external constellations with the second aspect of divinity, The rotary motion of our own solar system is correlated, naturally, to the third aspect.

109. Chúng ta có thể liên hệ chuyển động của các chòm sao bên ngoài này với phương diện thứ hai của thiên tính. Chuyển động quay của chính hệ mặt trời chúng ta dĩ nhiên được liên hệ với phương diện thứ ba.

110. It seems that the interplay of various atoms, greater and smaller, induces in the smaller atoms the shape of the sphere. Perhaps rotary motion inclines towards sphericity and the motion of external atoms inclines towards the sustainment of that sphericity.

110. Dường như sự tương tác của nhiều nguyên tử khác nhau, lớn và nhỏ, gây ra trong các nguyên tử nhỏ hơn hình dạng khối cầu. Có lẽ chuyển động quay nghiêng về tính cầu thể và chuyển động của các nguyên tử bên ngoài nghiêng về việc duy trì tính cầu thể ấy.

111. *Both* external constellations and our solar system, itself, are responsible for the appearance of the spherical form of our solar system.

111. *Cả* các chòm sao bên ngoài lẫn chính hệ mặt trời của chúng ta đều chịu trách nhiệm về sự xuất hiện của hình tướng cầu thể của hệ mặt trời chúng ta.

As the wave lengths of the light from the constellations, and their relation to the sun are better understood,

Khi các bước sóng của ánh sáng từ các chòm sao, và mối liên hệ của chúng với mặt trời được hiểu rõ hơn,

112. We may assume that these wave lengths do not occur only on the *systemic* etheric-physical plane…

112. Chúng ta có thể giả định rằng các bước sóng này không chỉ xuất hiện trên cõi dĩ thái-hồng trần *hệ thống*…

and as the effect of those wave lengths or light vibrations (which are either attractive to, or repulsive to, the sun) are understood, much will be revealed.

và khi hiệu quả của những bước sóng hay rung động ánh sáng ấy (vốn hoặc hấp dẫn đối với, hoặc đẩy lùi đối với, mặt trời) được hiểu rõ, nhiều điều sẽ được mặc khải.

113. DK is speaking of the subtle dynamics of cosmic interplay. He is also speaking of what we might call the 'Law of Affinity' and, presumably, the 'Law of Dis-affinity'.

113. Chân sư DK đang nói về động lực học vi tế của sự tương tác vũ trụ. Ngài cũng đang nói về điều mà chúng ta có thể gọi là 'Định luật Tương Hợp' và có lẽ là 'Định luật Bất Tương Hợp'.

114. At this stage of cosmic evolution, both harmony and disharmony exist between our Solar Logos and other Solar Logoi and Constellational Logoi.

114. Ở giai đoạn tiến hoá vũ trụ này, cả hài hòa lẫn bất hài hòa đều tồn tại giữa Thái dương Thượng đế của chúng ta với các Thái dương Thượng đế khác và các Thượng đế Chòm Sao.

115. And understanding of the dynamics of attraction and repulsion will lead to a deeper understanding of the function of our Solar

115. Và sự thấu hiểu về động lực của hấp dẫn và đẩy lùi sẽ dẫn đến sự thấu hiểu sâu sắc hơn về chức năng của Thái dương Thượng

Logos and His solar system within the local cosmosystem.

đế của chúng ta và hệ mặt trời của Ngài trong hệ vũ trụ cục bộ.

Little has as yet been grasped as to the effect [Page 1042] those constellations in the heavens (which are antagonistic to the solar system), have upon it,

Cho đến nay người ta vẫn còn hiểu rất ít về ảnh hưởng mà [Page 1042] những chòm sao trên trời ấy (vốn đối kháng với hệ mặt trời) tác động lên nó,

116. It seems that 'war' still rages in the heavens. It is not confined to the sphere of humanity.

116. Dường như 'chiến tranh' vẫn còn hoành hành trên các cõi trời. Nó không chỉ giới hạn trong phạm vi nhân loại.

117. Yet all apparent antagonisms on the cosmic scale must be intended to work towards an inconceivable 'Cosmic Good'. The greater Loves can make evil serve the Good (as is the case with our Solar Logos relative to the machination of the Black Lodge in our solar system). These greater Lives can also adapt lesser, temporarily antagonistic energies for the greater Purpose They intend. Can they adapt antagonistic energies from Entities equal to Themselves or still greater? That is another question. Perhaps repulsion is the only possibility.

117. Tuy nhiên, mọi đối kháng biểu kiến trên quy mô vũ trụ hẳn đều nhằm vận hành hướng tới một 'Thiện Hảo Vũ Trụ' không thể nghĩ bàn. Những Đấng Tình Thương lớn hơn có thể khiến điều ác phụng sự điều Thiện (như trường hợp Thái dương Thượng đế của chúng ta đối với mưu đồ của Hắc đoàn trong hệ mặt trời của chúng ta). Những Sự sống lớn hơn này cũng có thể thích ứng những năng lượng thấp hơn, tạm thời đối kháng, cho Mục Đích lớn hơn mà Các Ngài dự định. Liệu Các Ngài có thể thích ứng những năng lượng đối kháng từ các Thực Thể ngang hàng với Các Ngài hay còn lớn hơn nữa không? Đó là một câu hỏi khác. Có lẽ đẩy lùi là khả năng duy nhất.

118. But these matters are beyond us. We have still to bring the members of the human family into a state of purpose-compliant harmony, and we have a long way to go.

118. Nhưng những vấn đề này vượt ngoài tầm chúng ta. Chúng ta vẫn còn phải đưa các thành viên của gia đình nhân loại vào một trạng thái hài hòa phù hợp với mục đích, và chúng ta còn một chặng đường rất dài phải đi.

and **whose wave lengths it will not transmit**, **whose rays of light do not pierce** (if it might be expressed in so unscientific a manner) through the solar periphery.

và **những bước sóng nào nó sẽ không truyền dẫn**, **những tia sáng nào không xuyên thấu** (nếu có thể diễn đạt theo một cách thiếu khoa học như vậy) qua chu vi mặt trời.

119. We can see that our Solar Logos deflects certain rays from certain stellar and constellational sources. The factor of repulsion is operative and probably necessary if the Solar Logos is maintain His integrity and fulfill His Purpose.

119. Chúng ta có thể thấy rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta làm lệch hướng một số tia từ một số nguồn sao và chòm sao nhất định. Yếu tố đẩy lùi đang hoạt động và có lẽ là cần thiết nếu Thái dương Thượng đế muốn duy trì tính toàn vẹn của Ngài và hoàn thành Mục Đích của Ngài.

120. Some references discuss the idea that our solar system will not presently accept the full penetration of the first ray, considered cosmically.

120. Một số tài liệu tham chiếu bàn đến ý tưởng rằng hệ mặt trời của chúng ta hiện nay sẽ không chấp nhận sự xuyên nhập trọn vẹn của cung một, xét theo nghĩa vũ trụ.

121. We can bring the analogy into the human sphere when we discuss our response to the energy of various human individuals. We 'let in' the energy of some and deflect the energy of others.

121. Chúng ta có thể đưa phép loại suy này vào phạm vi con người khi bàn đến đáp ứng của chúng ta đối với năng lượng của những cá nhân khác nhau. Chúng ta 'đón nhận' năng lượng của một số người và làm lệch hướng năng lượng của những người khác.

We are told in the *Secret Doctrine* **that "the seven solar Rays dilate to seven suns and set fire to the whole cosmos**."[7] [S.D., II, 72]

Chúng ta được cho biết trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng **"bảy tia Thái dương nở rộng thành bảy mặt trời và đốt cháy toàn thể vũ trụ**."7 [S.D., II, 72]

122. This is either a statement referring to the vastness of the entire Universe or it relates to our own solar system—which is more likely.

122. Đây hoặc là một phát biểu nói đến sự bao la của toàn thể Vũ trụ, hoặc liên hệ đến chính hệ mặt trời của chúng ta—điều này có vẻ đúng hơn.

123. The term "cosmos" does not always mean the *entirety* of the Universe nor does the term "universe" always mean the 'Universal Entirety'. Sometimes, in the Teaching, the term "universe" simply means "solar system".

123. Thuật ngữ "vũ trụ" không phải lúc nào cũng có nghĩa là *toàn thể* Vũ trụ, và thuật ngữ "universe" cũng không phải lúc nào cũng có nghĩa là 'Toàn Thể Vũ Trụ'. Đôi khi, trong Giáo Huấn, thuật ngữ "universe" đơn giản chỉ có nghĩa là "hệ mặt trời".

This it is which **produces that final burning which ushers in the great pralaya, and brings to an end the logoic incarnation**.

Chính điều này **tạo ra sự bốc cháy cuối cùng ấy, mở đầu đại giai kỳ qui nguyên, và chấm dứt sự lâm phàm của Thượng đế.**

124. Yes, DK is definitely speaking of our solar system, though the same could be applied to each atom in a vast progression of ever-larger 'atoms'.

124. Đúng vậy, Chân sư DK chắc chắn đang nói về hệ mặt trời của chúng ta, dù điều tương tự cũng có thể được áp dụng cho mỗi nguyên tử trong một chuỗi tiến triển rộng lớn gồm những 'nguyên tử' ngày càng lớn hơn.

125. As logoic pralaya is about to occur, the one Sun becomes seven Suns.

125. Khi giai kỳ qui nguyên của Thượng đế sắp xảy ra, một Mặt Trời trở thành bảy Mặt Trời.

126. Perhaps there is an analogy to the conclusion of a human incarnation.

126. Có lẽ có một phép loại suy với sự kết thúc của một lần lâm phàm của con người.

127. The Solar Logos will reincarnate again in the next major solar system, but will so, apparently, without the participation of a causal body which should have been destroyed in this solar system, IF the Solar Logos achieves the fourth initiation as it is said He should. In fact, there are places in the teaching where we are told that He could achieve the fifth degree.

127. Thái dương Thượng đế sẽ tái lâm phàm lần nữa trong hệ mặt trời lớn kế tiếp, nhưng dường như sẽ làm như vậy mà không có sự tham gia của một thể nguyên nhân, vốn lẽ ra phải bị hủy diệt trong hệ mặt trời này, NẾU Thái dương Thượng đế đạt được lần điểm đạo thứ tư như người ta nói Ngài phải đạt. Thật ra, có những chỗ trong giáo huấn cho chúng ta biết rằng Ngài có thể đạt đến cấp độ thứ năm.

These seven Heavenly Men, in Whose bodies each human Monad and each deva finds his place, form the seven centres in the body of the Logos. He, in His turn, forms the Heart centre (for God is Love) of a still greater Entity. **The consummation of all for this solar system will be when the Logos takes His fifth initiation.** When all the sons of men attain the fifth initiation, He achieves. This is a great mystery and incomprehensible to us. (IHS 99)

Bảy Đấng Thiên Nhân này, trong các thể của Các Ngài mỗi chân thần nhân loại và mỗi thiên thần đều tìm thấy vị trí của mình, tạo thành bảy trung tâm trong thân thể của Thượng đế. Đến lượt Ngài, Ngài tạo thành trung tâm Tim (vì Thượng đế là Tình thương) của một Thực Thể còn lớn hơn nữa. **Sự viên mãn của tất cả đối với hệ mặt trời này sẽ là khi Thượng đế đạt lần điểm đạo thứ năm của Ngài.** Khi tất cả những người con của nhân loại đạt lần điểm đạo thứ năm, Ngài đạt được. Đây là một huyền nhiệm lớn lao và không thể hiểu nổi đối với chúng ta. (IHS 99)

128. What kind of incarnation is taken without the aid of causal body? Is it a 'mayavirupic' incarnation? Will the entire

128. Đó là loại lâm phàm nào được thực hiện mà không có sự trợ giúp của thể nguyên nhân? Có phải đó là một lần lâm phàm

next solar system be more in the form of a mayavirupa than the present one? Will it be a “will-created” solar system?

‘mayavirupic’ không? Toàn bộ hệ mặt trời kế tiếp sẽ mang hình thức của một mayavirupa nhiều hơn hệ hiện tại chăng? Nó sẽ là một hệ mặt trời “được tạo ra bởi ý chí” chăng?

It is produced under this Law of Expansion,

Nó được tạo ra dưới Định luật Mở Rộng này,

129. The final sevenfold display is produced under the Law of Expansion.

129. Sự biểu lộ thất phân cuối cùng được tạo ra dưới Định luật Mở Rộng.

130. When the one becomes the seven, it is a sign that synthesis has been achieved. Perhaps we can consider this phenomenon a symbol of the perfecting of all seven planes.

130. Khi cái một trở thành cái bảy, đó là dấu hiệu cho thấy tổng hợp đã được thành tựu. Có lẽ chúng ta có thể xem hiện tượng này là một biểu tượng của sự hoàn thiện của cả bảy cõi.

and causes that eventual merging and blending of the seven **sacred** planetary schemes

và gây ra sự hòa nhập và dung hợp sau cùng của bảy hệ hành tinh **thiêng liêng** ấy

131. Note this, as the non-sacred planetary schemes, if such still exist by that point of merging, will have merged with appropriate sacred planet well before the great merging towards the end of the objective solar system.

131. Hãy lưu ý điều này, vì các hệ hành tinh không thiêng liêng, nếu đến thời điểm hòa nhập ấy chúng vẫn còn tồn tại, sẽ đã hòa nhập với những hành tinh thiêng liêng thích hợp từ rất lâu trước cuộc đại hòa nhập vào cuối hệ mặt trời khách quan.

which marks the achievement of the goal, and their eventual perfection.

điều đánh dấu việc đạt được mục tiêu, và sự hoàn thiện sau cùng của chúng.

132. It becomes clear that towards the end of the solar systemic process, only seven sacred planetary schemes will remain, even though a number of additional planets, like the Earth, will be sacred before long. Still, its seems, their fate is to be absorbed before the greater merging.

132. Rõ ràng là về cuối tiến trình hệ mặt trời, chỉ còn lại bảy hệ hành tinh thiêng liêng, dù một số hành tinh bổ sung, như Trái Đất, chẳng bao lâu nữa sẽ trở nên thiêng liêng. Tuy nhiên, dường như số phận của chúng là bị hấp thu trước cuộc đại hòa nhập lớn hơn.

In occult literature this term **"Law of Expansion"** is limited to the discussion of the seven Rays, and to the subject of the *planetary* initiations. **When dealing with the expansions of consciousness of the**

Trong văn liệu huyền bí, thuật ngữ **"Định luật Mở Rộng"** này được giới hạn vào việc bàn về bảy cung, và về chủ đề các điểm đạo *hành tinh*. **Khi đề cập đến những sự mở rộng tâm thức của con người, và các điểm**

human being, and his initiations, we group them under the second "Law of Monadic Return."

đạo của y, chúng ta xếp chúng dưới "Định luật Trở Về của Chân Thần" thứ hai.

133. We are being given an important comparison. The "Law of Expansion" is analogous to the "Law of Monadic Return".

133. Chúng ta đang được trao cho một sự so sánh quan trọng. "Định luật Mở Rộng" tương tự với "Định luật Trở Về của Chân Thần".

134. The "seven Rays", in this instance, are the seven Ray Lords, or seven Planetary Logoi.

134. "Bảy cung", trong trường hợp này, là bảy Đấng Chúa Tể Cung, hay bảy Hành Tinh Thượng Đế.

135. We seem to be speaking of the expansion of the solar sphere and of the expansion of the planetary spheres within the solar sphere. More importantly, we are speaking of the expansion of *consciousness* for the Beings Who ensoul these spheres.

135. Dường như chúng ta đang nói về sự mở rộng của khối cầu mặt trời và sự mở rộng của các khối cầu hành tinh bên trong khối cầu mặt trời. Quan trọng hơn, chúng ta đang nói về sự mở rộng của *tâm thức* đối với các Đấng phú linh cho những khối cầu này.

136. Under the "Law of Monadic Return" the Monad, we may assume, 'expands' its consciousness within the context of its Planetary Logos and perhaps within the wider sphere in which it will seek evolution as it treads the Way of Higher Evolution.

136. Dưới "Định luật Trở Về của Chân Thần", chúng ta có thể giả định rằng chân thần 'mở rộng' tâm thức của nó trong bối cảnh Hành Tinh Thượng Đế của nó và có lẽ trong khối cầu rộng lớn hơn, nơi nó sẽ tìm kiếm tiến hoá khi bước đi trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu.

137. We should remember that the "Law of Expansion" relates primarily to consciousness and secondarily to the production of spherical form which embodies that consciousness and through which that consciousness must express.

137. Chúng ta nên nhớ rằng "Định luật Mở Rộng" chủ yếu liên hệ đến tâm thức và thứ yếu liên hệ đến việc tạo ra hình tướng cầu thể hiện thân cho tâm thức ấy và qua đó tâm thức ấy phải biểu lộ.

Students should here remember that we are dealing with the **expansions of consciousness**

Các đạo sinh ở đây nên nhớ rằng chúng ta đang đề cập đến **những sự mở rộng tâm thức**

138. We are speaking of expansions of *consciousness.* We are not speaking of material or substantial expansions. DK sees fit to reiterate the idea because of our tendency to materialize concepts.

138. Chúng ta đang nói về những sự mở rộng của *tâm thức.* Chúng ta không nói về những sự mở rộng vật chất hay chất liệu. Chân sư DK thấy cần nhắc lại ý tưởng này vì khuynh

hướng hiện hình các khái niệm của chúng ta.

of a planetary Logos through the medium of:

của một Hành Tinh Thượng Đế thông qua:

a. The chains.

a. Các Dãy.

b. The rounds.

b. Các cuộc tuần hoàn.

c. The kingdoms of nature.

c. Các giới trong thiên nhiên.

d. The root races.

d. Các giống dân gốc.

139. There are given in descending order of scope, though the kingdoms of nature are expressions of *systemic* Beings and not just planetary Beings.

139. Chúng được đưa ra theo thứ tự giảm dần về phạm vi, dù các giới trong thiên nhiên là những biểu hiện của các Đấng *hệ thống* chứ không chỉ của các Đấng hành tinh.

140. In any case, various types of forms are used by E/entities as they seek the expansion of their consciousness.

140. Dù sao đi nữa, nhiều loại hình tướng khác nhau được các T/thực thể sử dụng khi chúng tìm kiếm sự mở rộng tâm thức của mình.

It should be remembered that the consciousness He is in process of developing is that of the absolute will and purpose of the solar Logos, as it is the expression of the **desire** of the cosmic Logos.[8]

Cần nhớ rằng tâm thức mà Ngài đang trong tiến trình phát triển là tâm thức của ý chí và mục đích tuyệt đối của Thái dương Thượng đế, vì đó là biểu hiện của **dục vọng** của Thượng đế vũ trụ.8

141. This statement puts things in proportion. The Solar Logos, we learn in other references, is still attempting to achieve cosmic mental polarization but, relative to a Planetary Logos, is a "Lion of Cosmic Will", and demonstrates, relatively, “absolute will”.

141. Phát biểu này đặt mọi sự vào đúng tỉ lệ. Qua những tham chiếu khác, chúng ta biết rằng Thái dương Thượng đế vẫn đang cố gắng đạt đến sự phân cực trí tuệ vũ trụ, nhưng so với một Hành Tinh Thượng Đế, Ngài là một "Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ", và tương đối mà nói, biểu lộ “ý chí tuyệt đối”.

142. What is *will* for our Solar Logos is *desire* for our local Cosmic Logos, Whose Will must be something far greater still.

142. Điều là *ý chí* đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta lại là *dục vọng* đối với Thượng đế Vũ Trụ cục bộ của chúng ta, mà Ý Chí của Ngài hẳn còn là một điều lớn lao hơn rất nhiều nữa.

143. The strange thing in all these statements is that the meaning of "absolute" is "relative"—relative to the ring-pass-not to which it refers.

143. Điều lạ lùng trong tất cả những phát biểu này là ý nghĩa của "tuyệt đối" lại là "tương đối"—tương đối với vòng-giới-hạn mà nó quy chiếu đến.

Footnote 8:

The **four sub-divisions of desire** should be studied in the Brahmana of the Sama-veda.

Chú thích 8:

Bốn **phân bộ của dục vọng** nên được nghiên cứu trong Brahmana của Sama-veda.

144. The fifth ray (of Aryan consciousness) will always produce divisions and sub-divisions. Yet, for all that, the mind is kept organized by such divisions.

144. Cung năm (của tâm thức Arya) sẽ luôn tạo ra các phân chia và phân bộ. Tuy nhiên, dù vậy, trí tuệ vẫn được giữ cho có tổ chức nhờ những sự phân chia ấy.

(1) The desire to know; whence

(1) Dục vọng muốn biết; từ đó có

(2) the desire to possess; thereafter

(2) dục vọng muốn sở hữu; sau đó là

(3) the desire to secure possession, i.e., to take the necessary steps, the action, that will bring possession; and finally

(3) dục vọng muốn bảo đảm sự sở hữu, tức là thực hiện những bước cần thiết, hành động sẽ đem lại sự sở hữu; và cuối cùng là

145. All of these seems to be expressions of Taurean energy. Taurus, of course, is a strong expression of the energy of desire.

145. Tất cả những điều này dường như đều là những biểu hiện của năng lượng Kim Ngưu. Dĩ nhiên, Kim Ngưu là một biểu hiện mạnh mẽ của năng lượng dục vọng.

(4) the attainment—these respectively are the four sub-divisions, **cognitive-desire, desire-proper, active-desire and summation-desire**.

(4) sự đạt được—tương ứng, đây là bốn phân bộ: **dục vọng nhận thức, dục vọng đúng nghĩa, dục vọng hoạt động và dục vọng tổng kết**.

146. We see from the term "cognitive-desire" that the mind is involved in the process—not only the desire body. As well, the personality enters with its grasping nature.

146. Chúng ta thấy từ thuật ngữ "dục vọng nhận thức" rằng trí tuệ có tham gia vào tiến trình—không chỉ riêng thể dục vọng. Đồng thời, phàm ngã cũng tham gia với bản chất chộp bắt của nó.

147. Of course there are *soul*-possessions too.

147. Dĩ nhiên cũng có những sự sở hữu *của linh hồn* nữa.

148. We see that the "Law of Expansion" is related to the out-reaching of desire.

148. Chúng ta thấy rằng "Định luật Mở Rộng" có liên hệ với sự vươn ra của dục vọng.

149. From another perspective, we see a descent from the mental to the astral to the physical plane. We could even think that phase number three correlates with the etheric body and phase four, “summation-desire” with a final expression upon the physical plane.

149. Từ một góc nhìn khác, chúng ta thấy một sự giáng xuống từ cõi trí đến cõi cảm dục rồi đến cõi hồng trần. Chúng ta thậm chí có thể nghĩ rằng giai đoạn số ba tương ứng với thể dĩ thái và giai đoạn bốn, “tổng hợp-dục vọng”, với một biểu hiện chung cuộc trên cõi hồng trần.

150. Of course, some objects of desire are *not* physical at all, and so “summation-desire” cannot be considered strictly physical.

150. Dĩ nhiên, một số đối tượng của dục vọng hoàn toàn *không* mang tính hồng trần, và vì vậy “tổng hợp-dục vọng” không thể được xem là hoàn toàn thuộc hồng trần.

151. Taurus is that sign of the zodiac particularly related to the factor of desire.

151. Kim Ngưu là dấu hiệu hoàng đạo đặc biệt liên hệ với yếu tố dục vọng.

"The ruler of desire is Shiva and his instruction to his sub-hierarchs takes this shape:

"Chủ tinh của dục vọng là Shiva và huấn thị của ông dành cho các huyền giai phụ thuộc của ông mang hình thức này:

152. We pay attention to the word “ruler”, for Shiva is the Lord of Will and will *rules* desire. Yet Shiva’s emblem is the Trident, the symbol of Neptune, and from one perspective, the astral plane on which desire is focussed.

152. Chúng ta chú ý đến từ “chủ tinh”, vì Shiva là Chúa Tể của Ý Chí và ý chí *cai quản* dục vọng. Tuy nhiên, biểu tượng của Shiva là Cây Đinh Ba, biểu tượng của Sao Hải Vương, và từ một góc nhìn nào đó, của cõi cảm dục nơi dục vọng được tập trungd.

Behold, our work is the work of destruction. The order and the way thereof are these. This should be destroyed first, this afterwards; and such and such work of the nature of negation should be performed.

Hãy nhìn xem, công việc của chúng ta là công việc hủy diệt. Trật tự và phương cách của nó là như thế này. Điều này phải bị hủy diệt trước, điều kia sau đó; và công việc này công việc nọ thuộc bản chất phủ định phải được thực hiện.

153. Shiva—the ‘Lord of Negation’, the purpose of which is to reveal the reality which has been confined in form.

153. Shiva—‘Chúa Tể của Phủ Định’, mà mục đích là làm lộ ra thực tại đã bị giam hãm trong hình tướng.

First, make enquiry, entertain the 'desire to know,' and thoroughly and fully understand the nature of the I and the This. Then entertain the desire to possess, 'I shall obtain the This and the I.' Having obtained them, you will pass on to the Negation, to the declaration, 'no (I want them no more).'

Trước hết, hãy truy cứu, nuôi dưỡng 'dục vọng muốn biết', và thấu hiểu một cách trọn vẹn và đầy đủ bản chất của Cái Tôi và Cái Này. Rồi hãy nuôi dưỡng dục vọng muốn sở hữu, 'Tôi sẽ đạt được Cái Này và Cái Tôi.' Sau khi đã đạt được chúng, bạn sẽ tiến đến Phủ Định, đến lời tuyên bố, 'không (tôi không còn muốn chúng nữa).'

154. Negation is an aspect of the process which was not discussed above—the idea that negation must necessarily follow consummation. It is the fifth factor.

154. Phủ định là một phương diện của tiến trình đã không được bàn đến ở trên—ý niệm rằng phủ định tất yếu phải theo sau sự hoàn mãn. Đó là yếu tố thứ năm.

In the Negation is the summation, sam-a-hara, 'bringing all together,' and it is the sam-hara also, the 'taking all in,' re-absorption, destruction."—Pranava-Vada, p. 364.

Trong Phủ Định có sự tổnghợp, sam-a-hara, 'mang tất cả lại cùng nhau,' và cũng là sam-hara, 'thu tất cả vào trong,' tái hấp thu, hủy diệt."—Pranava-Vada, tr. 364.

155. This excerpt gives the basis for planetary obscuration, synthesis and reabsorption. No form can be allowed to remain what it is forever. If so, it would become a permanent veil upon reality.

155. Đoạn trích này cung cấp cơ sở cho sự che khuất hành tinh, sự tổng hợp và sự tái hấp thu. Không hình tướng nào có thể được phép mãi mãi giữ nguyên như nó vốn là. Nếu vậy, nó sẽ trở thành một bức màn thường tồn che phủ thực tại.

156. VSK reminds us: “Note that the Pranava Vada is on www.makara.us, thanks to Dr. Guy Pettitt: http://www.makara.us/05ref/01books/pranavavada/pv_toc.htm”

156. VSK nhắc chúng ta: “Lưu ý rằng Pranava Vada có trên www.makara.us, nhờ Dr. Guy Pettitt: http://www.makara.us/05ref/01books/pranavavada/pv_toc.htm”

Therefore, the expansions might be grouped as follows: [Page 1043]

Vì vậy, các sự mở rộng có thể được nhóm lại như sau: [Page 1043]

157. In the statements below, note the interesting use of “desire” and “will”.

157. Trong các phát biểu dưới đây, hãy lưu ý cách dùng thú vị của “dục vọng” và “ý chí”.

1. The solar Logos expands His consciousness to include the **desire** of the cosmic Logos.

1. Thái dương Thượng đế mở rộng tâm thức của Ngài để bao gồm **dục vọng** của Thượng đế Vũ Trụ.

158. It is the *will* of the Solar Logos to include the *desire* of the Cosmic Logos.

158. Đó là *ý chí* của Thái dương Thượng đế nhằm bao gồm *dục vọng* của Thượng đế Vũ Trụ.

159. The ancient saying, so often used ironically in the modern world, here applies: "Your wish is my command!"

159. Câu nói cổ xưa, vốn thường được dùng với ý mỉa mai trong thế giới hiện đại, ở đây lại thích hợp: "Điều bạn mong muốn là mệnh lệnh của tôi!"

160. A being cannot expand into the higher or highest aspect of a greater being, but only into a lower aspect. We rise to the "feet" of the Solar Angel. We do not rise immediately to its heart or head.

160. Một hữu thể không thể mở rộng vào phương diện cao hơn hay cao nhất của một hữu thể lớn hơn, mà chỉ có thể vào một phương diện thấp hơn. Chúng ta vươn lên đến "bàn chân" của Thái dương Thiên Thần. Chúng ta không lập tức vươn lên đến tim hay đầu của Ngài.

2. The planetary Logos expands His consciousness to measure up to the **will** and purpose of the Solar Logos.

2. Hành Tinh Thượng Đế mở rộng tâm thức của Ngài để vươn tới **ý chí** và mục đích của Thái dương Thượng đế.

161. Presumably the Planetary Logos is already responding to the *desire* of the Solar Logos. Presumably the Solar Logos has not yet been able to fulfill even the *desire* of the Cosmic Logos, let alone the *will* of that greater Being.

161. Có lẽ Hành Tinh Thượng Đế đã đang đáp ứng với *dục vọng* của Thái dương Thượng đế. Có lẽ Thái dương Thượng đế vẫn chưa thể hoàn thành ngay cả *dục vọng* của Thượng đế Vũ Trụ, huống chi là *ý chí* của Hữu thể vĩ đại hơn ấy.

162. May we presume that a Planetary Logos is much closer in its development to a Solar Logos than a Solar Logos is to a Cosmic Logos (consisting of seven major Solar Logoi and perhaps many other subsidiary Solar Logoi)?

162. Chúng ta có thể giả định rằng một Hành Tinh Thượng Đế gần với Thái dương Thượng đế hơn nhiều trong sự phát triển của Ngài so với mức Thái dương Thượng đế gần với Thượng đế Vũ Trụ hay không (gồm bảy Thái dương Thượng đế chính và có lẽ nhiều Thái dương Thượng đế phụ thuộc khác)?

163. The vehicles for the Planetary Logoi, the planets, are said in *The Secret Doctrine* to be born along with the Sun, the vehicle of the Solar Logos. (Maritanda and His seven Brothers.)

163. Các vận cụ của các Hành Tinh Thượng Đế, tức các hành tinh, được nói trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* là được sinh ra cùng với Mặt Trời, vận cụ của Thái dương Thượng đế. (Maritanda và bảy Huynh Đệ của Ngài.)

164. As we study the sequence presented here by DK, we see, so far, an alternation—measuring up to desire, to will and again to desire but the sequence is not perfect.

164. Khi nghiên cứu trình tự do Chân sư DK trình bày ở đây, cho đến nay chúng ta thấy một sự luân phiên—vươn tới dục vọng, tới ý chí rồi lại tới dục vọng, nhưng trình tự này không hoàn toàn chuẩn xác.

3. The Lords of the Chains are working at the desire consciousness (the love nature) of the planetary Logos.

3. Các Đấng Giải Thoát của các Dãy đang hoạt động trên tâm thức dụcvọng (bản chất bác ái) của Hành Tinh Thượng Đế.

165. The relation of the Chain-Lord to the Planetary Logos is analogous to the relation of the Solar Logos to His Cosmic Logos.

165. Mối liên hệ của Chúa Tể Dãy với Hành Tinh Thượng Đế tương đồng với mối liên hệ của Thái dương Thượng đế với Thượng đế Vũ Trụ của Ngài.

166. The relation of a Planetary Logos to the Solar Logos is not however analogous to the relation of a Globe-Lord to a Planetary Logos.

166. Tuy nhiên, mối liên hệ của một Hành Tinh Thượng Đế với Thái dương Thượng đế lại không tương đồng với mối liên hệ của một Chúa Tể Bầu Hành Tinh với Hành Tinh Thượng Đế.

4. The informing Lives of the globe in the chain **are working at the intelligent consciousness** of the planetary Logos.

4. Các Sự Sống phú linh của bầu hành tinh trong dãy **đang hoạt động trên tâm thức trí tuệ** của Hành Tinh Thượng Đế.

167. The Globe-Lord is at two removes from the Planetary Logos. Perhaps, using analogy, we could say that a Planetary Logos would be working at the intelligent consciousness of a Cosmic Logos?

167. Chúa Tể Bầu Hành Tinh cách Hành Tinh Thượng Đế hai cấp. Có lẽ, dùng phép tương đồng, chúng ta có thể nói rằng một Hành Tinh Thượng Đế sẽ hoạt động trên tâm thức trí tuệ của một Thượng đế Vũ Trụ chăng?

168. One thing of importance—it is again confirmed for us that there *are* intelligent Lives manifesting through both chains and globes.

168. Một điều quan trọng—ở đây lại được xác nhận cho chúng ta rằng quả thật *có* những Sự Sống trí tuệ biểu hiện qua cả các dãy lẫn các bầu hành tinh.

169. One wonders about Their developmental position along the Path of the Planetary Logoi.

169. Người ta tự hỏi vị trí phát triển của Các Ngài nằm ở đâu trên Con đường của Hành Tinh Thượng Đếi.

This can be worked out in connection with a globe in a chain (such as our earth-chain) in the following manner.

Điều này có thể được suy ra liên hệ với một bầu hành tinh trong một dãy (chẳng hạn như dãy địa cầu của chúng ta) theo cách sau.

170. DK becomes specific in relation to our globe, chain and Planetary Logos hoping to give us some more practical understanding of the principles He has just stated.

170. Chân sư DK trở nên cụ thể hơn liên hệ với bầu hành tinh, dãy và Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, với hy vọng đem lại cho chúng ta một sự thấu hiểu thực tiễn hơn về các nguyên lý mà Ngài vừa nêu.

The Lord of the world, the planetary Logos,

Đức Chúa Tể Thế Giới, Hành Tinh Thượng Đế,

171. Notice, in this case, the Lord of the World is called the Planetary Logos and not Sanat Kumara.

171. Hãy lưu ý, trong trường hợp này, Đức Chúa Tể Thế Giới được gọi là Hành Tinh Thượng Đế chứ không phải Đức Sanat Kumara.

172. There really is no *essential* difference between Sanat Kumara and the Planetary Logos. Sanat Kumara, the Lord of the World is the Planetary Logos in a certain type of expression and at a 'certain depth of immersion' within the substances of the Earth-scheme.

172. Thật ra không có khác biệt *cốt yếu* nào giữa Đức Sanat Kumara và Hành Tinh Thượng Đế. Đức Sanat Kumara, Đức Chúa Tể Thế Giới, là Hành Tinh Thượng Đế trong một loại biểu hiện nhất định và ở một 'độ sâu nhập vào' nhất định trong các chất liệu của hệ hành tinh Địa Cầu.

in physical incarnation, works at His own peculiar problem, the bringing through (into physical manifestation upon the planet) of the *purpose* or will of the solar Logos in any particular scheme.

đang lâm phàm trên cõi hồng trần, hoạt động trên vấn đề đặc thù của riêng Ngài, là đưa vào (vào biểu hiện hồng trần trên hành tinh) *mục đích* hay ý chí của Thái dương Thượng đế trong bất kỳ hệ hành tinh đặc thù nào.

173. Our Planetary Logos is responsive to the will or purpose aspect of our Solar Logos which He expresses through His Emanation, Sanat Kumara—expressing especially within the fourth chain and upon our globe, the fourth globe.

173. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đáp ứng với phương diện ý chí hay mục đích của Thái dương Thượng đế của chúng ta, mà Ngài biểu lộ qua Xuất lộ của Ngài, Đức Sanat Kumara—biểu lộ đặc biệt trong dãy thứ tư và trên bầu hành tinh của chúng ta, bầu hành tinh thứ tư.

This He does through meditation.

Ngài thực hiện điều này qua tham thiền.

174. And, thus, we are given a very strong hint about the manner in which *we* can impress our will upon a lesser sphere as we attempt to respond to the will and purpose of a greater source.

The **totality of Dhyan Chohans of the fifth or spiritual kingdom are occupied with the working out into active manifestation of the will and purpose of the planetary Logos**.

175. Here is the relation between the one and the five—will and purpose work out through the number five. The structure of the Tetraktys reveals this.

176. All those who have taken the first initiation and have, therefore, entered the fifth kingdom, are, to some degree, in process of becoming Dhyan Chohans—a term with much flexibility of application.

177. Masters and Arhats are, from this perspective, Dhyan Chohans.

The human family, or the fourth kingdom, is seeking to make manifest the desire, or love nature, of the planetary Logos.

178. This statement has to be compared to the labor or task of a Globe-Lord—which related to the intelligence aspect of the Planetary Logos.

179. Is humanity responding to the Planetary Logos on His own plane or to the desire nature of Sanat Kumara—the emanative representative of our Planetary Logos.

174. Và như vậy, chúng ta được ban cho một gợi ý rất mạnh về cách thức mà *chúng ta* có thể gây ấn tượng ý chí của mình lên một khối cầu nhỏ hơn khi cố gắng đáp ứng với ý chí và mục đích của một nguồn lớn hơn.

Tổng thể các Dhyan Chohan của giới thứ năm hay giới tinh thần đang bận rộn với việc triển khai vào biểu hiện tích cực ý chí và mục đích của Hành Tinh Thượng Đế.

175. Ở đây là mối liên hệ giữa số một và số năm—ý chí và mục đích được triển khai qua số năm. Cấu trúc của Tetraktys cho thấy điều này.

176. Tất cả những ai đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất và do đó đã bước vào giới thứ năm, ở một mức độ nào đó, đều đang trong tiến trình trở thành các Dhyan Chohan—một thuật ngữ có phạm vi áp dụng rất linh hoạt.

177. Các Chân sư và các A La Hán, từ góc nhìn này, là các Dhyan Chohan.

Gia đình nhân loại, hay giới thứ tư, đang tìm cách biểu lộ dục vọng, hay bản chất bác ái, của Hành Tinh Thượng Đế.

178. Phát biểu này phải được so sánh với lao động hay nhiệm vụ của một Chúa Tể Bầu Hành Tinh—vốn liên hệ đến phương diện trí tuệ của Hành Tinh Thượng Đế.

179. Nhân loại đang đáp ứng với Hành Tinh Thượng Đế trên chính cõi của Ngài hay với bản chất dục vọng của Đức Sanat Kumara—đại diện xuất lộ của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta?

180. If we follow the possible analogies, we see that the human kingdom has the same relation to the Planetary Logos (or Sanat Kumara) as does the Chain-Lord.

180. Nếu chúng ta theo các phép tương đồng khả dĩ, chúng ta thấy rằng giới nhân loại có cùng mối liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế (hay Đức Sanat Kumara) như Chúa Tể Dãy vậy.

181. We could also say that the human kingdom has the same relationship to the Planetary Logos as the Solar Logos has to the Cosmic Logos!

181. Chúng ta cũng có thể nói rằng giới nhân loại có cùng mối liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế như Thái dương Thượng đế có với Thượng đế Vũ Trụ!

182. We see that the three sub-human kingdoms have the same relation to the Planetary Logos (or Sanat Kumara) as the Globe-Lord has to the Planetary Logos.

182. Chúng ta thấy rằng ba giới dưới nhân loại có cùng mối liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế (hay Đức Sanat Kumara) như Chúa Tể Bầu Hành Tinh có với Hành Tinh Thượng Đế.

183. These analogies are rough and there are scale issues involved. I believe it is most productive to consider the relation of the kingdoms *on our globe* as relations to the Planetary Logos as He manifests through Sanat Kumara *on our globe.*

183. Những phép tương đồng này còn thô và có những vấn đề về tỷ lệ liên quan. Tôi tin rằng điều hữu ích nhất là xem xét các mối liên hệ của các giới *trên bầu hành tinh của chúng ta* như những mối liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài biểu hiện qua Đức Sanat Kumara *trên bầu hành tinh của chúng ta.*

The **three subhuman kingdoms have for objective the [Page 1044] manifesting of the intelligent nature of the planetary Logos**.

Ba giới dưới nhân loại có mục tiêu là [Page 1044] biểu lộ bản chất trí tuệ của Hành Tinh Thượng Đế.

184. As stated above. Probably we could divide the three kingdoms according to their relation to the three aspects of the intelligence nature of the Planetary Logos (on our globe).

184. Như đã nói ở trên. Có lẽ chúng ta có thể phân chia ba giới theo mối liên hệ của chúng với ba phương diện của bản chất trí tuệ của Hành Tinh Thượng Đế (trên bầu hành tinh của chúng ta).

185. The analogies given are just the 'seed of potential discovery'. In the new schools intricate papers could be written on a number of these analogical relationships and many new insights would appear.

185. Những phép tương đồng được đưa ra chỉ là 'hạt giống của khám phá tiềm năng'. Trong các trường học mới, những khảo luận tinh vi có thể được viết về một số mối liên hệ

tương đồng này và nhiều minh triết mới sẽ xuất hiện.

186. Information about the length of time it takes to develop from one atomic stage to another could be inferred.

186. Thông tin về khoảng thời gian cần thiết để phát triển từ một giai đoạn nguyên tử này sang giai đoạn khác có thể được suy ra.

All this done under the Law of Expansion, **by the method of spiralling progression, cyclic growth, rotary repetition**,

Tất cả điều này được thực hiện dưới Định luật Mở Rộng, **bằng phương pháp tiến trình xoắnốc, tăng trưởng theo chu kỳ, lặp lại quay tròn**,

187. Notice how in this sentence, DK discriminates the three factors according to their rays: spiraling progression suggests a combination of the first and second rays—being the particular manner in which the first ray can express in a second ray solar system.

187. Hãy lưu ý cách trong câu này, Chân sư DK phân biện ba yếu tố theo các cung của chúng: tiến trình xoắn ốc gợi ý một sự kết hợp của cung một và cung hai—là cách thức đặc thù mà cung một có thể biểu lộ trong một hệ mặt trời cung hai.

188. Cyclic growth is definitely to be correlated with the second ray.

188. Tăng trưởng theo chu kỳ chắc chắn phải được tương liên với cung hai.

189. Rotary repetition is correlated with the third ray.

189. Lặp lại quay tròn được tương liên với cung ba.

190. Perhaps we can differentiate spiralling progression (even though it has its cyclic dimension) from "cyclic growth", by considering "cyclic growth" as 'growth through repetition'. It would have less of the truly progressive action in it, less of the driving forward. It would be like saying, "We learn with every repetition." Thus there is advancement and not strict repetition.

190. Có lẽ chúng ta có thể phân biệt tiến trình xoắn ốc (dù nó có chiều kích chu kỳ của nó) với "tăng trưởng theo chu kỳ", bằng cách xem "tăng trưởng theo chu kỳ" như là 'tăng trưởng qua lặp lại'. Nó sẽ có ít hành động thực sự tiến bộ hơn, ít lực thúc đẩy tiến lên hơn. Điều đó giống như nói, "Chúng ta học được điều gì đó qua mỗi lần lặp lại." Vì vậy có sự tiến bộ chứ không phải sự lặp lại nghiêm ngặn.

191. "Spiralling progression" however, suggests a forced learning process because the cyclic returns are far less similar than in the process of "cyclic growth".

191. Tuy nhiên, "tiến trình xoắn ốc" gợi ý một tiến trình học tập bị thúc ép, bởi vì những lần quay trở lại theo chu kỳ ít giống nhau hơn nhiều so với trong tiến trình "tăng trưởng theo chu kỳ".

192. We see we have to make some fine discriminations here. It is not simply a question of naming ray one motion as 'driving and progressive'; ray two motion as spiral-cyclic; and ray three motion as rotary and repetitive. There are overlaps.

192. Chúng ta thấy rằng ở đây phải thực hiện một số phân biện tinh tế. Đây không đơn giản chỉ là vấn đề gọi chuyển động cung một là 'thúc đẩy và tiến bộ'; chuyển động cung hai là xoắn ốc-chu kỳ; và chuyển động cung ba là quay tròn và lặp lại. Có những chỗ chồng lấn.

and **the summation of each greater spiral is the expansion of the consciousness into that of the sphere which enclosed the lesser ovoid,** and the escape of the life imprisoned in the sphere.

và **sự tổnghợp của mỗi vòng xoắn lớn hơn là sự mở rộng của tâm thức vào tâm thức của khối cầu đã bao bọc noãn cầu nhỏ hơn,** và sự giải thoát của sự sống bị giam cầm trong khối cầu ấy.

193. We are speaking not only of expansion but of a consummating 'alchemical escape'.

193. Chúng ta đang nói không chỉ về sự mở rộng mà còn về một 'sự thoát ra mang tính luyện kim' có tính hoàn mãn.

194. Apparently consciousness expands much more rapidly through "spiralling progression" than through mere cyclic activity however modestly growthful it may be.

194. Rõ ràng tâm thức mở rộng nhanh hơn nhiều qua "tiến trình xoắn ốc" so với qua hoạt động chu kỳ đơn thuần, dù hoạt động ấy có tính tăng trưởng khiêm tốn đến đâu.

195. Expansion comes under the second ray and the escape (necessitating a previous destruction) comes under the first though the Greater Life has exerted a magnetic attractive influence on the escaping essence, thus involving the second ray in the escape process.

195. Sự mở rộng thuộc cung hai và sự thoát ra (đòi hỏi một sự hủy diệt trước đó) thuộc cung một, dù Sự sống Vĩ Đại đã tác động một ảnh hưởng hấp dẫn từ tính lên tinh chất đang thoát ra, do đó lôi kéo cung hai vào tiến trình thoát ra.

196. Another thing DK is saying is that expansion occurs via spirals. One can think of a way that expansion could occur via a widening cyclic activity—widening or less on its own plane.

196. Một điều khác Chân sư DK đang nói là sự mở rộng xảy ra qua các vòng xoắn. Người ta có thể nghĩ đến một cách mà sự mở rộng có thể xảy ra qua một hoạt động chu kỳ mở rộng dần—mở rộng nhiều hay ít trên chính cõi của nó.

197. Perhaps we could refer one aspect of second ray motion to this type of cyclic 'widening'. It would promote growth but not

197. Có lẽ chúng ta có thể quy một phương diện của chuyển động cung hai cho loại 'mở rộng' theo chu kỳ này. Nó sẽ thúc đẩy tăng trưởng nhưng không phải tiến bộ thực sự.

real progression. It would lack the thrust of the vertical dimension

Nó sẽ thiếu lực đẩy của chiều kích thẳng đứng

198. Are we saying then that to attain the vertical dimension, the influence of the first ray (even if modified and moderated) is needed?

198. Vậy thì chúng ta có đang nói rằng để đạt được chiều kích thẳng đứng, cần có ảnh hưởng của cung một (dù đã được biến đổi và điều hòa) hay không?

It is merged in its greater whole. As the fires of the sphere concerned blaze up, the **"fire by friction" which produces rotary motion**, and "**solar fire," which is the basis of the spiral-cyclic activity**, **blend and merge**.

Nó được hòa nhập vào toàn thể lớn hơn của nó. Khi các ngọn lửa của khối cầu liênhệ bùng lên, **"Lửa ma sát" tạo ra chuyển động quay tròn**, và "**Lửa Thái dương," là nền tảng của hoạt động xoắn ốc-chu kỳ**, **hòa lẫn và dung hợp**.

199. And presumably, as well, they *rise.*

199. Và có lẽ, đồng thời, chúng cũng *vươn lên.*

200. The blending and merging of these two fires produces an even more destructive force for liberation.

200. Sự hòa lẫn và dung hợp của hai ngọn lửa này tạo ra một mãnh lực hủy diệt còn lớn hơn nữa để giải thoát.

201. Now here, we have “spiral cyclic” activity as something promoted by “solar fire”.

201. Giờ đây ở đây, chúng ta có hoạt động “xoắn ốc-chu kỳ” như một điều được thúc đẩy bởi “Lửa Thái dương”.

202. Must we then discriminate between “spiralling progression” and “spiral-cyclic motion”?

202. Vậy thì chúng ta có phải phân biện giữa “tiến trình xoắn ốc” và “chuyển động xoắn ốc-chu kỳ” hay không?

203. Can we say that spiral-cyclic activity is produced entirely by the second ray and solar fire and does not have the influence of the first ray driving the cyclic motion forward into a spiral? I think we have to be careful here not to exclude the first ray from spiral-cyclic motion.

203. Chúng ta có thể nói rằng hoạt động xoắn ốc-chu kỳ được tạo ra hoàn toàn bởi cung hai và Lửa Thái dương, và không có ảnh hưởng của cung một thúc đẩy chuyển động chu kỳ tiến lên thành một vòng xoắn hay không? Tôi nghĩ ở đây chúng ta phải cẩn thận để không loại trừ cung một khỏi chuyển động xoắn ốc-chu kỳ.

204. The concept of the widening or expanding rotation to be associated with the second ray is important, I think. It gives

204. Khái niệm về sự quay tròn mở rộng hay nở rộng gắn với cung hai, theo tôi, là quan trọng. Nó đem lại tăng trưởng trên một bình

growth on a horizontal plane without vertical progression.

205. At the conflagration both lunar elementals and Solar Angels of various kinds are liberated. As this happens fire by friction and solar fire blend and merge. For the unit in process of liberation, love and intelligence are fully fused.

The ring-pass-not of the confining spheroidal wall is negated, and a blaze results.

206. If there is sufficient expansion from the center, ring-pass-nots are threatened. Pressure is put upon them and they cannot withstand it.

The old Commentary expressed this as follows in connection with the planets, and it is equally, though relatively, true, of the atom of substance, or the solar atom:

207. So the analogies are ours to make.

1. "The life pulsates, and the pole performs its function. The sphere revolves in many cycles. As it revolves it senses other spheres, and seeks to know their secret.

208. This phase is the one governed initially by rotary motion. It is the *individual* phase.

209. The function of the positive pole is to engage with the negative atoms in the unit, thus causing rotation.

diện ngang mà không có sự tiến triển theo chiều dọc.

205. Trong cuộc đại hỏa hoạn, cả các hành khí thái âm lẫn các Thái dương Thiên Thần thuộc nhiều loại khác nhau đều được giải thoát. Khi điều này xảy ra, Lửa ma sát và Lửa Thái dương hòa lẫn và dung hợp. Đối với đơn vị đang trong tiến trình giải thoát, bác ái và trí tuệ được dung hợp hoàn toàn.

Vòng-giới-hạn của bức tường hình cầu giam hãm bị phủ định, và một ngọn lửa bùng phát.

206. Nếu có đủ sự mở rộng từ trung tâm, các vòng-giới-hạn sẽ bị đe dọa. Áp lực được đặt lên chúng và chúng không thể chống đỡ nổi.

Cổ Luận diễn tả điều này như sau liên hệ với các hành tinh, và điều đó cũng đúng, dù theo tỷ lệ tương đối, đối với nguyên tử của chất liệu, hay nguyên tử thái dương:

207. Vì vậy, những phép tương đồng là điều chúng ta phải tự thực hiện.

1. "Sự sống rung động, và cực thực hiện chức năng của nó. Khối cầu quay vòng trong nhiều chu kỳ. Khi quay vòng, nó cảm nhận các khối cầu khác, và tìm cách biết bí mật của chúng.

208. Đây là giai đoạn ban đầu được chi phối bởi chuyển động quay tròn. Đó là giai đoạn *cá nhân*.

209. Chức năng của cực dương là tham gia với các nguyên tử âm trong đơn vị, nhờ đó gây ra sự quay tròn.

210. We can wonder here whether the word "revolves" do not, in a more technical sense, mean "rotates".

210. Ở đây chúng ta có thể tự hỏi liệu từ "quay vòng" theo nghĩa kỹ thuật hơn có phải là "tự quay" hay không.

211. The sign Cancer represents the 'self-contained sphere'. Initially, it produces the self-absorbed consciousness. But there is an interesting mantram which emerges in relation to the developing Cancerian individual: "the unit awakens to that which is around". If we compare this process to the process indicated by "as it revolves it senses other spheres and seeks to know their secret", we see a definite analogy. What is indicated is a movement from response to the third aspect of divinity only, to response to both the third aspect and the second aspect—the aspect which relates to *others.*

211. Cự Giải tượng trưng cho 'khối cầu tự khép kín'. Ban đầu, nó tạo ra tâm thức tự hấp thu. Nhưng có một mantram thú vị xuất hiện liên hệ với cá nhân Cự Giải đang phát triển: "đơn vị thức tỉnh với điều ở chung quanh". Nếu chúng ta so sánh tiến trình này với tiến trình được chỉ ra bởi câu "khi quay vòng, nó cảm nhận các khối cầu khác và tìm cách biết bí mật của chúng", chúng ta thấy một phép tương đồng rõ rệt. Điều được chỉ ra là một sự chuyển động từ đáp ứng chỉ với phương diện thứ ba của thiên tính, sang đáp ứng với cả phương diện thứ ba lẫn phương diện thứ hai—phương diện liên hệ đến *những kẻ khác.*

2. They meet each other. **They seek a greater intimacy or reject with hatred any more approach.**

2. Chúng gặp nhau. **Chúng tìm kiếm một sự thân mật lớn hơn hoặc khước từ với lòng căm ghét bất kỳ sự tiến gần thêm nào.**

212. Now the Law of Attraction and Repulsion comes into effect. The issue of relationship becomes paramount and the quality of that relationship results in attraction, repulsion or, we may safely say, indifference.

212. Giờ đây Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi bắt đầu có hiệu lực. Vấn đề quan hệ trở nên tối quan trọng, và phẩm tính của mối quan hệ ấy dẫn đến hấp dẫn, đẩy lùi hoặc, chúng ta có thể yên tâm nói, điềm nhiên.

Some pass away; others return and marry.

Một số đi qua; những kẻ khác quay lại và kết hôn.

213. Those who "pass away" reject any further contact. Others form unions, marriages, based upon affinity.

213. Những kẻ "đi qua" khước từ mọi tiếp xúc thêm nữa. Những kẻ khác tạo thành các kết hợp, các cuộc hôn phối, dựa trên sự tương hợp.

They know each other.

Chúng biết nhaur.

214. This suggests interpenetration and union. This type of fusion is part of the 'universal regathering' under the impulse of desire and then love, and leads eventually to universal reunification.

214. Điều này gợi ý sự xuyên nhập lẫn nhau và sự hợp nhất. Loại dung hợp này là một phần của 'sự quy tụ lại phổ quát' dưới xung lực của dục vọng rồi đến bác ái, và cuối cùng dẫn đến sự tái hợp nhất phổ quát.

They spiral through their courses hand in hand.

Chúng xoắn ốc qua các quỹ đạo của mình tay trong tay.

215. Here DK is speaking of the lasting 'marriages' which involve not only human beings but also planets, stars and probably even constellations, galaxies and still larger structures.

215. Ở đây Chân sư DK đang nói về những 'cuộc hôn phối' bền vững không chỉ liên quan đến con người mà còn cả các hành tinh, các ngôi sao và có lẽ cả các chòm sao, các thiên hà và những cấu trúc còn lớn hơn nữa.

216. The discussion of *spiral* motion is interesting, because it suggests that in a real, spiritual marriage, both parties ascend—*together*. The thought is very beautiful

216. Cuộc bàn luận về chuyển động *xoắn ốc* thật thú vị, vì nó gợi ý rằng trong một cuộc hôn phối tinh thần đích thực, cả hai bên đều thăng lên—*cùng nhau*. Ý tưởng này rất đẹp

217. As an interesting aside, astronomers note more binary stars than isolated stars. Could these binaries indicate "stellar" marriage relationships!? ☽

217. Nhân tiện, các nhà thiên văn lưu ý rằng có nhiều sao đôi hơn là sao cô lập. Liệu những sao đôi này có chỉ ra các mối quan hệ hôn phối "tinh tú" chăng!? ☽

Through union the fires blaze up, the two become the one, and live again in their Son, **who is the Third**."

Qua sự hợp nhất, các ngọn lửa bùng lên, hai trở thành một, và lại sống trong Con của mình, **Đấng là Thứ Ba**."

218. Here we have indicated the consummation of the relationship, presumably in an act of love.

218. Ở đây chúng ta thấy được chỉ ra sự hoàn mãn của mối quan hệ, có lẽ trong một hành vi bác ái.

219. The mode by which lives within the universe progress is here given. The parents live in their child. This is so physically but also in subtler ways.

219. Phương thức mà các sự sống trong vũ trụ tiến bộ được nêu ra ở đây. Cha mẹ sống trong con mình. Điều này đúng về mặt hồng trần nhưng cũng đúng theo những cách tinh tế hơn.

220. But, who *is* the child?

220. Nhưng, ai *là* đứa con?

Through the study of these significant words students may learn somewhat concerning "polar affinity," the "Marriage in the Heavens," the transference of the germs of life from the **male attractive planet** to the negative and receptive one, and finally, at a later period, **the absorption of the life of the two planets by a third planet, who is called occultly "the Son."**

Qua việc nghiên cứu những lời đầy thâm nghĩa này, các đạo sinh có thể học được phần nào về "sự tương hợp cực tính," "Cuộc Hôn Phối trên Thiên Giới," sự chuyển dịch các mầm sống từ hành tinh trong Thiên Giới **nam có tính hấp dẫn** sang hành tinh âm và tiếp nhận, và cuối cùng, vào một thời kỳ muộn hơn, **sự hấp thu sự sống của hai hành tinh bởi một hành tinh thứ ba, được gọi một cách huyền bí là "Người Con."**

221. Much is implied here. Let us tabulate for clarity. We are dealing with--

221. Ở đây hàm chứa rất nhiều điều. Chúng ta hãy lập bảng cho rõ. Chúng ta đang đề cập đến--

a. The subject of “polar affinity”

a. Chủ đề “sự tương hợp cực tính”

b. The “Marriage in the Heavens”

b. “Cuộc Hôn Phối trên Thiên Giới”

c. The transference of the germs of life from male to female

c. Sự chuyển dịch các mầm sống từ nam sang nữ

d. The absorption of the life of two planets by a third—occultly, the “Son”.

d. Sự hấp thu sự sống của hai hành tinh bởi một hành tinh thứ ba—về mặt huyền bí, là “Người Con”.

222. Some points deserve closer consideration.

222. Một số điểm đáng được xem xét kỹ hơn.

223. We are speaking of planets, but we could speak of any types of atoms. Here we find the “male attractive planet”, which may seem an unusual idea. In nature, however, we often find that the male of the species has greater color (and the female is more plain), in order to attract the female. Usually, one would think that the negative pole would be the attractive unit, but here is it put differently. This assignment of attractiveness to the male correlates with the idea that magnetism is associated more with the first ray than with the second.

223. Chúng ta đang nói về các hành tinh, nhưng cũng có thể nói về bất kỳ loại nguyên tử nào. Ở đây chúng ta gặp “hành tinh nam có tính hấp dẫn”, điều này có vẻ là một ý tưởng khác thường. Tuy nhiên, trong thiên nhiên, chúng ta thường thấy con đực của loài có màu sắc nổi bật hơn (và con cái thì đơn giản hơn), để thu hút con cái. Thông thường, người ta sẽ nghĩ rằng cực âm mới là đơn vị hấp dẫn, nhưng ở đây lại được trình bày khác đi. Việc gán tính hấp dẫn cho nam tính này tương liên với ý tưởng rằng từ điện gắn với cung một nhiều hơn là với cung hai.

224. It is interesting that the "Son" absorbs the life of the two planets. This is so during the process of descent, or generation, but during the process of abstraction, the planets which stand for the "Father Aspect" absorb lesser planets. This later type of absorption is the work of synthesis. Yet below, such a synthesising planet is also called "the Son".

224. Điều thú vị là "Con" hấp thu sự sống của hai hành tinh. Điều này đúng trong tiến trình giáng xuống, hay phát sinh, nhưng trong tiến trình trừu xuất, các hành tinh tượng trưng cho "Phương diện Cha" lại hấp thu các hành tinh nhỏ hơn. Kiểu hấp thu sau này là công việc của sự tổng hợp. Tuy nhiên, ở cấp thấp hơn, một hành tinh như thế cũng được gọi là "Con".

This refers to the synthesising planet which forms the apex of the solar triangle.

Điều này nói đến hành tinh tổng hợp tạo thành đỉnh của tam giác thái dương.

225. How fascinating to hear the "synthesizing planet" called the "Son" when such a planet is really in the role of the primogenitor. Well—DK stresses that such a planet is "occultly" the "Son".

225. Thật hấp dẫn khi nghe "hành tinh tổng hợp" được gọi là "Con", trong khi một hành tinh như thế thực ra giữ vai trò của đấng sinh thành đầu tiên. DK nhấn mạnh rằng một hành tinh như thế, "một cách huyền bí", là "Con".

226. Perhaps that which is born between two merging planets is not so much a lesser planet which needs care and 'upbringing' as a capacity to be absorbed by a still greater planet. Perhaps we must contrast generation (which does not seem to apply in this case) to 're-generation'—the birth of that which is greater and 'higher' than either of the parents, or at least the birth of the power to be 'lifted up'.

226. Có lẽ điều được sinh ra giữa hai hành tinh đang dung nhập không hẳn là một hành tinh nhỏ hơn cần được chăm sóc và "nuôi dưỡng", mà là một năng lực để được hấp thu bởi một hành tinh còn lớn hơn nữa. Có lẽ chúng ta phải đối chiếu sự phát sinh (dường như không áp dụng trong trường hợp này) với "tái sinh" — sự ra đời của cái gì đó lớn hơn và "cao hơn" cả hai đấng sinh thành, hoặc ít nhất là sự ra đời của quyền năng được "nâng lên".

227. What seems to be suggested is that if two planets 'marry' they will be absorbed the same synthesizing planet. At least this is one possible interpretation.

227. Điều dường như được gợi ý là nếu hai hành tinh "kết hôn" thì chúng sẽ được hấp thu bởi cùng một hành tinh tổng hợp. Ít nhất đây là một cách diễn giải khả dĩ.

228. There are most probably a number of marriages and mergings *before* the time comes to be merged into one of the synthesizing planets.

228. Rất có thể có một số cuộc hôn phối và sự dung nhập *trước* khi thời điểm đến để được dung nhập vào một trong các hành tinh tổng hợp.

229. So let us remember—the "Son" may indicate an absorbing, synthesizing planet.

229. Vì vậy, chúng ta hãy nhớ rằng — "Con" có thể chỉ một hành tinh hấp thu, tổng hợp.

In summing up the **effect of the union of individual atomic rotary motion and the spiral cyclic activity of all [Page 1045] atomic groups,**

Khi tóm lược **ảnh hưởng của sự hợp nhất giữa chuyển động quay nguyên tử cá biệt và hoạt động chu kỳ xoắn ốc của mọi [Page 1045] nhóm nguyên tử,**

230. We remember from the last commentary that a dual energy produced by the union of the first and second aspects unites with a third energy representing the third aspect.

230. Chúng ta nhớ từ phần bình luận trước rằng một năng lượng nhị nguyên do sự hợp nhất của phương diện thứ nhất và thứ hai tạo ra sẽ kết hợp với một năng lượng thứ ba tượng trưng cho phương diện thứ ba.

it is necessary to point out, therefore, that the following units are affected.

do đó, cần chỉ ra rằng các đơn vị sau đây bị tác động.

The essential individual atom. Its evolutionary progress **towards self-determination**

Nguyên tử cá biệt cốt yếu. Sự tiến hoá của nó **hướng tới sự tự quyết định**

231. Does this term mean "individualization"?

231. Thuật ngữ này có nghĩa là "biệt ngã hóa" chăng?

232. This is another difficult philosophical problem based on the assumption of a pyramidal structure to the Universe.

232. Đây là một vấn đề triết học khó khác, dựa trên giả định rằng Vũ trụ có một cấu trúc hình tháp.

is brought about by the effect of its group activity, **or the motion of the form modifying its own inherent action**.

được mang lại bởi ảnh hưởng của hoạt động nhóm của nó, **hay chuyển động của hình tướng làm biến đổi hoạt động cố hữu của chính nó**.

233. The life of every atom is modified by the form in which it finds itself imbedded.

233. Sự sống của mỗi nguyên tử đều bị biến đổi bởi hình tướng mà nó thấy mình được cắm vào trong đó.

234. The form pertains to the second aspect. The second aspect (the enveloping aspect as far as any atom is concerned) modifies the third aspect without negating it.

234. Hình tướng thuộc về phương diện thứ hai. Phương diện thứ hai (phương diện bao bọc, xét theo bất kỳ nguyên tử nào) làm biến

đổi phương diện thứ ba mà không phủ nhận nó.

235. The group modifies the individual.

235. Nhóm làm biến đổi cá thể.

The atomic form, likewise an atomic unit, rotating on its own axis

Hình tướng nguyên tử, cũng là một đơn vị nguyên tử, quay trên trục riêng của nó

236. Is this the form composed of all similar atoms? Or are we simply speaking of congeries of similar atoms?

236. Đây có phải là hình tướng được cấu thành bởi mọi nguyên tử tương tự không? Hay chúng ta chỉ đang nói đến những tập hợp các nguyên tử tương tự?

237. It would seem that the first possibility is not likely, as DK speaks of an "embracing kingdom". We know that not all atoms of the same type are embraced by the same kingdom.

237. Dường như khả năng thứ nhất không có vẻ đúng, vì DK nói đến một "giới bao trùm". Chúng ta biết rằng không phải mọi nguyên tử cùng loại đều được bao trùm bởi cùng một giới.

238. We know at least this—that the "atomic form" is composed of many atoms and it not the individual atom.

238. Ít nhất chúng ta biết điều này — "hình tướng nguyên tử" được cấu thành bởi nhiều nguyên tử và không phải là nguyên tử cá biệt.

and influenced and driven

và bị ảnh hưởng và được thúc đẩy

239. It is the "spiral" aspect of "spiral-cyclic motion" which *drives* the form towards the center of a higher microcosm. The "spiral" aspect corresponds, in this solar system, with the first ray.

239. Chính phương diện "xoắn ốc" của "chuyển động xoắn ốc-chu kỳ" *thúc đẩy* hình tướng hướng về trung tâm của một tiểu thiên địa cao hơn. Phương diện "xoắn ốc" tương ứng, trong hệ mặt trời này, với cung một.

towards the centre of force of a higher **macrocosm by the activity of its embracing kingdom.**

hướng về trung tâm lực của một **đại thiên địa cao hơn nhờ hoạt động của giới bao trùm nó.**

240. We are speaking of the kingdom in which the atomic form is embraced. Within this kingdom there are series of progressively higher centers towards which the atomic form is "influenced and driven"

240. Chúng ta đang nói đến giới trong đó hình tướng nguyên tử được bao trùm. Trong giới này có những chuỗi trung tâm ngày càng cao hơn mà hình tướng nguyên tử bị "ảnh hưởng và được thúc đẩy" hướng tới.

241. What is important is that the greater embracing life has a propulsive and elevating effect upon the units of life it embraces.

241. Điều quan trọng là sự sống bao trùm lớn hơn có một tác động đẩy tới và nâng cao đối với các đơn vị sự sống mà nó bao trùm.

242. The following Rule from *The Rays and the Initiations* demonstrates this principle. "Let the group see that all the eighteen fires die down and that the lesser lives return unto the reservoir of life. This they must bring about through the evocation of the Will".

242. Quy luật sau đây từ *The Rays and the Initiations* minh họa nguyên lý này. "Hãy để nhóm thấy rằng tất cả mười tám ngọn lửa đều lắng xuống và các sự sống nhỏ hơn trở về hồ chứa của sự sống. Điều này họ phải mang lại qua sự gợi lên Ý Chí".

243. We gather that if any unit of life were left simply to itself it would not progress at all rapidly, if at all. Relationship is needed to promote progression.

243. Chúng ta hiểu rằng nếu bất kỳ đơn vị sự sống nào bị để mặc hoàn toàn cho chính nó, nó sẽ không tiến bộ nhanh, nếu có tiến bộ chút nào. Cần có tương quan để thúc đẩy sự tiến triển.

244. We gather that an "atomic form" is found within a specific kingdom, so the "atomic form" cannot signify all atoms of the same type, but perhaps only those that within a given kingdom.

244. Chúng ta hiểu rằng một "hình tướng nguyên tử" được tìm thấy trong một giới nhất định, vì thế "hình tướng nguyên tử" không thể biểu thị tất cả các nguyên tử cùng loại, mà có lẽ chỉ những nguyên tử ở trong một giới nhất định.

245. All these proposals notwithstanding, it is difficult to know precisely what "the atomic form" is.

245. Bất chấp mọi đề nghị này, thật khó biết chính xác "hình tướng nguyên tử" là gì.

The human atom, self-determined and individual, **yet driven progressively forward by the influence of its group**, or the potent activity of the Heavenly Man in Whose body it is the cell.

Nguyên tử nhân loại, tự quyết định và cá biệt, **nhưng vẫn được thúc đẩy tiến lên dần dần bởi ảnh hưởng của nhóm của nó**, hay bởi hoạt động mãnh liệt của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài nó là một tế bào.

246. The major group of the human unit is collection of lives which constitute the Heavenly Man. The human unit is merely a cell within that larger life. Earlier it was called an "atom" but it seems the term "atom" was being used generically and not

246. Nhóm lớn của đơn vị nhân loại là tập hợp các sự sống cấu thành Đấng Thiên Nhân. Đơn vị nhân loại chỉ là một tế bào trong sự sống lớn hơn ấy. Trước đó nó được gọi là một "nguyên tử", nhưng dường như thuật ngữ "nguyên tử" đã được dùng theo nghĩa tổng quát chứ không nhằm chỉ phần

with reference to the specific part played within the larger organism.

vai trò chuyên biệt mà nó đảm nhiệm trong cơ thể lớn hơn.

247. Humanity is also a group which contains the human atom, and has its promotive effect upon that atom.

247. Nhân loại cũng là một nhóm chứa nguyên tử nhân loại, và có tác động thúc đẩy của nó lên nguyên tử ấy.

248. Note the words "driven progressively forward" as they suggest the first ray mode of motion called "progress onward". The array of group energies and forces which impinge on the unit are stimulative of progress. The major propulsive factor is the will of the life of the great including whole.

248. Hãy lưu ý các từ "được thúc đẩy tiến lên dần dần" vì chúng gợi ý phương thức chuyển động của cung một được gọi là "tiến bước về phía trước". Toàn bộ các năng lượng và mãnh lực nhóm tác động lên đơn vị đều kích thích sự tiến bộ. Nhân tố đẩy tới chủ yếu là ý chí của sự sống của toàn thể lớn bao gồm đó.

249. DK is approaching the whole quality of group consciousness and group effect from an 'atomic' perspective. He is looking at the whole matter from an abstract and technical perspective which reveals more clearly the principle involved.

249. DK đang tiếp cận toàn bộ phẩm tính của tâm thức nhóm và ảnh hưởng nhóm từ một góc nhìn "nguyên tử". Ngài đang xem xét toàn bộ vấn đề từ một góc nhìn trừu tượng và kỹ thuật, nhờ đó nguyên lý liên hệ được bộc lộ rõ ràng hơn.d

250. We recognize that to speak of the "human atom" is a very impersonal way of dealing with the human being.

250. Chúng ta nhận ra rằng nói về "nguyên tử nhân loại" là một cách rất phi ngã tính khi đề cập đến con người.

The planetary atom, equally **self-determined**,

Nguyên tử hành tinh, cũng **tự quyết định**,

251. This term "self determined" or "self determination" is an important descriptor of atomic process. Either an atom tends towards "self-determination", or already possesses it. This is the Leo dynamic within all atoms.

251. Thuật ngữ "tự quyết định" hay "sự tự quyết định" này là một mô tả quan trọng của tiến trình nguyên tử. Hoặc một nguyên tử hướng tới "sự tự quyết định", hoặc nó đã sở hữu điều đó. Đây là động lực Sư Tử bên trong mọi nguyên tử.

a composite of all planetary groups, rotating on its own axis, yet conforming to the cyclic-spiralling action, induced by the activity of the greater sphere in which it finds its place.

là một tổng hợp của mọi nhóm hành tinh, quay trên trục riêng của nó, nhưng vẫn tuân theo tác động chu kỳ-xoắn ốc, được gây ra bởi hoạt động của khối cầu lớn hơn trong đó nó tìm thấy vị trí của mình.

252. The Solar Logos is the “greater sphere” in which the planetary atom finds its place. The Solar Logos induces in the planetary atom action of a “cyclic-spiraling” nature. We should remember that the solar system is really spherical and not ‘flat’ as so many diagrams depict it.

252. Thái dương Thượng đế là “khối cầu lớn hơn” trong đó nguyên tử hành tinh tìm thấy vị trí của nó. Thái dương Thượng đế gây ra trong nguyên tử hành tinh một hoạt động có tính chất “chu kỳ-xoắn ốc”. Chúng ta nên nhớ rằng hệ mặt trời thực sự có hình cầu chứ không “phẳng” như rất nhiều sơ đồ mô tả nó.

253. All lives upon our planet are caught up in the spiral-cyclic motion induced by the Solar Logos. In this sense, these lives will progress even if their individually determined efforts are not all that they could be. They will, under normal circumstances, be ‘carried along’ and will experience “cyclic growth”.

253. Mọi sự sống trên hành tinh chúng ta đều bị cuốn vào chuyển động xoắn ốc-chu kỳ do Thái dương Thượng đế gây ra. Theo nghĩa này, các sự sống ấy sẽ tiến bộ ngay cả khi những nỗ lực do cá nhân chúng tự quyết định không được như mức chúng có thể đạt tới. Trong những hoàn cảnh bình thường, chúng sẽ được “mang theo” và sẽ trải qua “sự tăng trưởng chu kỳ”.

254. The principle is: the greater whole, in its progress, will lift all its composite parts.

254. Nguyên lý là: toàn thể lớn hơn, trong sự tiến triển của nó, sẽ nâng tất cả các phần cấu thành của nó lên.

255. Those human atoms who choose the Path of Initiation are adding to this general uplifting tendency of the greater Life in which they are embraced, progressive tendencies which relate to the methods of the next solar system. They have definitely incorporated the first ray into their method of living.

255. Những nguyên tử nhân loại chọn Con Đường Điểm Đạo đang bổ sung vào khuynh hướng nâng lên chung này của Sự sống lớn hơn bao trùm họ những khuynh hướng tiến bộ liên hệ đến các phương pháp của hệ mặt trời kế tiếp. Họ đã dứt khoát kết hợp cung một vào phương pháp sống của mình.

The solar Atom, also an individualised Life, the Son in incarnation,

Nguyên tử thái dương, cũng là một Sự sống đã biệt ngã hóa, Con đang lâm phàm,

256. This means that the “solar Atom” is the soul of the Solar Logos in incarnation.

256. Điều này có nghĩa là “nguyên tử thái dương” là linh hồn của Thái dương Thượng đế đang lâm phàm.

through the medium of the Sun, pursuing its own inherent cycle,

thông qua trung gian của Mặt Trời, theo đuổi chu kỳ cố hữu của chính nó,

257. All distinct atoms pursue their own individual cycle.

257. Mọi nguyên tử phân biệt đều theo đuổi chu kỳ cá biệt của riêng nó.

yet spiralling in cyclic fashion through the heavens, and therefore, **progressing through the effect of the extra-cosmic active Lives who either attract or repulse it.**

nhưng vẫn xoắn ốc theo cách chu kỳ xuyên qua các cõi trời, và do đó, **tiến triển nhờ ảnh hưởng của các Sự sống hoạt động ngoài vũ trụ, những Đấng hoặc hút nó hoặc đẩy lùi nó.**

258. These will be constellational lives, the most important of which will be the Life of the Cosmic Logos by whom our Solar Logos and His solar system are embraced. Some have called the system of this Cosmic Logos the "Sirian System"

258. Đó sẽ là các sự sống chòm sao, trong đó quan trọng nhất sẽ là Sự sống của Thượng đế Vũ trụ mà bởi Ngài, Thái dương Thượng đế của chúng ta và hệ mặt trời của Ngài được bao trùm. Một số người đã gọi hệ thống của Thượng đế Vũ trụ này là "Hệ Sirius".

259. We can see that the mutual attraction and repulsion of atoms occurs even on solar and cosmic levels. The dynamics are too great for us to register though such dynamics ultimately determine the fate of the "One in Whom we live and move and have our being".

259. Chúng ta có thể thấy rằng sự hút và đẩy lẫn nhau của các nguyên tử xảy ra ngay cả ở các cấp thái dương và vũ trụ. Các động lực ấy quá lớn để chúng ta có thể ghi nhận, dù chính những động lực ấy rốt cuộc quyết định số phận của "Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu".

260. We remind ourselves that spiral-cyclic motion is evoked from any atomic system by a greater system (or systems) extraneous to it. In the example, the "extra-cosmic active Lives" represent such systems.

260. Chúng ta tự nhắc mình rằng chuyển động xoắn ốc-chu kỳ được gợi lên từ bất kỳ hệ thống nguyên tử nào bởi một hệ thống lớn hơn (hay các hệ thống lớn hơn) ở bên ngoài nó. Trong ví dụ này, "các Sự sống hoạt động ngoài vũ trụ" tượng trưng cho những hệ thống như thế.

These are the main sets of atomic groups, **but there are many intermediate forms upon which it is not possible as yet to touch.**

Đây là những tập hợp chính của các nhóm nguyên tử, **nhưng có nhiều hình thức trung gian mà hiện nay chưa thể đề cập.**

261. This is always the case. Available time prevents Master DK from going into all the details. We could not absorb them anyway and they might confuse us. But we can well

261. Điều này luôn luôn đúng. Thời gian có sẵn ngăn Chân sư DK đi vào mọi chi tiết. Dù sao chúng ta cũng không thể hấp thu chúng, và chúng có thể làm chúng ta rối trí. Nhưng

imagine how many intermediate forms there are.

chúng ta hoàn toàn có thể hình dung có bao nhiêu hình thức trung gian.

262. For instance, He frequently speaks of the atom, of man, of the Planetary Logos and the Solar Logos. He could as well speak of the Chain-Lords and Globe-Lords, because they are intermediate Lives working through intermediate forms—but He must preserve simplicity of outline in His presentation of the Teaching.

262. Chẳng hạn, Ngài thường nói về nguyên tử, về con người, về Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế. Ngài cũng có thể nói về các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu Hành Tinh, vì các Ngài là những Sự sống trung gian hoạt động qua những hình thức trung gian — nhưng Ngài phải giữ sự đơn giản của đại cương trong phần trình bày Giáo Huấn của Ngài.

All in nature affects that which it contacts,

Mọi sự trong thiên nhiên đều tác động đến điều mà nó tiếp xúc,

263. All contacts between units affect all units contacted.

263. Mọi tiếp xúc giữa các đơn vị đều tác động đến tất cả các đơn vị được tiếp xúc.

and these effects work either as

và những tác động này vận hành như

264. We have to keep the following dynamics in mind when we think of our human interactions and interplay.

264. Chúng ta phải ghi nhớ các động lực sau đây khi suy nghĩ về những tương tác và giao động qua lại của con người chúng ta.

a. Attractive or repulsive impulses.

a. Những xung lực hút hoặc đẩy.

b. Retarding or accelerating impulses.

b. Những xung lực trì hoãn hoặc gia tốc.

c. Destructive or constructive impulses.

c. Những xung lực phá hoại hoặc xây dựng.

d. Devitalising or stimulating impulses.

d. Những xung lực làm mất sinh lực hoặc kích thích.

e. Energising or disintegrating impulses.

e. Những xung lực tiếp sinh lực hoặc làm tan rã.

265. These categories pretty well cover the gamut of possibilities.

265. Những loại này khá đầy đủ để bao quát toàn bộ phạm vi các khả năng.

266. We also gather a good definition of “right relations”: they are attractive,

266. Chúng ta cũng rút ra được một định nghĩa tốt về “những tương quan đúng đắn”:

accelerating, constructive, stimulating and energizing. These effects are largely those of the White Lodge upon humanity.

chúng là hút, gia tốc, xây dựng, kích thích và tiếp sinh lực. Những tác động này phần lớn là của Thánh đoàn lên nhân loại.

267. Wrong relations are repulsive, retarding, destructive, devitalizing and disintegrating. These effects are largely those of the Black Lodge upon humanity.

267. Những tương quan sai lầm thì đẩy, trì hoãn, phá hoại, làm mất sinh lực và làm tan rã. Những tác động này phần lớn là của Hắc đoàn lên nhân loại.

268. The matter, of course, is not quite so simple, as careful thought will reveal. The White Lodge can be responsible for effects which are apparently deleterious to the *form.* The Black Lodge, on the other hand, can be responsible for effects which promote the apparent welfare of the form but which are deleterious to the *consciousness* within the form. Wise judgment is required to discriminate.

268. Dĩ nhiên, vấn đề không hoàn toàn đơn giản như thế, như sự suy nghĩ cẩn trọng sẽ cho thấy. Thánh đoàn có thể chịu trách nhiệm về những tác động bề ngoài dường như có hại cho *hình tướng.* Mặt khác, Hắc đoàn có thể chịu trách nhiệm về những tác động thúc đẩy phúc lợi bề ngoài của hình tướng nhưng lại có hại cho *tâm thức* bên trong hình tướng. Cần có sự phán đoán minh triết để phân biện.

Yet all can be expressed in terms of negative and positive [Page 1046] force, manifesting as rotary or spiral activity.

Tuy nhiên, tất cả đều có thể được diễn tả theo những thuật ngữ của mãnh lực âm và dương, [Page 1046]biểu hiện như hoạt động quay hay xoắn ốc.

269. DK is helping us understand the universal process in terms of the fundamental dynamics of motion. We are being given the common denominators of all living processes.

269. DK đang giúp chúng ta hiểu tiến trình phổ quát theo những động lực căn bản của chuyển động. Chúng ta đang được trao cho những mẫu số chung của mọi tiến trình sống.

The **lesser cycle** can, from certain angles of vision, be regarded as appertaining to the **rotary activity of certain atomic forms**, and the **greater cycles**, which are so much more difficult for man to follow, **as relating to the spiral action of the enclosing Life of the greater sphere.**

Chu kỳ **nhỏ hơn**, từ một số góc độ tầm nhìn nào đó, có thể được xem là thuộc về hoạt động **quay của một số hình tướng nguyên tử nhất định**, còn các **chu kỳ lớn hơn**, vốn khó hơn rất nhiều để con người theo dõi, **thì liên hệ đến hoạt động xoắn ốc của Sự sống bao bọc của khối cầu lớn hơn.**

270. Is this why it is so much easier to understand astrological dynamics than it is to understand ray dynamics? The first is

270. Có phải vì thế mà việc hiểu các động lực chiêm tinh lại dễ hơn nhiều so với việc hiểu các động lực cung? Điều thứ nhất thì khách quan và cụ thể hơn điều thứ hai.

objective and concrete compared to the second.

271. One cannot dogmatize on these matters, but astrology, as we understand it, relates to rotary motion and rayology to spiral-cyclic motion.

272. Our perspective is so confined that we have little notion of the activities within the "enclosing Life of the greater sphere". We have been told generally of the purposes and processes of our Solar Logos, but cannot observe these for ourselves. This is even true in relation to the lesser macrocosm, our Planetary Logos. In fact, it is true of the full extent of the human microcosm—the monadic auric egg!

273. As we study esotericism in earnest, we must learn to respond to the requirement that we enlarge our perspective and the grasp of our mind.

Every atom is part of a greater whole, even the solar atom is not a separated Life but a **fragment** of an immensity of Existence beyond the ken of man, and **which is but dimly cognised by the most advanced Dhyan Chohan.**

274. DK *could* here be speaking of our local Cosmic Logos in which our Solar Logos and His system play a small but significant part. Or, He could be speaking of the "One About Whom Naught May Be Said"—a far mightier Logos in whom our Solar Logos plays a very small part.

271. Không thể giáo điều về những vấn đề này, nhưng chiêm tinh học, theo cách chúng ta hiểu, liên hệ đến chuyển động quay còn khoa học về cung thì liên hệ đến chuyển động xoắn ốc-chu kỳ.

272. Góc nhìn của chúng ta bị giới hạn đến mức chúng ta hầu như không có khái niệm gì về các hoạt động bên trong "Sự sống bao bọc của khối cầu lớn hơn". Chúng ta đã được nói một cách tổng quát về các mục đích và tiến trình của Thái dương Thượng đế của chúng ta, nhưng không thể tự mình quan sát chúng. Điều này thậm chí còn đúng trong liên hệ với đại thiên địa nhỏ hơn, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Thật ra, điều đó đúng với toàn bộ phạm vi của tiểu thiên địa nhân loại — noãn hào quang chân thần!

273. Khi nghiên cứu huyền bí học một cách nghiêm túc, chúng ta phải học cách đáp ứng đòi hỏi phải mở rộng góc nhìn và tầm nắm bắt của trí tuệ chúng ta.

Mọi nguyên tử đều là một phần của một toàn thể lớn hơn; ngay cả nguyên tử thái dương cũng không phải là một Sự sống tách biệt mà là một **mảnh đoạn** của một Sự Hiện Hữu bao la vượt ngoài tầm hiểu biết của con người, và **chỉ được nhận biết một cách mờ nhạt bởi vị Dhyan Chohan tiến hóa nhất.**

274. Ở đây DK *có thể* đang nói về Thượng đế Vũ trụ cục bộ của chúng ta, trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta và hệ thống của Ngài giữ một phần nhỏ nhưng có ý nghĩa. Hoặc, Ngài có thể đang nói về "Đấng Bất Khả Tư Nghị" — một Thượng đế hùng mạnh hơn rất nhiều, trong đó Thái dương

Thượng đế của chúng ta giữ một phần rất nhỏ.

275. Or could this “immensity of Existence” be the Galactic Logos in Whom our Solar Logos would, indeed, be merely a “fragment”? Within the Cosmic Logos our Solar Logos is a significant center of force. Within the Super-Cosmic Logos (the "One About Whom Naught May Be Said") our Solar Logos is a more minor center of force. But in what type of Being would our Solar Logos be simply a “fragment”?

275. Hay “Sự Hiện Hữu bao la” này có thể là Thượng đế Ngân Hà, trong Đấng ấy Thái dương Thượng đế của chúng ta quả thực chỉ là một “mảnh đoạn”? Trong Thượng đế Vũ trụ, Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trung tâm lực có ý nghĩa. Trong Thượng đế Siêu Vũ trụ ("Đấng Bất Khả Tư Nghị"), Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trung tâm lực nhỏ hơn. Nhưng trong loại Hữu thể nào thì Thái dương Thượng đế của chúng ta chỉ đơn thuần là một “mảnh đoạn”?

276. Who is the “most advanced Dhyan Chohan”? A Solar Angel is a Dhyan Chohan. Even a Planetary Logos can be considered a Dhyan Chohan. Perhaps DK means that such an “immensity of Existence” is beyond any type of Dhyan Chohan found on our planet.

276. Ai là “vị Dhyan Chohan tiến hóa nhất”? Một Thái dương Thiên Thần là một Dhyan Chohan. Ngay cả một Hành Tinh Thượng Đế cũng có thể được xem là một Dhyan Chohan. Có lẽ DK muốn nói rằng một “Sự Hiện Hữu bao la” như thế vượt ngoài bất kỳ loại Dhyan Chohan nào được tìm thấy trên hành tinh chúng ta.

277. One of the definitions most useful to us is to consider a Dhyan Chohan as a radiant Solar Angel.

277. Một trong những định nghĩa hữu ích nhất đối với chúng ta là xem một Dhyan Chohan như một Thái dương Thiên Thần rạng ngời.

The goal for a man is initiation, or to become a conscious Dhyan Chohan, and in some distant cycle to do for the humanity of that age what the solar Pitris have done for him, and make their self-conscious expression a possibility. The goal for a solar Pitri is, as said earlier, to become a logoic Ray. (TCF 836)

Mục tiêu của con người là điểm đạo, hay trở thành một Dhyan Chohan hữu thức, và trong một chu kỳ xa xôi nào đó làm cho nhân loại của thời đại ấy điều mà các thái dương tổ phụ đã làm cho y, và khiến sự biểu lộ ngã thức của họ trở thành một khả thể. Mục tiêu của một thái dương tổ phụ là, như đã nói trước đây, trở thành một cung logoic. (TCF 836)

2. The Law of Monadic Return.

2. Định luật Trở Về của Chân Thần.

278. We are definitely engaged in first ray studies—those which pertain to the Spirit of

278. Chúng ta chắc chắn đang tham gia vào những nghiên cứu cung một — những

man and to the expansion of the consciousness of that Spirit (the second ray part of the equation).

nghiên cứu liên hệ đến tinh thần của con người và đến sự mở rộng tâm thức của tinh thần ấy (phần cung hai của phương trình).

Here it is possible to study the Monad from the cyclic and energetic standpoint, and divorce our minds temporarily from that aspect of manifestation we call the human, or man.

Ở đây có thể nghiên cứu chân thần từ quan điểm chu kỳ và năng lượng, và tạm thời tách trí tuệ chúng ta khỏi phương diện biểu lộ mà chúng ta gọi là con người, hay nhân loại.getic standpoint, and divorce our minds temporarily from that aspect of manifestation we call the human, or man.

279. There is far more to the Monad than that tiny unit, man, who is nothing but His "shadow". Of the soul man is the "reflection".

279. Chân thần còn nhiều hơn rất nhiều so với đơn vị nhỏ bé là con người, kẻ không là gì khác ngoài "cái bóng" của Ngài. Đối với linh hồn, con người là "sự phản chiếu".

In considering the "Divine Pilgrim"

Khi xem xét "Người Hành Hương Thiêng Liêng"

280. The Monad is the "Divine Pilgrim". The Jiva Who goes forth from the Monad is even moreso. The Monad remains "at home" yet, in the form of the Jiva, "goes forth" on a pilgrimage. This is a paradox but solvable by one who understands the dynamics of emanation.

280. Chân thần là "Người Hành Hương Thiêng Liêng". Jiva xuất phát từ chân thần còn đúng là như vậy hơn nữa. Chân thần vẫn "ở nhà", nhưng dưới hình thức Jiva, lại "ra đi" trên một cuộc hành hương. Đây là một nghịch lý, nhưng có thể giải được đối với ai thấu hiểu các động lực của sự phát xạ.

we can study him [the "Divine Pilgrim"] as demonstrating in the form of:

chúng ta có thể nghiên cứu y ["Người Hành Hương Thiêng Liêng"] như biểu lộ trong hình thức của:

a. Three focal points of energy or force.

a. Ba tiêu điểm của năng lượng hay mãnh lực.

281. These are Will, Wisdom and Activity—the constituent energies of the Monad, and their reflections in the three periodical vehicles.

281. Đó là Ý Chí, Minh triết và Hoạt động — các năng lượng cấu thành của chân thần, và các phản chiếu của chúng trong ba vận cụ chu kỳ.

282. One can also consider the three periodical vehicles as the Monad

demonstrating through “free focal points of energy or force”.

282. Người ta cũng có thể xem ba vận cụ chu kỳ như chân thần đang biểu lộ qua “ba tiêu điểm tự do của năng lượng hay mãnh lực”.

b. Three fires, each producing a definite effect, and each in turn producing effects upon each other.

b. Ba ngọn lửa, mỗi ngọn tạo ra một tác động xác định, và mỗi ngọn lần lượt tạo ra tác động lên nhau.

283. The three fires are fire by friction, solar fire and electric fire; they are interactive.

283. Ba ngọn lửa là Lửa ma sát, Lửa Thái dương và Lửa Điện; chúng tương tác với nhau.

284. The Monad does not manifest alone through electric fire, but through all three fires.

284. Chân thần không biểu lộ chỉ qua Lửa Điện, mà qua cả ba ngọn lửa.

285. Within the monadic system, the three fires can also be considered the Monad itself, the Ego on the higher mental plane, and the personality in the lower three worlds.

285. Trong hệ thống chân thần, ba ngọn lửa cũng có thể được xem là chính chân thần, chân ngã trên Cõi thượng trí, và phàm ngã trong ba cõi thấp.

In relation to a solar system, these three fires on the cosmic planes are called:[9] [Page 1047]

Trong liên hệ với một hệ mặt trời, ba ngọn lửa này trên các cõi vũ trụ được gọi là:9 [Page 1047]

286. See Chart V, TCF 344.

286. Xem Biểu đồ V, TCF 344.

1. The central spiritual sun (essential).

1. Mặt trời Tinh thần Trung Ương (cốt yếu).

287. We can consider the Central Spiritual Sun as the monadic nature of the Solar Logos. The ‘home’ of the Central Spiritual Sun is upon the cosmic monadic plane.

287. Chúng ta có thể xem Mặt trời Tinh thần Trung Ương như bản chất chân thần của Thái dương Thượng đế. “Quê nhà” của Mặt trời Tinh thần Trung Ương nằm trên cõi chân thần vũ trụ.

2. The sun (subjective), called 'the heart of the sun.'

2. Mặt trời (chủ quan), được gọi là 'trái tim của mặt trời.'

288. The subjective sun, in this context, is the egoic nature of the Solar Logos, also called the Heart of the Sun.

288. Mặt trời chủ quan, trong ngữ cảnh này, là bản chất chân ngã của Thái dương Thượng đế, cũng được gọi là Trái Tim của Mặt Trời.

289. Sometimes but rarely, the term "subjective sun" suggests the astral nature of the Solar Logos.

289. Đôi khi, nhưng hiếm, thuật ngữ "mặt trời chủ quan" gợi ý bản chất cảm dục của Thái dương Thượng đế.

3. The physical sun (objective).

3. Mặt trời hồng trần (khách quan).

290. The physical sun may represent only the etheric sphere of the Solar Logos (which is His true physical body), but the personality nature of the Solar Logos must also be taken into consideration.

290. Mặt trời hồng trần có thể chỉ tượng trưng cho khối cầu dĩ thái của Thái dương Thượng đế (vốn là thể xác đích thực của Ngài), nhưng bản chất phàm ngã của Thái dương Thượng đế cũng phải được lưu ý đến.

291. Is this personality nature to be considered as part of the "subjective sun" or is the term "physical sun" to include the subtle but still cosmically material aspects of the Solar Logos—His astral body and concrete mind as well as his etheric nature?

291. Bản chất phàm ngã này có nên được xem là một phần của "mặt trời chủ quan" hay thuật ngữ "mặt trời hồng trần" phải bao gồm cả những phương diện vi tế nhưng vẫn là vật chất theo nghĩa vũ trụ của Thái dương Thượng đế — thể cảm dục và trí cụ thể của Ngài cũng như bản chất dĩ thái của Ngài?

and the same thought can be carried through the monadic manifestation.

và cùng một tư tưởng ấy có thể được triển khai xuyên suốt biểu lộ chân thần.

292. The Monad is the Central Spiritual Sun of his tiny system.

292. Chân thần là Mặt trời Tinh thần Trung Ương của hệ thống nhỏ bé của y.

293. The Ego on the higher mental plane is to the Monad as the "Heart of the Sun" is to the Solar Logos.

293. Chân ngã trên Cõi thượng trí đối với chân thần cũng như "Trái Tim của Mặt Trời" đối với Thái dương Thượng đế.

294. The personality manifestation of the Monad is the correspondence to the physical sun.

294. Biểu lộ phàm ngã của chân thần là sự tương ứng với mặt trời hồng trần.

Footnote 9:

Chú thích 9:

1. The Names of the Sun mentioned in the Secret Doctrine are:

a. Maritanda.—S. D., I, 61, 126-129, 483; II, 221.

295. Maritanda has "seven Brothers"—the seven sacred Planetary Logoi. In *The Secret Doctrine* it is suggested that Earth is one of the seven Brothers, but one can see the contradiction for the Earth is not one of the fundamental seven planets. Perhaps the Earth was not created at the same time as when the Sun and the other Planetary Logoi took form from Their original 'cometoid' state. And yet *The Secret Doctrine* seems to suggest that it is so.

b. Agni.—S. D., II, 60, 400.

296. This is the occult name given to the *personality* of the Solar Logos.

c. Surya.—S. D., I, 127, 643.

297. This is a name suggesting the Sun in its spiritual nature--the Solar Logos. It emphasizes His "Sonship"—His second aspect. Yet, of course, the name can also suggest the literal Sun.

d. Helios.—S. D., II, 47.

298. This is a Greek name for the Sun/Solar Logos representing His God-like qualities. Helios drove the "Chariot of the Sun" We are told that Helios became increasingly identified with Apollo considered as the "god of light".

1. Các Danh xưng của Mặt Trời được nhắc đến trong Giáo Lý Bí Nhiệm là:

a. Maritanda.—S. D., I, 61, 126-129, 483; II, 221.

295. Maritanda có "bảy Huynh đệ" — bảy Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng. Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* người ta gợi ý rằng Trái Đất là một trong bảy Huynh đệ, nhưng người ta có thể thấy mâu thuẫn vì Trái Đất không phải là một trong bảy hành tinh căn bản. Có lẽ Trái Đất đã không được tạo ra cùng lúc khi Mặt Trời và các Hành Tinh Thượng Đế khác mang hình tướng từ trạng thái 'cometoid' nguyên thủy của Các Ngài. Tuy nhiên *Giáo Lý Bí Nhiệm* dường như lại gợi ý rằng đúng là như thế.

b. Agni.—S. D., II, 60, 400.

296. Đây là danh xưng huyền bí được ban cho *phàm ngã* của Thái dương Thượng đế.

c. Surya.—S. D., I, 127, 643.

297. Đây là một danh xưng gợi ý về Mặt Trời trong bản chất tinh thần của nó—Thái dương Thượng đế. Nó nhấn mạnh "Tính Con" của Ngài—phương diện thứ hai của Ngài. Tuy nhiên, dĩ nhiên, danh xưng này cũng có thể gợi đến Mặt Trời theo nghĩa đen.

d. Helios.—S. D., II, 47.

298. Đây là tên Hy Lạp của Mặt Trời/Thái dương Thượng đế, biểu thị các phẩm tính giống Thượng đế của Ngài. Helios điều khiển "Cỗ Xe của Mặt Trời". Chúng ta được cho biết rằng Helios ngày càng được đồng nhất với Apollo, được xem là "thần ánh sáng".

e. Apollo.—S. D., II, 6, 129.

299. This name emphasizes the Sun/Solar Logos as Creator, using the seven energies which are symbolized in the seven-stringed Lyre of Apollo.

2. The Sun in the S. D. is used in the three following connotations:

a. The Central Spiritual Sun.—S. D., I, 519, 520, 700, 736; S. D., II,—120, 249, 251.

300. The monadic nature of the Solar Logos…

b. The visible physical Sun.—S. D., I, 628.

301. The most exoteric representation of the sun.

c. The three secondary Suns.—As above.

302. Each of the periodical vehicles is as a sun—the Monad and its vehicle; the Ego and its vehicle; the personality and its vehicle.

303. From another perspective which warrants consideration, we have the three Logoi subsidiary to the Sun—the First, Second and Third Logos. They are well depicted in close relationship to the Solar Logos in the chart found on TCF 1238.

304. From yet another perspective, we have the those planets which are identified with the three lower permanent atoms of the Solar Logos. Of these Saturn is one. If Saturn is one, are Uranus and Neptune the others or

e. Apollo.—S. D., II, 6, 129.

299. Danh xưng này nhấn mạnh Mặt Trời/ Thái dương Thượng đế như Đấng Sáng Tạo, sử dụng bảy năng lượng được biểu tượng hóa trong cây đàn Lia bảy dây của Apollo.

2. Mặt Trời trong S. D. được dùng theo ba hàm nghĩa sau đây:

a. Mặt trời Tinh thần Trung Ương.—S. D., I, 519, 520, 700, 736; S. D., II,—120, 249, 251.

300. Bản chất chân thần của Thái dương Thượng đế…

b. Mặt Trời hồng trần khả kiến.—S. D., I, 628.

301. Biểu tượng ngoại môn nhất của mặt trời.

c. Ba Mặt Trời thứ yếu.—Như trên.

302. Mỗi vận cụ tuần hoàn đều như một mặt trời—Chân thần và vận cụ của nó; chân ngã và vận cụ của nó; phàm ngã và vận cụ của nó.

303. Từ một góc nhìn khác đáng được xem xét, chúng ta có ba Thượng đế phụ thuộc vào Mặt Trời—Thượng đế thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Các Ngài được mô tả rất rõ trong mối liên hệ mật thiết với Thái dương Thượng đế trong biểu đồ ở TCF 1238.

304. Từ một góc nhìn khác nữa, chúng ta có những hành tinh được đồng nhất với ba nguyên tử trường tồn thấp của Thái dương Thượng đế. Trong số đó có Sao Thổ. Nếu Sao Thổ là một, thì Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương có phải là hai hành tinh kia hay theo

in some way symbolic of the others? (cf. TCF 406)

cách nào đó là biểu tượng của chúng chăng? (xem TCF 406)

Consider the Microcosm, manifesting through the causal body, which contains the three permanent atoms, the centres of force for the three bodies, the mental, astral and physical.

Hãy xét Tiểu thiên địa, biểu hiện qua thể nguyên nhân, thể này chứa ba nguyên tử trường tồn, các trung tâm mãnh lực cho ba thể: thể trí, thể cảm dục và thể xác.

305. Each of the members of the atomic triangle is as a tiny "sun". These are certainly "secondary suns" within the constitution of man.

305. Mỗi thành phần của tam giác nguyên tử đều như một "mặt trời" nhỏ bé. Chắc chắn đây là những "mặt trời thứ yếu" trong cấu tạo của con người.

3. Consider the following three statements. —S. D. I., 574.

3. Hãy xét ba phát biểu sau đây.—S. D. I., 574.

a. In the Kosmos...The Sun is the kama-rupa, or desire body of Akasha (the second aspect of Brahma).

a. Trong Kosmos... Mặt Trời là kama-rupa, hay thể dục vọng của Akasha (phương diện thứ hai của Brahma).

306. Our Solar Logos is still emotionally polarized. We can think of the association of the Sun with the *solar* plexus.

306. Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn còn phân cực cảm xúc. Chúng ta có thể nghĩ đến sự liên hệ của Mặt Trời với tùng *thái dương*.

307. If we look at Brahma as the Life of the entire cosmic physical plane, then the akashic plane is the second or monadic plane, which is deeply connected to the Sun. The monadic plane and the astral plane both share the numbers six and two.

307. Nếu chúng ta xem Brahma là Sự sống của toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ, thì cõi akasha là cõi thứ hai hay cõi chân thần, vốn liên hệ sâu xa với Mặt Trời. Cõi chân thần và cõi cảm dục cùng chia sẻ các con số sáu và hai.

308. The term "Sun" is here being used in a symbolic manner.

308. Ở đây thuật ngữ "Mặt Trời" đang được dùng theo cách biểu tượng.

Compare 'Son of necessity.'—S. D., I, 74.

So sánh với 'Con của tất yếu'.—S. D., I, 74.

309. It is the desire body which creates the "necessity". Desire at a certain point of intensity leads *necessarily* to manifestation.

309. Chính thể dục vọng tạo ra "sự tất yếu". Dục vọng ở một mức độ mãnh liệt nào đó tất *yếu* dẫn đến biểu hiện.

b. In the system...The Sun is the sixth principle, buddhi, and its vehicle. (The Dragons of Wisdom taking form on the fourth cosmic ether, our buddhic plane).

b. Trong hệ thống... Mặt Trời là nguyên khí thứ sáu, Bồ đề, và vận cụ của nó. (Các Rồng Minh triết mang hình tướng trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề của chúng ta).

310. This is a meaningful correspondence. We live in an astral-buddhic solar system. One touches the true nature of the Heart of the Sun for the first time when focussed within the buddhic energy.

310. Đây là một tương ứng đầy ý nghĩa. Chúng ta sống trong một hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề. Người ta chạm đến bản chất đích thực của Trái Tim Mặt Trời lần đầu tiên khi được tập trung trong năng lượng Bồ đề.

311. The Dragons of Wisdom are the Planetary Logoi and at least one part of their etheric body takes form upon the buddhic plane or fourth cosmic ether.

311. Các Rồng Minh triết là các Hành Tinh Thượng Đế, và ít nhất một phần của thể dĩ thái của Các Ngài mang hình tướng trên cõi Bồ đề hay dĩ thái vũ trụ thứ tư.

312. We might consider the buddhic plane as the lowest of the true planes of form. The lower three systemic planes are not really planes of form, but planes on which form becomes objective.

312. Chúng ta có thể xem cõi Bồ đề là cõi thấp nhất trong các cõi hình tướng chân thực. Ba cõi hệ thống thấp hơn thực ra không phải là các cõi hình tướng, mà là các cõi trên đó hình tướng trở nên khách quan.

c. As an entity...The Sun is the **seventh principle** of Brahma or the aspect of active intelligent matter.

c. Như một thực thể... Mặt Trời là **nguyên khí thứ bảy** của Brahma hay phương diện của vật chất thông tuệ hoạt động.

313. Here we are speaking of the Sun in its systemic etheric manifestation. Active intelligent matter can be considered ether. Brahma, we remember, is the Lord of the cosmic physical plane. Then, we might ask, Who is the Raja Deva Lord of the third or atmic plane?

313. Ở đây chúng ta đang nói về Mặt Trời trong biểu hiện dĩ thái hệ thống của nó. Vật chất thông tuệ hoạt động có thể được xem là dĩ thái. Như chúng ta nhớ, Brahma là Chúa Tể của cõi hồng trần vũ trụ. Vậy thì, chúng ta có thể hỏi: Ai là Raja Deva Lord của cõi thứ ba hay cõi atma?

314. If we look at this in a reverse manner, we will identify the Sun with the “Sea of Fire” found upon the logoic systemic plane. The "Sea of Fire" can be considered the essence of “active intelligent matter” found upon the cosmic physical plane. Systemic ethers are its lowest reflection on the cosmic physical plane.

314. Nếu nhìn điều này theo cách ngược lại, chúng ta sẽ đồng nhất Mặt Trời với “Biển Lửa” được tìm thấy trên cõi logoic hệ thống. “Biển Lửa” có thể được xem là tinh túy của “vật chất thông tuệ hoạt động” hiện diện trên cõi hồng trần vũ trụ. Các dĩ thái hệ thống là phản chiếu thấp nhất của nó trên cõi hồng trần vũ trụ.

Hence 'rejection' as it is called ensues because consciousness or the development of the Ego (logoic or human) is the goal of evolution, and not the matter aspect.

Do đó "sự khước từ", như nó được gọi, xảy ra bởi vì tâm thức hay sự phát triển của chân ngã (logoic hay nhân loại) là mục tiêu của tiến hoá, chứ không phải phương diện vật chất.

315. Here we are dealing with the Law of Repulse, which is an aspect of the Law of Love. Association with matter is rejected so that the development of consciousness or higher Ego may be enhanced.

315. Ở đây chúng ta đang bàn đến Định luật Đẩy Lùi, vốn là một phương diện của Định luật Bác ái. Sự liên kết với vật chất bị khước từ để sự phát triển của tâm thức hay chân ngã cao hơn có thể được tăng cường.

"The Primordial Ray is only the vehicle of the Divine Ray."—S. D.

"Cung Nguyên Sơ chỉ là vận cụ của Cung Thiêng Liêng."—S. D.

316. The "Primordial Ray" is the third ray. The "Divine Ray" is the second. This statement defines one of the important relationships between the second and third rays.

316. "Cung Nguyên Sơ" là cung ba. "Cung Thiêng Liêng" là cung hai. Phát biểu này xác định một trong những mối liên hệ quan trọng giữa cung hai và cung ba.

The three monadic centres are distinguished by different types of energy:

Ba trung tâm chân thần được phân biệt bởi các loại năng lượng khác nhau:

1. Monadic— dynamic energy electric impulse pure fire.

1. Chân thần— năng lượng năng động xung lực điện lửa thuần khiết.

317. We understand that solar fire is not "pure fire". There is still in it some attachment to subtle form.

317. Chúng ta hiểu rằng lửa thái dương không phải là "lửa thuần khiết". Trong nó vẫn còn một sự gắn bó nào đó với hình tướng vi tế.

318. Dynamic energy is that which allows strong and willful movement.

318. Năng lượng năng động là năng lượng cho phép chuyển động mạnh mẽ và đầy ý chí.

319. Electric impulse is ultimately attractive —just as we read that the masculine planet provided the attractive energy.

319. Xung lực điện rốt cuộc có tính hấp dẫn —cũng như chúng ta đọc thấy rằng hành tinh nam tính cung cấp năng lượng hấp dẫn.

2. Egoic— magnetic energy radiatory impulse solar fire.

2. Chân ngã— năng lượng từ tính xung lực bức xạ lửa thái dương.

320. Interestingly, both the terms "magnetic" and "radiatory" have been associated with the first ray (and with the second!). True magnetism, we are told, arises in connection with the first ray. As well, that aspect of healing which is called "radiatory" is more related to the first ray than the second. And yet the Second Ray Lord is called "The Radiance in the Form".

320. Điều thú vị là cả hai thuật ngữ "từ tính" và "bức xạ" đều đã được liên kết với cung một (và cả cung hai nữa!). Chúng ta được cho biết rằng từ điện chân thực phát sinh trong liên hệ với cung một. Đồng thời, phương diện trị liệu được gọi là "bức xạ" cũng liên hệ với cung một nhiều hơn cung hai. Tuy vậy, Đấng Chúa Tể Cung hai lại được gọi là "Sự Rạng Ngời trong Hình Tướng".

321. We sense, however, the 'roundness' associated with these terms, "magnetic" and "radiatory". Rays unless polarized go forth spherically.

321. Tuy nhiên, chúng ta cảm nhận được tính "tròn đầy" gắn với các thuật ngữ này, "từ tính" và "bức xạ". Các cung, trừ khi được phân cực, phát ra theo hình cầu.

3. Personal— individual **energy** rotary impulse fire by friction.

3. Cá nhân— năng lượng cá biệt xung lực quay tròn Lửa ma sát.

322. We hear of certain people whose entire life "revolves around themselves". This is a good example of personalism, individualism —the opposite of group consciousness.

322. Chúng ta nghe nói về một số người mà toàn bộ đời sống của họ "xoay quanh chính họ". Đây là một ví dụ điển hình về tính cá nhân chủ nghĩa, tính biệt lập—đối nghịch với tâm thức nhóm.

The first produces light, the second heat, and the third moisture or concretion.

Loại thứ nhất tạo ra ánh sáng, loại thứ hai tạo ra nhiệt, và loại thứ ba tạo ra độ ẩm hay sự đông đặc.

323. This is a fascinating occult statement. The terms "light", "heat" and "moisture" have a variety of meanings and are associated with varying aspects of divinity.

323. Đây là một phát biểu huyền bí học đầy hấp dẫn. Các thuật ngữ "ánh sáng", "nhiệt" và "độ ẩm" có nhiều ý nghĩa khác nhau và được liên kết với những phương diện khác nhau của thiên tính.

324. We have often been told of the role which electric fire plays in the production of light. Its relationship with the opposite pole is required, however.

324. Chúng ta thường được cho biết về vai trò mà Lửa Điện giữ trong việc tạo ra ánh sáng. Tuy nhiên, mối liên hệ của nó với cực đối nghịch là điều cần thiết.

325. “Heat” has a meaning in relation to the form but also in relation to the Ego or higher Triad where it is defined as “spiritual energy”.

325. “Nhiệt” có một ý nghĩa liên hệ với hình tướng, nhưng cũng liên hệ với chân ngã hay Tam nguyên tinh thần cao hơn, nơi nó được định nghĩa là “năng lượng tinh thần”.

In these words you have the key to group initiation. The light of the higher initiations can stream in when it is evoked by the group love. That light is clear and cold, **but produces the needed "heat," which is a symbolic word used in many of the world Scriptures to express living, spiritual energy.** I said "spiritual energy" and not soul force, and herein lies a distinction which you will some day have to grasp. (R&I 32)

Trong những lời này bạn có chìa khóa của điểm đạo nhóm. Ánh sáng của các lần điểm đạo cao hơn có thể tuôn vào khi được gợi lên bởi bác ái nhóm. Ánh sáng ấy trong sáng và lạnh, **nhưng tạo ra “nhiệt” cần thiết, là một từ biểu tượng được dùng trong nhiều Kinh điển thế giới để diễn tả năng lượng tinh thần sống động.** Tôi đã nói “năng lượng tinh thần” chứ không phải mãnh lực linh hồn, và chính trong đó có một sự phân biệt mà một ngày nào đó bạn sẽ phải nắm bắt. (R&I 32)

By the **interplay** of the three types of force which constitute the three monadic aspects,

Bởi sự **tương tác** của ba loại mãnh lực cấu thành ba phương diện chân thần,

326. Will, Wisdom and Activity and their reflections electric fire, solar fire and fire by friction respectively…

326. Ý chí, Minh triết và Hoạt động cùng các phản chiếu của chúng là Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát tương ứng…

a rhythm is set up

một nhịp điệu được thiết lập

327. Interplay sustained produces a rhythm…

327. Sự tương tác được duy trì tạo ra một nhịp điệu…

which eventuates in the formation of:

và cuối cùng dẫn đến sự hình thành của:

328. All fires interplay to produce the formation of the causal body. Animal man aspired: this represents the up-reaching of fire by friction. The Spirit or Monad responded: thus electric fire enters the interplay. It may have even have instigated the aspiration of animal-man. Then the Solar Angels are invoked, providing solar fire.

328. Mọi lửa tương tác để tạo nên sự hình thành của thể nguyên nhân. Người thú đã khát vọng: điều này biểu thị sự vươn lên của Lửa ma sát. Tinh thần hay Chân thần đáp ứng: do đó Lửa Điện đi vào sự tương tác. Thậm chí nó có thể đã khởi phát khát vọng của người-thú. Rồi các Thái dương Thiên Thần được khẩn cầu, cung cấp Lửa Thái dương.

329. The presence of the Monad on the higher mental plane is, itself, an aspect of solar fire.

329. Sự hiện diện của Chân thần trên Cõi thượng trí, tự nó, là một phương diện của Lửa Thái dương.

330. The Monad contains within itself all three fires, manifesting on the higher mental plane as solar fire and in the three lower worlds as fire by friction.

330. Chân thần chứa trong chính nó cả ba loại lửa, biểu hiện trên Cõi thượng trí như Lửa Thái dương và trong ba cõi thấp như Lửa ma sát.

A ring-pass-not, or **ovoidal sphere, wherein the pilgrim is confined**,

Một vòng-giới-hạn, hay **một khối cầu hình trứng, trong đó người hành hương bị giới hạn**,

331. The rhythm set up between the three monadic factors leads to the formation of "a ring-pass-not".,

331. Nhịp điệu được thiết lập giữa ba yếu tố chân thần dẫn đến sự hình thành của "một vòng-giới-hạn".

332. The Monad retains its "home" on the monadic plane, but the aspect of itself that "goes forth" is "confined" on the higher mental plane in the causal ovoid.

332. Chân thần vẫn giữ "nhà" của nó trên cõi chân thần, nhưng phương diện của chính nó "đi ra" thì bị "giới hạn" trên Cõi thượng trí trong noãn thể nguyên nhân.

333. The "pilgrim" at this level is the "central fire" of the causal body or the Jewel in the Lotus.

333. "Người hành hương" ở cấp độ này là "ngọn lửa trung tâm" của thể nguyên nhân hay Bảo Châu trong Hoa Sen.

and which contains within itself three major centres of force, corresponding to

và tự nó chứa ba trung tâm mãnh lực chính, tương ứng với

334. The causal body/egoic lotus is triune in its nature and reflects higher triplicities as found in the spiritual triad and the Monad.

334. Thể nguyên nhân/Hoa Sen Chân Ngã có bản chất tam phân và phản chiếu các bộ ba cao hơn như được tìm thấy trong tam nguyên tinh thần và Chân thần.

a. The three major logoic centres when the subjective or force side of existence is contemplated.

a. Ba trung tâm logoic chính khi phương diện chủ quan hay phương diện mãnh lực của sự tồn tại được chiêm ngưỡng.

335. These are the Central Spiritual Sun (the solar logoic monadic nature); the Heart of the Sun, the solar logoic soul nature; the

335. Đó là Mặt trời Tinh thần Trung Ương (bản chất chân thần logoic thái dương); Trái Tim Mặt Trời, bản chất linh hồn logoic thái

“physical sun” or the solar logoic personality nature.

336. Within the ovoid and, eventually, fully within the egoic lotus, are the Jewel in the Lotus corresponding to the Central Spiritual Sun; the petals themselves corresponding to the Heart of the Sun; the units in the atomic triangle corresponding to the physical sun.

337. If we confine ourselves to structures found on the higher mental plane, we have the Jewel in the Lotus, the central three petals, and the nine ordinary petals, representing the three aspects respectively.

b. The three permanent atoms if the purely objective side is in question.

338. As usual we will remark that in the atomic triangle we do not really have "three permanent atoms" because the mental unit is not a permanent atom.”

339. The mental unit corresponds to the will aspect, the Jewel in the Lotus and the Central Spiritual Sun. It also corresponds to the Will aspect within the Monad.

340. The astral permanent atom corresponds to the three central petals and to the egoic lotus in general. It corresponds to the Heart of the Sun and also to the Wisdom aspect within the monadic triangle.

341. The physical permanent atom corresponds to the atomic triangle in general, and to the personality nature. It

dương; và “mặt trời hồng trần” hay bản chất phàm ngã logoic thái dương.

336. Bên trong noãn thể và cuối cùng hoàn toàn bên trong Hoa Sen Chân Ngã, có Bảo Châu trong Hoa Sen tương ứng với Mặt trời Tinh thần Trung Ương; chính các cánh hoa tương ứng với Trái Tim Mặt Trời; các đơn vị trong tam giác nguyên tử tương ứng với mặt trời hồng trần.

337. Nếu chúng ta chỉ giới hạn vào các cấu trúc được tìm thấy trên Cõi thượng trí, thì chúng ta có Bảo Châu trong Hoa Sen, ba cánh hoa trung tâm, và chín cánh hoa thông thường, lần lượt biểu thị ba phương diện.

b. Ba nguyên tử trường tồn nếu phương diện thuần túy khách quan được đặt thành vấn đề.

338. Như thường lệ, chúng ta sẽ nhận xét rằng trong tam giác nguyên tử, thực ra chúng ta không có “ba nguyên tử trường tồn ” bởi vì đơn vị hạ trí không phải là một nguyên tử trường tồn.”

339. Đơn vị hạ trí tương ứng với phương diện ý chí, Bảo Châu trong Hoa Sen và Mặt trời Tinh thần Trung Ương. Nó cũng tương ứng với phương diện Ý chí bên trong Chân thần.

340. Nguyên tử trường tồn cảm dục tương ứng với ba cánh hoa trung tâm và với Hoa Sen Chân Ngã nói chung. Nó tương ứng với Trái Tim Mặt Trời và cũng với phương diện Minh triết bên trong tam giác chân thần.

341. Nguyên tử trường tồn hồng trần tương ứng với tam giác nguyên tử nói chung, và với bản chất phàm ngã. Nó tương ứng với Mặt

corresponds to the physical Sun and to the activity aspect within the monadic triangle.

Trời hồng trần và với phương diện hoạt động bên trong tam giác chân thần.

342. There are a number of correspondences which we could work on using these factors.

342. Có một số tương ứng mà chúng ta có thể nghiên cứu bằng cách dùng các yếu tố này.

A cyclic pulsation, which is the cause of every evolutionary impulse. [Page 1048]

Một sự rung động tuần hoàn, là nguyên nhân của mọi xung lực tiến hoá. [Page 1048]

343. The rhythm set up between the three monadic factors leads to the formation of "a cyclic pulsation".

343. Nhịp điệu được thiết lập giữa ba yếu tố chân thần dẫn đến sự hình thành của "một sự rung động tuần hoàn".

344. Such pulsations correspond to the energy of the first ray. "The Power that touches and then withdraws"—this is a pulsation.

344. Những rung động như thế tương ứng với năng lượng của cung một. "Quyền Năng chạm vào rồi rút lui"—đó là một sự rung động tuần hoàn.

These evolutionary impulses may be regarded as three in number **for a solar system**, or **for a Monad**:

Những xung lực tiến hoá này có thể được xem là ba về số lượng **đối với một hệ mặt trời**, hay **đối với một Chân thần**:

345. In other words, we are speaking of the Three Outpourings.

345. Nói cách khác, chúng ta đang nói về Ba lần tuôn đổ.

346. DK will also look at the pulsations in another context.

346. Chân sư DK cũng sẽ xem xét các rung động tuần hoàn trong một bối cảnh khác.

There is the impulse which drives every atom to self-determination, and is the secret of the phenomenon called individualisation. It is largely the force called Brahma.

Có xung lực thúc đẩy mọi nguyên tử đến sự tự quyết định, và đó là bí mật của hiện tượng được gọi là biệt ngã hóa. Nó phần lớn là mãnh lực được gọi là Brahma.

347. Largely, though not entirely, we may presume…

347. Phần lớn, dù không hoàn toàn, chúng ta có thể giả định như vậy…

348. A Brahmic impulse drives atoms to self-determination. Saturn is involved.

348. Một xung lực Brahmic thúc đẩy các nguyên tử đến sự tự quyết định. Sao Thổ có liên quan.

349. Note the term “drives”. It suggests a first ray motion. “Forces” is the same.

349. Hãy lưu ý thuật ngữ “thúc đẩy”. Nó gợi ý một chuyển động của cung một. “Ép buộc” cũng vậy.

There is the impulse which forces the individual atom towards group determination, and is the secret of the phenomenon termed "Initiation,"

Có xung lực ép buộc nguyên tử cá biệt hướng tới sự quyết định theo nhóm, và đó là bí mật của hiện tượng được gọi là "điểm đạo",

350. Initiation is a group phenomenon. Unless group consciousness has developed in the human individual, there will be no initiation.

350. Điểm đạo là một hiện tượng nhóm. Trừ phi tâm thức nhóm đã phát triển trong cá nhân nhân loại, sẽ không có điểm đạo.

351. We may suppose that this is largely the force called Vishnu just as the force driving towards self-determination is largely the force called Brahma.

351. Chúng ta có thể giả định rằng đây phần lớn là mãnh lực được gọi là Vishnu, cũng như mãnh lực thúc đẩy đến sự tự quyết định phần lớn là mãnh lực được gọi là Brahma.

or the process of passing out of the human or self-determined individualised Life into the higher kingdom.

hay tiến trình đi ra khỏi Sự sống cá biệt hóa tự quyết định của nhân loại để đi vào giới cao hơn.

352. Individualism is related to the human kingdom; group consciousness to the Kingdom of Souls.

352. Chủ nghĩa cá nhân liên hệ với giới nhân loại; tâm thức nhóm liên hệ với Thiên Giới của các linh hồn.

It is the sum total of the force of Vishnu,

Đó là tổng số của mãnh lực Vishnu,

353. How many forces are contained within the Vishnu Force?

353. Có bao nhiêu mãnh lực được chứa trong Mãnh lực Vishnu?

the second aspect, and produces the higher states of consciousness.

phương diện thứ hai, và tạo ra các trạng thái tâm thức cao hơn.

354. This is the process in which we, as disciples and students of *A Treatise on Cosmic Fire* are engaged—passing out of the human kingdom into the fifth kingdom, the Kingdom of Souls. This is done in group formation.

354. Đây là tiến trình mà chúng ta, với tư cách các đệ tử và đạo sinh của *Luận về Lửa Vũ Trụ*, đang tham dự—đi ra khỏi giới nhân loại để vào giới thứ năm, Thiên Giới của các linh hồn. Điều này được thực hiện trong đội hình nhóm.

There is finally the impulse which **forces** the planetary groups,

Cuối cùng có xung lực **ép buộc** các nhóm hành tinh,

355. Again a 'driving' word—the word "forces!

355. Lại là một từ ngữ "thúc đẩy"—từ "ép buộc"!

the sum total of all atoms and forms, to a conscious realisation of the nature of the all-enclosing group, the solar atom.

là tổng số của mọi nguyên tử và hình tướng, đến một sự chứng nghiệm có ý thức về bản chất của nhóm bao trùm tất cả, nguyên tử thái dương.

356. This third type of 'driving' occurs along the line of the first ray and is undertaken through the motion of "progress onward"

356. Loại "thúc đẩy" thứ ba này xảy ra theo đường của cung một và được thực hiện qua chuyển động "tiến lên phía trước"

357. The first ray force leads, eventually, to an appreciation of the entirety of the "solar atom".

357. Mãnh lực cung một cuối cùng dẫn đến sự nhận thức về toàn thể của "nguyên tử thái dương".

358. Under this influence we are led from group consciousness to consciousness of "the One" (Who is the Solar Logos as far as we are concerned).

358. Dưới ảnh hưởng này, chúng ta được dẫn từ tâm thức nhóm đến tâm thức về "Đấng Duy Nhất" (Đấng, đối với chúng ta, là Thái dương Thượng đế).

The Monad, acted upon by the Heavenly Man, intelligently forms his ring-pass-not.

Chân thần, được Đấng Thiên Nhân tác động, một cách thông tuệ hình thành vòng-giới-hạn.

359. In the following sentences we are dealing with occurrences which take place within the monadic ring-pass-not.

359. Trong các câu sau, chúng ta đang bàn đến những diễn biến xảy ra bên trong vòng-giới-hạn chân thần.

360. Here we are speaking of the formation of the monadic vehicle. It seems to occur before the outpourings begin.

360. Ở đây chúng ta đang nói về sự hình thành vận cụ chân thần. Dường như điều này xảy ra trước khi các lần tuôn đổ bắt đầu.

361. Note that the Monad certainly has intelligence. One cannot consider the Spirit as a passive essence, as sometimes seemed to be the case in H.P.B.'s estimation.

361. Hãy lưu ý rằng Chân thần chắc chắn có trí tuệ. Người ta không thể xem Tinh thần như một tinh chất thụ động, như đôi khi dường như là trường hợp trong sự đánh giá của H.P.B.

362. The ring-pass-not will include all aspects of his being. The egoic lotus will be included within it as well as that reflection of the Ego, the monadic shadow—the personality.

362. Vòng-giới-hạn sẽ bao gồm mọi phương diện của hữu thể của nó. Hoa Sen Chân Ngã sẽ được bao gồm trong đó, cũng như phản chiếu của chân ngã ấy, cái bóng chân thần—phàm ngã.

There his work ceases from the purely monadic standpoint; the inherent life of the atomic matter thus constituted produces the later phenomena.

Tại đó công việc của nó chấm dứt từ quan điểm thuần túy chân thần; sự sống cố hữu của vật chất nguyên tử được cấu thành như thế tạo ra các hiện tượng về sau.

363. This is an enigmatic statement. Let us see how DK elaborates it.

363. Đây là một phát biểu bí ẩn. Hãy xem Chân sư DK khai triển nó như thế nào.

364. This statement casts the Monad in the role of 'the One who waits'. After certain initial impulsions, the Monad bides its time for active engagement until the "Third Outpouring". It is, however, somewhat involved in the first stages of the "Second Outpouring".

364. Phát biểu này đặt Chân thần vào vai trò của 'Đấng chờ đợi'. Sau một số xung lực ban đầu, Chân thần chờ thời để tham gia tích cực cho đến "Lần Tuôn Đổ Thứ Ba". Tuy nhiên, nó cũng phần nào dự phần trong các giai đoạn đầu của "Lần Tuôn Đổ Thứ Hai".

The rotary life of the atoms, and their interplay, modified by the **Life of the planetary group, or Heavenly Man**,

Sự sống quay tròn của các nguyên tử, và sự tương tác của chúng, được điều chỉnh bởi **Sự sống của nhóm hành tinh, hay Đấng Thiên Nhân**,

365. The Heavenly Man is to be considered as a 'group Being'.

365. Đấng Thiên Nhân phải được xem như một 'Hữu thể nhóm'.

pursued through long aeons, **causes the phenomena of the various involutionary stages**

được tiếp tục qua những đại kiếp lâu dài, **gây ra các hiện tượng của những giai đoạn giáng hạ tiến hoá khác nhau**

366. The Monad (which comes forth in power during the "Third Outpouring" and at the behest or the Third Logos), is not per se, directly involved in causing the phenomena of the various involutionary states. Energies set in motion (the Life of the Third Logos and to an extent the Life of the Second Logos) are sufficient for such developments.

366. Chân thần (xuất hiện đầy quyền năng trong "Lần Tuôn Đổ Thứ Ba" và theo mệnh lệnh của Thượng đế thứ ba), không trực tiếp tham gia vào việc gây ra các hiện tượng của những trạng thái giáng hạ tiến hoá khác nhau. Các năng lượng đã được khởi động (Sự sống của Thượng đế thứ ba và ở một mức độ

nào đó là Sự sống của Thượng đế thứ hai) là đủ cho những phát triển như thế.

up to the point **where certain of the atoms have evolved** [together?] **to the consciousness of animal-man**.

cho đến điểm **mà một số nguyên tử nào đó đã tiến hoá** [together?] **đến tâm thức của người-thú**.

367. Is this *literally* true? We have to examine. Will the single atom of substance, singly, have evolved to the consciousness of animal man or will they do this together in groups and rising as groups through the various kingdoms?

367. Điều này có đúng theo *nghĩa đen* không? Chúng ta phải khảo sát. Liệu nguyên tử đơn lẻ của chất liệu, một mình nó, sẽ tiến hoá đến tâm thức của người thú, hay chúng sẽ làm điều này cùng nhau trong các nhóm và vươn lên như những nhóm qua các giới khác nhau?

368. DK's statement is ambiguous, but for various reasons it is more than unlikely that a tiny atomic unit will, in and of itself, reach the stage of individualization.

368. Phát biểu của Chân sư DK mơ hồ, nhưng vì nhiều lý do, điều vượt quá mức khó có thể xảy ra là một đơn vị nguyên tử nhỏ bé, tự nó, đạt đến giai đoạn biệt ngã hóa.

369. The subject we are studying here demands an examination of the relationship existing between the Monad and the group soul.

369. Chủ đề chúng ta đang nghiên cứu ở đây đòi hỏi phải khảo sát mối liên hệ hiện hữu giữa Chân thần và Hồn nhóm.

All through this inconceivable period (that is, in connection with our earth sphere)

Trong suốt giai đoạn không thể nghĩ bàn này (nghĩa là, liên hệ với khối cầu địa cầu của chúng ta)

370. We are speaking of the outpourings specifically as they affect the "earth sphere" and not as they affect the entire solar system.

370. Chúng ta đang nói về các lần tuôn đổ một cách chuyên biệt theo như chúng tác động đến "khối cầu địa cầu", chứ không phải theo như chúng tác động đến toàn bộ hệ mặt trời.

the **milliards of atomic lives** have pursued their courses, **energised by the Life of the Monad**, as it pulsates through the **medium of the monadic heart on the spiritual plane;** and equally they have responded to the larger rhythm of the Heavenly Man.

hàng tỷ sự sống nguyên tử đã theo đuổi tiến trình của chúng, **được tiếp sinh lực bởi Sự sống của Chân thần**, khi nó rung động qua **trung gian của trái tim chân thần trên cõi tinh thần;** và đồng thời chúng cũng đã đáp ứng với nhịp điệu lớn hơn của Đấng Thiên Nhân.

371. Some have thought that the Monad has no effect on the tiny atomic lives which are pursuing their destiny within its large ring-pass-not, but this statement indicates otherwise. All of these milliards are energized by the life of the Monad—but as well by “the larger rhythm of the Heavenly Man.”

371. Một số người đã nghĩ rằng Chân thần không có ảnh hưởng nào lên những sự sống nguyên tử nhỏ bé đang theo đuổi định mệnh của chúng bên trong vòng-giới-hạn lớn của nó, nhưng phát biểu này cho thấy điều ngược lại. Tất cả những hàng tỷ ấy đều được tiếp sinh lực bởi sự sống của Chân thần—nhưng đồng thời cũng bởi “nhịp điệu lớn hơn của Đấng Thiên Nhân”.

372. We must note the two forces influencing the milliards of atoms—the pulsations of the Life of the Monad through the monadic heart and the rhythm of the Heavenly Man.

372. Chúng ta phải lưu ý hai mãnh lực ảnh hưởng đến hàng tỷ nguyên tử—những rung động của Sự sống Chân thần qua trái tim chân thần và nhịp điệu của Đấng Thiên Nhân.

373. The work of the Monad during the second part of the "Second Outpouring" is mysterious, but without its energy atomic life would not rise through the lower kingdoms towards individualization.

373. Công việc của Chân thần trong phần thứ hai của "Lần Tuôn Đổ Thứ Hai" là điều huyền nhiệm, nhưng nếu không có năng lượng của nó, sự sống nguyên tử sẽ không vươn lên qua các giới thấp hướng đến biệt ngã hóa.

374. The Monad is the Life behind the forces which gather atoms into group souls, raising them to ever higher levels of formal perfection, until animal man is produced. But the Monad on its own high plane works through its ‘representatives’ in the lower worlds—the permanent atoms it has selected as the beginning of the "Second Outpouring".

374. Chân thần là Sự sống đứng sau các mãnh lực tập hợp các nguyên tử thành các hồn nhóm, nâng chúng lên những cấp độ ngày càng cao của sự hoàn thiện về hình tướng, cho đến khi người thú được tạo ra. Nhưng Chân thần trên cõi cao riêng của nó hoạt động qua các ‘đại diện’ của nó trong các cõi thấp—các nguyên tử trường tồn mà nó đã chọn như sự khởi đầu của "Lần Tuôn Đổ Thứ Hai".

375. We tiny human beings, also, in comparison with some great Being—perhaps a Cosmic Logos or Super-Cosmic Logos, are as atomic lives energized by that inconceivable Monad.

375. Chúng ta, những con người nhỏ bé, cũng vậy, khi so với một Hữu thể vĩ đại nào đó—có lẽ là một Thượng đế Vũ trụ hay Thượng đế Siêu Vũ trụ—cũng như những sự sống nguyên tử được tiếp sinh lực bởi Chân thần không thể nghĩ bàn ấy.

376. We note that the “monadic heart” is on the “spiritual plane”. We should not gloss

376. Chúng ta lưu ý rằng “trái tim chân thần” ở trên “cõi tinh thần”. Chúng ta không

over this word “spiritual” because it may represent a cosmic etheric ‘location’ and may not mean the egoic lotus on the higher mental plane. Usually the “spiritual plane” is the atmic plane, but it is far more likely that the monadic heart would be found on the buddhic plane. In other references the Ego working through the egoic lotus is considered the monadic heart.

nên lướt qua từ “tinh thần” này, vì nó có thể biểu thị một ‘vị trí’ dĩ thái vũ trụ và có thể không có nghĩa là hoa sen chân ngã trên cõi thượng trí. Thông thường, “cõi tinh thần” là cõi atma, nhưng rất có thể trái tim chân thần được tìm thấy trên cõi Bồ đề. Trong những tham chiếu khác, Chân ngã hoạt động qua hoa sen chân ngã được xem là trái tim chân thần.

This it is [the pulsating Life of the Monad and the larger rhythm of the Heavenly Man] which has produced **graded concretion**, and brought animal-man to the stage where the upward pull of the Monad itself began to be felt.

Đây chính là điều [sự Sống rung động của Chân thần và nhịp điệu lớn hơn của Đấng Thiên Nhân] đã tạo ra **sự kết tụ theo cấp độ**, và đưa người thú đến giai đoạn mà lực kéo đi lên của chính Chân thần bắt đầu được cảm nhận.

377. We note here the predisposing cause of individualization. Animal man began to respond to the upward pull of the Monad and thus the causal body was formed

377. Ở đây chúng ta lưu ý nguyên nhân tiền định của sự biệt ngã hóa. Người thú bắt đầu đáp ứng với lực kéo đi lên của Chân thần và do đó thể nguyên nhân được hình thành

378. The creation of that being called animal man (by means of the ascent of various groups of atoms upward through the lower kingdoms) results from the process of “graded concretion”.

378. Sự tạo thành hữu thể được gọi là người thú (bằng phương tiện sự đi lên của nhiều nhóm nguyên tử qua các giới thấp hơn) là kết quả của tiến trình “sự kết tụ theo cấp độ”.

379. DK is outlining the role of the Monad at various phases of its long pilgrimage.

379. Chân sư DK đang phác họa vai trò của Chân thần trong nhiều giai đoạn của cuộc hành hương dài lâu của nó.

380. The full work of the Monad does not begin, however, until the "Third Outpouring" and its descent into the center of a causal ovoid. The Monad has remained within the center of its own ovoid and has worked through the higher and lower permanent atoms, but it has not yet created (with the help of the Solar Angels) an egoic lotus. At the time of the "Third Outpouring", it does so.

380. Tuy nhiên, công việc trọn vẹn của Chân thần chỉ bắt đầu khi có "Lần Tuôn Đổ Thứ Ba" và sự giáng xuống của nó vào trung tâm của một noãn thể nguyên nhân. Chân thần đã ở trong trung tâm của noãn thể riêng của nó và đã hoạt động qua các nguyên tử trường tồn cao và thấp, nhưng nó vẫn chưa tạo ra (với sự trợ giúp của các Thái dương Thiên Thần) một hoa sen chân ngã. Vào thời điểm của "Lần Tuôn Đổ Thứ Ba", nó làm điều đó.

At the same time, the Monad on its [Page 1049] own plane

Đồng thời, Chân thần trên [Page 1049] cõi riêng của nó

381. This is a force center different from the Jiva and yet emanatively connected to the Jiva. The Jiva is the 'Monad-in-extension.

381. Đây là một trung tâm mãnh lực khác với Jiva nhưng vẫn được nối kết với Jiva bằng phát xạ. Jiva là 'Chân Thần-trong-sự-mở-rộng'.

382. We always have to think of the 'Monad-in-extension' (the Jiva) and the 'Monad-at-Home'—the Monad remaining on the second cosmic ether for the duration of its aeonial pilgrimage through the five lower planes.

382. Chúng ta luôn phải nghĩ đến 'Chân Thần-trong-sự-mở-rộng' (Jiva) và 'Chân Thần-tại-Nhà'—Chân thần vẫn ở lại trên dĩ thái vũ trụ thứ hai trong suốt cuộc hành hương kéo dài qua các đại kiếp của nó xuyên qua năm cõi thấp hơn.

began to respond to the self-engendered energy of the lower form, **the two rhythms contacted, individualisation occurred and the pilgrim manifested in his true nature**.

bắt đầu đáp ứng với năng lượng tự phát sinh của hình tướng thấp hơn, **hai nhịp điệu tiếp xúc nhau, sự biệt ngã hóa xảy ra và người hành hương biểu lộ trong bản chất chân thực của y**.

383. The "true nature" of the pilgrim emerges on the higher mental plane with the creation of the causal body.

383. "Bản chất chân thực" của người hành hương xuất hiện trên cõi thượng trí cùng với sự tạo thành thể nguyên nhân.

384. We are leaning that individualization is produced by rhythmic interplay. Are we speaking of the interplay of energy cycles? Of contact between the high and low occurring when their respective cycles coincide?

384. Chúng ta đang nghiêng về nhận định rằng sự biệt ngã hóa được tạo ra bởi sự tương tác nhịp điệu. Chúng ta có đang nói về sự tương tác của các chu kỳ năng lượng không? Về sự tiếp xúc giữa cao và thấp xảy ra khi các chu kỳ tương ứng của chúng trùng hợp chăng?

385. When we speak of the higher rhythm, we must have in mind what we might call 'monadic pulsations'. When monadic pulsations meet the aspirations of animal-man, then individualization takes place—with the help of the Solar Angels.

385. Khi nói đến nhịp điệu cao hơn, chúng ta phải ghi nhớ điều có thể gọi là 'những nhịp đập chân thần'. Khi những nhịp đập chân thần gặp các khát vọng của người thú, thì sự biệt ngã hóa diễn ra—với sự trợ giúp của các Thái dương Thiên Thần.

386. The Pilgrim, in a way, takes up his 'location' within the central fire later

386. Theo một cách nào đó, Người Hành Hương chiếm lấy 'vị trí' của mình trong

revealed as the Jewel in the Lotus. This is a kind of 'throne' from which the Jiva reigns.

ngọn lửa trung tâm, về sau được mặc khải là Bảo Châu trong Hoa Sen. Đây là một loại 'ngai' mà từ đó Jiva cai quản.

Then—as far as concerns the Monad—**progressive life forward** begins.

Khi ấy—xét theo phương diện Chân thần—**sự sống tiến triển hướng về phía trước** bắt đầus.

387. The "progressive life forward" of the Monad begins at individualization. Even then, the Monad is directly involved—at least on the level of the Ego, but unnoticed by the 'shadow man' until the period of the third initiation.

387. "Sự sống tiến triển hướng về phía trước" của Chân thần bắt đầu từ lúc biệt ngã hóa. Ngay cả khi ấy, Chân thần vẫn trực tiếp can dự—ít nhất ở cấp độ của Chân ngã, nhưng không được 'con người bóng tối' nhận biết cho đến giai đoạn của lần điểm đạo thứ ba.

388. Note the phrase "progressive life forward". It carries the first ray connotation of "progress onward".

388. Hãy lưu ý cụm từ "sự sống tiến triển hướng về phía trước". Nó mang hàm ý của cung một là "tiến bước không ngừng".

389. When the "Third Outpouring" begins the Monad can begin its true "progressive life forward". Until that time it has been, as it were, 'sponsoring' and sustaining building processes in the lower three worlds.

389. Khi "Lần Tuôn Đổ Thứ Ba" bắt đầu, Chân thần có thể khởi sự "sự sống tiến triển hướng về phía trước" thực sự của nó. Cho đến lúc ấy, có thể nói rằng nó đã 'bảo trợ' và duy trì các tiến trình kiến tạo trong ba cõi thấp hơn.

It is truly cyclic, repetitive and spiralling.

Nó thực sự có tính chu kỳ, lặp lại và xoắn ốc.

390. This "progressive life forward" contains all the other motions. Spiralling motion pertains to the first ray; cyclic motion to the second; repetitive motion to the third.

390. "Sự sống tiến triển hướng về phía trước" này bao hàm mọi chuyển động khác. Chuyển động xoắn ốc thuộc về cung một; chuyển động chu kỳ thuộc về cung hai; chuyển động lặp lại thuộc về cung ba.

391. The development of the human being is "truly cyclic, repetitive and spiralling". It is a form of rapid development when compared to the very slow progress as the monadic life-in-extension rose through the lower kingdoms.

391. Sự phát triển của con người "thực sự có tính chu kỳ, lặp lại và xoắn ốc". Đó là một hình thức phát triển nhanh chóng khi so với sự tiến bộ rất chậm lúc sự sống chân thần-trong-sự-mở-rộng đi lên qua các giới thấp hơn.

392. In the paragraph below, we are speaking of action taking place once individualization has occurred.

392. Trong đoạn dưới đây, chúng ta đang nói đến hành động diễn ra sau khi sự biệt ngã hóa đã xảy ra.

At first the action, or the interplay between the rotary lower atomic form [in the three lower worlds], and the influence of the Monad, is lethargic, slow and heavy, and the form retards the action of the Monad, and its heavy vibration tends to offset the higher.

Thoạt đầu, hành động, hay sự tương tác giữa hình thức nguyên tử thấp hơn có chuyển động quay [trong ba cõi thấp], và ảnh hưởng của Chân thần, thì trì trệ, chậm chạp và nặng nề, và hình tướng làm chậm tác động của Chân thần, còn rung động nặng nề của nó có khuynh hướng hóa giải rung động cao hơn.

393. We see that the Monad, functioning through the egoic lotus, is truly interacting with the lower man in that which is to become, one day, a self-conscious personality.

393. Chúng ta thấy rằng Chân thần, hoạt động qua hoa sen chân ngã, thực sự đang tương tác với phàm nhân trong điều mà một ngày kia sẽ trở thành một phàm ngã có ngã thức.

394. In what form is the Monad present within the lower form of man. We have to conclude that the slowly awakening consciousness within the lower form is nothing other than monadic consciousness in a greatly veiled or attenuated state.

394. Chân thần hiện diện dưới hình thức nào trong hình tướng thấp hơn của con người? Chúng ta phải kết luận rằng tâm thức đang chậm chạp thức tỉnh bên trong hình tướng thấp hơn không là gì khác ngoài tâm thức chân thần trong một trạng thái bị che phủ hoặc làm mỏng đi rất nhiều.

395. Even if still within the state of personal consciousness, it is correct to respond, when asked who we are—"I am the Monad".

395. Ngay cả khi vẫn còn ở trong trạng thái tâm thức cá nhân, thì khi được hỏi chúng ta là ai, đáp lại rằng—"Tôi là Chân thần"—vẫn là đúng.

Gradually, as the **sweeping spirals** play their part,

Dần dần, khi các **đường xoắn ốc quét mạnh** thực hiện phần việc của chúng,

396. Herein is an important first ray term---"sweeping spirals"! The term "sweeping" suggests moving along rapidly, as the first ray tends to do.

396. Chính trong đây có một thuật ngữ quan trọng của cung một—"đường xoắn ốc quét mạnh"! Từ "quét mạnh" gợi ý sự chuyển động nhanh dọc theo một hướng, như cung một có khuynh hướng thực hiện.

397. When one is "swept" a greater will than one's own takes one to a destination which would not be easily (or so rapidly) reached otherwise.

397. Khi một người bị "cuốn đi", một ý chí lớn hơn ý chí của chính mình sẽ đưa người ấy đến một đích đến mà nếu không thì sẽ không dễ dàng đạt tới (hoặc không đạt tới nhanh như vậy).

the higher vibration makes itself felt, and the activity, or motion, is more balanced, but lighter.

rung động cao hơn tự làm cho mình được cảm nhận, và hoạt động, hay chuyển động, trở nên cân bằng hơn, nhưng nhẹ hơn.

398. The tamasic quality is reduced. The monadic energy makes its way through. A lower aspect of sattva begins to appear.

398. Phẩm tính tamas được giảm bớt. Năng lượng chân thần mở đường xuyên qua. Một phương diện thấp hơn của sattva bắt đầu xuất hiện.

399. We must note that DK is definitely speaking of the Monad and its influence. He is not speaking in terms of egoic influence, though the Ego must certainly be the representative of the Monad.

399. Chúng ta phải lưu ý rằng Chân sư DK rõ ràng đang nói về Chân thần và ảnh hưởng của nó. Ngài không nói theo thuật ngữ ảnh hưởng chân ngã, mặc dù Chân ngã chắc chắn phải là đại diện của Chân thần.

400. This section of text makes the Monad sound very present in various lower phases of development.

400. Phần văn bản này khiến Chân thần có vẻ hiện diện rất rõ trong nhiều giai đoạn phát triển thấp hơn.

Thus the cycles run until the higher rhythm or vibration is so dominant that the influence of the form is negated, and leads to its eventual discarding.

Do đó các chu kỳ tiếp diễn cho đến khi nhịp điệu hay rung động cao hơn trở nên áp đảo đến mức ảnh hưởng của hình tướng bị phủ nhận, và dẫn đến việc cuối cùng nó bị loại bỏ.

401. This process takes us beyond the third initiation to the time of the Great Renunciation when the power of the Monad (among other forces) impulses the discarding of two levels of form—the personality (with its elemental lives) and the egoic body (with its solar angelic lives).

401. Tiến trình này đưa chúng ta vượt quá lần điểm đạo thứ ba đến thời kỳ của Sự Từ Bỏ Vĩ Đại, khi quyền năng của Chân thần (cùng với những mãnh lực khác) thúc đẩy việc loại bỏ hai cấp độ hình tướng—phàm ngã (cùng các sự sống hành khí của nó) và thể chân ngã (cùng các sự sống thiên thần thái dương của nó).

402. Tiến trình được mô tả trong vài câu này phải mất hàng triệu năm mới hoàn tất.

402. The process described in a few sentences takes millions of years to complete.

Simultaneously with this, the highest rhythm of all makes itself felt,

Đồng thời với điều này, nhịp điệu cao nhất trong tất cả cũng tự làm cho mình được cảm nhận,

403. This is the monadic rhythm as that rhythm exists on the monadic plane.

403. Đây là nhịp điệu chân thần như nhịp điệu ấy tồn tại trên cõi chân thần.

leading to increased activity upon the highest planes, and **producing in time a negation of the sheath life of the Ego.**

dẫn đến hoạt động gia tăng trên các cõi cao nhất, và **theo thời gian tạo ra sự phủ nhận sự sống của vỏ bọc của Chân ngã.**

404. Here we speak of the discarding not only of the lower form (the personality) but of an intermediate form, the Ego.

404. Ở đây chúng ta nói đến việc loại bỏ không chỉ hình tướng thấp hơn (phàm ngã) mà còn cả một hình tướng trung gian, Chân ngã.

405. The manner of expression is very important and interesting. It is obvious that the Ego is not that which manifests on the higher mental plane as the egoic lotus. The Ego is something higher, and the fourth degree only brings about the end or negation of its "sheath life", but not of the Ego per se.

405. Cách diễn đạt này rất quan trọng và thú vị. Rõ ràng Chân ngã không phải là cái biểu lộ trên cõi thượng trí như hoa sen chân ngã. Chân ngã là một cái gì cao hơn, và cấp độ thứ tư chỉ mang lại sự chấm dứt hay phủ nhận "sự sống của vỏ bọc" của nó, chứ không phải của chính Chân ngã.

406. The causal body is nothing but the "sheath" of the true Ego and the true planes of the Ego are the cosmic etheric planes—the buddhic and the atmic planes.

406. Thể nguyên nhân không là gì khác ngoài "vỏ bọc" của Chân ngã đích thực, và các cõi đích thực của Chân ngã là các cõi dĩ thái vũ trụ—cõi Bồ đề và cõi atma.

407. Thus the soul, per se, is *never* destroyed. Man's true soul is the Ego on the planes of the spiritual triad. Only the sheath of the Ego is negated, and thus the Ego is liberated into higher realms.

407. Do đó, chính linh hồn *không bao giờ* bị hủy diệt. Linh hồn đích thực của con người là Chân ngã trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần. Chỉ có vỏ bọc của Chân ngã bị phủ nhận, và do đó Chân ngã được giải thoát vào các lĩnh vực cao hơn.

As the old Commentary again says:

Như Cổ Luận lại nói:

"The drops of moisture grow heavier. They break as rain upon the lowest plane. They sink into the clay and cause it to blossom. Thus do the waters cover the earth and all the cycles.

"Những giọt ẩm khí trở nên nặng hơn. Chúng vỡ ra thành mưa trên cõi thấp nhất. Chúng chìm vào đất sét và khiến nó nở hoa. Như thế nước phủ kín mặt đất và mọi chu kỳ.

408. Here we have a reference to moisture in relation to the highest plane within the present constitution of man.

408. Ở đây chúng ta có một tham chiếu đến ẩm khí liên hệ với cõi cao nhất trong cấu tạo hiện tại của con người.

409. The clay is the matter of the lower three worlds.

409. Đất sét là vật chất của ba cõi thấp hơn.

410. The "waters" are the pervasive influence of the Monad throughout millions of years.

410. "Nước" là ảnh hưởng lan tỏa của Chân thần xuyên suốt hàng triệu năm.

411. All fruition below is the product of the Monad. We are being given a picture of a "tree with root above and flowers below". (Formula I, DINA II, 250)

411. Mọi sự kết trái bên dưới đều là sản phẩm của Chân thần. Chúng ta đang được trao cho một bức tranh về "cây có rễ ở trên và hoa ở dưới". (Công thức I, DINA II, 250)

Two are the objectives of the **fathering drops**, and each attained in vastly separated cycles; one is to sink and lose itself in the dark soil of earth;

Hai là những mục tiêu của các **giọt phụ sinh**, và mỗi mục tiêu đạt được trong những chu kỳ cách biệt nhau vô cùng lớn; một là chìm xuống và đánh mất chính nó trong đất tối của trần gian;

412. In a way this takes place long before the process of individualization is possible. Through the appropriate permanent atoms, the Monad reaches into the lowest kingdoms. It thus for many aeons, "loses itself in the dark soil of earth"

412. Theo một cách nào đó, điều này diễn ra rất lâu trước khi tiến trình biệt ngã hóa có thể xảy ra. Qua các nguyên tử trường tồn thích hợp, Chân thần vươn xuống các giới thấp nhất. Vì vậy trong nhiều đại kiếp, nó "đánh mất chính nó trong đất tối của trần gian"

the other to rise and merge itself in the clear air of heaven.

mục tiêu kia là vươn lên và hòa nhập chính nó vào không khí trong sáng của thiên giới.

413. "Heaven" in this case is the buddhic plane. We hear of the "clear cold light" in relation to the buddhic plane and also realize

413. "Thiên giới" trong trường hợp này là cõi Bồ đề. Chúng ta nghe nói đến "ánh sáng lạnh trong sáng" liên hệ với cõi Bồ đề và cũng

that the element of "air" pertains to the buddhic plane.

414. The merging into the "clear **air** of heaven" represents the moment of liberation at the fourth degree.

Between the two vast periods the heat doth play its part.

415. "Heat" here does not mean spiritual energy, but rather the influence of the lower fires—latent fire and radiatory fire.

But when the heat grows fierce, and the fires within the earth and beneath the waters burn hot and flow,

416. The fires "within the earth" are within the atomic triangle.

417. The fires beneath the waters are found within the egoic lotus or causal body. These fires, too, become incandescent.

418. The "waters" in this context pertain to the Monad. We do not normally consider the monadic plane as a plane of "water", yet it is below the true plane of fire—the logoic plane.

419. If we were to assign the four elements to the cosmic ethers, how would we do it?

420. The buddhic plane is "air" to the lower worlds, but represents the base within the cosmic ethers. The logoic plane is obviously fire. The atmic plane is strangely associated with water (Tabulation, EA 35). Is the monadic plane to be considered the plane of

nhận ra rằng nguyên tố "khí" thuộc về cõi Bồ đề.

414. Sự hòa nhập vào "không **khí** trong sáng của thiên giới" biểu thị khoảnh khắc giải thoát ở cấp độ thứ tư.

Giữa hai thời kỳ bao la ấy, nhiệt lực thực hiện phần việc của nó.

415. Ở đây "nhiệt" không có nghĩa là năng lượng tinh thần, mà đúng hơn là ảnh hưởng của các lửa thấp hơn—lửa tiềm tàng và lửa bức xạ.

Nhưng khi nhiệt lực trở nên dữ dội, và các lửa trong lòng đất và dưới làn nước cháy nóng và tuôn chảy,

416. Các lửa "trong lòng đất" nằm trong tam giác nguyên tử.

417. Các lửa dưới làn nước được tìm thấy trong hoa sen chân ngã hay thể nguyên nhân. Những lửa này cũng trở nên rực cháy.

418. "Nước" trong ngữ cảnh này liên hệ với Chân thần. Thông thường chúng ta không xem cõi chân thần là một cõi của "nước", tuy nhiên nó ở dưới cõi lửa đích thực—cõi logoic.

419. Nếu chúng ta gán bốn nguyên tố cho các dĩ thái vũ trụ, chúng ta sẽ làm điều đó như thế nào?

420. Cõi Bồ đề là "khí" đối với các thế giới thấp hơn, nhưng lại biểu thị nền tảng trong các dĩ thái vũ trụ. Cõi logoic hiển nhiên là lửa. Cõi atma lại được liên kết một cách lạ lùng với nước (Bảng tổng hợp, EA 35). Có nên xem cõi chân thần là cõi của "khí"

“air”? It is in a way a higher correspondence to the buddhic plane.

chăng? Theo một cách nào đó, nó là sự tương ứng cao hơn của cõi Bồ đề.

421. Fortunately, the presence of other elements such as aether and akasha make assigning the four elements to the four cosmic ethers unnecessary. Still it is an interesting mental exercise and does yield some valuable indications—and some seeming contradictions.

421. May thay, sự hiện diện của những nguyên tố khác như aether và akasha khiến việc gán bốn nguyên tố cho bốn dĩ thái vũ trụ trở nên không cần thiết. Tuy vậy, đây vẫn là một bài tập trí tuệ thú vị và quả thực đem lại một số chỉ dẫn có giá trị—cùng một vài mâu thuẫn bề ngoài.

the nature of the many drops is seen to undergo a change. They dissipate in steam. Thus doth the heat perform its part.

bản chất của nhiều giọt được thấy là trải qua một sự thay đổi. Chúng tan biến thành hơi nước. Như thế nhiệt lực thực hiện phần việc của nó.

422. Are we speaking of the dissolution of the causal body? There are many ways to view this dissolution.

422. Chúng ta có đang nói về sự tan rã của thể nguyên nhân không? Có nhiều cách để nhìn sự tan rã này.

Later again the fire electric flashes forth, and turns the steam to that which will permit its passage through the air."

Về sau nữa, lửa điện lóe ra, và biến hơi nước thành cái sẽ cho phép nó đi qua không khí."

423. The air is the buddhic plane, and after the fourth initiation, the rising consciousness does seek “passage through the air”.

423. Không khí là cõi Bồ đề, và sau lần điểm đạo thứ tư, tâm thức đang đi lên quả thực tìm kiếm “sự đi qua không khí”.

424. We can imagine that we are speaking of liberation from the confines of the causal body.

424. Chúng ta có thể hình dung rằng mình đang nói về sự giải thoát khỏi những giới hạn của thể nguyên nhân.

425. The electric flashing forth can be conceived as that which allows the content of the causal body to rise into the spiritual triad.

425. Sự lóe ra của điện có thể được quan niệm là điều cho phép nội dung của thể nguyên nhân vươn lên vào Tam Nguyên Tinh Thần.

426. We may also be speaking of progress towards the fifth initiation when the debris from the destruction of the causal body is

426. Chúng ta cũng có thể đang nói về sự tiến triển hướng đến lần điểm đạo thứ năm, khi tàn dư từ sự hủy diệt của thể nguyên

dissipated, apparently by the further addition of intensified electric fire.

427. If, however, we wish to interpret the foregoing on a lower turn of the spiral, we could speak of rising from the dense physical plane into the astral plane whereon steam arises through the meeting of fire and water. The rising through the air could be considered passage across the mental plane leading to "heaven".

428. The "fires within the earth and beneath the waters" then would refer to the two aspects of the lowest systemic plane—the dense physical aspect and the etheric aspect.

429. The higher interpretation (liberation from the causal body) seems more accurate.

430. In all of these possibilities, "heat" must be considered the variegated modes of monadic fire, demonstrating in the lowest worlds and in progressively higher worlds.

We will now sum up briefly the **various vibratory impulses which have a definite effect upon the Monad**,

431. We must watch to see whether we are speaking of an effect upon the Monad on its own plane or in various phases of its pilgrimage. As we read below, we shall see that the latter seems to be the case.

and which must be borne in mind as we consider the evolution [Page 1050] of the Divine Pilgrim. It is not the purpose of this

nhân bị làm tiêu tan, dường như bởi sự gia tăng thêm của lửa điện được tăng cường.

427. Tuy nhiên, nếu chúng ta muốn diễn giải phần trên theo một vòng thấp hơn của đường xoắn ốc, chúng ta có thể nói đến việc đi lên từ cõi hồng trần đậm đặc vào cõi cảm dục, nơi hơi nước bốc lên qua sự gặp gỡ của lửa và nước. Sự đi lên qua không khí có thể được xem là sự đi qua cõi trí dẫn đến "thiên giới".

428. Khi ấy "các lửa trong lòng đất và dưới làn nước" sẽ chỉ đến hai phương diện của cõi hệ thống thấp nhất—phương diện hồng trần đậm đặc và phương diện dĩ thái.

429. Cách diễn giải cao hơn (giải thoát khỏi thể nguyên nhân) dường như chính xác hơn.

430. Trong mọi khả năng này, "nhiệt" phải được xem là những phương thức đa dạng của lửa chân thần, biểu lộ trong các thế giới thấp nhất và trong những thế giới ngày càng cao hơn.

Giờ đây chúng ta sẽ tóm lược ngắn gọn **những xung lực rung động khác nhau có ảnh hưởng xác định lên Chân thần**,

431. Chúng ta phải theo dõi xem liệu mình đang nói đến một ảnh hưởng lên Chân thần trên cõi riêng của nó hay trong các giai đoạn khác nhau của cuộc hành hương của nó. Khi đọc phần dưới, chúng ta sẽ thấy rằng trường hợp sau dường như đúng hơn.

và những điều này phải được ghi nhớ khi chúng ta xem xét sự tiến hoá [Page 1050] của Người Hành Hương Thiêng Liêng. Mục đích

Treatise to enlarge upon each distinctive impulse. It but seeks to indicate, **leaving to later individual students the expansion of the imparted ideas**.

của bộ Luận này không phải là khai triển từng xung lực riêng biệt. Nó chỉ tìm cách chỉ ra, **để lại cho các đạo sinh cá nhân về sau sự mở rộng những ý tưởng đã được truyền đạt**.

432. This expansion will occur within the new esoteric schools of the future. DK has given an outline which lends itself to elaboration and expansion. Hundreds of years of school work are contained, in potential, in this treatise.

432. Sự mở rộng này sẽ diễn ra trong các trường phái huyền bí học mới của tương lai. Chân sư DK đã đưa ra một đại cương rất thích hợp cho sự khai triển và mở rộng. Hàng trăm năm công việc của trường học được chứa đựng, dưới dạng tiềm năng, trong bộ luận này.

433. Diverse vibratory impulses will be listed below. All of them concern the life of the Monad on its pilgrimage.

433. Những xung lực rung động đa dạng sẽ được liệt kê dưới đây. Tất cả chúng đều liên quan đến sự sống của Chân thần trong cuộc hành hương của nó.

1. **Three impulses inherent in the three periodical vehicles,** as H. P. B. terms the three main centres of energy through which the Monad manifests:

1. **Ba xung lực vốn có trong ba vận cụ chu kỳ,** như H. P. B. gọi ba trung tâm năng lượng chính mà qua đó Chân thần biểu lộ:

434. We are speaking of energy impulses which need vehicles through which to manifest.

434. Chúng ta đang nói đến những xung lực năng lượng cần có các vận cụ để biểu lộ qua đó.

435. We will see how these impulses from the three periodical vehicles work out in the various aspects of man's vehicular apparatus.

435. Chúng ta sẽ thấy những xung lực từ ba vận cụ chu kỳ này được triển khai như thế nào trong các phương diện khác nhau của bộ máy vận cụ của con người.

a. The energy of the monadic ring-pass-not, viewing it as a unit.

a. Năng lượng của vòng-giới-hạn chân thần, xét nó như một đơn vị.

436. We know little or nothing about such impulses occurring within the monadic ring-pass-not—IF that ring-pass-not is considered focussed only on the monadic plane.

436. Chúng ta biết rất ít hoặc không biết gì về những xung lực như thế xảy ra bên trong vòng-giới-hạn chân thần—NẾU vòng-giới-hạn ấy được xem là chỉ tập trung trên cõi chân thần.

437. The “monadic ring-pass-not” is, for the time being, our highest energy center.

437. Hiện thời, “vòng-giới-hạn chân thần” là trung tâm năng lượng cao nhất của chúng ta.

b. The energy of the causal body, within the monadic periphery.

b. Năng lượng của thể nguyên nhân, bên trong chu vi chân thần.phery.

438. Let it be remembered that the causal body is definitely within the monadic periphery. That periphery, in one way, is very large. It delimits the larger aura in which a man undertakes his evolution as a human being and as a member of the fifth kingdom of nature.

438. Hãy nhớ rằng thể nguyên nhân chắc chắn nằm trong chu vi chân thể. Theo một cách nào đó, chu vi ấy rất lớn. Nó xác định hào quang lớn hơn, trong đó con người đảm nhận sự tiến hoá của mình với tư cách một con người và một thành viên của giới thứ năm trong thiên nhiên.

439. The causal body is our intermediate energy center and is often considered the “monadic heart”.

439. Thể nguyên nhân là trung tâm năng lượng trung gian của chúng ta và thường được xem là “trái tim chân thần”.

c. The energy of the physical body, the **synthesis upon the physical plane of the force pouring through into manifestation through the three permanent atoms**.

c. Năng lượng của thể xác, **sự tổng hợp trên cõi hồng trần của mãnh lực tuôn vào biểuhiện qua ba nguyên tử trường tồn**.

440. The physical body is a synthesis. It represents all the aspects of the human being found on higher planes.

440. Thể xác là một sự tổng hợp. Nó biểu trưng cho mọi phương diện của con người được tìm thấy trên các cõi cao hơn.

441. The physical body which is the representative of the personality is our lowest energy center.

441. Thể xác, vốn là đại diện của phàm ngã, là trung tâm năng lượng thấp nhất của chúng ta.

2. The **activity set up in the seven etheric centres of force**, the result of the activity of the seven principles:

2. Hoạt động được thiết lập trong bảy trung tâm mãnh lực dĩ thái**hoạt động được thiết lập trong bảy trung tâm mãnh lực dĩ thái**, là kết quả của hoạt động của bảy nguyên khí:

442. We might consider this type of activity —sevenfold—as derivative from the impulse occurring within the monadic ring-pass-not.

442. Chúng ta có thể xem loại hoạt động này —thất phân—là phát sinh từ xung lực xảy ra bên trong vòng-giới-hạn chân thần.

443. The seven principle are, microcosmically, seven monadic faculties or modes of expression.

443. Bảy nguyên khí, ở cấp vi mô, là bảy năng lực chân thần hay phương thức biểu lộ.

a. The head centre—esoteric seven with an exoteric three.

a. Trung tâm đầu—bảy huyền bí với ba ngoại môn.

444. An important hint here. We know the exoteric three. At least we are given an exoteric account of their nature. But there are a "greater seven" which must awaken "when the disciple nears the portal".

444. Đây là một gợi ý quan trọng. Chúng ta biết ba ngoại môn. Ít nhất chúng ta được trao cho một tường thuật ngoại môn về bản chất của chúng. Nhưng có một "bảy lớn hơn" phải thức tỉnh "khi đệ tử đến gần cánh cổng".

445. There may be *two* esoteric sevens—one grouping *within* the head and the other *above* it. Further research is required.

445. Có thể có *hai* bộ bảy huyền bí—một nhóm *bên trong* đầu và nhóm kia *ở trên* nó. Cần có thêm nghiên cứu.

446. Really, in this tabulation deep occult hints are being offered for future pondering.

446. Thực sự, trong bảng liệt kê này, những gợi ý huyền bí học sâu xa đang được đưa ra để suy ngẫm trong tương lai.

447. The number for the head center is ten.

447. Con số của trung tâm đầu là mười.

b. The throat centre.

b. trung tâm cổ họng.

448. No exoteric or esoteric components are mentioned.

448. Không có thành phần ngoại môn hay huyền bí nào được nêu ra.

449. Although there are many higher and unsuspected functions to the throat center, it is, for modern man, largely an *exoteric* center and is under Brahmic control.

449. Mặc dù trung tâm cổ họng có nhiều chức năng cao hơn và chưa được ngờ tới, đối với con người hiện đại, nó phần lớn là một trung tâm *ngoại môn* và nằm dưới sự kiểm soát Brahmic.

c. The heart centre—an esoteric three and exoteric seven.

c. Trung tâm tim—một bộ ba huyền bí và bảy ngoại môn.

450. This is mystifying. The composite number is again ten, yet it is the number twelve which is usually associated with the heart center. The number four is also

450. Điều này thật khó hiểu. Con số hợp thành lại là mười, tuy nhiên chính con số mười hai mới thường được liên kết với trung

representative as there are four chambers to the heart.

tâm tim. Con số bốn cũng có tính đại diện vì tim có bốn ngăn.

451. We note, however, that the numbering relating to the heart center is exactly the reverse of the head center.

451. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng cách đánh số liên hệ với trung tâm tim hoàn toàn đảo ngược so với trung tâm đầur.

452. There is a mystery here requiring deep further pondering.

452. Ở đây có một huyền nhiệm đòi hỏi sự suy ngẫm sâu xa hơn nữa.

453. We could be speaking in the language of the seven rays, so closely allied to the second ray and thus to the heart. Above the normal seven rays are a higher correspondence to the first three of these seven—the rays of aspect.

453. Chúng ta có thể đang nói bằng ngôn ngữ của bảy cung, vốn liên kết rất chặt với cung hai và do đó với tim. Bên trên bảy cung thông thường là một sự tương ứng cao hơn với ba cung đầu tiên trong bảy cung ấy—Các Cung Trạng Thái.

454. Perhaps the constellation Orion, with its magnificent threefold "belt" should be pondered in this regard.

454. Có lẽ chòm sao Orion, với "đai" tam phân huy hoàng của nó, nên được suy ngẫm trong mối liên hệ này.

d. The solar plexus—an esoteric three and exoteric four.

d. tùng thái dương—một bộ ba huyền bí và bốn ngoại môn.

455. Here is the normal apportionment—the triangle above the square.

455. Đây là sự phân bố bình thường—tam giác ở trên hình vuông.

456. We note that both the heart and the solar plexus (two closely related centers) have an "exoteric three".

456. Chúng ta lưu ý rằng cả tim và tùng thái dương (hai trung tâm liên hệ chặt chẽ) đều có một "ba ngoại môn".

457. One thing to notice is that the ten is definitely a number more complete than the seven. Above the diaphragm, we were given the number ten. Below the diaphragm, dealing with only the relative completion of form, we are given the seven.

457. Một điều cần lưu ý là mười rõ ràng là một con số hoàn chỉnh hơn bảy. Ở phía trên cơ hoành, chúng ta được cho con số mười. Ở phía dưới cơ hoành, chỉ liên quan đến sự hoàn tất tương đối của hình tướng, chúng ta được cho con số bảy.

458. The structure of the atom comes to mind. The atom is both sevenfold and also tenfold.

458. Cấu trúc của nguyên tử xuất hiện trong tâm trí. Nguyên tử vừa là thất phân vừa là thập phân.

e. The organs of generation—an esoteric two.

459. The sacral center is the *second* chakra counting from below. One would think that the twoness of this chakra (a chakra inclining to the realization of polarity) would be an *exoteric* two.

460. In some respect this center corresponds to the astral plane and is a watery chakra. The astral plane is the planet of the "dual forces". The pairs of opposites are strongly encountered on this watery plane.

461. Perhaps the mystery of polarity is to be solved through the sacral center. It is at the fourth initiation, that the mystery of sex is at last understood, solving the mystery of polarity on the human level.

f. The base of the spine—an esoteric unity.

462. There are four petals to the base of the spine center and they relate to the first and lowest plane—which is the plane on which and through which all energies are to be unified for coordinated expression.

463. The foregoing material is deeply occult. We notice that the numbers given do not correspond to the number of petals in these chakras.

464. We could say that the numbers for both the head and the heart add to one, and demonstrate that the first aspect will work through *both* of these chakras, which it does.

e. Các cơ quan sinh sản—một nhị phân huyền bí.

459. Trung tâm xương cùng là luân xa *thứ hai* tính từ dưới lên. Người ta sẽ nghĩ rằng tính nhị nguyên của luân xa này (một luân xa nghiêng về sự chứng nghiệm tính cực) sẽ là một số hai *ngoại môn* two.

460. Ở một phương diện nào đó, trung tâm này tương ứng với cõi cảm dục và là một luân xa thuộc nước. Cõi cảm dục là hành tinh của "các mãnh lực nhị nguyên". Các cặp đối đãi được gặp phải rất mạnh mẽ trên cõi nước này.

461. Có lẽ huyền nhiệm của sự phân cực sẽ được giải quyết qua trung tâm xương cùng. Chính ở lần điểm đạo thứ tư, huyền nhiệm của tính dục rốt cuộc được thấu hiểu, nhờ đó giải quyết huyền nhiệm của sự phân cực trên cấp độ con người.

f. Đáy cột sống—một hợp nhất huyền bí.

462. Có bốn cánh hoa nơi trung tâm đáy cột sống và chúng liên hệ với cõi thứ nhất và thấp nhất—là cõi mà trên đó và xuyên qua đó mọi năng lượng phải được hợp nhất để biểu hiện một cách phối hợp.

463. Tài liệu vừa trình bày mang tính huyền bí học sâu sắc. Chúng ta nhận thấy rằng các con số được nêu ra không tương ứng với số cánh hoa trong các luân xa này.

464. Chúng ta có thể nói rằng các con số của cả đầu lẫn tim cộng lại thành một, và chứng minh rằng phương diện thứ nhất sẽ hoạt động qua *cả hai* luân xa này, điều mà quả thật nó vẫn làm.

465. If we total the numbers given for the sub-diaphragmatic chakras, interestingly, again we arrive at the number ten.

465. Nếu cộng tổng các con số được cho đối với các luân xa dưới cơ hoành, điều thú vị là một lần nữa chúng ta lại đạt đến số mười.

466. The numbers seven, two, one (of the sub-diaphragmatic centers and ending in the base of the spine center) suggest the mode of synthesis followed by the planets (which are also chakras) from seven to two to one. Chart VI, TCF 373) will show these numbers with reference to planetary relationship.

466. Các con số bảy, hai, một (của các trung tâm dưới cơ hoành và kết thúc ở trung tâm đáy cột sống) gợi ý phương thức tổng hợp được các hành tinh tuân theo (vốn cũng là các luân xa) từ bảy đến hai đến một. Biểu đồ VI, TCF 373) sẽ cho thấy các con số này trong tương quan với mối liên hệ hành tinh.

467. Altogether, we have been given the number thirty, because nothing was said of the ajna center and the throat center.

467. Tổng cộng, chúng ta đã được cho con số ba mươi, vì không nói gì về trung tâm ajna và trung tâm cổ họng.

468. We have, then, been given a ten for the sub-diaphragmatic region; a ten for the torso above the diaphragm; and a ten for the head.

468. Như vậy, chúng ta đã được cho một số mười cho vùng dưới cơ hoành; một số mười cho thân mình phía trên cơ hoành; và một số mười cho đầu.

469. The esoteric numbers combine to sixteen—and we are reminded of the sixteen potencies of the soul.

469. Các con số huyền bí kết hợp thành mười sáu—và điều này nhắc chúng ta nhớ đến mười sáu tiềm năng của linh hồn.

470. The exoteric numbers total to fourteen —the two sevens.

470. Các con số ngoại môn cộng lại thành mười bốn—hai số bảy.

471. What DK says here will not be immediately fathomed, but is indispensable information for any student of the functions of these chakras. What will be revealed of these chakras, however, will not be surface-knowledge.

471. Điều Chân sư DK nói ở đây sẽ không thể được lĩnh hội ngay tức thì, nhưng là thông tin không thể thiếu đối với bất kỳ đạo sinh nào nghiên cứu các chức năng của những luân xa này. Tuy nhiên, điều sẽ được tiết lộ về các luân xa này sẽ không phải là tri thức bề mặt.

472. When thinking of the esoteric numbers, perhaps we should refer to links with higher energy centers which may work through the chakras. We would ask, what three higher energies work through the

472. Khi suy nghĩ về các con số huyền bí, có lẽ chúng ta nên quy chiếu đến những liên kết với các trung tâm năng lượng cao hơn có thể hoạt động qua các luân xa. Chúng ta sẽ hỏi, ba năng lượng cao hơn nào hoạt động qua

heart? What three higher energies work through the solar plexus center? What seven higher energies work through the head center? Which two through the sacral center? Which *one* through the base of the spine center? Such thought would at least provide a link with the esoteric worlds of the higher planes.

tim? Ba năng lượng cao hơn nào hoạt động qua trung tâm tùng thái dương? Bảy năng lượng cao hơn nào hoạt động qua trung tâm đầu? Hai năng lượng nào qua trung tâm xương cùng? Và năng lượng *một* nào qua trung tâm đáy cột sống? Ít nhất, lối suy tưởng như thế sẽ cung cấp một mối liên kết với các thế giới huyền bí của những cõi cao hơn.

473. So we can say—let us "ponder on this".

473. Vì vậy chúng ta có thể nói—hãy "suy ngẫm về điều này".

3. The inherent activity of every atom in every sheath, which **produces the rhythm of the sheath**.

3. Hoạt động cố hữu của mọi nguyên tử trong mọi thể, điều **tạo ra nhịp điệu của thể**.

474. The rhythm of the sheath may be judged by rotation and pulsation. It is clear from what is said in this treatise that each sheath rotates around its pole at a certain rate. To know the rate of rotation of each sheath is as important as knowing that an Earth-day consists of a certain duration which we call "twenty-four hours". Right timing on the physical, astral and mental planes will be greatly enhanced by this knowledge.

474. Nhịp điệu của thể có thể được đánh giá qua sự quay và sự rung động mạch. Từ những gì được nói trong bộ luận này, rõ ràng là mỗi thể quay quanh cực của nó với một tốc độ nhất định. Biết được tốc độ quay của mỗi thể cũng quan trọng như biết rằng một ngày trên Trái Đất gồm một khoảng thời gian nhất định mà chúng ta gọi là "hai mươi bốn giờ". Sự định thời đúng đắn trên các cõi hồng trần, cảm dục và trí tuệ sẽ được tăng cường rất nhiều nhờ tri thức này.

475. What is interesting here is that the activity of the atoms produces the rhythm of the sheath. Perhaps within every sheath there is a kind of ebb and flow which is dependent upon the vibratory frequency of the atoms contained. Such a rhythm would be like a kind of breath within the sheath.

475. Điều thú vị ở đây là hoạt động của các nguyên tử tạo ra nhịp điệu của thể. Có lẽ trong mỗi thể đều có một loại thủy triều lên xuống nào đó tùy thuộc vào tần số rung động của các nguyên tử chứa trong đó. Một nhịp điệu như thế sẽ giống như một loại hơi thở bên trong thể.

476. Many activities which remain in persist relation produce a rhythm in their relations.

476. Nhiều hoạt động vẫn duy trì trong mối liên hệ bền vững tạo ra một nhịp điệu trong các mối liên hệ của chúng.

477. Within all this commentary, we are to remember that we are speaking of the

477. Trong toàn bộ phần luận giải này, chúng ta cần nhớ rằng chúng ta đang nói về

definite vibratory influences to which the Monad is subject during its long pilgrimage.

những ảnh hưởng rung động xác định mà chân thần phải chịu trong suốt cuộc hành hương dài lâu của nó.

4. The **unified activity of every sheath or form which the divine Pilgrim uses.**

4. Hoạt động hợp nhất của mọi thể hay hình tướng mà Người Hành Hương thiêng liêng sử dụng.

478. Here we are speaking of the dynamics of integration. This harmonization and coordination occur, ultimately, as the result of monadic impulse, though other more immediate causes are associated with creating the unification.

478. Ở đây chúng ta đang nói về động lực của sự tích hợp. Sự hài hòa và phối hợp này rốt cuộc xảy ra như là kết quả của xung động chân thần, dù những nguyên nhân trực tiếp hơn khác cũng liên quan đến việc tạo ra sự hợp nhất ấy.

479. We have been speaking of vibratory impulses which have a definite effect upon the Monad. It is becoming clear that we are speaking of the effect upon the Monad in incarnation and not only upon the Monad on its own plane.

479. Chúng ta đã nói về những xung động rung động có một tác động xác định lên chân thần. Đang trở nên rõ ràng rằng chúng ta đang nói về tác động lên chân thần đang lâm phàm chứ không chỉ lên chân thần trên cõi riêng của nó.

480. Such vibrations as zodiacal vibrations and some vibrations from even higher sources, as well as certain planetary vibrations have an effect upon the Monad on its own plane.

480. Những rung động như rung động hoàng đạo và một số rung động từ những nguồn còn cao hơn nữa, cũng như một số rung động hành tinh nhất định, có tác động lên chân thần trên cõi riêng của nó.

5. The **united active motion** produced by the unification of the three vehicles, the seven sheaths, the force centres, and the atomic substance.

5. **Chuyển động hoạt động hợp nhất** được tạo ra bởi sự hợp nhất của ba vận cụ, bảy thể, các trung tâm lực, và chất liệu nguyên tử.

481. This is a grand integration consisting or the unification of all the vehicles and centers through which the Monad manifests in the five lower worlds.

481. Đây là một sự tích hợp lớn lao gồm sự hợp nhất của mọi vận cụ và trung tâm mà qua đó chân thần biểu hiện trong năm cõi thấp.

482. Note that it is assumed that the buddhic and atmic vehicles have been coordinated and are part of seven sheaths.

482. Cần lưu ý rằng ở đây giả định các vận cụ Bồ đề và atma đã được phối hợp và là một phần của bảy thể.

483. Note too the implication that there are force centers within these higher vehicles. Though not drawn on the instructional charts (such as Chart VIII where the locations of lower chakras are represented in detail), the presence of such force centers can be very reasonably inferred.

483. Cũng cần lưu ý hàm ý rằng có các trung tâm lực bên trong những vận cụ cao hơn này. Dù không được vẽ trên các biểu đồ giảng dạy (chẳng hạn Biểu đồ VIII, nơi vị trí của các luân xa thấp được trình bày chi tiết), sự hiện diện của các trung tâm lực như thế có thể được suy ra một cách rất hợp lý.

6. The effect produced by the action of the groups karmically allied with the Pilgrim. They are: [Page 1051]

6. Tác động được tạo ra bởi hoạt động của các nhóm có liên hệ nghiệp quả với Người Hành Hương. Chúng là: [Page 1051]

484. We are dealing with vibratory impulses which affect the life of the Monad in the five worlds. Not all these impulses arise from within the monadic sheaths.

484. Chúng ta đang bàn đến những xung động rung động ảnh hưởng đến sự sống của chân thần trong năm cõi. Không phải mọi xung động này đều phát sinh từ bên trong các thể chân thần.

485. All Monads are subject to the forces of karma which they have generated through *each* of their three vehicles—the monadic vehicle, the Egoic vehicle, and the personality.

485. Mọi chân thần đều chịu các mãnh lực của nghiệp quả mà chúng đã tạo ra qua *mỗi* trong ba vận cụ của mình—vận cụ chân thần, vận cụ chân ngã, và phàm ngã.

a. His Ray vibration, his monadic group.

a. Rung động cung của y, nhóm chân thần của y.

486. Note the capitalization of the term "Ray". It could be significant. Perhaps when the monadic ray is indicated the word should be capitalized, but as that convention has not been consistently followed in *A Treatise on Cosmic Fire* nor in these commentaries, there is no use to attempt it now. Still we should be alert for capitalizations, which were largely, it seems the prerogative of the editor.

486. Hãy lưu ý việc viết hoa thuật ngữ "Ray". Điều đó có thể có ý nghĩa. Có lẽ khi cung chân thần được chỉ ra thì từ này nên được viết hoa, nhưng vì quy ước ấy đã không được tuân theo một cách nhất quán trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* cũng như trong các phần luận giải này, nên giờ đây không ích gì khi cố làm như vậy. Tuy nhiên, chúng ta vẫn nên chú ý đến các chữ viết hoa, dường như phần lớn là đặc quyền của biên tập viên.

487. Note also that we have 'monadic groups' and not only egoic groups. Not much is said about them but they are based upon a man's true Ray and have, one would think, a

487. Cũng hãy lưu ý rằng chúng ta có các 'nhóm chân thần' chứ không chỉ các nhóm chân ngã. Không có nhiều điều được nói về chúng, nhưng chúng dựa trên cung đích thực của một người và, người ta có thể nghĩ,

huge membership, numbering many millions in some cases.

có số thành viên rất lớn, trong một số trường hợp lên đến nhiều triệu.

488. Are we aware of our monadic group as we progress through our normal lives within the three lower worlds? Probably not to any great extent. Yet to the Master such a determination is probably not difficult.

488. Chúng ta có ý thức về nhóm chân thần của mình khi tiến bước qua đời sống bình thường trong ba cõi thấp không? Có lẽ không đến mức đáng kể nào. Tuy nhiên, đối với Chân sư thì việc xác định như thế có lẽ không khó.

b. His subray vibration, or the vibration of the egoic group.

b. Rung động cung phụ của y, hay rung động của nhóm chân ngã.

489. When we understand ourselves egoically, we many find ourselves not only in one egoic group, but in a number of egoic sub-groups. Yet they are all qualified by our soul ray, essentially. With such groups, we will find ourselves more familiar than with monadic groups.

489. Khi chúng ta hiểu chính mình một cách chân ngã, chúng ta có thể thấy mình không chỉ ở trong một nhóm chân ngã, mà còn trong một số phân nhóm chân ngã. Tuy nhiên, về bản chất, tất cả chúng đều được phẩm định bởi cung linh hồn của chúng ta. Với những nhóm như thế, chúng ta sẽ thấy mình quen thuộc hơn là với các nhóm chân thần.

490. Perhaps we are aware of those with whom we share such a subray vibration.

490. Có lẽ chúng ta có ý thức về những người mà chúng ta cùng chia sẻ một rung động cung phụ như thế.

491. If we remember that the true Ego is the spiritual triad, there will be triadal groups as well. DK has pointed out what amount to *nine* of these groups. (cf. TCF 177)

491. Nếu chúng ta nhớ rằng Chân ngã đích thực là Tam nguyên tinh thần, thì cũng sẽ có các nhóm tam nguyên. Chân sư DK đã chỉ ra điều tương đương với *chín* nhóm như thế. (xem TCF 177)

c. His personality affiliations, such as his family, racial, and national energy.

c. Những liên hệ phàm ngã của y, như gia đình, năng lượng chủng tộc và quốc gia của y.

492. Personality affiliations may have nothing more in them than personality. Some personality affiliations may be monadic and egoic affiliations as well.

492. Các liên hệ phàm ngã có thể không chứa gì hơn ngoài phàm ngã. Một số liên hệ phàm ngã cũng có thể đồng thời là những liên hệ chân thần và chân ngã.

493. All members of a family share a certain type of conditioning. All members of a race are influenced by certain ray and astrological combinations. This is also true of those who are born into certain nations. There is the conditioning of the groups within which a man finds himself and then there is his strictly individual conditioning. If either of these is ignored, it will not be possible to understand the unit.

493. Mọi thành viên trong một gia đình đều chia sẻ một loại tiến trình tác động nhất định. Mọi thành viên của một nhân loại đều chịu ảnh hưởng bởi những kết hợp cung và chiêm tinh nhất định. Điều này cũng đúng với những người sinh vào những quốc gia nhất định. Có sự tác động của các nhóm mà trong đó một người thấy mình thuộc về, rồi lại có sự tác động hoàn toàn cá nhân của y. Nếu bỏ qua một trong hai điều này, sẽ không thể hiểu được đơn vị ấy.

All of these play upon the sensitive atoms in the various bodies and produce specific effects.

Tất cả những điều này tác động lên các nguyên tử nhạy cảm trong những thể khác nhau và tạo ra những hiệu quả đặc thù.

494. It this "play" only upon the "sensitive" atoms or upon all atoms? Or are all atoms considered "sensitive"?

494. Sự "tác động" này chỉ diễn ra trên các nguyên tử "nhạy cảm" hay trên mọi nguyên tử? Hay phải chăng mọi nguyên tử đều được xem là "nhạy cảm"?

495. What a variety of influences we are considering! So much it to be taken into consideration. Life offers the student of life a staggering complexity for consideration, and yet, sublime simplicity simultaneously.

495. Biết bao đa dạng ảnh hưởng mà chúng ta đang xem xét! Có quá nhiều điều phải được tính đến. Sự sống đem đến cho đạo sinh của sự sống một tính phức tạp đến choáng ngợp để suy xét, và đồng thời cũng là một sự đơn giản siêu việt.

7. **The activity or motion initiated and stimulated by the life of any of the three lower kingdoms in nature**,—all of which produce definite results.

7. **Hoạt động hay chuyển động được khởi xướng và kích thích bởi sự sống của bất kỳ giới nào trong ba giới thấp của thiên nhiên**, —tất cả đều tạo ra những kết quả xác định.

496. Vibrations originating within the three lower kingdoms have their effect as well.

496. Những rung động phát sinh trong ba giới thấp cũng có tác động của chúng.

497. We are living in a 'sea' of millions of vibrations. Eventually all of them have to be understood and managed.

497. Chúng ta đang sống trong một 'biển' gồm hàng triệu rung động. Cuối cùng tất cả chúng đều phải được thấu hiểu và quản trị.

498. No macrocosm can escape the effects of the microcosms it embraces and through

498. Không một đại thiên địa nào có thể thoát khỏi những tác động của các tiểu thiên

which, probably, it has gained experience during ascent.

địa mà nó bao hàm và qua đó, có lẽ, nó đã đạt được kinh nghiệm trong khi thăng lên.

8. **The vibration of the particular planet upon which the monad may be seeking expression and experience**.

8. **Rung động của hành tinh đặc thù mà trên đó chân thần có thể đang tìm cách biểu hiện và kinh nghiệm**.

499. Planet Earth may not be the planet of origin for our Monad. In fact, the Monad dates from the founding of this Universe. The history of the Monad in any Universe is, for us, an inconceivable study, but it can be traced.

499. Hành tinh Trái Đất có thể không phải là hành tinh xuất xứ của chân thần chúng ta. Thật ra, chân thần có niên đại từ lúc vũ trụ này được khai lập. Lịch sử của chân thần trong bất kỳ vũ trụ nào, đối với chúng ta, là một đề tài không thể hình dung nổi, nhưng vẫn có thể được truy nguyên.

500. DK is saying that the vibration of the Earth (considered as globe but also considered, one would think, as a planetary scheme) has a definite effect upon each Monad seeking expression and experience on Earth—regardless of the Monad's planet of origin.

500. Chân sư DK đang nói rằng rung động của Trái Đất (được xem như bầu hành tinh nhưng cũng, người ta có thể nghĩ, như một hệ hành tinh) có một tác động xác định lên mỗi chân thần đang tìm cách biểu hiện và kinh nghiệm trên Trái Đất—bất kể hành tinh xuất xứ của chân thần ấy là gì.

501. Do we have any good idea of *our* planet of origin? Regardless of the ray of the Monad, the planet of origin will be effective in the life demonstration.

501. Chúng ta có ý niệm rõ ràng nào về hành tinh xuất xứ của *mình* không? Bất kể cung của chân thần là gì, hành tinh xuất xứ vẫn sẽ có hiệu lực trong sự biểu lộ của đời sống.

9. The effect produced in the substance of the sheaths by **the influences, or vibrations, of the various planets**.

9. Tác động được tạo ra trong chất liệu của các thể bởi **những ảnh hưởng, hay những rung động, của các hành tinh khác nhau**.

502. Here we have the astrological influences. All Monads in expression are subject to these influences, probably on all planes, including their own plane of origination—the monadic plane.

502. Ở đây chúng ta có các ảnh hưởng chiêm tinh. Mọi chân thần đang biểu hiện đều chịu những ảnh hưởng này, có lẽ trên mọi cõi, kể cả cõi xuất phát riêng của chúng—cõi chân thần.

This, esoterically understood, is **the influence of some one or other of the solar centres,**

Điều này, được thấu hiểu một cách huyền bí, là **ảnh hưởng của một hay một trung tâm thái dương nào đó,**

503. We are understanding the planetary influences as the influences of the chakras of the Solar Logos. Each planet has its place (or, over time, places) within the chakric system of the Solar Logos.

503. Chúng ta đang hiểu các ảnh hưởng hành tinh như là những ảnh hưởng của các luân xa của Thái dương Thượng đế. Mỗi hành tinh có vị trí của nó (hoặc, theo thời gian, các vị trí của nó) trong hệ thống luân xa của Thái dương Thượng đế.

as the forces emanating from them play upon the planetary centres and thereby affect the involved monadic units.

vì các mãnh lực phát ra từ chúng tác động lên các trung tâm hành tinh và nhờ đó ảnh hưởng đến các đơn vị chân thần liên hệ.

504. All human Monads (we have yet to decide about deva Monads) find their place within one or other of the planetary centers or chakras.

504. Mọi chân thần nhân loại (chúng ta còn phải quyết định về các chân thần thiên thần) đều tìm thấy vị trí của mình trong một hay một trung tâm hành tinh hoặc luân xa nào đó.

505. The greater solar centers, which planetary schemes represent,influence the lesser centers within a particular Planetary Logos—chains, globes, kingdoms, egoic groups, rootraces, etc.

505. Các trung tâm thái dương lớn hơn, mà các hệ hành tinh biểu hiện, ảnh hưởng đến các trung tâm nhỏ hơn bên trong một Hành Tinh Thượng Đế nhất định—các dãy, các bầu hành tinh, các giới, các nhóm chân ngã, các giống dân gốc, v.v.

This is hidden in the karma of the Heavenly Man, and **when true esoteric astrology comes into being** then more anent this will be given out.

Điều này được ẩn giấu trong nghiệp quả của Đấng Thiên Nhân, và **khi Chiêm Tinh Học Nội Môn chân chính xuất hiện** thì sẽ có thêm nhiều điều về vấn đề này được công bố.

506. We have an amazing promise here. We can see that "true esoteric astrology" is inseparable from esoteric cosmology, and from a study of the psychology of the greater Lives. Thus, though we have much profound astrological information given in the book *Esoteric Astrology* we do not yet have the "true esoteric astrology".

506. Ở đây chúng ta có một lời hứa đáng kinh ngạc. Chúng ta có thể thấy rằng "Chiêm Tinh Học Nội Môn chân chính" không thể tách rời khỏi vũ trụ học huyền bí, và khỏi việc nghiên cứu tâm lý học của các Sự sống lớn hơn. Vì vậy, dù chúng ta có nhiều thông tin chiêm tinh sâu sắc được đưa ra trong cuốn sách *Chiêm Tinh Học Nội Môn*, chúng ta vẫn chưa có được "Chiêm Tinh Học Nội Môn chân chính".

507. Hidden in the karma of the Heavenly Man is the manner in which He may receive influences from various planets considered

507. Ẩn trong nghiệp quả của Đấng Thiên Nhân là cách thức mà Ngài có thể tiếp nhận các ảnh hưởng từ những hành tinh khác

as solar chakras. Naturally, certain planets will influence Him more than others. For our Planetary Logos, Venus, Mercury and Mars and powerfully influential.

nhau được xem như các luân xa thái dương. Một cách tự nhiên, một số hành tinh sẽ ảnh hưởng đến Ngài nhiều hơn những hành tinh khác. Đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, Sao Kim, Sao Thủy và Sao Hỏa có ảnh hưởng rất mạnh.

508. As well, which of His centers will predominantly receive these influences is part of His karmic situation.

508. Ngoài ra, trung tâm nào của Ngài sẽ tiếp nhận chủ yếu những ảnh hưởng này cũng là một phần trong hoàn cảnh nghiệp quả của Ngài.

Astrology as now studied and taught misleads more than it helps,

Chiêm tinh học như hiện nay được nghiên cứu và giảng dạy gây lầm lạc nhiều hơn là giúp ích,

509. A sobering statement! How many of us have laboriously worked our way through the intricacies of ordinary, exoteric astrology only to unlearn accumulated illusory thought!

509. Một lời phát biểu khiến người ta tỉnh táo! Bao nhiêu người trong chúng ta đã nhọc nhằn lần mò qua những phức tạp của chiêm tinh học thông thường, ngoại môn, chỉ để rồi phải gỡ bỏ những tư tưởng ảo tưởng đã tích lũy!

and astrological students are as yet learning but the a-b-c of this stupendous subject, and **are occupied with the exoteric fringes of that great veil which has been wisely thrown over all planetary lore**.

và các đạo sinh chiêm tinh cho đến nay mới chỉ học bảng chữ cái a-b-c của đề tài vĩ đại này, và **đang bận tâm với những rìa ngoại môn của bức màn lớn đã được khôn ngoan phủ lên toàn bộ tri thức hành tinh**.

510. Yet a little of the veil is being lifted in a book such as this. Much is stated and far more is hinted, if we can learn to read with subtlety, "between the lines".

510. Tuy nhiên, một phần nhỏ của bức màn đang được vén lên trong một cuốn sách như thế này. Nhiều điều được phát biểu và còn nhiều hơn nữa được gợi ý, nếu chúng ta có thể học cách đọc một cách tinh tế, "giữa các dòng".

9. **Another form of energy which must ever be considered is that of the planetary Logos**, as **He pours His force through some one chain or some one globe upon the groups of evolving human units.**

9. **Một dạng năng lượng khác luôn luôn phải được xét đến là năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế**, khi **Ngài tuôn mãnh lực của Ngài qua một dãy nào đó hay một bầu hành tinh nào đó lên các nhóm đơn vị nhân loại đang tiến hoá.**

511. The implication here is that upon various chains and globes, different groups of evolving human units can be found.

511. Hàm ý ở đây là trên các dãy và các bầu hành tinh khác nhau, có thể tìm thấy những nhóm đơn vị nhân loại đang tiến hoá khác nhau.

512. Obviously, this is modulated force, but will reach the Monad with some degree of impact. The Monad is intimate to the life of its Planetary Logos being a constituent of one of the centers of that Logos.

512. Hiển nhiên, đây là mãnh lực đã được điều biến, nhưng vẫn sẽ đến với chân thần với một mức độ tác động nào đó. Chân thần mật thiết với sự sống của Hành Tinh Thượng Đế của nó vì là một thành phần của một trong những trung tâm của Thượng đế ấy.

This—from the human standpoint—cannot as yet be calculated, as it is dependent upon the occult "turning of the attention" by the **planetary Logos in meditation upon any centre in His body corporate.**

Điều này—xét từ quan điểm con người—hiện chưa thể tính toán được, vì nó tùy thuộc vào sự "chuyển hướng chú ý" huyền bí của **Hành Tinh Thượng Đế trong khi tham thiền lên bất kỳ trung tâm nào trong cơ thể tập thể của Ngài.**

513. I find this such an important statement because it reveals how various greater and lesser incarnations of the Planetary Logos are taken. Incarnation is all a matter of attention. Sometimes there is sustained attention as in the case of the Planetary Logos 'putting Himself forth' in the form of Sanat Kumara. Other periods of sustained attention may be shorter or longer.

513. Tôi thấy đây là một phát biểu rất quan trọng vì nó tiết lộ cách thức những lần lâm phàm lớn hơn và nhỏ hơn khác nhau của Hành Tinh Thượng Đế được thực hiện. Lâm phàm hoàn toàn là vấn đề của sự chú ý. Đôi khi có sự chú ý duy trì, như trong trường hợp Hành Tinh Thượng Đế 'phóng xuất chính Ngài' dưới hình tướng Đức Sanat Kumara. Những giai đoạn chú ý duy trì khác có thể ngắn hơn hoặc dài hơn.

514. From one point of view, the Planetary Logos is in incarnation on every one of His chains and globes and through every form of live within those spheres. But there are special instances of 'focal attention' which amount to, shall we say, a 'greater Presence' in some one sphere of activity or other.

514. Từ một quan điểm, Hành Tinh Thượng Đế đang lâm phàm trên từng dãy và từng bầu hành tinh của Ngài và qua mọi hình thức sự sống trong những khối cầu ấy. Nhưng có những trường hợp đặc biệt của 'sự chú ý tiêu điểm' tương đương với, chúng ta hãy nói, một 'Hiện Diện' lớn hơn trong một khối cầu hoạt động nào đó.

515. If a Planetary Logos focuses "upon any centre in His body corporate" and if a Monad is a member of such a center, then such

515. Nếu một Hành Tinh Thượng Đế tập trung "vào bất kỳ trung tâm nào trong cơ thể tập thể của Ngài" và nếu một chân thần là

focussing naturally affects the Monad concerned.

thành viên của trung tâm ấy, thì sự tập trung như vậy dĩ nhiên ảnh hưởng đến chân thần liên hệ.

It is, of course, all under cosmic law,

Dĩ nhiên, tất cả đều ở dưới định luật vũ trụ,

516. In other words the turning of planetary logoic attention is regulated, orderly and under law. Still, we cannot fathom the pattern involved but the promise that one day we will fathom it is enough to sustain persistent, dedicated study and meditation upon these matters.

516. Nói cách khác, sự chuyển hướng chú ý của Hành Tinh Thượng Đế được điều chỉnh, có trật tự và ở dưới định luật. Tuy nhiên, chúng ta chưa thể thấu hiểu mô hình liên quan, nhưng lời hứa rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ thấu hiểu nó đủ để duy trì sự học hỏi và tham thiền bền bỉ, tận tụy về những vấn đề này.

but beyond the realisation of man. It involves **cognisance [Page 1052] of the planetary individual purpose**, which is not revealed until the later initiations.

nhưng vượt ngoài sự chứng nghiệm của con người. Nó bao hàm **sự nhận biết [Page 1052] về mục đích cá biệt của hành tinh**, điều không được tiết lộ cho đến các lần điểm đạo về sau.

517. How much later? The way Master DK scatters His information throughout the books, I would not be surprise to see important pieces of information about the "planetary individual purpose" turn up in various places—unannounced and largely undetected.

517. Muộn đến mức nào? Với cách Chân sư DK rải thông tin của Ngài khắp các sách, tôi sẽ không ngạc nhiên nếu thấy những mảnh thông tin quan trọng về "mục đích cá biệt của hành tinh" xuất hiện ở nhiều nơi khác nhau—không được báo trước và phần lớn không bị nhận ra.

518. I suspect that gathering all information under this heading or related headings will tell us much about that which our Planetary Logos *individually* intends.

518. Tôi ngờ rằng việc tập hợp mọi thông tin dưới tiêu đề này hay các tiêu đề liên hệ sẽ cho chúng ta biết nhiều về điều mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta *một cách cá biệt* dự định.

519. We may suppose that much of His Purpose relates to light demonstration and to redemption. He also is a minor bridge between the previous and present solar system. Saturn, which acts as a cosmic mental body (in the life of some great third ray Entity) to our Earth's role as cosmic physical body, is a *major* bridge.

519. Chúng ta có thể giả định rằng phần lớn Mục Đích của Ngài liên hệ đến sự biểu lộ ánh sáng và sự cứu chuộc. Ngài cũng là một chiếc cầu nhỏ giữa hệ mặt trời trước và hệ mặt trời hiện tại. Sao Thổ, hành tinh hoạt động như một thể trí tuệ vũ trụ (trong sự sống của một Thực Thể cung ba vĩ đại nào đó) đối với vai

trò của Trái Đất chúng ta như một thể xác vũ trụ, là một chiếc cầu *lớn*.

10. **The inherent energy of the solar atom itself has likewise a rhythmic effect upon the individual Monad**,

10. **Năng lượng cố hữu của chính nguyên tử thái dương cũng có một tác động nhịp điệu lên chân thần cá biệt**,

520. We might think of this as the beating of the "solar heart".

520. Chúng ta có thể nghĩ về điều này như nhịp đập của "trái tim thái dương".

521. This type of influence will no doubt increase as the extension of the Monad, the Jiva, begins focusing consciously on the cosmic etheric planes which are far more receptive to the life of the Solar Logos than are the cosmic dense planes.

521. Loại ảnh hưởng này chắc chắn sẽ gia tăng khi phần mở rộng của chân thần, Jiva, bắt đầu tập trung một cách hữu thức vào các cõi dĩ thái vũ trụ, vốn tiếp nhận sự sống của Thái dương Thượng đế nhiều hơn rất nhiều so với các cõi đậm đặc vũ trụ.

and though it only reaches the monad via the greater centres of Existence yet it has its effect upon one and all.

và dù nó chỉ đến được chân thần qua các trung tâm lớn hơn của Tồn Tại, nó vẫn có tác động lên mọi người và mọi vật.

522. These "greater centres of Existence" may be considered to be Planetary Logoi and associated Chain-Lords and Globe-Lords.

522. Những "trung tâm lớn hơn của Tồn Tại" này có thể được xem là các Hành Tinh Thượng Đế và các Chúa Tể Dãy cùng Chúa Tể Bầu Hành Tinh liên hệ.

523. We may think that we can contact the Solar Logos directly, but in this we would be deceived. The energy of the Solar Logos reaches us in a much attenuated and *mediated manner* traveling along a line of centers resonantly responsive to each other.

523. Chúng ta có thể nghĩ rằng mình có thể tiếp xúc trực tiếp với Thái dương Thượng đế, nhưng trong điều này chúng ta sẽ bị lừa dối. Năng lượng của Thái dương Thượng đế đến với chúng ta theo một cách thức được làm loãng đi rất nhiều và *được trung gian hóa*, di chuyển dọc theo một tuyến các trung tâm cộng hưởng đáp ứng với nhau.

This is another factor not sufficiently recognised.

Đây là một yếu tố khác chưa được nhận biết đầy đủ.

524. If we could put all such factors together, many of our misconceptions would be dissolved.

524. Nếu chúng ta có thể gom tất cả những yếu tố như thế lại với nhau, nhiều ngộ nhận của chúng ta sẽ được làm tiêu tan.

12. Finally, the energy of the greater life (in which our solar system but forms a part)

12. Sau cùng, năng lượng của sự sống lớn hơn (mà hệ mặt trời của chúng ta chỉ tạo thành một phần trong đó)

525. Master DK is not telling us *what* part. This is an important section and calls for careful discrimination.

525. Chân sư DK không nói cho chúng ta biết đó là phần *nào*. Đây là một đoạn quan trọng và đòi hỏi sự phân biện tinh thần cẩn trọng.

has to be reckoned with, and the impulses emanating from the cosmic Logos, the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID

phải được tính đến, và những xung động phát ra từ Thượng đế Vũ Trụ, Đấng Bất Khả Tư Nghị

526. To call the Cosmic Logos (which embraces our Solar Logos as a heart center) the "One About Whom Naught May Be Said" is a very important hint. Usually the term “Cosmic Logos” indicates the next step in advance of the Solar Logos and points to a Being Who demonstrates through seven major Suns of which our Sun is one.

526. Việc gọi Thượng đế Vũ Trụ (Đấng bao hàm Thái dương Thượng đế của chúng ta như một trung tâm tim) là "Đấng Bất Khả Tư Nghị" là một gợi ý rất quan trọng. Thông thường, thuật ngữ “Thượng đế Vũ Trụ” chỉ bước kế tiếp vượt lên trên Thái dương Thượng đế và chỉ đến một Đấng biểu lộ qua bảy Mặt Trời lớn, trong đó Mặt Trời của chúng ta là một.

527. But elsewhere (and most often) the "One About Whom Naught May Be Said" is clearly indicated to be *two steps* ‘above’ the Solar Logos, if such limiting language can be used.

527. Nhưng ở nơi khác (và thường là như vậy), "Đấng Bất Khả Tư Nghị" rõ ràng được chỉ ra là *cao hơn hai bậc* so với Thái dương Thượng đế, nếu có thể dùng loại ngôn ngữ giới hạn như thế.

528. What this section of text plane proves is that one must be very careful about analyzing the meaning of the term, "One About Whom Naught May Be Said". In most contexts a Super-Constellational Logos is meant, but in references such as this one, a Cosmic Logos (Constellational Logos) is indicated.

528. Điều mà đoạn văn này chứng minh là người ta phải hết sức cẩn trọng khi phân tích ý nghĩa của thuật ngữ "Đấng Bất Khả Tư Nghị". Trong hầu hết các ngữ cảnh, một Thượng đế Siêu Chòm Sao được hàm ý, nhưng trong những quy chiếu như ở đây, một Thượng đế Vũ Trụ (Thượng đế Chòm Sao) được chỉ ra.

529. Our Solar Logos is a major center within its Cosmic Logos and a minor center within our local Super-Constellational Logos.

529. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trung tâm lớn bên trong Thượng đế Vũ Trụ của Ngài và là một trung tâm nhỏ bên trong Thượng đế Siêu Chòm Sao cục bộ của chúng ta.

reach the monadic lives and produce **stimulation or retardation** according to the nature of the **cosmic ideation**.

530. Amazing thought that, monadically, we are responsive to a Cosmic Logos, and that our monadic activities may be stimulated or retarded according to "the nature of the cosmic ideation" emanating from that Logos.

531. Let us remember, that "ideation" is a great force. Even on the homely human level, we can understand the implications of the following: "Nothing is more powerful than an idea whose time has come."

These are **necessarily entirely outside the ken of average man** and are only touched upon as no tabulation would be complete without them.

532. We must deeply appreciate Master DK's 'dispassionate passion for completeness' which often provides us with most inspiring information!

533. Perhaps when we are Chohans of the sixth initiation (and will thus be liberated Monads), we will be in a better position to fathom those impacts which affect the Monad on its own plane.

13. There is also to be borne in mind **the play of energy which emanates from any one of those "Twelve signs of the Zodiac" with which astrology concerns itself**.

534. This group of influences is non other than the heart within the head center of the "One About Whom Naught May Be Said". The signs of the zodiac, therefore, have a

đến được các sự sống chân thần và tạo ra **sự kích thích hay sự trì hoãn** tùy theo bản chất của **ý niệm vũ trụ**.

530. Thật là một ý nghĩ kỳ diệu rằng, về mặt chân thần, chúng ta đáp ứng với một Thượng đế Vũ Trụ, và các hoạt động chân thần của chúng ta có thể được kích thích hoặc bị trì hoãn tùy theo "bản chất của ý niệm vũ trụ" phát ra từ Thượng đế ấy.

531. Chúng ta hãy nhớ rằng "ý niệm" là một mãnh lực lớn. Ngay cả trên cấp độ con người bình thường, chúng ta cũng có thể hiểu hàm ý của câu sau: "Không gì mạnh hơn một ý tưởng khi thời của nó đã đến."

Những điều này **nhất thiết hoàn toàn vượt ngoài tầm hiểu biết của con người trung bình** và chỉ được chạm đến vì sẽ không có bảng liệt kê nào là đầy đủ nếu thiếu chúng.

532. Chúng ta phải trân trọng sâu sắc 'niềm đam mê vô tư đối với tính trọn vẹn' của Chân sư DK, điều thường cung cấp cho chúng ta những thông tin đầy cảm hứng nhất!

533. Có lẽ khi chúng ta là các Chohan của lần điểm đạo thứ sáu (và như thế sẽ là các chân thần được giải thoát), chúng ta sẽ ở vào vị thế tốt hơn để thấu hiểu những tác động ảnh hưởng đến chân thần trên cõi riêng của nó.

13. Cũng cần ghi nhớ **sự tác động của năng lượng phát ra từ bất kỳ một trong "Mười Hai dấu hiệu Hoàng Đạo" mà chiêm tinh học quan tâm**.

534. Nhóm ảnh hưởng này không gì khác hơn là trái tim bên trong trung tâm đầu của "Đấng Bất Khả Tư Nghị". Vì vậy, các dấu hiệu hoàng đạo có một thâm nghĩa sâu xa trong

profound significance within the life demonstration in which both our solar system and its Cosmic Logos, live and move and have their being.

sự biểu lộ của sự sống mà trong đó cả hệ mặt trời của chúng ta lẫn Thượng đế Vũ Trụ của nó đều sống, vận động và tồn tại.

The zodiacal wheel is itself essentially a cosmic centre; it is a twelve-petalled lotus, but it is a twelve-petalled lotus within the thousand-petalled lotus of an unknown cosmic Entity, the One referred to in my earlier books as the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID. (R&I 339)

Bánh xe hoàng đạo tự nó về bản chất là một trung tâm vũ trụ; nó là một hoa sen mười hai cánh, nhưng là một hoa sen mười hai cánh nằm trong hoa sen ngàn cánh của một Thực Thể vũ trụ vô danh, Đấng được nhắc đến trong các sách trước đây của tôi là Đấng Bất Khả Tư Nghị. (R&I 339)

This type of force is primarily concerned with planetary stimulation, with the planetary Logoi,

Loại mãnh lực này chủ yếu liên quan đến sự kích thích hành tinh, đến các Hành Tinh Thượng Đế,

535. Perhaps by studying planetary *rulership*, we can come to understand more about this type of stimulation. Each constellation/sign of the zodiac is ruled by certain planets thus peculiarly susceptible to the influences of that constellation/sign These planets have chakras and within these chakras are human Monads (and perhaps deva Monads). The forces of the zodiac will reach us, then, but apparently via a sign's (or constellation's) planetary ruler(s).

535. Có lẽ bằng cách nghiên cứu *quyền cai quản* hành tinh, chúng ta có thể đi đến chỗ thấu hiểu nhiều hơn về loại kích thích này. Mỗi chòm sao/dấu hiệu hoàng đạo được cai quản bởi một số hành tinh nhất định, vì thế đặc biệt dễ tiếp nhận các ảnh hưởng của chòm sao/dấu hiệu ấy. Các hành tinh này có các luân xa, và bên trong các luân xa này có các Chân thần nhân loại (và có lẽ cả các Chân thần thiên thần). Khi đó, các mãnh lực của hoàng đạo sẽ đến với chúng ta, nhưng hiển nhiên là thông qua chủ tinh hành tinh của một dấu hiệu (hay chòm sao).

536. Also there are planets to which we are deeply related because of our rays. These planets will relate us to certain signs/ constellations whether or not they manifest powerfully in the astrological chart of our personality.

536. Ngoài ra còn có những hành tinh mà chúng ta liên hệ sâu xa do các cung của mình. Những hành tinh này sẽ liên kết chúng ta với một số dấu hiệu/chòm sao nhất định, dù chúng có biểu hiện mạnh mẽ trong lá số chiêm tinh của phàm ngã chúng ta hay không.

and is hidden in Their cyclic karma,

và được che giấu trong nghiệp quả theo chu kỳ của Các Ngài,

537. Karma has it timing. For every cycle there are karmic encounters which are due.

—a karma which of course will incidentally involve those monads and devas which form Their bodies and centres.

538. We have to proceed carefully here. Do *both* deva and human Monads comprise the centres of a Heavenly Man, or do deva Monads comprise the bodies and human Monads comprise the centers? If the latter is true, Master DK is perhaps bringing this discrimination before us, connecting the devas with bodies and the human Monads with centres.

539. This type of thought seems to be repeated in several references. However—if devas *do* have Monads, and from all indications they *do*, then those Monads (so we would infer) have to be focussed on the monadic plane, which is not what is usually meant by "bodies".

540. Perhaps, though both human and deva Monads were focussed in monadic centers, their respective extensions could be in either lower chakras or in that portion of the Planetary Logos which would be considered "body" rather than "centres". This matter still has to be sorted out.

14. We must not ignore the three great waves of energy which sweep cyclically

537. Nghiệp quả có thời điểm của nó. Trong mỗi chu kỳ đều có những cuộc gặp gỡ nghiệp quả đến kỳ phải xảy ra.

—một nghiệp quả mà dĩ nhiên ngẫu nhiên cũng sẽ liên quan đến những chân thần và thiên thần tạo thành các thể và các trung tâm của Các Ngài.

538. Ở đây chúng ta phải tiến hành cẩn trọng. Liệu *cả hai* loại Chân thần thiên thần và Chân thần nhân loại đều cấu thành các trung tâm của một Đấng Thiên Nhân, hay Chân thần thiên thần cấu thành các thể còn Chân thần nhân loại cấu thành các trung tâm? Nếu điều sau là đúng, thì có lẽ Chân sư DK đang đặt sự phân biện này trước chúng ta, nối kết các thiên thần với các thể và các Chân thần nhân loại với các trung tâm.

539. Kiểu tư tưởng này dường như được lặp lại trong một số tham chiếu. Tuy nhiên—nếu các thiên thần *quả thật* có Chân thần, và theo mọi dấu hiệu thì họ *quả thật* có, thì những Chân thần ấy (như vậy chúng ta sẽ suy ra) phải được tập trung trên cõi chân thần, điều này không phải là điều thường được hàm ý bởi từ "các thể".

540. Tuy nhiên, có lẽ dù cả Chân thần nhân loại lẫn Chân thần thiên thần đều được tập trung trong các trung tâm chân thần, thì các sự mở rộng tương ứng của chúng có thể ở trong các luân xa thấp hơn hoặc trong phần đó của Hành Tinh Thượng Đế được xem là "thể" hơn là "các trung tâm". Vấn đề này vẫn còn phải được làm sáng tỏ.

14. Chúng ta không được bỏ qua ba làn sóng năng lượng lớn quét theo chu kỳ

541. In these words, “sweeps cyclically” we have an expression of first ray energy.

541. Trong những lời này, “quét theo chu kỳ”, chúng ta có một biểu đạt của năng lượng cung một.

through the entire solar system from:

qua toàn bộ hệ mặt trời từ:

a. The seven stars of the Great Bear. The strength of these vibrations depends upon the closeness of the connection and the accuracy of the alignment between any particular Heavenly Man and His Prototype.

a. Bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh. Sức mạnh của các rung động này tùy thuộc vào mức độ gần gũi của sự liên kết và độ chính xác của sự chỉnh hợp giữa bất kỳ Đấng Thiên Nhân đặc thù nào với Nguyên mẫu của Ngài.

542. Each star of the Great Bear is associated with on of the seven sacred planets and with other planets as well.

542. Mỗi ngôi sao của Đại Hùng Tinh được liên kết với một trong bảy hành tinh thiêng liêng và cả với những hành tinh khác nữa.

543. Each such star is as a Prototype to one of the major Planetary Logoi.

543. Mỗi ngôi sao như thế là một Nguyên mẫu đối với một trong các Hành Tinh Thượng Đế lớn.

544. We disciples in the lower worlds have alignment issues and so do the Planetary Logoi.

544. Chúng ta, các đệ tử trong các cõi thấp, có những vấn đề về chỉnh hợp, và các Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy.

545. Perhaps some of the Planetary Logoi in question are more closely related to Their Prototype than other Planetary Logoi are related to Theirs.

545. Có lẽ một số Hành Tinh Thượng Đế đang được nói đến có liên hệ gần gũi với Nguyên mẫu của Các Ngài hơn là các Hành Tinh Thượng Đế khác liên hệ với Nguyên mẫu của họ.

546. Even though the Earth is not yet a sacred planet, one of the stars in the Great Bear *is* its Prototype. We may then assume that the non-sacred planets also can find a Prototype in one of the seven major stars of the Great Bear. They would then share that Prototype with one of the sacred planets.

546. Dù Trái Đất chưa phải là một hành tinh thiêng liêng, một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh *chính là* Nguyên mẫu của nó. Khi đó, chúng ta có thể giả định rằng các hành tinh không thiêng liêng cũng có thể tìm thấy một Nguyên mẫu trong một trong bảy ngôi sao lớn của Đại Hùng Tinh. Khi ấy chúng sẽ cùng chia sẻ Nguyên mẫu đó với một trong các hành tinh thiêng liêng.

547. For instance, perhaps both Earth and Saturn (intimately related in various ways)

547. Chẳng hạn, có lẽ cả Trái Đất lẫn Sao Thổ (liên hệ mật thiết với nhau theo nhiều cách)

share the same stellar Prototype—hypothetically the star Alioth.

cùng chia sẻ một Nguyên mẫu tinh tú—giả thuyết là ngôi sao Alioth.

The mystery here is profound; it is connected with the stage in evolution of the "imperfect gods" and the objective of the planetary deities. [Page 1053]

Bí nhiệm ở đây thật sâu xa; nó liên hệ với giai đoạn tiến hoá của các "vị thần bất toàn" và mục tiêu của các thần linh hành tinh. [Page 1053]

548. The “imperfect gods” are the Planetary Logoi Themselves and especially the non-sacred planets. If we do not know the individual objective of our own Planetary Logos, we certainly do not know the individual objective of the others. There are hints but the true lore concerning this matter is veiled.

548. Các “vị thần bất toàn” chính là bản thân các Hành Tinh Thượng Đế, và đặc biệt là các hành tinh không thiêng liêng. Nếu chúng ta không biết mục tiêu cá biệt của chính Hành Tinh Thượng Đế của mình, thì chắc chắn chúng ta cũng không biết mục tiêu cá biệt của các vị khác. Có những gợi ý, nhưng tri thức đích thực liên quan đến vấn đề này vẫn bị che màn.

549. The entire Great Bear is evocatively called the “Cosmic Manu” by ray theorist Stephen Pugh suggesting a general first ray emanation from the Lord of this Constellation. This theory seems very reasonable—especially since the major seven stars in the Great Bear are as the seven head centers in the "One About Whom Naught May Be Said". These head centers, even in man, express a first ray function associated with the first ray planet Vulcan.

549. Toàn thể Đại Hùng Tinh được nhà lý thuyết cung Stephen Pugh gọi một cách gợi mở là “Đức Manu Vũ Trụ”, hàm ý một phát xạ cung một tổng quát từ Chúa Tể của Chòm Sao này. Lý thuyết này dường như rất hợp lý—đặc biệt vì bảy ngôi sao lớn trong Đại Hùng Tinh giống như bảy trung tâm đầu trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị". Những trung tâm đầu này, ngay cả nơi con người, cũng biểu lộ một chức năng cung một gắn liền với hành tinh cung một là Vulcan.

b. The Seven Sisters, or the Pleiades, **and from that one in particular who is occultly termed "the wife" of the planetary Logos whose scheme will eventually receive the seeds of life from our planet,** which is not considered a sacred planet, as has before been stated.

b. Bảy Chị Em, hay Pleiades, **và từ một vị ấy nói riêng, vị được gọi một cách huyền bí là "người vợ" của Hành Tinh Thượng Đế mà hệ hành tinh của Ngài rốt cuộc sẽ nhận các hạt giống sự sống từ hành tinh chúng ta,** hành tinh này không được xem là một hành tinh thiêng liêng, như đã nói trước đây.

550. The occultism becomes increasingly deep.

550. Huyền bí học ngày càng trở nên sâu hơn.

551. Notice that we seem to be speaking of the “scheme” of a Stellar Logos.

551. Hãy lưu ý rằng dường như chúng ta đang nói về "hệ hành tinh" của một Tinh Tú Thượng đế.

552. We are learning something about the process of synthesis and absorption. Our first concern in the study of obscuration, synthesis and reabsorption concerns our synthesizing planets (Saturn, Neptune and Uranus), and later our Sun, but eventually, we seem to be told, the "wife of the planetary Logos" will received the seeds of our planetary scheme. We could consider the Pleiad in question as the "wife" of *our* Planetary Logos—a "mortal" (as we are told in the planetary lore), the result of the marriage bringing "shame" to that Pleiad.

552. Chúng ta đang học được điều gì đó về tiến trình tổng hợp và hấp thu. Mối quan tâm đầu tiên của chúng ta trong việc nghiên cứu sự che khuất, tổng hợp và tái hấp thu liên quan đến các hành tinh tổng hợp của chúng ta (Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương), và sau đó là Mặt Trời của chúng ta; nhưng cuối cùng, dường như chúng ta được cho biết, "người vợ của Hành Tinh Thượng Đế" sẽ nhận các hạt giống của hệ hành tinh chúng ta. Chúng ta có thể xem Pleiad đang được nói đến như "người vợ" của Hành Tinh Thượng Đế của *chúng ta*—một vị "phàm trần" (như chúng ta được cho biết trong huyền thoại hành tinh), kết quả của cuộc hôn phối ấy mang lại "sự hổ thẹn" cho Pleiad đó.

553. There is, however, another way of understanding this which depends upon how we understand the words "whose scheme". Is there a particular planetary scheme in our solar system which is *the* scheme of the Pleiad in question? The Seven major Pleiades should relate to the seven *sacred* planets, and the Pleiad in question should relate to that sacred planet most closely.

553. Tuy nhiên, còn có một cách khác để hiểu điều này, tùy thuộc vào cách chúng ta hiểu các từ "mà hệ hành tinh của Ngài". Có phải trong hệ mặt trời của chúng ta có một hệ hành tinh đặc thù là *hệ hành tinh* của Pleiad đang được nói đến hay không? Bảy Pleiades lớn hẳn phải liên hệ với bảy hành tinh *thiêng liêng*, và Pleiad đang được nói đến hẳn phải liên hệ gần gũi nhất với hành tinh thiêng liêng đó.

554. We, therefore, might not be speaking here of a Pleiad and *our* Planetary Logos in a 'marriage' relationship. Rather we might be speaking of the marriage between a Pleiad and a different planet in our system—a planet into which our planet will be etherically, subtly absorbed during the period of synthesis towards the end of the solar system—though, reasonably, not towards the very end.

554. Vì vậy, có lẽ ở đây chúng ta không nói về một Pleiad và Hành Tinh Thượng Đế *của chúng ta* trong một quan hệ "hôn phối". Đúng hơn, có lẽ chúng ta đang nói về cuộc hôn phối giữa một Pleiad và một hành tinh khác trong hệ của chúng ta—một hành tinh mà vào thời kỳ tổng hợp gần cuối hệ mặt trời, hành tinh chúng ta sẽ được hấp thu vào đó một cách dĩ thái và vi tế—dù hợp lý mà nói, không phải vào chính lúc tận cùng.

555. Which planet could this be? In one respect it surely could be Saturn as a study of Chart VI, TCT, will suggest.

555. Hành tinh ấy có thể là hành tinh nào? Ở một phương diện, chắc chắn đó có thể là Sao Thổ, như việc nghiên cứu Biểu đồ VI, TCT, sẽ gợi ý.

556. Is there any possibility that our planet will first be subtly absorbed into Venus? One could make a case for this type of absorption, but a problem exists. Venus is to be absorbed by Neptune and our planet has a close and intimate relationship with Saturn which is doubtlessly its first major Absorber. If the seeds of our planet were ever to reach a Pleiad, it would have to be through Saturn.

556. Có khả năng nào rằng hành tinh chúng ta trước hết sẽ được hấp thu một cách vi tế vào Sao Kim không? Người ta có thể lập luận cho kiểu hấp thu này, nhưng có một vấn đề tồn tại. Sao Kim sẽ được hấp thu bởi Sao Hải Vương, còn hành tinh chúng ta có một mối liên hệ gần gũi và mật thiết với Sao Thổ, hành tinh chắc chắn là Đấng Hấp Thu lớn đầu tiên của nó. Nếu các hạt giống của hành tinh chúng ta từng đạt đến một Pleiad, thì điều đó phải thông qua Sao Thổ.

557. This absorption pattern could be justified if Venus were first absorbed by Saturn *before* being absorbed by Neptune. The seeds of planets can find their way into more than one Absorber.

557. Mô hình hấp thu này có thể được biện minh nếu Sao Kim trước hết được hấp thu vào Sao Thổ *trước khi* được hấp thu vào Sao Hải Vương. Các hạt giống của các hành tinh có thể tìm đường vào hơn một Đấng Hấp Thu.

Again, as a planetary scheme nears its consummation, **it becomes "radioactive," and through radiation transfers its essence to another "absorbent planet," or planets**, as is the case with a solar system also. (TCF 1062)

Một lần nữa, khi một hệ hành tinh tiến gần đến sự viên mãn của nó, **nó trở nên "phóng xạ", và thông qua sự bức xạ chuyển tinh chất của nó sang một "hành tinh hấp thu" khác, hay các hành tinh khác**, như cũng là trường hợp của một hệ mặt trời. (TCF 1062)

c. The sun Sirius.

c. Mặt trời Sirius.

558. Sirius representatives the equilibrizing principle in this triangle.

558. Sirius biểu trưng cho nguyên khí quân bình trong tam giác này.

559. Great waves of energy sweep cyclically from Sirius into our solar system. Sirius is responsible for the program of initiation in which our Solar Logos is engaged.

559. Những làn sóng năng lượng lớn quét theo chu kỳ từ Sirius vào hệ mặt trời của chúng ta. Sirius chịu trách nhiệm về chương trình điểm đạo mà Thái dương Thượng đế của chúng ta đang tham dự.

560. We have reviewed fourteen vibratory influences to which the Monad is subjected. Perhaps it is no coincidence that *fourteen* influences are listed. It is a number of completeness in an important sense, and is related to the combination of influences from the Great Bear and Little Bear—a constellation which can, in some instances, be substituted for Sirius.

560. Chúng ta đã điểm lại mười bốn ảnh hưởng rung động mà Chân thần phải chịu. Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà có *mười bốn* ảnh hưởng được liệt kê. Đó là một con số của sự toàn vẹn theo một ý nghĩa quan trọng, và liên hệ với sự kết hợp các ảnh hưởng từ Đại Hùng Tinh và Tiểu Hùng Tinh—một chòm sao mà trong một số trường hợp có thể được thay thế cho Sirius.

These facts contain a great mystery connected with the inter-relation of Ursa Major, Ursa Minor and the Pleiades; they constitute one of the greatest and more important of the triplicities to be found in the heavens as far as we have astronomically ascertained the nature of our immediate universe. (EA 201)

Những sự kiện này chứa đựng một bí nhiệm lớn liên hệ với mối tương quan giữa Đại Hùng Tinh, Tiểu Hùng Tinh và Pleiades; chúng cấu thành một trong những bộ ba vĩ đại nhất và quan trọng hơn cả được tìm thấy trên thiên giới, xét theo mức độ mà chúng ta đã xác định được bằng thiên văn học bản chất của vũ trụ cận kề của mình. (EA 201)

There are other streams of energetic force which have an effect upon the Pilgrim everywhere,

Còn có những dòng mãnh lực năng lượng khác tác động lên Người Hành Hương ở khắp nơi,

561. DK lists many streams of influence but does not have the time to offer the others. We have enough.

561. Chân sư DK liệt kê nhiều dòng ảnh hưởng nhưng không có thời gian để nêu ra các dòng khác. Chúng ta đã có đủ.

but the above enumeration will serve to show the complexity of the subject and the vastness of **the scheme of evolution**.

nhưng sự liệt kê trên đây sẽ đủ để cho thấy tính phức tạp của chủ đề và sự bao la của **hệ hành tinh tiến hoá**.

562. We are speaking of the "scheme" of monadic evolution.

562. Chúng ta đang nói về "hệ hành tinh" của tiến hoá chân thần.

563. He is listing the great number of influences to which we are subjected. We are to gain some respect for the complexity and vastness of the subject.

563. Ngài đang liệt kê số lượng lớn các ảnh hưởng mà chúng ta phải chịu. Chúng ta cần đạt được một sự kính trọng nào đó đối với tính phức tạp và sự bao la của chủ đề này.

All these vibratory emanations pass through the sphere cyclically;

Tất cả những phát xạ rung động này đi qua khối cầu theo chu kỳ;

564. I.e., pass through the monadic sphere…

564. Tức là, đi qua khối cầu chân thần…

565. Of course, other spheres could be involved as well—both the solar sphere and the planetary sphere.

565. Dĩ nhiên, các khối cầu khác cũng có thể liên quan—cả khối cầu thái dương lẫn khối cầu hành tinh.

they come and go, and according to their presence or their non presence and according to the stage of evolution of the emanating Existence

chúng đến rồi đi, và tùy theo sự hiện diện hay vắng mặt của chúng, cũng như tùy theo giai đoạn tiến hoá của Đấng Xuất Lộ phát ra chúng

566. In most cases a *greater* Existence, of which many have been named…

566. Trong phần lớn các trường hợp, đó là một Đấng Hiện Hữu *vĩ đại hơn*, trong số đó nhiều vị đã được nêu tên…

will depend the phenomenal character of all life, will depend the nature of any specific period, and the quality of the manifesting Monads.

mà tính chất hiện tượng của mọi sự sống, bản chất của bất kỳ thời kỳ đặc thù nào, và phẩm tính của các Chân thần đang biểu hiện đều sẽ tùy thuộc vào.

567. Three things are determined by the stage of evolution of the "emanating Existence"

567. Ba điều được quyết định bởi giai đoạn tiến hoá của "Đấng Xuất Lộ"

a. The phenomenal character of all life

a. Tính chất hiện tượng của mọi sự sống

b. The nature of any specific period

b. Bản chất của bất kỳ thời kỳ đặc thù nào

c. The quality of the manifesting Monads.

c. Phẩm tính của các Chân thần đang biểu hiện.

568. All this is determined from 'above'.

568. Tất cả điều này được quyết định từ 'bên trên'.

It is the appearance or the disappearance of these waves of life-force (planetary, inter-planetary, systemic, cosmic and inter-cosmic)

Chính sự xuất hiện hay biến mất của những làn sóng sinh lực này (hành tinh, liên-hành tinh, hệ thống, vũ trụ và liên-vũ trụ)

569. We are presented with a vast array of energies.

569. Chúng ta được trình bày trước một tập hợp năng lượng vô cùng rộng lớn.

570. Inter-cosmic energies occur between constellations, and cosmic waves of life force between different Solar Logoi. Systemic wave occur within a solar system and inter-planetary waves between particular planets.

570. Các năng lượng liên-vũ trụ xuất hiện giữa các chòm sao, còn các làn sóng sinh lực vũ trụ xuất hiện giữa các Thái dương Thượng đế khác nhau. Các làn sóng hệ thống xuất hiện trong một hệ mặt trời, và các làn sóng liên-hành tinh xuất hiện giữa những hành tinh đặc thù.

which sweeps into incarnation the divine pilgrims,

đã cuốn các người hành hương thiêng liêng vào lâm phàm,

571. The Monads as Jivas…

571. Các Chân thần như các Jiva…

and which brings about the cyclic manifestation of such great Lives as the "Silent Watcher" and the "Great Sacrifice";

và cũng chính điều đó mang lại sự biểu hiện theo chu kỳ của những Sự Sống vĩ đại như "Đấng Quan Sát Thầm Lặng" và "Đấng Đại Hi Sinh";

572. Are they to be considered different and distinct? The term “Great Sacrifice” has often been applied to Sanat Kumara but so has the term “Silent Watcher”. In one respect the “Silent Watcher” can be considered the Planetary Logos Himself—on His own plane.

572. Có nên xem các Ngài là khác biệt và riêng biệt không? Thuật ngữ “Đấng Đại Hi Sinh” thường được áp dụng cho Đức Sanat Kumara, nhưng thuật ngữ “Đấng Quan Sát Thầm Lặng” cũng vậy. Ở một phương diện, “Đấng Quan Sát Thầm Lặng” có thể được xem là chính Hành Tinh Thượng Đế—trên cõi riêng của Ngài.

it is this which causes also the dissolution of a scheme,

chính điều này cũng gây ra sự tan rã của một hệ hành tinh,

573. Just as the Ego calls “the essence back” in the death of a human being on the physical plane, so there are greater Existences which have a role to play in the dissolution of a planetary scheme and its ‘reincarnation’.

573. Cũng như chân ngã gọi “tinh chất trở về” trong cái chết của một con người trên cõi hồng trần, thì cũng có những Đấng Hiện Hữu lớn hơn đóng một vai trò trong sự tan rã của một hệ hành tinh và sự ‘tái sinh’ của nó.

and its reappearance, and is responsible for **the transportation of the life seeds from one scheme to another, or from one solar system to another.**

và sự tái xuất hiện của nó, và chịu trách nhiệm về **sự chuyển vận các hạt giống sự sống từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác, hay từ hệ mặt trời này sang hệ mặt trời khác.**

574. We are dealing with cosmic impacts upon Planetary Logoi—a vast subject.

574. Chúng ta đang đề cập đến các tác động vũ trụ lên các Hành Tinh Thượng Đế—một chủ đề bao la.

575. The flow and interplay of these inter-cosmic, cosmic and solar systemic energies are responsible for the “transportation of the life seed” not only from one planetary scheme to another but from one solar system to another.

575. Dòng chảy và sự tương tác của các năng lượng liên-vũ trụ, vũ trụ và hệ mặt trời này chịu trách nhiệm về “sự chuyển vận hạt giống sự sống” không chỉ từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác mà còn từ hệ mặt trời này sang hệ mặt trời khác.

576. We had known about the transfer of life seeds from scheme to scheme, but what about transfer from Sun to Sun within the "Seven Solar Systems of Which Ours is One"? Surely, amongst the seven major Solar Logoi in our Cosmic Logos, there are some more absorbent than others. As well, there may be synthesizing Solar Logoi just as we have three synthesizing planets. Wherever there are seven, one tends to look for ten.

576. Chúng ta đã biết về sự chuyển dịch các hạt giống sự sống từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác, nhưng còn sự chuyển dịch từ Mặt Trời này sang Mặt Trời khác bên trong "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một Trong Đó" thì sao? Chắc chắn, trong số bảy Thái dương Thượng đế lớn trong Thượng đế Vũ Trụ của chúng ta, có những vị hấp thu mạnh hơn những vị khác. Ngoài ra, cũng có thể có các Thái dương Thượng đế tổng hợp giống như chúng ta có ba hành tinh tổng hợp. Ở đâu có bảy, người ta thường tìm mười.

In this great tide of forces, the Monads are swept along;

Trong thủy triều mãnh lực lớn lao này, các Chân thần bị cuốn đi;

577. We have been dealing with the great Energies and Forces which condition the Monads through a number of mediating centers and sweep them from one destination to the next.

577. Chúng ta đã bàn đến các Năng Lượng và Mãnh Lực lớn lao tác động lên các Chân thần thông qua một số trung tâm trung gian và cuốn chúng từ đích đến này sang đích đến khác.

their **aggregate is termed the "force of evolution,**"

tổng thể của chúng **được gọi là "mãnh lực tiến hoá,**"

578. The “force of evolution” comes, then, from every high sources—not simply planetary and solar, but constellational and super-constellational.

578. Như vậy, “mãnh lực tiến hoá” đến từ mọi nguồn cao cả—không chỉ hành tinh và thái dương, mà còn từ chòm sao và siêu-chòm sao.

and the life and persistence of the initiatory Being sets the term for their duration.

và sự sống cùng sự bền bỉ của Đấng Hiện Hữu Điểm đạo đặt ra giới hạn thời gian cho thời lượng của chúng.

579. The forces of evolution extend very high along the cosmic ladder of attainment. They even include Constellational Logoi.

579. Các mãnh lực tiến hoá vươn rất cao trên chiếc thang thành tựu vũ trụ. Chúng thậm chí còn bao gồm các Tinh Tú Thượng đế.

580. It seems that a vast Initiatory Being is here referenced: it is probably the "One About Whom Naught May Be Said" in the super-constellational sense—a kind of second order "One About Whom Naught May Be Said".

580. Dường như ở đây có nhắc đến một Đấng Hiện Hữu Điểm đạo bao la: có lẽ đó là "Đấng Bất Khả Tư Nghị" theo nghĩa siêu-chòm sao —một loại "Đấng Bất Khả Tư Nghị" bậc hai.

581. It seems that greater Beings set the term of duration of the Monads.

581. Dường như các Đấng lớn hơn đặt ra thời hạn tồn tại của các Chân thần.

Man is but the plaything of the forces which **gather him up** and **carry him on**, just as **the atom, in the human frame is but the obedient servant of the man's imposing direction**;

Con người chỉ là món đồ chơi của các mãnh lực **thu gom y lại** và **mang y đi tiếp**, cũng như **nguyên tử trong cơ thể con người chỉ là kẻ phụng sự vâng phục trước sự chỉ đạo áp đặt của con người**;

582. Our power is as nothing compared with the power of these great Entities.

582. Quyền năng của chúng ta chẳng là gì so với quyền năng của những Thực Thể vĩ đại này.

yet within limits man is the controller of his destiny; within [Page 1054] limits he wields forces and energies,

tuy nhiên trong những giới hạn nhất định con người là kẻ kiểm soát số phận của mình; trong [Page 1054] những giới hạn ấy y vận dụng các mãnh lực và năng lượng,

583. The wise individual will understand these limits. Millions of years, however, are spent in learning them.

583. Cá nhân minh triết sẽ hiểu những giới hạn này. Tuy nhiên, hàng triệu năm được dùng để học biết chúng.

584. The human being has considerable responsibility for the management of his own little ring-pass-not and his relationships with his immediate environment, but he has no power

584. Con người có trách nhiệm đáng kể trong việc quản trị vòng-giới-hạn nhỏ bé của riêng mình và các mối quan hệ với môi trường trực tiếp của mình, nhưng y hoàn toàn không có quyền năng nào đối với các xu

whatsoever over the trends of the greater Lives in which he lives and moves and has his being.

hướng của những Sự Sống lớn hơn mà trong đó y sống, vận động và hiện hữu.

he manipulates lesser lives and controls lesser centres of energy, and as time slips away his **radius of control** becomes ever more extensive.

y điều khiển các sự sống nhỏ hơn và kiểm soát các trung tâm năng lượng nhỏ hơn, và khi thời gian trôi qua **bán kính kiểm soát** của y ngày càng mở rộng hơn.

585. The growth of man is assured and one day, he (in manifesting as a group just as do the Heavenly Man) will be as the Great Lives are now. This thought is based on the idea that our individual identities become 'group identities' as we climb the ladder of evolution.

585. Sự tăng trưởng của con người là điều chắc chắn, và một ngày kia, y (biểu hiện như một nhóm cũng như các Đấng Thiên Nhân) sẽ giống như các Sự Sống Vĩ Đại hiện nay. Tư tưởng này dựa trên ý niệm rằng các bản sắc cá nhân của chúng ta trở thành 'các bản sắc nhóm' khi chúng ta leo lên chiếc thang tiến hoá.

586. The concept "radius of control" is worth pondering. Have we thought about our present life in these terms? What is our present "radius of control"? For many people, the command "control yourself" is still far from achievement!

586. Khái niệm "bán kính kiểm soát" đáng để suy ngẫm. Chúng ta đã từng nghĩ về đời sống hiện tại của mình theo những thuật ngữ này chưa? "Bán kính kiểm soát" hiện nay của chúng ta là gì? Đối với nhiều người, mệnh lệnh "hãy tự kiểm soát mình" vẫn còn rất xa mới đạt được!

The atom controls its own central life;

Nguyên tử kiểm soát sự sống trung tâm của chính nó;

587. If we are speaking of the atom of substance, that control is not self-conscious control. For self-conscious atoms, it is true.

587. Nếu chúng ta đang nói về nguyên tử của chất liệu, thì sự kiểm soát đó không phải là sự kiểm soát có ngã thức. Đối với các nguyên tử có ngã thức, điều đó là đúng.

man can control the sets of lives who form his three bodies;

con người có thể kiểm soát các tập hợp sự sống tạo thành ba thể của mình;

588. These are the lunar lords and still lesser elemental lives.

588. Đó là các nguyệt tinh quân và những sự sống hành khí còn thấp hơn nữa.

the initiate and the adept are controlling energies of many kinds in the three worlds,

điểm đạo đồ và chân sư đang kiểm soát nhiều loại năng lượng trong ba cõi giới, cũng

as the Chohan does on the five planes of evolution.

589. Here is an important discrimination between the "radius of control" of the Adept and that of the Master. We learn that the Chohan works far in advance of the Master.

Thus the plan is carried forward until the Army of the Voice become themselves the Sounder of the Words, and the Sounders of the Words become the Word itself.

590. For every type of life there is progression. DK is outlining a stream of evolutionary ascent as it occurs in the deva kingdom.

591. Is the "Word" devic? It is a sustained 'field of vibration' embodied by a Consciousness.

592. We may assume that those who are called "Sounder of the Words" have achieved self-consciousness. This is not true of all members of the Army of the Voice, though DK has spoken of the highest members of this Army as very powerful devas. The corresponding "Sounders of the Words" must be even more elevated.

593. Can it be that the "Sounders of the Words" and the "Transmitters of the Word" are closely related? It would seem so.

The connection between the centres and etheric substance, systemic and human, opens up a vast range for [Page 920] thought. **The "Transmitters of the Word" on the atomic subplane of each plane are devas of**

như Chohan làm như vậy trên năm cõi tiến hoá.

589. Ở đây có một sự phân biện quan trọng giữa "bán kính kiểm soát" của chân sư và của Chân sư. Chúng ta học được rằng Chohan hoạt động vượt xa Chân sư.

Như thế Thiên Cơ được triển khai cho đến khi Đạo Quân của Âm Thanh tự mình trở thành những Đấng Xướng lên các Linh từ, và những Đấng Xướng lên các Linh từ trở thành chính Linh từ.

590. Đối với mọi loại sự sống đều có sự tiến triển. Chân sư DK đang phác họa một dòng thăng tiến tiến hoá như nó xảy ra trong giới thiên thần.

591. Liệu "Linh từ" có thuộc thiên thần giới không? Nó là một 'trường rung động' được duy trì và được hiện thân bởi một Tâm thức.

592. Chúng ta có thể giả định rằng những vị được gọi là "những Đấng Xướng lên các Linh từ" đã đạt được ngã thức. Điều này không đúng với mọi thành viên của Đạo Quân của Âm Thanh, dù Chân sư DK đã nói về những thành viên cao nhất của Đạo Quân này như những thiên thần rất quyền năng. Những "Đấng Xướng lên các Linh từ" tương ứng hẳn còn cao cả hơn nữa.

593. Có thể nào "những Đấng Xướng lên các Linh từ" và "những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" có liên hệ chặt chẽ với nhau không? Dường như là như vậy.

Mối liên hệ giữa các trung tâm và chất liệu dĩ thái, ở cấp hệ thống và nhân loại, mở ra một phạm vi rất rộng cho [Page 920] tư tưởng. **"Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi là những thiên**

vast power and prerogative who may be stated to be connected with the Father aspect, and embodiments of electric fire. They are all fully self-conscious, having passed through the human stage in earlier kalpas. They are also corporate parts of the seven primary head centres in the body of a solar Logos or planetary Logos. (TCF 919)

thần có quyền năng và đặc quyền to lớn, có thể nói là được nối kết với phương diện Cha, và là hiện thân của Lửa Điện. Tất cả các vị ấy đều hoàn toàn có ngã thức, đã đi qua giai đoạn nhân loại trong các kalpa trước. Các vị ấy cũng là những phần hợp đoàn của bảy trung tâm đầu sơ cấp trong thể của một Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế. (TCF 919)

It will, therefore, be apparent, that the **"Law of Monadic Return" which we have just been considering, is the sumtotal of those influences which have a direct bearing upon the monadic atoms**, which affect its progress cyclically, and which stimulate it, or retard its activity according to the strength of the initiating life.

Vì vậy, hiển nhiên là **"Định luật Trở Về của Chân thần" mà chúng ta vừa xem xét, là tổng thể của những ảnh hưởng có liên hệ trực tiếp đến các nguyên tử chân thần**, những ảnh hưởng tác động đến sự tiến bộ của nó theo chu kỳ, và kích thích nó, hoặc làm chậm hoạt động của nó tùy theo sức mạnh của sự sống khởi xướng.

594. What factors are involve in the "Law of Monadic Return"?

594. Những yếu tố nào được bao hàm trong "Định luật Trở Về của Chân thần"?

a. The sum total of those influences which have a direct bearing upon the monadic atoms

a. Tổng thể những ảnh hưởng có liên hệ trực tiếp đến các nguyên tử chân thần

b. The influences which cyclically affect the progress of the Monad

b. Những ảnh hưởng tác động theo chu kỳ đến sự tiến bộ của Chân thần

c. The influences which stimulate the Monad

c. Những ảnh hưởng kích thích Chân thần

d. The influences which may retard its activity

d. Những ảnh hưởng có thể làm chậm hoạt động của nó

595. We begin to get a small idea of all the many influences which are involved in the monadic pilgrimage, monadic expression and monadic return.

595. Chúng ta bắt đầu có được một ý niệm nhỏ về vô số ảnh hưởng liên quan đến cuộc hành hương chân thần, sự biểu lộ chân thần và sự trở về của chân thần.

It is only after initiation that the human atom reaches a stage in its development

Chỉ sau điểm đạo thì nguyên tử nhân loại mới đạt đến một giai đoạn trong sự phát

where forces and influences begin to be comprehended.

596. Presumably this ability to comprehend follows the third initiation. When the term "initiation" is used in *A Treatise on Cosmic Fire*, it usually means the third degree.

When the methods are understood whereby adjustment is consciously made to extraneous force currents, **resistance to retarding forces is initiated consciously and with scientific accuracy**, and the man consciously puts himself into line with forces which will swing him along on the path of return.

597. As we come to understand the energies and forces, we can inhibit the forces which would normally retard progress. Thus will our progress along the Path be greatly hastened.

There is in this thought no undue complexity or cause for discouragement, **for ever the potent force of electrical energy will offset the more lethargic vibration of solar fire, and solar fire itself in due time will negate the effects of "fire by friction."**

598. DK, as usual, presents a vast vista for our consideration. Lest we become overwhelmed by its magnitude, He gives us words of encouragement based on law. Electric fire will prevail at length, even as solar fire will prevail in the conflict of energies and forces in which we now find ourselves engaged.

triển của nó **mà ở đó các mãnh lực và ảnh hưởng bắt đầu được thấu hiểu**.

596. Có lẽ khả năng thấu hiểu này theo sau lần điểm đạo thứ ba. Khi thuật ngữ "điểm đạo" được dùng trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*, nó thường có nghĩa là cấp độ thứ ba.

Khi các phương pháp được thấu hiểu nhờ đó sự điều chỉnh được thực hiện một cách hữu thức đối với các dòng mãnh lực ngoại lai, **sự kháng cự đối với các mãnh lực làm chậm trễ được khởi sự một cách hữu thức và với độ chính xác khoa học**, và con người một cách hữu thức đặt mình vào hàng ngũ với các mãnh lực sẽ đưa y tiến bước trên Con Đường Trở Về.

597. Khi chúng ta đi đến chỗ thấu hiểu các năng lượng và mãnh lực, chúng ta có thể ngăn chặn các mãnh lực vốn bình thường sẽ làm chậm sự tiến bộ. Nhờ đó sự tiến bộ của chúng ta trên Con Đường sẽ được đẩy nhanh rất nhiều.

Trong tư tưởng này không có sự phức tạp quá mức hay lý do để nản lòng, **vì mãi mãi mãnh lực đầy uy lực của năng lượng điện sẽ hóa giải rung động trì trệ hơn của Lửa Thái dương, và chính Lửa Thái dương đến đúng lúc sẽ phủ nhận các hiệu quả của "Lửa ma sát."**

598. Như thường lệ, Chân sư DK trình bày một viễn cảnh bao la để chúng ta suy xét. Để chúng ta không bị choáng ngợp bởi tầm mức của nó, Ngài ban cho chúng ta những lời khích lệ dựa trên định luật. Lửa Điện rốt cuộc sẽ thắng thế, cũng như Lửa Thái dương sẽ thắng thế trong cuộc xung đột của các năng lượng và mãnh lực mà hiện nay chúng ta đang dấn thân vào.

599. Before we can move fully into a succeeding fire, however, we must master the fire with which we are presently most occupied.

600. All of us are presently engaged in the processes of the "Law of Monadic Return".

599. Tuy nhiên, trước khi chúng ta có thể hoàn toàn chuyển vào một ngọn lửa kế tiếp, chúng ta phải làm chủ ngọn lửa mà hiện nay mình đang bận tâm nhiều nhất.

600. Hiện nay tất cả chúng ta đều đang tham dự vào các tiến trình của "Định luật Trở Về của Chân thần".

S8S11 Part I

(1054-1060)

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

3. The Law of Solar Evolution.

It is, of course, a truism to state that the Law of Solar Evolution is the sum-total of all the lesser activities.

1. All laws operative within the solar system are contained within it, though cosmic laws are not.

(1054-1060)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Điều được gợi ý là nên **đọc phần Bình Luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn bị chia ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách ấy sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

3. Định luật Tiến Hóa Thái Dương.

Dĩ nhiên, nói rằng Định luật Tiến Hóa Thái Dương là tổng thể của mọi hoạt động nhỏ hơn là một điều hiển nhiên.

1. Mọi định luật vận hành trong hệ mặt trời đều được bao hàm trong đó, dù các định luật vũ trụ thì không.

[Page 1055] We might consider this point in connection with the planetary atom, and the solar atom.

The **planetary atom** has, as all else in nature, three main activities:

2. We discuss first the "planetary atom" and then the solar atom.

First. It rotates upon its own axis,

3. This rotation determines the diurnal cycle.

revolves cyclically within its own ring-pass-not, **and thus displays its own inherent energy.**

4. The term "revolution" relates mostly to the second ray whereas the term "rotation" relates to the third ray.

5. When we see the words "revolves cyclically" we should remember that "cyclic activity" is the type of motion which DK related directly to the second ray.

6. In this case, the ring-pass-not of the planetary atom is its orbit.

7. He seems to suggest that the revolution of our planetary atom is the result of "its own inherent energy".

What is meant by this phrase? Surely that the milliards of atoms which compose the planetary body (whether dense or subtle) pursue an orbital course around the **central energetic positive unit.**

[Trang 1055] Chúng ta có thể xét điểm này trong liên hệ với nguyên tử hành tinh và nguyên tử thái dương.

Nguyên tử hành tinh, như mọi thứ khác trong thiên nhiên, có ba hoạt động chính:

2. Trước hết chúng ta bàn về "nguyên tử hành tinh", rồi đến nguyên tử thái dương.

Thứ nhất. Nó quay quanh trục riêng của nó,

3. Sự quay này quyết định chu kỳ ngày đêm.

quay vòng theo chu kỳ trong vòng-giới-hạn riêng của nó, **và do đó biểu lộ năng lượng cố hữu của chính nó.**

4. Thuật ngữ "revolution" phần lớn liên hệ với cung hai, trong khi thuật ngữ "rotation" liên hệ với cung ba.

5. Khi chúng ta thấy các từ "quay vòng theo chu kỳ", chúng ta nên nhớ rằng "hoạt động theo chu kỳ" là loại chuyển động mà Chân sư DK liên hệ trực tiếp với cung hai.

6. Trong trường hợp này, vòng-giới-hạn của nguyên tử hành tinh là quỹ đạo của nó.

7. Ngài dường như gợi ý rằng sự quay vòng của nguyên tử hành tinh của chúng ta là kết quả của "năng lượng cố hữu của chính nó".

Cụm từ này có nghĩa gì? Chắc hẳn là hàng tỉ nguyên tử cấu thành thể hành tinh (dù đậm đặc hay vi tế) đều theo đuổi một quỹ đạo quanh **đơn vị dương năng lượng trung tâm.**

8. These atoms may be rotating on their own axis at tremendous rates of speed, but together they are made to pursue an "orbital course around the central energetic positive unit".

8. Các nguyên tử này có thể đang quay quanh trục riêng của chúng với tốc độ cực lớn, nhưng cùng nhau chúng bị khiến phải theo đuổi một "quỹ đạo quanh đơn vị dương năng lượng trung tâm".

9. They both revolve around the central energetic positive unit which pertains to the Planetary Logos (for them the type of movement involved is revolution, though for the Planetary Logos, it is rotation) *and* because they perforce accompany the planetary atom in its revolution around the Sun, they as well are made to revolve around the Sun considered as a still larger central energetic positive unit

9. Cả hai đều quay vòng quanh đơn vị dương năng lượng trung tâm thuộc về Hành Tinh Thượng Đế (đối với chúng, loại chuyển động liên hệ là revolution, còn đối với Hành Tinh Thượng Đế thì đó là rotation) *và* vì chúng tất yếu đi theo nguyên tử hành tinh trong cuộc quay vòng của nó quanh Mặt Trời, nên chúng cũng bị khiến quay vòng quanh Mặt Trời, được xem như một đơn vị dương năng lượng trung tâm còn lớn hơn nữa

10. If we think about the implications of DK's statements we shall come to understand the subtle vehicles of the Planetary Logos are all in a state of rotation around a central point with the energy system of the Planetary Logos. The rate of rotation of these vehicles is of great importance when considering the dynamics of planetary processes.

10. Nếu suy nghĩ về các hàm ý trong những phát biểu của Chân sư DK, chúng ta sẽ đi đến chỗ hiểu rằng các vận cụ vi tế của Hành Tinh Thượng Đế đều ở trong trạng thái quay quanh một điểm trung tâm trong hệ năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế. Tốc độ quay của các vận cụ này có tầm quan trọng lớn khi xét đến động lực học của các tiến trình hành tinh.

This dynamic force centre must be considered as **subsisting** naturally in two locations (if such an unsuitable term is permissible)

Trung tâm mãnh lực năng động này phải được xem là **tồn tại** một cách tự nhiên ở hai vị trí (nếu có thể cho phép dùng một thuật ngữ không thích hợp như thế)

11. The term "subsisting" denotes a subtle location and not a dense physical location.

11. Thuật ngữ "tồn tại" chỉ một vị trí vi tế chứ không phải một vị trí hồng trần đậm đặc.

12. DK is helping us locate the "dynamic force center" around which the milliards of atoms in a planetary system revolve. Perhaps we should say that the sheaths of a Planetary Logos *rotate* around such a dynamic force center, but that the milliards of tiny atoms which are incorporated in such

12. Chân sư DK đang giúp chúng ta xác định "trung tâm mãnh lực năng động" mà quanh đó hàng tỉ nguyên tử trong một hệ hành tinh quay vòng. Có lẽ chúng ta nên nói rằng các thể của một Hành Tinh Thượng Đế *quay* quanh một trung tâm mãnh lực năng động như thế, nhưng hàng tỉ nguyên tử cực nhỏ

sheaths pursue a type of motion which is more like *revolution*—as they are swept along in the rotation of the vehicle of which they form a part.

according to the stage, usage, and particular type of the indwelling planetary entity.

13. In our solar system we have *three* types of indwelling planetary entities.

a. In what corresponds to the head centre in man, if the planetary Logos is of very advanced development.

14. Head center development is always considered ultimate. In the cases of an advanced Planetary Logos the head center is considered the "central energetic positive unit".

15. Perhaps this would be the case in those Planetary Logoi Who are synthesizing planets.

b. In the planetary correspondence to the heart centre.

16. We may infer that such Planetary Logoi are advanced but not as advanced as the Logoi of synthesizing planets.

The throat centre is, of course, ever vibrant in all the Logoi, as all are fully intelligent Creators, having perfected this capacity **in an earlier solar system.**

17. DK is not telling us *which* solar system He is referencing, but in any case it was long ago.

được kết hợp trong các thể ấy lại theo đuổi một loại chuyển động giống như *quay vòng*—khi chúng bị cuốn theo trong sự quay của vận cụ mà chúng là một phần của nó.

tùy theo giai đoạn, công dụng và loại hình đặc thù của thực thể hành tinh nội tại.

13. Trong hệ mặt trời của chúng ta có *ba* loại thực thể hành tinh nội tại.

a. Trong điều tương ứng với trung tâm đầu nơi con người, nếu Hành Tinh Thượng Đế có sự phát triển rất cao.

14. Sự phát triển của trung tâm đầu luôn được xem là tối hậu. Trong trường hợp của một Hành Tinh Thượng Đế tiến hóa cao, trung tâm đầu được xem là "đơn vị dương năng lượng trung tâm".

15. Có lẽ đây là trường hợp nơi những Hành Tinh Thượng Đế là các hành tinh tổng hợp.

b. Trong sự tương ứng hành tinh với trung tâm tim.

16. Chúng ta có thể suy ra rằng những Hành Tinh Thượng Đế như thế là tiến hóa cao, nhưng không cao bằng các Thượng đế của những hành tinh tổng hợp.

Dĩ nhiên, trung tâm cổ họng luôn luôn rung động trong mọi Thượng đế, vì tất cả đều là những Đấng Sáng Tạo hoàn toàn thông tuệ, đã hoàn thiện năng lực này **trong một hệ mặt trời trước kia.**

17. Chân sư DK không cho chúng ta biết Ngài đang nói đến hệ mặt trời *nào*, nhưng dù sao thì điều đó cũng đã từ rất lâu rồi.

18. The implication *could* be that, for a non-sacred planet, revolution occurs around the throat center and that it is *that* center which for them stands for the "central energetic positive unit" subsisting naturally in a certain location.

18. Hàm ý *có thể* là, đối với một hành tinh không thiêng liêng, sự quay vòng xảy ra quanh trung tâm cổ họng và chính trung tâm *đó* đối với chúng tượng trưng cho "đơn vị dương năng lượng trung tâm" đang tồn tại một cách tự nhiên ở một vị trí nào đó.

19. Whether, however, the throat center serves such a function in the case of non-sacred planets cannot be ascertained.

19. Tuy nhiên, việc trung tâm cổ họng có đảm nhiệm chức năng ấy trong trường hợp các hành tinh không thiêng liêng hay không thì không thể xác định được.

Students should here bear in mind that **these centres of force are to be found depicted in the central Triangles** upon the chart on page 373,

Ở đây, các đạo sinh nên ghi nhớ rằng **các trung tâm mãnh lực này được mô tả trong các Tam Giác trung tâm** trên biểu đồ ở trang 373,

20. It is best for us to review that chart. We see that the central position of all *three* allows for the concept of revolution around each one.

20. Tốt nhất là chúng ta nên xem lại biểu đồ ấy. Chúng ta thấy rằng vị trí trung tâm của cả *ba* cho phép hình thành khái niệm quay vòng quanh từng cái.

though no indication is to be found through a study of such triangles as to the relative attainment of the planetary Logos.

mặc dù không thể tìm thấy dấu hiệu nào, qua việc nghiên cứu các tam giác như thế, về mức độ thành tựu tương đối của Hành Tinh Thượng Đế.

21. This is a secret of initiation, obviously. We may assume that each Logos has its own specific degree of unfoldment, just as has the Logos of every Sun and every zodiacal or greater constellation.

21. Hiển nhiên đây là một bí mật của điểm đạo. Chúng ta có thể giả định rằng mỗi Thượng đế đều có mức độ khai mở đặc thù riêng của mình, cũng như Thượng đế của mỗi Mặt Trời và mỗi chòm sao hoàng đạo hay chòm sao lớn hơn đều như vậy.

22. We may assume that the synthesizing planets are the most evolved, though Venus may well be the most *unfolded*. There is a clear difference between the degree of evolution and the degree of unfoldment.

22. Chúng ta có thể giả định rằng các hành tinh tổng hợp là những hành tinh tiến hóa nhất, dù Sao Kim rất có thể là hành tinh *khai mở* nhất. Có một khác biệt rõ rệt giữa mức độ tiến hoá và mức độ khai mở.

Within the chains likewise, will be found corresponding centres of energy, and also

Tương tự, trong các dãy cũng sẽ tìm thấy những trung tâm năng lượng tương ứng, và

within the dense physical body of the Logos of any scheme, the physical planet.

cũng **trong thể xác đậm đặc** của Thượng đế của bất kỳ hệ hành tinh nào, tức cõi hồng trần.

23. We are speaking of three centers of energy. We are told that correspondences to the higher three (the planetary level) will be found at the chain level and the globe level.

23. Chúng ta đang nói về ba trung tâm năng lượng. Chúng ta được cho biết rằng những tương ứng với ba trung tâm cao hơn (cấp độ hành tinh) sẽ được tìm thấy ở cấp độ dãy và cấp độ bầu hành tinh.

24. From what is said below we see that the centers are considered to be quite literal. At least with respect to the dense physical body, they have a definite physical location.

24. Từ điều được nói bên dưới, chúng ta thấy các trung tâm này được xem là khá theo nghĩa đen. Ít nhất đối với thể xác đậm đặc, chúng có một vị trí hồng trần xác định.

25. As to what actually is the dense physical body of a Planetary Logos, we should pause to reflect whether we are speaking of strictly *physical* density (the gaseous, liquid and apparently 'solid' strata) or whether we are speaking of the mental plane as gaseous, the astral plane as liquid and the etheric-physical plane as relatively 'solid'.

25. Về việc thể xác đậm đặc của một Hành Tinh Thượng Đế thực sự là gì, chúng ta nên dừng lại để suy ngẫm xem liệu chúng ta đang nói đến sự đậm đặc *hồng trần* theo nghĩa chặt chẽ (các tầng khí, lỏng và có vẻ như 'rắn') hay đang nói đến cõi trí như khí, cõi cảm dục như lỏng, và cõi dĩ thái-hồng trần như tương đối 'rắn'.

26. We must remember that a Planetary Logos has an etheric body made of cosmic ethers and a dense physical body made of mental, astral and systemic etheric-physical substance-matter.

26. Chúng ta phải nhớ rằng một Hành Tinh Thượng Đế có một thể dĩ thái được tạo bằng các dĩ thái vũ trụ và một thể xác đậm đặc được tạo bằng chất liệu-vật chất trí tuệ, cảm dục và dĩ thái-hồng trần hệ thống.

One such centre is to be found at the North Pole,

Một trung tâm như thế được tìm thấy ở Bắc Cực,

27. This, we may presume, is the correspondence to the head center.

27. Chúng ta có thể giả định rằng đây là sự tương ứng với trung tâm đầu.

and two more are located within the planetary sphere,

và còn hai trung tâm nữa nằm bên trong khối cầu hành tinh,

28. Is Master DK distinguishing between "within" and "upon"?

28. Phải chăng Chân sư DK đang phân biệt giữa "bên trong" và "trên"?

29. Presumably these other centers would be correspondences to the heart center and the throat center.

29. Có lẽ các trung tâm khác này sẽ là những tương ứng với trung tâm tim và trung tâm cổ họng.

30. Although we may not be in a position to locate these other two centers with precision, we simply have to bear in mind that within the planetary atom rotation and revolution are constant.

30. Dù có thể chúng ta chưa ở vào vị thế xác định chính xác hai trung tâm kia, chúng ta chỉ cần ghi nhớ rằng bên trong nguyên tử hành tinh, sự quay và sự quay vòng là liên tục.

and frequently the inflow of force or energy to **these internal centres** (via the polar centre) results in those disasters we call earthquakes, and volcanic eruptions.

và thường khi dòng mãnh lực hay năng lượng chảy vào **các trung tâm nội tại này** (qua trung tâm cực) sẽ dẫn đến những tai họa mà chúng ta gọi là động đất và phun trào núi lửa.

31. We note that the inflow occurs via the polar center and flows to one or other or both of the other centers with cataclysmic results.

31. Chúng ta lưu ý rằng dòng chảy vào diễn ra qua trung tâm cực và chảy đến một hoặc trung tâm kia hoặc cả hai trung tâm kia, với những kết quả mang tính đại biến động.

32. Note particularly the words "these internal centers". These words definitively answer the question concerning whether the two additional centers are to be found upon or within the planetary sphere. The answer is—they are *internal* to that sphere and are found *within* it.

32. Đặc biệt lưu ý các từ "các trung tâm nội tại này". Những từ này trả lời dứt khoát câu hỏi liệu hai trung tâm bổ sung có được tìm thấy trên hay trong khối cầu hành tinh. Câu trả lời là—chúng *nằm bên trong* khối cầu ấy và được tìm thấy *ở trong* nó.

33. We may extend the analogy to the microcosm. We may presume that inflow occurs via the head center and makes its way to the throat center and heart center, with results that are momentous for the energy system concerned.

33. Chúng ta có thể mở rộng phép tương đồng đến tiểu thiên địa. Chúng ta có thể giả định rằng dòng chảy vào diễn ra qua trung tâm đầu và đi đến trung tâm cổ họng và trung tâm tim, với những kết quả có ý nghĩa trọng đại đối với hệ năng lượng liên hệ.

34. If we wish to treat the inflow in strictly physical terms, we would speak of the pineal gland, the thymus and the thyroid representing respectively the head center, the heart center and the throat center.

34. Nếu muốn bàn đến dòng chảy vào theo những thuật ngữ hoàn toàn hồng trần, chúng ta sẽ nói rằng tuyến tùng, tuyến ức và tuyến giáp lần lượt đại diện cho trung tâm đầu, trung tâm tim và trung tâm cổ họng.

35. We must remember that every occultist has the head center active. All ten Seed Groups require that its members have the head center functioning.

35. Chúng ta phải nhớ rằng mọi nhà huyền bí học đều có trung tâm đầu hoạt động. Cả mười Nhóm hạt giống đều đòi hỏi các thành viên của mình phải có trung tâm đầu vận hành.

36. We can assume that 'instructions' from the Planetary Logos enter via the head center of the dense physical globe—related closely to the North Pole of the globe. The North Pole (and South) will have its correspondences in the astral and mental sheaths of the dense physical globe.

36. Chúng ta có thể giả định rằng các 'chỉ thị' từ Hành Tinh Thượng Đế đi vào qua trung tâm đầu của bầu hành tinh hồng trần đậm đặc—liên hệ chặt chẽ với Bắc Cực của bầu hành tinh. Bắc Cực (và Nam Cực) sẽ có những tương ứng của chúng trong các thể cảm dục và thể trí của bầu hành tinh hồng trần đậm đặc.

37. This brings us back to the idea that the Earth-globe is not made only of etheric-physical matter, but has all the sheaths which are correlated with all seven principles. Examining this assertion closely could open up a very serious debate.

37. Điều này đưa chúng ta trở lại với ý tưởng rằng bầu hành tinh Trái Đất không chỉ được tạo bằng vật chất dĩ thái-hồng trần, mà còn có tất cả các thể tương quan với cả bảy nguyên khí. Khảo sát kỹ khẳng định này có thể mở ra một cuộc tranh luận rất nghiêm túc.

There is, as we know, **a cyclic shifting of polar inclination**,

Như chúng ta biết, có **sự dịch chuyển theo chu kỳ của độ nghiêng cực**,

38. This is more than the shifting of *magnetic* polarities which contemporary science already recognizes.

38. Điều này còn hơn cả sự dịch chuyển các cực *từ tính* mà khoa học đương thời đã công nhận.

39. We seem to be dealing with a measurable, geometrical fact. The degree of inclination seems to be changing, as occult astronomy has said it has done a number of times in the past.

39. Dường như chúng ta đang xử lý một sự kiện hình học có thể đo lường được. Mức độ nghiêng dường như đang thay đổi, như thiên văn học huyền bí đã nói rằng nó đã từng thay đổi nhiều lần trong quá khứ.

40. We are not simply dealing with the gyration of the pole, producing the twelve precessional ages and, at length, an entire Platonic Year. Rather, we are dealing with an actual change of inclination—an angular change.

40. Chúng ta không chỉ đang xử lý sự quay lắc của cực, tạo ra mười hai thời đại tuế sai và cuối cùng là trọn một Năm Plato. Đúng hơn, chúng ta đang xử lý một sự thay đổi thực sự về độ nghiêng—một thay đổi góc độ.

41. Just as the gyration of the pole is cyclic, so apparently, is this shifting of polar inclination. We do not, however, know the cycle for this latter and more momentous type of shift. Sampson Arnold Mackey had much to say about this in his *Mythological Astronomy*.

41. Cũng như sự quay lắc của cực là theo chu kỳ, thì rõ ràng sự dịch chuyển độ nghiêng cực này cũng vậy. Tuy nhiên, chúng ta không biết chu kỳ của loại dịch chuyển sau này và trọng đại hơn. Sampson Arnold Mackey đã nói rất nhiều về điều này trong tác phẩm *Mythological Astronomy* của ông.

[Page 1056] due to **the gradually increasing responsiveness of the planetary Logos to His heavenly Prototype**,

[Trang 1056] do **sự đáp ứng ngày càng gia tăng của Hành Tinh Thượng Đế đối với Nguyên Mẫu thiên thượng của Ngài**,

42. But the cause of this axial shift is very occult. Within the seven major stars of the Great Bear is one which, at this time, can be considered the "heavenly Prototype" of our Planetary Logos.

42. Nhưng nguyên nhân của sự dịch chuyển trục này thì rất huyền bí. Trong bảy ngôi sao chính của Đại Hùng Tinh có một ngôi sao mà vào lúc này có thể được xem là "Nguyên Mẫu thiên thượng" của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

43. We have discussed this matter before. Is it Alioth, the third star, correlating with the third ray personality of the Planetary Logos of the Earth-scheme? Or is it a star correlating with our Planetary Logoi second ray soul, or with His first ray Monad?

43. Chúng ta đã bàn về vấn đề này trước đây. Có phải đó là Alioth, ngôi sao thứ ba, tương quan với cung phàm ngã cung ba của Hành Tinh Thượng Đế của hệ Trái Đất? Hay đó là một ngôi sao tương quan với linh hồn cung hai của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, hoặc với chân thần cung một của Ngài?

44. It seems that, at this time, at least, the star Alioth might be a pretty good bet, correlating as it would with Saturn, which planet represents the mental body of a great Entity, with Earth as the physical body of Earth and Mars as the astral body. The star Alioth must be closely correlated with the synthesizing planet Saturn, which has a third ray Monad.

44. Dường như, ít nhất vào lúc này, ngôi sao Alioth có thể là một giả thuyết khá tốt, vì nó sẽ tương quan với Sao Thổ, hành tinh đại diện cho thể trí của một Thực Thể vĩ đại, với Trái Đất là thể xác của Trái Đất và Sao Hỏa là thể cảm dục. Ngôi sao Alioth hẳn phải tương quan chặt chẽ với hành tinh tổng hợp Sao Thổ, vốn có chân thần cung ba.

whereby influences from the Great Bear draw, or occultly "attract," the attention of the Logos,

nhờ đó những ảnh hưởng từ Đại Hùng Tinh lôi kéo, hay một cách huyền bí "thu hút", sự chú ý của Thượng đế,

45. Through the Heavenly Prototype the influence of the entire Great Bear reaches our Planetary Logos.

45. Qua Nguyên Mẫu thiên thượng, ảnh hưởng của toàn bộ Đại Hùng Tinh đến được Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

46. There is probably also a star in the Great Bear which is most closely related to every Sun in the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" –including our own.

46. Có lẽ cũng có một ngôi sao trong Đại Hùng Tinh liên hệ chặt chẽ nhất với mỗi Mặt Trời trong "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một Trong Số Đó" – kể cả hệ của chúng ta.

47. A triangle could be drawn from that star to our Sun and to Jupiter, perhaps. It would be a second ray triangle, very influential in our solar system.

47. Có lẽ có thể vẽ một tam giác từ ngôi sao ấy đến Mặt Trời của chúng ta và đến Sao Mộc. Đó sẽ là một tam giác cung hai, rất có ảnh hưởng trong hệ mặt trời của chúng ta.

48. We are learning that the attention of our Planetary Logos is being drawn increasingly towards the Great Bear via one of its stars.

48. Chúng ta đang học rằng sự chú ý của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta ngày càng bị thu hút về phía Đại Hùng Tinh qua một trong các ngôi sao của nó.

49. Probably the lore surrounding each of the stars should be closely studied.

49. Có lẽ nên nghiên cứu kỹ truyền thuyết xoay quanh từng ngôi sao.

50. Here from the Wikipedia is a reference on Alioth:

50. Ở đây, từ Wikipedia, là một tư liệu tham khảo về Alioth:

Epsilon Ursae Majoris

Epsilon Ursae Majoris

[Picture 1]

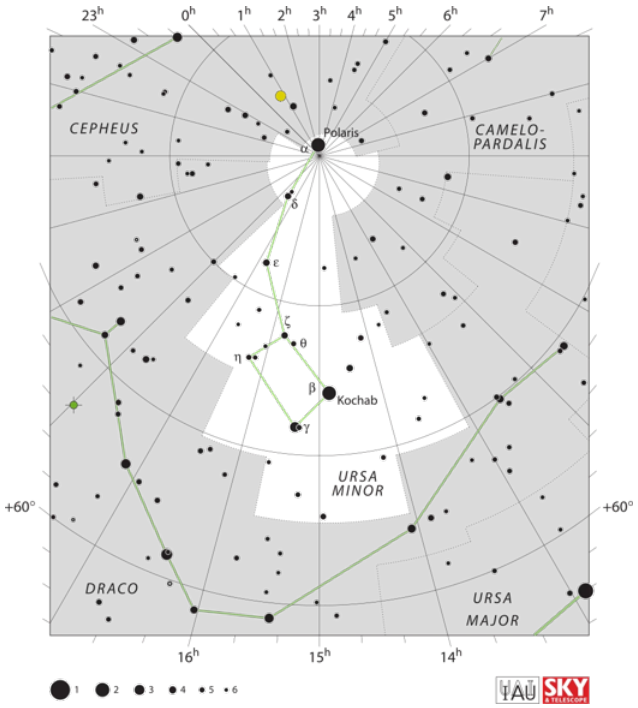

[Picture 2]

Epsilon Ursae Majoris is the brightest star in the constellation Ursa Major (despite its Bayer designation being merely "epsilon"), and at magnitude 1.76 is the thirty-first brightest star in the sky. It has the traditional name **Alioth** (from the Arabic word *alyat*—fat tail of a sheep).

Epsilon Ursae Majoris là ngôi sao sáng nhất trong chòm sao Ursa Major (mặc dù ký hiệu Bayer của nó chỉ đơn thuần là “epsilon”), và với cấp sao 1.76, nó là ngôi sao sáng thứ ba mươi mốt trên bầu trời. Nó có tên truyền thống là **Alioth** (từ tiếng Ả Rập *alyat*—đuôi mỡ của một con cừu).

It is known as 北斗五 (the Fifth Star of the Northern Dipper) or 玉衡 (the Star of Jade Sighting-tube) in Chinese.

Trong tiếng Trung, nó được gọi là 北斗五 (Ngôi Sao Thứ Năm của Bắc Đẩu) hoặc 玉衡 (Ngôi Sao Ống Ngắm Ngọc).

It is the star in the tail of the bear closest to its body, and thus the star in the handle of the Big Dipper closest to the bowl. It is also a member of the large and diffuse Ursa Major moving group. Historically, the star was frequently used in celestial navigation in the maritime trade, because it is listed as one of the 57 navigational stars.[1]

Đó là ngôi sao ở đuôi con gấu gần thân nó nhất, và do đó là ngôi sao trong cán của Big Dipper gần phần gáo nhất. Nó cũng là một thành viên của nhóm chuyển động Ursa Major lớn và phân tán. Trong lịch sử, ngôi sao này thường được dùng trong hàng hải thiên văn trong thương mại đường biển, vì nó được liệt kê là một trong 57 ngôi sao định hướng.[1]

Peculiarities

Đặc điểm dị thường

According to *Hipparcos*, Alioth is 81 light years (25 parsecs) from Earth. Its spectral type is A0p; the "p" stands for *peculiar*, as the spectrum of its light is characteristic of an Alpha2 Canum Venaticorum variable. Alioth, as a representative of this type, may harbor two interacting processes. **First, the star's strong magnetic field separating different elements in the star's hydrogen 'fuel'. In addition, a rotation axis at an angle to the magnetic axis may be spinning different bands of magnetically-sorted elements into the line of sight between Alioth and the Earth.** The intervening elements react differently at different frequencies of light as they whip in and out of view, causing Alioth to have very strange spectral lines that fluctuate over a period of 5.1 days.

With Alioth, the rotational and magnetic axes are at almost 90 degrees to one another. A map of the star below shows how darker (denser) regions of chromium form a band at right angles to the equator.

A recent study suggests Alioth's 5.1-day variation may be due to a substellar object of about 14.7 Jupiter masses in an eccentric orbit (e=0.5) with an average separation of 0.055 astronomical units.

Alioth has a relatively weak magnetic field, fifteen times weaker than α CVn, but it is still 100 times stronger than that of the Earth.

Alioth in Ursa Major.

Theo *Hipparcos*, Alioth cách Trái Đất 81 năm ánh sáng (25 parsec). Kiểu quang phổ của nó là A0p; chữ "p" là viết tắt của *peculiar* (dị thường), vì quang phổ ánh sáng của nó là đặc trưng của một biến tinh Alpha2 Canum Venaticorum. Alioth, với tư cách một đại diện của loại này, có thể chứa đựng hai tiến trình tương tác. **Thứ nhất, từ trường mạnh của ngôi sao tách biệt các nguyên tố khác nhau trong 'nhiên liệu' hydro của ngôi sao. Ngoài ra, một trục quay nghiêng một góc so với trục từ có thể đang đưa các dải nguyên tố được phân loại bằng từ tính khác nhau vào đường ngắm giữa Alioth và Trái Đất.** Các nguyên tố xen giữa phản ứng khác nhau ở các tần số ánh sáng khác nhau khi chúng vụt ra rồi vụt vào tầm nhìn, khiến Alioth có những vạch quang phổ rất lạ dao động theo chu kỳ 5,1 ngày.

Ở Alioth, trục quay và trục từ gần như vuông góc 90 độ với nhau. Một bản đồ của ngôi sao bên dưới cho thấy các vùng crôm tối hơn (đậm đặc hơn) tạo thành một dải vuông góc với xích đạo.

Một nghiên cứu gần đây cho rằng biến thiên 5,1 ngày của Alioth có thể là do một thiên thể dưới sao có khối lượng khoảng 14,7 lần khối lượng Sao Mộc trong một quỹ đạo lệch tâm (e=0,5) với khoảng cách trung bình là 0,055 đơn vị thiên văn.

Alioth có một từ trường tương đối yếu, yếu hơn α CVn mười lăm lần, nhưng vẫn mạnh hơn từ trường của Trái Đất 100 lần.

Alioth trong Ursa Major.

[Picture 3]

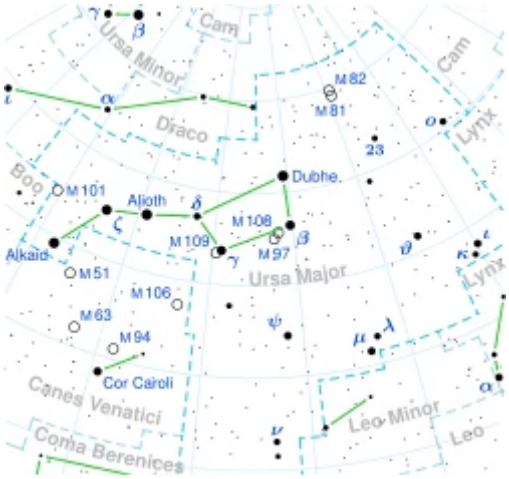

51. There are many interesting thoughts in this section, but underlined above is a section of text which calls attention to the *separative* or *separating* dynamics operative on Alioth. In this case we should recall the name of the Third Ray Lord: "the Divine Separator".

51. Có nhiều tư tưởng thú vị trong phần này, nhưng phần văn bản được gạch dưới ở trên là một đoạn thu hút sự chú ý đến động lực *phân ly* hay *tách biệt* đang vận hành trên Alioth. Trong trường hợp này, chúng ta nên nhớ đến danh hiệu của Đấng Chúa Tể Cung ba: "Đấng Phân Ly Thiêng Liêng".

52. Alioth is apparently the brightest start in the Great Bear. This may correlate well with the importance of the third ray within the local cosmosystem—the system of the "One About Whom

52. Alioth rõ ràng là ngôi sao sáng nhất trong Đại Hùng Tinh. Điều này có thể tương quan tốt với tầm quan trọng của cung ba trong cosmosystem địa phương—hệ thống của "Đấng Bất Khả Tư Nghị

S8S11 Part II

(1060-1062)

(1060-1062)

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần Bình Luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact

Điều được gợi ý là nên **đọc phần Bình Luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn bị chia ra, và cách trình bày cô đọng

presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

trong chính quyển sách ấy sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

1. The Law of Radiation.

1. Định luật Phóng Xạ.

It will be found that more time will be given to this expression of divine activity than to any other in this section, as it is the one of the most practical utility.

Người ta sẽ thấy rằng nhiều thời gian sẽ được dành cho biểu hiện này của hoạt động thiêng liêng hơn bất kỳ biểu hiện nào khác trong phần này, vì đây là biểu hiện có tính thực dụng nhất.y.

1. It is wonderful to allow thought to range to the 'boundary' of the Universe (if such exists) but Master DK is nothing if not practical. Even discussion of "wild speculation" has a practical objective—the induction of humility in the reader.

1. Thật tuyệt vời khi để tư tưởng vươn đến 'ranh giới' của Vũ Trụ (nếu điều đó tồn tại), nhưng Chân sư DK trước hết vẫn là thực tiễn. Ngay cả việc bàn luận về "suy đoán táo bạo" cũng có một mục tiêu thực tiễn—gợi lên sự khiêm tốn nơi người đọc.

This Law of Radiation is one that is beginning to be recognised by scientists since their acceptation of the radioactivity of certain substances, and when they are willing to approximate the occult conception of **the radiatory, or emanatory condition, of all substances at a specific point in evolution,** then they will very definitely approach Reality.

Định luật Phóng Xạ này là một định luật đang bắt đầu được các nhà khoa học công nhận kể từ khi họ chấp nhận tính phóng xạ của một số chất liệu nhất định, và khi họ sẵn lòng tiến gần đến quan niệm huyền bí về **trạng thái phóng xạ, hay phát xạ, của mọi chất liệu tại một điểm tiến hoá nhất định,** thì khi ấy họ sẽ tiến rất gần đến Thực Tại.y.

2. The appearance of radiation depends upon the point in evolution reached by any substance or atom.

2. Sự xuất hiện của phóng xạ tùy thuộc vào điểm tiến hoá mà bất kỳ chất liệu hay nguyên tử nào đã đạt tới.

3. The Age of Aquarius will be an 'Age of Radiation' as the foremost ruler of Aquarius (Uranus—the planet of radioactivity) suggests.

3. Kỷ nguyên Bảo Bình sẽ là một 'Kỷ nguyên Phóng Xạ', như chủ tinh nổi bật nhất của Bảo Bình (Sao Thiên Vương—hành tinh của phóng xạ) gợi ý.

Radiation is the outer effect produced by all forms in all kingdoms when their internal activity has reached such a stage of vibratory activity that the confining walls of the form

Phóng xạ là hiệu quả bên ngoài do mọi hình tướng trong mọi giới tạo ra khi hoạt động bên trong của chúng đã đạt đến một giai đoạn hoạt động rung động đến mức các bức tường

no longer form a prison, but permit of the escape of the subjective essence.

giam hãm của hình tướng không còn là nhà tù nữa, mà cho phép tinh chất chủ quan thoát ra.

4. It is clear that the concept of "radiation" is inescapably united to the concept of "liberation".

4. Rõ ràng là khái niệm "phóng xạ" gắn liền không thể tách rời với khái niệm "giải thoát".

5. Uranus, the planet of radiation is also the planet of liberation.

5. Sao Thiên Vương, hành tinh của phóng xạ, cũng là hành tinh của giải thoát.

6. A wild speculative thought enters the mind: what will happen when the entire Universe becomes radioactive? Will not the final Universal Pralaya be with us? And, of course, *we* will be 'there'.

6. Một ý nghĩ suy đoán táo bạo đi vào trí tuệ: điều gì sẽ xảy ra khi toàn thể Vũ Trụ trở nên phóng xạ? Chẳng phải khi ấy Đại Giai kỳ qui nguyên Vũ trụ cuối cùng sẽ đến với chúng ta sao? Và dĩ nhiên, *chúng ta* sẽ 'ở đó'.

It marks a specific point of attainment in the evolutionary process, and this is equally true of the atom of substance with which the chemist and physicist deal, when working with the elements, as it is of the forms in the vegetable kingdom, the [Page 1061] forms in the animal kingdom, in the human, and, likewise, in the divine.

Nó đánh dấu một điểm thành tựu đặc thù trong tiến trình tiến hoá, và điều này cũng đúng như nhau đối với nguyên tử của chất liệu mà nhà hóa học và nhà vật lý đề cập đến khi làm việc với các nguyên tố, cũng như đối với các hình tướng trong giới thực vật, các [Trang 1061] hình tướng trong giới động vật, trong giới nhân loại, và tương tự như vậy trong giới thiêng liêng.

7. We are to expect, then, the appearance not only of radioactive atoms, but of radioactive plants, animals, human beings, and many greater Beings.

7. Vậy thì chúng ta phải chờ đợi sự xuất hiện không chỉ của các nguyên tử phóng xạ, mà còn của các thực vật, động vật, con người phóng xạ, và nhiều Đấng vĩ đại hơn nữa.

8. The higher initiates and Masters are, from this perspective, radioactive human beings.

8. Từ góc nhìn này, các điểm đạo đồ cao cấp hơn và các Chân sư là những con người phóng xạ.

9. Radioactivity is always a stage occurring prior to liberation and indicates the onset of the process of liberation.

9. Tính phóng xạ luôn là một giai đoạn xảy ra trước giải thoát và cho thấy sự khởi đầu của tiến trình giải thoát.

From some angles of vision, it might be regarded as the "true form" (which is to be

Từ một số góc độ tầm nhìn, nó có thể được xem là "hình tướng chân thực" (điều này

understood occultly as the etheric form of energy)

phải được hiểu một cách huyền bí là hình tướng năng lượng dĩ thái)

10. Always this must be emphasized…

10. Điều này luôn phải được nhấn mạnh…

making its presence felt in such a way that it becomes apparent **even** to the scientist.

đang làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận theo cách khiến nó trở nên hiển nhiên **ngay cả** đối với nhà khoa học.

11. DK seems to suggest that the "scientist" is presently not too capable of really deep penetration! There are apparently others to whom the revelation will come much more easily but, before long, the it will be necessary that scientists, too, validate that radioactivity has a deeper significance than they had thought.

11. Chân sư DK dường như gợi ý rằng hiện nay "nhà khoa học" chưa thật sự có khả năng thâm nhập sâu! Rõ ràng có những người khác mà sự mặc khải sẽ đến với họ dễ dàng hơn nhiều, nhưng chẳng bao lâu nữa, các nhà khoa học cũng sẽ cần phải xác nhận rằng tính phóng xạ có một ý nghĩa sâu xa hơn điều họ từng nghĩ.

Students should here remember two things:

Các đạo sinh nên nhớ ở đây hai điều:

First, that in all occult conclusions, it is the body of energy which is dealt with and the subjective life back of the form which is recognised as being of supreme importance.

Thứ nhất, rằng trong mọi kết luận huyền bí học, điều được đề cập đến là thể năng lượng và sự sống chủ quan phía sau hình tướng được nhìn nhận là có tầm quan trọng tối thượng.

12. The occultist deals always with causes and not with effects. Relative to the dense physical plane, the etheric plane is considered causal and substantial.

12. Nhà huyền bí học luôn luôn đề cập đến nguyên nhân chứ không phải kết quả. Liên quan đến cõi hồng trần đậm đặc, cõi dĩ thái được xem là có tính nguyên nhân và là chất liệu.

Second, that the dense objective manifestation, as has been reiterated frequently, is not regarded as a principle at all; the occultist deals with principles alone.

Thứ hai, rằng biểu hiện khách quan đậm đặc, như đã nhiều lần được nhắc lại, hoàn toàn không được xem là một nguyên khí; nhà huyền bí học chỉ đề cập đến các nguyên khí mà thôi.

13. If we fail to deal with principles but literally *engross* ourselves in that which is not a principle, we do not deserve the name "occultists". Are members of the Black Lodge, then, true "occultists"? For they are

13. Nếu chúng ta không đề cập đến các nguyên khí mà lại theo nghĩa đen *mải mê* với điều không phải là nguyên khí, thì chúng ta không xứng đáng với danh xưng "nhà huyền bí học". Vậy thì các thành viên của Hắc đoàn

deeply engrossed in all that is densely material, though their power in the three lower worlds—etheric, astral and lower mental, is also appreciable.

có phải là những "nhà huyền bí học" chân chính không? Vì họ mải mê sâu đậm với mọi điều thuộc vật chất đậm đặc, dù quyền năng của họ trong ba cõi thấp—dĩ thái, cảm dục và hạ trí—cũng đáng kể.

It might be of value here to remind the student also that three things have to be recognised in all manifestation:

Ở đây cũng có thể hữu ích khi nhắc đạo sinh rằng có ba điều phải được nhìn nhận trong mọi biểu hiện:

First, that the tangible objective exterior, negative, receptive, and occultly unorganised, is without form and usefulness *apart from the inner energy.*

Thứ nhất, rằng phần bên ngoài khách quan hữu hình, tiêu cực, tiếp nhận, và một cách huyền bí là không được tổ chức, thì không có hình tướng và không có ích dụng *nếu tách rời năng lượng bên trong.*

14. This level of nature will automatically mould itself according the pattern produced in principled substance.

14. Cấp độ này của bản chất sẽ tự động tự khuôn đúc theo mô hình được tạo ra trong chất liệu có nguyên khí.

15. We cling to that which is densely material, forgetting that it has no real *form* at all, and no real or lasting value. It is but a means to an end.

15. Chúng ta bám chặt vào điều thuộc vật chất đậm đặc, quên rằng nó thực ra hoàn toàn không có *hình tướng* thật sự nào, và cũng không có giá trị thật sự hay lâu bền. Nó chỉ là một phương tiện để đạt đến cứu cánh.

Second, that the "true form" or the force-vehicle energises and produces the cohesion of that which is unorganised.

Thứ hai, rằng "hình tướng chân thực" hay vận cụ-mãnh lực tiếp sinh lực và tạo ra sự cố kết của điều không được tổ chức.

16. Principles produce their own form of cohesion. That which is unprincipled has no form of its own.

16. Các nguyên khí tạo ra hình thức cố kết riêng của chúng. Điều không có nguyên khí thì không có hình thức riêng của nó.

17. In this respect, form production *at its lowest level* demonstrates on the systemic etheric plane.

17. Về phương diện này, sự tạo tác hình tướng *ở cấp thấp nhất của nó* biểu lộ trên cõi dĩ thái của hệ thống.

Third, that the "volatile essence," or the **spiritual essential Life**, focuses itself in some one point within the "true form."[10] [Page 1062]

Thứ ba, rằng "tinh chất linh động", hay **Sự sống cốt yếu tinh thần**, tự tập trung vào một điểm nào đó bên trong "hình tướng chân thực".10 [Trang 1062]

18. The volatile essence is the Monad itself—or, shall we say, that part or emanation of the Monad which has descended into the five lower worlds.

19. The monadic vehicle per se should not be included when seeking to understand the essential nature of the volatile essence. It is pure being itself.

Footnote 10:

Form: "The model according to which nature does its external work.—S. D., II, 107; see S. D., I, 619.

20. This has been called in scientific terminology, the "morphogenic field". "Morpho" suggests "form", and "genic" suggests 'the generation of'. In the morphogenic field we have the form-producing field.

1. Divine ideation passes from the abstract to the concrete or visible form.

21. Divine ideas take their origin (as far as man is concerned) within the cosmic ethers. Their true origin is really much higher—the cosmic mental plane and on still higher planes. It is utterly impossible for man to determine the origin of Ideas. Ultimately they would have to be traced to Divine Cosmic Ideation on the very highest possible planes of cosmos or 'BEYOND'.

a. The objective is an emanation of the subjective.—S. D., I, 407.

18. Tinh chất linh động chính là chân thần—hay, chúng ta hãy nói rằng, phần hay sự phát xạ của chân thần đã giáng xuống năm cõi thấp hơns.

19. Chính vận cụ chân thần không nên được bao gồm khi tìm cách thấu hiểu bản chất cốt yếu của tinh chất linh động. Nó là bản thể thuần túy.

Chú thích 10:

Hình tướng: "mô hình theo đó bản chất thực hiện công việc bên ngoài của mình.—S. D., II, 107; xem S. D., I, 619.

20. Trong thuật ngữ khoa học, điều này đã được gọi là "trường hình thái sinh thành". "Morpho" gợi ý "hình tướng", và "genic" gợi ý "sự phát sinh". Trong trường hình thái sinh thành, chúng ta có trường tạo hình tướng.

1. Ý niệm thiêng liêng đi từ trừu tượng đến hình tướng cụ thể hay khả kiến.

21. Các ý tưởng thiêng liêng phát sinh (xét theo con người) bên trong các dĩ thái vũ trụ. Nguồn gốc thật sự của chúng thực ra còn cao hơn nhiều—cõi trí vũ trụ và những cõi còn cao hơn nữa. Con người hoàn toàn không thể xác định được nguồn gốc của các Ý Tưởng. Rốt cuộc, chúng phải được truy nguyên về Ý niệm Vũ trụ Thiêng liêng trên những cõi cao nhất có thể có của vũ trụ hay "VƯỢT NGOÀI".

a. Cái khách quan là một phát xạ của cái chủ quan.—S. D., I, 407.

22. Mọi nhà huyền bí học chân chính đều biết điều này. Điều gì là khách quan đối với y

22. This, every true occultist knows. That which is objective to him is always an effect of something still more subjective.

luôn luôn là kết quả của một điều còn chủ quan hơn nữa.

b. Impulse is Spirit energy causing objectivity.—S. D., I, 349, 683.

b. Xung lực là năng lượng tinh thần gây ra tính khách quan.—S. D., I, 349, 683.

23. We are not speaking of lower impulses to which all human beings are subject. We are speaking of "*spiritual* impulse" again emanating (as far as man can determine) from within the cosmic ethers.

23. Chúng ta không nói về các xung lực thấp mà mọi con người đều phải chịu. Chúng ta đang nói về "xung lực *tinh thần*" lại một lần nữa phát ra (theo mức con người có thể xác định) từ bên trong các dĩ thái vũ trụ.

b. The Logos renders objective a concealed thought.—S. D., II, 28.

b. Thượng đế biểu hiện khách quan một tư tưởng ẩn kín.—S. D., II, 28.

c.

c.

24. Here is a beautiful idea. We do not know what lies hidden in the "Mind of God" but we do know that the deepest purposes and intentions are certainly hidden to man. Think of the first Purpose of Sanat Kumara!

24. Đây là một ý tưởng đẹp đẽ. Chúng ta không biết điều gì ẩn kín trong "Trí của Thượng đế", nhưng chúng ta biết rằng những mục đích và ý định sâu xa nhất chắc chắn bị che giấu đối với con người. Hãy nghĩ đến Mục Đích đầu tiên của Đức Sanat Kumara!

a. The unknown, unseen and unheard purpose of Sanat Kumara. It is the secret of life itself and is known only to Him alone. In its initial phase of this new expression, it works through the Manu and the Master Morya; it is that which veils the central mystery which all esoteric schools—if true to their inaugurating impulse—will eventually reveal. What that is we do not yet know, but it is hinted at in Rule XIII. (R&I 241)

a. Mục đích vô tri, vô hình và vô thanh của Đức Sanat Kumara. Đó là bí mật của chính sự sống và chỉ một mình Ngài biết mà thôi. Trong giai đoạn khởi đầu của biểu hiện mới này, nó hoạt động qua Đức Manu và Chân sư Morya; đó là điều che phủ huyền nhiệm trung tâm mà mọi trường phái huyền bí học —nếu trung thành với xung lực khai sáng của mình—cuối cùng sẽ mặc khải. Điều đó là gì thì chúng ta chưa biết, nhưng được ám chỉ trong Quy luật XIII. (R&I 241)

2. Three things required before any form of energy can become objective:—S. D., I, 89.

2. Có ba điều cần có trước khi bất kỳ dạng năng lượng nào có thể trở nên khách quan:—S. D., I, 89.

1. Privation Separation Initial impulse. Energy. Will.

25. These four all pertain to the first divine aspect.

26. Privation suggests the absence of any impurity or encumbrance. Privation represents complete abstraction of cause from effect.

2. Form Quality or shape Nature. Love.

27. These four all pertain to the second aspect of divinity.

3. Matter Objective sphere Intelligent activity.

28. These all pertain to the third aspect of divinity.

See S. D., III, 561.

3. Life precedes form.—S. D., I, 242.

29. Yet certain strictly physical psychologists think that mind is a by-product of chemical reactions within the brain!

a. The Thinker ever remains.—S. D., II, 28.

30. In this case, the true Thinker is the Monad—certainly not an abstract or passive spirit.

1. Sự tước bỏ. Sự phân ly. Xung lực ban đầu. Năng lượng. Ý chí.

25. Bốn điều này đều thuộc về phương diện thiêng liêng thứ nhấtt.

26. Sự tước bỏ gợi ý sự vắng mặt của mọi ô nhiễm hay cản ngại. Sự tước bỏ biểu thị sự trừu xuất hoàn toàn nguyên nhân khỏi kết quả.

2. Hình tướng. Phẩm tính hay hình dạng. Bản chất. Bác ái.

27. Bốn điều này đều thuộc về phương diện thứ hai của thiên tính.

3. Vật chất. Khối cầu khách quan. Hoạt động thông tuệ.

28. Tất cả những điều này đều thuộc về phương diện thứ ba của thiên tính.

Xem S. D., III, 561.

3. Sự sống đi trước hình tướng.—S. D., I, 242.

29. Thế nhưng một số nhà tâm lý học thuần hồng trần lại cho rằng trí tuệ là sản phẩm phụ của các phản ứng hóa học trong bộ não!

a. Đấng Tư Tưởng vẫn luôn tồn tại.—S. D., II, 28.

30. Trong trường hợp này, Đấng Tư Tưởng chân thực là chân thần—chắc chắn không phải một tinh thần trừu tượng hay thụ động.

a. **Force of life is the transformation into energy of the thought of the Logos**.—See S. D., III, 179.

31. This is a more abstract statement. In this instance, "energy" represents a lower form of expression than logoic "thought".

32. We are speaking of the energizing of logoic thought so that it can be manifested.

33. We understand from this statement that *thought* is *energy.*

4. Spirit evolves through form and out of form.—S. D., I, 680.

34. Spirit does not allow itself to remain forever free of form. Spirit descends through form. Form is its tool, even though it is Spirit's intention to return to its own "high place" enriched by the gifts conferred by form experience.

a. Spirit has to acquire full self-consciousness.—S. D., I, 215

35. This is an enigmatic statement. Full Self-consciousness exists on the highest planes, yet Spirit has deliberately incapacitated itself in its 'Self-attenuating descent'. It is the attenuated emanation of true Spirit which must acquire full S/self-consciousness—again!—only to realize that it has always had full Self-consciousness.

a. **Mãnh lực sự sống là sự chuyển đổi thành năng lượng của tư tưởng của Thượng đế**.—Xem S. D., III, 179.

31. Đây là một phát biểu trừu tượng hơn. Trong trường hợp này, "năng lượng" biểu thị một hình thức biểu lộ thấp hơn "tư tưởng" của Thượng đế.

32. Chúng ta đang nói về việc tiếp sinh lực cho tư tưởng của Thượng đế để nó có thể được biểu hiện.

33. Từ phát biểu này, chúng ta hiểu rằng *tư tưởng* là *năng lượng.*

4. Tinh thần tiến hoá qua hình tướng và ra khỏi hình tướng.—S. D., I, 680.

34. Tinh thần không để mình mãi mãi tự do khỏi hình tướng. Tinh thần giáng xuống qua hình tướng. Hình tướng là công cụ của nó, dù ý định của Tinh thần là trở về "chốn cao" của chính nó, được làm phong phú bởi những quà tặng do kinh nghiệm trong hình tướng ban cho.

a. Tinh thần phải đạt được ngã thức trọn vẹn.—S. D., I, 215

35. Đây là một phát biểu bí ẩn. Ngã thức trọn vẹn hiện hữu trên các cõi cao nhất, thế nhưng Tinh thần đã cố ý làm suy giảm chính nó trong "sự giáng xuống tự làm mỏng đi". Chính sự phát xạ đã bị làm mỏng của Tinh thần chân thực phải đạt được ngã thức/Self-consciousness trọn vẹn—một lần nữa!—chỉ để nhận ra rằng nó luôn luôn đã có ngã thức trọn vẹn.

b. Form imprisons Spirit.—S. D., II, 775.

36. And Spirit will not tolerate this. This imprisonment—really a form of *Self*-imprisonment, is the root of "divine discontent". There is none other than Spirit, itself, to cause this imprisonment.

37. This is an interesting term because it shows the Will of Spirit to be rid of all "content"—i.e., of anything other than itself!

c. The principle of limitation is form.—S. D., III, 561.

38. Matter, per se, is not the principle of limitation. Matter, in its pure essence, is as *formless* as Spirit. (We should ponder this.) But here we are speaking of Mulaprakriti before Fohat has caused its subdivision.

39. Within our spheres of activity, Saturn, the 'planet of limitation' is also the 'planet of form'.

d. Spirit informs all sheaths.—S. D., I, 669, note.

40. There is nothing that is "Spiritless". This is also true of soul—there is nothing that is "Soul-less"—even "lost souls" have, ultimately, *soul* if by soul we mean consciousness. Some form of consciousness is always present even in the lowest state of existence.

b. Hình tướng giam cầm Tinh thần.—S. D., II, 775.

36. Và Tinh thần sẽ không dung chịu điều này. Sự giam cầm này—thực ra là một hình thức tự *Ngã*-giam cầm—là cội rễ của "sự bất mãn thiêng liêng". Không có gì khác ngoài chính Tinh thần gây ra sự giam cầm này.

37. Đây là một thuật ngữ thú vị vì nó cho thấy Ý Chí của Tinh thần muốn thoát khỏi mọi "nội dung"—nghĩa là khỏi bất cứ điều gì khác ngoài chính nó!

c. Nguyên khí của sự giới hạn là hình tướng. —S. D., III, 561.

38. Vật chất, chính nó, không phải là nguyên khí của sự giới hạn. Vật chất, trong tinh chất thuần túy của nó, cũng *vô tướng* như Tinh thần. (Chúng ta nên suy ngẫm điều này.) Nhưng ở đây chúng ta đang nói về Mulaprakriti trước khi Fohat gây ra sự phân chia của nó.

39. Trong các khối cầu hoạt động của chúng ta, Sao Thổ, "hành tinh của sự giới hạn", cũng là "hành tinh của hình tướng".

d. Tinh thần thấm nhuần mọi vỏ bọc.—S. D., I, 669, chú thích.

40. Không có gì là "không có Tinh thần". Điều này cũng đúng với linh hồn—không có gì là "không có linh hồn"—ngay cả "những linh hồn lạc mất" rốt cuộc cũng có *linh hồn* nếu bởi linh hồn chúng ta muốn nói là tâm thức. Một dạng tâm thức nào đó luôn luôn hiện diện ngay cả trong trạng thái tồn tại thấp nhất.

b. Spirit passes through the cycle of Being.—S. D., I, 160.

41. And Spirit determines this cycle. Ultimately, it is the One and Ultimate *Spirit* which determines all cycles through which emanated aspects of itself pass.

5. The devas are the origin of form.—S. D., I, 488.

42. Is Mulaprakriti, then, the greatest or all Devas?

They exist in two great groups:

a. The Ahhi are the vehicle of divine thought.—S. D., I, 70.

43. The Ah-hi operate minimally within the cosmic ethers.

44. There are probably Ah-hi which are operative within the super-cosmic ethers—the cosmic buddhic, atmic, monadic and logoic planes.

45. Are the Ah-hi, the "Sounders of the Word"?

b. The Army of the Voice.—S. D., I, 124.

46. These beings are closer to physicality. Their highest representatives are found upon the higher reaches of the cosmic physical plane. There is a higher and a lower Army of the Voice.

They are the sum-total of the substance of the four higher planes and of the three lower.

b. Tinh thần đi qua chu kỳ của Bản Thể.—S. D., I, 160.

41. Và Tinh thần quyết định chu kỳ này. Rốt cuộc, chính *Tinh thần* Duy Nhất và Tối Hậu quyết định mọi chu kỳ mà các phương diện phát xạ của chính nó đi qua.

5. Các thiên thần là nguồn gốc của hình tướng.—S. D., I, 488.

42. Vậy thì Mulaprakriti có phải là vĩ đại nhất trong mọi Devas không?

Họ hiện hữu trong hai nhóm lớn:

a. Ahhi là vận cụ của tư tưởng thiêng liêng.—S. D., I, 70.

43. Ah-hi hoạt động tối thiểu trong các dĩ thái vũ trụ.

44. Có lẽ có những Ah-hi hoạt động trong các dĩ thái siêu vũ trụ—các cõi Bồ đề, atma, chân thần và logoic vũ trụ.

45. Phải chăng Ah-hi là những "Đấng Xướng Linh từ"?

b. Đạo Quân của Âm Thanh.—S. D., I, 124.

46. Các hữu thể này gần với tính hồng trần hơn. Những đại diện cao nhất của họ được tìm thấy trên các tầng cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ. Có một Đạo Quân của Âm Thanh cao hơn và một thấp hơn.

Họ là tổng thể của chất liệu của bốn cõi cao hơn và của ba cõi thấp hơn.

47. This is an *expanded definition* of the Army of the Voice. DK specifies, that they are active only upon the systemic and cosmic etheric planes (excluding for the most part, the logoic plane, whereon they are latent). He seems to omit the systemic astral and mental planes—though I believe He leaves room for some of their activity on those levels.

47. Đây là một *định nghĩa mở rộng* về Đạo Quân của Âm Thanh. Chân sư DK xác định rằng họ chỉ hoạt động trên các cõi dĩ thái của hệ thống và vũ trụ (phần lớn loại trừ cõi logoic, nơi họ ở trạng thái tiềm ẩn). Dường như Ngài bỏ qua các cõi cảm dục và trí của hệ thống—dù tôi tin rằng Ngài vẫn để chỗ cho một phần hoạt động của họ trên các cấp đó.

These particular devas in "their serried ranks" are the directive agents of the divine energy which implements the purposes of Deity upon the physical plane. **They work only on etheric levels—either upon our** [systemic **physical plane or on the cosmic etheric levels. They are therefore active in the realm of maya, which is the etheric plane as we usually understand it, or upon the planes of the Spiritual Triad.** They are not active on the three gross physical levels or upon the astral or mental planes, nor are they active upon the highest or logoic plane. **There they are implicit or latent but not active.** They are the great "impulsive factors" in manifestation, organising substance, directing the multiplicity of lives and beings who constitute the forms through which God expresses divinity. **In a peculiar sense, they are the embodiment of the divine purpose upon the planes of the Monad and of the Triad,** just as the aggregate of energies in man's etheric body is the result of his inner direction and the cause of his outer manifestation. To understand more fully the function of the deva forces, a man must arrive at some understanding of the forces in his etheric body which, in their turn, are the consequence of his point of attainment—an attainment demonstrated by his astral (emotional) and mental natures and activities. These indicate his point of development. (R&I 179)

Những thiên thần đặc biệt này trong "hàng ngũ dày đặc" của họ là các tác nhân chỉ đạo của năng lượng thiêng liêng, năng lượng thực thi các mục đích của Thượng đế trên cõi hồng trần. **Họ hoạt động chỉ trên các cấp dĩ thái—hoặc trên** [cõi hồng trần **của hệ thống chúng ta hoặc trên các cấp dĩ thái vũ trụ. Vì vậy họ hoạt động trong lĩnh vực của ảo lực, tức là cõi dĩ thái như chúng ta thường hiểu, hoặc trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần.** Họ không hoạt động trên ba cấp hồng trần thô nặng, cũng không trên các cõi cảm dục hay trí, và cũng không hoạt động trên cõi cao nhất hay cõi logoic. **Tại đó họ ở trạng thái hàm ẩn hay tiềm ẩn chứ không hoạt động.** Họ là những "nhân tố xung lực" lớn trong biểu hiện, tổ chức chất liệu, chỉ đạo vô số sự sống và hữu thể cấu thành các hình tướng qua đó Thượng đế biểu lộ thiên tính. **Theo một ý nghĩa đặc biệt, họ là hiện thân của mục đích thiêng liêng trên các cõi của chân thần và của Tam nguyên tinh thần,** cũng như tổng thể các năng lượng trong thể dĩ thái của con người là kết quả của sự chỉ đạo bên trong của y và là nguyên nhân của biểu hiện bên ngoài của y. Muốn thấu hiểu đầy đủ hơn chức năng của các mãnh lực thiên thần, con người phải đạt đến một mức thấu hiểu nào đó về các mãnh lực trong thể dĩ thái của mình; đến lượt chúng, các mãnh lực này là hệ quả của điểm thành tựu của y—một thành tựu được biểu lộ qua bản chất và hoạt động cảm dục (cảm xúc) và trí tuệ của

y. Những điều này cho thấy điểm phát triển của y. (R&I 179)

6. There is a form which combines all forms. —S. D., I, 77, 118.

6. Có một hình tướng kết hợp mọi hình tướng.—S. D., I, 77, 118.

48. Would this not be the form of the Universe?

48. Chẳng phải đó sẽ là hình tướng của Vũ trụ sao?

49. If we think only in terms of that which is the immediately macrocosm for man, that form will be the 'Solar Atom'.

49. Nếu chúng ta chỉ suy nghĩ theo những gì là đại thiên địa trực tiếp đối với con người, thì hình tướng ấy sẽ là "Nguyên tử Thái dương".

In studying the subject of radiatory activity, we are dealing with the effect produced by **the inner essence**

Khi nghiên cứu chủ đề hoạt động bức xạ, chúng ta đang đề cập đến hiệu quả do **tinh chất bên trong**

50. The volatile essence…

50. Tinh chất linh động…

as it makes its **presence** felt through the form, when the form has been brought to a stage of such refinement that it becomes possible.

tạo ra khi nó làm cho **sự hiện diện** của nó được cảm nhận qua hình tướng, khi hình tướng đã được đưa đến một giai đoạn tinh luyện đến mức điều đó trở nên khả hữu.

51. There will be no radioactivity unless the form is a refined form. Thus, *purification leads to radioactivity*. At this point in our studies, this seems obvious.

51. Sẽ không có tính phóng xạ trừ phi hình tướng là một hình tướng tinh luyện. Vì vậy, *sự thanh lọc dẫn đến tính phóng xạ*. Ở điểm này trong việc nghiên cứu của chúng ta, điều ấy có vẻ hiển nhiên.

When this realisation is applied to all the forms in all the kingdoms, it will be found possible to bridge the gaps existing between the different forms of life,

Khi sự chứng nghiệm này được áp dụng cho mọi hình tướng trong mọi giới, người ta sẽ thấy có thể bắt cầu những khoảng cách hiện hữu giữa các dạng sự sống khác nhau,

52. Radioactivity occurs in those forms within any kingdom which are on verge of entry into the next and highest kingdom.

52. Tính phóng xạ xuất hiện trong những hình tướng thuộc bất kỳ giới nào đang ở sát ngưỡng bước vào giới kế tiếp và cao hơn.

and the "elements" in every kingdom, and **those unifying radiating centres** will be found.

53. Unifying radiating centers are those centers which are responsible for the unification of kingdoms. They are the most advanced lives in any kingdom.

54. When dealing with the mineral kingdom we seem to know how to designate the "elements" but we shall have to designate them differently when dealing with kingdoms higher than the mineral.

The word "element" is yet confined to the basic substances in what is called essential matter, and the chemist and physicist are busy with such lives;

55. DK seeks to broaden our understanding of the term "element". Certainly the study of astrology has already done this.

but their correspondence (in the occult sense of the term) is to be found in every kingdom in nature,

56. We can see that the "elements" in progressively higher kingdoms are progressively more complex.

57. May we think of them as the essential building blocks of the forms found in every kingdom? In this case the least of the plants (bacteria? Viruses?) and the least of the animals (amoeba?) would be considered elemental to their particular kingdom. What of the least of the human beings?

và các "nguyên tố" trong mọi giới, cùng **những trung tâm bức xạ hợp nhất ấy** sẽ được tìm thấy.

53. Các trung tâm bức xạ hợp nhất là những trung tâm chịu trách nhiệm cho sự hợp nhất các giới. Chúng là những sự sống tiến bộ nhất trong bất kỳ giới nào.

54. Khi đề cập đến giới kim thạch, dường như chúng ta biết cách gọi tên các "nguyên tố", nhưng chúng ta sẽ phải gọi chúng theo cách khác khi đề cập đến các giới cao hơn giới kim thạch.

Từ "nguyên tố" hiện vẫn còn bị giới hạn vào các chất liệu cơ bản trong cái được gọi là vật chất cốt yếu, và nhà hóa học cùng nhà vật lý đang bận rộn với những sự sống như thế;

55. Chân sư DK tìm cách mở rộng sự thấu hiểu của chúng ta về thuật ngữ "nguyên tố". Chắc chắn việc nghiên cứu chiêm tinh học đã làm điều này rồi.

nhưng sự tương ứng của chúng (theo nghĩa huyền bí của thuật ngữ này) được tìm thấy trong mọi giới trong thiên nhiên,

56. Chúng ta có thể thấy rằng các "nguyên tố" trong những giới ngày càng cao thì ngày càng phức tạp hơn.

57. Chúng ta có thể nghĩ về chúng như những khối xây dựng cốt yếu của các hình tướng được tìm thấy trong mọi giới chăng? Trong trường hợp này, loài thực vật thấp nhất (vi khuẩn? virus?) và loài động vật thấp nhất (amip?) sẽ được xem là có tính nguyên tố đối với giới riêng của chúng. Còn loài người thấp nhất thì sao?

and there are forms of life in the vegetable kingdom which are occultly regarded as "radioactive," **the eucalyptus tree being one such form**.

và có những dạng sự sống trong giới thực vật được xem một cách huyền bí là "phóng xạ", **cây bạch đàn là một dạng như thế**.

58. Perhaps the flammability of the eucalyptus and its powerful perfume are indications of its radioactive nature.

58. Có lẽ tính dễ cháy của cây bạch đàn và hương thơm mạnh của nó là những dấu hiệu về bản chất phóng xạ của nó.

There are forms of animal life equally at an analogous stage

Có những dạng sự sống động vật cũng ở một giai đoạn tương tự tương ứng

59. Are these the domesticated animals of the highest kind---the dog, horse, cat, and elephant?

59. Phải chăng đó là những loài vật đã được thuần hóa ở cấp cao nhất—chó, ngựa, mèo và voi?

60. These would be the "unifying radiating centres" of the animal kingdom.

60. Đây sẽ là những "trung tâm bức xạ hợp nhất" của giới động vật.

61. The eucalyptus would be one of the "unifying radiating centres" in the plant kingdom.

61. Cây bạch đàn sẽ là một trong những "trung tâm bức xạ hợp nhất" trong giới thực vật.

and the human unit (as it approaches "liberation") demonstrates a similar phenomenon.

và đơn vị nhân loại (khi tiến gần đến "giải thoát") biểu lộ một hiện tượng tương tự.

62. The radioactive human being is also to be considered a "unifying radiating center". Those who are passing through the first three initiations are, then, "unifying radiating centres". Arhats and Masters are already full members of the kingdom above the human kingdom—the Kingdom of Souls. As for Masters, They are "unifying radiating centres" in relation to the Kingdom of Planetary Lives, which begins with Chohanship.

62. Con người phóng xạ cũng phải được xem là một "trung tâm bức xạ hợp nhất". Vậy thì những ai đang đi qua ba lần điểm đạo đầu tiên là những "trung tâm bức xạ hợp nhất". Các A-la-hán và các Chân sư đã là thành viên trọn vẹn của giới ở trên giới nhân loại—Thiên Giới của các linh hồn. Còn đối với các Chân sư, Các Ngài là những "trung tâm bức xạ hợp nhất" trong tương quan với Giới của Các Sự Sống Hành tinh, giới này bắt đầu với địa vị Chohan.

63. But what specifically are the elements in any kingdom?

63. Nhưng cụ thể thì các nguyên tố trong bất kỳ giới nào là gì?

64. Might we find the simplest form of elemental life in any kingdom, and view the other forms within that kingdom as combinations of the most fundamental element? This is true of the chemical elements but will require must patient thought before we discover how it is true of the "elements" of the vegetable kingdom and the animal kingdom, and also the human kingdom. The matter is obscure to our usual trend of thought.

64. Liệu chúng ta có thể tìm ra dạng sự sống nguyên tố đơn giản nhất trong bất kỳ giới nào, và xem các dạng khác trong giới đó như những tổ hợp của nguyên tố căn bản nhất không? Điều này đúng với các nguyên tố hóa học, nhưng sẽ đòi hỏi suy nghĩ hết sức kiên nhẫn trước khi chúng ta khám phá được nó đúng như thế nào đối với các "nguyên tố" của giới thực vật, giới động vật, và cả giới nhân loại. Vấn đề này mờ tối đối với khuynh hướng tư duy thông thường của chúng ta.

Again, as a planetary scheme nears its consummation, **it becomes "radioactive," and through radiation transfers its essence to another "absorbent planet," or planets**, as is the case with a solar system also.

Một lần nữa, khi một hệ hành tinh tiến gần đến sự viên mãn của nó, **nó trở nên "phóng xạ", và qua bức xạ chuyển dịch tinh chất của nó sang một "hành tinh hấp thụ", hay các hành tinh**, như cũng xảy ra với một hệ mặt trời.

65. Radioactivity precedes synthesis. Is Venus already radioactive? It is approaching synthetic absorption into its destined synthesizing planet—Neptune?

65. Tính phóng xạ đi trước sự tổng hợp. Phải chăng Sao Kim đã có tính phóng xạ? Nó đang tiến gần đến sự hấp thụ tổng hợp vào hành tinh tổng hợp đã được định sẵn của nó—Sao Hải Vương?

66. Something very subtle is here stated—that a planet may be absorbed *by more than one planet.* This will offer us an entirely new line of thought.

66. Ở đây có một điều rất vi tế được phát biểu—rằng một hành tinh có thể bị hấp thụ *bởi nhiều hơn một hành tinh.* Điều này sẽ mở ra cho chúng ta một đường suy nghĩ hoàn toàn mới.

67. Would this absorption occur sequentially or simultaneously? Another important consideration.

67. Sự hấp thụ này sẽ xảy ra tuần tự hay đồng thời? Một điểm cân nhắc quan trọng khác.

68. I have speculated upon this earlier. If for instance, if the radioactive essence of the Earth were to be absorbed into Venus, could it eventually be transferred to Saturn even though Venus is destined to be absorbed by Neptune?

68. Tôi đã suy đoán về điều này trước đây. Chẳng hạn, nếu tinh chất phóng xạ của Trái Đất được hấp thụ vào Sao Kim, liệu cuối cùng nó có thể được chuyển sang Sao Thổ dù Sao Kim được định sẵn sẽ bị hấp thụ vào Sao Hải Vương không?

69. Or if Earth is destined to be absorbed by Saturn, will its essence eventually be transferred to Uranus when Saturn is absorbed by Uranus?

69. Hoặc nếu Trái Đất được định sẵn sẽ bị hấp thụ vào Sao Thổ, liệu tinh chất của nó cuối cùng có được chuyển sang Sao Thiên Vương khi Sao Thổ bị hấp thụ vào Sao Thiên Vương không?

70. Or could Venus and Mercury both be absorbed by Saturn first (as indicated by the configuration on TCF 373) eventually, then, to be absorbed by Neptune and Uranus respectively?

70. Hoặc liệu cả Sao Kim và Sao Thủy trước hết đều có thể bị hấp thụ vào Sao Thổ (như được chỉ ra bởi cấu hình trong TCF 373) rồi cuối cùng lần lượt bị hấp thụ vào Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương chăng?

71. Many are the mysteries.

71. Có biết bao huyền nhiệm.

Its essence, or true Life, is absorbed by a receiving constellation, and the outer "case" returns to its original unorganised condition.

Tinh chất của nó, hay Sự sống chân thực của nó, được hấp thụ bởi một chòm sao tiếp nhận, và "vỏ bọc" bên ngoài trở về trạng thái không được tổ chức nguyên thủy của nó.

72. This is so vitally important. Only the essence of any unit is received by the greater unit which acts to it as a synthesizer.

72. Điều này vô cùng quan trọng. Chỉ tinh chất của bất kỳ đơn vị nào mới được đơn vị lớn hơn tiếp nhận, đơn vị này đóng vai trò là kẻ tổng hợp đối với nó.

73. But what does that essence include? All principled substance? Perhaps?

73. Nhưng tinh chất ấy bao gồm những gì? Toàn bộ chất liệu có nguyên khí chăng? Có lẽ vậy?

74. Certainly the outer "case" or dense physical plane returns to its material and hence unorganized state.

74. Chắc chắn "vỏ bọc" bên ngoài hay cõi hồng trần đậm đặc trở về trạng thái vật chất và do đó không được tổ chức của nó.

S8-12 Preamble

Dear Fellow Students of *A Treatise on Cosmic Fire*,

Kính gửi các đạo sinh đồng môn của *Luận về Lửa Vũ Trụ*,

It is the New Moon in Taurus and I am writing you from Mesa Arizona, where we are holding the 23rd annual Conference of

Hiện là kỳ Trăng Non trong Kim Ngưu và tôi đang viết cho các bạn từ Mesa, Arizona, nơi chúng tôi đang tổ chức Hội nghị thường niên

the University of the Seven Rays and Seven Ray Institute. We will be thinking of you as a group standing in support of the deepening and spread of the Ageless Wisdom.

lần thứ 23rd của University of the Seven Rays và Seven Ray Institute. Chúng tôi sẽ nghĩ đến các bạn như một nhóm đang đứng nâng đỡ cho sự đào sâu và lan rộng của Minh Triết Ngàn Đời.

In the Commentary for this period, Semester 8 Section 6 Part I.2, we are studying the last three Rules of Magic for the mental plane.

Trong phần Bình luận cho giai đoạn này, Học kỳ 8 Phần 6 Mục I.2, chúng ta đang nghiên cứu ba Quy luật Huyền thuật cuối cùng dành cho cõi trí.

We are presented with some fascinating material concerning the use of the will as the magician "drives his thoughtform from him". Certain petals in the egoic lotus (will petals) are involved in this process, but DK does not specify which one or ones.

Chúng ta được trình bày một số tài liệu rất hấp dẫn liên quan đến việc sử dụng ý chí khi nhà huyền thuật "đẩy hình tư tưởng của mình ra khỏi mình". Một số cánh hoa trong hoa sen chân ngã (các cánh hoa ý chí) có liên quan đến tiến trình này, nhưng Chân sư DK không nêu rõ là cánh nào hay những cánh nào.

The role of the Ego (egoic will) in the magical process is emphasized. Without the propulsive will of the Ego the white magical process would never occur.

Vai trò của Chân ngã (ý chí chân ngã) trong tiến trình huyền thuật được nhấn mạnh. Nếu không có ý chí thúc đẩy của Chân ngã, tiến trình huyền thuật chánh đạo sẽ không bao giờ xảy ra.

The process of "driving the thoughtform from him" does not constitute its release onto the dense physical plane. In fact, the next phase of the thoughtform's mission is to enter the astral plane and take to itself matter of that plane. (Matter of the astral plane definitely exists, even though from a certain perspective, we have been thought to consider the astral plane as non-existent.)

Tiến trình "đẩy hình tư tưởng ra khỏi mình" không cấu thành việc giải phóng nó lên cõi hồng trần đậm đặc. Thực ra, giai đoạn kế tiếp trong sứ mạng của hình tư tưởng là đi vào cõi cảm dục và thu hút về mình vật chất của cõi ấy. (Vật chất của cõi cảm dục chắc chắn hiện hữu, dù từ một góc nhìn nào đó, chúng ta đã được dạy xem cõi cảm dục như không hiện hữu.)

DK discusses the reasons why so many magicians fail in their task of driving the thoughtform from them, adding that their failure is fortunate. The modern magician lacks the knowledge of the words or sounds which will make this possible—though under certain circumstance the words or sounds can be recovered from the soul

Chân sư DK bàn đến những lý do vì sao rất nhiều nhà huyền thuật thất bại trong nhiệm vụ đẩy hình tư tưởng ra khỏi họ, và thêm rằng sự thất bại của họ là điều may mắn. Nhà huyền thuật hiện đại thiếu tri thức về những từ ngữ hay âm thanh sẽ làm cho điều này trở nên khả hữu—dù trong một số hoàn cảnh nhất định, các từ ngữ hay âm thanh ấy

(under intensity of feeling) or are conferred to the magician by those who know. Also without their knowledge or cooperation, thoughtforms created by unwary magicians can be utilized by members of the White Lodge and also the Black Lodge.

có thể được phục hồi từ linh hồn (dưới cường độ cảm xúc) hoặc được những người biết trao cho nhà huyền thuật. Ngoài ra, nếu không có tri thức hay sự hợp tác của họ, các hình tư tưởng do những nhà huyền thuật thiếu thận trọng tạo ra có thể bị các thành viên của Thánh đoàn và cả Hắc đoàn sử dụng.

We must conclude that only the power to meditate strongly and effectively will make it possible to take the first steps towards becoming true white magicians.

Chúng ta phải kết luận rằng chỉ quyền năng tham thiền mạnh mẽ và hữu hiệu mới làm cho việc thực hiện những bước đầu tiên hướng tới việc trở thành các nhà huyền thuật chánh đạo chân chính trở nên khả hữu.

The 'Age of the Magicians' is rapidly approaching, and thus we have to become very cognizant of the magical methods which are sanctioned by the Great White Lodge. Additionally, we have to prove ourselves to be trustworthy if we wish to have the ancient formulas communicated to us by a Member of the Great White Lodge. Our moral orientation has much to do with our trustworthiness. DK informs us of the prevailing selfishness of most human beings; hence, at this time, the ancient formulas are for the most part unavailable to them.

"Kỷ nguyên của các Nhà Huyền Thuật" đang nhanh chóng đến gần, và vì vậy chúng ta phải trở nên hết sức ý thức về những phương pháp huyền thuật được Thánh đoàn chuẩn thuận. Ngoài ra, chúng ta phải chứng tỏ mình là đáng tin cậy nếu muốn các công thức cổ xưa được một Thành viên của Thánh đoàn truyền đạt cho mình. Định hướng đạo đức của chúng ta có liên hệ rất nhiều với độ đáng tin cậy của chúng ta. Chân sư DK cho chúng ta biết về tính ích kỷ đang thịnh hành nơi phần lớn nhân loại; do đó, vào lúc này, các công thức cổ xưa phần lớn vẫn không thể tiếp cận đối với họ.

It is very interesting that the Solar Angel knows the words and sounds. When a man is under the influence of his Angel the formulas may come to him. But when not under the Solar Angel's influence, he cannot retrieve the formulas. This assures that the formulas will be correctly used.

Điều rất thú vị là Thái dương Thiên Thần biết các lời và các âm thanh. Khi một người ở dưới ảnh hưởng của Thiên Thần của y, các công thức có thể đến với y. Nhưng khi không ở dưới ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần, y không thể nhớ lại các công thức ấy. Điều này bảo đảm rằng các công thức sẽ được sử dụng một cách đúng đắn.

The Fifth Rule deals with the safety of the magician as he creates. The alliance of the heart, throat and eye are discussed. Safety is at least partially assured if the magician

Quy Luật thứ Năm bàn đến sự an toàn của nhà huyền thuật khi y sáng tạo. Sự liên minh của tim, cổ họng và mắt được bàn luận. Sự an toàn ít nhất cũng được bảo đảm phần nào

allows no perversion of the Solar Angel's original intent to enter his mind and heart. If the thoughtform is not properly released, it will return to the sender and will wreak havoc within his vehicles. The safeguarding of his desire nature is most important for the magician's safety. It largely determines the "condition of the waters" into which the mentally created thoughtform is sent.

nếu nhà huyền thuật không để cho bất kỳ sự xuyên tạc nào đối với ý định nguyên thủy của Thái dương Thiên Thần đi vào trí tuệ và tim của y. Nếu hình tư tưởng không được phóng thích đúng cách, nó sẽ quay trở lại người gửi và sẽ gây tàn phá trong các hiện thể của y. Việc bảo vệ bản chất dục vọng của y là điều quan trọng bậc nhất đối với sự an toàn của nhà huyền thuật. Điều này phần lớn quyết định "tình trạng của các dòng nước" mà vào đó hình tư tưởng được tạo ra bằng trí tuệ được gửi đi.

Students will find the Tibetan's commentary very rich. There are imparted many jewel's of occultism.

Các đạo sinh sẽ thấy phần bình luận của Chân sư Tây Tạng vô cùng phong phú. Nhiều châu ngọc của huyền bí học được truyền đạt trong đó.

The astral devas are considered the most dangerous with which the magician must deal. DK explains why this is the case. The Solar Angel's protection, available on the lower mental plane, is not to the same degree available on the astral plane. Hence the need for extreme caution!

Các thiên thần cảm dục được xem là nguy hiểm nhất mà nhà huyền thuật phải xử lý. Chân sư DK giải thích vì sao lại như vậy. Sự bảo hộ của Thái dương Thiên Thần, vốn có sẵn trên cõi hạ trí, không có sẵn ở cùng mức độ trên cõi cảm dục. Do đó cần phải hết sức thận trọng!

Protection for the magician working on the astral plane is imparted by one of the petals in the love tier of the egoic lotus. The petals are seen to be active in the magical process and not merely passive recipients of accumulated quality.

Sự bảo vệ dành cho nhà huyền thuật hoạt động trên cõi cảm dục được truyền đạt bởi một trong các cánh hoa thuộc tầng bác ái của Hoa Sen Chân Ngã. Các cánh hoa được thấy là hoạt động trong tiến trình huyền thuật chứ không chỉ đơn thuần là những kẻ tiếp nhận thụ động phẩm tính được tích lũy.

Another interesting subject to be dealt with is the transmutative effect of contemplation —both the contemplation of the Solar Angel and of the magician in deep meditation.

Một chủ đề thú vị khác cần được bàn đến là hiệu quả chuyển hoá của sự chiêm ngưỡng— cả sự chiêm ngưỡng Thái dương Thiên Thần lẫn sự chiêm ngưỡng của nhà huyền thuật trong tham thiền sâu.

Information relating the opening of the third eye to the opening of the sacrifice petals of the egoic lotus is given. This tells us that the opening of the third eye is not an

Thông tin liên hệ việc khai mở con mắt thứ ba với việc khai mở các cánh hoa hi sinh của Hoa Sen Chân Ngã được đưa ra. Điều này cho chúng ta biết rằng việc khai mở con mắt thứ

instantaneous happening, but may span many lives—for it takes many lives to fully open the sacrifice tier.

ba không phải là một biến cố tức thời, mà có thể kéo dài qua nhiều kiếp sống—vì cần nhiều kiếp sống để khai mở trọn vẹn tầng hi sinh.

Rule VI, the final Rule of the Mental Plane is also discussed briefly. These Rules are far more completely discussed in *A Treatise on White Magic*, a book which probably should be studied parallel to our present studies in *A Treatise on Cosmic Fire*.

Quy Luật VI, Quy Luật cuối cùng của Cõi Trí, cũng được bàn đến ngắn gọn. Các Quy Luật này được bàn luận đầy đủ hơn nhiều trong *Luận về Chánh Thuật*, một quyển sách có lẽ nên được nghiên cứu song song với việc học hiện nay của chúng ta về *Luận về Lửa Vũ Trụ*.

Rule VI deals with the disempowering of the personality in the magical process. The four personality elementals lose their master; the personality is no longer in control.

Quy Luật VI bàn đến việc làm mất quyền lực của phàm ngã trong tiến trình huyền thuật. Bốn hành khí của phàm ngã mất đi chủ nhân của chúng; phàm ngã không còn kiểm soát nữa.

Read very carefully, pondering deeply, what the Tibetan is saying. He is packing much essential occultism into just a few words. He is unfolding the practical occultism of the future.

Hãy đọc thật cẩn thận, suy ngẫm thật sâu điều Chân sư Tây Tạng đang nói. Ngài đang cô đọng rất nhiều huyền bí học cốt yếu chỉ trong vài lời. Ngài đang khai mở huyền bí học thực tiễn của tương lai.

In Light, Love and Power,

Trong Ánh Sáng, Tình Thương và Quyền Năng,

Michael

Michael

S8S12 Part I

(1063-1070)

(1063-1070)

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích duy trì tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

[Page 1063]

[Trang 1063]

Under our consideration of the law of radiation, we will first of all take up the topic of the cause of radiation.

Trong khi xem xét định luật bức xạ, trước hết chúng ta sẽ đề cập đến chủ đề nguyên nhân của bức xạ.

1. From the last commentary we remember that the Tibetan considered this among the most important of topics.

1. Từ phần bình luận trước, chúng ta nhớ rằng Chân sư Tây Tạng đã xem đây là một trong những chủ đề quan trọng nhất.

a. The Cause of Radiation. The student will only be able to get a true view of this matter if he views the subject in a large way. Two aspects of the matter naturally come before his mental vision,

a. Nguyên Nhân của Bức Xạ. Đạo sinh sẽ chỉ có thể có được một cái nhìn chân thực về vấn đề này nếu y nhìn chủ đề theo một cách rộng lớn. Hai phương diện của vấn đề tự nhiên hiện ra trước linh thị trí tuệ của y,

2. This is a type of vision which is framed by the mind and not merely by the imagination, which, essentially, is an astral activity.

2. Đây là một loại tầm nhìn được khuôn định bởi trí tuệ chứ không chỉ bởi sự tưởng tượng, vốn về bản chất là một hoạt động cảm dục.

both of which must be dealt with if any adequate concept of this subject is to be reached,—a subject which has engrossed philosophers, scientists and alchemists for hundreds of years consciously or unconsciously.

cả hai phương diện ấy đều phải được xử lý nếu muốn đạt đến một quan niệm đầy đủ nào đó về chủ đề này,—một chủ đề đã cuốn hút các triết gia, các nhà khoa học và các nhà luyện kim trong hàng trăm năm, một cách hữu thức hay vô thức.

3. The subject has probably not been framed in terms of "radiation" but has been of moment to different types of thinkers who are interested in the question of liberation.

3. Chủ đề này có lẽ đã không được khuôn định theo thuật ngữ "bức xạ", nhưng đã có tầm quan trọng đối với những loại tư tưởng gia khác nhau quan tâm đến vấn đề giải thoát.

We must, therefore, consider:

a. That which radiates.

4. This will be the nucleus of any atom.

b. That which is the subjective cause of radiation.

5. These will be higher energy which stimulates the nucleus.

6. A refined condition of the form will also be necessitated so that the higher stimulating energies can reach the nucleus which is to rendered radiatory.

It might be very briefly stated that when any form becomes radioactive, **certain conditions have been fulfilled** and certain results brought about, which conditions and results might be summed up as follows:

The radioactive form is **one which has run through its appointed cycles**,

7. These are necessitated, required cycles. They are determined by law.

through its wheel of life, great or small, which has been turned **with adequate frequency**,

8. There is no 'fast path' to bringing about the state of radiation.

9. On the human level, this is equivalent to saying that a sufficient number of incarnations must have been experienced

Do đó, chúng ta phải xem xét:

a. Điều phát ra bức xạ.

4. Đó sẽ là hạt nhân của bất kỳ nguyên tử nào.

b. Điều là nguyên nhân chủ quan của bức xạ.

5. Đó sẽ là năng lượng cao hơn kích thích hạt nhân.

6. Một tình trạng tinh luyện của hình tướng cũng sẽ là điều cần thiết để các năng lượng kích thích cao hơn có thể chạm tới hạt nhân vốn sẽ được làm cho có tính bức xạ.

Có thể được phát biểu rất ngắn gọn rằng khi bất kỳ hình tướng nào trở nên có tính phóng xạ, **một số điều kiện nhất định đã được hoàn tất** và một số kết quả nhất định đã được tạo ra; những điều kiện và kết quả ấy có thể được tóm lược như sau:

Hình tướng phóng xạ là **một hình tướng đã trải qua các chu kỳ được chỉ định của nó**,

7. Đó là những chu kỳ cần thiết, bắt buộc. Chúng được quyết định bởi định luật.

qua bánh xe sự sống của nó, lớn hay nhỏ, vốn đã được quay **với tần số thích đáng**,

8. Không có "con đường nhanh" nào để đưa đến trạng thái bức xạ.

9. Trên cấp độ con người, điều này tương đương với việc nói rằng phải trải qua một số lượng nhập thể đầy đủ qua sự quay của

through the turning of the "wheel of life" with adequate frequency, and, we might add, 'for a sufficient duration'.

"bánh xe sự sống" với tần số thích đáng, và chúng ta có thể thêm rằng, "trong một thời lượng đầy đủ".

so that the volatile life-essence is ready to escape from that form and merge itself in the greater form of which the lesser is but a part.

để cho tinh chất sự sống linh động sẵn sàng thoát ra khỏi hình tướng ấy và hòa nhập chính nó vào hình tướng lớn hơn mà hình tướng nhỏ hơn chỉ là một phần.

10. This is clear. The volatile essence escapes from its present ring-pass-not which bounds its enclosing form which is but part of a larger form. The volatile essence will now take part in the life process of a greater life expressing through that greater form—a form which had included the lesser form from which the volatile essence had escaped.

10. Điều này rõ ràng. Tinh chất linh động thoát ra khỏi vòng-giới-hạn hiện tại của nó, vốn giới hạn hình tướng bao bọc nó mà hình tướng ấy chỉ là một phần của một hình tướng lớn hơn. Tinh chất linh động giờ đây sẽ tham gia vào tiến trình sự sống của một sự sống lớn hơn đang biểu lộ qua hình tướng lớn hơn ấy—một hình tướng đã bao gồm hình tướng nhỏ hơn mà từ đó tinh chất linh động đã thoát ra.

11. When this escape occurs it signifies liberation, however relative that liberation may be.

11. Khi sự thoát ra này xảy ra, nó biểu thị sự giải thoát, dù sự giải thoát ấy có tính tương đối đến đâu đi nữa.

12. The human being, for instance, escapes into the fifth kingdom of nature in such a way as to become a full member of that kingdom, instead of simply an 'applicant' to full membership in that kingdom, as had been the case up to the fourth initiation.

12. Chẳng hạn, con người thoát vào giới thứ năm của bản chất theo cách trở thành một thành viên trọn vẹn của giới ấy, thay vì chỉ đơn thuần là một "ứng viên" cho tư cách thành viên trọn vẹn trong giới ấy, như vẫn là trường hợp cho đến lần điểm đạo thứ tư.

13. For the human being at the fourth initiation, it is not the volatile essence *in utter purity* that escapes. The escaping essence is still encumbered by various identifications or veils, and will be encumbered until the final escape is made into the Universal Ring-Pass-Not. (We have no idea how many trillions of years into the future this final escape may be accomplished—*final* for this Universe only).

13. Đối với con người ở lần điểm đạo thứ tư, không phải là tinh chất linh động *trong sự tinh khiết tuyệt đối* thoát ra. Tinh chất thoát ra vẫn còn bị vướng mắc bởi nhiều sự đồng hoá hay các màn che khác nhau, và sẽ còn bị vướng mắc cho đến khi sự thoát ra cuối cùng được thực hiện vào trong vòng-giới-hạn Vũ Trụ. (Chúng ta không biết bao nhiêu ngàn tỉ năm trong tương lai thì sự thoát ra cuối cùng này mới có thể được hoàn thành—*cuối cùng* chỉ đối với Vũ Trụ này mà thôi).

It must be remembered in this connection that radiation occurs when the **etheric or true form** becomes responsive to certain types of force.

Cần nhớ trong mối liên hệ này rằng bức xạ xảy ra khi **thể dĩ thái hay hình tướng chân thực** trở nên đáp ứng với một số loại mãnh lực.

14. We must watch for the way that the etheric body is involved in inducing the process of radiation. There are, after all, many kinds of radiation taking place upon a number of planar levels.

14. Chúng ta phải theo dõi cách thể dĩ thái tham dự vào việc tạo ra tiến trình bức xạ. Rốt cuộc, có nhiều loại bức xạ đang diễn ra trên một số cấp độ cõi giới.

Radiation, as it is occultly understood, does not concern itself with the escape from the physical or dense form, but with that period in the life of any living entity (atomic, human or divine) **wherein the etheric or pranic body is in such a state that it can no longer limit or confine the indwelling life**.

Bức xạ, như được thấu hiểu một cách huyền bí, không liên quan đến sự thoát ra khỏi hình tướng hồng trần hay đậm đặc, mà liên quan đến giai đoạn trong đời sống của bất kỳ thực thể sống nào (nguyên tử, con người hay thiêng liêng) **trong đó thể dĩ thái hay thể prana ở trong một trạng thái đến mức nó không còn có thể giới hạn hay giam giữ sự sống ngự bên trong nữa**.

15. DK is speaking of a kind of escape from the etheric field.

15. Chân sư DK đang nói về một loại thoát ra khỏi trường dĩ thái.

16. We note that the etheric body is called the "pranic body"; it is the vehicle which receives prana, contains and circulates it and radiates it.

16. Chúng ta lưu ý rằng thể dĩ thái được gọi là "thể prana"; đó là vận cụ tiếp nhận prana, chứa đựng và lưu chuyển nó, rồi phát xạ nó.

17. We understand that the etheric body can act as an imprisoning field to the volatile essence and its consciousness and that when the field is "loosened" or sufficiently refined, it can no longer imprison this essence.

17. Chúng ta hiểu rằng thể dĩ thái có thể hoạt động như một trường giam giữ đối với tinh chất linh động và tâm thức của nó, và rằng khi trường ấy được "nới lỏng" hay được tinh luyện đầy đủ, nó không còn có thể giam giữ tinh chất này nữa.

18. We must also realize that the causal body is positioned on what might be called the etheric subplanes of the mental plane, and that, in a sense, the escape of the life centralized in the Jewel in the Lotus at the

18. Chúng ta cũng phải nhận ra rằng thể nguyên nhân được định vị trên cái có thể được gọi là các cõi phụ dĩ thái của cõi trí, và rằng, theo một nghĩa nào đó, sự thoát ra của sự sống được tập trung trong Ngọc Châu

fourth initiation, is an escape from the mental ethers.

trong Hoa Sen ở lần điểm đạo thứ tư là một sự thoát ra khỏi các dĩ thái trí tuệ.

Radiation comes about when the internal, self-sufficient life of any atom is **offset by a stronger urge**, or pull, **emanating from the enveloping greater existence of whose body it may form a part.**

Bức xạ xuất hiện khi sự sống nội tại, tự túc của bất kỳ nguyên tử nào **được hóa giải bởi một thúc đẩy mạnh hơn**, hay một lực hút, **phát ra từ sự hiện hữu lớn hơn bao bọc mà thể của nó nguyên tử ấy có thể tạo thành một phần.**

19. We see that radiation is induced by the effect of the "greater enveloping existence" upon the nucleus of the existence which is enveloped.

19. Chúng ta thấy rằng bức xạ được gây ra bởi hiệu quả của "sự hiện hữu bao bọc lớn hơn" lên hạt nhân của sự hiện hữu được bao bọc.

20. The third aspect which is the "internal, self-sufficient life" of the atom is overcome by a greater energy which promotes in the atom a more interactive relationship with the larger enveloping sphere. The atom's 'limiting integrity' is destroyed as its animating life escapes to find its place within the enveloping sphere.

20. Phương diện thứ ba, tức "sự sống nội tại, tự túc" của nguyên tử, bị vượt thắng bởi một năng lượng lớn hơn, năng lượng này thúc đẩy trong nguyên tử một mối liên hệ tương tác hơn với khối cầu bao bọc lớn hơn. "Tính toàn vẹn giới hạn" của nguyên tử bị phá hủy khi sự sống linh hoạt của nó thoát ra để tìm vị trí của mình bên trong khối cầu bao bọc ấy.

21. The first force (the "internal, self-sufficient life" seeks to maintain the established ring-pass-not and the second force attempts to destroy it in the interests of liberation and greater unification.

21. Mãnh lực thứ nhất ("sự sống nội tại, tự túc") tìm cách duy trì vòng-giới-hạn đã được thiết lập, còn mãnh lực thứ hai tìm cách phá hủy nó vì lợi ích của sự giải thoát và sự hợp nhất lớn hơn.

22. That which offsets the lower integrative tendencies has been characterized as a "pull". This means that the Law of Attraction is involved in engineering the response of the lesser, enveloped life to the greater enveloping Life. Life calls to life and form is destroyed.

22. Điều hóa giải các khuynh hướng tích hợp thấp hơn đã được mô tả như một "lực hút". Điều này có nghĩa là Định luật Hấp Dẫn có liên quan trong việc tạo ra sự đáp ứng của sự sống nhỏ hơn, được bao bọc, đối với Sự Sống lớn hơn đang bao bọc. Sự sống gọi đến sự sống và hình tướng bị phá hủy.

This is nevertheless only true when it is caused by the *pull upon the essential* [Page 1064] *life by the essential life of the greater form;*

Tuy nhiên, điều này chỉ đúng khi nó được gây ra bởi *lực hút tác động lên sự sống cốt yếu* [Trang 1064] *bởi sự sống cốt yếu của hình tướng lớn hơn;*

23. As stated above. Life calls to life; life answers Life. We are speaking of the interplay of essences.

24. Master DK has told us that, ultimately, magnetism is ruled by the first ray.

There is still another point upon which I would like to touch. Owing to the fact that the Law which governs the Hierarchy is the second systemic law, the Law of Attraction, students are apt to think that magnetism is a second ray quality. They are right in so far that all the systemic laws are expressions of the life of God through the medium, at this time, of the second ray, which makes our solar system a second ray system. All other laws and qualities (for a law from the divine angle is the motivating, qualified agent of the divine will, as understood in Shamballa) are related to the second ray as it manifests through our planetary Logos. **Nevertheless, magnetic action is more closely allied to first ray functioning than it is to the second ray, and is an aspect or quality of the Law of Synthesis.** It was this magnetic power of the first ray to which the Christ referred when He said "I, if I be lifted up (The Ascension Initiation. A.A.B.), will draw all men unto me." He faced then those initiations which would qualify Him to become what is esoterically called "a Shamballa recipient." There is, in magnetic action, more of the element of the will and of an expressing purpose. In explanation it might be said that the radiation of the Hierarchy, which is definitely second ray in nature, and which is projected as attractive radiation, is implemented by the magnetic aspect. This—as the Old Commentary puts it—is "a point of focussed fire, found in the centre of the jewel. [Page 376] It stirs to life the quality of love which permeates the Ashram of the Lord. Radiation then can

23. Như đã nói ở trên. Sự sống gọi đến sự sống; sự sống đáp ứng Sự Sống. Chúng ta đang nói về sự tương tác giữa các tinh chất.

24. Chân sư DK đã nói với chúng ta rằng, rốt cuộc, từ điện được cai quản bởi cung một.

Vẫn còn một điểm khác mà tôi muốn đề cập đến. Do sự kiện rằng Định luật cai quản Thánh Đoàn là định luật hệ thống thứ hai, Định luật Hấp Dẫn, nên các đạo sinh có khuynh hướng nghĩ rằng từ điện là một phẩm tính của cung hai. Họ đúng trong chừng mực mà tất cả các định luật hệ thống đều là những biểu hiện của sự sống của Thượng đế qua trung gian, vào lúc này, của cung hai, điều làm cho hệ mặt trời của chúng ta trở thành một hệ thống cung hai. Mọi định luật và phẩm tính khác (vì một định luật, nhìn từ góc độ thiêng liêng, là tác nhân có động lực, có phẩm tính của ý chí thiêng liêng, như được thấu hiểu trong Shamballa) đều liên hệ với cung hai khi nó biểu lộ qua Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. **Tuy nhiên, tác động từ tính liên kết mật thiết với hoạt động của cung một hơn là với cung hai, và là một phương diện hay phẩm tính của Định luật Tổng Hợp.** Chính quyền năng từ tính của cung một này mà Đức Christ đã nói đến khi Ngài phán: "Ta, nếu được nâng lên cao (Cuộc Điểm Đạo Thăng Thiên. A.A.B.), sẽ kéo mọi người đến cùng ta." Khi ấy Ngài đang đối diện những điểm đạo sẽ làm cho Ngài đủ tư cách để trở thành điều được gọi một cách huyền bí là "một vị tiếp nhận Shamballa." Trong tác động từ tính có nhiều hơn yếu tố của ý chí và của một mục đích đang biểu lộ. Để giải thích, có thể nói rằng bức xạ của Thánh Đoàn, vốn rõ rệt có bản chất cung hai, và được phóng chiếu như bức xạ hấp dẫn, được thực hiện nhờ phương diện từ tính. Điều này—như Cổ Luận nói—là "một điểm lửa tập trung, được tìm thấy ở trung tâm của ngọc châu. [Trang

penetrate to other centres and to other lives, and thus the Lord is served." It is this point of focussed dynamic will at the very heart of the Hierarchy which in reality implements the Plan. (R&I 375-376)

376] Nó khuấy động phẩm tính bác ái đang thấm nhuần ashram của Chúa Tể. Khi ấy bức xạ có thể xuyên thấu đến các trung tâm khác và các sự sống khác, và như thế Chúa Tể được phụng sự." Chính điểm ý chí năng động tập trung này ở ngay tim của Thánh Đoàn thật sự thực hiện Thiên Cơ. (R&I 375-376)

it is not due to the attractive power of the form aspect of that greater life.

nó không phải do quyền năng hấp dẫn của phương diện hình tướng của sự sống lớn hơn.

25. We have a very important statement here. The form of the greater Life, which enfolds the lesser life and its form, is not the attractive factor. It is the greater Life *itself* which calls to the lesser life expressing through the lesser form.

25. Ở đây chúng ta có một phát biểu rất quan trọng. Hình tướng của Sự Sống lớn hơn, vốn bao bọc sự sống nhỏ hơn và hình tướng của nó, không phải là yếu tố hấp dẫn. Chính Sự Sống lớn hơn *tự thân* gọi đến sự sống nhỏ hơn đang biểu lộ qua hình tướng nhỏ hơn.

26. And as well, it is not the form life of the enclosed unit on which the "pull" of the greater life is exerted.

26. Và cũng vậy, không phải là sự sống hình tướng của đơn vị bị bao kín mà "lực hút" của sự sống lớn hơn tác động.

A very definite distinction must here be made. It is the failure to recognise this that has led so many alchemical students and scientific investigators to lose their way, and thus negate the conclusions of years of study. **They confuse the impulse of the atom to respond to the vibratory magnetic pull of the more powerful and comprehensive form with the true esoteric attraction which alone produces "occult radiation,"**

Ở đây phải tạo ra một sự phân biệt rất rõ ràng. Chính sự thất bại trong việc nhận ra điều này đã khiến rất nhiều đạo sinh luyện kim và các nhà nghiên cứu khoa học lạc lối, và do đó phủ nhận các kết luận của nhiều năm nghiên cứu. **Họ nhầm lẫn xung lực của nguyên tử đáp ứng với lực hút từ tính rung động của hình tướng mạnh mẽ hơn và bao quát hơn với sự hấp dẫn huyền bí chân chính, vốn một mình tạo ra "bức xạ huyền bí,"**

27. DK differentiates between exoteric attraction (emanating from the form life of the greater, including Being) and "the true esoteric attraction"—the attraction of the

27. Chân sư DK phân biệt giữa sự hấp dẫn ngoại môn (phát ra từ sự sống hình tướng của Hữu Thể lớn hơn, bao gồm) và "sự hấp dẫn huyền bí chân chính"—sự hấp dẫn của

greater Life upon the lesser life. Like calls to like.

Sự Sống lớn hơn đối với sự sống nhỏ hơn. Cái giống gọi đến cái giống.

—**that of the central essential life of the form** in which the element under consideration may have place. It is very necessary to make this clear from the start.

—**đó là sự hấp dẫn của sự sống cốt yếu trung tâm của hình tướng** mà trong đó yếu tố đang được xem xét có thể có chỗ đứng. Điều rất cần thiết là phải làm rõ điều này ngay từ đầu.

28. We notice DK's use of the word "element". The lesser form is considered an "element" within a greater form. Certainly, it is a constituent within the greater form.

28. Chúng ta lưu ý cách Chân sư DK dùng từ "nguyên tố". Hình tướng nhỏ hơn được xem như một "nguyên tố" bên trong một hình tướng lớn hơn. Chắc chắn, nó là một thành phần cấu tạo bên trong hình tướng lớn hơn.

29. Thus, when achieving the fourth initiation, it is not the triadal vehicles or the monadic vehicle (for these do exist) which call to the life confined within the causal body, but the Monad itself—the greater Life. The greater energies of buddhi and atma which are expressions of the monadic Life may also be considered as aspect of the "pull" from essence to essence.

29. Như vậy, khi đạt đến lần điểm đạo thứ tư, không phải các hiện thể tam nguyên hay hiện thể chân thần (vì những hiện thể này quả có tồn tại) gọi đến sự sống bị giam trong thể nguyên nhân, mà là chính Chân thần—Sự Sống lớn hơn. Các năng lượng lớn hơn của Bồ đề và atma, vốn là những biểu hiện của sự sống chân thần, cũng có thể được xem như những phương diện của "lực hút" từ tinh chất đến tinh chất.

Perhaps the whole subject may be clearer if we consider it in the following way.

Có lẽ toàn bộ chủ đề sẽ rõ hơn nếu chúng ta xem xét nó theo cách sau.

The atom in a form revolves upon its own axis, follows its own revolution, and lives its own internal life. This concerns its primary awareness.

Nguyên tử trong một hình tướng quay trên trục của chính nó, theo cuộc tuần hoàn riêng của nó, và sống đời sống nội tại riêng của nó. Điều này liên quan đến ngã thức sơ cấp của nó.

30. The "primary awareness" of any unit of life is awareness of itself. This is the stage which in the human experience corresponds to individualism.

30. "Ngã thức sơ cấp" của bất kỳ đơn vị sự sống nào là ngã thức về chính nó. Đây là giai đoạn trong kinh nghiệm con người tương ứng với chủ nghĩa cá nhânm.

As time progresses it becomes magnetically aware of the attractive nature of that which envelops it on all

Khi thời gian trôi qua, nó trở nên có nhận biết từ tính về bản chất hấp dẫn của điều

sides, and becomes **conscious of the form which surrounds it.**

31. This is consciousness of the *form* which surrounds it, but not necessarily consciousness of the greater Life within the greater form.

This is its **secondary awareness** but it still concerns what we might, for lack of a better term, call matter.

32. Form is composed of matter.

33. The first type of awareness is awareness of its own ring-pass-not. The second type of awareness is awareness of the *form* of the greater, enfolding Life.

The atom, therefore, has an interplay with other atoms.

34. This is interplay with the other atoms comprising the greater form which surrounds the atom in question.

Later, the atom in a form becomes aware that it not only revolves upon its axis, but **that it also follows an orbit around a greater centre of force within a greater form**.

35. The atom can become aware of the other atoms to be found within the greater form encompassing it before it becomes aware that it is following an orbit around the major center of force within that greater form.

This is *tertiary* awareness, and **is caused by the magnetic pull of the greater centre being felt, thus causing an urge within the**

bao bọc nó từ mọi phía, và trở nên **hữu thức về hình tướng đang bao quanh nó.**

31. Đây là tâm thức về *hình tướng* bao quanh nó, nhưng không nhất thiết là tâm thức về Sự Sống lớn hơn bên trong hình tướng lớn hơn.

Đây là **ngã thức thứ cấp** của nó nhưng vẫn liên quan đến điều mà, vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn, chúng ta có thể gọi là vật chất.

32. Hình tướng được cấu tạo bằng vật chất.

33. Loại ngã thức thứ nhất là ngã thức về vòng-giới-hạn của chính nó. Loại ngã thức thứ hai là ngã thức về *hình tướng* của Sự Sống lớn hơn đang bao bọc.

Do đó, nguyên tử có sự tương tác với các nguyên tử khác.

34. Đây là sự tương tác với các nguyên tử khác cấu thành hình tướng lớn hơn đang bao quanh nguyên tử đang được xét.

Về sau, nguyên tử trong một hình tướng trở nên nhận biết rằng nó không chỉ quay trên trục của mình, mà còn **đi theo một quỹ đạo quanh một trung tâm mãnh lực lớn hơn bên trong một hình tướng lớn hơn**.

35. Nguyên tử có thể trở nên nhận biết các nguyên tử khác được tìm thấy bên trong hình tướng lớn hơn bao trùm nó trước khi nó nhận biết rằng mình đang đi theo một quỹ đạo quanh trung tâm mãnh lực chủ yếu bên trong hình tướng lớn hơn ấy.

Đây là ngã thức *thứ ba,* và **được gây ra bởi lực hút từ tính của trung tâm lớn hơn được cảm nhận, do đó gây ra một thúc đẩy bên**

atom which impels it to move within certain specific cycles.

trong nguyên tử khiến nó phải chuyển động trong những chu kỳ đặc thù nhất định.

36. Primary awareness is individual; secondary awareness is relational; tertiary awareness causes a yearning to follow a straight line towards a higher attractive center, but (due to cyclic restraints) results in spirals which achieve in a greater amount of time the same objective.

36. Ngã thức sơ cấp là cá biệt; ngã thức thứ cấp là tương quan; ngã thức thứ ba gây ra một khát vọng đi theo đường thẳng hướng đến một trung tâm hấp dẫn cao hơn, nhưng (do những hạn chế chu kỳ) lại tạo ra các đường xoắn ốc, vốn đạt được cùng mục tiêu ấy trong một khoảng thời gian dài hơn.

37. The cycles involved might be called 'cycles of evolutionary ascension'.

37. Các chu kỳ liên hệ có thể được gọi là "các chu kỳ thăng thượng tiến hoá".

38. In time, and symbolically, we could say that the attracted revolving unit spirals inward (metaphysically inward) towards the center of attraction. This culminates in absorption in the greater center.

38. Theo thời gian, và một cách biểu tượng, chúng ta có thể nói rằng đơn vị quay tròn bị hút ấy xoắn ốc vào bên trong (theo nghĩa siêu hình) hướng về trung tâm hấp dẫn. Điều này đạt cực điểm trong sự hấp thu vào trung tâm lớn hơn.

This awareness, esoterically understood, **concerns itself with substance or with the true form within the objective form**.

Ngã thức này, được thấu hiểu một cách huyền bí, **liên quan đến chất liệu hay hình tướng chân thực bên trong hình tướng khách quan**.

39. Tertiary awareness is concerned with "substance" which is different from matter in its objective state.

39. Ngã thức thứ ba liên quan đến "chất liệu", vốn khác với vật chất trong trạng thái khách quan của nó.

40. The movement is towards something more subtle than the form and its environing constituents contacted in secondary awareness. The movement is sequentially into a subtler form and towards the animating center of that subtler form.

40. Sự chuyển động hướng đến một điều gì tinh tế hơn hình tướng và các thành phần bao quanh nó được tiếp xúc trong ngã thức thứ cấp. Sự chuyển động tuần tự đi vào một hình tướng tinh tế hơn và hướng đến trung tâm phú linh của hình tướng tinh tế hơn ấy.

Finally, **the attractive pull of the greater centre becomes so powerful that the positive life within the atom** (whatever type of atom it may be and in whatever kingdom) **feels the force of the central**

Cuối cùng, **lực hút của trung tâm lớn hơn trở nên mạnh mẽ đến mức sự sống dương tính bên trong nguyên tử** (dù đó là loại nguyên tử nào và ở trong giới nào) **cảm nhận được mãnh lực của năng lượng trung tâm**

energy which holds it, [Page 1065] along with other atoms, coherently fulfilling their function.

đang giữ nó, [Trang 1065] cùng với các nguyên tử khác, kết dính và hoàn thành chức năng của chúng một cách mạch lạn.

41. This is the fourth stage of a four-stage process.

41. Đây là giai đoạn thứ tư của một tiến trình bốn giai đoạn.

42. This reminds one of the sixth Rule for White Magic: "The devas of the lower four feel the force when the eye opens. They are driven forth and lose their master."

42. Điều này gợi nhớ đến quy luật thứ sáu của Chánh Thuật: "Các thiên thần của bốn cõi thấp cảm nhận được mãnh lực khi con mắt mở ra; họ bị xua đuổi và đánh mất chủ nhân của mình."

43. On the human level, we might say that the disciple becomes aware of other disciples in the Ashram before becoming aware of the Master in the Ashram, and before 'revolving around that Master', until finally, the force of the Master is so great that the disciple breaks through the ring-pass-not of the ashramic periphery and is drawn progressively towards the Master.

43. Trên cấp độ con người, chúng ta có thể nói rằng đệ tử trở nên nhận biết các đệ tử khác trong ashram trước khi nhận biết Chân sư trong ashram, và trước khi "quay quanh Chân sư ấy", cho đến cuối cùng mãnh lực của Chân sư lớn đến mức đệ tử xuyên thủng chu vi vòng-giới-hạn của ashram và được kéo dần về phía Chân sư.

44. We might substitute the word "Monad" for Master when looking at the human being's initiatory process.

44. Chúng ta có thể thay từ "Chân sư" bằng từ "Chân thần" khi xem xét tiến trình điểm đạo của con người.

This energy penetrates through the ring-pass-not, evokes no response from what might be called the electronic or negative lives within the atomic periphery,

Năng lượng này xuyên thấu qua vòng-giới-hạn, không gợi lên sự đáp ứng nào từ những gì có thể được gọi là các sự sống điện tử hay âm tính trong chu vi nguyên tử,

45. These lesser lives have no more hold over the volatile essence in process of liberation. Such lesser lives used to 'contain' the volatile essence inhibiting its release. Now they are no longer sufficiently strong to do so.

45. Những sự sống nhỏ hơn này không còn nắm giữ được tinh chất linh động đang trong tiến trình giải thoát nữa. Những sự sống nhỏ hơn ấy trước đây từng "chứa đựng" tinh chất linh động, ngăn cản sự giải phóng của nó. Giờ đây chúng không còn đủ mạnh để làm như vậy nữa.

46. The greater energy enters and the electronic or negative lives do not 'know' it

46. Năng lượng lớn hơn đi vào và các sự sống điện tử hay âm tính không "biết" rằng nó đã

has entered. They are not aroused in resistance.

đi vào. Chúng không bị khơi dậy để chống cự.

47. If we analogize to the human atom, the elemental lives do not respond or resist when the greater energy enters. It is too high for them to recognize or resist. Or, these elemental lives have been sufficiently raised in their vibration to offer no resistance.

47. Nếu chúng ta áp dụng tương đồng với nguyên tử con người, các sự sống hành khí không đáp ứng hay chống cự khi năng lượng lớn hơn đi vào. Nó quá cao đối với chúng để chúng nhận ra hay chống cự. Hoặc là, các sự sống hành khí này đã được nâng cao đầy đủ về rung động nên không đưa ra sự chống cự nào.

48. If we analogize to man the social being, the forces of the fourth kingdom of nature (i.e., often the surrounding personnel—one's family, friends and, in general, the force of society) cannot detect the coming in of the greater force. They are no longer strong enough to prevent its influencing the sensitive human being. That human being is no longer attracted to the surrounding personnel and does not 'care' what they think. The transformative forces enter and the usual self-protective responses of socially conditioned people are not aroused and, if they were aroused, would be ineffective.

48. Nếu chúng ta áp dụng tương đồng với con người như một hữu thể xã hội, các mãnh lực của giới thứ tư của bản chất (tức thường là những người xung quanh—gia đình, bạn bè của một người và nói chung là mãnh lực của xã hội) không thể phát hiện sự đi vào của mãnh lực lớn hơn. Chúng không còn đủ mạnh để ngăn cản nó ảnh hưởng đến con người nhạy cảm ấy. Con người ấy không còn bị hấp dẫn bởi những người xung quanh và không còn "quan tâm" họ nghĩ gì. Các mãnh lực chuyển đổi đi vào và những đáp ứng tự bảo vệ thông thường của những người bị xã hội định hình không bị khơi dậy, và nếu có bị khơi dậy, chúng cũng sẽ không hiệu quả.

but does evoke a response from the essential, positive nucleus of the atom.

nhưng quả có gợi lên một sự đáp ứng từ hạt nhân cốt yếu, dương tính của nguyên tửm.

49. The greater energy reaches through, arousing to response the "positive nucleus of the atom". The lesser factors within the atom are penetrated and offer no resistance.

49. Năng lượng lớn hơn xuyên tới, khơi dậy sự đáp ứng nơi "hạt nhân dương tính của nguyên tử". Các yếu tố nhỏ hơn bên trong nguyên tử bị xuyên thấu và không đưa ra sự chống cự nào.

This is due to the fact that the essential life of any atom, its highest positive aspect, is ever of the same nature as that of the greater life which is drawing it to itself.

Điều này là do sự kiện rằng sự sống cốt yếu của bất kỳ nguyên tử nào, phương diện dương tính cao nhất của nó, luôn luôn có cùng bản chất với sự sống lớn hơn đang kéo nó về phía mình.

50. Like calls to like. Spirit is merging with Spirit.

50. Cái giống gọi đến cái giống. Tinh thần đang hòa nhập với Tinh thần.

51. We are speaking of intercourse between identical essences.

51. Chúng ta đang nói về sự giao tiếp giữa các tinh chất đồng nhất.

When this is felt sufficiently strongly, the atomic cycle is completed, the dense form is dispelled, the true form is dissipated,

Khi điều này được cảm nhận đủ mạnh, chu kỳ nguyên tử được hoàn tất, hình tướng đậm đặc bị làm tan biến, hình tướng chân thực bị làm tiêu tan,

52. By this DK means either the etheric form, or the causal form, or both. The etheric form is always a reflection of the egoic lotus.

52. Qua điều này Chân sư DK muốn nói hoặc là hình tướng dĩ thái, hoặc là hình tướng nguyên nhân, hoặc cả hai. Hình tướng dĩ thái luôn luôn là một phản ánh của Hoa Sen Chân Ngã.

53. In the human microcosm, the elemental lives are scattered and return to the reservoir which is designed to receive them. The devic lives of the higher mental plane and the solar angelic forces are scattered and return to their sources—in the case of the Solar Angels, the Heart of the Sun (and perhaps, in some instances, to the Central Spiritual Sun —the monadic Lire of the Solar Logos).

53. Trong tiểu thiên địa con người, các sự sống hành khí bị phân tán và trở về kho chứa được thiết kế để tiếp nhận chúng. Các sự sống thiên thần của Cõi thượng trí và các mãnh lực thiên thần thái dương bị phân tán và trở về các nguồn của chúng—trong trường hợp các Thái dương Thiên Thần, là Tim của Mặt Trời (và có lẽ, trong một số trường hợp, trở về Mặt trời Tinh thần Trung Ương—Lire chân thần của Thái dương Thượng đế).

54. In relation to the human being in society, he is ejected from the normal society which characterizes the fourth kingdom of nature, and instead is released into the “Society of Organized and Illumined Minds”. Normal personal and social forces are no longer strong enough to prevent the greater force from stimulating him in such a manner that he breaks fully into the fifth kingdom of nature.

54. Liên quan đến con người trong xã hội, y bị tống ra khỏi xã hội bình thường vốn đặc trưng cho giới thứ tư của tự nhiên, và thay vào đó được giải phóng vào “Xã Hội của Những Trí Tuệ Có Tổ Chức và Được Soi Sáng”. Các mãnh lực cá nhân và xã hội thông thường không còn đủ mạnh để ngăn cản mãnh lực lớn hơn kích thích y theo cách khiến y hoàn toàn đột nhập vào giới thứ năm của tự nhiên.

and the **central life escapes to find its greater magnetic focal point.**

và **sự sống trung tâm thoát ra để tìm điểm hội tụ từ tính lớn hơn của nó.**

55. The greater magnetic focal point is, as we have been told, that part of the greater enveloping atom which represents the life aspect or the first ray.

55. Như chúng ta đã được cho biết, điểm hội tụ từ tính lớn hơn ấy là phần của nguyên tử bao bọc lớn hơn, phần biểu hiện phương diện sự sống hay cung một.

56. Let us review the process:

56. Chúng ta hãy điểm lại tiến trình:

a. Phase one: individual rotary motion

a. Giai đoạn một: chuyển động quay cá biệt

b. Phase two: relational interplay with aspects of the enveloping form.

b. Giai đoạn hai: sự tương tác liên hệ với các phương diện của hình tướng bao bọc.

c. Phase three: discovery of the central Life of the enveloping form and spiralling revolution around that centralized aspect of the enveloping form through which the central Life most expresses.

c. Giai đoạn ba: khám phá Sự sống trung tâm của hình tướng bao bọc và cuộc cách mạng xoắn ốc quanh phương diện được tập trung hóa ấy của hình tướng bao bọc, qua đó Sự sống trung tâm biểu lộ nhiều nhất.

d. Phase four: reception of the influence of the central Life without resistance from the electronic life of the recipient's form. Evolutionary spiral-cyclic motion increases progressively.

d. Giai đoạn bốn: tiếp nhận ảnh hưởng của Sự sống trung tâm mà không có sự kháng cự từ sự sống điện tử của hình tướng nơi kẻ tiếp nhận. Chuyển động xoắn ốc–chu kỳ tiến hoá tăng dần từng bước.

e. Phase five: intensified radiation of the central nucleus of the enveloped form, until that nucleus (the "volatile essence" of the enveloped form) breaks through its own ring-pass-not and seeks ever-closer direct association with the greater Life of the enveloping form. This type of activity corresponds to the motion of "progress onwards".

e. Giai đoạn năm: sự bức xạ được tăng cường của hạt nhân trung tâm của hình tướng được bao bọc, cho đến khi hạt nhân ấy ("tinh chất dễ bay hơi" của hình tướng được bao bọc) xuyên thủng vòng-giới-hạn của chính nó và tìm kiếm sự kết hợp trực tiếp ngày càng gần hơn với Sự sống lớn hơn của hình tướng bao bọc. Loại hoạt động này tương ứng với chuyển động của "sự tiến bước về phía trước".

Through this process (which is found throughout the solar system in all its departments) **every atom in turn becomes an electron**.

Qua tiến trình này (được tìm thấy khắp hệ mặt trời trong mọi bộ phận của nó) **mọi nguyên tử lần lượt đều trở thành một điện tử**.

57. Nguyên tử, vốn là một sự sống lớn hơn đối với những đơn vị còn nhỏ hơn nữa, chỉ là

57. The atom, which is a greater life to still lesser units, is but an electron to the greater unit which contains it.

một điện tử đối với đơn vị lớn hơn chứa đựng nó.

58. As well, the liberated essence does not achieve immediate high status in the greater form into which it has been liberated. It takes up a tertiary place and fulfills a humble function.

58. Ngoài ra, tinh chất được giải phóng không đạt ngay địa vị cao trong hình tướng lớn hơn mà nó đã được giải phóng vào. Nó đảm nhận một vị trí bậc ba và hoàn thành một chức năng khiêm tốn.

The positive life of any atom in due course of evolution becomes negative to a greater life toward which it is impelled or drawn,

Sự sống dương của bất kỳ nguyên tử nào, theo đúng tiến trình tiến hoá, trở thành âm đối với một sự sống lớn hơn mà nó bị thúc đẩy hay bị hút về phía đó,

59. The liberated life "rises to the feet" of the greater Life into whose presence it has been liberated.

59. Sự sống được giải phóng "vươn lên dưới chân" của Sự sống lớn hơn mà nó đã được giải phóng vào sự hiện diện của Sự sống ấy.

60. A homely way of expressing this (and one that is well recognized by most human beings): the big fish in the little pond becomes the little fish in the big pond.

60. Một cách diễn đạt bình dị về điều này (và là điều được đa số con người nhận biết rõ): con cá lớn trong ao nhỏ trở thành con cá nhỏ trong ao lớn.

and thus the process of evolution carries every life invariably through the **four stages** enumerated above.

và như thế tiến trình tiến hoá luôn luôn đưa mọi sự sống đi qua **bốn giai đoạn** được liệt kê ở trên.

61. Rotation; Relation; Revolution; Release. (I added as the fourth stage, "Reception", making "Release" the fifth.)

61. Quay; Liên hệ; Cách mạng; Giải phóng. (Tôi đã thêm "Tiếp nhận" như giai đoạn thứ tư, khiến "Giải phóng" thành giai đoạn thứ năm.)

Within the three lower kingdoms of nature, the process is undergone unconsciously, **according to the human connotation** of that term;

Trong ba giới thấp của tự nhiên, tiến trình này được trải qua một cách hữu thức, theo hàm nghĩa của con người về thuật ngữ ấy; **theo hàm nghĩa của con người** về thuật ngữ đó;

62. DK is alerting us to the idea that there may be limitations in our conception of "unconsciousness".

62. Chân sư DK đang cảnh báo chúng ta về ý tưởng rằng có thể có những giới hạn trong quan niệm của chúng ta về "vô thức".

63. There is consciousness of what is happening, but no central "I" point to which to relate the experience. There is no sense of an "I" undergoing the experience. There is only the registration of the experience itself.

63. Có tâm thức về điều đang xảy ra, nhưng không có điểm "Tôi" trung tâm nào để liên hệ kinh nghiệm ấy. Không có cảm nhận về một "Tôi" đang trải qua kinh nghiệm. Chỉ có sự ghi nhận chính kinh nghiệm đó mà thôi.

it is consciously passed through in the human kingdom, and in the higher spheres of existence, with an enveloping consciousness which can only be hinted at in the ambiguous term "self-conscious group realisation."

nó được trải qua một cách hữu thức trong giới nhân loại, và trong các khối cầu hiện hữu cao hơn, với một tâm thức bao bọc chỉ có thể được gợi ý qua thuật ngữ mơ hồ "sự chứng nghiệm nhóm tự ý thức."

64. This is state of consciousness which embraces the qualities of consciousness of both Leo and Aquarius.

64. Đây là trạng thái tâm thức bao hàm các phẩm tính của tâm thức của cả Sư Tử lẫn Bảo Bình.

65. It is the "We-in-the-I" and the "I-in-the-We".

65. Đó là "Chúng Ta-trong-Tôi" và "Tôi-trong-Chúng Ta".

66. The individual consciousness is not lost in the growing group consciousness. This paves the way for the realization of the "Individual and the Universal'.

66. Tâm thức cá nhân không bị mất đi trong tâm thức nhóm đang tăng trưởng. Điều này mở đường cho sự chứng nghiệm về "Cá Biệt và Phổ Quát".

Therefore, after the fourth initiation, when the work of the soul is accomplished and the soul body fades out of the picture, only the quality which it has imparted in substance is left as its contribution—individual, group or planetary—to the sumtotal of manifestation. All that remains is a point of light. This point is conscious, immutable and aware of the two extremes of the divine expression: the sense of individual identity and the sense of universality. These are fused and blended in the ONE. Of this ONE the divine Hermaphrodite is the concrete symbol—the union in one of the pairs of opposites, negative and positive, male and female**. In the state of being which we call the monadic, no difference is recognised between these two because (if I can bring**

Vì vậy, sau lần điểm đạo thứ tư, khi công việc của linh hồn đã hoàn tất và thể linh hồn mờ dần khỏi bức tranh, chỉ còn lại phẩm tính mà nó đã truyền vào chất liệu như là sự đóng góp của nó—cá nhân, nhóm hay hành tinh—cho tổng thể biểu hiện. Tất cả những gì còn lại là một điểm ánh sáng. Điểm này có tâm thức, bất biến và nhận biết hai cực của biểu hiện thiêng liêng: cảm thức về bản sắc cá biệt và cảm thức về tính phổ quát. Hai điều này được dung hợp và hòa trộn trong Đấng Duy Nhất. Về Đấng Duy Nhất này, Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng là biểu tượng cụ thể—sự hợp nhất trong một của các cặp đối cực, âm và dương, nam và nữ**. Trong trạng thái bản thể mà chúng ta gọi là chân thần, không có sự khác biệt nào được nhận ra giữa hai điều này bởi vì (nếu tôi có thể hạ**

such ideas down to the level of the intelligence of the aspirant) it is realised that there *is* no identity apart from universality and no appreciation of the universal apart from the individual realisation, and this realisation of identification with both the part and the whole finds its point of tension in the will-to-be, which is qualified by the will-to-good and developed (from the consciousness angle) by the will-to-know. (R&I 106)

những ý tưởng như thế xuống mức trí tuệ của người chí nguyện) người ta chứng nghiệm rằng *không có* bản sắc nào tách rời khỏi tính phổ quát và không có sự đánh giá nào về cái phổ quát tách rời khỏi sự chứng nghiệm cá nhân, và sự chứng nghiệm đồng hoá với cả phần lẫn toàn thể này tìm thấy điểm tập trung nhất tâm của nó trong ý chí-tồn tại, được định tính bởi Ý Chí-hướng Thiện và được phát triển (xét từ góc độ tâm thức) bởi ý chí-biết. (R&I 106)

It was in connection with this transmutative process that the alchemists of old occupied themselves, **but seldom did they reach the stage wherein it was possible for them to concern themselves with the response of the two types of positive energy to each other,**

Chính liên quan đến tiến trình chuyển hoá này mà các nhà luyện kim thời xưa đã chuyên tâm, nhưng hiếm khi họ đạt đến giai đoạn mà ở đó họ có thể quan tâm đến đáp ứng của hai loại năng lượng dương đối với nhau,**nhưng hiếm khi họ đạt đến giai đoạn mà ở đó họ có thể quan tâm đến đáp ứng của hai loại năng lượng dương đối với nhau,**

67. This means that their experiments rarely dealt with radioactivity as it is here being described and rarely involved the relationship between two essences.

67. Điều này có nghĩa là các thí nghiệm của họ hiếm khi đề cập đến tính phóng xạ như được mô tả ở đây và hiếm khi liên quan đến mối tương quan giữa hai tinh chất.

and with the consequent escape of a lesser positive force to its greater attractive centre.

và với sự thoát ra tiếp theo của một mãnh lực dương nhỏ hơn hướng về trung tâm hấp dẫn lớn hơn của nó.

68. These were alchemists working primarily in with the mineral kingdom. They were not capable of rendering radioactive the elements with which they were working.

68. Đây là những nhà luyện kim làm việc chủ yếu với giới kim thạch. Họ không có khả năng làm cho các nguyên tố mà họ đang làm việc trở nên phóng xạ.

When they did (with a few exceptions) they were brought up against a dead wall, for though they had succeeded in **locating the radiating principle in substance**, **or in the true form**,

Khi họ làm được điều đó (với một vài ngoại lệ) họ vấp phải một bức tường bế tắc, vì tuy họ đã thành công trong việc **xác định nguyên khí bức xạ trong chất liệu**, **hay trong hình tướng chân thực**,

69. These successful alchemists were able to register the etheric component of the atom —the 'substantial' aspect. They had succeeded in moving beyond the dense physical form.

69. Những nhà luyện kim thành công này có thể ghi nhận thành phần dĩ thái của nguyên tử—phương diện "bản thể". Họ đã thành công trong việc vượt ra ngoài hình tướng hồng trần đậm đặc.

and had managed to pierce through (or to negate) both the dense physical [Page 1066] body and the etheric form,

và đã xoay xở để xuyên thủng (hay vô hiệu hóa) cả thể xác hồng trần đậm đặc [Page 1066] lẫn hình tướng dĩ thái,

70. They also negated the hold which the true form or etheric body had on the volatile essence.

70. Họ cũng vô hiệu hóa sự nắm giữ mà hình tướng chân thực hay thể dĩ thái có trên tinh chất dễ bay hơi.

yet they had no perception of the nature of the central force which was drawing the life they were concerned with out of its apparently legitimate sphere into a new realm of activity.

nhưng họ lại không nhận thức được bản chất của mãnh lực trung tâm đang lôi kéo sự sống mà họ quan tâm ra khỏi phạm vi có vẻ chính đáng của nó để đi vào một lĩnh vực hoạt động mới.

71. Did this new realm of activity involve the vegetable kingdom? Or was the "central force" a still higher order of life within the mineral kingdom?

71. Lĩnh vực hoạt động mới này có liên quan đến giới thực vật chăng? Hay "mãnh lực trung tâm" ấy là một trật tự sự sống còn cao hơn nữa bên trong giới kim thạch?

72. Note the words "apparently legitimate sphere" indicating, as they do, that the larger sphere into which the volatile essence escapes is also a "legitimate sphere" and, perhaps, even more "legitimate".

72. Hãy lưu ý các từ "phạm vi có vẻ chính đáng", vì chúng cho thấy rằng khối cầu lớn hơn mà tinh chất dễ bay hơi thoát vào cũng là một "phạm vi chính đáng", và có lẽ còn "chính đáng" hơn nữa.

Some few did possess this knowledge but (realising the danger of their conclusions) refused to put in writing the result of their investigations.

Một số rất ít người quả có sở hữu tri thức này nhưng (chứng nghiệm được sự nguy hiểm trong các kết luận của mình) đã từ chối không ghi chép thành văn kết quả các cuộc điều tra của họ.

73. Presumably, these findings could have led to the dematerialization of matter and the liberation of great quantities of energy.

73. Có lẽ những phát hiện này có thể đã dẫn đến sự phi vật chất hóa vật chất và sự giải phóng những lượng năng lượng lớn.

74. We may assume that the fifth ray, in its normal cycle, was not in incarnation at this time, but such workers were certainly responding to a combination of fifth ray and seventh ray energies. From whence did they gather these energies if the rays which promote such investigations were not in incarnation? These are deep questions. The third ray came into incarnation in its present cycle in 1425, and contains rays five and seven, yet there was another 3000 year third ray cycle which may have begun in Grecian times—A.D. 500 or so—which may have been in effect during the period of the alchemists operative before 1425.

74. Chúng ta có thể giả định rằng cung năm, trong chu kỳ bình thường của nó, đã không Đang lâm phàm vào thời điểm này, nhưng những người hoạt động như thế chắc chắn đang đáp ứng với sự kết hợp của các năng lượng cung năm và cung bảy. Họ đã thu thập các năng lượng này từ đâu nếu các cung thúc đẩy những cuộc điều tra như thế không Đang lâm phàm? Đây là những câu hỏi sâu xa. Cung ba đã đi vào lâm phàm trong chu kỳ hiện tại của nó vào năm 1425, và bao hàm cung năm và cung bảy, tuy nhiên đã có một chu kỳ cung ba khác kéo dài 3000 năm có thể đã bắt đầu vào thời Hy Lạp—khoảng năm 500 sau Công nguyên—và có thể đã có hiệu lực trong thời kỳ của các nhà luyện kim hoạt động trước năm 1425.

If students will study the laws of transmutation,[11] as already apprehended, and above all, as incorporated in the writings of Hermes Trismegistus, bearing this in mind, some interesting results might be brought about.

Nếu các đạo sinh nghiên cứu các định luật chuyển hoá,11 như đã được lĩnh hội, và trên hết, như được kết hợp trong các trước tác của Hermes Trismegistus, ghi nhớ điều này, thì có thể đem lại một số kết quả lý thú.

75. Who was Hermes? It would seem that He was a great third ray/seventh ray teacher—the very rays that Master R. now demonstrates so fully as the Mahachohan.

75. Hermes là ai? Có vẻ như Ngài là một huấn sư cung ba/cung bảy vĩ đại—chính là những cung mà Chân sư R. hiện nay biểu lộ đầy đủ như Đức Mahachohan.

76. This is not to say that Master R. *was* Hermes Trismegistus, but the close relationship is to be pondered. One can also wonder about the relationship of Hermes to the previous Mahachohan.

76. Điều này không có nghĩa là Chân sư R. *đã là* Hermes Trismegistus, nhưng mối liên hệ gần gũi ấy đáng để suy ngẫm. Người ta cũng có thể tự hỏi về mối liên hệ của Hermes với Đức Mahachohan trước đó.

77. The writings of Hermes Trismegistus now extant are thought to be some to originate in Neo-Platonic times—i.e. during certain early centuries of the Christian Era.

77. Các trước tác hiện còn của Hermes Trismegistus được cho là có một số tác phẩm bắt nguồn từ thời Tân-Platon—tức là trong một số thế kỷ đầu của Kỷ nguyên Cơ Đốc.

Footnote 11:

Chú thích 11:

In connection with Transmutation the following ancient formula is of interest. It was the basis of the alchemical work of olden days.

Liên quan đến Chuyển hoá, công thức cổ xưa sau đây rất đáng quan tâm. Nó là nền tảng của công việc luyện kim thời xưa.

78. The following is the most famous of all the sayings of Hermes.

78. Sau đây là câu nói nổi tiếng nhất trong tất cả những lời dạy của Hermes.

"True, without error, certain and most true; that which is above is as that which is below and that which is below is as that which is above, **for performing the miracles of the one Thing**;

"Chân thật, không sai lầm, chắc chắn và chí chân; cái ở trên cũng như cái ở dưới và cái ở dưới cũng như cái ở trên, **để thực hiện các phép lạ của Một Điều duy nhất**;

79. These miracles, we may assume, are the many magical operations which are possible when working in the One Substance.

79. Những phép lạ này, chúng ta có thể giả định, là nhiều thao tác huyền thuật khả hữu khi làm việc trong Một Chất Liệu.

80. They may also be thought of as the various Shaktis associated with the various levels of substance/matter.

80. Chúng cũng có thể được xem là các Shaktis khác nhau gắn liền với các cấp độ khác nhau của chất liệu/vật chất.

and as all things were from one by the mediation of one

và vì mọi sự đều từ một mà ra nhờ sự trung gian của một

81. The One is related to all things which have gone forth from it.

81. Đấng Duy Nhất có liên hệ với mọi sự đã phát xuất từ Ngài.

82. This phrase suggests the process of *emanation.*

82. Cụm từ này gợi ra tiến trình *xuất lộ.*

so all things arose from this one thing by adaptation.

thì mọi sự cũng phát sinh từ một điều này bằng sự thích ứng.

83. Here is the suggestion that through combinations and permutations of the One Thing in relation to Itself, or through the combinations and permutations of the Aspects of the One Thing, all things may arise.

83. Ở đây có gợi ý rằng qua các tổ hợp và hoán vị của Một Điều trong tương quan với Chính Nó, hay qua các tổ hợp và hoán vị của các Phương diện của Một Điều, mọi sự có thể phát sinh.

84. The term “adaptation” suggests the involvement of the third ray and, to a degree, the seventh.

84. Thuật ngữ “sự thích ứng” gợi ý sự can dự của cung ba và, ở một mức độ nào đó, của cung bảy.

The Father of it is the sun, the mother of it is the moon; the wind carries it in its belly and the Mother of it is the earth.

Cha của nó là mặt trời, mẹ của nó là mặt trăng; gió mang nó trong bụng mình và Mẹ của nó là đất.

85. We see how the Moon and Earth are equated; they are both the “Mother of it”.

85. Chúng ta thấy Mặt Trăng và Trái Đất được đồng nhất; cả hai đều là “Mẹ của nó”.

86. There is a hint concerning the use of the breath in the magical process.

86. Có một gợi ý liên quan đến việc sử dụng hơi thở trong tiến trình huyền thuật.

87. We may also visualize here the Tree of Life and the relationship between the sixth, ninth and tenth Sephiroth—Tiphereth, Yesod and Malkuth.

87. Chúng ta cũng có thể hình dung ở đây Cây Sự Sống và mối liên hệ giữa Sephiroth thứ sáu, thứ chín và thứ mười—Tiphereth, Yesod và Malkuth.

This is the Father of all perfection, and consummation of the whole world. The power of it is integral if it be turned into earth.

Đây là Cha của mọi sự toàn hảo, và là sự viên mãn của toàn thế giới. Quyền năng của nó là toàn vẹn nếu nó được chuyển thành đất.

88. There is a hint concerning the power of the One Thing embodied in earthly forms. We have the secret of atomic energy hinted.

88. Có một gợi ý liên quan đến quyền năng của Một Điều được nhập thể trong các hình tướng trần thế. Ở đây có ám chỉ bí mật của năng lượng nguyên tử.

89. The Father is the Source of archetypal perfection. We may equate the “Father” with the planet Uranus.

89. Người Cha là Nguồn của sự toàn hảo nguyên mẫu. Chúng ta có thể đồng nhất “Người Cha” với hành tinh Sao Thiên Vương.

90. When this Father or Spirit-power is precipitated into lower substances, it is the power of integration within those substances.

90. Khi Người Cha hay quyền năng-Tinh thần này được ngưng tụ vào các chất liệu thấp hơn, nó là quyền năng tích hợp bên trong các chất liệu ấy.

91. We have here a relationship between the Sun, Moon and Earth—between Spirit/Soul, substance/form and matter.

91. Ở đây chúng ta có một mối liên hệ giữa Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất—giữa Tinh

thần/Linh hồn, chất liệu/hình tướng và vật chất.

Thou shalt separate the earth from the fire and subtle from the gross, gently with much sagacity;

Ngươi hãy tách đất ra khỏi lửa và cái vi tế ra khỏi cái thô trược, một cách nhẹ nhàng với nhiều minh triết;

92. This suggests the separation of substance from matter.

92. Điều này gợi ý sự tách chất liệu ra khỏi vật chất.

93. This is a direction which alchemists for ages have attempted to fulfill.

93. Đây là một chỉ dẫn mà các nhà luyện kim qua bao thời đại đã cố gắng thực hiện.

it ascends from earth to Heaven, and again descends to earth;

nó đi lên từ đất đến Trời, rồi lại đi xuống đất;

94. The Spirit comes and goes as it wills. It is free.

94. Tinh thần đến và đi theo ý muốn của nó. Nó tự do.

95. We are speaking about the liberation of the subtle aspects of life from their confining forms.

95. Chúng ta đang nói về sự giải phóng các phương diện vi tế của sự sống ra khỏi những hình tướng giam hãm chúng.

and receives the strength of the superiors and the inferiors—

và tiếp nhận sức mạnh của những cái cao hơn và những cái thấp hơn—

96. The Spirit is at home in both worlds and is empowered in both.

96. Tinh thần ở trong nhà của mình ở cả hai thế giới và được trao quyền năng trong cả hai.

97. We are speaking of superior and inferior lives, presumably devic agencies of various kinds. The cooperation of various groups of devas is needed in this alchemical process.

97. Chúng ta đang nói về các sự sống cao hơn và thấp hơn, có lẽ là các tác nhân thiên thần thuộc nhiều loại khác nhau. Sự hợp tác của nhiều nhóm thiên thần là cần thiết trong tiến trình luyện kim này.

98. The Spirit holds sway over various kinds of devic lives.

98. Tinh thần nắm quyền trên nhiều loại sự sống thiên thần khác nhau.

so thou hast the glory of the whole world;

như thế ngươi có được vinh quang của toàn thế giới;

99. All things are possible to the one who has been released and can control the various elements.

therefore let all obscurity fly before thee.

100. The veils are penetrated. Ignorance is dispelled.

This is the strong fortitude of all fortitudes overcoming every subtle and penetrating every solid thing. So the world was created."

101. The Great Creative Power is in the hands of the alchemist. There is nothing he cannot do within the many-layered worlds of form.

102. The normal constraints upon change and transformation have been loosened.

103. The alchemist is adept.

—Emerald Tablet of Hermes.

Let them remember that that which "seeks liberty" is the **central electric spark;** that **this liberty is achieved first of all through the results brought about by the activity of the "frictional fire"**

104. *All* fires are involved sequentially in preparing for the release and freedom of the "central electric spark".

105. "Burning grounds" even of a personal nature are a necessary preparatory stage.

99. Mọi sự đều khả hữu đối với người đã được giải phóng và có thể kiểm soát các nguyên tố khác nhau.

vì vậy hãy để mọi sự tối tăm bay khỏi trước mặt ngươi.

100. Các bức màn đã bị xuyên thủng. Vô minh bị xua tan.

Đây là sức mạnh kiên cường của mọi sức mạnh kiên cường, vượt thắng mọi cái vi tế và xuyên thấu mọi vật rắn chắc. Thế là thế giới đã được tạo thành."

101. Đại Quyền Năng Sáng Tạo nằm trong tay nhà luyện kim. Không có gì y không thể làm trong các thế giới hình tướng nhiều tầng lớp.

102. Những giới hạn thông thường đối với sự thay đổi và chuyển đổi đã được nới lỏng.

103. Nhà luyện kim là một chân sư.

—Bảng Ngọc Lục Bảo của Hermes.

Hãy để họ nhớ rằng điều "tìm kiếm tự do" chính là **tia lửa điện trung tâm;** rằng **sự tự do này trước hết đạt được nhờ các kết quả do hoạt động của "lửa ma sát" mang lại**

104. *Mọi* loại lửa đều lần lượt can dự vào việc chuẩn bị cho sự giải phóng và tự do của "tia lửa điện trung tâm".

105. "Vùng đất cháy" ngay cả thuộc bản chất cá nhân cũng là một giai đoạn chuẩn bị cần thiết.

which speeds up its internal vibration;

điều này làm tăng tốc rung động nội tại của nó;

106. The vibratory rate of the "central electrical spark" is sped up by the frictional fires.

106. Tần số rung động của "tia lửa điện trung tâm" được gia tốc bởi các lửa ma sát.

107. The alchemical work is furthered by external application of frictional fires as well as by the internal stimulus of solar and, then, electric fire.

107. Công việc luyện kim được thúc đẩy thêm bởi sự áp dụng từ bên ngoài của các lửa ma sát cũng như bởi kích thích nội tại của Lửa Thái dương và rồi Lửa Điện.

then by the work upon the atom, or the **substance of solar fire,** which causes:

rồi bởi công việc tác động lên nguyên tử, hay **chất liệu của Lửa Thái dương,** điều này gây ra:

a. Orbital progression,

a. sự tiến triển theo quỹ đạo,

b. Stimulative vibration,

b. rung động kích thích,

c. Awakened internal response,

c. đáp ứng nội tại được đánh thức,

108. Solar fire plays its part. Growth occurs through sequential exposure during "orbital progression". Refinement and sensitivity play their parts. All aspects of the atom become vibrant and radiatory. This prepares for the moment of release of the volatile essence.

108. Lửa Thái dương đóng vai trò của nó. Sự tăng trưởng xảy ra qua việc lần lượt được phơi mở trong "sự tiến triển theo quỹ đạo". Sự tinh luyện và tính nhạy cảm cũng đóng vai trò của chúng. Mọi phương diện của nguyên tử trở nên rung động và bức xạ. Điều này chuẩn bị cho khoảnh khắc giải phóng tinh chất dễ bay hơi.

109. Awakening "internal response" is, first of all, under the influence of solar fire, which prepares the way for the activation of electric fire.

109. Việc đánh thức "đáp ứng nội tại", trước hết, nằm dưới ảnh hưởng của Lửa Thái dương, vốn chuẩn bị con đường cho sự hoạt hóa của Lửa Điện.

until finally electric fire is contacted.

cho đến khi cuối cùng Lửa Điện được tiếp xúc.

110. We see this from our own developmental process. We do not reach release into the monadic sphere

110. Chúng ta thấy điều này từ chính tiến trình phát triển của mình. Chúng ta không đạt đến sự giải phóng vào khối cầu chân

immediately, or even release into direct contact with the Monad. We must first pass through the stages when fire by friction and, then, solar fire dominate and prepare the way for the time when the influence of the Monad will be the major influence upon the human energy system.

thần ngay lập tức, hay thậm chí sự giải phóng vào tiếp xúc trực tiếp với chân thần. Trước hết chúng ta phải đi qua các giai đoạn khi Lửa ma sát và rồi Lửa Thái dương chi phối và chuẩn bị con đường cho thời điểm khi ảnh hưởng của chân thần sẽ là ảnh hưởng chủ yếu trên hệ thống năng lượng con người.

111. The process of working through the two lower fires on the way to the third represents a gradual *unveiling.*

111. Tiến trình vận hành qua hai loại lửa thấp hơn trên đường đến loại thứ ba biểu thị một sự *vén mở* dần dần.

This is true of all atoms: [Page 1067]

Điều này đúng với mọi nguyên tử: [Page 1067]

a. The atom of substance,

a. nguyên tử của chất liệu,

b. The atom of a form whatsoever it be,

b. nguyên tử của bất kỳ hình tướng nào,

c. The atom of a kingdom in nature,

c. nguyên tử của một giới trong tự nhiên,

d. The atom of a planet,

d. nguyên tử của một hành tinh,

e. The atom of a solar system.

e. nguyên tử của một hệ mặt trời.

112. DK has listed some of the types of atoms to be encountered. The names of some important atoms have been skipped.

112. Chân sư DK đã liệt kê một số loại nguyên tử có thể gặp. Tên của một số nguyên tử quan trọng đã bị bỏ qua.

113. Of interest is the phrase “the atom of a kingdom of nature”.

113. Điều đáng chú ý là cụm từ “nguyên tử của một giới trong tự nhiên”.

114. To the extent that every form has Spirit, soul and body, it is an atom.

114. Trong chừng mực mọi hình tướng đều có Tinh thần, linh hồn và thân thể, nó là một nguyên tử.

In every case the three fires or types of energy play their part; in every case the four stages are passed through;

Trong mọi trường hợp, ba loại lửa hay ba loại năng lượng đều đóng vai trò của chúng; trong mọi trường hợp, bốn giai đoạn đều được đi qua;

115. As above, summarized as: Rotation; Relation; Revolution; (Reception); Release

115. Trên sao, dưới vậy, được tóm tắt như sau: Quay; Liên hệ; Cách mạng; (Tiếp nhận); Giải phóng

in every case transmutation, transference, or radiation takes place,

trong mọi trường hợp, sự chuyển hoá, chuyển dịch, hay bức xạ đều diễn ra,

116. Another name for radiation is "transference". The life is transferred from a lesser ring-pass-not into a greater.

116. Một tên gọi khác của bức xạ là "chuyển dịch". Sự sống được chuyển từ một vòng-giới-hạn nhỏ hơn sang một vòng-giới-hạn lớn hơn.

and the **result of the escape of the central positive energy is achieved**, and its absorption into a greater form, to be held in place for a specific cycle by the stronger energy.

và **kết quả của sự thoát ra của năng lượng dương trung tâm được đạt đến**, và sự hấp thụ của nó vào một hình tướng lớn hơn, để được giữ tại chỗ trong một chu kỳ nhất định bởi năng lượng mạnh hơn.

117. The liberated essence is not, thus, unconditionally free. It is free only to be bound. The greater Life of the greater form into which it is liberated binds it for a term. All proceeds under law.

117. Vì vậy, tinh chất được giải phóng không tự do một cách vô điều kiện. Nó chỉ tự do để bị ràng buộc. Sự sống lớn hơn của hình tướng lớn hơn mà nó được giải phóng vào sẽ ràng buộc nó trong một thời kỳ. Mọi sự đều tiến hành dưới định luật.

This process **of rendering radioactive all the elements** has, as we have seen, occupied students down the ages.

Tiến trình **làm cho mọi nguyên tố trở nên phóng xạ** này, như chúng ta đã thấy, đã khiến các đạo sinh bận tâm qua các thời đại.

118. The stage of radioactivity is a consummating stage. There are different forms of radioactivity and according to the level of the form to be rendered radioactive, so will be the type of radioactivity achieved. The radioactivity of a mineral is not that of a plant or animal, yet all achieve, at length, radioactivity.

118. Giai đoạn phóng xạ là một giai đoạn viên mãn. Có những hình thức phóng xạ khác nhau và tùy theo cấp độ của hình tướng được làm cho phóng xạ, loại phóng xạ đạt được cũng sẽ tương ứng như vậy. Tính phóng xạ của một khoáng vật không phải là của một thực vật hay động vật, tuy thế tất cả cuối cùng đều đạt đến tính phóng xạ.

The alchemists of the middle ages beginning with the simpler elements and starting with the mineral kingdom **sought to find out the secret of the liberating process**, to know

Các nhà luyện kim thời Trung Cổ, bắt đầu với các nguyên tố đơn giản hơn và khởi sự với giới kim thạch, **đã tìm cách khám phá bí mật của tiến trình giải phóng**, để biết

the method of release, and to understand the laws of transmutation.

phương pháp giải phóng, và để thấu hiểu các định luật chuyển hoá.

119. Transmutation, or the refinement of matter, prepares the way for liberation.

119. Chuyển hoá, hay sự tinh luyện vật chất, chuẩn bị con đường cho sự giải phóng.

120. In an historical period of spiritual oppression, a mode of liberation was sought, though we can say with confidence that the practice of alchemy far antedates the Middle Ages.

120. Trong một giai đoạn lịch sử bị áp bức tinh thần, người ta đã tìm kiếm một phương thức giải phóng, dù chúng ta có thể nói một cách chắc chắn rằng việc thực hành thuật luyện kim có trước thời Trung Cổ rất lâu.

They did not succeed in the majority of cases

Trong đa số trường hợp họ đã không thành công

121. Apparently *some* did succeed.

121. Rõ ràng *một số* đã thành công.

because, having located the essence, they had no idea how to deal with it when released, nor (as we have seen) had they **any conception as to the magnetic force which was drawing the released essence to itself.**

bởi vì, sau khi đã xác định được tinh chất, họ không biết phải xử lý nó như thế nào khi nó được giải phóng, và cũng không (như chúng ta đã thấy) có **bất kỳ quan niệm nào về mãnh lực từ tính đang hút tinh chất được giải phóng về phía nó.**

122. Two sources of failure are listed: the inability to handle the released essence and the inability to understand the greater energy inducing the release of the essence and drawing that essence towards itself.

122. Hai nguồn thất bại được nêu ra: sự bất lực trong việc xử lý tinh chất được giải phóng và sự bất lực trong việc hiểu năng lượng lớn hơn đang gây ra sự giải phóng tinh chất và hút tinh chất ấy về phía chính nó.

123. Note again the term “magnetic force” can apply to the attractive power of the greater enveloping form or the attractive power of the nucleus of the greater Life or essence.

123. Hãy lưu ý một lần nữa rằng thuật ngữ “mãnh lực từ tính” có thể áp dụng cho quyền năng hấp dẫn của hình tướng bao bọc lớn hơn hoặc quyền năng hấp dẫn của hạt nhân của Sự sống hay tinh chất lớn hơn.

To comprehend the law and therefore to be able to work perfectly with it, the experimenting student must have the ability to release the essence from its form.

Để thấu hiểu định luật và do đó có thể làm việc hoàn hảo với nó, đạo sinh thực nghiệm phải có khả năng giải phóng tinh chất ra khỏi hình tướng của nó.

124. And even in this, the average alchemist failed.

124. Và ngay cả trong điều này, nhà luyện kim trung bình cũng thất bại.

125. Analogically, our entire study of spirituality leads towards the full release of the essence into the fifth kingdom of nature.

125. Theo phép tương đồng, toàn bộ việc nghiên cứu tinh thần của chúng ta dẫn đến sự giải phóng trọn vẹn tinh chất vào giới thứ năm của tự nhiên.

He must know the **formulae and words** which will direct it to that **particular focal point in the mineral kingdom which stands in the same correspondential relation to the mineral monad as the Ego on its own plane stands to the man who casts off his physical and true forms through death**.

Y phải biết các **công thức và linh từ** sẽ hướng nó đến **điểm tập trung đặc thù ấy trong giới kim thạch, điểm đứng trong cùng một tương quan tương ứng với chân thần khoáng vật như chân ngã trên cõi riêng của nó đứng đối với con người đã từ bỏ thể xác và các hình tướng chân thực của mình qua cái chết**.

126. Here there is a clarification of the point raised earlier in this commentary. Through the alchemical process as enacted with respect to the mineral kingdom, the essence is not always released into the vegetable kingdom but into a superior condition within the mineral kingdom—i.e., released towards closer relation to the mineral Monad. There do come, however, points of transference from kingdom to kingdom and these are also vital points of alchemical release.

126. Ở đây có một sự làm sáng tỏ điểm đã được nêu trước đó trong phần bình giải này. Qua tiến trình thuật luyện kim như được thực hiện đối với giới kim thạch, tinh chất không phải lúc nào cũng được giải phóng vào giới thực vật mà vào một trạng thái cao hơn bên trong giới kim thạch—nghĩa là, được giải phóng hướng đến mối liên hệ gần gũi hơn với chân thần khoáng vật. Tuy nhiên, vẫn có những điểm chuyển dịch từ giới này sang giới khác, và đó cũng là những điểm trọng yếu của sự giải phóng bằng thuật luyện kim.

127. We see that the “formula and words” were not in the possession of the average alchemist.

127. Chúng ta thấy rằng “công thức và linh từ” không nằm trong sự sở hữu của nhà luyện kim trung bình.

128. There is the analog of and ‘egoic point’ within the mineral kingdom and towards it the release essence is to gravitate. Certain words and formulas will make that gravitation possible.

128. Có một điểm tương tự như “điểm chân ngã” bên trong giới kim thạch, và về phía đó tinh chất được giải phóng phải hướng trọng lực đến. Một số linh từ và công thức nhất định sẽ làm cho sự hướng trọng lực ấy trở nên khả hữu.

129. And if the liberated essence arrived at the "focal point". What then?

129. Và nếu tinh chất được giải phóng đến được "điểm tập trung" ấy thì sao?

This involves knowledge only committed to the pledged disciple;

Điều này bao hàm tri thức chỉ được trao phó cho đệ tử đã tuyên thệ;

130. Most pledged disciples, of whom we know, have not received such knowledge. Perhaps these words are committed along the third ray, fifth ray and seventh ray lines. Perhaps, also, the time has not yet come for the committing of these words to pledged disciples. In other words, with the time comes that such words may be safely committed, they will be committed only to pledged disciples.

130. Phần lớn các đệ tử đã tuyên thệ mà chúng ta biết đến chưa nhận được tri thức như thế. Có lẽ những linh từ này được trao truyền theo các tuyến cung ba, cung năm và cung bảy. Cũng có lẽ, thời điểm để trao những linh từ này cho các đệ tử đã tuyên thệ vẫn chưa đến. Nói cách khác, khi thời gian đến mà những linh từ ấy có thể được trao một cách an toàn, chúng sẽ chỉ được trao cho các đệ tử đã tuyên thệ mà thôi.

if chance students stumble upon the law, and theoretically know the process, they would do well to proceed no further until they have learned how [Page 1068] to protect themselves from the interplay of forces.

nếu những đạo sinh tình cờ vấp phải định luật này, và về mặt lý thuyết biết được tiến trình ấy, thì họ nên dừng lại, không tiến xa hơn nữa cho đến khi đã học được cách [Page 1068] tự bảo vệ mình khỏi sự tương tác của các mãnh lực.

131. Another caution is given. DK said how many disasters would arise through man's imminent encounter with the deva kingdom.

131. Một lời cảnh báo khác được đưa ra. Chân sư DK đã nói biết bao tai họa sẽ phát sinh qua cuộc tiếp xúc sắp xảy ra của con người với giới thiên thần.

132. It is always true of neophytes upon the path of occult development: "fools rush in where angels fear to tread".

132. Điều này luôn đúng đối với những người sơ cơ trên con đường phát triển huyền bí học: "kẻ dại lao vào nơi mà thiên thần còn e ngại bước tới".

As we well know, the workers with radium, and those who experiment in the world's laboratories, suffer frequently from loss of limb or life; **this is due to their ignorance of the forces they are dealing with.**

Như chúng ta đều biết rõ, những người làm việc với radium, và những người thí nghiệm trong các phòng thí nghiệm của thế giới, thường phải chịu mất chi thể hoặc mất mạng; **điều này là do sự vô minh của họ về các mãnh lực mà họ đang đề cập đến.**

133. There are pictures of early experiments actually handling radium (radioactive isotopes) with their bare hands!

133. Có những bức ảnh về các thí nghiệm ban đầu trong đó người ta thực sự cầm radium (các đồng vị phóng xạ) bằng tay trần!

The **liberated essences become conductors of the greater force which is their magnetic centre**, because they are responsive to it,

Các **tinh chất được giải phóng trở thành những vật dẫn của mãnh lực lớn hơn vốn là trung tâm từ tính của chúng**, bởi vì chúng đáp ứng với nó,

134. This is a point of great moment. The liberated essence, thus, becomes empowered by the greater force of the greater center.

134. Đây là một điểm hết sức quan trọng. Vì vậy, tinh chất được giải phóng trở nên được trao quyền năng bởi mãnh lực lớn hơn của trung tâm lớn hơn.

135. From the human perspective the essence within the causal body is weaker than the essence liberated into the spiritual triad.

135. Từ góc nhìn con người, tinh chất bên trong thể nguyên nhân yếu hơn tinh chất được giải phóng vào Tam Nguyên Tinh Thần.

and it is this force which produces the distressing conditions sometimes present in connection with radioactive substances.

và chính mãnh lực này tạo ra những tình trạng đáng lo ngại đôi khi hiện diện liên quan đến các chất phóng xạ.

136. We are now speaking of the burning of tissue which occurs in the unprotected presence of radioactive substances.

136. Hiện nay chúng ta đang nói đến sự đốt cháy mô xảy ra khi hiện diện không được bảo vệ trước các chất phóng xạs.

137. The cause is the greater power of the magnetic center towards which the liberated essence is attracted.

137. Nguyên nhân là quyền năng lớn hơn của trung tâm từ tính mà tinh chất được giải phóng bị thu hút về đó.

Every radioactive atom becomes, through this conductive faculty, a releasing agent;

Mỗi nguyên tử phóng xạ, nhờ năng lực dẫn truyền này, trở thành một tác nhân giải phóng;

138. From the human perspective a liberated human being becomes a releasing agent for the power of the Monad. His vehicles can be 'burned' thereby. Others in his presence can also be 'burned' in other ways.

138. Từ góc nhìn con người, một con người được giải phóng trở thành một tác nhân giải phóng cho quyền năng của chân thần. Các vận cụ của y có thể bị "đốt cháy" bởi điều đó. Những người khác trong sự hiện diện của y cũng có thể bị "đốt cháy" theo những cách khác.

139. But because the greater force of the greater magnetic center is conducted through the released essences, the result can also be a *releasing effect* upon other atoms contacted.

139. Nhưng bởi vì mãnh lực lớn hơn của trung tâm từ tính lớn hơn được dẫn truyền qua các tinh chất đã được giải phóng, kết quả cũng có thể là một *tác động giải phóng* lên các nguyên tử khác được tiếp xúc.

140. It would seem that radioactive substances which are *in process of release* are also conductors of the greater force of the higher magnetic center. The burning discussed below can occur, it seems, before there is *complete release* of the essence. This must be investigated.

140. Dường như các chất phóng xạ đang *trong tiến trình giải phóng* cũng là những vật dẫn của mãnh lực lớn hơn từ trung tâm từ tính cao hơn. Sự đốt cháy được bàn dưới đây, dường như, có thể xảy ra trước khi có sự *giải phóng hoàn toàn* của tinh chất. Điều này cần được khảo cứu.

and they consequently cause what we call burns. **These burns are the result of the process of releasing the essential life of the atom of physical substance being dealt with.**

và do đó chúng gây ra điều mà chúng ta gọi là các vết bỏng. **Những vết bỏng này là kết quả của tiến trình giải phóng sự sống cốt yếu của nguyên tử chất liệu hồng trần đang được xử lý.**

141. The empowered volatile essence, when released, impacts substances which cannot withstand its power.

141. Tinh chất linh động được trao quyền năng, khi được giải phóng, tác động lên những chất liệu không thể chịu đựng được quyền năng của nór.

142. From the human perspective, the 'released initiate' must modulate his radiatory impact if he is not to be the cause of harm to those around him.

142. Từ góc nhìn con người, "điểm đạo đồ được giải phóng" phải điều hòa tác động bức xạ của mình nếu không muốn trở thành nguyên nhân gây hại cho những người quanh y.

There might here be noted the curious phenomenon, in the human kingdom which is **erroneously termed the prolongation of**

Ở đây có thể lưu ý hiện tượng kỳ lạ trong giới nhân loại vốn **bị gọi sai là sự kéo dài sự**

life; it might more truthfully be called the perpetuation of the form.

143. DK, obviously, does not think much of the desperate attempts of modern medical science to prevent the unit of consciousness from escaping the confines of the dense physical body.

Medical science today strains every effort to retain life in forms diseased and inadequate; these Nature, if left to herself, would long ago have discarded.

144. Thus, there is a greater wisdom in Nature. It seeks the advancement of the consciousness. This cannot be achieved in inadequate forms.

145. Note the *discarding process* which is a natural part of Nature's dynamics.

They thereby imprison the life, **and force back the life essence again and again into the sheath at the moment of liberation.**

146. Perhaps this is why, so it is reported, that those who have 'died' greatly resent being 'called back' by 'heroic' medical efforts.

147. We can see that what is called the "release of the volatile essence" occurs in several phases depending upon that category of form from which it is being released (for instance: the dense physical body, the etheric body, the astral body, the lower mental body, the causal body, etc.) Every time a vehicle dies and the "center of consciousness" is released to pursue experience in a higher vehicle

sống; đúng hơn nên gọi đó là sự duy trì hình tướng.

143. Hiển nhiên, Chân sư DK không đánh giá cao những nỗ lực tuyệt vọng của khoa học y học hiện đại nhằm ngăn đơn vị tâm thức thoát khỏi giới hạn của thể xác đậm đặc.

Khoa học y học ngày nay dốc mọi nỗ lực để giữ sự sống trong những hình tướng bệnh hoạn và bất toàn; nếu để cho Thiên Nhiên tự mình hành động, từ lâu những hình tướng ấy đã bị loại bỏ.

144. Như vậy, trong Thiên Nhiên có một minh triết lớn hơn. Thiên Nhiên tìm kiếm sự tiến bộ của tâm thức. Điều này không thể đạt được trong những hình tướng bất toàn.

145. Hãy lưu ý *tiến trình loại bỏ* vốn là một phần tự nhiên trong động lực của Thiên Nhiên.

Do đó họ giam hãm sự sống, **và ép tinh chất sự sống lùi trở lại vào vỏ bọc hết lần này đến lần khác ngay vào lúc giải phóng.**

146. Có lẽ vì thế mà, như người ta thuật lại, những ai đã "chết" rất bất bình khi bị "gọi trở lại" bởi những nỗ lực y khoa "anh hùng".

147. Chúng ta có thể thấy rằng điều được gọi là "sự giải phóng tinh chất linh động" xảy ra qua nhiều giai đoạn tùy theo loại hình tướng mà từ đó nó được giải phóng (thí dụ: thể xác đậm đặc, thể dĩ thái, thể cảm dục, thể hạ trí, thể nguyên nhân, v.v.). Mỗi khi một vận cụ chết đi và "trung tâm tâm thức" được giải phóng để tiếp tục kinh nghiệm trong một vận cụ cao hơn (không còn bị vận cụ thấp hơn cản trở), thì có một loại "sự giải phóng tinh chất linh động".

(unencumbered by the lower vehicle) there is a kind of "release of the volatile essence".

In course of time and with more knowledge, true medical science will become purely preventative.

148. "An ounce of prevention is worth a pound of cure."

149. Etheric vision will make it possible to "see trouble coming".

Let the healer train himself to know the inner stage of thought or of desire of the one who seeks his help. **He can thereby know the source from which the trouble comes.** Let him relate the cause and the effect, and know the point exact through which relief must come. (Rule III, EH 57)

It will concentrate its ability on preserving the atomic life of the human atom, and at furthering the preservative protective processes,

150. This will involve the strengthening of the health aura—the radiatory power of the etheric body.

and the functionary smoothness of the atomic rotary life, thus **conducing to the correct following of the human orbital path.**

151. From a certain perspective, the "human orbital path" is pursued on the "wheel of life". There is a proper 'reincarnational rhythm' for the human being which will be rightly fulfilled when there is health, vibrancy and "functionary smoothness of the atomic rotary life". From this

Theo thời gian và với nhiều tri thức hơn, khoa học y học chân chính sẽ trở thành hoàn toàn có tính phòng ngừa.

148. "Phòng bệnh hơn chữa bệnh."

149. Linh thị dĩ thái sẽ làm cho việc "thấy trước rắc rối đang đến" trở nên khả hữu.

Hãy để người chữa lành tự rèn luyện để biết giai đoạn bên trong của tư tưởng hay của dục vọng nơi người tìm kiếm sự giúp đỡ của mình. **Nhờ đó y có thể biết được nguồn gốc từ đó rắc rối phát sinh.** Hãy để y liên hệ nguyên nhân với kết quả, và biết chính xác điểm mà qua đó sự giải nhẹ phải đến. (Quy luật III, EH 57)

Nó sẽ tập trung khả năng của mình vào việc bảo tồn sự sống nguyên tử của nguyên tử con người, và vào việc thúc đẩy các tiến trình bảo tồn và bảo vệ,

150. Điều này sẽ bao hàm việc tăng cường hào quang sức khỏe—quyền năng bức xạ của thể dĩ thái.

và sự trơn tru trong chức năng của sự sống quay vòng nguyên tử, nhờ đó **dẫn đến việc đi theo đúng đắn quỹ đạo của con người.**

151. Từ một góc nhìn nào đó, "quỹ đạo của con người" được theo đuổi trên "bánh xe sự sống". Có một "nhịp điệu tái sinh" thích hợp cho con người, và nhịp điệu ấy sẽ được hoàn tất đúng đắn khi có sức khỏe, sinh lực và "sự trơn tru trong chức năng của sự sống quay vòng nguyên tử". Từ góc nhìn này, "quỹ đạo"

perspective, the "orbital path" includes passage through the Ego on the higher mental plane.

bao gồm sự đi qua chân ngã trên cõi thượng trí.

But further than that it will not go, and when the course of nature has been run, when the wheel of life has run down, when the hour for liberation has struck, when the time has come for the return of the essence to its centre, then the work will be recognised as completed, and the form discarded.

Nhưng nó sẽ không đi xa hơn thế, và khi tiến trình của thiên nhiên đã hoàn tất, khi bánh xe sự sống đã quay xong, khi giờ giải phóng đã điểm, khi thời điểm đã đến để tinh chất trở về trung tâm của nó, thì công việc sẽ được thừa nhận là đã hoàn tất, và hình tướng bị loại bỏ.

152. Medical doctors will not interfere inappropriately nor interrupt the natural process of extraction and release.

152. Các bác sĩ y khoa sẽ không can thiệp một cách không thích đáng hay làm gián đoạn tiến trình tự nhiên của sự rút ra và giải phóng.

153. Much reduction of the fear of death will be required before this attitude is of general acceptance.

153. Cần phải giảm bớt rất nhiều nỗi sợ chết trước khi thái độ này được chấp nhận rộng rãi.

154. Notice here that the "centre" to which the essence is to return is, after several phases, the Ego on the higher mental plane.

154. Hãy lưu ý ở đây rằng "trung tâm" mà tinh chất phải trở về, sau nhiều giai đoạn, chính là chân ngã trên cõi thượng trí.

But this will not, however, be possible until the human family has reached a stage [Page 1069] when, through pure living and clean thinking, the present corruptions have been eliminated.

Tuy nhiên, điều này sẽ không thể có được cho đến khi gia đình nhân loại đã đạt đến một giai đoạn [Page 1069] khi, nhờ đời sống thanh khiết và tư tưởng trong sạch, những sự bại hoại hiện nay đã bị loại bỏ.

155. "When the building energies of the soul are active in the body, then there is health, clean interplay and right activity. When the builders are the lunar lords and those who work under the control of the moon and at the behest of the lower Personal self, then you have disease, ill health and death." (LAW VI, EH 191)

155. "Khi các năng lượng kiến tạo của linh hồn hoạt động trong thể, thì có sức khỏe, sự tương tác trong sạch và hoạt động đúng đắn. Khi những đấng kiến tạo là các nguyệt tinh quân và những kẻ hoạt động dưới sự kiểm soát của mặt trăng và theo mệnh lệnh của phàm ngã thấp, thì các bạn có bệnh tật, sức khỏe kém và cái chết." (ĐỊNH LUẬT VI, EH 191)

156. We can see the intimate relationship between clean thinking and pure living. Following occult sequence, the first should precede the second.

156. Chúng ta có thể thấy mối liên hệ mật thiết giữa tư tưởng trong sạch và đời sống thanh khiết. Theo trình tự huyền bí học, điều thứ nhất phải đi trước điều thứ hai.

157. Many purificatory processes lie ahead before the desired state of wisdom and detachment can be achieved.

157. Còn nhiều tiến trình thanh lọc ở phía trước trước khi trạng thái minh triết và tách rời mong muốn có thể đạt được.

Men will then function on into old age,

Con người khi ấy sẽ tiếp tục hoạt động cho đến tuổi già,

158. They will do so in full heath, such will be the advanced state of medical knowledge.

158. Họ sẽ làm được như vậy trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh; đó sẽ là trạng thái tiến bộ của tri thức y học.

159. Elsewhere, DK has told us that, in the future, the body may be dropped earlier than now it is, once the life purpose has been accomplished.

159. Ở nơi khác, Chân sư DK đã cho chúng ta biết rằng trong tương lai, thể có thể được buông bỏ sớm hơn hiện nay, một khi mục đích sự sống đã được hoàn thành.

or until the Ego, realising the particular work to be accomplished in any one life has been duly worked out,

hoặc cho đến khi chân ngã, chứng nghiệm rằng công việc đặc thù phải hoàn thành trong một kiếp sống nào đó đã được thực hiện đầy đủ,

160. This is according to the judgment of the Ego and not the judgment of the personality. These two often differ appreciably.

160. Điều này tùy theo phán đoán của chân ngã chứ không phải phán đoán của phàm ngã. Hai điều này thường khác nhau đáng kể.

161. It seems that there is a certain elasticity to life in form. The Ego may wait, so it seems, until the soul-in-incarnation has accomplished the particular work to be accomplished.

161. Dường như có một mức độ co giãn nào đó đối với sự sống trong hình tướng. Chân ngã có thể chờ, dường như là vậy, cho đến khi linh hồn đang nhập thể hoàn thành công việc đặc thù cần phải hoàn thành.

calls in the lower spark of life, and withdraws the central point of fire.

gọi về tia lửa sự sống thấp, và rút lại điểm lửa trung tâm.

162. The “lower spark of life” and the “central point of fire” are here equivalent.

162. “Tia lửa sự sống thấp” và “điểm lửa trung tâm” ở đây là tương đương nhau.

163. The withdrawal or release of the “essence” so much discussed in these sections of text, is the withdrawal of the “lower spark of life”.

163. Sự rút lại hay giải phóng “tinh chất” được bàn đến rất nhiều trong các phần văn bản này chính là sự rút lại “tia lửa sự sống thấp”.

164. There is also a ‘higher spark of life’ of which the “lower spark of life” is an emanative extension.

164. Cũng có một “tia lửa sự sống cao” mà “tia lửa sự sống thấp” là một sự phát xạ mở rộng của nó.

This naturally presupposes knowledge and faculties at present lacking.

Điều này dĩ nhiên giả định có tri thức và các năng lực hiện nay còn thiếu.

165. The Ego does this even now, but the man on the physical plane does not realize it is happening and is no position, in terms of his knowledge, to cooperate with it.

165. Ngay cả bây giờ chân ngã vẫn làm điều này, nhưng con người trên cõi hồng trần không nhận ra điều đó đang xảy ra và không ở vào vị thế, xét theo tri thức của mình, để hợp tác với nó.

All these thoughts can be extended to include entire kingdoms of nature, the globes of a chain, the chains themselves, a planetary scheme or a solar system.

Tất cả những tư tưởng này có thể được mở rộng để bao gồm toàn bộ các giới trong thiên nhiên, các bầu hành tinh của một Dãy, chính các Dãy ấy, một hệ hành tinh hay một hệ mặt trời.

166. The Law of Analogy ever holds good, but man being in no position to understand how this abstracting process occurs in relation to his own microcosm, is in no position to understand in any detail how it applies to the larger forms of life in which is lives and moves.

166. Định luật tương đồng luôn luôn đúng, nhưng vì con người không ở vào vị thế để hiểu tiến trình rút trích này xảy ra như thế nào liên hệ với chính tiểu thiên địa của mình, nên y cũng không ở vào vị thế để hiểu chi tiết cách nó áp dụng cho những hình tướng sự sống lớn hơn mà trong đó y sống và vận động.

The moon is an interesting instance of the transmutative or liberating process practically completed in a globe:

Mặt trăng là một trường hợp thú vị về tiến trình chuyển hoá hay giải phóng hầu như đã hoàn tất trong một bầu hành tinh:

167. Which globe? The fourth? Probably—the fourth globe of the former third chain of

167. Bầu hành tinh nào? Bầu thứ tư chăng? Có lẽ vậy—bầu thứ tư của dãy thứ ba trước

the Earth-scheme. And which round? Individualization took place on the Moon-chain in the fifth race of the third round. If the destruction took place in the fourth round (fourth race) it would have set up a resonance of the incoming of Moon-chain Egos in the fourth rootrace of the fourth round on the Earth-chain.

đây của hệ Địa Cầu. Và cuộc tuần hoàn nào? Sự biệt ngã hóa đã diễn ra trên Dãy Mặt Trăng trong nhân loại thứ năm của cuộc tuần hoàn thứ ba. Nếu sự hủy diệt diễn ra trong cuộc tuần hoàn thứ tư (nhân loại thứ tư) thì nó hẳn đã tạo nên một sự cộng hưởng với sự đi vào của các chân ngã Dãy Mặt Trăng trong giống dân gốc thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ tư trên Dãy Địa Cầu.

168. Is DK telling us that the transmutative or liberating process is, even now, still continuing on the Moon? It would seem so from what is said below.

168. Phải chăng Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng tiến trình chuyển hoá hay giải phóng, ngay cả bây giờ, vẫn còn tiếp tục trên Mặt Trăng? Dường như là vậy từ những gì được nói dưới đây.

the essential life of the human kingdom has withdrawn and found a new field of expression.

sự sống cốt yếu của giới nhân loại đã rút đi và tìm được một lĩnh vực biểu hiện mới.

169. Was it a natural process? Was there a natural completion? Or was the process interrupted as we have been told, before there could be completion?

169. Đó có phải là một tiến trình tự nhiên không? Có phải đã có một sự hoàn tất tự nhiên không? Hay tiến trình ấy đã bị gián đoạn như chúng ta đã được cho biết, trước khi có thể hoàn tất?

170. That new field of expression became the Earth-chain and this field of expression was needed because the natural evolutionary process was disturbed by the Solar Logos.

170. Lĩnh vực biểu hiện mới ấy đã trở thành Dãy Địa Cầu, và lĩnh vực biểu hiện này là cần thiết vì tiến trình tiến hoá tự nhiên đã bị Thái dương Thượng đế làm xáo trộn.

The progress of evolution on the moon was abruptly disturbed and arrested by the timely interference of the solar Logos. The secret of the suffering in the Earth chain, which makes it merit the name of the Sphere of Suffering, and the mystery of the long and painful watch kept by the SILENT WATCHER,[48] has its origin in the events which brought the moon chain to a terrific culmination. Conditions of agony and of distress such as are found on our planet are

Tiến trình tiến hoá trên mặt trăng đã bị xáo trộn và đình chỉ đột ngột bởi sự can thiệp kịp thời của Thái dương Thượng đế. Bí mật của đau khổ trong Dãy Địa Cầu, khiến nó xứng đáng với tên gọi Khối Cầu Đau Khổ, và huyền nhiệm của sự canh thức lâu dài và đau đớn do ĐẤNG QUAN SÁT THẦM LẶNG gìn giữ,48 bắt nguồn từ những biến cố đã đưa Dãy Mặt Trăng đến một cực điểm khủng khiếp. Những điều kiện thống khổ và đau đớn như được tìm thấy trên hành tinh chúng ta

found in no such degree in any other scheme. (TCF 416)

All animal life has equally been **absorbed by a greater centre in another chain.**

171. Can we, with reason, think of this chain as the sixth—the Mars-chain? There are a number of triangles in the diagram of the Mars-chain indicating an affinity for the third or animal kingdom.

172. Does this mean that no Moon-chain animal life was absorbed into the Earth-chain of the Earth-scheme?

Practically the same can be said of the vegetable kingdom on the moon though there are a few of the lower forms of the vegetable life (of a kind unrecognisable by us) still to be found there;

173. A fascinating thought. Perhaps recent explorations of the Moon have gathered examples of these lower forms together without realizing it.

174. Were the vegetable forms transferred, apparently, to still another chain, transferred, perhaps, to the second of Venus-chain? The vegetable kingdom is the *second* kingdom.

whilst the mineral kingdom is radioactive and the essence of all mineral forms is fast escaping.

175. But escaping whither if not to another chain?

không được tìm thấy ở mức độ như thế trong bất kỳ hệ hành tinh nào khác. (TCF 416)

Mọi sự sống động vật cũng đều đã được **hấp thu bởi một trung tâm lớn hơn trong một dãy khác.**

171. Liệu chúng ta có thể, một cách hợp lý, nghĩ đến dãy này như dãy thứ sáu—dãy Sao Hỏa chăng? Có một số tam giác trong sơ đồ của dãy Sao Hỏa cho thấy một sự tương hợp với giới thứ ba hay giới động vật.

172. Điều này có nghĩa là không có sự sống động vật nào của Dãy Mặt Trăng được hấp thu vào Dãy Địa Cầu của hệ Địa Cầu sao?

Thực tế cũng có thể nói gần như vậy về giới thực vật trên mặt trăng mặc dù vẫn còn một vài hình thức thấp của sự sống thực vật (thuộc một loại không thể nhận biết đối với chúng ta) vẫn còn được tìm thấy ở đó;

173. Một ý tưởng thật hấp dẫn. Có lẽ những cuộc thám hiểm Mặt Trăng gần đây đã thu thập được các mẫu của những hình thức thấp ấy mà không nhận ra điều đó.

174. Phải chăng các hình thức thực vật, dường như, đã được chuyển sang một dãy khác nữa, có lẽ được chuyển sang dãy thứ hai của Sao Kim? Giới thực vật là giới *thứ hai*.

trong khi giới kim thạch thì phóng xạ và tinh chất của mọi hình tướng khoáng vật đang nhanh chóng thoát ra.

175. Nhưng thoát đi đâu nếu không phải sang một dãy khác?

176. The "Mystery of the Moon" is far deeper than we suspect.

176. "Huyền nhiệm của Mặt Trăng" sâu xa hơn nhiều so với điều chúng ta ngờ tới.

177. We see that not all Moon lives were transferred to the Earth-chain.

177. Chúng ta thấy rằng không phải mọi sự sống của Mặt Trăng đều được chuyển sang Dãy Địa Cầu.

178. If the mineral kingdom on the Moon is radioactive *now* it would seem that contemporary science should be able to determine if this is the case. Perhaps analysis of rock from the Moon will reveal the extent to which it is radioactive or not.

178. Nếu giới kim thạch trên Mặt Trăng *hiện nay* là phóng xạ, thì dường như khoa học đương thời phải có khả năng xác định xem điều này có đúng hay không. Có lẽ việc phân tích đá từ Mặt Trăng sẽ cho thấy mức độ phóng xạ của nó hay không.

179. What will remain of the mineral forms once the essence of the mineral forms escapes? We may infer that this escape will contribute to the physical disintegration of the present physical form of the Moon.

179. Điều gì sẽ còn lại của các hình tướng khoáng vật một khi tinh chất của các hình tướng khoáng vật thoát ra? Chúng ta có thể suy ra rằng sự thoát ra này sẽ góp phần vào sự tan rã hồng trần của hình tướng hồng trần hiện tại của Mặt Trăng.

In connection with the kingdoms of nature, it must be remembered that their growth and eventual radiation is **dependent upon the cyclic purpose of the planetary Logos**, and upon the **currents of force which play upon His planetary body, and which emanate from other planetary schemes**.

Liên quan đến các giới trong thiên nhiên, cần ghi nhớ rằng sự tăng trưởng và sự phóng xạ sau cùng của chúng **phụ thuộc vào mục đích chu kỳ của Hành Tinh Thượng Đế**, và vào các **dòng mãnh lực tác động lên thể hành tinh của Ngài, và phát ra từ các hệ hành tinh khác**.

180. The different kinds of radioactivity achieved in the various kingdoms on our planet (and in other places within our planetary scheme) depend on many factors. Currents of force external to our Planetary Logos and coming from other planetary schemes determine, in part, the timing of the radioactive demonstration of any kingdom of nature. The "cyclic purpose of the Planetary Logos", however, is probably the most important determinant.

180. Những loại phóng xạ khác nhau đạt được trong các giới khác nhau trên hành tinh chúng ta (và ở những nơi khác trong hệ hành tinh của chúng ta) phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Các dòng mãnh lực ở bên ngoài Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và đến từ các hệ hành tinh khác quyết định, một phần, thời điểm biểu lộ phóng xạ của bất kỳ giới nào trong thiên nhiên. Tuy nhiên, "mục đích chu kỳ của Hành Tinh Thượng Đế" có lẽ là yếu tố quyết định quan trọng nhất.

181. If we examine the state of the various kingdoms on our planet, we will see that,

181. Nếu chúng ta khảo sát trạng thái của các giới khác nhau trên hành tinh chúng ta,

relatively speaking, the planet kingdom (as the most highly developed kingdom) is closer to a state of radioactivity than the other kingdoms, and especially closer than the animal or the human kingdom.

chúng ta sẽ thấy rằng, xét tương đối, giới thực vật (với tư cách là giới phát triển cao nhất) gần với trạng thái phóng xạ hơn các giới khác, và đặc biệt gần hơn giới động vật hay giới nhân loại.

182. Humanity, however, is heading into a period of increasing radiation. This has happened twice before in recent history—once at the time of the Christ in Palestine and the other at the time of the Buddha. (cf. TCF 1078-1079)

182. Tuy nhiên, nhân loại đang tiến vào một thời kỳ gia tăng phóng xạ. Điều này đã xảy ra hai lần trước đây trong lịch sử gần đây—một lần vào thời Đức Christ ở Palestine và lần kia vào thời Đức Phật. (xem TCF 1078-1079)

All atoms become radioactive as the result of a response to a stronger magnetic centre which response is brought about through the gradual evolutionary development of consciousness of some kind or another.

Mọi nguyên tử đều trở thành phóng xạ do kết quả của sự đáp ứng với một trung tâm từ tính mạnh hơn; sự đáp ứng ấy được tạo ra qua sự phát triển tiến hoá dần dần của một loại tâm thức nào đó.

183. A greater magnetic center is always the cause of the radioactivity of a lesser life.

183. Một trung tâm từ tính lớn hơn luôn luôn là nguyên nhân của tính phóng xạ nơi một sự sống nhỏ hơn.

184. This happens only gradually and requires the growth of consciousness to prepare the lesser atom for response to the greater magnetic center.

184. Điều này chỉ xảy ra dần dần và đòi hỏi sự tăng trưởng của tâm thức để chuẩn bị nguyên tử nhỏ hơn đáp ứng với trung tâm từ tính lớn hơn.

This is known to be true in a small degree in connection with the mineral kingdom **though scientists have not yet admitted that radiation is thus caused.**

Điều này được biết là đúng ở một mức độ nhỏ liên quan đến giới kim thạch **mặc dù các nhà khoa học vẫn chưa thừa nhận rằng sự phóng xạ được gây ra như vậy.**

185. A little over a hundred years ago, humanity entered a phase in which radiation/radioactivity in the mineral kingdom became a well-known and widely accepted fact.

185. Hơn một trăm năm trước một chút, nhân loại đã bước vào một giai đoạn trong đó bức xạ/tính phóng xạ trong giới kim thạch trở thành một sự kiện được biết rõ và được chấp nhận rộng rãi.

Later they will, but only when this general theory which is here laid down in connection with all atoms is admitted by them to be a plausible hypothesis.

Về sau họ sẽ thừa nhận, nhưng chỉ khi lý thuyết tổng quát được nêu ra ở đây liên quan đến mọi nguyên tử được họ chấp nhận như một giả thuyết có thể chấp nhận.s

186. We see how important this book, *A Treatise on Cosmic Fire*, will be to scientists of the coming era.

186. Chúng ta thấy cuốn sách này, *Luận về Lửa Vũ Trụ*, sẽ quan trọng biết bao đối với các nhà khoa học của kỷ nguyên sắp đến.

187. It seems as if Master DK is planting the seeds for the development of many forms of knowledge in the coming Age.

187. Dường như Chân sư DK đang gieo những hạt giống cho sự phát triển của nhiều hình thức tri thức trong Kỷ Nguyên sắp đến.

Then the goal of their endeavour will be somewhat changed; they will seek to ascertain through clear thinking and a study of the involved analogy **what focal points of magnetic energy may be regarded as existing,** and how they affect the atoms in their environment.

Khi đó mục tiêu của nỗ lực họ sẽ phần nào thay đổi; họ sẽ tìm cách xác định, qua tư duy sáng suốt và việc nghiên cứu phép tương đồng liên quan, **những điểm tập trung nào của năng lượng từ tính có thể được xem là đang hiện hữu,** và chúng ảnh hưởng thế nào đến các nguyên tử trong môi trường của chúng.

188. They will be entering an appreciation of the life of the greater Being Who is the ensouling Life of the mineral kingdom.

188. Họ sẽ bắt đầu cảm nhận được sự sống của Đấng lớn hơn là Sự sống phú linh cho giới kim thạch.

189. Interestingly the use of the Law of Analogy will be necessary for scientific progress along these lines.

189. Điều đáng chú ý là việc sử dụng Định luật Tương đồng sẽ cần thiết cho sự tiến bộ khoa học theo những đường hướng này.

190. Scientists now know something about the existence of the nucleus of the atom, but of the greater magnetic center which 'calls to' the life within the atom, they know little if anything.

190. Hiện nay các nhà khoa học biết đôi chút về sự hiện hữu của hạt nhân nguyên tử, nhưng về trung tâm từ tính lớn hơn vốn "gọi mời" sự sống bên trong nguyên tử thì họ biết rất ít, nếu không muốn nói là không biết gì.

191. One can think that such discoveries will be made partially under the influence of magnetic, attractive Jupiter in Aquarius.

191. Người ta có thể nghĩ rằng những khám phá như thế sẽ được thực hiện phần nào dưới ảnh hưởng của Sao Mộc từ tính, hấp dẫn trong Bảo Bình.

One hint only can here be given. Light upon these dark problems will come along two lines.

Ở đây chỉ có thể đưa ra một gợi ý. Ánh sáng soi rọi những vấn đề tối tăm này sẽ đến theo hai đường.

First, it will come through **the study of the place of the solar system in the universal whole, and the effect that certain constellations have upon it**;

Thứ nhất, nó sẽ đến qua **việc nghiên cứu vị trí của hệ mặt trời trong toàn thể vũ trụ, và ảnh hưởng mà một số chòm sao nhất định tác động lên nó**;

192. Thus the work of the esoterically-inclined astrophysicist will be necessary to the scientific alchemist.

192. Vì vậy, công việc của nhà vật lý thiên văn có khuynh hướng huyền bí học sẽ là điều cần thiết đối với nhà luyện kim khoa học.

193. We can see also, why DK said that a study of analogies would be required to discover what focal points of magnetic energy might exist.

193. Chúng ta cũng có thể thấy vì sao Chân sư DK nói rằng việc nghiên cứu các phép tương đồng sẽ cần thiết để khám phá những điểm tập trung nào của năng lượng từ tính có thể hiện hữu.

194. What we are attempting to do now—blending macrocosm and microcosm through a study of analogy—will be the mode of procedure for scientific alchemical investigators of the future.

194. Điều chúng ta đang cố gắng thực hiện hiện nay—hòa trộn đại thiên địa và tiểu thiên địa qua việc nghiên cứu phép loại suy—sẽ là phương thức tiến hành của các nhà nghiên cứu thuật luyện kim khoa học trong tương lai.

195. The effect of greater cosmic centers upon lesser 'atoms' such as our Sun and its solar system will give the analogical hint.

195. Tác động của các trung tâm vũ trụ lớn hơn lên những "nguyên tử" nhỏ hơn như Mặt Trời của chúng ta và hệ mặt trời của nó sẽ cung cấp gợi ý theo phép loại suy.

secondly, it will come through a close study of the effect of one planetary scheme upon another, and the place of the moon in our own planetary life.

thứ hai, điều đó sẽ đến qua việc nghiên cứu kỹ lưỡng tác động của một hệ hành tinh lên một hệ hành tinh khác, và vị trí của mặt trăng trong sự sống hành tinh của chính chúng ta.

196. So the alchemical scientific investigator will have to "look to the heavens" for hints regarding the discovery of the focal points of magnetic energy.

196. Vì vậy nhà nghiên cứu thuật luyện kim khoa học sẽ phải "nhìn lên trời" để tìm những gợi ý liên quan đến việc khám phá các tiêu điểm của năng lượng từ tính.

197. Uranus is the planet of radioactivity and, presumably, the influence of the Moon, such as it is today, resists the activation of radioactivity in elemental substances within the Earth-globe (and perhaps chain(, though its own physical disintegration may be seen as partially related to the radioactive state of its mineral forms.

197. Sao Thiên Vương là hành tinh của tính phóng xạ và, có lẽ, ảnh hưởng của Mặt Trăng, như nó hiện nay, chống lại sự hoạt hóa tính phóng xạ trong các chất liệu hành khí bên trong bầu hành tinh Trái Đất (và có lẽ cả dãy), dù sự tan rã vật lý của chính nó có thể được xem là có liên hệ phần nào với trạng thái phóng xạ của các dạng kim thạch của nó.

198. Mars rules exoteric science and Uranus rules occult science. These two may play opposing roles. The planet Uranus has a liberative effect upon the Creative Hierarchy of Lunar Lords, which is ruled, in different ways, by both Mars and the Moon.

198. Sao Hỏa cai quản khoa học ngoại môn và Sao Thiên Vương cai quản khoa học huyền bí. Hai hành tinh này có thể đóng những vai trò đối nghịch. Hành tinh Sao Thiên Vương có tác động giải phóng lên Huyền Giai Sáng Tạo của các nguyệt tinh quân, vốn được cai quản, theo những cách khác nhau, bởi cả Sao Hỏa lẫn Mặt Trăng.

This will lead to a close investigation of polar conditions in the earth, of the planetary magnetic currents, and of the electrical intercourse between our earth, and the Venusian and Martian planetary schemes.

Điều này sẽ dẫn đến việc khảo cứu kỹ lưỡng các điều kiện cực của Trái Đất, các dòng từ tính hành tinh, và sự giao tiếp điện lực giữa Trái Đất chúng ta với các hệ hành tinh Kim Tinh và Hỏa Tinh.

199. Are Venus and Mars meant to be the two planetary schemes suggested above when DK mentioned “the effect of one planetary scheme upon another”? We could understand this to be the case. If so, Mars would be the retarding factor resisting the etherealization of matter and Venus the soul-related promotive factor.

199. Có phải Sao Kim và Sao Hỏa là hai hệ hành tinh được gợi ý ở trên khi Chân sư DK đề cập đến “tác động của một hệ hành tinh lên một hệ hành tinh khác” chăng? Chúng ta có thể hiểu là như vậy. Nếu thế, Sao Hỏa sẽ là yếu tố trì hoãn chống lại sự dĩ thái hóa của vật chất, còn Sao Kim là yếu tố thúc đẩy liên hệ với linh hồn.

200. From another perspective, Mars represents fire by friction and Venus solar fire, both of which (we have been told above) prepare the way for the demonstration of radiation.

200. Từ một góc nhìn khác, Sao Hỏa tượng trưng cho Lửa ma sát và Sao Kim tượng trưng cho Lửa Thái dương, cả hai điều này (như chúng ta đã được cho biết ở trên) đều chuẩn bị con đường cho sự biểu lộ của phóng xạ.

201. Let us tabulate the three factors which will be investigated:

201. Chúng ta hãy lập bảng ba yếu tố sẽ được khảo cứu:

a. Polar conditions—the relationship between the magnetic condition of the North Pole and the Southern Pole

a. Các điều kiện cực—mối liên hệ giữa tình trạng từ tính của Bắc Cực và Nam Cực

b. Planetary magnetic currents

b. Các dòng từ tính hành tinh

c. The relationship between Earth, Venus and Mars

c. Mối liên hệ giữa Trái Đất, Sao Kim và Sao Hỏa

When this has been accomplished, astronomy and esoteric astrology will be revolutionised, and **the nature of solar energy as an expression of an Entity of the fourth rank will be appreciated**.

Khi điều này đã được hoàn thành, thiên văn học và Chiêm Tinh Học Nội Môn sẽ được cách mạng hóa, và **bản chất của năng lượng thái dương như một biểu hiện của một Thực Thể thuộc cấp bậc thứ tư sẽ được nhận thức**.

202. The occultism only deepens.

202. Huyền bí học chỉ càng thêm sâu sắc.

203. We have in the Teaching the statement that our Solar Logos is one of the "fourth order". Does DK here refer to the ranking of our Solar Logos; is He an "Entity of the fourth rank"—for instance within His *own* Creative Hierarchy of Solar Logoi?

203. Trong Giáo Huấn, chúng ta có lời khẳng định rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trong những Đấng thuộc "đẳng cấp thứ tư". Ở đây Chân sư DK có đang nói đến thứ bậc của Thái dương Thượng đế của chúng ta chăng; phải chăng Ngài là một "Thực Thể thuộc cấp bậc thứ tư"—chẳng hạn trong Huyền Giai Sáng Tạo của các Thái dương Thượng đế *riêng* của Ngài?

204. Or are we speaking of an Entity even greater in scope?

204. Hay chúng ta đang nói đến một Thực Thể còn vĩ đại hơn về phạm vi?

205. It also seems necessary to notice the role played by the fourth cosmic etheric subplane which, itself, is an *entified* sphere.

205. Dường như cũng cần lưu ý đến vai trò do cõi phụ dĩ thái vũ trụ thứ tư đảm nhiệm, vốn tự nó là một khối cầu đã được thể hiện thành thực thể.*entified* sphere.

From the cosmic point of view, as we know, our sun is but of the fourth order, and on the lowest cosmic plane. When the Son has,

Từ quan điểm vũ trụ, như chúng ta biết, mặt trời của chúng ta chỉ thuộc đẳng cấp thứ tư, và ở trên cõi vũ trụ thấp nhất. Khi Con, qua

through the Sun, attained full expression (that is, perfected His display of light and heat) then He will shine forth upon another plane, that of the cosmic mental. (TCF 230)

Mặt Trời, đã đạt được sự biểu hiện trọn vẹn (nghĩa là, hoàn thiện sự biểu lộ ánh sáng và nhiệt của Ngài) thì Ngài sẽ chiếu sáng trên một cõi khác, đó là cõi trí tuệ vũ trụ. (TCF 230)

206. We note also that by the time of this revolution "esoteric" astrology will be well-established and presumably in need of revolutionizing.

206. Chúng ta cũng lưu ý rằng vào thời điểm của cuộc cách mạng này, chiêm tinh học "nội môn" sẽ được thiết lập vững chắc và có lẽ đang cần được cách mạng hóa.

This will come at the close of this century after a scientific discovery of even greater importance to the scientific world than that as to the nature of the atom.

Điều này sẽ đến vào lúc kết thúc thế kỷ này sau một khám phá khoa học còn quan trọng hơn đối với thế giới khoa học so với khám phá về bản chất của nguyên tử.

207. We do not know whether such a discovery has come or even what it is intended to be. Perhaps, since this book was written in the early 1920's, some retardation has set in. On the other hand, the implications of discoveries made the scientific elite take some time to percolate into the consciousness of humanity.

207. Chúng ta không biết liệu một khám phá như thế đã xuất hiện hay chưa, hoặc thậm chí nó được dự định là gì. Có lẽ, vì quyển sách này được viết vào đầu thập niên 1920, nên đã có một sự trì hoãn nào đó xảy ra. Mặt khác, những hàm ý của các khám phá do giới tinh hoa khoa học thực hiện cần một thời gian để thấm vào tâm thức của nhân loại.

Until that time it will be as difficult to express the hylozoistic conception in terms of exact science

Cho đến lúc đó, việc diễn đạt quan niệm hylozoistic bằng những thuật ngữ của khoa học chính xác sẽ khó khăn không kém

208. Though it can be expressed more philosophically and symbolically…

208. Dù nó có thể được diễn đạt theo cách triết học và biểu tượng hơn…

as it would be for the sixteenth century ancestor of present humanity to conceive of **the atom as being simply an aspect of force, and not objective and tangible.** Hence further elucidation will but serve to confuse.

như việc một tổ tiên ở thế kỷ mười sáu của nhân loại hiện nay hình dung rằng **nguyên tử chỉ đơn giản là một phương diện của mãnh lực, chứ không phải là một vật thể khách quan và sờ chạm được.** Do đó, mọi sự làm sáng tỏ thêm chỉ càng gây rối trí.

209. The veils over the mind are only slowly lifted and what is now inconceivable becomes reasonable speculation.

209. Những bức màn che phủ trí tuệ chỉ được vén lên rất chậm, và điều hiện nay không thể hình dung được sẽ trở thành sự suy đoán hợp lý.

210. We presume that our ability to think in terms of the intangible is rapidly growing.

210. Chúng ta cho rằng khả năng suy nghĩ theo những gì vô hình thể của chúng ta đang tăng trưởng nhanh chóng.

S8S12 Part II

(1070-1078)

(1070-1078)

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và chính cách trình bày cô đọng trong sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Giải**

1. We continue with the theme of radiation and radioactivity.

1. Chúng ta tiếp tục với chủ đề về bức xạ và tính phóng xạ.

In considering this vast subject of radiation, which is the result of **spiral-progressive movement**,

Khi xem xét chủ đề rộng lớn này về bức xạ, vốn là kết quả của **chuyển động xoắn ốc-tiến triển**,

2. Let us be reminded of how this discussion arose.

2. Chúng ta hãy nhớ lại cuộc thảo luận này đã phát sinh như thế nào.

3. The effect of the first and second aspects combined, upon the third aspect, produce radiation.

3. Tác động của phương diện thứ nhất và thứ hai kết hợp lại lên phương diện thứ ba tạo ra bức xạ.

4. From this perspective, the *soul* produces radiation for it is responsible for inducing spiral-cyclic motion in the human energy system. The soul, we remember, carries the presence of the first aspect in the Jewel in the Lotus, so the combination of first and second rays is present.

4. Từ góc nhìn này, *linh hồn* tạo ra bức xạ vì nó chịu trách nhiệm gây ra chuyển động xoắn ốc-chu kỳ trong hệ thống năng lượng của con người. Như chúng ta nhớ, linh hồn mang sự hiện diện của phương diện thứ nhất trong Ngọc Châu trong Hoa Sen, vì vậy sự kết hợp của cung một và cung hai hiện diện ở đó.

it might be of interest if I here pointed out that in every kingdom of nature there are **certain focal points of energy which**, as the aeons gradually sweep along, **bring the atomic substance of which all forms in all kingdoms are composed to the point where they become radioactive and achieve [Page 1071] liberation**.

có lẽ sẽ là điều đáng quan tâm nếu ở đây tôi chỉ ra rằng trong mỗi giới của thiên nhiên đều có **những tiêu điểm năng lượng nhất định mà**, khi các đại kiếp dần trôi qua, **đưa chất liệu nguyên tử mà từ đó mọi hình tướng trong mọi giới được cấuthành đến điểm mà chúng trở nên phóng xạ và đạt được [Page 1071] sự giải thoát**.

5. These focal points are obscure and of them we have no real notion unless we are informed, as is now the case

5. Những tiêu điểm này còn mơ hồ, và chúng ta không có khái niệm thực sự nào về chúng trừ phi được báo cho biết, như hiện nay đang là trường hợp như vậy

6. These focal points of energy are magnetic centers which draw upon the encapsulated essence, the “lower spark of life”, promoting its liberation from the confining form.

6. Những tiêu điểm năng lượng này là các trung tâm từ tính, chúng hút lấy tinh chất được bao bọc, “tia lửa sự sống thấp”, thúc đẩy sự giải phóng của nó khỏi hình tướng giam hãm.

(The term "liberation" really means the ability of any conscious atom

(Thuật ngữ “giải thoát” thực sự có nghĩa là khả năng của bất kỳ nguyên tử hữu thức nào

7. Much depends on what precisely is meant by a “conscious atom”. It is the nucleus of life and consciousness or is it the *entire* atom?

7. Phần lớn tùy thuộc vào việc chính xác “nguyên tử hữu thức” có nghĩa là gì. Đó là hạt nhân của sự sống và tâm thức hay là toàn bộ nguyên tử?*entire* atom?

to pass out of one sphere of energised influence into another of a higher vibration, of larger and wider expanse of conscious realisation.)

8. The question is, "Is the entire atom preserved when its passes out of one sphere into another of higher vibration"? To a point it must be preserved, but there comes a point at which the atomic form is destroyed through the passage 'upwards' of the imbedded "spark of life"

9. In the case of the human being, is the causal body the atomic form? Not entirely. When the unit of consciousness (the "imbedded spark of life) passes out of the causal body through the destruction of that body, it passes into the sphere of the monadic atom. The conscious atom exists even though the causal body is destroyed.

10. Thus, we must bear in mind that the entire atom does not so pass, but only the internal, unit of life and consciousness. In man this is the Jiva, or it has also been called in this phase of DK's Teaching, "the lower spark of life". The true "Spark of Life" is the Monad. That which it 'puts down' into the lower five worlds is, reasonably, the "lower spark of life'. The entirety of the atom cannot pass into the next larger sphere. The unit of life and consciousness on passing receives a new vehicle, or enters into the use of one of its own higher vehicles through which it had not expressed in a focal manner before the moment of liberation.

Broadly speaking, it might be said that:

đi ra khỏi một khối cầu ảnh hưởng được tiếp năng lượng để đi vào một khối cầu khác có rung động cao hơn, có phạm vi lớn hơn và rộng hơn của sự chứng nghiệm hữu thức.)

8. Câu hỏi là: "Toàn bộ nguyên tử có được bảo tồn khi nó đi ra khỏi một khối cầu để vào một khối cầu khác có rung động cao hơn không?" Cho đến một mức độ nào đó, nó phải được bảo tồn, nhưng sẽ đến một điểm mà hình thức nguyên tử bị hủy diệt qua sự đi lên của "tia lửa sự sống" được cấy vào bên trong.

9. Trong trường hợp con người, thể nguyên nhân có phải là hình thức nguyên tử không? Không hoàn toàn như vậy. Khi đơn vị tâm thức ("tia lửa sự sống được cấy vào") đi ra khỏi thể nguyên nhân qua sự hủy diệt của thể đó, nó đi vào khối cầu của nguyên tử chân thần. Nguyên tử hữu thức vẫn tồn tại dù thể nguyên nhân bị hủy diệt.

10. Vì vậy, chúng ta phải ghi nhớ rằng không phải toàn bộ nguyên tử đi qua như thế, mà chỉ có đơn vị nội tại của sự sống và tâm thức. Trong con người, đây là Jiva, hay trong giai đoạn này của Giáo Huấn của Chân sư DK, nó cũng được gọi là "tia lửa sự sống thấp". "Tia Lửa Sự Sống" đích thực là Chân thần. Điều mà nó "đặt xuống" vào năm thế giới thấp hơn, một cách hợp lý, là "tia lửa sự sống thấp". Toàn thể nguyên tử không thể đi vào khối cầu lớn hơn kế tiếp. Đơn vị sự sống và tâm thức khi đi qua sẽ nhận một vận cụ mới, hoặc đi vào việc sử dụng một trong những vận cụ cao hơn của chính nó, qua đó trước thời điểm giải thoát nó chưa từng biểu lộ theo cách tiêu điểm.

Nói một cách khái quát, có thể nói rằng:

The *mineral kingdom* is responsive to that type of energy which is the **lowest aspect of fire,** of those **internal furnaces** which exert an influence upon the **elements** in the mineral world, and which **resolve these atomic lives into a gradual series of ever-higher types of mineral energy**.

giới kim thạch đáp ứng với **loại năng lượng đặc thù là phương diện thấp nhất của lửa,** của những **lò lửa nội tại** tác động lên các **nguyên tố** trong thế giới kim thạch, và **phân giải những sự sống nguyên tử này thành một chuỗi dần dần gồm những loại năng lượng kim thạch ngày càng cao hơn**.

11. The lowest aspect of fire is fire by friction, but DK seems to be speaking of the lowest aspect of fire by friction.

11. Phương diện thấp nhất của lửa là Lửa ma sát, nhưng Chân sư DK dường như đang nói về phương diện thấp nhất của chính Lửa ma sát.

12. DK is calling this type of energy by the name "internal furnaces". They act upon atomic lives and elevate them gradually

12. Chân sư DK gọi loại năng lượng này bằng tên "lò lửa nội tại". Chúng tác động lên các sự sống nguyên tử và nâng chúng lên dần dần.

13. Let us be clear about the nomenclature: such a fiery life is a "furnace". These furnaces are responsible for the evolutionary elevation of forms within the mineral kingdom.

13. Chúng ta hãy rõ ràng về danh xưng: một sự sống rực lửa như thế là một "lò lửa". Những lò lửa này chịu trách nhiệm cho sự nâng cao tiến hoá của các hình tướng trong giới kim thạch.

For instance, the type of energy which plays upon iron ore, or which produces tin, is emanated **from a different centre in the body of the Entity informing the mineral kingdom** to that which converts the elements into those wondrous jewels, the diamond, the sapphire, the emerald or the ruby.

Chẳng hạn, loại năng lượng tác động lên quặng sắt, hay tạo ra thiếc, được phát ra **từ một trung tâm khác trong thể của Thực Thể phú linh cho giới kim thạch** so với loại năng lượng chuyển các nguyên tố thành những bảo ngọc kỳ diệu như kim cương, lam ngọc, lục bảo hay hồng ngọc.

14. The model is becoming clearer. An Entity informs the mineral kingdom. That Entity has centers within its own energy system. Different centers in this Entity play upon or work upon different type of mineral substances. The center which plays upon or works upon the iron ore or tin is, DK seems to be saying, *lower* than the center which plays upon or works upon the elements to

14. Mô hình đang trở nên rõ ràng hơn. Một Thực Thể phú linh cho giới kim thạch. Thực Thể ấy có các trung tâm trong hệ thống năng lượng của chính nó. Những trung tâm khác nhau trong Thực Thể này tác động lên hay làm việc trên những loại chất liệu kim thạch khác nhau. Trung tâm tác động lên hay làm việc trên quặng sắt hoặc thiếc, dường như Chân sư DK đang nói, là *thấp hơn* trung tâm tác động lên hay làm việc trên các nguyên tố

produce such jewels as the diamond, the sapphire, the emerald or ruby.

15. We know nothing about the larger Life informing the mineral kingdom, or what the structure of its centers may be (presumably a sevenfold chakric structure), but the idea is sufficiently clear to be grasped.

16. He seems to be saying that the magnetic centers which call magnetically to the tiny lives in the various atoms of substance within the mineral kingdom are centers of force within the Entity which informs the mineral kingdom. This then, is a further elaboration on the nature of the magnetic centers of force discussed in forgoing text.

The energy of the particular centre involved is likewise responsive to force originating in the centre in the body of the planetary Logos—which centre depends upon the kingdom to be vivified.

17. We are speaking of 'lines of vivification': streaming from a center in the body of the Planetary Logos to the centers in an Entity which informs a particular kingdom; to the various type of atoms which are attuned to that center and which are to be elevate by means of this magnetism.

In dealing with these kingdoms, therefore, the relations might be briefly indicated—

KINGDOM PLANETARY CENTRE

a. Human..... Heart centre.

b. Animal..... Throat centre.

để tạo ra những bảo ngọc như kim cương, lam ngọc, lục bảo hay hồng ngọy.

15. Chúng ta không biết gì về Sự sống lớn hơn phú linh cho giới kim thạch, hay cấu trúc các trung tâm của nó có thể như thế nào (có lẽ là một cấu trúc luân xa thất phân), nhưng ý tưởng này đủ rõ để có thể nắm bắt.

16. Ngài dường như đang nói rằng các trung tâm từ tính gọi hút bằng từ lực những sự sống nhỏ bé trong các nguyên tử chất liệu khác nhau bên trong giới kim thạch là những trung tâm mãnh lực bên trong Thực Thể phú linh cho giới kim thạch. Như vậy, đây là một sự khai triển thêm về bản chất của các trung tâm từ tính của mãnh lực đã được bàn đến trong phần văn bản trước.

Năng lượng của trung tâm đặc thù liên hệ cũng đáp ứng với mãnh lực phát sinh từ trung tâm trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế—trung tâm ấy tùy thuộc vào giới cần được tiếp sinh lực.

17. Chúng ta đang nói về các "đường tiếp sinh lực": tuôn chảy từ một trung tâm trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế đến các trung tâm trong một Thực Thể phú linh cho một giới đặc thù; rồi đến các loại nguyên tử khác nhau được chỉnh hợp với trung tâm đó và sẽ được nâng lên bằng từ lực này.

Vì vậy, khi bàn đến các giới này, các mối liên hệ có thể được chỉ ra vắn tắt như sau—

GIỚI TRUNG TÂM HÀNH TINH

a. Nhân loại..... Trung tâm tim.

b. Động vật..... Trung tâm cổ họng.

c. Vegetable..... Solar plexus.

c. Thực vật..... Tùng thái dương.

d. Mineral..... Spleen. [emanating one type of energy, pure and simple]

d. Kim thạch..... Luân xa lá lách. [phát ra một loại năng lượng, thuần túy và đơn giản]

18. This tabulation varies greatly from the correspondences customarily given. Each of a number of varying tabulations throws light upon a kingdom from a different angle.

18. Bảng này khác biệt rất nhiều so với những tương ứng thường được đưa ra. Mỗi một trong số nhiều bảng khác nhau ấy soi sáng một giới từ một góc độ khác nhau.

19. Each of these planetary logoic centers represents a goal for the particular kingdom involved. Humanity must develop the heart; the animal kingdom must develop the mind; the vegetable kingdom must develop the power to feel; the mineral kingdom must develop vitality.

19. Mỗi một trong các trung tâm hành tinh-thượng-đế này tượng trưng cho một mục tiêu đối với giới đặc thù liên hệ. Nhân loại phải phát triển tim; giới động vật phải phát triển trí tuệ; giới thực vật phải phát triển năng lực cảm nhận; giới kim thạch phải phát triển sinh lực.

20. The sacral center is left out of the consideration, but a number of deva units correspond to that center.

20. Trung tâm xương cùng bị bỏ ra ngoài sự xem xét này, nhưng một số đơn vị thiên thần tương ứng với trung tâm đó.

The planetary egoic centre is, of course, the transmitter to all the others,

Trung tâm chân ngã hành tinh, dĩ nhiên, là trung gian truyền dẫn đến tất cả các trung tâm khác,

21. So the line of transmission goes from the “planetary egoic center”; to the various centers in the body of the Planetary Logos; to the various kingdoms correlated with each center (i.e., to the various Entities informing the various kingdoms); to the centers within each such Entity—centers correlated with different life forms to be found in the body of expression of that Entity—a kingdom.

21. Vì vậy đường truyền dẫn đi từ “trung tâm chân ngã hành tinh”; đến các trung tâm khác nhau trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế; đến các giới khác nhau tương ứng với mỗi trung tâm (tức là, đến các Thực Thể khác nhau phú linh cho các giới khác nhau); đến các trung tâm bên trong mỗi Thực Thể như thế—những trung tâm tương ứng với các dạng sự sống khác nhau được tìm thấy trong thể biểu hiện của Thực Thể ấy—một giới.

and it should be borne in mind in this connection that **every centre transmits three types of force**, with the exception of the spleen which hands on the **solar fires, pranic force, pure and simple**.

22. Thus the number of forces we derive from the foregoing tabulation is ten.

23. This will prove to be a most important thought (that three types of forces are transmitted by every center) because we shall see that each Entity informing a particular kingdom of nature has differing numbers of centers.

24. We should note that the "solar fires" are other than "solar fire". The first pertains to prana and the second to the fires of love and wisdom.

25. Do the three types of forces transmitted correspond to will, love and intelligence?

Students will eventually ascertain how to group the various types in the different kingdoms **according to the type of energy they display in fullest measure**,

26. Grouping the various types of living forms?

27. This method of grouping is, apparently, not yet available to us.

28. Probably in each kingdom one type of energy is dominant and another is the goal.

29. In the human kingdom (self-conscious) intelligence is dominant and love (soul love) is the goal.

và cần ghi nhớ trong mối liên hệ này rằng **mỗi trung tâm truyền dẫn ba loại mãnh lực**, ngoại trừ luân xa lá lách, vốn truyền **các lửa thái dương, prana lực, thuần túy và đơn giản**.

22. Như vậy số lượng các mãnh lực mà chúng ta rút ra từ bảng trên là mười.

23. Đây sẽ chứng tỏ là một tư tưởng hết sức quan trọng (rằng ba loại mãnh lực được truyền dẫn bởi mỗi trung tâm) bởi vì chúng ta sẽ thấy rằng mỗi Thực Thể phú linh cho một giới đặc thù của thiên nhiên có số lượng trung tâm khác nhau.

24. Chúng ta nên lưu ý rằng "các lửa thái dương" khác với "Lửa Thái dương". Điều thứ nhất liên hệ đến prana còn điều thứ hai liên hệ đến các lửa của bác ái và minh triết.

25. Ba loại mãnh lực được truyền dẫn có tương ứng với ý chí, bác ái và trí tuệ không?

Các đạo sinh rốt cuộc sẽ xác định được cách nhóm các loại khác nhau trong các giới khác nhau **theo loại năng lượng mà chúng biểu lộ đầy đủ nhất**,

26. Nhóm các loại hình sự sống khác nhau chăng?

27. Phương pháp nhóm này, dường như, hiện chưa sẵn có đối với chúng ta.

28. Có lẽ trong mỗi giới, một loại năng lượng là trội hơn và một loại khác là mục tiêu.

29. Trong giới nhân loại (tự ngã thức), trí tuệ là trội hơn và bác ái (bác ái của linh hồn) là mục tiêu.

30. In the animal kingdom, desire (the reflection of love) is dominant and intelligence, especially self-conscious intelligence, is the goal.

30. Trong giới động vật, dục vọng (sự phản chiếu của bác ái) là trội hơn và trí tuệ, đặc biệt là trí tuệ tự ngã thức, là mục tiêu.

31. In the vegetable kingdom, vitality (related to the third or activity aspect) is dominant) and desire/feeling is the goal.

31. Trong giới thực vật, sinh lực (liên hệ với phương diện thứ ba hay phương diện hoạt động) là trội hơn) và dục vọng/cảm giác là mục tiêu.

remembering that **only in the fourth kingdom, the human, is the highest of the three types (that which produces self-consciousness) [Page 1072] manifesting**;

hãy nhớ rằng **chỉ trong giới thứ tư, giới nhân loại, loại cao nhất trong ba loại (loại tạo ra tự ngã thức) mới đang [Page 1072] biểu lộ**;

32. This is the egoic impulse. The energy producing self-awareness is not yet revealed in the other kingdoms.

32. Đây là xung lực chân ngã. Năng lượng tạo ra sự tự nhận biết chưa được bộc lộ trong các giới khác.

in the others it is latent. **This will become apparent if the method of lunar individualisation is studied**.

trong các giới khác nó còn tiềm ẩn. **Điều này sẽ trở nên hiển nhiên nếu phương pháp biệt ngã hóa thái âm được nghiên cứu**.

33. This method does not involve solar angelic intervention but a gradual invocation of the Spirit aspect by the animal aspect. (“Animal man aspired.”) Still the statement is obscure and requires much pondering.

33. Phương pháp này không bao hàm sự can thiệp của Thái dương Thiên Thần mà là một sự khẩn cầu dần dần phương diện Tinh thần bởi phương diện động vật. (“Người thú đã khát vọng.”) Tuy nhiên, lời phát biểu này còn mơ hồ và đòi hỏi phải suy gẫm nhiều.

The *vegetable kingdom* is responsive to **the particular type of energy which produces the phenomenon of water, or moisture**. Through the effect of water every higher type of plant life is evolved, and **through the combination of heat and water results are brought about which produce new types.**

giới thực vật đáp ứng với **loại năng lượng đặc thù tạo ra hiện tượng nước, hay độ ẩm**. Qua tác động của nước, mọi loại sự sống thực vật cao hơn đều được tiến hoá, và **qua sự kết hợp của nhiệt và nước, những kết quả được tạo ra làm phát sinh các loại mới.**

34. We are here given important hints for the development of the various kingdoms, in this case, the vegetable kingdom.

34. Ở đây chúng ta được trao cho những gợi ý quan trọng về sự phát triển của các giới khác nhau, trong trường hợp này là giới thực vật.

35. What is the energy which brings atoms of hydrogen and oxygen together to produce water? It must be an attractive, unifying energy.

35. Năng lượng nào đưa các nguyên tử hydro và oxy lại với nhau để tạo thành nước? Hẳn đó phải là một năng lượng hấp dẫn, hợp nhất.

36. In these statements are hints for the preservation of the vegetative, cellular life of the human body.

36. Trong những phát biểu này có những gợi ý cho việc bảo tồn sự sống thực vật, sự sống tế bào của thể xác con người.

37. Heat is promotive and analogous to the energy of "progress onward", driving towards the creation of new forms.

37. Nhiệt có tính thúc đẩy và tương tự với năng lượng của "sự tiến bước về phía trước", thúc đẩy hướng đến việc tạo ra những hình tướng mới.

The herbal scientist who is producing new species

Nhà khoa học thảo mộc đang tạo ra những loài mới

38. Presumably, through hybridization…

38. Có lẽ, qua lai giống…

is really occupied with **the effect of sex energy** in the second kingdom of nature;

thực sự đang bận tâm với **tác động của năng lượng tính dục** trong giới thứ hai của thiên nhiên;

39. He is working with affinity as it exists within the various types within the vegetable kingdom. This energy comes under the rulership of Venus, a planet closely connected with the vegetable kingdom and its development.

39. Ông đang làm việc với ái lực như nó tồn tại trong các loại khác nhau bên trong giới thực vật. Năng lượng này nằm dưới quyền cai quản của Sao Kim, một hành tinh có liên hệ mật thiết với giới thực vật và sự phát triển của nó.

he will do well to deal with all plant life as **energy points** responsive to other and greater energy centres.

y sẽ làm tốt nếu đề cập đến mọi sự sống thực vật như những **điểm năng lượng** đáp ứng với những trung tâm năng lượng khác và lớn hơn.

40. Much is to be learned through the study of "points". Plant lives are to be considered as "energy points" and so are devas as we read below.

40. Có nhiều điều cần học qua việc nghiên cứu các "điểm". Các sự sống thực vật phải được xem như những "điểm năng lượng", và các thiên thần cũng vậy như chúng ta sẽ đọc ở dưới.

41. What are the implications of considering devas as “living points”. The question has often been asked: “What is the *shape* of a deva?”

41. Những hàm ý của việc xem các thiên thần như những “điểm sống” là gì? Câu hỏi thường được nêu ra là: “*hình dạng* của một thiên thần là gì?”

These Triads of Life are inherently the three Persons and the flower of the earlier system from a certain angle. From another angle, when studied as the "flower of the earlier Eight," **They are the eightfold points awaiting opportunity to flame forth.** They are the devas who are ready for service, which is to give to another hierarchy certain qualities which are lacking. This Hierarchy is regarded as the great donors of immortality whilst themselves "standing aloof from incarnation." Lords of Sacrifice and Love are They, but They cannot pass out of the logoic etheric body into the dense physical vehicle. (TCF 1199)

Những Tam nguyên tinh thần của Sự sống này vốn cố hữu là ba Ngôi Vị và là hoa của hệ thống trước đó theo một góc độ nào đó. Từ một góc độ khác, khi được nghiên cứu như “hoa của Tám trước đó,” **Các Ngài là những điểm bát phân đang chờ cơ hội để bùng cháy lên.** Các Ngài là những thiên thần đã sẵn sàng để phụng sự, tức là ban cho một huyền giai khác những phẩm tính còn thiếu. Huyền Giai này được xem là những Đấng ban tặng sự bất tử vĩ đại trong khi chính Các Ngài “đứng ngoài sự nhập thể.” Các Ngài là những Chúa Tể của Hi sinh và Bác ái, nhưng Các Ngài không thể đi ra khỏi thể dĩ thái thượng đế để vào vận cụ hồng trần đậm đặc. (TCF 1199)

It is not possible to give students an adequate idea of the beauty of the egoic lotus when it has reached the stage of complete unfoldment. The radiancy of its colour is not here referred to, but the brilliancy of the fires, and the rapid scintillation of the ceaselessly moving streams and points of energy. **Each petal pulsates with quivering fire "points,"** and each tier of petals vibrates with life, whilst at the centre glows the Jewel, raying forth streams of energy from the centre to the periphery of the outermost circle.

Không thể trao cho các đạo sinh một ý niệm đầy đủ về vẻ đẹp của Hoa Sen Chân Ngã khi nó đã đạt đến giai đoạn khai mở hoàn toàn. Ở đây không nói đến sự rực rỡ của màu sắc của nó, mà là sự chói sáng của các ngọn lửa, và sự lấp lánh mau lẹ của những dòng và những điểm năng lượng chuyển động không ngừng. **Mỗi cánh hoa rung động với những “điểm” lửa run rẩy,”** và mỗi tầng cánh hoa rung động với sự sống, trong khi ở trung tâm Ngọc Châu rực sáng, phóng ra những dòng năng lượng từ trung tâm đến chu vi của vòng ngoài cùng.

The fires of living energy circulate around each individual petal and the method of interweaving and the circulation of the fires is (as may be well realised) sevenfold in nature according to the sevenfold nature of the Logos involved. Each circle of petals becomes, as evolution proceeds, likewise active, and revolves around the central

Các ngọn lửa của năng lượng sống lưu chuyển quanh mỗi cánh hoa riêng biệt, và phương pháp đan kết cùng sự lưu chuyển của các ngọn lửa ấy (như có thể dễ dàng chứng nghiệm) có bản chất thất phân theo bản chất thất phân của Thượng đế liên hệ. Mỗi vòng cánh hoa, khi tiến hoá diễn ra, cũng trở nên hoạt động và quay quanh Ngọc

Jewel, so that we have, not only the activity of the petals, **not only the activity of the living points or the deva lives within the petal circumference,** but likewise the unified activity of each tier of the threefold lotus. (TCF 1118)

Châu trung tâm, để chúng ta không chỉ có hoạt động của các cánh hoa, **không chỉ có hoạt động của những điểm sống hay các sự sống thiên thần bên trong chu vi cánh hoa,** mà còn có hoạt động hợp nhất của mỗi tầng trong hoa sen tam phân. (TCF 1118)

42. Perhaps every living being is to be considered, essentially, as a "point". At length this is certainly true of the human being. Thos, for instance, who tread the Path to Sirius are called "blissful, dancing points of fanatical devotion".

42. Có lẽ mọi sinh thể sống, về bản chất, đều phải được xem như một "điểm". Cuối cùng điều này chắc chắn đúng đối với con người. Chẳng hạn, những ai bước trên Con đường đến Sirius được gọi là "những điểm chí phúc, nhảy múa của lòng sùng tín cuồng nhiệt".

Much will be learned along this line when electricity and colored lights are more freely used in experimental stations.

Sẽ học được nhiều điều theo đường hướng này khi điện lực và các ánh sáng màu được sử dụng tự do hơn trong các trạm thực nghiệm.

43. DK seems to be saying that if the herbal scientist wants to be more successful in creating new forms within the vegetable kingdom he should work with electricity and colored lights. Through colored lights specific energies can be applied. Through electricity, focal stimulation can be applied.

43. Chân sư DK dường như đang nói rằng nếu nhà khoa học thảo mộc muốn thành công hơn trong việc tạo ra những hình tướng mới trong giới thực vật, ông nên làm việc với điện lực và các ánh sáng màu. Qua các ánh sáng màu, những năng lượng đặc thù có thể được áp dụng. Qua điện lực, sự kích thích tiêu điểm có thể được áp dụng.

44. When workers on the fifth and fourth rays combine their efforts, this kind of work will be accomplished.

44. Khi những người hoạt động trên cung năm và cung bốn kết hợp nỗ lực của họ, loại công việc này sẽ được hoàn thành.

Sex, in the mineral kingdom, or **chemical affinity**, is the display in that kingdom of the **second type of magnetic force**;

Tính dục, trong giới kim thạch, hay **ái lực hoá học**, là sự biểu lộ trong giới ấy của **loại mãnh lực từ tính thứ hai**;

45. We pause to reframe our understanding. Chemical affinity is sex within the mineral kingdom.

45. Chúng ta dừng lại để định khung lại sự thấu hiểu của mình. Ái lực hoá học là tính dục trong giới kim thạc.

46. Since Vulcan and Venus are closely related (in mythology they were married) and since Vulcan rules the mineral kingdom,

46. Vì Vulcan và Sao Kim có liên hệ mật thiết với nhau (trong thần thoại, họ là vợ chồng), và vì Vulcan cai quản giới kim thạch, nên

we may follow a line of investigation which could relate Venus to chemical affinity. Generally, Venus stands for affinity of all types.

chúng ta có thể theo một đường khảo cứu có thể liên hệ Sao Kim với ái lực hoá học. Nói chung, Sao Kim tượng trưng cho ái lực thuộc mọi loại.

in the vegetable kingdom the same thing can be studied in the seed life, and in the fertilisation processes of all plants.

trong giới thực vật, điều tương tự có thể được nghiên cứu trong sự sống của hạt giống, và trong các tiến trình thụ tinh của mọi loài thực vật.

47. The vegetable kingdom is particularly related to Venus. Bees are said to 'come from' Venus. Their role in the fertilization processes of flowering planets is well known.

47. Giới thực vật đặc biệt liên hệ với Sao Kim. Người ta nói rằng ong "đến từ" Sao Kim. Vai trò của chúng trong các tiến trình thụ tinh của các hành tinh có hoa là điều đã được biết rõn.

Neptune, the God of the Waters, **has a curious relationship to our planetary Logos,** and also to the Entity Who is the informing life of the second kingdom.

Sao Hải Vương, Vị Thần của Nước, **có một mối liên hệ kỳ lạ với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta,** và cũng với Thực Thể là sự sống thấm nhuần của giới thứ hai.

48. We were earlier told that "the *vegetable kingdom* is responsive to the particular type of energy which produces the phenomenon of water, or moisture." Surely the energy of Neptune ("God of the Waters") is involved in this process. Are the rays of Neptune involved with the chemical creation of water?

48. Trước đây chúng ta đã được cho biết rằng "*giới thực vật* đáp ứng với loại năng lượng đặc thù tạo ra hiện tượng nước, hay độ ẩm." Chắc chắn năng lượng của Sao Hải Vương ("Vị Thần của Nước") có dự phần trong tiến trình này. Các cung của Sao Hải Vương có dự phần vào sự tạo thành hoá học của nước không?

49. Both our Planetary Logos and the Logos of Neptune have a prominent second ray. The plane of water, the astral plane, is the *second* plane.

49. Cả Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta lẫn Thượng đế của Sao Hải Vương đều có một cung hai nổi bật. Cõi của nước, cõi cảm dục, là cõi *thứ hai*.

50. Neptune holds the Trident and three atoms (two of hydrogen and one of oxygen) are present in every molecule of the usual form of water.

50. Sao Hải Vương cầm cây đinh ba, và ba nguyên tử (hai của hydro và một của oxy) hiện diện trong mỗi phân tử của dạng nước thông thường.

51. Venus, the ruler of the vegetable kingdom and Neptune are closely related.

51. Sao Kim, chủ tinh của giới thực vật, và Sao Hải Vương có liên hệ mật thiết. Sao Hải

Neptune is the "higher octave" to Venus and its synthesizing planet.

Vương là "quãng tám cao hơn" của Sao Kim và là hành tinh tổng hợp của nó.

The *animal kingdom* is responsive to a type of energy which is neither fire nor water but is a combination of the two.

Giới động vật đáp ứng với một loại năng lượng không phải lửa cũng không phải nước mà là sự kết hợp của cả hai.

52. The union of fire and water suggests kama-manas.

52. Sự hợp nhất của lửa và nước gợi ý kama-manas.

53. As man separates himself from his animal nature, he simultaneously separates his manas from his kama.

53. Khi con người tách mình ra khỏi bản chất động vật của mình, đồng thời y cũng tách manas của mình ra khỏi kama.

They are also the first of the kingdoms on the physical plane to be responsive to sound,

Chúng cũng là giới đầu tiên trên cõi hồng trần đáp ứng với âm thanh,

54. The implication is that other kingdom on the physical plane may eventually become responsive to sound. There is also the possibility that kingdoms which have members which are *not* focused on the physical plane *may* be responsive to sound.

54. Hàm ý ở đây là các giới khác trên cõi hồng trần rốt cuộc cũng có thể trở nên đáp ứng với âm thanh. Cũng có khả năng là những giới có các thành viên *không* tập trung trên cõi hồng trần *có thể* đáp ứng với âm thanh.

or to the energy emanating from that which we call noise.

hay với năng lượng phát ra từ điều mà chúng ta gọi là tiếng ồn.

55. It seems that DK *should* be speaking of the vegetable kingdom. Many experiments have now been performed to indicate the responsiveness of plants to sound (harmonious sound and to noise).

55. Dường như Chân sư DK *đáng lẽ* phải đang nói về giới thực vật. Hiện nay đã có nhiều thí nghiệm được thực hiện để cho thấy sự đáp ứng của thực vật đối với âm thanh (âm thanh hài hoà và tiếng ồn).

56. We note that plants do not have a voice. Animals do. The throat center in the animal kingdom is developed and is beginning to become an instrument of expression. Members of the animal kingdoms are responsive to the sounds made by other members of the same kingdom.

56. Chúng ta lưu ý rằng thực vật không có tiếng nói. Động vật thì có. Trung tâm cổ họng trong giới động vật được phát triển và đang bắt đầu trở thành một công cụ biểu đạt. Các thành viên của giới động vật đáp ứng với những âm thanh do các thành viên khác trong cùng giới phát ra.

57. These statements correlate to the fact that the animal kingdom is the third kingdom, related to the third ray and, thus, to the throat center.

57. Những phát biểu này tương ứng với sự kiện rằng giới động vật là giới thứ ba, liên hệ với cung ba và do đó với trung tâm cổ họng.

58. The implication is that the units in the mineral kingdom are not responsive to sound and Master DK has not mentioned the plant kingdom either.

58. Hàm ý là các đơn vị trong giới kim thạch không đáp ứng với âm thanh, và Chân sư DK cũng không nhắc đến giới thực vật.

This is an occult fact worthy of close attention.

Đây là một sự kiện huyền bí đáng được chú ý sát sao.

59. Thus the cellular or vegetative life within the human being will be responsive to sound and noise. So good sound, good music, should be supplied to assist the health of cells of the human body.

59. Do đó, sự sống tế bào hay thực vật bên trong con người sẽ đáp ứng với âm thanh và tiếng ồn. Vì vậy, âm thanh tốt, âm nhạc tốt, nên được cung cấp để hỗ trợ sức khoẻ của các tế bào trong thể xác con người.

The energy emanating from the Entity Who is the informing Life of the third kingdom in nature has five channels of approach, that is five centres.

Năng lượng phát ra từ Thực Thể là Sự sống thấm nhuần của giới thứ ba trong thiên nhiên có năm kênh tiếp cận, tức là năm trung tâm.

60. Earlier it seemed that each of these lower centers in the Planetary Logos expressed through three streams of energy.

60. Trước đây dường như mỗi trung tâm thấp này trong Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua ba dòng năng lượng.

61. Little has been said about the centers of energy in the informing Entities. The number of centers might correlate with the number of types of forms within such kingdoms, but probably the truth is more complex.

61. Ít điều được nói về các trung tâm năng lượng trong các Thực Thể thấm nhuần. Số lượng trung tâm có thể tương ứng với số loại hình tướng trong các giới ấy, nhưng có lẽ chân lý phức tạp hơn thế.

62. In the mineral kingdom we know we have the metals, the precious metals and the gems, but there are probably other ways of dividing the life units within that kingdom. Even among the division we call gemstones, there are seven distinct categories.

62. Trong giới kim thạch, chúng ta biết có các kim loại, các kim loại quý và các đá quý, nhưng có lẽ còn những cách khác để phân chia các đơn vị sự sống trong giới ấy. Ngay cả trong phân bộ mà chúng ta gọi là đá quý, cũng có bảy loại riêng biệt.

63. The implication could be that there must be at least three active centers within the Entity which is the informing life of the mineral kingdom, but, as Master DK describes the number of centers in that kingdom, we will see that this is not the case.

63. Hàm ý có thể là phải có ít nhất ba trung tâm hoạt động trong Thực Thể là sự sống thấm nhuần của giới kim thạch, nhưng như Chân sư DK mô tả số lượng trung tâm trong giới ấy, chúng ta sẽ thấy rằng không phải như vậy.

64. That there are seven centers of approach in the human kingdom, we well understand because so much of our Teaching deals with these seven centers.

64. Việc có bảy trung tâm tiếp cận trong giới nhân loại là điều chúng ta hiểu rõ, vì quá nhiều giáo huấn của chúng ta bàn đến bảy trung tâm này.

65. That there should be five centers of approach within the Entity Who informs animal kingdom makes sense as five is the number of Brahma, the Ruler of the third aspect of divinity. The animal kingdom is the *third* kingdom and the numbers correspond.

65. Việc phải có năm trung tâm tiếp cận trong Thực Thể thấm nhuần giới động vật là điều hợp lý, vì năm là con số của Brahma, Đấng Cai Quản phương diện thứ ba của thiên tính. Giới động vật là giới *thứ ba* và các con số tương ứng với nhau.

66. Many animals, however, have all the organs found in man, and for each organ there is a center of energy. And yet, because of the animal's stage of evolution, perhaps only five centers are *active* no matter how many other centers may be latent. Could we apply the same principle to kingdoms lower than the animal? Let us see.

66. Tuy nhiên, nhiều loài động vật có tất cả các cơ quan được tìm thấy nơi con người, và với mỗi cơ quan đều có một trung tâm năng lượng. Thế nhưng, do giai đoạn tiến hoá của động vật, có lẽ chỉ có năm trung tâm là *hoạt động* bất kể có bao nhiêu trung tâm khác còn tiềm ẩn. Liệu chúng ta có thể áp dụng cùng nguyên lý ấy cho các giới thấp hơn giới động vật không? Hãy xem.

That animating the fourth kingdom has seven, for the mind and the intuition are added.

Thực Thể làm sinh động giới thứ tư có bảy trung tâm, vì trí tuệ và trực giác được thêm vào.

67. In one respect, we seem to be speaking in the 'language of the senses' for the mind is considered the "sixth sense" and the intuition or "esoteric sense", the seventh. These faculties naturally have their chakric correlations.

67. Ở một phương diện, dường như chúng ta đang nói bằng "ngôn ngữ của các giác quan", vì trí tuệ được xem là "giác quan thứ sáu" và trực giác hay "giác quan huyền bí" là giác quan thứ bảy. Những năng lực này tự nhiên có các tương quan chakric của chúng.

68. If mind and intuition are added, we probably have the emphasis on the heart center and the head center. Animals do have the throat center coming into increasing activity but we notice that the animal use of the throat center is far more simple and primitive than the use of the throat center in man. There may be, however, certain special cases of animal communication through the throat center which, on examination, seems unusually intelligent and beyond the capacities of man in certain respects.

68. Nếu trí tuệ và trực giác được thêm vào, thì có lẽ chúng ta nhấn mạnh vào trung tâm tim và trung tâm đầu. Động vật quả có trung tâm cổ họng đang đi vào hoạt động ngày càng tăng, nhưng chúng ta nhận thấy việc sử dụng trung tâm cổ họng nơi động vật đơn giản và nguyên thuỷ hơn rất nhiều so với việc sử dụng trung tâm cổ họng nơi con người. Tuy nhiên, có thể có những trường hợp đặc biệt về sự giao tiếp của động vật qua trung tâm cổ họng mà khi khảo sát, dường như thông minh khác thường và vượt quá năng lực của con người ở một số phương diện.

69. The heart center is the seat the intuition from one angle of vision, though the head, via the pineal gland, is also active in the intuitive process. The head is also definitely involved with the mind as well, as the development of the mind demands the use the brain.

69. Trung tâm tim là chỗ ngự của trực giác theo một góc độ tầm nhìn, dù đầu, thông qua tuyến tùng quả, cũng hoạt động trong tiến trình trực giác. Đầu cũng chắc chắn liên hệ với trí tuệ nữa, vì sự phát triển của trí tuệ đòi hỏi việc sử dụng bộ não.

In the second kingdom there are three centres,

Trong giới thứ hai có ba trung tâm,

70. As we descend through the kingdoms we seem to be using the odd numbers—7, 5, 3 and later, with respect to the mineral kingdom, probably, 1.

70. Khi chúng ta đi xuống qua các giới, dường như chúng ta đang dùng các số lẻ—7, 5, 3 và sau đó, đối với giới kim thạch, có lẽ là 1.

but their manifestation is so obscure as to seem practically nonexistent to the human mind. In the first or mineral kingdom, the avenue of approach is limited to one centre. [Page 1073]

nhưng sự biểu hiện của chúng mờ tối đến mức đối với trí tuệ con người, dường như thực tế không hiện hữu. Trong giới thứ nhất hay giới kim thạch, con đường tiếp cận bị giới hạn vào một trung tâm. [Page 1073]

71. As stated.

71. Như đã nói.

72. There may be some problems with this method of enumeration, however. Let us say that there are seven types of form to be found within every Creative Hierarchy. This

72. Tuy nhiên, có thể có vài vấn đề với phương pháp liệt kê này. Chúng ta hãy nói rằng có bảy loại hình tướng được tìm thấy trong mỗi Huyền Giai Sáng Tạo. Điều này

may be true of the kingdoms as well. Certainly it is true of the human kingdom, and when we look at the phyla of animals and plants and the varieties of minerals, we would expect the same.

cũng có thể đúng với các giới. Chắc chắn điều đó đúng với giới nhân loại, và khi chúng ta nhìn vào các ngành của động vật và thực vật cùng các loại khoáng vật, chúng ta cũng sẽ mong đợi điều tương tự.

73. But the number of centers in the Entity informing the various kingdoms continues to be reduced as we move towards the mineral kingdom until, for that kingdom, we have only one center.

73. Nhưng số lượng trung tâm trong Thực Thể thấm nhuần các giới khác nhau tiếp tục giảm xuống khi chúng ta tiến về phía giới kim thạch cho đến khi, đối với giới ấy, chúng ta chỉ còn một trung tâm.

74. Now if each center in such an informing Entity draws upon or magnetizes the life in one type of form found within its kingdom, we have a numerical mismatch. We have more types of forms than we have centers in the informing Entity.

74. Giờ đây, nếu mỗi trung tâm trong một Thực Thể thấm nhuần như vậy rút vào hay từ hoá sự sống trong một loại hình tướng được tìm thấy trong giới của nó, thì chúng ta có một sự không khớp về số lượng. Chúng ta có nhiều loại hình tướng hơn số trung tâm trong Thực Thể thấm nhuần.

75. Even in the mineral kingdom, DK differentiated between the center which played upon the metals such as iron ore and tin, and the center which played upon or created from elements the precious gems. So two centers were named.

75. Ngay cả trong giới kim thạch, DK đã phân biệt giữa trung tâm tác động lên các kim loại như quặng sắt và thiếc, và trung tâm tác động lên hay tạo ra từ các nguyên tố những đá quý. Như vậy đã có hai trung tâm được nêu ra.

76. Now, could we be dealing with the 'petals' found within such centers and could the various petals be considered as magnetic centers acting upon the nucleus of the atoms which are to be liberated?

76. Giờ đây, liệu chúng ta có thể đang đề cập đến các "cánh hoa" được tìm thấy trong các trung tâm như vậy, và liệu các cánh hoa khác nhau có thể được xem như những trung tâm từ tính tác động lên hạt nhân của các nguyên tử sẽ được giải phóng không?

77. We have Entities informing the four kingdoms of nature under discussion *and* we have the chakras (within the Planetary Logos) each correlated to a specific kingdom. Are all chakras sevenfold and could the different types of energy which are applied to the "immersed sparks" within each kingdom come from different aspects of the

77. Chúng ta có các Thực Thể thấm nhuần bốn giới thiên nhiên đang được bàn đến và chúng ta có các chakra (bên trong Hành Tinh Thượng Đế), mỗi chakra tương ứng với một giới nhất định. Phải chăng mọi chakra đều thất phân, và liệu các loại năng lượng khác nhau được áp dụng cho những "tia lửa chìm đắm" trong mỗi giới có thể đến từ những phương diện khác nhau của chakra trong

chakra in the Planetary Logos which is attuned to that kingdom?

78. One thing of importance to note—no matter how many active centers within the Entity which informs a particular kingdom, from each of three centers in the Planetary Logos related to three of the kingdoms, *three energies* go forth. One of these energies or forces going forth from the a center in the Planetary Logos correlated with a kingdom, affects certain centers in the Entity informing that kingdom.

79. The Entity informing the mineral kingdom, however, has only one center and from the Planetary Logos, the center associated with the mineral kingdom, i.e., the spleen, sends forth only one type of force to the Entity informing the mineral kingdom.

80. We see we are dealing with matters obscure to the mind of man and that there are many apparent discrepancies here. We must not expect closure on this matter until more is known.

It will be observed, therefore, that the stimulation of magnetic energy proceeds from what might be regarded as jumps, 1-3-5-7.

81. As stated.

82. The Pythagoreans considered the odd numbers sacred.

Each kingdom starts with a specific equipment, and during the process of evolution within the kingdom adds to it so

Hành Tinh Thượng Đế vốn được chỉnh hợp với giới ấy chăng?

78. Có một điều quan trọng cần lưu ý—bất kể có bao nhiêu trung tâm hoạt động trong Thực Thể thấm nhuần một giới nhất định, từ mỗi một trong ba trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế liên hệ với ba giới, *ba năng lượng* phát ra. Một trong các năng lượng hay mãnh lực phát ra từ một trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế tương ứng với một giới sẽ tác động đến những trung tâm nhất định trong Thực Thể thấm nhuần giới ấy.

79. Tuy nhiên, Thực Thể thấm nhuần giới kim thạch chỉ có một trung tâm, và từ Hành Tinh Thượng Đế, trung tâm liên kết với giới kim thạch, tức luân xa lá lách, chỉ gửi ra một loại mãnh lực đến Thực Thể thấm nhuần giới kim thạch.

80. Chúng ta thấy rằng mình đang đề cập đến những vấn đề mờ tối đối với trí tuệ con người và rằng ở đây có nhiều điểm bất nhất bề ngoài. Chúng ta không nên mong đợi một kết luận dứt khoát về vấn đề này cho đến khi biết được nhiều hơn.

Do đó, sẽ thấy rằng sự kích thích của năng lượng từ tính tiến hành theo điều có thể được xem như những bước nhảy, 1-3-5-7.

81. Như đã nói.

82. Những người Pythagoras xem các số lẻ là thiêng liêng.

Mỗi giới bắt đầu với một trang bị đặc thù, và trong tiến trình tiến hoá bên trong giới ấy, lại thêm vào đó để sự sống được giải phóng

that the liberated life enters the next kingdom with its old equipment plus one.

đi vào giới kế tiếp với trang bị cũ của nó cộng thêm một.

83. We find constant progression and elevation—such it the magnificent Plan of the Planetary Logos of our Earth.

83. Chúng ta thấy có sự tiến triển và nâng cao liên tục—đó là Thiên Cơ huy hoàng của Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất chúng ta.

84. We see that in ascent, nothing is lost.

84. Chúng ta thấy rằng trong sự thăng lên, không điều gì bị mất.

85. We should apply this principle to the liberated Jiva at the fourth initiation. Nothing gained in the lower worlds is lost as that "point of fire" is liberated into the spiritual triad. The Masters can recapture memory of all that they have done in their many lives as a human being. The Buddha (whether the poetic imagination has been used in the recounting of an ancient tradition) is said to have remembered his existence as a tiger!

85. Chúng ta nên áp dụng nguyên lý này cho Jiva được giải phóng ở lần điểm đạo thứ tư. Không điều gì đạt được trong ba cõi thấp bị mất đi khi "điểm lửa" ấy được giải phóng vào Tam nguyên tinh thần. Các Chân sư có thể thu hồi ký ức về tất cả những gì Các Ngài đã làm trong nhiều kiếp sống của mình với tư cách một con người. Đức Phật (dù trí tưởng tượng thi ca có thể đã được dùng trong việc thuật lại một truyền thống cổ xưa) được nói là đã nhớ lại sự hiện hữu của Ngài như một con hổ!

The *human kingdom* is equally responsive to energy. This time it is the energy of fire at its highest manifestation in the three worlds.

Giới nhân loại cũng đáp ứng với năng lượng như vậy. Lần này đó là năng lượng của lửa trong biểu hiện cao nhất của nó trong ba cõi giới.

86. If we are speaking of the three words (and DK did not say "three lower worlds"), the highest manifestation of fire cannot be fire by friction. It must be either solar fire through the petals of the egoic lotus or electric fire (modified) through the expression of the Jewel in the Lotus.

86. Nếu chúng ta đang nói về ba cõi giới (và Chân sư DK đã không nói "ba cõi thấp"), thì biểu hiện cao nhất của lửa không thể là Lửa ma sát. Nó phải là hoặc Lửa Thái dương qua các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã, hoặc Lửa Điện (đã được biến đổi) qua sự biểu lộ của Ngọc trong Hoa Sen.

87. Much depends on whether, when we mention the "three worlds" we include the higher three subplanes of the mental plane. Upon those subplanes, both solar fire and electric fire are focussed.

87. Nhiều điều tuỳ thuộc vào việc khi chúng ta nhắc đến "ba cõi giới", chúng ta có bao gồm ba cõi phụ cao hơn của cõi trí hay không. Trên các cõi phụ ấy, cả Lửa Thái dương lẫn Lửa Điện đều được tập trung.

It must be borne in mind that we are referring to the positive energy of the greater Whole as it affects the lesser positive energetic points. We are not referring to form energy.

88. DK repeats this as He considers it of great importance. We are considering the draw of a greater *positive* upon a lesser *positive.* We are not referring to the interplay between any type of energy of form (even if that of a high form) and a lesser positive energy.

The atom becomes responsive to form energy or to that which surrounds it.

89. This is part of the process and a step along the way—the second step of four. Initially, the atom is concerned only with its own rotary processes and is virtually out of relationship with the form energy which surrounds it.

It becomes conscious and then becomes responsive to the force of the kingdom in which it is a part.

90. Presumably, this is the third step.

It gradually becomes responsive to stronger influences or to the force emanating from the Entity Who is the life of that kingdom.

91. This is the fourth step.

Finally, the atom becomes conscious of planetary energy, or responsive to the Heavenly Man Himself.

Cần ghi nhớ rằng chúng ta đang nói đến năng lượng dương của Toàn Thể lớn hơn khi nó tác động lên những điểm năng lượng dương nhỏ hơn. Chúng ta không nói đến năng lượng hình tướng.

88. DK lặp lại điều này vì Ngài xem đó là điều hết sức quan trọng. Chúng ta đang xét đến sức hút của một cực *dương* lớn hơn đối với một cực *dương* nhỏ hơn. Chúng ta không nói đến sự tương tác giữa bất kỳ loại năng lượng hình tướng nào (dù là của một hình tướng cao) với một năng lượng dương nhỏ hơn.

Nguyên tử trở nên đáp ứng với năng lượng hình tướng hay với điều bao quanh nó.

89. Đây là một phần của tiến trình và là một bước trên đường đi—bước thứ hai trong bốn bước. Ban đầu, nguyên tử chỉ quan tâm đến các tiến trình quay của chính nó và hầu như không có liên hệ gì với năng lượng hình tướng bao quanh nó.

Nó trở nên có ý thức rồi sau đó trở nên đáp ứng với mãnh lực của giới mà nó là một phần của giới.

90. Có lẽ đây là bước thứ ba.

Nó dần dần trở nên đáp ứng với những ảnh hưởng mạnh hơn hay với mãnh lực phát ra từ Thực Thể là sự sống của giới ấy.

91. Đây là bước thứ tư.

Cuối cùng, nguyên tử trở nên có ý thức về năng lượng hành tinh, hay đáp ứng với chính Đấng Thiên Nhân.

92. In earlier text, DK spoke of a four-stage process leading to liberation into a higher position within a kingdom due to the energy or force emanating from the Entity informing the kingdom, but He had not yet brought the energy of the Planetary Logos into the picture. This, then, is the final or fifth stage.

92. Trong đoạn văn trước, DK đã nói về một tiến trình bốn giai đoạn dẫn đến sự giải phóng vào một vị trí cao hơn trong một giới do năng lượng hay mãnh lực phát ra từ Thực Thể thấm nhuần giới ấy, nhưng Ngài chưa đưa năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế vào bức tranh. Như vậy, đây là giai đoạn cuối cùng hay giai đoạn thứ năm.

It then transcends the kingdom in which it has been, and is elevated into another kingdom in which the cycle is again repeated.

Sau đó nó vượt lên trên giới mà nó đã ở trong đó, và được nâng lên vào một giới khác trong đó chu kỳ lại được lặp lại.

93. In other words, when the energy of the Planetary Logos (presumably from the center within the Planetary Logos associated with the kingdom in which it an atom is found) influence an atom and is absorbed by the atom, it is then ready to change kingdoms. Naturally, in doing so, it will have to leave behind the form through which it was manifesting in the lower kingdom.

93. Nói cách khác, khi năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế (có lẽ từ trung tâm bên trong Hành Tinh Thượng Đế liên kết với giới mà nguyên tử được tìm thấy trong đó) tác động lên một nguyên tử và được nguyên tử hấp thụ, thì khi ấy nó sẵn sàng đổi giới. Tự nhiên, khi làm như vậy, nó sẽ phải bỏ lại hình tướng mà qua đó nó đã biểu lộ trong giới thấp hơn.

94. It may be presumed to leave the sphere of influence of the Entity which was the informing Live of the kingdom from which the atom (really its living center) is 'departing'.

94. Có thể giả định rằng nó rời khỏi phạm vi ảnh hưởng của Thực Thể vốn là Sự sống thấm nhuần của giới mà nguyên tử (thực ra là trung tâm sống của nó) đang "rời đi".

This can all be expressed in terms of consciousness but in this section we will limit the thought simply to that of energy.

Tất cả điều này đều có thể được diễn tả theo phương diện tâm thức, nhưng trong phần này chúng ta sẽ chỉ giới hạn tư tưởng vào năng lượng.

95. And this expression ("in terms of consciousness"), we could take up if we wished to expand the concepts already offered.

95. Và cách diễn đạt này ("theo phương diện tâm thức"), chúng ta có thể tiếp tục nếu muốn mở rộng các khái niệm đã được đưa ra.

96. Whatever happens to the form is accompanied by a parallel change in consciousness. In fact we could say that

96. Bất cứ điều gì xảy ra cho hình tướng đều đi kèm với một sự thay đổi song hành trong tâm thức. Thật vậy, chúng ta có thể nói rằng

changes in consciousness *cause* elevatory changes in form.

97. If we think of how the human being thinks and acts when he is a member of the human kingdom and how he thinks and acts once he becomes a member of the Kingdom of Souls, we can understand how the transition in consciousness might work in all kingdoms.

In summation it might be said that:

1. The planetary Logos has seven centres, as has man.

98. This is certainly the case in this solar system. Did He have five in the previous solar system? The Brahmic system? Will he have *nine* in the next system?

99. It may be that we are not justified in speculating in this manner, because great cosmic lives such as our Cosmic Logos have only *seven* major centers, and thus too, for the "One About Whom Naught May Be Said", the Super-Cosmic Logos in Whom we, our Solar Logos and seven major Constellational Logoi "live and move and have our being".

2. The informing Life of the animal kingdom has five centres, and the **animal kingdom has five prototypes on the archetypal plane, whereas man has seven prototypes.**

100. DK is summarizing the statements He has already made.

101. Shall we consider the archetypal plane as the monadic plane? There is probably very little difference between the human Monad and the animal Monad. In fact there is

những thay đổi trong tâm thức *gây ra* những thay đổi nâng cao trong hình tướng.

97. Nếu chúng ta nghĩ đến cách con người suy nghĩ và hành động khi y là một thành viên của giới nhân loại, và cách y suy nghĩ và hành động một khi trở thành thành viên của Thiên Giới, chúng ta có thể hiểu sự chuyển tiếp trong tâm thức có thể vận hành như thế nào trong mọi giới.

Tóm lại có thể nói rằng:

1. Hành Tinh Thượng Đế có bảy trung tâm, cũng như con người vậy.

98. Điều này chắc chắn đúng trong hệ mặt trời này. Phải chăng Ngài có năm trung tâm trong hệ mặt trời trước? Hệ Brahma? Liệu Ngài sẽ có *chín* trong hệ kế tiếp chăng?

99. Có thể chúng ta không có cơ sở để suy đoán theo cách này, vì những sự sống vũ trụ vĩ đại như Thượng đế Vũ Trụ của chúng ta chỉ có *bảy* trung tâm chính, và như vậy cũng thế đối với "Đấng Bất Khả Tư Nghị", Thượng đế Siêu Vũ Trụ mà trong Ngài, chúng ta, Thái dương Thượng đế của chúng ta và bảy Thượng đế Chòm Sao chính "sống, chuyển động và hiện hữu".

2. Sự sống thấm nhuần của giới động vật có năm trung tâm, và **giới động vật có năm nguyên mẫu trên cõi nguyên mẫu, trong khi con người có bảy nguyên mẫu.**

100. DK đang tóm lược những phát biểu mà Ngài đã đưa ra.

101. Chúng ta có nên xem cõi nguyên mẫu là cõi chân thần không? Có lẽ có rất ít khác biệt giữa chân thần con người và chân thần động vật. Thật vậy, có lý do để kết luận rằng chân

reason to conclude that the animal Monad *is* a human Monad at an earlier stage of development.

thần động vật *là* chân thần con người ở một giai đoạn phát triển sớm hơn.

102. In other discussion, planes both lower and higher than the monadic plane have been called the "archetypal plane".

102. Trong những bàn luận khác, các cõi vừa thấp hơn vừa cao hơn cõi chân thần đều đã được gọi là "cõi nguyên mẫu".

103. DK seems to be saying that both the human kingdom and the animal kingdom share the *same* archetypal plane

103. Dường như DK đang nói rằng cả giới nhân loại lẫn giới động vật đều chia sẻ *cùng một* cõi nguyên mẫu

104. This *could* apply as well to the vegetable Monad and the mineral Monad but various statements could cast doubt upon the possibility.

104. Điều này *cũng có thể* áp dụng cho chân thần thực vật và chân thần khoáng vật, nhưng nhiều phát biểu khác nhau có thể khiến người ta nghi ngờ khả năng ấy.

105. The interface between kingdoms and hierarchies presents difficult problems, but it must never be forgotten that man, as a 'resident' of the Fourth Creative Hierarchy is the macrocosm for the lesser kingdoms which are to man as the microcosm.

105. Mối giao diện giữa các giới và các huyền giai đặt ra những vấn đề khó khăn, nhưng không bao giờ được quên rằng con người, với tư cách một "cư dân" của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư, là đại thiên địa đối với các giới thấp hơn, những giới đối với con người là tiểu thiên địa.

106. We must discern, if see can, what Master DK means by "prototypes". They are obviously the cause of major formal distinctions within any particular kingdom, but *which* distinctions?

106. Chúng ta phải phân biện tinh thần, nếu có thể, điều Chân sư DK muốn nói qua từ "nguyên mẫu". Hiển nhiên chúng là nguyên nhân của những khác biệt hình tướng chủ yếu trong bất kỳ giới nào, nhưng là những khác biệt *nào*?

107. We can consider "prototypes" to be 'fundamental forms', remembering that the true form is not physically tangible.

107. Chúng ta có thể xem "nguyên mẫu" là những "hình thức căn bản", đồng thời nhớ rằng hình thức đích thực không thể nắm bắt được bằng vật lý.

3. The informing Life of the vegetable kingdom has three **centres of force on His Own plane**, and there are, therefore, but three **basic types** of plant life.

3. Sự sống thấm nhuần của giới thực vật có ba **trung tâm mãnh lực trên cõi riêng của Ngài**, và vì vậy chỉ có ba **loại căn bản** của sự sống thực vật.

108. So much depends on what is meant by the word "basic". We can distinguish so many varieties of plant life, but apparently they can all be collected under three major categories.

108. Rất nhiều điều tuỳ thuộc vào ý nghĩa của từ "căn bản". Chúng ta có thể phân biệt rất nhiều giống loại sự sống thực vật, nhưng hiển nhiên tất cả chúng đều có thể được quy về ba phạm trù chính.

109. DK seems to confirm that according to the number of centers within an Entity informing a kingdom, so will be the *basic* number of types to be found within that kingdom.

109. Dường như DK xác nhận rằng theo số lượng trung tâm bên trong một Thực Thể thấm nhuần một giới, thì sẽ có số lượng *căn bản* các loại được tìm thấy trong giới ấy tương ứng như vậy.

110. Analogizing from what is here said, we would have to conclude that there are *five* basic types of animal life because the informing Entity has five centers.

110. Suy theo phép tương đồng từ điều được nói ở đây, chúng ta sẽ phải kết luận rằng có *năm* loại căn bản của sự sống động vật vì Thực Thể thấm nhuần có năm trung tâm.

111. When we speak of man, we know there have been and will be seven rootraces in all. Are these to be considered the basic "types" of human beings?

111. Khi nói về con người, chúng ta biết rằng đã có và sẽ có tất cả bảy Giống dân gốc. Có phải những giống dân này được xem là các "loại" căn bản của con người không?

112. Regarding the plane which the informing Life of the vegetable kingdom can call *His own,* how shall we approach the matter?

112. Liên quan đến cõi mà Sự sống thấm nhuần của giới thực vật có thể gọi là *cõi riêng của Ngài,* chúng ta nên tiếp cận vấn đề này như thế nào?

113. Is the archetypal plane for the informing Entity of the vegetable kingdom different from that of the informing lives of the animal kingdom and the human kingdom?

113. Phải chăng cõi nguyên mẫu của Thực Thể thấm nhuần giới thực vật khác với cõi nguyên mẫu của các sự sống thấm nhuần giới động vật và giới nhân loại?

114. Perhaps not all these lives focus their monadic natures on the systemic monadic plane. Although it seems feasible that the animal Monad would focus on the same plane as the human Monad, perhaps there is a descent. This is simply speculative and needs careful investigation:

114. Có lẽ không phải tất cả các sự sống này đều tập trung bản chất chân thần của mình trên cõi chân thần của hệ. Dù có vẻ khả thi rằng chân thần động vật sẽ tập trung trên cùng cõi với chân thần con người, có lẽ vẫn có một sự đi xuống. Đây chỉ là suy đoán và cần được khảo cứu cẩn trọng:

a. The human Monad on the systemic monadic plane

b. The animal Monad on the systemic atmic plane

c. The vegetable Monad on the systemic buddhic plane

d. The mineral Monad on the systemic mental plane

115. Or it is possible that subplane 'locations' may account for the different planar positions of the Monads of the various kingdoms, with all the Monads involved focussed on the monadic plane—though on different subplanes.

116. Some very knotty problems are involved in working out the proper assignments.

[Page 1074] All that we know are but differentiations of those three.

117. So the manner of differentiation would be most interesting. This is a subject for esoteric botanists.

4. The informing Life of the mineral kingdom works through one centre.

118. We do not know the manner in which differentiation takes place, but must conclude that all the greater variety of mineral life—earths, rare earths, metals, precious metals, semi-precious stones, precious stones, etc. (here I am mixing pure elements with compounds) are *all*

a. Chân thần con người trên cõi chân thần của hệ

b. Chân thần động vật trên cõi atma của hệ

c. Chân thần thực vật trên cõi Bồ đề của hệ

d. Chân thần khoáng vật trên cõi trí của hệ

115. Hoặc cũng có thể các "vị trí" cõi phụ giải thích cho những vị trí cõi khác nhau của các chân thần thuộc các giới khác nhau, trong khi tất cả các chân thần liên hệ đều tập trung trên cõi chân thần—dù ở các cõi phụ khác nhau.

116. Có những vấn đề rất rắc rối liên quan đến việc xác định đúng các sự quy thuộc này.

[Page 1074] Tất cả những gì chúng ta biết chỉ là những biến phân của ba loại ấy.

117. Vì vậy, cách thức biến phân sẽ là điều hết sức thú vị. Đây là một đề tài dành cho các nhà thực vật học nội môn.

4. Sự sống thấm nhuần của giới kim thạch hoạt động qua một trung tâm.

118. Chúng ta không biết cách thức mà sự biến phân diễn ra, nhưng phải kết luận rằng toàn bộ sự đa dạng lớn hơn của sự sống khoáng vật—đất, đất hiếm, kim loại, kim loại quý, đá bán quý, đá quý, v.v. (ở đây tôi đang trộn lẫn các nguyên tố thuần với các hợp chất)—đều *là* những biến phân phát sinh chỉ từ "một trung tâm".

differentiations arising from only “one centre”.

119. How this differentiation occurs would be a question of vital moment. We remember that from the planetary spleen (that center in the Planetary Logos most related to the mineral kingdom) only one type of force emanates. So, whence the diversity found within the mineral kingdom?

120. We might say that from the one center within the body of the Entity Who informs the mineral kingdom, a diversity of forces might be found. There is reason to believe that every chakra is, after all, *sevenfold.*

121. It is also obvious that the manner in which science differentiates the various types within any kingdom is not yet congruent with the manner they are differentiated in occultism.

b. Radiation in the Five Kingdoms. We have seen that the cause of radiation is **the response of the positive life in any atom to the attractive power of the positive life in a greater atom.**

122. The thesis is reiterated for pedagogic purposes.

Expressed in other words, we might say that the deva life

123. By this “deva life” do we mean the “essential life” of the atom? It would seem so.

of any atomic form proceeds with its evolution, and by a series of "releases"

119. Sự biến phân này xảy ra như thế nào sẽ là một câu hỏi có tầm quan trọng thiết yếu. Chúng ta nhớ rằng từ lá lách hành tinh (trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế liên hệ nhiều nhất với giới kim thạch) chỉ có một loại mãnh lực phát ra. Vậy thì sự đa dạng được tìm thấy trong giới kim thạch đến từ đâu?

120. Chúng ta có thể nói rằng từ một trung tâm bên trong thể của Thực Thể đang thấm nhuần giới kim thạch, có thể tìm thấy một sự đa dạng của các mãnh lực. Có lý do để tin rằng rốt cuộc mỗi luân xa đều là *thất phân.*

121. Cũng hiển nhiên rằng cách thức khoa học phân biệt các loại khác nhau trong bất kỳ giới nào vẫn chưa tương ứng với cách chúng được phân biệt trong huyền bí học.

b. Phóng xạ trong năm giới. Chúng ta đã thấy rằng nguyên nhân của phóng xạ là **sự đáp ứng của sự sống dương trong bất kỳ nguyên tử nào đối với quyền năng hấp dẫn của sự sống dương trong một nguyên tử lớn hơn.**

122. Luận đề này được nhắc lại vì mục đích sư phạm.

Nói theo cách khác, chúng ta có thể nói rằng sự sống thiên thần

123. Bởi “sự sống thiên thần” này, chúng ta có muốn nói đến “sự sống cốt yếu” của nguyên tử không? Có vẻ là như vậy.

của bất kỳ hình tướng nguyên tử nào tiếp tục tiến hoá của nó, và bằng một loạt các “sự

transfers itself during the manvantaric cycles out of one kingdom into another **until every atom has achieved self-determination,** and thus the purpose of the Heavenly Man for any particular mahamanvantara is satisfactorily accomplished.

giải thoát" tự chuyển dịch trong các chu kỳ manvantaric từ giới này sang giới khác **cho đến khi mọi nguyên tử đều đạt được sự tự quyết,** và như thế mục đích của Đấng Thiên Nhân đối với bất kỳ đại giai kỳ sinh hóa nào đều được hoàn thành một cách thỏa đáng.

124. This is a profound statement requiring much pondering.

124. Đây là một phát biểu sâu sắc, đòi hỏi phải suy ngẫm nhiều.

125. What is meant by the thought that "every atom" achieves "self-determination"? Will it do so as *one isolated unit*? Or will it do so in aggregate with other atoms under the influence of one "group soul"? Given the hypothesized pyramidal structure of the Universe, the latter option seems more plausible and even necessary.

125. Điều gì được hàm ý bởi ý tưởng rằng "mọi nguyên tử" đều đạt được "sự tự quyết"? Liệu nó có làm được điều đó như *một đơn vị cô lập* không? Hay nó sẽ làm được điều đó trong sự kết hợp với các nguyên tử khác dưới ảnh hưởng của một "Hồn nhóm"? Xét theo cấu trúc hình tháp được giả định của Vũ trụ, khả năng sau dường như hợp lý hơn và thậm chí cần thiết.

126. We are speaking here of the evolution of the members of the deva kingdom. Perhaps when release comes of the volatile essence or the "lower spark of life", there is also an elevation in vibratory frequency and quality of the deva units or points which had comprise the form in the kingdom now being left behind.

126. Ở đây chúng ta đang nói về sự tiến hoá của các thành viên của giới thiên thần. Có lẽ khi sự giải thoát đến với tinh chất linh động hay "tia lửa sự sống thấp", cũng có một sự nâng cao về tần số rung động và phẩm tính của các đơn vị hay điểm thiên thần vốn đã cấu thành hình tướng trong giới hiện đang bị bỏ lại phía sau.

127. After all, deva life, too, must evolve and must find its way into the vehicles to be used in ever-higher kingdoms.

127. Rốt cuộc, sự sống thiên thần cũng phải tiến hoá và phải tìm đường đi vào các vận cụ sẽ được dùng trong những giới ngày càng cao hơn.

128. From another point of view, however, the term "deva life" as used here, could connote the "lower spark of life" itself, i.e., the "volatile essence" entering progressive kingdoms through successive releases.

128. Tuy nhiên, từ một quan điểm khác, thuật ngữ "sự sống thiên thần" như được dùng ở đây có thể hàm ý chính "tia lửa sự sống thấp", tức là "tinh chất linh động" đi vào các giới tiến bộ qua những lần giải thoát kế tiếp nhau.

129. A life essence buried deeply in form could be called a “deva life”, whereas life essences buried less deeply in form might not be called “deva lives”.

129. Một tinh chất sự sống bị chôn vùi sâu trong hình tướng có thể được gọi là một “sự sống thiên thần”, trong khi những tinh chất sự sống bị chôn vùi ít sâu hơn trong hình tướng có thể không được gọi là “các sự sống thiên thần”.

As might be expected, therefore, when the subject is viewed as a whole and not from the standpoint of any one kingdom, there are in the evolutionary process five major at-one-ments.

Vì vậy, như có thể được dự đoán, khi chủ đề được nhìn như một toàn thể chứ không phải từ quan điểm của bất kỳ một giới nào, thì trong tiến trình tiến hoá có năm sự hợp nhất lớn.

130. DK will now offer us an overview.

130. Giờ đây Chân sư DK sẽ cho chúng ta một cái nhìn tổng quát.

1. At-one-ment with the mineral kingdom.

1. Sự hợp nhất với giới kim thạch.

131. Perhaps the phrase “as a whole” should be added to the statement above.

131. Có lẽ nên thêm cụm từ “như một toàn thể” vào phát biểu trên.

132. What is becoming ‘at-oned’ with the mineral kingdom?

132. Điều gì đang trở nên ‘hợp nhất’ với giới kim thạch?

133. Are we simply speaking of the absorption of the central atomic life by the magnetic center which is the chakra of the Entity expressing through the mineral kingdom?

133. Có phải chúng ta chỉ đang nói đến sự hấp thụ sự sống nguyên tử trung tâm bởi trung tâm từ tính là luân xa của Thực Thể biểu lộ qua giới kim thạch chăng?

2. At-one-ment of the mineral monad with the vegetable kingdom.

2. Sự hợp nhất của chân thần khoáng vật với giới thực vật.

134. There is no form of life which is not represented by a Monad, even though there may not be a one-to-one correspondence—one form/one Monad.

134. Không có hình thức sự sống nào lại không được đại diện bởi một chân thần, dù có thể không có sự tương ứng một-một—một hình tướng/một chân thần.

135. That unit of life-consciousness which expresses itself through the mineral

135. Đơn vị sự sống-tâm thức biểu lộ qua giới kim thạch được định sẵn sẽ biểu lộ qua giới thực vật.

kingdom is destined to express through the vegetable kingdom.

3. At-one-ment of the vegetable monad with the animal kingdom.

136. The same type of progression applies.

The progressive life has now made three at-one-ments or expanded its realisation three times.

137. First, within the mineral kingdom; second in the movement from the mineral kingdom to the vegetable kingdom; third, in the movement from the vegetable kingdom to the animal kingdom.

138. All volatile essences are 'progressive units of life' or 'ascending lower sparks of life'.

139. 'The stone becomes a plant; the plant becomes animal; the animal becomes a man; the man becomes an angel; the angel becomes a god'. This paraphrases an ancient Kabalistic aphorism.

140. H.P.B. says the following in *The Secret Doctrine*, Vol. II, 186: "Therefore, the Kabalists say correctly that "Man becomes a stone, a plant, an animal, a man, a Spirit, and finally God. Thus accomplishing his cycle or circuit and returning to the point from which he had started as the *heavenly* Man."

4. At-one-ment with the human kingdom.

3. Sự hợp nhất của chân thần thực vật với giới động vật.

136. Cùng một loại tiến trình ấy được áp dụng.

Sự sống tiến bộ giờ đây đã thực hiện ba sự hợp nhất hoặc đã mở rộng sự chứng nghiệm của nó ba lần.

137. Thứ nhất, trong giới kim thạch; thứ hai, trong sự chuyển động từ giới kim thạch sang giới thực vật; thứ ba, trong sự chuyển động từ giới thực vật sang giới động vật.

138. Mọi tinh chất linh động đều là những 'đơn vị sự sống tiến bộ' hay 'những tia lửa sự sống thấp đang đi lên'.

139. 'Hòn đá trở thành cây; cây trở thành thú; thú trở thành người; người trở thành thiên thần; thiên thần trở thành một vị thần'. Điều này diễn đạt lại một châm ngôn Kabbala cổ xưa.

140. H.P.B. nói như sau trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, Quyển II, 186: "Vì vậy, các nhà Kabbala nói đúng rằng "Con người trở thành một hòn đá, một cây, một con vật, một con người, một Tinh thần, và cuối cùng là Thượng đế. Như thế hoàn tất chu kỳ hay vòng tuần hoàn của y và trở về điểm mà từ đó y đã khởi hành như Đấng Thiên Nhân *thiên thượng*."

4. Sự hợp nhất với giới nhân loại.

141. Presumably we are speaking of the at-one-ment of the animal kingdom with the human kingdom, although this is not stated.

141. Có lẽ chúng ta đang nói đến sự hợp nhất của giới động vật với giới nhân loại, mặc dù điều này không được nói rõ.

142. Man both comes from the animal and yet does not. It is the Third Outpouring which creates man, whereas the Second Outpouring produces the various forms of animal life awaiting the that type of monadic descent which causes individualization.

142. Con người vừa đến từ động vật lại vừa không đến từ động vật. Chính Lần Tuôn Đổ thứ ba tạo ra con người, trong khi Lần Tuôn Đổ thứ hai tạo ra các hình tướng khác nhau của sự sống động vật đang chờ đợi loại giáng hạ chân thần gây ra sự biệt ngã hóa ấy.

143. The Monad is definitely involved in both the Second and Third Outpouring, for during the Second Outpouring the Monad takes to itself permanent atoms which become the basis of the development of the lower kingdoms, and during the Third Outpouring the descending Monad 'stations itself' within the vehicle of individualization known as the causal body.

143. Chân thần chắc chắn có liên hệ trong cả Lần Tuôn Đổ thứ hai lẫn thứ ba, vì trong Lần Tuôn Đổ thứ hai chân thần lấy cho mình các Nguyên tử trường tồn, là nền tảng cho sự phát triển của các giới thấp, và trong Lần Tuôn Đổ thứ ba chân thần giáng hạ "đặt mình" vào trong vận cụ của sự biệt ngã hóa được biết đến như thể nguyên nhân.

5. At-one-ment with the Heavenly Man or with the great planetary life.

5. Sự hợp nhất với Đấng Thiên Nhân hay với sự sống hành tinh vĩ đại.

144. This is only possible for the unit of life which is entering the fifth kingdom of nature. In various stages, it is the next step for the Monad of the Fourth Creative Hierarchy as it leaves the human kingdom and enters the spiritual of fifth kingdom.

144. Điều này chỉ có thể đối với đơn vị sự sống đang đi vào giới thứ năm của bản chất. Trong những giai đoạn khác nhau, đây là bước kế tiếp đối với chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư khi nó rời giới nhân loại và đi vào giới tinh thần hay giới thứ năm.

Along these five stages, one of them is considered **in this solar system** to be the most important, **and that is the at-one-ment with the human kingdom.**

Trong năm giai đoạn này, có một giai đoạn được xem là **trong hệ mặt trời này** quan trọng nhất, **và đó là sự hợp nhất với giới nhân loại.**

145. In other words the process of individualization is considered the most important from the solar systemic point of view.

145. Nói cách khác, tiến trình biệt ngã hóa được xem là quan trọng nhất từ quan điểm của hệ mặt trờiw.

146. The animal still belongs to the Brahmic System. Man, in his inner nature, belongs to the System of Vishnu.

146. Động vật vẫn còn thuộc về Hệ thống Brahma. Con người, trong bản chất bên trong của mình, thuộc về Hệ thống Vishnu.

For **this particular greater cycle**, the goal of evolution is man;

Đối với **chu kỳ lớn đặc biệt này**, mục tiêu của tiến hoá là con người;

147. We are not sure of the cycle to which Master DK refers. It could be the cycle of the entire second solar system.

147. Chúng ta không chắc chu kỳ mà Chân sư DK đang nói đến là chu kỳ nào. Có thể đó là chu kỳ của toàn bộ hệ mặt trời thứ hai.

148. Perhaps the next solar system will deal mostly with the three higher kingdoms: the Kingdom of Souls, the Kingdom of Planetary Lives, and the Kingdom of Solar Lives.

148. Có lẽ hệ mặt trời kế tiếp sẽ chủ yếu bàn đến ba giới cao hơn: Giới các Linh hồn, Giới các Sự Sống Hành tinh, và Giới các Sự Sống Thái Dương.

when individualisation is achieved and self-determination is awakened, the Monad or Divine Pilgrim has attained that which expresses the logoic purpose most perfectly.

khi sự biệt ngã hóa được đạt tới và sự tự quyết được đánh thức, chân thần hay Người Lữ Hành Thiêng Liêng đã đạt được điều biểu lộ mục đích logoic một cách hoàn hảo nhất.

149. We are speaking of logoic purpose as it is expressed in this second solar system.

149. Chúng ta đang nói về mục đích logoic như nó được biểu lộ trong hệ mặt trời thứ hai này.

150. Our system is presently a system of the fourth order and the kingdom of man, the kingdom is the *fourth* kingdom. The numerical resonance is there.

150. Hệ thống của chúng ta hiện nay là một hệ thống thuộc bậc thứ tư và giới người, giới ấy là giới *thứ tư*. Sự cộng hưởng số học hiện diện ở đây.

151. However, there is an assumption here—namely solar systems can change their "order" as they evolve. We have to establish if this is true, logical though it may seem.

151. Tuy nhiên, ở đây có một giả định—tức là các hệ mặt trời có thể thay đổi "bậc" của chúng khi chúng tiến hoá. Chúng ta phải xác lập xem điều này có đúng không, dù nó có vẻ hợp lý.

The [Page 1075] later stages but set the crown upon the victor,

Các [Page 1075] giai đoạn sau nhưng đặt vương miện lên người chiến thắng,

152. Life is victorious when it becomes a self-conscious human being. To enter the higher kingdoms is the crowning. The

152. Sự sống chiến thắng khi nó trở thành một con người tự ý thức. Đi vào các giới cao

unfoldment of the highest head center is involved.

hơn là sự đăng quang. Sự khai mở của trung tâm đầu cao nhất có liên quan ở đây.

and the final at-one-ment with the divine Self is but the consummation of the fourth stage.

và sự hợp nhất cuối cùng với Bản Ngã thiêng liêng chỉ là sự hoàn tất của giai đoạn thứ tư.

153. The "divine Self" is the Monad. We would expect that "the final at-one-ment with the divine Self" would be the consummation of the *fifth* stage, as the human Monad is a cell within one of the centers of a Planetary Logos.

153. "Bản Ngã thiêng liêng" là chân thần. Chúng ta sẽ mong đợi rằng "sự hợp nhất cuối cùng với Bản Ngã thiêng liêng" sẽ là sự hoàn tất của giai đoạn *thứ năm*, vì chân thần nhân loại là một tế bào trong một trong các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế.

Students will find it of interest to work out the correspondence between the five initiations and these five unifications. There is a close connection between the two.

Các đạo sinh sẽ thấy thú vị khi tìm ra sự tương ứng giữa năm lần điểm đạo và năm sự hợp nhất này. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa hai điều ấy.

154. In this case:

154. Trong trường hợp này:

a. The first initiation is the 'mineral' initiation.

a. lần điểm đạo thứ nhất là lần điểm đạo 'khoáng vật'.

b. The second initiation is the 'vegetable' initiation.

b. lần điểm đạo thứ hai là lần điểm đạo 'thực vật'.

c. The third initiation is the 'animal' initiation.

c. lần điểm đạo thứ ba là lần điểm đạo 'động vật'.

d. The fourth initiation is the first truly human initiation and is the 'human initiation'.

d. lần điểm đạo thứ tư là lần điểm đạo đầu tiên thực sự của con người và là 'lần điểm đạo nhân loại'.

e. The fifth initiation is the 'crowning initiation' and is the initiation of the higher Ego *as the spiritual triad.*

e. lần điểm đạo thứ năm là 'lần điểm đạo đăng quang' và là điểm đạo của chân ngã cao hơn *như tam nguyên tinh thần.*

f. The sixth initiation signifies release from the five worlds of human and super-human evolution.

f. lần điểm đạo thứ sáu biểu thị sự giải thoát khỏi năm thế giới của sự tiến hoá nhân loại và siêu nhân loại.

By understanding the laws of the different kingdoms, much can be learned anent the conditions governing the five Initiations. **It will be found that the initiations mark stages in response to contact and to realisation which have their interesting germs in the five kingdoms.**

Bằng cách thấu hiểu các định luật của những giới khác nhau, có thể học được nhiều điều liên quan đến các điều kiện chi phối năm lần Điểm đạo. **Người ta sẽ thấy rằng các lần điểm đạo đánh dấu những giai đoạn đáp ứng với tiếp xúc và với sự chứng nghiệm, mà các mầm thú vị của chúng có trong năm giới.**

155. These laws will have to be differentiated. Nothing so far is said about them.

155. Các định luật này sẽ phải được phân biệt. Cho đến nay chưa có điều gì được nói về chúng.

156. We could say that the Laws of the Soul govern the fifth kingdom. We could say that the Laws of Man (moral law, the Law of Right Relations) are intended to govern the human kingdom. We could say that various kinds of "Natural Law" govern the three lower kingdoms.

156. Chúng ta có thể nói rằng các Định luật của Linh hồn chi phối giới thứ năm. Chúng ta có thể nói rằng các Định luật của Con người (luật đạo đức, Định luật về Những Tương Quan Đúng Đắn) được dự định để chi phối giới nhân loại. Chúng ta có thể nói rằng nhiều loại "Luật Tự Nhiên" khác nhau chi phối ba giới thấp.

157. Within man are the mineral, vegetable and animal natures as well as the strictly human nature. During each initiation, one of these natures becomes the special focus of the human consciousness.

157. Bên trong con người có các bản chất khoáng vật, thực vật và động vật cũng như bản chất thuần túy nhân loại. Trong mỗi lần điểm đạo, một trong những bản chất này trở thành trọng tâm đặc biệt của tâm thức con người.

It might here be pointed out with propriety that radiation is the result of transmutation; **transmutation marks the completion of a cycle of rotary-spiralling activity**.

Ở đây có thể chỉ ra một cách thích đáng rằng phóng xạ là kết quả của sự chuyển hoá; **sự chuyển hoá đánh dấu sự hoàn tất của một chu kỳ hoạt động xoay tròn-xoắn ốc**.

158. Transmutation is both the beginning and the end of the process of positive change. When the second aspect of divinity through its "rotary-spiralling activity" is victorious, transmutation has been accomplished.

158. Sự chuyển hoá vừa là khởi đầu vừa là kết thúc của tiến trình thay đổi tích cực. Khi phương diện thứ hai của thiên tính, qua "hoạt động xoay tròn-xoắn ốc" của nó, chiến thắng, thì sự chuyển hoá đã được hoàn thànhd.

159. In some of the rules we are given the phrase, "may transmutation disappear".

159. Trong một số quy luật, chúng ta được cho cụm từ "cầu cho sự chuyển hoá biến

This it is to do as transformation supersedes it and as transfiguration supersedes transformation.

mất". Điều này xảy ra khi sự chuyển đổi thay thế nó và khi Biến hình thay thế sự chuyển đổi.

160. Yet, in this context, the term "transmutation" is being used in a larger context and marks the climax of a generally 'transformative' process (using the term "transformative" in a general and not specialized sense).

160. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này, thuật ngữ "sự chuyển hoá" đang được dùng trong một ngữ cảnh rộng hơn và đánh dấu đỉnh điểm của một tiến trình nói chung là 'chuyển đổi' (dùng thuật ngữ "chuyển đổi" theo nghĩa tổng quát chứ không theo nghĩa chuyên biệt).

161. When full radiation has been achieved the process of transmutation is at an end. Via transmutation, understood in this way, there comes the release of the volatile essence.

161. Khi phóng xạ trọn vẹn đã được đạt tới thì tiến trình chuyển hoá chấm dứt. Qua sự chuyển hoá, được hiểu theo cách này, sự giải thoát của tinh chất linh động xuất hiện.

162. We can wonder whether full transmutation occurs as the sixth initiation is approached and the volatile essence is released to its 'home' (its home as far as evolution in the Fourth Creative Hierarchy is concerned).

162. Chúng ta có thể tự hỏi liệu sự chuyển hoá trọn vẹn có xảy ra khi lần điểm đạo thứ sáu đến gần và tinh chất linh động được giải thoát về "quê nhà" của nó hay không (quê nhà của nó xét theo sự tiến hoá trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư).

No atom becomes radioactive until its own internal rhythm has been stimulated to a point where the positive central life is ready for the imposition of a higher vibratory activity,

Không một nguyên tử nào trở nên phóng xạ cho đến khi nhịp điệu nội tại riêng của nó đã được kích thích đến mức mà sự sống trung tâm dương sẵn sàng cho sự áp đặt của một hoạt động rung động cao hơn,

163. It is the relation of the higher Life to the lower life which, essentially, causes radioactivity.

163. Chính mối liên hệ của Sự sống cao hơn với sự sống thấp hơn, về bản chất, gây ra tính phóng xạ.

164. From this perspective, and for man, it is the Monad which is that which imposes a "higher vibratory activity".

164. Từ góc nhìn này, và đối với con người, chính chân thần là điều áp đặt một "hoạt động rung động cao hơn".

and when the negative lives within the atomic periphery are repulsed by the intensity of its vibration,

và khi các sự sống âm bên trong chu vi nguyên tử bị đẩy lùi bởi cường độ rung động của nó,

165. I.e., the vibration of the "positive central life".

165. Tức là, rung động của "sự sống trung tâm dương".

and are no longer attracted by its drawing qualities.

và không còn bị hấp dẫn bởi các phẩm tính thu hút của nó nữa.

166. The "positive central life" is intensifying in its vibratory activity and in doing so, repulses the electronic units or negative lives.

166. "Sự sống trung tâm dương" đang tăng cường hoạt động rung động của nó và khi làm như vậy, nó đẩy lùi các đơn vị điện tử hay các sự sống âm.

167. A nucleus can be attractive or repulsive to the lesser lives which form the periphery of the atom. When the higher impositional center stimulates the nucleus of the 'atom' to a sufficient degree, the vibratory activity of that nucleus becomes so intense that the negative lives are repulsed instead of attracted.

167. Một hạt nhân có thể hấp dẫn hoặc đẩy lùi các sự sống nhỏ hơn tạo thành chu vi của nguyên tử. Khi trung tâm áp đặt cao hơn kích thích hạt nhân của "nguyên tử" đến một mức đủ lớn, hoạt động rung động của hạt nhân ấy trở nên mãnh liệt đến nỗi các sự sống âm bị đẩy lùi thay vì bị hấp dẫn.

168. We see why any Master must be cautious concerning His energy and those who are exposed to it in any degree of fulness.

168. Chúng ta thấy vì sao bất kỳ Chân sư nào cũng phải thận trọng đối với năng lượng của Ngài và đối với những ai tiếp xúc với nó ở bất kỳ mức độ đầy đủ nào.

This is due to the coming in and consequent response to the magnetic vibration of a still stronger positive life

Điều này là do sự đi vào và do đó sự đáp ứng đối với rung động từ tính của một sự sống dương còn mạnh hơn nữa

169. A still stronger life has entered the vibratory field of the positive central life and now this central life is carrying the higher vibration of the "still stronger positive life".

169. Một sự sống còn mạnh hơn nữa đã đi vào trường rung động của sự sống trung tâm dương, và giờ đây sự sống trung tâm này đang mang rung động cao hơn của "sự sống dương còn mạnh hơn nữa".

which releases the **imprisoned central spark** and causes what might from some aspects be called the dissipation of the atom.

sự sống ấy giải thoát **tia lửa trung tâm bị giam cầm** và gây ra điều mà từ một số phương diện có thể được gọi là sự làm tiêu tan của nguyên tử.

170. Perhaps the release of the "imprisoned central spark" will not seem like the

170. Có lẽ sự giải thoát của "tia lửa trung tâm bị giam cầm" sẽ không có vẻ như là "sự làm

"dissipation of the atom" from all perspectives. DK is hinting something here about which aspects of the atom are dispersed and which survive to ascend.

tiêu tan của nguyên tử" từ mọi góc nhìn. Chân sư DK đang gợi ý điều gì đó ở đây về những phương diện nào của nguyên tử bị phân tán và những gì còn tồn tại để đi lên.

171. The term "imprisoned central spark" is a valuable description of the life essence to be released. We should compare this term with "lower spark of life" and with the "Jiva". I have also called it, the "Monad in attenuation".

171. Thuật ngữ "tia lửa trung tâm bị giam cầm" là một mô tả có giá trị về tinh chất sự sống sẽ được giải thoát. Chúng ta nên so sánh thuật ngữ này với "tia lửa sự sống thấp" và với "Jiva". Tôi cũng đã gọi nó là "Chân thần trong sự suy giảm".

This process, nevertheless, in the majority of cases covers such a vast period of time that the human mind is unable to follow the process.

Tuy nhiên, trong đa số trường hợp, tiến trình này bao trùm một khoảng thời gian rộng lớn đến nỗi trí tuệ con người không thể theo dõi được tiến trình ấy.

172. With respect to the lower kingdoms one can understand this—especially the mineral kingdom and the vegetable kingdom.

172. Đối với các giới thấp, người ta có thể hiểu điều này—đặc biệt là giới kim thạch và giới thực vật.

The radioactive period is much the longest in the mineral kingdom, and shortest of all in the human.

Thời kỳ phóng xạ dài nhất ở giới kim thạch, và ngắn nhất trong giới người.

173. For the human being, perhaps only several thousand years are involved.

173. Đối với con người, có lẽ chỉ liên quan đến vài nghìn năm.

174. DK's statement is important as it should tell us much about mineral evolution and equip us to more accurately determine the developmental future of radioactive minerals.

174. Phát biểu của Chân sư DK rất quan trọng vì nó sẽ cho chúng ta biết nhiều điều về sự tiến hoá khoáng vật và trang bị cho chúng ta để xác định chính xác hơn tương lai phát triển của các khoáng vật phóng xạ.

We are not concerned with radiation in the spiritual kingdom at the close of the mahamanvantara, so no comment will here be made.

Chúng ta không quan tâm đến phóng xạ trong giới tinh thần vào lúc kết thúc đại giai kỳ sinh hóa, nên ở đây sẽ không bình luận gì thêm.

175. Just how far does the "spiritual kingdom" extend? We are very far from the end of the mahamanvantara, and by the time it ends, those who have entered it (as

175. "Giới tinh thần" mở rộng đến mức nào? Chúng ta còn cách rất xa điểm kết thúc của đại giai kỳ sinh hóa, và vào lúc nó kết thúc, những ai đã đi vào giới ấy (theo cách thuật

the term “spiritual kingdom” is usually understood), will have progressed far beyond it—into the Kingdom of Planetary Lives and even Kingdom of Solar Lives. So much depends on whether the term “spiritual kingdom” is being used generically.

ngữ “giới tinh thần” thường được hiểu) sẽ đã tiến xa vượt khỏi nó—đi vào Giới các Sự Sống Hành tinh và thậm chí cả Giới các Sự Sống Thái Dương. Rất nhiều điều tùy thuộc vào việc thuật ngữ “giới tinh thần” có đang được dùng theo nghĩa tổng quát hay không.

It is interesting to note that during this round, owing to planetary decision,

Thật thú vị khi lưu ý rằng trong cuộc tuần hoàn này, do quyết định hành tinh,

176. A decision of the Planetary Logos, presumably…

176. Có lẽ là một quyết định của Hành Tinh Thượng Đế…

the process of producing human radiation or "release" is being artificially stimulated through the method which we call initiation, and the [Page 1076] **short cut to intensive purification and stimulation is open to all who are willing to pass through the divine alchemical fire.**

tiến trình tạo ra phóng xạ hay “sự giải thoát” của con người đang được kích thích một cách nhân tạo qua phương pháp mà chúng ta gọi là điểm đạo, và [Page 1076] **con đường tắt dẫn đến sự thanh luyện và kích thích mãnh liệt được mở ra cho tất cả những ai sẵn lòng đi qua ngọn lửa luyện kim thiêng liêng.**

177. There is so much promise in this statement.

177. Có rất nhiều hứa hẹn trong phát biểu này.

178. Initiatory training is training in the achievement of radiation and release. This is a new way to think about the process.

178. Sự huấn luyện điểm đạo là sự huấn luyện để đạt được phóng xạ và sự giải thoát. Đây là một cách mới để suy nghĩ về tiến trình này.

179. Are there short cuts? Yes there are short cuts but there is also a price to pay by those who wish to avail themselves of such short cuts!

179. Có những con đường tắt chăng? Có, có những con đường tắt, nhưng cũng có một cái giá phải trả đối với những ai muốn tận dụng những con đường tắt ấy!

Simultaneously, in the other kingdoms of nature a process somewhat similar in kind though not in degree is being attempted.

Đồng thời, trong các giới khác của bản chất, một tiến trình phần nào tương tự về loại dù không tương tự về mức độ cũng đang được cố gắng thực hiện.

180. Since man is the macrocosm of the lower kingdoms, they too must rise.

180. Vì con người là đại thiên địa của các giới thấp, nên chúng cũng phải đi lên.

The tremendous manipulation of ores, the scientific work of the chemist, and scientific investigation is analogous in the mineral kingdom to the world processes which are being utilised to liberate the human spark.

Sự thao tác to lớn đối với quặng, công trình khoa học của nhà hóa học, và sự khảo cứu khoa học là điều tương tự trong giới kim thạch với các tiến trình thế giới đang được sử dụng để giải thoát tia lửa nhân loại.

181. This work is being undertaken under the pressureful Vulcan and relates, no doubt the relationship between the Logos of Vulcan and our Planetary Logos. These two Logoi are rather closely related.

181. Công việc này đang được tiến hành dưới áp lực của Vulcan và chắc chắn có liên hệ với mối quan hệ giữa Thượng đế của Vulcan và Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Hai Đấng Thượng đế này có liên hệ khá chặt chẽ.

182. When one thinks of the stress put upon ores and minerals being worked upon by man, one gets some idea of the stress involved when man is worked upon by the higher energies.

182. Khi người ta nghĩ đến áp lực đặt lên quặng và khoáng vật đang được con người xử lý, người ta sẽ có được một ý niệm nào đó về áp lực liên quan khi con người bị các năng lượng cao hơn tác động lên.

Out of the chaos and turmoil of the World War,

Từ sự hỗn loạn và náo động của Thế Chiến,

183. In this case, it was World War I.

183. Trong trường hợp này, đó là Thế Chiến thứ nhất.

for instance, and the weight of metal undergoing violent disintegration the mineral monad emerged as from an initiatory test, incomprehensible as this may seem.

chẳng hạn, và từ khối lượng kim loại đang trải qua sự phân rã dữ dội, chân thần khoáng vật đã xuất hiện như từ một thử thách điểm đạo, dù điều này có vẻ khó hiểu đến đâu đi nữa.

184. Yes, an extraordinary thought but there is a strong necessity for us to drop our anthropomorphic point of view.

184. Đúng vậy, đó là một ý tưởng phi thường, nhưng chúng ta rất cần phải từ bỏ quan điểm nhân hình hóa của mình.

It will be apparent that **a great simultaneous movement is on foot to produce more rapid radiation in all the kingdoms of nature** so that when the cycle

Hiển nhiên rằng **một chuyển động đồng thời lớn lao đang được tiến hành để tạo ra sự phóng xạ nhanh hơn trong mọi giới của bản chất** để khi chu kỳ kết thúc, tiến trình phóng xạ hành tinh có thể được hoàn tất.

is run the process of planetary radiation may be consummated.

185. Yes, it would not do for only the human kingdom to advance. The balance would be destroyed.

185. Đúng vậy, sẽ không ổn nếu chỉ riêng giới nhân loại tiến lên. Sự quân bình sẽ bị phá vỡ.

186. Besides there is much to the idea that there is not much difference in the human Monad and the Monads of the members of the lower three kingdoms, strange as this may seem.

186. Ngoài ra, có nhiều điều đáng nói trong ý tưởng rằng không có nhiều khác biệt giữa chân thần nhân loại và các chân thần của những thành viên trong ba giới thấp, dù điều này có vẻ lạ lùng.

This intensive culture is not proceeding upon all the planets but only upon a very few. The others will run a longer cycle.

Sự nuôi dưỡng mãnh liệt này không diễn ra trên mọi hành tinh mà chỉ trên một số rất ít. Những hành tinh khác sẽ trải qua một chu kỳ dài hơn.

187. This is quite a hint. We know that the cycle of Venus is near to completion and Earth is closely related to Venus—though likely to complete in seven rounds what Venus completed in five. At least DK speaks on occasion of the coming sixth and seventh rounds—probably scheme rounds rather than chain rounds.

187. Đây quả là một gợi ý đáng chú ý. Chúng ta biết rằng chu kỳ của Sao Kim gần hoàn tất và Trái Đất có liên hệ chặt chẽ với Sao Kim—dù có lẽ sẽ hoàn tất trong bảy cuộc tuần hoàn điều mà Sao Kim đã hoàn tất trong năm. Ít nhất Chân sư DK đôi khi có nói về cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy sắp đến—có lẽ là các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh hơn là các cuộc tuần hoàn của dãy.

188. Are we speaking here of the disappearance or abstraction of the Earth in a shorter time than the disappearance or abstraction of some other planets? It seems so.

188. Ở đây có phải chúng ta đang nói đến sự biến mất hay sự rút trừu tượng của Trái Đất trong một thời gian ngắn hơn sự biến mất hay sự rút trừu tượng của một số hành tinh khác không? Có vẻ là như vậy.

189. We already discussed how an abstracting planet could have aspects of itself abstracted into more than one receptive planet.

189. Chúng ta đã bàn đến việc một hành tinh bị rút trừu tượng có thể có các phương diện của chính nó được rút vào hơn một hành tinh tiếp nhận như thế nào.

190. Could this mean that Earth could be synthesized in five scheme rounds just as Venus is? Of course it is possible, though

190. Điều này có thể có nghĩa rằng Trái Đất có thể được tổng hợp trong năm cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh giống như Sao Kim không? Dĩ nhiên điều đó là có thể, dù không

there are no indications it will necessarily happen.

có dấu hiệu nào cho thấy nhất thiết nó sẽ xảy ra.

191. In any case, we gather that Earth will be one of those planets which does not remain in familiar form throughout the entire mahamanvantara.

191. Dù sao đi nữa, chúng ta hiểu rằng Trái Đất sẽ là một trong những hành tinh không duy trì hình thức quen thuộc trong suốt toàn bộ đại giai kỳ sinh hóa.

The initiatory cultural process which has in view the stimulation of magnetic radiation or transmutation is but an experiment.

Tiến trình nuôi dưỡng điểm đạo nhằm kích thích phóng xạ từ tính hay sự chuyển hoá chỉ là một cuộc thử nghiệm.

192. It is a solar systemic experiment. Interesting how even on the solar systemic level experiments are undertaken. Perhaps free experimentalism is a feature of all cosmic development.

192. Đó là một cuộc thử nghiệm của hệ mặt trời. Thật thú vị khi ngay cả ở cấp độ hệ mặt trời các cuộc thử nghiệm cũng được tiến hành. Có lẽ tính thử nghiệm tự do là một đặc điểm của mọi sự phát triển vũ trụ.

It was tried first on Venus, and on the whole proved successful,

Nó đã được thử trước tiên trên Sao Kim, và nhìn chung đã chứng tỏ thành công,

193. It DK suggesting a degree of reservation? Was there a sense in which this experiment on Venus was not *wholly* successful?

193. Phải chăng Chân sư DK đang gợi ý một mức độ dè dặt nào đó? Có phải có một ý nghĩa nào đó trong đó cuộc thử nghiệm này trên Sao Kim không *hoàn toàn* thành công chăng?

194. Generally speaking, the impression is conveyed that what transpired on Venus has been a great solar systemic 'success story'.

194. Nói chung, ấn tượng được truyền đạt là điều đã xảy ra trên Sao Kim là một "câu chuyện thành công" lớn của hệ mặt trời.

resulting in the consummation of the planetary purpose in five rounds instead of seven.

đưa đến sự hoàn tất mục đích hành tinh trong năm cuộc tuần hoàn thay vì bảy.

195. The analogy is to the progress of the Christ—extraordinarily rapid given His starting point—Lemuria!

195. Phép loại suy ở đây là sự tiến bộ của Đức Christ—nhanh phi thường nếu xét đến điểm khởi đầu của Ngài—Lemuria!

This was what made it possible **to utilise Venusian energy** upon the Venus chain and the Venus globe of our scheme and thus

Đây là điều đã làm cho việc **sử dụng năng lượng Sao Kim** trên Dãy Sao Kim và bầu hành tinh Sao Kim của hệ hành tinh chúng

cause the phenomenon of forced individualisation in Lemurian days.

ta, và do đó gây ra hiện tượng biệt ngã hóa cưỡng bức trong những ngày Lemuria.

196. It would seem that the Earth is now upon the fast track too, but it has much lost ground to recover due to the Moon-chain failure.

196. Dường như hiện nay Trái Đất cũng đang ở trên lộ trình tăng tốc, nhưng nó còn nhiều phần đất đã mất phải phục hồi do sự thất bại của Dãy Mặt Trăng.

197. Although the Lord of the World did not "come from Venus" per se, it is clear that Venusian energy was involved in His coming and in the individualization process which preceded His coming to our dense physical globe.

197. Mặc dù Đức Chúa Tể Thế Giới không "đến từ Sao Kim" chính nó, nhưng rõ ràng là năng lượng Sao Kim đã dự phần vào sự giáng lâm của Ngài và vào tiến trình biệt ngã hóa vốn đi trước sự giáng lâm của Ngài đến bầu hành tinh hồng trần đậm đặc của chúng ta.

It was the intensive stimulation of the third kingdom of nature during the third root race which **artificially** unified **the three aspects**.

Chính là sự kích thích mãnh liệt giới thứ ba của bản chất trong giống dân gốc thứ ba đã **một cách nhân tạo** hợp nhất **ba phương diện**.

198. We may think of will, love and intelligence.

198. Chúng ta có thể nghĩ đến ý chí, tình thương và trí tuệ.

199. We normally do not think of Venus as a hastening energy, but so it appears to be.

199. Thông thường chúng ta không nghĩ về Sao Kim như một năng lượng thúc đẩy nhanh, nhưng dường như nó đúng là như vậy.

200. Did this union constitute a "major" initiation for our Planetary Logos? The reference below indicates the affirmative:

200. Liệu sự hợp nhất này có cấu thành một điểm đạo "lớn" đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta không? Đoạn trích dẫn dưới đây cho thấy câu trả lời là khẳng định:

Thirdly, initiations in which a Heavenly Man may take either a minor or a major initiation, thereby involving His entire nature. **For instance, when individualisation took place during the Lemurian, or the third root race, and the human family in this cycle definitely came into manifestation, it signified a major initiation for our Heavenly Man.** The present stimulation in hierarchical effort is

Thứ ba, những điểm đạo trong đó một Đấng Thiên Nhân có thể nhận hoặc một điểm đạo nhỏ hoặc một điểm đạo lớn, do đó bao hàm toàn bộ bản chất của Ngài. **Chẳng hạn, khi sự biệt ngã hóa diễn ra trong thời Lemuria, hay giống dân gốc thứ ba, và gia đình nhân loại trong chu kỳ này dứt khoát đi vào biểu hiện, điều đó biểu thị một điểm đạo lớn đối với Đấng Thiên Nhân của chúng ta.** Sự kích thích hiện nay trong nỗ lực của Thánh đoàn

leading up to a lesser initiation. **Each great cycle sees a major initiation of a Heavenly Man taken on one or other of the globes,** and herein again complication lies, and much food for thought. (IHS 181)

đang dẫn đến một điểm đạo nhỏ hơn. **Mỗi chu kỳ lớn đều chứng kiến một điểm đạo lớn của một Đấng Thiên Nhân được tiếp nhận trên bầu hành tinh này hay bầu hành tinh khác,** và chính trong đó lại có sự phức tạp, cùng nhiều điều đáng suy ngẫm. (IHS 181)

201. One could ask what it would mean for a initiation to be taken in relation to one or other of the various *chains?* Would such initiations be *more major* than those taken on globes?

201. Người ta có thể hỏi việc một điểm đạo được tiếp nhận liên hệ với dãy này hay dãy khác trong các *dãy* khác nhau sẽ có nghĩa gì. Liệu những điểm đạo như thế có *lớn hơn* những điểm đạo được tiếp nhận trên các bầu hành tinh không?

The process of stimulating through the medium of Venusian energy was really begun in the third round when **the triangle of force was completed, and ready to function**.

Tiến trình kích thích thông qua trung gian của năng lượng Sao Kim thực sự đã bắt đầu trong cuộc tuần hoàn thứ ba khi **tam giác mãnh lực đã được hoàn tất và sẵn sàng hoạt động**.

202. This would signify a very lengthy preparation period.

202. Điều này hẳn biểu thị một thời kỳ chuẩn bị rất dài.

203. Are we speaking of that triangle consisting of the Venus chain of the Earth-scheme; the Venus-globe of the Venus-chain and the Earth-globe of the Earth-chain? If so the Earth-chain is left out, and so is the Venus-scheme per se. There would be a fivefold link if the exclusions were included.

203. Có phải chúng ta đang nói đến tam giác gồm Dãy Sao Kim của hệ Địa Cầu; bầu hành tinh Sao Kim của Dãy Sao Kim; và bầu hành tinh Địa Cầu của Dãy Địa Cầu không? Nếu vậy thì Dãy Địa Cầu bị bỏ ra ngoài, và hệ Sao Kim chính nó cũng vậy. Sẽ có một liên kết ngũ phân nếu các yếu tố bị loại trừ ấy được bao gồm.

204. Was Sanat Kumara involved in this preparation as early as the third round?

204. Phải chăng Đức Sanat Kumara đã dự phần vào sự chuẩn bị này ngay từ cuộc tuần hoàn thứ ba?

It is this factor which occultly makes the third Initiation of such tremendous importance.

Chính yếu tố này một cách huyền bí làm cho lần điểm đạo thứ ba có tầm quan trọng lớn lao đến thế.

205. The third round corresponds to the third initiation. The coming of the Solar

205. Cuộc tuần hoàn thứ ba tương ứng với lần điểm đạo thứ ba. Tuy nhiên, sự giáng

Angels, however, had the objective of producing that state of liberation in man called the fourth initiation.

lâm của các Thái dương Thiên Thần có mục tiêu tạo ra nơi con người trạng thái giải thoát được gọi là lần điểm đạo thứ tư.

In it the human triangle is linked, the Monad, the [Page 1077] Ego and the personality, or Venus, the Sun and the Earth are symbolically allied.

Trong đó, tam giác nhân loại được nối kết, chân thần, [Page 1077] chân ngã và phàm ngã, hay Sao Kim, Mặt Trời và Trái Đất được liên kết một cách biểu tượng.

206. These points are probably not presented in the correct order. With reason we could say that the Sun corresponds to the Monad, Venus to the Ego and Earth to the personality.

206. Có lẽ những điểm này không được trình bày theo đúng thứ tự. Có lý khi chúng ta có thể nói rằng Mặt Trời tương ứng với chân thần, Sao Kim với chân ngã và Trái Đất với phàm ngãy.

207. There are of course other ways to see it. In the horoscope, the Sun corresponds to the personality and the point opposite the Sun (where the heliocentric Earth is positioned) stands for the point of monadic influence in the chart.

207. Dĩ nhiên cũng có những cách khác để nhìn điều đó. Trong lá số chiêm tinh, Mặt Trời tương ứng với phàm ngã và điểm đối diện Mặt Trời (nơi Trái Đất nhật tâm được định vị) tượng trưng cho điểm ảnh hưởng chân thần trong lá số.

208. The Sun and Earth represent the highest and lowest points of the antahkarana.

208. Mặt Trời và Trái Đất tượng trưng cho những điểm cao nhất và thấp nhất của antahkarana.

Enough has here been indicated to give the student room for thought, though one more word in this connection might be added. **In the potentially radioactive qualities of the four kingdoms of nature with which we are most concerned will be found an interesting analogy to the functions of the four planetary schemes which (in their totality) form the logoic quaternary**.

Đến đây đã nêu đủ để cho đạo sinh có chỗ suy ngẫm, dù có thể thêm một lời nữa liên quan đến điều này. **Trong những phẩm tính có khả năng phóng xạ của bốn giới trong thiên nhiên mà chúng ta quan tâm nhất, sẽ tìm thấy một phép loại suy thú vị với các chức năng của bốn hệ hành tinh mà (trong tính toàn thể của chúng) tạo thành bộ tứ của Thượng đế**.

209. We know that Venus and Earth are members of the logoic quaternary. We would assume Mars to be as well. Should we add Mercury?

209. Chúng ta biết rằng Sao Kim và Trái Đất là những thành viên của bộ tứ của Thượng đế. Chúng ta hẳn sẽ giả định Sao Hỏa cũng vậy. Có nên thêm Sao Thủy không?

210. Việc là một thành viên của bộ tứ của Thượng đế không bị giới hạn ở các hành tinh

210. To be a member of the logoic quaternary is not confined to non-sacred planets or Venus could not be a member.

210. không thiêng liêng, nếu không thì Sao Kim đã không thể là một thành viên.

211. We could assign the planets to kingdoms in the following manner:

211. Chúng ta có thể gán các hành tinh cho các giới theo cách sau:

a. Mercury to the human kingdom

a. Sao Thủy cho giới nhân loại

b. Mars to the animal kingdom

b. Sao Hỏa cho giới động vật

c. Venus to the vegetable kingdom

c. Sao Kim cho giới thực vật

d. Earth to the mineral kingdom

d. Trái Đất cho giới kim thạch

212. Is Pluto, another non-sacred planet to be included in some way? For one thing, Pluto was not discovered when this book was written. For another, Pluto is so removed from Earth and from the center of the solar system, that one can wonder about its centrality to any process on Earth.

212. Liệu Sao Diêm Vương, một hành tinh không thiêng liêng khác, có phải được bao gồm theo cách nào đó không? Trước hết, Sao Diêm Vương chưa được phát hiện khi cuốn sách này được viết. Thứ nữa, Sao Diêm Vương cách quá xa Trái Đất và trung tâm của hệ mặt trời, đến mức người ta có thể tự hỏi về tính trung tâm của nó đối với bất kỳ tiến trình nào trên Trái Đất.

This applies also in a lesser degree to the four chains which form the planetary quaternary.

Điều này cũng áp dụng, ở mức độ thấp hơn, cho bốn dãy tạo thành bộ tứ hành tinh.

213. We have no assurance that there is a one to one correspondence. There is a Venus Chain, an Earth Chain, a Mercury chain and a Mars Chain—chains two, four, five and six. Chain three is skipped. It was the Moon-chain but is now the Saturn-chain.

213. Chúng ta không có gì bảo đảm rằng có một sự tương ứng một đối một. Có một Dãy Sao Kim, một Dãy Địa Cầu, một dãy Sao Thủy và một Dãy Sao Hỏa—các dãy hai, bốn, năm và sáu. Dãy ba bị bỏ qua. Đó từng là Dãy Mặt Trăng nhưng nay là Dãy Thổ Tinh.

214. The order of the chains (given their probable associations) does not correspond to the order of the kingdoms. While Saturn is a sacred planet, its chain is the third, which we would expect too associate with

214. Thứ tự của các dãy (xét theo những liên hệ có thể có của chúng) không tương ứng với thứ tự của các giới. Trong khi Thổ Tinh là một hành tinh thiêng liêng, dãy của nó là dãy thứ ba, mà ta hẳn mong liên kết với giới

the animal kingdom, but Mars will do instead.

động vật, nhưng Sao Hỏa lại đảm nhiệm vai trò đó.

215. DK has warned us not to take the planetary names of the chains too seriously, yet there is still something in these names which suggests their place and function.

215. Chân sư DK đã cảnh báo chúng ta đừng quá xem trọng các tên hành tinh của các dãy, tuy vậy vẫn có điều gì đó trong những tên gọi này gợi ý vị trí và chức năng của chúng.

All have to become radioactive and all their principles have to be transmuted and the form for which they are responsible transcended.

Tất cả đều phải trở nên phóng xạ và mọi nguyên khí của chúng đều phải được chuyển hoá, còn hình tướng mà chúng chịu trách nhiệm thì phải được siêu vượt.

216. Is DK speaking of the four lower kingdoms? Probably. But He could as well be speaking of the progressive lives of the four Chain-Lords Who represent the lower planetary quaternary and the four Scheme-Lords who represent the logoic quaternary. Radioactivity is the destiny for all.

216. Phải chăng Chân sư DK đang nói về bốn giới thấp? Có lẽ vậy. Nhưng Ngài cũng có thể đang nói về các sự sống tiến bộ của bốn Chúa Tể Dãy, các Đấng đại diện cho bộ tứ hành tinh thấp hơn, và bốn Chúa Tể Hệ, các Đấng đại diện cho bộ tứ của Thượng đế. Phóng xạ là định mệnh của tất cả.

When the subject of radiation is more completely comprehended, it will be found that it demonstrates one more instance of the unity of all life, and furnishes one more corroborative indication of the synthetic nature of the entire evolutionary process.

Khi chủ đề về phóng xạ được thấu hiểu đầy đủ hơn, người ta sẽ thấy rằng nó chứng minh thêm một trường hợp nữa về sự hợp nhất của mọi sự sống, và cung cấp thêm một chỉ dấu xác nhận về bản chất tổng hợp của toàn bộ tiến trình tiến hoá.

217. Radiation leads to the unification of kingdom with kingdom. It is part of the initiatory process of every kingdom and is especially notable in the human kingdom through the forced process of human initiation. The initiate comprehends synthesis.

217. Phóng xạ dẫn đến sự hợp nhất giới với giới. Nó là một phần của tiến trình điểm đạo của mọi giới và đặc biệt đáng chú ý trong giới nhân loại thông qua tiến trình cưỡng bức của điểm đạo nhân loại. Điểm đạo đồ thấu hiểu tính tổng hợp.

In every instance that which radiates from each kingdom of nature is one and the same.

Trong mọi trường hợp, điều phát xạ từ mỗi giới trong thiên nhiên là một và như nhau.

218. There is but one Monad, one “volatile essence”, one “imprisoned central spark”, one “lower spark of life”, one “central positive life”, one “electric spark”, etc.

218. Chỉ có một chân thần, một “tinh chất dễ bay hơi”, một “tia lửa trung tâm bị giam hãm”, một “tia lửa thấp của sự sống”, một

“sự sống dương tính trung tâm”, một “tia lửa điện”, v.v.

The radioactive human being is the same in nature (differing only in degree and in conscious response) as the radioactive mineral;

Con người phóng xạ có cùng bản chất (chỉ khác về mức độ và về đáp ứng có ý thức) như khoáng vật phóng xạ;

219. That which radiates in both cases is the “positive central life”.

219. Điều phát xạ trong cả hai trường hợp là “sự sống dương tính trung tâm”.

220. Occultly, liberated man becomes a metaphysical mineral—a “living stone”.

220. Một cách huyền bí, con người được giải thoát trở thành một khoáng vật siêu hình—một “viên đá sống”.

in every case it is the central positive life, the electric spark or that which is its correspondence, which radiates.

trong mọi trường hợp, chính sự sống dương tính trung tâm, tia lửa điện, hay điều tương ứng với nó, là cái phát xạ.

221. The lower expressions of the “electric spark” (which really is the Monad) is called by many names depending on the level of immersion in matter of the “electric spark”.

221. Những biểu hiện thấp hơn của “tia lửa điện” (vốn thực sự là chân thần) được gọi bằng nhiều tên tùy theo cấp độ chìm đắm trong vật chất của “tia lửa điện”.

There are, therefore, seven correspondences in this connection in the solar system, **seven types which radiate, or seven classes of entities which demonstrate ability to transcend their normal motion and to transfer themselves into some greater sphere in due course of evolution.**

Vì vậy, có bảy sự tương ứng trong mối liên hệ này trong hệ mặt trời, **bảy loại phát xạ, hay bảy loại thực thể biểu lộ khả năng siêu vượt chuyển động bình thường của mình và chuyển dịch chính mình vào một khối cầu lớn hơn nào đó theo tiến trình tiến hoá thích đáng.**

222. Amazing thought!

222. Một tư tưởng đáng kinh ngạc!

These are:

Đó là:

1. The mineral monad of the mineral kingdom, or **the central positive nucleus** in all atoms and elements.

1. Chân thần khoáng vật của giới kim thạch, hay **hạt nhân dương tính trung tâm** trong mọi nguyên tử và nguyên tố.

223. On what plane is this Monad to be located? We have speculated.

223. Chân thần này nên được định vị trên cõi nào? Chúng ta đã suy đoán.

2. The monad in the vegetable kingdom, or the central positive life of every plant and vegetable growth.

224. On what plane is this Monad to be located? We have speculated.

225. The terms "central positive nucleus" or "central positive life" are very appropriate for the Monad.

3. The monad in the animal kingdom or the positive life of each type.

[Page 1078]

226. On what plane is this Monad to be located? We have speculated.

4. The human Monads in their myriads of groups.

227. How does Master DK determine these "myriads of groups"? When one thinks of the systemic monadic plane, there are seven main groups. Probably within each of the seven, there are seven sub-groups. Then there are possible divisions of these forty-nine types into subtypes on the planes of the spiritual triad and on the higher mental plane with its divisions of egoic lotuses.

228. The transference of these Monads will first be into the Kingdom of Souls.

5. The Monad of any particular type, or form.

229. DK is now speaking, probably, of the greater Monads. There are a number of B/ beings listed on TCF 533 which give a hint of

2. Chân thần trong giới thực vật, hay sự sống dương tính trung tâm của mọi cây cỏ và sự tăng trưởng thực vật.

224. Chân thần này nên được định vị trên cõi nào? Chúng ta đã suy đoán.

225. Các thuật ngữ "hạt nhân dương tính trung tâm" hay "sự sống dương tính trung tâm" rất thích hợp để chỉ chân thần.

3. Chân thần trong giới động vật hay sự sống dương tính của mỗi loại.

[Page 1078]

226. Chân thần này nên được định vị trên cõi nào? Chúng ta đã suy đoán.

4. Các chân thần nhân loại trong vô số nhóm của chúng.

227. Chân sư DK xác định những "vô số nhóm" này như thế nào? Khi người ta nghĩ đến cõi chân thần của hệ, có bảy nhóm chính. Có lẽ trong mỗi nhóm trong bảy nhóm ấy lại có bảy phân nhóm. Rồi còn có những phân chia khả hữu của bốn mươi chín loại này thành các loại phụ trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần và trên Cõi thượng trí với các phân chia của Hoa Sen Chân Ngã.

228. Sự chuyển dịch của các chân thần này trước hết sẽ đi vào Vương Quốc của các linh hồn.

5. Chân thần của bất kỳ loại hay hình tướng đặc thù nào.

229. Có lẽ giờ đây Chân sư DK đang nói về các chân thần lớn hơn. Có một số B/bản thể được liệt kê trong TCF 533 gợi ra những bản

unsuspected beings and their probable destinations.

thể chưa từng được ngờ tới và những đích đến có thể có của chúng.

230. The Monads in category 5, seem, nevertheless, to be intra-planetary Monads.

230. Tuy nhiên, các chân thần trong loại 5 dường như là các chân thần nội hành tinh.

6. The planetary Monad, the sum total of all the lives within a planetary scheme.

6. Chân thần hành tinh, tổng thể của mọi sự sống bên trong một hệ hành tinh.

231. The planetary Monad is a great sumtotal! All lives within the planet are, in essence, part of the Monad.

231. Chân thần hành tinh là một tổng thể vĩ đại! Mọi sự sống bên trong hành tinh, về bản chất, đều là một phần của chân thần.

232. It will transfer itself into the Solar Hierarchies.

232. Nó sẽ chuyển dịch chính nó vào các Huyền Giai Thái Dương.

7. The solar Monad or the sum total of all lives in the solar system.

7. Chân thần thái dương hay tổng thể của mọi sự sống trong hệ mặt trời.

233. The “solar Monad” has for its destination, life as a Cosmic Logos—a life which is probably shared with those Solar Logoi who have served for a term as the seven centers of such a Cosmic Logos.

233. “Chân thần thái dương” có đích đến là sự sống như một Thượng đế Vũ Trụ—một sự sống có lẽ được chia sẻ với những Thái dương Thượng đế đã phụng sự trong một thời kỳ như bảy trung tâm của một Thượng đế Vũ Trụ như thế.

Each of these is first rotary in its activity, or self-centred; later each simultaneously with its original motion demonstrates spiral-cyclic activity. Thereby it becomes "aware" of form, and finally becomes radioactive.

Mỗi thực thể trong số này trước hết có hoạt động quay tròn, hay tập trung vào bản thân; về sau mỗi thực thể đồng thời với chuyển động nguyên thủy của mình biểu lộ hoạt động xoắn ốc-chu kỳ. Nhờ đó nó trở nên “nhận biết” hình tướng, và cuối cùng trở nên phóng xạ.

234. Spiral-cyclic-activity leads to radioactivity. Radioactivity occurs as spiral-cyclic-activity is consummated.

234. Hoạt động xoắn ốc-chu kỳ dẫn đến phóng xạ. Phóng xạ xảy ra khi hoạt động xoắn ốc-chu kỳ được hoàn tất.

235. In this case, first ray motion is included within spiral-cyclic motion, demonstrating as the “spiral” aspect of that motion.

235. Trong trường hợp này, chuyển động cung một được bao gồm trong chuyển động xoắn ốc-chu kỳ, biểu lộ như phương diện “xoắn ốc” của chuyển động ấy.

During this final period it transcends the form, and escapes from out of it, becoming thus conscious of, and able to participate in, the activity of the still greater enveloping whole.

Trong giai đoạn cuối cùng này, nó siêu vượt hình tướng và thoát ra khỏi đó, nhờ vậy trở nên có ý thức về, và có thể tham dự vào, hoạt động của toàn thể bao trùm còn lớn hơn nữa.

236. The ring-pass-not changes, widens. The confines are greatly lessened though because there is escape into a “still greater enveloping whole” there is, still, confinement.

236. vòng-giới-hạn thay đổi, mở rộng. Những giới hạn được giảm bớt rất nhiều, dù vậy vì có sự thoát ra vào một “toàn thể bao trùm còn lớn hơn nữa”, nên vẫn còn sự giam hãm.